VƯƠNG NGỌC ĐỨC - DIÊU VĨ QUÂN - TRỊNH VĨNH TƯỜNG

Bí ẩn của BÁT QUÁI

phụ lục:

KINH DỊCH

nhân sinh quyết sách chỉ nam

(Kinh Dịch - kim chỉ nam cho những quyết sách ở đời)



ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA

KIEN THUC CULTURE

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

BÍ ẨN CỦA BÁT QUÁI

Người dịch: TRẦN ĐÌNH HIẾN
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc
Nhân dân Quảng Tây Xuất bản xã
Bản in năm 1996

ĐẠI ĐIỂN TỊCH
VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

VƯƠNG NGỌC ĐỨC - DIÊU VĨ QUÂN -
TĂNG LỖI QUANG

BÍ ẨN CỦA BÁT QUÁI

(NGHIÊN CỨU TỔNG HỢP VỀ CHU DỊCH)

PHỤ LỤC: CHU DỊCH NHÂN SINH QUYẾT SÁCH CHỈ NAM

(CHU DỊCH - KIM CHỈ NAM
CHO NHỮNG QUYẾT SÁCH Ở ĐỜI)

NHÀ XUẤN BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.

Đây đó, những cuốn sách in trái phép như: Tử vi, Tướng số, Lịch vạn sự, Xem tướng tay tướng mặt... được lén lút bày bán.

Kinh nghiệm cho thấy, để chống lại có hiệu quả những tàn tích của văn hóa lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hóa văn minh, khoa học và tiến bộ.

Với mục đích trên Nhà Xuất bản Văn Hoá-Thông tin cho ra mắt bạn đọc ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA. Trong bộ sách này, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại- đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hóa mang tính chất thần bí sâu đậm.

Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những yếu tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và tri thức của người xưa để lại trong các thuật Phong thủy, Trạch cát, Quyền mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng... đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan, các lý luận mâu thuẫn và phản khoa học trong các thuật đó.

Đây là bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, trong đó không khỏi có đôi điều thiếu sót. Nhà Xuất Bản Văn Hóa-Thông Tin rất mong được các bạn đọc lượng thứ và góp ý để có được những ấn phẩm tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI TỰA BỘ SÁCH

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang mầu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn hóa thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thê thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thầy mo, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cửu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cấm kỵ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán

chữ, luyện đơn dưỡng sinh, chiêm tinh phong thuỷ, việc lạ chuyện kỳ, vũ thuật khí công, đều là văn hóa thần bí.

Bất cứ văn hóa nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hóa thần bí Trung Hoa là một bộ phận quan trọng cấu thành văn hóa Trung Hoa. So với nền văn hóa tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hóa đời thường; so với văn hóa quan trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hóa đại chúng; so với dòng văn hóa chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là mạch ngầm; so với văn hóa hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hóa truyền thống; so với nền văn hóa Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hóa bản địa.

Trong lâu đài văn hoá, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như văn hóa thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết: "Thuỷ Hoa cứu linh ảo, Dương Tinh trắc thần bí" -Thế nào là "cứu" "trắc"? Cổ kim vội bóp nghẹt bao nhiêu tao nhân mặc khách. Có người từ nhỏ đã dấn thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi: Huấn từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành nhà thông thái, tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36: "Dĩnh có trí nhớ tốt,

lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tần, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chí, chữ viết, đồ hoạ, cửu lưu bách gia, thiên nhân thư, phù đồ, Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thảy đều cặn kẽ".

Văn hóa thần bí là một cái kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước ngoài, không ít người bận rộn với văn hóa thần bí, và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cảnh huyên náo ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là những tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những sách nhỏ "Ngũ hoa nhập môn" in giấy nến để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đầy túi. Kẻ tiểu nhân làm bậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hóa thần bí là "không phải học thuật" "văn hóa thấp kém", thậm chí cho rằng "thịt chó không thể bày trên mâm chính', sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hóa thần bí càng huyền hồ, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vũng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hóa thần bí.

Mầu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đống rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hóa thần bí đang diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả ngóc ngách đều lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hóa thần bí đã một thời bị phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tạm thời co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bung ra, mạch ngầm này sẽ hoà nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hang cùng ngõ hẻm, tố chất truyền thống hoà trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bôi đen và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại,

nên tích cực, hành động, nghiên cứu văn hóa thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân; nghiên cứu văn hóa thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Huống hồ, bản thân văn hóa thần bí là một hiện tượng văn hoá, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu "Văn hóa thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí Âu Vi Vi (Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết: "Những bí ẩn của bát quái - (Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, dễ đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên, Diêu Vĩ Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí Âu Vi Vi, Chủ nhiệm Phòng Biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách

nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hóa thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để cặn bã phải lắng xuống, để hủ lậu hóa thành thần kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hóa Trung Hoa toả sáng.

Người xưa nói: "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hóa thần bí, vất vả gian truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc chắn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hóa Trung Quốc.

VƯƠNG NGỌC ĐỨC
Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử
Trường Đại học Hoa Trung
Tháng 10 năm 1990

1

TRI THỨC CƠ BẢN

1. LỜI DẪN

Người xưa có câu: Đọc sách có lợi. Thông thường, với một quyển sách, người viết trước hết phải nêu rõ mục đích yêu cầu của sách thì người đọc mới nắm được sách đó nói gì.

Xưa nay có bao nhiêu điều bí ẩn. Trong tất cả những điều bí ẩn ấy, không có gì bí ẩn hơn bát quái.

Trong con mắt của người xưa, "bát" (tám) là một con số bí ẩn, "muốn phát, không rời bát". Những từ có liên quan đến "bát", đều mang mầu sắc thần bí: bát tiên, bát mệnh, bát giới, bát tự, bát u, bát cổ, bát trận v.v... Những người thông hiểu đôi chút về văn sử đều biết, thời Tam quốc, Gia Cát Lượng bày bát trận đồ ở Xuyên Thiểm, căn cứ vào học thuyết bát quái từng ngày từng giờ biến hóa vô cùng, hơn cả mười vạn tinh binh, khiến Lục Tốn bó tay, Tư Mã Ý xấu hổ, một thời đã trở thành giai thoại. Đỗ Phủ có thơ khen rằng: "Công trùm lên Tam Quốc, danh nổi bát trận đồ", thật không còn lời khen nào hơn.

Từ Chiến quốc đến nay, sách giới thiệu về bát quái không dưới ba nghìn loại, nhiều đến nỗi chất lên xe, trâu kéo toát mồ hôi, chứa trong nhà, nóc không còn kẽ hở. Tam giáo cửu lưu [1] đều lấy học thuyết bát quái làm bản nguyên, ra sức chú thích, phát triển, khiến bát quái càng thêm hư ảo, để lại cho người đời này một câu đố nan giải.

Trong xã hội bây giờ, học thuyết bát quái ngày càng trộn lẫn với mê tín. Có người nghe thấy tên sách "Bí ẩn của bát quái" thì ngẩn người bụng nghĩ: "Sao lại ra sách đó vào lúc này? Chẳng phải toàn những chuyện mê tín của đồng cốt, phương sĩ, thuật sư, đạo nhân, thầy bói, chiết tự, phong thuỷ đấy sao? Chỉ có những bà già đầu óc mê tín mới tin những chuyện này! "Thật ra, chẳng cứ gì các bà già, mà có rất nhiều thanh niên tin bát quái. Mỗi khi thi cử, đề bạt, xuất ngoại, nằm mơ, lấy vợ lấy chồng, ốm đau, chôn cất, đều tìm đến ông thầy mù bói một quẻ, xem lành dữ thế nào, và thế là bùng nổ phong trào "Mê bát quái". Học thuyết bát quái đang bị bôi nhọ, bị chà đạp, bị lợi dụng. Nấp sau cái vỏ vu thuật, lời lẽ như rót vào tai nhưng toàn những chuyện nhảm nhí, khiến người nghe mà rầu ruột.

Bát quái ngày càng bị mê tín. Nếu không làm rõ bộ mặt vốn có của bát quái, không tách bát quái ra khỏi mê tín dị đoan, không tẩy sạch những vết nhơ trên mình bát quái, thì nhiều người sẽ bí mê hoặc, phong tục cũ có cơ lan tràn.

---

[1] *Gọi chung các ngành nghề tôn giáo và học thuật trong xã hội Tam giáo là Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Cửu lưu là Nho gia, Đạo gia, Âm dương gia, Phát gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Nông gia (ND).*

Không những thế, bát quái - một sản phẩm sinh ra trên mảnh đất đặc thù của dân tộc Trung Hoa, mà những chi nhánh của nó đã vươn ra nước ngoài và đã được người nước ngoài tán thưởng. Nhật Bản, Mỹ, Anh, Ấn Độ, đâu đâu cũng có người tôn sùng và nghiên cứu.

Tin tức dội về trong nước, thúc đẩy phong trào nghiên cứu bát quái của giới học thuật nước ta.

Đây là một hiện tượng thú vị. Giữa lúc rất nhiều nền văn hóa bị xói mòn hoặc đào thải, học thuyết bát quái không những không bị xếp xó, mà còn được tôn trọng và đề cao. Từ những năm hai mươi của thế kỷ này, các tổ chức, tạp chí, những cuộc hội thảo về bát quái như nấm mùa xuân, cho đến nay chưa hề nguội lạnh chút nào.

Những người bước vào thần điện thờ bát quái đều có tâm lý như nhau: Thăm dò những điều u uẩn, xem xét những hiện tượng lạ kỳ, mong giải đáp được câu đố.

Trong ngôi điện thờ đó, họ cân nhắc kỹ lưỡng từng phù hiệu, dấu hiệu, dốc vào đó biết bao tâm sự. Dần dà, họ chia thành hai trường phái lớn:

Một phái cảm thấy đây là chuyện vô vị, chẳng lợi lộc gì. Họ phàn nàn: "Bát quái cũng chỉ là một số nét gạch đơn giản, không tư tưởng, không nội dung, chỉ là xảo thuật trên chốn giang hồ. Với cái loại lăng nhăng như vậy, thì làm rùm beng lên để làm gì?"

Còn phái kia thì như bị điện giật, tựa hồ phát hiện ra châu lục mới. Họ ngạc nhiên đến sững sờ: "Bát quái quả là thần kỳ, chỉ có tám ký hiệu mà hiểu hết mọi việc trong thiên hạ, định được sự nghiệp cho người đời, giải được mối nghi cho đại chúng. Cách đây

ba nghìn năm mà các triết gia cổ đã hình thành thâm thuý như vậy về tư tưởng thì thật dễ sợ! "

Trong phái thứ hai có một số học giả, với óc nhậy bén trong tưởng tượng, đã khai thác khía cạnh ít được chú ý của bát quái, nói rằng, từ xa xưa bát quái đã bao hàm những nguyên lý về chế tạo tầu ngầm, máy bay, nguyên lý về cấu tạo gien, sinh vật học phân tử, máy tính điện tử, thuyết tương đối, tức là những nội dung của khoa học cấp cao hiện đại. Cá biệt có người còn cho rằng, có thể thấy qua bát quái nền dân chủ lập hiến của môn chính trị học. Gán ghép và phụ hoạ khiên cưỡng đến thế là cùng!

Bát quái đang đi theo hướng cực đoan. Phải gạt bỏ mầu sắc hiện đại hóa rất đậm, và phải tuân thủ những nguyên tắc của chủ nghĩa duy vật lịch sử để nghiên cứu bát quái, thì học thuật mới không đi chệch hướng.

Nhìn chung, giới học thuật có nhiều người nghiên cứu bát quái, không kể làm nghề gì.

Có những chuyên gia lão thành đã trở thành cây đại thụ, có những người mới nổi danh ở lớp trung niên và thanh niên, có những người làm công tác khoa học xã hội, nghiên cứu lịch sử, chính trị, triết học, văn học, xã hội học; có những người làm công tác khoa học tự nhiên, nghiên cứu toán học, vật lý học, y học, thiên văn học, hóa học; có người da vàng, da trắng, da đen, tóm lại, một chiến dịch học thuật có tính tổng hợp triển khai trên qui mô toàn cầu.

Chiến dịch này thoắt cái đã bùng nổ, khiến người ta hoa mắt. Những thành quả được công bố, có những luận văn ngắn gọn, súc tích và cả những bộ sách dày cộp. Sự mới mẻ trong quan điểm, tầm

rộng lớn của các lĩnh vực được đề cập và quy mô hùng hậu của chiến dịch thì xưa nay chưa hề có.

Các thành tựu nói trên đều là tâm huyết của các học giả; hình thành tiếng nói của mỗi nhà. Nhưng đáng tiếc là, khi các thanh niên học sinh vào thư viện hoặc hiệu sách Tân Hoa, đều cảm thấy các sách viết về bát quái đều rất khó hiểu. Đầu tiên là "Chu Dịch", nguyên văn vừa cổ vừa vắn tắt, câu cú thì rời rạc, nếu không nghiên cứu sâu và giỏi suy đoán, thì không hiểu được nghĩa lý của nó. Ngày nay, các sách nghiên cứu về "Chu Dịch" đều quá chuyên sâu và thâm thuý, các loại thuật ngữ như rừng, khảo chứng thì đi quanh về tắt, độc giả nhìn vào là đầu váng mắt hoa như đọc thiên thư. Nếu không có một trình độ khá, thì không thể thông văn hiểu nghĩa.

Học thuyết bát quái ngày càng cao siêu khó hiểu. Không đưa nó trở lại với quần chúng, không làm cho nó trở nên dễ hiểu, thì những thành quả học thuật không thể truyền bá, không thể nhận rõ bộ mặt thật của bát quái.

Chính vì bát quái ngày càng mê tín hoá, cực đoan hóa, hư ảo hóa, nên cần thiết phải soạn "Những bí ẩn của bát quái"

Sách này có ba đặc điểm rõ rệt:

1- Phải có quan điểm toàn diện đối với bát quái

Hiện nay có nhiều bất đồng trong nghiên cứu bát quái. Nếu coi bát quái là một đỉnh núi thần kỳ, thì công việc nghiên cứu có thể lấy bài thơ sau đây để so sánh: "Nhìn ngang là lĩnh (đèo), nghiêng là phong (đỉnh núi), Cao thấp gần xa khác vô cùng. Bộ mặt Lư Sơn không thấy hết. Vì chưng ta ở trong Lư Sơn". Mỗi học giả đều có ý kiến riêng, chẳng qua như người mù sờ voi, người thì bảo

bát quái là sợi dây thừng, người thì bảo như hai cái quạt, người lại bảo như ba bức tường, người lại nói voi là bốn cây cột, đúng là người nhân chỉ thấy điều nhân, người trí thức thì thấy tri thức. Trong "Những bí ẩn của bát quái", chúng tôi tập hợp học thuyết của tất cả các nhà, không thiên vị một ai, tất cả các quan điểm đều được nêu ra để cung cấp cho đông đảo bạn đọc tìm hiểu.

2- Chú trọng tính chất phổ thông.

Trong sách này, chúng tôi dùng ngôn ngữ đại chúng, giản dị, lần lượt giới thiệu thành quả mọi mặt trong nghiên cứu bát quái, cần nói dài thì nói dài, cần nói ngắn thì nói ngắn, nói có sách mách có chứng. Trình độ từ sơ học trở lên đều có thể đọc sách này.

3- Chú trọng quan điểm khoa học

Trong sách này, chúng tôi vận dụng quan điểm duy vật lịch sử, và với tinh thần thực sự cầu thị, trình bày về bát quái. Không giấu cái dở, không chỉ khoe cái hay, phủi sạch bụi cho thuyết bát quái, đính chính cho bát quái những gì đã bị người đời hiểu sai. Học thuyết bát quái nảy sinh từ "Chu Dịch". Quách Mạt Nhược trong "Nghiên cứu xã hội cổ đại Trung Quốc", viết: "Chu Dịch" là một ngôi đền thần bí, vì rằng nó được xây bằng những viên gạch thần bí - bát quái. Đồng thời, lại qua tay những thần tượng tam thánh tứ thánh nhào nặn, Vậy mà, cho đến thế kỷ hai mươi của thời hiện đại, nó vẫn tỏa ra ánh sáng hư ảo, thần bí. Thần bí được coi là thần bí để rồi nhắm mắt tin theo hoặc né tránh, đều là thần bí sự thần bí. Thần bí sợ nhất là ánh sáng mặt trời, thần bí sợ nhất mặt đối mặt". Chỉ một đoạn văn ngắn mà có tới chín từ thần bí, chứng tỏ

trình độ thần bí của bát quái. Sách này có tên "Những thần bí (bí ẩn) của bát quái", là từ ý nghĩa này.

Học thuyết bát quái là lối suy đoán kiểu Goethe trong văn hóa truyền thống của nước ta, là một pháo đài kiên cố. Chúng ta hãy cùng nhau chiếm lĩnh pháo đài đó.

2. THIÊN CỔ KỲ THƯ: "CHU DỊCH"

Muốn tìm hiểu bát quái, trước hết phải tìm hiểu "Chu Dịch". Bát quái được chép trong "Chu Dịch". "Chu Dịch", là cái nôi của bát quái, nhưng "Chu Dịch là một bộ thiên thư, xưa nay các học giả đều coi là bộ sách lạ".

Trước hết là tên của sách. Chữ "Chu" trong "Chu Dịch"; có người bảo đó là "vòng tròn", "rộng khắp". Có người bảo "Chu" là họ Chu, người lại bảo đó là "Đời Chu". Chữ "Dịch" trong "Chu Dịch", có người bảo đó là "nhật nguyệt chuyển dịch", có người bảo đó là hình tượng con thằn lằn khi di chuyển, người thì nói đó là chức quan trông coi về bói toán, có người bảo đó là biến dịch, có người lại bảo "Dịch" có nghĩa là giản dị, biến đổi, không đổi.

Thứ hai, "Chu Dịch" trở thành sách vào lúc nào? Dư Vĩnh Lương, Cố Khiết Cường cho rằng, sách ra đời vào thời Tây Chu. Lý Kính Trì thì bảo vào cuối thời Tây Chu. Trần Mộng Gia cho rằng vào thời Tây Chu. Quách Mạt Nhược thì bảo là vào thời kỳ đầu của Chiến quốc. Học giả Nhật Bản Bản Điền Thành Chi thì cho rằng, sách ra đời cuối thời kỳ Chiến quốc.

Muốn làm rõ thời gian hình thành sách "Chu Dịch", phải tách phần Kinh và Truyện trong sách ra. Nội dung của "Chu Dịch" gồm

hai phần. Phần một là "Kinh Dịch", là sách bói mang mầm mống tư tưởng triết học, nội dung rời rạc, câu chữ cổ và ngắn gọn, rất khó hiểu. Kinh Dịch chép sáu mươi tư quái, mỗi quái sáu hào, riêng quái Càn có thêm hào Cửu, quái Khôn có riêng hào Lục, tổng cộng là ba trăm tám mươi sáu hào. Mỗi quái đều có quái hình, quái danh, quái từ, như quái "Càn ䷀, hanh, nguyên, lợi, trinh". Mỗi hào đều có hào đề, hào từ, như "Sơ cửu, tiềm long vật dụng (rồng ẩn, không nêu dùng)". Quái từ và hào từ tổng cộng bốn trăm năm mươi điều, hơn bốn nghìn chín trăm chữ. "Kinh Dịch" thành sách chậm nhất vào thời Tây Chu, nên người ta gọi là "Chu Dịch".

Phần hai là "Truyện Dịch", giải thích "Kinh Dịch", mang đậm tư tưởng triết học. "Truyện Dịch" có bảy loại, gồm mười thiên:

- "Hệ từ", gồm thiên thượng, hạ, giảng giải ý nghĩa của "Kinh Dịch", cùng công dụng, phép bói toán v.v...

- "Thoán Truyện", gồm thượng, hạ thiên. "Thoán" có nghĩa là "đoán". Hai thiên này giải thích sáu mươi tư quái danh và quái từ.

- Tượng truyện gồm thượng, hạ thiên, giải thích nghĩa của quái - chủ yếu là giải thích quái tượng, do đó có tên Tượng truyện".

- "Văn ngôn", một thiên, giải thích Càn Khôn.

- "Thuyết quái", một thiên, giải thích sự vật mà bát quái biểu tượng.

- "Tự quái", một thiên, giải thích sự sắp xếp và mối quan hệ giữa sáu mươi tư quái.

- "Tạp quái", một thiên, giải thích nghĩa của sáu mươi tư quái.

Người đời sau gọi mười thiên này là "Thập dực". "Dực" có nghĩa là bổ trợ cho "Kinh". "Thập dực" vốn lưu hành riêng rẽ, sau gộp với "Kinh" thành một sách.

Chính vì ""Chu Dịch" là hợp tuyển của Kinh và Truyện, nên rất rắc rối khi khảo cứu thời gian thành sách. Chỉ có lần lượt khảo cứu "Kinh Dịch" và "Thập dực", mới có câu trả lời cụ thể.

Còn một vấn đề mà người ta rất dễ nhầm lẫn. Một số người cho rằng bát quái chỉ có ở "Chu Dịch". Thật ra, bát, quái không chỉ thấy ở "Chu Dịch", mà còn thấy ở "Liên Sơn" và "Qui tàng". "Chu Lễ. Xuân quan. Đại bốc" có viết: Nắm phép của ba Dịch, một là "Liên sơn", hai là "Qui tàng", ba là "Chu Dịch". Kinh quái của chúng đều là tám, biệt quái là sáu mươi tư. "Đáng tiếc là "Liên sơn" và "Qui tàng" đã thất truyền.

Sách "Chu Dịch" là sách gì? Có người coi đó là sách bói, có người cho là sách triết học, có người cho là sách sử học. Vì sách đề cập đến rất nhiều mặt, nên có người coi là Bách Khoa toàn thư. Vậy "Chu Dịch" là sách gì, đến nay các ý kiến vẫn chưa thống nhất.

3. DỊCH CÁNH TAM THÁNH (DỊCH QUA TAY BA THÁNH), NHỮNG THÁNH NHÂN ẤY LÀ AI?

Học thuyết bát quái do ai sáng tạo ra? Quan điểm truyền thống có tính quyền uy cho rằng, "dịch cánh tam thánh". Ba thánh là những ai?

Ông thánh thứ nhất là Phục Hi. Phục Hi còn có tên là Bào Hi, Mậu Hi v.v. .. Tư Mã Thiên đời Hán viết trong "Sử ký. Thái Sử công tự đề tựa": "Phục Hi rất mực thuần hậu, soạn dịch bát quái". Qua đó

có thể thấy, đầu đời Hán đã lưu hành thuyết cho rằng Phục Hi vẽ bát quái.

Ông thánh thứ hai là Chu Văn Vương. Văn Vương tức Cơ Xương, được vua Thương phong là Tây Bá nên còn gọi là Bá Xương. Ông bị Sùng Hầu Hổ gièm pha, do đó bị cầm tù tại Dữu Lý (này là Thang Bắc, Hà Bắc). Trong thời gian bị quản thúc, ông chuyên tâm nghiên cứu đạo lý giữa trời và người, sắp xếp bát quái thành sáu mươi tư quái và viết quái từ.

Ông thánh thứ ba là Khổng Tử. Khổng Tử là tác giả của "Thập dực", ông hoàn thành hệ thống Dịch học.

Thời xưa đã có người hoài nghi luận thuyết quyền uy trên đây. Lý do là đã bỏ sót Chu Công. Chu Công là con thứ tư Chu Văn Vương. Ông kế tục sự nghiệp của cha. Văn Vương viết quái từ, ông soạn hào từ. Hào từ chiếm một địa vị quan trọng trong học thuyết bát quái. Nếu tuỳ tiện bỏ qua sự đóng góp của Chu Công cho học thuật thì đạo trời không dung. Thế là, các học giả thời xưa chơi trò học vấn trên chữ "cánh", nên "Dịch cánh tam thánh" nghĩa là: Sau khi Phục Hi vẽ quái, qua ba vị thánh hiền chỉnh lý (Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử) mới xác lập được hệ thống Dịch học. "Cánh" có nghĩa là trải qua. Một số học giả hình như không bằng lòng với thuyết tam thánh, nên thêm vào Hoàng đế, Nghiêu Thuấn. "Hán thư Luật lịch chí" chép: "Phục Hi vẽ bát quái, qua mấy người nữa, đến Hoàng đế, Nghiêu Thuấn thì hoàn bị".

Tranh luận đến đây chưa phải đã hết, còn có ý kiến bất đồng xung quanh vấn đề ai đã diễn dịch thành sáu mươi tư quái. Các ông Vương Bật, Ngu Phiên, Khổng Dĩnh Đạt, Lục Đức Minh cho rằng

sáu mươi tư quái là do Phục Hi sắp xếp; Kinh Phòng, Thuần Vu Tuấn, Trịnh Huyền và các môn đệ cho rằng do Thần Nông sắp xếp; Tư Mã Thiên cho rằng do Chu Chu Văn Vương sắp xếp; Tôn Uy cho rằng đo Hạ Vũ sắp xếp; Diệp Thích thì phủ định tất cả các thuyết trên, cho rằng chẳng ai sắp xếp cả. Cuộc tranh luận kéo dài hai nghìn năm mà vẫn không có câu giải đáp chính xác. Nếu vẫn theo phương thức tư duy của các học giả thời xưa, thì hai ngàn năm nữa cũng chưa làm rõ được vấn đề. Phục Hi là gì? Là người hay bộ lạc, hay thời đại? Sách cổ chép Phục Hi vẽ quái, kết nút, làm ra cây đàn, soạn nhạc, gọi Phục Hi là thiên đế phương đông, đầu người mình rắn, là vợ chồng và là anh em với Nữ Oa. Ai khảo cứu được những điều nói trên? Lại nói về Văn Vương. Văn Vương trăm công ngàn việc, quyết chí diệt Thương, một ngày suy tính hàng vạn chuyện, còn thì giờ đâu mà làm công việc bói toán? Trong hào từ có rất nhiều sự việc xẩy ra sau thời Văn Vương, vậy giải thích thế nào? Còn về Khổng Tử, ta sẽ bàn trong một chuyên mục khác.

Từ đầu thế kỷ này, các học giả đã vượt ra khỏi mô thức tư duy cũ, tập trung tinh lực để bàn cho ra ai là tác giả "Chu Dịch"? Trần Mộng Gia cho rằng tác giả của "Chu Dịch" là di dân đời Ân sau khi nhà Ân bị diệt vong. Quách Mạt Nhược nói đó là Hiền Tí Tử Cung người nước Sở. Bản Điền Thành Chi người Nhật cho rằng "Chu Dịch" và "Tả Truyện" đều đo người Sở sáng tác. Lý Cảnh Xuân thì cho rằng tác giả là Chu Văn Vương.

Đồng thời có rất nhiều học giả cho rằng "Chu Dịch" là sáng tác của các thầy đồng bà cốt: Cố Khiết Cương đề xuất: "Không cần khảo cứu tác giả, chắc chắn đó là các quan trông coi việc bói toán". Lý Kính Trì cho rằng tác giả là các quan Thái bốc và thầy bói đời Chu,

ông viết trong "Chu Dịch" thám nguyên - Tự": "Biên soạn là các thầy bói. Thầy bói (Bốc Sử) là tầng lớp tăng lữ trong giới quí tộc, là cố vấn chính trị, là trí thức cao cấp đương thời. Họ nắm được các văn bản tư liệu của nhà nước, học vấn uyên bác, như Lão Dam, Trụ Hạ Sử nhà Chu, như Thái Sử Công Tư Mã Thiên là những người như thế . Chắc chắn Bốc Sử là những người làm ra "Chu Dịch". Người viết sách này rất tán thành quan điểm của tiên sinh Cố Khiết Cương và Lý Kính Trì. Có điều, về thời gian xuất hiện các thầy bói thì không nên chỉ bó hẹp ở thời Chu, mà phải lần ngược về trước nữa. Chúng ta biết rằng, trên những đồ gốm và xương đào được ở di chỉ nhà Ân và ở huyện Âm Bình, Sơn Đông, đã có chữ số biểu thị quái hình, các ông Trương Chính Lương đã có những kết, luận có sức thuyết phục. Vậy thì, hoàn toàn có khả năng người Ân Thương làm ra bát quái. Kết hợp với tư liệu, có hai bộ sách quan trọng thời Tiên Tần là "Thế bản Tác thiên", "Lã Thị Xuân Thu Vật cung", đều có câu "Vu Hàm bói cỏ thi". Theo truyền thuyết, Vu Hàm là thầy bói đời Ân Thương, dùng cỏ thi để xem quẻ. Những thầy bói như Vu Hàm chú ý tổng kết kinh nghiệm lịch sử và đời sống rồi sáng tạo ra bát quái. Họ là những con người vô danh, là lớp trí giả đầu tiên.

Từ bát quái phát triển thành học thuyết bát quái rồi biên soạn thành "Chu Dịch" thì phải trải qua một thời gian rất dài cùng với sự nỗ lực của các trí giả, không một cá nhân nào có thể hoàn tất công việc này.

Có thể Văn Vương, Chu Công, Khổng Tử có sự đóng góp cho học thuyết bát quái, nhưng quyết không phải chỉ có công sức của ba vị này. Các vị chỉ là những người nổi bật trong vô số những người đóng góp vào bát quái. Tác giả chân chính của bát quái là đông đảo

nhân dân lao động dám dũng cảm quan sát, kiên trì suy ngẫm. Họ mới là những ông thánh.

4. KHỔNG TỬ "ĐỌC ĐỨT DÂY LỀ SÁCH"

Khổng Tử là nhà tư tưởng, nhà giáo dục, nhà nho cuối thời Xuân thu. Bình sinh ông đọc nhiều sách, viết nhiều sách, dậy học trong nhiều năm. Đương thời, chưa ai hơn được ông về học vấn.

Vậy mà vào tuổi trung niên, ông muốn học lại "Chu Dịch" từ đầu. Ông nói, học "Chu Dịch" thì không phạm bất cứ sai lầm nào.

'Luận ngữ Thuật nhi" chép: "Thầy Khổng Tử nói rằng, thêm cho ta mấy năm, là năm mươi tuổi để học Dịch, ta sẽ không mắc sai lầm lớn". Cổ văn không có chấm phẩy, câu văn trên đây đã làm khổ bao nhiêu nhà ngữ pháp. Có thể ngắt thành những câu như sau:

Thầy Khổng Tử nói rằng: Cho ta thêm ít năm, năm mươi tuổi học Dịch, để không mắc sai lầm.

Thầy Khổng Tử nói rằng: Cho ta thêm mấy năm thành năm mươi tuổi, học Dịch thì không mắc sai lầm.

Thầy Khổng Tử nói rằng: Cho ta mấy năm, năm mươi lần học Dịch, để tránh mắc sai lầm.

Thầy Khổng Tử nói rằng: Cho ta thêm người, tuổi năm mươi, học Dịch để không mắc sai lầm.

Có người cho rằng, chữ "dịch" phải là chữ "diệc" (thì). Và câu trên phải đọc là: Cho ta mấy năm thành năm mươi tuổi để học tập, thì không mắc sai lầm. Có người hoài nghi câu trên, hỏi: Năm mươi tuổi là cái tuổi tri thiên mệnh, vậy còn học Dịch để làm gì?

Dù câu trên vẫn chưa được giải quyết chuyện ngắt câu như thế nào cho đúng nhưng nhiệt tình học Dịch của Khổng Tử là có thực. "Sử ký Khổng Tử thế gia", chép: "Khổng Tử lúc về già rất thích Dịch, sắp xếp quái tượng, giảng giải về quái và giải thích càn khôn. Đọc Dịch nhiều đến nỗi lề sách đứt nhiều lần. "Vi biên tam tuyệt" là một thành ngữ rất quen thuộc. "Vi" là da trâu thuộc, người xưa viết chữ trên thẻ tre, dùng sợi da trâu bện các thẻ tre lại với nhau, gọi là "vi biên". "Tam" chỉ số nhiều. Khổng Tử đọc Dịch, đọc nhiều đến nỗi dây lề bằng da trâu đứt nhiều lần, đủ hiểu ông mê Dịch đến như thế nào.

Từ đoạn văn trên, một câu hỏi đặt ra mà chưa được giải quyết: Phải chăng Khổng Tử soạn "Thập dực" (tức Dịch truyện) trong "Chu Dịch".

Tư Mã Thiên cho rằng Khổng Tử viết "Thập dực". Quan điểm của ông ảnh hưởng rất sâu, đến nay vẫn có người tán thành. Như Kim Cảnh Phương trong "Chu Dịch giảng toạ Tự luận " viết: "Dịch truyện" là của Khổng Tử, do Khổng Tử sáng tác về cơ bản. Sau Khổng Tử, không ai có khả năng viết "Dịch truyện". Trong "Dịch Truyện" có một số là học trò ghi lại lời Khổng Tử.

Trong "Dịch truyện" có một số là thuyết xưa, một số là hậu thế đưa thêm vào. Quan điểm của Tư Mã Thiên là xuất phát từ cha của ông là Tư Mã Đàm, Tư Mã Đàm học Dịch từ Dương Hà. Dương Hà là học trò đời thứ chín của Khổng Tử. Có thể nói nhận định của Tư Mã Thiên là có cơ sở.

Nhận định của Tử Mã Thiên cho mãi đến Âu Dương Tu đời Tống mới đặt thành nghi vấn. Âu Dương Tu cho rằng, thiên "Hệ từ"

trong "Thập dực" không phải là của Khổng Tử. Thôi Thuật đời Thanh đi sâu hơn, không công nhận Khổng Tử ở viết "Thoán", "Tượng". Đến thời kỳ đương đại, rất nhiều học giả nghi ngờ Khổng Tử viết 'Thập dực". Tiền Mục trong "Bàn về Thập dực không phải là của Khổng Tử", đưa ra mười dẫn chứng, chỉ ra rằng tư tưởng của Dịch khác với tư tưởng của "Luận ngữ"; Mạnh Tử và Thục Khổng Tử chỉ nói Khổng Tử viết "Xuân thu", không nói Khổng Tử viết "Dịch truyện". Triều Tần đốt sách của các nhà Nho. Nếu "Dịch truyện" do Khổng Tử sáng tác, thì sao Dịch không bị đốt?

Lý Kính Trì có tác phẩm "Dịch truyện thám nguyên". Ông trình bày diễn biến mối quan hệ giữa Khổng Tử với "Dịch truyện": Người đời sau tôn sùng Khổng Tử, gán "Dịch truyện" cho Khổng Tử; "Chu Dịch" từ sách bói toán biến thành kinh điển của Nho gia. Có người viết truyện cho "Dịch Kinh"; Truyện viết ngày càng nhiều lên, nảy sinh sự cần thiết phải xếp thứ tự và thế là ra đời truyền thuyết Khổng Tử sắp xếp "Dịch truyện"; Cho rằng Khổng Tử viết "Thập dực". Đây là diễn biến của truyền thuyết về Khổng Tử viết "Dịch truyện", nó trải qua bốn giai đoạn. (Xem "cổ sử biện", tập 3).

Ngoài ra, Phùng Hữu Lan, Chu Bá Côn v.v.... đến giữ thái độ phủ định, không thừa nhận Khổng Tử biên soạn "Dịch truyện". Ý kiến chung là: "Dịch truyện" không phải do một người viết ra trong một lúc nào đó, mà là tác phẩm giải thích về Dịch được hình thành liên tục từ thời Chiến quốc đến nay. Khổng Tử có công trong "Dịch truyện", nhưng không phải là người duy nhất soạn "Dịch truyện".

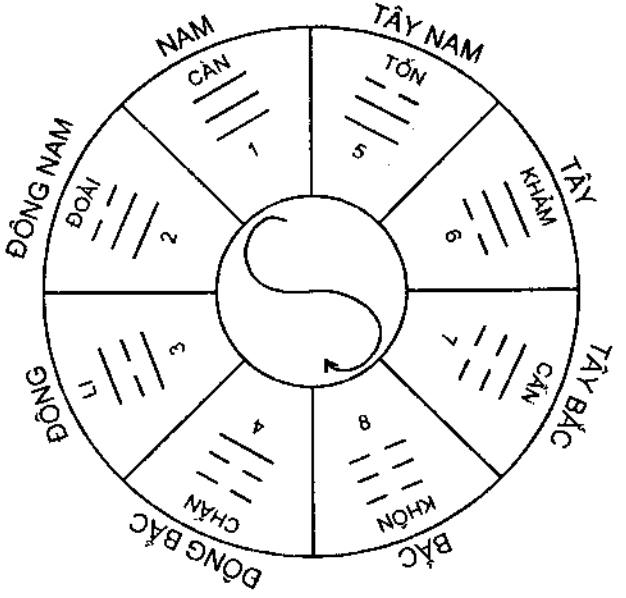
5. BẮT ĐẦU TỪ "KHÔN SƠN CẤN HƯỚNG"

Trong xã hội cũ, thầy phong thuỷ thường gọi lưng ngoảnh về tây nam, mặt quay về đông bắc là "Khôn sơn Cấn hướng"; lưng ngoảnh về đông bắc là "Tốn sơn Càn hướng". Đó là phương vị biểu thị theo bát quái? Bát quái biểu thị phương vị như thế nào? Có hai kiểu sắp xếp:

Một là phương vị Phục Hi. "Chu Dịch. Thuyết quái truyện" chép: Thiên địa định vị, sơn trạch thông khí, lôi khí tương bạc, thuỷ hoả bất tương xạ. Bát quái tương thố, sổ vãng giả thuận, tri lai giả nghịch, thị cố Dịch nghịch sổ dã". Nghĩa là: Càn Khôn có vị trí nhất định, núi và các chỗ trũng thông khí với nhau, gió và sấm chớp đánh lẫn nhau, nước lửa tương phản tương thành.

Bát quái là từng đôi xen kẽ. Muốn xem xét sự việc đã qua thì lần theo hướng thuận, muốn biết tương lai thì phải tính theo hướng nghịch. "Dịch" dùng để dự đoán, nên phải lần thứ tự của quái theo hướng nghịch.

Căn cứ vào đoạn văn trên, Tống Nho vẽ Phục Hi tiên thiên bát quái đồ:

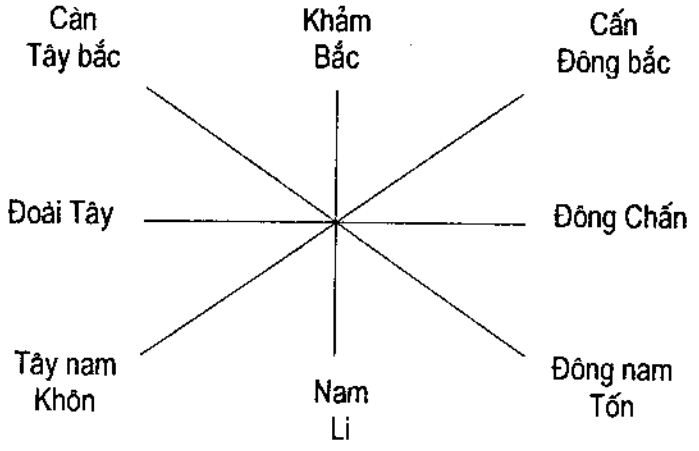


Hình 1

Trên sơ đồ này, Càn Khôn ở vị trí trên dưới, Li Khảm ở hai cửa trái, phải. Cấn và Đoài, Tốn và Chấn đối lập với nhau. Càn Đoàn Li Chấn là dương, Khôn Khảm Tốn Cấn là âm. Từ Càn 1, Đoài 2, Li 3, Chấn 4 là thuận, tượng trưng cho trời xoay về bên trái. Từ Tốn 5, Khảm 6, Cấn 7, Khôn 8 là nghịch, tượng trưng âm dương tương thố. Căn cứ vào trình tự theo hướng thuận mà vẽ một đường cong thái cực đồ ở giữa. Đường cong này biểu thị sự xoay vần to nhỏ của âm dương.

Tiên thiên bát quái đồ xuất hiện tương đối sớm, do đó người ta cho rằng nó là do Phục Hi làm ra, và cho rằng đồ thị này tương đối hợp lý.

Đối lập với tiên thiên bát quái đồ, có hậu thiên bát quái đồ, tức Văn Vương bát, quái đồ:



Hình 2

Tại tiên thiên bát quái đồ, Càn Khôn ở vị trí thiên dưới, thể hiện tư tưởng thiên tôn địa ti (trọng trời kính đất). Vì sao tại hậu thiên bát quái đồ lại chuyển quái Càn sang góc tây bắc?

Điều này liên quan đến điều kiện lịch sử Hậu thiên bát quái đồ là sản phẩm của Tây Chu. Tộc Chu nổi lên ở Tây Bắc, cho phương tây là tối thượng, vì vậy chuyển Càn Khôn sang phương tây. Khi bói toán, hễ bói được phương tây là tương đối cát lợi, trái lại thì bất lợi. Thầy bói đời Chu còn tính đến chuyện Li quái là lửa, tượng trưng cho nóng nực, bèn coi Li đại biểu cho phương Nam; Khảm là nước, tượng trưng cho giá rét, đại biểu cho phương bắc; Chấn là sấm, ngày xuân có sấm ở phía đông, nên lấy Chấn đại biểu cho

phương đông; Đoài là vui, mặt trời khi lặn rất đẹp, khiến người ta thích thú, nên Đoài đại biểu cho phương Tây. Cấn là núi, nơi sinh ra và kết thúc của vạn vật, tối tăm sẽ hết bình minh sẽ tới, nên lấy Cấn đại biểu cho phương bắc.

Lã Tử Phương từng nghiên cứu rất sâu về bát quái và phương vị, soạn sách "Bát quái - ký hiệu đánh dấu vị trí không gian thời cổ", đã có những kiến giải độc đáo. Ông cho rằng, bát quái chẳng qua là những ký hiệu mà tổ tiên chúng ta dùng để đánh đấu vị trí không gian. Do nhu cầu của sản xuất và đời sống, tổ tiên ta cần nhận rõ phương hướng. Lúc đầu là chia ra bốn phương, sau đó chia ra tám phương, đó chính là tứ duy tứ ngung như người ta vẫn gọi. Ký hiệu dùng để đánh dấu, là tám ký hiệu đại biểu cho vị trí không gian. Thí dụ xây một căn nhà hình vuông, chính giữa xây một bức tường, thì dùng ký hiệu __ để đại biểu cho gian phía trước, ký hiệu _ _ đại biểu cho gian phía sau. Nếu xây một bức tường nữa giao nhau với bức trước, chia căn nhà thành bốn gian, thì tổng ký hiệu ⚌, ⚍ làm đại biểu. Nếu xây thành nhà tầng, thì bốn gian dùng tám ký hiệu để biểu thị, tất nhiên phải như thế. Có thể thấy, bát quái làm ký hiệu đại biểu cho phương hướng.

6. TỪ THÁI CỰC ĐẾN SÁU MƯƠI TƯ QUÁI

Muốn tìm hiểu vũ trụ quan của "Chu Dịch", muốn tìm hiểu bát quái đã ra đời như thế nào, tìm hiểu biến hóa từ thái cực đến sáu mươi tư quái, thì phải làm rõ đoạn văn sau đây của "Chu Dịch. Hệ từ": Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi lưỡng nghi sinh tứ

tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp".

"Dịch hữu thái cực". Thái cực là gì? là thái nhất. Nhất không phải là nhất trong số học (một), mà là nhất luồng ý nghĩa triết học, ở thể hoàn chỉnh và tuyệt đối. Thái cực chỉ nguyên khí hỗn mang thuở sơ khai của vũ trụ.

"Thị sinh lưỡng nghi" Lưỡng nghi tức trời đất, trời là dương, đất là âm. Nguyên khí quyện thành một khối, trong và nhẹ là trời, đục và nặng là đất. Khi vẽ quái, dùng phù hiệu ⚊ chỉ dương, dùng phù hiệu ⚋ chỉ âm. Âm dương nằm trong thể mâu thuẫn thống nhất giữa các mặt đối lập.

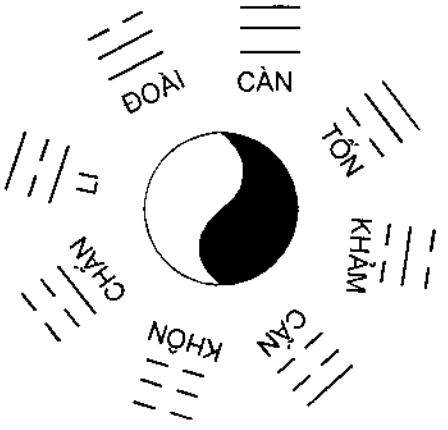
"Lưỡng nghi sinh tứ tượng". Sinh nghĩa là chia. Lưỡng nghi chia thành thái âm ⚏, thiếu dương ⚎, thiếu âm ⚍, thái dương ⚌. Tứ tượng là tái sinh trên lưỡng nghi một lẻ một chẵn trên một lẻ một chẵn của hai nghi mà thành, nó tượng trưng cho bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông.

"Tứ tượng sinh bát quái". Trên tứ tượng tái sinh một lẻ một chẵn thì được hào thứ ba, lấy ba hào âm dương sắp xếp xen kẽ, cuối cùng ta được tám quái hình: Càn ☰, Đoài ☱, Li ☲, Chấn ☳, Tốn ☴, Khảm ☵, Cấn ☶, Khôn ☷. Bát quái tượng trưng tám loại vật chất cơ bản hình thành thế giới: Trời, hồ ao, lửa, sấm sét gió, nước, núi, đất.

"Bát quái định cát hung, cát hung định đại nghiệp". Câu này có nghĩa là, do sự trùng lặp đan xen của bát quái mà có sáu mươi tư quái, ba trăm tám mươi tư hào, dùng để đoán cát hung, lấy cát mà

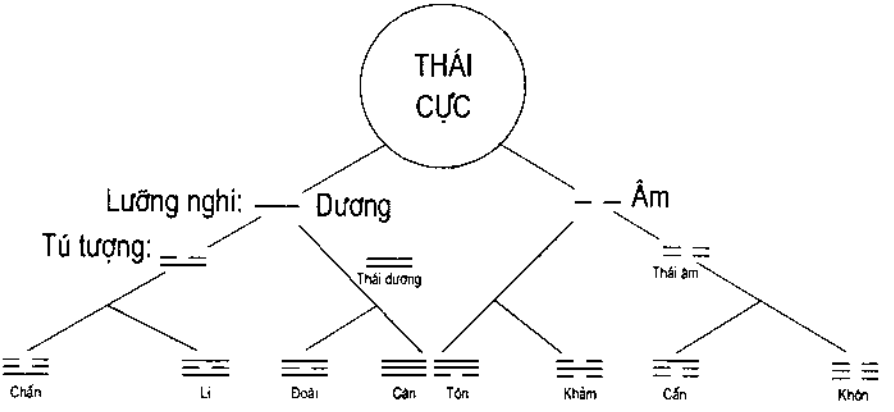
tránh hung thì có thể thành nghiệp lớn. Trong "Hệ từ", bát quái thường bao gồm sáu mươi tư quái.

Về đoạn văn trên, ta có thể tham khảo biểu đồ dưới đây:



Hình 3 – Bát quái thái cực đồ

Vòng tròn giữa biểu đồ gọi là thái cực, hai phần đen trắng hình cá trong thái cực là lưỡng nghi, hoặc gọi là hổi hổ đen trắng, hoặc gọi là cá âm đương (cá âm và cá đương cắn đuôi nhau). Vây quanh thái cực là bát quái. Trên dưới trái phải của thái cực là Càn. Khôn, Li, Khảm bốn quái. Hai vạch chồng lên nhau ở nội tầng quái hình là tứ tượng.



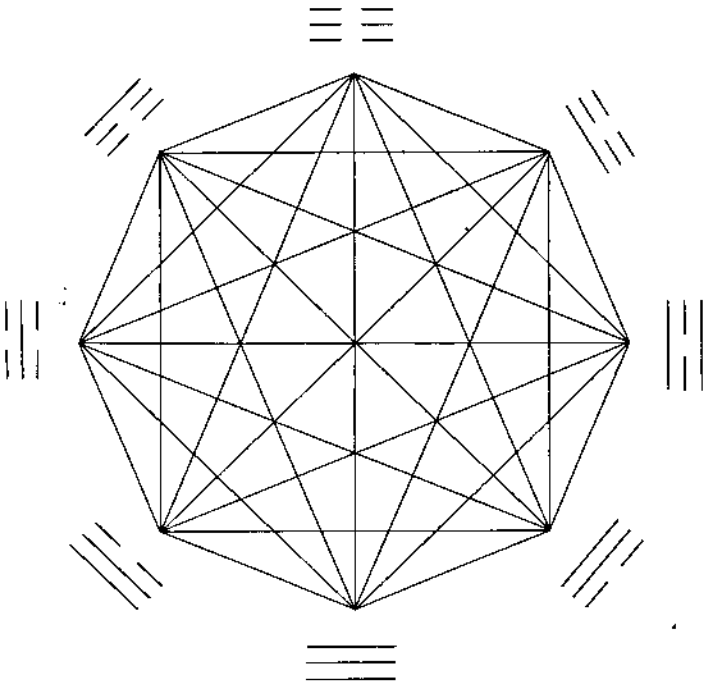
Hình 4

Tiên thiên bát quái tiểu hoành đồ

Về biểu đồ do cổ nhân truyền lại này, ta có thể dùng phương thức ngắn gọn hơn nữa để biểu thị.

Thái cực	Thái Cực					
Lưỡng Nghi	Dương				Âm	
Tứ tượng	Thái dương		Thiếu dương		Thiếu âm	Thái âm
Bát Quái	Càn	Đoài	Li	Chấn	Tốn Khảm	Cấn Khôn

Bát quái biến đổi thành năm mươi sáu quái, cộng là sáu mươi tư quái, cách sắp xếp trùng lặp này có thể dùng biểu đồ sau đây để biểu thị:



Hình 6: Bát quái trùng hợp đồ

Nói chung, các học giả đều cho rằng, sáu mươi tư quái là do bát quái trùng lặp mà thành. Nhưng cũng có ý kiến khác. Hàn Trọng Dân trong "Bạch như Chu Dịch lục thập tứ quái tiềm thuyết chỉ ra rằng, các quẻ bói trên văn giáp cốt, cứ sáu chữ là một nhóm; Các quái Li, Ích, Phệ Hạp, Hoán, Tuỳ, Dự, Tiểu Quá mà trong "Hệ từ" nêu nhằm quan sát thiên tượng mà chế khí, đều xuất hiện rất sớm. Sáu mươi tư quái trong thông hành bản được sắp xếp theo thứ tự từng cặp đối nhau, chủ yếu là kết quả

của sự lặp đi lặp lại các quái. Cách giải thích trong "Dịch truyện" không phù hợp với tình hình sắp xếp tổ hợp sáu mươi tư quái. Bát quái lặp lại mà thành sáu mươi tư quái là cách nói của người đời Hán.

Đặng Cầu Bách trong "Bạch thư Chu Dịch hiệu thích" có lời bàn về ý kiến của Hàn Trọng Dân, chỉ ra rằng sáu mươi tư quái trong Bạch thư, quái thể còn lưu rất nhiều vết tích tương trùng của bát quái, qui luật của nhận thức là từ giản đơn đến phức tạp, không thể sáu mươi tư quái có trước, bát quái có sau. Cổ nhân bói toán, lúc đầu là vô định thức, có thể là một vạch, cũng có thể ba vạch, năm vạch, sáu vạch, quan chiêm bốc thấy ba vạch tiện cho phán đoán sự vật, nên cho lưu hành ba vạch. Quái ba vạch dẫn đến bát quái. Bát quái dẫn đến sáu mươi tư quái. Cách giải thích của Đặng Cầu Bách là tương đối hợp lý.

7. THÚ VỊ CỦA QUÁI HÌNH

Bát quái. Quái có nghĩa là treo lên cao. Treo lên cao tám loại phù hiệu tượng trưng cho vật trong thiên nhiên, để mọi người biết.

Bát quái có tám quái hình, mỗi quái hình đều do các phù hiệu ___ và, _ _ hợp thành ___ là hào dương, _ _ hào âm, Hào, cách đọc cũ là Xiáo, nay đọc là Yáo, chúng là những vạch ngang dài ngắn trong mỗi quái. Mỗi quái có ba hào, hào dương và hào âm có thể tổ chức thành tám quái hình. Mỗi quái đều có quái danh (tên quái). Quái danh là tên gọi của quái hình. Mỗi quái hình đều có quái tượng, quái tượng chỉ hiện tượng tự nhiên mà quái hình tượng trưng. Để dễ nhớ, người ta soạn khẩu quyết về quái hình.

Quái hình	☰	☷	☳	☶	☲	☵	☱	☴
Quái danh	Càn	Khôn	Chấn	Cấn	Li	Khảm	Đoài	Tốn
Quái tượng	Trời	Đất	Sấm	Núi	Lửa	Nước	Ao	Gió
Khẩu quyết	Càn ba liền	Khôn sáu đoạn	Bát để ngửa	Chén úp sấp	Li rỗng giữa	Khảm ruột đầy	Đoài khuyết trên	Tốn đứt dưới

Hình 7: Bát quái biểu

Người xưa căn cứ vào đâu để sáng tạo ra quái hình của bát quái?

"Dịch Hệ từ hạ" trả lời: "Xưa, Bao Hi thị làm vua thiên hạ, ngẩng lên trời quan thiên tượng, cúi xuống đất xem địa pháp, quan sát muông thú và chất đất, gần thì lấy ở thân mình xa thì lấy ở vật. Vậy là sáng tạo ra bát quái". Người ta không thoả mãn với lời giải đáp này, vì nó không nói được mối quan hệ giữa các hiện tượng của trời đất với quái hình của bát quái.

Khổng Dĩnh Đạt đời Đường trong "Chu Dịch chính nghĩa Tự" giải thích: "Thánh nhân ngày xưa vẽ vạch cương và vạch nhu cho bát quái, tượng trưng cho hai khí. Sắp xếp ba vị trí, tượng trưng cho âm khí và dương khí.

Tống Thiệu Ung, Chu Hi cho rằng, bát quái là sự hiểu biết của cổ nhân về số và lý. Hiểu như thế nào thì không nói rõ.

Quách Mạt Nhược trong "Trung Quốc cổ đại xã hội nghiên cứu" chỉ ra rằng, bát quái tượng trưng cho bộ máy sinh dục nam nữ, "Nguồn gốc của bát quái, ta thấy rất rõ đó là tàn dư của sự sùng bái

sinh thực khí thời cổ. Nét ___ tượng trưng dương vật của nam, chia làm hai _ _ tượng trưng cho âm hộ của nữ, từ đó mà có quan niệm về nam nữ, cha mẹ, âm dương, cương nhu, trời đất. Người xưa quan niệm ba là số nhiều nhất, ba là thần bí nhất. Do chồng xen kẽ vạch âm, dương mà thành ba, vừa vặn được tám hình thức không giống nhau của bát quái".

Về sau, Quách Mạt Nhược lại cho rằng bát quái có liên quan tới chữ viết. Thực ra, Dương Vạn Lý đời Tống và Hoàng Tôn Viên đời Minh đã đề xuất quan điểm này. Gần đây Phạm Văn Lan cũng cho rằng bát quái có thể là chữ viết ở thời kỳ chưa định hình. Khác với Phạm Văn Lan, Quách Mạt Nhược cho rằng không phải bát quái dẫn đến chữ viết, mà là chữ viết dẫn đến bát quái, đại bộ phận bát quái đều đến từ chữ viết. Quách Mạt Nhược khảo cứu về thời đại đồng thau, viết: "Khảm tượng thuỷ (nước), chữ thuỷ cổ từ dọc chuyển ngang thành Khảm, Khảm là chỗ trũng, nước tích tụ ở chỗ trũng. Khôn vốn viết là 川 cắt đôi mỗi nét ra, xoay ngang thành Khôn ☷, ☳ là chữ Chấn viết bớt nét, ☲ là chữ Đoài viết bớt nét. Càn tượng trời (thiên), chữ thiên cổ viết là 𠀆 , bỏ nét dọc ở giữa, sửa sang đôi chút thì thành ☰. Li tượng hoả (lửa), chữ hoả trên Dánh khí văn viết là 𠂤 có thể biến thành ☲. Cấn khó giải thích, ngờ là chữ Môn 門 biến thành. Chữ Tốn không giải thích được. Vu Tỉnh Ngô tại "Chu Dịch thượng thị học. Tự ngôn" cho rằng bát quái liên quan tới bát sách, Dịch quái bắt nguồn từ bói bát sách, một trong những chiêm nghiệm về vu thuật trong tôn giáo nguyên thủy. Xưa gọi thằng (dây thừng) là sách, bát sách tức tám đoạn dây thừng. Tộc Di ở Kinh Xuyên vẫn giữ tục bói bát sách thời nguyên thuỷ, quăng tám đoạn thừng bện bằng lông trâu xuống đất,

để đoán định cát hung. "Dịch Hệ từ" chép Bao Hi thị là người đầu tiên làm ra bát quái, ý chỉ bói bát sách. Từ bát sách xuất hiện lần đầu tiên tại "Tả truyện", "Quốc ngữ". Bói bát sách là tiền thân của bát quái. Bát quái là sự tiếp tục và phát triển của bói "bát sách". Lần ngược lên đời Hán, thấy quan điểm này trong "Tả truyện Chiêu công thập nhị niên sớ", dẫn Hán Khổng An Quốc "Thượng thư tự", viết: "Bát sách là thuyết bát quái, cửu khưu là ghi chép về cửu châu". Khuất Vạn Lý trong " Dịch quái nguyên vu qui bốc khảo" cho rằng bát quái là do những vết nứt bói trên mai rùa diễn biến mà thành. Người đời Thương căn cứ vào vết rạn trên mai rùa mà bói lành dữ, bát quái là sự mô phỏng những điềm báo. Trương Chính Lương không tán thành quan điểm của Khuất Vạn Lý, cho rằng bốc và phệ có phân biệt. Phệ là dùng cỏ thi để bói tính toán theo một qui tắc nhất định, lấy ra mấy con số để định cát hung. Bát quái là người xưa dựa trên quan niệm về số chẵn lẻ để được phân loại mà xây dựng nên, là sự ghi chép sự thực khi ứng dụng những quan niệm trừu tượng về mặt số lý. Cao Hanh trong "Chu Dịch tạp luận" đã trình bày quan điểm này: " Chữ phệ có bộ trúc. Những đoạn trúc có hai loại: Loại một đốt tượng trưng cho dương ___ loại hai đốt trúc.tượng trưng cho âm _ _ , điều này gắn liền với khái niệm số lẻ là dương, số chẵn là âm. Ba đoạn trúc xếp thành một kinh quái, sáu đoạn trúc xếp thành một biệt quái, hào và tượng đều giống hình đoạn trúc".

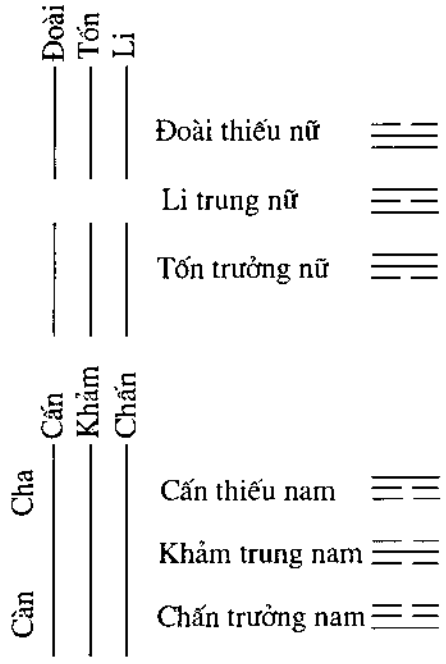
Trương Chính Lương về cuối đời đi sâu nghiên cứu nguồn gốc của bát quái. Ông để ý tới một số chữ lạ trong văn giáp cốt. Những chữ này do một nhóm chữ số hợp thành, như chữ  tức tám sáu sáu năm bảy; chữ tức sáu tám một một năm một. Ông căn

cứ vào cách gọi truyền thống, vẽ các chữ số thay cho các âm dương hào, phát hiện ra rằng, ba chữ số hợp thành là đơn quái, sáu chữ số hợp thành là trùng quái, bốn chữ số hợp thành là hỗ thể, bát quái trong "Dịch" không phải là nguyên hình bát quái thời Thương Chu. Nguyên hình bát quái là dùng các chữ số một, năm, sáu, bảy, tám, chín, cứ ba chữ số hoặc sáu chữ số giống nhau hoặc không giống nhau hợp thành. Vì sao không dùng các chữ số hai, ba, bốn? Bởi vì, ⚌, ⚍, ⚎, (bốn) là ghép các vạch mà thành, viết gần nhau khó phân biệt từng chữ, thầy bói vận dụng quan niệm lẻ chẵn, viết hai, bốn thành sáu, viết ba thành một, do đó một và sáu được dùng nhiều nhất. Quan điểm của Trương Chính Lương được rất nhiều học giả tán thành, nhất trí cho rằng đây là lối tiếp cận hay để tìm hiểu nguồn gốc của bát quái, là một thành tựu nên khẳng định.

Ngoài ra có một số học giả nghiên cứu bát quái từ góc độ dân tộc học, tìm bằng chứng qua nghi thức tôn giáo nguyên thuỷ còn rơi rớt trong các dân tộc ít người. Uông Ninh trong tạp chí "Khảo cổ" số 4 năm 1976, giới thiệu phương pháp bói "Lôi phu tư" của tộc Di ở Lương Sơn, thầy bói đếm các cành tre hoặc cọng cỏ trong tay xem lẻ hay xem chẵn nếu tiến hành ba lần thì được ba con số có liên quan đến lẻ chẵn (âm dương), có tám đáp án, có thể suy ra quái hình của bát quái.

Quái hình là một câu đố thú vị, các học giả đang vô cùng hào hứng đào sâu nghiên cứu. Tin rằng trong một tương lai không xa, câu đối sẽ được làm rõ ngọn ngành.

Hình 8



Thứ tự bát quái Văn Chương

8. SỰ KỲ LẠ VỀ THỨ TỰ CỦA QUÁI

Sự sắp xếp các quái là thứ tự của quái.

Bát quái và sáu mươi tư quái được sắp xếp như thế nào? Xưa nay có rất nhiều phương án. Theo truyền thuyết, đời Chu, quan Thái bốc nắm ba "Dịch".

"Liên Sơn" đứng đầu là quái Cấn, "Qui Tàng" đứng đầu là quái Khôn, "Chu Dịch" đứng đầu là quái Càn. Nay ta được biết có: Bạch thư "Chu Dịch" đào được ở Mã Vương Đôi, Trường Sa; Kinh phòng Dịch truyện; "nguyên Bao" của Vệ Nguyên Cao đời Bắc

Chu; Tiên thiên thứ tự của Thiệu Ung đời Bắc Tống; thứ tự của "Chu Dịch" bản phổ thông. Sự sắp xếp của chúng đều rất kỳ lạ.

Thự tự các quái trong Bạch thư tương đối cổ. Thứ tự là: Kiện (càn) ☰, Căn (Cấn) ☶, Cán (Khảm) ☵, Thần (chấn) ☳, Xuyên (khôn) ☷, Đoạt (Đoài) ☱, La (li) ☲, Toán (Tốn) ☴. Đây là sắp xếp theo thứ tự bốn quái trước là dương, bốn quái là sau là âm. Mỗi quái trong bát quái dẫn đầu một nhóm, thượng thể (phần trên) của bảy quái trong mỗi nhóm đều là lãnh quái, còn hạ thể (phần dưới) thì phối với lãnh quái theo thứ tự Càn, Khôn, Cấn, Đoài, Khảm, Li, Chấn, Tốn.

"Kinh Phòng Dịch truyện" sắp xếp thứ tự theo mối quan hệ vị trí các hào trong các quái, qua đó nói lên rằng, do vị trí của hào thay đổi mà có sự thay đổi. Cách sắp xếp này không còn là quá trình trùng quái giản đơn, nó biểu hiện tư tưởng lượng biến thành chất (tham khảo Bát cung quái tự biểu).

Thứ tự của quái ở "Nguyên bao" phần lớn tương tự như ở Kinh Phòng, chỉ thay đổi thứ tự bát cung của Kinh phòng: Càn, Chấn, Khảm, Cấn, Tốn, Li, Đoài, thành Khôn, Càn, Đoài, Cấn, Li, Khảm, Tốn, Chấn.

Thiệu Ung soạn "Phục Hi lục thập tứ quái thứ tự đồ" (xem phần sau), trong đó biểu đồ hình vuông ở giữa có tám cột tám hàng, cộng sáu mươi tư quái. Từ góc dưới bên phải lên góc trên bên trái biểu đồ hình vuông, lần lượt là Càn, Đoài, Li, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn, hoàn toàn giống như phương vị trên bát quái thái cực đồ. Trong biểu đồ vuông, hạ thể của mỗi hàng ngang, từ

dưới lên trên lần lượt là Càn, Đoài, Li, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn; thượng thể của mỗi hàng ngang, từ trái sang phải, lần lượt là Khôn, Cấn, Khảm, Tốn, Chấn, Li, Đoài, Càn. Biết được cách sắp xếp này để tiện cho ghi nhớ. Nếu như trong biểu đồ vuông, sắp xếp từ quái Khôn đến quái Cấn theo hướng từ phải sang trái thành một vòng cung, từ quái Phục đến quái Khôn từ trái sang phải theo một hình vòng cung, thì hai vòng cung đó vừa đúng một vòng tròn lớn. Trên biểu đồ vòng tròn lớn này, từ Càn đến Phục, chuyển ngược theo khúc tuyến thái Chu Dịch: "Xem xét sự việc đã qua thì lần theo hướng thuận, muốn biết tương lai thì phải tính theo hướng nghịch". Nó phù hợp với lôgíc nội tại của dịch số. Cách tính toán này phản ánh tư tưởng toán học kiệt xuất của Thiệu Ung. Nghe nói nhà toán học Đức Leibnit phát minh ra phép nhị tiến là nhờ sự gợi ý khi xem biểu đồ này. (Tham khảo sách "Bát quái và toán học") .

Thứ tự của "Chu Dịch" trong thông hành bản hiện nay bắt đầu từ Càn, kết thúc ở Vị Tế. Người xưa soạn thành bài ca để dễ nhớ thứ tự của các quái. Vì sao lại sắp xếp như vậy? Có hai cách trả lời:

1 - Vũ trụ sinh thành có tính qui định bên trong, do đó, các quái gần kề nhau của sáu mươi tư quái, đều phải giữ mối quan hệ dựa vào nhau để sinh tồn. Càn là Trời, Khôn là đất, trời đất tương giao sinh vạn vật, do vậy hai quái Càn, Khôn đứng đầu sáu mươi tư quái. Thứ đến là quái Truân. Truân có nghĩa là vạn vật bắt đầu sinh sôi. Thứ nữa là quái Mông, thời kỳ mông muội, ấu trĩ của vạn vật. Thứ nữa như quái Nhu, biểu thị chờ đợi, vì rằng vạn vật phát triển phải có thời gian. Cuối cùng là hai quái Kí Tế và Vị

Tế, biểu thị vạn vật là vô biên, vô tận, vô hạn. Cách sắp xếp như vậy phản ánh tự duy trình tự của người xưa, "Chu Dịch Tự quái" trình bày toàn diện về vấn đề này.

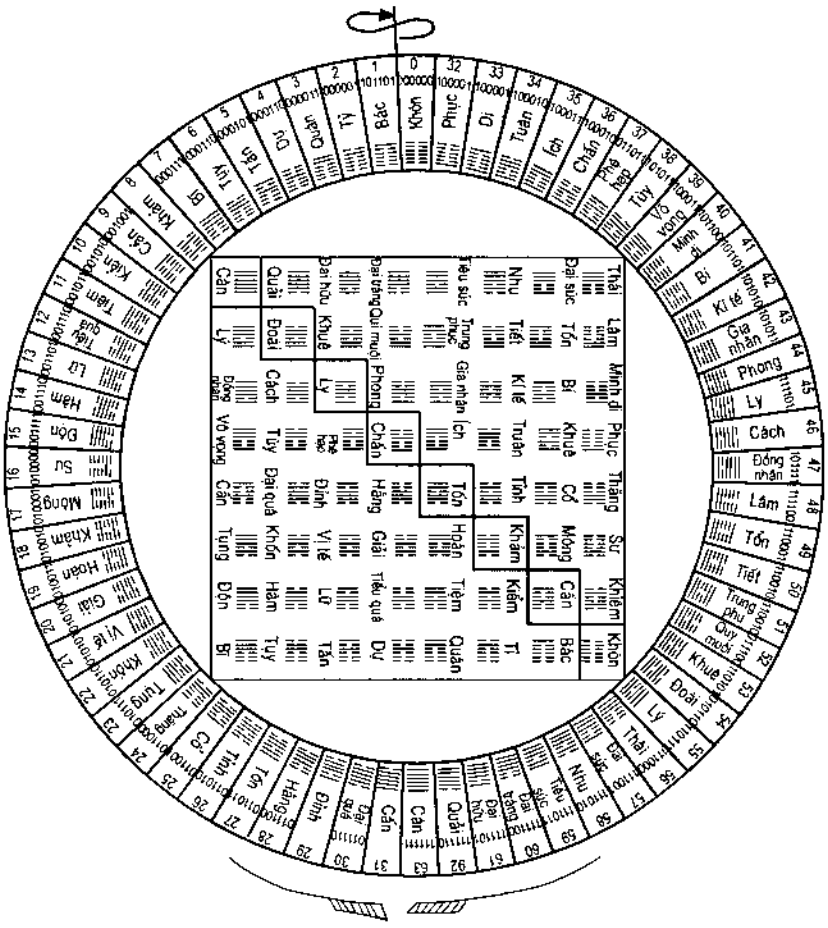
2- Cách trả lời thứ hai được giới thiệu trong "Chu Dịch chính nghĩa" của Không Dĩnh Đạt: Sáu mươi tư quái sắp xếp theo từng cặp, cứ hai quái là một cặp, mỗi cặp không là phục thì là biến. Phục, chỉ quái tượng điên đảo, như Truân ䷂, Mông ䷃; Nhu ䷄ Tụng; ䷅ Sư, ䷆ Tỉ. ䷇. Biến chỉ quái tượng tượng phản, hệ Càn ䷀ Khôn ䷁ ;Khảm ䷜ , Li ䷝ , Đại Quá ䷛ , Di ䷚ v.v... Cách sắp xếp này đơn giản rõ ràng, dễ nhớ, làm nổi bật mâu thuẫn giữa các mặt đối lập giữa các quái.

Trong các thứ tự của quái nêu trên, thứ tự nào ưu việt hơn, quái nào nội hàm sâu sắc hơn? Thứ tự các quái trong "Kinh Dịch" đời Tiên Tần thì sắp xếp như thế nào" Ta có nên sáng tạo một kiểu thứ tự của quái nữa không?

Sắp xếp như thế nào thì tốt nhất? đây là vấn đề cần nghiên cứu.

Bát quái / Hào biến	Càn	Chấn	Khảm	Cấn	Khôn	Tốn	Lí	Đoài
Một hai hào biến	Cấu	Dự	Tiết	Bĩ	Phục	Tiểu súc	Lữ	Khôn
Một hào biến	Độn	Giải	Truân	Đại súc	Lam	Gia nhân	Đỉnh	Tùy
Một đến ba hào biến	Bĩ	Hằng	Kí tế	Tổn	Thái	Ích	Vị tế	Hàm
Một đến bốn hào biến	Quán	Thang	Cách	Khuê	Đại tráng	Vô vọng	Mộng	Kiển
Một đến năm hào biến	Bác	Tỉnh	Phong	Lí	Quải	Phệ hạp	Hoán	Khiêm
Hào thượng hào bốn không biến	Tấn	Đại quá	Minh di	Trung thu	Nhu	Di	Tung	Tiểu quá
Hào năm biến	Đại hữu	Tùy	Sư	Tiệm	Tỉ	Cổ	Đồng nhân	Quy muội

Hình 9 - Biểu đồ bát cung quái tự



Hình 10

Thứ tự các quái trong "Chu dịch" thông hành bản

1	Càn		(Dưới Càn trên Càn)	2	Khôn		(Dưới Khôn trên Khôn)
3	Truân		(Dưới Trấn trên Khảm)	4	Mộng		(Dưới Khảm trên Cấn)
5	Nhu		(Dưới Càn trên Khảm)	6	Tụng		(Dưới Khảm trên Càn)
7	Sư		(Dưới Khảm trên Khôn)	8	Tỉ		(Dưới Khôn trên Khảm)
9	Tiểu Súc		(Dưới Càn trên Tốn)	10	Lí		(Dưới Đoài trên Càn)
11	Thái		(Dưới Khôn trên Càn)	12	Bĩ		(Dưới Khôn trên Càn)
13	Đồng nhân		(Dưới Lí trên Càn)	14	Đại hữu		(Dưới Càn trên Lí)
15	Khiêm		(Dưới Chấn trên Đoài)	16	Dự		(Dưới Khôn trên Chấn)
17	Tùy		(Dưới Chấn trên Đoài)	18	Cổ		(Dưới Tốn trên Cấn)
19	Lâm		(Dưới Đoài trên Khôn)	20	Quán		(Dưới Khôn trên Tốn)
21	Phệ hạp		(Dưới Chấn trên Lí)	22	Bí		(Dưới Lí trên Cấn)
23	Bác		(Dưới Khôn trên Cấn)	24	Phục		(Dưới Chấn trên Khôn)
25	Vô vọng		(Dưới Chấn trên Càn)	26	Đại súc		(Dưới Càn trên Cấn)
27	Di		(Dưới Chấn trên Cấn)	28	Đại quá		(Dưới Tốn trên Đoài)
29	Khảm		(Dưới Khảm trên Khảm)	30	Lí		(Dưới Lí trên Lí)
31	Hàm		(Dưới Cấn trên Đoài)	32	Hằng		(Dưới Tốn trên Cấn)

33	Độn		(Dưới Cán trên Cán)	34	Đại Tráng		(Dưới Cán trên Chấn)
35	Tấn		(Dưới Khôn trên Li)	36	Minh Di		(Dưới Li trên Khôn)
37	Gia Nhân		(Dưới Li trên Tốn)	38	Khuê		(Dưới Đoài trên Li)
39	Kiển		(Dưới Cấn trên Khảm)	40	Giải		(Dưới Khảm trên Chấn)
41	Tổn		(Dưới Đoài trên Cán)	42	Ích		(Dưới Chấn trên Tốn)
43	Quải		(Dưới Cán trên Đoài)	44	Cấu		(Dưới Tốn trên Cán)
45	Tụy		(Dưới Khôn trên Đoài)	46	Thăng		(Dưới Tốn trên Khôn)
47	Khốn		(Dưới Khảm trên Đoài)	48	Tỉnh		(Dưới Tốn trên Khảm)
49	Cách		(Dưới Li trên Đoài)	50	Đỉnh		(Dưới Tốn trên Li)
51	Chấn		(Dưới Chấn trên Chấn)	52	Cấn		(Dưới Tốn trên Cấn)
53	Tiệm		(Dưới Cấn trên Tốn)	54	Quì Muội		(Dưới Đoài trên Đoài)
55	Phong		(Dưới Li trên Chấn)	56	Lữ		(DướiCấn trên Li)
57	Tốn		(Dưới Tốn trên Tốn)	58	Đoài		(Dưới Đoài trên Đoài)
59	Hoán		(Dưới Khảm trên Tốn)	60	Tiết		(Dưới Đoài trên Khảm)
61	Trung Phu		(Dưới Đoài trên Tốn)	62	Tiểu Quá		(Dưới Đoài trên Khảm)
63	Kí Tế		(Dưới Li trên Khảm)	64	Vị Tế		(Dưới Khảm trên Li)

Bài ca về thứ tự các quái trong "Chu Dịch" thông hành bản:

Càn Khôn Truân Mộng Nhu Tụng Sư. Tỉ Tiểu Súc chừ, Lí Thái Bĩ. Đồng Nhân Đại hữu Khiêm Dự Tuỳ. Cổ Lâm Quán chừ, Phệ chạp Bí. Bác Phục Vô vọng Đại súc Di. Đại Quá Khảm Li tam thập bị. Hà Hằng Độn chừ, và Đại Tráng. Tấn và Minh Di Gia Nhân Khuê. Kiển Giải Tổn Ích Quải Cấu Tuỵ. Thăng Khốn Tỉnh Cách tiếp Đỉnh Chấn. Cấn Tiệm Qui Muội Phong Lữ Tốn. Đoài Hoán Tiết chừ, tới Trung Phu. Tiểu Quá Kí Tế kiêm Vị Tế.

Đó là ba mươi tư của hạ kinh.

9. SỰ KỲ LẠ CỦA TÊN QUÁI

"Chu Dịch" có 64 quái, mỗi quái có tên quái. Đó là: Càn, Khôn, Truân, Mông, Nhu, Tụng, Sư, Tỉ, Tiểu Súc, Lí, Thái, Bĩ, Đồng Nhân, Đại Hữu, Khiêm. Dự, Tuỳ, Cổ, Lâm, Quán, Phệ Hạp, Bí, Bác, Phục, Vô vọng, Đại Súc, Di, Đại Quá, Khảm. Li, Hàm, Hằng, Độn, Đại Tráng, Tấn, Minh Di, Gia Nhân, Khuê, Kiển, Giải, Tổn, Ích, Quải, Cấu, Tuy, Thăng, Khốn, Tỉnh, Cách, Đỉnh, Chấn, Cấn, Tiệm, Qui Muội, Phong, Lữ, Tốn, Đoài, Hoán, Tiết, Trung Phu, Tiểu, Quá, Kỉ Tế, Vị Tế.

Những tên quái ra đời như thế nào? Theo sự suy đoán của các học giả, trước hết có quái hình của 64 quái, tiếp đó là phệ từ, rồi sau mới có tên quái. Cổ nhân làm sách có thói quen là không đặt tên cho từng thiên. Tên của từng thiên là do người đời sau thêm vào để tiện khi gọi thiên đó. Thí dụ trong "Kinh Thi" có bài "Quan quan thư cưu, tại hà chi châu" , về sau người ta gọi thiên này là "Quan

thư". Trong luận ngữ có "Thuật nhi", "Vi chính", là lấy hai chữ trong đó để đặt tên.

Cao Hanh trong "Chu Dịch cổ kinh kim chú" đã dẫn ra 8 lệ nảy sinh ra tên quái:

1- Lấy một chữ chủ yếu thường thấy trong phệ từ để làm tên quái, như Cần, Truân, Mông, Nhu, Tụng... Loại này là 47 quái.

2 - Lấy hai chữ chủ yếu trong phệ từ để làm tên quái, như Đồng Nhân, Vô vọng, Minh Di, Qui Muội, có 4 quái.

3 -Lấy một chữ chủ yếu thường thấy trong phệ từ, thêm vào một chữ nữa để làm tên quái, như lấy chữ phệ trong Phệ Hạp, chữ Tráng trong Đại Tráng, chữ Quá trong Tiểu Quá.

4 - Lấy nội dung của phệ từ làm tên quái, như Đại Súc, trong phệ từ là ngựa trâu lợn. Nhưng trong Tiểu Súc không có gia súc, không hiểu tại sao lại đặt tên như vậy?

5 - Lấy một chữ trong phệ từ cùng với nội dung để làm tên quái, như Gia Nhân, Vị Tế.

6- Lấy một chữ trong phệ từ cùng với nội dung thêm một chữ nữa để làm tên quái như Đại Quá, ký tế.

7 - Lấy hai chữ đầu trong quái từ để đặt tên như Đại Hữu, Trung phu

8 - Tên quái không liên quan đến phệ từ. Không rõ vì sao lại đặt tên như vậy, như Khôn, Tiểu Súc, Thái.

Lý Kính Trì cũng dày công nghiên cứu về tên quái. Trong "Chu Dịch thám nguyên" ông dựa trên quan hệ tên quái với quái từ, hào từ mà chia tên quái thành mấy loại:

1- Tên quái không liên quan gì đến hào từ và quái từ, như Sư (nói về quân đội), Lí (đi lại), Đồng Nhân (chiến tranh), Di (ăn uống).

2 - Tên quái có liên quan phần lớn đến nội dung quái từ và hào từ, như Phục (chỉ đi xa), Đỉnh (chỉ ăn uống), Qui Muội (chỉ lấy chồng), Lữ (chỉ đi buôn).

3 -Tên quái chỉ liên quan một nửa hoặc một chút đến quái từ, hào từ, như Tuỳ, Phệ Hạp, Vô Vọng, Giải, Cấu.

4 -Quái không chỉ nói một việc, nên quái có mấy nghĩa, hoặc dùng chữ giống nhau, hoặc mượn chữ để dùng, như Nhu, Bí , Cách...

5 - Tên quái không dính dáng đến quái từ, hào từ, như Càn, Khôn, Quải, Tiểu Súc.

6 - Quái Tiềm rất đặc biệt, nói là hoà trộn vào, nhưng sự việc lại không liên quan đến tên quái.

Lý Kính Trì còn cho rằng, trong 64 quái thì tên quái Càn và quái Khôn xuất hiện sớm nhất. Hình dung từ và động từ chiếm phần chủ yếu trong toàn bộ tên quái, sau đó đến danh từ, rồi sau nữa là phó từ.

Về tên của quái, hiện nay còn một số vấn đề cần thảo luận: Cổ nhân đặt tên quái có theo qui luật nào không? Quái Khôn, quái Tiểu Súc là căn cứ vào đâu để đặt tên? Tên quái có hàm ý triết lí gì

không? Có cần thiết phải làm rõ vấn đề tên quái không? những vấn đề nêu trên không thể một sớm một chiều làm rõ ngay được.

10. SỰ KỲ DIỆU CỦA QUÁI TƯỢNG

"Tượng " là thuật ngữ thường gặp trong học thuyết bát quái."Tượng" vốn là tên một con thú, mượn dùng mang ý nghĩa tương trưng: hiện tượng, hình tượng.

Tượng chia Đại tượng và Tiểu tượng. Đại tượng là tượng của toàn quái, Tiểu tượng là tượng của sáu hào từ. Giải thích cho toàn quái là đại tượng, giải thích cho mỗi hào trong quái là Tiểu tượng.

Tượng của quái giải thích quái từ, như Càn ☰ là Trời, dùng để biểu thị tính liên tục và hoàn chỉnh của trời; Khôn ☷ là Đất, biểu thị cho vạn vật từ phân lập đến hội tụ lại với nhau.

Tượng của từ giải thích hào từ, như quái Càn lấy Long (Rồng) để ví Rồng với sự phát triển biến hóa của sự vật.

Quái và hào trong "Chu Dịch" đều cùng một loại tượng. Nhiệm vụ của tượng là mô phỏng các hiện tượng của sự vật khách quan, chỉ ra sự lành dữ vui buồn của sự vật.

Nội dung của tượng rất động, nhiều mặt và thâm thuý, cơ bản nhất là tượng của bát quái. Không hiểu tượng của bát quái thì không nắm được học thuyết bát quái.

Sơ lược về tượng của bát quái:

Bát quái có quái tượng. Quái tượng biểu thị cho sự vật trong tự nhiên hoặc hiện tượng xã hội mà quái tượng trưng hoặc đại biểu. Như Càn là Trời, Khôn là Đất, Chấn là Sấm, Tốn là Gió, Khảm là

Nước, Li là Lửa, Cấn là Núi, Đoái (Đoài) là Đầm. Đây là tượng lớn của bát quái. Quái tượng của bát quái có thể tượng trưng cho tất cả sự vật: Cho động vật thì Càn là Ngựa, Khôn là Trâu, Chấn là Rồng, Tốn là Gà, Khảm là Lợn, Li là (chim) Trĩ, Cấn là Chó, Đoài là Dê. Cho cơ thể con người thì Càn là đầu, Khôn là bụng, Chấn là chân, Tốn là đùi, Khảm là tai, Li là mắt, Cấn là tay, Đoài là miệng. Đây là tượng gốc của bát quái. Ngoài ra, cứ tượng trưng kiểu đó mà mở rộng ra đến vạn vật, dùng bát quái thuyết minh tất cả các hiện tượng. Đó là tượng trên qui mô rộng của bát quái.

Quái tượng cực kỳ quan trọng trong học thuyết bát quái. "Dịch" chính là tượng. Đạo lí cơ bản của "Dịch" là từ vật tượng mà nên. Thánh nhân xem quái xét tượng, có thể suy ra được mất, vui buồn, tiến lui. Các học giả xưa nay đều rất coi trọng quái tượng, coi không hiểu quái tượng là không hiểu bát quái.

Nhưng cũng có một số ít học giả phủ nhận quái tượng, cho quái tượng là vô nghĩa Cao Hanh là chuyên gia nghiên cứu về "Chu Dịch", nhưng ông tỏ vẻ nghi ngờ quái tượng. Tại "Chu Dịch" cổ kinh kim chú. Tự", ông viết: Quan hệ giữa một số câu chữ của quái hào từ với tượng số thì có thể hiểu được, nhưng một số khác thì rất khó hiểu. Quái hào từ của quái Càn không có câu nào nói về trời; Quái hào từ của quái Tốn không một câu nói về gió; Quái hào từ quái Li không một câu nói về lửa; Quái hào từ của quái Cấn không một câu nói về núi; Quái hào từ của quái Đoài không một câu nói về đầm. Quái Khôn tuy liên quan đến đất, nhưng không nói về đất; Quái Khảm tuy có liên quan đến nước, nhưng không nói về nước. Chỉ có quái Chấn nói về sấm. Nếu ta có ý nghiên cứu quái tượng đến cùng, chắc chắn sẽ bế tắc, dẫn đến vu thuật hoá.

Kim Xuân Phong trong "Hán đại tư tưởng sử" nêu vấn đề: Việc chia ra các tượng như vậy, có nghĩa lý gì? Có thể ở một số thì có lý, như Càn là Trời, là dương; Khôn là Đất, là âm. Nhưng tại sao băng giá lại thuộc Càn? Tại sao mầu đỏ sẫm, ngựa già, ngựa gầy, ngựa tốt, cây cỏ lại thuộc Càn? Vì sao Khôn lại là hoa văn, là cái chuôi? Thật không hiểu ra sao? Trong các sự vật cùng tượng được gắn với nhau một cách miễn cưỡng, thì hoặc là ngoại hình tương tự, hoặc được đặt tên theo phép loại suy. Do đó, tượng không thuộc phạm trù nhận thức luận có ý nghĩa khoa học.

Trong "Trung Quốc triết học" tập 14, Lưu Đại Quân cho rằng có mối liên quan giữa quái tượng và quái hào từ. Ông chỉ ra rằng, 386 hào từ của 64 quái, phàm là những hào sơ của các quái chỉ sự vật, thì hào từ đều là phần dưới cùng của tượng, như các quái Càn khôn, Lý, Bí, Bác, Đại Quá, Khảm, Cấn, Kí Tế v.v... thì hào sơ là Tiềm, Lí, Chỉ, Túc, Vĩ, v.v... Ngược lại, phàm là những hào sơ của các quái chỉ sự vật, thì hào từ của hào thượng đều lấy phần trên cùng của tượng, như các quái Càn, Đại Hữu, Đại Súc, Đại Quá, Hàm, Tấn v.v... thì hào thượng có hào từ là Nguyên, Thủ, Thiên, Nhĩ, Đỉnh, Phụ, Giáp, v.v... Khi lấy một vật làm tượng cho quái, thì tuỳ theo biến đổi của hào vị, hào tượng cũng thay đổi từ dưới lên. Trong quái Hàm, từ ngón chân cái lên bắp chân, đùi, xương sống, mặt. Trong quái Càn, vị trí của Long từ tiềm ẩn đến hiện ra rồi vùng vẫy và bay trên trời. Có thể thấy "Bát quái sắp xếp xong, tượng ở trong đó". Khi giải thích"Chu Dịch", ta không được rời tượng và Kinh. Tất nhiên, cũng không nên tin vào tượng một cách mù quáng.

Quái tượng của bát quái có liên quan đến quái hình. Quái Càn ☰ thuần dương cương kiện (mạnh mẽ), do đó là Trời, Quái Khôn

☷☷ thuần âm, do đó là Đất. Quái Chấn ☳☳ có một hào dương ở dưới, chỉ chuyển động không ngừng, do đó là sấm. Quái ☴☴ Tốn hai dương một âm, trên cương dưới nhu, do đó là gió. Quái Li ☲☲ trên dưới đều là dương, một âm ở giữa chỉ trạng thái rỗng ở giữa, do đó là lửa. Quái ☵☵ Khảm một dương cương ở giữa, hai âm nhu ở ngoài, do đó là thuỷ. Quái Cấn ☶☶ một dương trên đất Khôn, hai âm song song mà rỗng ở giữa, do đó là núi. Quái ☱☱ Đoài âm hiện trên bề mặt của dương, do đó là đầm.

Sự ra đời của quái tượng có liên quan đến tên quái. Như Càn là trời, Càn đồng nghĩa với Cát (xoay chuyển), thiên thể chuyển động, do đó Càn là trời. Như Khôn là đất. Khôn và đất đều có bộ thổ 土, thời Xuân Thu Chiến Quốc gọi đất là khối lớn, Khối và Khôn có thể gọi lẫn cho nhau, do đó gọi Khôn là đất.

Dùng "Chu Dịch" để làm rõ những chuyện đã qua, xem xét diễn biến của sự thái sắp tới. Thời thường, cổ nhân rất thích thú đoán "Chu Dịch", chủ yếu là căn cứ vào tượng, không hiểu tượng Dịch thì không hiểu "Chu Dịch". Trong con mắt người xưa, quái tượng cực kỳ mông lung, nhưng cũng vô cùng kỳ diệu và từ quái tượng qui nạp thành quái đức.

Sơ lược về quái đức:

Quái đức là tính chất cơ bản của bát quái, cũng gọi là quái tình. Quái đức không thể tách rời quái tượng.

Quái đức của bát quái như sau:

Càn, tức là kiện (mạnh mẽ). Càn tượng trưng cho trời vận chuyển không ngừng, tính chất cương kiện.

Khôn, tức là nhu (nhu thuận). Khôn tượng trưng cho đất, tính chất mềm mỏng, nhu thuận.

Chấn, tức là động. Chấn là sấm, sấm làm kinh động vạn vật, tính chất động.

Tốn, tức nhập vào.Tốn là gió, chỗ nào gió cũng lọt vào được, tính chất len lỏi.

Khảm, tức là hãm (Trũng, lún xuống). Khảm là nước, nước chảy về chỗ trũng, tính hiểm.

Cấn nghĩa là dừng. Cấn là núi, núi đứng yên không chuyển động, tính chất ngừng trệ.

Đoài, nghĩa là vui. Đoài là đầm, hơi nước mù mịt, tính chất vui vẻ.

Có người còn qui nạp 64 quái đức nữa cho 64 quái. Kí Tế, Tận Tế; Vị Tế, Vị Tế; Truân, Nan; Thái, Thông; Bĩ, Bế, Tiện, Tiệm, Cổ, Cố, Tuỳ, Truỵ; Vô vọng, Vô vọng, Hàm, Cảm; Hằng; Hằng, Hằng Cửu; Tổn; tổn thượng ích hạ (bớt trên thêm vào dưới). Ích, Tổn cường Ích nhược (bớt của kẻ mạnh bù cho kẻ yếu); Qui muội, Qui phụ; Phong, Tiên thiểu hậu đa (trước ít sau nhiều); Tiết, Tiên đa hậu thiểu (trước nhiều sau ít); Hoán, Hiền; Lữ, Thất cư (không nhà); Cấu, Câu (Rãnh); Đồng nhân, Sái (người cùng lứa) Lí , Xử nguy (gặp nguy); Tiểu Súc, Tiểu kiến súc vu đại (nhỏ thấy súc là to); Đại hữu, Đại vi tiểu Súc, Tiểu kiến súc vu đại (nhỏ thấy súc là to); Đại hữu, Đại vi tiểu sở hữu (to là do nhỏ mà có); Quải, Quyết; Bác, Xâm tước (tước bỏ); Mông, Manh (mầm mống); Sư, Tướng soái; Khiêm, Khiêm ti (nhún nhường); Dự, Dự (danh dự); Tỉ, Thân (gần gũi); Độn, Thoái (rút lui); Trung Phu, Bao (gói, vây quanh);

Đại Súc, Đại vi tiểu sở súc (To là nhỏ gom lại mà thành). Đại Tráng, Dương tẩm trường nhi tương cập (dương Cương mà không hành động thì đạt); Đại quá, vi thiện nhi quá (làm việc thiện mà mắc sai lầm); Lâm, Giáng (xuống), Thăng, Tiến Lên, Tiểu quá, nhu nhi quá (nhu mà mắc sai lầm); Di, Tượng nhân chi di (Tượng trưng cho sự sáng suất của người); Phệ Chạp, Thực (ăn uống); Tụy, Tụ (tụ họp); Quán, cao cư lâu hạ (Ngồi trên cao nhìn xuống); Gia nhân, Thất gia ung mục (gia đình hòa thuận); Tụng, Tụng; Bĩ, sức (trang điểm); Tái, Nan (khó khăn); Giải, Ngộ nạn nhi giải (giải thoát); Khốn, khốn bức (bức bách); Nhu, Nhụ (thấm), Tấn, Họa (vẽ vạch); Minh Di, Hối (u ám). Cách, canh (sửa đổi); Đỉnh, phanh nhiệm (nấu nướng).

Trích dẫn từ Lý Kính Trì Chu Dịch thám Nguyên, trang 289.

Từ quái tượng đến quái đức đều kỳ diệu ở chỗ trong đó tỏa sáng tư duy lôgic và liên tưởng khoa học, nhưng trong cái kỳ diệu đó có cái bất cập: Rất nhiều suy tưởng tầm bậy đã pha trộn vào. Do đó, ta cần có quan điểm biện chứng khi phân tích quái tượng mới nắm bắt được ý nghĩa đích thực của chúng.

PHỤ LỤC

QUÁI TƯỢNG CỦA BÁT QUÁI

Quái Càn

Càn là trời, quân (chủ), cha, thiên tử, vương, tiên vương, đại quân chủ, quốc quân, đại nhân, thánh nhân, thiện nhân, quân tử, vũ nhân, hành nhân, kim phu (người giầu), Cao tông, tổ khảo, thần, người, tông, tộc, rồng, ngựa, ngựa tốt, vật, vạn vật, kim loại, ngọc, băng giá, cái đấu, áo, lợn con, ngoại ô, đồng ruộng, cửa, đỉnh (cao), đầu, lưng, thẳng, khoẻ mạnh, thay đổi, kính nể, sợ, uy (tín), nghiêm (khắc), kiên cường, đường đi, đức, đức dày, lương (thiện), thiện (nhân ái), tức (giận), sinh (sống), tốt, (điều) lành, khánh (hoàn tất), mừng, (danh) dự, phúc, lộc, trước (tiên), khởi đầu, to, được, trị (liệu), cao, già, xa, mưu đồ lớn, không ngừng, trung chính, khởi đầu và hoàn chỉnh, xoáy, hoang dại, bao trùm.

Quái Khôn:

Khôn là đất, (vương) hậu, thần (bề tôi), thê (vợ), dân, quần (bầy đàn), tiểu nhân, ấp nhân (nông dân), người xấu, mẹ, đàn bà, chị, thành ấp, hào cạn, bậc thang, rộng, bờ, nước láng giềng, nhà, gia đình, đất liền, duy (nối liền), bùn, bế quan (đóng cửa quan), con bò, ngựa cái, châu lục, bụng, khí (cụ), đức lớn, ngọt, béo, thân (mình), cung (cúi lạy), ta (tôi), tự (mình), vương (giả), an (yên

ổn), trinh (trung chính), lợi, giầu, tích (tụ), tuỵ (tụ họp), đến, dừng, qui (trở về), dung (nhan sắc), dụ (giàu có), hư (trống rỗng), tục (thói quen), loại (giống nòi), kinh doanh, nuối tiếc, lầm lỗi, dục (ham muốn), hình (thể), sai lầm, ác (hung ác), hại (tổn hại), chết, tang (ma), loạn lạc, tối tăm, mờ ảo, chiều tà, chập tối, mười năm, bạn hữu, tài hoá, phương chính (vuông vức), rạng rỡ, thuận theo, hậu đắc (được về sau), vô thành (thất bại), hữu chung (có hậu), vô cương (không bờ bến), sự nghiệp, thứ chính.

Quái Chấn

Chấn là sấm, (hoàng) đế, con trưởng, chúa, tổ, tông, (tước) công, chư hầu, trăm quan, nguyên sĩ, trượng phu, ngu nhân (người làm công việc dự đoán), hành quân (người đi xa), chủ khí, vương thần quân tử, lương thực, đường lớn, đường thẳng, cây cỏ, phên dậu, lăng (núi đất thấp), ngựa, hươu, khuê, (ngọc), (cái) sọt, (cái) phẫu, quan quách, cung (cúi mình), tôi (ta), ngô (ta), chân, bắp chân, gót chân, ngón chân cái, giày dép, đánh, trống, xuất, sinh, sơ khởi, bên trái, đuổi theo, chinh phạt, đi đứng, làm lụng, nổi dậy, bôn ba, phản sinh, chấn động, để xướng, kính nể, ngăn ngừa, đầu, tha cho, nhân ái, sợ hãi, nói năng, cười, hót (gáy, kêu), âm (thanh), (mách) bảo, vui vẻ, tiếp tục giữ vững, xuất chinh.

Quái Tốn:

Tốn là gió, sương, con gái cả, gái trinh, phụ nữ, vợ, quan nhân, khách buôn, gỗ dài, cỏ bạch mao, thuốc, gà, cá, vải, giường, chăn gối, dây thừng, góc cạnh, cổ, cánh tay, tay, nhìn xuống, múa, hát, tháo gỡ, trắng, cao, nhập, nằm xuống, tiến thoái, không

kết quả, gào thét hành sự, hiệu lệnh, phong tục, vạn điều nhân, thấy, bỏ vào.

Quái Khảm:

Khảm là nước, mặt trăng, khe rãnh, sông suối, sông lớn, vực sâu, giếng, suối lạnh, mây, mưa, đức thánh, trung nam, (con trai dưới cả, trên út), khách, kẻ xấu, kẻ cướp, ba năm, ba trăm, đất rộng, ngựa, lợn, cáo, bụi gai, bụi cây; cung đạn, gông cùm, cung độ, nhíp xe, phép tắc, luật lệ, tội trạng, tai, thuận theo, mông đít, xác chết, máu, mệt nhọc, tấm lòng, chí hướng, nuối tiếc, lo lắng, sầu não, hối hận, rầu lòng, tâm bệnh, hiểm trở, ẩn náu, chuyện dữ, ham muốn, độc hại, luyện tập, tụ tập, trở về, nhiều, thường, đến, nhuận, điện, khó khăn, rượu thịt, cao (keo), hữu phu, trung hành.

Quái Li:

Li là lửa, mặt trời, điện, đại nhân, trung nữ, mẹ, phụ nữ, em gái, chủ nhân, ác nhân, bụng, mặt trăng, hộ (nhà cửa), quỉ phương, sừng, giáo mác, nhà tù, lưới săn, (cái) bình, bếp, dao, búa, tên, bay, chim, (con) bò, bò cái, sọc mầu, mầu vàng, thấy, đi qua, trí, đại cát, lông vũ, tôn (chén đựng rượu), nướng, đốt, ánh sáng chói loà, chóp mũi, đắng.

Quái Cấn:

Cấn là núi, đá, cát, tông miếu, môn đình, cung thất, thành trì, lò lửa, nhà ở, ngõ, đường đi, huyệt, khưu (gò đống), hang tối, cây sào, bàn đá, thiếu nam, quân tử, hiền nhân, ú nhân (thầy cúng), đệ tử, tiểu nhân, con côi, thằng hầu, gác chùa, mũi, tay, ngón tay, lưng, thịt thăn, đuôi, da, da thuộc, hổ, báo, chuột, ngôi sao nhỏ, mặt trời chiều, cây nhỏ, quả to, kê, hoa, dừng lại, thận trọng, giảm bớt,

cầm lấy, dẫn, lấy, cầu được, dắt, nạp, nắm, vác, nhiều, hậu (dày), trung thực, tích đức, hiểu biết rộng, tín, tư (suy tư), nhỏ, xấu hổ, chấm hết, nhàn, ở, bãi bỏ, đề phòng, đảo lộn vị trí.

Quái Đoái (Đoài):

Đoài là đầm, thiếu nữ, em gái, em dâu, thiếp, bạn, hữu, vu (thầy bói), miệng lưỡi, ngôn thuyết, miệng, nhìn, giảng tập, dạy, đao phủ, chước (chén rượu), hưởng (thụ), hổ, dê, gia súc, bên phải, hướng tây, phía dưới, hấn, khuôn mặt đẹp, vàng bạc, sừng.

11. TRI THỨC CƠ BẢN VỀ HÀO VÀ QUÁI

Rất nhiều thanh niên cùng cho rằng đọc "Chu Dịch" như đọc thiên thư (sách nhà trời), câu chữ lủng củng, rời rạc, không thể đọc một mạch, mà dù có đọc hết, cũng không hiểu trong sách nói gì.

Vậy nguyên nhân là vì đâu?

Bất cứ học vấn nào cũng có A, B, C của nó, tức tri thức cơ bản. Học thuyết bát quái cũng vậy, nếu không hiểu tri thức cơ bản, thì không thể hiểu bát quái. Do vậy, sách này dùng lời lẽ dễ hiểu giới thiệu những tri thức cơ bản mà ta thường gặp và cần phải nắm vững của học thuyết bát quái, nhằm giúp những người mới nhập môn học thuyết này.

(1) - HÀO

Mỗi quái trong 64 quái đều có sáu vạch hào. Trong sáu hào đó, hào thứ nhất là sơ, hào thứ hai là hào nhị, hào thứ ba là hào tam, hào thứ tư là hào tứ, hào thứ năm là hào ngũ, hào thứ sáu là hào thượng, theo thứ tự từ dưới lên trên.

Trong mỗi quái, do các hào sơ, tam, ngu, là số lẻ, nên gọi là hào dương. Các hào nhị, tứ thượng là số chẵn nên gọi là hào âm.

Hào âm ở vị trí âm, hào dương ở vị trí dương thì gọi là đắc vị. Trong 64 quái, chỉ có quái Kí Tế là các hào âm dương đều đắc vị. (Quái Kí Tế ䷾). Hào âm ở vị trí dương, hào đương ở vị trí âm thì gọi là thất vị. (Quái Vị Tế ䷿).

Hào sơ ở vị trí thấp nhất, hào thượng ở vị trí cao nhất, hào nhị và hào ngũ ở vị trí giữa (trung vị).

Phàm là hào dương, đều dùng chữ "cửu" để ghi nhận. Cổ nhân cho rằng, các số lẻ đều thuộc dương. Cửu (chín) là số lớn nhất của số dương, cho nên dùng "cửu" để đại biểu cho dương. Hào "sơ cửu" trong quái, là hào dương ở vị trí thứ nhất của hào. "Cửu thị" là hào dương ở vị trí thứ hai của hào. Từ dưới lên trên, cứ thế mà suy ra, "Thượng cửu" là hào vị cao nhất, trong sáu hào.

Phàm là hào âm, đều dùng chữ "lục"để ghi nhận. Cổ nhân cho rằng, các số chẵn đều thuộc âm. Số 6 là con số trung gian của các số nhị (hai), tứ (bốn), lục (sáu), bát (tám), thập (mười), nên dùng lục (sáu), từ đó suy ra, hào trên cùng là thượng lục.

Cổ nhân cho rằng, một hai ba bốn năm là số sinh, sáu bảy táng chín mười là số thành.

Hào vị (vị trí của hào) có phân biệt quí (sang), tiện (hèn). Hào sơ, hào nhị ở vị trí địa (đất), hào tam, hào tứ ở vị trí nhân (người), hào ngũ hào thượng ở vị trí thiên (trời). Hào ngũ ở vị trí quân (quân chủ), các hào khác ở vị trí bề tôi. Hào sơ là nguyên sĩ, hào nhị là đại phu, hào tam là đại công, hào tứ là chư hầu, hào ngũ là thiên tử, hào thượng là tông miếu. Sơ cửu, cửu ngũ là thánh nhân. Sơ lục, lục tứ thượng lục là tiểu nhân. Cửu tam là quân tử, cửu nhị là bình dân, cửu tứ là ác nhân (kẻ ác).

Cổ nhân cho rằng hào sơ ở giai đoạn sự vật phát sinh, rất khó biết công dụng và biến hoá. Hào thượng biết rõ nhất sự vật đã phát triển cao nhất, tất nhiên sẽ biến hoá. Do hào thứ năm ở vị trí quân chủ, do đó hào thượng là hào xấu, vì hào này ngồi trên đầu quân.

Hào thứ tư liền kề hào thứ năm, bề tôi (thần) bức vua (quân) cũng không tốt. Hào một, hào hai, hào ba là những hào tốt, trong đó hào hai ở chính giữa, nên tốt nhất. Đây là một mô thức để xem xét và giải thích tốt xấu của sự vật.

Giữa hào với hào, còn có quan hệ: "Thừa -" (承) thừa", "乘 ứng" , "tỉ", "cứ", "thời trung".

"Thừa" 承 Khi hào dương ở trên, hào âm ở dưới, thì hào âm là "thừa" 承 của hào dương ở trên, như quẻ Tỉnh ䷯, hào sơ lục thừa 承 hào cửu nhị, hào mục tứ thừa 承 hào cửu ngũ.

"Thừa" 乘 . Khi hào dương ở dưới, hào âm ở trên thì quan hệ giữa hai hào là quan hệ "thừa" 乘. Như quẻ Thái ䷊ lục tứ thừa cửu tam. Quẻ Tỉ ䷇, thượng lục thừa cửu ngũ. Khi hào âm ở trên, hào âm ở dưới thì gọi là thừa cương, đó là nghịch, ngược lại là thuận.

Tỉ: Chỉ quan hệ tương lân giữa hào và hào. Hào sơ và hào nhị, hào nhị và hào tam, hào tam và hào tứ, hào tứ và hào ngũ, hào ngũ và hào thượng đều có quan hệ tỉ, như quẻ Quán ䷓ , hào lục tứ tỉ hào cửu ngũ.

Ứng: Chỉ trong một quái, hào một và hào bốn, hào hai và hào năm, hào ba và hào thượng có quan hệ hô ứng. Như quẻ Bĩ ䷋, sơ lục ứng cửu tứ, lục nhị ứng cửu ngũ, lục tam ứng thượng cửu.

Cứ: Chỉ hào dương ở trên hào âm. Như quẻ Khốn, hào sơ là âm, hào nhị là dương gọi là "nhị cứ sơ".

Khi giải thích phép bói, có một nguyên tắc gọi là "thời trung". Hào nhị ngũ nằm ở trung vị (vị trí ở giữa) thượng hạ quái là vị trí mà sự vật ở trạng thái tốt nhất, nên gọi là "trung" hoặc "trung chính". Vì sự xấu tốt của sáu hào là tuỳ thuộc vào vị trí mà thay đổi, do đó, người ta gọi tuỳ thời mà hành động là mĩ đức. Thời trung tức là cái đạo căn cứ vào thời mà hành động.

2. QUÁI:

Mỗi quái trong bát quái đều do ba hàng vạch của hào mà thành, gọi là đơn quái. Hai đơn quái chồng lên nhau gọi là trùng quái (tức biệt quái). Sáu mươi tư quái đều là trùng quái, do thượng quái và hạ quái cộng sáu hào mà thành.

Hạ quái của trùng quái gọi là ngoại quái hối quái. Như quẻ Thái ䷊ nội Càn ngoại Khôn. "Thoán" viết: "Nội dương mà ngoại âm, nội kiện (mạnh mẽ), mà ngoại thuận (nhu thuận), nội quân tử mà ngoại tiểu nhân", Quái trinh chủ tĩnh, Quái hối chủ động.

Trong số 64 quái, trừ các quái Càn, Khôn, Di, Đại Quá, Khảm, Li, Trung Phu, Tiểu Quá (8 quái), các quái khác đều có thể đảo ngược để thành một quái khác. Như quái Truân ䷂ đảo ngược thành quái Mông ䷃ quái Nhu ䷄ đảo ngược thành quái Tụng ䷅. Chuyện như vậy gọi là phục quái, còn gọi là tổng quái, phản quái, hoặc gọi là đối nghịch tượng, đảo tượng. "Chu Dịch" thông hành bản chủ yếu là dùng phương thức phục quái để sắp xếp 64 quái.

Trong 64 quái còn có thố quái, như Càn ䷀ có thố quái là Khôn ䷁ . Hán nho gọi tình hình này là bàng thông, tức quái đối

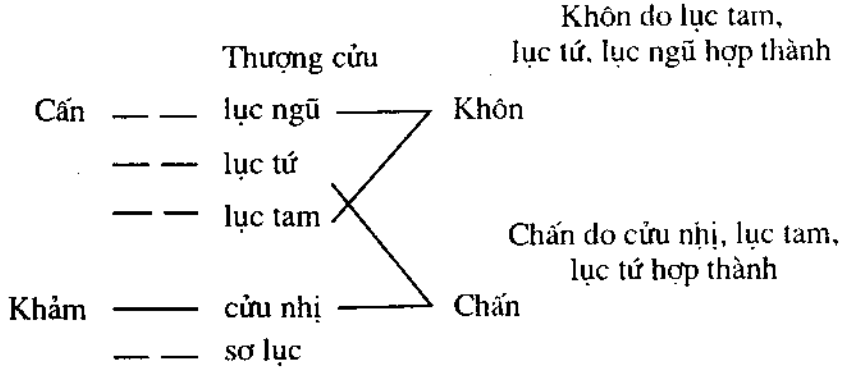
lập nhau. Khảm và Li, Truân và Đỉnh, Mông và Cách, Di và Đại Quá, Trung Phu và Tiểu Quá đều là những đối quái.

Do biến hóa của hào vị mà dẫn đến quái biến. Quái biến nghĩa là đổi vị trí giữa hai hào trong quái, khiến quái đó trở thành quái khác, nhằm dùng quái tượng của quái khác đó giải thích quái hào từ. Như Ích, Chấn dưới Tốn trên, thay đổi vị trí hai hào sơ và tứ, biến thành quái Bĩ ䷋, dưới Khôn trên Càn. Trong quá trình quái biến, quái gốc gọi là bản quái, quái được biến thành gọi là chi quái. Cổ nhân khi bói thường dùng quái biến, như Càn ䷀ biến thành Đồng Nhân ䷌, vậy là lấy cửu nhị trong quái Càn để luận tốt xấu. Nếu Càn ䷀ chi Khôn ䷁ thì lấy dụng cửu của quái Càn để luận tốt xấu.

Quái biến là phát sinh biến hóa từ nội bộ quái. Ngoài ra còn có biến quái. Quái biến và biến quái khác nhau. Như bói được quái Quán, lại bói được quái Bĩ, sự biến hóa này không phải chỉ biến đổi một hào mà có. Biến quái là qua hai lần bói mà có. Quái bói được gọi là bản quái hoặc chính quái quái được biến thành gọi là biến quái hoặc chi quái.

Ngoài ra, còn có quái hỗ thể, "hỗ thể" là trong sáu hào của quái, lấy hai hào của quái dưới cộng với một hào của quái trên (tức từ hào nhị đến hào tứ), lại lấy hai hào của quái trên cộng với một hào của quái dưới (tức hào tam đến hào ngũ), các hào lấy được này cấu thành tượng bát quái mới rồi hai nhóm này tổ chức thành một trùng quái mới gồm sáu hào. Như quái Mông ䷃, quái này gồm nội quái Khảm, ngoại quái Cấn, người bói có thể lấy quái Mông từ hào nhị đến hào tứ hợp thành Chấn, lấy từ hào tam đến hào ngũ hợp

thành Khôn. Như vậy quái Mông sinh tứ tượng (Khảm, Chấn, Khôn, Cấn), xin xem dưới đây:



Sở dĩ sinh ra hỗ thể là vì quái từ của nội ngoại quái khi không giải thích được sự vật, thì phải tìm lời giải thích ở hỗ tượng. Như hào từ lục nhị của quái Truân ䷂ viết: Nữ tử trinh, bất tự thập niên nãi tự. (Người con gái giữ chữ trinh không lấy chồng, sau mười năm mới lấy). Căn cứ vào quái tượng, nội quái của quái Truân là Chấn, Chấn là trưởng nam; ngoại quái của quái Truân là Khảm, Khảm là trung nam, đều là tượng nam. Tượng nam thì làm sao giải thích được việc hôn nhân của nữ? Vậy là dùng hỗ thể, lấy hào nhị, tam, tứ của quái Truân là Khôn, Khôn là phụ nữ, do đó lục nhị gọi là nữ.

Sáu vạch hào có thể sinh hỗ thể, ngoài ra bốn vạch hào và năm vạch hào cũng có thể sinh hỗ thể. Như quái Đại Súc ䷙ từ hào sơ đến hào ngũ là ䷡, năm hào này có thể giải thích là nội quái Càn, ngoại quái Chấn, Chấn trên Càn dưới hỗ thể là quái Đại

Tráng ䷡. Đây là phép liên hỗ năm vạch hào. Đối với phép liên hỗ bốn vạch cũng vậy, quái Đại Súc từ hào sơ đến hào tứ, ba hào từ dưới lên là Càn, ba hào từ trên xuống là Đoài. Đoài trên Càn dưới là quái Quải.

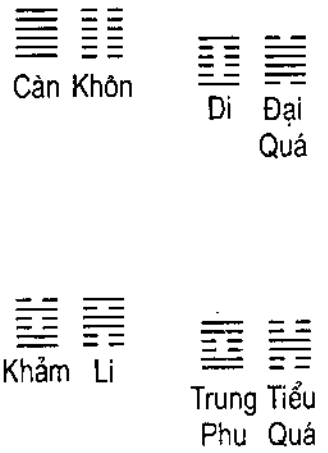
Trong bát quái còn phân biệt quái dương và quái âm. Chấn ☳, Khảm ☵ , Cấn ☶ là quái dương; Tốn ☴, Li ☲, Đoài ☱ là quái âm. Có hai căn cứ để phân biệt, quái âm và quái dương: Một là, trong "Hệ từ" có nói: "Quái dương nhiều âm, quái âm nhiều dương". Trong quái dương, âm hào nhiều hơn. Trong quái âm, dương hào nhiều hơn. Hai là, quái dương thì phải năm nét vạch mới thành, 5 là số lẻ do đó thuộc dương. Quái âm đều do 4 nét vạch mà thành 4 là số chẵn, do đó thuộc âm. Còn 56 quái kia hễ hào lẻ là chủ thì là quái dương, hào chẵn là chủ thì là quái âm. Nếu trong một quái có 5 dương 1 âm, thì âm là chủ, 5 âm 1 dương thì dương là chủ.

Còn có giao quái, tức nội quái và ngoại quái của trùng quái đổi chỗ cho nhau. Như quái Lí ䷝, nội Đoài ngoại Càn, trên dưới đổi chỗ cho nhau biến thành nội Càn ngoại Đoài tức quái Quải

Hình 12



Hình 11



Hồ thể của quái Càn:

Càn, Đồng Nhân, Đại Hữu, Đại Quá, Hàm, Hằng, Độn, Đại Tráng, Quải, Cấu, Cách, Đỉnh.

Hồ thể của quái Khôn:

Khôn, Truân, Mông, Sư, Tỉ, Lâm, Quán, Bác, Phục, Di, Tổn, Ích.

Hồ thể của quái Chấn:

Mông, Sư, Thái, Khiêm, Cổ, Lâm, Bí, Đại Súc, Khảm, Minh Di, Tổn, Thăng, Cấn, Hoán, Tiết, Trung Phu.

Hồ thể của quái Tốn:

Tụng, Lý, Bĩ, Đồng Nhân, Tuỳ, Vô vọng, Li, Hàm, Độn, Tuỵ, Khốn, Cách, Phong, Lữ, Đoài, Tiểu Quá.

Hồ thể của quái Khảm:

Khiêm, Dự, Phệ Hạp, Bí, Tấn, Minh Di, Gia Nhân, Khuê, Kiển, Giải, Chấn, Cấn, Tiệm, Qui Muội, Tốn, Kí Tế, Vị Tế.

Hồ thể của quái Cấn:

Truân, Tỉ, Bĩ, Dự, Tuỳ, Quán, Phệ, Hạp, Vô Vọng, Khảm, Tấn, ích, Tuỵ, Chấn, Hoán, Tiết, Trung Phu.

Hồ thể của quái Li:

Nhu, Tụng, Tiểu Súc, Lí, Gia Nhân, Khuê, Kiển, Giải, Khốn, Tiệm, Tỉnh, Qui Muội, Tốn, Đoài, Kí Tế, Vị tế.

Hồ thể của quái Đoài:

Nhu, Tiểu Súc, Thái, Đại Hữu, Cổ, Đại Súc, Li, Hằng, Đại Tráng, Thăng, Tỉnh, Đỉnh, Phong, Lữ, Tốn Tiểu Quá.

12. NHỮNG THUẬT NGỮ KHÓ VỀ HÀO VÀ QUÁI

1. NGUYÊN HANH LỢI TRINH

Nguyên hanh lợi trinh là những thuật ngữ thường gặp trong "Kinh Dịch", có 188 lần dùng những chữ này trong các hào và quái. Nguyên hanh lợi trinh nghĩa là gì? Biết bao tao nhân mặc khách vắt óc suy nghĩ, nêu ra những cách giải thích dưới đây:

"Tử Hạ Dịch truyện" viết: "Nguyên là mở đầu.

Hanh là thông suốt. Lợi là hoà nhập. Trinh là trung chính. Vậy có nghĩa là: Nguyên biểu thị khởi thuỷ của sự vật; Hanh là thông thuận; Lợi là cát tường; Trinh biểu thị trong sạch chính đáng.

Nguyên hanh, nghĩa là mở đầu thông đạt, còn như lợi trinh có người giảng là "bói có thì thấy được". Lợi là thích hợp, "Chu Dịch Bản Nghĩa" viết "Lợi nghĩa là hợp". Trinh là hỏi bằng cách bói, "Thuyết văn giải tự" giải thích: "Trinh nghĩa là hỏi".

Nguyên hanh lợi trinh biểu thị Xuân hạ Thu Đông. Nguyên là mở đầu, là Xuân, là cây; Hanh là phát triển hội tụ mọi điều tốt mà thông suốt, là mùa Hạ, là Lửa; Lợi là hoà như liềm cắt lúa, là Phu là kim loại; Trinh là thu hoạch, là chính, là Đông, là nước.

Nguyên hanh lợi trinh là 4 đức tính. "Văn ngôn" viết: Nguyên là đầu tiên, lớn, trùm mọi điều thiện; Hanh là hanh thông, thuận tiện, tập hợp các điều hay; Lợi là nên, thoả thích, hoà hợp các điều

phải; Trinh là chính, bền chặt, gốc của mọi việc. Người quân tử giữ điều nhân thì hoàn toàn có thể đứng đầu thiên hạ, hội các điều tốt đủ để hợp lễ, lợi vật vừa phải đủ để hợp nghĩa, giữ tính bền chặt đủ để làm gốc mọi việc. Người quân tử thực hành tứ đức đó, do vậy nói: "Càn, nguyên hanh lợi trinh" . Như vậy có nghĩa là nguyên lấy nhân làm gốc, hanh lấy lễ làm tông, lợi lấy nghĩa làm trụ cột, trinh lấy bền chặt làm chất.

Nguyên hanh lợi trinh là quẻ đại hanh lợi. Nguyên là lớn, nguyên cát tức là đại cát, nguyên hanh tức đại hanh, nguyên phu tức đại phu. Hanh có nghĩa là hưởng tế, như hào từ của hào cửu tam trong quái Đại Hữu giảng: "Công dụng hanh vu thiên tử", nghĩa là chư hầu dâng nộp lên thiên tử. Lợi là lợi ích, " vô bất lợi", tức không có gì bất lợi; vô dư lợi", tức chẳng có lợi gì cả, "Lợi trinh" tức chiêm (bói) xem có lợi không. Trinh ở đây có nghĩa là bói, "trinh cát" tức chiêm cát (bói được quẻ tốt); "trinh hung" tức bói được quẻ xấu; "Trinh lận" tức rất khó bói; "Trinh lệ" tức bói được quẻ nguy; "Khả trinh" tức có thể bói.

Nguyên hanh lợi trinh hàm nghĩa cực kỳ sâu rộng, không thể nói hết trong một lời giải. Như đại trinh, tiểu trinh, bất khả trinh, trinh lận, trinh hung, bất lợi quân tử trinh... có thể giải thích là bói, nhưng "trinh" trong nguyên hanh lợi trinh thì phải giải thích là "đúng mực" (chính) nếu không, quái đức của Càn sẽ không đầy đủ.

Bốn chữ Nguyên hanh lợi trinh có thể cổ nhân đều hiểu. Điều khiến ta khó lý giải ý nghĩa của chúng là thời đại đã thay đổi, chắc chắn không phải cổ nhân cố ý mập mờ. Muốn hiểu cho rõ, phải có một quá trình. Khổng tử soạn "Đại truyện" giảng về học "Dịch như thế nào, gộp lại mà giảng là Càn, tách ra mà giảng là Nguyên hanh

Lợi trinh. Nguyên hanh Lợi trinh có thể giải thích là Xuân Hạ Thu Đông, lại có thể giải thích là Nhân Nghĩa Lê Trí, Đông Tây Nam Bắc... không nên cứng nhắc coi chúng chỉ có một nghĩa. Cứng nhắc thì không học nổi "Dịch", "Hệ từ" viết "Kỳ chỉ viễn, kỳ từ văn, kỳ ngôn khúc nhi trúng, kỳ sự tứ nhi ẩn". Nghĩa là thuật ngữ của quái từ và hào từ không chỉ hạn chế ở một sự một vật, lời thì văn vẻ, lời giảng thì không nói thẳng mà nói vòng vo, nhưng rất trúng sự việc. Do vậy, ta không nên tuyệt đối hóa khi giải thích bốn chữ Nguyên Hanh Lợi Trinh.

2. CÁT, LẬN, LỆ, HỐI, CỮU, HUNG

Cao Hanh tại "Chu Dịch cổ kinh kim chú" có phần giải thích riêng những thuật ngữ trên, ý kiến rất độc đáo.

Cát, người xưa hiểu là thiện. Hễ là thiện báo thì cát. Thiện là phúc tường (điều lành). Sơ cát, trung cát, chung cát là cát ở cuối giai đoạn của sự việc. Đại cát đồng nghĩa với nguyên cát.

Lận đồng nghĩa với Lận  trong cổ văn, có nghĩa là khó khăn. Tiểu Lận là khó khăn nhỏ. Chung Lận là khó khăn đến cùng. Lận không được giải thích là trở ngại, ách tắc, cùng khốn Lệ, nghĩa là nguy nan. Có lệ (ngặt nghèo) tức có chuyện hiểm nguy. Có thể dịch Lệ là nghiêm cẩn mà nguy đến đức hạnh trung chính.

Hối, tức hối hận. Hối nhẹ hơn Cữu và Hung. Hối chỉ sự lo âu. Vô hối, không có khốn ách lớn. Hối vong chỉ trước đây có điều ăn năn, nay thì không có gì hối hận.

Cữu, tức tai hoạ, tai ương. Cữu nặng hơn Hối, nhẹ hơn Hung, nhỏ hơn khốn ách, tai hoạ tương đối nhỏ, là lầm lỗi nói chung. Cữu

là sắp trở thành tai hoạ. Hà cữu chi không dẫn đến tai ương. Vô cữu chỉ vô tai.

Hung, chỉ hậu quả xấu và tai họa. Chinh hung chỉ chinh phạt nước người gặp hung. Chung hung, chỉ cuối cùng là xấu. Hữu hung, gặp hoạ. Ngoài ra, trong "Chu Dịch", "du" tức là "sở" (của, thuộc về), "phu" là "tin" (tín nhiệm); "tật" tức là nhanh chóng"; bệnh tật; "thuyết" tức "duyệt" (vui vẻ) tránh khỏi; "tích" tức "cảnh giác". Nắm được những thuật ngữ này sẽ dễ đàng cho việc đọc và nghiên cứu bát quái. Đường đi nghìn dặm bắt đầu từ những bước đi ban đầu, nếu không hiểu thuật ngữ trên, chắc chắn không thể bước qua cửa để vào ngôi nhà bát quái.

13. PHÉP XEM BÓI PHIỀN TOÁI VÀ KHÓ TIN

Giả sử có thể trở lại thời Chu cách đây ba nghìn năm, ta sẽ thường xuyên chứng kiến nghi thức bói cỏ thi nghiêm trang và thần bí: Trong một căn lều yên tĩnh quay mặt về hướng nam, chính giữa kê một bục gỗ dài năm thước, rộng ba thước, thầy bói khăn áo chỉnh tề, tay dâng hương, dập đầu cúi lạy, miệng lẩm nhẩm khấn: "giả như thái phệ hữu thường, ông Mỗ nay có việc Mỗ mà chưa biết dở ra sao. Xin kính cáo điều tồn nghi này lên thần linh, xin cho biết tốt xấu được mất hay dở vui buồn". Vừa khấn vừa rút ra trong ống ra 50 cọng cỏ thi bắt đầu bày quẻ.

Vì sao lại là 50 cọng cỏ thi? Điều này liên quan đến số đại diễn. "Hệ từ" giải thích: "Trời một đất hai trời ba đất bốn, trời năm đất sáu, trời bảy đất tám, trời chín đất mười". Trời tức dương, dương số lẻ, một ba năm bảy chín là lẻ, là dương. Đất tức âm, âm số chẵn,

hai bốn sáu tám mười là chẵn, là âm. Cộng liên tiếp từ I đến IO là 55. 55 là con số đại diện trời đất, là con số thần. Vì rằng khi bói, từ 55 cọng cỏ thì không thể lấy ra các số 6, 7, 8, 9, nên trên thực tế, cổ nhân chỉ dùng 50 cọng cỏ thi để bói.

Hãy xem, ông thầy bói lấy một cọng cỏ thi đặt sang một bên.

Vì sao lại làm như vậy? Có người bảo, cọng cỏ thi này tượng trưng cho Thái cực, Thái sơ. Có người bảo, cọng cỏ thi này là để làm cữ phân biệt trên dưới phải trái. Thực ra, bỏ ra một cọng cỏ tức là chỉ còn 49 cọng. Chỉ con số 49 mới lấy ra được những con số 6, 7, 8, 9.

Thầy bói chia một cách tuỳ tiện bó cỏ 49 cọng ra làm hai nhóm. để mỗi nhóm sang một bên (trái va phải). Nghe nói, chia như vậy là chia hai để tượng hái, tức lưỡng nghi, nghĩa là Thái cực sinh lưỡng nghi. Đó là doanh (diển) thứ nhất.

Thầy bói lấy một cọng cỏ từ đống bên phải kẹp giữa ngón út và ngón đeo nhẫn bàn tay trái. Đây là doanh thứ hai. Lấy ra một cọng là tách một để tượng ba", tức ba bộ phận, tượng cho tam tài: trời, đất, người. Hai nhóm cỏ hai bên tượng trời, đất. Cọng cỏ này tượng người.

Đối với mỗi nhóm, thầy bói lần lượt trừ đi mỗi lần bốn cọng, nghĩa là bỏ ra mỗi lần bốn cọng cỏ. Đây là doanh thứ ba. Qua thực tiễn lâu dài, người bói thừa biết rằng, 48 cọng cỏ chia làm bốn nhóm, cứ bỏ ra mỗi nhóm bốn cọng, thì kết quả tất yếu sẽ như sau: Nếu nhóm bên trái thừa ra một cọng, thì nhóm bên phải sẽ thừa ra ba cọng; Nếu nhóm bên trái thừa ra hai cọng, thì nhóm bên phải cũng thừa ra hai cọng; Nếu cả hai nhóm không thừa ra cọng nào, thì

coi không có cọng nào là bốn cọng. Ba kết quả trên không tách rời hai tình huống 4 và 8. Đây gọi là: "điệp chi dĩ tứ dĩ tượng tứ thời" (lấy đơn vị là 4 để đếm, tượng cho bốn mùa). Điệp nghĩa là đếm. Tứ thời, tức tứ quí: Xuân, Hạ, Thu, Đông, Tượng, tức lưỡng nghi sinh tứ tượng.

Thầy bói gom số cọng cỏ thừa lại, kẹp vào giữa ngón giữa và ngón vô danh, tượng trưng nhuận. Đây là doanh thứ tư.

"Chu Dịch" viết: "Tứ đoanh nhi thành dịch"(bốn doanh thì thành dịch) tức là chỉ bốn bước nói ở trên: chia đôi, tách ra một, tượng cho bốn mùa, qui kỳ (kẹp vào ngón tay, tượng nhuận), đây là một dịch.

Lúc này, công việc của thầy bói chưa xong. Ông ta mới làm được 1/18 phần việc, vì theo qui định, một dịch là một biến, ba biến mới xác định được một hào. Mỗi quẻ có sáu hào. Mười tám biến mới được một quẻ.

Thầy bói tiến hành dịch thứ hai. ở lần dịch một, số dư của cỏ thi không là 4 thì là 8. Lấy 48 trừ cho số dư này thì được 40 hoặc 44. Lấy 40 hoặc 44 cọng để tiến hành dịch thứ hai. Lần này cũng phải trải qua bốn doanh như lần thứ nhất.

Dịch thứ hai được ba kết quả: 40 cọng, 36 cọng, 32 cọng.

Thầy bói lại lấy số cỏ còn lại của dịch thứ hai để tiến hành dịch thứ ba, có bốn kết quả:

1- Cộng 36 cọng. Con số này là do 48 cọng trừ đi ba lần 4 ở dịch thứ ba. Lấy 36 chia cho 4, được 9. 9 là số lẻ, là hào dương.

2 - 32 cọng. 48 trừ hai con 4, một con 8. 32 chia cho 4 được 8. 8 là số chẵn, là hào âm.

3 - 28 cọng. 48 trừ đi hai con 8, một con 4. 28 chia cho 4 được 7.7 là hào dương.

4 - 24 cọng. 48 trừ đi ba con 8. 24 chia cho 4 được 6, là hào âm.

Trên đây, 9 là lão dương, 8 là thiếu âm, 7 là thiếu dương, 6 là lão âm. Thầy bói ghi các số cửu (9), bát (tám) thất (bảy), lục (sáu) bên cạnh các vạch hào để làm ký hiệu.

Ba lần dịch chỉ được một vạch hào, tiến hành tất cả sáu lần ba dịch thì được một phúc quái, cũng gọi là bản quái. Người bói có thể căn cứ vào quái hình, quái đức, quái tượng, quái từ của bản quái mà đoán định cát hung.

Sự việc vẫn không dừng ở đây. Mỗi quái có sáu hào, quái Càn và quái Khôn còn có thêm Dụng cửu (ở Càn) và Dụng Lục (ở Khôn). 64 quái có 384 hào, người bói chỉ có thể căn cứ vào hào từ mà đoán thì mới chuẩn xác. Vậy là, người bói lại xem các ký hiệu bên cạnh sáu vạch hào của phúc quái, cộng các số cửu, bát, thất, lục với nhau, giả sử đều là lục, thì doanh số của sáu vạch hào là 36. Giả sử đều là cửu, thì doanh số là 54. Nếu như sáu vạch hào có các số cửu, bát, thất, lục to nhỏ không đều, thì chắc chắn doanh số trong khoảng từ 36 đến 54. Biết doanh số rồi thì dùng thiên địa số (55) trừ đi doanh số, lấy số dư để suy ra hoà biến. Phương pháp suy như sau: lấy số dư từ hào sơ tính ngược lên rồi đếm xuôi từ trên xuống kiểu tuần hoàn vãng phản.

Nếu số dư là 1 thì biến hào là hào sơ. Nếu số dư là 6, thì biến hào là hào thượng. Nếu số dư là 7, thì biến hào cũng là hào thượng. Nếu số dư là 13, biến hào là hào sơ. Nếu số dư là 19, biến hào là hào thượng. Cứ vậy mà suy ra, số dư nhất định trong khoảng từ 1đến 19.

Khi bói, người có lúc dùng quái từ, có lúc dùng hào từ, vậy căn cứ vào đâu? Thì ra cổ nhân dùng cửu, lục trong tứ doanh làm hào khả biến; dùng thất, bát làm hào bất biến. Khi bói, biến hào là cửu thì ứng biến thành lục, là lục thì ứng biến thành cửu để cầu được quẻ. Căn cứ hào biến để xác định dùng quái từ hay dùng hào từ để bói (xem quẻ). Khi sáu hào của quái đều là thất (7), bát (8) như:

quái Thăng 

Bát
bát
bát
Thất
thất
Bát

Hào lục không biến, thì lấy quái từ của quái Thăng để xem quẻ

Khi phệ (bói cỏ thi) đươc quái Tỉnh 

bát
cửu
bát
thất
thất
bát

doanh số của nó là 47, lấy 55 trừ đi 47 còn 8; dùng 8 đếm hào từ dưới lên, từ trên xuống, có thể xác định hào ngũ là hào biến, hào ngộ là cửu, cửu ứng biến là lục, được quái Thăng, vậy gọi là "Thăng ngộ Tỉnh", lấy hào từ của hào cửu nghĩ của quái Tỉnh để xem quẻ.

Khi phệ được quái Khuê 

cửu
bát
thất
bát
thất
thất

Theo phương pháp trên, có thể biết hào tứ là hào biến, mà hào tứ là thất, thất là hào bất biến, thì dùng quái từ của quái Khuê để xem quẻ.

Khi phệ được quái Cấu 

thất
cửu
thất
thất
thất
lục

Theo phương pháp trên, có thể biết hào sơ là hào biến, hào sơ là lục, lục ứng biến là cửu, được quái Càn, đây gọi là "Càn ngộ Cấu", đùng hào từ sơ lục của quái Cấu để xem quẻ.

Khi phệ được quái Khốn



bát
cửu
thất
bát
cửu
bát

Theo phương pháp trên, có thể biết hào thượng là hào phải biến, nhưng hào thượng lại là bất, bất biến, gọi là "bát ngộ Khốn", thì dùng quái từ của quái Khốn để xem quẻ. Trong biểu này, hào khả biến ít hơn hạc bất biến, đều dùng quái từ của bản quái để xem quẻ.

Khi sáu hào đều là cửu, lục như quái Chấn



lục
lục
cửu
lục
lục
cửu

Thì lấy cửu lục hỗ biến, được quái Tốn



cửu
cửu
lục
cửu
cửu
lục

thì lấy quái tử của quái Tốn để xem quẻ.

Khi "Khôn ngộ Cần" thì lấy hào từ Dụng cửa quái Cần để xem quẻ.

"Cần ngộ Khôn" thì dùng hào từ Dụng lục của Khôn để xem quẻ.

Cách bói như trên quả thật phức tạp. Chu Hi đời Tống trong "Dịch học khởi mông" qui định bảy điều:

1 - Sáu hào đều không biến, xem quẻ ở quái từ bản quái.

2- Một hào biến, lấy từ của hào biến của bản quái mà xem quẻ.

3- Hai hào biến, lấy hào từ của hai hào biến của bản quái mà xem quẻ.

4- Ba hào biến, xem quẻ ở quái từ của bản quái và chi quái, mà lấy bản quái làm chính.

5 - Bốn hào biến, lấy hào từ của hai hào bất biến trong chi quái, lấy hào dưới làm chính, để xem quẻ.

6 - Năm hào biến, lấy hào từ của hào bất biến trong chi quái mà xem quẻ.

7- Sáu hào biến, lấy từ của Dụng cửu, Dụng lục của quái Cần, Khôn mà xem quẻ, tham khảo thêm quái từ của chi quái của quái này. Bảy điều trên đây khái quát nguyên tắc cơ bản về chiêm phệ. Đời này, Cao Hanh khảo cứu rất kỹ trong:"Chu Dịch" cổ kinh kim chú", nên tham khảo.

Vì sao có phương pháp chiêm phệ này?

Vì rằng người xưa sống trong tình trạng văn hóa thấp, rất ít hiểu biết về sự phát triển, biến hóa của tự nhiên và xã hội loài người. Họ có ý đồ giải thích thế giới thần bí, mong nối được mối quan hệ giữa trời và người. Thế là dùng vật liệu tại chỗ, dùng mọi phương thức để tìm ra lời giải. Những người sống gần sông nước thì dùng mai rùa, căn cứ vào vết rạn nứt mà bói số phận. Những nơi không có mai rùa, người ta dùng cỏ thi, tre trúc que gậy để chiêm phệ. Cỏ thi thì nơi nào cũng có, do đó, dùng cỏ thi để bói là phương thức phổ biến.

Người xưa chiêm phệ, trước tiên bốc lấy một nắm cỏ, qua số chẵn, số lẻ hễ số lẻ là hào dương, số chẵn thì được một hào âm, lấy triệu tượng đó để xác định cát hung. Về sau, người xưa cho rằng phương thức xem quẻ như trên quá đơn giản, nên bốc hai lần cỏ, đếm hai lần theo phương thức lẻ chẵn, lấy một trong bốn triệu tượng ⚌ ⚍ ⚎ ⚏ để xác định cát hung. Rồi sau nữa, phương thức càng trở nên phức tạp, trước tiên bốc ba lần cỏ, đếm ba lần theo phương thức lẻ chẵn, lấy một trong tám triệu tượng ☰ ☱ ☲ ☳ ☴ ☵ ☶ ☷ mà xác định cát hung. Do những chuyện cần xem bói thì phức tạp và nhiều, vì muốn chiêm phệ càng có tính chất thần bí, người bói áp đụng phương thức bốc sáu lần cỏ, đếm sáu lần theo phương thức lẻ chẵn, như vậy, có thể lấy một trong 64 triệu tượng để giải thích số phận. Từ sau thời chiến quốc, các học giả gán ghép chiêm phệ với triết học thần bí, nào là

"tách một tượng ba", "lấy bốn tượng bốn mùa", phép chiêm phệ chất phác liền mang đậm màu sắc chính trị.

Phép chiêm phệ tương đối thịnh hành ở miền Tây Nam nước ta. Ngày xưa, Khuất Nguyên người nước Sở viết trong "Li tao": "Ta kiếm về linh thảo và đốt tre, thỉnh thiên khí vì ta xe một quẻ". Trước ngày giải phóng, tộc Lê ở Lương Sơn, Tứ Xuyên thường dùng một nắm cỏ thi để bói, lấy chẵn và lẻ để đoán định cát hung. Nếu được chẵn chẵn chẵn thì chứng tỏ không phân thắng bại. Nếu lẻ lẻ lẻ thì biểu thị đại thắng hoặc đại bại; Chẵn lẻ lẻ, là không đánh thắng; lẻ chẵn chẵn, đánh thì chác chắn là thua; chẵn lẻ chẵn, đánh thì không bất lợi lớn, lẻ chẵn lẻ, đánh thì chắc thắng, lẻ lẻ chẵn, đánh hay không đánh đều không ảnh hưởng gì. Phương thức chiêm phệ này, nếu dùng __ _ _ biểu thị hào, thì giống với bát quái.

Nghe nói, hiện nay trong dân gian vẫn còn dùng cách bói cỏ để đoán xem đẻ con trai hay con gái, chọi cỏ để xem có bị tù tội không, bứt lá để bói yêu hay không yêu, có lẽ đây là tục bói cỏ thi thời cổ còn rơi rớt lại chăng?

14. QUẢN LỘ NÓI ĐÂU TRÚNG ĐẤY

Thời Tam quốc, ở vùng nam Sơn Đông ngày nay có một thầy bói tên là Quản Lộ tinh thông bát quái, đã nói là trúng, thiên hạ ai cũng phục.

Quản Lộ khi mới tám chín tuổi đã thích ngắm trăng sao suốt đêm không chịu đi ngủ. Ông thường nói: "Chim chóc gà qué còn biết thời tiết huống chi con người!" Khi chơi cùng đám trẻ con hàng xóm, Lộ chỉ vẽ các hình thiên văn trên mặt đất. Lúc đầu,

Quách Ân là thầy của ông, dạy ông học "Chu Dịch". Chỉ được mấy chục ngày, thầy đã không sao giải đáp được những thắc mắc của ông. Chưa đầy một năm, Quách Ân lại tôn ông làm thầy để học thiên văn. Năm ông mười lăm tuổi, Lang nha Thái Thú định thử tài ông, tập hợp hơn một trăm nho sinh trao đổi về học thuật, nêu rất nhiều vấn đề hóc búa, ông đối đáp như nước chảy, được coi là thần đồng đương thời.

Khi trưởng thành, Quản Lộ dung mạo xấu xí, không có phong độ uy nghi, thích uống rượu, rất vui khi được xem bói cho người khác. Vợ một quan nhân bị chứng đau đầu, đến nhờ Lộ bói. Lộ bảo: "ở đầu phía tây gian bắc của nhà quan nhân có hai người đàn ông chôn sâu dưới đất, một người cầm dáo, một người cầm cung. Người cầm dáo đâm vào đầu, người cầm cung bắn vào tim. Nếu di chuyển hài cốt đi nơi khác, thì bệnh của phu nhân sẽ khỏi". Vị quan nhân cho đào lên, quả đúng như lời Quản Lộ. Chuyển hài cốt ra ngoài thành, người vợ liền khỏi bệnh.

Một người tên là Vương Kinh làm quan bị cách chức về vườn, nhờ Quản Lộ bói cho một quẻ. Lộ bói được quẻ cát, có điềm lại được bổ dụng. Kinh mừng lắm. ít lâu sau, Kinh được bổ nhiệm làm Thái Thú Giang Hạ.

Quản Lộ còn biết xem thời tiết. Một bận, quận Thanh Hà gặp hạn lớn, Nghê Thái Thú đề nghị Lộ bói xem khi nào thì mưa, đánh cá bằng hai trăm cân thịt trâu. Quản Lộ nói: "Đêm nay sẽ mưa". Hôm ấy trời nóng nực, những người có mặt không ai tin. Đến nửa đêm, trăng sao biến đi hết, gió nổi lên rồi một trận mưa như trút nước. Thế là Nghê Thái Thú vội vàng bày tiệc khoản đãi Quản Lộ. Lộ dùng bát quái để giải thích, nói: "Ban ngày tôi đã thấy có gió

thoảng ở ngọn cây, chim chóc đã hót nhẹ trong tán lá, có gió nhẹ dạng Thiếu nam nổi lên, chim bắt đầu bay lượn, nên đoán rằng chắc chắn trời mưa".

Quản Lộ đặc biệt giỏi "xạ phúc, (giải câu đố). Quán Đào lệnh Gia Cát Nguyên chiêu đãi tân khách, để trứng chim én, tổ ong, con nhện vào trong một cái bình kín, rồi bảo Quản Lộ đoán. Quản Lộ gieo quẻ rồi nói: "Vật thứ nhất, ngậm khí để biến hoá, sống nhờ ở mái nhà, có hình là đực cái, có cánh dang ra. Đây là trứng chim én. Vật thứ hai, nhà cửa treo ngược, cửa đảng rất nhiều, luyện tinh làm nọc độc, gặp mùa thu thì hoá, đây là tổ ong. Vật thứ ba, chân dài run rẩy, nhả tơ thành lưới, biếng ăn ở đấy, kiếm lợi về đêm. Đây là con nhện". Những người chứng kiến đều kinh ngạc khen không tiếc lời.

Quản Lộ còn có thể xem bói về sinh tử. Thái Thú Nguỵ quận là Chung Dục bảo Quản Lộ bói ngày sinh của ông ta. Quản Lộ bày quẻ, rồi nói đúng ngày tháng năm sinh của quan Thái thú. Quản Lộ nói: "Vạn sự đều có trong số âm dương, huống hồ con người. Tôi còn biết khi nào thì ngài mất cơ? Quan Thái Thú sợ quá không dám bảo bói tiếp.

Quản Lộ chỉ sống đến năm 48 tuổi. Khi còn sống ông bói được năm ông chết. Ông nói: "Tôi không có xương trán, mắt không có chấm sáng, mũi không có xương sụn, đây là những đấu hiệu của yểu thọ. Những người tướng mạo như tôi chưa có tới trăm người, tất cả chỉ sống được 48 tuổi. Trời đã định thế, số mạng của tôi đã được định đoạt: chết vào năm 48 tuổi".

15. CÁT HUNG LÀ LẼ THƯỜNG, CÁT NHIỀU HUNG ÍT

Người ta khi xem quẻ, ai cũng mong được quẻ cát. Quẻ như thế nào thì cát?

Quan trọng nhất là quái hình có trạng thái âm dương xen kẽ. Cùng tính chất thì không hợp với nhau, khác tính chất thì cảm thống lẫn nhau. Dương gặp âm thì thông thuận, gặp dương thì trở ngại. Âm gặp dương thì thông thuận, gặp âm thì trở ngại. Như quẻ Ích, ䷩ sấm dưới gió trên, trên sấm có gió, sấm gió cùng nổi lên, sấm rền, gió giật. Sấm thuộc khí dương, gió thuộc khí âm, quẻ cát.

Hình thái âm dương xen kẽ này- còn gọi là giao cảm. Hễ quái trên và quái dưới có tính chất giao cảm thì cát, trái lại thì xấu. Như quẻ Thái ䷊ trời dưới đất trên, trời ở dưới đất, tình huống này là không bình thường. Trời thuộc dương, đất thuộc âm. Dương khí bay lên, âm khí sa xuống, trời đất tất nhiên giao cảm, giao cảm thì cát, "Thái quái. Thoán truyện" viết: "Trời đất giao hoà mà vạn vật thông suốt, trên dưới giao hoà mà ý chí hoà đồng". Loại quẻ như quẻ Thái có nhiều, như quẻ Cách, ䷰ lửa ở dưới đầm ở trên; quẻ Phong ䷶ lửa ở dưới sấm ở trên; quẻ Đại Súc ䷙ , trời ở dưới núi ở trên; quẻ Hàm ䷞, núi ở dưới đầm ở trên. "Hàm quái Thoán truyện" viết: "Trời đất giao cảm mà vạn vật hóa sinh, thánh nhân giao cảm với nhân tâm mà thiên hạ thái bình, quan sát sự cảm hoá, mà thấy được cái tình trong thiên hạ".

Trái lại, những quẻ mà không dẫn đến sự giao cảm thì là quẻ hung. Như quẻ Vị Tế ䷿, nước dưới lửa trên, nước chảy từ trên xuống, lửa bốc từ dưới lên, chẳng ảnh hưởng lẫn nhau, không tương giao, không giao cảm có nghĩa là sự vật cứng nhắc, đình trệ, tĩnh lặng, nghĩa là không phù hợp với quy luật phát triển biến hóa của sự vật, do đó là quẻ hung. Loại quẻ như vậy cũng rất nhiều, như quẻ Bĩ ䷋, đất ở dưới trời ở trên; quẻ Khuê ䷥, đầm ở dưới lửa ở trên; quẻ Phệ Hạp ䷔, sấm ở dưới lửa ở trên; quẻ Độn, ䷠ núi ở dưới trời ở trên.

Ngoài ra, phán đoán cát hung còn phải xem hào vị (vị trí của hào). Trong 384 hào, nói chung hào thượng đều không tốt. "Chu Dịch" cho rằng vật cực tất phản, có tiến phải có lui, có được phải có mất. Như hào thượng cửu của quái Càn có hào từ là "kháng long hữu hối" (Rồng lên cao quá, có hối hận). Vì sao ở vị trí cao quá thì sẽ hối hận? Vì rằng rồng đã ở vị trí tột đỉnh, một mình ngất ngưởng trên cao, tứ phía mênh mang, không thể tiến lên được nữa, rồng sẽ bị tiêu trầm, sẽ phải hối tiếc. Trường hợp này gọi là lạc cực sinh bi (vui quá hóa buồn).

Từ hào từ của một số hào thượng, cũng có thể phát hiện không ít điểm hung. Như thượng lục của quái Tỉ: "Tỉ chi vô thủ, hung" (quái Tỷ không có đầu, hung); Thượng cửu quái Phệ Hạp: "Hà hiệu diệt nhĩ, hung" (đeo gông che mất cả tai, đại hung). Hào thượng cửu của quái Trung Phu: "Hàn âm đăng vu thiên, trinh hung" (tiếng kêu lên đến trời, có hung).

Sự rối loạn của hào vị, qua quái hình có thể thấy cát hung. Hào dương lẽ ra phải ở dương vị, hào âm phải ở âm vị, không như

thế, là hung. Ví như hào thượng cửu ở quái Trung Phu, dương ở vị trí âm, vậy là không đúng vị trí, lại ở vị trí cao nhất của Trung Phu, đương nhiên là điều hung.

Điểm cát và điểm hung chuyển hóa theo những điều kiện nhất định. Lấy quẻ Sư ䷆ làm ví dụ, quái từ của nó là: "Sư trinh, trượng nhân cát, vô cữu" (quân đội mà có chính nghĩa, có người chỉ huy lão thành thì tốt, không lỗi). Điều động quân lính ra trận, dưới Khảm trên Khôn, Khảm thì hiểm, Khôn thì nhiều, làm công việc mạo hiểm mà có nhiều người thuận theo, ra quân hợp với chính nghĩa, vậy đây là quẻ cát. Nhưng dù quẻ cát cũng không được khinh suất. Hào từ của hào sơ viết: "Sư xuất dĩ luật, bĩ tàng hung" (nếu quân lữ xuất sư mà lộn xộn, thì có hung). Hào từ lục tam viết: "Sư hoặc dư thi, hung" (chủ soái không sáng suốt, thì phải dùng đại xa mà chở xác lính đưa về, hung). Đây là nói trong quẻ cát có ẩn tàng hung hiểm, tất cả phải biến hóa theo biến hóa của sự việc. Ra quân dù chính nghĩa, nhưng nếu không có kỷ luật, nếu tướng lĩnh không sáng suốt, thì sẽ gây tai hoạ.

Trong một số quẻ, cát hung biến hóa theo thời gian, như quái từ của quẻ Vị Tế viết: "Sơ cát, chung loạn" (ban đầu cát lợi, kết thúc hoạ loạn). Hào từ Cửu ngũ của quẻ Tốn viết: "Vô sơ, hữu chung" (Khởi đầu không tốt, kết thúc lại tốt). Ngoài ra, lại có: "Tiên mê hậu đắc chủ (Lúc đầu bị lạc, sau tìm được chủ) "Vô thành, hữu chung" (lúc đầu không thành, kết thúc thì được), "Chung hữu đại bại" (Chung cuộc thua to). Các phệ từ nói trên đều nhấn mạnh sự việc ban đầu và kết thúc không giống nhau.

Được hay không được quẻ cát có liên quan đến nhân cách của người xem quẻ. "Tả truyện. Minh công thập nhị niên" chép tướng Nam Khoái nước Lỗ đảo chính Quý Bình tử, bói được quẻ đại cát. Nhưng Tử Phục Huệ Bá không tin, cho rằng "Dịch bất khả dĩ chiêm hiểm" (Không thể bói dịch trong những chuyện nham hiểm), "Chung tín chi sự tắc khả, bất nhiên tất bại" (Việc chung tín thì được, nếu không, tất bại), tức là chỉ những người lương thiện, có phẩm hạnh bói chuyện trung tín, thì mới linh nghiệm.

Phán đoán cát hung cũng không thể dựa vào phệ chiêm, mà còn phải tìm hiểu ý bề trên, ý kẻ dưới, ý dân, hỏi (bói) mai rùa, đúng như "Thượng thư. Hồng phạm" viết, gặp chuyện nan giải phải bàn cho thông suốt, bàn với các khanh sĩ, bàn với thứ dân, hỏi bốc phệ. Chỉ có nhất trí hoàn toàn thì mới đại cát.

Bói "Chu Dịch" hoàn toàn dựa vào gặp may. Ngày xưa rất nhiều người thích dùng phương pháp bói Dịch để xem cát hung là vì sao? Vì rằng trong các quái từ và hào từ của "Chu Dịch" cát nhiều hơn hung, dễ gặp may. Trịnh Tiều đời Tống nói thẳng trong "Ao luận. Vô cữu hối vong thiên" : "Quan sát Dịch, thấy 64 quẻ không có quẻ nào không thể làm, 684 hào không có hào nào không cát. Hào từ của Dịch, có từ "vô cữu" (Không có lỗi), thì những từ u ám, thận trọng, khắc nghiệt là những từ thuộc phạm trù "Không có lỗi". Lưu Uý Hoa trong "Trung Quốc triết học" tập 6, thống kê chiêm từ trong Chu Dịch thành bảy loại, phát hiện ra rằng, khái suất của các chiêm từ này là một đường cong, giữa cao, hai đầu thấp, tỉ trọng loại cát tường lớn hơn loại không cát tường, cát chiếm 5/7, hung chiếm 2/7, biểu đồ như sau:

Lời đoán	Đại cát Nguyên cát	Có lợi	Cát tường	Không có lỗi, không hối hận	Hối, lận, cứu.	Hung,lệ
Số lần	21	103	125	124	65	56,27
Tỉ suất	4%	19%	24%	24%	12%	11% 6%
Cộng	373 (71%)				148 (29%)	

16. LÃM RÕ CÁI ĐÃ QUA, XEM XÉT CÁI SẮP TỚI, TIÊN ĐOÁN SỰ VIỆC.

"Chu Dịch" là sách dự đoán về tương lai. Tuy đa phần có câu chữ tối nghĩa, tra cứu khó khăn, nhưng trong đó cũng không hiếm những đạo lý bổ ích. Nhà tư tưởng tiến bộ thời cận đại Chương Thái Viêm trong "Dịch Luận" viết: "Truyện" nói rằng, Dịch làm sáng tỏ cái đã qua, xem xét, cái sắp tới, mở ra cho vật trở thành sự vật. 64 quái tuy rằng đã biết, nhưng điều quan trọng là chúng ghi chép sự thay đổi về sự việc của con người, không bao giờ vượt quá sự ràng buộc ấy.

Không quên những chuyện đã qua, do đó, lợi hại thế nào cũng rõ".

Dưới đây xin giới thiệu một số thí dụ cụ thể liên quan đến dự đoán trong sách "Chu Dịch".

1 - DỰ ĐOÁN VỀ XÃ HỘI

"Chu Dịch" đã có những dự đoán về sự phát sinh của xã hội loài người, sự phát sinh của gia đình, sự phát sinh của đất nước, sự phát sinh của chính trị, "Tự quái" viết : "Có trời đất mới có vạn vật,

có vạn vật rồi mới có đàn ông đàn bà, có đàn ông đàn bà rồi mới có chồng vợ, có chồng vợ rồi mới có cha con, có cha con rồi mới có vua tôi, có vua tôi rồi mới có trên dưới, có trên dưới rồi mới có lễ nghĩa trong đó. Khi sắp đặt theo thứ tự trời đất → vạn vật đàn ông đàn bà → chồng vợ cha con → vua tôi → trên dưới → lễ nghĩa, là phù hợp với tình hình phát triển trên thực tế của lịch sử.

Quẻ Cách ䷰ chuyên giảng về biến cách xã hội. Quái hình dưới Li trên Đoài, lửa dưới đầm trên, lửa nước không thể hòa hợp với nhau, mâu thuẫn gay gắt, không cải cách không xong. Hào từ Lục Nhị viết: "Dĩ nhật nãi cách chi, chinh cát, vô cữu" (chuẩn bị sẵn sàng rồi cải cách, tiến lên thì tốt, không có lỗi). Nói vậy có nghĩa là xã hội đã phát triển đến đầu mút thì phải cải cách, một cuộc cải cách xưa nay chưa hề có thì tốt (cát), không có lỗi, đúng như "Thoán từ" viết: trời đất có sự cải cách mà sinh ra bốn mùa. Cuộc cách mạng của Thang Vũ thuận với trời, hợp với lòng người. Cải cách đúng thời, nghĩa lớn vậy thay". Qua đây, có thể thấy quẻ cách đã dự đoán rất hay về cải cách xã hội.

Tư tưởng của quẻ Cách cũng được phản ánh trong "Tả truyện. Chiêu công tam thập nhị niên, Sử Mặc nhận xét về cái chết của Lỗ Chiêu Công, nói: "Xã tắc không phải lúc nào cũng chỉ một người thờ phụng, vị trí giữa quân với thần không phải bao giờ cũng thế... ở Dịch, quẻ Lôi thừa Càn gọi là quẻ Đại Tráng ䷡, đây là đạo của trời". Quái hình của quái Đại Tráng là Càn dưới Chấn trên, sấm ở trên trời ở dưới. Sấm lẽ ra phải ở dưới trời, nay lại xuất hiện phía trên của trời, có nghĩa là địa vị giữa quân là thần có sự thay đổi,

theo nhận xét của Sử Mặc, có sự thay đổi như vậy trong xã hội là hiện tượng bình thường.

2 - DỰ ĐOÁN VIỆC NƯỚC

Bậc quân chủ phải thuận theo qui luật phát triển của sự vật, nếu không, sẽ khó bảo toàn được mình." Bí quái thoán truyện" viết Trời đất xoay vần theo hướng thuận, nên mặt trời mặt trăng không sai lệch, mà bốn mùa không lẫn lộn. Thánh nhân hành động thuận theo lẽ phải, nên giảm nhẹ hình phạt mà dân thuận theo".

Một bận, nước Trịnh cử Du Cát đến nước Sở, vua Sở chê lễ vật quá ít, đuổi ra không cho gặp. Du Cát trở về nước Trịnh, nói với Tử Sản:" Chu Dịch có tình hình như thế này: Được quẻ Phục biến thành quẻ Di, đây là chỉ sự lạc đường, đi lộn lại, không cát lợi. Nay vua Sở định thực hiện ý đồ mà quên mất đường cũ. Điều này gọi là mê muội mà lầm đường thì làm sao cát lợi? Hào từ Cửu tam của quái Tỉnh viết: "Vương minh, tính thu kỳ phúc" (quân chủ hiền minh, thiên hà cùng được hưởng phúc). "Sử ký Khuất Nguyên liệt truyện" mượn câu hào từ này để chỉ ra rằng Sở Hoài vương không biết dùng trung thần, bị kẻ gian nịnh mê hoặc, khiến quân bị đánh tan, chết nơi đất Tần, nên bị người đời chê cười. Đúng là vua mà không sáng suốt thì làm sao hưởng phúc?

Sau khi Tấn Huệ Công chết, Tấn Mục Công đem quân giúp Trùng Nhĩ trở về chấp chính ở Tấn, trước khi xuất phát, Đổng Ân bói cho Trùng Nhĩ một quẻ, được Thái chi bát. Quẻ Thái là quẻ Càn dưới Khôn trên, trời đất phối hợp mà hanh thông, chuyện nhỏ đã qua, chuyện lớn sắp tới, giao cảm mà có đại cát. Trùng Nhĩ rất tin

vào những lời dự đoán của quẻ, trở về Tấn tiến hành cải cách, khiến nước Tấn xưng Bá một thời.

3 - DỰ ĐOÁN VỀ NHÂN SINH

Một người tên là Tất Vạn sắp đi làm quan ở nước Tấn, chưa rõ tiền đồ ra sao, nên bói một quẻ, gặp quái Truân chi quái Tỉ, hào sơ thì từ hào dương biến thành hào âm, thành quái Tỉ. Mưu sĩ Tân liền đoán rằng: "cát lợi"! Quẻ Truân vững chắc, quẻ Tỉ tiến vào, còn có cát lợi nào hơn? Chấn ☳☳ biến thành đất ☷☷, xe đi theo ngựa, anh trên em dưới giúp rập, mẹ che chở, quần chúng thuận theo, đây là tượng công hầu". Về sau, quả nhiên Tốt Vạn được nước Tấn trọng dụng, lập nhiều chiến công, liên tục được phong thưởng.

Trên kia chúng tôi đã giới thiệu Quản Lộ thời Tào Ngụy nắm vững " Chu Dịch", thiên văn địa lý thảy đều tinh thông". Ông suy ngẫm sâu sắc, nói cho các nho sinh về sinh bệnh lão tử, bần phú tang suy của từng người, không mảy may sai sót, khiến ai nấy kinh ngạc, gọi ông là thần. Một bận, Hà Yên hỏi Quản Lộ: "Tôi mơ thấy mười mấy con nhặng xanh đậu trên mũi, đuổi thế nào chúng cũng không đi, xin hỏi cát hay hung"? Quản Lộ căn cứ vào quái tượng của ba quái Cấn, Khiêm, Tráng, trả lời: "Mũi là Cấn, núi này ở giữa trời, cao nhưng không nguy hiểm, nên chỉ sự tôn quí. Nay có nhặng xanh là bọn xấu xa kéo đến. Chỗ mà cao ngất ngưởng thì dễ bị lật, coi nhẹ kẻ mạnh thì bại vong, nên không thể không tính đến chuyện lợi hại, lúc thịnh suy. Vì rằng núi ở trong đất thì gọi là Khiêm, sấm ở trên trời gọi là Tráng, Khiêm thì tổn thất nhiều mà lợi thì ít, Tráng tất phi lễ thì không dấn thân vào. Sắp có chuyện - hại đến mình mà không vẻ vang gì. Mong quân hầu trên thì nhớ lời dạy của Văn

vương ở hào lục, dưới thì suy ngẫm về ý nghĩa của Thoán từ và hào tượng, sau đó mới quyết định về sự nghiệp tam công, thì mới đuổi được bọn nhặng xanh đi". Qua quẻ bói, Quản Lộ thấy Hà Yên sắp chết đến nơi. Sau đó mười mấy hôm, quả nhiên Hà Yên bị giết chết. Nhà tư tưởng kiệt xuất cuối Minh đầu Thanh Vương Phù Chi cũng rất tin chiêm phệ. Năm ông ba mươi tuổi, Tôn Khả Vọng hùng cứ ở Điền Kiềm, có người rủ ông về với Tôn Khả Vọng. Vương Phù Chi còn băn khoăn về nhân phẩm và động cơ chống Thanh của Tôn Khả Vọng, bèn bói một quẻ, cầu thần linh chỉ bảo. Ông bói được quẻ Khuê chi Qui Muội, Thượng cửu của Khuê biến thành Qui Muội. Ông thất vọng vì Thượng cửu là hào dương ở vị trí cô độc mà tột đỉnh, về với Tôn Khả Vọng là không đắc chủ, nên không đi nữa.

17. LẤY LÝ MÀ SUY, TỪ NHỎ BIẾT LỚN

Dùng bát quái để chiêm phệ, khiến bậc trí giả nhìn thấy sự việc từ lúc chưa manh nha, từ cái mầm đã biết rõ hình thù, từ khi còn u ám đã thấy sáng sủa. Vậy phương pháp suy lý ấy như thế nào?

Từ một suy ra một. Hào từ Sơ lục của quẻ Khôn viết: "Lý sương, kiên băng chí", khi dẫm lên sương thu, biết băng dày sắp đến. Đây là từ một tình huống, dự đoán một tình huống mới.

Từ một suy ra ba. Hào từ Cửu tam quẻ Đại Tráng viết: "Đê dương xúc phiên, luy kì giác" (con cừu đực húc hàng rào, sừng bị thương). Hào từ Cửu tứ viết: "Phiên quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc (húc đổ hàng rào mà sừng chưa bị thương, nhưng dê đực sẽ dùng sức húc trục xe, húc phải trục thì sừng sẽ bị thương. Hào từ Thượng lục viết: "Đê dương xúc phiên, bất năng thoái, bất năng

toại", sừng chưa bị thương, hàng rào cũng chưa đổ, nhưng sừng bị kẹt giữa hàng rào, tiến lui đều không được. Ở đây lấy chuyện húc hàng rào để dự đoán ba kết quả.

Từ quá trình hành vi dự đoán kết quả. Hào từ Lục tam của quẻ Khuê: "Kiến dư duệ, Kì ngưu xệ, kì nhân thiên thả nghị", một người kéo xe giật lùi, con bò kéo xe rướn về phía trước, người này đã chống lại cương lực, rất cuộc bị trừng phạt. Hào từ Lục tam của quẻ Khốn viết: "Khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, hung,", bị đá đè giữ chân, lại tóm lấy cây tật lê, kết quả mất cả vợ. Nói vậy có nghĩa là, gặp vận xấu xử lý không thoả đáng, bị thua thiệt.

Từ năng lực của con người mà dự đoán thành bại. Hào lục tam quẻ Lí viết: "Miễu, năng thị, ba, năng lí,. Lí hổ vĩ, điệt nhân, hung", mắt nhìn không rõ mà cứ đi xem, chân thì tập tễnh mà cứ đi nhanh dẫm phải đuôi hổ, bị hổ ăn thịt. Nói vậy có nghĩa là, làm người thì phải lượng sức mình, không nên làm những việc mà mình không làm nổi.

Từ điều kiện khách quan mà phán đoán xu thế phát triển của sự việc. Hào từ Sơ cửu của quẻ Nhu: "Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cữu", dừng ở chỗ đất rộng ở ngoại thành thì dừng được lâu. Hào từ Cửu nhị viết: "Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát", dừng ở bãi cát, đi không đặng, nhưng không lo bị lún. Hào từ Cửu tam viết: "Nhu vu nê, chí khấu chí", dừng ở chỗ bùn lầy, như tự mình vời giặc đến. Ba tình huống trên đây là căn cứ vào sự thay đổi hoàn cảnh của người ta để nói lên những vấn đề họ sẽ gặp.

Từ sự việc đã qua mà dự đoán sự việc tương tự sẽ xảy ra. Hào từ Lục tam của quẻ Tốn viết: "Tam nhân hành tắc tổn nhất nhân, nhất nhân hành tắc đắc kỳ hữu", có nghĩa là ba người giao kết thì ý kiến khó thống nhất, cuối cùng sẽ mất đi một người. Một người đi một mình, cảm thấy lẻ loi, liền tìm một bạn đường. Hào từ Cửu tam quẻ Gia Nhân viết: "Gia Nhân hác hác, hối, lệ, cát. Phụ nhân hi hi, chung cát", nghĩa là chủ nhà nghiêm khắc, biết hối cải, cát. Để cho dâu con ham chơi không chịu làm việc, rốt cuộc hối hận.

Những suy lý này thường lấy hiện tượng tự nhiên viện dẫn làm ví dụ để trình bày. Như quái từ của quẻ Tiểu Súc viết: "Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao" (mây dày mà không mưa ở phía tây của ta), dùng hình ảnh mây đen trước khi trời mưa để tỷ dụ sự thai nghén của sự việc cấp bách trước mắt. Quái từ của quẻ Đại Quá viết: "Khô dương sinh hoa", lấy chuyện cây khô sống lại để tỷ dụ sự đảo ngược hoàn toàn của sự vật đang lụi tàn. Các Hào tư Sơ lục đến Thượng cửu của quẻ Tiệm, lấy quá trình thăng tiến của chim hồng từ cán (mép nước) bàn (tiến đến phiến đá lớn) lục (đến chỗ đất bằng) mộc (bay lên cây) lăng (đậu trên gò cao) a (vút lên mây xanh, để tỷ dụ sự phát triển qua các giai đoạn từ thấp lên cao của sự vật. Nếu ta thích nghiên cứu bát quái, chắc chắn sẽ phát hiện ra một số qui luật liên quan đến suy lý, chỉnh lý những phệ từ rối rắm trở nên có đầu có đuôi một cách sáng tỏ.

18. BÁT QUÁI VÀ KHOA HỌC KỸ THUẬT, KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ BÁT QUÁI

Nhiều người cho rằng bát quái là công cụ để thầy bói loè bịp thiên hạ. Thật ra, đó chỉ là thiên kiến. Phải thấy rằng, bát quái

không phải là sản phẩm viết ra một cách tuỳ tiện của người trí giả. Phục Hi trong truyền thuyết, ngẩng đầu quan sát thiên tượng trên trời, cúi xuống xem phép tắc dưới đất, gần thì lấy ở thân mình, xa thì lấy ở vật, để hết tâm trí lĩnh hội sự liên hệ hữu cơ và sự ảo diệu đến vô cùng của thiên nhiên, mới sáng tạo ra bát quái. Do đó, bát quái là bản thuyết trình đơn giản và khái quát về sự vận động trong vũ trụ, là sự nhận thức một cách chất phác về thế giới khách quan. Nó dùng hình thức phù hiệu để biểu đạt nhận thức đó, hoặc nhiều hoặc ít, hoặc thật hoặc giả, nó thể hiện trình độ nhận thức của người xưa về giới tự nhiên và sự sáng tạo ra khoa học kỹ thuật của thời thượng cổ. Bát quái có liên hệ nhất định với khoa học kỹ thuật.

Lấy quẻ Chấn ☳ làm ví dụ. Quái từ của quẻ Chấn viết: "Chấn lai hích hích, tiếu ngôn ách ách, chấn kinh bách lý, bất táng chuỷ sưởng" (sấm nổ ầm ầm, nơm nớp lo sợ sau đó cười ha hả. Sấm động trăm dặm mà không rơi mất muỗng và rượu nghệ tế thần). Chấn là sấm, một dương sinh ra dưới hai âm, tất nhiên là xao động kịch liệt, tiếng nổ làm kinh hoảng mọi người. Sấm to khiến người run sợ. Dứt tiếng sấm, người ta lại cười. Khi đã biết rõ sấm là một hiện tượng của thiên nhiên, thì dù có vang rền trăm dặm, người ta cũng không hốt hoảng nữa. Qua đó có thể thấy quá trình nhận thức từ không hiểu đến hiểu của con người về sấm. Hào từ Cửu tứ viết: "Chấn toại nê" (sấm động, chìm đắm vì mê đi). Đây là nói sét đánh từ trên trời xuống đất, hại người và gia súc, không nên coi thường. Những điều này thuộc về nhận thức khoa học.

Lại lấy quẻ Trung Phu làm ví dụ. Quái từ của quẻ Tráng Phu viết: "Trung Phu đồn ngư cát. Lợi thiệp đại xuyên, cát" (Đức tin mà

cảm hóa được cá heo, tốt như vậy thì có thể vượt sông lớn, giữ chính đạo thì lợi). Tập tính sinh hoạt của cá heo rất có qui luật, hễ mặt nước có gió thì nó nổi lên mặt nước, gió nam thì nó hướng mõm về hướng nam, gió bắc thì nó hướng mõm về hướng bắc, chưa khi nào vi phạm qui luật này. Tác giả "Chu Dịch" lấy cá heo để nói về người phải giữ chữ tín, giữ được chữ tín thì cát. Điều này chứng tỏ các triết gia cổ quan sát cá heo rất kỹ, để lại cho ta tư liệu quí giá về ngư loại học.

Quẻ Tỉnh trong Chu Dịch chuyên giảng về vệ sinh nước uống và bảo vệ môi trường. Quẻ Tỉnh ䷯ dưới Tốn trên Khảm. Tốn là cây, là len vào, Khảm là nước. Ngày xưa ở miền bắc dùng cần để câu nước lên, dùng thùng gỗ để múc nước. Đây là ý nghĩa của quẻ Tỉnh. Hào từ Sơ lục viết: "Tỉnh nê bất thực" là nói nước giếng có bùn thì không uống. Hào từ Cửu nhị nói nước giếng, nước sông nuôi sống người và vật. Hào từ Cửu tam nói về nạo giếng vét bùn đất. Hào từ lục tứ nói về xây tang giếng. Hào từ cửu ngũ nói về nước giếng ngọt thì có thể uống. Hào từ Thượng lục nói về công dụng của cái giếng. Cuộc sống của con người không thể xa nước một ngày. Giữ gìn và tu sửa giếng nước là rất quan trọng đối với sức khoẻ. Quẻ Tỉnh cho biết, người xưa rất giữ gìn vệ sinh.

Bát quái tuy đơn giản, chất phác, nhưng ngụ ý thì rất rộng. Có người từ góc độ vật tượng học, coi quẻ Càn là tổng công năng, quẻ Khôn là tổng vật chất, quẻ Chấn là cao năng thái (năng lượng cao), quẻ Tốn là trạng thái khí, quẻ Khảm là trạng thái lỏng, quẻ Li là trạng thái quang tử, quẻ Cấn là trạng thái kiên cố, quẻ Đoài là trạng thái sinh vật. Có người cho rằng quái tượng của 64 quái biểu thị

một số phát minh sáng tạo hiện nay, như Khảm (nước) dưới Tốn (cây) trên, tượng cho thuyền bằng gỗ; Khảm dưới Càn (kim loại) trên là quẻ Tụng tượng cho tàu vỏ sắt; Khảm dưới Li (lửa) trên là quẻ Vị Tế, tượng cho tầu thuỷ; Khôn (đất) dưới Càn trên, tượng cho máy bay; Khôn dưới Li (điện) trên là quẻ Tấn, tượng cho vô tuyến điện; Chấn sấm dưới Khôn trên là quẻ Phục, tượng cho địa lôi (mìn) v.v.... Tuy không thể nói rằng, qua quái tượng, người xưa đã tưởng tượng ra những thứ hiện đại bây giờ, nhưng cổ nhân đã phát hiện ra mối quan hệ trên dưới của tự nhiên. Những mối quan hệ đó là trìu tượng, là tồn tại khách quan.

Tóm lại, bát quái có thể gắn với khoa học kỹ thuật mà khảo sát. Giữa chúng với nhau có một khoảng cách xa vời, nhưng cũng có dây mơ rễ má khó mà nói cho hết. Ta phải phân tích cụ thể, có chừng mực, không nên có thái độ phủ nhận tất cả.

19. TỪ QUAN TƯỢNG ĐẾN CHẾ KHÍ

Nước ta là một trong những cái nôi của văn minh nhân loại, có nhiều phát minh đầu tiên trên thế giới. Đó là những phát minh nào? Những ai phát minh? "Chu Dịch" đã đưa ra lời phỏng đoán và liên hệ những phát minh đó với bát quái, cho ràng Bao Hi - người đầu tiên sáng tạo ra bát quái, mục đích là để dung hợp đức tính quán thông thần minh, tham bác sự biến hóa sinh thành của vạn vật, so sánh tình hình và trạng thái của chúng.

"Chu Dịch. Hệ từ" ghi chép như sau về tập tục quan sát quái tượng, chế tạo đồ dùng:

(Bao Hi thị) tác kết thằng nhi vi võng cổ, dĩ điền dĩ ngư, cái thủ chư Li (Phục Hi xe chỉ đan lưới, chế tạo công cụ bắt chim bắt cá, là lấy tượng ở quẻ Li. Li ☲ , quái tượng là mắt, mắt tức lỗ, tượng cho lưới).

"Bao Hi thị một, Thần nông thị tác, trác mộc vị ti , nhu mộc vi lội, lội nậu chi lợi, dĩ giáo thiên hạ, cái thủ chư Ích". (Sau khi Bao Hi chết, Thần nông xuất hiện, đẽo gỗ thành cái mai, dạy dân sử dụng, là lấy tượng ở quẻ Ích. Ích ䷩ , dưới Chấn trên Tốn. Tốn là cây gỗ, Chấn là động, từ hào nhị đến hào tứ là Khôn (đất). Mộc ở trên do chấn động mà cắm xuống đất, là tượng cày ruộng.

"Nhật trung vi thị, chí thiên hạ chi dân, tụ thiên hạ chi hoá, giao dịch nhi thoái, các đắc kì sở, cái thủ chư Phệ Hạp". (Mặt trời lên đến đỉnh thì họp chợ, gom bàn dân thiên hạ tới, thu hút hóa vật của thiên hạ lại, mua bán rồi tản đi, mọi người được thứ mình cần, là lấy tượng ở quẻ Phệ Hạp. Phệ Hạp ䷔ thượng quái Li là mặt trời, hạ quái Chấn là động, nhiều người hoạt động dưới mặt trời, là tượng cho sự giao dịch).

"Hoàng đế Nghiêu Thuấn thuỳ y thường nhi thiên hạ trị, cái thủ chư Càn Khôn". (Hoàng đế Nghiêu Thuấn chế ra quần áo truyền bá cho trăm họ mà thiên hạ được yên, là lấy tượng ở hai quái Càn Khôn. Càn là trời, đứng trên mà dẫm xuống. Khôn là đất, ở phía dưới mà chở vật).

"Khô mộc vi châu, yển mộc vi tập, châu tập lợi dĩ tế bất thông, chi viễn dĩ lới thiên hạ, cái thủ chư Hoán". (Đục cây làm thuyền, đẽo gỗ làm bơi chèo. Cái lợi của thuyền bè là khiến cho

sông hồ thông suốt, đi bằng thuyền đến được nơi xa, tiện lợi cho thiên hạ, là lấy tượng ở quẻ Hoán. Hoán ䷺ dưới Khảm trên Tốn. Tốn là cây gỗ. Gỗ làm thuyền. Khảm là nước, có thể cho thuyền đi trên nước.

"Phục ngưu thừa mã, dẫn trong chí viễn, dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Tùy". Thuần phục trâu, dùng ngựa để cưỡi, chở vật nặng đi xa, tiện lợi cho thiên hạ, là lấy tượng ở quẻ Tùy. Tùy ䷐ dưới Chấn trên Đoài. Chấn là xe, Đoài là vui vẻ, người ngồi trên xe nét mặt hớn hở.

"Trùng môn kích thác, dĩ đãi bạo khách, cái thủ chư Dự". (Làm hai lần cửa, cài bằng then cứng để chống cướp, là lấy tượng ở quẻ Dự. Dự ䷏, dưới Khôn trên Chấn. Khôn là đất, Chấn là sấm, tượng cho múa gậy tuần hành. Hào tam, tứ, ngữ là Khảm, hào nhị, tam, tứ là Cấn. Khảm là cướp, Cấn là cửa, đóng cửa chống cướp.

"Đoạn mộc vi chử, quật địa vi cữu, cữu chử chi lợi, vạn dân dĩ tế, cái thủ chư Tiểu Quá". (Chặt gỗ làm chày, đào đất làm cối, lợi cho chuyện ăn uống của dân, là lấy tượng ở quẻ Tiểu Quá. Tiểu Quá ䷽ dưới Cấn trên Chấn cấn là dừng lại Chấn là động, Chấn mà dừng, có tượng chày cối giã gạo).

"Huyền mộc vi hồ, tước mộc vi thỉ, hồ thỉ chi lợi, dĩ uy thiên hạ, cái thủ chư Khuê", (dùng cành cây cong làm cung, vót gỗ làm tên, lợi ích của cung tên là lấy uy mà khuất phục thiên hạ, là lấy tượng ở quẻ Khuê. Khuê ䷥ dưới Đoài trên Li. Li là tên, Đoài là trúc, tượng cung tên).

"Thượng cổ huyệt cư nhi dã ngoại, hậu thế thánh nhân dịch chi dĩ cung thất, thượng đống hạ vũ, dĩ đãi phong vũ, cái thủ chư Đại Tráng". (Người thượng cổ ẩn thân ở huyệt động hoặc ngoài đồng ruộng. Thánh nhân đời sau thay vào đó bằng nhà ở, trên có dầm xà, dưới có tường vách để che mưa gió, là lấy tượng ở quẻ Đại Tráng. Đại Tráng ䷡ dưới Càn trên Chấn. Chấn là sấm, Càn là bãi phẳng hình tròn, trên có mưa gió, dưới có nhà cửa).

"Hậu thế thánh nhân, dịch chi dĩ quan quách, cái thủ chư Đại Quá" (Thánh nhân dùng quan quách để mai táng, là lấy tượng ở quẻ Đại Quá. Đại Quá ䷛ , Đoài là đầm, Tốn là cây. Đầm là lỗ huyệt, cây là quan tài).

"Thượng cổ kết thằng nhi trị, hậu thế thánh nhân dịch chi vi khế, bách quan dĩ trị, vạn dân dĩ sát, cái thủ chư Quải" (thượng cổ thắt nút dây từng để ghi nhớ sự việc, thánh nhân đời sau dùng đao khắc trên thanh gỗ ghi nhớ sự việc thay cho thắt nút, đặt ra trăm quan để cai trị, giám sát muôn dân, là lấy tượng ở quẻ Quải. Quải ䷪ , dưới Càn trên Đoài. Càn là kim loại, Đoài là cây gỗ (giấy viết), hình tượng sự ghi chép.

Nên nhìn nhận truyền thuyết quan tượng chế khí nói trên như thế nào?

Ta lấy "Chu Dịch. Hệ từ" đối chiếu với những văn liệu khác thời Tiên Tần thì rất dễ nhận thấy tất cả những phát minh sáng tạo đều không phải "Hệ từ" bịa ra, mà là một số sự việc mà người trong xã hội đương thời đều biết. Điều khác nhau trong các văn bản là ở chỗ những ai đã sáng tạo ra những chuyện đó. "Hệ từ"gán cho Bao Hi, Thần Nông Hoàng đế là tác giả của những phát minh nói trên,

còn "Thế bản" thì qui công cho Thuỳ, Mãng, Tướng, Thổ... Điều này chứng tỏ "Hệ từ" mang nặng quan niệm thánh hiền.

Đinh Sơn trong "Trung Quốc cổ đại tôn giáo dữ thần thoại khảo" có sự đánh giá tương đối trung thực: "Hệ từ truyện" xếp kinh tế săn bắt trước kinh tế nông thương, và khẳng định những phát minh công cụ sản xuất là ở thời Bao Hi, Thần Nông, chiếu theo qui luật phát triển xã hội, thì rất chính xác. Nhưng gán những phát minh lớn về công cụ sản xuất cho các cổ thánh tiên vương thì thật hoang đường".

Phùng Hữu Lan trong "Trung Quốc triết học sử tân biên" cũng viết: "Tư tưởng quan tượng chế khí trong Dịch truyện, trên thực tế là nói rằng, thông qua quan sát qui luật của các hiện tượng thiên nhiên mà nhân loại phát minh ra công cụ sản xuất. Điều này có ý nghĩa sức người cải tạo thiên nhiên. Đây cũng là quan điểm duy vật chủ nghĩa... Thánh nhân quan tượng chế khí được nói tới trong Dịch truyện, thực tế là tượng trưng cho quá trình phát triển kinh tế xã hội thời thượng cổ và khởi nguyên của nền văn minh cổ đại. Đây là những tư tưởng tiến bộ.

Các học giả tranh luận xung quanh những chuyện quan tượng chế khí, đặc biệt là hai học giả lớn là Cố Nhiệt Cương và Hồ Thích đã có một cuộc bút chiến: Cố Nhiệt Cương cho rằng: "Hệ từ" coi tất cả những vật dụng hàng ngày của ta đều cho thánh nhân sau khi xem xét quái tượng của 64 quái làm ra, mà 64 quái lại là do Phục Hi quan thiên tượng làm ra tất cả văn minh vật chất đều qui cho các quái của Dịch. Rất nhiều thứ ra đời dưới sự phân phối của bát quái, rồi lại coi trùng quái dưới cái dạng hai vật chồng lên nhau rồi từ quái hình đó nghĩ ra công cụ mới. Điều này chưa hẳn đã đúng. Rõ

ràng hình tượng nhìn để chế tạo đồ vật vẫn là hình tượng của thiên nhiên mà không phải hào tượng. Chắc chắn là nhìn thấy gỗ nổi trên mặt nước mới nghĩ ra cái thuyền, không phải là kết quả sau khi nhìn thấy quẻ Hoán. Quẻ Tỉnh là nước ở trên gỗ, vậy vì sao thánh nhân sau khi xem xét quẻ Tỉnh lại không nghĩ rằng đây là gỗ chìm đáy nước để sáng tạo ra cái gì đó?

Hồ Thích thì có kiến giải khác: Quan tượng chế khí là loại học thuyết, về nguồn gốc văn hoá. Cái gọi là quan tượng chỉ là tượng nói chung chứ không chỉ nói riêng quái tượng. Quái tượng chỉ là phù hiệu của vật tượng, thấy vật mà nảy ra ý tượng, rồi thực hiện ý đó thành vật. ý kiến bài bác của Cố Nhiệt Cương hoàn toàn không căn cứ vào trình tự về phát minh vật chất trong lịch, trách người xưa cách đây mấy nghìn năm tại sao thấy lửa trên nước lại không nghĩ ra tầu thuỷ! Nhà Sử học không nên có thái độ như vậy. Mắt nhìn thấy nắp bình rung động, bèn nghĩ đến sức đẩy của hơi nước, đây là quan tượng chế khí. Niutơn nhìn thấy quả táo rơi xuống đất, bèn nghĩ đến lực hấp dẫn, đều là có tượng rồi sau mới chế tạo khí cụ theo tượng. Tuy quan tượng chế khí chưa thể giải thích đầy đủ văn hóa trong lịch sử, nhưng cũng không nên phủ định hoàn toàn.

Những bài bút chiến trên đây đăng trên "Cổ sử biện", tập 3, bạn đọc nếu cảm thấy hứng thú xin mời đọc, có thể tiếp tục thảo luận về quan tượng chế khí, vấn đề này rất bổ ích khi ta tìm hiểu sự phát minh của nền văn minh cổ đại.

Bảng đối chiếu về sáng tạo văn vật

"Chu Dịch, Hệ từ"	Các tư liệu văn liệu khác nhau ở thời Tiên Tàm
Hoàng đế lấy cành cây vót gỗ làm tên	"Lã Lãm": Di Duệ chế ra cung. "Tuân tử": Thuỳ chế ra cung, Phù du chế ra tên. "Sơn hải kinh": Thiếu Hạo Sinh Ban chế ra cung tên đầu tiên. "Thế bản": Huy làm ra cung, Di Tê làm ra tên.
Bao Hi xe dây đan lưới	"Lã Lãm": Thù Miêu làm ra võng. "Thế bản": Mãng làm ra võng, lưới.
Thần nông làm ra mai, cuốc	"Thế bản": Thuỳ chế làm ra mai cuốc. "Sơn hải kinh": Cháu Hậu tắc là Thục Quân chế ra cày.
Hoàng đế làm ra chày cối	"Thế bản": Ung làm ra chày cối, "Lã Lãm": Xích Dực làm ra cối.
Hoàng đế thuần dưỡng trâu ngựa	"Thế bản": Hải huấn luyện trâu cày ruộng, Tương Đỗ luyện ngựa kéo xe. "Tuân tử": Thừa Đỗ luyện ngựa kéo xe. "Lã Lãm": Vương Băng luyện trâu cày.
Hoàng đế chế ra thuyền	"Thế bản": Công Cổ Hoa Định làm ra thuyền. "Tuân Tử": Xảo Thuỷ làm ra thuyền.
Thánh nhân đời sau xây cung thất	"Thế Bản": Nghiêu sai Vũ làm cung thất. "Lã Lãm": Cao Nguyên xây cung thất.
Hoàng đế chế ra quần áo	"Thế Bản": Bá Dư chế ra quần áo. Hồ Táo chế ra áo mặc.
Thánh nhân đời sau tạo ra sách	"Thế bản": Thượng Hiệt làm ra sách.

20. SỰ GIAO THOA GIỮA TOÁN HỌC NGUYÊN THỦY VÀ TOÁN HỌC ĐƯƠNG ĐẠI

Bông hoa khoa học thường nở trên đám dây leo rậm rạp. Các nhà khoa học cổ đại thường xuất hiện dưới bộ mặt nhà âm dương. Rất nhiều người tinh thông bát quái là những nhà toán học kiệt xuất. Thiệu Ung đời Tống sắp xếp thứ tự của 64 quái và vẽ phương vị đồ, dựng một cây nêu nổi bật trong Dịch học, và qua đó cũng bộc lộ một tài năng toán học đáng kinh ngạc. Lưu uy Hoa trong Trung Quốc triết học, tập 6 viết : "Trong lịch sử triết học Trung Quốc, Thiệu Ung tuy bị coi là nhà triết học tầm tầm, nhưng ông đúng là một nhà toán học đầy tài năng, là một nhà số lý lôgíc học mà một thời gian dài người ta không hiểu được. Sai lầm của ông ở chỗ, ông không thể giải thích trên cơ sở duy vật và chính xác mối quan hệ giữa những con số, coi chúng là hình thức tiên nghiệm thần bí nào đó, nên đã nêu ra thuyết tuần hoàn lịch sử, coi chúng đứng gần nhau bình thường như phiên chầu ngày mồng một hàng tháng, đến nỗi những tri thức tương đối phong phú về toán học của ông đều được dùng để phục vụ thần học".

Thiệu Ung là hình ảnh thu nhỏ của đại đa số các nhà Dịch học. Nếu ta thận trọng gỡ bỏ bức màn thần bí trên mình Dịch học, ta sẽ dễ dàng phát hiện khối lượng tri thức toán học phong phú ẩn tàng trong đó.

Học thuyết bát quái khi còn phôi thai, tức chưa hình thành phù hiệu bát quái, đã kết duyên với toán học, một mối lương duyên không bao giờ xa nhau. Ngay từ thời Tống, tại Hiếu Cảm, Hồ Bắc khai quật được sáu hiện vật bằng đồng, trên khắc mình văn

 800 năm nay không ai đọc được. Đầu thế kỷ đến nay, tại di chỉ nhà Ân ở An Dương, Hà Nam đôi khi khai quật được những xương dùng để bói có khắc chữ, như chữ  . Thế là một số học giả bắt đầu chú ý. Qua kết quả nghiên cứu của Trương Chính Lương, mới biết đây là thời kỳ sơ khai của bát quái, tức dùng số lẻ làm hào dương, số chẵn làm hào âm. Những vạch này về sau diễn biến thành __ , _ _ . Qua đó có thể thấy, người xưa đã có khái niệm về số chẵn và số lẻ từ lâu.

Quan sát quá trình sinh thành của bát quái, ta thấy trong đó đầy rẫy những tri thức toán học:

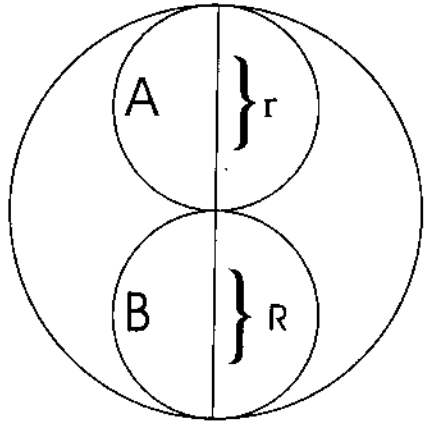
Thái cực sinh lưỡng nghi" thể hiện tư tưởng số có thể phân chia. Từ Thái cực đồ do các nhà Dịch học vẽ, diện tích của lưỡng nghi bằng nhau. Diện tích của hai hình tròn đối xứng vừa bằng một nửa diện tích hình tròn lớn (thái cực). Xem hình vẽ.

(Gọi bán kính hình tròn lớn là R, bán kính hình tròn nhỏ là r).

$$r = \frac{R}{2}$$

Diện tích của hai vòng tròn nhỏ bằng:

$$2\Pi r^2 = 2\Pi(\frac{R}{2})^2 = \frac{1}{2}\Pi R^2$$



Hình 12

"Lưỡng nghi sinh tứ tượng". Tứ tượng có thể dùng biểu đồ tọa độ để biểu thị, âm (nhỏ hơn 0) và dương (lớn hơn 0) của các tượng hoàn toàn phù hợp với phù hiệu trên trục x và y.

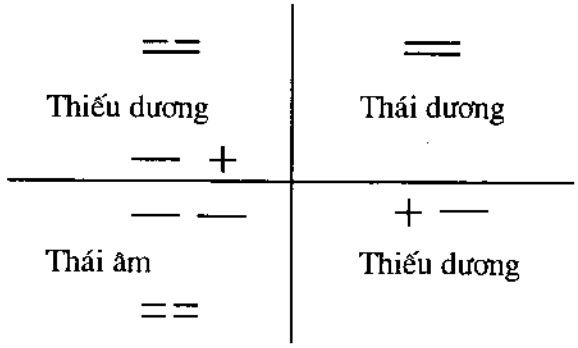
'Tứ tượng sinh bát quái". Bát quái thể hiện tư tưởng sắp xếp theo tổ hợp. Cách sắp xếp này hoàn toàn thỏa đáng:

☷ âm + âm + âm ☳ dương + âm + âm

☰ dương + dương + dương + ☵ âm + dương + dương

☱ dương + dương + âm ☶ âm + dương + âm

☶ âm + âm + dương ☱ dương + âm + dương



Cách sắp xếp từ lưỡng nghi đến 64 quái tương đương với cách sắp xếp kiểu lặp lại trong toán học:

$2^2 = 4$(tứ tượng) $2^3 =$ 2x2x2 (bát quái) $2^6 = 64$ (sáu mươi tư quái).

Sáu mươi tư quái lại biểu hiện quan niệm cấp số nhân : 1, 2, 4, 8, 16, 32, 64,...M; $2^0, 2^1, 2^2, 2^3, 2^4, 2^5, 2^6, ... 2^n$. Tỉ số của số sau so với số trước là một hằng số, tức công bội. Xu thế phát triển của M là cực đại hoặc cực tiểu:

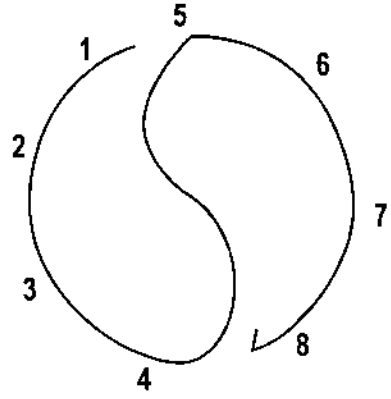
$$\frac{1}{2}\ \frac{1}{4}\ \frac{1}{8}\ \frac{1}{16}\ \frac{1}{32}\ \frac{1}{64}\ \cdots\ \frac{1}{M}$$

Phương vị bát quái Phục Hi, về con số phải chú ý tính đối xứng và tính ổn định. 1 và 8, 2 và 7, 8 và 6, 4 và 5, đều là 9. (H. 13))

Hà đồ, Lạc thư có liên quan đến bát quái cũng thể hiện ý nghĩa của các con số

64	63	62	61	60	59	58	57
49	50	51	52	53	54	55	56
48	47	46	45	44	43	42	41
33	34	35	36	37	38	39	40
32	31	30	29	28	27	26	25
17	18	19	20	21	22	23	24
16	15	14	13	12	11	10	9
1	2	3	4	5	6	7	8

Nếu theo thứ tự từ 1 đến 8 mà đếm xuôi, đếm ngược thì sẽ được một phương trận đồ, hàng ngang của biểu đồ này tính từ dưới lên tăng lên đến 64, các cột dọc của phương trận đồ đều có tổng số là 260.

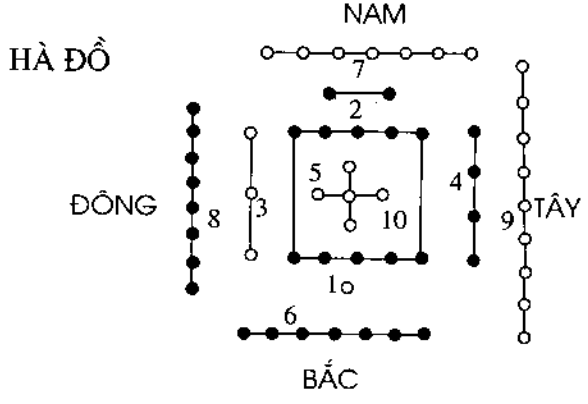


Hình 13

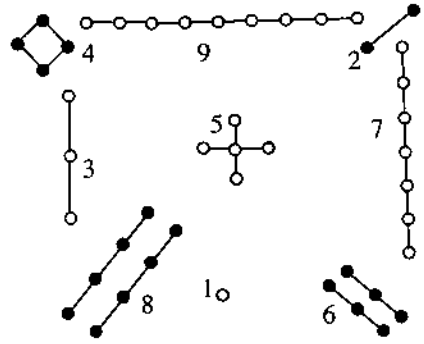
Hà đồ, Lạc thư là gì? Từ xưa đến nay có rất nhiều người thử tìm hiểu mong tìm ra câu giải đáp, đã hình thành môn Hà đồ học, nhưng chưa có ai giải đáp được câu hỏi này.

Trong thư tịch cổ, Thượng thư, Cố mệnh là sách ghi chép sớm nhất về Hà đồ, chép rằng sau khi Văn Vương chết, tại chái nhà phía đông có trưng bày Hà đồ. Cố mệnh truyện gắn Hà đồ với bát quái, Hà đồ bát quái; Phục Hi cầm đầu thiên hạ, có con long mã nhô lên mặt nước, do đó phỏng theo văn của nó mà vẽ bát quái, gọi là Hà đồ. "Xuân thu vĩ" thì tán thưởng:"Hà thông với Càn (trời), nhô lên hoa thần; Lạc chảy vào khôn (đất), nhả địa phù". Ngay cả "Chu Dịch. Hệ từ" cũng chép: "Hà xuất đồ, Lạc xuất thư, thánh nhân lấy đó làm chuẩn tắc".

Từ thời Hán đến thời Tống, luôn luôn có những cuộc tranh luận về Hà đồ Lạc thư. Đến khi Chu Hi biên soạn "Dịch học khởi mông", thì mới có kết luận sơ bộ, còn như thời Tiên Tần có Hà đồ, Lạc thư hay không, thì vẫn là một câu hỏi.



LẠC THƯ



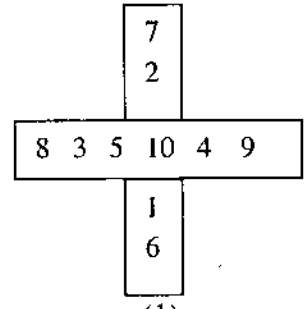
Hình 14

Khẩu quyết (Hà đồ): (1)

Một và sáu cùng tông ở bắc, Hai và bảy là bạn ở nam, Ba và tám đồng đạo ở đông, Bốn và chín cùng bè ở tây, Năm và mười giữ nhau ở giữa

4	9	2
3	5	7
8	1	6

(2)



(1)

Hình 15

Khẩu quyết (Lạc thư): (2)

Đội chín đạp một, Trái ba phải bảy, Hai bốn là vai,

Sáu tám là chân, Năm ngồi ở giữa

Hà đồ Lạc thư có quan hệ với bát quái như thế nào?

Các số của Lạc thư cộng ngang, dọc chéo với nhau đều được tổng số là 15. Phép phệ của bát quái là thông qua tính đếm, lấy ra các số 9, 8, 7, 6 để xác định quái hình. Hào dương 7 và 9, hào âm 8 và 6 đều có tổng là 15. 15 là con số thần bí, phải chăng đây là sự trùng hợp ngẫu nhiên của Lạc thư và bát quái? Người xưa còn nhận thấy con số đại diện của Lạc thư và bát quái cũng có sự ngẫu hợp. Số đại diện là 55. Thiên số là 1, 3, 5, 7, 9. Địa số là 2, 4, 6, 8, 10. Tổng số của các số thiên địa là 55. Hà đồ cũng là 55, lấy 1, 6 bày ở bắc, 2 và 7 bày ở nam, 8 và 3 bày ở đông, 4 và 9 bày ở tây, 5 và 10 bày ở giữa, đều là sự tương phối giữa các số lẻ và chẵn (dương âm), cấu thành con số sinh thành của trời đất. Ngoài ra các số 6, 7, 8, 9 ở vành ngoài của Hà đồ cũng rất khớp với các số 6, 7, 8, 9 trong phép phệ của bát quái.

Ngoài ra, trong bát quái còn tiềm ẩn mầm mống của toán học cận đại như phép nhị tiến và thuyết tương đối.

Trong phương pháp ghi số của nhân loại, chế độ nhị tiến là thấp nhất của chế độ vị tiến. Chế độ nhị tiến chỉ dùng số 1và 0 để biểu thị tất cả các số của tự nhiên. Do phù hiệu đơn giản, nên đa số máy tính điện tử dùng mạch số nhị tiến để tiện vận toán. Chế độ nhị tiến là phát minh của học giả người Đức Leibnit (1646-1716).

Nhưng phát minhh của Leibnit, được gợi ý từ bát quái của Trung Quốc. Ông từng trao đổi thư từ với vua Khang Hi triều Thanh, cho rằng sự sắp xếp 64 quái chính là đùng phép nhị tiến viết ra 64 con số. Nếu coi hào dương là 1, hào âm là 0, tính từ dưới lên coi ba vạch hào là con số tam vị, thì có thể biểu thị như sau: Từ Càn đến Khôn thể hiện quan hệ "số nghịch". Nếu dùng máy tính điện tử căn cứ vào "Phục Hi lục thập tứ quái thứ tự đồ" của Thiệu Ung (để xem 64 quái sắp xếp như thế nào), xếp Càn là (6 3), Khôn là 000000 (số không) thì rất trùng hợp với chế độ nhị tiến. Đây là chuyện khiến mọi người vô cùng tán thưởng.

Theo trích dẫn của Lý Địch trong "Trung Quốc số học sử giản biên", Leibnit đánh giá rất cao bát quái. Ông nói: "Dịch đồ là món quà lưu niệm cổ xưa nhất của khoa học lưu truyền trong vũ trụ". Lại nói: "Không cần bàn cãi, tôi phát hiện điều này trong khi lí giải những bí mật về văn tự cổ cách đây ba nghìn năm của Phục Hi - ông vua đầu tiên đồng thời là nhà triết học duy nhất của Trung Quốc cổ đại. Đây là điều đáng tự hào đối với người Trung Quốc, vì rằng người Trung Quốc đã để rơi bí mật về văn tự của họ cách đây hai nghìn năm, giờ đây đột nhiên phát hiện ra phương pháp tính toán mà xưa nay chưa bao giờ đem ra dùng".

Thậm chí có người còn cho rằng, học thuyết bát quái bao gồm đặc tính của máy tính điện tử, công năng vận toán của dịch số, công năng Logic của dịch lý, công năng ghi chép còn để lại của dịch tượng, đều có những điểm giống như công năng của máy tính điện tử.

Một số ít học giả cho rằng, có sự ngẫu hợp giữa bát quái và thuyết tương đối. Thuyết tương đối là do nhà vật lý người Đức

Einstein đề xuất, nó là lí luận về mối quan hệ giữa sự vận động của vật chất với thời gian và không gian. Nhân sĩ Triết Học Tiềm người Vô Tích đã gắn bát quái với thuyết tương đối để nghiên cứu, viết sách "Dịch và sóng vật chất lượng tử", phát hiện ra những vấn đề trước đây chưa đề cập tới, thuyết trình tại trường đại học An Huy trước một cử toạ hơn 200 người, tất thảy đều kính phục. Sau đó, ông cho ra sách "Dịch kinh khoa học giảng - siêu tương đối luận " dài mấy chục vạn chữ, gồm các chương Hà đồ chi thống kê lực học, Dịch phương trận vi cầu diện bài liệt, Dịch phương trận chi điện tử phương trình thức, Dịch phương trận dẫn xuất hướng lượng lý luận chư phương trình thức, ***** tự vi Dịch chi phương trận chi hạch tâm, Thái cực khúc tuyến đạo xuất âm dương lạp tử trung hoà tử, Thái cực khúc tuyến nhiếp đề phổ thông tương đối luận v.v..., cho bát quái vào cùng lò với các ngành khoa học mũi nhọn. Vì rằng rất ít người uyên thâm cả Dịch học lẫn khoa học tự nhiên, nên chẳng mấy ai hiểu được sách này.

Một Hoa Kiều cư trú ở nước ngoài đã nhiều năm tên là Thẩm Nhị Giáp, soạn sách "Khoa học Vô huyền đích Dịch học". Hồi trẻ ông không thích "Chu Dịch" cho rằng không cí gì hấp dẫn. Sau thế chiến tthứ hai, cả thế giới đổ xô và nghiên cứu Dịch, ông đem "Chu Dịch" ra ôn lại, và bị "Chu Dịch" làm cho mê mẩn bởi tính ảo diệu vô cùng của nó. Ông đánh giá đến mức cao nhất về "Chu Dịch", xin dẫn một đoạn: "Toán học trong Kinh Dịch là đỉnh cao nhất trong toán học chữ số, toán học cận đại không thể đem ra sánh với Dịch, mà điều không cần bàn cãi là ở chỗ, từ một khoá đề đơn nhất để có các số lẻ chẵn, hào âm hào dương mà có tới mấy trăm định luật, luật chu kỳ gồm thập tiến, nhị tiến, tổ hợp, cực đại

cực tiểu , năng suất v.v..., là một tập đại thành về chữ số về toán học, mà cách đây ba nghìn năm đã biểu hiện trí tuệ cao nhất của nhân loại. Còn một điều khó hiểu là, người Trung Quốc cổ cách đây ba nghìn năm mà đã đạt đến trình độ như vậy. Người tộc Thiểm, người Babilon, người Ashu, người Bêkini, người Ai Cập và Cổ Hi Lạp, cũng như người Trung Quốc cổ, đều sáng tạo ra toán học, nhưng phần lớn chỉ bó hẹp trong chuyện sao chép những hiện tượng của thiên nhiên, qua quan sát, hoạ hình. Các nhà sử học thế giới đều nhìn nhận môn Đại số học của Trung Quốc là cực kỳ uyên thâm, nhưng cho đến nay cả thế giới chưa chứng kiến toán học của Dịch cao siêu đến nhường ấy. Nó uyên thâm, chặt chẽ, bao quát trên phạm vi rộng, phức tạp kỳ diệu. Thứ nữa, là việc tái phát hiện toán học cổ Trung Quốc, nên dành cho vị trí cao nhất trong lịch sử toán học thế giới".

Độc giả nếu hứng thú nên nghiên cứu "Chu Dịch" để thấy cái kỳ diệu vô cùng của nó.

Số tự nhiên	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...
Nhị tiến	1	10	11	100	101	110	111	1000	1001	1010	...

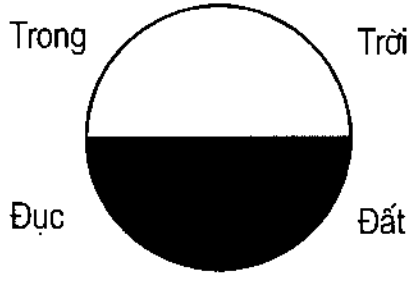
Tên quái	Khôn	Chấn	Khảm	Đoài	Cấn	Li	Tốn	Càn
Phù hiệu	☷	☳	☵	☱	☶	☲	☴	☰
Nhị tiến	000	001	010	011	100	101	110	111
Thập tiến	0	1	2	3	4	5	6	7

21. BƠI GIỮA THIÊN VĂN LỊCH PHÁP VÀ KHÍ TƯỢNG

Phục Hi ngẩng nhìn thiên tượng trên trời, cúi xem phép tắc dưới đất, ngay khi sáng tạo đã ghép bát quái với thiên văn, lịch pháp.

Dịch có Thái cực, Thái cực là nền tảng đầu tiện của vũ trụ, là một thực thể hỗn độn trước khi hình thành trời và đất, là trạng thái vân khí mênh mông vô cùng vô tận, không bờ không bến. Thái cực là cội rễ của mọi sự biến hoá, trời đất vạn vật đều biến hóa từ đó mà ra. Biến hóa của Thái cực là sự phân li của nguyên khí, trong và nhẹ thì bay lên thành trời, đục và nặng thì lắng xuống thành đất, đúng như "Hoài nam tử. Thiên văn huấn" đã mô tả: "Vũ trụ sinh nguyên khí, nguyên khí có ranh giới, trong và nhẹ bốc lên thành trời, nặng và đục ngưng lại thành đất, trong nhẹ kết hợp dễ, nặng đục ngưng đọng lâu, do đó có trời trước rồi mới có đất.

Tập tính của trời đất là âm dương, chuyên tinh của âm dương là bốn mùa, tán tinh của bốn mùa là vạn vật". Xem đồ thị.



Hình 16

Sự phỏng đoán về nguồn gốc vũ trụ của học thuyết bát quái, có những điểm rất giống học thuyết tinh vân của Kant. Kant cho rằng Thái dương hệ là do một khối tinh vân xoay chuyển quanh mình nó, dần dà ngưng đọng mà thành.

Vương Phù Chi đời Thanh nghiên cứu kỹ Thái cực của "Chu Dịch", ông chọn thuyết hồn thiên làm hạt nhân cho mô hình Thái cực, cho rằng "Thái cực là toàn thể của một hồn thiên". Thuyết hồn thiên lấy quả trứng để ví với đất trời, lòng đỏ màu đục ở trong, mầu trắng ở ngoài, có trạng thái hỗn độn. So với thuyết Cái thiên, thuyết hồn thiên có nhiều điểm hợp lý hơn.

Tên của quái Càn lấy ý nghĩa ở trời. Càn âm gần với âm "cát", cát là xoay vần, cổ nhân cho rằng trời xoay vần, nên dùng Càn để chỉ trời.

Có trời đất thì có bốn mùa. Tứ tượng của bát quái chỉ bốn mùa. Xuân là Thiếu dương, dương khí mới sinh ra; Hạ là Lão dương, dương khí đang thịnh; Thu là Thiếu âm, âm khí mới sinh ra; Đông là Lão âm, âm khí đang thịnh. Bốn mùa lại chia thành tám thời: Xuân thuỷ (bắt đầu vào mùa xuân), Xuân chí (giữa xuân), Hạ thuỷ (đầu hạ), Hạ chí (giữa hạ), Thu thuỷ (đầu thu), Thu chí (giữa thu), Đông thuỷ (đầu đông), Đông chí (giữa đông).

Một số người như Mạnh Hỉ đời Hán dùng quái tượng để giải thích tiết khí của một năm, tức dùng 64 quái phối với bốn mùa. Mười hai tháng, hai mươi bốn tiết khí, bảy mươi hai hậu, gọi là quái khí. Lí luận quái khí lấy Khảm, Li, Chấn Đoài làm quẻ bốn mùa, hoặc gọi là quẻ Tứ Chính. Chấn là động, phối với mùa Xuân biểu thị vạn vật sinh sôi; Li là sáng, phối với mùa hạ

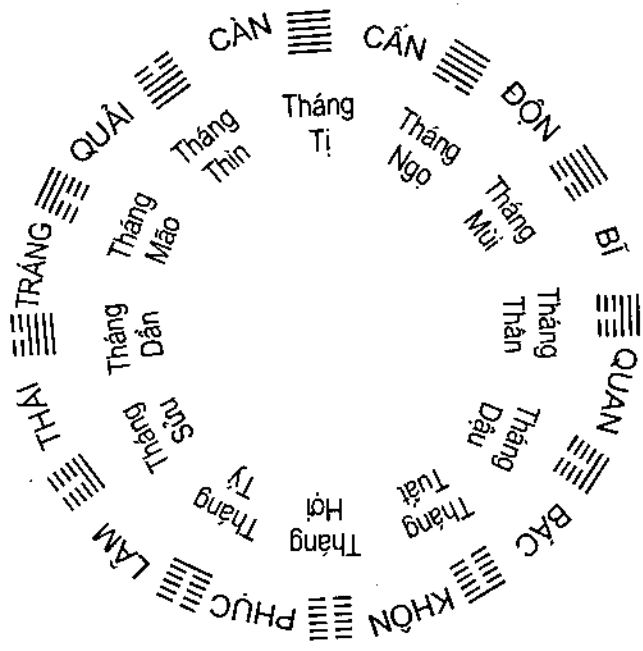
biểu thị vạn vật hân hoan; Đoài là bằng lòng, phối với mùa thu biểu thị vạn vật trưởng thành; Khảm là mệt mỏi, phối với mùa đông biểu thị vạn vật mệt mỏi. Bốn quẻ này mỗi quẻ chủ quản sáu tiết khí trong số hai mươi bốn tiết khí: đông chí, tiểu hàn, đại hàn, lập xuân, vũ thuỷ, kinh trập do Khảm chủ quản; xuân phân, thanh minh, cốc vũ, lập hạ, tiểu mãn, mang chủng do Chấn chủ quản; hạ chí, tiểu thử, đại thử, lập thu, xử thử, bạch lộ do Li chủ quản; thu phân, hàn lộ, sương giáng, lập đông tiểu tuyết, đại tuyết do Đoài chủ quản. Mỗi quái sáu hào, mỗi hào quản một tiết khí. Hào sơ của bốn chính quái chia nhau quản đông chí, hạ chí, xuân phân, thu phân. Mỗi tiết khí có sơ hậu, thứ hậu, mạt hậu, hai mươi bốn tiết khí có tổng cộng bảy mươi hai hậu. Lấy sáu mươi quái (đã bỏ bốn chính quái ra) chia thành năm nhóm, mỗi nhóm đều có tích (quân), công, hầu, khanh, đại phu, rồi phối với bảy mươi hai hậu, còn thiếu mười hai quái thì lấy các nhóm hậu phối cho đủ.

Với 60 quái nói trên, lí luận quái khí lại lấy từ quái Cấu đến Càn làm quái giao biến tin tức cho 12 tháng (xem đồ thị), số 48 quái còn lại đem phối với 12 tháng như vậy mỗi tháng có 5 quái tin tức, mỗi quái 6 hào lần lượt chủ quản 6 ngày. 5 quái có 30 hào làm số ngày cho mỗi tháng.

Lí luận quái khí là chỗ dựa quan trọng để chế định lịch pháp của nước ta thời cổ, sách "Tam thống lịch" của cha con Lưu Hướng, Lưu Hâm, đồ thị tuần hoàn thăng giáng trong 12 tháng của Càn Khôn giao biến (cuối đời Đông Hán), "Chính quang lịch" đời Bắc Nguỵ, "Khai nguyên đại diễn lịch" đời Đường, đều vận dụng lí luận quái khí. Vương Sung, Trương Hành, Tăng Nhất Hành đều khẳng

định lí luận quái khí. Lí luận quái khí có một ý nghĩa không thể đánh giá hết được.

Càn khôn giao biến 12 tháng tuần hoàn tháng giáng đồ:



Hình 17

Quái hào trực nhật đồ:

Nguyệt kiện	T. 11 Tí	T. 12 Sửu	T. 1 Dần	T. 2 Mão	T. 3 Thìn	T. 4 Tị	T. 5 Ngọ	T. 6 Mùi	T. 7 Thân	T. 8 Dậu	T. 9 Tuất	T. 10 Hợi
Tên	Phục	Lâm	Thái	Đại Tráng	Quải	Càn	Cấu	Độn	Bĩ	Quan	Bác	Khôn
Quái	Trung Phu	Thăng	Tiệm	Giải	Cách	Tiểu Súc	Hàm	Lí	Tổn	Bĩ	Khốn	Đại Quá
Trực	Di	Khuê	Ích	Tốn	Cổ	Tỉ	Tĩnh	Hoán	Đồng Nhân	Đại Súc	Minh Di	Phệ Hạp
Nhật	Kiển	Khiêm	Mộng	Tùy	Tụng	Sư	Gia nhân	Phong	Tiết	Tụy	Vô vọng	Kí Tế
	Vị Tế	Truân	Tiểu Quá	Nhu	Dự	Lữ	Đại Hữu	Đỉnh	Hằng	Tốn	Quí Muội	Cấn

Một số người đời Hán như Kinh Phòng sáng tạo ra thuyết nạp giáp. Đem bát quái phối hợp với thập can, giáp đứng đầu thập can, nên gọi là nạp giáp. Lại đem các hào của bát quái phối với thập nhị chi, gọi là nạp chi, người đời sau lập ra bát quái nạp giáp đồ. Qua biểu đồ ta thấy, thập can chia làm 5 dương 5 âm, Giáp mở đầu dương, Nhâm ở cuối dương; ất ở đầu âm, Quí ở cuối âm. Người xưa dùng can chi ghi giờ, sau khi thuyết nạp giáp ra đời, học thuyết bát quái liền gắn nó với việc ghi giờ. Thuyết nạp giáp rất phiền toái, ý nghĩa cũng không có gì, chúng ta chỉ cần biết là đủ.

BÁT QUÁI NẠP GIÁP ĐỒ	Bát quái	Càn ☰	Khôn ☷	Chấn ☳	Tốn ☴	Khảm ☵	Li ☲	Cấn ☶	Đoài ☱
	Hào Thượng	Nhâm Tuất	Quí Dậu	Canh Tuất	Tân Mão	Mậu Tí	Kỉ Tỵ	Bính Dần	Đinh Mùi
	Hào Ngũ	Nhâm Thân	Quí Hợi	Canh Thân	Tân Tỵ	Mậu Tuất	Kỉ Mùi	Bính Tỵ	Đinh Dậu
	Hào Tứ	Nhâm Ngọ	Qui Sửu	Canh Ngọ	Tân Mùi	Mậu Thân	Kỉ Dậu	Bính Tuất	Đinh Hợi
	Hào Tam	Giáp Thìn	Ất Mão	Canh Thìn	Tân Dậu	Mậu Ngọ	Kỉ Hợi	Bính Thân	Đinh Sửu
	Hào nhị	Giáp Dần	Ất Tỵ	Canh Dần	Tân Hợi	Mậu Thìn	Kỉ Sửu	Bính Ngọ	Đinh Mão
	Hào Sơ	Giáp Tý	Ất Mùi	Canh Tý	Tân Sửu	Mậu Dần	Kỉ Mão	Bính Thìn	Đinh Tỵ

Bát quái còn được vận dụng vào khí tượng học để giải thích các hiện tượng thiên nhiên, lấy gió, sấm làm ví dụ.

Cổ nhân cho rằng "âm dương nộ vi phong" (âm dương nổi giận thì thành gió), đó là dùng quan niệm âm

Quẻ Tốn là gió, nghe nói thời cổ chữ phong viết là☴ . Cổ nhân gắn Tốn với phương đông nam, đông nam nhiều gió, bèn coi Tốn là cửa gió.

"Xuân thu khảo dị bưu" viết: "Dương lập ở năm, lớn nhất ở chín, năm chín bốn mươi lăm đổi gió một lần, lấy âm hợp dương, do đó bát quái chủ bát phong, cách nhau bốn mươi lăm ngày. Cấn là điều phong, Chấn là thứ phong, Tốn là thanh minh phong, Li là cảnh phong, Khôn là lương phong, Đoài là xương hợp phong, Càn là bất chu phong, Khảm là quảng mạc phong". Đó là chia một năm ba trăm sáu mươi ngày làm tám giai đoạn, cứ bốn mươi lăm ngày thì gió lại đổi một.lần, tuỳ theo mùa mà thay đổi, gió đông nam chuyển thành gió tây bắc. Nói như vậy là phù hợp với hiện tượng thiên nhiên. Quẻ Tiểu Súc của "Kinh Dịch "nói: "Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao" (ở phía tây của ta, mây đen mà không mưa). Câu này cũng phù hợp với hiện tượng tự nhiên, ngạn ngữ có câu: cơn mưa đằng đông vừa trông vừa chạy, cơn mưa đằng tây, mặc ngay áo mưa. Khi mây đen không mưa tại chỗ này, thì khi sang tây giao (phía tây xa xa) sẽ mưa.

Bát quái lấy Chấn làm sấm. Sấm có thể tồn tại trong không gian: trên trời, dưới đất, trong đầm, trên núi. "Tích phong thành lôi" (gió tích lại thành sấm), âm dương tương bạc nhi vi lôi, kích dương vi điện" (âm dương chạm nhau sinh ra sấm, dương bị kích thì thành sét) Khi hai đám mây mang điện khác nhau mà chạm vào nhau thì sẽ có chớp sáng và có tiếng nổ, đó chính là kết quả của "âm dương tương bạc".

Cổ nhân cho rằng sấm nổ không phải hiện tượng cô lập, nó có ảnh hưởng rất lớn đến mùa màng. "Khai nguyên chiêm kinh" viết: "Sấm nổ ở cung Càn, nhân dân lắm bệnh, nước yên. Sấm nổ cung Khảm, mưa nhiều . Nổ ở cung Cấn, mưa đá hại hoa màu, sinh sâu bọ, sương giáng sớm. Nổ ở cung Li, mùa hè bị hạn, có hoàng trùng.

Nổ ở cung Khôn, hại ngũ cốc. Nổ ở cung Đoài, có loạn binh đao, cung sắt thép. Sấm nổ ở thuỷ môn, nước lụt mênh mông. Sấm nổ ở những thời tiết và phương vị khác nhau liệu có ảnh hưởng gì đến xã hội loài người ? Đây rõ ràng là một đề tài có ý nghĩa, nên nghiên cứu tiếp.

Các học giả đương đại cũng có người dùng bát quái để nghiên cứu thiên tượng. Năm 1930, nhà thiên văn học người Mỹ phát hiện ra hành tinh thứ chín của Thái dương hệ Minh vương tinh (Diêm vương tinh), rất nhiều nhà khoa học thử phát hiện hành tinh thứ 10. Một lưu học sinh tại Pari người Tứ Xuyên tên là Lưu Tử Hoa lại khác người, anh bỏ ra ba năm nghiên cứu mối quan hệ đối ứng giữa các thiên thể trong Thái dương hệ với bát quái, chứng minh rằng, bình quân tốc độ và mật độ của thiên thể thuộc mỗi cặp ở vị trí quẻ Kháng (quẻ chấn) đều là một hằng số. Năm 1939, Lưu Tử Hoa viết sách"Bát quái vũ trụ luận và thiên văn hiện đại - dự đoán về một tinh cầu mới", dự đoán hành tinh thứ 10 và đặt tên là Mộc vương tinh. Dự đoán này làm chấn động phương Tây, nước Pháp cấp cho Lưu Tử Hoa học vị bác sĩ. Tuy dự đoán của Lưu Tử Hoa cho đến nay vẫn chưa được giới học thuật thừa nhận rộng rãi, nhưng phương pháp dùng bát quái để nghiên cứu thiên văn của Lưu Tử Hoa được mọi người nể trọng, bát quái thần bí càng trở nên thần bí.

22. DỊCH HỌC TRONG LÒ LUYỆN ĐAN

"Chu Dịch" là kết tinh của học thuyết bát quái, có ảnh hưởng rất lớn trong thời kỳ Tiên Tần, Lưỡng Hán. Đến đời Đông Hán, một người tên là Nguỵ Bá Dương dựa vào "Chu Dịch" viết sách "Chu Dịch tham đồng khế". Sách này bài bản lung tung, chữ nghĩa khó

hiểu, người thường khó mà hiểu được. Vì rằng rất ít người đồng thời giỏi cả Dịch học, thiên văn học, khoa học tự nhiên, nên ngay cả thời bây giờ cũng không mấy người nghiên cứu sách này, một quyển sách mà xưa nay vẫn được gọi là "sâu sắc nhất khi nói về thiên hạ.

"Tham đồng khế" là sách gì? Có người nói đó là sách bói, có người nói đó là sách luyện đan, có người nói đó là sách của nhà thần tiên (Đạo giáo), Tính chất của sách là phức tạp, các học giả hiện đại cho rằng đây là một tư liệu khoa học kỹ thuật, đặc biệt là về hóa học và y học, sách có đóng góp nổi bật.

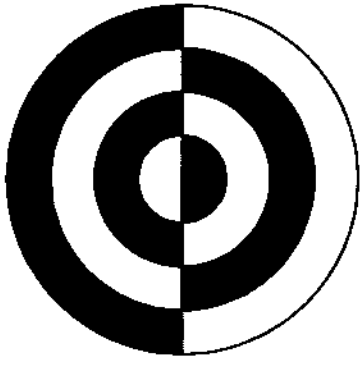
Tham đồng khế vận dụng những nguyên lý Dịch học, phát huy học thuyết bát quái, khiến học thuyết bát quái thấm sâu vào các lĩnh vực trong đó có thuật luyện đan.Tham đồng khế và Chu Dịch có sự nhất trí về nghĩa lý. Chu Dịch có ba nghĩa: giản dị, biến dịch, bất dịch. Tham đồng khế cũng quán xuyến ba ý nghĩa này, ra sức đơn giản về chữ nghĩa, đi tới cùng cái lý biến dịch về nội dung, khiến trường sinh bất lão (bất dịch) biến thành hiện thực. Những nghĩa lý này được dùng cho thuật luyện đan.

Tham đồng khế lấy quẻ Càn Khôn làm cơ bản của âm dương, lấy quẻ Khảm, quẻ Li làm sinh mệnh của âm dương: Càn Khôn là nhà cửa của Dịch, là cha mẹ của các quái. Khảm Li là khuôn mẫu, trục chính của xe. Bốn quái (Càn Khôn Li Khảm) thư hùng, đó là hành trang, mạo phạm cái đạo âm dương. Như người đánh xe, cầm cương cho chắc, cứ theo chuẩn mực, đủng đỉnh mà đi, ở trong mà chế ngự từ ngoài, phải nắm chắc kỷ cương luật lệ. Tháng có năm sáu tiết, ngang dọc theo mặt trời, gộp lại là sáu mươi, cương nhu có trong ngoài". Trên đây, Càn Khôn là chỉ nồi trên nồi dưới, dịch là công việc sản xuất thuốc đan, Khảm Li chỉ nước lửa hoặc chất

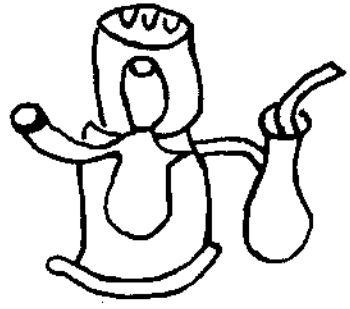
kiềm, những thứ này đều dùng để luyện đan, phải biết điều khiển lửa cho đúng độ số, vận hành chuẩn xác như mặt trăng, mặt trời, mới luyện nên kim đan thần dược, uống vào trường sinh bất tử.

Căn cứ Tham đồng khế, người đời sau vẽ "Thuỷ hoả khuông quách đồ". Sở dĩ gọi như vậy là vì cổ nhân cho rằng, Càn (trời) Khôn (đất) là cái đỉnh (vạc), Li (mặt trời) Khảm (mặt trăng) là dược liệu. Càn Khôn là thể, Li Khảm là vật dụng.

Khảm Li quay cuồng lên xuống chốn lục hư, vãng lai lên xuống mà thành kim đan. So với Càn Khôn, Khảm Li là nan hoa, Càn Khôn là vành bánh, Khảm Li là trục xe, Càn Khôn là bánh xe, do đó vẽ hình là cái bánh xe.



Hình 18



Hình 19

Người đời sau lại lấy tên quái để đặt tên cho lò luyện đan: lò Thái Nhất Thần, lò Ký tế, lò Vị Tế. Lò Vị Tế có nghĩa là công việc chưa thành, phải tiếp tục cố gắng. Theo "Đan phòng tu tri", lò Vị Tế đặt trong lửa để luyện, nồi dưới có nước, nồi trên đựng thuốc, đặt ống thoát hơi nước, luyện mãi rồi thành đan.

Phương pháp luyện đan nói trên tuy mang đậm màu sắc mê tín, nhưng nó là sự tổng kết về hóa thực nghiệm của Trung Quốc cổ, rất bổ ích trong việc tìm hiểu tính năng và phản ứng của vật chất. Do điều kiện lịch sử lúc bấy giờ hạn chế, người ta chỉ có thể qui nó vào hệ thống "Chu Dịch", dùng học thuyết bát quái làm cơ sở lí luận, đó là điều có thể thông cảm.

Điều cần nói rõ là, thuật luyện đan mang ý nghĩa khoa học. Nó dẫn dắt khoa dược liệu học phát triển, mặt khác nó thúc đẩy nghề luyện kim. Nguyên liệu gồm đan sa, vân mẫu, chlorat nitrat ... Thuỷ ngân, thạch tín được luyện ra có thể làm dược liệu. Thuật luyện đan của Trung Quốc tuy chết yểu, nhưng thông qua Ả Rập, nó được truyền bá sang châu Âu, phát triển thành môn hóa học.

23. BÁT QUÁI TRONG SỔ SINH TỬ

Ở đời, điều mà người ta rất muốn biết trước là chuyện sống chết và bệnh tật. Nếu ta có thể bước qua thế kỷ, giở sổ Nam Tào một trăm năm sau, xem ngày giờ qui tiên của từng người. Nhưng mà làm sao có chuyện đó.

Bát quái ít nhiều đảm đương trách nhiệm trên. Nó dự đoán và lí giải bệnh tật, thậm chí suy đoán ra nguyên nhân và ngày giờ chết của người ta, được các thiện nam tín nữ hết lời ca tụng.

Theo "Đế vương thế kỷ", chép: "Phục Hi vẽ bát quái Lục khí lục phủ, ngũ tạng, ngũ hành, âm dương, tứ thời, thuỷ hoả, thăng giáng, là lấy ở tượng. Bệnh lý của bách bệnh tập hợp từ suy ngẫm, bách dược thì dùng để chế cửu trâm". Như vậy có nghĩa là y học

Trung Quốc xây dựng trên cơ sở bát quái, bát quái chiếm vị trí quan trọng trong lí luận Trung y.

Trên thực tế, cổ nhân đôi khi dùng quái từ giải thích bệnh tật. "Tả truyện. Chiêu công nguyên niên" chép: "Tấn Hầu đề nghị nước Tần cử thầy thuốc sang chữa bệnh, nước Tần cử Y Hoà. Y Hoà nói bệnh của Tấn Hầu là bệnh không thể chữa khỏi, gần gũi đàn bà nên bị bệnh Cổ. Triệu Mạnh hỏi Cổ nghĩa là gì? Y Hoà đáp: "Chu Dịch" nói đàn bà mê hoặc đàn ông, gió lớn quật đổ cây trên núi, thì gọi là cổ. Quẻ Cổ dưới Tốn trên Cấn. Cấn là núi, là thiếu nam, Tốn là gió là trưởng nữ, nam còn nhỏ tuổi, nữ đã già dặn, nam bị nữ làm cho mê mẩn thì không chữa được.

Người xưa dùng bát quái để bói chuyện sống chết. "Tả truyện. Chiêu công ngũ niên" chép: "Đại phu nước Lỗ Trang Thúc sinh con trai là Mục tử; dùng Chu Dịch để bói, được quẻ Minh Di biến thành quẻ Khiêm, hào dương Sơ cửu biến thành hào âm. Ông đưa quẻ này cho Bốc Sở Khưu nhờ giải hộ. Sở Khưu dự đoán một hồi về hậu vận, khiến Trang Thúc biết được hoạ phúc của Mục tử. Những người nghiên cứu bát quái một khi đã đến trình độ uyên thâm thì coi cái chết như không. "Tam quốc chí. Quản Lộ truyện, chép lời của Quản Lộ: "U minh đồng hoá, tử sinh nhất đạo. Du du thái cực, chung nhi phục thuỷ. Văn vương tổn mệnh, bất dĩ vi ưu; Trọng Nê duệ trượng, bất dĩ vi cụ. Tự phiền thi phệ, nghi tận kỳ ý" (Cõi âm và cõi dương đồng hóa với nhau, cái sống và cái chết đều cùng một lẽ. Thái cực mênh mông không bờ bến, kết thúc mà lại là mở đầu. Vua Văn Vương không buồn vì chuyện chết, Khổng Trọng Nê (Khổng Tử) không sợ vì phải rời cái gậy. Xem bói cỏ thi, thì

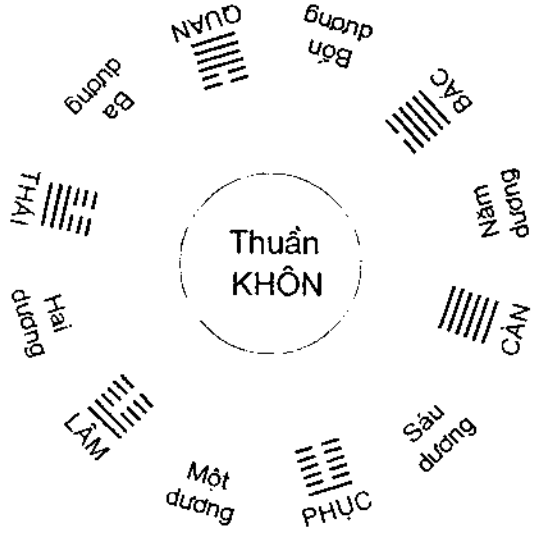
hiểu hết, ý này). Sống chết như thái cực, tuần hoàn không nghỉ, sống tức là chết, chết tức là sống, có gì mà sợ.

Quan niệm về sống chết của bát quái về sau bị Đạo giáo lợi dụng và phát huy. Đạo giáo là tôn giáo bắt nguồn từ Trung Quốc, có một hệ thống phương pháp tu luyện rất cụ thể như phục nhĩ, đạo dẫn, thai tức, nạp đan, ngoại đan, bùa chú, phòng trung, tịch cốc... Trong Đạo văn, bát quái trở thành lí luận cơ bản về trường sinh bất tử của nhân loại.

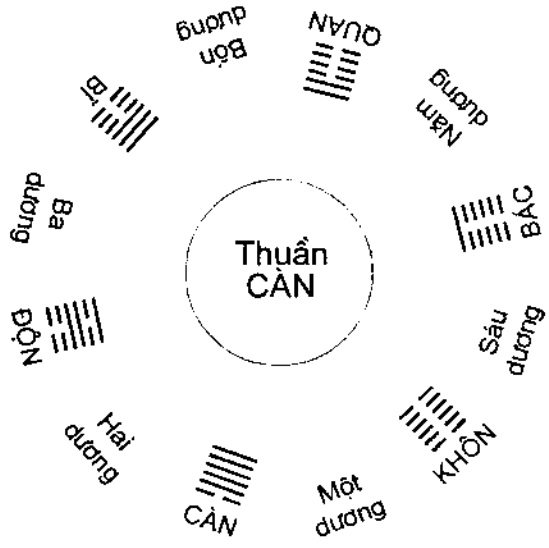
Bát quái có thuyết "tam nguyên" tức thiên nguyên, địa nguyên, nhân nguyên. Đạo giáo cho rằng mỗi nguyên là 60 năm, ba nguyên là 180 năm, đây là tuổi thọ trời ban cho mỗi người. Người giỏi dưỡng sinh, có thể sống đến 180 tuổi. Bát quái chồng lên nhau thành 64 quái. Đạo giáo cho rằng, nói chung con người ta chỉ sống đến 64 tuổi. Sở dĩ tuổi thọ chỉ có thế, là vì "số quẻ đã hết, thuỷ ngân ít mà chì thì không ". Nếu sáu dương (6 hào dương, Càn) đều không còn, thì con người chỉ còn toàn là âm (6 hào âm, quẻ Khôn). Chỉ cần gặp được danh sư chỉ bảo, người già có thể trẻ lại, đúng như quẻ Đại Quá đã mô tả: "Khô dương sinh đề, lão phu đắc kỳ nữ thê" (cây dương khô đâm rễ mới, ông già cưới được cô vợ trẻ)," khô dương sinh hoa, lão phụ đắc kỳ sĩ phu" (cây dương khô ra hoa, bà già lấy được chồng trẻ). Cơ thể con người vốn có sáu dương, tức Càn ䷀, sau khi hao tổn liền biến thành ䷖ (quẻ) Bác, duy chỉ còn hào dương Thượng cửu. Nếu không tỉnh ngộ, nguyên khí cạn kiệt, cơ thể biến thành Khôn, thuần âm mà chết. Cơ thể con người đã có thể từ Càn đến Bác, cũng có thể từ Bác lên Càn, theo phép dưỡng sinh,

do Phục䷗ (hồi) mà (đến được gần) Lâm䷒, từ Lâm chuyển sang Thái䷊, từ Thái lên Đại Tráng䷡, Càn dương khôi phục cũng không khó.

Dùng quái hình giải thích sinh tử, Đạo giáo vẽ thành Hoàn nguyên đồ. Đây là biểu đồ âm tiêu dương trưởng (âm nhỏ đi, dương lớn lên), chuyển theo vòng tròn từ trái sang phải, đến điểm thuần dương thì sống ngang ông trời. (Hình trái). Còn đây là biểu đồ âm trưởng dương tiêu (âm lớn lên, dương nhỏ đi), chuyển theo vòng tròn từ trái sang phải, đến thuần âm tất chủ sát.



Hình 20



Hình 21

24. MẦM MỐNG CỦA TIN TỨC LUẬN

Tin tức, thời cổ gọi là tiêu tức. Vì sống còn, phải từng giờ từng phút quan tâm đến tin tức có liên quan đến giới tự nhiên và xã hội loài người. Có tin tức rồi, người ta mới điều chỉnh hành vi của mình một cách thoả đáng, nhằm thích hợp với biến hóa của sự vật.

Học thuyết bát quái là học thuyết về tin tức. Chữ "Trinh" trong quái từ và hào từ, rất nhiều học giả cho rằng nó có nghĩa là "hỏi". Hỏi ở cỏ thi, thông qua quái hình mà nhận được tin tức để dự đoán hung hay cát, lợi hay bất lợi.

Trong "Chu Dịch" chỉ về người mà bát quái dùng để dự đoán tin tức, có quân vương, hầu, đại nhân, quân tử, trượng nhân, vũ

nhân, u nhân, quan chức, phụ nữ, tiểu nhân, trượng phu, tiểu tử... Có thể thấy bát quái không chỉ là công cụ tin tức của quí tộc, mà dân thường cũng thích dùng để hướng dẫn cuộc sống.

Theo thống kê của Lý Kinh Trì, "Chu Dịch" ghi chép tin tức rất nhiều mặt: Về đi lại có gần một trăm điều, kể cả đi xa, đi buôn, vượt sông lớn thì phải đến hai trăm điều; về chiến tranh có không dưới tám mươi điều, cúng tế hai mươi điều; ăn uống hơn ba mươi điều; săn bắt mười chín điều; chăn nuôi mười bảy điều; hôn nhân mười tám điều; cư trú và sinh hoạt gia đình hơn hai mươi điều; phụ nữ có thai ba điều; tật bệnh bảy điều; thưởng phạt, tố tụng, hình ngục hơn mười điều; nông nghiệp thì chưa thống kê.

Những tin tức này rất bổ ích cho mọi người, ít nhất là về mặt tâm lý, như "bất viễn phục", tức mất đi "bất viễn" (không xa) thì hồi phục, khiến người ta tin tưởng, "tịch thích nhược lệ, vô cữu", phải suốt ngày đề phòng, cảnh giác thì mới tránh được tai hoạ, "lợi tây nam đắc bằng, đông bắc tang bằng", khiến người ta mạnh dạn đi về hướng tây nam.

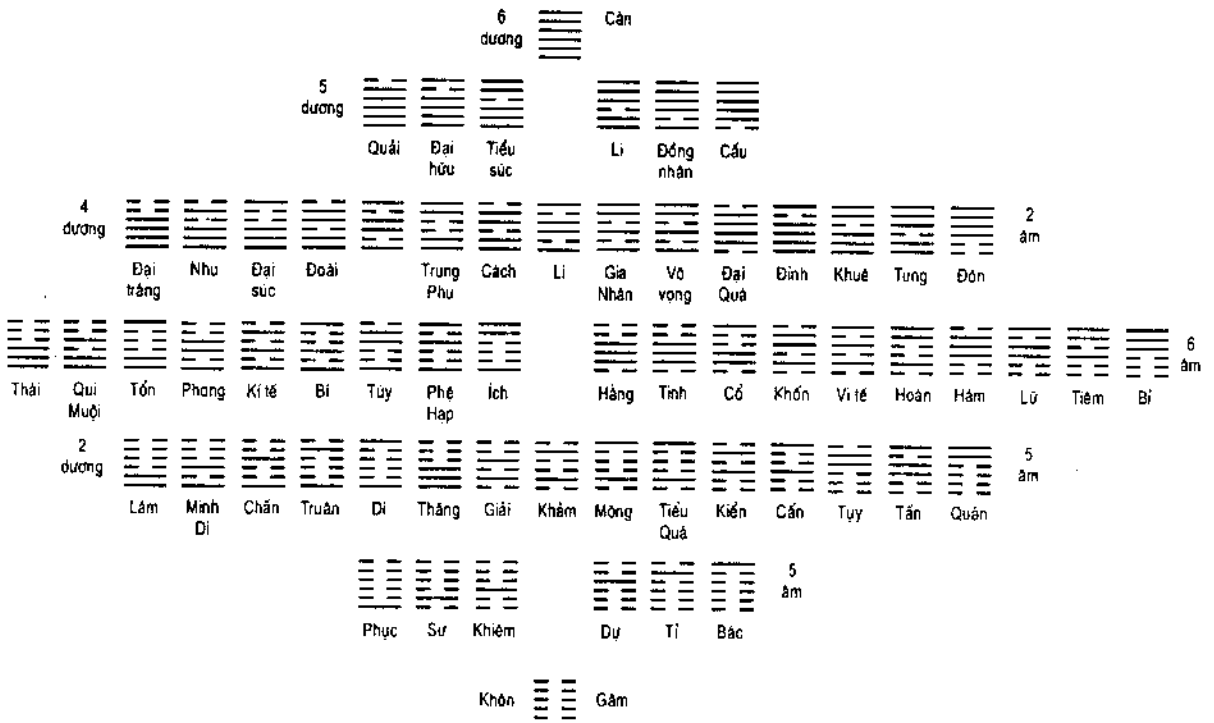
Trong tin tức luận hiện đại, tin tức được truyền đi dưới tín hiệu, phù hiệu. Phù hiệu khiến việc thu nhận tin (nội dung của tin) một cách nhanh nhất, chính xác nhất, rõ ràng nhất. Học thuyết bát quái cũng dùng hình thức phù hiệu để thuyết minh nội dung tin tức. Phệ được ䷳ (Cấn) thì biết ngay là "hanh nguyên lợi trinh" (đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng chính và bền), Phệ được ䷾ (Vị Tế), biết ngay là "lợi, tiểu hồ ngật tế, nhu kỳ vĩ, vô du lợi"

(hanh thông, con chồn nhỏ sửa soạn vượt sông mà đã ướt cái đuôi, không có lợi gì cả).

Giữa các phù hiệu của bát quái cũng có liên hệ với nhau. Như Chu Hi trong "Chu Dịch bản nghĩa" cho rằng: Phàm là những quái một âm một dương (Bác, Tỉ, Dự, Khiêm, Sư, Phục, Quải, Đại Hữu, Tiểu Súc, Lí, Đồng Nhân, Cấu) đều từ quẻ Phục, quẻ Cấu mà ra; phàm là những quẻ hai âm hai dương đều đo quẻ Lâm, quẻ Độn mà ra; phàm là những quẻ ba âm ba dương, đều từ quẻ Thái, quẻ Bĩ mà ra; phàm là những kẻ bốn âm bốn dương thì đều từ quẻ Đại Tráng, quẻ Quán mà ra; phàm là những quẻ năm âm năm dương, đều do quẻ Quải, quẻ Bác mà ra. Có người còn vẽ đồ thị để thuyết minh mối quan hệ giữa các biến quái.

Có học giả định kết hợp tin tức luận hiện đại với bát quái để nghiên cứu, nói rằng bát, quái là hệ thống chuyển hoán tin tức cổ xưa, về mặt lí luận kết cấu, cái đặc sắc của nó là sự tồn tại song song và thẩm thấu của hệ thống văn tự là hệ thống phù hiệu. Hai hệ thống này là hai hình thức tin tức ở cấp độ khác nhau, đặc điểm này khiến nội dung tư duy có một khoảng không bao la để hoạt động.

QUÁI BIẾN TIN TỨC ĐỒ



25. TRÒ BỊP "ĐOÁN TRƯỚC MỘT TRĂM NĂM"

Thời Bắc Nguỵ (Bắc triều) có một thuật sĩ tên là Quan Minh. Quan Minh tự Tử Minh, người đất Giải, Hà Đông (nay là huyện Lạng Kỳ, Sơn Tây). Minh có tài kinh bang tế thế, đặc biệt rất giỏi bói bát quái, đoán trước hậu vận. Vương Nhan, Thứ Sử Đồng Châu lúc bấy giờ nghe tiếng tăm của Quan Minh, đến tận nhà chào lạy, nói: "Chuyện an nguy của xã hội đều có qui luật nhất định, Quan tiên sinh tinh thông chiêm phệ, xin tiên sinh xem cho hậu vận của một trăm năm sau".

Quan Minh đồng ý, thắp hương bày quẻ, được quẻ Quải ䷪, lại bói được quẻ Cách ䷰. Căn cứ vào hai quái hình, Quan Minh cất giọng sang sảng phán:

Từ Quải lục biến đến Ký Tế là hai mươi tứ quái, Quải cửu nhị hóa Cách lục nhị là hai sáu mười hai, cứ mười hai năm là một vận, hai vận là hai mươi bốn năm, bây giờ là Nguỵ Tuyên Vũ Đế năm thứ nhất Chính Thuỷ, đến năm Chính Thuỷ thứ hai mươi bốn sẽ xảy ra đại loạn "

Do Cách lục nhị là nhu ở giữa, Li sẽ biến đổi bởi một người đàn bà, do đó loạn bắt đầu từ cung đình.

Do ngoại quái Đoài Cửu tứ ngự giữa ba dương, có tượng Càn (quân vương) do đó có thể là một phiên thần nắm quyền, trong xã hội có kẻ mạnh tiềm phục.

Do hai hào Cửu ngũ, Cửu tam trên dưới có dân, do vậy có thể đoán rằng có hai kẻ mạnh lần lượt thống trị trăm họ ở Trung nguyên.

Do nội quái Cửu nhị đổi thành Lục nhị, tượng trưng cho vết rạn, Cửu tứ cử ba dương quyết định quần âm, là tượng trưng của loạn lạc, do đó có thể suy ra hai kẻ mạnh này có mâu thuẫn, thù địch lẫn nhau. Nếu không có một vị hiền minh phò tá, thì e rằng hai kẻ mạnh này không bền.

Bởi quẻ Cách có ý nghĩa là đã qua, có thể đoán chính quyền nào có trước sẽ mất trước.

Do bởi cải cách đến cùng thì phải biến đổi, loạn cùng tắc yên, số cùng tắc đứng vững, do đó có thể đoán rằng, nhất định có một kẻ áo vải hàn gắn những đổ vỡ trong thiên hạ. Nếu vị áo vải đó không thi hành cái đạo đế vương, thì sẽ nảy sinh một bạo quân như Kiệt Trụ, thế là thiên hạ lại vào tay một quân chủ sáng suốt.

Những lời tiên đoán của Quan Minh khiến Vương Nhan phục sát đất. Ta hãy xem một trăm năm sau khi Quan Minh bói bát quái, quả nhiên không sai mảy may. Nguỵ Tuyên Vũ Đế tại vị mười hai năm thì chết, người kế vị là Nguỵ Minh Đế ở ngôi được mười hai năm cũng chết, vừa đúng hai mươi bốn năm. Chu Dung đem quân vào Lạc Dương về với Thái hậu, nắm hết quyền lực quân sự và chính trị. Sau đó, Cao Hoan lập Nguỵ Tịnh Đế, hiệu Đông Nguỵ; Vũ Văn Thái lập Nguỵ Văn đế, hiệu Tây Nguỵ, hai con gà chọi này chia cắt Trung nguyên. Đông Nguỵ và Tây Nguỵ không thể cùng tồn tại, Đông Nguỵ thành lập trước mất trước. Sau đó, Tuỳ Văn đế Dương Kiên hàn gắn thiên hạ bị đổ nát. Con trai Văn đế là Tuỳ Dương đế Dương Quảng sau khi kế vị vung tay quá trán, thuế má nặng nề, tàn ác không kém vua Trụ, nên nhân dân nổi lên chống lại, vậy là thiên hạ mất về tay nhà Đường (Lý Thế Dân).

Người nào không biết chuyện rất dễ bị câu chuyện về Quan Minh thuyết phục. Thực ra đây là một trò bịp. Truyện trên là rút trong cuốn " Quan thị Dịch truyện". Sách này có phải soạn vào thời Bắc Ngụy? Không phải, vì rằng "Tuỳ thư. Kinh tịch chí" và "Đường thư. Nghệ văn chí" đều không đưa sách này vào, cho đến đời Tống mới có trong mục lục sách. Rõ ràng là người đời Đường mượn tên Quan Minh soạn sách này nhằm chứng minh tính tất yếu của nhà Đường trong lịch sử. Sách này do Triệu Nhuy đời Đường chú, rất có khả năng Triệu Nhuy làm giả. Nhuy đã li kỳ hóa phép chiêm bốc của Quan Minh, khiến mọi người bị bịp hơn một nghìn năm.

26. KHÔNG TIN ĐOÁN MỆNH BẰNG BÁT QUÁI

Mấy nghìn năm nay, bát quái bị các thầy tướng số lợi dụng để đoán mệnh, ngày càng lún sâu vào vũng bùn. Đồng thời, bát quái đoán mệnh cũng bị các bậc thức giả phê phán. Theo "Sử ký. Nhật giả liệt truyện" đầu đời Tây Hán có một người tên là Tư Mã Quí Chủ hành nghề chiêm phệ trên phố. Giả Nghị và Tống Trung đến bảo: "Bói toán là nhằm giản tiện cho đời. Người ta thường nói: thầy bói đa phần ra vẻ nghiêm chỉnh để được lòng mọi người; bịa ra bổng lộc hậu và sống lâu để cho người thích thú; nói bậy về tai hoạ khiến người đau lòng; tán tỉnh quỉ thần để lấy hết tài sản của người khác; đòi trả công hậu để vơ đầy túi tham. Điều mà cảm thấy xấu hổ, là tính chất ti tiện của những chuyện trên!"

Dùng bát quái để đoán mệnh là hoàn toàn bậy bạ.

Trước hết, bản thân bát quái có nhiều điểm mâu thuẫn. Phương vị của bát quái có những mấy cách sắp xếp, vậy dùng cách

nào là do thầy bói tuỳ tiện nói thế nào thì nói. Bát quái lấy quẻ Chấn, Khảm, Cấn là dương, nhưng quẻ Khảm lại là nước, là mặt trăng, thuộc âm, vậy là quẻ Khảm vừa là dương lại vừa là âm! Bát quái lấy quẻ Tốn, Li, Đoài là âm, nhưng Li lại là lửa là dương, thuộc dương, thế là quái Li vừa là âm lại vừa là dương. Thầy bói thích nói gì thì nó ra thế.

Hai là, bát quái đoán mệnh khiến người ta hiểu thế nào cũng được. Theo "Tả truyện. Chiêu công thất niên" chép sau khi Vệ vương công chết, lập con cả Mạnh Trấp hay lập con thứ là Nguyên? Các đại thần mời quan bốc phệ bói một quẻ, lần đầu được quẻ Truân ䷂, lần sau được quẻ Tỉ ䷇, hào sơ từ dương biến thành âm. Đại thần Sử Trào thấy quái từ có chữ "Nguyên hanh" cho rằng phải lập Nguyên. Đại thần Khổng Thành tử lại cho rằng "Nguyên" là "trưởng", phải lập con trưởng Mạnh Trấp. Hai bên tranh cãi không ngã ngũ, chẳng biết nên theo bên nào!

Mỗi quái tượng đều biến hóa khôn lường. "Tả truyện. Nhương công hai mươi lăm", chép: Đại phu nước Tề là Thôi Trữ xem bói để quyết định lấy hay không lấy quả phụ Thường Mĩ. Ông ta được quẻ "Khôn Chi quái Đại Quá". Quẻ Khôn có tượng lấy vợ lấy chồng, Đoài ☱ là thiếu nữ, Khảm ☵ là trung nam (nam đã trưởng thành), lấy thì hợp. Nhưng Khảm biến thành Tốn, tức phu (chồng) biến thành phong (gió). Đoài ở trên Tốn, tức vợ ở trên gió, gió thổi bay mất vợ, vậy là quẻ hung.

Nếu bạn có cùng một chuyện mà tìm hai thầy đoán mệnh, bạn sẽ nhận được hai kết quả khác nhau. Nếu bạn bói cùng một thầy

nhưng vào hai thời điểm khác nhau, bạn sẽ nhận được kết quả khác nhau. Một người chuẩn bị đi xa, buổi sáng đến thầy X bói được quẻ Khảm. Khảm là nước, hợp với hành trình bằng đường thuỷ. Buổi chiều đến bói ông thầy mù, kết quả là biến quái, được quẻ Li, Li là lửa, không hợp với đi đường thuỷ. Người này tất nhiên nổi cáu, chửi ông thầy một trận.

Để tránh mâu thuẫn, "Chu Dịch" qui định" "sơ phệ cáo, tái tam độc" (bói một lần rồi thôi, hai ba lần thì bất kính). Bói nhiều lần tức là không tin vào bói toán, tỏ ra bất kính với quỉ thần, nên không cho kết quả.

Là thầy bói, kĩ năng cơ bản là phải giỏi ứng biến, biết làm ra vẻ bí ẩn, quan sát thần thái người xem bói mà đoán chừng họ đang ở trạng thái nào, rồi vận dụng kiến thức bát quái mà đoán quẻ, khiến người xem quẻ tin phục.

Tóm lại, bát quái một khi đã rơi vào tay thầy bói thì trở nên hoàn toàn giả dối và bậy bạ, ta không nên mắc lừa.

27. MỘT CHIẾN DỊCH CHƯA TỪNG CÓ TRONG LỊCH SỬ VỀ NGHIÊN CỨU DỊCH

Trong lịch sử học thuật, chưa bao giờ công việc nghiên cứu chú giải cho một quyển sách, về mặt thời gian, số người tham gia và về quy mô, như "Chu Dịch". Cho đến nay, có không dưới ba nghìn học giả nghiên cứu học thuyết bát quái và chú giải Dịch, quả là một chiến dịch không tiền khoáng hậu. Chiến dịch này ngày càng phức tạp, liên tiếp có những cao trào. Thanh thế thì lớn như vậy, nhưng thành tựu thì bình thường, chỉ đến thời đương đại, việc nghiên cứu

chú giải dịch mới bước sang một giai đoạn mới hoàn toàn. Dưới đây xin tóm tắt việc nghiên cứu Dịch qua các thời kỳ:

Thời kì Chiến quốc là giai đoạn mở đầu truyền bá Dịch học. Khổng tử dạy cho Thương Cụ, Thương Cụ truyền cho Tử Dung. Tử Dung truyền cho Tử Cung, truyền cho Tử Gia, Tử Gia truyền cho Tử Thừa, Tử Thừa truyền cho Tử Trang, Giáo án dạy học của họ đã thất truyền, chỉ còn một sách duy nhất "Tử Hạ Dịch truyện" của Tử Hạ mà môn đệ của Khổng Tử cho rằng tu dưỡng đến mấy cũng không làm được như sách dạy. Sau Khổng Tử, đây là bộ sách sớm nhất chú thích Dịch, đặt nền móng cho Dịch học. Thời kỳ này Dịch học ngày càng nho học hoá, âm dương gia hoá.

Đời Hán là giai đoạn hưng thịnh của Dịch học. Đặc điểm của giai đoạn này là: 1) Số người rất đông, như Thi Cừu người đất Bái, Mạnh Hỉ người Đông Hải, Lương Hưu Hạ người Lang Nha, Kinh Phòng người Đông Kinh, Phí Trực người Đông Lai, đều là những đại sư về Dịch học. "Hán chí" ghi chép tác truyện cho Dịch có mười ba nhà, công 294 thiên, chưa kể các nhà Dịch học đời Đông Hán. 2) Được nhà cầm quyền coi trọng, như Hán Vũ Đế, Hán Tuyên Đế, Hán Nguyên Đế đều coi trọng Dịch học, đưa lên tầm quan học, đặt chức Bác sĩ, dưới Bác sĩ là các học trò, chuyên môn nghiên cứu Dịch. 3) Đã xuất hiện sự khác nhau rõ rệt trong nghiên cứu Dịch và chú giải Dịch. Họ Thi, họ Mạnh, họ Lương, họ Kinh đều là những nhà văn. Kinh Phòng học Dịch ở Tiêu Diên Thọ. Tiêu Diên Thọ soạn "Dịch lâm", Kinh Phòng soạn" Kinh Phòng Dịch truyện", hai người mở ra môn Nạp Giáp âm dương Dịch số học. Phí Trực đứng đầu các nhà văn học cổ, đứng bên ông là Trần Nguyên người Kinh Triệu, Mã Dung người Phù Phong, Trịnh Chúng người Hà Nam,

Trịnh Khang Thành người Bắc Hải, Tuân Sảng người Dĩnh Xuyên. Tuân Sảng thành đạt nhất về nghiên cứu chú giải Dịch. Người đời sau tập hợp Dịch học của chín nhà đó thành sách, Sử gọi là Tuân cửu gia" (chín tác giả do Tuân đứng đầu). Trịnh Khang Thành lúc đầu học Dịch số ở Kinh Phòng, sau học thuyết của Phí Trực, ông dung hòa quan điểm cổ kim của hai phái, do đó ảnh hưởng rất lớn. 4) Các nhà chú thích Dịch đời Hán thiên về khảo cứu chứ nghĩa, chú thích cực kỳ rắc rối về "Chu Dịch", không coi trọng nghiên cứu nghĩa lý của bát quái. 5) Kết hợp Dịch học với thiên văn lịch pháp, chịu ảnh hưởng của chiêm tinh và thuyết thiên nhân cảm ứng, hình thành mọi hệ thống mà trung tâm là thuyết quái khí. Dịch học ở thời kỳ này ngày càng đi sâu vào bói toán.

Từ Nguỵ Tấn đến Đường là giai đoạn Dịch học phát triển. Đặc điểm của thời kỳ này là: 1) Chú thích ngắn gọn, rõ ràng, loại trừ tận gốc phương thức chú thích rườm rà của đời Hán. 2) Nặng về nghĩa lý, giải thích bát quái từ góc độ triết học. Nguyên Tịch, Chu Bật thời Nguỵ Tấn dùng "Lão Trang" nghiên cứu Dịch, bát quái thêm mầu sắc Huyền học, trở thành một trong "tam Huyền" (Chu Dịch, Lão tử, Trang tử). 3) Đã có những thành tựu mang tính tổng kết, Lý Đỉnh Tộ đời Đường viết "Chu Dịch tập giải", tập hợp luận thuyết của các nhà Dịch học từ Đường trở về trước, rất tiện cho việc tra cứu. Thời kỳ này Dịch học ngày càng Lão Trang hoá, thần tiên gia hoá.

Đời Tống là giai đoạn Dịch học sáng tạo cái mới. Bắt đầu từ Trần Chuyển, các học giả kết hợp "Chu Dịch" với tượng số, lý học, coi Hà đồ Lạc thư là nguồn gốc của bát quái, hoà trộn Dịch học với Đạo học để trở thành tân Nho học. Trần Chuyển lập ra tiên thiên

đồ, hậu thiên đồ, truyền ba đời đến Thiệu Ung. Thiệu Ung coi trọng tượng số, cho rằng vũ trụ là do "tượng" và "số" điền hóa mà thành. Thiệu Ung lại truyền cho Chu Hi. Chu Hi có để lại cho đời sách "Dịch bản nghĩa". Phái này người đời sau gọi là phái Đồ Thư. Ngoài ra có Trình Di soạn "Dịch truyện", thiên về giải lý, cho rằng có lý rồi mới có tượng, có tượng rồi mới có số, người đời sau gọi phái này là phái Nghĩa lý. Phạm Trọng Yêm, Âu Dương Tu, Vương An Thạch... đời Tống là những nhà chính trị nhiệt tâm nghiên cứu Dịch học, người nào cũng có những kiến giải độc đáo. Thời kỳ này, Dịch học ngày càng Đạo sĩ hoá, Lý học hoá.

Đời Minh là giai đoạn Dịch học trầm lắng. Trương Cư Chính rất thích Dịch học, nhưng ông không có gì thành đạt. Thời kỳ này có các sách "Thái ất số thống tông", "Chu Dịch thiện giải"... nhưng sa vào các quan niệm về tai ương, sai sót, lỗi lầm... Dịch học ngày càng mê tín hoá, bị ghép cùng phường với bọn giang hồ thuật sĩ.

Đời Thanh là thời kỳ Dịch học lại hưng thịnh. Các học giả đứng đầu là Huệ Đống, Tiêu Tuần ra sức bài xích Tống học, tuyên dương Hán học, nặng về khảo cứu. Hoàng Tôn Nghĩa, Phương Di Trí có nhiều sáng tạo trong Dịch Học, đặc biệt là Vương Phù Chi ẩn cư ở Bàn Sơn chuyên tâm nghiên cứu Dịch, dùng quan điểm duy vật chất phác và phép biện chứng để nghiên cứu bát quái, khiến Dịch học bước sang một chân trời mới, để lại cho đời sau một tài sản văn hóa quí báu. Dịch học ngày càng được canh tân.

Cho đến thời đương đại, Dịch học bước sang giai đoạn đại phát triển và sáng tạo. Những đặc điểm chủ yếu: 1) Trong nghiên cứu, các học giả gắn Dịch học với cổ sử, như Trương Thái Viêm, Hồ Phác An... 2) Các học giả dùng quan điểm của chủ nghĩa duy

vật lịch sử kết hợp với xã hội học cổ đại để nghiên cứu Dịch, như Quách Mạt Nhược, Văn Nhất Đa... 3) Các học giả nghiên cứu Dịch từ góc độ khoa học kỹ thuật, nhằm tìm ra những điều cực kỳ ảo diệu trong Dịch, như Lã Tử Phương, Tiết Học Tiềm... 4) Đội ngũ nghiên cứu ngày càng đông đảo, lan ra cả hải ngoại, có những chuyên gia về Dịch học tại Mỹ, Nhật, Anh, Pháp... ở trong nước, đã xuất hiện một đội ngũ học giả nổi tiếng, gồm Cố Hiệt Cương, Nhiệm Kế Dụ, Cao Hanh, Lý Kính Trì, Kim Cảnh Phương, Trương Chính Lương, Tiêu Sáp Phu..., những người nổi lên sau này thì không kể hết, được. Có những tổ chức nghiên cứu, chuyên san ra định kỳ, những cuộc hội thảo không định kỳ, các buổi thuyết trình, hàng năm xuất bản một khối lượng lớn bài viết và sách mới. Nền Dịch học già nua trở lại tuổi thanh xuân, khó mà đánh giá hết tương lai của Dịch học.

2

QUAN NIỆM TƯ TƯỞNG

1. ÂM DƯƠNG ĐỐI LẬP VÀ PHÉP LƯỠNG PHÂN

Khi mở sách "Chu Dịch" người ta có ấn tượng sâu sắc là, bộ sách thần bí này hầu như chỉ dùng khái niệm đối lập làm cơ sở, tức mọi thứ trên đời đều có một sự vật đối lập như đồ thị dưới đây:

Trời	tôn (quí)	cao	to	động	dương	càn	cương	dụng (dùng)	đao (khí)
Đất	ti (tiện)	thấp	nhỏ	tĩnh	âm	Khôn	nhu	bỏ	khí (vật)
Phúc	ctá	quân	cha	mặt trời	công	sống	ngày	nóng	tự nhiên
hoạ	hung	thần	mẹ	mát trăng	tội	chết	đêm	lạnh	người làm ra

Ngay cả tám quẻ cũng đối lập từng đôi một, thí dụ: Quẻ Càn là cha, quẻ Khôn là mẹ,

Quẻ Chấn là nam, quẻ Tốn là nữ cao tuổi (trưởng nữ)

Quẻ Khảm là trung nam (nam đã trưởng thành), quẻ Li là trung nữ (nữ đã trưởng thành)

Quẻ Cấn là thiếu nam (vị thành niên), quẻ Đoài là thiếu nữ (nữ vị thành niên).

Quẻ nào cũng có quẻ tương ứng, không quẻ nào chơ vơ một mình.

Bát quái dùng phép lưỡng phân để tìm ra bản chất của sự vật, tìm hiểu đạo của trời, đất, người. Điều này rất thú vị, nó biểu đạt tư tưởng phép biện chứng chất phác của Trung Quốc cổ trên thực tế.

Phù hiệu cơ bản của bát quái là " ___ " và " _ _ ", tức sự đối lập giữa đương và âm, đây là điểm cơ bản nhất của phép lưỡng phân, sự đối lập của tất cả sự vật đều bắt nguồn từ từng cặp đối lập mà ra. Cái gọi là "Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi", "hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên" (Thái cực sinh lưỡng nghi (trời đất), có trời đất rồi mới có vạn vật). Bát quái lại dùng hai khái niệm cơ bản này tổ chức nên 4 hình thái mâu thuẫn đối lập gồm từng cặp tương ứng, tức bát quái, rồi lại từng cặp, từng cặp của bát quái, cấu tạo thành ba mươi hai cặp đối lập, tức sáu mươi tư quái, từ đó, trình bày mâu thuẫn của thế giới dưới dạng đồ thị.

Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác dạy ta rằng, mọi sự vật, trong giới tự nhiên và xã hội đều có liên hệ với nhau, mọi sự vật đều tồn tại mâu thuẫn đối lập, chính là sự vật phát triển, vận

động, biến hóa trong sự mâu thuẫn thống nhất đó. Những người sáng tạo ra bát quái tất nhiên không có khả năng nhận thức sâu sắc đến như vậy triết lý trừu tượng này, tuy nhiên, những người cổ xưa thích tìm hiểu bản chất của sự vật cảm thụ một, cách tự nhiên vấn đề đối lập của sự vật. Khi họ mở mắt ra, đầu tiên là qua thị giác nhìn thấy trời, sau đó cảm nhận được chỗ mình đứng là đất, thế là quan niệm về trời đất ngự trị trong đầu họ, từ đó, nẩy nở những khái niệm tốt về đối lập giữa trời đất, Càn Khôn, âm dương, hơn nữa những khái niệm đó không ngừng phát triển, "có trời đất rồi mới có vạn vật, rồi mới có đàn ông đàn bà, có đàn ông đàn bà rồi mới có vợ chồng,..., từ đó suy ra không biết bao nhiêu sự vật đối lập khác.

Đương nhiên chỉ là sự phân chia hai mặt một cách đơn giản thì không khó, nhưng nâng phép lưỡng phân lên thành qui luật phổ biến, giải thích sâu sắc quan hệ tổ hợp giữa các sự vật đối lập, thì đòi hỏi phải là thông minh trí tuệ, và về điểm này thì bát quái rất nổi tiếng.

Trước hết, bát quái cho rằng hai bên đối lập bao giờ cũng thống nhất. "Càn là trời, Khôn là đất", đất chịu sự che phủ của trời, hai bên phối hợp chặt chẽ, dựa vào nhau, không thể chia lìa. "Âm cần dương, dương cần âm". Trong âm có dương, trong dương có âm, âm dương giao cảm mà trở thành một thể hoàn chỉnh. Không chỉ có vậy, phàm là hai bên đối lập nhau, đều phải dựa vào nhau, không thể tách ra, hoạ phúc, cát hung, nam nữ, vợ chồng, mềm rắn (cương nhu), trên dưới đều như vậy.

Mặt khác, hai mặt của mâu thuẫn lại đối lập với nhau. Âm dương đối lập, do đó, những sự vật nảy sinh từ đó cung không ngoại lệ, đều thể hiện đối lập và xung đột giữa các mâu thuẫn trong vũ trụ. Càn là trời, Khôn là đất, thiên tôn địa ti, do đó dương tôn (cao

quý) âm ti (thấp kém), chủ tôn người hầu ti, quân tôn thần ti, cha tôn con ti, chồng tôn vợ ti, nam tôn nữ ti, quân tử tôn tiểu nhân ti, cấu thành một lô những mối quan hệ đối lập. Ta thấy trong bát quái chỗ nào cũng thể hiện mâu thuẫn.

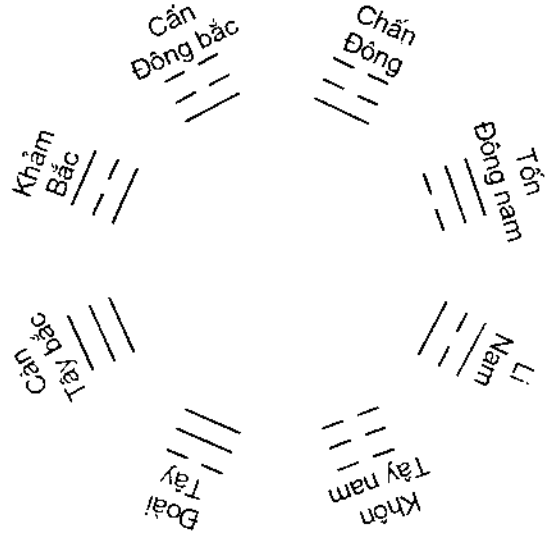
Lại nữa, hai mặt đối lập chuyển hóa lẫn nhau, từ đó nảy sinh vận động, biến hoá. Bát quái nhấn mạnh biến hoá, cho rằng căn cứ để biến hóa là sự chuyển hóa mâu thuẫn giữa hai bên. Nói chung, khi sự vật phát triển đến cực điểm, thì xã hội chuyển hóa sang phía đối lập. Thí dụ, sáu hào của quái Càn, tính từ dưới lên, phát triển đến thượng cửu thì chuyển hóa thành quái Khôn, vì vậy, "Càn, Thượng cửu" viết: "Kháng long hữu hối", kháng long nghĩa là tận cùng, cùng cực, sẽ phát sinh biến đổi về chất, do đó nên có sự tỉnh ngộ, suy nghĩ cho kỹ. Quá cương sẽ chuyển sang nhu, nghĩa là không thể tiến được thì lui. "Vật cực tất phản" (sự vật phát triển đến hết mức thì theo hướng ngược lại), "bĩ cực thái lai", đều từ những góc độ khác nhau giải thích sự chuyển hóa giữa các mặt đối lập.

Bát quái phản ánh một cách chất phác tư tưởng thống nhất giữa các mặt đối lập, và dùng phù hiệu để biểu đạt một cách hệ thống tư tưởng này, chỉ ra quan hệ tổ hợp giữa các sự vật đối lập. Từ bát (tám) quái đến 64 quái, mỗi quái sáu hào, có thứ tự trên dưới, kết cấu nghiêm ngặt, một hào thay đổi thì một quái thay đổi, một quái thay đổi thì đổ vỡ cả 64 quái. Sự sáng tạo số lý hóa của phép lưỡng phân này, rõ ràng là đã mở đường cho việc đi sâu nghiên cứu sự vật.

Căn cứ vào những điều trên, ta thấy bát quái không phải là sản phẩm của sự vật sáng tạo tuỳ tiện, nó là kết quả của quan sát, phân tích và suy ngẫm của tổ tiên đối với sự vật khách quan, nó phản ánh sự vật khách quan, do đó, tư tưởng của bát quái có nhiều

điểm nhất trí với quy luật thống nhất giữa các mặt đối lập hiện đại. Chính vì vậy, ta hoàn toàn có thể nói rằng, bát quái là cái mốc của dân tộc Trung Hoa, từ mông muội, dã man tiến lên văn minh, đã tiến một bước dài so với quan niệm tôn giáo nguyên thuỷ của người dã man. Tuy trên mình nó còn vương những vết tích của hữu thần luận, nhưng điều đó không làm hại đến vẻ đẹp của nó. Tư tưởng sự thống nhất giữa các mặt đối lập của bát quái là khởi điểm để dân tộc Trung Hoa suy nghĩ về các vấn đề, do vậy những con người hiện đại có thể tìm thấy ở đây quan niệm về mâu thuẫn về hình ảnh đầu tiên của thông minh tài trí.

2. QUAN NIỆM HỆ THỐNG CỦA BÁT QUÁI



Hình 23 - Văn vương bát quái đồ

Trên đây là bát quái đồ của Văn Vương mà ta thường thấy và đơn giản nhất. Qua đồ thị, ta thấy bát quái quyết không phải chỉ thuyết minh đặc trưng của mỗi quái, mà là tổ chức các quái thành một chỉnh thể, thuyết minh toàn diện thế giới vạn vật. Vì vậy, bát quái có một hệ thống quan niệm chặt chẽ, quan niệm này có từ thời xã hội nguyên thuỷ, tuy nhiên đến thời có bát quái, hệ thống quan đã trở thành một hình thái quan niệm vững chắc.

Đặc điểm thứ nhất của hệ thống quan của bát quái là tính toàn diện. Từ phương diện khái quát, nó cố gắng tìm hiểu thiên đạo (đạo trời), địa đạo (đạo đất), nhân đạo (đạo làm người). Ta biết rằng, mở đầu cho 64 quái là quái Càn và Khôn, chúng có một vai trò cực kỳ quan trọng, vì rằng hai quái này là trời và đất, "có trời đất rồi mới có vạn vật". Càn được cấu tạo bởi sáu hào dương, Khôn được cấu tạo bởi sáu hào âm, âm dương chồng chéo lên nhau thành 64 quái. Đồng thời Càn Khôn tuy tượng trưng cho trời đất, nhưng không chỉ nói về trời đất, mà là kết hợp nhân sự để nói về trời đất, "lập thiên chi đạo viết âm dữ dương, lập địa chi đạo viết cương dữ nhu, lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa" (đạo trời là âm và đương, đạo đất là cương và nhu, đạo người là nhân và nghĩa). Chủ ý tất nhiên là lấy đạo của trời đất để nói về đạo của người. Đây chính là tính chất bao quát toàn diện của bát quái.

Từ phương diện chi tiết, bát quái có thuyết minh cụ thể về các hiện tượng tự nhiên và các hiện tượng xã hội. Về thiên văn, có mặt trời, trăng sao; về địa lý có đồng ruộng, vực sông, rừng, châu thổ; về động vật, có rồng, ngựa, hổ, trâu; về thực vật có cỏ mao, dâu, cây tì bà, dưa. Đồng thời bát quái còn thâm nhập, thuyết minh cụ thể về xã hội, nhân sự như cúng tế, chiến tranh, săn bắn, nông nghiệp,

buôn bán, hôn nhân, kiện tụng; về cơ thể, có thân thể, da, tai, mũi, lưỡi.v.v...; về các thứ cho cuộc sống, có nhà cửa, giếng, búa; về chức nghiệp, có đại nhân (làm quan), vũ nhân (theo nghiệp võ); gia nhân (đầy tớ), u nhân (thầy cúng thậm chí coi bát quái như một gia đình, có cha mẹ, con trai, con gái. Có thể thấy bát quái là một mô thức tư duy hoàn chỉnh, nó dùng tính toàn diện để quan sát thế giới vạn vật, coi đối tượng như một hệ thống để quan sát.

Đặc điểm thứ hai trong quan niệm hệ thống của bát quái là tính thống nhất, biểu hiện chủ yếu trên các mặt sau:

1. Mỗi quái là một thể thống nhất hữu cơ. Sáu mươi tư quái, mỗi quái sáu hào, tên của quái đều nằm trong chủ ý của quái, các hào đều bám chắc chủ ý của quái mà triển khai. Nhìn theo chiều ngang, mỗi quái đều có một trung tâm quán xuyến toàn quái, sáu hào liên kết quanh trung tâm thành một thể hoàn chỉnh nhỏ. Nhìn theo chiều dọc, mỗi quái lại là một hệ thống nhỏ, sáu hào của quái tương đương với các lớp lang trong hệ thống. Như sáu hào của quái Càn, từ tiềm long (rồng đang ẩn) đến xuất hiện, đến vọt lên, đến bay lên trời, cuối cùng lên tới cực điểm, đây là một quá trình mà khâu họ nối vào khâu kia, tầng sau cao hơn tầng trước, khâu nối tiếp khâu, tầng chồng tiếp tầng.

2. Trong 64 quái, hai quái trước sau nối tiếp nhau thường thường cấu thành một thể thống nhất có quan hệ hữu cơ. Từ quái tượng mà xét, 64 quái, trong đó có 8 quái: Càn, Khôn, Di, Đại Quá, Khảm, Li, Trung Phu, Tiểu Quá, dùng phương pháp "biến" xếp cùng với nhau các quái hỗ biến của bốn nhóm hào âm hào dương. Còn 56 quái kia tất dùng phương pháp biến, một phản một, chính,

từng đôi xếp bên nhau, đến quái "Kí Tế, Vị Tế thì kết thúc, cấu thành một vòng tròn.

3. Trong mỗi quái, hào sơ và hào thượng có điểm tương thông rõ rệt, thậm chí dùng cùng một từ ngữ. Như từ "chỉ" (ngón chân), hào sơ và hào thượng của quái Đại Tráng đều có từ này. Do vậy, tư tưởng chỉ đạo của bát quái là lấy hào sơ làm nền, hào thượng làm đỉnh mà tiến hành sắp xếp thống nhất.

4. Sáu mươi tư quái, ngoài quái từ, hào từ ra, còn có tính thống nhất của quái tượng. Mỗi quái tượng đều đặt trước tên quái và quái từ của quái đó. Sáu mươi tư quái, mỗi quái gồm 6 quái tượng hợp thành, tạo nên 384 quái tượng. Những quái tượng này cực kỳ nghiêm chỉnh, thêm một là thừa, bớt một là thiếu, thay một biến thành quái khác. Vì vậy, tuỳ tiện thay đổi hào tượng của quái là phá vỡ tính thống nhất của quái.

Đặc trưng thứ ba trong quan niệm hệ thống của bát quái là tính kết cấu. Ta biết rằng, đồ hình bát quái đại biểu cho hình tượng của động thái muôn màu muôn vẻ của thế giới và vũ trụ gồm hàng triệu nội dung và biến hóa phức tạp. Vậy mà chúng chỉ do hai phù hiệu đơn giản là hào âm và hào dương tạo nên. Hai hào âm dương sở dĩ có vai trò to lớn đến như vậy, chính là do bát quái đã vận dụng được nguyên lý mọi sự vật đều có mối liên hệ đạc định và nguyên lí kết cấu, từ đó dùng lối kết cấu chặt chẽ để qui phạm mô thức của bát quái.

Bát quái lấy quan hệ và kết cấu làm cơ sở, và trong mối quan hệ kết cấu phức tạp, nó xác lập mối quan hệ kết cấu cơ bản nhất, đó chính là quan hệ kết cấu giữa các mặt đối lập của âm dương. "Quái

Tổn. Lục tam" viết: "Tam nhân hành tắc tổn nhất nhân, nhất nhân hành tất đắc kỹ hữu" (nhóm ba người thì thế nào cũng có một người bị gạt ra, nếu chỉ một mình thì thế nào cũng tìm thêm bạn). Câu này nói về quan hệ thống nhất giữa các mặt đối lập. Sự vật bao giờ cũng kết thành đối lập mà tồn tại, bao giờ cũng theo phương thức thống nhất giữa các mặt đối lập mà vận động tiến lên, vì vậy thừa một người không được, thiếu một người không xong. Chính là bát quái đã quán xuyến tư tưởng này trong khi sắp xếp các quái từ và hào từ.

Ngoài việc thống nhất giữa các mặt đối lập của âm dương làm kết cấu cơ bản bước đầu, trong bát quái còn hai mô thức kết cấu cơ bản, một là kết cấu sáu hào để cấu thành quái khác, một là kết cấu bát quái do bát quái tạo nên.

Kết cấu bát quái phối trí theo nguyên tắc "Càn Khôn thoái cư, lục Tí dụng sự". Ta biết rằng, dương khí ở trên, âm khí ở dưới, như vậy là thuận. Vậy quái Chấn☳, dương ở dưới sẽ bốc lên, âm ở trên sẽ sa xuống, vừa vặn tương phản, mà dương khí thì mới bắt đầu bốc lên, nên phối trí ở phương đông - mặt trời mới mọc; quái Đoài ☱ âm dương tương phản mà dương khí đã thịnh, âm khí tiêu trưởng, nên phối trí ở phương tây, nơi âm khí tiêu trưởng; quái ☵ Khảm hào dương ở trung vị; quái Li☲, hào âm ở trung vị, đều ở vào thời kỳ thịnh của âm dương tương giao, vậy nên phối trí hai quái này trên tuyến Tí Ngọ, Khảm ở phương bắc, Li ở phương nam; quái Tốn ☴, quái Cấn ☶ đều là dương ở thượng vị, âm ở hạ vị, dương bay lên trên, âm sa xuống dưới, âm đương không có sự giao cảm, vì vậy phối trí lệch đi: Cấn tại đông bắc, Tốn tại đông nam;

quái Càn ☰ thuần dương, quái Khôn ☷, thuần âm, âm dương hoàn toàn không giao cảm, do đó phối trí ở phương vị hoàn toàn không dùng để làm gì, Càn tại tây bắc, Khôn tại tây nam. Như vậy âm dương giao cư thì ở vị trí chính, không giao cư thì ở vị trí lệch, thể hiện (Càn Khôn thoái cư, lục Tí dụng sự", tạo thành kết cấu bát quái (Xem đồ thị ở đầu chương).

Kết cấu sáu hào là do sáu vạch hào chồng lên nhau mà thành. Như sáu hào của quái Càn, từ dưới lên là Sơ cửu, Cửu nhị, Cửu tam, Cửa tứ, Cửu ngũ, Thượng cửu. Ba hào trên và ba hào dưới tạo thành hai kinh quái, trở thành hai hệ thống Tí trực thuộc hệ thống sáu hào. Giữa sáu hào và hai kinh quái hình thành quan hệ kết cấu vững chắc. Trước hết, vị trí xếp theo thứ tự của sáu hào có ý nghĩa rất quan trọng. Hào Sơ là sự vật mới khởi đầu, hào Thượng là sự vật kết thúc. Khi còn là hào Sơ rất khó nhìn thấy sự phát triển của sự vật, đến hào Thượng thì biết rõ toàn bộ kết cục. Bốn hào giữa có ý nghĩa quyết định đối với nhận thức về tiến trình của sự vật. Hào nhị và hào tứ, về thứ tự ở vị trí số chẵn, là âm vị, công năng giống nhau, nhưng vị trí khác nhau nên tác dụng khác nhau, hào nhị nhiều triển vọng, hào tứ nhiều điều sợ (vì ở sát vị trí quân). Hào tam và hào ngũ đều ở vị trí lẻ, là dương vị, đều ở vị trí cương kiện, chủ sự, nhưng hào tam ở dưới thuộc vị trí thấp hèn, nhiều mối lo âu rất dễ sơ suất, hào ngũ ở trung vị của thượng quái là vị trí cao quí trong sáu hào, vị trí của bậc quân vương, do vậy nhiều lợi lộc. Lại nữa, khi bói nếu xem xét cả đến tính chất âm dương của các hào vị, thì tình hình càng thêm phức tạp. Như bói được hào tam, hào ngũ là hào âm thì rất nguy hiểm, vì vị trí ba, năm là vị trí dương, hào âm ngồi vào vị trí dương, tức là không xứng với chức vụ, sự việc không đúng chỗ,

thậm chí đây là trường hợp đàn bà lộng quyền. Ngược lại, nếu bói được hào dương ở dương vị thì thuận với lý và thành công. Đối với hào vị của hào nhị, hào tứ cũng vậy.

Do kết cấu của bát quái và kết cấu của sáu hào có thể nhìn là thấy, nên quan niệm hệ thống của bát quái rất mạnh, gần như dùng quan hệ kết cấu để giải thích toàn bộ sự việc. Chính vì vậy mà khi phân tích sự vật hoặc bói cát hung đều phải tuân theo nguyên tắc này. Khi suy ngẫm về một hào, hoặc bói một quẻ, trước hết, không nên lý giải bắt đầu từ thuộc tính của hào từ của hào và quái đó, mà phải bắt đầu từ vị trí trong thể hoàn chỉnh của bát quái, và phải bắt đầu từ vị trí của chúng trong kết cấu của sáu hào, tức phải bắt đầu từ quan hệ giữa chúng với các nguyên tố khác mà tiến hành phân tích, rồi kết hợp thuộc tính của bản thân chúng với hào từ của chúng, như vậy mới lý giải một cách chính xác sự tiến triển của sự vật. Nguyên tắc này của bát quái đúng với yêu cầu cơ bản của hệ thống hiện đại.

3. ĐIỀU KIỆN QUYẾT ĐỊNH TẤT THẢY: TÙY THỜI CƠ MÀ HÀNH ĐỘNG

"Khuê. Lục tam" viết: "Kiến dư duệ, kỳ ngưu xệ, kỳ nhân thiên thả nghị" (thấy xe đi tới, nhưng con bò bị cản không tiến được, người bị cắt tai xẻo mũi). Trên đây là hào từ Lục tam của quẻ Khuê, nói rằng có một người định cho xe lùi lại, lẽ ra anh ta phải ghìm thừng, vung roi nạt con bò lui lại, nhưng anh ta lại không làm thế. Anh ta dùng tay kéo lùi xe trong khi con bò vẫn dấn tới, như vậy làm sao lùi được xe? Con người đần như vậy, hành động mù quáng như vậy thì tránh sao được tai hoạ, thậm chí có thể phạm những tội tày đình, bị

hình phạt cắt tai xẻo mũi. Đây là một hào từ tuyệt diệu, chứa đựng một triết lý sâu sắc: Trong bất cứ công việc gì, người ta đều phải căn cứ vào điều kiện lúc bấy giờ mà hành động, không được có hành động ngu xuẩn khi điều kiện không cho phép.

Bát quái rất coi trọng hoàn cảnh, lấy quẻ Càn làm ví dụ:

Càn, nguyên hanh lợi trinh (Càn có bốn đức: đầu tiên và lớn, hanh thông, thích đáng, chính và bền) Sơ cửu: Tiềm long, vật dụng (Rồng còn ẩn náu, chưa (đem tài ra) dùng được).

Cửu nhị: Kiến hiện long vu điền, lợi kiến đại nhân (Rồng đã hiện ở cánh đồng, ra mắt đại nhân thì lợi) Cửu tam: Quân tử trung nhật càn càn, tịch dịch nhược. Lệ, vô cữu.

(Người quân tử suốt ngày hăng hái tự cường, đến tối vẫn sợ mình chưa làm tốt. Nguy hiểm, nhưng không tội lỗi).

Cửu tứ: Hoặc được tại uyên, vô cữu (Như rồng có khi bay nhảy, có khi nằm trong vực (biết tuỳ thời như thế, không lầm lỗi).

Cửu ngũ: Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân (Rồng bay lên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì lợi).

Thượng cửu: Kháng long; hữu hối (Rồng lên cao quá, có hối hận)

Dụng cửu: Kiến quần long vô thủ, cát (Thấy bầy rồng không có đầu, tốt)

Mỗi hào của bát quái đều đại biểu cho thời gian và địa điểm nhất định, do đó, nội dung của hào này không giống hào kia. Quẻ Càn lấy rồng làm tượng trưng, biểu thị hàm ý của quẻ. Con rồng lúc

đầu còn ẩn dưới đáy nước, sau đó xuất hiện trên cánh đồng, sau đó vùng vẫy trong vực thẳm, sau đó bay trên trời, sau đó rớt xuống đầm. Cuối cùng là một bầy rồng hiện ra trong mây. Trong truyền thuyết cổ xưa, rồng là con vật linh thiêng, có thể sống dưới nước trên cạn và trên không, bất luận sống trong hoàn cảnh nào đều không bị bất lợi, trừ phi rớt xuống đầm mới coi là rủi ro (Thượng cửu). Quẻ này là dùng con rồng để tượng trưng cho hoàn cảnh hoặc điều kiện lợi hay không lợi. Trong điều kiện "tiềm long", người ta không yêu cầu góp mặt với đời, điều kiện vẫn chưa chín muồi; khi "kiến long vu điền" là đã có thể tung hoành, làm nên công chuyện; "kháng long hữu hối" nói rõ tình hình đã thay đổi, phải kìm bớt hành động lại, không nên làm liều, nếu không, vật cực tất phản, hối cũng không kịp. Ta thấy bát quái nhấn mạnh con người trong những hoàn cảnh khác nhau, sẽ có những kết quả khác nhau, do vậy, phải dựa vào thời gian, địa điểm, điều kiện mà chuyển hướng hành động cho thích hợp.

Dẫn thêm một bước, bát quái lại chia hoàn cảnh chủ quan khi xem xét hoàn cảnh, điều kiện thành bại của con người. Điều kiện chủ quan nói lên đặc trưng hoàn cảnh về mặt nhân sự. Cụ thể là:

1) Năng lực chủ quan không đủ mà lại gánh lấy trọng trách, cuối cùng bị đổ bể mà mang hoạ. Quẻ "Lí. Lục tam" viết: "Một người vừa mù vừa thọt mà lại đi xem con vật đang đi trên đường, hậu quả là dẫm phải đuôi hổ, bị hổ ăn thịt, rõ ràng đây là hào xấu".

2) Nỗ lực chủ quan chưa đủ, không thể khắc phục khó khăn dù là khó khăn nhỏ, do vậy, hễ đụng vào việc là bê bối. "Khốn. Thượng lục" viết: "Một người bị dây rợ níu chặt không thể gỡ ra đến nỗi loạng choạng không vững, và liên tiếp gặp rủi ro".

3) Nhận thức chủ quan không đủ là có hành động sai lầm, vi phạm quy luật khách quan, kết quả là chuốc lấy tai hoạ. "Khuê. Lục tam" viết: "Một người dùng tay kéo xe lùi lại mà con bò thì đang dướn lên kéo xe đi." Đây là nhận thức không đầy đủ mà ra.

4) Chủ quan đại khái, chắc chắn sẽ vấp váp khi gặp một trở ngại dù nhỏ. "Khốn. Lục tam" viết: "Một người bị đá đè phải chân lại túm lấy cây tật lê để giữ cho khỏi ngã, kết quả càng bị sa lầy. Qua loa bôi bác thì khi hành động chỉ có thể dựa vào kẻ xấu, cuối cùng là lãnh đủ.

5) Biện pháp chủ quan không thích ứng với điều kiện khách quan, dẫn đến tổn thất. "Tỉnh. Cửu nhị" viết: "Có người đùng tên bắn cá nhỏ dưới giếng, kết quả bắn không trúng cá mà lọ múc nước thì bị vỡ. Bắn cá là bắn cá lớn ở sông hồ, biển cả, bắn cá kiểu trên thì chỉ chuốc lấy tai họa.

Xuất phát từ luận điểm điều kiện quyết định tất cả, bát quái cũng phân tích vấn đề điều kiện khách quan. Những điều kiện khách quan ấy là thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, quan hệ...Quẻ Cần nói ở trên chính là thí dụ mẫu mực về phân tích điều kiện khách quan. Ngoài ra, quẻ Nhu cũng phân tích điều kiện khách quan.

Sơ cửu: Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cữu (Dừng ở chỗ đất xa ngoài thành, nên giữ đức "hằng" (kiên định) thì không có lỗi)

Cửu nhị: Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát (Đợi ở bãi cát, tuy có bị khẩu thiệt một chút nhưng sau sẽ tốt)

Cửu tam: Nhu vu nê, chí khấu chí (Đợi ở chỗ bùn lầy như tự mình vời giặc đến).

Cửu tứ: Nhu vu huyết, xuất tự huyệt (Như đã vào chỗ đổ máu mà rồi ra khỏi được).

Cửu ngũ: Nhu vu tửu thực, trinh cát (Đợi ở chỗ ăn uống no say, giữ đúng trung chính thì cát).

"Nhu" có nghĩa là dừng lại, "giao" (ngoại thành); sa (bãi cát), "nê" (bãi bùn), "huyết" (đổ máu), "tửu thực" (ăn uống), tức là những điều kiện khách quan khác nhau. Dừng lại ở ngoại thành, lợi ở chỗ không có lỗi; dừng ở bãi cát, đi lại khó; dừng ở bãi bùn, giặc cướp thừa, xông tới; dừng ở rãnh nước cũng không có lợi; dừng ở chỗ yến tiệc có thể no say. Tóm lại, hành động phải được điều kiện khách quan cho phép.

Bát quái bàn về điều kiện, rốt cuộc là để nói rằng người ta nên hay không nên cố gắng. "Hằng" (giữ đức trung chính, cố gắng) biểu đạt ý tứ này, là hạt nhân trong hành động của con người. Bát quái có nhiều chỗ cho thấy đặc điểm của "hằng" và "vô hằng", nói rõ trong điều kiện nào con người nên cố gắng, trong điều kiện nào dù có cố gắng cũng chỉ là dã tràng xe cát. "Hằng. Cửu tam" viết: "Bất hằng kỳ đức, hoặc thừa vô tu, trinh cát" (không thường giữ được cái đức của mình, có khi bị xấu hổ, dù chính đáng cũng đáng tiếc). Chỉ ra rằng, nếu như không kiên định thì không thể khắc phục khó khăn, có khi bị xấu hổ, nhấn mạnh tính chất quan trọng của sự cố gắng; "Nhu. Sơ cửu" viết: "Nhu vu giao, lợi dụng hằng", con người khi ở hoàn cảnh có lợi thì phải cố gắng mới có thể giữ được mình Mặt khác, trong điều kiện bất lợi thì không nên gắng gượng. "Ích. Thượng cửu" viết: "Mạc ích chi, hoặc kích chi, lập tâm vật hằng, hung" (không ai làm lợi cho mình, mà có kẻ đả kích mình, thì không nên gắng gượng, vì gắng nữa thì không tốt). Đã không có ai

giúp mình, thậm chí còn đả kích, vậy khi có cố gắng cũng không được, không thể cứ hành động theo ý mình một cách liều lĩnh. "Hằng. Sơ lục" viết: "Tuấn hằng, trinh hung, vô du lợi" (quá mong được thân mật lâu đài, cứ quyết (trinh), như vậy, không chịu bỏ thì xấu, làm việc gì cũng không thuận). "Hằng. Thương lục", viết: "Chấn hằng, hung" (Cứ động mãi không chịu yên thì xấu. Đào giếng đào mương mà quá độ sâu cần thiết thì sẽ bị đất lở nước tràn; hành động mà quá mức thì sẽ hại thân hỏng việc. Cố gắng kiểu này chẳng phải là công cốc? Hơn nữa, bát quái còn chỉ ra rằng, sự cố gắng là phải tuỳ ở mỗi con người cụ thể mà quyết định, thí dụ, "Hằng kỳ đức, trinh phụ nhân cát, phu tử hung" (Giữ được lâu đức của mình, ở đàn bà thì tốt, ở đàn ông thì xấu). Gắng giữ đức hạnh là điều rất nên ở phụ nữ, nhưng ở đàn ông thì phải tuỳ nghi, không nên cố chấp.

Người ta nên hành động như thế nào, có cần cố gắng không, thì phải phân tích điều kiện cụ thể, một mặt phải nhìn vào con người cụ thể, sau đó tuỳ cơ ứng biến, đó là thuyết điều kiện quyết định tất cả của bát quái.

4. BIẾN QUÁI CÓ TỐT KHÔNG?

Toàn bộ bát quái quán xuyến quan niệm "biến". Trên thực tế, những lời bốc phệ của bát quái đều nói về biến hoá, "mười có tám biến thì thành quái (quẻ), sau khi thành quái lại căn cứ vào qui tắc biến quái, biến thành một quái khác, quái bói được lần đầu gọi là "bản quái", sau khi biến mà thành quái khác thì quái ấy gọi là "chi quái", mỗi khi tính một quái, đều có phân biệt bản quái và chi quái, không có biến hóa thì thầy bói không sao thuyết minh tình hình

phát sinh của sự kiện. Đồng thời, từ quái từ, hào từ mà xét, cũng đều nói về biến, về khái niệm biến, như "biến thông", "biến động", "hoá", "hoá sinh"... tổng cộng xuất hiện đến 45 lần, khái niệm "động" cũng xuất hiện 24 lần. Có thể thấy, bát quái hết sức đề cao quan niệm biến hoá, ngay cả tên sách bát quái, "Chu Dịch". "Dịch" cũng có nghĩa là biến hoá, vốn có nghĩa gốc là giản dị, biến dịch, bất dịch (không biến đổi), nói rõ bát quái là trong biến thấy cái tĩnh, trong động thấy cái biến.

Bát quái cho rằng, mọi sự vật đều biến hoá, "tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa kiến dĩ", là nói trăng sao trên trời mờ tỏ, tròn khuyết, sông hồ cây cỏ dưới đất bãi biển nương dâu, đều trong tình trạng vận động biến hoá, sự việc của con người trong xã hội cũng vậy, "hữu thiên đạo yên, hữu nhân đạo yên, hữu địa đạo yên... đạo hữu biến hoá" (có đạo trời, đạo đất,... đạo là biến hoá).

Vậy sự vật biến hóa như thế nào? Bát quái căn cứ vào tình hình khác nhau của sự vật mà trình bày, giải đáp một cách hình ảnh và toàn diện. Sinh, có thể nói là biểu hiện điển hình nhất, "sinh sinh chi vị Dịch", "sinh sinh" là sinh rồi lại sinh, không ngừng thay đổi cũ mới. "nhật tân chi vị thịnh đức" (luôn đổi mới gọi là thịnh đức), "hoá nhi tài chi vị chi biến", "hóa tài" nghĩa là biến hóa thành sự vật khác, "nhất hợp nhất tích vị chi biến" hạp là "vạn vật tàn lụi", tích là "vạn vật sinh sôi", vạn vật tàn rồi lại sinh, sinh rồi lại tàn tạ, như vậy gọi là biến.

Vạch ra qui luật biến hóa của sự vật là thể hiện chiều sâu của nhận thức con người về sự vật. Quan niệm về biến hóa của bát quái đã đề cập đến vấn đề này tương đối sâu sắc.

Trước hết, nó trả lời một cách chính xác và khẳng định có hay không có tính qui luật về sự biến hóa của vạn vật trong vũ trụ. "Thiên địa chi đạo, trinh quan giả dã, nhật nguyệt chi đạo, trinh minh giả dã, thiên địa chi động, trinh phu nhất giả dã". "Đạo" và "nhất" ở đây là chỉ quy luật, "trinh" nghĩa là trung chính và bền. Nó không những thuyết minh đạo của trời đất, đạo của nhật nguyệt, mà còn cho rằng, mọi biến hóa trong vũ. Lại nữa, bát quái cho rằng sự tồn tại của qui luật là phổ biến và khách quan, "Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng mê luân thiên địa chi đạo, ngưỡng dĩ quan vu thiên văn, phủ dĩ sát vu địa lý, thị cố u minh chi cố" (Đạo đúng đắn như trời đất, do vậy có thể gắn với đạo của trời đất ngẩng lên trời quan sát thiên văn, cúi xuống đất khảo sát địa lý, do đó hiểu được nguyên nhân sáng và tối). Quan niệm biến hóa của bát quái cho rằng, đạo có khắp trong trời, đất, người, là khách quan. Qui luật này là do "thánh nhân" quan sát trời đất vạn vật, tìm hiểu sâu sắc thuỷ và chung của sự phát triển mà tổng kết nên. Đạo trời- đất rộng khắp chính là sự phản ánh qui luật khách quan trong ý thức của "thánh nhân". Trên thực tế, từ đầu đến cuối, bát quái chỉ trình bày những bí mật về trời đất mà "thánh nhân" khám phá được, hoặc gọi đó là qui luật, các "thánh nhân dùng chính những qui luật được khám phá đó để dự đoán cát hung của nhân loại.

Vậy bát quái đã khám phá được những qui luật nào của sự vật? Nói ra thì vô cùng phức tạp, vì rằng từ trời đến đất, từ đất đến người, bí mật nhiều vô kể, nhưng bát quái đã tổng kết một quy luật rất cơ bản, đó là nhất âm nhất dương vị chi đạo" (một âm một dương, đó là đạo). Một âm một dương, thống nhất, trong đối lập, bao nhiêu sự vật đều nảy sinh qua biến hóa của một âm một

dương.Vì vậy, nắm chắc qui luật cơ bản nhất này, mọi vấn đề trở nên rõ ràng. Đây chính là mạch suy nghĩ cơ bản của bát quái.

Còn về qui tắc cụ thể của biến hoá, các nhà dịch học phương Tây từng căn cứ vào tư tưởng của bát quái khi thuyết trình sự vật, qui nạp thành 7 nguyên lý thực dụng dưới đây:

1) Biến dịch phù hợp với biến động của tự nhiên, không biến lung tung do con người bịa ra.

2) Mọi động thái đều theo chu kỳ mà trở lại ban đầu, không vì sự biến hóa của tự nhiên mà thay đổi.

3) Mọi vật đều đang biến thiên, nhưng địa vị và quan hệ của lục thân là bộ phận không biến đổi trong "Chu Dịch".

4) Qui tắc thường thấy của biến dịch là những chuẩn tắc cơ bản về tin vào nhân tính.

5) Biến dịch là tuần tự tiệm tiến, có bài bản.

6) Biến dịch có quỹ đạo và thường qui của nó.

7) Biến dịch phải thuận lẽ trời, tức thuận dòng mà bơi thuyền, nhất thiết không hành sự trái với đạo lý của trời.

5. LỊCH SỬ XÃ HỘI ĐÃ DIỄN BIẾN NHƯ THẾ NÀO?

Kinh Dịch cho rằng, đại để vũ trụ đã qua một quá trình biến hóa như sau: "dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái". Thái cực là trạng thái hỗn độn mang tính vật chất trước khi phân chia thành trời đất, những nguyên tố hỗn độn đó biến hóa thành lưỡng nghi, tức trời và đất.

"Hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh nghiên. Doanh thiên địa chi gian giả duy vạn vật" (Có trời đất rồi sinh sôi vạn vật. Khoảng giữa trời và đất là vạn vật).

Sự biến hóa của xã hội là "có trời đất rồi có vạn vật, có vạn vật rồi có nam nữ, có nam nữ rồi có vợ chồng, có vợ chồng rồi có cha con, có cha con rồi có quân thần, có quân thần rồi có trên dưới, có trên dưới thì mới thực hiện lễ nghi".

Đoạn văn trên của "Tự quái" là sự miêu tả tuyệt diệu về lịch sử xã hội, nó trình bầy tiến trình cơ bản của sự phát triển xã hội. Theo cách nhìn của bát quái, giai đoạn mà xã hội chưa có quân thần, tức là xã hội nguyên thủy theo cách gọi của ta hiện nay. Một khi xuất hiện quân thần, liền sản sinh ra xã hội có giai cấp. Bát quái cho rằng, lễ nghĩa là chế độ đẳng cấp và qui phạm luân lý xã hội, sự hình thành lễ nghĩa là tiêu chí xã hội đã thành thục và hoàn thiện.

Về vấn đề lịch sử xã hội, quan điểm cơ bản của bát quái là biến thông, tiến hóa, tuần hoàn.

Biến là trung tâm tư tưởng của bát quái, vạn vật trong vũ trụ không giây phút nào ngừng biến hóa, không vật nào là không biến hóa, xã hội của nhân loại tất nhiên cũng biến hóa, không biến hóa thì không có gì trên đời. Ngoài ra bát quái còn nhấn mạnh"thông", cho rằng thông và biến là một, "thông biến chi vị sự" (thông biến thì gọi là sự), "biến nhi thông chi dĩ tận lợi" (biến thông lợi vô cùng), chỉ có biến thông, sự nghiệp mới hưng vượng, đất nước mới lâu bền, dân chúng mới có thể tận hưởng lợi. Vì vậy, tổng phép tắc của bát quái là "cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu". Xã hội mà không có biến hóa thì không thể thông thuận, không thông

thuận thì không thể tiến bộ lâu dài. Quan niệm biến thông của bát quái có ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với văn hóa Trung Quốc.

Toàn bộ lịch sử xã hội không ngừng vận động biến hóa, mà xu thế của biến hóa thì bát quái cho rằng phát triển đi lên. Sự phát triển của xã hội có thể biểu hiện ở tất cả các mặt, trước hết, ở cơ cấu kinh tế xã hội, lịch sử là tiến lên. "Hệ từ hạ" viết: Thời Phục Hi cổ đại, "xe dây làm sợi đan lưới để săn bắt chim, cá"; thời Thần nông đẽo gỗ làm mai thuổng, vót cây làm cày, lấy cái lợi của canh tác để dạy thiên hạ", thậm chí đã "mặt trời lên đến đỉnh đầu thì họp chợ", giao dịch mua bán rồi ai nấy tản đi". Thời Hoàng đế, Nghiêu Thuấn "chế ra quần áo để dân mặc", khai thác tận cùng cái lợi, không những cái lợi của thuyền bè, cái lợi của sức trâu sức ngựa, cái lợi của chày cối, thậm chí "cái lợi của cung tên, khiến thiên hạ sợ uy". Hai là, sinh hoạt chính trị của xã hội cũng không ngừng phát triển. Thuở ban đầu chưa có chế độ chính trị xã hội và qui phạm luân lý, dần dà tiến hóa mà có như ở phần trên đã dẫn "Tự quái", bát quái trình bày từ khi xuất hiện nhân loại đến quan hệ gia đình, từ quan hệ gia đình đến quan hệ quốc gia, quan hệ luân lý.v.v... tất cả đều nói lên sự tiến bộ của chính trị xã hội. Lại nữa, bát quái cho rằng, phong tục và văn hóa xã hội cũng phát triển. "Hệ từ hạ" có phần thuyết trình riêng về thời thượng cổ người ta ở trong hang động, thánh nhân thay vì hang động bằng nhà có cột kèo tường bích để che mưa chắn gió . Chôn cất thời cổ dùng dây rợ bó xác đem để ngoài đồng, không đắp mồ, không mộ chí, không chọn ngày chôn cất, về sau thánh nhân thay thế bằng quan quách. Thời cổ đem buộc thắt nút dây thừng, sau thánh nhân thay bằng ghi chép, các quan căn cứ vào đó để cai trị, nhân dân căn cứ vào đó để tuân theo. **Bát**

quái dùng thủ pháp đối chiếu cổ và cận cổ để nói lên hậu thế có tiến bộ so với trước đó, lịch sử có phát triển so với trước.

Bát quái cảm thụ được tính chất tiến bộ của lịch sử xã hội, nhưng hình như từ một góc độ lớn hơn, một thời gian dài hơn, bát quái quan sát và phân tích lịch sử, cuối cùng rút ra được kết luận: sự biến hóa và phát triển đó nói cho cùng, chỉ là sự tuần hoàn. "Chung tắc hữu thủy, thiên hành dã" (có kết thúc tất có mở đầu, đây là đạo của trời), "phản phục kỳ đạo" (đạo lặp đi lặp lại) từ đó coi tuần hoàn là phép tắc của tự nhiên và qui luật xã hội. Để cho rõ hơn phép tắc này, bát quái lấy bốn mùa thay đổi theo kiểu lặp lại để so sánh với sự biến hóa của sự vật, "nhật vãng tắc nguyệt lai, nguyệt vãng tắc nhật lai" (mặt trời lặn thì mặt trăng lên, mặt trăng lạn thì mặt trời lên), "hàn vãng tắc thử lai, thử vãng tắc hàn lai" (lạnh đi thì nóng đến, nóng đi thì lạnh tới), giới tự nhiên là như vậy, xã hội loài người tại sao không như vậy? "Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực, thiên địa doanh hư, giữ thời tiêu tức, nhi huống vu nhân hồ, huống vu quỷ thần hồ?" (mặt trời lên đến đỉnh thì ngả về tây, trăng tròn rồi lại khuyết, trời đất khi đầy khi vơi, cùng với thời gian mà tồn tại, huống hồ con người, huống hồ quỉ thần).

Trong bát quái, phép tuần hoàn còn thể hiện ở chu kỳ không đổi, "phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục", "phản phục" là chỉ tuần hoàn lặp đi lặp lại, "thất nhật" là chu kỳ bảy ngày. "Chấn. Lục nhị" viết : "Hữu thất khiếm, thất nhập đắc" (có mất bảy ngày thì sẽ lại thấy).

"Kí Tế. Lục nhị" viết : "Phụ táng kì phất, vật trục, thất nhật đắc" (Như người đàn bà đánh mất cái màn xe, đừng đuổi theo mà lấy lại, cứ đợi bảy ngày sẽ lấy được". Lại một trường hợp bảy ngày

sẽ được. Theo quan điểm của bát quái chỉ cần qua một lần tuần hoàn, mọi sự vật sẽ trở lại hình dạng trước đó, do vậy, nếu mất đồ dùng của cải chỉ cần qua "bảy ngày" là lại trở về chủ cũ. Con số 7 trong bát quái có một ý nghĩa đặc thù, đại biểu cho chu kỳ tuần hoàn của sự vật. Nhân đây xin nói thêm, vào thời kỳ thuyết bát quái ra đời, người ta chưa có khái niệm một tuần lễ có bảy ngày vì rằng khái niệm này do phương Tây sáng tạo ra. Nghe nói khi thượng đế sáng tạo ra thế giới làm việc được sáu ngày, cảm thấy mệt bèn quyết định nghỉ một ngày, do đó vòng tuần hoàn của tuần lễ là bảy ngày. Nhưng ở vào cái thời đó, văn hóa phương Tây tuyệt đối không thể du nhập vào Trung Quốc, thậm chí cũng chưa ra đời chính thức ở phương Tây. Xưa nay phương Tây vẫn coi số 7 là con số thần bí, mà bát quái của phương Đông mấy nghìn năm trước cũng đã một mình nghiền ngẫm con số 7, lẽ nào chỉ là sự tình cờ? Vậy trong đó có gì bí mật?

Về một số mặt, bát quái mang quan điểm tiến hóa luận lịch sử nhưng đậm mầu sắc hơn là thuyết lịch sử tuần hoàn, đây chính là quan điểm về lịch sử xã hội của bát quái. Sự kết hợp giữa thuyết tiến hóa và thuyết tuần hoàn đã phản ánh cách suy nghĩ nói chung của người thời bấy giờ về sự tiến hóa của lịch sử xã hội.

6. CUỘC CẢI CÁCH XÃ HỘI THUẬN Ý TRỜI, HỢP LÒNG NGƯỜI

Một cái giếng dùng lâu ngày sẽ có bùn lắng và nước đục, một xã hội sau một thời gian dài cũng sẽ có sự hủ lậu, rối ren, do đó phải cải cách. Đó là cách nhìn cơ bản của bát quái về vấn đề xã hội. Vì vậy "Dịch truyện" viết: "Thiên địa cách nhi tứ thời thành, Thang

Vũ cách mạng, thuận hồ thiên nhi ứng hồ nhân, cách chi thời nghĩa đại hĩ tải?" (Trời đất cải cách mà có bốn mùa, Thang Vũ cách mệnh thuận với lẽ trời, hợp với lòng người, ý nghĩa của cách quả là lớn!) tư tưởng này của bát quái được thể hiện đầy đủ trong quẻ Cách:

Cách, dĩ nhật nãi phu, nguyên hanh lợi trinh, hối vong, (Phải lâu ngày người ta mới tin được, phải rất hanh thông, hợp chính đạo (thì) người ta mới phục. Được như vậy thì không phải ăn năn).

Sơ cửu: Cửu dụng hoàng ngưu chi cách, (Bó chặt bằng da con bò vàng).

Lục nhị: Dĩ nhật nãi cách chi, chinh cát, vô cữu, (Chuẩn bị lâu ngày rồi cải cách, tiến lên thì tốt, không lỗi).

Cửu tam: Chinh hung, trinh lệ, cách ngôn tam tựu, hữu phu (Hăng hái mà liều thì xấu, bền vững giữ đạo và thận trọng lo lắng, tính toán sắp đặt kế hoạch tới 3 lần thì kết quả nới chắc chắn).

Cửu tứ: Hối vong, hữu phu, cải mệnh, cát (Bậc đại nhân làm cho xã hội thay đổi như con hổ thay lông (mượt hơn, đẹp hơn), chưa bói cũng đã tin như vậy rồi).

Thượng lục: Quân tử báo biến, tiểu nhân cách diện. Chinh hung, cư trinh, cát (người quân tử thực hiểu và theo sự cải cách như con báo thay lông, kẻ tiểu nhân miễn cưỡng theo ngoài mặt. Công việc cải cách đến đây đã xong, nên ngừng lại, tiến nữa thì xấu, cứ giữ vững chính đạo thì tốt).

Trước hết, bát quái rất coi trọng biến cách xã hội, coi biến cách là qui luật phát triển của tự nhiên và xã hội. Xem ra, từ "biến cách" lần đầu tiên được dùng là ở "Chu Dịch". Chu Dịch cho rằng,

biến cách là "thuận với lẽ trời và hợp với lòng người", như vậy có nghĩa là, một mặt phải tôn trọng qui luật khách quan, mặt khác, phải thuận lòng người, vì dân mà biến cách, phải coi biến cách là thủ đoạn để loại trừ những tệ lậu. Mục đích của biến cách là gạt bỏ cái cũ đưa vào cái mới, biến ô uế thành trong sạch. Do đó, trong biến cách có đấu tranh. Quẻ Cách được cấu tạo Li dưới Đoài trên, tức lửa dưới nước trên, nước lửa cùng số phận, nước diệt lửa, lửa đốt khô nước, dựa vào nhau mà xung khắc với nhau. Có thể thấy bản thân biến cách có nghĩa là đấu tranh và chuyển hóa tương diệt tương sinh mâu thuẫn giữa các mặt đối lập, nước lửa không thể dung hòa, đây là nghĩa gốc của cách.

Hai là, biến cách phải được người ta tin phục. "Cách, dĩ nhật nãi phu". "Phu" nghĩa là tin, công cuộc biến cách không phải ngay lập tức được người ta hiểu, tin và ủng hộ, mà phải qua một thời gian, phải có một quá trình, "dĩ nhật" là đại biểu cho một khoảng thời gian. "Cách giả, biến kỳ cố dã" (cách là thay đổi cái cũ), bản thân biến cách có nghĩa là cải biến cái vốn có, vì vậy không phải là chuyện dễ, "cách giả đương, kỳ hối nãi vong" (cải cách đúng thì không có chuyện phải hối hận) cải cách đúng thì không có chuyện phải hối hận), cải cách đúng, thỏa đáng, mọi người sẽ ủng hộ, cải cách sai thì không ổn. Do vậy, sau khi cải cách tất yếu phải qua một thời gian mọi người đều hiểu, đều cho rằng cải cách thế là tốt và tin tưởng, cải cách mới có thể tiếp tục.

Bát quái lại biết chú trọng thời cơ cải cách, cho rằng, hành vi của mọi người phải thay đổi theo thời gian, điều kiện và địa điểm, chuyện lớn là cải cách lại càng phải như vậy. Quẻ Cách nhiều lần nhấn mạnh phải chớp lấy thời cơ: 1) Vào thời kỳ đầu của sự vật

phát triển thì không thể cải cách. "Sơ cửu: Củng dụng hoàng ngưu chi cách", thời kỳ đầu chỉ nên dùng đạo trung thuận mà củng cố, không được cải cách một cách tùy tiện. "Trình dịch" giải thích: Cải cách là chuyện lớn, vậy phải đúng thời cơ, đúng vị trí, có người tài, suy xét cẩn thận, thì sau mới không có gì hối hận). 2) Qua một thời gian chứng tỏ sự việc trước đây quá xấu, cái cũ đã quá thối nát, không cải cách không xong, thì hãy tiến hành cải cách, không sai lầm gì cả, do vậy mới nói "Chuẩn bị lâu ngày rồi cải cách, tiến lên thì tất không lỗi). 3) Cải cách như thế nào thì cũng phải suy nghĩ cho kỹ, nghiên cứu đi nghiên cứu lại, "cách ngôn tam hựu, hữu phu" (tính toán sắp đặt kế hoạch tới ba lần thì kết quả mới chắc chắn), cuối cùng được mọi người tin tưởng mới có thể tiến hành cải cách.

Làm sao để nắm chắc kết cục của cải cách? Bát quái nhấn mạnh phải thúc đẩy cải cách theo hướng tốt. Cải cách nên nhằm tới ổn định thiên hạ, sự việc rõ ràng sáng sủa, đường cong trở nên thẳng, người người vui mừng. Cải cách phải nhằm xu thế phát triển tốt, sau khi cải cách thành công, lúc này người quân tử đã thay đổi, kẻ tiểu nhân càng thay đổi, hay nói cách khác, lãnh đạo đã thay đổi, quần chúng cũng đã thay đổi, kết quả là cấp trên ra lệnh, quần chúng tin theo, vậy là kết cục tốt. Nếu như quân tử báo biến, tiểu nhân cách diện" (người quân tử thực hiện và theo sự cải cách như con báo thay lông, còn kẻ tiểu nhân thì chỉ theo ngoài mặt), quần chúng chưa thực hiểu ý nghĩa của cải cách, ngoài mặt thì tán thành theo quân chủ, nhưng trong bụng thì trái lại. Đây là sự khác nhau giữa quân tử và tiểu nhân. Vào thời kỳ đó, tiểu nhân ở địa vị bị trị, không có văn hóa, bởi vậy đối với mọi sự vật chỉ có

thể cải cách được bề ngoài. Còn người quân tử có văn hóa, chỉ họ mới lãnh đạo được cải cách, nhận thức được ý nghĩa thực sự của cải cách. Vậy là bát quái đề cập đến cải cách chỉ là biến cách của người quân tử, người quân tử thông qua cải cách để khiến thần dân càng phục tùng mà thôi.

Tóm lại, tư tưởng cải cách của bát quái đầy mâu thuẫn, một mặt chủ trương cải cách, mặt khác lại rất sợ cải cách, do vậy đã có một thái độ chiết trung đối với chủ trương cải cách: Thứ nhất, cải cách không được thái quá, và phải biết chiếu cố lợi ích ba cả hai bên cũ và mới. Đúng như người đời sau giải thích bát quái: "Thiên hạ chi sự, cách chi bất đắc kỳ đạo, tắc phản chí tệ hại, cố cách hữu hối chi đạo, duy cách chi chí đương, tắc tân cựu chi hối giai chi dã" (Trình Dịch). (Việc trong thiên hạ, cách mà không hợp với đạo thì sẽ trở thành tệ hại, do đó sẽ hối hận, cách mà làm đến nơi đến chốn thì sự hối hận là ở cả hai phía). Thứ hai, "Cách nhi năng minh sát sự lý hòa thuận nhân tâm, khả chí đại hanh" (Cách mà có thể làm rõ lý lẽ của sự việc, thuận với nhân tâm thì hanh thông vô cùng); cái gọi là "thuận hồ thiên hạ, ứng hồ nhân", nghĩa là không làm tổn hại đến lợi ích cơ bản của giai cấp thống trị, khiến mọi người nhân tâm hòa thuận. Thứ ba, nhấn mạnh từ trên xuống dưới. "Phải có vị thứ, phải có người tài, suy xét chín chắn, hành động thận trọng". Chỉ có thượng tầng giai cấp thống trị mới có tư cách cải cách, vậy là lật lại ý nghĩa cơ bản của cải cách xã hội, là bàn suông về cuộc cải cách hữu danh vô thực, hình thành rõ rệt và sâu sắc mâu thuẫn giữa lý luận và thực tiễn.

7. BÁT QUÁI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

Nhu cầu hàng đầu của con người là ăn, mặc, ở, do đó hoạt động đầu tiên của con người là sản xuất, sự vận hành cơ bản nhất cấu thành xã hội là hoạt động kinh tế. Về vấn đề này, xã hội cổ đại cũng không ngoại lệ. Bát quái chứa trong nó những tư tưởng và phương lược kinh tế của xã hội đương thời, những chủ trương về tiêu thụ, phân phối trao đổi... cực kỳ lý thú.

Trước hết, nó nhấn mạnh vai trò quan trọng của sản xuất trong những hoạt động kinh tế của xã hội. Đúng như "Tự quái" viết : "Vật súc nhiên hậu hữu lễ", nếu như không có một cơ sở vật chất làm tiền đề, thì không thể xác lập và củng cố đạo đức xã hội. Vậy tư liệu vật chất đã được sản xuất ra như thế nào? Bát quái cho rằng, "Càn thống ngự phần trời, vạn vật bắt đầu từ đó" (Quái Càn), "muôn vật nhờ đó mà sinh, đức đầu tiên của Khôn thuận theo trời" (Quái Khôn), "mặt trời mặt trăng đẹp là nhờ ở trời, cây cỏ xanh tươi là nhờ ở đất" (Quái Ly), tất cả đều cho rằng của cải vật chất là do trời", là sản phẩm của 'trời', là kết quả của điều kiện tự nhiên, thiên địa tương giao, âm dương hoà thuận mà có, do vậy hoạt động sản xuất chẳng qua là quá trình vận hành của ông trời. Điều này đúng như câu thời Trung quốc cổ: "nhờ trời có cơm ăn"; mặt khác, "trời đất nuôi dưỡng vạn vật, thánh nhân nuôi dưỡng hiền đức và muôn dân" (quái Di), "Tiên vương lấy sự no đủ và nuôi vạn vật" (quái Vô Vọng), đây là nói vai trò của thánh nhân trong sản xuất, vai trò phù trợ 'giúp trời đất mà không phải là lao động sản xuất cụ thể, chỉ đem những thứ trời sinh đi dưỡng hiền nuôi dân. Còn như vai trò của nhân dân thông qua lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất,

thì bát quái tìm cách né tránh không tìm cách đề cập tới. Quả vậy, trình độ sản xuất bấy giờ rất thấp, trong quá trình sản xuất phấn đấu dựa vào các nhân tố tự nhiên, nhưng nói như vậy không có nghĩa là người lao động không có vai trò gì, bản thân sản xuất đã mang ý nghĩa của hoạt động của con người. Về điểm này, ta có thể thấy nhận thức của bát quái là thiển cận, thậm chí không bằng một số kinh điển khác, như: "Thượng thư", "Thi kinh", "Quản tử".

Vấn đề tiêu thụ của xã hội, bát quái không chủ trương tiêu thụ ở mức cao, nghĩa là đề xướng trách nhiệm "Người quân tử lấy đức kiệm để loại trừ khó khăn, không lấy lộc làm chuyện kẻ gian" (quái Bĩ). Một hiền nhân quân tử phải lấy đức tính tốt đẹp là tiết kiệm để khắc phục khó khăn, không nên theo đuổi lợi lộc mà coi đó là vẻ vang. Quái từ, hào từ của quái "Tiết", phản ánh tư tưởng Kiệm ước một cách hoàn chỉnh: Tiết; hanh. Khổ tiết, bất khả trinh, (Tiết chế thì hanh thông. Nhưng tiết chế đến mức cực khổ thì không ai chịu được lâu).

Lục tam: bất tiết nhược, tắc ta nhược (Hào 3, âm: Không tiết chế bản thân thì sẽ than vãn).

Lục tứ: An tiết, hanh (vui vẻ, tự tiết chế hanh thông).

Cửu ngũ: Cam tiết, cát. (Hào 3, dương: tiết chế mà vui vẻ thì tốt).

Thượng lục: Khổ tiết, trinh hung. (Hào trên cùng, âm: Tiết chế mà tới mức cực khổ, nếu cứ giữ mãi thói đó thì xấu).

Bát quái căn cứ vào thái độ tiết kiệm của mọi người chia làm ba loại: tốt nhất là tiết kiệm một cách vui vẻ, tức coi tiết kiệm là một hành động dễ chịu, như vậy là cát; hai là bằng lòng với tự tiết chế,

tức bằng lòng (vui lòng) tiết kiệm, tuy không bằng tiết kiệm một cách vui vẻ, nhưng cũng nên khẳng định thế là tốt; Xấu nhất là tiết chế tới mức khổ sở, tức cảm thấy đau khổ khi phải tiết kiệm, như vậy là hung, không tốt, do vậy, bát quái đưa ra một đoán định: "Bất tiết nhược, tắc ta nhược" (không tiết chế bản thân, thì sẽ phải than vãn). Quả vậy, hoang tàng, lãng phí, cuối cùng sẽ rơi vào cảnh khốn đốn, dẫn đến tai họa, chỉ còn cách thở ngắn than dài. Nhưng mặt khác, bát quái lại coi "tiết kiệm cho đúng với cương vị của mình, phải lẽ thì thông thuận", là hạt nhân của tiết kiệm cho rằng phải căn cứ vào "địa vị" cao hay thấp mà xem xét tiết kiệm hay không tiết kiệm, thỏa đáng hay không thỏa đáng, có như vậy mới phân biệt được quí tiện, mới có trật tự tôn ti. Vì vậy theo bát quái, mức độ tiêu thụ phải tương ứng với địa vị, địa vị cao thì tiêu thụ cao cũng không sao, địa vị thấp mà tiêu thụ cao thì không hợp lẽ, không đúng với đạo. Tóm lại, bát quái đề xuất tiết kiệm nói chung, "tiết kiệm, không hao tài, chẳng hại dân", có một ý nghĩa hết sức quan trọng.

Vấn đề phân phối của cải, xem ra rất được coi trọng qua các thời đại, là một vấn đề rất nhạy cảm. Bát quái cũng đưa ra quan điểm phân phối, đó là "bớt của kẻ giàu chia cho người nghèo, chia đều của cải cho tất cả", tức giảm bớt của cải của những người quá giàu, bù cho những người quá nghèo, cố đạt tới tình trạng bình quân về mặt phân phối trong xã hội. Đúng như câu "bất hoạn quả, hoạn bất quân", không sợ nghèo chỉ sợ xã hội có mâu thuẫn do bất hòa bất an. Tuy cả hai vế đều đề xướng bình quân, nhưng vế sau nhằm bảo vệ một xã hội không bình quân đã được sắp đặt, chỉ cần trong tư tưởng cảm thấy không sợ nghèo là được. Nhưng bát quái lại chủ trương trực tiếp thêm bớt về kinh tế, nhằm đạt tới bình quân trong

phân phối. Vậy làm thế nào để bớt nhiều bù ít ? Căn cứ vào tình hình khi ấy, "vật" là tên gọi chung của cải xã hội, "vật" nhiều hay ít được quyết định bởi chiếm hữu ruộng đất nhiều hay ít, vì vậy bọn quí tộc kiêm tính đất đai, xưng hùng xưng bá, phải là đối tượng giảm bớt của cải, và phải tăng thêm của cải cho nhân dân, những người không có hoặc có ít ruộng đất. Ta thấy rằng, mặc dù chủ trương "bớt nhiều bù ít" chỉ là không tưởng, nhưng nó thể hiện tư tưởng bình quân về mặt phân phối xã hội lúc bấy giờ. Nó nhất trí với tư tưởng công bằng trong phân phối mà các đời sau đó và ngay cả xã hội hiện đại đang mong muốn, nó thể hiện đặc điểm chung về tâm lý của nhân loại, muốn có sự công bằng trong phân phối vật chất.

Trao đổi (lưu thông) vốn có nghĩa là kinh tế thương phẩm, ngay cả sự trao đổi vật phẩm từ xa xưa nhất, nguyên thủy nhất cũng thế. Bát quái hết sức tán thành phát triển sự trao đổi, phát triển kinh tế thị trường. "Hệ" từ viết: "Mặt trời lên đỉnh đầu thì chợ hợp, toàn dân thiên hạ kéo đến, hóa vật trong thiên hạ đều đem về đây, trao đổi rồi di tản đi các nơi, ai cũng được thứ mình cần". Trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, thì đây là một chủ trương mở rộng kinh tế. Ta biết rằng, sự trao đổi thương phẩm chỉ có thể thực hiện trong một xã hội đang có sự phân công lao động và sản phẩm dư thừa. Khi bát quái ra đời, những điều kiện đó đã hội đủ. Qua trao đổi, có thể điều tiết giữa thừa và thiếu, giữa có và không có, có tác dụng thúc đẩy sản xuất, có lợi cho tiêu thụ, thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế xã hội phồn vinh. Bát quái nhìn thấy hiện tượng xã hội đó, nêu ra ý kiến thuận với phát triển thương phẩm, thậm chí "bàn dân thiên hạ kéo nhau đến, hóa vật trong thiên hạ đều đem về đây". Đây là chủ trương mà trên thực tế muốn đẩy trao đổi tiến thêm một bước, kinh

tế càng mở rộng thêm nữa. Chủ trương này phù hợp với nền kinh tế hàng hóa phát triển, chỉ có tăng cường trao đổi trên thị trường mới lợi cho sản xuất, có lợi cho sự tiến bộ về kinh tế. Tiếc rằng tư tưởng này chưa được người đời sau tôn trọng.

8. ĐẠO ĐỨC CON NGƯỜI

Quái "Đại Quá" miêu tả như sau: "Cây dương khô nảy chồi, ông già lấy được cô gái trẻ làm vợ", "Cây dương khô ra hoa, bà lão lấy chàng trai trẻ làm chồng". Lối tỉ hứng đầy hình ảnh, có vần có điệu, miêu tả ông già, bà lão lấy thanh niên trai trẻ làm vợ làm chồng như cây khô gặp tiết xuân, khiến người hâm mộ. Nhưng suy nghĩ kỹ một chút, già tìm trẻ kết duyên quả thật trái khoáy, già chơi trống bỏi. Điều này không phù hợp với đạo đức truyền thống của Trung Quốc, có thể nói đại nghịch vô đạo. Vì vậy, tác giả của bát quái đã đưa hai câu này một cách nhuần nhuyễn vào quẻ "Đại Quá" nghĩa là sai lầm, biểu hiện có mâu thuẫn.

Phải nói rằng, bát quái rất chú ý hành vi đạo đức. Chủ nghĩa Mác cho rằng, đạo đức cùng tồn vong với xã hội loài người. Xã hội nguyên thủy chưa có giai cấp, đạo đức xã hội đảm nhiệm chức năng bảo vệ xã hội. Một xã hội thoát thai từ xã hội nguyên thủy, tất nhiên phải cần đến chính trị để thống trị và quản lý, nhưng chức năng duy trì, bảo vệ xã hội cũng do đạo đức đảm nhiệm. Khi bát quái ra đời, là lúc xã hội bước ra khỏi xã hội nguyên thủy, những chuẩn mực về đạo đức vẫn là những công cụ giữ địa vị chi phối xã hội, do vậy, bát quái coi trọng đạo đức, tuyên dương Dịch đức là hợp lý. Quái "Di", Di hào từ Lục nhị viết: "Diên di", phất kinh tư khưu. Di chinh, hung", nghĩa là để giải quyết thỏa đáng vấn đề di dưỡng thì phải mở

mang bờ cõi, khẩn hoang trồng trọt. Giả dụ vì cần lương thực mà đi xâm chiếm, cướp bóc thiên hạ, như vậy là hỏng. Hào từ này nói lên tư tưởng điển hình của Dịch đức, bằng một thí dụ sinh động chỉ rõ hành vi như thế nào là đạo đức, hành vi như thế nào là phi đạo đức.

Những nguyên tắc và qui phạm đạo đức do bát quái đề xuất rất phong phú, có thể khái quát trên các mặt sau:

Nguyên tắc kết thừa công nghiệp của cha ông. Quái Cổ viết: Nối được nghiệp cha mới là người con có hiếu. Nối nghiệp không có gì sai, mà dù có xảy ra chuyện gì, rốt cuộc sẽ hóa nguy thành yên, đại cát đại lợi (Hào Sơ lục: Sửa lại sự đổ vỡ của cha, nhờ con mà cha không lỗi, nhưng cũng có thể nguy đấy, phải biết sợ. sau mới tốt). Người nào nối được nghiệp cha thì được tiếng thơm ở đời. (Hào Lục ngũ: Sửa sự đổ nát cho cha mà được tiếng khen). Nếu có ý định thay đổi sự nghiệp của cha thì chỉ một hành động là gặp tai họa. (Hào Lục tứ: Vì lần chần mà kéo dài sự đổ nát của cha, cứ như vậy sẽ hối tiếc).

Nguyên tắc thờ cha chính là thờ vua. Chủ nô ví như gia trưởng, như cha, chủ nô chúa tể tất cả, thậm chí cả sinh mạng của nô lệ. Ngược lại, mọi người phải trung thành với chủ nô như hiếu kính với cha. Quẻ "Đại Hữu. Cửu tam" viết "Công được dự yến của Thiên tử, kẻ tiểu nhân không được". Thiên tử thết yến quí tộc, ăn uống linh đình, còn người lao động không được tham gia. Quẻ "Bác. Thượng cửu" viết "Quả không được ăn, quân tử được xe, tiểu nhân bỏ nhà". Người lao động không có quyền hưởng dụng thành quả lao động, nếu quý tộc cần xe, người lao động bỏ nhà đi đóng xe cho quí tộc. Đây là chuẩn tắc đạo đức của xã hội có giai cấp.

Nguyên tắc coi thường phụ nữ, nam là chủ, nữ phụ thuộc. Quẻ "Qui muội" viết: "Qui Muội, quẻ lợi cho u nhân". U Nhân là tù phạm, ví phụ nữ như tên tù. Điều có lợi nhất cho phụ nữ bằng sức nhìn của người chột (quá ít ỏi). Phụ nữ chỉ để cho người chà đạp, mổ xẻ. Quẻ "Truân, Thượng Lục" viết: "Cưỡi ngựa mà dùng dằng, khóc ứa máu mắt". Một bọn đi cướp phụ nữ, người phụ nữ khóc đến nỗi chết đi sống lại. Quẻ "Qui Muội. Lục tam" viết: "Em gái về nhà chồng, chờ đợi mãi, nóng lòng trở về làm vợ bé". Chị em chung một chồng, nhưng cả hai đều bị đuổi về nhà mẹ đẻ. Vậy mà trước tình cảnh bi thảm đó, trước tình trạng nam tôn nữ ti, người phụ nữ làm thế nào? Đành chịu. Đó là đạo đức được đề xướng trong bát quái.

Nguyên tắc chống giết hại ngược đãi, đòi nhân quyền. Đương thời nô lệ bỏ chạy bị trấn áp cực kỳ tàn khốc, vậy mà vẫn cứ bỏ trốn, như quẻ "Khốn" đã dùng lời lẽ gợi cảm, thuật lại rất sinh động một nô lệ bảy lần bị bắt, sáu lần bỏ trốn, tuy bị cắt mũi, chặt chân, mất vợ, gia đình tan nát, nhưng vẫn đấu tranh ngoan cường.

Nguyên tắc đoàn kết hỗ trợ Quẻ "Hằng. Cửu tam" viết: "Không thường giữ được cái đức của mình, có khi bị xấu hổ, dù chính đáng cũng đáng tiếc".

Săn bắn không phải lúc nào cũng kết quả. Người đi săn đang đói thì có người đem thức ăn đến cho, đúng là trong cái khổ có cái vui. Hào từ như một bài thơ ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của sự hỗ trợ thân ái là niềm vui có phúc cùng hưởng.

Nguyên tắc cần cù dũng cảm. Quẻ "Chấn" viết: "Sấm động thì hanh thông. Lúc sấm động thì lo sợ, nhưng sau đó lại cười ha hả. Sấm động trăm dặm mà không rơi muỗng và rượu nghệ". Sấm nổ

kinh thiên động địa, mọi người sợ run lẩy bẩy, nhưng sau thấy không xảy ra chuyện gì, thì bất giác cười giễu chính bản thân mình. Vào cái thời khoa học kỹ thuật chưa phát triển, sấm là hiện tượng rất đáng sợ. Quẻ này đưa ra thần thái của một số người trước hiện tượng rất khó hiểu của thiên nhiên, và tình hình trước và sau khi sấm nổ, miêu tả cuộc đấu tranh giữa sự khiếp nhược và sự dũng cảm, ca ngợi sự dũng cảm kiên cường "đức về hình thức" (lời Hêghen). Đúng như quẻ "Di. Lục tam" đã nói, phải lao động vất vả mới có thu hoạch, phải phấn đấu vươn lên mới có thu hoạch.

Phẩm chất đạo đức tiết kiệm. Quẻ "Tiết" chuyên nói về vấn đề này. Tiết kiệm là chuyện tốt, coi tiết kiệm là khổ sai thì không tốt, là hung. Vui vẻ với tiết kiệm giản dị mới là phẩm chất tốt nhất. ("Tiết": Tiết, hạnh, Khổ tiết bất khả trinh. "Tiết. Lục tứ: An tiết, hanh).

Về cơ bản mà nói, đây là đạo đức cao đẹp của người lao động được hình thành từ lâu trong cuộc sống. Bát quái tập trung những gì tinh tuý nhất vào một mối, cho đến nay vẫn mang giá trị quí báu.

Phẩm chất đạo đức khiêm nhường. Quẻ "Khiêm" chuyên nói về vấn đề này. Trước hết nó xác định rõ , khiêm là đức tính tốt đẹp, nếu người quân tử có mĩ đức này, thì chắc chắn kết quả sẽ tốt đẹp. "Khiêm khiêm" chỉ ra rằng, phẩm đức khiêm tốn, lại phải hiểu ý nghĩa của khiêm nhường, và cũng có nghĩa là, khiêm tốn nhưng phải sáng suốt, khiêm nhường nhưng phải phân biệt rõ phải trái ngay gian, "minh khiêm". Đồng thời, bát quái còn nhấn mạnh, khiêm nhường phải lấy lao động cần cù làm tiền đề "lao khiêm". Phải có tinh thần hăng hái để tiến lên "huy khiêm". Như vậy mới thắng lợi. Vậy là quẻ "Khiêm" đã kết hợp một cách tài tình với đạo đức quan

của phép biện chứng, gắn khiêm tốn, khiêm nhường với sáng suốt, cần lao và dũng cảm thành một thể, mang một ý nghĩa mới.

Phẩm chất đạo đức trung hậu thẳng thắn. Quẻ "Lí" trình bày rõ đặc điểm của quẻ này. "Lí. Sơ cửu" viết: "Giữ bản chất trong trắng mà ra với đời thì không có lỗi". Hành vi trong sáng không chút mờ ám, thì ở đâu cũng không có chuyện gì. "Lí. Cửu nhị" viết: như đi trên đường bằng phẳng, cứ giữ vững đường chính thì tốt". Hành vi quang minh chính đại, thì dù có bị hãm hại, giam cầm, cũng sẽ biến hung thành cát. "Lí. Thượng cửu" viết: "Xem cách ăn ở để đoán họa phúc, nếu hoàn toàn không khuyết điểm thì rất tốt". Hành động thận trọng, suy nghĩ chu đáo thỏa đáng, thì công việc sẽ hoàn tất mĩ mãn.

Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Điều này trong bát quái cũng có đề cập tới. "Tốn. Cửu nhị" viết: "Thuận nép dưới giường, dùng vào việc lễ bái, đồng cốt thì tốt, không có lỗi". Quẻ "Lữ. Cửu tứ" lại nói: 'Tới đất khách được chỗ ở tạm, có tiền và dụng cụ để giữ mình (cái búa), nhưng trong lòng không vui".

Khách buôn vì chuyện tiền nong được mất mà ngày đêm không yên, có lúc sợ quá phải chui vào gầm giường, các thầy đồ chạy tới chóc quỷ trừ tà ầm ĩ. Khách buôn kiếm được nhiều tiền trên thương trường, nhưng trong thì không vui, hiển nhiên là lương tâm vẩn đục, vì đã vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Trên đây đã dẫn 10 nguyên tắc đạo đức trên 10 phương diện, trên thực tế, Dịch đức không chỉ có bấy nhiêu, mà bát quái, ta thấy hạt nhân của nó là "hạnh phúc", một phạm trù mà luận lý học hiện đại cũng rất coi trọng. Bằng sự thống nhất giữa nội dung và hình

thức, bát quái nêu lên sự quan tâm và hướng tới hạnh phúc: Một mặt nó dùng hình thức bốc phệ để bảo ta thế nào mới là hạnh phúc (cát), thế nào là bất hạnh (hung). Mặt khác nội dung quái từ và hào từ thể hiện sự mưu cầu hạnh phúc của mọi người. Khi cuộc sống trong tình trạng khốn quẫn, "không mặc áo", "vô nhà không thấy vợ", người ta mong được ăn mặc đầy đủ, có một gia đình hạnh phúc biết chừng nào! Đúng như quẻ "Gia nhân Lục tứ" nói "Nhà giầu, đại cát". Hạnh phúc, no đủ là những thức mà người ta mong muốn, nhưng hạnh phúc thường là ảo tưởng. Quẻ "Cấu. Cửu ngũ" nói: "Quả dưa ngon từ ngọn cây kỷ rơi xuống". Từ trên ngọn cây kỷ mà lại có trái dưa, rồi trái dưa từ trên ngọn cây rất cao đó rơi trúng đỉnh đầu, giật mình tỉnh đậy, chỉ là giấc mộng Nam Kha. Như phần trên đã nói, người già muốn lấy vợ lấy chồng là thanh niên thì không khác mò trăng đáy nước, như người trong tranh, đẹp thật đấy, nhưng chỉ là ảo tưởng. Hạnh phúc ở đâu? Bát quái lấy sự mưu cầu hạnh phúc và bản thân hạnh phúc để trình bày một đạo đức quan rất có giá trị.

9. HƯỚNG TỚI GIÁ TRỊ CÁT HUNG - HỌA PHÚC

Thời Xuân Thu, có người tên Tốt Vạn định đến làm quan ở nước Tấn, muốn biết chuyện này tốt hay xấu, lợi hay bất lợi? Vì vậy ông ta bói Dịch, được quẻ Truân, hào Sơ từ dương biến thành âm, thành quẻ Tỷ. Bốc sử căn cứ vào quái tượng và quái danh của hai quái mà đoán lành dữ như sau:

Truân, rất hanh thông, nếu giữ đức trung trinh, đừng vội vã tiến tới, mà tìm người giỏi giúp mình.

Tỷ, cát. Nói lần thứ hai mà như lần đầu là tốt, không có lỗi. Quái Truân, trên Khảm dưới Chấn. Quái Tỷ trên Khảm dưới Khôn. Chấn biến thành Khôn, tức sấm biến thành đất; Chấn là xe, Khôn là ngựa, xe theo ngựa; Chấn là con, Khôn là mẹ, mẹ dẫn dắt con. Trên là Khảm, Khảm là nhiều, nhiều người tụ lại, khảm là nước, nước nhuận thổ, cát. Vì vậy quái tượng và quái danh của hai quái này nói rằng, có ngựa xe, có ruộng đất, có nhiều người giúp rập, có mẹ đích thân chăm sóc, có đất để ở, có thể gọi đây là quẻ công hầu, tốt. Được quẻ này Tốt Vạn rất vui, liền đi nhậm chức ở Tấn.

"Dịch" là sách bói, chức năng cơ bản là hỏi sự lành dữ (cát hung). Do vậy, từ đầu đến cuối sách đều là quái tượng, quái danh và quái hào biểu thị cát hung họa phúc, nhằm cung cấp cho người xem quẻ, từ đó cấu thành một hệ thống giá trị để đoán định cát hung.

Trước khi có quái từ, hào từ, kết cấu cơ bản của quái mà quái tượng dùng để phán đoán giá trị cát hung, mà trước khi quái tượng được quy phạm hóa, sự phán đoán giá trị liên quan trực tiếp tới quái số. Do vậy, đoán định cát hung, chỉ đạo hành sự, là tiền đề căn bản của bốc phệ. Trong các quái từ, hào từ của quái 'Dịch", thường lấy chữ "Trinh". Trinh tức chiêm (bói, xem quẻ), việc "mỗ trinh" hoặc "trinh mỗ", tức hỏi (xem quẻ) về sự việc nào đó. Đa số các quái từ, hào từ viết là "hữu trinh, nói về sự việc thì viết "an trinh" (quái từ của quái Khôn), "cư trinh" (quái Di, Lục ngũ), "Lợi trinh" (quái từ của quái Mông), "lợi gian trinh" (quẻ Đại súc, Cửu tam), "lợi vĩnh trinh" (quẻ Khôn, Dụng lục), "trinh tật" (quẻ Dự, Cửu ngũ); khi nói về người thì viết "phu trinh", "nữ trinh", "quân tử chi trinh", "u nhân chi trinh". Ngoài ra, còn có cách nói gộp "trinh cát", "trinh lận", "trinh hung", "khả trinh", "bất khả trinh"... Có thể nói, vì gặp những

điều nan giải trong cuộc sống nên bói hỏi thần linh, và qua đó, nhận được những gợi ý về giá trị cát hung, họa phúc.

Mặt khác, bát quái thừa kế khoa bốc phệ của Trung Quốc cổ đại, xây dựng một hệ thống thuật ngữ cổ đại, xây dựng một hệ thống thuật ngữ thường dùng để ghi chép những gợi ý cho phán đoán giá trị.

Điển hình nhất là từ của bảy trinh triệu trong bát quái:

Cát: Sự việc thành công tốt đẹp, phúc tường, thì gọi là cát.

Lợi: Sự việc ích lợi, lợi cho cái gì đó thì gọi là ích lợi.

Lận: Sự việc gian nan thì gọi là lận.

Lệ: Sự việc nguy hiểm thì gọi là lệ.

Hối: Sự việc hối hận thì gọi là hối.

Cữu: Tai họa nhỏ thì gọi là cữu.

Hung: Tai ương, hậu quả xấu gọi là hung.

Bát quái lấy bảy nhóm từ này hợp thành một hệ thống phán đoán giá trị. Cũng có nghĩa là, khi phân tích sự việc bát quái xuất phát từ bảy từ trên đây để tiến hành phán đoán. Mỗi quái từ hoặc hào từ đều có các chữ trên biểu thị cảnh ngộ của mọi người, mà dù không xuất hiện bảy chữ đó, vẫn có thể căn cứ vào quái từ, hào từ biểu đạt hàm ý của bảy chữ mà suy đoán.

Ta biết rằng, nhận thức của nhân loại đối với sự vật có hai loại liên hệ ký hữu và sự phán đoán có phân biệt. Đó là sự phán đoán về tính qui luật của bản thân sự vật, tức phán đoán chân trị, nó cho người ta một kết luận nên làm hay không nên làm, làm thì cát hay

hung. Với tư cách là một sách bói, bát quái cho ta chọn phán đoán thứ hai. Nó phán đoán sự việc cát hung, bảo ta lúc nào và ở đâu thì nên hành động, nhưng không bảo ta nên hành động như thế nào. Vì vậy, trong bát quái thường xuất hiện "không dùng để tiến tới", mà không nói "tiến tới như thế nào". Có thể thấy khi bát quái thành sách, trọng tâm ở sự lựa chọn giá trị, ý nghĩa của nó là ở chỗ có liên quan đến lợi ích thiết thân của con người, mà không phải nhận thực sự vật một cách khoa học. Điều này chứng minh hùng hồn rằng bát quái là một loại sách về giá trị, và cũng như các sách kinh điển của Trung Quốc cổ đại, nó lấy sự phán đoán giá trị làm tiền đề, nhằm đạt tới một phán đoán giá trị làm tôn chỉ. Nó đặt sự lựa chọn ở giá trị trung tâm, đây là đặc điểm nổi bật của bát quái.

Hệ thống giá trị của bát quái thể hiện ở kết cấu cơ bản của tượng, từ, chiêm. Nói chung, quái tượng định cát hung, do đó tượng chiêm là kết cấu ngắn và tổng quát nhất, nhưng vì ở giữa có các nhân tố là quái từ hào từ để giải thích rõ hơn quái tượng, do đó kết cấu cơ bản của quái là:

Quái (hào) tượng → quái, hào từ (giải thích rõ)→ chiêm từ (phán đoán giá trị), ví dụ như quẻ "Thái Cửu tam" viết: "Không có mặt đất bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại, trong cảnh gian nan mà giữ được chính đáng thì không lỗi". Không có mặt đất bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại, đó là câu cách ngôn thời cổ, bát quái là câu này gần với quái tượng, đặt ở giữa quái tượng và chiêm từ, bèn có một hàm nghĩa đặc biệt. Quẻ "Thái. Cửu tam" hào Cửu tam là dương (⚊), Cửu tam là hào trên cùng của nội quái, qua ba hào dương liền chuyển sang hào âm

(_ _), ngoài quái là quái Khôn, là đất, do đó, gọi là "không có mặt đất bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại". Có thể thấy "Thái. Cửu tam" là hào ở vị trí chuyển đổi. 'Tượng chuyện" giải thích hào này là "nơi tiếp giáp giữa trời và đất", tức chân trời, đầu mút của sự chuyển hóa lẫn nhau; "trong cảnh gian nan mà giữ được chính đáng thì không lỗi", có nghĩa là gặp cảnh gian nan mà bói được quẻ này, cũng có thể không có lỗi. Vì sao vậy? Vì câu cách ngôn "Không có mặt đất bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại" là lý luận mở đường, có nghĩa là đặt câu cách ngôn vào giữa quái tượng và câu phán đoán cát hung, qua đó, căn cứ vào mối liên hệ giữa quái tượng và chiêm từ mà có lời giải thích cần thiết. Do vậy, toàn bộ bát quái, từ điểm mở đầu đến điểm cuối cùng đều là phán đoán giá trị, mà các quái từ, hào từ ở giữa chỉ sự giải thích vì sao lại phán đoán như vậy.

Như vậy, kết cấu cơ bản của quái là:

Giá trị hành sự chưa định → Xem quẻ →

→ Đếm → Quái hào tượng →

→ Quái hào từ → Chiêm từ (phán đoán giá trị).

Bát quái lấy giá trị làm trung tâm mà hình thành hệ thống giá trị, phản ánh sự lựa chọn hướng đi trong tư duy truyền thống của Trung Quốc. Loại định hướng tư duy đó xuất phát từ con người, xuất phát từ sự việc của con người, từ lợi ích của con người, đó chính là đặc điểm nổi bật nhất trong văn hóa truyền thống Trung Quốc.

10. CÔNG LỢI VÀ ĐẠO NGHĨA

Thương nhân làm công việc kinh doanh, sở dĩ không từ gian khổ ngày đêm, đi xa ngàn dặm, là vì mối lợi trước mặt. Ngư dân đánh bắt cá, sở dĩ không quản nguy hiểm, ngược dòng mà bơi, thám hiểm nơi vực thẳm, cũng là vì có mối lợi trong nước. Do vậy, khi nhìn thấy lợi, mọi người không giục mà tiến lên, không mời mà chạy tới" (lời Quản Tử). Có thể nói, đây là cách nhìn phổ biến của người xưa.

Theo đuổi lợi danh là thường tình của con người, nhưng người nào cũng giành giật lợi danh cho mình, tất nhiên sẽ dẫn đến tranh đấu giữa người với người, vì vậy, xã hội phải dùng đạo đức để kiềm chế, do đó xuất hiện mối quan hệ giữa "nghĩa" và "lợi", và cuộc chanh chấp giữa "nghĩa" và "lợi" kéo dài suốt mấy nghìn năm. Các tư tưởng cổ đại trọng nghĩa khinh lợi. Bát quái thì có khác, trước hết, trọng công nghiệp và công lợi ta biết rằng, bát quái vốn là để người ta hỏi chuyện cát hung, mong được thành công trong hành động, vì vậy bát quái đặc biệt chú ý công dụng và hiệu quả thực tế qua tư tưởng và ngôn hạnh của mọi người. Về vấn đề công lợi, bát quái thường nói thẳng ra rằng, "tinh nghĩa nhập thần, dĩ chí dụng đã" (hệ từ hạ), nghĩa là hiểu được cái đạo siêu hình, sâu xa và khó nắm bắt, là giằng lấy sự thành công trong hành vi, thu được lợi ích thực tế. Thậm chí "biến động dĩ lợi ngôn", coi công lợi có tính quyết định trong sự lựa chọn hành vi, là tiêu chuẩn để phân biệt đúng sai khi phán đoán về những biến động. Do vậy, trong bát quái, chỗ nào cũng thấy chữ lợi.

Ví dụ, thời xưa Tấn Hiến công định gả con gái là bá Cơ cho quốc quân nước Tần là Tần Hiến Công, vì chuyện này mà bói một quẻ, được quẻ "Qui muội" biến thành quẻ Khuê:

"Qui muội. Thượng lục", viết "Người con gái sách giỏ mà trong giỏ không có đồ cúng, người con trai cắt cổ con cừu để lấy huyết mà không có huyết, không có lợi gì cả". Quẻ "Khuê. Thượng cửu viết: "Một người độc thân trông thấy con lợn mình đầy bùn, lại nghi có rất nhiều quỉ, định giương cung bắn nhưng sau không bắn nữa vì đây không phải là giặc, mà là cầu hôn, nếu định tiến tới thì phải gặp mưa mới cát lợi".

Quan bốc sử căn cứ vào lời từ của hào biến mà nói rằng việc Tấn Công gả chồng cho con gái là không có lợi, quả nhiên sáu năm sau, người con gái này bỏ chốn về nước Tấn, đúng như quẻ Khuê đã nói.

Những từ "không có lợi gì cả", "cát", "lợi" đều nói về công lợi, vì vậy mọi người phải căn cứ vào quái tượng và quái từ mà hành sự, mới có thể mưu cầu công lợi và tránh được hung tai.

Dù công lợi hay lợi ích thì trước hết nó cũng chỉ ra điểm có lợi liên quan đến sự được mất của người ta. Đây là tư tưởng cơ bản của bát quái. Hơn nữa, bát quái xuất phát từ góc độ toàn xã hội, cho rằng điều quan trọng nhất của công lợi là ở khía cạnh có liên quan đến phúc lợi của mọi người trong thiên hạ. Bát quái viết: "Bị vật trí dụng, lập công thành khí, dĩ vi thiên hạ lợi, mạc đại hồ thánh nhân" (Hệ từ thượng), để xướng phát minh khí vận, sáng lập và hoàn thiện chế độ, phát triển và phồn vinh văn hóa, đem lại phúc lợi cho thiên hạ. Đó chính là bậc thánh nhân vĩ đại nhất, là "thịnh đức đại nghiệp".

Ta thấy rằng, bát quái không phản đối chạy theo công lợi nói chung, mà hướng tư tưởng công lợi của mọi người vào quĩ đạo công lợi có ích cho xã hội, sáng tạo văn hóa, nhằm lợi cho thiên hạ. Điều này khác hẳn với các loại tư tưởng thấy lợi ít thì thay đổi sắc mặt, hoặc trọng nghĩa khinh lợi, hễ nhắc đến lợi là cho rằng đó là danh lợi cá nhân. Nếu như không mưu cầu công lợi, thì lợi ích của xã hội làm sao tồn tại và phát triển, do vậy, không phải nên hay không nên theo đuổi công lợi, mà ở chỗ theo đuổi lợi lớn của xã hội hay lợi nhỏ của cá nhân. Phải nói rằng, "tư tưởng vạt chí dụng, lập công thành khí, dĩ vĩ thiên hạ lợi", có ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn hóa thực (thực dụng) và có tác dụng to lớn trong việc phê phán phong trào học thuật huyền học sáo rỗng ở Trung Quốc.

Trên thực tế, bát quái xuất phát từ tư tưởng công lợi của xã hội, tất nhiên dẫn đến tư tưởng lấy "đạo nghĩa làm gốc". Nó viết: "Lợi hòa nghĩa với nghĩa" (Văn ngôn, mưu lợi tức mưu việc nghĩa, cái căn bản của lợi là nghĩa, lợi và nghĩa nhất trí, do vậy, vì lợi mà quên nghĩa, hoặc vì nghĩa mà quyền lợi là không đúng. Chỉ kẻ tiểu nhân mới "không hổ thẹn khi làm việc tiểu nhân, không sợ làm việc nghĩa, không thấy lợi không ra sức, không ra oai thì không sợ trừng phạt". Trong quẻ "Đại tráng", bát quái nói rất rõ tư tưởng này: "Quân tử dĩ phi lễ phất lý", việc mà không hợp với lễ nghĩa thì không thể làm, không thể hành động. Chỉ mưu cầu danh lợi không hợp với đạo nghĩa làm nền tảng, làm nguyên tắc; tiền phi nghĩa không được tiêu, lời trái nghĩa không được nói, việc trái với đạo nghĩa không thể làm, chức quan mà trái với đạo nghĩa thì không được nhận. Đây là hàm ý cơ bản của "lấy nghĩa làm gốc". Bát quái cho rằng, người quân tử có trách nhiệm tìm hiểu cái đạo của thế

giới, mà "đạo của trời là âm và dương, đạo của đất là nhu và cương, đạo của người là nhân và nghĩa". Do vậy, nghĩa là quy phạm xã hội, là cái gốc của việc trị nước, nếu mất nghĩa thì người ta chạy theo danh lợi ngày càng đông, làm sao thiên hạ không đại loạn? Tổng kết quan điểm nghĩa lợi của bát quái, ta có thể qui nạp thành các điểm dưới đây: (1) Nghĩa là cái gốc của chuyện làm người, giữ điều nhân làm việc nghĩa là đức tính tốt đẹp (mỹ đức) của con người; (2) Sự theo đuổi, cầu lợi ích vật chất của con người phải được kiềm chế bằng những chuẩn tắc lễ nghĩa; (3) Chỉ có hành sự theo "lễ", thì mới thực hiện được yêu cầu của nhân và nghĩa; (4) Người quân tử không đúng với lễ thì không làm, không đúng với nghĩa thì không lấy; (5) Kẻ tiểu nhân không hiểu nhân nghĩa, do vậy không biết hổ thẹn, không sợ hình phạt, không thấy lợi thì không ra sức, không thấy lợi thì không nghe lời khuyên. Từ góc độ này, những tư tưởng trên lái người ta bước lên con đường trọng nghĩa khinh lợi, trở thành cơ sở cho tư tưởng phong kiến sau này: "không đúng lễ thì không nhìn, không đúng lễ thì không nghe, không đúng lễ thì không nói, không đúng lễ thì không hành động".

11. LỰA CHỌN QUAN HỆ VỚI MỌI NGƯỜI

Quẻ "Khuê. Tượng" viết: "Nhị nữ đồng cư, kỳ chí bất đồng hành" là một ví dụ lý thú. Hai người con gái ở chung nhà, vì chí hướng khác nhau nên hành động khác nhau, không thể ở với nhau lâu dài được. Quả vậy, quẻ này giải thích quan hệ giữa người với người, có điều, phải mất công tìm hiểu là, tại sao hai nữ lại không thể ở chung nhà? Lẽ nào hai nam thì lại có thể ở chung? Ta nên phân tích đôi chút quan điểm về giao tế trong bát quái.

Trước hết, bát quái trình bày rộng rãi các mối quan hệ giữa con người, có nghĩa là đề cập hầu hết các mặt trong quan hệ giữa người với người. Trên những chuyện lớn, có quan hệ vua tôi, quan hệ giữa quân chủ và thần dân, quan hệ địch ta, quan hệ tông tộc; ở tầng lớp giữa, có quan hệ bạn bè, quan hệ chủ khách, quan hệ láng giềng; Trên những chuyện nhỏ hơn có quan hệ gia đình, bao gồm quan hệ vợ chồng, quan hệ cha con, quan hệ anh em ... Có thể thấy, bát quái đề cập đến rất nhiều mối quan hệ, nhưng chỉ trong quan hệ giữa người với người lúc bấy giờ, bát quái không thể đốt cháy giai đoạn để miêu ta mối quan hệ của con người trong xã hội sau này.

Theo cách nhìn của bát quái, quan hệ giữa người với người tuy phức tạp, đa dạng nhưng không ngoài hai loại quan hệ tốt và xấu. "Bề tôi giết vua, con giết cha" (Khôn) tất nhiên là quan hệ không tốt, "vợ chồng lườm nguýt nhau" (Tiểu súc, Cửu tam) cũng không tốt cùng với "hai nữ ở chung nhà" nói ở trên, đều là hiện tượng không tốt; mặt khác, "người cai quản được việc nhà" (Mông. Cửu nhị) nói lên rằng cha tín nhiệm con, "ông già lấy được vợ trẻ, (Đại quá. Cửu nhị), chứng tỏ cô gái thích ông già này, đều nói lên quan hệ giữa người và người đều có thể xây dựng một cách tốt đẹp, trừ quan hệ địch ta. Nhỏ như quan hệ gia đình, lớn như quan hệ xã hội đều như vậy. Do đó, nhà nào chuyên làm điều thiện, tất sẽ no đủ" (Khôn. Tượng), do đó, "Người quân tử dùng sức để làm cho dân giàu" (Cổ. Tượng).

Tuy nhiên, giữa người với người cũng có quan hệ không tốt. Vì sao vậy? Như trên đã nói, quan hệ giữa hai người nữ khẳng định là không tốt, vậy quan hệ giữa hai nam có khẳng định là tốt không? Bát quái cho rằng, vấn đề quan hệ then chốt trong quan hệ với con

người là chữ "tín". "Điều mà người ta cần được trợ giúp là tín" (Hệ từ thượng). Tín là tin tưởng, phải tin tưởng mới có sự tín nhiệm lẫn nhau giữa người với người, mới có thể yêu mến lẫn nhau. Làm việc cho nhau mà không trung thực, bạn bè với nhau mà không tin tưởng", đây là cái nút của vấn đề. "Bề tôi giết vua, con giết cha", vì sao vậy, vì không tin nhau, "vợ chồng lườm nguýt nhau", vì sao vậy, vì không tin nhau.

"(Chỉ) chung hợp với người trong họ, đáng xấu hổ" (Đồng nhân. Lục nhị), vì sao vậy, vẫn không tin nhau, không đồng lòng mà ra. Có thể thấy, chữ tín nghĩa cực kỳ quan trọng trong quan hệ giữa người với người. Quẻ "Phong. Tượng", viết: "Hữu phu phát nhược, tín dĩ phát chí dã", nghĩa là bản thân giữ chữ tín, lại trung thành, ngay thẳng, tất nhiên sẽ cảm động người khác. Như vậy, không những có thể xây dựng tốt mối quan hệ giao tế nói chung, mà ngay cả kẻ địch cũng bị cảm hóa, không dám làm xằng, "Ta và ngay cả kẻ thù, thận trọng thì không hỏng việc" (Nhu. Tượng).

Xuất phát từ chữ tín, bát quái nêu ra một số yêu cầu cơ bản để xây dựng tốt mối quan hệ giữa người với người, cho rằng những yêu cầu này là sự đảm bảo cho quan hệ nhân tế tốt đẹp:

1) Lễ tiết, tức luôn chú ý lễ nghi, phải lịch sự. Quẻ "Lí" viết: "Giẫm phải đuôi hổ mà hổ không cắn, hanh thông". Tuy giẫm phải đuôi hổ mà không bị hổ cắn, chứng tỏ lễ rất quan trọng. Mình giữ lễ với người, thì người sẽ đối xử tốt với mình. Với kẻ xấu, nếu mình giữ lễ, thì không đến nỗi hại mình".

2) Khiêm nhường, tức khiêm tốn nhường nhịn, khiêm nhường với người, chắc chắn sẽ tốt lành.

"Khiêm Tượng" viết: "Lao khiêm quân tử, vạn dân phục dã", có công lao mà lại khiêm tốn, khiến muôn dân kính nể. Ngược lại, bất phú dĩ kỳ lân, lợi dụng xâm phạt" (Khiêm. Lục nhị), chẳng cần giàu mà thâu phục được láng giềng, nhưng phải có uy, chinh phục kẻ nào chưa phục mình, thì sẽ gây căng thẳng với láng giềng.

3) Trong sạch, tức giản dị, độ lượng, thoải mái và chủ động trong giao dịch, vì vậy quẻ "Lí. Sơ cửu" viết: "Tố lý, vãng, vô cửu" (giữ bản chất trong trắng mà ra với đời thì không có lỗi).

4) Kính trọng, tức kính trọng người khác thì có thể duy trì mối quan hệ tốt đẹp, "Có ba người khách không mời mà đến, khinh trọng họ, rốt cuộc tốt" (Nhu thượng cửu).

5) Hành hằng, tức trước sau như một mới được mọi người tín nhiệm. Quẻ Gia Nhân viết: "Quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hạnh hữu hằng" (Người quân tử phải trước sao sau vậy, triệt để từ đầu tới đuôi, đừng thay đổi hoài).

6) Hậu đạo, thành khẩn thì có thể được người khác tin tưởng, thuận cho giao tiếp. Quẻ "Phục. Lục ngũ", viết "Đôn phục vô hối", nghĩa là phải lấy sự đôn hậu và cư xử với người thì không hối hận.

7) Khoan dung, trong quan hệ phải độ lượng, phải khoan dung với tất cả mọi người, "quân tử dĩ xá quá hữu tội" (Giải. Tượng), khoan dung với cả người có tội, nói gì đến người bình thường.

8) Giao vãng (qua lại), bát quái đặc biệt nhấn mạnh phải tăng cường tiếp xúc qua lại, "hành hữu thượng, vãng hữu công dã" (tiến thì được trọng mà có công), "đại vãng tiểu lai" (Bĩ), (cái lớn đi mà cái nhỏ lại) "vô võng chi vãng, đắc chí dã" (không càn bậy mà tiến

tới, thỏa được ý nguyện) (Vô vọng. Sơ cửu) trên đây đều nói về những chuyện giao tiếp qua lại.

Ngoài việc tuân thủ những yêu cầu trên, bát quái còn nhấn mạnh cần phải phản đối một số hành vi trong khi xử lý mối quan hệ giao tế, vì những hành vi này chỉ có tác dụng phá hoại. Trong đó nổi bật hai điểm: một là tham lam, quẻ "Tấn. Cửu tứ" viết: "Tiến lên, tham lam như con chuột đồng, cứ như vậy thì nguy". Nói vậy, có nghĩa là nếu gặp kẻ tham lam như chuột, thì giao tiếp với những kẻ này chỉ có hại, tất sẽ gặp tai họa, mà chỉ nên "không xằng bậy mà kết giao" thì mới tốt. Hai là "Truân cao" (Ban cho dầu mỡ) "Truân kỳ cao, tiểu trinh cát (Ân trách không ban bố được (như dầu mỡ không trơn), chỉnh đốn việc nhỏ thì tốt (quẻ Truân. Cửu ngũ). Người ta đã không hiểu mình, thì mình có đức trách cũng không phát huy được như vậy dù nhất thời có tốt, nhưng cũng không thể giữ mối quan hệ lâu dài. Bát quái khi bàn về quan hệ giao tế với con người, còn nêu một đặc điểm quan trọng nữa, đó là coi trọng sự khác biệt trong quan hệ, cho rằng mối quan hệ nào cũng tốt đẹp, thậm chí cần phải tránh xa một số quan hệ nào đó, chẳng hạng như mối quan hệ giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân, không những không nên thắt chặt mà nên tránh xa kẻ tiểu nhân (Độn. Tượng) phải tránh xa, vì quân tử và tiểu nhân không cùng chí hướng, không cùng đạo, vì vậy không thể đứng vững trong cùng hàng ngũ; chẳng hạn như quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, quẻ Gia Nhân, viết: "Gia nhân, lợi nữ trinh" (Người trong nhà, hễ đàn bà chính đáng thì có lợi). Vị trí của người đàn ông là ở ngoài, vị trí chủ yếu của người đàn bà là ở trong nhà. Phụ nữ chỉ bàn được chuyện ẩm thực, ngoài ẩm thực ra, phụ nữ không làm được chuyện gì khác. Ai cũng làm hết chức phận của mình, nhưng có khác

biệt. Do đó, người chồng không dùng lễ tiết đối với người vợ, còn người vợ, khi thấy chồng phải vâng dạ, "thấy chồng mà không cúi lạy thì không có lợi gì cả" (Mông. Lục tam), thấy nam giới mà không thi lễ thì không được, qua đó ta có thể thấy tư tưởng nam tôn, nữ ti của bát quái rất nặng nề.

Qua phân tích trên ta thấy, bát quái một mặt nhân mạnh chữ tín làm cơ sở, bằng mọi cách thiết lập mối quan hệ giao tế giữa người với người, mặt khác lại cho rằng phải khống chế chặt chẽ các quan hệ, thậm chí phải lánh xã một số quan hệ nhất định.

Sự mâu thuẫn trong quan điểm này cũng tương tự như mâu thuẫn trong quan điểm giao tế thời hiện đại. Phải nói rằng, về cơ bản, quan điểm của bát quái dựa trên lợi ích của tầng lớp thống trị và những chuẩn tắc đạo đức xã hội, do vậy, mối quan hệ giữa người với người cũng bị ràng buộc nhất định.

12. THÀNH SỰ TẠI THIÊN, MƯU SỰ TẠI NHÂN

Quẻ "Chấn. Sơ cửu" viết: "Chấn lai hích hích, hậu, tiếu ngôn ách ách, cát, (sấm nổ ầm ầm, nơm nớp lo sợ, sau đó cười nói ha ha, tốt). Có người lúc đầu nghe sấm nổ thì run bắn, nhưng sau đó, thực tế cho thấy sấm chẳng có gì đáng sợ, vì rằng sấm chớp chẳng qua là hiện tượng của thiên nhiên, vì vậy bất giác cười ha hả, cười giễu mình và cũng cười người khác nhát gan, quả là ngu khi sợ sấm.

Hào của hào từ này nói lên một vấn đề thú vị: quan hệ giữa người và trời. Con người có một vị trí như thế nào trong vũ trụ và trong giới tự nhiên. Giữa con người và tự nhiên ai sợ hơn ai? Quan hệ giữa người với trời vẫn là vấn đề mà người ta suy nghĩ từ ngày

xưa cho đến bây giờ. Bát quái bàn về tam tài: trời, đất, người, cũng là để trình bày quan điểm về trời và người của bát quái.

Bát quái bàn về trời, chủ yếu là trời của tự nhiên, trời đất giao hòa mà vạn vật không thuận, "trời đất giao cảm mà vạn vật hóa sinh", "Càn là trời, là tất cả". Những từ "trời" ở đây đều chỉ trời ở trên cao, đối mặt với đất. Đặc trưng của trời là ở chỗ là vật tự nhiên, không can dự vào công việc cụ thể của con người, mà từ chốn u minh quyết định tất thảy, do đó trời có quy định tự thân của trời, đó là đạo. Khi bàn về người, bát quái cho rằng người là sản phẩm tự nhiên của trời, xã hội loài người là kết quả phát triển của tự nhiên. Nhưng người và sự vật khác không giống nhau ở chỗ, con người có một vị trí trác việt, chỉ có con người mới được kiểm luận cùng với trời đất, gọi là tam tài. Vì vậy công năng nuôi dưỡng vạn vật là ở trời đất, nhưng thành tựu chuyện đó là ở con người, câu nói "thiên đại thiết vị, thánh nhân thành tựu" là như vậy (Hệ từ thượng). Sự phân biệt giữa trời và người đặt cơ sở cho thiên nhân quan của bát quái.

Căn cứ vào thuyết bát quái, trên đời có ba đạo, tức thiên đạo (đạo trời), địa đạo (đạo đất), nhân đạo (đạo người). Quan hệ giữa đạo trời, đạo đất là giao cảm âm dương, hai đạo này tuân theo phép biến hóa tương sinh, tương khắc của âm dương, cương nhu trong tự nhiên. Nhân đạo (đạo người) là chỉ những chuẩn tắc về đạo đức và nguyên tắc trị quốc. Bát quái cho rằng đạo của tự nhiên là phép tắc cơ bản của vũ trụ, thế giới vạn vật, trong đó bao gồm nhân sự (công việc của con người) đều phải theo đạo của trời đất, do vậy "thành sự tại thiên". Đạo người cũng phải làm đúng theo đạo trời, đạo đất. Trời người tương thông, tức công việc của người (nhân sự) cũng là công việc của trời (thiên sự). Trời sinh thần vật, thánh nhân lấy đó làm khuôn mẫu,

trời đất biến hóa thì thánh nhân bắt chước. Điều này thể hiện tư tưởng chủ chốt trong quan hệ giữa trời và người: làm theo đạo trời. "Tượng truyện" viết: "Thiên hạ khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến danh nhi lưu khiêm... nhân đạo ố danh nhi ố khiêm", dạy người ta phải làm theo thiên đạo, tăng cường tu dưỡng đạo đức, rèn giũa tính tốt; "Dịch truyện" viết: "Thiên địa dưỡng vạn vật, thánh hiền dưỡng hiền dĩ cập vạn dân" dạy người ta phải làm theo thiên đạo, cố gắng vươn lên, hành động đúng lúc, dưỡng dục vạn vật, giáo dưỡng dân chúng", "Tượng chuyện" viết: "Sơn thượng hữu hỏa, quân tử dĩ minh thận dụng hình, nhi bất lưu ngục", dạy người ta phải theo thiên đạo, tuân thủ chặt chẽ lễ nghi phép tắc, chính đại quang minh, điều hành công việc đất nước đâu ra đấy.

Tóm lại, về nhân đạo phải theo thiên đạo, phải coi trọng cái lý sau đây: Thứ nhất, thiên đạo và nhân đạo có sự phân biệt, mỗi thứ đều có phép tắc của nó; Thứ hai, tính nhất trí giữa xã hội loài người và giới tự nhiên, nhân loại chỉ là một bộ phận của giới tự nhiên; Thứ ba, nhân đạo làm theo thiên đạo, nguyên tắc đạo đức và nguyên tắc trị quốc đều bắt nguồn từ quy luật tự nhiên. Do vậy, trong quan hệ giữa người và trời, điều quan trọng hàng đầu là hành vi đạo đức, tập tục sinh hoạt, dĩ chí chế độ xã hội, phương pháp trị quốc, đều phải theo thiên đạo, thuận với lẽ trời.

Tuy nhiên, trong khi nhấn mạnh phải theo thiên đạo, bát quái cũng trình bày rất nhiều về mưu sự của con người, trình bày về địa vị và tác dụng của con người, về những thành tựu, những cố gắng của con người, đây chính là: "mưu sự tại nhân". Quái từ và hào từ của bát quái phần lớn giảng về nhân mưu là xuất phát từ những bài học phong phú tổng kết được trong cuộc sống, mà không phải do

ông trời gợi ý hoặc mách bảo. Quẻ "Bĩ. Cửu ngữ" viết: Hưu bĩ, đại nhân cát, kỳ vong, kỳ vong, hệ như bao tang", nghĩa là nếu như mọi người giữ được cảnh giác cao, luôn tâm niệm câu "diệt vong, diệt vong", thì đất nước của họ sẽ không bị tiêu diệt, sẽ như cây dâu cành lá xum xuê, rễ bám chắc vào lòng đất, yên ổn vững chắc. ở đây làm gì có sự mách bảo của thần linh? Trong bát quái phần lớn nói về cát hung họa phúc, yên nguy mất còn, nhưng lại nhiều lần nhấn mạnh đó không phải là thiên định mà là nhân định, không phải là tiên nghiệm mà là hậu thiên, mà tất cả những điều đó không phải là không thể thay đổi, mà có thể chuyển hóa thông qua sự nỗ lực của con người. Do vậy, bát quái rất coi trọng sự cố gắng của con người ở từng nơi, từng lúc, rất coi trọng mưu sự tại nhân.

Sự cố gắng của con người phải thể hiện trên những phương diện nào? Bát quái cho rằng quan trọng nhất là phải theo tinh thần cương kiện của trời. "Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức" (Cà. Tượng), phấn đấu vươn lên không ngừng không nghỉ, là quan niệm cơ bản coi hành vi của con người là trung tâm, qua đó, có thể thấy con người không bất lực trước thiên nhiên, mà có thể hành động, có thể phấn đấu vươn lên.

Khía cạnh thứ hai trong sự nỗ lực của con người, là "cùng thần tri hóa" hiểu đến ngọn nguồn của sự biến hóa của tự nhiên. Bát quái nói về "Tri thiên" có nghĩa là khuyên mọi người thông qua quan sát các hiện tượng tự nhiên mà tìm ra tình hình và quy luật của vạn vật, từ đó mà phát huy tính năng động chủ quan của con người.

Con người vừa phải phấn đấu không ngừng, dám nghĩ dám làm, lại phải hiểu đến tận cùng sự biến hóa, tuân thủ phép tắc của tự nhiên, qua đó, phối hợp với trời đất. Vậy là, bát quái lại đề xuất tư

tưởng "tài thành tương phu", nghĩa là giúp vào những quy luật vốn có, "bổ sung vào đạo của trời đất", trên cơ sở tuân thủ những quy luật của tự nhiên, khiến chúng càng phù hợp với những quy luật của tự nhiên, khiến chúng càng phù hợp với yêu cầu của nhân loại. Đây là mặt thứ ba trong hành vi của con người.

Bát quái một mặt nhấn mạnh phải tôn trọng tính quy luật khách quan, thuận theo lẽ trời, mặt khác, lại nhấn mạnh việc phát huy vai trò năng động chủ quan của con người; trong phạm vi biến hóa của trời đất mà hành động trước tự nhiên. Quan điểm này xem ra có vẻ mâu thuẫn, nhưng trên thực tế đã nhận thức rõ mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa thiên nhiên và con người. Vào cái thời cổ đại cách đây hơn hai nghìn năm, thì đây là một tư tưởng trác việt.

13. MỘT TRIẾT HỌC VỀ NHÂN SINH PHẤN ĐẤU KHÔNG NGỪNG

"Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức" (trời xoay chuyển không ngừng, người quân tử phải phấn đấu không nghỉ), có thể nói mệnh đề này của bát quái bao trùm lên toàn bộ thực chất tinh thần của bộ sách, viết trang sử đầu tiên về tinh thần bất khuất của dân tộc Trung Hoa.

Ta biết rằng, bát quái lấy âm dương là hai nhân tố cơ bản của vạn vật, cho rằng dương là trời, âm là đất, dương cương mà âm thì nhu, âm dương tương giao mà diễn hóa thành vật. Vậy mà đối với âm dương, bát quái ca ngợi cái đẹp của dương cương, tư tưởng tôn sùng sự cứng rắn này, có thể khái quát bằng tám chữ: cương kiện

đốc thức, huy quang nhật tán (rắn rỏi trung thực, sáng sủa đổi mới không ngừng). Chính là căn cứ vào tư tưởng này, mà bát quái đề xuất phải thuận theo trời, phải thiên hành kiện" (xoay chuyển không ngừng), phải theo tinh thần cương kiện của trời.

"Thiên hành kiện" là chỉ thiên thể vận hành không bao giờ đứng yên một chỗ, kiện là tích cực chủ động, kiên trì phấn đấu không mệt mỏi, không sợ khó khăn nguy hiểm. "Quân tử tự cường bất tức" là chỉ người quân tử phải làm theo trời, rèn đúc phẩm chất chắc chắn của thiên thể, từ đó hăng hái vươn lên, không tin vào định mệnh, không ỷ lại vào kẻ khác, hăng hái tiến lên: mặt khác, người quân tử tự mình ý thức được là phải tự cường, phải dựa vào sự nỗ lực của bản thân, chủ động tích cực của mình cho trời, như vậy mới phá vỡ được sự thần bí của trời. Do vậy, người quân tử thuận theo trời, không phải là dựa dẫm nhắm mắt tin theo, không phải ở vị trí bị người khác định đoạt, bị người khác làm chúa tể, mà phải dựa vào sức mình phấn đấu vươn lên nhằm thực hiện mục đích chủ quan của mình. Đó chính là hàm nghĩa chân thực của "tự cường bất tức".

Theo bát quái, "tự cường bất tức" không phải là lời nói suông, mà nó biểu thị một bộ mặt tinh thần đầy sức sống của con người. Ta có thể từ hàng loạt mệnh đề trong bát quái để lấy tinh thần nhân sinh trong "tự cường bất tức":

"Quân tử dĩ độc lập bất cụ" (quẻ Đại hóa), người ta làm việc phải độc lập tự chủ, không sợ cường bạo, không sợ thiên mệnh, không sợ bất cứ kẻ nào. Tinh thần độc lập không biết sợ chính là biểu hiện của "tự cường bất tức" cũng là chỗ khác đời của người quân tử.

"Quân tử dĩ hậu đức tải vật" (quẻ Khôn), con người không chỉ có ý chí hăng hái tiến thủ, độc lập không biết sợ, tự làm sáng danh cái đức của mình mà còn phải có một tâm hồn rộng mở, một thái độ khoan dung độ lượng, giống như trái đất chứa muôn vật, như biển cả đón nhận hàng trăm dòng sông.

"Quân tử dĩ tự chiêu minh đức" (quẻ tấn) con người không chỉ dùng hậu đức mà thâu nhận vạn vật, mà còn phải như trời cao dùng ánh nắng tắm cho vạn vật phải đem cái đức vốn có của mình chiếu sáng cho thiên hạ. Con người vốn có đức độ, bị những tệ lậu làm cho mê muội, nên cái đức không thể hiện được ra ngoài, người quân tử trong khi tự cường, phải dùng cái đức của bản thân thức tỉnh cái đức trong dân chúng để hăng hái tiến lên.

"Quân tử dĩ lập bất dịch phương" (quẻ Hằng), dù cho trời đất có biến hóa như thế nào, sấm sét có chuyển động ra sao, tổng hợp lại chỉ có một chữ "Hằng". Vì vậy người quân tử nên thể nghiệm sự biến hóa của đất trời giông bão, khiến mình đứng vững trên mảnh đất không đổi, ở vào hoàn cảnh không bao giờ thất bại, từ đó, bất cứ lúc nào cũng có thể làm nên công chuyện, không bị ràng buộc bởi sự biến hóa bên ngoài. Như vậy mới lập nên đại nghiệp.

"Quân tử chung nhật càn càn" (quẻ Càn), con người nên một ngày ba lần kiểm điểm bản thân, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ có chuyện nguy hiểm, lúc nào cũng suy tư, cẩn thận. Như vậy, mới có thể tự cường bất tức, phấn đấu vươn lên.

"Quân tử dĩ chí mệnh toại chí" (quẻ Khốn).

Trong lúc nguy nan, vào giờ phút quyết định, phải hy sinh, phải xả thân để giữ lấy đạo nghĩa. Quân tử gặp lúc khốn cùng, quyết không cẩu thả để đổi lấy kiếp sống thừa.

"Quân tử dĩ minh lê chính, vô cảm chiết ngục" (quẻ Bí), chính sự là sự nghiệp lớn của đất nước, vì vậy chính sự phải thuận với lẽ, phải làm sáng tỏ cái đức của chính trị. Phải làm sáng tỏ những chuẩn tắc đạo đức xã hội và phương châm trị quốc, mà không thể lấy văn vẻ thay cho phép tắc, phải tăng cường xây dựng pháp chế, tăng cường chế độ quản lý, trừng trị những kẻ xấu.

"Quân tử dĩ hưng nhân súc chúng" (quẻ Sư). Người quân tử phải giỏi nuôi dạy số đông, thâu nhận bách tính, tăng cường vinh lực nuôi thiên hạ và gìn giữ thiên hạ.

"Quân tử dĩ đức luân" (quẻ Truân), giỏi dùng đức để ràng buộc, giỏi cả giải quyết công việc, là con đường tự cường của người quân tử, việc lớn như vận trù màn trướng quân lương, trong phạm vi hẹp phải giỏi quyết toán, sắc sảo trong quản lý.

"Quân tử dĩ phần đa ích quả" (quẻ Khiêm) phải học được cách quân bình thiên hạ, khiến xã hội công bằng hợp lý. Bớt của người giầu, kìm họ lại, để họ không được giầu thêm, với người nghèo thì tăng thu nhập cho họ, qua đó, khiến tài sản xã hội được phân phối đều, công bằng.

"Quân tử dĩ ách ác dương thiên" (quẻ Đại hữu), ngăn chặn cái ác, ngăn chặn những hành vi xấu và độc ác, phải phát huy cái thiện cái tốt, ca ngợi những hành vi tốt và lương thiện. Lấy chính khí áp đảo tà khí, thuận theo tinh thần cao đẹp của trời.

"Quân tử dĩ ngôn hữu vật, nhi hành hữu hằng" (quẻ Gia nhân), người quân tử nói có sách mách có chứng, không sáo rỗng, không được nói lời mà chẳng giữ lời. Hành vi trước sau như một, làm việc phải có đầu có đuôi, không được giữa đường bỏ dở.

"Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập" (quẻ Đoái), con người nên coi tình bạn là trọng, phải coi trọng tình nghĩa, bạn bè phải học lẫn nhau, khuyên bảo lẫn nhau, tóm lại phải tốt với nhau, như vậy mới giữ được tình bạn.

"Quân tử dĩ ẩm thực yến lạc" (quẻ Nhu), phải biết chờ đợi, như đợi trời mãi mà chưa mưa, không được nóng vội. Người quân tử có thể lấy cái vui của ẩm thực, không nên có hành động tùy tiện, cẩn thận nhưng vô lo, trái lại, càng sốt ruột mong cho chóng xong thì càng gặp kết quả xấu. Người quân tử phải biết đợi thời.

Còn có thể dẫn ra rất nhiều quái từ như loại trên đây.

Qua bát quái, ta thấy rằng, con đường nhân sinh "tự cường bất tức" mang một ý nghĩa hoàn chỉnh, trong đó có tất cả, từ ý chí, tình cảm, trau dồi đạo đức, cuộc sống của các nhân, đến giao tiếp xã hội, pháp luật, hoạt động chính trị, cai trị đất nước. Rèn luyện bản thân một cách toàn diện, hăng hái tiến lên thậm chí không sợ hy sinh tính mạng, đó là tự cường bất tức, là tinh thần cương kiện đáng để ca ngợi.

Tự cường bất tức không phải là bảo thủ, không phải là vô vi, không là phóng đãng, cũng không phải làm liều, mà là tinh thần tích cực, tiến thủ, cẩn thận không sợ khó khăn, tinh thần này là nền tảng cho cuộc sống. Quả thật, chỗ nào trong bát quái cũng lấy "quân tử" làm chủ để trình bày tinh thần "tự cường bất tức" , nhưng

trên thực tế, "quân tử" không chỉ là kẻ thống trị và những người có văn hóa. Quân tử là tên gọi chung cho những người có tinh thần cương kiện, cho tất cả những ai có tinh thần "tự cường bất tức". Tinh thần này bắt đầu từ bát quái rồi trở thành tinh túy của Trung Hoa. Trong suốt mấy nghìn năm, tinh thần cương kiện của dân tộc Trung Hoa, chính là hình ảnh của tư tưởng "tự cường bất tức". Đúng như Lỗ Tấn tiên sinh đã nói: "Xưa nay, chúng ta có những người nai lưng ra mà làm, có những người bất kể sống chết mà làm, có những người vì dân mà kêu xin, có những người xả thân để cứu vãn phép tắc... tuy "chính sử" chỉ ghi công lao cho những đế vương khanh tướng, nhưng thường vẫn không che lấp nổi ánh hào quang của những người nói trên, họ mới chính là trụ cột của Trung Quốc".

14. PHƯƠNG THỨC TƯ DUY THẦN KỲ

Bát quái là một loại mô hình tư duy. Những hình thức tư duy như khái niệm, phán đoán suy diễn... đều thể hiện bằng đồ tượng, đồ hình, đồ thức làm thành một hệ thống lý luận, phản ánh mối liên hệ khách quan của sự vật.

Vậy hệ thống này dùng phương thức nào để phân tích thế giới?

Một đặc điểm trong phương thức tư duy của bát quái là phương thức tổng hợp cả gói, dung nạp rất nhiều tư duy, trong đó, chí ít có ba phương thức tư duy: Tư duy lôgíc trừu tượng, tư duy duy tượng, tư duy thần bí kiểu tôn giáo.

Tư duy thần bí kiểu tôn giáo, thể hiện ở đặc điểm tư duy mà mục tiêu là thông qua sự gợi ý thần bí đằng sau mỗi quái tượng, mà chủ yếu là thể hiện ở quái từ, hào từ. Ta biết rằng, bói là công năng

đầu tiên của bát quái là một sách bói, bát quái vốn dùng để chiêm vấn cát hung, qua đó, hướng dẫn người ta hướng tới điều có lợi mà tránh điều dữ. Về sau người ta coi bát quái như một sách triết học, quan hệ giữa tượng, từ, chiêm được giải thích là kết cấu lôgíc nội tại. Nhưng bản thân chiêm vẫn mang một phương thức tư duy độc đáo.

Theo cách nói truyền thống, phệ là dùng cỏ thi để xem quẻ, mà nguyên nhân của bói cỏ thi là người ta tin rằng cỏ thi có sự thần dị đặc biệt, "nhặt cỏ thi mà đếm", lấy số lượng để định tượng, con số cũng được coi là có một công năng thần dị. Tượng "đã hiện ra", từ tượng có thể suy đoán được cát hung, hối hận, có lỗi. Vì vậy, quá trình tư duy của chiêm, trước hết lấy sự sùng bái cỏ thi và các con số làm tiền đề. Sau đó, nhặt cỏ thi mà được những con số, đơn thuần chỉ là chuyện ngẫu nhiên, hoặc có thể nói mang tính hoặc nhiên (có thể như vậy mà có thể không như vậy). Tượng mà nó định ra cũng chỉ là hỗn hợp một cách ngẫu nhiên. Quái từ và Hào từ gắn với chúng cũng chỉ là mối liên hệ ngẫu nhiên. Về sau, cách phệ được cải lương, con số thu được qua quá trình chiêm bốc được qui phạm hóa, cố định trong các con số 7, 8, 9, 6, nhưng sự qui phạm hóa này vẫn chỉ là vấn đề thuần túy số học, chưa có liên hệ tất nhiên với chiêm vấn cát hung. Vậy mà trong khi bốc phệ, bát quái coi sự liên hệ ngẫu nhiên này là mối quan hệ nhân quả một cách tất yếu. Đó là vì bản thân bát quái sùng bái công năng thần bí, coi sự liên hệ ngẫu nhiên như sự báo của thần linh, từ đó lại coi sự liên hệ ngẫu nhiên như mối liên quan tất yếu, đây chính là quá trình tư duy của chiêm phệ.

Phải nói rằng, phương thức tư duy này của bát quái khởi đầu từ tư duy nguyên thủy, là thứ thuộc giai đoạn tiền lôgíc. Tiền đề của

nó là vạn vật có linh hồn. Đặc trưng quan trọng của nó là căn cứ vào hiện tượng của cảm tính, ngoại tại ngẫu nhiên mà quyết định hành động. Thời kỳ ra đời của bát quái vẫn tồn tại lối tư duy nguyên thủy, và hội tụ với các loại tư duy khác, cấu thành đặc điểm tư duy của bát quái.

Sự xuất hiện tư duy lôgic trong bát quái, có thể nói đó là một tiến bộ lớn. Bát quái thông qua tượng, từ, chiêm cấu thành hệ thống của từ, đều thể hiện một lôgíc chặt chẽ, biểu thị một quan niệm trừu tượng nào đó. Quẻ "Khôn. Sơ lục" viết:

"Lý sương, kiên băng chí", ý nói rằng, giẫm lên sương giá, liền biết sắp có băng dày. Mà tượng đề hào từ này làm căn cứ hào Sơ lục, hào âm, bắt đầu của âm, trên nó 5 hào đều là âm nó chính là khởi điểm của âm khí đang thịnh lên điều này tiết trời ngày càng lạnh (quái tượng ䷁). Sự luận giải của bát quái chính là trần thuật có tính tổng kết kinh nghiệm của nhiều lần lặp lại đối với chúng ta. Mối liên hệ giữa "lý sương" (giẫm lên sương) và "kiên băng chí" (sắp có băng dày) và mối liên hệ của chúng với quái tượng, đã trở thành mối liên hệ lôgíc có ý nghĩa.

Càng thú vị là, giữa bát quái, thậm chí giữa 64 quái, đều có mối liên hệ với nhau một cách lôgic, mà mỗi quái 6 hào, giữa các hào đều móc nối với nhau một cách lôgíc, hình thành một hệ thống lôgic hoàn chỉnh. Lấy sự suy diễn một cách lôgíc của 64 quái làm ví dụ:

Quái thứ nhất là Càn (trời); dương cực sinh âm, do đó quái thứ hai là Khôn (đất); có trời đất rồi vạn vật sinh sôi, do vậy quái

thứ ba là Truân (chứa đầy vạn vật); vật mới sinh ra tất nhỏ bé, ấu trĩ, do đó quái thứ tư là Mông (ấu trĩ); vật còn ấu trĩ tất nhiên phải nuôi nấng, do đó quái thứ năm là nhu (ăn uống), ăn uống tất có cãi vã, do đó quái thứ sáu là Tụng (tranh chấp); tranh chấp thì có nhiều người bàn tán, do đó thứ bảy là quái Sư (đông đảo); người đông thì phải dựa vào nhau, do đó có quái thứ tám là Tỷ (dựa vào người thân); dựa vào nhau thì tất có tích tụ, do đó thứ chín là quái Tiểu úc (tích lũy); vật gom lại nhiều tất nhiên phải có lễ, do đó thứ mười là quái Lý (đạo nghĩa); Lý dẫn đến thái (yên ổn) thứ mười một là quái Thái (thái bình); thái có nghĩa là thông, vật không thể cứ thông mãi, do đó thứ mười một là quái Bĩ (không yên ổn)... Cứ suy diễn một cách lôgíc như vậy cho đến khi "vật phải có lúc tận cùng), do đó xuất hiện quái "Kí Tế" nhưng trên thực tế, "vật không thể tận cùng", do đó sau quái Kí Tế là quái Vị Tế (quái 64). Sự vật phát triển, quái Vị Tế là quái cuối cùng dùng chữ "Vị " là chứng minh một cách tuyệt diệu rằng sự vật đến đây kết thúc nhưng lại bắt đầu, lại tiếp tục diễn biến theo Càn, Khôn, Mông, Nhu, Tụng...

Qua đây ta có thể thấy, tác giả bát quái đã tuân thủ một quá trình tư duy lôgíc, mưu toan dùng phương thức suy lý chặt chẽ cấu thành đồ thức thế giới. Dù lối suy lý này là quá trình suy lý dựa vào kinh nghiệm, nhưng đúng là nó đã đạt tới tầm cao của quá trình tất nhiên.

Bát quái khác với một số sách khác ở chỗ các quái tượng thống lĩnh toàn bộ sách, như vậy đã hình thành phương thức tư duy duy tượng, lấy quái tượng, vật tượng làm công cụ. Bát quái lấy tượng làm xương sống, mà tượng thì chia ra quái tượng, vật tượng, tức mỗi loại quái tượng phải tượng trưng cho một loại sự vật nào đó

hoặc vài loại sự vật, vậy là bát quái mưu toan dùng tượng để khái quát, bắt chước sự vật phức tạp trong thiên hạ.

Biểu hiện của tượng trong bát quái, là dùng hai hào và làm hệ thống phù hiệu cơ bản, nhưng chỉ hai hào này mà đại biểu được số vật tượng vô cùng phong phú, "quái nghĩa là treo lên, tức là nói treo vật tượng lên để mọi người trông thấy" (Dịch vĩ). Quái tượng trùm lên mọi vật tượng, nhưng không bó hẹp trong một sự, một tượng, vậy thì trong quá trình tư duy thực tế, bát quái có thể tùy lúc mà chuyển biến vật tượng, như bát quái tượng cho trời, đất, sấm, gió, nước, núi, đầm, đây là những vật tượng cơ bản nhất, mà mỗi quái không chỉ bó hẹp trong một tượng, mà có thể diễn dịch thành "Càn, trời, vườn, tược, cha, ngọc", "Khôn, đất, mẹ, đồ vật"... bát quái sau khi phối phép thành 64 quái, không chỉ tăng vật tượng lên, mà còn thể hiện một cách trực quan mối quan hệ giữa các vật tượng. Kiểu kết cấu quái tượng - vật tượng, vật tượng - vật tượng, chính là lối kết cấu tư duy duy tượng, nhằm tìm hiểu của thế giới. Thông qua mối liên hệ giữa quái tượng với nhau, giữa quái tượng và vật tượng, giữa vật tượng, chuyển hóa thành mối liên hệ mô phỏng, phản ánh, hiển thị giữa các sự vật, đây là đặc điểm cơ bản của phương thức tư duy duy tượng.

Bát quái có đủ ba lối tư duy thần bí chuẩn tôn giáo, tư duy duy tượng và tư duy lôgic, nhưng bất kể phương thức nào đều có một đặc điểm chung, đó là quá trình tư duy biện chứng xuyên suốt sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

15. CÁC LOÀI TỤ THEO TỪNG PHƯƠNG, CÁC VẬT CHIA THEO TỪNG BẦY

Vạn vật đều có sự khác biệt, phải căn cứ vào cộng tính của chúng mà chia môn chia loại. Đây là đặc điểm trong hoạt động tư duy của con người. Những nguyên tắc và phương pháp phân loại khác nhau, thường dẫn đến kết quả hình loại khác nhau. Đây là chỗ sai biệt trong lôgic qui nạp. Bát quái muốn trình bày qui luật của trời, đất, người, tất nhiên cũng phải qui nạp phân loại sự vật. Nhưng sự qui nạp của bát quái rất đặc sắc, có thể khái quát một câu , "căn cứ vào tượng mà qui loại". Hêghen từng nói: "Sự vật tự nhiên cá biệt, đặc biệt là các sự vật cơ bản như sông biển, núi non, trăng sao, không phải vì diện mạo tồn tại trực tiếp phân tán của chúng mà người ta biết đến chúng, mà là nâng lên thành quan niệm, công năng của quan niệm là thu được một hình thức tồn tại phổ biến tuyệt đối". 64 quái lấy bát quái làm cơ sở, mà bát quái lần lượt đại biểu cho trời, đất, sấm, gió, nước, lửa, núi, đầm: tám vật tự nhiên; bát quái coi tám vật tự nhiên đó là những vật cơ bản tạo nên thế giới, nhưng như Hêghen đã nói, học thuyết bát quái ngay từ khi bắt đầu, không coi tám vật tự nhiên đó là những nguyên tố vật chất.

Ta biết rằng, từ thành phần vật chất mà xét, trong tám vật tự nhiên đó, trời và gió, đất và núi, nước và đầm, sấm và lửa, đều có thể qui tính (gộp lại với nhau), có nghĩa là chúng cùng thuộc một loại, mà không phải là nguyên tố vật chất, vậy vì sao bát quái lại coi tám vật tự nhiên đó là những vật cơ bản tạo nên thế giới? Đó là vì các triết gia cổ đại Trung Quốc trong khi tìm hiểu thế giới, xuất phát điểm không phải là tìm những nguyên tố vật chất cấu thành sự

vật, mà là nghiên cứu tính chất động thái ngoại tại và công năng hành vi của thế giới vật chất, như vậy, tám vật tự nhiên không được bàn với tư cách là nguyên tố vật chất, mà được bàn đến với tư cách là đặc trưng của động thái. Tư tưởng coi trọng công năng, coi nhẹ kết cấu đó, tạo nên cơ sở qui loại của bát quái. Do vậy, bát quái nêu ra khái niệm "tượng", tượng chính là hình tượng động thái của thế giới vật chất.

Quái danh của bát quái không phải tên gọi các vật tự nhiên mà nó đại biểu. Quái Càn là trời (thiên), là cha, nhưng không gọi là quái Thiên. Quái Khôn là đất (địa), nhưng không gọi là quái Địa... Vì sao vậy? Vì bản thân bát quái không phải là tám vật tự nhiên, mà là đại biểu cho tám vật tự nhiên, đồng thời còn đại biểu cho các sự vật khác do diễn hóa mà thành và có tính độc lập nhất định. Vì vậy, bát quái chỉ là quan niệm trừu tượng, tức tám loại "tượng". Tượng đại biểu cho sự vật công năng tương cận, không phải là sự vật, mà là nguyên tố vật chất tương cận.

Chia theo tượng chứ không chia theo nguyên tố vật chất, bát quái qui loại thế giới thành tám loại lớn (xem bảng liệt kê).

Quái danh	Quái tượng	Đại biểu vật tự nhiên	Thuật tính công năng cơ bản	Thời lệnh	Phương vị	Sinh hóa	Nhân thể	Quan hệ gia tộc	Động vật	Sắc	Thực vật	Những thứ khác
Chấn			động, nổi lên	giữa xuân	Đông	vạn vật sinh ra từ chấn	chân	trưởng nam	rồng	vàng	Tre trúc	Tỏ, trai
Tốn		Sấm	nhập vào, lan ra	cuối xuân đầu hạ	Đông nam	vạn vật sinh sôi	đùi	trưởng nữ	gà	trắng		cây, thẳng thừng
Li		Gió	đẹp rực rỡ	giữa hạ	nam	vạn vật gặpmặt nhau	mắt	trung nữ	Trĩ		cây lương thực	Điền, con ngao,ốc giải, áp trụ bình khí
Khôn		Lửa	Thuần mềm mỏng, ẩn	cuối hạ đầu thu	Tây nam	vạn vật được nuôi dưỡng	bụng	mẹ	bò	đen		Cái cán, đông người,hoa văn, xe lớn, nồi to, vải vóc
ĐOài		Động đất	vui vẻ	giữa thu	tây	vạn vật vui vẻ	miệng	thiếu nữ	dê	đỏ lửa		Cỏ đồng, vợ lẽ, đất khô cằn
Càn		Đầm	Mạnh mẽ, rắn chắc, quân chủ	cuối thu đầu đông	Tây bắc	âm dương kế nhau	đầu	cha	ngựa	đỏ	Cây ăn quả	Bằng giá, vàng, ngọc
Khảm		Trời	Trũng, ướt	giữa đông	bắc	Vạn vật quy tụ	tai	trung nam	lợn			Trăng, cánh tay đòng bắc cung, kênh rạch
Cấn		Núi	Dừng lại	Cuối đôn đầu xuân	Đông bắc	Kết thúc, mở đầu vạn vật	tay	thiếu nam	chó		Cứng mà nhiều đốt Dựa các loại	Đường đi, đá sỏi của ngõ, chỉ trỏ

Đứng trước bảng phân loại kỳ quặc này, nếu mạch suy nghĩ của ta phân tích hình thái sự vật, tức sự cấu thành vật chất mà xem bảng này, thì không thể nào hiểu nổi. Vậy mà đây là mô thức phân loại theo chiều ngang đậm màu sắc phương đông cổ đại.

Bát quái "căn cứ vào tượng mà qui loại", chủ yếu là dựa vào tượng bề ngoài của sự vật, tức dựa vào mối liên hệ giữa đặc tính công năng của sự vật với động thái hành vi của sự vật. Cách qui nạp này chủ yếu dựa vào các nguyên tắc dưới đây:

(1) Tương ứng tất cùng loại

"Dịch truyện" viết: "Phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân", bốn phương tám hướng, vạn sự vạn vật, cùng loại tụ lại thì thành bầy, khác loại tản ra thành lẻ tẻ. Câu này sau diễn biến thành "vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân". Nó trực tiếp giải thích rằng, sự vật hoặc tụ lại hoặc phân tán, đều do sự giống nhau và khác nhau trong thuộc tính của bầy loại quyết định. Đồng thời cũng bảo ta rằng, phàm là những sự vật dựa dẫm vào nhau, có xu hướng tụ họp lại với nhau thì cùng loại.

Về vấn đề "loại", "Dịch truyện" còn viết: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, nước chảy về chỗ thấp, ngọn lửa bốc lên cao, mây theo rồng, gió theo hổ.Thánh nhân làm thì vạn vật nhìn theo. Cái gì gốc ở trên trời thì liên hệ ở trên, cái gì gốc ở dưới đất thì liên hệ ở dưới. Mỗi vật đều theo loại của mình". Chủ trương "đồng loại tương ứng" hoặc "đồng loại tương phân" và "phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân" (các loại tụ theo từng phương, các vật chia từng bầy) đều quán xuyến cách phân loại giống nhau, tức phàm là các sự vật mà có thể cảm thông lẫn nhau, tương tự nhau, kêu gọi

được nhau, tác động đến nhau, thì đều cùng loại. Đây là điểm quan trọng nhất trong phân loại của bát quái. Thí dụ: Mùa xuân, mặt đất nảy mầm, sấm chớp xuất hiện, gió đông thổi liên tục. Cây cối bắt đầu sinh trưởng, những động vật ngủ đông tỉnh dậy, đâu đâu cũng một mầu xanh, hoa nở khắp nơi. Những sự vật này có quan hệ tác động lẫn nhau, theo nhau, do đó qui về một loại, lấy "Chấn " làm tiêu chí.

(2) Công năng và phương thức hành vi giống nhau thì qui về một loại. Bát quái lấy đặc trưng của động thái hành vi làm tiêu chuẩn phân loại, do đó không coi trời, đất, núi, sông là cùng loại, không coi cha, mẹ, con trai, con gái là cùng loại, trái lại, bát quái xé lẻ những sự vật mà ngày nay ta cho là cùng loại, mà qui nạp những sự vật có cùng công năng vào làm một. Thí dụ, cho rằng trời có vai trò thống soái vạn vật trong giới tự nhiên, mà vua là chủ của đất nước, người cha là chủ của gia đình, cái đầu thống linh toàn thân, chiếm vị trí cao nhất trong thân thể. Bốn đối tượng trên đều có công năng giống nhau hoặc gần giống nhau, do đó coi là cùng loại. Lại một thí dụ khác, trái đất nuôi dưỡng vạn vật, người mẹ bú mớm con cái, cái bụng là gốc rễ của sự nuôi dưỡng thân thể, cái nồi dùng để đun nấu thức ăn nuôi người. Bốn đối tượng này đều có công năng giống nhau hoặc gần giống nhau, nên coi là cùng loại. Lại nữa, nước có tính thấm, do vậy qui kết nước là cùng loại với vũng (chỗ trũng, ướt, dưới (vạn vật sở qui" (ẩn tàng), ẩn, giữa mùa đông (mùa đông vạn vật qui tàng)... Đây là lấy phương thức hành vi làm tiêu chuẩn mà qui loại.

Qua đó ta thấy tại bảng trên, bát quái phân loại theo chiều ngang là căn cứ vào công năng, mà nhìn theo chiều dọc mới là

lấy tính chất nguyên tố làm tiêu chuẩn, là cách qui loại của người đời sau.

(3) Thuộc tính động thái giống nhau thì xếp cùng một loại.

Thí dụ coi trời, cứng rắn, bền bỉ không ngừng, ngựa là cùng loại. Đó là vì thấy trời và ngựa đều biểu hiện phẩm chất cương kiện trong quá trình vận động; lại như đất và trâu đều nhu thuận, do đó xếp cùng loại.

(4) Thuộc tính ở trạng thái tĩnh tương đồng, hoặc có mối liên hệ ngoại tại thuần tuý trên hình thức, thì xếp cùng loại.

Thí dụ, cổ nhân cho rằng trời hình tròn, mà trái cây cũng hình tròn, do đó xếp trời, vườn tược, quả đu đủ cùng loại; lại như Chấn là giữa mùa xuân, mặt đất xanh tươi, cây cỏ xanh rờn, vì cùng là mầu xanh, nên xếp cùng loại với Chấn. Đây chỉ là sự liên hệ thuần tuý trên hình thức.

Nhìn chung, bát quái căn cứ vào tượng mà qui loại thế giới, tuy tiêu chuẩn không hoàn toàn thống nhất, đôi chỗ rối rắm, nhưng tư tưởng thì thật là rõ ràng. "Thuyết quái" nói: "Càn, kiện dã. Khôn, thuận dã. Chấn, động dã. Tốn, nhập dã. Khảm, hãm dã. Li, lệ dã. Cấn, chỉ dã. Đoài, duyệt dã" (Càn là mạnh mẽ. Khôn là nhu thuận. Chấn là động. Tốn là nhập vào. Khảm là chỗ nguy hiểm. Li là đẹp. Cấn là dừng lại. Đoài là vui vẻ). Câu này giữ vai trò chủ đạo trong qui loại của bát quái. Mạnh mẽ, nhu thuận, động, nhập vào, hiểm nguy, đẹp, dừng lại, vui vẻ là tám thuộc tính công năng, là tám loại tượng về động thái, chính là bát quái căn cứ vào tám loại tượng này làm tiêu chuẩn phân loại, mà qui nạp thế giới vạn vật.

16. ĐẠI ĐỂ LÀ NHƯ VẬY

Khi ta dùng phương pháp lôgic để suy đoán một sự kiện, thường có hai tình hình: một là tất nhiên phải như vậy, tức có một điều kiện nào đó làm tiền đề, tất sẽ mang lại một kết quả nào đó. Tuy vậy, sự tình trên thế giới là vô cùng phức tạp, kết quả của một số sự kiện chưa hẳn là như vậy, thế là hình thành loại suy đoán thứ hai, "đại để là như vậy", có nghĩa là, sự việc có thể đi đến một kết cục khác.

Dùng bát quái đoán mệnh là thuộc loại phán đoán thứ hai, hoặc gọi là phán đoán có tính hoặc nhiên (có thể thế này, có thể thế khác). Nghe nói ngày xưa quốc vương nước Trần là Trần Lệ Công sinh được một con trai tên là Kính Trọng, Quốc vương vì chuyện này bói được quái "Quán" ䷓ biến thành quái Bĩ ䷋, trong đó hào thứ tư phát sinh hào biến, từ âm biến thành dương. Quan bốc sử căn cứ vào đó mà đoán rằng nước Trần sẽ bị diệt vong, con cháu Trần Hầu sẽ cướp ngôi vương ở nước khác, trở thành quốc quân, nước bị cướp đó ở vùng núi Thái Nhạc, vì vậy phải là nước Tề. Kết quả là 200 năm sau, nước Trần quả nhiên bị diệt vong, cháu đời thứ tám của Kính Trọng là Trần Thành Tử cướp ngôi vương của nước Tề, trở thành quốc vương nước Tề. Chuyện này nghe ra có vẻ huyền hoặc, lẽ nào bát quái dự đoán được chuyện 200 năm về sau? Thực ra, loại bốc phệ này chỉ là dự đoán đại khái, tuyệt nhiên không phải tất yếu sẽ như thế. Bốc phệ thời xưa, có một số không đúng, nghĩa là, sự vật trong quá trình phát triển có tính khả năng, biến hóa rất lớn, các

điều kiện không ngừng thay đổi, do đó, có sự việc phát triển theo hướng dự đoán, có sự việc thì phát triển theo hướng khác với dự đoán.

Chính vì vậy, phân tích cặn kẽ bát, quái, ta thấy rằng, bát quái rất ít khi khẳng định sự vật sẽ phát triển như thế này, mà luôn nói rằng đại khái là như thế này. Có người biết rằng, đoán mệnh thường là nói nước đôi, thực ra đây là tài nghệ của người bói, bát quái luôn nhấn mạnh sự vật biến hóa không ngừng, vậy làm sao có thể tuyệt đối hóa khi nói về sự việc. Bát quái thường nói rằng, sự việc đại để là như vậy, nhưng phải có sự cố gắng của bản thân mỗi người mới đạt được, quả thực đây là chỗ đáng quí của bản thân bát quái.

Vậy vì sao bát quái có thể từ trong sự phát triển của sự vật tổng kết được qui luật đại để là như vậy? Ta biết rằng, nghiên cứu về quy luật ngẫu nhiên mới là công việc của 300 năm nay. Cách đây 300 năm, người ta bắt đầu phát hiện ra rằng, đối với tình hình phát triển của sự việc, có thể tính ra qui luật xác suất, tức dùng phép suy đoán kiểu ngẫu nhiên, để dự đoán tương lai. Thí dụ, tung một đồng xu, kết quả có thể là mặt phải, mà cũng có thể là mặt trái, vậy kết quả được mặt phải đại khái là 1/2, kết quả được mặt trái cũng đại khái là 1/2, dùng công thức sau đây để biểu thị:

$$p(a.b) = p(a) \cdot p(b) = \frac{1}{2}\ \frac{1}{2}\ \frac{1}{2}$$

Vì vậy cơ hội xuất hiện mặt phải và mặt trái là bằng nhau, đều là 1/2, mà cơ hội để một mặt xuất hiện là I/4, đây là khả năng nói chung. Đương nhiên, nói chung sự vật không đơn giản như vậy, không phải là mỗi mặt chiếm một nửa, nghĩa là nói chung sự vật bao giờ cũng có một mặt khả năng nhiều hơn, còn mặt kia khả năng

ít hơn. Sự diệt vong và hưng vượng của nước Trần, không phải mỗi khả năng chiếm một nửa, mà khả năng diệt vong lớn hơn, khả năng hưng vượng nhỏ hơn, như vậy người ta có thể dùng qui luật tự nhiên để dự đoán. Khả năng lớn, lại có ích cho con người, thì "hữu du vãng" (cứ thế mà tiến lên); khả năng lớn, nhưng có hại cho con người, thì "vật dụng hữu du vãng" (không nên tiến tới), chính là bát quái nắm lấy đặc trưng này mà tổng kết thành một qui luật nhất định. Đương nhiên, ta không thể nói tác giả của bát quái đã hiểu được tự nhiên, chỉ nói rằng tác giả của bát quái ít nhiều nắm được đặc trưng này.

Sự nhất trí đáng kinh ngạc với luật ngẫu nhiên hiện đại là chỗ ở sự suy đoán của bát quái xây dựng trên hai khả năng, tất nhiên không phải là mặt phải và mặt trái của đồng tiền, mà là phù hiệu đặc thù ___ (hào dương) và _ _ (hào âm) để biểu thị, cũng có nghĩa là cơ hội xuất hiện hào dương và hào âm là bằng nhau, do vậy khi đoán mệnh, cơ hội rút được hào âm và hào dương cũng bằng nhau, mỗi cơ hội chiếm một nửa.

Tiến thêm một bước, bát quái tổng kết ra tam tài: thiên, địa, nhân, lấy ba vạch hào dương và âm mà chồng ba vạch một, tương đương với trời (thiên), đất (địa), người (nhân). Điều này có nghĩa khi tung đồng tiền thì phải tung ba lần, trong ba lần tung đó, mỗi lần đều có khả năng hoặc âm hoặc dương, mà khả năng xuất hiện hào dương là:

$$p.(A.B.C) = p(A) \,.\, p(B) \,.\, p(C) = \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} = \frac{1}{8}$$

A, B, C trong công thức chỉ tung ba lần. Khả năng xuất hiện hào âm bằng chúng, cũng là

$$\frac{1}{2}\ \frac{1}{2}\ \frac{1}{2} = \frac{1}{8}$$

Như vậy, khả năng xuất hiện âm dương sắp xếp được vừa vặn 8 kiểu:

1- dương dương dương

2- dương dương âm

3 - dương âm dương

4 - dương âm âm

5 - âm dương dương

6 - âm dương âm

7 - âm âm dương

8 - âm âm âm

thay bằng phù hiệu ta được:

1- ☶ (càn) 2- ☳ (Tốn) 3- ☲ (Li) 4- ☴ (cấn)

5- ☱ (đoài) 6- ☵ (khảm) 7-☳ (chấn) 8- ☷ (khôn)

Từ bát quái diễn biến thành 64 quái cũng phù hợp với phép tính toán theo luật hoặc nhiên. Khả năng xuất hiện âm dương là 1/2, nếu như mỗi khả năng xuất hiện 6 lần chứ không phải ba lần thì xác suất là :

$$p(A.B.C.D.E.F) = P(A) \times P(B) \times P(C) \times P(D) \times P(E) \times P(F)$$

$$= \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} \times \frac{1}{2} = \frac{1}{64}$$

Như vậy có 64 khả năng âm dương hào xuất hiện, do đó có thể suy đoán ra 64 quái. Ta thấy sự hình thành của bát quái, quyết không phải sự sắp xếp mang tính tất nhiên, có nghĩa là, nếu diễn dịch số học thì không thể sắp xếp thành 64 quái, mà phải theo qui luật ngẫu nhiên mới xếp được. Điều này nhất trí với phương thức tư duy lôgic cổ xưa của Trung Quốc.

Ngoài ra, các quái từ, hào từ của bát quái đều biểu hiện cách nhìn của bát quái về khả năng tính của sự vật, có nghĩa là, mỗi quái từ, hào từ đều không biểu thuật vấn đề một cách tuyệt đối, mỗi quái danh đều đại biểu cho rất nhiều ý nghĩa, như "Càn" là trời, là vòng tròn, là vua, là cha, là ngọc, là vàng, là lạnh, là băng giá.

Như vậy bát quái có thể đại biểu cho bất cứ cái gì, có thể "kéo dài ra mãi, gộp vào mà lớn mãi". Bát quái diễn biến thành 64 quái, 64 quái cộng với 384 hào, rồi thì quái từ, hào từ, nhiều như vậy, nhưng vẫn không thể phản ánh thế giới phức tạp, do đó phải kéo dài ra, phải thay thế, phải gộp vào. Có thể thấy, bát quái chỉ dự đoán theo khả năng, tức từ khía cạnh có khả năng lớn hơn mà suy đoán. Đây chính là lý do mà vì sao khi học bát quái phải giỏi lật đi lật lại vấn đề, phải giỏi liên tưởng, qui nạp. Sự thông tuệ này của bát quái vẫn có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu luật hoặc nhiên ngày càng mở rộng như hiện nay.

17. NHỮNG SẮC THÁI TÌNH CẢM MỪNG GIẬN, BUỒN VUI

"Đồng nhân tiên hào đào nhi hậu tiếu" (Quẻ đồng nhân, hào Cửu ngũ). (Cùng với người, trước thì kêu rên, sau thì cười).

" Lữ nhân tiên tiếu hậu hào đào" (Quẻ lữ, hào Thượng cửu). (Người lữ hành trước cười sau khóc).

Hai câu trên như hai khúc nhạc đệm, biểu diễn một cách tài tình sắc thái tình cảm. Người cùng đi trước khóc sau cười, người lữ hành trước cười sau khóc, biểu hiện tình cảm thông thường của con người khi gặp một cảnh ngộ. Còn như họ gặp chuyện như thế nào, không nói ta cũng rõ, có thể là, người đồng hành lúc đầu không đồng tâm, về sau thì tay bắt mặt mừng, do đó từ khóc chuyển sang cười; người lữ hành lúc đầu cùng nhau vui chơi, lúc chia tay thì rất buồn lòng, do đó từ cười chuyển sang khóc. Bất kể tình huống nào, người đồng tâm, tâm đồng lý, khi người ta gặp một tình huống vui vẻ hoặc thương tâm, thì bao giờ tình cảm cũng có phản ứng. Do đó, bát quái luận về lý, đồng thời cũng ghi lại sự biểu hiện của tình cảm, hơn nữa, qua miêu tả tình cảm có thể nói rõ tính hợp lý của sự vật và cát hung hoạ phúc của hành vi.

Tình tự là biểu hiện bên ngoài của tình cảm. Về tình tự mà bát quái đã miêu tả, có thể qui nạp như sau: (I) Về tình tự biểu hiện sự vui mừng phấn khởi, có: 'Tiếu' (cười), "Chấn lai hích hích, tiếu thanh ha ha" (nghe tiếng sấm thì sợ hãi sau đó cười ha hả), (quẻ Chấn).

"Lạc" (vui, bằng lòng), "Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu' (Hệ từ thượng) (vui vì biết mệnh trời, do đó không lo phiền)

"Hỉ" (mừng), "Khuynh bĩ, tiên bĩ hậu hỉ" (quẻ Bĩ), (Đánh đổ được cái bĩ, trước còn bĩ, sau thì mừng).

'Khoái" (vui, hả hê), "bạt chửng kỳ tuỳ, kỳ tâm bất khoái" (quẻ Cấn), (mình phải theo nó, lòng không vui).

"Hi" (cười hì hì), "Gia nhân hác hác, phụ nhân hi hi" (quẻ Gia nhân), . (để cho dâu con cười đùa vui vẻ)

"Dự" (vui sướng), "Minh dự" (quẻ Dự), "khoe mình vui sướng).

(2) Biểu hiện tình tự lo lắng, đau thương , có:

"Hào" (kêu khóc), đồng nhân tiên hào nhi hậu tiếu' (quẻ Đồng nhân), (Người đồng hành, trước thì kêu rên sau thì cười).

'Đào" (kêu to), "lữ nhân tiên tiếu nhi hậu hào đào" (quẻ Lữ), (người lữ hành trước cười sau kêu khóc).

"Thế" (sụt sịt, than thở), "xuất thế đà nhược, thích ta nhược" (quẻ Li), (nước mắt ròng ròng, biết buồn lo than thở).

"Loạn" (thở dài), "tê tư thế đi, vô cữu' (quẻ Tụy), (than thở sụt sùi không trách ai được).

"Ta" (ai oán), "bất cổ phẫu nhi ca, tắc đại diệt chi ta" (quẻ Li), (không gõ cái phẫu mà hát, thì lại than thở mình già nua).

(3) Ngoài các tình tự trên, bát quái còn miêu tả một số biểu hiện tình tự khác:

"Ố" (ghét), "ái ố tương công, nhi cát hung sinh" (Hệ từ), (yêu ghét đối chọi nhau mà sinh cát hung).

"Hối" (hối hận), "kháng long hữu hối" (quẻ Càn), (Rồng lên cao quá, tất có hối hận).

"Càn" (sợ hãi), "quân tử chung nhật càn càn" (người quân tử suốt ngày lo sợ không giữ được đạo.

"Sầu" (sầu muộn), "tấn như sầu như" (quẻ Tấn), (tiến lên mà rầu rĩ).

"Ưu" (lo lắng), "lạc tắc hành chi, ưu tắc vi chi" (quẻ Càn), (vui thì làm, lo thì tránh).

"Tu" (xấu hổ), "bao tu, bao tu vị bất đương dã" (quẻ Bĩ), (xấu hổ, không xứng với địa vị).

"Ái" (yêu mến), "vương các hữu gia, giao tương ái dã" (quẻ Gia nhân), (ông chủ biết quản lý gia đình, mọi người yêu mến lẫn nhau).

Tình cảm có thể biểu hiện ra bên ngoài, quan trọng hơn là nhân tố nội tại của tình cảm, tức tình cảm phải có nội dung sâu sắc. Từ những biểu hiện tình tự nói trên ta thấy bát quái không miêu tả sự buồn vui mừng giận kiểu sinh lý thần kinh, mà sau đó, bao giờ cũng có cái gì quan trọng hơn, và đó chính là điều mà bát quái muốn nói tới.

Những phản ứng tình cảm nảy sinh trong khi nhận thức sự vật, tâm lý học hiện đại gọi đó là "lí trí tình cảm"(cảm nhận lý tính). "Hệ từ thượng", nói: "Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý... thánh nhân chí tượng dĩ tận ý, thiết quái dị tận tình ngụy, hệ từ yên dã tận kỳ ngôn, biến nhi thông dĩ tận kỳ lợi, cổ vũ dĩ tận kỳ thần" (viết không hết được lời, lời không hết được ý... thánh nhân đặt ra

"tượng" để diễn hết ý, đặt ra quẻ để diễn hết sự việc thật hay giả, đặt ra lời để ghép vào (quẻ, hào) để nói hết lời, biến thông để dùng cho hết cái lợi; cổ võ để đưa ra hết cái thần diệu. Các thánh nhân nhận thức thế giới với một tình cảm mãnh liệt. Khi tìm hiểu đạo của trời đất, các thánh nhân vui sướng vô cùng, khí thế bừng bừng, vui mừng phấn khởi, vì họ được nhìn thấy bí mật của vũ trụ. Mà "thình lình chạy tới như muốn đốt người ta thì sẽ chết, bị mọi người bỏ" (Quẻ Li, Cửu tứ), trong cảnh sự việc không rõ ràng, mà bị chết đột ngột, bị thiêu huỷ ngay trước mắt, thì thật là đau thương, chua xót, tình cảm con người biểu thị rất đầy đủ trong khi nhận thức hay không nhận thức sự vật, vậy mới gọi là "lạc thiên tri mệnh mà không biết ưu sầu".

Về mặt đạo đức cảm, bát quái biểu hiện rất nổi bật. "Tác Dịch giả, kỳ ưu hoạn hồ, sự cố lý, đức chi cơ đã" (Người làm Dịch có điều ưu tư lo lắng chăng? Vì vậy quẻ Lý là cái nền của đức) (Hệ từ hạ). Tác giả lo lắng điều gì, là cái nền của đạo đức, mọi người còn tuân theo đao đức của người xưa không? Đạo đức có tồn tại hay không? Đó là nguyên nhân vì sao mà lo lắng. Nếu mọi người đều có đạo đức thì đây là một niềm vui vì vậy quẻ "Khiêm Lục nhị" viết: "Minh khiêm trinh cát, trung tâm đắc đã" (Tiếng tăm lừng lẫy về đức Khiêm, nếu chính đáng thì tốt, vui trong lòng). Mọi người biểu thị mỹ đức một cách tự nhiên, thì trong lòng tất nhiên được an ủi, vui mừng và cũng rất đắc ý.

Coi cái đẹp trong thiên hạ là niềm vui, cũng là thường tình của con người. "Khôn Tượng", viết: "Quân tử hoàng cân thông lý, chính vị cư thể, mĩ tại kỳ trung, nhi sướng vu tứ chi, phát vu sự nghiệp, mĩ chi chí đã". Người quân tử trang sức cho mình bằng

quần áo màu vàng, đẹp từ toàn thân đến tứ chi, vui sướng không để đâu cho hết, giống như sự cảm thụ lý trí được nảy sinh do thông hiểu đạo lý mà toàn bộ sự nghiệp được thông thuận, sự hưởng thụ cái đẹp là không thể nói thành lời, đúng như quẻ "Li Lục nhị" viết: "Hoàng li, nguyên cát" (sắc vàng phụ vào ở giữa, rất tốt). Li nghĩa là đẹp, hoàng là màu trung gian, cái đẹp đang độ chín, giữa màu vàng đẹp, nên người ta thấy trong lòng cực kỳ khoan khoái mà hưởng thụ mĩ cảm.

Bát quái còn trình bày hành vi cảm của con người, tức sự biểu hiện tình cảm nảy sinh qua hoạ phúc trong hành vi, như "vui thì làm"(Càn)", hành vi của mình thỏa đáng thì sao lại không vui? Tất nhiên nếu hành vi không thỏa đáng thì là điều đáng buồn, "tấn như sầu như"(tiến tới thì buồn), tiến lên có khó khăn, thì đúng là đáng buồn.

Theo cách nhìn của bát quái, tình cảm không chỉ là sự biểu hiện tâm lý cá thể, mà là sự giao lưu giữa người với người, tức giao lưu tình cảm. Con người thường biểu hiện tình tự như thế nào? Tất nhiên đây là sự phát tiết và sự bù đắp cho thế giới nội tâm của con người, nhưng chủ yếu là nó biểu hiện cho người ta thấy, tức dùng tình cảm để xúc động người. "Hệ từ hạ"viết: "Bát quái dĩ tượng cáo, hào tượng dĩ tỉnh ngôn, cương nhu tạp chất nhi cát hung khả xử kiến"(bát quái lấy "tượng" mà bảo, những lời đặt sau các hào và các quẻ tuỳ hoàn cảnh và sự việc mà chỉ cho ta, cứng mềm (âm dương) lẫn lộn với nhau, do đó mà biết được cát hung). "Dĩ tỉnh ngôn" tức lấy sự giao lưu tình cảm, tỏ tình với người, nghĩa là sách bát quái không chỉ trình bày cho người ta hiểu, mà sách còn giao lưu tình cảm với mọi người.

"Trình dịch" viết: "Hàm chi tình thông, hằng chi tình cửu, tụ chi tình chi" (cảm nhau thì tình thông, giữ vững tình cảm thì lâu bền, chuyên nhất thì có tình).

Trong rất nhiều quái ghi trong "Trình Dịch", có ba quái chuyên giảng về giao lưu tình cảm: (1) "Hàm" tức là cảm, nói về sự thông cảm. Quẻ này chia sự thông cảm thành những mức độ khác nhau, "Hàm kỳ mẫu", sự giao tình ở mức độ ngón chân cái, mới tiếp xúc, không có gì sâu sắc; "hàm kỳ phì", sự giao cảm đạt tới tầm bắp chân, đã tiến thêm được một bước; "hàm kỳ cổ" (sự giao cảm đạt tới phần đùi) vẫn chưa cao; "hàm kỳ tâm"(sự giao cảm đạt tới ở tim), cái tâm của thánh nhân giao cảm với thiên hạ như nóng như lạnh, chỗ nào cũng thông, chỗ nào cũng ứng; "hàm kỳ mỗi" (cảm tới bắp thịt ở trên lưng), "mỗi" là bắp thịt trên lưng phía sau tim, có thể gánh vác nỗi niềm riêng, có thể cảm nhận cái chính đáng của thiện hạ; "hàm kỳ phụ, giáp, thiệt" (cảm tới mép, má, lưỡi) giao cảm tới mức này, khiến đối phương phải mở miệng, tất nhiên là chỉ nói suông thì chưa ổn, mà trung tâm là "hàm kỳ tâm". (2) Quẻ "Hằng" nói về tính lâu dài của sự giao lưu tình cảm. Quẻ này cho rằng tính lâu dài sẽ làm cho quan hệ tình cảm sâu sắc, gọi là "tuấn hằng" (quá mong được thân mật lâu dài) thì phải "chấn hằng" (phải thường xuyên phát huy vai trò của tình cảm), không nên giữ quan hệ tình cảm trong trạng thái tĩnh lặng, mà phải thường xuyên động, trong trạng thái động mà giữ cho tình cảm lâu bền. (3) Quẻ "Tuỵ" (tụ) chuyên nói về sự trước sau như một trong tình cảm, tức tính chuyên nhất trong tình cảm. Quẻ này cho rằng, tình cảm thì phải trước sao sau vậy, có như thế, mới "nãi loạn nãi tuỵ, nhược hào, nhất ác vi tiếu" (khi tan tác, khi tụ họp, nếu kêu gọi thì sau cái bắt

tay lại cười), trong loạn mà có thể nói cười, vì vậy sự chuyên nhất mới làm cho tình cảm sâu sắc, bền vững.

Con người ta, muốn đạt tới tình thông (tình cảm hoà hợp), tình cửu (tình cảm lâu dài), tình nhất (tình cảm chuyên nhất), thì trong giao lưu phải giữ tấm lòng thành. Đây là điều mà bát quái chủ trương từ đầu đến cuối, quẻ "Tỉ" đã nói lên sâu sắc điều này, "Tỉ như tự nội, chung cát" (tự trong lòng mà gần gũi với người, chính đáng thì tốt), phải thành thực tự đáy lòng mà gần gũi, thì mới có thể giao lưu tình cảm; "Tỉ chi phỉ nhân (Tỉ Lục tam), nghĩa là gần gũi với người không cùng ý kiến với mình, thậm chí với kẻ thù, cũng khiến họ cảm động; "Tỉ chi vô thủ" (Tỉ Thượng lục), mở đầu bằng sự gần gũi mà không thành tâm, do đó gây ra sự không thông cảm, thì dù sau này có thành tâm mà làm lại cũng đã muộn. Chứng tỏ sự chân thành là phải trước sau như một.

"Giao tương ái" (Gia nhân Tượng) (thông cảm thì yêu mến lẫn nhau), đây là điều quán xuyến toàn bộ sắc thái tình cảm trong bát quái, người trong nhà phải như vậy, người trong xã hội cũng phải như vậy.

18. SỰ HIỂN HIỆN CỦA NHÂN CÁCH TRONG BÁT QUÁI

Nước có quốc cách, người có nhân cách. Thế nào là nhân cách? Nói ngắn gọn, đó là phẩm hạnh của con người, là bộ mặt tinh thần, là ngôn ngữ cử chỉ, trạng thái tâm lý của mỗi người. Bát quái lấy nhân sự làm chính để bàn về đạo trời, đạo đất, để nói về đạo người. Vì vậy, tất nhiên bát quái đứng trên góc độ đương thời mà

bàn về vấn đề nhân cách, từ đó phác hoạ một khuôn mẫu nhân cách lý tưởng điển hình.

Thông thường, bát quái chia nhân cách lý tưởng ra làm hai loại: Một loại là nhân cách lý tưởng trong cuộc sống hiện thực, tức "quân tử". Đây là con người tương đối hoàn mĩ, là nhân cách lý tưởng tương đối cao, có thể đạt tới thông qua cố gắng bản thân trong cuộc sống hiện thực. Còn những người thuộc tầng lớp dưới của xã hội như bà già, tiểu nhân, thầy cúng, thì không nói gì đến nhân cách, không đáng bàn. Tóm lại, nhân cách lý tưởng là do thực hành, vận dụng "Dịch lý" mà có sức mạnh tinh thần vô tư, có đạo đức tình cảm tương đối cao và một tài năng trác việt.

Điều này khiến người ta bất giác nhớ lại những năm 50 của thế kỷ này, nhà tâm lý học tư bản người Mỹ Maxlơ đã bàn về nhân cách lý tưởng. Trong tác phẩm "Động cơ và nhân cách", ông trình bày sự suy nghĩ của mình về nhân cách lý tưởng, cho rằng trong nhân loại rất ít nhân cách lý tưởng, tức nhân tài tinh anh, trong mỗi người chúng ta chỉ tiềm ẩn tiềm lực của tinh anh, mà đa số người không phát huy được tinh anh đó, do vậy, nhân cách lý tưởng ta thấy không nhiều. Nhưng chỉ cần bồi dưỡng chu đáo, mọi người đều có thể trở thành những người có nhân cách lý tưởng. Ông đã đánh thông mối quan hệ giữa người thường với người có nhân cách lý tưởng, giỏi hơn cả bát quái tách "quân tử" với "tiểu nhân". Nhưng tiếc rằng ông không phân biệt được nhân cách lý tưởng trên quan niệm, với nhân cách lý tưởng trong cuộc sống hiện thực, khiến mọi người không nắm được đặc trưng và phương hướng nỗ lực của nhân cách lý tưởng, điều mà cổ nhân cách đây mấy nghìn năm nhìn chưa rõ.

"Hệ từ thượng", viết: Bát quái "hiển đạo, thần, đức, hạnh, thị cố khả dữ thù tạc khả dữ hựu thần hĩ" (Bát quái làm rõ rệt cái đạo và làm cho đức, hành có cái gì huyền bí (thần), nên giúp chúng ta có thể ứng được với biến cố và giúp được thần linh nữa). Chính là bát quái từ bốn mặt đạo, thần, đức, hành để nói về nhân cách lý tưởng, ngôn hành của con người, là chỗ dựa tinh thần cho nhân cách lý tưởng. Theo cách nhìn của bát quái, thế giới không ngừng biến hoá, những thứ cụ thể của hiện thực cũng không tồn tại mãi, chỉ có đạo mới tồn tại rộng khắp và vĩnh viễn, mới vĩnh viễn phát huy tác dụng. Con người phải nắm vững đạo trời đạo đất, hợp pháp cùng thiên địa, thì mới làm cho sinh mạng và cuộc đời của mình có một ý nghĩa cao cả, qua đó nhân cách càng vĩ đại, hoàn mĩ. Do vậy, "phù đại nhân giả dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỉ thần hợp kỳ hung cát, tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời" (Càn Văn ngôn) (Hễ gọi là đại nhân tất có đức lớn như trời đất, sáng như nhật nguyệt, sắp xếp công việc có thứ tự trước sau như bốn mùa, biết việc lành dữ như quỉ thần. Đoán được ý trời mà làm, trời cũng phải nghe theo. Khi làm theo ý trời thì thuận theo thiên thời). Điều này chỉ rõ nhân cách lý tưởng thống nhất với đạo của trời đất, do vậy, nó cũng biểu thị rõ phẩm chất thiêng liêng, vượt lên trên thói tục và sự vật cụ thể. Có thể thấy, nhân cách lý tưởng của bát quái là sự thể hiện và là kẻ thực hành phép tắc cơ bản của vũ trụ, và không chỉ là kẻ bảo vệ và thực hành trật tự đã có của xã hội. Để phòng ngừa chuyện nhào nặn nhân cách lý tưởng thành nhà đạo đức hẹp hòi, bát quái hết sức đề cao đạo hình nhi thượng (siêu hình), đề xuất nghiên cứu đạo thật sâu sắc, hiểu thấu cái thần của đạo, chủ trương đưa vào đạo "để thông hiểu cái chí của thiên hạ". Trong bát quái quả thật

không ít những từ "thuận thiên mệnh", nhưng hàm nghĩa cơ bản của nó không phải là thuyết định mệnh, mà là chỉ sự thuận ứng, phục tùng phép tắc của vũ trụ và trật tự của tự nhiên, đây là chuẩn tắc hàng đầu trong hành vi của nhân cách lý tưởng.

"Thần" là chỉ trí tuệ và sức mạnh tinh thần vô cùng vô tận của nhân cách lý tưởng trong những điều kiện khác nhau đã thể hiện khi vận dụng "đạo" vào sự vật cụ thể. Đạo là phần vĩnh hằng lâu bền và ổn định trong nhân cách, tức cái gọi là "thiên hạ chi động, trinh phu nhất giả đã" (mọi hoạt động trong thiên hạ nhờ kiên nhẫn, lâu mà giống nhau như một) (Hệ từ hạ). Mà thần tức là tinh thần vô địch, nó phong phú phức tạp, biến hóa và hiển hiện đa dạng. Nó chứng minh tinh thần của con người không dừng mãi ở một trạng thái đặc định nào đó, không có một cách thức bất biến và hình dáng bất biến. Thần hiển thị tính đa dạng của nhân cách, tính phong phú, tính khả biến của nhân cách, chứng minh rằng, tinh thần nhân cách lý tưởng phát triển theo bề rộng và bề sâu thì có một tiềm lực vô hạn. "Hệ từ thượng", viết: "Thánh nhân lập tượng dĩ tận kỳ tả dĩ tận ký, thiết quái dĩ tận tình nguỵ, Hệ từ tả dĩ tận kỳ ngôn, biến nhi thông nghĩa dĩ tận kỳ lợi, cổ chi vũ chi dĩ tận thần" (Thánh nhân đặt ra tượng để diễn hết ý, đặt ra lời ghép vào (quẻ, hào) để nói hết lời, biến thông để dùng cho hết cái lợi, cổ võ để đưa ra hết cái thần diệu. Đó là nhấn mạnh bản thân con người phải dựa vào phép tắc khách quan và hoàn cảnh đặc định mà lựa chọn, phát huy mạnh mẽ tính năng động chủ quan, khiến tự thân phát triển mạnh mẽ trước mọi khả năng. Đó cũng là nhấn mạnh phải phát huy vai trò chủ thể của cá nhân, khiến tinh thần chủ quan thể hiện ra phẩm chất tuyệt diệu, biến hóa thần kỳ trong những hoàn cảnh khách quan khác

nhau. Do vậy nhân cách lý tưởng của bát quái là phải làm cho nhân cách phát triển đa dạng và vô hạn.

"Đức" là phẩm chất ưu tú của con người được biểu hiện trước mọi người, trước sự vật và trong khi xử lý các vấn đề xã hội. Bát quái đặc biệt coi trọng việc xác lập phẩm chất đạo đức của nhân cách lý tưởng. Về sau, "Trình Dịch" mở rộng hơn nữa tư tưởng này, gắn thuật ngữ bốc phệ "nguyên", "hanh", "lợi", "trinh" với "nhân", "nghĩa", "lễ", "chính", cho rằng nhân cách lý tưởng phải bao gồm bốn mỹ đức cơ bản đó. Theo "Trình Dịch", người mà có mỹ đức thì có thể cảm hóa được người khác, được người khác đồng tình , tín nhiệm và ủng hộ. "Văn Ngôn" viết: "Quân tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân, gia hội túc dĩ hợp lễ, lợi vật túc dĩ hòa nghĩa, trinh cố túc do cán sự" (Quân tử lấy nhân làm bản thể mà lãnh đạo được người, gom góp mọi điều tốt đẹp thì không việc gì không hợp với thiên lý, làm lợi cho vạn vật nên hoà hợp với đạo nghĩa, hằng tâm nghị lực mới có thể hoàn thành mọi sự).

Giá trị của đức là đảm bảo cho người quân tử sự thuận lợi trong hoạt động xã hội và thành công trong sự nghiệp. ở ngôi địa vị cao mà tu sửa mỹ đức, "dĩ hậu đức tải vật" (lấy đức dày mà chứa đựng muôn vật) thì sẽ được mọi người ủng hộ, yên ổn với ngôi sự của mình, gặp lúc khốn quẫn, nếu "phản thân tu đức" (tỉnh ngộ mà tu đức) tất có thể khắc phục khó khăn, thoát cảnh bế tắc, "kiến thiện tắc thiên, hữu quá tắc cải" (thấy việc thiện là theo, thấy sai thì sửa) mà giành lấy thắng lợi. Trái lại, "đức bạc nhi vị tôn, trí tiểu nhi mưu đại, lực thiểu nhi nhiệm trọng" (đức mỏng mà ở ngôi vị cao, tài trí thấp mà mưu đồ lớn, năng lực kém mà chức vụ cao) tất khó tránh được tai hoạ. Có thể

thấy, dù đức không thuộc phạm trù quan trọng nhất trong bát quái, nhưng bát quái rất coi trọng việc tu dưỡng đạo đức.

"Hành" là chỉ hành vi và sự nghiệp mà nhân cách lý tưởng phải có. Mục đích của bát quái vốn là tìm hiểu những phương thức hành vi của con người trong những hoàn cảnh khác nhau, do vậy bát quái rất chú trọng hành vi hợp lý của con người. "Dịch truyện chỉ ra rằng, "hành" là "khu cơ" (quan trọng bậc nhất) của người quân tử, nhân cách lý tưởng dựa vào hành để "động thiên địa" (tác động vào thiên địa). Phải nói rằng bát quái không hề nhấn mạnh động cơ hành vi của con người có hợp với "đạo" hay không , mà chỉ chú trọng bản thân hành vi có phù hợp với "đạo" hay không? Tức là nhấn mạnh hành vi hợp với "đạo". Hành vi của nhân cách lý tưởng phải thuận với phép tắc của vũ trụ, phải tuân thủ quan niệm đạo đức, tức "chính vị cư thể". "Kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ ngoại thương" (ngay thẳng trong lòng thì phải có điều kính, vuông (trọn vẹn) ở ngoài khi tiếp xúc thì phải có đức nghĩa), "mĩ tại kỳ trung, nhi sướng vu tứ chi, phát vu sự nghiệp, mĩ chi chí dã" (cái đẹp ở trong mà thoải mái đến tứ chi, tác động đến sự nghiệp, mĩ đến thế là tột bậc) (Khôn. Văn ngôn). Hành vi của nhân cách lý tưởng phù hợp với những chuẩn tắc đạo đức nhất định, tất nhiên có giá trị thẩm mỹ cao.

Đạo, thần, đức, hành, bốn nhân tố này có quan hệ với nhau, hợp thành nhất thể, tạo nên khuôn mẫu của nhân cách lý tưởng, từ đó tạo dựng nên hình tượng điển hình về mô thức lý tưởng mà bản thân mỗi người phải cố gắng vươn tới..

3

NGUỒN GỐC VĂN HÓA

1. BÁT QUÁI VÀ QUAN NIỆM TÔN GIÁO NGUYÊN THUỶ

Tôn giáo là hiện tượng phổ biến nhất của bất cứ dân tộc nào trên thế giới, có một ảnh hưởng quan trọng khác nhau trong lịch sử và trong cuộc sống hiện thực của loài người. Trong các thời kỳ khác nhau, tôn giáo từng có những ảnh hưởng nhiều mặt trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, tư tưởng và quân sự, nhất là tôn giáo nguyên thuỷ của thời kỳ viễn cổ, thì ảnh hưởng đó lại càng lớn. Vì rằng tôn giáo nguyên thuỷ là thế giới quan của người nguyên thuỷ, là hình thức phản ánh tự thân của nhân loại thời kỳ đầu đối với thế giới xung quanh. Tôn giáo nguyên thuỷ gặp khó khăn trong khi nhận thức về thế giới xung quanh và nhận thức bản thân gửi gắm vào sức mạnh thần bí siêu nhiên, coi sức mạnh này là nguyên nhân cuối cùng của vạn vật, và phủ phục trước sức mạnh siêu nhiên đó, do đó đã trở ngại rất lớn cho sự phát

triển của nhận thức. Tất nhiên, tôn giáo nguyên thuỷ cũng có ý nghĩa tích cực nhất định.

Vậy tôn giáo nguyên thuỷ của Trung Quốc cổ đại đã thể hiện trên những quan niệm như thế nào" "Chu Dịch", bằng hình thức văn tự đã cung cấp cho chúng ta những tư liệu quí báu, giúp ta hiểu tín ngưỡng tôn giáo nguyên thuỷ. Tuy những nội dung này có một khoảng cách khá xa so với thời kỳ đầu xuất hiện tôn giáo nguyên thuỷ, nhưng vì "Chu Dịch" là một bộ sách sớm nhất, do đó, nó ghi chép những sử liệu chân thực gần gũi nhất với tôn giáo tín ngưỡng nguyên thuỷ, trực tiếp hoặc gián tiếp truyền đạt những thông tin về tôn giáo tín ngưỡng thời viễn cổ.

"Chu Dịch. Hệ từ truyện" cho rằng, theo truyền thuyết, bát quái là do Phục Hi sáng tạo ra, "Phục Hi xa thì lấy ở vật, gần thì lấy ở thân mình", mà "thông suốt cái đức của thần minh, xem xét hết cái tình của vạn vật". Vì rằng, ở thời kỳ viễn cổ, sức sản xuất và phương pháp sản xuất lạc hậu, phương thức tư duy của con người cũng tương đối đơn giản, thời đó chỉ có thể nảy sinh cảm giác thần bí và sợ hãi sức mạnh siêu nhiên. Họ chỉ có thể thần bí hóa sức mạnh thiên nhiên và vật trong thiên nhiên, coi là đối tượng sùng bái, lấy bái phục thay cho chế ngự, dùng tín ngưỡng thay vì tìm hiểu, qua đó quan niệm về linh hồn nảy sinh rất sớm, được phát triển rộng và mạnh mẽ trong tôn giáo tín ngưỡng nguyên thuỷ, cho rằng vạn vật đều có linh hồn. Enghels nói: "Tôn giáo sản sinh từ quan niệm sai lầm tối nguyên thuỷ ở thời đại tối nguyên thuỷ của con người trong việc nhìn nhận mối quan hệ giữa bản thân với giới tự nhiên xung quanh" (Mác - Enghels toàn tập, tập 4 tr.250, điều này chứng minh sự ra đời và phát triển của tôn giáo có liên quan

đến trình độ phát triển của xã hội loài người, cũng chứng thực rằng bát quái là sản phẩm của tín ngưỡng tôn giáo đương thời.

Bát quái lấy số "8" làm cơ sở mà không chọn 10, 9 hoặc mấy chục, là có lý do. Vì rằng thời viễn cổ, tính đếm từ 2 trở lên là một công việc cực kỳ nặng nề và phức tạp, những con số từ 10 trở xuống đều bị bao trùm trong một không khí thần bí. Các nước trong thế giới cổ đại đều đã từng sùng bái những con số. Người Navia lấy 3 nhân với 3 được 9, và coi đó là con số được thần yêu thích đặc biệt. Người Hy Lạp, người Iloquay thờ phụng 3 vị Phan cơ (thần vận mệnh). Người Trung Quốc sùng bái con số 3 và 5. Những con số này hoặc tiêu chí thần thánh tam vị nhất thể, hoặc đại biểu cho ký ức của con người về một niềm hạnh phúc nào đó. Khi quan niệm về số thoát li khỏi vật thực có thể sờ mó được và được thay bằng phù hiệu hoặc đồ hình có điều kiện, thì lúc này con số càng có ma lực. Về việc giải thích bát quái ở nước ta, tuy có thuyết Tử Bát Khải Bát nguyên của Cao Tân, Cao Dương (hậu duệ của Hoàng đế) nhưng rõ ràng đây là chuyện đảo ngược trước sau, không thể tin. Ngoài chuyện trên đây, ta chỉ biết người xưa dùng 8 đoạn trúc để làm công cụ xem bói. Từ sự phát triển lịch sử tư tưởng mà suy đoán, quả thật trong lịch sử từng có thời kỳ, như thời kỳ Phục Hi sáng tạo ra bát quái chẳng hạn, con số 8 được coi là một con số thần bí. Bát quái là như vậy, hoàn cảnh xã hội và hoàn cảnh nhân sự trong cuộc đấu tranh sinh tồn phát triển giữa con người và giới tự nhiên đã cung cấp những chất liệu và điều kiện, trải qua một quá trình quanh co khúc khuỷu, được coi là hình thức cố định cơ bản của các đối tượng sùng bái thiên nhiên, mà sáng tạo ra bát quái.

Bát quái quả thật là một tín ngưỡng chi phối mọi người trong một chừng mực nhất định trong lịch sử, bằng hình thức thần bí, nó tác động lên con người sống giữa trời đất, và trên những mức độ khác nhau, trở thành một bộ phận không thể tách rời trong trời đất. Cùng với sự biến thiên của xã hội, bát quái càng trở nên trừu tượng khái quát và mang trên mình nó ngày càng nhiều dấu ấn của các xã hội, sấm vĩ học (sấm truyền), thần học, âm dương học qui tụ trên mình nó, thậm chí luân lý đạo đức, tam cương ngũ thường của xã hội phong kiến cũng đắp lên từng lớp trên người nó. Thí dụ "quái Càn" không chỉ đại biểu cho trời, mà còn đại biểu cho đế vương, quân tử, đàn ông và khí dương cương; "quái Khôn" không chỉ tượng trưng cho đất, mà còn là bề tôi, thiếp, đàn bà, âm nhu và tiểu nhân.

Quan niệm tôn giáo sùng bái tự nhiên được chép rất nhiều trong "Chu Dịch" như sùng bái vật tổ (tôtem) là một trong những số đó. Sùng bái vật tổ là hình thức tôn giáo pha trộn giữa sùng bái tự nhiên và sùng bái tổ tiên. Bát quái từng bị giải thích là tám loại tôtem. "Thuyết quái truyện" cho rằng: "Càn là ngựa, Khôn là trâu, Chấn là rồng, Tốn là gà, Khảm là lợn, Li là chim trĩ, Cấn là chó, Đoài là dê". Đây là người đời sau giải thích bát quái, nhưng chứng tỏ sự ra đời của bát quái có liên quan đến sùng bái phật tổ, đồng thời cũng chứng tỏ tám loại tôtem trong điều kiện xã hội mới vẫn còn khả năng bị coi là đối tượng sùng bái. Tám loại động vật này đều là đối tượng thần hóa và sùng bái của Trung Quốc thời nguyên thuỷ, vì chúng là vật phẩm mà nhân loại nhờ đó mà sinh tồn, nên được mọi người kính nể và tôn thờ.

Từ bát quái đến "Chu Dịch" đã trải qua một thời kỳ dài dằng dặc. Vào cái thời "Chu Dịch" thành sách, qui mô của sùng bái vật tổ

càng lớn, như 64 quái của "Chu Dịch", đứng ở vị trí số một là "quái Càn" thì từ đầu đến cuối nói về rồng, lấy phạm vi của rồng làm chủ thể, viết nên quan hệ giữa rồng và nhân sự (công việc của người). "Hiện long tại điền" (rồng đã hiện ở ruộng), hoặc "phi long tại thiên" (rồng bay lên trời) ra mắt đại nhân thì lợi; "tiềm long" (rồng ẩn) hoặc còn đang vùng vẫy trong vực thì "vật dụng" (không dùng được) hoặc "vô cữu" (không mắc lỗi); "kháng long" (rồng lên cao quá) tất có hối hận"; "quần long vô thử" (bầy rồng không có đầu, ý nói bay lượn vùng vẫy trong mây, nên không thấy đầu, thì "cát".

Từ những phát hiện của khảo cổ học và trên quan điểm tôn giáo học mà phân tích, rồng chẳng qua là sự kết hợp giữa động vật bò sát và mấy loại động thực vật khác có liên quan đến cuộc sống con người, người ta đã gửi gắm vào rồng rất nhiều tình cảm phức tạp, sợ hãi (rắn, cá sấu, và rồng gọi gió kêu mưa), nhờ cậy (lợn), yêu mến (cái đẹp chân chất của hươu), nể sợ (rồng có thể điều khiển mưa gió hoà thuận, cây cỏ xanh tươi), ngưỡng mộ (chim ưng bay cao). Người ta gửi gắm vào rồng những nguyện vọng tốt đẹp và những nhu cầu về tinh thần để an ủi. Rồng trở thành tượng trưng của dân tộc Trung Hoa, trung tâm của sùng bái vật tổ, được đặt lên vị trí thứ nhất của 64 quái, đánh dấu quá trình tiến bộ, tổng hợp tiến hóa từ đa thần hướng tới một thần của tôn giáo tín ngưỡng. Vì vậy, phải nói rằng, rồng là tượng trưng cho cát tường của nhiều động vật vào một mình nó, là kết quả của sự tập trung hoà trộn sự sùng bái vật tổ của rất nhiều dân tộc.

Mê tín điềm triệu và chiêm bốc là sản phẩm của quan niệm tôn giáo nguyên thuỷ phát triển lên giai đoạn cao. Tin vào những điềm báo ở Trung Quốc có nguồn gốc rất sớm, lưu hành rất rộng,

mà "Chu Dịch" với tính chất là một sách bói đã quyết định quan hệ sâu xa với mê tín những điềm báo của trước đó. Mê tín điềm báo trước và chiêm bốc trong "Chu Dịch" đã phản ánh đầy đủ trong "Chu Dịch". "Chu Dịch" lợi dụng mối nhân quả một cách ngẫu nhiên giữa các sự vật, trên cơ sở rất nhiều bốc phệ của qui bốc (bói mai rùa), tinh chiêm (chiêm tinh), mộng chiêm (chiêm mộng), phệ chiêm (bói cỏ thi), điểu chiêm (bói chim) mà "Chu Dịch" tổng kết và khái quát thành sách kinh điển. "Chu Dịch" sở dĩ là "Dịch", vì nó là sách chiêm bốc, vu bốc (bói toán). Vì rằng, "Dịch" tức là "Hịch" đồng nghĩa với "Vu" (đồng cốt) Chiêm bốc vốn là phán đoán lành dữ, dự báo thành bại hoạ phúc, do vậy, mê tín điềm báo trước được biểu hiện qua chiêm bốc, không những phản ánh nhiều hơn trong "Chu Dịch" so với các sách khác, hơn nữa, cũng là phần cốt lõi của "Chu Dịch". Có điều, thủ đoạn cầu phúc tránh hoạ của "Chu Dịch" là cầu xin quỉ thần phù hộ, căn cứ vào sự việc mà người ta muốn biết trước cầu xin quỉ thần phát ra điềm báo để mong được giải đáp, lại có 384 khả năng lựa chọn, nên "Chu Dịch" càng hệ thống hoá, càng lý luận hóa và càng cao diệu.

"Chu Dịch" ra đời từ rất xưa, mà bát quái làm nền móng cho "Chu Dịch" thì nguồn gốc lại càng xa thẳm. Bát quái nảy sinh từ tôn giáo tín ngưỡng vào thời kỳ mà Phục Hi là đại diện trong truyền thuyết. "Chu Dịch"đã làm phong phú thêm, phát triển và mở rộng nội dung nguyên thuỷ của bát quái, khiến hàm nghĩa nguyên thuỷ của bát quái được phát huy và vận dụng mạnh mẽ trong hình thái xã hội mới. Trong "Chu Dịch" có thể tìm thấy phôi thai và mầm sống của các quan niệm tôn giáo xuất hiện sau bát quái, và

cũng trong "Chu Dịch" có thể tìm thấy nguồn gốc các loại tôn giáo tín ngưỡng nguyên thuỷ.

2. LƯỠNG NGHI TƯƠNG PHÙNG VÀ NGUỒN GỐC QUAN NIỆM VĂN HỌC TRUNG QUỐC

"Chu Dịch" cho rằng, toàn bộ thế giới đều do lưỡng nghi tương phùng mà sinh ra. Lưỡng nghi tương phùng, nếu diễn dịch theo ngôn ngữ triết học, là thống nhất trong đối lập. "Chu Dịch" có qui định về tính chất, của lưỡng nghi, tức một "cương" một "nhu", "cương nhu tương thôi, biến tại kỳ trung hĩ" (cương nhu tác động lẫn nhau, biến đổi là ở trong đó).

Văn học nghệ thuật là một mặt quan trong trong văn hóa nhân loại, là bộ phận đặc biệt chói lọi trong nền văn minh tinh thần được sáng tạo đồng thời với sự sáng tạo ra văn minh vật chất của nhân loại. Trong văn học nghệ thuật cổ đại của nước ta thấm đẫm những nguyên lý về lưỡng nghi tương phùng. Một học giả nước ngoài đã nói: "Âm và dương thấm sâu trong các chủ đề của văn hóa Trung Quốc và qui định tất cả đặc điểm phương thức sinh hoạt truyền thống của Trung Quốc, có thể coi Kinh Dịch là hạt nhân của văn hóa và tư tưởng Trung Quốc, chỉ có Vệ Đà của văn hóa Ấn Độ, "Thánh kinh" trong văn hóa Phương Tây mới có thể so sánh với "kinh Dịch" (Kapula: Con đường vật lý học - Vật lý học hiện đại và chủ nghĩa thần bí phương đông). Sự thực đúng là như vậy "Chu Dịch" hầu như qui nạp toàn bộ những gì có tính chất quan niệm trong hoạt động vật chất và tinh thần của nhân loại, thành phẩm của lưỡng nghi tương phùng. Do vậy, tư tưởng của "Chu Dịch" thấm sâu một cách tự nhiên trong tất cả những hoạt động sáng tạo của các

văn nghệ sĩ cổ đại, ngay những quan niệm văn học có trước "Chu Dịch" (như "chí", "văn", "ngôn"...) đều bị nguyên lý lưỡng nghi tương phùng của "Chu Dịch" giải thích và qui phạm lại.

Ngày nay ta dùng con mắt tương đối khoa học để xem xét "Chu Dịch", có thể thấy "Chu Dịch" với tư cách là một hệ thống phù hiệu, bản thân nó đã chứa đựng trong đó trí tuệ và sự ảo diệu của người xưa. San khi "Chu Dịch" ra đời, dựa vào quái từ, hào từ của quái tượng để giải thích, mở rộng và phát huy, đã cải thiện tính chất của sách với tư cách là một sách bói. So với rất nhiều trứ tác của chư tử thời Xuân Thu Chiến quốc, "Chu Dịch" nắm vững một cách phổ quát sự phát triển của tự nhiên, xã hội và lịch sử phát triển của nhân loại, nhằm xây dựng một mô thức chủ quan phản ánh quá khứ, hiện tại và tương lai của thế giới. Nó qui nạp những cảm giác, tri giác, ý thức tình cảm, hành vi của con người vào mô thức này. Hiện nay ta đang đi sâu tìm hiểu ba phương thức tư duy: tư duy trừu tượng, tư duy linh cảm, ta có thể tìm thấy trong "Chu Dịch" hình ảnh sơ khai của ba loại tư duy đó. Do vậy, trong sáng tạo văn học nghệ thuật như sáng tạo hình tượng, biểu hiện tình cảm, phẩm chất mĩ học, ngôn ngữ truyền đạt... tất nhiên đều bao hàm trong đó.

Vậy thì, có những quan niệm văn học nào bị giải thích và qui phạm lại qua nguyên lý lưỡng nghi tương phùng của "Chu Dịch"? Và có những quan niệm văn học nào đó bắt nguồn từ "Chu Dịch"? Ta hãy khảo sát tổng hợp "Chu Dịch", rút ra những điều chủ yếu, qui tụ thành hai nhóm sau:

Nhóm một, từ ngoài vào trong, là sự thăng hoa không ngừng từ nhận thức cảm tính đối với thế giới khách quan ngày càng sâu

sắc, dẫn đến nhận thức lý tính đối với thế giới chủ quan, đó chính là "quan, cảm, tình, ý, thần, đạo".

Nhóm hai, từ trong ra ngoài, từ nhận thức lý tính chủ quan nội tại chuyển hóa thành sự hiển hiện công khai cảm tính bề ngoài, đó chính là "văn", "ngôn" (từ), "tượng". Ngoài ra, còn có "cương nhu" và biến thông", hai quan niệm lớn biểu hiện tính chất, đặc trưng của cái chỉnh thể và những biến hóa nảy sinh từ đó.

Các quan niệm trên đan xen vào nhau, thẩm thấu lẫn nhau, hoặc nối tiếp nhau, hoặc nội cảm ngoại ứng mà cùng nhau hình thành và chung sống. Thí dụ, trong 64 quái của "Chu Dịch", quái thứ 20 là quái Quán, có nghĩa là quan sát, ở đây chưa thêm vào sự thể hội sau này như "dùng tâm mà quan sát vật", "dùng vật quan sát vật", các hào từ đều mang nội dung quan sát tình hình quốc kế dân sinh, có ý nghĩa như Khổng Tử khi nói về thi ca. Khổng Tử nói" có thể quan sát" thơ, tức nói sự thịnh suy của phong tục.

Sau khi quan sát bên ngoài, người ta bao giờ cũng có một sự cảm thụ chủ quan nhất định. Thế là "Chu Dịch" có quái Hàm ䷞, Hàm nghĩa là cảm. Tại sao không nói thẳng ra là cảm? Vì rằng "cảm"感 bỏ đi chữ "tâm"心 là chữ Hàm咸 tượng trưng cho sự cảm ứng vô tâm, đây là hiện tượng tự nhiên và tất nhiên giữa các vật đị tính. Hàm còn có nghĩa là "đều như vậy", vì rằng vạn vật đều có cảm ứng, nên dùng hàm nghĩa của "đề" và "cảm", mệnh danh là "hàm". Quái Hàm, hạ quái Cấn, là thiếu nam; thượng quái Đoài, là thiếu nữ, biểu thị thiếu nam theo đuổi thiếu nữ. Ngoài ra, Cấn là dừng lại, Đoài là vui vẻ, tượng trưng tình yêu thì không nên thay

lòng đối dạ, mà nên một lòng một dạ với nhau, sự chân thành sẽ làm cho đối phương sung sướng, cảm động. Có thể thấy, sự giao lưu tình cảm của nam nữ làm nảy nở tình cảm vui vẻ, là ý nghĩa thực sự của "cảm". "Cảm" và "tình" là một, tình cảm và tư tưởng con người đều nảy sinh trong quá trình người và vật cảm thông với nhau.

Vì rằng "Chu Dịch" là sách triết học, hàng loạt quan niệm chủ yếu trong sách đều mang tính triết học đương thời, phần lớn chưa phải là quan niệm văn học với ý nghĩa như bây giờ. Một số lý luận của nó chuyển hóa thành quan niệm văn học thật sự, trở thành một loạt chức năng khác nhau trong hệ thống lý luận văn học cổ đại, chủ yếu là ở trứ tác "Văn tâm điêu long" của Lưu Hiệp. Thiên đầu tiên "Nguyên đạo" trong " Văn tâm điêu long", Lưu Hiệp tuyên bố đây là nguyên vẹn cái đạo của "Chu Dịch". Trong bốn thiên, từ thiên đầu tiên đến thiên "Chính vĩ", Lưu Hiệp đều có lời khen "Chu Dịch" ở mỗi thiên. Ông coi những lời bàn của "Chu Dịch" về "đạo", "thần lý", "tình", "văn", "từ", là "then chốt của văn", và sau khi làm luận thuật có tính nguyên tắc cho những quan niệm đó, Lưu Hiệp đưa chúng trở lại trong tác phẩm, đặc biệt là trong phần sáng tác từ "Thần tư" trở đi, hầu như thiên nào cũng mang hơi thở của "Chu Dịch".

Từ đó ta thấy rằng, một số quan niệm cơ bản của văn học cổ điển Trung Quốc là bắt nguồn từ "Chu Dịch", bộ sách kinh điển cổ xưa nhất của Trung Quốc, nó được sáng tạo không ngừng của các văn nhân học sĩ qua các thời đại, cuối cùng trở thành một hệ thống văn học với lý luận hoàn chỉnh.

3. CỘI NGUỒN CỦA TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC

Quái Mông của "Chu Dịch" có liên quan mật thiết đến sự ra đời của tư tưởng giáo dục cổ đại của Trung Quốc. Quái Mông (Khảm dưới Cấn trên): Hanh. Phỉ ngã cầu đồng mông cầu ngã, sơ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo. Lợi trinh (Hanh thông. Không phải ra tìm trẻ thơ, mà trẻ thơ tìm ta. Bói một lần thì bảo cho, hỏi hai ba lần là nhàm, không bảo. Hợp với đạo chính thì lợi). Ta biết, Mông là mông muội, ấu trĩ, cũng có hàm ý là khởi mông (khai sáng), giáo dục. Vạn vật sau khi ra đời, tiếp đến là thời kỳ ấu trĩ, mông muội, do vậy, giáo dục trở thành công việc cấp bách. Vì sao gọi là quái "Mông"? Từ quái thể mà xét, thượng quái là Cấn, là núi, hạ quái là Khảm, là nước, tượng trưng dưới chân núi có một ngọn suối chảy từ lòng đất ra. Con suối đang ở trạng thái mông muội, không hiểu gì. Đây là hiện tượng tất nhiên đối với sự vật mới ra đời. Tác giả mượn chuyện dòng suối để chỉ giáo dục, đại sự của đất nước, hơn nữa, giáo dục mọi người xu cát tị hung, làm theo điều thiện.

Thời xưa, giáo dục và chính trị là một, giáo dục phục vụ chính trị. Tác giả "Chu Dịch" lấy chuyện dòng suối dưới chân núi để tỉ dụ "dân chúng nhà Ân" vừa qui phục sự thống trị của nhà Chu. Những người dân này chưa hiểu pháp qui của nhà Chu, có thể nói còn đang trong trạng thái mông muội, phải làm công tác khai sáng cho họ như thế nào về chính trị, để họ hiểu được tân chính, và hành động theo cương lĩnh chính trị của nhà Chu. Do vậy quái từ trước hết nêu hai chữ: Mông, hanh, để tiến hành giáo dục khởi mông về chính trị, khiến những kẻ mới qui phục, chính trị còn mơ hồ có thể

hiểu được tân chính, thông đạt sự lý, có lợi cho sự thi hành mới của nhà Chu.

Vấn đề giáo dục tất nhiên liên quan đến người dạy (ta) và người chịu sự giáo dục (đồng mông). Người dạy cố nhiên mong muốn truyền thụ những đạo lý đúng đắn cho người chịu sự giáo đục, mà người chịu sự giáo dục thì khát khao học rộng nghe nhiều, từ mông muội đến thánh thiện. Như vậy mâu thuẫn đối lập giữa kẻ thống trị và những người bị trị, có thể thông qua tuyên truyền giáo dục mà tương đối hoà hoãn, phù hợp với lợi ích tạm thời của cả hai bên, cả hai bên đều mong muốn.

Đã là một phía chủ trương giáo dục, một phía yêu cầu được giáo dục, vậy phải tiến hành giáo dục như thế nào? Quái Mông nói tiếp: "sơ phệ cáo", tức ban đầu phải dùng phương pháp quản chế. Phương pháp trị thuỷ của người xưa không ngoài việc chặn và dẫn, và thường là trước chặn sau dẫn, ngày nay những người đào sông trị thuỷ cũng thường chặn nguồn trên thượng du. Vận dụng vào công việc xã hội, chính là hai biện pháp: quản chế và giáo dục, nhất là thời kỳ đầu nhà Chu xây dựng chính quyền, dân Ân ngoan cố vẫn chưa từ bỏ tâm trạng phản kháng, tầng lớp thống trị của nhà Chu buộc phải dùng sức mạnh để bảo vệ trật tự chính trị của nhà Chu, tạo điều kiện cho công cuộc giáo hoá. Chỉ có "Sơ phệ cáo" (ban đầu khống chế), mới có lợi cho "tái tam độc". Độc là kênh dẫn nước. Đào kênh dẫn nước, chỉ cần dẫn nước vào kênh theo lòng kênh mà chảy, thì khi ấy không cần ngăn nước, mà có thể phá bỏ đê đập, để cho nước chảy theo lòng kênh. Đó là ý nghĩa của "độc tắc bất cáo". "Sơ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo" (ban đầu phải khống chế, sau đó giáo dục nhiều lần, thuần rồi thì không cần khống chế nữa).

Đó là ba bước trong đạo dạy dân, đại để phù hợp với qui luật của qui trình giáo dục.

Ba hào nội quái trong quái Mông còn chia những người phải giáo dục làm ba loại khác nhau. Hào Sơ là loại tương đối ngoan cố, phải trấn áp; Hào nhị chỉ đa số quần chúng có thể giáo dục tốt; Hào tam thuộc loại người mặt tỏ ra phục tùng, nhưng trong lòng thì chưa phục, khi mà chưa giáo dục tốt bọn này, thì chưa nên tin. Ba hào ngoại quái trình bằng ba phương pháp khởi mông khác nhau đối với những kẻ phải giáo dục và hiệu quả của những biện pháp đó, chủ yếu là phương châm giáo dục khởi mông: đồng loạt và đúng đối tượng.

Khổng Tử là nhà giáo dục kiệt xuất Trung Quốc cổ đại. Ông đọc "Dịch" nhiều đến nỗi dây lề sách đứt nhiều lần. Ông không chỉ kế thừa, mà còn phát huy tư tưởng trong quái Mông. Quái Mông áp dụng ba phương pháp khác nhau cho ba đối tượng giáo dục, thể hiện sự khác biệt về tâm lý trong giáo dục chính trị. Khổng Tử kế thừa vai trò giáo dục đối với những đối tượng khác biệt về tâm lý, chia đệ tử thành rất nhiều loại, trong "Luận ngữ. Tiên tiến", ông cho rằng, tốt về đức hạnh có Nhan Uyên, Mẫn Tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu; giỏi về ăn nói có Tể Ngã, Tử Cống; giỏi về chính sự, có Nhiễm Hữu, Quí Lộ; nổi bật về văn học, có Tử Du, Tử Hạ. Với những người này, Khổng Tử thực hiện những phương pháp giáo dục khác nhau, thí dụ ông nói: "Cầu dã thoái, cố tiến chi; Do dã kiêm nhân, cố thoái chi" (Nhiễm Cầu khi làm việc thì rụt rè, do đó ta phải động viên Cầu phải mạnh dạn lên; Trọng Do thì bạo gan, cho nên phải kìm bớt lại).

"Lễ ký, Học lý" viết: "Phu tử dĩ thân giáo, bất chuyên dĩ ngôn giáo" (Khổng Tử lấy mình làm gương để dạy, không chỉ dạy bằng

lời). Ông chủ trương tìm phương pháp tiềm di mặc hóa (dùng ảnh hưởng thay đổi bên ngoài để thay đổi dần tư tưởng, tính tình) trong giáo dục. Ông "học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện" (học mãi không chán, dạy người không biết mỏi), y như quái Mông viết "tái tam độc". Ông yêu cầu các đệ tử "bất nhân bất khởi, bất phỉ bất phát" (Luận ngữ. Thuật nhi) (phải đến khi học sinh đào sâu suy nghĩ mãi mà không hiểu thì mới giảng, phải đến khi học sinh muốn nói ra mà ấp úng mãi không nói được chính xác thì mới chỉ bảo). Điểm này là phát huy phương pháp giáo dục "khốn Mông", "kích mông" của quái Mông. Dù quan hệ giữa ông với các đệ tử như cha con, nhưng khi học trò có sai lầm khuyết điểm, ông chỉ ra ngay, thậm chí còn phê bình, như "Tể Dư ngủ ngày, Khổng Tử nói: "Gỗ mục thì không thể đẽo gọt, tường đắp bằng phân và bùn thì không thể bẩn hơn" (Luận ngữ, Thuật nhi).

Phương pháp giáo dục của Khổng Tử, vừa quản thúc (Sơ phệ cáo) vừa dạy người không biết mệt (tái tam độc) mà lấy "độc" làm chính, "cáo" là phụ, thảo nào Nhan Uyên từng than rằng: "Phu tử dẫn dắt từng bước, làm cho ta uyên bác bằng kiến thức, tiết chế ta bằng lễ, khiến ta muốn dừng lại cũng không được, cho đến khi tài năng của ta bộc lộ đầy đủ" (Luận ngữ. Tử hãn). Nhan Uyên cho rằng Khổng Tử rất giỏi từng bước dẫn dắt con người, Uyên không định tiến tới cũng không được, cho đến khi kiệt tận tài năng. Mặc dù vậy, Khổng Tử vẫn nói: "Gia ngã số niên, ngũ thập dĩ học "Dịch", khả dĩ vô đại quá đã" (cho ta thêm mấy năm nữa, 50 tuổi, để học "Dịch" thì có thể không mắc sai lầm lớn) (Luận ngữ. Thuật nhi). Có thể tư tưởng giáo dục trong chu Dịch" đã ảnh hưởng rất lớn đến Khổng Tử.

Từ những điều trên đây, chúng tôi cho rằng, quái Mông trong "Chu Dịch" trên thực tế là cội nguồn của tư tưởng giáo dục cổ đại Trung Quốc.

4. ĐI TÌM DẤU VẾT CỦA TƯ TƯỞNG MỸ HỌC CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC

Dân tộc Trung Hoa có truyền thống văn hóa mấy nghìn năm, trong di sản văn học, hội hoạ, âm nhạc, điêu khắc, kiến trúc, vũ đạo v.v... chứa đựng một kho cực kỳ phong phú về cái đẹp. Khai thác kho di sản này, đặt nó vào một vị trí thích đáng trong rừng mĩ học thế giới, để nó liên tục toả ánh hào quang chói lọi, thì trong việc nâng cao lòng tự tin dân tộc và niềm tự hào dân tộc, tác dụng của nó sẽ không lường hết được. Mở miệng nói ra là cổ Hi - La, cố nhiên là không đúng, điểm kinh điển mà quên mất tổ tiên, thì cũng không nên. Ta phải thấy rằng, dân tộc Trung Hoa là dân tộc của cái đẹp, chúng ta có những di sản về cái đẹp mà cả thế giới đều biết, như Vạn lý trường thành, binh mã bằng đất nung đời Tần, Cố cung ở Bắc Kinh... Người Trung Quốc cổ xưa không những sáng tạo ra cái đẹp trong thực tiễn, mà về mặt lý luận còn tìm hiểu cái đẹp, có cả tác phẩm lẫn lý luận về cái đẹp. Nếu nói rằng, nhà triết học kiêm mĩ học cổ Hi - La Platon (472-347 tcn) với tác phẩm "Đại Lipiat thiên" là luận văn mĩ học đầu tiên có hệ thống nhất trong lịch sử mĩ học phương Tây, đặt nền móng cho lý luận mĩ học ở nước ta. "Chu Dịch" tuy không phải chuyên về mĩ học, nhưng tư tưởng mà nó biểu hiện nhân hợp nhất" (hợp nhất trời và người), "Dịch tượng dã" (Dịch nghĩa là tượng), không những ảnh hưởng đến tư duy lý luận của Trung Quốc cổ đại, mà còn ảnh hưởng đến tư duy hình tượng,

và qua đó, cung cấp chỗ dựa về triết học cho mĩ học Trung Quốc trong việc đi tìm một không gian thẩm mĩ "thiên nhân hợp nhất" và trong việc nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của tư duy hình tượng trong nghệ thuật và trong thẩm mĩ. Mặt khác, "Chu Dịch" trong khi giải thích thế giới khách quan, đồng thời sử dụng những phạm trù và mệnh đề " âm dương, cương nhu, Càn Khôn" đã có ảnh hưởng cực kỳ sâu sắc đối với sự phát triển của mĩ học Trung Quốc.

Bát quái của "Chu Dịch" cho rằng, con người là sản phẩm trực tiếp của tự nhiên, vì vậy, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên phải thống nhất. Sự thống nhất này "Chu Dịch" một mặt thông qua nhân cách hóa tự nhiên, trời (Càn), đất (Khôn) và sấm (Chấn), gió (Tốn), nước (Khảm), lửa (Li), núi (Cấn), đầm (Đoài) có quan hệ với nhau như thế nào thì mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong mối quan hệ nhân luân thường nhật trong xã hội cũng như thế. Mặt khác, các quái trong "Chu Dịch" lại biểu hiện sự thống nhất hoàn toàn giữa tự nhiên (trời) và nhân sự (công việc của con người).

Cố nhiên, nói riêng về mĩ học, sự ra đời và phát triển của nghệ thuật và thẩm mĩ, rõ ràng là có liên quan đến thực tiễn xã hội của con người, nhưng hiển nhiên là nó không thể tách rời cảm quan tự nhiên của con người, không thể tách rời tự nhiên bên ngoài mà nhân loại dựa vào đó để sinh tồn. Do vậy, sự thống nhất giữa người và tự nhiên, quả thực là cơ sở để nghệ thuật và thẩm mĩ nhờ đó mà sản sinh và phát triển. Chính vì vậy mà từ góc độ mĩ học trình bày mối quan hệ thống nhất giữa con người và tự nhiên, từ lâu đã được các triết gia Trung Quốc đặc biệt quan tâm và coi trọng. "Chu Dịch" khi trình bày quan hệ giữa con người và tự nhiên trong thẩm mĩ, không những khẳng định tự nhiên (trời) tất nhiên hợp với luân

lý xã hội (người) mà hiểu rằng con người phải khoan dung độ lượng như trời đất, phải phấn đấu vươn lên với một tâm tư tình cảm có tính triết lý.

Tư tưởng "thiên nhân hợp nhất" trong "Chu Dịch" không chỉ cung cấp chỗ dựa về lý luận cho mĩ học Trung Quốc nhằm hướng tới một tâm cảnh thẩm mĩ và cảnh giới nghệ thuật mà chủ khách thể hoà trộn làm một, cũng nhắc nhở hậu thế rằng, trong lịch sử mĩ học Trung Quốc, một số đông các nhà mĩ học đều chủ trương phải hướng về "thiên nhân hợp nhất" trong thư, hoạ, thi, văn, phải đặt tới cảnh giới hoà trộn hài hoà thống nhất giữa chủ khách thể thẩm mĩ, trong tiếp xúc qua lại giữa người và vật. Nếu ta làm một cuộc khảo sát lịch sử nhằm xác định nguồn gốc của tư tưởng mĩ học này, rất dễ dàng tìm ra cội nguồn là ở "Kinh Dịch"

"Chu Dịch" luận về tượng cũng có quan hệ rất chặt chẽ với sự phát triển của mĩ học Trung Quốc, và có ý nghĩa thời đại trong lịch sử mĩ học Trung Quốc. Mọi người đều biết, trong chư tử thời tiên Tần, thì mĩ học của Khổng Tử chủ yếu luận thuật mối quan hệ giữa thẩm mĩ nghệ thuật với tình cảm, lý trí; lý luận của Trang Tử chủ yếu là luận thuật mối quan hệ giữa thẩm mĩ, nghệ thuật và tình cảm, tưởng tượng. Đây là sự cống hiến to lớn của Khổng Tử và Trang Tử trong lịch sử mĩ học Trung Quốc. Nhưng hai ông chưa gây được sự chú ý cần thiết trong tư tưởng về mối quan hệ giữa thẩm mĩ và nghệ thuật với hình tượng cụ thể cảm tính, mà trong luận tượng của "Chu Dịch" thì lại chú ý đầy đủ điểm này, vì rằng "tượng" được vạch trong các quái của "Chu Dịch" không chỉ dùng phương pháp tượng trưng để tạo ra một hệ thống phù hiệu, dùng chúng để mô phỏng qui luật nói chung về biến hóa của sự vật khách

quan; mà "tượng" của quái từ, hào từ còn căn cứ vào hình tượng sự vật mang ý nghĩa tượng trưng để ví với nghĩa lý, hoặc dựa vào hình tượng nghệ thuật mang ý nghĩa tượng trưng để ví với tình cảm, ý chí. "Chu Dịch" còn đề xuất "Lập tượng dĩ tận ý" (lập tượng để nói hết ý), điều này đã thúc đẩy sự ra đời của "ý tượng" thuộc phạm trù mĩ học của hậu thế, vì vậy, tượng luận của "Chu Dịch" quả đúng là cội nguồn của tư duy hình tượng trong lịch sử mĩ học Trung Quốc.

Ngoài ra, thuyết âm dương cương nhu trong "Chu Dịch" còn đặt nền móng về triết học cho quan điểm thống nhất trong đối lập cái đẹp của dương cương và cái đẹp của âm nhu trong mĩ học Trung Quốc. "Chu Dịch" cho rằng, hai nhân tố dương và âm (Càn và Khôn) đối lập trong nội bộ sự vật, mỗi nhân tố đều có đặc trưng về tính cách khác nhau (nhân cách hoá), nói cách khác, chúng khác nhau về công năng, tính tình thái độ, bộ mặt tinh thần và cảnh giới thẩm mỹ. Tư tưởng này đã thúc đẩy sự ra đời và sự phát triển lý luận về cái đẹp của dương cương và cái đẹp của âm nhu mà mĩ học Trung Quốc chia làm hai hình thái của cái đẹp. Thẩm Tôn Khiên chịu ảnh hưởng khá sâu thuyết dương cương âm nhu của "Chu Dịch".

"Chu Dịch" còn cho rằng, Càn và Khôn (dương và âm) tuy có những đặc trưng tính cách khác nhau, nhưng lại có quan hệ tương phản tương thành, tức thống nhất đối lập. Bị ảnh hưởng bởi tư tưởng này, quan hệ giữa cái đẹp dương cương và cái đẹp âm nhu trong mĩ học Trung Quốc không tách rời nhau, mà có quan hệ với nhau bổ sung cho nhau. Nói cách khác, hình tượng cái đẹp dương cương không những mạnh mẽ cứng rắn, mà trong cương có nhu, trong nhu có cương, tóm lại, là kiên trì lí tưởng thẩm mĩ "cương kiện nằm

trong nhu mì yểu điệu, thực hiện sự mạnh mẽ trong uyển chuyển xinh đẹp".

"Chu Dịch" cho rằng, dương ở địa vị chủ đạo, địa vị chi phối, âm ở địa vị phụ thuộc, bị chi phối. Bị ảnh hưởng khuynh hướng trọng dương quí cương, mĩ học Trung Quốc, với tiền đề là khẳng định cả hai cùng đẹp của dương cương âm nhu, thường có khuynh hướng theo đuổi cái đẹp của dương cương. Chu Hi, đại sư lý học đời Tống, rất tôn sùng cái đẹp của dương cương. Ông cho rằng cái đẹp của dương cương có thể thấy trong cái đẹp hiện thực, tập trung thể hiện ở người quân tử với tấm lòng rộng mở, quang minh chính đại, thanh thản mà sâu sắc, như thanh thiên bạch nhật, như núi rộng sông dài, uy vũ như sấm sét, ân trạch như mưa móc, mạnh mẽ như rồng cọp, dáng đẹp như lân phụng". Trong lĩnh vực nghệ thuật, văn tức là người, người có cái đẹp dương cương về nhân phẩm, tất có cái đẹp dương cương trong tác phẩm. Chu Hi cho rằng, loại người như vậy, đời Hán có Gia Cát Lượng, đời Đường có Đỗ Phủ, Nhan Chân Khanh và Hàn Dũ, đời Tống có Phạm Trọng Yêm. Văn chương, thi tác và tự hoạ của họ đều mang vẻ đẹp của một phong cách khí thế bàng bạc, bút lực khoẻ khoắn và ý tứ hào phóng, khiến người đời cảm được cái đẹp của dương cương.

Qua những điều trên, ta thấy "Chu Dịch" đóng góp rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển lý luận mỹ học của Trung Quốc.

5. KHẢM, LI VÀ NƯỚC LỬA

Bát quái là tám hiện tượng vật chất trong tự nhiên, là điều kiện tất yếu để cả một hệ thống những sinh mạng nhờ đó mà sinh tồn và sinh sôi nảy nở, cũng có thể gọi đó là cội nguồn của vạn vật. Mỗi phù hiệu của bái quái đều đại biểu cho một loài vật chất trong tự nhiên, như Khảm là nước, Li là lửa. Nếu như trong tự nhiên không có nước và lửa, thì lao động của nhân loại sẽ vô nghĩa, sẽ không có văn minh ra đời. Vì vậy, nước là cái nôi của các quốc gia văn minh cổ đại, như nền văn hóa sáng lạn của nước ta đã được khai sinh từ lưu vực sông Hoàng.

Trong xã hội nguyên thuỷ, khi người ta sống bằng săn bắn và hái lượm, đều tìm chỗ có nước để ở, sau khi bước sang xã hội công nghiệp, người ta không chạy theo nước, mà định cư ở chỗ gần nước. Ngay từ buổi đầu, nước và nông nghiệp đã kết thành mối lương duyên không thể chia lìa. Quẻ Khảm trong "Chu Dịch", viết: Thuỷ lưu nhi bất doanh" (nước chảy mà không đầy), tập khảm, nhập khảm" (quan sát khảm, đi sâu vào khảm), có nghĩa là tình hình nước chảy tự nhiên trên mặt đất là quan trọng bậc nhất đối với nhân loại sống trên quả địa cầu, nước chảy đầy là hiện tượng bình thường, không đầy tức nước chảy tản mát, hoặc tắc ở đâu đó, hoặc nước sông cạn kiệt. Cách giải quyết là xem tính tình của nước, đi sâu tìm hiểu về nước. Nước chiếm 70% bề mặt địa cầu, hiểu và quản lý tốt, khiến "nước chảy, mà không đầy", mới có thể tưới cho đồng ruộng xanh tươi, điều hoà khí hậu, từ đó mà bảo vệ và sử dụng một nguồn nước một cách hữu hiệu.

Sự phát triển của nhân loại không thể tách khỏi nước. Dù là nông nghiệp, du mục, công nghiệp hay những ngành phục vụ, đều cần nước. Nếu nước không được quản lý tốt, sự sống còn của nhân loại sẽ bị đe dọa. Quái Khảm của "Chu Dịch" viết: Khảm hữu hiểm" (khảm (hiểm) mà lại có chỗ hiểm). Thời Tam quốc, Vương Bật người nước Ngụy trong "Kinh Dịch chú " viết: "Khảm, hiểm hãm chi danh đã" (Khảm cùng tên với hiểm hoạ tai nạn), chỉ rõ thuỷ tai là mối hiểm hoạ lớn nhất đối với nhân loại. "Chu Dịch thuyết quái" viết: "Lao hồ khảm" (vất vả vì nước), có nghĩa là công việc trị thuỷ phải lao động khổ ở mức độ cao nhất, do vậy, mọi người phải coi trọng việc sử dụng và quản lý nguồn nước.

Theo thống kê chưa đầy đủ, nước ta từ năm 266 tcn đến năm 1949, từng xảy ra 1092 trận lụt lớn và 1056 trận hạn lớn. Đó là do "nước không đủ' và "nước quá đầy" mà sinh ra hạn hán hoặc lụt lội. Nước là cội rễ của sinh mệnh, nhất là sau khi lịch sử bước sang xã hội nông nghiệp, xã hội công nghiệp, người ta xây dựng gần sông những quần thể dân cư lớn, sau này phát triển thành thành phố. Quái Khảm viết: "Tập Khảm hữu phu" (nắm tập tính của nước mà xác định lòng tin là trị được nước, người ta sẽ quản lý tốt vấn đề nước. Quái Khảm còn nói: "Tập Khảm nhập Khảm, thất đạo, hung dã", sai lầm về đường lối là hỏng, muốn tránh thuỷ tai nguy hiểm thì phải quản lý nước cho tốt, muốn phòng lũ lụt, thì phải biến thuỷ hại thành thuỷ lợi, đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Lửa trong bái quái là xuất hiện trừ quái Li trong "Chu Dịch". "Chu Dịch tập giai" cho rằng: "Li là lửa, gửi gắm qua mộc (gỗ), gỗ là chỗ dựa của lửa". Cũng như nước, cuộc sống của nhân loại cũng không thể tách rời lửa. Mác, Enghels từng coi việc sử dụng lửa như

một tiêu chí quan trọng đánh đấu một giai đoạn phát triển trong lịch sử. Nhưng "thuyết quái" nói rằng: "Làm khô vạn vật, không gì ngoài lửa". Làm khô héo mọi vật, không gì dữ hơn lửa. Do vậy, người xưa coi việc quản lý lửa là một vấn đề lớn trong cuộc sống. Thời Chu chưa đặt chức quan chuyên trách về lửa.

Hai quái cuối cùng phần Thượng kinh của "Chu Dịch" là quái Khảm và quái Li. Khảm, Li ghép với nhau thành quái Kí tế. Quái Kí tế, trên Li dưới Khảm, tức là lửa ở dưới, nước ở trên, "thuỷ hoả bất tương xạ", tức nước và lửa không dung hoà được với nhau, hai thứ này tính chất tương phản, xung khắc và đối lập. Làm thế nào để lửa và nước vốn đối lập mà thống nhất với nhau trở thành tương sinh, khiến lửa và nước hỗ trợ nhau? Làm được chuyện này, nhân loại đã mở một đợt đột phá quan trọng trong việc quản lý nước và lửa. Chúng ta biết rằng, "Dịch" trong "Chu Dịch" có ba nghĩa, trong đó có một nghĩa là "biến dịch". Biến đổi cái hại thành cái có ích, nhận thức và cải tạo thế giới bao gồm trong nghĩa của "Dịch". Chữ "Dịch" đã có tác dụng điều hoà như thế nào đối giữa nước và lửa? Khiến nước và lửa vốn không thể dung hoà, nay hài hoà với nhau, thì giữa chúng phải có vật điều tế, vật đó chính là đồ gốm thời viễn cổ và đồ đồng ra đời giữa khoảng Hạ và Thương.

Cho thức ăn và nước vào trong đồ gốm và đồ đồng, sau đó đặt cái nồi đó lên lửa để đun, sức nóng của ngọn lửa làm cho nước sôi, hơi nước hấp chín, làm cho thức ăn mềm ra, đó là nước đã truyền dẫn sức nóng của lửa để có một tác dụng hữu ích, như vậy, nước lửa từ tương khắc biến thành tương sinh. Nước lửa được điều hoà đã khắc phục mâu thuẫn đối lập, là một tiến bộ của nhân loại trong việc quản lý nước và lửa, khiến thức ăn của con người được mở

rộng về chủng loại và phạm vi tìm kiếm, còn rút ngắn thời gian nhai và tiêu hoá, thức ăn vừa mềm vừa ngon miệng, lại tránh được bệnh tật do ăn sống, "ăn lông ở lỗ", tiếp nhận được nhiều dinh dưỡng hơn, thể lực được tăng cường hơn. Đúng như lời chú quái Kí Tế trong "Chu Dịch": "Thuỷ hoả tương giao, mỗi thứ đều có công dụng riêng, do đó gọi là Kí Tế), tức là nói nước và lửa đều phát huy tác đụng. Do thủy hỏa tương tế mà mở rộng sâu sắc về các mặt, phát minh của máy hơi nước thời cận đại, bắt nguồn từ việc quản lý nước và lửa, biến tính chất tương tác thành tương sinh mà có.

6. KHÔN VÀ THUẬT TƯỚNG ĐỊA CỔ ĐẠI

"Chu Dịch". Hệ từ hạ "viết": "Cổ giả Bào Hi chi vương thiên hạ dã, ngưỡng tắc quan tượng vu thiên, phủ tắc quan pháp vu địa, quan điểu thú chi văn, dữ địa chi nghi, cận thủ chư thân, viễn thủ chư vật, vu thị thuỷ tác bái quái "(Ngày xưa họ Phục Hi cai trị thiên hạ, ngửng lên xem tượng trên trời, cúi xuống nhìn vật dưới đất, xem văn vẻ của chim muông cùng sự thích nghi với trời đất, xa thì lấy ở vật, gần thì lấy ở thân mình, thế rồi làm ra tám quẻ). Đoạn văn trên nói rõ người thời Tiên Tần rất coi trọng quan niệm quan thiên tướng địa, và vì vậy mà bái quái ra đời.

Như trên kia đã nói, Khôn trong bái quái là phù hiệu của Đất. Quái Khôn trong "Chu Dịch" viết: " Đầu tiên và lớn đến như Khôn là cùng, vạn vật sinh ra từ đó". Trên đây là những lời đánh giá cao cả về đất. Bị ảnh hưởng bởi "Chu Dịch", trong tập tục truyền thống của Trung Quốc đều rất coi trọng đất. Phàm là những công việc xây cất, đều phải xem địa hình hợp hay không hợp phong thuỷ, rồi sau đó chọn đất lành, tránh đất dữ. Việc xem đất làm nhà vốn không

liên quan đến thần học, nhưng do tính hạn chế trong tư duy của người xưa, cho rằng hoàn cảnh tự nhiên có quan hệ đến hoạ phúc mà quỉ thần ban, giáng cho nhân loại qua nơi cư trú. Được đất thì nhà cửa bình yên, nhân đinh thịnh vượng, con cháu nhiều phúc; không được phúc thì nhà cửa bị ma quỉ quấy rối, xơ xác tiêu điều, con cháu gặp tai hoạ.

Trong văn hiến đời Tiên Tần có ghi chép rất nhiều về tướng địa và xây dựng nhà cửa, tuy bộc lộ nỗi lo sợ đối với quỷ thần thiên mệnh, nhưng phép tướng địa đã phản ánh một quan điểm duy vật chất phác, sắc thái mê tín rất mờ nhạt. "Thượng thư. Bàn Canh "ghi chép vua Thương ra huấn dụ về việc thiên đô đến đất Ân, nói: "Thiên kỳ vĩnh ngã mệnh ư tư tân ấp", nghĩa là Thiên đế thụ mệnh cho nhà vua xây ấp mới tại đây, phồn vinh mãi mãi. Bề ngoài, người Thương dời đô lập ấp mới là do ý chí của quỷ thần được phản ánh qua chiêm bốc, trên thực tế, nguyên nhân cơ bản là do chiến tranh bộ lạc, khí hậu, thủy thổ và tài nguyên... quyết định.

Người Chu cũng nhiều lần thiên đô và xây dựng ấp mới, xem trong sử, có Công Lưu dời đô về Bân, Cổ Công dời đô về Kỳ Sơn, Thành Vương ba lần xây Lạc ấp, mỗi khi tướng địa tướng trạch, đều căn cứ vào điều kiện tự nhiên mà chọn đất thích hợp, sau đó xem bói, bói được điềm lành thì lại xây nhà cửa. Kinh thi. Công Lưu khi kể lại quá trình tướng địa, còn nói đến chuyện đo bóng mặt trời, đó là dùng thổ khuê và bóng nắng để xác định phương vị. "Chu Lễ. Hạ quan" có chức "Thổ phương thị", nắm phép thổ khuê, đo đạc bóng nắng, tướng địa tướng trạch, xây dựng quốc đô Bỉ". Qua đó có thể thấy "dĩ thổ địa tướng trạch" (xem đất làm nhà) là bước cần thiết trong việc xây dựng thành thị đời Chu, tuy bị ảnh hưởng hữu thần

về mặt quan niệm, nhưng về phương pháp thì hợp với đạo lý khoa học về cơ bản.

Bắt đầu từ Tần Hán, đồng thời với sự phát triển của địa lý học, thuật tướng địa cũng phát triển, trở thành thuật mê tín. Thuật tướng địa đứng vào hàng ngũ mê tín được đánh dấu bằng ba điển: Một là, vị trí của âm trạch (mồ mả) có quan hệ đến tiền đồ của con cháu đời sau; Hai là, kết hợp với lý luận về âm dương ngũ hành; Ba là, coi việc nhân sự như xây dựng cung thất lăng mộ có liên quan đến sự vận hành của các thiên thể, sinh ra những kiêng kị như "Hoàng Đạo" "Thái Tuế", "Nguyệt kiện"...

Vương Xung, học giả nổi tiếng đời Nam Hán, trong tác phẩm "Luận hành. Tứ huý thiên", viết: "Một là úy tây ích trạch, tây ích trạch là bất tường, bất tường tất có tử vong. Khi xem đất, sợ nhất điều này, nên không ai dám tây ích trạch". Cái gọi là "tây ích trạch", tức mở rộng nhà về phía tây, kiêng mà không dám làm, thế là trở thành một nguyên tắc trong tướng trạch, sự cấm kỵ này không liên quan đến điều kiện tự nhiên. "Luận hành. Gián thời thiên" còn giới thiệu về những điều cấm kỵ trong phương vị, trong đó cho rằng, giả dụ hưng công động thổ vào năm mà sao Thái Tuế tại Tĩ, vào tháng mà Nguyệt kiện tại Dần, thì sẽ gây tai họa cho cư dân ở phương vị Dậu và Tị. Đây chính là câu "Thái tuế" đầu thượng động thổ", phải kiêng. Đây là sự kết hợp giữa tướng địa với quan thiên trong "Hệ từ của "Chu Dịch".

Thuật tướng địa đời Hán đã phát triển thành phần mê tín trong thuật tướng địa Tiên Tần, pha trộn phần hoang đường trong âm dương bái quái, hơn nữa còn sửa đổi phương pháp trắc địa phương

vị bằng nhật ảnh vốn là phần mang tính khoa học, thành thuật mê tín hoang đường. Từ đó, thuật tướng địa rẽ sang đạo tà.

Thuật tướng địa từ sau đời Nguỵ Tấn càng đi xa hơn, đặc điểm của nó là việc chọn đất táng, ngày càng được coi trọng, các tác phẩm về tướng địa phần lớn lấy tên là "Táng kinh", tương đối quan trọng có "Táng kinh" của Quách Phác đời Tấn; "Thanh Ô tiên sinh táng kinh", truyền rằng sách này do Thanh Ô tiên sinh lấy được từ tay người Bắc Nam Triều; khuyết danh có "Hoàng Long trạch kinh"; Liêu Hi Ung đời Minh có "Táng kinh dực"...

Thuật tướng địa trong thời kỳ này, ngoài việc kế thừa các thuyết âm dương cương nhu và thiên nhân cảm ứng trong "Chu Dịch", còn rất coi trọng xem xét hình thể sông núi, rất cẩu toàn về phương vị, hướng, kết cấu lớp lang... của cung thất nhà cửa, huyệt mộ, trong đó kham sát hình thể núi sông được coi là quan trọng nhất, liên quan đến những vấn đề như sơn mạch, dòng chảy, vị trí núi rừng, hướng đi, tươi tốt và khô héo đặc biệt là coi trọng cái gọi là "khí", và gắn "khí" với thuyết cương nhu trong "Chu Dịch". Ví dụ như Liêu Hi Ung đời Minh trong "Táng kinh dực", khi bàn đến "thế", "hình", "khí" đã nói, núi khí cương, sông khí nhu, "cương nhu đan xen nhau mà đạo của đất được lập nên", "khí" có thăng trầm, biến hóa khôn lường, vậy mà sự phát nguyên của núi sông tất nhiên có "thế". "Táng kinh dực" không chỉ trình bày nguyên tắc chung về hình, thế, khí mà còn giới thiệu rất nhiều phương pháp tướng địa cụ thể, cái gọi là "phong thuỷ" là một trong những nguyên tắc trong hình, thế, khí. Những nguyên tắc này không chỉ thích dụng với âm trạch mộ huyệt, mà về đại thể, cũng thích hợp với dương trạch, thôn ấp nhà cửa. Làm rõ điều này, ta có thể hiểu vì

sao dân cư ở nông thôn đặc biệt coi trọng "rừng phong thuỷ" trước và sau thôn. Thì ra, tác dụng của rừng phong thuỷ và dòng chảy là ở "tàng phong đắc thuỷ", giữ lấy "sinh khí", do vậy, cấm chặt cây bừa bãi, nếu không, "sinh khí sẽ đi nơi khác", nhẹ thì đời sau không có nhân tài, nặng thì thôn ấp tiêu điều, dịch bệnh chết người.

Thuật tướng địa có nguồn gốc lâu đời ở Trung Quốc, thâm nhập rất sâu trong dân. Cội nguồn của nó là "Chu Dịch", sau khi phát triển vào đời Tần Hán, lại tăng thêm rất nhiều thành phần mê tín, đây là dòng nước ngược trong sự phát triển của địa lý học cổ đại. Đồng thời, do tính chất thiêng liêng bất khả xâm phạm của phong thuỷ, nên nó có ý nghĩa nhất định trong việc bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ cân bằng sinh thái. Qua đó ta thấy phép tướng địa nảy sinh từ "Chu Dịch" đáng để đi sâu nghiên cứu.

7. SINH TÀI VÀ QUẢN LÝ

Sự gia tăng của cải không tách rời sự quản lý một cách khoa học. Học tập bát quái có thể giảm thiểu sai lầm, hơn nữa, có thể tăng cường hiệu quả quản lý, từ quản lý nhân sự từng bước diễn biến thành quản lý hoà khí mà nay được coi là quan trọng nhất và thực dụng nhất. Quái Sư và quái Gia nhân trong "Chu Dịch" đều đề cập tới ba đạo quản lý được hình thành bởi quản nhân, lí nhân, an nhân, cứ vậy mà vận động không ngừng, từ đó dẫn dắt một cách có hiệu quả mọi người chuyên tâm, yên tâm và thành tâm phục vụ tập thể của mình, khiến tổ chức của mình phát đạt.

"Chu Dịch" thượng và hạ kinh gồm 64 quái, bao gồm rất nhiều tượng, mà tượng, số, lý, khí của các quái biến hóa càng đan

xen, phức tạp khả dĩ cung cấp những nguyên lý và kinh nghiệm thực tiễn quí báu về quản lý.

Phần đầu các quái trong "Chu Dịch", trước hết nêu yêu cầu tương đối cao cho người quản lý, lấy quái Cần làm ví dụ, quái này đặc biệt nhấn mạnh người quản lý phải có kế hoạch bồi dưỡng, rèn luyện và phát triển, mới có thể ở ngôi vị cao, nhưng nếu đưa vào quyền lực mà bảo thủ cố chấp, độc đoạn chuyên quyền, giải quyết công việc không phù hợp với thiên đức, không đúng với nhân tình, thì sẽ xa rời quần chúng mà dẫn đến thất bại. Lại như quái Thái, quái Cách, quái Khuê, đều nêu người quản lý phải giao hoà lao (người lao động), tư (ông chủ), thượng (người trên), hạ (kẻ dưới), âm dương, khi xảy ra xung đột phải biết thoái thủ, chung sống hoà bình, chấp nhận có sự khác biệt nhỏ để đi tới sự thống nhất lớn, quyết không nên kích động mâu thuẫn, người lãnh đạo phải ra sức khắc chế bản thân để làm yên lòng kẻ dưới, trước tiên hãy giáo dục, chỉ dẫn khuyến cáo, nếu không phải là bất đắc dĩ thì không nên có hành động kỷ luật. Đây là ý nghĩa quan trọng trong các quái Thái, Cách, Khuê, nhưng trong quái Thái thì trọng tâm là giải thích chỉ có thật lòng đoàn kết, ra sức phấn đấu để phát triển, thì mới mở ra được cục diện mới. Quái Khuê thì giải thích về li hợp (tách ra và hợp lại) và dị đồng (khác nhau và giống nhau). Đó là sự tích cực để đạt đồng trong dị, và như vậy mới có thể tập trung lực lượng để tiến hành công việc. Giữa đồng và dị, nhằm đoàn kết mà không vi phạm nguyên tắc. Trong dị có đồng, thì đồng có thể hợp. Trong đồng có dị, vì vậy phải tin nhau, mới có thể đạt tới đồng trong dị, hơn nữa phải thật lòng thì mới tìm được bạn khi còn có dị biệt. Quái Thái và quái Khuê đều coi trọng tư tưởng đoàn kết, ý nghĩa của nó đến nay

vẫn rất hiện thực, xí nghiệp nào mà nội bộ đoàn kết, quan hệ trên dưới ăn ý, xí nghiệp đó nhất định thành công. Trên bia mộ nhà triệu phú Mỹ nổi tiếng Caniki có ghi: "Nơi đây chôn cất một con người mà đặc điểm lớn nhất của ông là rất giỏi đoàn kết với những người mạnh hơn mình để cùng nhau làm việc". Chuyện dẫn trên đây cho ta thấy, là một nhà quản lý thì phải hết sức chú ý đoàn kết mọi lực lượng quản lý thì phải hết sức chú ý đoàn kết mọi lực lượng của xí nghiệp, phấn đấu cho mục tiêu chung của xí nghiệp. Quái Cách chủ yếu trình bày sự đổi mới trong lãnh đạo, phải thành tâm và tin tưởng nhau, biện pháp thì phải vừa nhu vừa cương, hơn nữa phải chú ý nguyên tắc trung dung, sau khi đổi mới thành công, phải gắn bó với người dưới để thích ứng với cuộc sống mới. Vận dụng quái Cách vào công tác quản lý hiện nay, là phải chú ý huy động những nhân tố tích cực của tất cả mọi người, loại trừ hoặc kiềm chế những nhân tố tiêu cực. Suy cho cùng, một xí nghiệp được hồi sinh, không phải do uống tiên đơn linh dược, mà vì đã huy động được những nhân tố tích cực của tất cả mọi người trong xí nghiệp. Khi xí nghiệp phát đạt, phải khen thưởng cho cấp dưới, vì rằng họ là con người xã hội, đều có những dục vọng nhất định. Công việc của nhà quản lý là nhìn nhận đúng đắn và hướng những dục vọng đó vào những mục tiêu của xí nghiệp, và thông qua khen thưởng mà phát huy tính tích cực của cấp dưới. "Chu Dịch" cho rằng vũ trụ là thái cực. Khoa học quản lý hiện đại cũng coi mỗi quốc gia, mỗi con người cũng là một thái cực hoàn chỉnh. Trong công tác quản lý xí nghiệp, quan hệ giữa người quản lý và người bị quản lý là quan điểm vận động, vừa đối lập vừa bổ sung cho nhau, một tiến tất có một lùi mới có thể cân bằng ổn định. Người quản lý phải nhận rõ nguyên lý thái cực mà vận dụng vào qui trình quản lý cấp dưới và quản lý công việc, mới

có thể vận dụng một cách tự giác hiện tượng bao dung nhẫn nại và tiến thoái của âm dương trong vòng thái cực. Không nên coi lợi nhuận là mục tiêu duy nhất của xí nghiệp, mà coi nhẹ lòng tự trọng và ý thức về giá trị vốn có ở bản thân nhân loại. Phải thừa nhận mỗi con người là một thái cực, bản thân mỗi người là một sự dung hoà, và có sự khác biệt, nên trước sau phải duy trì lòng tự trọng của họ, khiến xí nghiệp đâu đâu cũng một không khí hoà hợp như một gia đình. Ở Mỹ từng xuất bản cuốn "Bí mật của công nghiệp Nhật Bản", trong đó viết: "Nhà máy của Nhật Bản là một gia đình, là một nơi vui vẻ thoải mái. Quan niệm này có nằm mơ cũng không thấy đối với người Mỹ". Dùng phương thức như trong gia đình mà tổ chức công nhân viên chức, dĩ hoà vi quí, phát huy năng lực chủ quan của cán bộ công nhân viên, là phù hợp với học thuyết thái cực của "Chu Dịch", vì "Chu Dịch" cho rằng chỉ có thái cực hoàn chỉnh, mới có thể vận động không ngừng, mới phồn vinh xương thịnh. Hoà khí sinh tài (có hòa khí thì ăn nên làm ra), đạo lý là như vậy.

"Dịch" có thái cực, sau đó sinh âm dương lưỡng nghi. Quan niệm âm dương có thể vận dụng trong rất nhiều sự việc, quản lý cũng không ngoại lệ. Trên thế giới hiện nay phương thức quản lý hiệu quả nhất phù hợp với "Dịch" nhất, không phải là phương pháp nào khác, mà là quản lý trung đạo, bao gồm người quản lý và người bị quản lý cùng tham gia. Khái niệm quản lý này còn gọi là quản lý trung dung, nó là phương thức quản lý thực dụng nhất hiện nay. Phần lớn giới chủ Nhật Bản đều áp dụng phương thức này, cái gọi là "nắm giữa mà chiếu cố hai đầu", hoà khí cả trên lẫn dưới, ông chủ yên tâm, giám đốc vui lòng, công nhân thì nhiệt tình. Phương thức quản lý này cũng vận dụng nguyên lý "chí trung hoà" trong

"Chu Dịch", phù hợp với khái niệm "an nhân" (khiến người ta yên tâm trong quái Cần của "Chu Dịch".

Mỗi quái trong bái quái có ba hào đại diện cho tam tài: thiên, địa, nhân. Do thiên địa nhân mỗi tài đều có âm dương, nên bát quái lặp lại mỗi quái hình thành mỗi quái có sáu hào. Đồng thời xếp chồng chéo các quái để thành 64 quái. Tư tưởng tam tài thiên địa nhân trong "Chu Dịch" phản ánh giới nho sĩ học giả cổ đại lấy trung tâm nghiên cứu là con người và những vấn đề có quan hệ đến con người, nhấn mạnh thiên nhân hợp nhất, thiên địa hợp nhất, qua đó hình thành tư tưởng triết học và khoa học cổ đại. Thiên địa nhân hợp nhất hình thành tư tưởng số học cổ đại, cũng là tư tưởng quản lý cận đại. Quái Thái trong "Chu Dịch" gợi cho người ta thấy rằng, tâm với vật phải là một, âm dương tương giao, trên dưới đồng tâm hiệp lực, các bên thông suốt với nhau thì mới có tượng cát hanh. Tư tưởng lấy con người làm trung tâm trong "Chu Dịch" được Nhật tiếp thu và phát huy, vận dụng rộng rãi trong quản lý kinh doanh của các xí nghiệp. Một thí dụ nổi bật là, trong công tác quản lý xí nghiệp ở Nhật Bản, quyết định quan trọng về sản xuất và tiêu thụ đều được sự nhất trí rộng rãi, không chỉ trong tầng lớp lãnh đạo cấp cao, mà còn trưng cầu ý kiến của công nhân, khiến trên dưới đạt được sự nhất trí trong nhận thức, khi thực hiện, tất nhiên sẽ đạt hiệu quả cao do đồng tâm hiệp lực. Trong công tác quản lý, các xí nghiệp Nhật Bản lấy con người làm trung tâm, một sự khác biệt rất lớn so với các nước Âu Mỹ. Các xí nghiệp Âu Mỹ thường chú ý khách thể trong kinh doanh của xí nghiệp, tức thiết bị cho quá trình sản xuất, vốn, nguyên liệu, kỹ thuật... mà lơ là chủ thể, tức tác dụng quan trọng của con người. Trong sách "Nghệ thuật quản lý của

Nhật Bản", hai nhà quản lý Mỹ Baxcơ và Aixuôxư đã làm một cuộc so sánh toàn diện về quản lý xí nghiệp của Nhật và Mỹ, chỉ ra bảy yếu tố trong quản lý, tức chiến lược, kết cấu, chế độ, nhân viên, tác phong, kỹ xảo, mục tiêu tối cao. Ba yếu tố đầu, Nhật và Mỹ không khác nhau mấy, nhưng bốn yếu tố sau thì khác nhau xa. Bốn yếu tố này đều là về phương diện quản lý con người, Nhật giỏi hơn Mỹ về phát huy vai trò của con người, đây là một nhân tố quan trọng mà Nhật vượt Mĩ.

Rất nhiều học giả cận đại dự đoán rằng, xã hội từ nay về sau sẽ là xã hội tin học. Ngày càng nhiều người đã nhận thức ra điều này, tin tức là của cải, là tiền bạc, một mẩu tin cũng có thể chuyển nguy thành yên cho xí nghiệp. Công ty môi giới đầu tư quốc tế Trung Quốc từng dựa vào một thông tin báo chí, mua với giá rẻ hàng nghìn xe hơi của một xí nghiệp Nam Mỹ phá sản, tiết kiệm cho nhà nước một số lớn ngoại tệ. Đối với kinh doanh của xí nghiệp, có thể nói như sau: Đang lúc "tin tức không thông, mạch lạc không hợp, một tin nhận được, tiền vào như nước". Muốn kinh doanh có lãi, thì tin tức phải đặt lên vị trí quan trọng hàng đầu. Nhưng khoa tin học, từ lâu đã được trình bày toàn diện trong "Chu Dịch". Quái từ, hào từ trong 64 quái của "Chu Dịch" đã ghi chép có hệ thống các loại tin tức, bao gồm tin tức xã hội, tự nhiên và phản ánh thành tin tức tâm sinh lý và những tật bệnh của con người v.v... Đồng thời còn chỉ rõ các nguồn tin và quan hệ nhân quả của chúng, nhằm xu cát tị hung, tránh những sai lầm đáng tiếc, thông suốt và giải trừ mối nghi ngờ cho thiên hạ.

Tin tức là gì ? Dùng lời của "Chu Dịch" là tiêu tức. Tượng của quái Phong viết: "Thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức", nghĩa là

phải căn cứ vào sự biến hóa (doanh hư) của thế giới khách quan, theo quy luật vận động của thời gian (dữ thời) để tìm hiểu tin tức về chúng. Làm sao nắm được những tin tức này? Cổ nhân nhận thức được rằng, con người - tự nhiên - xã hội là một hệ thống cảm ứng lẫn nhau nên có thể nhận được tin tức, "tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông" (ngồi yên bất động, do cảm được nhau mà thông hiểu nhau). Đó là nói tin tức ở xung quanh ta, nó không phải là cao xa không với tới, uyên thâm không hiểu được. Trong xã hội hiện đại, tin tức có ở bất cứ đâu, vào bất cứ lúc nào. Người quản lý phải mẫn cảm cao độ đối với sự vật xung quanh, kịp thời phản ứng, nhanh chóng nắm được tin tức liên quan đến xí nghiệp.

Sáu mươi tư quái của "Chu Dịch" còn có một khái niệm cơ bản rất thiết thân, rất, sáng giá đối với công tác quản lý, đó là vị, thời, trung, ứng. "Vị" chỉ sự thay đổi về không gian, không có phép tắc cố định, người quản lý phải suy nghĩ làm thế nào đoàn kết đám quần chúng phức tạp với nhu cầu cơ bản khác nhau, mục tiêu khác nhau. "Thời" chỉ đợi thời, chờ thời, phải chớp lấy thời cơ, không để lỡ (vì rằng sự thay đổi về không gian còn có thể dùng sức người để biến thông, còn sự biến hóa về thời gian có khi không thể cứu vãn). "Trung" là trung chính ngay thẳng, đãi nhân tiếp vật, xử sự phải lấy chữ chân thành, lấy thành tâm mà đối xử với người, có khi tuy lỡ thời, nhưng không thẹn là nhà quản lý đàng hoàng. "Ứng" chỉ cảm ứng, hai tay vỗ vào nhau mới thành tiếng, âm dương trong vũ trụ, thiếu một cũng không xong, chỉ có chân thành với nhau, mới có thể song phương cảm ứng, rồi sau đó vạn vật hóa sinh, bách nghiệp hưng vượng.

Tóm lại, phương thức quản lý lãnh đạo trong 64 quái của "Chu Dịch" có thể quy nạp thành 5 chữ: an, hòa, quan lạc, lợi. "An" là khiến mọi người yên tâm làm việc, có cảm tưởng mọi việc đều an toàn bảo đảm. "Hòa" là hòa hợp, hài hòa trong quan hệ giữa người với người. "Quan" là coi trọng vốn tin tức. "Lạc" là mọi người vui tươi phấn khởi. "Lợi" là phải thấu suốt trên quan niệm lý tính mà mưu lợi một cách hợp tình hợp lý. Nếu người quản lý nắm được bí quyết về quản lý trong 64 quái của "Chu Dịch", thì chắc chắn sản xuất phát triển, buôn bán phát đạt, của cải dồi dào.

8. QUAN ĐIỂM VỀ HÔN NHÂN TRONG "CHU DỊCH"

Khoa học xã hội hiện đại chứng minh rằng, trong lịch sử phát triển hôn nhân của nhân loại, tiến trình hôn nhân về đại thể đã trải qua mấy giai đoạn sau: chế độ tạp giao loạn hôn, quần hôn cùng dòng máu; chế độ quần hôn á huyết thống; chế độ hôn nhân đối ngẫu và một vợ một chồng. Cách chia giai đoạn khoa học này đã thấy trong "Chu Dịch". "Chu Dịch. Tự quái" viết: "Có trời đất rồi có vạn vật, có vạn vật rồi có đàn ông đàn bà, có đàn ông đàn bà rồi có vợ có chồng, có vợ chồng rồi có cha con, có cha con rồi có quân thần, có quân thần rồi có trên dưới, có trên dưới rồi lễ nghĩa cài vào đó". Đoạn văn trên miêu tả các giai đoạn tiến hóa xã hội, trình tự rõ ràng, một số khâu về cơ bản phù hợp với thực tế lịch sử.

Trước đây có một số học giả phương Tây cho rằng, con người là do Thượng đế sáng tạo ra. Vậy mà trong quẻ "Quy Muội" của "Chu Dịch" lại cho rằng: "Qui Muội" là nghĩa lớn của trời đất. Trời đất không giao hoà, thì sự vật không nảy sinh. Qui Muội là sự có thuỷ có chung của con người". Nghĩa là lấy chồng lấy vợ là công

việc đúng đắn nhất trong trời đất, trời đất không giao hợp thì không sinh ra vạn vật, trai gái không lấy nhau thì con người sẽ không đời đời nối dõi. "Chu Dịch. Hệ từ" còn cho rằng: "Nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh", nghĩa là giống đực giống cái kết hợp tinh khí mà vạn vật sinh nở biến hoá, và đây là căn nguyên của nhân loại sinh sôi nảy nở. Điều này khẳng định rằng, chỉ có dưới tác dụng giao hợp của các thế lực đối lập trong vũ trụ như trời đất, âm dương, nam nữ, mới có khả năng hành động sáng tạo ra những giá trị mới. Quan điểm này so với quan điểm Thượng đế sáng tạo ra con người của phương Tây, thì "Chu Dịch" khoa học hơn nhiều, nó phản ánh hôn nhân quan của các nhà tư tưởng Trung Quốc cổ đại là quan điểm tiến hóa duy vật.

Vì rằng "Chu Dịch" xuất hiện vào lúc Trung Quốc bước sang xã hội phong kiến sơ kỳ, do đó trong hôn nhân quan, "Chu Dịch" luôn luôn bộc lộ mạnh mẽ ý thức phong kiến, trong đó rõ ràng nhất là tư tưởng trọng nam khinh nữ. Ta biết rằng trong bát quái của "Chu Dịch", quái Càn (trời) và Khôn (đất) chỉ âm dương, nam nữ. Đây là hai quái cơ bản nhất. "Chu Dịch". Thuyết quái "viết": "Càn là trời, dùng để gọi cha. Khôn là đất, dùng để gọi mẹ!. Khi tác giả "Chu Dịch" và các học giả Nho giáo dẫn giá trị bình đẳng tự nhiên trong quan hệ nam nữ, vào giá trị có tính xã hội, thì đã phủ định sự bình đẳng giữa nam và nữ, và trở thành nguồn gốc của lí luận kỳ thị "nam tôn nữ ti" trong tâm thái văn hóa truyền thống Trung Quốc, và cũng hình thành quan điểm giá trị về tổng thể đối với phụ nữ trong văn hóa Trung Quốc, nam là tôn quí, nữ là ti tiện. Theo quan niệm này, người ta có thể tìm thấy ngôi thứ của mình trên bậc thang đẳng cấp sang hèn, do vậy mà "Chu Dịch" lại sắp xếp 6 quái còn lại:

trưởng nam (Chấn), trung nam (Khảm), thiếu nam (Cấn); trưởng nữ (Tốn), trung nữ (Li), thiếu nữ (Đoài). Cái lối nhân cách hóa trong quan niệm bản thể khẳng định một trật tự sang hèn,đã phản ánh một sai lầm trong tư duy Trung Quốc, luôn cho rằng dương là chủ, âm là thứ yếu, dương vĩnh viễn ở địa vị chúa tể, âm vĩnh viễn ở địa vị phụ thuộc. Vậy là trong việc nhìn nhận giá trị con người, hình thành quan niệm trọng nam khinh nữ.

"Chu Dịch" còn chủ trương phái nam phải có cái đẹp dương cương, phái nữ phải có cái đức nhu thuận. Phù hiệu âm dương trong "Chu Dịch" cũng là lấy hình tượng bộ máy sinh thực nam nữ và kết cấu hội ý để tượng trưng, thành một phù hiệu tổng hợp, rất hình tượng và biểu thị hai loại công năng. "– –" biểu thị chỗ trũng và rỗng, tượng trưng cho cơ quan sinh dục nữ, "–" biểu thị cứng rắn và thẳng đuột, tượng trưng cơ quan sinh dục nam. "Chu Dịch" nhấn mạnh đạo của nữ là nhu thuận, và khi phán đoán về giá trị thì dùng chữ phải hợp với chuẩn tắc của đạo đức phong kiến thì là "thiện" , nếu không như vậy là "bất thiện", thiên hạ sẽ đại loạn. Nữ thì bên trong nhu thuận, nam thì vẻ ngoài phải cương cường, đã trở thành một định thế không thể thay đổi trong quan niệm hôn nhân truyền thống của Trung Quốc.

"Chu Dịch" nhấn mạnh dương cương âm nhu, cho rằng "cương nhu tương ma, khuất thân tương cảm nhi lợi sinh yên". "Dương cương âm nhu" (dương cứng âm mềm) và "khuất thân tương cảm" (co giãn mà cảm thụ cùng hoan lạc), là miêu tả quá trình nan nữ làm tình, tuy trong đó bao hàm sự khẳng định giá trị tự nhiên của hai bên nam nữ, nhưng từ tôn chỉ của "Chu Dịch" trọng

nam khinh nữ mà xét, "Chu Dịch" nói rằng, hoạt động sáng tạo cái mới của phái nữ đều phụ thuộc vào phái nam.

Quan điểm "nam tôn nữ ti" trong hôn nhân quan của "Chu Dịch" cũng có một số ý nghĩa tích cực đối với thời bấy giờ, đó là sự cố định chế độ một vợ một chồng, ngoài người vợ (thê) theo pháp định và vợ lẽ (thiếp) đã chính danh định phận ra, người đàn ông nào còn quan hệ nam nữ với người đàn bà khác, thì bị xã hội coi là vô đạo đức, và cũng bị xử trí theo pháp luật". (Cố Kiết Cương: "Từ phương thức "chưng" (đông), "báo" (đưa tin) trong hôn nhân để xem xét sự biến thiên của chế độ xã hội", "Văn Sử", tập 15)

"Chu Dịch" tuy trên nguyên tắc, chủ trương "nam tôn nữ ti" nhưng trong những vấn đề hôn nhân cụ thể, vẫn giữ thái độ hiện thực, mà một số đến nay vẫn đúng đắn.

Trước hết, "Chu Dịch" chủ trương quan hệ vợ chồng là phải lâu dài, không nên thôi nhau một cách tuỳ tiện. Quái Hằng viết: "Bất hàng kỳ đức, hoặc thừa kỳ tu" (không thường giữ được cái đức, có khi bị xấu hổ) mà "Tự quái" giải thích là: "Phu phụ chi đạo, bất khả bất cửu dã, cố thụ chi dĩ hằng", nghĩa là trong quan hệ vợ chồng thì phải lâu dài, hằng nghĩa là lâu dài.

Hai là, chủ trương tuổi phải thích hợp. Quái Đại Quá viết: "Khô dương sinh thê, lão phu đắc kỳ nữ thê, "Khô dương sinh hoa, lao phụ đắc kỳ sĩ phu" (cây dương khô nảy lộc, ông già lấy cô vợ trẻ; cây dương khô nở hoa, bà lão lấy chàng trai). Trong hôn nhân mà tuổi tác cách nhau quá xa thì đó là hiện tượng không bình thường.

Ba là, sự phân công nam nữ có khác nhau. Quái Gia Nhân của "Chu Dịch" viết: "Gia Nhân, lợi nữ trình". "Thoán" viết: "Gia Nhân, nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính) thiên địa chi đại nghĩa dã" (đàn bà lo việc nhà, đàn ông lo việc ở ngoài, cả hai đều giữ đạo chính, đó là hợp với nghĩa lớn của trời đất). Gia nhân nghĩa là nói người trong nhà, tức người trong nhà hợp thành một gia đình thì phải có gia đạo, vậy nên Gia Nhân là quẻ bàn về đạo đức gia đình, nó đặc biệt nhấn mạnh vai trò quan trọng của người phụ nữ chủ yếu trong gia đình, gia đạo mà do người phụ nữ giữ chính vị thì mới quí, đó là "trinh", còn người đàn ông lo việc ngoài thì phải giữ phận mình mà hết lòng hết sức. Nữ nội nam ngoại, ai cũng giữ được chính đạo, thì gọi là gia đình có chính đạo, tức là tề gia, có tề gia mới trị quốc, có trị quốc mới bình thiên hạ (thiên hạ thái bình). Phạm Trọng Yêm đời Tống nói: "Thánh nhân muốn tác thành một nước, tất gia đình ông phải giữ chính đạo. Một gia đình chính đạo, sau đó các gia đình trong thiên hạ chính đạo, rồi hiểu để từ đó mà hưng thịnh, như vậy đất nước không ổn định sao được?" Qua đó ta thấy, gia đình giữ được chính đạo là cái gốc của thiên hạ, nên gọi là "đạo nghĩa lớn của trời đất". Quan điểm này về hôn nhân đến nay vẫn có ý nghĩa tích cực nhất định

9. CÂU ĐỐ VỀ HÔN NHÂN TRONG BÁT QUÁI

Trong xã hội thượng cổ, hình thức cưới xin của nhân loại như thế nào? Đây quả là một câu đố. Trước đây một số học giả cho rằng trong lịch sử Trung Quốc chỉ có những cuộc hôn nhân "sính thú" (lấy nhau có cưới xin) do cha mẹ chỉ định và qua mai mối, ngoài ra không còn hình thức hôn nhân nào khác. Thực ra,

ngoài hôn nhân sính thú, thời cổ đại của Trung Quốc còn có những hình thức hôn nhân khác. Điều này được tiết lộ lần đầu trong quái Truân của "Chu Dịch".

Quái Truân viết: "Thiên mã ban như, khấp huyết liên như, phi khấu hôn cấu" (vó ngựa lộp cộp, người con gái khóc chảy nước mắt, bọn cường đạo đến cướp nàng làm vợ). Tìm hiểu câu này, ta sẽ giải được câu đố trên. Bọn cường đạo đi cướp vợ tất nhiên không cướp vào ban ngày, chắc chắn là vào khi trời tối, do vậy từ: "hôn nhân" (lấy vợ lấy chồng) trong thư tịch cổ của Trung Quốc đều viết là "hôn (tối trời) nhân" hoặc "hôn nhân" (nhân lúc trời mà lấy vợ). Sách "Bạch hổ thông nghĩa. Giá thú thiên" "viết "Tại sao gọi là hôn nhân? Làm lễ cưới lúc tối trời nên gọi là hôn". Đến nay vẫn giữ ý nghĩa này. Thí dụ, khi ai đó chưa có người yêu (chưa chồng) có người bạo miệng hỏi đã kết hôn chưa, người đó sẽ dùng câu nói đùa sau đây để trả lời: "Kết hôn? Đã hoàng hôn đâu mà kết? "Kết hôn và hoàng hôn xưa nay vẫn có liên quan mật thiết với nhau.

Vì sao người xưa phải cưới vợ vào lúc trời tối" Quái Truân đã trả lời bằng câu "phỉ tặc hôn cấu" (lấy vợ kiểu cướp giật). Thì ra hình thức hôn nhân ban đầu của nước ta là cướp vợ. Gọi là cướp, có nghĩa là người con trai chưa được người con gái và gia đình cô ta nhận lời, dùng phương pháp cướp đoạt để lấy người con gái làm vợ, mà cướp thì phải đợi lúc trời tối mới ra tay. Sau này, người ta vẫn theo tập quán này, tổ chức lễ cưới vào ban đêm, từ đó hình thành khái niệm "hôn nhân", gọi lễ kết hôn là "hôn lễ".

"Lễ ký. Tăng tử vấn" chép: "Thầy Khổng Tử nói rằng, ở nhà người con gái, ban đêm không được thắp đèn đuốc, để tưởng nhớ người con gái đã xa nhà; ở nhà người con trai, trong ba ngày không

được ca hát ồn ào, đề phòng bị phát hiện". Câu này cho ta thấy đầu cua tai nheo của tục cướp vợ. Nhà gái ba đêm không thắp đèn vì rằng trong nhà có người con gái bị cướp đi, nhà trai ba ngày không ca hát vì phải giữ bí mật, sợ nhà gái đến cướp lại "Lễ ký. Hiện đặc sinh" có nói rằng: "Hôn lễ bất hạ" (không tổ chức ăn mừng khi lấy vợ), ý chỉ giữ bí mật chuyện cướp được vợ. Lương Khải Siêu giải thích câu "phỉ tặc hôn cấu" trong "Chu Dịch" như sau: "Giặc cướp và lấy vợ lấy chồng là hai chuyện khác nhau, vậy sao lại gắn hai chuyện này làm một? Chắc rằng thủ đoạn cưới vợ ngày xưa không khác gì cướp đoạt" (Lương Khải Siêu: "Trung Quốc văn hóa sử. Xã hội tổ chức thiên, đệ nhị chương). Câu giải thích này có lý, gắn cướp đoạt vào chuyện lấy vợ thì rõ ràng là cướp vợ. Qua cách ám thị trong một số sách cổ, ta thấy thời thượng cổ ở nước ta quả thực có hình thức cướp vợ.

Sách cổ chép rằng, thời cổ đại của Trung Quốc từng có chuyện "sư hôn" (lấy vợ qua chiến tranh), tức lợi dụng chiến tranh để cướp người phụ nữ làm vợ. Đây đúng là cướp vợ trăm phần trăm. Chu U vương đem quân chinh phạt Hữu Bao thị, chiếm Bao Tự làm vợ. Tấn Hiến công đánh Li Nhung lấy Li Cơ làm vợ. Tào Tháo phá Nghiệp Quận, bắt vợ Viên Hi lấy con trai mình. Vua Minh Tông đời Hậu Đường, khi làm tướng kị mã, chiếm Bình Sơn, cướp con gái họ Vương làm vợ , sau phong làm Hoàng hậu. Nguyên Thái Tổ vây khốn Sa Hãn, cướp vợ Sa Hãn làm vợ mình. Minh Hiến Tông chinh Man, cướp được Kỷ thị, sau sinh Hiếu Tông. Vua Cao Tông nhà Thanh bình định Hồi Cương cướp được Hương phi đem về hậu cung, say mê một thời. Những thí dụ như vậy có rất nhiều , từ Hán đến Đường, các thủ lĩnh dân tộc ít người

ở biên giới, dùng chiến tranh để cướp phụ nữ trong Hoàng tộc đem về làm vợ, cũng rất nhiều.

Trong dân gian cũng có chuyện vì không lo nổi sính lễ mà cướp vợ. "Tả truyện. Nhưng công nhị thập ngũ niên" chép: Một khách buôn nước Trịnh trên đường tới nước Tấn gặp một đám rước dâu, người này bèn cướp cô dâu làm vợ. "Bắc sử. Cao Ngang truyện" chép: Cao Càn hỏi người con gái họ Thôi làm vợ, nhà gái cho rằng ông ta không có quyền thế gì nên không gả, em trai Càn là Cao Ngang cùng với Càn cướp người con gái, ra khỏi thôn, Cao Ngang sợ nhà gái cướp lại nên bảo anh: sao không lập tức cử hành hôn lễ? Cao Càn hiểu ra, bèn giao hợp với người con gái họ Thôi, rồi sau đó đem về nhà

Phải nói rằng, về tính chất, chuyện cướp vợ của giai cấp thống trị khác tục cướp vợ trong dân gian. Bọn thống trị là cậy mạnh ức hiếp kẻ yếu, trong dân gian là không còn con đường nào khác. Giai cấp thống trị có thể công nhiên cướp vợ của người khác đem về làm vợ mình, nhưng để bảo vệ trật tự chế độ thống trị của chúng, chúng nghiêm cấm dân chúng cướp vợ, đúng là nhà quan mặc sức đốt lửa, nhà dân cấm cả thắp đèn:

10. KHÔNG HIỂU DỊCH THÌ KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM THÁI Y

Nhà y học đời Minh Trương Giới Tân từng nói: "Tân thường nghe Tôn chân nhân nói" Không hiểu "Chu Dịch" thì không đủ điều kiện làm Thái y... Tuy âm dương đều có trong "Nội kinh", nhưng biến hóa thì không bằng "Chu Dịch". Vậy nên thiên nhân cùng một

lẽ, thì âm dương cũng là cùng âm dương. Lẽ nào tương thông với "Chu Dịch" mà lại có hai lẽ, có thể hành nghề y mà không hiểu "Chu Dịch" chăng? Có thể thấy các nhà y học cổ đại cho rằng, chỗ nào đã tương thông với "Chu Dịch" thì chỗ đó là điểm cơ bản của học thuyết âm dương.

Tôn chỉ chủ yếu của "Chu Dịch" là nói về đạo âm dương, chỉ ra rằng: "Lập thiên chi đạo, viết âm dữ dương" (lập nên đạo trời, là âm và dương), nhấn mạnh Dịch hữu thái cực, thị sinh lưỡng nghi" (Dịch có thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi). Lưỡng nghi là một âm một dương, là căn nguyên của vạn vật biến hóa trong vũ trụ. Âm dương coi phép thống nhất trong đối lập giữ vị trí hạt nhân trong hệ thống lý luận Trung y, "Hoàng đế nội kinh" là tác phẩm kinh điển, đặt nền móng cho lý luận y học Trung y mà hệ tư tưởng của sách chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng của "Chu Dịch". "Nội kinh" khi bàn về kết cấu nhân thể, công năng sinh lý, biến hóa của bệnh lý, phương châm trị liệu, đều dựa trên luận điểm điều hoà âm dương.

"Nội kinh. Tố vấn. Bảo mệnh toàn hình luận" viết: "Nhân sinh hữu hình, bất li âm dương" (con người thành hình, không tách rời âm dương). chỉ ra rằng, con người tuy là một chỉnh thể hữu cơ, nhưng theo quan điểm của âm dương về thống nhất trong đối lập, thì kết cấu tổ chức của nó, có thể chia thành hai phần âm dương đối lập với nhau. "Tố vấn. Kinh quĩ chân ngôn luận" cho rằng, thuộc tính âm dương của tổ chức tạng phủ con người, từ những bộ vị đại thể mà xét, thì thượng bộ là dương, hạ bộ là âm; bề ngoài cơ thể thuộc dương, bên trong cơ thể thuộc âm. Về lưng bụng, tứ chi hai phía mà xét, thì lưng thuộc dương, bụng thuộc âm, phía ngoài của tứ chi thuộc dương, phía trong của tứ chi thuộc âm. Về tạng phủ mà

xét, lục phủ thuộc dương, ngũ tạng thuộc âm. Nếu cụ thể từng bộ phận của tạng phủ, thì cũng chia ra âm dương, như tim có tim âm và tim dương, thận có thận âm và thận dương v.v... Vì vậy, thiên "Linh khu. Thọ yểu cương như" viết: "Trong dương có âm, trong âm có dương, ... , vì vậy cho nên trong có âm dương, ngoài cũng có âm dương. Trong thì ngũ tạng là âm, lục phu là dương; ngoài thì gân cốt là âm, da bọc là dương".

"Chu Dịch" cho rằng , sự hoạt động của một sinh mạng bình thường, là kết qủa của sự đảm bảo thống nhất đối lập và thống nhất tương đối của hai mặt âm dương. Nếu công năng hoạt động của nhân thể thuộc dương, thì vật chất thuộc âm. Vật chất là cơ sở của công năng, không có vật chất thì không thể sản sinh ra công năng; ngược lại, sự xuất hiện công năng lại xúc tiến việc đổi mới không ngừng vật chất. Do đó, quan hệ giữa công năng và vật chất, là quan hệ thống nhất đối lập của âm dương, là sự cân bằng trên cơ sở dựa vào nhau mà tồn tại và tiêu trưởng của âm dương.

"Tố vấn. Âm Dương ứng tượng đại luận" lấy quá trình chuyển hóa giữa vị, hình, khí, tinh để chứng minh quan hệ chuyển hóa lẫn nhau giữa âm dương trong cơ thể con người. Chỉ ra rằng, "Nước là âm, lửa là dương, dương là khí, âm là mùi vị, vị là hình, hình qui khí, khí âm tinh, tinh qui hoá, tinh ăn khí, hình ăn vị; hóa sinh tinh, tình sinh hình; vị làm tổn thương hình, khí làm tổn thương tinh, tinh hóa thành khí, khí làm tổn thương vị", Có nghĩa là, trong tình hình bình thường, dinh dưỡng vật chất (âm) có thể nuôi sống hình thể, mà sự sinh thành của hình thể lại phải dựa vào công năng khí hóa (dương); tinh là cơ sở sản sinh công năng, mà sự sản sinh của tinh lại không thể tách rời công năng khí hoá. Vì vậy, sự dinh dưỡng

hình thể phải dựa vào dinh dưỡng vật chất, dinh dưỡng vật chất kinh qua sinh hóa tác mà sinh tinh, rồi qua tác dụng khí hóa mà nuôi dưỡng hình thể. Trong trạng thái bệnh lý, vị hình khí tinh cũng tác dụng lẫn nhau.

"Nội kinh" cho rằng, một khi quan hệ âm dương mất cân bằng, thì trạng thái cân bằng bình thường bị phá hoại, dẫn đến đơn phương âm hoặc dương thịnh hoặc suy và phát sinh bệnh tật, nhưng sự phát sinh bệnh tật còn liên quan đến tà khí và chính khí. Ở đây, chính khí là chỉ toàn bộ kết cấu và công năng của cơ thể và sức đề kháng của cơ thể đối với bệnh tật, tà khí là chỉ các nhân tố gây bệnh nói chung. Vì rằng có thế dùng âm dương để phân biệt thuộc tính của chính khí và tà khí, cùng với tình hình tác dụng tương hỗ và đấu tranh giữa chính và tà khí, dù rằng có thể gây ra sự biến hóa phức tạp nhiều vẻ của bệnh lý, nhưng vẫn có thể đùng đơn phương thịnh suy của âm đương để khái quát, như "Tố vấn. Âm dương ứng tượng đại luận" viết, "Dương thịnh tất nóng, âm thịnh tất lạnh", đó là hiện tượng bệnh lý của âm thịnh hoặc dương thịnh, và cũng là trường hợp sinh bệnh do âm hoặc dương cao hơn mức bình thường. "Tố vấn. Điền kinh luận" viết: "dương" hư tất nội hàn, âm hư tất nội nhiệt" (dương hư thì lạnh ở trong, âm hư thì nóng ở trong), đó chính là trạng thái bệnh lý do âm dương đơn phương suy giảm, đó là trường hợp sinh bệnh do âm hoặc dương thấp hơn mức bình thường. Trong "Nội kinh", những thí dụ về âm dương đơn phương thịnh hoặc suy có rất nhiều, như "Tố vấn". Mạch yếu tinh vi luận" chép: "Dương khí hữu dư, vi thân nhiệt vô hãn; âm khí hữu dư, vi đa hãn thân hàn; âm dương hữu dư, tắc vô hãn nhi hàn..." (thừa dương khí thì người nóng mà không có mồ

hôi; thừa âm khí thì nhiều mồ hôi mà thân lạnh; âm dương đều thừa thì người không mồ hôi mà lạnh) v.v..

"Nội kinh" căn cứ vào nguyên lý hỗ căn hỗ dụng của "Chu Dịch", cho rằng bất kể âm hay dương mà suy tổn một phía đến một mức độ nào đó, tất dẫn đến phía kia không đủ. Chẳng hạn như dương hư đến một mức độ nào đó sẽ gây ra sự hóa sinh của âm tinh bất túc, và đồng thời xuất hiện tượng âm hư, trường hợp này là "dương tổn cập âm" (dương hư tổn lan sang âm). Cũng vậy, âm hư đến một mức độ nào đó tất sẽ dẫn đến sự hóa sinh của dương khí không có nguồn, xuất hiện hiện tượng dương hư, tức "âm tổn cập dương", cuối cùng đều dẫn đến "âm dương hư tổn cả hai". Ngoài ra, hiện tượng bệnh lý do âm dương mất cân bằng, còn có thể tự chuyển hóa theo hướng tương phản trong điều kiện nhất định, như dương chứng có thể chuyển hóa sang âm chứng, âm chứng có thể chuyển sang dương chứng. Nhược bằng xảy ra "âm dương li quyết" (âm dương thoát ra khỏi những điều đã được quyết định) thì có nghĩa là sinh mệnh chấm dứt.

"Nội kinh" thừa nhận âm dương mất cân bằng là nguyên nhân cơ bản phát sinh tật bệnh, do vậy, đối với những triệu chứng phức tạp đan xen, thiên biến vạn hoá, "Nội kinh đều dùng âm dương để khái quát thuyết minh. "Tố vấn. Âm dương ứng tượng đại luận" nói rất rõ: "Người giỏi chẩn đoán, phải xem sắc mặt, bắt mạch để trước hết phân biệt âm dương". Do đó trong chẩn đoán lâm sàng, công việc đầu tiên là phân rõ âm dương, như vậy mới nắm được bản chất của bệnh. Dưới sự chỉ đạo của nguyên tắc âm dương khả phân, những nguyên tắc lớn của âm dương có thể khái quát toàn bộ bệnh tình, tức dương chứng hay âm chứng; những nguyên tắc nhỏ có thể

phân tích bốn dạng chẩn đoán (quan sát sắc diện, hỏi han, nghe, bắt mạch), phân tích cụ thể mỗi mạch tượng, sắc diện, tiếng nói, hơi thở v.v..."Nội kinh" coi các loại mạch phù, sổ, đại, hoạt thuộc dương, coi các mạch trầm, trì, tiểu, xác thuộc âm. Khi vọng chẩn, sắc diện tươi tắn là dương, u ám là âm. Khi văn chẩn, coi tiếng nói khoẻ là dương, yếu ớt là âm, vì vậy bất kể vọng, văn, vấn, thiết (nhìn, nghe, hỏi, bắt mạch) đều phải lấy chuyện phân biệt âm dương làm nhiệm vụ hàng đầu mà điều hoà âm dương, khôi phục sự cân bằng tương đối của âm dương là nguyên tắc cơ bản trong điều trị của "Nội kinh".

Học thuyết âm dương trong "Chu Dịch" là cơ sở để "Nội kinh" sáng lập hệ thống lý luận độc đáo của Trung y. Từ học thuyết âm dương mà "Nội kinh" trình bày, sẽ giúp ta nhận thức về địa vị và tác dụng của "Chu Dịch" trong lịch sử văn hóa Trung Quốc. Kết hợp hai bộ sách này, khiến mọi người có thể nhận thức đầy đủ đặc điểm tương thông giữa y Dịch , có một ý nghĩa vô cùng quan trọng để xây dựng kết cấu mô thức lý luận Trung y , xác lập quan điểm sinh mệnh là sự vận động đối lập, nhằm phát triển Trung y học.

11. THUẬT KHÍ CÔNG TRONG "CHU DỊCH"

Khí công là phương pháp kiện thân dưỡng tính độc đáo của Trung Quốc cổ đại, trong đó gói ghém biết bao thực tiễn và lý luận sâu sắc. Khí công có một lịch sử lâu đời ở nước ta, ngay từ thời thượng cổ đã trở thành một loại hoạt động phổ biến nhằm bảo vệ nâng cao sức khoẻ của mọi người. Ta biết rằng, ý thức phản ánh tồn tại, mà "Chu Dịch" muốn "lấy tượng của vạn vật vạn sự vẽ thành

quái", thì sự phản ánh tư tưởng dưỡng sinh và khí công trong "Chu Dịch" là điều không tránh khỏi.

"Chu Dịch. Thuyết quái" từng chỉ ra rằng: "Thánh nhân làm ra Dịch là để thuận với cái lẽ của sinh mệnh", "đến tận cùng của lý và tính rồi đến mệnh". Điều này nói lên rất rõ rằng, "Chu Dịch" hết sức coi trọng sinh lý nhân thể, tính và mệnh. Từ điểm này ta có thể hiểu vì sao thuật khí công được đề cập đến trong - "Chu Dịch".

Vì sao "Chu Dịch" chú trọng tìm hiểu vũ trụ lại liên quan đến dưỡng sinh nhân thể? Về điểm này, đại y đời Minh Trương Giới Tân đã nói rõ: "Đạo của trời đất là lấy hai khí âm dương mà tạo nên vạn vật; cái lý của nhân sinh, là lấy hai khí âm dương mà nuôi dưỡng cơ thể. "Dịch" tức là biến dịch, là sự diệu kỳ của hoạt động âm dương". "Cái lý của trời đất đều có ở Dịch, vậy cái lí của thân tâm không có trong Dịch sao được? Huống hồ Dịch của trời đất là ngoại dịch (biến đổi khách quan), Dịch của thân tâm là nội dịch (biến đổi chủ quan). Điều này nói rõ Dịch lý bao trùm lên diện cực rộng, quả đã phản ánh qui luật hoạt động của sinh lý nhân thể.

"Chu Dịch. Hệ từ thượng" viết: "Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả, thiện dã, thành chi giả, tính dã" (Một âm một dương gọi là đạo. Đạo ấy phát ra thì tốt lành, cái tốt lành ấy (tức cái đạo ấy) cụ thể hóa ở người thì bấy giờ gọi bằng tính). Hai khí âm dương cân bằng với nhau, điều hoà với nhau, thì có thể gọi đó là đạo. Nói một cách cụ thể, trong khoảng trời đất, dương khí giáng xuống, âm khí bốc lên, âm dương giao hoà mà sinh ra vạn vật. Đó là Đạo Dịch. Cũng nguyên lý này, con người có thể bắt chước sự vận động hai khí âm dương trong trời đất, mà điều hoà hai khí âm dương trong cơ thể, thì chắc chắn sẽ giúp cho dưỡng sinh, nên mới nói rằng "đạo ấy

được phát huy thì tốt lành". Mà bản tính của con người, nói cho cùng, không tách rời khỏi khí. Vậy hai khí âm dương trong cơ thể nếu giữ được cân bằng, thì phù hợp với bản tính tự nhiên của con người, vì vậy mới nói là "thành chi giả, tính dã".

"Chu Dịch" còn chỉ ra rằng: "Dịch, vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên chi cố" (Dịch không suy nghĩ, không làm gì cả, nó chỉ cảm mà thấu được các biến cố trong thiên hạ). Ở đây, "vô tư, vô vi, tịch nhiên bất động" là yếu lĩnh trong luyện tĩnh dưỡng khí. Do tĩnh mà động nên sau đó "cảm mà thấu suốt được mọi biến cố trong thiên hạ", đúng như "Trang Tử" viết: "hư tắc tĩnh, tĩnh tắc động, động tắc đắc hĩ" (đến trình độ thái hư thì tĩnh, tĩnh tất động, động tất đắc đạo lý). Câu của "Chu Dịch" nói trên, trong chừng mực nào đó, có thể quán thông với khí công cổ đại, do vậy các nhà lí học giỏi về tĩnh dưỡng khí đời Tống, Minh không ai là không tán thưởng mà vui với đạo của mình, từ đó về mặt lý luận đã mở ra rất nhiều. "Chu Dịch. Hệ từ thượng" còn nói: "Thánh nhân dùng Dịch để tẩy rửa tâm tính, đưa tâm tính trở lại thái hư. Hồ Phương đời Thanh trong "Chu Dịch bản nghĩa chứ", viết: "Tẩy rửa tâm tính, là từ bỏ những ý tứ và dục vọng riêng tư, trả về thái cực". Cái gọi là "tẩy rửa" nghĩa là từ bỏ những tạp niệm, không vương chút bụi trần. Dùng lời của "Lão Tử": Gột rửa những cảm giác huyền hoặc , Liệu có thể không mắc sai lầm?". Cái gọi là "thoái tàng ư mật", có nghĩa là ở ẩn, không tiếp xúc với việc đời, đoạn tuyệt với bên ngoài. "Thần tiên thực hiện trong mật thất", chính là nói về vấn đề này. Lý Đỉnh Tộ đời Đường có lẽ nhận ra có một số liên hệ nội tại giữa hai câu trên của "Hệ từ "với khí công, trong "Chu Dịch tập giải tự", ông nói: "Thánh nhân dùng Dịch để

gột rửa cái tâm, lui về ở ẩn, tự nhiên căn nhà đơn sơ bừng sáng, nhưng điều cát tương ập đến, ngồi một chỗ mà quên di chiếu , nhập thần nghĩa lý sâu xa". những lời này đều là thuật ngữ khí công độc đáo. Lý Đỉnh Tộ mượn lời "Trang Tử" để nói rõ hàm ý trong "Chu Dịch" là vứt bỏ những tạp niệm, tập tính mà quan chiếu, hư minh sinh tuệ.

"Chu Dịch. Hệ từ" còn nói rõ hơn: "Thánh nhân dĩ thử trai giới, dĩ thần minh kỳ đức phù. Thị cố hạp hộ vị chi Khôn, tịch hộ vị chi Càn, nhất hợp nhất tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi thông" (thánh nhân khi làm việc đó phải trai giới để cho đức của mình được sáng tỏ . Đóng cửa gọi là Khôn, mở cửa gọi là Càn. Một lần đóng, một lần mở thì gọi là biến, qua lại không ngừng thì gọi là thông). Cái gọi là "trai giới" hiển nhiên là phải hết sức tĩnh tâm, không màng đến việc ngoài đời. "Thiên ẩn tử" khi bàn đến khí công từng nói:"Thế nào là trai giới? là tắm gội sạch sẽ và trong lòng không vương vấn điều gì. Thế nào là nơi ở yên? Là nơi xa vắng, yên tĩnh. Nhưng thế nào là "một lần đóng một lần mở gọi là biến, qua lại không cùng gọi là thông"? Du Viêm tại "Dịch ngoại biệt truyện" giải thích rằng: "Hô là thở khí ra, dương mở, hấp là hít khí vào, âm đóng lại. Âm dương trong cơ thể giống như âm dương của trời đất, nếu như có thể điều khiển hô hấp ở trên và dưới, khiến chúng chu chuyển không ngừng, thì sự đóng mở qua lại sẽ tuyệt diệu trong toàn bộ cơ thể của chúng ta". Sự giải thích của Du Viêm là rất có cơ sở. Trương Tải, nhà lý học nổi tiếng đời Tống trong "Hoành cừ Dịch thuyết" cũng coi sự hô hấp là tượng của đóng mở càn khôn. Ông nói: "Thở là hiện tượng cương nhu cọ xát, càn khôn đóng mở".

Tư tưởng khí công của Trung Quốc cổ đại không chỉ phản ánh rõ nét trong "Chu Dịch. Hệ từ", mà còn được nói đến nhiều trong 64 quái của Chu Dịch. Quái Di Chấn dưới Cấn trên, quái tượng là, ䷚ quái từ viết: "Di, trinh cát, quan Di, cầu khẩu thực" (nuôi dưỡng, đúng chính đạo thì tốt. Xem cách nuôi người và tự nuôi mình. Quái này của "Chu Dịch" là nói về dưỡng sinh, nhưng tất cả những thứ để nuôi, dù thức ăn hay không khí, đều vào cơ thể qua đường miệng, hơn nữa, dưỡng sinh phải tự mình đảm nhiệm, không nhờ vả ai. Lý Trung Chính đời Tống trong "Thái hiên Dịch truyện" cho rằng, quái Di có tượng của con rùa. Rùa sống bằng không khí, không cần con người cho ăn, vậy là đúng với đạo nghĩa". Đây là câu giải thích vô cùng mới mẻ và hàm súc, hợp với ý nghĩa của "tự cầu khẩu thực".

Quái Di của "Chu Dịch" còn viết: "Xá nhĩ linh qui, quan ngã đoá Di, hung". Nghĩa là người ta không bắt chước con linh qui ăn nguyên khí mà tự nuôi sống, mà chỉ tham ăn tục uống, thì không tốt lành gì. "Chu Dịch" ra đời khoảng giữa Thương - Chu mà đã biết liên hệ chặt chẽ với phép dưỡng sinh của con rùa, từ khía cạnh này mà xét, hoạt động khí công kiểu rùa uống khí của cổ nhân quả thực ra đời rất sớm, qua đó, đã chứng thực ý nghĩa của các từ "hiệu qui tức "(bắt chước rùa mà hít thở) từng xuất hiện trong kim văn đời Thương.

Ta xét tiếp quái Cấn của "Chu Dịch", quái tượng là dưới Cấn trên Cấn, hai Cấn chồng lên nhau, quái từ: "Cấn: cấn kỳ bối, bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình bất kiến kỳ nhân, vô cữu" (Ngừng [tĩnh] như cái lưng, không thấy được toàn thân, đi ở sân mà không thấy người. Không có lỗi). Câu này liên quan đến luyện dưỡng sinh

như thế nào? Ai cũng biết các nhà khí công xưa nay đều ý thủ (dùng ý niệm mà bảo vệ) "Đan điền" để đạt tới hiệu quả tích luỹ chân khí. Nhưng theo lý luận Trung y, phần lưng của cơ thể là "mệnh môn" (cửa của sinh mệnh), tức là nói đây là nơi tích tụ nguyên động lực của cơ thể. Trong luyện tập khí công, ý niệm tinh thần trước hết phải tập trung vào bộ phận này thì mới đúng bài bản, mới đạt được sự kỳ diệu của bồi dưỡng chân khí. Nhà y học đời Minh Triệu Hiến Khả tại "Y quán" đã trình bày rất kỹ tầm quan trọng của bộ phận "thận gian mệnh môn " (mệnh môn ở khoảng giữa hai thận) và nói: đời muốn dưỡng thân trị bệnh thì phải lấy mệnh môn làm vua". Trong "Thiên tiên chính lý trực luận" của Đạo giáo cũng nói: "Trước là rốn sau là thận, ở giữa có một đỉnh vàng". Đỉnh vàng là chỉ huyệt Đan điền trong cơ thể. Đã ở trong cơ thể, mà xưa nay người ta vẫn nói ý thủ Đan điền", không chỉ ý thủ bụng phía trước, mà còn ý thủ sau lưng, hai đường khác nhau mà đồng qui ở một điểm, quả thật kỳ diệu. Hiểu rõ điều này, ta mới hiểu được ý tứ sâu xa của câu "ý thức hệ niệm là bối" (ý thức tập trung tâm niệm ở lưng) mà khi thiền định khí công các nhà tu hành theo đạo Phật đề xướng, ý tứ mới mẻ và lạ lùng.

Qua những dẫn chứng từ văn liệu Phật, Đạo và lý luận Trung y, ta thấy rằng, "Cấn kỳ bối, bất hoạch kỳ thân" (tĩnh như lưng, không nhìn thấy người) trong "Chu Dịch" cùng là một với "ý thủ Đan điền" trong khí công sau này, đều đem lại hiệu quả bồi dưỡng chân khí, tích luỹ năng lượng. Câu sau của quái từ là "hành kỳ đình, bất kiến kỳ nhân", đại khái là một lối nói ẩn dụ, "đình" là chỉ toàn bộ cơ thể, tinh thần ý thức tập trung vào ý thủ tình hình sinh lý của cơ thể, tập trung vào một chỗ, dần dần quên đi tất cả, kể cả bản thân mình.

Điều đáng nêu là, các nhà lý học Tống, Minh rất say mê quái Cấn của "Chu Dịch". Ông tổ của lý học đời Tống là Chu Đôn Di từng nói rằng: "Xem một bộ "Hoa nghiêm kinh "không bằng xem một quái Cấn. "Hoa nghiêm kinh" gồm 80 quyển, tư biện tinh xảo, văn từ hoa mĩ, được gọi là "vua của kinh Phật so với quái Cấn chỉ vẻn vẹn mươi chữ thì về khối lượng hơn kém nhau quá xa, vậy tại sao Chu Đôn Di lại đem ra so sánh? Bản thân chuyện này có một bí mật. Ta biết rằng đa số các nhà lý học Tống, Minh đều sở trường về tĩnh dưỡng khí, theo phương pháp "chủ tĩnh", mà quái từ của quái Cấn lại thoả mãn được nhu cầu nội tại của họ, hơn nữa, "Quái Cấn" lại không phải là từ dị đoan của Phật, Đạo, mà là nội dung trong "Chu Dịch", bộ kinh đứng hàng đầu trong lục kinh của Nho gia, uy nghi sừng sững , địa vị vững vàng. Vì vậy, từ Chu Đôn Di trở đi, Tống Nho như Nhị Trình, Chu Hi, Viên Phủ, Minh nho như Tiết Hoàn, Tiêu Hoằng, Từ Vấn... đua nhau viện dẫn quái Cấn mà vui với đạo của Dịch. Qua đó, có thể thấy quái Cấn trong "Chu Dịch" có một vị trí quan trọng trong lý luận khí công của Trung Quốc cổ đại.

12. VĂN HÓA SINH THỰC TRONG BÁT QUÁI

Ta biết, rằng, âm dương với tư cách là một khái niệm triết học, bắt nguồn từ sự qui nạp đối với rất nhiều vật tự nhiên cụ thể, có thể cảm thụ được. "Chu Dịch" thì cho rằng âm dương là hai phù hiệu sinh thực biểu thị — (dương) và – – (âm). Quách Mạt Nhược nói rằng, ta có thể thấy rõ bát quái là tàn dư của sự sùng bái sinh thực khí, vẽ — tượng cho cái của nam, ngắt làm hai – – để tượng cho cái của nữ, từ đó mà diễn biến thành quan niệm nam nữ, cha mẹ, âm dương, cương nhu, trời đất. Trong quan niệm số học của cổ

nhân, số 3 là nhiều nhất, 3 là con số thần bí. Do một âm một dương chồng lên nhau mà thành 3, vừa vặn được tám hình thức khác nhau " (Quách Mạt Nhược toàn tập, quyển Một, phần lịch sử, "Nghiên cứu xã hội cổ đại Trung Quốc. Sinh hoạt xã hội thời "Chu Dịch") có thể thấy quan niệm âm dương được gợi ý từ mô hình bộ máy sinh dục đực cái, mà việc coi trọng bộ máy sinh dục lại trực tiếp liên quan đến tục sùng bái sinh thực xa xưa của nhân loại.

Nếu như ta lần ngược đến cội nguồn của sinh mệnh, thì khó mà bác bỏ tính giao là phương thức cơ bản để nhân loại tồn tại và phát triển, càng ở thời kỳ hồng hoang, nhân loại viễn cổ càng tỏ ra say mê và hứng thú đối với tính giao. Đây chính là thời kỳ nhân loại sùng bái sinh thực khí mà người ta thường nói. Sự sùng bái sinh thực khí đã có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá. Tượng điêu khắc bằng đá thời kỳ băng hà ở Pháp, là hình tượng nữ thần sinh thực với cặp vú đồ sộ và vùng bụng thì cộm lên. Kim tự tháp Ai Cập, cây thánh giá của đạo Cơ đốc, rõ ràng là tượng trưng cho sùng bái sinh thực. Những hoạt động sùng bái sinh thực phổ biến của nhân loại đã để lại dấu vết rõ rệt trong quá trình phát triển văn hóa Trung Quốc. Có người cho rằng, những hoa văn hình vẩy cá trên gốm mầu ở di chỉ Bán Pha - Tây An thời kỳ đồ đá mới, mang ý nghĩa sinh thực khí của nữ, nơi "tế cá" của công xã thị tộc mẫu hệ Bán Pha đều vẽ hình tròn, mô phỏng âm hộ. Trên các đồ tế khí đào được ở các di chỉ công xã mẫu hệ ở Trung Quốc đều vẽ cá, ếch, hoa, lá v.v... Đó không phải là tôtem, mà chính là sinh thực khí của nữ, như bình gốm mầu có dáng một phụ nữ đào được ở Liễu Loan thuộc Nhạc Đô, Thanh Hải, đầu và mặt là phần cổ bình, thân người là phần thân bình, vú, rốn, âm hộ và tứ chi đều để lộ. Vú đầy đặc, núm vú vẽ

bằng mầu đen, phần âm hộ rất khoa trương, lại dùng mầu đen vẽ đường viền. Ngoài ra, Quách Mạt Nhược từng khảo trinh chứng chữ "tổ" (祖) là tượng hình sinh thực khí của nam (且), chiếc thả bằng đồng đào được ở thôn Tam Điếm, Tây An cũng là tượng hình của sinh thực khí của nam , chữ "tổ" là tổ tiên chính là tượng hình sinh thực khí của nam mà ra.

Con người Văn minh hiện đại không thể hiểu vì sao đối với cơ quan sinh dục mà con người hiện đại không dám gọi thẳng tên, vật mà nhân loại thuở sơ khai lại sùng bái đến nhỏ vậy? Thực ra, lí do rất đơn giản. Đối với cơ quan sinh dục, quan niệm của người nguyên thủy về bản chất khác với quan niệm của con người hiện đại, đó là sự tán dương của người nguyên thủy về sinh mệnh, là bài ca về niềm vui sáng tạo ra sinh mệnh.

Văn hóa sinh thực đã có những gợi mở cực lớn về mặt tư duy cho nhân loại thuở ban đầu, khi lí giải nguồn gốc thế giới và vạn vật, họ cũng dùng cơ quan sinh dục và hành vi tính giao để giải thích sự phát triển của thế giới. "Chu Dịch. Hệ từ " từng có cách nói rất hình tượng: "Thiên địa nhân huân, vạn vật hóa thuần; nam nữ cấu tinh, Vạn vật hóa sinh" (Trời đất giao cảm mà vạn vật có đủ loại; giống đực giống cái kết hợp tinh khí mà vạn vật sinh nở biến hoá) Nghĩa là trời đất cũng như giống đực giống cái, qua tính giao mà sáng tạo vạn vật. Điều này khiến ta dễ dàng nhận thấy dùng nam nữ tính giao để ẩn dụ sự giao hợp của trời đất cũng như giống đực giống cái, qua tính giao để ẩn dụ sự giao hợp của trời đất mà hóa sinh vạn vật.Ta biết rằng, triết học cổ đại Trung Quốc thường dùng lối "danh tiểu thực đại (chuyện nhỏ việc lớn) để khái quát vạn

sự vạn vật, vì vậy khi miêu tả trời đất ra đời, cũng lấy chuyện nhỏ là sự giao hợp nam nữ để khái quát thành quan niệm vũ trụ rộng lớn. Không chỉ có Trung Quốc, mà còn có thể thấy ở một dân tộc khác thí dụ tương tự, thí dụ "Sáng thế kỷ" của thần thoại Naxi đã miêu tả sự ra đời cửa thế giới như sau: "Ngày xưa, cực xưa, đất trời là một khối hỗn mang, đông thần, sắc thần lần lượt tạo nên vạn vật". Đông thần, sắc thần là nam thần, nữ thần. Một bộ kinh điển khác của tộc Naxi, bộ "Tung Ai Xu Ai" miêu tả càng cụ thể: "Trước tiên, phía trên phát ra tiếng thì thào, phía dưới phát ra tiếng thở, tiếng thì thào và tiếng thở kết hợp với nhau, phát sinh biến hoá, xuất hiện một quả trứng, quả trứng phát sinh biến hoá, xuất hiện năm thứ tinh tuý và oai nghiêm (gỗ, lửa, nước, đất, sắt)". Ở đây cũng dùng hành vi tính giao để ẩn dụ sự ra đời của thế giới. Quan điểm về tự nhiên của nhân loại thời viễn cổ thông thường là nhân cách hóa tự nhiên, họ cho rằng, sinh mệnh bắt nguồn từ hành vi tính giao, thì sự ra đời của vạn vật trong tự nhiên, đương nhiên là do kết quả của tính giao.

Văn hóa âm dương mà "Chu Dịch" là đại biểu, đã thể hiện có hệ thống văn hóa sinh thực và đã thăng hoa văn hóa sinh thực lên một giai đoạn mới. "Chu Dịch" khi trình bày quan niệm âm dương biến hóa vạn vật, thuật ngữ "tính khí quan" (cơ quan sinh dục) và "tính hành vi" (hành động giao hợp) vẫn là vật gợi cảm mang nội dung ý nghĩa quan trọng, phản ánh sâu sắc nội dung văn hóa sinh thực, như:

"Nam nữ cấu tinh, vạn vật hóa sinh", giống đực giống cái kết hợp tinh khí, mà vạn vật sinh nở biến hóa. "Chu Dịch. Hệ từ".

"Phù Càn, kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực, thị dĩ đại sinh yên. Phù Khôn, kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịch, thị dĩ quảng sinh

yên "(Càn, lúc tĩnh thì chuyên nhất, lúc động thì thẳng đuột, cho nên sức sinh của nó lớn. Khôn, lúc tĩnh thì thu lại, lúc động thì mở ra, cho nên sức sinh của nó rộng). "Chu Dịch. Hệ từ".

"Vân hành vũ thi, phẩm vật lưu hành " (tiến hành cuộc mây mưa, vạn vật sinh sôi nảy nở). "Chu Dịch. Càn. Thoán từ". "Thiên địa cảm nhi vạn vật hóa sinh" (thiên địa giao cảm mà vạn vật hóa sinh). "Chu Dịch". Quẻ Hàm. Thoán từ".

"Thiên địa bất biến, nhi vạn vật bất hưng" (trời đất không biến đổi thì vạn vật không thể sinh sôi nảy nở). "Chu Dịch. Quẻ Qui Muội. Thoán từ". Ở đây, "động thì thẳng đuột", "động thì mở ra", "mây mưa", "cảm" (giao cảm, "giao" (tính giao) đều là những thuật ngữ tính giao trong quan hệ nam nữ, tác giả của "Chu Dịch" thông qua miêu tả hành động giao cấu nam nữ để ca ngợi sự vĩ đại của vũ trụ trong việc sinh thành vạn vật, qua sự giao hợp nam nữ đề cập đến lĩnh vực rộng lớn là giao hợp với trời đất, và qua sự tán thưởng hành động sinh thực của người, mà tán thưởng sự nảy sinh và vận động của xã hội, chính trị và đạo đức. "Chu Dịch". Hệ từ" viết:"sinh sinh vị chi Dịch" (sinh sôi nảy nở mãi thì gọi là Dịch). Cuộc vận động sinh thực không nghỉ không ngừng đã cấu thành căn bản của "Chu Dịch". Tư tưởng coi trọng sinh mạng, lưu luyến cuộc đời của "Chu Dịch", đã có ảnh hưởng cực kỳ sâu rộng đối với văn hóa Trung Quốc sau này. Chu Dư Đồng tiên sinh từng nói rằng: "ý kiến của nho gia cho rằng, sự hóa sinh của vạn vật, sự sinh sôi của nhân quần, hoàn toàn là ở sinh thực, nếu một ngày nào đó ngừng sinh thực, thì tất cả sẽ huỷ diệt, khi đó thì đừng nói gì đến xã hội, cũng không nói gì đến vũ trụ, càng không nói gì đến những cuộc thảo luận về nguyên lý vũ trụ và phép tắc của nhân loại, do vậy, sinh

thực, hoặc nói thẳng ra là "tính giao, (giao hợp), các nhà nho cho rằng, đó là công việc vĩ đại nhất, thiêng liêng nhất, (Chu Dữ Đồng kinh học sử luật trước tuyển tập"- Thượng Hải Nhân dân xuất bản xã, bản 1983 trang 78).

Tư tưởng cơ bản của đạo gia cũng bắt nguồn từ sùng bái sinh thực. Lão Tử nói: "huyền tẫn chi môn, thị vị thiên địa chi căn" (cái cửa của trời đất, là chỗ nguyên khí trời đất ở đó mà ra). Lão Đam rõ ràng là từ công năng sinh dục của bộ máy sinh dục nữ có sắc tố trầm, để luận ra nguồn gốc của trời đất, lại từ quá trình giao hợp nam nữ mà dẫn đến tư tưởng vô vi thủ nhu, chí hư thủ tĩnh (không hành động thì thủ nhu, đạt đến thái hư thì thủ tĩnh: Đồng thời điều này cũng chứng minh rằng, thuyết âm dương nhị nguyên và thái cực nhất nguyên trong "Chu Dịch" thật ra đều bắt nguồn từ sùng bái sinh thực, vì rằng hành vi sinh thực là hành vi song phương nam nữ, vậy trong thế giới vô sinh mệnh đã nhân cách hóa cũng tồn tại song phương, vì lí do đó mà nhân loại khi đi sâu tìm hiểu thế giới, đã diễn dịch thành một loạt quan niệm thống nhất đối lập như trời đất, cương nhu, cha mẹ v.v... Âm dương ra đời trên cơ sở khái quát qui nạp hàng loạt những quan niệm đó. Vậy là từ sùng bái sinh thực phát sinh văn hóa sinh thực, ta thấy xuất hiện đặc trưng trên hai phương diện: Một là sự kính sợ đối với tổ tiên thần linh. Nho gia không tin quỉ thần, nhưng với tổ tiên thì vô cùng kính trọng, bí mật là ở điểm này. Hai là sự tương giao nam nữ trong hành vi sinh thực dẫn đến tư duy nhị nguyên về mặt tư duy, qua đó đẩy văn hóa sinh thực lên một bước sâu sắc hơn là văn hóa âm dương. — (dương) và – – (âm) tuy ý nghĩa ban đầu là chi cơ quan sinh dục, nhưng khi chúng được nâng lên trong văn hóa sinh

thực, thì chúng đã vứt bỏ hình tượng cụ thể của vật, mà đã có chiều sâu của tư biện triết học trừu tượng.

Tóm lại, qua nghiên cứu văn hóa sinh thực trong "Chu Dịch", sẽ giúp ta có những khám phá mới về lịch sử văn hóa xã hội nguyên thuỷ trên thế giới, càng hiểu hơn lịch sử văn hóa của nhân loại.

13. QUÁI CÀN VÀ VẤN ĐỀ ĂN UỐNG

Tục ngữ có câu: "Dân lấy ăn làm trời". Vì rằng ăn là cơ sở để nhân loại sinh tồn và sinh sôi nảy nở, và trên cơ sở đó, sáng tạo ra nền văn minh vĩ đại. Do vậy, ta có thể nói rằng, hoạt động có tính lịch sử đầu tiên của nhân loại là tìm kiếm thức ăn. Về sự thực này, quái Càn và "Tự quái truyện" của "Chu Dịch" bàn đến rất nhiều lần.

Quái đầu tiên trong 64 quái của "Chu Dịch" là quái Càn, mà ngay từ đầu đã nói rõ tôn chỉ của sách: "Càn hanh, nguyên, lợi, trình". Ta biết rằng, "Càn" là hình thái quang khí toả ra khi mặt trời mọc, về phát âm gần với âm "Kiện" (Càn còn đọc là Kiền), có nghĩa là mạnh mẽ, trong âm dương nhị nguyên cấu thành vũ trụ, dương có đầy đủ bản chất "cương kiện" trong sáng tạo và hành động, do thuần dương mà cấu thành thì lớn nhất là trời. Vì vậy, chồng ba phù hiệu — lên nhau, ta được ☰ gọi là "Càn" tương đương với trời. Sau đó, chồng hai phù hiệu — lên nhau để biểu thị thiên đạo biến hóa phức tạp. Thượng hạ quái đều dùng ☰ tượng trưng thuần dương, cương kiện cao nhất, biểu tượng bất biến của trời. Vậy thì vì sao quái này có tên là quái Càn, mà không gọi trực tiếp là quái Thiên (trời)? Bởi vì trời là biểu tượng có thể trông thấy, mà Càn là mệnh danh công năng của trời.

"Càn, nguyên, hanh, lợi, trinh" là quái từ của quái Càn. Như trên đã nói, Càn là quái danh (tên quái), còn "nguyên, hanh, lợi, trinh" nghĩa là gì? Nhà Kinh học nổi tiếng đời Đường Khổng Dĩnh Đạt cho rằng: "nguyên" là đầu tiên; "hanh" là thuận; "lợi" là hoà hợp; "trinh" là chính đáng. Trong quái Càn có: "Văn ngôn viết: nguyên là đứng đầu của thiện; hanh là hội đủ những điều hay; lợi là hợp với nghĩa; trinh là phần cốt tử của sự việc. Tại sao nói "nguyên, hanh, lợi, trinh "chính là "đầu tiên, thông thuận, hợp nghĩa, chính đáng"? "Thiện chi trưởng" đứng đầu thiện), "gia chi hội" (hội tụ những điều hay), nghĩa chi hoà" (hợp với đạo nghĩa), "sự chi cán" (cốt lõi của sự việc) vì sao lại liên quan đến "nguyên, hanh, lợi, trinh"? Về vấn đề này, các nhà Kinh học xưa nay từng có rất nhiều cách giải thích, nhưng tiếc rằng mông lung khó hiểu, người đời sau ngày càng mù tịt. Nếu muốn tìm hiểu cội nguồn, đối chiếu với văn học Tiên Tần, thì vấn đề này làm rõ cũng không khó.

Nguyên, văn giáp cốt viết là  giống hình đầu người nghĩa rộng ra là nguyên thuỷ, quan trọng hàng đầu, mà quan trọng hàng đầu là thiện, cho nên gọi "nguyên" là "thiện chi trưởng" (đứng đầu của thiện), mà trong văn giáp cốt và kim văn, thì hình thể của thiện tượng dương (con dê), "Thuyết văn giải tự" cắt nghĩa: "Mỹ là ngọt, gồm chữ dương (dê) và chữ đại (to), dê là chính trong lục súc về cung cấp thức ăn". Mỹ và thiện đồng nghĩa. Dê là món ăn ngon của nhân dân Tiên Tần, thiện có nghĩa là ăn ngon miệng, là tượng trưng cho mỹ vị. Có thể thấy thời nguyên thuỷ đã không rời ẩm thực.

Chữ hanh thời cổ cũng có nghĩa là "phanh" (mổ xẻ), "hưởng" (hưởng dụng). "Thuyết văn giải tự " viết: "Hưởng nghĩa là hiến dâng, tượng hình vật hiến đã chín". Chữ "gia" trong văn Giáp cốt có

hình thể giống thức ăn làm bằng đậu trên đặt gạo mạch, món ăn ngon thì gọi là "gia", chữ "hội" giống hình các món ăn xếp chồng lên nhau, do vậy, "gia chi hội" có nghĩa mọi người tụ tập lại để ăn một món ăn ngon.

"Lợi" trong "Quảng nhã" có ba cách giải thích: "tham, nhân, hoà". Vương Niệm Tôn đời Thanh chưa chú giải "tham, nhân" trong "Quảng nhã sơ chú", bởi vì nghĩa gốc của "tham" và "nhân" không phải là lợi. Vương Niệm Tôn cho rằng, "lợi" nên giải thích là hoà". Ông viết: "Lợi, Thuyết Văn" giải thích là sắc bén, gồm chữ đao chữ hoà. Trong văn Giáp cốt, chữ lợi được viết là  tượng dao cắt lúa, thu hoạch lương thực, hòa  và chữ "hoà" cổ  cùng nghĩa, văn Giáp cốt viết là gộp điệu nhạc Biên quản êm tai với vị ngon của món ăn Gia hoà làm một, âm nhạc du dương, mùi vị thích khẩu, cùng lúc hưởng thụ mĩ nhạc, mĩ vị, mà sự hưởng thụ này bắt nguồn từ có lương thực, tức được lợi, do đó nói: "Lợi nghĩa là hoà".

"Trinh", văn Giáp cốt viết là  "bốc phệ coi cái đỉnh là trinh, trinh và đỉnh thông dụng. Quẻ Đỉnh trong "Chu Dịch" viết: "Dĩ mộc tấn hoả, phanh nhiệm dã" (đặt củi vào lửa, nấu ăn). "Thánh nhân phanh dĩ hưởng Thượng đế, nhi đại phanh dĩ dưỡng thánh hiền" (Thánh nhân dùng đỉnh nấu thức ăn dâng tế Thượng đế, dùng một lượng lớn thức ăn để cung dưỡng thánh nhân, hiền nhân). Có thể thấy ẩm thực, quan hệ nam nữ là dục vọng lớn nhất của con người, thánh hiền cũng vậy, do đó nói là "cốt lõi của sự việc".

Tóm lại, "Càn, nguyên, hanh, lợi, trinh" nghĩa là "Dân lấy ăn làm trời", công việc đầu tiên của con người là thu hoạch lương thực, nấu nướng thức ăn. "Tự quái truyện" trong "Chu Dịch" trình bày

khá cặn kẽ luận đoán này, chỉ ra rằng: "Hữu thiên địa, nhiên hậu vạn vật sinh yên. Doanh thiên địa chi gian giả, duy vạn vật, cố thụ chi dĩ Truân; Truân giả, doanh dã, Truân giả, vật chi thuỷ sinh dã. Vật sinh tất mông, cố thụ chi dĩ Mông; Mông giả, mông dã, vật chi trĩ dã. Vật trĩ bất khả bất dưỡng dã, cố thụ chi dã Nhu; Nhu giả, ẩm thực chi đạo dã". Đoạn văn trên có nghĩa là: Quái Càn tượng trưng cho trời, quái Khôn tượng trưng cho đất; có trời đất, sau đó vạn vật sinh sôi, vạn vật chứa đầy khoảng không gian giữa trời và đất, cho nên tiếp theo là quẻ Truân. Truân nghĩa là đầy, Truân là vật mới sinh ra. Vạn vật khi mới sinh cố nhiên chưa già dặn, do đó quái tiếp theo là quái Mông, Mông có nghĩa là mông muội, ấu trĩ. Vạn vật còn ấu trĩ thì không thể không nuôi dạy, do đó, tiếp theo là quái Nhu; Nhu là đạo lý về ẩm thực. Điều này phản ánh tiến trình lịch sử của nhân loại vì chuyện sống còn, không ngừng gây trồng những loại cốc vật, chứng minh rằng hoạt động đầu tiên của nhân loại là tìm kiếm cái ăn. Chính là vì trong hoạt động ăn uống, nhân loại đã sáng tạo không ngừng, nên cuối cùng thoát khỏi mông muội, bước vào thế giới văn minh.

14. LÝ LUẬN DƯỠNG SINH TRONG BÁT QUÁI

Nhân loại trong thực tiễn cuộc sống lâu dài đã từng bước nhận thức được một số quy luật của hoạt động sinh mệnh, học được một số phương pháp giữ gìn sức khoẻ và truyền thụ cho nhau. Tổ tiên chúng ta gọi những phương pháp giữ sức khoẻ, kéo dài tuổi thọ đó là dưỡng sinh, gọi lý luận về dưỡng sinh là đạo dưỡng sinh, mục đích của nó là sống lâu. Những cách giới thiệu có hệ thống về dưỡng sinh mà hiện nay có thể tra cứu được, thì sớm nhất là "Nội

kinh", nhưng lý luận dưỡng sinh của "Nội kinh" lại bắt nguồn từ bát quái trong "Chu Dịch".

Mọi người đều biết rằng, con người sống trong đại tự nhiên, nguồn sống là lấy giới tự nhiên, nguyên tắc dưỡng sinh trong "Chu Dịch" là thuận với tự nhiên, cũng có nghĩa là thuận với sự thay đổi của thời tiết bốn mùa, làm cho cơ thể hoà hợp với hoàn cảnh tự nhiên. Quái Phong trong "Chu Dịch" viết: "Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực, thiên địa doanh hư, tứ thời tứ tức" (mặt trời lên đến đỉnh thì ngả về tây, trăng tròn rồi lại khuyết, trời đất đầy vơi, theo thời mà tiêu tức). Đây là nói sự thay đổi của bốn mùa, quy luật tuần hoàn theo chu kỳ. Do vậy, mọi người phải thuận theo sự biến hóa thông thường của tự nhiên. Quái Càn của "Chu Dịch" còn nói thêm: "Phù đại nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tất nhiên khi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời" (Hễ gọi là đại nhân, tức có đức lớn như trời đất, không có chốn nào mà không che, không có vật nào mà không chở. Sáng như nhật nguyệt, rọi khắp nơi nơi, tài sắp xếp công việc trước sau có thứ lớp như bốn mùa. Khôn thiêng biết việc lành dữ như quỷ thần. Đoán được ý trời mà làm, trời cũng phải nghe theo. Khi làm theo ý trời thì thuận theo thiên thời. Trời còn nghe theo, huống hồ là quỷ thần. Môn dưỡng sinh học của nước ta nhấn mạnh phải tuỳ thời mà hành động, phải tuỳ nơi mà hành động, phải tuỳ người mà hành động, là dẫn từ tư tưởng trên.

"Nội kinh" ra đời sau "Chu Dịch" ít lâu, là căn cứ vào lý luận về bốn mùa thay đổi của "Chu Dịch" mà đề xuất tiết luật sinh (sinh ra), trưởng (lớn lên), thu (thành thục), tàng (tàn lụi) để chỉ đạo mọi

người dưỡng sinh, khu trừ bệnh tật. "Nội kinh. Linh khu. Thuận khí nhất nhật phân vi tứ thời" viết: "Mùa xuân sinh, mùa hạ lớn lên, mùa thu thành thục, mùa đông tàn lụi, là chuyện thường tình của khí, con người cũng vậy". "Tố vấn. Tự tiết điều thần đại luận" nhắc nhở mọi người phải điều tiết tinh thần thuận với đặc điểm biến hóa của "tứ khí": Xuân ấm áp, hè nóng nực, thu mát mẻ, đông giá lạnh để đạt được mục đích dưỡng sinh phòng bệnh, chỉ ra rằng:

Để bảo vệ sức khoẻ, thích ứng với khí hậu mùa xuân, ta có thể đi nghỉ hơi muộn, nhưng phải dậy sớm. Buổi sớm có thể đi dạo trong sân, chú ý để xoã tóc, nới lỏng thắt lưng để cơ thể thoải mái, khiên chí và ý hoạt động cùng với khí xuân lan tỏa, như vậy là thích ứng với đạo dưỡng sinh về mùa xuân. Nếu vi phạm đạo lý này thì sẽ bị tổn thương can khí (gan), dễ mắc bệnh tính hàn.

Mùa hè khí hậu nóng nực, mọi người nên nghỉ muộn dậy sớm, không nên chán ngán cảnh ngày dài mùa hạ, mà phải vui vẻ, tinh thần bão mãn vượng thịnh, khiến dương khí trong cơ thể phát tán ra ngoài, thích ứng với hoàn cảnh dương thịnh của mùa hạ. Đây là đạo dưỡng sinh về mùa hạ. Nếu vi phạm đạo lý này, thì sẽ tổn thương tâm (tim) khí, sang thu dễ bị bệnh hiểm nghèo.

Mùa thu nên ngủ sớm dậy sớm, gạt bỏ tất cả những quấy nhiễu từ bên ngoài, giữ được sự thư thả yên tĩnh. Buổi sáng gà gáy thì dậy, thu liêm thần khí, không cho lộ ra ngoài để giữ cho phế (phổi) khí thanh tiêu. Như vậy mới hợp với đạo dưỡng sinh về mùa thu, nếu không như vậy, sẽ tổn thương phê khí, đến mùa đông sẽ mắc các bệnh tiết tả rất khó chữa, và như vậy cũng là không căn cứ vào đặc điểm mùa thu mà dưỡng thân, từ đó khiến cơ thể suy yếu, mất khả năng thích ứng với mùa đông.

Mùa đông, phải chú ý bảo vệ dương khí, phải ngủ sớm dậy muộn để đợi ánh nắng mặt trời. Và phải bảo dưỡng tinh thần, không nên suy nghĩ lung tung để tránh nhiễu loạn dương khí. Đồng thời, phải giữ độ ấm, tránh bị nhiễm lạnh, không nên để da có nhiều mồ hôi, khiến dương khí bị bế tàng, bị hao tổn. Đây là đạo dưỡng sinh về mùa đông. Nếu vi phạm đạo lý này, tất tổn thương thận khí, đến mùa xuân năm sau, sẽ bị bệnh bại liệt, chân tay mềm nhũn.

Những quan điểm dưỡng sinh của "Nội kinh" là phát triển thêm một bước chủ trương "dữ tứ thời hợp kỳ tự" (hợp với thứ tự bốn mùa) trong "Chu Dịch".

Từ thực chất tinh thần dưỡng sinh học mà xét, điều then chốt là phải quán triệt tư tưởng bảo vệ sức khỏe, đề phòng bệnh tật. Để bảo vệ sức khoẻ thì có bệnh phải chữa, không bệnh phải phòng, lạc quan thông suốt, để đạt tới trường thọ. Do vậy, quái Càn của "Chu Dịch" viết: "Cấn kỳ chỉ, vô cữu, lợi vĩnh trinh", nghĩa là bị một vết thương nhỏ ở ngón chân cái, nói chung người ta không mấy quan tâm. Nhưng "Chu Dịch" cho rằng, ngay cả ngón chân cái cũng phải bảo vệ, như vậy mới không gây chuyện cho cơ thể bảo đảm lâu dài cho việc bảo vệ sức khoẻ. Tư tưởng ngăn chặn từ đầu và từ những tật nhỏ, phòng bệnh hơn chữa bệnh, đã ảnh hưởng sâu sắc đến khoa dưỡng sinh học sau này.

"Nội kinh" rất coi trọng phòng bệnh hơn chữa bệnh và ý nghĩa của nó với khoa dưỡng sinh. "Tố vấn. Tứ thời điều thần đại luận" viết: "Thị cố thánh nhân bất trị dĩ bệnh, trị vị bệnh, bất trị dĩ loạn, trị vị loạn, thử chi vị dã. Phù bệnh dĩ thành nhi hậu được chi, loạn dĩ thành nhi hậu trị chi. Tỷ như khát nhi xuyên tỉnh, đấu nhi trù chuỳ, bất diệc vãn hồ? (Do vậy thánh nhân không chữa bệnh mà

phòng bệnh, không chữa bệnh đã nặng, mà chữa bệnh chưa nặng, là như vậy. Bệnh đã mắc mới chữa, bệnh đã nặng mới trị, thì chẳng khác gì khát mới đào giếng, ra trận rồi mới đúc chuỳ, chẳng phải đã muộn rồi sao?). "Nội kinh" còn rất coi trọng chữa bệnh sớm, "Tố vấn. Bát chính thần minh luận" viết: "Thượng công cứu kỳ manh nha... hạ công cứu kỳ dĩ thành, cứu kỳ dĩ bại" (Tốt nhất là chữa ngay khi mới mắc bệnh,... hạ sách mới chữa trị khi bệnh đã thành bệnh, khi bệnh đã nặng). Bệnh mới mắc dễ chữa, khi bệnh đã phát triển đầy đủ, thậm chí đã sang tình trạng nguy kịch, thì thầy thuốc có giỏi đến mấy cũng gặp khó khăn.

Khoa dưỡng sinh học của nước ta rất coi trọng việc bảo dưỡng tinh thần, tinh thần tốt là điều kiện cần cho sức khoẻ của cơ thể, tinh thần không tốt, tất dễ sinh tật bệnh. "Chu Dịch" ngay từ đầu đã chú ý điều này, quái Li của "Chu Dịch" viết: "Lí đạo thản thản", tức là phải rộng lượng mới bảo vệ được sức khoẻ. Quái Cấn của "Chu Dịch" còn viết: "Cấn kỳ phi, bất trừng kỳ tuỳ, kỳ tâm bất khoái", nghĩa là thịt ở bắp đùi vốn đầy đặn, nay gầy đi là do tinh thần không sảng khoái, tinh thần là sự thay đổi trạng thái tình cảm bao gồm hỉ (vui), nộ (giận), ưu (lo lắng), tư (suy nghĩ) bi (đau xót) khủng (sợ hãi), kinh (hốt hoảng) v.v... "Tố vấn. Âm dương ứng tượng đại luận kinh" chỉ ra rằng: "Hỉ nộ bất tiết, sinh nãi bất cố" (không kiềm chế được mừng giận, thì sinh mệnh không bền), "nộ thương can, hỉ thương tâm tư thương tỳ, ưu thương phế, khủng thương thận" (giận tổn thương gan, vui tổn thương tim, lo nghĩ tổn thương tỳ, lo lắng tổn thương phổi, sợ hãi tổn thương thận). "Tố vấn" khi trình bày về điều tiết tinh thần, bảo dương chân khí, những phương pháp dưỡng sinh để cầu trường thọ, đã yêu cầu phải đạt

được: "bên trong không có mối lo về tư tưởng, thanh thản thoải mái". Nhà y học Lý Đông Hoàn đời Kim nói rằng:"Phàm là nộ (giận), phẫn (phẫn uất), bi (đau buồn), tư (suy tư), khủng (sợ hãi), cụ (khiếp hãi) đều tổn nguyên khí". "Y sao loại biên" viết" "Dưỡng sinh tại ngưng thần, thần ngưng tắc khí tụ, khí tụ tắc hình toàn, nhược nhật toại nhương ưu phiền, thần bất thủ xá, tắc dị ư suy lão" (Dưỡng sinh là ở chỗ ngưng thần, thần mà ngưng thì khí tụ, khí mà tụ thì hình hài trọn vẹn, giả sử bị ưu phiền quấy nhiễu, tất thần không ở với cơ thể, dễ dàng suy yếu già nua). ở đây không chỉ nói về ảnh hưởng lẫn nhau giữa trạng thái tinh thần với công năng của khí huyết tạng phủ, đồng thời cũng điều hoà tác dụng chủ đạo của các tạng phủ, mà còn nói rằng, khi trạng thái tình cảm có sự biến động kịch liệt, có thể làm cho người ta phát bệnh, vì vậy dưỡng sinh phải đặt lên hàng đầu công việc điều tiết tinh thần.

"Chu Dịch" nhấn mạnh "hình thần hợp nhất", tức sự thống nhất giữa hình thể và tinh thần. Hình là cơ sở vật chất, thần là tinh thần ý thức. Tư duy và hoạt động của sinh mệnh là biểu hiện bên ngoài. Thần không thể tồn tại độc lập ngoài hình thể, hình thể mà cường tráng thì tinh thần bão mãn, hoạt động sinh lý bình thường; tinh thần khoẻ khẳn thì hình thể khoẻ mạnh. Dù có mắc bệnh, thì Trung y cũng yêu cầu phải giữ cho tâm trạng lành mạnh. Quái Vô vọng của "Chu Dịch" viết: "Vô vọng chi tật, vật dược hữu hỉ" (Không càn bậy mà vô cớ bị bệnh, thì không cần uống thuốc, sẽ hết bệnh). ý nói rằng khi mắc bệnh thì không nên nghĩ ngợi lung tung, mà tâm tình phải thản nhiên, tập trung tĩnh dưỡng tinh thần, không uống thuốc cũng khỏi bệnh. Đây là yêu cầu về tâm lý khi mắc bệnh. Một tâm lý tốt, thăng bằng, có tác dụng tốt để bệnh chóng

khỏi. Lý luận về dưỡng sinh trong "Chu Dịch" đến nay vẫn không mất ý nghĩa khoa học của nó.

15. TƯ TƯỞNG THIẾT KẾ TRONG KIẾN TRÚC CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC

Kiến trúc là một trong những thành quả văn minh đáng tự hào trong sáng tạo của nhân loại, vì vậy, nó là bộ phận hữu cơ của nền văn minh nhân loại. Từ xa xưa, nước ta đã hình thành quan niệm kiến trúc độc đáo của mình, và điều đó quyết định cách cục của quan niệm kiến trúc, đạt thành tựu nổi bật nhất trong hệ thống văn hóa kiến trúc đa dạng của thế giới. Nguyên nhân hình thành cách cục cơ bản trong kiến trúc cổ đại Trung Quốc, chủ yếu là phương pháp kỹ thuật và hệ thống tư tưởng. Phương pháp kỹ thuật, là chỉ Trung Quốc cổ đại trong một thời kỳ rất dài, lấy kết cấu gỗ làm chủ thể, vì vậy, do tính năng chịu lực của vật liệu và kích thước hạn chế, không lợi cho xây dựng cao tầng, mà phải trải ra theo mặt bằng, đa trùng tầng tiến (chồng lên nhiều lớp kiểu cũi lợn), tạo nên đặc điểm về bố cục. Kiến trúc Trung Quốc lấy viện (sân ở giữa) làm đơn vị, do nhà cửa, tường vây xung quanh mà thành viện, các viện kề nhau liên tiếp thành quần thể (cụm), thậm chí cấu thành một quần thể kiến trúc hùng vĩ như Cố cung, là tiêu biểu nhất về triển khai theo mặt bằng. Nhưng nguyên nhân quan trọng hơn ảnh hưởng đến cách cục kiến trúc cổ đại Trung Quốc, là quan niệm tư tưởng, đặc biệt là hệ tư tưởng mà bát quái của "Chu Dịch" là đại biểu. Dưới đây xin cử vài thí dụ để minh chứng:

Nếu bạn nhìn bố cục mặt bằng của Tràng An đời Tuỳ Đường, chắc chắn sẽ bị hấp dẫn bởi cách cục trang nghiêm, vuông vức như

bàn cờ và qui mô hùng vĩ của nó. Tư tưởng thiết kế của kiến trúc này chính là tinh thần cơ bản "thiên nhân cảm ứng" trong "Chu Dịch", nhằm tìm kiếm mối quan hệ mật thiết thống nhất hài hoà giữa con người với tự nhiên, mà đặc điểm nổi bật là không thần bí hóa tuyệt đối "trời" của tự nhiên, không tôn giáo hoá, mà cho rằng, "trời" vừa có tính tự nhiên vừa có tính đạo đức, vừa mang tính thần học, lại càng mang tính tình cảm và tính thế tục. Trên nền tảng của thuyết "thiên nhân cảm ứng", thiết kế mặt bằng của Tràng An cùng kiến trúc cung điện, tông miếu gắn với cuộc sống nhân thế, quỳnh lâu ngọc vũ trên trời là do Hoàng đế nhập thế, cư trú ở trần gian, đặc biệt là khi chiêm ngưỡng kiến trúc cung điện chiếm một phần mười thành Tràng An, đã nói rõ người đời Đường không mời các thần linh trên thiên cung xuống chi phối nhân gian, mà là muốn lên trời để cùng các vị thần chia sẻ khoái lạc. Tuy tư tưởng thiết kế này là theo thuyết âm dương thiên tượng không khoa học mấy, nhưng nó không chỉ biểu hiện sự thần bí của tư tưởng "thụ mệnh trời" của những người thống trị, quan trọng hơn là những lạc thú của cuộc sống trần gian, khiến thế giới thần thánh trên trời cũng tràn đầy lạc thú trần gian. Có thể thấy tư tưởng thiên địa tương ứng, nhân thần nhất thể của "thiên nhân cảm ứng trong "Chu Dịch", mà thủ pháp tượng trưng ngụ ý thể hiện trong thiết kế mặt bằng Tràng An thật là tuyệt diệu.

Các kiến trúc sư Tràng An còn khéo kết hợp chặt chẽ phần quái Cần trong "Chu Dịch" với đặc trưng địa lý của Tràng An. Họ gắn hàm nghĩa không gian và thời gian của các số cho sáu dải đất cao dọc theo hướng đông tây của địa hình Tràng An, tượng trưng cho sáu hào của quái Cần, xếp theo một trình tự trừu tượng vô hạn, kể từ bắc xuống nam các hào Cửu nhất, Cửu nhị, Cửu tam, Cửu tứ,

Cửu ngũ v.v... mà bố trí các công trình kiến trúc, biểu thị những công năng đặc thù khác nhau, khiến địa hình thực tế đạt tới sự thống nhất kỳ diệu với tư tưởng thiết kế đã lí tưởng hoá. "Nguyên Hoà quận huyện đồ chí " chép: "Nhà Tuỳ xây dựng kinh đô, Vũ Văn Khải lấy sáu dải Cửu nhị, làm nơi ở của đế vương; lập bách Ty ở Cửu tam, ứng với số người quân tử; dải đất cao theo hướng nam bắc làm tượng quái Càn. Do vậy, cung điện xây ở dải Cửu nhị, làm nơi ở của đế vương; lập bách Ty ở Cửu tam, ứng với số người quân tử; đại Cửu ngũ ở vị trí tôn qúi, người thường không được ở, nên xây Huyền Đô Quan và Hưng Thiện Tự để trấn giữ". Điều này chứng tỏ quái càn trong "Chu Dịch" đã ảnh hưởng trực tiếp đến sảnh đường, những tự (chùa), quan (nhà thờ của Đạo giáo) và nhà ở của các công thần, hoàng tộc, ngoại thích, quí tộc, quan lại, hầu hết đều xây đựng trên sáu dải đất cao này, tương phản rõ rệt với khu dân thường. Lợi dụng nơi cao để xây dựng các công trình kiến trúc quan trọng là một đặc điểm khiến sáu dải đất cao ở Tràng An vốn không có ưu điểm gì về địa hình, đã tô điểm rạng rỡ cho thành Tràng An.

Lại lấy nhà ở cơ bản nhất và đơn giản nhất của Trung Quốc cổ đại làm ví dụ, thông thường là lấy viện (sân) làm trung tâm, nhà cửa phòng ốc quây bốn phía, cách li với bên ngoài bởi tường vây, chỉ mở một ít cổng ra vào. Các nhà đều hướng vào nội viện (sân trong), còn đình viện (sân chung) thì là nơi thông gió, lối đi lại và các hoạt động khác. Đình viện trong khu nhà ở của Trung Quốc không chỉ là một cái sân, mà là một bộ phận hữu cơ không thể thiếu trong cụm kiến trúc. Nhà càng lớn thì càng có nhiều sân, tường vây lấy bộ phận chính ở giữa để bảo vệ an toàn. Đặc điểm kiến trúc này

mang tính phong bế (khép kín) và tính hướng nội, tư tưởng thiết kế của nó cũng bắt nguồn từ "Hệ từ" của "Chu Dịch": "Trùng môn kích thác, dĩ đãi bạo khách" (hai lần cửa, đánh mõ để đối phó với bọn trộm cướp). Làm hai lần cửa, đêm đêm xách mõ đi tuần để phòng trộm cướp, thì tất nhiên phải tăng cường tính khép kín của nhà cửa, cho nên hoàng cung và nhà ở của đại quan lại Trung Quốc thời xưa đều kín cổng cao tường, lớp lớp che chắn, mục đích phòng vệ rất rõ.

Ngoài ra, học thuyết âm dương của "Chu Dịch" ảnh hưởng trực tiếp đến thiết kế trong kiến trúc cổ đại. Kiến trúc cổ của Trung Quốc nói chung đều tựa lưng vào âm, ngặt hướng về dương, tức quay lưng về bắc, ngoảnh mặt về nam, không chỉ toà nhà chính của vương cung là hướng nam, mà tất cả đàn miếu, nha thự, thậm chí cả chùa chiền (thờ Phật), đạo quan (thờ đạo) đều lấy hướng nam làm hướng chính. Chỉ có những kiến trúc mang tính âm, như phương trạch (đàn tế đất), xã tắc (thần thổ địa, thần nông) mới quay mặt về bắc.

Sáu mươi tư quái trong "Chu Dịch" đều thể hiện mạnh mẽ quan niệm "dương tôn âm ti" (trọng dương khinh âm) mà thời xưa, Hoàng đế được coi là đại biểu tối cao, là tính chất thuần nhất của dương, vì vậy, về mặt kiến trúc, hoàng cung đều ở vị trí trung ương để suy tôn địa vị của Hoàng đế. Địa vị thấp hơn thì sắp hàng hai bên, hình thành bố cục đối xứng. Theo tập tục truyền thống của Trung Quốc ngồi ở giữa mà quay về dương (hướng nam) là tôn quí, kém tôn quí một bậc là mặt quay về hướng đông, tây; thấp nhất là mặt quay về bắc. Trong nhà ở, trưởng bối (người cao tuổi nhất, lớp cha chú) có địa vị tôn quí, ở phòng chính hoặc phòng trên, hai bên là những người ít tuổi hơn, lớp con cháu, thì ở các sương phòng

hoặc phòng xép. Cung điện của Hoàng cung không những qui củ về vị trí, phương hướng, cao thấp, hình chế, mà ngay cả mầu sắc, đồ án cũng phân biệt theo đẳng cấp. Ngoài ra, cung điện chính của Hoàng cung, các cửa cung, cửa điện đều bố trí trên một trục trung tâm theo hướng nam bắc, nhằm nổi bật vị trí tôn quí của trung ương. Thí dụ các cửa cung Càn Thanh và Khôn Ninh, Thần Vũ môn, Địa An môn, đều trên một đường trục theo hướng nam bắc, là sự tôn vinh đặc biệt địa vị tôn quí của Hoàng cung.

Thời xưa, khi xây dựng nhà cửa, người ta rất chú ý cái gọi là "âm dương thích trung" (âm dương hợp lý) để lợi cho kéo dài tuổi thọ. Do vậy, trong tư tưởng kiến trúc, có nội dung của đạo dưỡng thân, như "Lã thị Xuân Thu. Trọng kỷ viết: "Phòng to tất đa âm, tài cao tất đa dương, đa âm tất vấp ngã, đa dương tất bại liệt, đây là cái bệnh do âm dương không thoả đáng mà ra, vì vậy, tiên vương không xây phòng lớn, không đắp đài cao". Sau đời Tần Hán, cái mốt đắp đài cao đời Tiên Tần bị bỏ hoặc ít đi, đều liên quan chặt chẽ với tư tưởng"âm dương thích trung".

Kiến trúc cổ đại Trung Quốc, do ảnh hưởng lâu dài của tư tưởng Nho gia mà "Chu Dịch" là đại biểu, rất nhiều công trình kiến trúc mặc nhiên trở thành quy tắc, cứ lặp lại theo một mô thức nhất định, rất ít sáng tạo khám phá, thiếu sự gửi gắm của tình cảm nội tâm. Do vậy, trong lịch sử Trung Quốc từng có nhiều sáng tạo rực rỡ, những thành tựu vĩ đại, nhưng cuối cùng rơi vào chủ nghĩa hình thức, cứng nhắc và trì trệ, thiếu sức sống của sáng tạo, thiếu tình và sự hấp dẫn, chỉ còn là sự ngay ngắn vuông vức không có gì tân kỳ, chỗ nào cũng như đã thấy ở đâu. Đây là điều mà ngày nay chúng ta phải tránh.

16. NGUỒN GỐC CỦA QUAN ĐIỂM SÙNG BÁI TRINH TIẾT

Trong xã hội cổ đại lấy nam làm trung tâm như ở nước ta, quan niệm về phụ nữ trên thực tế là ý thức chủ đạo của xã hội, nó qui phạm ý thức xã hội của mọi người, trong đó sự đánh giá về trinh tiết của phụ nữ vẫn là phần cốt lõi trong số đánh giá tổng thể về người phụ nữ. Do vậy, tìm hiểu vấn đề này, có thể thấy rõ địa vị người phụ nữ trong xã hội cổ đại ở nước ta.

Quan điểm sùng bái gái trinh được hình thành tương đối sớm ở Trung Quốc, trong "Chu Dịch" đã có tư tưởng "xử nữ trinh" (gái trinh), tuy rằng tư tưởng này vẫn còn rất mờ nhạt, nhưng thi thoảng lại xuất hiện trong các quái của "Chu Dịch", thí dụ quái Tiệm viết: "Tiệm (dưới Cấn trên Tốn): phụ qui cát, lợi trinh". Trong quái này, hạ quái Cấn là dừng lại, thượng quái Tốn là thông thuận, có nghĩa là tiệm tiến, không được có hành vi bất chính trước khi cưới, nếu không sẽ bất lợi. Từ hào Lục nhị đến hào Cửu ngũ của quái này đều đắc chính, tượng trưng cho phẩm đức thuần chính của người con gái sắp lấy chồng, như vậy là tốt, nhưng phải giữ được thuần chính cho đến khi kết hôn mới cát lợi.

Các quái khác của "Chu Dịch" đều để lộ những ý tứ và sự sùng bái gái trinh, như quái Qui Muội, quái thể là ䷵ (dưới Đoài trên Chấn). "Thuyết quái truyện" cho rằng, Đoài là thiếu nữ, Chấn là đàn ông (đã trưởng thành). Đoài là vui vẻ, Chấn là động". Qui muội. "Thoán truyện" viết: "Duyệt dĩ động, sở qui muội đã" (Vui mà hành động, vậy là người con gái về nhà chồng). Ở đây không nói "động mà vui", mà nói "vui thì động", là ở chỗ người thiếu nữ

vui vẻ khiến người đàn ông hứng khởi, chứng tỏ người thiếu nữ muốn lấy chồng ngay, chỉ còn mỗi cách là gả chồng cho cô ta. Tiếp đó lại nói: "Chinh hung, vị bất đương dã. Vô du lợi, nhu thừa cương dã" (con gái nhỏ về nhà chồng, dấn lên thì xấu, không có lợi). Thiếu nữ vội lấy chồng, vì sao lại nói "chinh hung" (dấn lên thì xấu), "vô du lợi" (không có lợi gì cả) Lý Quang Đại trong "Chu Dịch quan tượng" nói: "thiếu nữ mà ngỏ ý trước với nam, vậy là không hợp hôn lễ. Nam quá lớn, nữ quá nhỏ, không xứng đôi, kết hôn không đúng thời. Quái Đức nói: "vui mà lấy chồng, như vậy là manh động". Dùng đạo đức luân thường phong kiến để đánh giá, cả ba điều trên đều mất thể thống, chứng tỏ người thiếu nữ vội lấy chồng, mất trinh là không nên. Vậy thì "lợi vu nhân chi trinh, vị biến thường dã", nghĩa là, khi người con gái chưa lấy ai, có thể cấm cung, tự mình giữ lấy trinh trắng, như vậy cũng không làm mất đạo thường của người con gái.

Quan niệm coi trọng sự trinh trắng của người con gái trong "Chu Dịch" đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự sùng bái gái trinh sau này. Tuy trong thời kỳ Tần Hán, sự sùng bái gái trinh đã phát triển, nhưng vẫn chưa trở thành thời thượng. Sự sùng bái gái trinh bắt đầu lưu hành và trở thành một thứ hợp với khẩu vị của tầng lớp quyền quí là vào khoảng giữa đời Nguỵ Tấn. Từ Đường Tống trở đi, yêu cầu về trinh tiết với người con gái, đã trở thành cái mốt không thể bỏ qua từ trên xuống dưới.

Mọi người đều biết, sau khi chế độ tông pháp ở Trung quốc được xác lập do việc coi trọng dòng đích trong nối dõi, khiến chế độ cấm đoán đối với người phụ nữ đã kết hôn trong quan hệ tính

giao rất ngặt nghèo, còn đối với những thiếu nữ chưa thành hôn thì không thật chặt chẽ, dù trong "Chu Dịch" đã gián tiếp yêu cầu về vấn đề trinh tiết của thiếu nữ, nhưng chưa được xã hội coi trọng. Nguyên nhân là về xã hội lúc bấy giờ đang trong cảnh loạn lạc, tăng dân số là vấn đề cấp thiết, người phụ nữ sau khi kết hôn mà không có con thì là một lỗi lớn, vì vậy mọi người chỉ quan tâm người phụ nữ có khả năng sinh đẻ hay không, còn sự trinh tiết của thiếu nữ thì không nghiêm khắc cho lắm. Như trong "Lễ ký" cho phép nam giới có quyền ly hôn, tức "thất xuất" (bảy lý do cho phép bỏ vợ) xếp "dâm dật", tức lý do thứ hai sau "không con". Lý do thứ nhất (không con nối dõi) là để bảo đảm sự tiếp nối huyết thống phụ hệ, lý do thứ hai (dâm dật là để bảo đảm sự thuần khiết của huyết thống phụ hệ. Các điều khoản của "thất xuất" không liên quan trực tiếp đến những thiếu nữ chưa chồng. Trái lại, qua một số thư tịch, ta thấy từ Tần Hán trở về trước, quan hệ tính giao của những thiếu nữ chưa chồng hình như có đôi chút nới lỏng.

Tuy nhiên từ Tần Hán trở đi, đồng thời với sự quá cường điệu về trinh tiết của người phụ nữ đã kết hôn, yêu cầu về trinh tiết đối với những gái trinh ngày càng nghiêm ngặt. "Sùng bái gái trinh" dần dà trở thành tâm lý xã hội không thể coi thường, bọn thống trị phong kiến khi tuyển tì thiếp đều yêu cầu gái trinh, ngoài miệng thì nói là để lắm con nhiều cháu, vẻ vang tổ tông, nhưng cái chính là tâm lý sùng bái gái trinh của họ đã tới mức mê mẩn, bao nhiêu cũng không vừa. Ngay cả trong dân thường; đàn ông cũng yêu cầu sự trinh tiết lên hàng đầu, câu nói: "thuỷ bất yếm thanh, nữ bất yếm khiết" (nước trong thì mấy cũng không ngán, gái trinh thì mấy cũng không thừa) trở thành phổ biến của thời bấy giờ.

Theo sử sách ghi chép, từ Hán trở đi nước ta bắt đầu có chuyện kiểm tra gái trinh, cởi hết quần áo để kiểm tra, đến thời Minh thì đã thành thời tục. Kiểu kiểm tra loã thể này chẳng khác kiểm tra y tế hiện nay, mục đích là xem còn trinh hay không? Hai là, xem da có trắng mịn, có sẹo hay khuyết khiếm nào khác? Về mặt quan phương, người phụ nữ phụ trách công việc này có tên là "ẩn bà". Trong dân gian thì thường uỷ quyền cho một phụ nữ họ hàng với nhà trai. Ta thấy trong các nhân tố ràng buộc hôn nhân, vấn đề trinh tiết quan trọng biết chừng nào.

Sự sùng bái gái trinh, bề ngoài có vẻ như một yêu cầu nghiêm khắc về đạo đức của người phụ nữ, nhưng thực tế nó chứng tỏ sự tha hóa của toàn bộ đạo đức xã hội. Thời kỳ tán dương mạnh mẽ nhất sự trinh tiết thì cũng là thời kỳ phá hoại ghê gớm nhất sự trinh tiết. Như từ Tống Nguyên trở đi, quan niệm trinh tiết đã bị đưa lên đến mức tột đỉnh, thì chủ nghĩa buông thả trong tình dục cũng triển khai đến mức tột cùng. Cũng như giữ trinh là nhằm thoả mãn sự sùng bái gái trinh của nam giới, kết quả của chế độ cấm dục là dẫn đến quan hệ nam nữ bừa bãi. Đầu tiên, Nguyên Minh là thời kỳ "phòng trung thuật" (kỹ thuật làm tình) rất thịnh hành. Hai là "phòng trung thuật" đi vào văn học khiến văn học sắc tình của đời Minh phát triển không tiền khoáng hậu, như "Kim Bình Mai", "Tam ngôn", "Nhị phách".... mà một số kỹ thuật làm tình miêu tả trắng trợn trong sách lại được truyền bá trong dân. Từ kho sách văn học sắc tình của đời Minh, người ta hoàn toàn có thể dựng nên khoa "sắc tình học", chuyên bàn về sự dâm đãng. Ba là, Minh Thanh là thời kỳ mà chế độ xướng kỹ (đĩ điếm) cực thịnh trong xã hội phong kiến nước ta. Chế độ xướng kỹ đối với văn hóa và xã hội, là vấn đề không thể bỏ

qua khi nghiên cứu lịch sử xã hội giai đoạn này. Cùng với xướng kỹ là chế độ nạp thiếp (lấy vợ lẽ). Nạp thiếp thực tế là chế độ một chồng nhiều vợ, danh nghĩa là để lắm con nhiều cháu, nhưng trên thực tế nó là sự sa đoạ về đạo đức xã hội trong giai đoạn cuối của thời kỳ này. Enghel từng chỉ ra rằng: "Lấy vợ lẽ và nuôi con hát trong nhà, sự băng hoại về đạo đức đối với nam giới còn ghê gớm hơn đối với phụ nữ... Nó làm bại hoại toàn bộ phẩm cách người đàn ông". Đồng thời với việc cưỡng bức tình dục đối với phụ nữ, "nhị trùng đạo đức" của nam giới lại hình thành một lớp cặn trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, mà cho đến nay vẫn lưu lại hoặc ít hoặc nhiều trong quan niệm về giá trị của đàn ông Trung Quốc, đặc biệt là sự đánh giá người phụ nữ trong hôn nhân và trong cuộc sống gia đình.

Tất nhiên, không chỉ ở Trung Quốc cổ đại mới khinh rẻ phụ nữ, mà ở một số nước văn minh cổ của phương Tây còn tệ hại hơn khi họ yêu cầu vợ con mình phải theo tiêu chuẩn gái trinh - vợ hiền - mẹ tốt, nhưng trong khi đó họ lại phá hoại sự trinh tiết của vợ con người khác. Nhìn lại lịch sử, ta thấy rằng, cái tâm lý xã hội lấy nhu cầu của người đàn ông làm trung tâm, chính là hình thành từ các sách kinh điển của Nho gia mà "Chu Dịch" đứng đầu. Điều này hoàn toàn không thể hội nhập với công cuộc cải cách, hiện đại hóa hiện nay ở nước ta, nhằm thực hiện những mục tiêu tiến bộ (trong đó có phụ nữ chiếm nửa dân số). Vì vậy, việc xem xét lại sự sùng bái gái trinh mở đầu bằng "Chu Dịch" rồi về sau trở thành quan điểm, không những cần thiết mà còn là vấn đề cấp bách.

17. VŨ ĐIỆU BÁT QUÁI THANH THOÁT NHẸ NHÀNG

Trong lịch sử văn hóa lâu đời ở Trung Quốc bát quái quả là một loại phù hiệu đa năng, dùng vào đâu cũng được. Nó không chỉ cung cấp cho mọi người một khuôn khổ tư duy, đồng thời lại đa năng về nhiều mặt, trong đó có lĩnh vực vũ đạo mà người xưa đã vận dụng vào. Gần đây, trong khi nghiên cứu các điệu múa lên đồng, từ các bản chép tay gia truyền, thể văn vần và từ các điệu múa thờ, ta ngạc nhiên nhận ra rằng, hàng nghìn "thiện nam tín nữ" khi dâng hương lễ Phật, miệng người nào cũng rì rầm bất tận, vậy mà hàng ngũ có dài đến mấy, động tác múa vẫn rất tề chỉnh như một. Người ta đã khảo sát toàn diện, đồng thời đi sâu nghiên cứu các văn liệu để lại, nhận ra rằng đây là phương pháp dùng mô thức bát quái để qui phạm vũ đạo. Lần ngược lên, phương pháp này có từ nhà Hạ, tương truyền Hạ Vũ từng dùng vũ đạo này để nhảy múa khi tế lễ, sử sách gọi là "Vũ bộ", dân gian gọi là "nhảy bát quái", ngày nay các nhà văn nghệ gọi là "bát quái vũ phổ" (điệu múa bát quái).

Gắn Hạ Vũ, Vũ bộ, nhảy bát quái và điệu múa bát quái lại với nhau là có cơ sở. Theo "Sử ký. Phong thiện thư", "Sử ký. Thuần bản kỷ", "Luận ngữ. Thái Bá thiên" và "Đạo tàng", Hạ Vũ là một đại sư về tế quỷ thần, và là một ông vua giỏi ca múa. "Sử ký. Thuần bản kỷ" chép: "Vũ phổ biến rộng rãi nhạc Cửu chiêu", "Sử ký. Hạ bản kỷ"chép: Thanh là luật, thân là độ số, thần chủ của núi sông". Thời cổ, "Vu" và "Vũ" cùng nghĩa, "vu" là vũ lên đồng, vũ hình giống hai tay áo của người", "Vu lấy hát múa làm chính, nhằm tỏ ý tôn kính thần thánh và vui lòng con người".

Từ sau khi có Vũ bộ do Hạ Vũ sáng tác, nghe nói rất linh thiêng. "Bão phác thử" nhiều lần nói rằng "mọi thuật trong thiên hạ đều phải biết Vũ bộ", thế là "người thích đạo này đông lên, theo học nhiều vô kể". Hoài Nam cương Lưu An đời Hán, khi còn là Vương tử thì thu thập lời, khi vào cửa Sa môn (đi tu ở chùa) thì tu soạn câu chữ, phân loại hoàn chỉnh, chia ra hơn chín mươi chủng loại, động tác chân không giống nhau, câu chú, niệm khác nhau, nhưng nghiệm ra không vũ đạo nào hay bằng chân trái cất trước, ba bước chín vết chân, tạo nên quái Li Khảm". "Tả truyện. ẩn công ngũ niên" viết: "Múa là điều tiết bát âm mà thực hành bát phong". Phục Kiển chú: "Bát phong" là "phong cách bát quái" ý nói rằng hợp với tiết luật của bát âm, nhảy múa theo phương vị bát quái.

Vũ phổ bát quái, phép tắc cơ bản là lấy âm dương làm kỷ cương, phương vị của hào là tiêu hướng của tác động và di chuyển của điệu múa, ngũ hành dùng để định vị kết hợp với những câu niệm chú của thầy (cô) đồng.

Vì sao lấy âm dương làm kỷ cương ? Vì rằng quan niệm âm dương được quán triệt trong mỗi nguyên tố cơ bản của vũ điệu bát quái. Quan niệm âm dương tức là quan niệm đối lập mâu thuẫn. Vũ đạo cũng như tất cả những sự vật khác, dù có biến hóa trăm nghìn tư thế vẫn do âm dương chi phối và tiết chế. Căn cứ vào quan niệm âm dương, "điệu múa bát quái" định ra một số nguyên tắc cụ thể, như vấn đề diện hướng thì căn cứ vào quan mệnh "Càn là trời, Khôn là đất", "thiên tôn địa ti" mà ước định diện hướng là "lưng quay về bắc, mặt hướng về nam". Lại như âm dương có quan hệ tương sinh tương khắc, tương phản tương thành, nên ước định quỹ đạo hành tiến của vũ bộ là khoảng giữa của âm và dương, mà không được liên

tục hành tiến trên cùng phương vị của các quái cùng thuộc tính. Trong trường hợp không thể né tránh, phải hành tiến trên quái vị cùng thuộc tính, thì ước định "rẽ trái" hoặc "rẽ phải", tượng trưng cho quái vị phải bước qua.

Lấy phương vị của hào làm tiêu hướng cho động tác múa di chuyển, vì cổ nhân cho rằng, bát quái là mô thức một vũ trụ, một cầu thể, không gian tứ duy, có tám phương vị Càn, Khôn, Khảm, Li, Chấn, Tốn, Cấn, Đoài, tứ chính tứ ngang, đối lập với nhau từng cặp, con người đứng trên toạ độ của cầu thể đó, lưu trình vận động của mỗi bộ vị thân thể lướt trên phương vị của quái hào do điểm, đường và diện tạo nên, thì quá trình vận động động tác hình thể vô cùng rõ.

Bản thân quái hào có phương vị, vậy tại sao phải dùng ngũ hành để định vị? Đó là vì trong tư liệu vũ phổ nguyên thuỷ có chép cả đồ thức tiên thiên bát quái (Phục Hi bát quái) và hậu thiên bát quái (Văn Vương bát quái), quái vị không giống nhau. Nhưng năm phương mà ngũ hành biểu thị: Kim (tây), Mộc (đông), Thủy (bắc), Hỏa (nam), Thổ (trung, giữa) thì không bao giờ thay đổi, vì vậy, dùng ngũ hành để định vị thì dùng đồ thức nào cũng được, đều đúng qui phạm.

Ngoài ra, những câu thần chú trong "bát quái vũ phổ" có tác dụng thuyết minh, nên phải kết hợp với vũ đạo mà tìm hiểu. Lời chú là nhằm giải thích sự biến hóa của động tác tay, lời khấn (vu từ) nhằm giảng giải phương hướng vận động của bộ pháp và mối quan hệ phối hợp giữa các nguyên tố, cùng với phách nhịp của âm nhạc và thứ tự trước sau của vũ bộ. Những lời thuyết minh này có loại là nhị nguyên, tam nguyên hoặc đa nguyên, lợi dụng vị trí , tinh toạ, thiên can, địa chi, ngũ hành và cả qui luật vận hành của mặt trời

mặt trăng để tính phương vị, thậm chí màu sắc cũng tượng trưng cho ý nghĩa của phù hiệu, để giải thích lộ tiêu mà vũ đạo hành tiến. Mọi người chỉ cần nhớ kỹ phù hiệu nào ám chỉ phương vị nào, là đã nắm được quy luật, không đến nỗi chân tay lóng ngóng và trận thế rối loạn. Các phù hiệu bằng số ở đầu các câu khấn (vu từ) là nhằm thuyết minh nhịp phách của âm nhạc và thứ tự trước sau của vũ bộ.

Vũ điệu bát quái hầu như chỉ ghi bộ pháp mà không đề cập đến tư thế của tay và chân. Nguyên nhân là vì: Một, vũ đạo thời cổ tương đối đơn giản, chất phác; hai là, vũ đạo truyền thống Trung Quốc rất coi trọng "lục hợp", tức "nội tam hợp" (tinh, khí, thần) và "ngoại tam hợp" (rễ, thân, cành). Người xưa coi cơ thể con người là một vũ trụ nhỏ, hai chân là rễ (đất), thân người là thân (cán), đầu là chi (trời), rễ động thì thân động theo, đầu đuổi theo; ngược lại, chi (đầu) động thì kéo theo thân động, rễ (chân) chạy theo; "hợp" nghĩa là hoà hợp, thích hợp cũng có nghĩa là thống nhất hoà hợp, do vậy, bộ pháp là rất quan trọng trong động tác hình thể. Trên thực tế, các thầy cô đồng nhảy múa khi tiến hành tế lễ, có một loạt động tác tay vô cùng phong phú, tư thế của thân rất đa dạng và rất qui phạm về phục sức. Chỉ cần nắm vững những nguyên lý của bát quái và thuộc lòng các phương vị thì có thể tái tạo các động tác vũ đạo. Vì vậy, các thầy cô đồng khi nói "nhảy bát quái" thì chưa hẳn đã thuộc lòng bát quái đồ.

Tóm lại điệu múa bát quái có cái hay rất độc đáo và có tính khoa học. Nó không chỉ có tác dụng một điệu dùng nhiều lần, đơn giản mà rõ ràng, âm nhạc và động tác đồng bộ, dễ nhớ mà nó còn có thể suy đoán, cùng với sự diễn dịch suy lý về chữ số, nó giữ lại thông tin về động tác vũ đạo, vừa có thể biên đạo các động tác múa,

từ đó, làm phong phú đội hình vũ đạo và thư thái biến hóa của động tác. Do vậy, múa bát quái không chỉ có tác dụng ghi lại chính xác vũ đạo, mà còn thúc đẩy nghệ thuật múa phát triển.

18. NHỮN6 PHÙ HIỆU ÂM NHẠC KỲ LẠ VÀ ĐỘC ĐÁO

"Chu Dịch" xứng với cái tên là một bộ sách thần bí. Nho gia coi nó là bộ sách đầu tiên của kinh học, thầy đồng căn cứ vào nó để bói cát hung, nhà toán học thấy ở nó số chẵn số lẻ, cửu cung và phép nhị tiến. Nhà y học đọc ở nó những hàn (lạnh) thử (nóng) can (khô ráo) thấp (ẩm ướt), kinh lạc và cả biện chứng luận trị. Nhà khoa học tự nhiên dùng nó để xem thiên văn trên trời, xét địa lý dưới đất, hiểu rõ sự thay đổi của bốn mùa. Các triết gia và trí giả hầu như qua nó mà tìm hiểu quy luật và phép tắc biến dịch của vạn sự vạn vật trong thiên hạ và trong vũ trụ. Một số nhà lý luận âm nhạc của chúng ta phát hiện ra rằng, bát quái của "Chu Dịch" quả thực là những phù hiệu âm nhạc độc đáo. Đương nhiên, lấy "Dịch" để bàn về âm nhạc thì thời xưa ở nước ta đã từng làm, ví dụ như trong sách "Nhạc ký", một bộ sách nhạc có ảnh hưởng lớn nhất thời cổ, đã có cả những đoạn văn phụ hoạ với "Chu Dịch" và vì chuyện này, xưa nay vẫn có câu "Nhạc ký" tập kích "Chu Dịch". Nhưng trong âm nhạc học ở nước ta có những điểm nào bắt nguồn từ "Chu Dịch", thì xưa nay chưa một học giả nào nói đến.

Những năm gần đây, một số người làm công tác lý luận âm nhạc cho rằng, lý luận cơ bản của âm hưởng học có liên quan với thuyết "đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu" trong "Chu Dịch", mười hai âm luật phù hợp với mười hai quái tính, tức Thiên, Cấu, Độn, Bĩ, Quán, Bác, Địa, Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải.

Quan điểm về mạnh yếu của "bản nhỡn" và "phách" là bắt nguồn từ "một âm một dương gọi là đạo". Đặc biệt là nhạc "bát bản" truyền thống lưu truyền rất rộng ở nước ta, thì kết cấu là tám tám sáu mươi tư quái.

Ta biết rằng, bài "bát bản" lưu truyền khắp nơi trong toàn quốc, biến thể nhiều như cát sông Hằng, gần như để lại dấu vết trong các nhạc chủng, kịch chủng, khúc chủng. Có rất nhiều danh khúc say đắm lòng người như tì bà cổ khúc "Dương xuân bạch tuyết", "Tái thượng khúc"; Giang nam ti trúc như "Ngũ đại đồng đường", nhạc Quảng Đông như "Vũ đả ba tiêu", "Nga mã dao lĩnh" hợp tấu dân nhạc như "Kim xà cuồng vũ" v. v... đều phát triển biến hóa từ "bát bản". Các nhà âm nhạc cổ Trung Quốc cho rằng, "bát bản" là ông tổ của các làn điệu. Hơn nữa, mọi người khi diễn tấu "bát bản", không được tuỳ tiện thêm bớt số bản. Hoằng thi Triều Châu, Hà Nam bản đầu khúc, Tề Lỗ tranh khúc, trong đó có rất nhiều biến thể của "bát bản", mỗi khúc nhất thiết phải là sáu mươi tư bản.

Vì sao "bát bản" lại hình thành sáu mươi tư bản như quy định? Người xưa cho rằng, "bát bản"hình thành trên cơ sở bát quái "Càn, Khôn, Chấn, Cấn, Tốn, Li, Đoài, Khảm", nhân với 8, thành 64 bản, lại thêm bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, thành 68 bản. Cách nói này nhằm cung cấp cơ sở lý luận nhất định cho việc giải đáp câu hỏi vì sao lại 68 bản.

"Bát" (tám) là một trong những con số mà dân tộc ta rất ưa thích, địa danh có Bát Xuyên, phương hướng có bát phương, lịch sử có bát đại (tám đời), trên trời có bát tiên (tám ông tiên), châm huyệt có bát tà (tám huyệt tà), âm nhạc có bát âm (tám loại nhạc khí), vũ

đạo có bát dật (tám loại đội hình), nhạc khúc có "bát bản" v.v... Tổ tiên ta sở dĩ thích con số 8 vì nó liên quan đến triết học trong chu Dịch". "Chu Dịch. Hệ từ thượng" viết : "Dịch có thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái". Lưỡng nghi tức âm dương, bát quái quy hóa thiên địa vạn vật thành hai mặt âm dương, đối ứng âm đương với "không" và "có", và cũng đúng là số 0 và 1 của phép nhị phân trong toán học hiện đại. Phép nhị phân cá vị số chỉ có hai mã số, lưỡng vị số có bốn mã số tức 00, 01, 10 và 11; tam vị số có tám mã số, cũng chỉ có thể có tám mã số, tám tiến 1, tiến vị quyền số là $2.2^3 = 8$. Bát quái thực chất là dùng nguyên lý nhị phân mỗi quái ba hào, tương đương với tám vị số, như vậy vừa vặn là bát quái.

Người xưa nói rằng đưa vào bát quái để sáng tác "bát bản", là căn cứ vào lý luận nói trên. Như mỗi quái do ba hào hợp thành, mà đại bản thứ nhất, đại bản nhì và đại bản thứ tư được coi là "bát bản đầu", là ba chỗ dừng; bát quái do tám quái như: Càn Khôn hợp thành, bát bản" lại chia ra mấy đại bản; bát quái lấy hai quái tượng chồng lên nhau thành một phù hiệu khác, được 64 quái, "bát bản"có tám câu nhạc, mỗi câu nhạc tám bản, được 64 bản, lại do quan hệ hoàng kim chia cắt, nên sau bản 40, thêm vào bốn bản Xuân, Hạ, Thu, Đông, biến thành 68 bản. Nếu nói rằng tất cả những điều này là ngẫu nhiên mà ra thế, thì không ai tin. Các nghệ nhân khi sáng tác "bát bản" có thể đã chịu ảnh hưởng và gợi ý của nguyên tắc kết cấu của bát quái, trên thực tế, hình thức kết cấu của "bát bản" là vay mượn từ phép vận toán của chế độ nhị tiến, hạt nhân hợp lý của bát quái.

"Chu Dịch" có quan hệ cực kỳ chặt chẽ với âm nhạc cổ về lý luận cũng như trong thực tiễn, có thể nói, từ quan niệm về "nhạc", tác dụng xã hội của "nhạc" đến nhạc chế (như quan hệ giữa "biến"và "âm dương dịch vị," trong cổ luật học v.v..) và phép ghi phổ, hơn nữa còn cụ thể đến mức sự ra đời của kết cấu khúc thức, đều liên quan mật thiết đến tư tưởng của "Chu Dịch", nhưng trong đó có rất nhiều vấn đề mà đến nay vẫn chưa giải đáp được.

"Chu Dịch" không chỉ có ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển âm nhạc Trung Quốc, mà còn gây được sự chú ý và hứng thú của nhiều nhà âm nhạc trên thế giới. Thí dụ, nhà soạn nhạc Tây Đức gốc Nam Triều Tiên Doan Y Tang xuất phát, từ bề dày văn hóa truyền thống châu Á, đã đưa triết học âm dương một cách nhuần nhuyễn vào quan điểm âm nhạc của ông, lấy "sự dung hợp điều hoà âm dương" và "sự điều hoà mâu thuẫn song phương" làm xuất phát điểm của tác phẩm. Ông coi sự đối sánh giữa các nhân tố, như âm vực cao thấp, âm lượng to nhỏ, âm sắc rõ và không rõ đều do âm dương đối lập gây ra. Bản nhạc Thiếu dương âm do ông soạn cho dương cầm, đúng là thể hiện một cách cụ thể bằng âm nhạc quan niệm "Mọi sự vật đều là kết quả tác dụng tương hỗ giữa sức mạnh và phép tắc của hai loại yếu tố". Ông lấy ff - fff của khu vực âm thấp và âm trung, so với P - mP của khu vực âm cao để làm "âm dương đối tỉ" (so sánh âm dương); coi âm động và âm tĩnh là một so sánh khác; rồi lại coi âm ngân dài với âm ngắn và gọn là một so sánh v.v.. tất cả đều thể hiện tư tưởng chủ đạo bắt nguồn từ học thuyết âm dương "có mâu thuẫn thì có điều hoà mâu thuẫn". Tư tưởng âm nhạc của ông còn cho rằng, âm là mây che mặt trời, thì dương là ánh nắng chiếu rọi khắp thế gian; âm là phụ, là yếu, là bị

động, là ảm đạm, dương là chính, là mạnh, là chủ thể, là xán lạn, những tư tưởng âm nhạc này đã quán xuyến trong toàn bộ tác phẩm của ông.

Ngoài Doan Y Tang, trên thế giới còn có một số nhà soạn nhạc và lý luận âm nhạc kỳ lạ của "Chu Dịch" đang từng bước đến với thế giới, trở thành một môn học chuyên ngành.

19. NGUỒN GỐC QUAN NIỆM HÌNH THẦN TRONG LĨNH VỰC THƯ HỌA

Dùng hình để hiện ra cái thần, làm phong phú thần ở hình, hình thần đều đạt, là trình độ cao nhất trong thư hoạ ở nước ta. Nhà thư pháp lớn đời Nam Tề Vương Tăng Kiền trong bài "Bút ý tán" từng nói: "Đạo kỳ diệu của thư ở chỗ thần thái là trên hết, thứ đến hình chất, đạt được cả hai là kế tục được cổ nhân". Thần thái chủ yếu là chỉ tinh thần, hình chất là chỉ ngoại hình. Thần thái phải thông qua hình chất đặc định mới biểu hiện ra; hình chất phải làm nổi được thần thái mới có sức sống. Thư hoạ mà hình chất có kém đôi chút, nhưng có thần thái, thì có thể gọi là tác phẩm nghệ thuật. Như hoạ mà hình chất được, nhưng không có thần thái, thì không thể coi là tác phẩm nghệ thuật. Đối với tác giả, thì trường hợp thứ nhất là nhà thư hoạ, trường hợp thứ hai là thợ viết chữ. Nhưng muốn đạt tới trình độ siêu thần nhập hóa thì phải đạt cả hình lẫn thần. Nghệ thuật thư hoạ mà đạt cả hình lẫn thần, đều là nhà thư họa mà cái tâm thể hiện ra ở tay. ở đây, hình và thần, tâm và tay hoà quyện vào nhau một cách hữu cơ, có thể nói như thiên y, không một kẽ hở.

Quan niệm hình thần trong lĩnh vực thư hoạ do đâu mà có? Ngày nay, nhiều học giả cho rằng nó bắt nguồn trực tiếp từ "Chu Dịch". "Chu Dịch" rất nhiều lần bàn về "thần", tập trung nhiều nhất trong trứ tác của chư tử đời Tiên Tần. Quái Quán của "Chu Dịch " nói "Quan thiên chi thần đạo, nhu tứ thời bất tấm, thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo, nhi thiên hạ phục hĩ" (Xem đạo trời thần diệu, bốn mùa vận hành không suy suyển. Thánh nhân lấy đạo thần diệu mà giáo hoá, cả thiên hạ đều phục). Nghĩa là quan sát phép tắc thần diệu của trời, lấy đó mà giáo hóa để thuận ứng với tự nhiên, khiến thiên hạ tự nhiên sinh lòng kính phục. Trong "Chu Dịch", "Đạo" phần lớn là chỉ qui luật biến hóa của tự nhiên, "đạo" mà nhìn thấy được thì là "thần", có nghĩa là thần diệu không lường hết được. Vì vậy, "Hệ từ" của "Chu Dịch" mới có lối nói: "Âm dương bất trắc chi vị thần" (âm dương không thể đoán trước được, là thần, tuy rằng đây là chỉ sự biến hóa khôn lường của khí âm dương, nhưng nói rộng ra, khi sự vận động nội bộ sự vật khách quan và các sự vật ảnh hưởng lẫn nhau mà phát sinh biến hóa mà khó tìm ra cái lẽ tinh vi ảo diệu một cách trực tiếp, thì các nhà triết học cổ đều khái quát về "thần," đúng như Đổng Trọng Thư, học giả nổi tiếng đời Hán từng nói: "Nghĩ cho thần, lí lẽ này quả là vi diệu".

"Chu Dịch" nói về "thần", còn một điểm rất đáng ca ngợi. Đó là "Chu Dịch " nói đến "thần" mà chủ thể là con người. Nhưng nghĩa lý tinh vi ảo điệu của sự vật khách quan mà con người có thể nhận thức và nắm vững, thì người nào mà năng lực nhận thức siêu phàm như vậy, thì gọi là có "thần". "Chu Dịch. Hệ từ" viết: "Tri kỷ kỳ thần hồ!....Kỷ giả, đông chi vi, cát chi tiên hiến giả dã". Nghĩa là một người khi quan sát bất cứ sự vật khách quan nào, điều đáng quí

nhất là người ấy nhìn ra những đấu vết biến hóa mà người khác bỏ qua hoặc không nhận ra, hoặc nhìn thấy một số triệu chứng khi còn bé nhỏ, thì gọi là "biết như thần". "Chu Dịch. Hệ từ" còn cho rằng; thánh nhân không phải người "tri kỷ" nói chung mà nghiên cứu kỷ cực sâu, sâu đến tột bậc thì thông hiểu cái chí của thiên hạ. Duy kỷ thì có thể làm được việc lớn trong thiên hạ. Duy vật thì không gấp mà nhanh, không đi mà đến. Đây cũng là nói thánh nhân biết vận dụng "Kinh Dịch" để nghiên cứu bí mật của sự vật, do vậy xử sự tài tình kỳ lạ, thấy không nhanh, vậy mà nhanh, thấy không thể làm, vậy mà làm được. Đoạn văn này miêu tả trạng thái vận hành "thần tư" trong "Văn tâm điêu long".

Trải qua một thời kỳ lịch sử rất đài, khái niệm triết học "thần" trong "Chu Dịch" mới được vận dụng vào lĩnh vực thư hoạ ở nước ta.

"Hoài Nam tử" (trở thành sách ở thời Tây Hán) là sách ghi chép sớm nhất về quan niệm hình thần được đề cập đến, được "Hoài Nam Tử coi là đại biểu tối cao cho vật trong tự nhiên. "Hoài Nam Tử" coi con người là khách thể trong sáng tác hội hoạ, hoạ sĩ khi vẽ chân dung cho người ta, phải thể hiện được tinh thần khí phách của người được vẽ, do vậy, "Hoài Nam Tử" có thuyết "thần quí ở hình", nghĩa là thần là chính, hình theo thần thì lợi, bị hình chế ngự, thần theo hình thì hại". Như hoạ Tây Thi, đẹp đấy nhưng không thích; vẽ mắt Mạnh Bí, to đấy nhưng không làm người ta nể sợ, hình mà như vậy thì bỏ đi". Cố Khải Chi có lẽ được gợi ý từ điểm này, nên sau một thời gian dài thực tiễn sáng tác đã tìm ra thuật "truyền thần", nhưng câu nói nổi tiếng của ông lại là "truyền thần nằm trong sự bế tắc". Hai hoạ sĩ Tôn Bỉnh, Vương Vi đời Nam triều được gợi ý từ lối truyền thần của Cố Khải Chi, sáng tạo ra bí quyết truyền thần tranh

sơn thuỷ, đó là "thần của sơn thuỷ trong thế tự nhiên của sơn và thuỷ". Vương Vi nói: "Hội hoạ chẳng qua là ở cái thế. Tôn Bỉnh trong bài "hoạ sơn thuỷ tự" từ chỗ cảm được cái thần mà vẽ nên cái thế của sơn thuỷ, qua đó hiểu được tác dụng của sự năng động của chủ thể hoạ sĩ trong "thần". Ông viết: "Thánh hiền toả sáng muôn đời, muôn ngàn niềm vui hoà quyện trong thần tư". Ông cho rằng, "thần tư" là ý thức thẩm mĩ của bản thân người sáng tạo.

Điều đáng nói là, thư họa có thần hay không có thần, điểm mấu chốt là ở chữ "ý". Tống Ký, học trò của nhà đại thư pháp Chung Dao đời Ngụy, thường thích viết kiểu chữ nét ngang nét sổ gần giống nhau, trên dưới vuông vức tề chỉnh, sau trước chữ nào cũng như chữ nào. Kiểu chữ này có hình chất, nhưng thiếu thần thái nên bị Chung Dao quở trách dữ dội, đến nỗi Tống Ký ba năm không dám gặp thầy. Sau đó, ông ra sức luyện ý, và sau một thời gian dài miệt mài rèn luyện, ông trở thành nhà thư pháp. Nhà đại thư pháp đời Tống Âu Dương Tuân cũng rất chú trọng bút ý, trong "Bát quyết" ông nhấn mạnh: "ý hiện ra trước bút, văn chạy theo ý nghĩ". Tất nhiên, trong khi chú trọng bút ý, thần thái, đồng thời cũng không thể không chú ý hình chất của bút mực, nếu không, khó mà thể hiện bộ mặt tinh thần của thư pháp, phải có đủ cả hình, thần mới vươn tới cái ảo diệu của nghệ thuật thư hoạ.

Qua những điều trên, ta thấy cơ sở triết học của nghệ thuật thư pháp là khái niệm "thần" trong "Chu Dịch", nhưng nghiêm túc mà nói, khái niệm "thần" trong "Chu Dịch" không phải nói về cái đẹp trong nghệ thuật thư pháp, nhưng bản thân nó có điểm tương đồng với sáng tạo nghệ thuật trong thư họa. Chính vì vậy, các nhà phê bình nghệ thuật của Trung Quốc cổ đại vì chịu ảnh hưởng tư tưởng "Chu Dịch"

nên trong phê bình nghệ thuật đã lấy "thần" làm tiêu chuẩn thẩm mỹ để khẳng định tác phẩm có đạt được trình độ cao hay không. Thí dụ, Trương Hoài Quán đời Đường bình phẩm về thư hoạ, ông cho rằng: "So sánh sự hơn kém giữa ưu liệt có thể chia ba loại: thần, diệu, năng. Được ông coi là thần phẩm (tác phẩm có thần) như chữ của Vương Hi Chi mang đặc trưng thiên biến vạn hoá, đạt tới công phu như thần, tự phát linh mà không phải tạo hoá, không chiếm đỉnh cao sao được? (Trương Hoài Quán- "Thư đoán"). Đặc biệt là "Cáo thệ" của Vương Hi Chi và "Hoàng đình" là hai danh tích mà nghệ thuật thư pháp ở trình độ cao, được cả hình lẫn thần "cốt phong nhục nhuận , nhập diệu thông linh" (chữ viết mà xương cốt khoẻ khoắn, da thịt mịn màng, đạt tới mức kỳ diệu thông linh) - Vương Tăng Kiền: Bút ý tán". Vương Thế Trinh đời Minh nói: "Phù họa chí ư thần, nhi năng sự tận hĩ" (Họa mà đến trình độ thần, là tuyệt đỉnh của tài năng). "Vương Thế Trinh: Nghệ uyển chi ngôn", cũng giữ quan điểm là trao vòng nguyệt quế của "thần phẩm" cho những tác phẩm "đăng phong tạo cực" (chiếm đỉnh cao). Có thể thấy, khái niệm "thần"trong "Chu Dịch" đã có những đóng góp to lớn cho nghệ thuật thư học ở nước ta.

LỜI KẾT
(CUỐN BÍ ẨN BÁT QUÁI)

Trong văn hóa truyền thống ở nước ta có một cánh đồng triết học thần bí đầy sương mù, gai góc cùng hoa thơm xen kẽ. Học thuyết bát quái chính là mảnh đất vỡ hoang đó. Bao nhiêu học giả không sợ gian lao vất vả cày xới nhiều năm ròng và đã thu được những thành quả to lớn. Quyển sách nhỏ này của chúng tôi được biên soạn dựa trên những thành quả đó. Vì khuôn khổ có hạn, không thể chú rõ từng người, nên ở đây chỉ xin cảm ơn tất cả.

Phần I và phần dịch tóm tắt 64 quái, do đồng chí Vương Ngọc Đức viết, phần II do đồng chí Tăng Lỗi Quang viết, phần III do đồng chí Diêu Vĩ Quân viết. Về chuyên môn, Trương Thuấn Huy tiên sinh đã rà soát kỹ bản thảo, nêu nhiều ý kiến cụ thể, và dưới sự chỉ đạo của tiên sinh, chúng tôi đã tiến hành sửa chữa bản thảo. Trương tiên sinh tuổi đã cao, bận trăm công nghìn việc, nhưng vẫn viết đề từ cho cuốn sách, tỏ ý khen ngợi, cổ vũ chúng tôi rất nhiều.

Từ khi xác định đề tài đến khi viết xong bản thảo, đều được đồng chí Âu Vi Vi (nhà xuất bản Quảng Tây) giúp đỡ, nêu nhiều ý kiến quí báu, khiến bản thảo càng hoàn thiện hơn.

Bát quái là một học thuyết vừa già lại vừa trẻ, là một đề tài gợi tính hiếu kỳ cùng với một tâm trạng nể sợ. Do trình độ có hạn, thời gian lại cấp bách, nên không tránh khỏi có những sai sót, rất mong các vị học giả, các chuyên gia chỉ giáo, xin cảm ơn.

Các tác giả

Ngày 1 tháng 8 năm 1990

PHỤ LỤC

CHU DỊCH NHÂN SINH QUYẾT SÁCH CHỈ NAM

(Chu Dịch - kim chỉ nam
cho những quyết sách ở đời)

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc
Chu dịch nhân sinh quyết sách
Nhà xuất bản Khoa học xã hội
Trung Quốc – Bắc Kinh, 1993
Tác giả: Lạc Khải Khôn

CÁC DỊCH GIẢ

NGUYỄN HỮU TƯỞNG (CHỦ BIÊN)

(Dịch từ quẻ 32 đến quẻ 47)

TRẦN ĐÌNH

(Dịch từ đầu đến quẻ 16)

HOÀNG VĂN LÂU

(Dịch từ quẻ 17 đến quẻ 31)

NGUYỄN QUỐC THÁI

(Dịch từ quẻ 48 đến quẻ 64)

LỜI DẪN

Trong vô vàn sách kinh điển của tổ tiên để lại, *Chu Dịch* được các nhà Nho cổ đại tôn là "đầu bản của kinh điển" là bộ sách lớn, toả ánh hào quang, lưu truyền sớm nhất và ảnh hưởng lớn nhất. Tuy ra đời đã mấy nghìn năm, *Chu Dịch* vẫn có sức hấp dẫn đặc biệt. Ngày nay, khi tìm lại cội nguồn xa xưa của văn hoá Trung Hoa, ta mới thật sự nhận ra rằng, *Chu Dịch* chứa đựng cái gốc của nền văn hoá Trung Quốc.

Trong tất cả những nền văn minh cổ trên thế giới, chỉ có nền văn minh Trung Quốc là không ngừng phong phú và lớn mạnh kể từ khi ra đời và duy trì cho đến ngày nay. So với các nền văn minh phương Tây, Ai Cập, lưu vực Lưỡng Hà và Ấn Độ, nền văn minh Trung Quốc không chỉ thể hiện độc đáo trên văn tự, mà còn hoà tan trong nó phương thức tư duy, phương thức hành động và thái độ đặc biệt đối đối với thiên nhiên và vũ trụ đã trở thành máu thịt của mỗi người. Thông thường người ta cho rằng, Nho gia và Đạo gia đại biểu cho văn hoá Trung Quốc, nhất là văn hoá Hán tộc. Nho gia nảy sinh từ kế thừa Trâu Lỗ của văn hoá nhà Chu. Đạo gia nảy sinh từ văn hoá Sở. Kỳ thực, khi ta nghiêm chỉnh dò tìm ngọn nguồn chung của Nho gia và Đạo gia, thấy rõ về phương thức tư duy, Nho gia và Đạo gia đều bắt nguồn từ *Chu Dịch*, kinh điển của Nho gia Không còn nghi ngờ gì nữa, *Chu Dịch* là thành quả của người Trung Quốc cổ đại qua mấy nghìn năm, thậm chí mấy vạn năm trong việc thăm dò qui luật thiên nhiên và dùng nó để dự đoán tương lai, nhằm giúp cho những quyết sách trong cuộc sống hiện thực. Trước hết, chúng ta phải cảm ơn các thầy mo, thầy cúng. Thời kỳ thượng cổ, họ không chỉ là những gạch nối giữa thần và người, là kẻ truyền đạt chỉ ý của thần linh, mà còn là những người sáng tạo ra văn hoá Trung

Quốc trên thực tế. Họ gánh vác trách nhiệm nặng nề là cầu khẩn thần linh để được phù hộ, dự đoán những gì sắp xảy ra để hỗ trợ cho những quyết sách, ghi chép lịch sử để tổng kết kinh nghiệm. Mấy ngàn năm đằng đẵng, từ những điều quan sát, chiêm nghiệm qua bói toán, họ không ngừng hệ thống hoá những quy luật tự nhiên, những kinh nghiệm về nhân sinh đã đúc kết được, và từng bước hình thành lý luận hoàn chỉnh. Đó chính là *Chu Dịch* lưu truyền cho đến ngày nay. Qua so sánh nội dung *Chu Dịch* với những trước tác kinh điển khác, ta thấy *Dịch* đã được hệ thống và lưu truyền từ thời Xuân Thu, hoàn chỉnh lần cuối cùng vào cuối thời Chiến Quốc hoặc đầu đời Hán. Việc hình thành hệ thống lý luận của *Dịch* thì chậm nhất là từ thời Tây Chu.

Đọc *Chu Dịch*, trước hết nên tước bỏ cái vỏ mê tín, nó là do thời đại hạn chế mà có, trong đó cũng không có cơ sở khoa học nào. Những phần tử trí thức của Nho gia từ Khổng tử đến các nhà Nho hậu kỳ thời Chiến Quốc, rồi đến Vương Bật, Khổng Dĩnh Đạt, Nhị Trịnh, Chu Hi... đều coi *Dịch* là kinh điển triết học để nghiên cứu, và đã tự giác vận dụng cho những quyết sách trong đời. Giải thích những thuật ngữ về tượng quẻ, Hào tượng của *Dịch*, tuy vẫn tiếp nhận từ ngữ của các thầy mo cổ đại, nhưng điều đó không trở ngại đến tư biện triết học của họ, vì rằng trong những thuật ngữ bói toán đó giác ngộ triết lý từ *Dịch* đã đạt tới trình độ ghê gớm, mà cho đến nay chúng ta vẫn không vượt nổi. Mà những trò bịp kỳ diệu của phương sĩ, thuật sĩ thời cổ chưa bao giờ được coi là học vấn. Khi ta tìm hiểu triết lý trong *Chu Dịch* là ta liên hệ chặt chẽ với con người. Vì rằng chủ thể của triết học là con người, là nhận thức của con người về vũ trụ, thiên nhiên và xã hội, mà bản thân những nhận thức đó là nhằm phục vụ cho cuộc sống của nhân loại, huống hồ bản thân *Chu Dịch* có mục đích rõ rệt cho những quyết sách. Do vậy, *Chu Dịch* đúng là bộ sách cho những quyết sách ở đời, là bộ sách triết lý về nhân sinh.

Chỉ riêng văn tự của *Chu Dịch* ta cũng rõ, những quyết sách của *Chu Dịch* đề cập đến mọi mặt của xã hội, những việc lớn có tính chất quốc gia đại sự như chinh phạt, cúng tế, nhỏ như buôn bán, lữ hành, ma chay cưới xin, sinh lão bệnh tử v. v. Tất cả những điều nhỏ nhặt của đời thường đều có trong *Chu Dịch*. Những quái từ và hào từ đã được sàng lọc không còn tính chất tuỳ tiện hoặc nguỵ tạo, mà là sự tổng kết những kinh nghiệm từ cuộc sống hiện thực. Chúng đều mang nội dung khách quan và ý nghĩa nhận thức nhận định và tổ chức theo một hệ thống nhất định, tức quái và hào. Hệ thống này, tức 64 quẻ của *Chu Dịch* mô phỏng bao quát tổng qui luật của "tam tài" – thiên địa nhân (trời đất người). Chúng không những mô phỏng nguồn gốc của vũ trụ, mà còn dùng phù hiệu quái, hào để biểu đạt qui luật vận động của tự nhiên và xã hội loài người. Toàn bộ giá trị của *Chu Dịch* là ở những qui luật này. Chúng có thể chỉ đạo mọi người nhận thức tự nhiên, càng có khả năng chỉ đạo người ta nhận thức xã hội và cuộc sống. Vì rằng nhân loại là một bộ phận của tự nhiên, những qui luật của xã hội loài người cũng là qui luật của tự nhiên. Hiểu và vận dụng những qui luật đó, ta có thể nắm vững xã hội và cuộc sống. Đây chính là giá trị chỉ đạo của *Chu Dịch* trong những quyết sách về cuộc đời.

Phương thức tư duy của nhân loại thực tế là phương thức quyết sách. Phương thức tư duy truyền thống của người Trung Quốc là tư duy hệ thống, trong đó bao hàm đặc điểm tư duy biện chứng, đa nguyên, tuần hoàn v.v. vừa nắm được chỉnh thể của sự vật, vừa xem xét đầy đủ ảnh hưởng và tác động qua lại giữa các nhân tố trong mỗi sự vật, suy ngẫm về tính không ổn định khi sự vật phát triển, để cuối cùng đạt tới mục tiêu là cân bằng và có mức độ thích hợp. Những tư tưởng này thể hiện một cách tập trung trong lý luận về tượng quẻ của 64 quẻ trong *Chu Dịch*. Phương thức tư duy truyền thống của người từ trong quyết sách là dựa trên lý luận này.

Cụ thể về những quyết sách cho cuộc đời, ta càng thấy rõ ý nghĩa chỉ đạo của *Chu Dịch*. Từ góc độ quyết sách học mà xét, cuộc đời là một quá trình, một trạng thái phát triển liên tục. Cuộc sống của ta luôn luôn trong một trạng thái nào đó. Bước tiếp theo nên như thế nào, ta có nhiều cách chọn lựa. Chọn một cách, rồi cứ theo đó mà đi, đó chính là quyết sách cho cuộc đời. Mỗi quyết sách của bạn đều ảnh hưởng đến cuộc sống của bạn. Xin xem sơ đồ sau:

$$\begin{array}{cccc} & a_1 & b_1 & c_1 & d_1.... \\ (A) & — a_2 & (B) — b_2 & (C) — c_2 & (D) — d_2.... \\ & a_3 & b_3 & c_3 & d_3.... \end{array}$$

Khi bạn đang ở trong trạng thái A, bạn có thể đứng trước mấy kiểu lựa chọn, nhưng bạn chỉ chọn một trong số đó. Bước sang trạng thái sau, sự lựa chọn khác đi, bạn sẽ bước lên con đường khác. Khi bạn chuyển sang trạng thái B, có thể bạn lại đứng trước mấy kiểu lựa chọn, và cứ thế mà suy ra: Lựa chọn khác nhau sẽ dẫn đến những cuộc đời khác nhau.

Chỉ cần quan sát, tổng kết cuộc đời của người khác, hoặc cuộc đời của chính mình, rất dễ nhận thấy toàn bộ cuộc đời của mỗi người có thể chia làm mấy giai đoạn, đều có một hoặc vài bước ngoặt. Sở dĩ có những đường đời khác nhau, sự nếm trải khác nhau một trời một vực, đều do đã lựa chọn khác nhau mỗi khi có bước ngoặt trong đời. Chọn đúng thì bước lên con đường bằng phẳng, hoặc trong một thời kỳ tương đối dài gặt hái sự thành đạt trong cuộc sống và trong sự nghiệp. Chọn sai thì rất có thể từ đó bắt đầu lụn bại, hoặc phải trả một giá quá đắt để thoát khỏi cảnh khốn quẫn. Hôn nhân, gia đình và sự nghiệp của mọi người đều như vậy. Nếu phân tích kỹ hơn, ta còn thấy sự lựa chọn khó khăn nhất trong đời không phải ở những bước ngoặt đã rõ ràng, ai cũng biết (chẳng hạn như học xong Trung học thì vào Đại học đâu

hay không đậu), mà ở những thời cơ hoặc bước ngoặt không rõ rệt, rất nhiều người cùng trình độ có thể nhận ra, nhưng chỉ một số ít phát hiện và lợi dụng được. Thế là có người chớp được thời cơ mà đổi đời, một số đông thì để thời cơ tuột khỏi tầm tay, một bước lỡ làng, về già ân hận.

Dù đang ở trạng thái nào của cuộc đời, cuộc sống vẫn luôn cho ta một cơ hội, vấn đề là ở chỗ ta có nắm bắt được cơ hội hay không. Chính 64 quẻ trong *Chu Dịch* tượng trưng cho các trạng thái quyết sách khác nhau trong cuộc đời. Mỗi khi ở vào một trạng thái, bạn phải làm gì? Các tượng quẻ, quái, và các hào tượng, hào từ trong các quẻ, đều phân tích ngắn gọn cho bạn, để xuất cho bạn những nguyên tắc quyết sách ngắn gọn và rõ ràng. Chúng đại biểu cho những trạng thái quyết sách mà mỗi người đều sẽ gặp, những trạng thái quyết sách rất khó phán đoán chính xác nhưng lại ảnh hưởng rất lớn đến việc bạn để ra quyết sách. Chúng chĩa mũi nhọn vào những nhược điểm chung của nhân loại. Xử lý những vấn đề này có tốt hay không, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyết sách cuộc đời của bạn tốt hay không, và từ đó ảnh hưởng đến toàn bộ cuộc sống của bạn có tốt hay không. *Chu Dịch* tiến hành phân tích và phân loại tỉ mỉ tất cả những vấn đề hắc búa mà con người có khả năng gặp phải trong cuộc hành trình của kiếp người, giúp bạn đề xuất những quyết sách đúng đắn vào giờ phút dễ lú lẫn nhất, ở nơi dễ phạm sai lầm nhất. Rất nhiều bài toán khó giải mà ta gặp phải trong cuộc sống thực, đều có thể tìm thấy sự đối ứng trong *Chu Dịch*. Chẳng hạn như quẻ Tụng khuyên ta nên xử lý chuyện tranh chấp kiện tụng, giải quyết mâu thuẫn xung đột như thế nào, dạy ta rằng, không nên kéo dài mâu thuẫn, nên chấm dứt nhanh bằng phương thức giải thích. Vì rằng mâu thuẫn kéo dài khiến cả hai bên đều thua. Phương thức tốt nhất để giải quyết tranh chấp là nhường nhịn chứ không phải lấn tới. Người ta phải biết thế nào là đủ, như vậy mới tránh được tranh chấp, kiện cáo, mâu thuẫn. Một khi có mâu thuẫn thì nên thuận theo lẽ phải, gắng xử lý sao cho thoả đáng,

không nên vì có mâu thuẫn và buồn phiền. Quẻ Đại quá dạy ta phải có hành động không bình thường để thoát khỏi cảnh khốn quẫn trong quá trình phát triển sự nghiệp. Dạy ta rằng, khi áp dụng hàn động đặc biệt thì phải rất thận trọng, phải nhìn rõ mọi tình huống rồi mới hành động. Khi hành động không nên cầu nệ vào những qui phạm thông thường, mà phải huy động tất cả sức mạnh có thể lợi dụng được. Khi hành động không nên quá tự tin để tránh sơ suất, chuốc lấy tai hoạ. Không nên lén lút, mà phải đường đường chính chính. Quẻ Đại súc dạy nên ứng biến ra sao khi sự nghiệp phát triển mạnh mẽ, khuyến cáo ta nên dừng lại đúng lúc, không tham. Phải tự biết kiềm chế, không được hành động thiếu suy nghĩ. càng mạnh càng phải cẩn thận để dứt điểm nhanh, phòng sự bất trắc, phải lấy nhu để chuyển tải cương, sử dụng sức mạnh của mình một cách thoả đáng. Quẻ Minh sư dạy nguyên tắc ứng biến khi gặp khó khăn vấp váp trong đời. Dạy ta rằng, khi có sự lộng hành của thế lực gian tà, trước hết phải biết giấu mình để giữ lấy thân. Khi nguy hiểm kề bên, chỉ có cách là mềm mỏng mà trong lòng thì thuần khiết mới tránh được tai hoạ. Muốn thoát cảnh đen tối, phải có hành động đặc biệt (không bình thường), nơi nguy hiểm nhất chính là nơi an toàn nhất v.v. Ngoài ra, quẻ Gia nhân dạy cách gìn giữ gia đình, Qui muội dạy cách xử lý vấn đề hôn nhân, Đồng nhân, Tụy dạy về đoàn kết, Chấn dạy về ứng phó với các sự kiện đột xuất, Sư dạy về nghệ thuật lãnh đạo v.v... Nghiên cứu và suy ngẫm nghiêm túc về những chuẩn tắc quyết sách này, ta thấy chúng quí giá biết chừng nào. Khi ta gặp cảnh kiện cáo rối như tơ vò mà chưa biết cách gỡ; khi ta quá mệt mỏi vì đối phó với khó khăn; khi bản thân ta là người lãnh đạo mà chưa biết thống soái người dưới quyền như thế nào; khi ta có chuyện gia đình cần xử lý, có vấn đề hôn nhân cần giải quyết... tại sao ta không nghĩ tới những lời dạy trong *Chu Dịch*? Nếu như ta biết trước những nguyên tắc đó thì mỗi khi gặp vấn đề cùng loại, ta sẽ đỡ tốn bao nhiêu sức lực? Tránh được bao nhiêu đường vòng? Nếu như ta nắm vững tất cả những nguyên tắc chỉ đạo trong

Chu Dịch và vận dụng vào thực tiễn, thì đó là sự trợ giúp vô cùng lớn lao cho sự nghiệp và cuộc đời của ta! Giá trị vĩ đại của *Chu Dịch* là ở chỗ này. Đây là một ông già thông thái, giơ tay dìu dắt ta đi lên, ánh sáng của trí tuệ xuyên suốt mấy nghìn năm, rọi cho cuộc hành trình ngắn ngủi của đời ta.

Sách này khác với những sách nghiên cứu về *Chu Dịch* xuất bản trong những năm gần đây ở chỗ: khai thác toàn diện bộ kinh điển cổ kính này dưới một góc độ hoàn toàn mới.

Trước hết, sách này phá vỡ tình trạng cứng nhắc trong nghiên cứu *Chu Dịch* hiện nay. Những năm gần đây, sách nghiên cứu về *Chu Dịch* có thể chia làm hai loại, một loại kiểu học giả, gói gọn trong câu chữ của *Chu Dịch* mà giảng giải, chú thích. Nhà sử học có thể tìm ở đây nguồn sử liệu, người nghiên cứu triết học coi đây đơn thuần là một trước tác triết học, các chuyên gia về mĩ học, âm nhạc, khoa học kỹ thuật, y học... tìm ở đây linh cảm cho nghề nghiệp. Cố nhiên cần phải khẳng định công trình nghiên cứu và giá trị học thuật của họ, nhưng tất cả đều xa rời hiện thực. Những thuật ngữ triết học thâm thuý và từ ngữ Hán cổ trong *Chu Dịch* khiến những người trình độ văn hoá trung bình hoa mắt vì khó hiểu, chỉ có một số ít học giả là đọc được. Những cuốn sách dịch toàn bộ *Chu Dịch* ra bạch thoại, xuất bản trong những năm gần đây, càng chỉ là dụng công tốn sức trên câu chữ, không làm rõ được hàm nghĩa nằm trong các các hào, đã tản mạn lại không có chương pháp, nói chung, độc giả không sao nắm bắt được tư tưởng chân chính của *Chu Dịch*. Hơn nữa, những chỗ dịch sai thì lại càng tai hại. Còn một loại sách khác nghiên cứu *Chu Dịch*. Loại này đa phần do các thuật sĩ giang hồ viết ra. Họ tự xưng là chuyên gia về *Chu Dịch*, lợi dụng tâm trạng của quần chúng cho *Chu Dịch* là bí ẩn, lợi dụng trình độ văn hoá thấp kém của quần chúng, rêu rao rằng, *Chu Dịch* vốn chứa đựng thành phần tin vào vu thuật, khẳng định có thể bói Dịch, đoán được cát hung, và cho xuất bản một loạt "trước tác" nhảm nhí như *Chu Dịch dự trắc*

học mà nội dung thực tế là sao chép từ những sách bói toán của bọn thuật sĩ giang hồ thời xưa, như *Hoả lâm chu pháp*, *Hoả lâm chu*, *Mai hoa Dịch chiêm* v.v. Đa số các vị "chuyên gia" này trình độ văn hoá thấp kém, thiếu kiến thức về văn hoá cổ đại tối thiểu, bản thân họ cũng không hiểu họ đang nói gì, vậy mà dám dẫn dắt độc giả vào con đường lầm lạc thì thật đáng căm giận. Bộ sách "*Chu Dịch* và quyết sách cuộc đời" thì mở ra một con đường khác hẳn. Tác giả nắm chắc nguồn gốc ra đời của *Chu Dịch*, tức nhân sinh và quyết sách xã hội, kết hợp lí luận khoa học hiện đại về quyết sách, bên cạnh đó còn dẫn các trước tác cổ kim có liên quan (như *Lão tử*, *Tôn tử binh pháp* v.v.) và trích dẫn rất nhiều sự kiện lịch sử, trình bày, giải thích một cách sinh động hàm nghĩa cơ bản của các quẻ và hào trong *Chu Dịch*. Tác giả kiên quyết tước bỏ phần mê tín trong *Chu Dịch*, đưa ra trình diện trước công chúng đông đảo những kiến thức về triết lý và quyết sách nhân sinh chứa đựng trong *Chu Dịch*. Tác giả có tính tới trình độ văn hoá khác nhau của độc giả, cố gắng dùng những câu chữ rõ ràng dễ hiểu, chỉ cần có trình độ trung học là tiếp thụ được, và qua đó chỉ đạo bản thân nắm lấy đạo lý về quyết sách cuộc đời.

Lại nữa, cơ sở ra đời của *Chu Dịch* là cuộc sống và những quyết sách xã hội của người Trung Quốc thời viễn cổ. Một mặt, nó là sự kết tinh của những kinh nghiệm và nhân sinh và đời sống xã hội của các tiên hiền trong mấy nghìn năm. Mặt khác, do thời đại hạn chế, nó không tránh khỏi có mầu sắc mê tín. Đặc điểm này của *Chu Dịch* khiến những người thừa kế chia thành hai ngả: Triết học và mê tín, sản sinh hai loại trước tác khác nhau hoàn toàn: Một loại là *Dịch truyện*, là *Dịch chú* của Vương Bật, *Chu Dịch chính nghĩa* của Khổng Dĩnh Đạt, *Chu Dịch bản nghĩa* của Chu Hi là đại biểu; Một loại do *Dịch truyện* của Kinh Phòng và *Hoả lâm chu pháp*, *Hoả lâm chu*, *Mai hoa Dịch chiêm* ... làm đại biểu. Những sách này thêm thắt bịa đặt, thổi phồng hết mức phần mê tín vu thuật vốn không nhiều

trong *Chu Dịch*. Về mặt vận dụng cụ thể, các tiên hiền và sĩ đại phu thời xưa nặng về Dịch lý, tức triết lý trong *Chu Dịch* cũng là triết lý về nhân sinh và quyết sách xã hội, dùng nó để chỉ đạo những quyết sách cho cuộc đời của mình, nhằm tránh tai hoạ và mưu cầu hạnh phúc, và đúng là rất kết quả. Đây là con đường đúng đắn trong vận dụng *Chu Dịch*. Còn bọn thuật sĩ giang hồ thì dùng *Chu Dịch* để bói toán đoán mệnh, dùng những thủ pháp mê tín hoang đường đoán định cát hung. Từ xưa đến nay, những thủ pháp này chỉ lưu hành trong dân gian trình độ văn hoá thấp, chưa bao giờ được coi là chính thống. Đáng buồn là vào thời buổi văn minh hiện nay vẫn còn rất nhiều người tin vào những lời nhảm nhí đó. Và như vậy đem tương lai của cuộc đời mình giao cho ma quỷ. Thực ra, có thể tìm thấy qui luật về cuộc đời, lúc nào thì làm gì và có quyết sách như thế nào là một loại trí tuệ tầm cỡ mà người Trung Quốc cổ đại đã có nhiều kết luận, "*Chu Dịch* là bộ sách ra đời sớm nhất và tinh túy nhất, chỉ mỗi câu chữ khó hiểu và hình thức thì có phần huyền ảo khó bề nắm bắt, khiến người bình thường khó lĩnh hội. Bộ *Quyết sách nhân sinh* trong *Chu Dịch* chính là khai thác phần hiểu biết sâu sắc về nhân sinh trong *Chu Dịch*, để đông đảo quần chúng có thể học tập và lĩnh hội. Đây là mục đích của tác giả khi biên soạn, và cũng là điểm khác biết lớn nhất giữa sách này với các sách khác nghiên cứu về *Chu Dịch*.

Về thao tác cụ thể, những "trước tác" mà *Chu Dịch trắc học chỉ nam*, *Chu Dịch dự trắc học*, là đại biểu, hoàn toàn dựa vào phương pháp bói toán thời cổ, căn bản không có tính khoa học, lấy ngẫu nhiên thành tất nhiên, gửi gắm hi vọng vào quỉ thần ở chốn u minh. Dùng bói toán như vậy để chỉ đạo nhân sinh, đưa ra cái gọi là "dự đoán", thì quả là hoang đường, vậy mà còn huyênh hoang cho rằng đây là đặc trưng lớn nhất của "trước tác". Những "chuyên gia" kiểu đó thì được cả danh lẫn lợi, còn đông đảo độc giả thì tiền mất tật mang. *Chu Dịch và quyết sách nhân sinh* tước bỏ hoàn toàn

phần thô thiển, dùng lời lẽ câu chữ dễ hiểu để giải thích các quẻ, hào của *Chu Dịch*, làm lộ ra những qui luật nhân sinh và xã hội mà *Chu Dịch* đã tổng kết, để ở đầu và lúc nào cũng có sự gợi ý để ta suy ngẫm. Các phương châm chỉ đạo được tổng kết sau mỗi quẻ càng có giá trị thực dụng to lớn. Khi bạn rơi vào một nghịch cảnh, nó chỉ đạo bạn tích trữ lực lượng, ẩn nhẫn đợi thời. Khi bạn đang thành công trong sự nghiệp, nó khuyến cáo bạn không được kiêu căng nóng vội, hết sức đề phòng thái cực bĩ lai. Khi bạn là người lãnh đạo, nó hướng dẫn cho bạn nghệ thuật lãnh đạo và phương pháp quyết sách. Bạn là quần chúng, nó chỉ đạo bạn tập hợp lực lượng, dựa vào những nhân vật có thế lực để phát triển sự nghiệp của bạn, thực hiện giá trị của cuộc đời bạn... Chỉ cần đọc sách này, bạn sẽ nhận biết, lý giải và lĩnh hội về triết lý nhân sinh, nắm được những nguyên tắc lớn, phương pháp lớn chỉ đạo cuộc sống của bạn. Vì vậy, ở một mức độ nào đó, *Chu Dịch* và "quyết sách nhân sinh" là kim chỉ nam cho quyết sách cuộc đời dựa trên cơ sở *Chu Dịch*, là một Bách khoa toàn thư về quyết sách cho cuộc đời.

Cuối cùng, *Chu Dịch* và "quyết sách nhân sinh" bằng những thí dụ điển hình thực tế, giới thiệu với độc giả không những cảm thụ sức hấp dẫn của bộ sách kinh điển *Chu Dịch*, mà còn hiểu thêm văn hoá cổ đại Trung Quốc, đọc nhiều hơn các tác phẩm nổi tiếng về văn hoá Trung Quốc, qua đó, càng mở rộng kiến thức, giầu thêm trí tuệ, nâng cao trình độ năng lực, và đây cũng là nguyện vọng tha thiết của tác giả. Mỗi độc giả có thể thụ thấy triết lý về nhân sinh cho mình qua sách này và càng hiểu thêm *Chu Dịch*.

Để tiện cho độc giả lý giải các thuật ngữ Dịch học trong sách, chúng tôi liệt kê ra đây những từ thường dùng:

Cương nhu: Nhị nguyên mà *Chu Dịch* cho rằng sinh thành vạn vật trong vũ trụ, hoặc hai loại thuộc tính nội tại.

Âm, dương: Giống như cương như, dương tỉ như cương, âm tỉ như nhu.

Vị: chỉ vị trí các Hào trong một quẻ sáu Hào, tính theo thứ tự từ dưới lên, lần lượt là Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Thượng. Ngũ là quân (vua), Tứ là thần (bề tôi), Sơ không tính theo vị trí nào.

Trung: chia ra Thượng quái, Hạ quái, còn gọi là nội (hạ) quái, ngoại (thượng) quái. Mỗi quẻ ba hào, hào giữa ở vị trí "trung", gọi là "đắc trung", tượng trưng cho trung dung, trung chính của tượng quẻ, không thiên lệch.

Chính: Từ một đến sáu, số lẻ thuộc dương, số chẵn thuộc âm, tức vị trí hào ở Sơ, Tam, Ngũ, phải là hào dương; Các hào ở vị trí Nhị, Tứ, Thượng phải là hào âm, gọi là đắc chính hay đắc vị. Ngược lại, nếu hào dương ở vị trí số chẵn, âm hào âm ở vị trí số lẻ, thì là bất chính hoặc bất đương vị (không đúng chỗ).

Ứng: Chỉ quan hệ đối ứng giữa hào Một là, hào thứ ba của Nội quái và Ngoại quái, tức quan hệ đối ứng giữa hào Sơ và hào Tứ, hào Nhị và hào Ngũ, hào Tam và hào Thượng, nhưng nhất thiết phải là đối ứng giữa dương hào và âm hào, khác tính chất thì hút lẫn nhau, nếu không, cùng tính chất thì bài xích lẫn nhau, tức bất tương ứng.

Tỉ: Chỉ hai hào kề nhau, như Sơ và Nhị và Tam, Tam và Tứ v.v. Nếu là âm hào tỉ với dương hào thì tốt.

Thừa (nối tiếp) và thừa (cưỡi lên): Hai hào kề nhau trong quái, hào trên đối với hào dưới là thừa (cưỡi lên); Hào dưới đối với hào trên là thừa (nối tiếp).

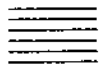
Thời, thời nghĩa, thời dụng: Chỉ trạng thái thiết định, đại biểu của các quẻ trong 64 quẻ của *Chu Dịch*, vừa có thể đại biểu cho một khoảnh khắc, và cũng có thể đại biểu cho một thời kỳ. Tính chất đại biểu của chúng rất đậm nét trong trạng thái quyết sách về cuộc đời.

Cát, vô cứu, lận, hung: từ ngữ phán đoán về phát triển của quái, hào. Vô cứu là không có tai nạn, sai sót. Cát là lành, hung là dữ, hung ác, hiểm độc. Lận là xấu hổ, nhục nhã. Hối là vì rơi vào cảnh khốn quẫn mà hối hận.

Những thuật ngữ nói trên chính là thể hiện tư biện triết học của *Chu Dịch*. Ứng, Tỉ, Thừa... chứng tỏ *Chu Dịch* khi phán đoán về tương lai đã nhìn nhận đầy đủ ảnh hưởng qua lại giữa các nhân tố trong nội bộ sự vật. Các nhóm quẻ nói rõ tư tưởng của *Chu Dịch*, cho rằng sự vật là tương phản tương thành, giữa các sự vật cũng có quan hệ tương hỗ, ảnh hưởng lẫn nhau mà không cô lập. quái từ của quẻ là tổng đoán trạng thái quyết sách tượng trưng, đại biểu cho quẻ đó. Các hào trong quẻ là phân tích và hoá giải trạng thái thêm một bước nhằm xác định chính xác hơn sự phát triển của trạng thái, để phán đoán chính xác. Ở đây thể hiện rất rõ tư tưởng cho rằng sự vật phát triển không ngừng.

Trên đây là những điều cần chú ý khi đọc *Chu Dịch*, còn những khái niệm và tư tưởng khác của *Chu Dịch*, ở đây không đề cập tới.

乾 CÀN (KIỀN) – CUỘC SỐNG MẠNH MẼ, TIẾN THỦ



乾上 Càn trên
乾下 Càn dưới

乾元亨利貞。

Càn nguyên, hạnh, lợi, trinh.

Quẻ Càn nguyên thuỷ, hanh thông, chính và bền.

Càn là quẻ thứ nhất trong 64 của *Chu Dịch*. Nguyên hanh lợi trinh. *Tả truyện. Nhương công cửu niên* giải thích là: "Nguyên lấy nhân làm bản thể mà lãnh đạo người; hanh, gom góp mọi điều tốt đẹp; lợi, làm lợi ích cho vạn vật nên hoà hợp với điều nghĩa; trinh, hằng tâm nghị lực mới có thể hoàn thành mọi sự". Theo sự giải thích này thì nguyên, hanh, lợi, trinh là bốn đức của con người. *Dịch truyện. Văn ngôn* cũng nói lên cùng quan điểm. Nếu theo nghĩa gốc của quẻ Càn, bói được quẻ Càn thì hành sự có lợi, nên nói rằng lợi trinh.

Tuy nhiên, trên đây là cách lí giải nguyên thuỷ về quẻ Càn của người xưa. Nếu ta đối chiếu quẻ Càn với 63 quẻ còn lại trong *Chu Dịch*, rồi nghiên cứu sâu một chút hàm nghĩa của sáu hào đều là hào dương của quẻ Càn, ta có thể nhận ra rằng, đặt quẻ Càn thuần dương lên hàng đầu, là để biểu đạt với chúng ta một quan niệm. Quan niệm đó, như *Chu Dịch. Thuyết quái truyện* đã nói, "Càn là mạnh mẽ", "Càn là ngựa", "Càn là trời", vì vậy

gọi là cha; Càn là trời, là hình tròn, là vua, là cha, là ngọc, là vàng, là rét, là băng giá, là mầu đỏ tía, là ngựa tốt... Những khái niệm này lại có thể khái quát thành hai khái niệm hiện đại: dương cương và tiến thủ. Còn thuần hào âm, đối lại với quẻ Càn, là quẻ Khôn, tức quẻ Hai là, trong *Chu Dịch*. Quẻ Khôn đại biểu cho nhu thuận, khiêm nhường, là quẻ tương phản với quẻ Càn, là một nửa để tổ chức nên 64 quẻ.

Chu Dịch đặt hai quẻ Càn và Khôn, một cương một nhu, một tiến một thoái lên đầu 64 quẻ, là có nguyên nhân sâu xa. Triết học cổ đại Trung Quốc, mà là đại biểu, cho rằng, vạn vật trong vũ trụ trong đó có con người sinh sống, là từ khối hỗn độn nguyên thuỷ (thái cực) diễn biến mà thành. Khối hỗn độn nguyên thuỷ này, có thuộc tính bẩm sinh, từ đó sản sinh và phân hoá thành hai yếu tố vũ trụ cơ bản âm và dương, tức cái mà *Chu Dịch* gọi là lưỡng nghi. Âm và dương đối lập và tác động lẫn nhau, lại sản sinh "tứ tượng" (gió, sấm, mưa, điện hoặc lão dương, lão âm, thiếu dương, thiếu âm), "tứ tượng" lại sinh ra bát quái,. Trên thực tế, bát quái, đại biểu cho tám thuộc tính cơ bản của vạn vật vũ trụ. Tác dụng tương hỗ của bát quái sản sinh ra vạn vật. Tuy lấy diễn tiến tương hỗ của các có số 2, 4, 8, 64 để đại biểu cho tiến trình phát triển vũ trụ không được chuẩn xác cho lắm, nhưng nó giống kinh khủng thuyết cấu tạo vũ trụ của khoa học hiện đại. Lí luận này cao siêu ở chỗ: Nó không nhìn nhận vũ trụ một cách phân tán, mà chú ý rất đầy đủ mối liên hệ và tác dụng tương hỗ giữa sự vật với sự vật, coi vạn vật vũ trụ mà bề ngoài thì phân tán, không liên hệ gì với nhau, diện mạo khác nhau, là một chỉnh thể, một hệ thống khổng lồ, hơn nữa, coi sự phát triển diễn tiến của vạn vật vũ trụ, là một bộ phận diễn hoá của đại hệ thống vũ trụ, không chỉ xuất phát từ đó để xác định giá trị của sự vật, mà còn cố gắng để giải thích nguồn gốc và phát triển của sự vật về cơ bản, từ đó tìm ra qui luật để chỉ đạo những quyết sách xã hội và cuộc sống. Đây là đạo lí ta cần làm rõ trước tiên khi đọc *Chu Dịch*. Sáu mươi tư quẻ là một

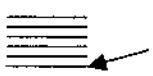
đại hệ thống, nó không chỉ trình bày tổng qui luật phát triển của sự vật, mà còn luôn luôn chỉ đạo chúng ta một cách cực kỳ nghiêm túc. Quẻ Càn và quẻ Khôn là hai quẻ cơ bản của 64 quẻ. Chúng là hai yếu tố cơ bản đại biểu cho âm và dương thúc đẩy vạn vật vũ trụ vận động tiến lên, chúng liên quan mật thiết đến các yếu tố và thuộc tính cương, kiện, tiến thủ và nhu, thuận, nhân nhượng và sự vật.

Do vậy, kết hợp với những quyết sách cụ thể trong cuộc sống, ta có thể nhìn nhận một cách chính xác rằng, hai quẻ Càn và Khôn đúng là giải thích cho chúng ta hai phép tắc cơ bản: cương và nhu mà xã hội và trong cuộc đời mỗi con người đều cần phải nắm vững và vận dụng một cách thoả đáng. Nếu phân tích chi tiết hơn, ta nên hiểu rằng, nguyên tắc "cương" đại biểu cho "tiến thủ" cương cường và hành động tích cực trong cuộc sống của con người, đây chính là cơ sở cho sự nghiệp của con người sản sinh và phát triển. Không có chí tiến thủ, không có nghị lực, không có mục tiêu, thì sẽ lênh phênh suốt đời, không làm nên chuyện gì. Điều này mọi người hiểu rõ, từ lâu, nhưng chỉ một số ít người lí giải đúng đắng và thực hành nghiêm chỉnh trong cuộc sống của họ. Còn quẻ Càn thì đánh giá rất cao chí tiến thủ, tính dương cương biểu thị ở quẻ Càn. Thoán truyện viết: "Lớn vậy thay đức Nguyên của Càn. Vạn vật bắt đầu từ đó mà thấm nhuần cả bầu trời. Mây bay, mưa rơi và mọi vật thành hình. Bậc thánh nhân sáng suốt từ đầu đến cuối, thuận theo thời của sáu hào mà cưỡi sáu con rồng lên trời". Đạo Càn biến hoá, khiến mỗi vật tiếp nhận cái chân tính và số mệnh, phù hợp với Thái Hoà: đó là lợi và trinh. Thánh nhân đứng trên muôn vật mà vạn quốc được thống nhất hoà bình. Công năng của trời là sinh thành vạn vật mà không tự giác, sinh sôi nảy nở không ngừng phát triển. Vạn vật vũ trụ vì hấp thụ được công năng đó của trời, mới có thể phát sinh và phát triển. Nhân loại là bộ phận hoạt bát nhất của vạn vật thì phải bắt chước trời, tức cái tinh thần ấy của vũ trụ tự nhiên, phấn đấu tiến lên không ngừng, không nghỉ. Do vậy, "Tượng truyện" viết: "Trời vận động không ngừng, người quân tử phải tự cường

không nghỉ". Có thể nói, câu này là sự khái quát tốt nhất tinh thần dương cương và tiến thủ mà quẻ Càn là đại biểu. Xưa nay, câu danh ngôn này đã khích lệ biết bao danh nhân chí sĩ hăng hái tiến lên, kiến công lập nghiệp. Ngày nay, nó cũng là cái mốc phấn đấu cho mỗi người.

Tuy vậy, *Chu Dịch* lại cho rằng, bất cứ sự phát sinh phát triển nào của vạn vật trong tự nhiên đều phải tuân theo những qui luật nhất định, và bất cứ qui luận và yếu tố nào, khi ta nắm và vận dụng đều phải theo qui luận tự thân của chúng, nắm vững trong một giới hạn nhất định mà không cực đoan, nếu không, sẽ sa vào mặt trái của nguyện vọng. *Chu Dịch* khái quát cực kỳ ngắn gọn và chính xác sự phát sinh và phát triển của bất cứ nhân tố nào của sự vật tự nhiên. Đó chính là sáu vạch hào của mỗi quẻ trong tượng quẻ của 64 quẻ. Đây là một phương thức biểu đạt vô cùng độc đáo và hình tượng. Sáu hào của mỗi quẻ, từ dưới lên trên, tượng trưng cho lịch trình từ manh nha, trưởng thành, phát triển, cực thịnh, suy yếu, cho đến sự diệt vong của sự vật, chuyển hoá thành sự vật hoặc hiện tượng khác. Sự chồng chéo giữa các hào âm và hào dương, phản ánh sự ảnh hưởng lẫn nhau và sự biến hoá của các nhân tố trong quá trình phát triển của bản thân sự vật. Ở đây, mỗi hào, tức mỗi giai đoạn phát triển của sự vật đều riêng rẽ, đều có liên quan đến các nhân tố khác, nó tất yếu phải phát triển biến hoá theo qui luật cố hữu của nó, mà không phải là chuyển dịch theo ý chí của con người, cũng như con người không thể tránh khỏi qui luật sinh tử: chào đời, thiếu niên, thanh niên, trung niên, tuổi già. Đây là điều đầu tiên mà khi nghiền ngẫm, nghiên cứu các quẻ hào trong *Chu Dịch* ta cần hiểu rõ.

Mạnh mẽ và tiến thủ trong cuộc đời hoàn toàn giống mạnh mẽ và tiến thủ trong sự tự nhiên. Nắm và vận dụng sức mình một cách thoả đáng là điều số một trong quyết sách về cuộc đời, là điều then chốt cho sự thành công trong sự nghiệp của con người. Qui luật vận hành và phát triển dương cương (mạnh mẽ) trong tự nhiên mà Càn biểu thị, là điều chúng ta phải chú ý trước tiên khi vận dụng nguyên tắc tiến thủ.

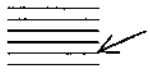


初九：潛龍勿用。

Sơ cửu: tiềm long, vật dụng

Hào Sơ cửu: rồng còn ẩn, không hành động

Tiềm, tức ẩn nấp. Thời xưa, rồng là thần vật trong tưởng tượng. Quẻ Càn lấy tượng là rồng, vì rồng cũng có sức mạnh dương cương, phát triển như giới tự nhiên, năng lượng phát triển cực lớn. Vật dụng, tức đừng làm gì cả. Hào này có tượng rồng ẩn không trông thấy, tĩnh mà không hoạt động. Theo cách giải thích truyền thống, bói được hào này thì không nên làm gì cả, vì vậy mới nói "Tiềm long vật dụng". Rồng là thần vật, biến hoá không lường, sức mạnh vô cùng, nhưng đang trong thời kỳ ẩn náu, đang manh nha, thì sức mạnh có hạn. Không dùng, chờ thời là cách lựa chọn hay nhất. *Hào này khuyên chúng ta rằng trước hết phải biết ẩn nhẫn đợi thời.*



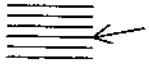
九二：見龍在田，利見大人。

Cửu nhị: kiến long tại điền, lợi kiến đại nhân.

Hào Cửu nhị: Rồng đã hiện trên cánh đồng, gặp đại nhân có lợi.

Kiến tức hiện, xuất hiện, nối tiếp câu "tiềm long" (rồng ẩn). Cửu nhị là hào 2 trong quẻ Càn, ở giữa Hạ quái, nên "đắc trung", địa vị có lợi. Rồng ẩn trong hào Sơ nay đã bay lên, tất sẽ làm nên chuyện. Được gặp một nhân vật lớn như vậy, tất nhiên là có lợi. Rồng ở ruộng rồi sẽ lên mây. Bói được hào này, hễ gặp đại nhân, tất sẽ hiển đạt, vì vậy mới nói "Kiến (hiện) long tại điền, lợi kiến đại nhân". *Hào này khuyên chúng ta rằng khi có thời cơ thì nên xuất kích.*

九三：君子終日乾乾，夕惕若，厲無咎。

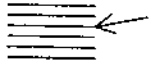


Cửu tam, quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược, lệ, vô cữu.

Hào Cửu tam: Quân tử suốt ngày hăng hái tự cường, đến tối vẫn còn thận trọng lo sợ, có nguy hiểm nhưng không có lỗi)

Quảng Nhã. Thích huấn giải thích: "càn càn, nghĩa là mạnh mẽ". *Thuyết văn*: "Dịch, nghĩa là kính nể". "Quảng nhã. Thích hổ" viết: "Dịch nghĩa là sợ". Kính và sợ nghĩa gần nhau. Hào này lấy chuyện của người để nói về tượng quẻ. Cửu tam ở số lẻ vị trí dương, vị trí cao nhất của Hạ quái, nếu quá cứng rắn sẽ gặp nguy hiểm. Lúc này phải luân thận trọng, ban ngày ẩn nhẫn, ban đêm lo lắng giữ mình, thì tuy ở hoàn cảnh nguy hiểm, cũng không có lỗi. Vì vậy nói rằng: "Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược, lệ, vô cữu", cũng có nghĩa là, rồng mà Cửu tam là đại biểu đang trong giai đoạn trưởng thành, lông cánh chưa đủ, phải cố gắng hơn nữa, nhưng phải cảnh giác đề phòng tai hoạ ập đến. *Hào này khuyên chúng ta rằng, dù có sức mạnh cũng phải biết cẩn thận, cảnh giác.*

九四：或躍在淵，无咎。

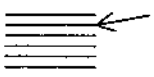


Cửu tứ: hoặc được tại uyên, vô cữu.

Hào Cửu tứ: Rồng nhào lộn ở vực sâu, không lỗi.

Hào này tiếp hào 3, dương. Rồng vốn là con vật ở dưới nước. Rồng vùng vẫy ở vực là tượng cho đặt đúng chỗ. Người mà đặt đúng vị trí cũng không có gì phải hối hận. Hào 4 là hào dương ở vị trí âm thì thiếu sự ổn định, chưa quyết được tiến hay lùi, tượng trưng cho đợi thời mà hành động. Phải nắm chắc thời cơ có lợi mà tiến thoái thì mới không nguy hiểm. Vậy mới nói "hoặc được tại uyên, vô cữu". *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải*

nắm chắc thời cơ.

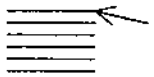


九五：飛龍在田，利見大人。

Cửu ngũ: phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân.

Hào Cửu ngũ: rồng bay trên trời, gặp đại nhân có lợi

Trang Tử. Thiên vận thiên viết: "Rồng lấy khí của mây mà nuôi dưỡng âm dương". Nằm yên ở ruộng, vùng vẫy ở vực, bay bổng trên trời, đều là bản năng có ở rồng. Rồng bay trên trời là tượng cho cưỡi mây. Lúc này rồng bay trên trời, căn cứ vào không gian hoạt động có lợi nhất thì như mặt trời lên tới đỉnh, chiếu khắp thiên hạ, tiềm lực vô tận. Hào Cửu ngũ ở vị trí giữa của Thượng quái, hào dương ở số lẻ mà "đắc chính", như nhân vật vĩ đại, cương kiện trung chính đã ngồi vào địa vị thống trị. Ngày xưa, Hoàng đế cho rằng "ngôi Cửu ngũ rất mực tôn quí" là có nguồn gốc từ hào này. Ngay dù là người thường, thì cũng nên phó tá vĩ nhân làm nên nghiệp lớn. Bói được hào này, hễ gặp đại nhân là có thể hiển đạt, nên nói rằng "phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân". *Hào này khuyên chúng ta rằng: có điều kiện thì lập tức thực hiện ý đồ của mình.*



上九：亢龍有悔。

Thượng cửu: kháng long hữu hối.

Hào Thượng cửu: Rồng lên cao quá, có hối hận

Thuyết văn giải thích: "Kháng nghĩa là dầm lớn. Kháng long, nghĩa là rồng sa xuống đầm nước. Đầm thì nông và nhỏ hẹp, nhiều cỏ lắm bùn. Thượng cửu là hào trên cùng của quẻ Càn, đã đạt tới tột đỉnh. Vật cực tất phản, không còn đường đi, như rơi từ trên trời xuống đầm nước, hoàn cảnh khốn quẫn,

không có cơ sở để tiến lui. Như người rơi vào cảnh quẫn bách, nên tỏ ra hối hận. Do vậy nói rằng "kháng long hữu hối". *Hào này khuyên chúng ta rằng, "vật cực tất phản" (sự vật đến tột cũng tất phát triển theo hướng ngược lại).*

用九：見群龍無首，吉

Dụng cửu, kiến quần long vô thủ, cát.

Dùng hào dương: Thấy bầy rồng không có đầu, tốt.

Câu này nối tiếp hào trên cùng. Dương cương đầy ắp, tất sinh hối hận, thế tất sinh biến. "Dụng cửu" là bói được quẻ Càn đều "lão dương", thế tất biến toàn bộ thành hào âm. Không thể không biến mà có thể biến, tức đại cát, là nắm được quy luật của tự nhiên, do vậy làm gì cũng lợi. Ví như nhiều rồng bay lên trời, đầu khuất trong mây mà chỉ thấy đuôi, là tượng rồng cưỡi mây bay lên, nên nói là cát.

"Tượng" viết rằng: "Trời vận động không ngừng, người quân tử tự cường không nghỉ".

"Rồng còn ẩn mình, vì dương ở dưới. Rồng hiện trên cánh đồng, đức đã ban khắp. Suốt ngày lo lắng giữa đạo của mình. Hoặc vùng vẫy trong vực sâu, tiến lên không có gì hối hận. Rồng bay trên trời, đại nhân sáng tạo. Rồng lên cao quá, có hối hận. Đầy thì không được lâu. Dụng cửu, thiên đức không thể xuất hiện dưới hình thức cái đầu".

Trên đây là "Tượng truyện" giải thích phần hào từ của quẻ Càn.

"Văn ngôn" viết: "Nguyên, đứng đầu mọi việc thiện; hạnh, hội đủ mọi điều hay; lợi hoà hợp mọi điều nghĩa; trinh, cái gốc của mọi việc. Người quân tử thực hành bốn đức này, nên gọi là nguyên hanh lợi trinh". Đây là "Văn ngôn truyện" triển khai thêm một bước phần thuyết minh của

"Thoán truyện" và "Tượng truyện" đối với hai quẻ Càn và Khôn, nhấn mạnh việc tu dưỡng phẩm đức của con người, mang đậm mầu sắc của Nho gia, về cơ bản, phù hợp với cách giải thích của *Tả truyện*. "Văn ngôn truyện" lại viết tiếp:

Sơ cửu nói rằng: "Tiềm long vật dụng" (Rồng còn ẩn, không hành động). Nói vậy nghĩa là thế nào?

Khổng tử nói rằng: "Long đức nhi ẩn giả dã. bất dịch hồ thế, bất thành hồ danh; tuần thế vô muộn, bất kiến thị nhi vô muộn; lạc tắc hành chi, ưu tắc vi chi; xác hồ kỳ bất khả bạt, tiềm long dã". (Người mà có đức hạnh của "tiềm long", thì ý chí của họ không vì thế tục mà thay đổi, cũng không tranh giành hư danh. Lui về ở ẩn mà trong lòng không buồn, chủ trương của mình không được chấp nhận cũng không vì thế mà bất bình. Chủ trương có thể thực hiện thì vui vẻ mà thực hiện, không thể thực hiện thì cũng cho qua. Ý chí kiên định, lòng tin vững vàng, đó chính là đức hạnh của tiềm long".

Cửu nhị nói rằng: "Kiến (hiện) long tại điền, lợi kiến đại nhân", nghĩa là thế nào?

Khổng tử nói rằng: "Long đức nhi chính trung giả dã. Dung ngôn chi tín, dung hành chi cẩn, nhàn tà tồn kỳ thành, thiện thế nhi bất phạt, đức bác nhi hoá. Dịch viết: Hiện long tại điền, chủng kiến đại nhân. Quân đức dã". "Long đức" thuần chính mà trung dung. Ngày thường nói năng phải giữ chữ tín, hành động phải nghiêm cẩn. Phải phòng ngừa những ý nghĩ bất chính, lòng phải ngay thẳng. Làm ơn cho người mà không khoe khoang, đức hạnh lan xa, cảm hoá được mọi người. Đây là phẩm đức phải có ở nhân vật lãnh đạo.

Cửu tam nói rằng: "Quân tử chung nhật càn càn, tịch dịch nhược, lệ vô cữu", nghĩa là thế nào?

Khổng tử nói rằng: "Quân tử tiến đức tu nghiệp, trung tín, sở dĩ tiến đức dã; tu từ lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp dã. Tri chí chí chi, khả dữ kỳ dã. Tri chung chung chi, khả dĩ tồn nghĩa da. Thị cố cư thượng vị nhi bất kiêu, tại hạ vị nhi bất ưu. Cố Càn Càn, nhân kỳ thời nhị dịch, tuy nguy vô cữu hĩ". Người quân tử tiến đức tu nghiệp, giữ trung tín là để tăng tiến phẩm đức, lời ăn tiếng nói lấy trung thực làm gốc, là nhằm lập nghiệp. Khi có thời cơ thì dốc toàn lực nắm lấy thời cơ. Biết lúc nào dừng thì kiên quyết dừng, phải vậy mới nắm được thoả đáng về mặt đạo nghĩa. Vậy nên, ở cương vị lãnh đạo mà không kiêu ngạo, làm thuộc hạ cho người khác mà không buồn lòng. Với tinh thần như vậy thì có thể tự cường không nghỉ, luôn thích ứng với thời cơ, lúc nào cũng cảnh giác, tuy gặp nguy hiểm cũng không đến nỗi mắc sai lầm.

Cửu tứ nói rằng: "Hoặc dược tại uyên, vô cữu", nghĩa là thế nào?

Khổng tử nói rằng: "Thượng hạ vô thường, phi vi tà dã. Tiến thoái vô hằng, phi li quần dã. Quân tử tiến đức tu nghiệp, dục cập thời dã, cố vô cữu". Lên xuống không nhất định, nên không được làm điều xằng bậy, tiến lui không mãi mãi, nên không được bỏ đồng loại. Người quân tử tu nghiệp tiến đức, là để nắm lấy thời cơ do vậy, sẽ không gặp tai hoạ.

Cửu ngũ nói rằng: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Thuỷ lưu thấp, hoả tựu táo, vân tòng long, phong tòng hổ, thánh nhân tác nhi vạn vật đổ. Bản hổ thiên giả thân thượng, bản hổ địa giả thân hạ, tắc các tòng kỳ loại dã". Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Nước chảy xuống chỗ thấp, lửa bén tới chỗ khô, mây bay theo rồng, gió bay theo cọp, thánh nhân xuất hiện mà vạn vật đều trông vào. Gốc là trời thì thân với trên, gốc là đất thì thân với dưới. Mọi vật đều theo loài của nó. Đoạn này nói về sự cảm ứng lẫn nhau của sự vật trong tự nhiên, để rút ra kết luận "Mọi vật đều theo loài của nó".

Thượng cửu nói rằng: "Kháng long hữu hối", nghĩa là thế nào?

Không tử nói rằng: "Quí nhi vô vị, cao nhi vô dân, hiền nhân tại hạ nhi vô phò, thị dĩ động nhi hữu hối dã". (Quí mà không có vị trí, cao mà không có dân, dưới trướng có người hiền mà không giúp gì được, như vậy mà hành động thì sẽ hối hận). Điều này nói lên rằng, khi sự vật đi đến tận cùng thì phát triển theo hướng ngược lại (vật cực tất phản).

Tiềm long vật dụng (Rồng còn ẩn, không nên hành động): còn thấp. Hiện long tại điền (rồng đã hiện ra trên cánh đồng): chờ thời cơ và tính thế để giải thích hào từ.

Tiềm long vật dụng, dương khí tiềm tàng. Hiện long tại điền, thiên hạ chung nhật càn càn, hành động theo thời, hoặc dược tại uyên, đạo trời đã mở. Phi long tại thiên, hợp cùng thiên đức. Kháng long hữu hối, đã tới tận cùng. Càn nguyên dụng cửu, thấy phép của trời.

Đoạn văn trên nhấn mạnh thiên đạo.

Càn nguyên, đức "nguyên" của Càn, vạn vật nhờ đó mà sinh sôi nảy nở, sự vật hanh thông. Lợi trinh, nghĩa là tính tình. Đức lớn đầu tiên của Càn là lấy cái đẹp làm lợi cho thiên hạ. Lớn lao vậy thay cái đức của Càn! Cương kiện trung chính là tinh tuý của Càn. Sáu hào phát huy, thông suốt sự vật. Gặp thời cưỡi sáu rồng, chế ngự cả bầu trời, làm mây làm mưa khắp thiên hạ.

Đoạn văn trên triển khai "Thoán truyện", ca tụng thiên đạo.

Tìm hiểu đạo lý mà các hào trình bày, ta có được những gợi ý dưới đây:

Một là, khi bạn mới bắt đầu sự nghiệp, sức lực có hạn, chưa thể làm lớn; hoặc ngoại cảnh ác liệt, bản thân sức lực không đủ sức đột phá để phát triển, thì nên ẩn nhẫn đợi thời, và phải chú ý tích trữ lực lượng, không được

manh động, làm những việc quá sức mình. Với cá nhân hoặc với người lãnh đạo Công ty đều phải như vậy. Thời Hán sơ, Lưu Bang khi còn trong tình trạng không thể đối mặt với Hạng Vũ, liền không tiếc lời nhún nhường để cầu hoà, chịu phong vương ở Hán Trung, đốt đường sạn đạo, lui về Hán Trung, đồng thời tích cực chiêu mộ nhân tài, chuẩn bị một ngày nào đó đánh lại Hạng Vũ. Lưu Bang lúc này như một "tiềm long", có sức mạnh, hễ gặp thời là xuất kích. Lưu Bị cuối đời Hán, bện giày bán chiếu, dựa vào Đào Khiêm, hàng với Tào Tháo, làm vườn tưới rau mà không tỏ ra xấu hổ, cũng là một "tiềm long". "Tiềm long vật dụng, dương tại hạ dã" (Rồng còn ở ẩn, không nên hành động, vì dương còn ở dưới) ý nghĩa là như vậy. Vậy nên "Văn ngôn truyện" mượn lời Khổng tử nói rằng: "Cái đức của rồng là biết giấu mình đi, không chạy theo thế tục, không chuộng hư danh: lánh đời mà không buồn, chủ trương của mình không được chấp nhận cũng không buồn; chủ trương có thể thực hiện thì vui vẻ mà thực hiện, không thể thực hiện thì cũng cho qua. Ý chí kiên định, lòng tin vững vàng, đó chính là cái đức của "tiềm long".

Hai là, khi sự nghiệp của bạn đã có một qui mô nhất định, đã có một sức mạnh nào đó, nhưng chưa đủ mạnh để triển khai những hoạt động lớn hơn, thì bạn hãy nhận thức cho đầy đủ tính có hạn của mình, trong khi phát triển cái qui mô nhỏ của bản thân, phải biết dựa vào sức lực của những người mạnh hơn, tranh thủ được sự giúp đỡ của họ, thì bạn có thể thành công gấp bội. Bạn có thể áp dụng điều này với cấp trên của bạn, hoặc ở xí nghiệp và Công ty khác. Ngựa thiên lý thường có, nhưng Bá Nhạc thì không thường có. Nếu không muốn bất kể sống chết xông vào máng để tranh phần, thì tìm đến người có sức mạnh để được ủng hộ và giúp đỡ là cần thiết. Đó chính là "Kiến long tại điền, lợi kiến đại nhân" của hào Cửu nhị.

Ba là, khi sự nghiệp của bạn đang trong thời kỳ phát triển, sức mạnh ngày càng tăng, thì nên dần do cân nhắc, cẩn thận giữ gìn, phấn đấu

không ngừng. Không nên vì thuận lợi nhất thời mà coi thường tất cả. Vì rằng sự vật thay đổi nhanh như chớp, chỉ một sai lầm nhỏ trong quyết sách, có thể dẫn đến thất bại cho toàn cục. Huống hồ lúc này bạn chưa đủ lông đủ cánh, không thể tuỳ tiện làm bừa. Do vậy, hào Cửu tam dậy rằng: "Người quân tử suốt ngày phấn đấu tự cường, tối đến còn nơm nớp giữ mình, nguy hiểm đấy, nhưng không có lỗi". Thành công khiến người ta để ý, tuy tốt đấy, nhưng chính sự thành công sẽ đem lại phiền toái, do vậy, phải thận trọng đề phòng.

Bốn là, khi bạn đã tích tụ được một sức mạnh hùng hậu, bước đầu bạn có thể thăm dò, thử sức, nhưng dứt khoát phải nắm chắc thời cơ mới hành động, tiến hay lui cũng phải nắm chắc thời cơ có lợi. Bằng vào sức mạnh cẩu bản thân, bạn có thể làm tất cả mọi việc mà mình định làm, cũng như con người đến tuổi trung niên, sự hiểu biết và kinh nghiệm khiến bạn có thể hành động thoải mái. Tuy vẫn chưa thể muốn làm gì thì làm, nhưng bạn đã nắm thời cơ tương đối chắc, do vậy, sử dụng sức mạnh của mình một cách thoả đáng. Con người đến tuổi trung niên, có rất nhiều cơ hội để chọn lựa, thành công hay không quyết định bởi bạn có chớp lấy thời cơ hay không. Về quĩ thời gian, bạn không có nhiều như những người trẻ tuổi. Hoặc là bạn nắm lấy thời cơ, tung hoành ngang dọc, đưa sự nghiệp của bạn lên đỉnh cao; hoặc là bạn để cho cơ hội tuột khỏi tay, và như vậy thấm thoắt đã cuối đời, chẳng xong được việc gì. Vì thế phải nhận thức được rằng, thận trọng chộp lấy thời cơ là đáng quí. Hào Cửu tứ "hoặc dược tại uyên" đầy sức sống, vùng vẫy thử sức, hoặc ẩn hoặc bay lên, tiến lui đều có cơ sở, tràn đầy sức mạnh tiềm tàng. Đây là điều báo trước một sự nghiệp rạng rỡ và phát triển tột bậc. Năm 206 trước công nguyên, Lưu Bang buộc phải nhận tước Vương, dẫn quân rút về Hán Trung, không vì thế mà liều mạng cùng Hạng Vũ, mà chỉ tích trữ lực lượng, lợi dụng tâm trạng nhớ quê của tướng sĩ, chọn Điền Vinh chống lại Hạng Vũ ở Tề, khiến Hạng Vũ không còn thì

giờ dòm ngó phía tây. Rồi lợi dụng sự thống trị của các Vương ở Tam Tấn chưa kịp củng cố, cất quân từ Trần Thương đột nhập Quang Trung, diệt các Vương của Tam Tấn, rồi thừa thắng kéo sang phía đông, đánh chiếm Bành Thành (nay thuộc Từ Châu, Giang Tô), căn cứ địa của Hạng Vũ. Quyết sách của Lưu Bang là một minh chứng hùng hồn của hào Cửu tứ.

Năm là, sau một thời gian dài chuẩn bị và phát triển, mỗi người đều chờ đón thời hoàng kim của mình. Lúc này, bạn đã thành thục, lắm mưu nhiều kế, có thể đối phó với mọi chuyên. Sự nghiệp hưng vượng, ý chí sung mãn, sức lực lớn mạnh, có thể làm theo ý mình. Lúc này, bạn nên phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của mình, huy động toàn bộ tiềm năng, thực hiện đến cùng kế hoạch của bạn, cũng là thực hiện giá trị cao nhất cuộc đời của bạn. Quyết sách của cá nhân là như vậy, quyết sách của một xí nghiệp, một công ty cũng phải như vậy. Lúc này, bạn như rồng bay trên trời, nắm trọn thiên thời địa lợi. Cửu ngũ "rồng bay trên trời" vừa có thể làm lớn cho riêng mình, vừa có thể giúp "đại nhân" khác thành công, cả hai chuyện đều được gọi là sự nghiệp. Nếu lười nhác thì chỉ lãng phí tài hoa và sinh mạng của mình.

Sáu là, phải nhớ rằng, dù bạn có đầy đủ sức mạnh, có thể muốn làm gì thì làm, thì bạn cũng phải biết tới biết lui, vì rằng kỳ đỉnh cao của bất cứ sự vật nào cũng có hạn. Với số đông mà nói, vì rằng tài năng của con người có cao có thấp, nên sự nghiệp của con người cũng có ta có nhỏ, do vậy, không nên chỉ hâm mộ sự nghiệp lớn lao của người khác, mà quan tr

Bảy là bạn đã phát huy đến cao độ tài năng của mình để đạt tới kết quả lớn nhất chưa? Do vậy, hành động và tư tưởng của con người trong lúc này là phải rất thực tế, không nên làm những việc mà sức mình không kham nổi, càng không nên cực đoan, để dẫn đến tiêu huỷ sự nghiệp của mình. Thượng cửu: "Kháng long hữu hối" là nhắc nhở mọi người không nên ỷ mình có sức mạnh mà đi tới cực đoan. "Văn ngôn" viết: "Kháng là

nói hành vi, biết tiến mà không biết lui, biết tồn mà không biết vong, biết được mà không biết mất. Duy chỉ có thánh nhân là biết tiến lui tồn vong, mà vẫn giữ được chính đạo, chỉ có thánh nhân mới làm được như vậy sao? Đây là lời giải thích đúng nhất cho hào Thượng cửu và Dụng cửu.

□ *Ghi nhớ:*

1 - Thời kỳ đầu lập nghiệp, phải biết ẩn nhẫn đợi thời, tích trữ lực lượng, không được manh động.

2 - Khi lực lượng chưa đủ mạnh, phải biết dựa vào sức mạnh của người khác.

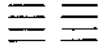
3 - Khi sự nghiệp phát triển thuận lợi, phải thận trọng chu đáo, phấn đấu không ngừng.

4 - Khi sức đã tương đối mạnh, phải biết thận trọng nắm bắt thời cơ.

5 - Thời kỳ đỉnh cao của sự nghiệp, phải phát huy tối đa tiềm năng của mình.

6 - Khi vận dụng nguyên tắc quan trọng nhất là cương cường và tiến thủ, phải biết tiến thoái, tồn vong.

2. 坤 KHÔN: CUỘC SỐNG NHU THUẬN, KHIÊM NHƯỜNG



坤上 Khôn trên

坤下 Khôn dưới

坤元亨，利牝馬之貞，君子有攸往。先迷，后得主，利西南得朋，東北喪朋。安貞，吉。

Khôn, nguyên hanh, lợi tẫn mã chi trinh. Quân tử hữu du vãng, tiên mê hậu đắc chủ, lợi tây nam đắc bằng, đông bắc táng bằng. An trinh, cát.

Khôn hanh thông bền như ngựa cái thì có lợi. Nếu quân tử làm gì lúc đầu lầm lạc, sau được lợi, mà lợi là chính. Đi hướng tây nam thì được bạn, đi hướng đông bắc thì mất bạn. An tâm thủ chính thì tốt.

Trong các quẻ của *Chu Dịch*, đối lập với quẻ Càn thuần hào dương, là quẻ Khôn thuần hào âm. Càn tượng trưng cho cương, Khôn tượng trưng cho nhu. Càn tượng trời, Khôn tượng đất. Càn là ngựa, là đầu, là cha, là quân chủ, còn Khôn thì là mẹ, là cái chảo, là trâu cái... tóm lại, là tất cả những thuộc tính vật chất có thể bao dung, và nhân nhượng. Bói được quẻ này, lúc đầu lạc đường mà sau gặp chủ, nên đi về phía tây nam, không nên đi về phía đông bắc, như vậy mới tốt lành. Đây là cách giải thích truyền thống. Đối chiếu với quẻ Càn ta thấy quẻ Khôn nói về nguyên tắc nhu thuận, khiêm nhường trong tự nhiên cũng như trong cuộc sống. Xưa nay, người

Trung Quốc rất coi trọng nguyên tắc nhu thuận trong phép tắc của tự nhiên, cho rằng cương và nhu dựa vào nhau, nối tiếp nhau trong sự phát triển của sự vật. Chỉ một mực tiến tới, chỉ biết có cương cường thì không thể đảm bảo cho sự nghiệp của bạn đi tới thành công. Bất cứ sự vật nào cũng có mặt phải và mặt trái, thiếu mặt nào cũng không xong. Quẻ Khôn trong *Chu Dịch* biểu thuật một cách tập trung nguyên tắc nhu thuận trong phép tắc của tự nhiên và trong cuộc sống. "Thoán truyện" viết: "lớn lao thay đức nguyên của Khôn vạn vật nhờ đó mà sinh sôi nảy nở, thuận theo lẽ trời. Khôn có đức dày, chở được vạn vật, hợp với thiên cương. Sức chứa to lớn, phẩm vật hanh thông". "Tượng truyện" viết: "đất có cái thế của Khôn, người quân tử có đức dày như đất, chứa được muôn vật". Con người ta đồng thời với cương cường và tiến thủ, phải có tính cách nhu thuận và khiêm nhường của Khôn. Rắn quá hoá gãy, có cương có nhu thì mọi việc sẽ thành. Dùng phẩm cách nhu thuận, khoan hậu để sử thế, chính là bổ trợ cho cương cường và tiến thủ. "Văn ngôn" viết: "Khôn rất nhu, nhưng động thì cương, rất tĩnh mà có hiệu quả, hậu đắc chủ là lẽ thường, chứa vạn vật mà làm cho sinh sôi nảy nở. Đạo của khôn thuận ở chỗ nào? gặp thiên thời thì hành động". Sách "Lão tử", cơ bản giảng về nguyên tắc nhu thuận. Trong thiên hạ không gì yếu mềm bằng nước, nhưng đánh phá kẻ mạnh thì không ai bằng nước. "không tranh chấp với ai, nên không có kẻ tranh chấp với mình". "người trên mà như nước, nước không tranh chấp với ai mà chỉ làm lợi cho vạn vật... Không tranh chấp nên không có sai lầm" "cong tất trọn vẹn, nghiêng tất thẳng tuốt, lõm tất đầy, cũ tất mới, ít tất được, nhiều tất nhi ngờ". Do vậy, Lão tử rất thích nhu thuận " nhu thắng cương, yếu thắng mạnh, thiên hạ không ai là không biết, nhưng không ai thực hiện". Lý luận của Lão tử là sự tổng kết của ông về tự nhiên và cuộc đời, càng phát huy đầy đủ những nguyên tắc của các quẻ trong *Chu Dịch*. Vẻ bề ngoài của nhu thuận không giống cương cường tiến thủ nhưng hiệu quả của nhu thuận trong thực tế không kém gì cương cường. Người xưa chủ trương ngoài tròn

trong vuông, tức nguyên tắc sử thế " ý chí thì tròn nhưng hành sử phải vuông" chính là vận dụng của nguyên tắc quẻ Khôn. Người xưa chủ trương tích thiện hành đức lấy khoan hậu, thoáng đạt mà đối nhân sử thế, tức như "Văn ngôn" viết: "nhà nào tích thiện thì của cải có thừa, nhà nào tích ác thì tai ương không thiếu", chính là yêu cầu mọi người phải sử thế theo nguyên tắc nhu thuận. Về tượng quẻ trái ngược với nguyên tắc của quẻ Càn là cương cường, tiến thủ tích cực hành động, quẻ Khôn chủ trương những nguyên tắc *mềm mỏng, cẩn thận, hàm xúc, rất mình, khiêm nhường.*

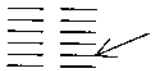


初六：履霜，堅冰至。

Sơ lục: Lý sương, kiên băng chí

Hào Sơ lục: chân đã dẫm lên sương thì chẳng bao lâu nước sẽ đóng băng.

Lí sương (dẫm lên sương) tượng trưng cho mùa thu; kiên băng (băng dày) tượng trưng cho mùa đông. Khi người ta giẫm lên sương, thì là lúc băng dày sắp tới, đây là tỉ dụ sự phát triển tiệm tiến của sự vật. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, phải đề phòng từ cái nhỏ tích dần thành cái lớn. "Văn ngôn" viết: "Nhà nào tích thiện, tất của cải có thừa, nhà nào tích ác, tất tai ương lãnh đủ. Bề tôi giết vua, con giết cha, không phải nguyên nhân một sớm một chiều, mà là cứ tích dần lại, không sớm nhận ra đó thôi! *Hào này khuyên chúng ta rằng phải từ cái nhỏ mà biết trước cái lớn.*



六二：直方大，不習，无不利。

Lục nhị: Trực, phương, đại, bất tập vô bất lợi

Hào Lục nhị: trong thẳng, ngoài vuông, độ lượng lớn thì chẳng cần sửa đổi gì nữa, không có gì bất lợi.

"Lục" là hào âm, "nhị" ở giữa Hạ quái, đắc trung. "Tượng truyện" viết: "Hào Lục nhị mà động thì thẳng và vuông, chẳng phải học tập mà không có gì là không lợi, đạo của đất rất sáng tỏ". Khôn là đất, cổ nhân cho rằng, trời tròn đất vuông, nên lấy "thẳng, vuông, lớn" để hình dung tinh thần chính trực, những phép tắc và qui mô lớn của đất, mà hễ là con người thì phải có tinh thần này. *Hào này khuyên chúng ta rằng mềm mỏng nhưng phải giữ vững trung chính.*

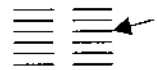


六三：咸章可貞，或從王事，无成有終。

Lục tam: Hàm chương khả trinh. Hoặc tòng vương sự, vô thành hữu chung.

Hào Lục tam: Hàm chứa đức tốt thì giữ được trinh chính. Hoặc giả theo đuổi vương nghiệp, không thành công, nhưng kết cục tốt.

"Chương" chỉ mầu sắc đẹp, dễ đập vào mắt khiến người khác ghen tị, vì vậy phải biết kiềm chế mà che giấu tài năng của mình, và cũng là người ta phải hiểu thế nào là hàm súc (ẩn chứa bên trong) không được để lộ quá rõ tài năng, như vậy mới có thể dùng tài đúng khi có dịp, khi cần thiết thì có thể giúp người. "Tượng truyện" viết rằng: "Ngậm chứa đức tốt để khi gặp thời thì thi thố. Hoặc khi theo việc nước thì càng vẻ vang". *Hào này khuyên chúng ta rằng phải khiêm tốn, biết giấu mình.*



六四：括囊，无咎，无譽。

Lục tứ: quát nang, vô cữu, vô dự.

Buộc miệng túi lại, không có lỗi, không được vinh dự.

Buộc miệng túi lại thì bên trong không có gì thoát ra, ngoài không có gì lọt vào. Mà con người đối với mọi việc không nghe không hỏi thì cũng giống như thế. Không nghe không hỏi, không có lỗi không được vinh dự, cho nên nói: "Buộc niệng túi lại, không có lỗi, không được vinh dự.". Hào Lục tứ là hào âm, lại ở dưới cùng của Thượng quái, đắc chính nhưng không đắc trung, quá âm nhu,cho nên cẩn thận thu mình lại. Lời Tượng nói: "Buộc miệng túi, cẩn thận nên không bị hại". *Hào này tỉ dụ vì âm nhu nên thu mình lại.*



六五：黃裳元吉。

Lục ngũ: Hoàng thường, nguyên cát .

Hào Lục ngũ: áo màu vàng, đại cát.

Học thuyết ngũ hành của Trung Quốc cổ đại cho rằng, mộc, hoả, thổ, kim, thuỷ tương ứng với các mầu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, đen; tương ứng với các phương vị đông, nam, trung (giữa) tây, bắc. Do đó, mầu vàng là để chỉ đất, ở giữa. Đây là một trong những lí do mà hào Lục ngũ của Khôn lấy tượng là mầu vàng. Người xưa cũng rất quí vàng, coi mầu vàng là mầu quí phái. "Kinh Thi. Lục y" viết: "Lục y hoàng thường", coi mầu vàng là mầu cát tường, do vậy mới nói "Hoàng thường nguyên cát". *Hào này khuyên chúng tta rằng, mềm mỏng có nghĩa là trung chính và rộng mở.*



上六：龍戰于野，其血玄黃。

Thượng lục: Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng .

Hào Thượng lục: rồng đánh nhau ở đồng nội, chảy máu đen vàng.

Hào Thượng lục ở vị trí mà sự mềm mỏng (âm nhu) đã đến tột đỉnh, âm đến cực điểm thì phải dương, mà quẻ Khôn thì toàn là hào âm. Hào Thượng lục âm cực phản dương, không thể không đấu tranh với dương, mà âm dương tương tranh tất yếu cả hai đều đổ máu. Thuyết xưa cho rằng, rồng có 5 màu: xanh, đỏ, trắng, đen, vàng. "Kỳ huyết huyền hoàng" (đổ máu đen máu vàng) là lấy tượng hai rồng đánh nhau máu chảy chan hoà, để tượng trưng cho tình thế vô cùng nguy hiểm, không còn lối thoát của hào Thượng lục, nhằm nói lên rằng, nếu quá mềm yếu tất gặp nguy hiểm, nên "Tượng truyện" viết rằng: "Rồng đánh nhau trên cánh đồng, đã hết đường". *Hào này khuyên chúng ta rằng rằng: "Vật cực tất phản".*

用六：利永貞

Dụng lục: Lợi vĩnh trinh.

Dùng hào âm: có lợi khi luôn vững bền.

Dụng cửu của quẻ Càn dạy người ta vận dụng thành thạo dương cương, tuân theo phép tắc của tự nhiên mà vạn vật sinh thành. Do vậy, Dụng cửu của quẻ Càn ở vị trí sáng tạo. Còn Dụng lục của quẻ Khôn thì dạy người ta vận dụng thành thạo nguyên tắc âm nhu, như sức chứa lớn của đất, nuôi dưỡng vạn vật, lại ở vị trí tòng thuộc, nên phải mãi mãi thuần chính, thì mới có kết quả tốt đẹp, vì vậy mới nói "lợi vĩnh trinh".

Qua những nguyên tắc được biểu đạt trong 6 hào của quẻ Khôn, chúng ta nhận thức được gì?

Một là, trong cuộc sống và trong sự nghiệp, trước hết bạn hãy học và rèn luyện để có bản lĩnh trông thấy cái lớn cái nhỏ, đề phòng cái nhỏ tích tụ thành cái lớn, chế ngự cái lớn từ lúc còn manh nha, hoặc có sự chuẩn bị trước để đề phòng. Trường hợp bất đắc dĩ, cũng phải nghĩ cách tránh tai hoạ có thể

xảy ra, như vậy sẽ không có những sai sót lớn. Sự phát triển của bất cứ sự vật nào cũng trải qua một quá trình từ manh nha đến nổ bùng, từ nhỏ đến lớn. ý nghĩa của hào Sơ lục "lý sương, kiên băng chí" là như vậy. Sau khi có sương giáng mùa thu, tất nhiên có rét buốt mùa đông. Do vậy, khi chân bạn dẫm lên sương, thì phải nghĩ rằng mùa đông băng giá sắp tới mà có sự chuẩn bị. Sự phát sinh của một số sự việc nhỏ, rất có thể là điềm báo trước một đại hoạ. Hiểu được điều này, người ta sẽ có biện pháp kịp thời để bảo vệ mình. Đầu đời Tây Hán, em trai cùng cha khác mẹ với Lưu Bang là Lưu Giao được phong làm Sở vương. Lưu Giao hiếu học, rất có tài, sau khi đến đất phong, dùng lễ mà đối xử rất hậu với các danh nho như Mục Sinh, Bạch Sinh, Thân Công... Mục Sinh không thích uống rượu, mỗi khi yến tiệc, Lưu Giao đều sai chuẩn bị rượu mùi (rượu ngọt) cho Mục Sinh uống. Lưu Giao mất, con trai là Lưu Mậu lên nối ngôi, lúc đầu còn chuẩn bị cho Mục Sinh rượu ngọt như cũ, nhưng sau thì quên luôn. Mục Sinh về nhà nói rằng: "Đã đến lúc ta phải ra đi! không chuẩn bị rượu mùi, tức là tình cảm của Sở vương đối với ta đã phai nhạt, bây giờ không bỏ đi, thì sau này sẽ ra pháp trường!" Bèn cáo bệnh xin nghỉ. Thân công và Bạch công thấy Mục Sinh không tiếp tục giúp Sở vương, bèn nói: "Sao ông không nể tình tiên vương một chút? Nay Đại vương vô tình thất lễ có một lần, hà tất phải như vậy làm gì? Mục Sinh trở lời: *Dịch* nói rằng, qua vài việc nhỏ là có thể thấy trước sự lành dữ, người quân tử phải hành động ngay từ khi sự việc mới phôi thai, không phải đợi đến ngày nó nổ ra! Tiên vương lấy lễ mà đãi ngộ ba chúng ta, chính là vì trong lòng tiên vương có đạo. Nay Sở vương không nhớ rượu ngọt, tức là trong lòng không còn đạo nữa. Người đã quên mất đạo, thì ở lâu dài sao được? Tôi đâu có vì một tiểu tiết mà bỏ đi! "Nói rồi cáo bệnh xin nghỉ, không làm quan nữa, còn Bạch công và Thân công ở lại.

Sau khi Mục Sinh bỏ đi, Sở vương ngày càng ngông cuồng, cùng Ngô vương Lưu Tị mưu phản. Thân công và Bạch công ngăn, nhưng Sở vương

không nghe, còn bắt giam hai người, rồi cho mặc áo tù ra giã gạo ngoài chợ. Câu chuyện trên là minh chứng hùng hồn tầm nhìn xa thấy rộng, từ cái sảy, thấy nảy cái ung. Nếu không giỏi phát hiện sự việc từ lúc còn trứng nước, để nó nổ ra mới đối phó thì không thất bại cũng đã bị làm nhục.

Hai là, mềm mỏng và khiêm nhường không có nghĩa là từ bỏ tính năng động chủ quan, chỉ biết a dua, xu phụ người khác, mà nó là thái độ khoan dung, cẩn thận trong khi kiên trì nguyên tắc và chính nghĩa. Về "trực, phương, đại, bất tập vô bất lợi", "Văn ngôn" giải thích rằng: "Giữa chính cho ngay thẳng, giữa nghĩa cho vuông vức. Người quân tử giữ chữ kính trong lòng để bảo vệ chữ nghĩa ở ngoài, nếu đức kính nghĩa, thì đức mới không bị cô lập". Vậy "trực, phương, đại, bất tập vô bất lợi" nghĩa là, người quân tử chỉ cần giữ thái độ cung kính, cẩn thận để bảo vệ sự chính trực trong lòng, bảo vệ tính chất chính nghĩa trong hành động của mình, thì phẩm đức sẽ không bị cô lập, cũng không còn nghi ngờ hành động của mình đúng hay sai. Cấp Ám là đại thần Tây Hán, ông trung thành tuyệt đối với Hán Vũ Đế, nhưng biểu hiện bên ngoài thì ông khuyên can và phê phán kịch liệt những hành vi bất cập của nhà vua. Hán Vũ Đế giận điên lên nhưng rất hiểu con người Cấp Ám, nên vẫn trọng dụng. Ngược lại với Cấp Ám là Lý Tư. Công lao của Lý Tư đối với Tần Thuỷ Hoàng trong sự nghiệp thống nhất thiên hạ thì không ai sánh kịp. Nhưng ông ta luôn a tòng thói bạo ngược của Tần Thuỷ Hoàng, thân làm Tể tướng mà không can ngăn Tần Thuỷ Hoàng thi hành chính sách tàn bạo. Tần Thuỷ Hoàng Đế, Lý Tư lại xu phụ Triệu Cao, chiều theo những sở thích của Triệu Cao, để mong được Tần Nhị Thế sủng ái. Hậu quả là không những tiêu ma giang sơn nhà Tần, mà bản thân cũng không thoát được tội phanh thây. Phụ hoạ vô nguyên tắc thì hậu quả là như vậy. Do đó, phải để xướng "ngay thẳng, vuông vức, rộng lớn, không làm những điều không có lợi".

Ba là, nhu thuận có nghĩa là sống khiêm tốn và biết giấu mình. Bất kể khi nào, con người cũng phải hiểu được cái lẽ của sự khiêm tốn và biết tự giấu mình, dù mình có tài hơn người cũng phải thận trọng, khiêm tốn, không được kiêu ngạo. Do vậy, hào Lục tam mới nói rằng: "Hàm chương khả trinh". "Văn ngôn" viết: "Sự mềm mỏng tuy là mĩ đức, nhưng không được phơi ra lồ lộ. Đây là nguyên tắc của đất, của người vợ, của bề tôi". Từ một khía cạnh mà xét, cũng là một nguyên tắc mà tất cả những người ở địa vị phụ thuộc phải tuân thủ. Với người quân tử có tài, có tài mà không cậy tài, có đức mà không kiêu ngạo, người như vậy mới làm nên đại sự. Những người ở cương vị lãnh đạo cũng phải hiểu rằng, đây cũng là nguyên tắc trong lãnh đạo. Người nào thực sự được nghệ thuật lãnh đạo thì không bao giờ ngạo mạn, tự cao tự đại với mọi người. Nếu không thế, bản thân sẽ bị cô lập.

Bốn là, nhu thuận có nghĩa là phải cẩn thận trong lời nói việc làm, phải biết ngụy trang tài năng của mình. Tác dụng của sự kiềm chế và cẩn thận trong lời ăn tiếng nói, trước hết là để tự bảo vệ, vì rằng để lộ ra sự sắc sảo của mình, sẽ khiến người khác đề phòng và công kích. Cũng như cái dùi trong túi, lúc thường kín đáo không ai biết, khi gặp việc mới ló ra phát huy tác dụng; nếu lúc nào cũng lộ ra ngoài, người ta sẽ phòng bị, dù có ý tốt cũng bị coi là xấu. Hào Lục tứ viết: "Quát, vô cữu, vô dự", giấu mình như thắt chặt miệng túi, tuy bị Tuân tử diễu là hủ nho, nhưng trong chừng mực nhất định, bảo vệ được mình. Hai nữa, giấu mình là kiềm chế được bản thân, kiềm chế được ý chí, với tiền đề là cơ trí linh hoạt nhằm thận trọng trong hành vi để người dễ chấp nhận, vậy là mới gọi là ngoài mềm trong rắn, ngoài tròn trong vuông. Và như vậy cũng là một sự rèn luyện. Nội tâm cơ trí thành thục, lại có phương thức biểu đạt thoả đáng vậy mới không bị bất lợi trong bất kỳ hoàn cảnh nào. "Văn ngôn" giải thích hào này như sau: "Trời đất biến hoá thì cây cỏ tươi tốt, trời đất khép lại thì người hiền đi ẩn". Dịch nói rằng: "Quát nang, vô cữu, vô dự" là như vậy.

Năm là, vận dụng nguyên tắc nhu thuận, có nghĩa là phải bồi dưỡng phong độ của mình. Trong một chừng mực nhất định, nhu thuận có thể trau dồi tính kiên định, khiến bản thân không hấp tấp nóng vội, đầm tĩnh mà điềm đạm. Giữ vững nguyên tắc chính trực, không vội tỏ thái độ, nhưng cũng không thay đổi thái độ và chủ trương của mình một cách tuỳ tiện. Chỉ có như vậy, mới có thể tỉnh táo quan sát sự vật, suy nghĩ đối sách, nâng cao tính chính xác của quyết sách. Tấm lòng bao dung và phong độ đàng hoàng, khiến bạn có thể xử lí tốt quan hệ với mọi người, được mọi người kính trọng và tin cậy. Nhưng ta phải nhớ rằng, bình tĩnh điềm đạm, khoan dung, không phải là "trung dung" theo quan niệm truyền thống. Hào Lục ngũ đắc trung mà khiêm tốn, có sức mạnh mà khí phách siêu phàm, là điều mà chúng ta phải đạt tới. "Văn ngôn" đánh giá rất cao phẩm đức mà hào Lục ngũ tượng trưng: "Người quân tử hiểu rõ cái lẽ của mầu vàng (đức trung) thông suốt đạo lý, ở ngôi cao mà vẫn khiêm, tự coi mình ở thế dưới, như vậy mà chất tốt đẹp ở bên trong mà phát ra bên ngoài, làm nên sự nghiệp lớn, tốt đẹp như vậy là cùng cực. Câu trên là danh ngôn trong lịch sử mĩ học Trung Quốc. Bồi dưỡng tố chất cao siêu, vận dụng nó vào trong sự nghiệp và trong cuộc sống, đó chính là điều mà những con người chính trực theo đuổi.

Sáu là, vận dụng nguyên tắc âm nhu, quyết không được cực đoan. Nếu như trong cuộc sống và trong sự nghiệp, bạn luôn luôn a tòng, khiêm nhường, co lại, cẩn thận, không nói gì, không có ý kiến gì, chỉ hành động theo ý người khác, thì nhất định không làm nên chuyện gì. Đó là sự nhu nhược và bất tài, mà không phải là sự vận dụng âm nhu một cách thoả đáng. Vì vậy, hào Thượng lục của quẻ Khôn nhắc nhở ta rằng, âm nhu một cách thái quá tất gặp nguy hiểm. Đồng thời, hào Thượng lục lại dạy ta rằng, khi vận dụng phép âm nhu của quẻ Khôn phải khiêm tốn, trung chính, ngoài tròn mà trong vuông (ngoài mềm mỏng mà bên trong cứng rắn), phải

tỉnh táo, khách quan, quyền biến, nhu mà có thể cương, nhược mà có thể cường, mới có thể được coi là đã vận dụng thoả đáng phép âm nhu, mới có thể biến hung thành cát, thành công trong hành động.

Tổng quát những điều trên, khi vận dụng phép âm nhu, ta phải:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Từ cái sẩy thấy được sẽ nảy cái ung mà chặn ngay từ khi nó còn trứng nước.

2 - Khoan dung, cẩn thận với điều kiện kiên trì nguyên tắc trung chính.

3 - Phải biết khiêm tốn, và biết tự giấu mình.

4 - Phải biết kiềm chế, mềm mỏng đi đôi với cứng rắn bên trong.

5 - Bồi dưỡng trình độ, vận dụng vào trong sự nghiệp.

6 - Phải biết quyền biến, không được chỉ có mềm mỏng

3. 屯 Truân: chọn đúng đột phá khẩu mà dựng nghiệp



坎上 Khảm trên
震下 Chấn dưới

屯元亨利貞，勿用有攸往，利建侯。

Truân, nguyên hanh lợi trinh, vật dụng, hữu du vãng lợi kiến hầu.

Quẻ Truân: lúc đầu khó khăn, sau hanh thông, chính bền thì có lợi.

Truân là quẻ thứ ba trong *Chu Dịch*, sắp xếp ngay sau quẻ Càn và quẻ Khôn. "Tự quái truyện" viết: "Có trời đất, rồi sau có vạn vật". Giữa trời và đất, duy chỉ có vạn vật, do đó gọi là chứa đầy, truân là vật bắt đầu sinh sôi nảy nở". Nghĩa nguyên thuỷ của Truân là cây cỏ nảy mầm trên mặt đất, do vậy có hàm nghĩa là sinh mệnh mới bắt đầu. Càn là trời, Khôn là đất, sau khi có đất trời, thì có mầm sống sinh mạng của vạn vật và sự phát triển của chúng, do vậy, quẻ Truân xếp liền sau qủt Càn và quẻ Khôn. Sinh mạng trong thời kỳ manh nha thường là đầy sức sống, do vậy Truân có nghĩa là "tràn đầy", tượng trưng cho tiến đồ rộng lớn và sáng sủa. Nhưng sinh mạng trong thời kỳ manh nha lại thường gian truân đầy nguy hiểm, nguyên do là vì sức mạnh bản thân của sinh mạng trong thời kỳ này quá nhỏ bé, yếu ớt. Do vậy, quẻ Truân luôn nhắc nhỏ mọi người về những khó khăn trên con đường tiến lên. Sinh mạng trong thời kỳ đầu, tuy điều kiện gian nan, hoàn cảnh ác

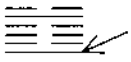
liệt nhưng sức sống của nó chẳng khác sau mùa đông là mùa xuân, không sợ gian nan, ý chí kiên định mà thuần chính. Do vậy, quẻ Truân có đầy đủ bốn đức nguyên, hanh, lợi, trinh. Nhưng lúc này, sự sống hãy còn bé nhỏ, dễ đổ vỡ, chưa dùng vào việc lớn được, nên mới nói rằng: "vật dụng", tức không thể tuỳ tiện, manh động, mà phải lấy tĩnh làm chính, chờ đợi thời cơ. Nhưng cây cỏ một khi đã nảy mầm, sẽ chắc chắn lớn lên, tiền đồ vô hạn, do đó nói rằng "hữu du vãng", tức có lợi lâu dài. Truân có thể giải thích là khó khăn, gian truân, quái từ hào từ cũng nói về những chuyện gian nan, khó khăn, gian trong sinh đẻ, trong những việc lớn v.v...Trái lại, an cư kiến hầu là có lợi. Kiến hầu là kiến lập chư hầu. Ngày xưa (chủ yếu là thời kỳ Ân Thương) chư hầu kiến quốc, mỗi vị chư hầu lên ngôi đều do thiên tử bổ nhiệm, gọi chung là kiến hầu, "lợi kiến hầu", tức lợi kiến chư hầu, cũng có nghĩa là làm những việc lớn thì có lợi, lợi cho đại sự. Điều kiện tuy khó khăn, nhưng chỉ cần phấn đấu vươn lên thì sẽ lập công lập nghiệp, do đó nói là "lợi kiến hầu", quẻ này tốt.

Qua những điều trình bầy trên đây, ta thấy rằng, quẻ Truân biểu đạt chủ yếu những khó khăn gian khổ mà vạn vật trtong vũ trụ gặp phải thuở sơ sinh, và những đối sách tương ứng cần thiết. Phải nghĩ rằng, chiêm bốc *Chu Dịch* là nhằm phục vụ trực tiếp cho người xem bói thời ấy để họ tham thảo. Vì vậy, những tỉ dụ và ẩn ngữ hoàn toàn có thể vận dụng cho xã hội và nhân sự hiện nay, chỉ cần tước bỏ cái vỏ ngoài thần bí của các quái từ và hào từ, rồi vận dụng trực tiếp vào những quyết sách trong cuộc sống là được. Những khó khăn ban đầu trong thời kỳ sơ sinh của vạn vật rất giống những khó khăn ban đầu trong thời kỳ sáng nghiệp của con người. Tất cả sự vật trong cuộc sống xã hội, trong đó kể cả sự nghiệp mà mỗi người theo đuổi, thuở ban đầu đều tràn đầy hy vọng_nhưng cũng đầy khúc khuỷu gập ghềnh.

Trong cuộc sống ta thường nói rằng: "Vạn sự khởi đầu nan". Khó là

khó ở chỗ tất cả chưa có nền nếp, người ta đứng trước sự vật phức tạp, rối tinh rối mù, thường là không biết bắt đầu từ đâu. Tương lai chỉ vô cùng sáng sủa, nhưng cũng vô cùng rối rắm, lựa chọn mục tiêu cho mình như thế nàolà một công việc khó khăn đối với mỗi người. Sự thực hiển nhiên là, công việc trước mắt tuy chưa lần ra đầu mối, tương lai thì cũng chưa nắm chắc, nhưng do bởi đây là thời kỳ khai sáng, có rất nhiều cơ hội, chỉ cần làm việc một cách chắc chắn và cố gắng mà nắm lấy thời cơ, thì mỗi người chúng ta đều có khả năng thành đạt. Thời cơ là quan trọng, mà tinh thần phấn đấu và khả năng của con người cũng srất quan trọng. Trong thực tế thường là có rất nhiều cơ hội (dù là công tác hay kinh doanh hoặc để bạt thăng chác) vụt qua trước mặt ta, nhưng do bản thân hoặc do nguyên nhân khách quan, số đông trong chúng ta khong chớp được những cơ hội đó, biến nó thành hiện thực. Nguyên nhân trước tiên là tại mình, mỗi người chúng ta phải hiểu rằng, dựng nghiệp tuy khó khăn, nhưng chỉ cần ta phấn đấu vươn lên, tương lai sẽ rất sáng sủa. Vì vậy quẻ Truân trong *Chu Dịch* dùng tượng cây cỏ nảy mầm để đại biểu cho một tình thế đặc thù của con người khi mới bắt đầu dựng nghiệp đầy rẫy khó khăn, rối rắm nhưng cũng tràn đầy hi vọng vào tương lai sáng sủa. Cây cỏ sau khi nẩy mầm, chắc chắn sẽ lớn lên, dù có ở kẽ đã cũng phải tìm nơi cắm rễ. Con người, chỉ Cần quyết tâm phấn đấu - điều kiện tiên quyết để kiến công lập nghiệp. Người Trung Quốc thường nói: "Thời loạn đẻ ra anh hùng". Thời loạn sở dĩ đẻ ra anh hùng, là bởi vì thế sự rối ren, biến đổi liên tục, mà trong cái "biến" đó, có rất nhiều cơ hội đáng giá. Nắm chắc thời cơ, có quyết sách chính xác, bạn có khả năng trở thành "anh hùng". Những nhân vật nổi tiếng trong lịch sử, đặc biệt là nhưng ông vua mở nước, như Hán Cao Tổ Lưu Bang, Quang Vũ Đế Lưu Tú, Ngụy Vũ Đế Tào Tháo, Đường Thái Tôn Lý Thế Dân, Tống Thái Tổ Triệu Khuông Dận, Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương v.v... không ai là không quật khởi trong loạn lạc. Trong thời bình, Lưu Bang chẳng qua chỉ là Đình trưởng kiêm lưu manh, Lưu Tú chẳng qua chỉ là tài

chủ, Tào Tháo chỉ là một danh thần, Lý Thế Dân chẳng qua chỉ là một quí công tử, Lưu Bị lại còn phải bện dép bán chiếu, Chu Nguyên Chương quá lắm cũng chỉ là một sư hổ mang, không theo luật lệ nhà chùa. Một xã hội có trật tự và ổn định không cần những "anh hùng" này, mà chính là cuộc sống đã tạo cho họ cơ hội, vấn đề là ở chỗ ta có khả năng nắm bắt hay không. Do vậy, anh tài không sợ thời loạn. Sự hỗn loạn và rối rắng không phải là chuyện dở đối với những người muốn xây dựng cơ nghiệp. Đương nhiên, những khó khăn buổi đầu dựng nghiệp quả thật đã gây tai hoạ cho rất nhiều người, khiến họ thất bại ngay từ đầu, và sau đó là biệt tích, không để lại dấu vết. Nhưng đây chính là cuộc thanh lọc kiểu lãng đào sa, cát trôi đi, vàng còn lại. người nào kém tài, sai lầm trong quyết sách và hành động, tất nhiên bị đào thải. Với kẻ anh tài, thì những khó khăn trong buổi đầu dựng nghiệp lại là sự rèn luyện. Mỗi người đều có khả năng thành đạt, nhưng không phải ai cũng thành đạt. Buổi đầu dựng nghiệp là một mấu chốt của thành bại. Mỗi người chúng ta có những lúc lầm lạc, muốn định ra quyết sách, lựa chọn mục tiêu, tìm đột phá khẩu một cách chính xác, thì phải tuân theo lời nhắc nhở của quẻ Truân trong *Chu Dịch*. "Thoán truyện" viết rằng: "Truân, cương nhu thuỷ giao nhi nam sinh... Lôi vũ chi động mãn doanh, thiên tạo thảo muội, nghi kiến hầu nhi bất ninh", trời đất khi mới hình thành, hỗn loạn vô cùng mà đầy khó khăn gian khổ, nhưng đây chính là lúc dựng nên nghiệp công hầu. "Tượng truyện" viết: "Vân, lôi, truân. Quân tử dĩ kinh luân", người quân tử phải lấy mây gió, sấm chớp, gian truân làm kinh luân mà kiến công lập nghiệp trong lúc này".



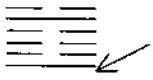
初九：盤桓，利居貞，利建侯。

Sơ cửu: Bàn hoàn, lợi cư trinh, lợi kiến hầu

Hào Sơ cửu: do dự, có trở ngại. Chính bền thì có lợi, tìm người giúp mới có lợi.

"Văn tuyển. Hải phú" dẫn chú thích của "Thanh loại" về chữ

"bàn", giải thích rằng: "Bàn là phiến đá lớn", "hoàn" đồng nghĩa với "viên" (tường vách). *Thuyết văn*: "Viên là bức tường thấp". Sơ cửu mở đầu cho quẻ Truân, "Bàn hoàn" là chỉ trạng thái tiến thoái lưỡng nan, do dự không quyết. Nhưng đây là hào dương ở vị trí dương nên đắc chính, kiên trinh thì có lợi, do vậy mới nói "lợi cư trinh lợi kiến hầu", buổi đầu gian nan, khiến người ta trù trừ, nhưng đây là lúc có thể làm nên chuyện, kiên trì thì có lợi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thời kỳ đầu dựng nghiệp phải kiên trì.*

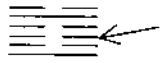


六二:屯如，邅如，乘馬班如,匪 寇，婚媾。女子貞不字，十年乃字。

Lục nhị: Truân như, chuyên như, thừa mã ban như. Phỉ khấu, hôn cấu. Nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự.

Hào Lục nhị: bồi hồi, quanh quẩn, xe ngựa sắp hàng, lấy vợ kiểu cướp giật. Gái trinh đừng lấy hắn, mười năm nữa hãy lấy chồng.

"Truân", "chuyên", vị như "phân vân", muốn tiến mà không tiến được. "Phỉ khấu", không phải là cướp giật, "hôn cấu" là hôn nhân. "tự" là lấy chồng. Lục nhị là hào âm ở vị trí dương, lại ở giữa Hạ quái, do vậy là trung chính. Trên thì bị Cửu ngũ, dưới thì bị Sơ cửu chèn ép, khó mà tiến lên. "Nữ tử trinh bất tự, thập niên nãi tự", người con gái phải đợi mười năm sau mới lấy chồng, để ví hoàn cảnh không bình thường. "Tượng truyện" viết rằng: "Cái nạn của Lục nhị là bị cưỡng ép, mười năm mới lấy chồng, là không bình thường". *Hào này khuyên chúng ta rằng trong hoàn cảnh khó khăn, ý chí phải kiên định, không hành động khi có hiện tượng không bình thường.*

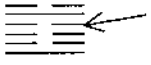


六三:即鹿，无虞，惟入于林中，君子幾不如舍，往吝

Lục tam: Tức lộc vô ngu, duy nhập vu lâm trung, quân tử cơ bất như xả, vãng lận.

Hào Lục tam: đuổi hươu mà không có quan coi rừng giúp sức, chỉ mắc kẹt trong rừng sâu. quân tử bắt hươu không bằng thả hươu đi, không hối hận.

Thuyết văn giải thích:"Tức" là "ăn". *Quảng nhã. Thích hổ*: "Tức" nghĩa là tựu. Tức lộc, nghĩa là đuổi hươu, truy bắt hươu. "Ngu" là quan coi rừng ngày xưa. "Cơ" đồng nghĩa với "gần". "Cơ bất như xả", ý nói người quân tử bắt hươu không bằng tha cho hươu, "lận" là khó khăn. Lục tam là hào âm mà ở vị trí dương là bất chính, muốn hành động mà không có cách hành động, cứ làm liều, tất bị khốn quẫn. "Tượng truyện" viết: "Đuổi hươu mà không có quan coi rừng giúp sức, thì không bắt được, chỉ kẹt trong rừng sâu. Quân tử tha cho hươu, không có gì hối tiếc". *Hào này khuyên chúng ta rằng phải hiểu rõ thời thế, nhận thức rõ cái gì nên lấy, cái gì nên bỏ, không được manh động.*



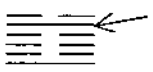
六四：乘馬班如，求婚媾，往吉。无不利

Lục tứ: Thừa mã ban như, cầu hôn cấu, vãng cát, vô bất lợi.

Hào Lục tứ: lên ngựa mà vẫn quanh quẩn để cầu hôn. Tiến lên thì lợi, không có gì bất lợi.

"Ban" đọc là "bàn" nghĩa là xoay tròn. Lên ngựa rồi mà cứ quanh quẩn để cầu hôn. Lục tứ là hào âm, bị kiềm chế bởi hai hào Sơ cửu và Cửu ngũ, ý chí dao động, tiến thoái lưỡng nan, như thúc ngựa cầu hôn mà cứ chạy quanh chạy quẩn, không đúng yếu lĩnh. Nhưng Lục tứ kế cận Cửu ngũ, tiến lên thì tốt. Chỉ cần tiến lên là cát tường, do đó nói rằng: "vãng cát, vô bất lợi". "Tượng truyện" viết: "Cầu mà tiến lên, vậy là sáng suốt". *Hào*

này khuyên chúng ta rằng, phải cân nhắc khó khăn, khi gặp tình trạng tiến thoái lưỡng nan thì phải có thái độ kiên quyết tiến lên.

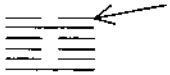


九五：屯其高，小貞吉，大貞凶。

Cửu ngũ: Truân kỳ cao, tiểu trinh cát, đại trinh hung.

Hào Cửu ngũ: tích trữ thịt mỡ, ít thì còn đuợi, nhiều thì xấu.

"Truân" nghĩa là tụ, tập trung. *Thuyết văn* giải thích: "Cao, nghĩa là béo", chỉ thịt mỡ. "Truân kỳ cao" nghĩa là tích trữ thịt mỡ. Thượng quái của quẻ Truân là quẻ Khảm, khảm là chỗ trũng, chỗ hiểm. Hào Cửu ngũ tuy trung chính nhưng lại ở giữa quẻ Khảm, là chỗ hung hiểm, có sức mạnh mà không thi thố được. Giống như tích trữ thịt mỡ, tích mà không dùng, tích mà không đem ra thi thố. Giữ thuần chính, khi gặp việc nhỏ còn khả dĩ, gặp việc lớn thì ắt là hung. "Tượng truyện" viết: "Tích thuần mỡ thì không thể sử dụng có hiệu quả cao", sự việc chắc không thể mĩ mãn. Do vậy *hào này khuyên chúng ta rằng khi gặp khó khăn mà không có ngoại viện, thì nên thủ thế để tự bảo vệ, không nên mạo hiểm.*



上六：乘馬班如，泣血連如。

Thượng lục: Thừa mã ban như, khấp huyết liên như.

Hào Thượng lục: lên ngựa rồi mà vẫn dùng dằng, khóc chảy máu mắt.

"Liên" nghĩa là ròng ròng, chảy tràn. "Thừa mã ban như, khấp huyết liên như" tượng cho dùng dằng không ra đi một cách dứt khoát mà thê thảm. Hào Thượng lục tuy âm nhu, nhưng đã lên đến cực điểm cùng đường mạt lộ, lại không có sự trợ giúp, tiến lên thì không được gì, rút lui cũng

không có gì để giữ, do vậy lo sợ đến phát khóc. "Tượng truyện" viết: "khóc đến nỗi nước mắt chảy đầm đìa, nước mắt sao mà dài vậy?", nước mắt sao mà dài vậy?". *Hào này khuyên chúng ta rằng, vật cực tất phản.*

Tổng hợp tất cả những điều trên đây của quẻ Truân, ta thấy trong thời kỳ sáng nghiệp, phải nhớ kỹ những điều nhắc nhở dưới đây:

Một là, khi mới bắt đầu dựng nghiệp, người nào cũng có thể gặp khó khăn, đều có sự phân vân và lầm lạc. Các sự vật bày ra trước mắt thì nhiều và phức tạp, đầy tính mê hoặc. Đây chính là lúc kiếm công lập nghiệp, tha hồ vùng vẫy thi thố tài năng. Quan trọng nhất trong thời kỳ nàylà không vội xuất kích, mà trước hết phải kiên trì chính đạo, chí hướng thuần chính, hành vi đoan chính, lựa chọn con đường đúng đắn nhất, thì bước thứ nhất không đặt chân vào con đường sai lầm, sai một li đi một dặm. Dù chúng ta định trở thành nhà khoa học, nhà văn hoặc nhà kinh doanh, hoặc mưu đồ một sự nghiệp nào đó, thì công việc đầu tiên là phải nhớ kỹ lời nhắc nhở này. Với những thanh thiếu niên mới vào đời, lại càng phải như vậy.

Hai là, khi mới bắt đầu dựng nghiệp, các tình huống thường phức tạp rối rắm, khiến người hoa mắt, không biết nên làm thế nào, khó khăn chồng chất. Lúc này, phải kiên định ý chí, giữ vững lập trường, không vì những muốn nhất thời mà lầm đường lạc lối, cũng không được dao động vì những hiện tượng không bình thường tạm thời, càng không nên khuất phục trước những sức ép. Chỉ cần kiên định ý chí là mọi việc sẽ cát tường. Năm 1927, quốc Dân đảng làm cuộc đảo chính, cách mạng thất bại. Rất nhiều người không chịu nổi sức ép, đã rút khỏi hành ngũ cách mạng. Chỉ một số ít đảng viên cộng sản và những người cách mạng ý chí kiên định đã giữa vững lòng tin, chiến đấu không quản đầu rơi máu chảy trong suốt 20 năm, cuối cùng đã giành thắng lợi. Cuối đời Minh, Lý Tự Thành và Trương Hiến Trung, hai cánh quân khởi nghĩa của nông dân, bị thất bại vì lực lượng quá nhỏ bé. Lý Tự Thành thua trong trận Thương Lạc Sơn, Trương Hiến Trung thua trong

trận Lão Hà khẩu, phải đầu hàng nhà Minh. Nhưng họ không nản chí vì thất bại tạm thời mà tích trữ lực lượng, chỉnh đốn quân ngũ, cuối cùng giành được thắng lợi.

Ba là, khi mới bắt đầu dựng nghiệp, phải biết nắm lấy thời cơ, phân biệt rõ cái gì nên lấy, cái gì nên bỏ, không được tuỳ tiện, manh động. Buổi đầu dựng nghiệp, thường sức mạnh có hạn, chịu không nổi vấp váp, bất cứ sai lầm nào cũng có khả năng dẫn tới tai hoạ. Do vậy, trong khi tình hình chưa rõ, triển vọng chưa đoán trước được, thì phải ra sức thu thập tin tức, phân tích nghiên cứu kỹ càng, từ đó nắm lấy thời cơ, đưa ra một quyết định chính xác. Khi mục tiêu đã được chọn, nhằm đúng thời cơ,thì phải nhanh chóng hành động mới có kết quả tốt đẹp. Nếu mục tiêu chưa được xác định, hoặc thời cơ chưa tới, thì đành huỷ bỏ, chọn con đường khác mà không nên manh động, nếu không, kết quả sẽ ngược lại. Cuối đời Vương Mãnh, quân Lục Lâm sau khi đánh bại quân của Vương Mãnh tại Côn Minh (nay là huyện Diệp, Hà Nam) thì nội bộ phân hoá, Lưu Diên bị giết, Lưu Tú cũng bị nghi ngờ mà lâm vào tình thế nguy hiểm. Lưu Tú tự biết lựclượng của mình còn yếu, chỉ một chút sơ ý là rời vào số phận như anh trai là Lưu Diên, nên ban ngày cố làm ra vẻ tươi cười, nhưng đêm đêm nước mắt đầm đìa, trù tính đối sách. Lục lâm quân đánh chiếm Tràng An (nay là Tây An, Thiểm Tây) Lưu tú được vua Cánh Thuỷ phong làm Đại Tư Mã, lưu thú tại Lạc Dương. Bằng nhiều nguồn tin, Lưu Tú biết Hà Bắc đại loạn, quần hùng không có người cầm đầu, nội bộ Lục Lâm quân càng phân hoá, mà Cánh Thuỷ lại bổ nhiệm Lưu Tú làm Trấn phủ Hà Bắc. Lưu Tú thấy đây là dịp có thể tách ra khỏi Cánh Thuỷ, bá chiếm một phương, nên nhận được lệnh là cấp tốc đem quân vượt Hoàng Hà lên Hà Bắc, thoát khỏi sự khống chế của Lưu Huyền. Cánh Thuỷ đế Lưu Huyền hối hận thì đã muộn, sai người đuổi theo nhưng không kịp. Lưu Tú trải qua mấy bận gian nan ở Hà Bắc, nhưng cuối cùng đã đứng vững và giành được thiên hạ. Lưu Tú quả là một điển

hình về giới chọn và nắm chắc thời cơ.

Bốn là, khi bạn ở vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan, thì nên tiến chứ không lùi, vì chỉ có hành động quyết đoán mới phá vỡ được bế tắc, khiến cục diện sáng tỏ, từ đó mà tìm ra lối thoát. Nhược bằng có thủ đợi tình hình diễn biến thì sẽ mất thời cơ, tình thế có thể càng sấu hơn. Tiến nên, trên thực tế là tạo ra cơ hội. Chưa rõ nông sâu thế nào, thì thà rằng dò dẫm mà qua sông, còn hơn là đợi nước cạn, dù có nguy hiểm nhưng còn có hy vọng qua sông. Ném đá dò đường là để thăm dò triển vọng. Cuối đời Đông Hán, Tào Tháo và Viên Thiệu trong thế giằng co gần một năm ở Quan Độ (nay là Trung Tế bắc, Hà Nam), Tào Tháo quân mỏng tướng ít, lương thảo thiếu thốn, tiến lên thì đánh không thắng, mà rút lui thì chắc chắn tan vỡ, sĩ tốt có nhiều người chạy sang với Viên Thiệu. Tào Tháo định rút về Hứa Xương, mưu sĩ là Tuân Húc ra sức can ngăn, cho rằng đây là lúc hai bên trong thế giằng co đã hơn một năm, "tình thế đã đến đường cùng", "tất sẽ sinh biến", đây là lúc phải dùng kế lạ, không được để nỡ. Tào Tháo nghe theo, một mặt ổn định lòng quân, một mặt nhân lúc quân Thiệu lơi lỏng, dùng kỵ binh đánh úp, hoả thiêu sào huyệt, đốt sạch lương thảo quân Thiệu, khiến lòng quân rối loạn. Tào Tháo nhân đó phát động tổng công kích, đánh bại Viên Thiệu. Những năm đầu Tây Hán, Lưu Bang và Hạng Vũ giằng co với nhau bốn năm ở Hổ Lao, tình thế cũng như vậy.

Năm là, khi bị cô lập, không có người giúp đỡ, quyết không nên liều lĩnh tiến lên, mà phải thoái thủ để bảo vệ mình, trước hết giữ lấy an toàn, sau là tìm cách phát triển. Năm 206 trước công nguyên, Lưu Bang đem quân chiếm trước lấy Hán Trung. Tiếp theo, Hạng Vũ cũng dẫn 40 vạn đại quân kéo vào Hán Trung. Mưu sĩ của Hạng Vũ là Phạm Tăng thấy rõ dã tâm của Lưu Bang, khuyên Hạng Vũ nhân dịp này giết chết Lưu Bang để tránh hậu hoạ. Được tin, Lưu Bang biết mình không phải là đối thủ của Hạng Vũ, nếu quyết chiến với Hạng Vũ thì tự chuốc lấy diệt vong, bèn đặt vấn đề tự bảo vệ

lên hàng đầu, những chuyện khác sẽ tính sau. Lưu Bang tính cực lợi dụng nhược điểm trong tính cách của Hạng Vũ, ra sức tán tụng Hạng Vũ để làm dịu bớt mâu thuẫn. Sau đó, nhẫn nhục mà tiếp nhận phong Vương ở Hán Trung, dẫn quân về đóng ở Hán Trung, đốt hết đường sạn đạo những nơi đi qua, để tỏ ý không có bụng trở lại phía đông. Những quyết sách đúng đắn này khiến Lưu Bang bảo tồn được thực lực, chuẩn bị bước đầu tiên cho việc đánh chiếm Tam Tần, bình định Sơn Đông, diệt Hạng Vũ sau này.

Sáu là, phải hiểu được cái lẽ vật cực tất phản, chỉ cần có thời cơ thích đáng là nhanh chóng xuất kích, nắm chắc thời cơ, biến lý tưởng thành hiện thực. Nếu như chỉ biết có chờ đợi, đáng quyết mà không dám quyết thì suốt đời cơ nhỡ. Vì rằng thời cơ chỉ vụt đến rồi đi, những vấn đề then chốt đã qua đi không bao giờ trở lại, có khi chỉ lỡ một thời cơ mà huỷ hoại toàn bộ sự nghiệp của bạn. Trước trận chiến Quan Độ, quyết sách của Tào Tháo và Viên Thiệu, một chính một phản, rất điển hình. Lúc này, Lưu Bị nhân dịp Tào Tháo sai đi đánh Viên Thiệu, liền giết Thứ Sử Từ Khiêu, chống lại Tào. Lúc này, Viên Thiệu đã dẫn quân đến Quan Độ. Tào Tháo nghe tin Lưu Bị làm phản, muốn đem quân đánh Lưu Bị, vì cho rằng là bậc hào kiệt, không diệt sẽ gây hậu hoạ. Các tướng sợ Tào Tháo đem quân về phía đông, Viên Thiệu thừa cơ đánh sau lưng nên ra sức can ngăn. Mưu sĩ Quách Gia lại cho rằng: "Viên Thiệu chậm chạp mà đa nghi, sẽ không đánh ngay, Lưu Bị mới làm phản, lòng người chưa thuận, nếu đánh gấp, Bị tất thua". Tào Tháo đem quân sang phía đông. Mưu sĩ của Viên Thiệu là Điền Phong nghe tin, cố sức khuyên Viên Thiệu đánh tập hậu Tào Tháo, chỉ một trận là thắng, nhưng Viên Thiệu lấy lý do là con trai đang ốm, không nghe theo kế của Điền Phong, lỡ một cơ hội ngàn năm có một, là một nguyên nhân dẫn đến diệt vong sau này.

Tóm lại, thời kỳ đầu dựng nghiệp lựa chọn đột phá khẩu, ta cần nhớ:

- *Ghi nhớ:*

1 - Chí hướng thuần chính, kiên trì chính đạo.

2 - Ý chí phải kiên định, không dao động trước những khó khăn nhất thời và những hiện tượng không bình thường.

3 - Phải biết chọn cái gì, bỏ cái gì, nắm chắc thời cơ, không manh động.

4 - Gặp trường hợp tiến thoái lưỡng nan, thà tiến còn hơn lui.

5 - Khi chỉ có một mình thiếu người giúp đỡ, thì trước hết cần được an toàn, rồi mới tính chuyện phát triển.

6 - Phải hiểu rằng, vật cực tất phản, quyết được thì phải quyết ngay.

4. 蒙 MÔNG: GIÁO DỤC VÀ NÂNG CAO TỐ CHẤT



艮上 Cấn trên

坎下 Khảm dưới

蒙亨，匪我求童蒙，童蒙求我。初筮告，再三瀆。瀆則不告，利貞。

Mông, hanh. Phỉ ngã cầu đồng mông, đồng mông cầu ngã. Sơ phệ cáo, tài tam độc, độc tắc bất cáo. Lợi trinh.

Mông hanh thông. Chẳng phải ta tìm trẻ thơ, mà trẻ thơ tìm ta. Hỏi một lần đã bảo, hiểu rồi thì không phải dạy nữa. Bồi dưỡng chính đạo thì có lợi.

Mông, *Thuyết văn*: nghĩa là dạy trẻ học, một ngày chưa hiểu". "Thích danh. Thích tật bệnh": mắt có nhài quạt mà thong manh, không nhìn rõ. ở đây chỉ người chưa hiểu biết. Tuổi nhỏ mà không biết, gọi là đồng mông. Mông còn có nghĩa là mông muội, ấu trĩ, còn có nghĩa là khởi mông, giáo dục. Quẻ Mông xếp sau quẻ Truân, ghép với Truân thành tổng quát, có ý nghĩa tham chiếu. Cách sắp xếp như vậy mang ý nghĩa tương đương. "Tự quái truyện" viết: "Vật sinh tất mông, cố thụ chi dĩ mông. Mông giả, mông dã, vật chi trĩ dã". Vạn vật sau khi ra đời, tiếp đó là thời kỳ ấu trĩ, mông muội. Với sinh vật, phải trải qua một quá trình bồi bổ, chăm sóc. Với con người, với những người vừ hoà nhập vào xã hội, cũng ấu trĩ và kém hiểu biết như một đứa trẻ. Với một xí nghiệp hoặc một

sự nghiệp vừa tạo dựng, tất cả mới chỉ là bước đầu, trật tự và phát qui chưa được thiết lập, tiền đồ chưa rõ, đường đi thì muôn dặm, quá dài. Với một người vừa bước vào xã hội, lần đầu tiên theo đuổi một sự nghiệp hoặc một công việc nào đó, vì thiếu tri thức và kinh nghiệm, nên tỏ ra ấu trĩ, thường là khả năng không xứng với trách nhiệm được giao, do vậy, phải nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng, nâng cao tố chất con người. Sự nghiệp khi mới bắt đầu tuy đầy sức sống, nhưng vì yếu ớt và thiếu sức cạnh tranh, nên gặp khó khăn là dễ dàng tan vỡ, dễ nản lòng, nguy cơ từ tứ phía, nên phải tăng cường tố chất, tinh thần, xây dựng pháp qui, thiết lập trật tự, qua giáo dục mà dẫn dắt xí nghiệp hoặc tổ chức vào quĩ đạo, trở thành một tập thể đoàn kết, có sức cạnh tranh. Đây là công việc cấp bách khi sáng nghiệp. "Phi ngã cầu đồng mông, mông cầu ngã", nghĩa là thông qua giáo dục mà khắc phục tình trạng ngu muội, nâng cao tố chất, là nhiệm vụ bức thiết mang tính hiện thực, "Sơ phệ cáo, tái tam độc, độc tắc bất cáo", lời này bắt nguồn từ bói toán, nhưng lại không dùng bói toán, mà nó nhắc nhở mọi người lúc này không được đa nghi mà trù trừ không quyết. "Lợi trinh" nhắc nhở khi thực hiện những biện pháp này thì động cơ phải thuần chính, và phải kiên trì đến cùng. "Thoán truyện" viết: "Mông, dưới núi có chỗ trũng, trũng thì dừng lại, vậy là mông. Mông hanh, hành động kịp thời thì thông suốt. Không phải ta tìm trẻ thơ mà trẻ thơ tìm ta, tức đúng với cái chí của mình. Hỏi một lần đã bảo (sơ phệ cáo), thật đúng lúc; khơi dòng chảy nhiều lần, chảy rồi thì không phải dạy nữa (tái tam độc, độc tắc bất cáo), tức là loại trừ ngu muội. Mông là để tu dưỡng điều chính, công của bậc thánh hiền". Sở dĩ bói được quẻ Mông được coi là cát hanh, vì rằng lấy giáo dục để nâng cao tố chất và sức cạnh tranh, được coi là một biện pháp hợp thời, đúng với đạo trung chính. "Mông dĩ dưỡng chính" nhắc nhở mọi người nâng cao tố chất là để bồi dưỡng chính đạo, là sự nghiệp thiên liêng mà bất cứ người nào khi dựng nghiệp phải kiên trì. Chỉ như vậy, xí nghiệp và sự nghiệp mới đi vào con

đường đúng đắn. "Tượng truyện" viết: "Dưới chân núi có dòng suối chảy ra, người quân tử lấy kết quả của hành vi để bồi dưỡng đức". Thông qua giáo dục mà bồi dưỡng tố chất thì cũng như nước mạch chảy ra dưới chân núi, từ những dòng suối nhỏ sẽ tụ hội thành sông, từ đó thúc đẩy mạnh mẽ cuộc sống và sự nghiệp đi tới thành công. Người quân tử với tinh thần quả cảm mà kiên trì bồi dưỡng phẩm đức của mình, nâng cao tố chất, từ đó mà tăng cường sức cạnh tranh, bảo đảm cho cuộc đời và sự nghiệp đi tới thành công.

Do vậy, quẻ Mông bảo rằng, sau khi sáng nghiệp, phải thông qua giáo dục mà nâng cao tố chất và sức cạnh tranh là một nguyên tắc và có ý nghĩa quan trọng. Hơn nữa trong lịch sử Trung Quốc, quẻ Mông trong *Chu Dịch* lần đầu tiên đề xuất tư tưởng và nguyên tắc giáo dục có hệ thống. Lấy bản thân quẻ Mông mà xét, nó nói về giáo dục khởi mông, nhưng không chỉ bó hẹp ở đó, mà theo dòng tư tưởng còn mở rộng tới những quyết sách trong cuộc sống và trong sự nghiệp. Các nhà nho của Trung Quốc cổ đại, trước sau vẫn coi mở mang dân trí, nâng cao tố chất của dân, bồi dưỡng đạo đức, phong cách tốt đẹp cho dân, là nhiệm vụ hàng đầu để trị quốc bình thiên hạ. Nền giáo dục khởi mông mà người xưa nhắc tới, thực tế là nói về vấn đề tố chất của con người. Ta biết rằng, tố chất của con người liên quan trực tiếp đến thành bại hưng vong của cá nhân, tập thể hoặc sự nghiệp của toàn xã hội. Tố chất tốt bao gồm cả tu dưỡng về văn hoá, tri thức nghiệp vụ và năng lực công tác. Người có tố chất tốt, tuy không phải việc nào cũng thành công, nhưng một sự nghiệp thành công bao giờ cũng được thực hiện bởi một con người có tố chất đẹp. Cá nhân, xí nghiệp, quốc gia và dân tộc đều như vậy. Do đó, dù là cá nhân, tập thể hay xã hội, thì trong những quyết sách của mình, phải giỏi vận dụng những nguyên tắc mà *Chu Dịch* đã nhắc nhở.

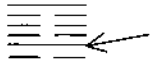


初六：發蒙，利用刑人，用說桎梏，以往，吝

Sơ lục: Phát mông, lợi dụng hình nhân, dụng thoát chất cốc, đĩ vãng lận

Hào Sơ lục: muốn khai sáng cho kẻ ngu muội, trước hết phải dùng hình phạt để chấn chỉnh, nhưng nếu quá mức sẽ hối tiếc.

"Phát mông" là chữa khỏi nhài quạt, khiến mắt lại nhìn được. "lợi dụng" tức "lợi cho"; đọc là (thoát). Mắt mờ lại sáng, là tượng của thoát khỏi tối tăm, bước ra ánh sáng. Kẻ tù tội thoát khỏi gông cùm, là tượng được phóng thích khỏi nhà tù. "Tượng truyện" viết: "Lợi cho người tù tội, để phát luật nghiêm chỉnh". Khi mới bắt đầu giáo dục khởi mông, phép tắc phải nghiêm chỉnh, nhưng không nên quá quắt, quá quắt "sẽ hối tiếc" (đĩ vãng lận). *Hào này khuyên chúng ta rằng, tính qui phạm trọng giáo dục là quan trọng.*

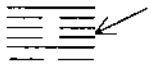


九二：包蒙，吉，納婦吉，子克家。

Cửu nhị: Bao mông cát, nạp phụ cát, tử khắc gia.

Hào Cửu nhị: bao dung trẻ thơ, tốt lấy vợ tốt. Con trai gánh vác việc nhà.

"Bao" có nghĩa là bao dung. Cửu nhị là hào dương duy nhất của Hạ quái, lại đắc trung, mạnh mẽ mà có lòng bao dung, do đó nói rằng "cát". Lại tượng cho con trai lấy vợ, yên bề gia thất. *Hào này khuyên chúng ta rằng, giáo dục thì phải hữu giáo vô loại, tức nội dung phải rộng, không chỉ bó hẹp ở điểm nào.*

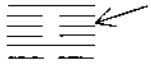


六三：勿用取女，見金夫，不有躬，无攸利。

Lục tam: Vật dụng thủ nữ, kiến kim phu, bất hữu cung, vô du lợi.

Hào Lục tam: chớ lấy loại đàn bà mà ai có vàng thì theo, chẳng có lợi gì cả.

"Thủ" tức là "thú" (lấy vợ). *Thuyết văn*: "Thú, nghĩa là lấy vợ". "Kim", tức liễm kim, đài gương bằng vàng. "Phu bất hữu cung", ý nói người chồng sẽ chết. Lục tam là hào âm ở vị trí dương là bất chính, ứng với Thượng cửu là hào dương ở trên, Cửu nhị là hào dương ở dưới, muốn mà không dám thực hiện chủ trương của mình. Bói được hào này, không nên lấy vợ, vì người vợ này thấy ai có vàng là theo, tất sẽ không hay ho gì. "Tượng truyện" viết: "Lấy vợ loại này không thuận lợi về sau". *Hào này, khuyên chúng ta rằng giữ vững lòng tin, không nên đứng núi nọ đọ núi kia.*

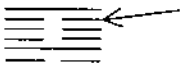


六四：困蒙吝。

Lục tứ: Khốn mông, lận.

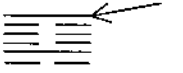
Bị khốn trong vòng ngu tối, hối tiếc.

Hào Lục tứ ở vị trí dưới cùng của Thượng quái, không được giúp rập, mê muội khốn đốn, hành xử khó khăn, chẳng khác người kém hiểu biết rơi vào cảnh khốn quẫn. "Tượng truyện" viết: "Khốn mông chi lận, độc viễn thực dã". Sở dĩ khốn đốn là vì hào Lục tứ xa rời hiện thực, dẫn đến cô độc không có chỗ dựa. *Do vậy hào này khuyên chúng ta rằng, khi thực hành giáo dục, không nên đặt yêu cầu quá cao, xa rời hiện thực.*



六五：童蒙吉！
Lục ngũ: Đồng mông, cát.
Hào Lục ngũ: không biết gì như trẻ thơ, tốt.

Lục ngũ là hào âm đắc trung, ở ngôi "ngũ" cao quí, trên dưới đều có ứng viện, dù có biến hoá thì kết quả cũng tốt, do vậy nói là cát. Lại giống như trẻ thơ có người lớn thương yêu chăm sóc, nên gọi là "đồng mông cát". "Tượng truyện" viết: "Đồng mông tốt lành, thuận như gió thổi". "Lão tử" nói rằng: "Con người dám so các đức với trẻ nhỏ, không bất hoà với vật thì vật không hại người". Do đó nói "đồng mông cát". *Hào này khuyên chúng ta rằng nên khiêm tốn như trẻ nhỏ.*



上九：擊蒙，不利爲寇，利禦寇。
Thượng cửu: Kích mông, bất bại vi khấu, lợi ngự khấu.
Hào Thượng cửu: dạy dỗ mà nghiêm khắc quá sẽ bất lợi vì bị phản ứng lại. Ngăn cướp từ bên ngoài thì có lợi.

"Kích mông", tức công kích người ngu muội, thiếu hiểu biết. Người mù chưa chạm phải ta, mà ta đã công kích, thì thật trái với nhân luân, sẽ bị thiên hạ lên án. Nếu như người mê muội công kích ta trước, ta chống lại chắc rằng sẽ thắng mà lại hợp nhân luân, do đó nói rằng: "kích mông, bất lợi vi khấu, lợi ngự khấu". Hào Thượng cửu là dương cương, lại ở ngôi cao, dễ cực đoan. "Thượng truyện" viết: "chống lại sự công kích thì có lợi, thiên hạ thuận theo". Thượng cửu nếu sử dụng sức mạnh của mình mà chống trả, thì hợp lòng trời, thuận theo lẽ người, như vậy mới có kết cục tốt đẹp. Do vậy, *Hào này khuyên chúng ta rằng phải biết sử dụng thoả đáng phương pháp giáo dục, không được cực đoan.*

Tóm lại những điều trên, ta thấy rằng, những nguyên tắc trên đều rất có ích trong việc nâng cao tố chất của mỗi người, hoặc đối với tập thể, xí nghiệp và xã hội.

Một là, để đạt mục tiêu giáo dục, trước hết phải soạn thảo qui phạm và kế hoạch giáo dục lí tưởng, phù hợp với nhu cầu thực tế, mà không được lan man không mục đích, tuỳ tiện muốn dạy sao thì dạy. Nguyên tắc này có thể vận dụng mạnh mẽ vào sự nghiệp giáo dục xã hội hiện nay. Với mỗi cá nhân, muốn thông qua học tập để nâng cao khả năng của mình thì trước hết phải đề ra một yêu cầu và kế hoạch phù hợp với thực tế, sau đó cố gắng thực hiện từng bước. Nếu như đọc lan man, chắc chắn sẽ không đem lại kết quả. Đây là đạo lý cơ bản mà ai cũng cần hiểu rõ.

Hai là, trong quá trình thực hiện giáo dục nhằm nâng cao tố chất, tăng cường khả năng cạnh tranh, không những cần phải hữu giáo vô loại đối với đối tượng giáo dục, mà về mặt nội dung phải căn cứ vào nhu cầu mà mở rộng đến mức tối đa, nhằm thích ứng với nhu cầu của xã hội và sự nghiệp. Với bản thân giáo dục mà nói, giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, không chỉ là sự nghiệp của mỗi người. Khổng tử là người đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc thực hiện "hữu giáo vô loại", để lại một tấm gương sáng cho chúng ta. Xã hội hiện đại rất coi trọng nền giáo dục nhiều tầng. Cá nhân mỗi người phải tìm học những gì thích hợp với mình.

Ba là, dù theo đuổi loại và thủ đoạn giáo dục nào, đều phải kiên định lòng tin, theo đuổi đến cùng, không được nản chí, không được đứng núi nọ đọ núi kia, nếu không, khó mà đạt được kết quả tốt đẹp. Cuộc sống và sự học tập của một con người lại càng phải như vậy. Nếu như hôm nay anh thích cái này, ngày mai anh lại thích cái khác; hôm nay anh định làm nhà khoa học, ngày mai anh lại muốn làm nhà kinh doanh, nghiêng bên này ngả bên nọ, thì chắc chắn sẽ chẳng đạt được gì. Một khi đã xác định được cần phải tu dưỡng về mặt nào, thì phải dốc toàn lực mà kiên trì đến cùng

cho đến khi giành được thắng lợi. Với cá nhân phải như vậy, với xã hội và xí nghiệp càng phải như vậy.

Bốn là, giáo dục và học tập phải nhằm vào những gì mà thực tế đòi hỏi, không được xa rời thực tế, trên mây dưới gió. Tất cả những gì xa rời hiện thực xã hội đều không có sức sống. "Trang tử. Liệt ngự khấu" có một truyện ngụ ngôn rất thú vị: Một người tên là Chu Bình Mạn học kỹ thuật đánh gần để giết rồng, thầy học là Chi Li Ích, học tập gian khổ trong ba năm, tiêu sạch toàn bộ gia sản, cuối cùng học thành tài, nhưng khốn nỗi không có chỗ thi thố tài năng, vì trên đời không làm gì có rồng. Dạy và học xa rời thực tế thì chẳng khác thuật giết rồng của Chu Bình Mạn, trình độ cao đến mấy cũng không có chỗ dùng. Cho nên Quách Tượng đời Tấn chú thích chuyện này như sau: "Sự tai vu thích, vô quí vu viễn công", điều quan trọng là phù hợp với nhu cầu thực tế, mà không phải là cao siêu đến mức không liên quan đến thực tế. Nguyên tắc này có thể vận dụng vào việc học tập của mỗi người, trong việc lựa chọn nghề nghiệp và phương hướng công tác, căn cứ vào sở trường và nhu cầu của hiện thực, quyết không được đi mây về gió.

Năm là, bất kể người dạy hay người học, đều phải khiêm tốn, vì rằng đây là cả hai phía, không phải đơn phương. Ngay bản thân những nguyên tắc giáo dục, dạy và học cùng trưởng thành vốn là đạo lý từ xưa tới nay. Khổng tử nói rằng: "Trong ba người chắc chắn có thầy của ta, chọn điều hay để theo, điều không hay thì giúp họ sửa". Lại nói: "Ta không phải sinh ra đã hiểu biết..." Vĩ đại như Khổng tử mà còn như vậy, huống hồ chúng ta là người bình thường! Riêng về mặt xử thế, phải duy trì mãi mãi tinh thần khiêm tốn thì mới được mọi người tin cậy và giúp đỡ, người có cương vị lãnh đạo cũng vậy, người bình thường cũng vậy. Vì rằng khiêm tốn có thể làm giảm sự xung đột giữa bạn và sự nghiệp và trong cuộc sống.

Sáu là, dù là người dạy hay người học, đều phải vận dụng thoả đáng những thủ đoạn giáo dục, phải coi trọng sách lược và phương pháp. Phương pháp thoả đáng có thể thành công gấp bội, đây là chuyện thường gặp trong thực tiễn. Về phía người dạy cũng phải như vậy, dù bạn rất có thiện chí. Người học cũng rất muốn thành công gấp bội, chẳng nói thì ai cũng hiểu.

Tóm lại, thời kỳ đầu dựng nghiệp hoặc mới vào đời, nếu bạn định học để nâng cao tố chất hoặc tăng cường khả năng cạnh tranh của xí nghiệp hoặc công ty của bạn, phải chú ý những điều dưới đây:

❑ *Ghi nhớ*:

1 - Đề ra qui phạm và kế hoạch thoả đáng.

2 - Giáo dục đa năng, dạy rộng biết nhiều.

3 - Xác định phương hướng, không thể tuỳ tiện, vui đâu chầu đấy.

4 - Không được trên mây dưới gió, xa rời hiện thực.

5 - Mãi mãi khiêm tốn như trẻ thơ.

6 - Vận dụng thoả đáng thủ đoạn và phương pháp, tránh cực đoan.

5. 需 NHU: PHẢI BIẾT ĐỢI THỜI



坎上 Khảm trên
乾下 Càn dưới

需，有孚，光，亨，貞，吉，利涉大川。

Nhu. Hữu phu, quang hanh, trinh cát. Lợi thiệp đại xuyên.

Nhu. Có lòng tin, sáng sủa, hanh thông. Chính bền thì tốt, chuyện khó như qua sông vẫn thành công.

"Nhu" có thể giải thích là "cần", cũng có thể giải thích là nhu cầu. Đứng trước quẻ Nhu là quẻ Mông. "Mông" là thời kỳ mông muội, ấu trĩ của giai đoạn đầu dựng nghiệp, rất cần bồi bổ tăng cường thực lực để phát triển. Do vậy "Tự quái truyện" viết: "Vật ấu trĩ không thể không dưỡng, do vậy phải đem nhu đến cho vật. Nhu là cái "đạo ẩm thực". Xét về tượng quẻ, hạ của quẻ Nhu là quẻ Càn, biểu thị cương kiện, nhưng Thượng quái lại là quẻ Khảm, tượng cho xa xôi mà hiểm trở, không thông thuận. Tuy cương kiện, nhưng phía trước đầy hiểm trở gian nan, không nên dấn tới một cách thiếu suy nghĩ. Do vậy, "Nhu" có thể giải thích là "cần phải", tức phải chờ đợi. Giống như khi bắt đầu dựng nghiệp, tuy sức sống tràn trề, có ý chí tiến thủ, nhưng vì tương lai chưa rõ ràng, không thể quyết định tuỳ tiện, chỉ mỗi cách là điều tra cho rõ tình hình, tìm ra cách giải quyết thoả đáng, rồi mới có thể tiến lên. Thanh niên mới vào đời càng phải chú ý điều này. Từ ý nghĩa đó, quẻ Nhu bảo ta rằng, bước đầu Phạm-thiên sự nghiệp, phải tranh

thủ hoàn cảnh có lợi, nhằm đưa sự nghiệp của mình lên con đường sáng sủa, mà trung tâm là Nhu, đợi thời để tiến lên.

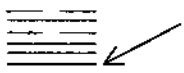
Chọn và nắm vững thời cơ, đều rất quan trọng trong quyết sách, cá nhân cũng vậy, mà xí nghiệp cơ quan cũng vậy. Tục ngữ có câu: "Cơ không để mất, thời không trở lại". Chớp đúng thời cơ, bạn có thể thành đạt. Không nắm lấy thời cơ, bạn có thể trắng tay. Chuyện gặp thời không phải lúc nào cũng xảy ra, nhưng cũng không phải không có như rất nhiều người ca cẩm. Trên thực tế, chuyện gặp thời liên tục xảy ra, hết dịp này đến dịp khác, nhưng chúng chỉ đến với những người có tâm và có khả năng nắm bắt thời cơ. Trong cuộc sống ta thường thấy, rằng cuộc đời của một con người, quan trọng nhất là giây phút có tính quyết định này. Bước này đã đúng, thường là kéo theo hàng loạt những cơ hội khác, và từ đó mà thay đổi cả cuộc đời. Nếu bước này để lỡ, thì chỉ có thể đứng ngoài mà ngó, với người có tài thì tìm một cơ hội khác, cuối cùng sẽ thành công. Con người ta, nếu toàn tâm toàn ý cho một công việc nào đó thì thể nào cũng nắm bắt được một cơ hội, khiến mình trở nên thành đạt. Với đa số, thì không những phải biết chờ đợi, mà còn phải biết căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của mình mà nắm bắt cơ hội trong công tác. Cơ hội chỉ tồn tại trong công việc của bạn, chứ không tồn tại trong trí tưởng tượng của bạn.

Người Trung Quốc thời cổ rất hiểu và vận dụng thời cơ. "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên", câu tục ngữ này bao hàm hai ý: "Mưu" của người, và "trời" khiến cho mưu ấy thành công. "Trời", tức là cơ hội. Con người nếu không có mưu, thì "trời" cũng chẳng làm được gì. "Lễ ký. Trung dung" từng nói rằng: "Phàm sự dự tắc lập, bất dự tắc biến", thường nhật phải chuẩn bị kỹ, thì khi thời cơ tới, mới có thể nắm bắt và thành công. Gặp vực mới nghĩ đến cá, khi khát mới đào giếng, cái kiểu gặp đâu hay đến đấy thì không bao giờ có kết quả tốt đẹp. Đan lưới chờ đợi, trù liệu kỹ càng, thì dù có lao tâm khổ tứ, nhưng cuối cùng chắc chắn có thu hoạch. Đây là điểm

khác nhau giữa đợi và không đợi. Ngoài ra, ta phải hiểu rằng, đằng sau những khó khăn vấp váp có chứa ẩn những cơ may của sự thành công, còn đằng sau những thuận lợi của thành công, tiềm ẩn những nguy cơ thất bại, tất cả đều rất biện chứng. "Lão tử nói rằng: "Họa là chỗ dựa của phúc, phúc là chỗ dựa của họa", quả thật chí lý. "Tái ông mất ngựa, phúc hay hoạ đây?". Thời cơ đang nằm trong sự chuyển hoán một cách biện chứng. Những sự việc như vậy có rất nhiều, không sao kể hết. Khổng tử suốt đời lận đận, lên thác xuống ghềnh, để thực hiện lý tưởng chính trị của mình mà chu du các nước chư hầu mong tìm một minh chủ để thi thố tài năng, vậy mà ở đâu cũng gặp ngõ cụt, cuối cùng ôm hận mà chết. Nhưng cũng chính những cảnh ngộ đã rèn luyện ông trở thành nhà tư tưởng vĩ đại, nhà giáo dục vĩ đại đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc, là tấm gương cho ngàn đời chiêm ngưỡng. Từ ý nghĩa này mà xét thì thành công của Khổng tử là cực kỳ to lớn, tuy rằng lúc sinh thời ông không hề nghĩ thế. Tần Thuỷ Hoàng một đời đắc chí, muốn làm gì thì làm, nhưng cuối cùng tiêu ma cả một vương triều. Lý Tư cũng rất đắc ý, nhưng không hiểu được rằng vật cực tất phản, phúc quá nhiều thì hoạ sẽ tới, nên cuối cùng chết thê thảm. Những người khác như Phù Kiên, Tuỳ Dạng Đế... đều là như vậy. Đây là lôgic của cuộc sống. Do vậy, giữa lúc ta đang thành công hoặc đang trong thời kỳ khó khăn khốn đốn, đều phải hiểu rằng: Thất bại và thành công chỉ cách nhau có nửa bước, kết quả cuối cùng được quyết định bởi bạn có nắm chắc được thời cơ hay không?

Trước khi nắm và vận dụng thời cơ thì phải biết đợi thời, điều này thì không nói cũng hiểu. "Nhu, hữu phu, quang hanh" dạy người ta rằng, khi chờ đợi thời cơ phải có lòng tin, cuối cùng sẽ sáng sủa, sẽ vượt qua hiểm nguy, tức "lợi thiệp đại xuyên". "Tượng truyện" viết rằng: "Nhu có nghĩa là phải biết chờ đợi, vì hiểm nguy đang ở trước mặt. Cương kiện mà không bị hãm, thì nghĩa là không khốn cùng. Nhu, có lòng tin, sáng sủa hanh thông,

chính bền thì tốt, chuyện khó như qua sông vẫn thành công. Để đợi thời cơ có lợi hơn, thì dù khả năng có thể tiến lên, vẫn nên chờ đợi. "Tượng truyện" viết rằng: "Có mây bay trên trời, thế nào cũng mưa, cứ ăn uống vui vẻ, dưỡng thể xác và tâm trí mà đợi lúc mưa đổ xuống". Phải đợi thì cứ đợi. Sáu hào của quẻ Nhu dạy ta nguyên tắc cơ bản là phải biết đợi thời.

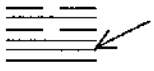


初九：需于郊，利用恆，无咎

Sơ cửu: Nhu vu giao, lợi dụng hằng, vô cữu.

Hào Sơ cửu: đợi ở chỗ đất rộng, giữ mực thường thì có lợi, không lỗi.

"Tạp quái truyện" viết: "Nhu, không tiến lên", tức dừng lại. "Nhĩ nhã. Thích địa" viết: "Bên ngoài ấp gọi là giao". "Nhu vu giao", tượng cho người ở nơi rộng thoáng thì dù dừng lại lâu cũng không có lỗi. "Tượng truyện" viết rằng: "Đợi ở chỗ đất rộng, thì không phạm sai lầm là đi vào đường khó đi. Lợi dụng hằng, giữ mực thường thì không có lỗi". Giữ vững lòng cương nghị và không có gì sai phạm lễ thường, thì sẽ không xảy ra nạn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải kiên trì và nhẫn nại đợi thời.*



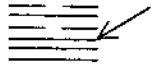
九二：需于沙，小有言，終吉。

Cửu nhị: Nhu vu sa, tiểu hữu ngôn, chung cát

Hào Cửu nhị: đợi ở bãi cát, bị khẩu thiệt chút đỉnh, nhưng sau cùng thì tốt

"Sa", chỉ bãi cát. Đi trên bãi cát khó hơn đi trên đường bằng phẳng, tượng cho người ta khi gặp hoàn cảnh gian nan. Hào Cửu nhị càng tiếp cận sự hiểm trở của Thượng quái, nhưng tai nạn lớn thì không có, chỉ bị trách móc chút đỉnh, chỉ cần biết mà cẩn thận, cuối cùng sẽ được phúc.

Do đó mới nói rằng: "Đợi ở bãi cát, có điều tiếng đôi chút, nhưng cuối cùng tốt lành". *Hào này khuyên chúng ta rằng khi chờ thời phải có đủ lòng kiên nhẫn, không được nóng vội mà tiến lên, cũng không vì sợ điều tiếng mà dao động.*



九三：需于泥，致寇至。
Cửu tam: nhu vu nê, chí khấu chí
Hào Cửu tam: đợi ở chỗ bãi bùn, tự vời giặc đến

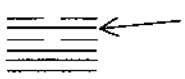
"Nhu vu nê", tượng người bị khốn nơi sình lầy, ngày càng lún sâu, giặc cướp sẽ thừa cơ xông tới. Hào Cửu tam càng tiếp cận chỗ trũng của Khảm, lúc nào cũng có thể gây nguy hiểm cho người, do vậy phải rất cẩn thận. "Tượng truyện" viết rằng: "Đợi ở bãi bùn, tai hoạ từ ngoài tới, tự mình vời giặc đến, cẩn thận kính cẩn sẽ không bị thiệt". Càng gần tai hoạ lại càng phải cẩn thận. *Hào này khuyên chúng ta rằng, Càng tiếp cận với tai họa, lại càng phải thận trọng, không được nhắm mắt làm bừa, chuốc lấy tai vạ.*



六四：需于血，出自穴。
Lục tứ: Nhu vu huyết, xuất tự huyệt
Hào Lục tứ: đợi ở chỗ lưu huyết mà thoát ra được.

Hào tứ đã ở chỗ nguy hiểm trong quẻ Khảm, rất nguy, nhưng là hào âm ở vị trí âm nên đắc chính, không manh động thì sẽ thoát khỏi vũng lầy của Khảm, giống như chân đã đặt vào vũng máu, mà sau đó lại thoát ra được. Do đó mới nói rằng: "Đợi ở chỗ lưu huyết mà thoát ra được". "Tượng truyện" viết rằng: "Nhu vu huyết, thuận dĩ thính dã", có thể thoát hiểm là vì biết vận dụng âm nhu để ứng phó với tình hình. *Hào này khuyên chúng ta*

rằng, khi gặp nguy hiểm không được làm liều, phải biến hoá theo tình hình, tìm ra lối thoát, mới có thể biến nguy thành yên.

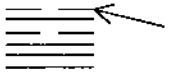


九五：需于酒食，貞吉

Cửu ngũ: Nhu vu tửu thực, trinh cát

Hào Cửu ngũ: đợi ở chỗ ăn uống, chính bền mới tốt.

Cửu ngũ là hào dương ở vị trí dương, đắc chính lại đắc trung. Đợi ở chỗ ăn uống mà không ăn không uống, là tượng của sự no đủ, "trinh cát" nhắc nhở mọi người phải kiên trì thuần chính. "Tượng truyện" viết rằng: "Tửu thực trinh cát là lấy sự trung chính làm đầu". *Hào này khuyên chúng ta rằng, trong khi yên ổn chờ thời, vẫn không được vi phạm nguyên tắc trung chính.*



上六：入于穴，有不速之客三人來，敬之，終吉。

Thượng lục: Nhập vu huyệt, hữu bất tốc chi khách tam nhân lai, kính chi chung cát.

Hào Thượng lục: sa xuống hố, có ba người khách không mời mà đến, kính trọng họ thì cuối cùng tốt lành.

"Tốc" nghĩa là mời. "Bất tốc chi khách" nghĩa là khách không mời mà đến. Hào Thượng lục ở tận cùng của sự nguy hiểm ở Thượng quái. Tự thân âm nhu, không thể cự tuyệt khách đã đến cửa nhà mình, chỉ còn cách lấy nhu đối với cương, cung kính mà đối xử, mới có thể biến nguy thành yên. Vì vậy mới nói: "Có ba khách không mời mà đến, kính trọng họ thì cuối cùng tốt lành". "Tượng truyện" viết rằng: "Khách không mời mà đến, kính trọng họ thì rốt cuộc sẽ tốt lành. Tuy họ không xứng đáng được như

thế, nhưng mình thì không mất gì". *Hào này khuyên chúng ta rằng phải lấy nhu thắng cương.*

Khái quát những điều trên, ta thấy rằng, giai đoạn đầu dựng nghiệp, ta phải biết đợi thời để mưu cầu tiến thủ, hoặc trong lúc khó khăn phải có một sách lược chờ đợi, cần chú ý những điểm dưới đây:

Một là, phải kiên tâm và nhẫn nại. Kiên tâm và nhẫn nại bắt nguồn từ lòng tin, lòng tin bắt nguồn từ đức tin thuần nhất do hiểu và nắm vững thời cuộc và hoàn cảnh. Do vậy, trong những giờ phút buộc phải chờ đợi, trước hết phải kiên định lòng tin, tìm hiểu toàn diện sự phát triển của tình hình, nhằm đón bắt thời cơ có lợi. Trong lịch sử quân sự, có nhiều điển hình thành công về mặt này. Năm 154 trước công nguyên, các Vương của bảy chư hầu do Ngô Vương Lưu Tị và Sở Lưu Mâu cầm đầu, sau nhiều năm chuẩn bị, đã phát động cái "loạn bảy nước". Hán Cảnh Đế sai đại tướng Chu Á Phu đem quân dẹp loạn. Chu á Phu sau khi phân tích toàn diện tình hình, cho rằng thế của quân phiến loạn đang thịnh, lợi ở chỗ đánh nhanh, nhưng quân Hán chuẩn bị chưa đầy đủ, do đó phải tránh mũi nhọn chủ công của địch, đợi cho chúng suy yếu. Do vậy, Chu Á Phu không giao chiến với quân phản loạn đang tiến đánh nước Lương (đất phong của Lương Hiếu Vương, nay là Thương Khưu, Hà Nam), mà dẫn quân đến Xương ấp (nay là tây bắc Kim Hương, Sơn Đông) phía sau quân phiến loạn, rồi cố thủ không đánh. Quân phiến loạn công kích dữ dội nước Lương, tình hình nguy ngập, Lương Hiếu Vương mấy lần sai sứ giả đến cầu viện Chu Á Phu, nhưng Chu Á Phu không chịu cứu. Lương Hiếu Vương lại sai người đến cầu cứu Hán Cảnh Đế, Cảnh Đế sai sứ giả lệnh cho Chu Á Phu đem quân cứu Lương, nhưng Chu Á Phu vẫn không chịu xuất quân, chỉ sai một đội khinh kỵ đến Sái Khẩu (khúc sông Sái Thuỷ chảy vào sông Hoài) cắt đứt đường rút quân của bọn phiến loạn. Quân phiến loạn muốn tiến về phía tây lại không dám, liền tấn công Chu Á Phu, nhưng Chu Á Phu vẫn cố thủ,

không chịu giao chiến. Ba tháng sau, quân phiến loạn buộc phải rút quân vì đói, Chu Á Phu ra lệnh xuất kích đập tan quân phiến loạn, bình định "loạn bảy nước". Quyết sách của Chu Á Phu đúng như lời khuyên của quẻ Nhu trong "*Chu Dịch*".

Hai là, khi gặp khó khăn phải dừng lại đợi thời, nên tránh xa mối nguy hiểm để bảo đảm an toàn; chỉ có giữ một khoảng cách nhất định, mới tìm hiểu vấn đề được toàn diện. Để ra được quyết định chính xác, không vội vã xuất kích. Vẫn lấy sự kiện trên đây làm ví dụ: Khi tin tức về quân phiến loạn bay đến Tràng An, Hán Cảnh Đế lệnh cho Chu Á Phu đông chinh. Chu Á Phu tìm hiểu biết rằng quân phiến loạn không trực chỉ Tràng An, mà chỉ tấn công nước Lương, cho rằng nước Lương tất sẽ cố thủ, quân phiến loạn nhất thời không thể kéo về phía tây, nên không cần thiết phải quyết chiến với quân phiến loạn, mà trước hết phải tìm hiểu cặn kẽ tình hình. Do vậy, ông đóng quân tại Lạc Dương, sau khi đã nắm vững tình hình ông vạch một kế hoạch giữ vững, đợi khi quân địch suy yếu mới tấn công.

Ba là, khi bất đắc dĩ phải chờ đợi thì phải hết sức kiên nhẫn, không được manh động, càng không được dao động vì những lời bàn ra tán vào, nếu không, bạn sẽ thất bại. Năm 222 sau công nguyên, Lưu Bị vì nóng lòng lấy lại Kinh Châu và báo thù cho Quan Vũ, nên không nghe lời can ngăn của Gia Cát Lượng, đích thân cầm quân tiến đánh Đông Ngô. Quân Thục liên tiếp thắng trận, nhuệ khí ngất trời, quân Ngô khiếp đảm. Ngô chủ Tôn Quyền sai Lục Tốn làm thống soái, dẫn quân ngự địch. Lục Tốn ra trận, thấy quân Thục tinh nhuệ, nhất thời không thể đánh lại, bèn dùng kế sách cố thủ, kiên quyết không chịu giao phong, chờ địch quân sinh biến. Hai bên trong thế giằng co trong nhiều tháng. Trong thời gian đó, Tôn Quyền nhiều lần sai người đến trách vấn, các tướng Ngô cũng cho Lục Tốn là đồ mặt chuột, nhưng Lục Tốn không vì thế mà manh động. Quân Thục không tiến lên được thì nản lòng, lại cắm trại liên hoàn kéo dài bảy trăm dặm, tạo ra những sơ hở

trong phòng thủ. Lục Tốn sau khi nắm chắc tình hình, liền phát động tổng công kích, dùng hoả công đốt sạch doanh trại của Lưu Bị, giữ được Kinh Châu, từ đó hình thành thế chân vạc của Tam Quốc.

Bốn là, khi đợi thời, nguy hiểm càng lớn thì càng phải thận trọng, quyết không được manh động để tự chuốc lấy tai họa. Năm 260 trước công nguyên, quân Tần tấn công Hàn, Thượng Đảng bị cắt đứt, tướng giữ Thượng Đảng liền dâng Thượng Đảng cho Triệu. Triệu sai quân chiếm giữ Thượng Đảng. Quân Tần được tin, liền tấn công Thượng Đảng, hai bên giáp mặt nhau ở Trường Bình (nay là nam Cao Bình, Sơn Tây). Tướng Triệu là Liêm Pha thấy quân Tần tinh nhuệ, quyết định không đánh vồ mặt, mà xây dựng hàng loạt lô cốt để cố thủ, hai bên trong thế giằng co suốt mấy tháng liền, quân Tần không tiến lên được. Tần thấy quân Triệu không chịu ra đánh, bèn thực hiện kế phản gián, loan tin rằng Tần không sợ Liêm Pha, chỉ sợ Triệu Quát. vua Triệu mắc lừa, bất chấp lời can ngăn của các đại thần, điều Triệu Quát – viên tướng chỉ quen đánh giặc mồm – thay Liêm Pha. Triệu Quát đến Thượng Đảng, làm ngược lại với những gì Liêm Pha đã làm, dẫn toàn bộ quân ra đánh. Tướng Tần là Bạch Khởi giả vờ thua, dụ cho quân Triệu đuổi theo, rồi sai hai đội kỵ binh cắt đứt đường về của quân Triệu. Quân Triệu buộc phải đầu hàng, hơn bốn mươi lăm vạn tướng sĩ bị Bạch Khởi chôn sống, chết một cách thê thảm. Nước Triệu từ đó không gượng dậy được nữa.

Năm là, khi gặp nguy hiểm, không được làm liều, mà phải bình tĩnh cân nhắc tình thế, tìm ra đối sách khả dĩ chuyển nguy thành yên. Gia Cát lượng trong "Tam Quốc chí diễn nghĩa" dùng kế "không thành" là một điển hình kiệt xuất về ứng biến khi lâm nguy và biến nguy thành yên. Lại như danh tướng Lý Quảng đời Hán, một bận ông dẫn hơn một trăm quân kỵ rượt đuổi ba tên thợ săn Hung Nô ở ngoài biên giới, bất chợt chạm trán với mấy nghìn kỵ binh Hung Nô. Quân Hung Nô thấy ông chỉ với một đám

quân thì giật mình, cho rằng đại quân của Hán chưa tới, bèn vội chiếm lấy địa hình có lợi, chuẩn bị nghênh địch. Lý Quảng thấy tương quan lực lượng quá chênh lệch, nếu bỏ chạy chắc chắn sẽ bị truy kích không còn sót một người, bèn tương kế tựu kế, lệnh cho quân mình đứng yên tại chỗ, hạ yên ngựa gối đầu nằm nghỉ. Hung Nô cho một toán nhỏ tiếp cận để lò la tình hình, Lý Quảng lên ngựa bắn đuổi, rồi lại ngồi xuống nghỉ ngơi. Hai bên cứ như vậy cho tới lúc trời tối, quân Hung Nô không dám tới gần, lại sợ đến đêm bị tập kích, bèn vội vàng rút lui. Lý Quảng nhờ đó mà thoát hiểm, yên ổn trở về.

Sáu là, khi đợi thời, dù trong một hoàn cảnh yên bình, vẫn phải giữ vững niềm tin, không vì ngoại cảnh mà thay đổi kế sách hoặc bỏ lỡ thời cơ tiến thủ. Khi yên ổn phải nghĩ tới khả năng lâm nguy để cẩn thận đề phòng. Khi sự nghiệp đã có kết quả bước đầu, hoàn cảnh xung quanh tương đối thông thuận nhưng vẫn thiếu điều kiện phát triển quan trọng, thì không nên ngồi đợi thời cơ tự nhiên nó đến, mà phải tiếp tục cố gắng, tiếp tục hoàn chỉnh bản thân, lấy sự phát triển ổn định mở ra sự phát triển lớn hơn. Đó mới là quyết sách tốt nhất. Nếu không, dù có thời cơ tốt, nhưng vì không đủ sức hoặc chuẩn bị chưa chu đáo nên để lỡ.

Bảy, phải biết lấy nhu thắng cương, phát huy tính chủ động của mình, ra sức tranh thủ kết quả theo hướng chuyển hoá có lợi cho mình, nhất là trong hoàn cảnh khó khăn khi gặp một đối thủ mạnh uy hiếp, khiến mình rơi vào thế bất lợi. Thực tế là, khi chờ đợi thời cơ phải vận dụng nguyên tắc lấy nhu thắng cương, là vận dụng phép giải nguy cao nhất trong hoàn cảnh bất đắc dĩ. Phép này có thể ứng dụng cho các loại quyết sách, các thời kỳ khó khăn của cuộc đời. Mùa xuân năm 206 trước công nguyên, Hạng Vũ tiến quân vào Hồng Môn (nay là đông Lâm Chương, Thiểm Tây), nghe theo đề nghị của mưu sĩ Phạm Tăng, khao thưởng lớn cho quân sĩ, chuẩn bị tiêu diệt Lưu Bang. Được tin, Lưu Bang biết mình chưa đủ sức chống lại,

nên tìm mọi cách giải nguy, đầu tiên kết làm thông gia với Hạng Bá, chú của Hạng Vũ để tranh thủ cảm tình, hôm sau, lại đích thân đến doanh trại của Hạng Vũ ở Hồng Môn ra mắt và dâng lễ vật cực hậu để Hạng Vũ nguôi giận. Sau đó, khi tình hình nguy cấp, cũng không sợ bị bẽ mặt, mượn cớ bỏ chạy, thoát cảnh nguy hiểm. Khi Hạng Vũ phong Lưu Bang làm Hán Vương cai quản đất Hán Trung chỉ cho phép được đem theo ba vạn tướng sĩ, Lưu Bang cũng nuốt giận dẫn bộ hạ kéo về Hán Trung, đó đó mà bảo toàn được thực lực cơ bản, đặt nền móng cho công cuộc phản kích sau này.

□ *Ghi nhớ:*

1 - Phải bền gan quyết chí.

2 - Phải kiên nhẫn, phải có lòng tin.

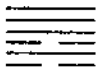
3 - Càng tiếp cận nguy hiểm thì càng phải cẩn thận, không được manh động.

4 - Khi gặp nguy hiểm, phải biết quyến biến, tìm ra lối thoát.

5 - Dù có điều kiện chờ thời một cách an toàn, thì vẫn phải giữ vững thần chính.

6 - Phải biết lấy nhu thắng cương.

6. 訟 TỤNG: GIẢI QUYẾT XUNG ĐỘT MỘT CÁCH HỢP LÝ



乾上 Càn trên
坎下 Khảm dưới

訟有孚窒，惕中吉，終凶。利見大人，不利涉大川。

Tụng, hữu phu trất, dịch trung cát, chung hung. Lợi kiến đại nhân, bất lợi thiệp đại xuyên.

Quẻ Tụng, thành thật mà bị bế tắc, biết sợ hãi mà giữ đạo trung là điều tốt lành, đi tới cùng thì xấu. Gặp đại nhân thì có lợi, vượt sông lớn thì không lợi.

"Tụng" là tranh chấp, tranh luận, cũng bao gồm cả tố tụng, kiện tụng trong đó. Thượng quái Càn mạnh mẽ, Hạ quái Khảm thâm hiểm, một đằng cương kiện, một đằng kín đáo, tất nhiên có mâu thuẫn, tranh chấp. Về tượng quẻ, Tụng trái ngược với Nhu, đảo ngược thứ tự quái Thượng, Hạ, tương phụ tương thành, mà quẻ Tụng lại đặt sau quẻ Nhu, tự bản thân đã mang một ý nghĩa. "Tự quái truyện" viết: "Ăn uống tất có suy tị, nên gán cho cái nghĩa là tụng". Giải thích như vậy có phần gượng ép, vì rằng trong thực tế, tất cả các sự vật trên đời, khi chúng liên hệ với nhau đều phát sinh mâu thuẫn. Một sự vật không thể mãi mãi hoà hợp với tất cả sự vật xung quanh, nhất là khi sự vật đó đang phát triển. Giữa thực vật với thực vật do nhận được dinh dưỡng không giống nhau mà trở nên khác nhau; cùng một

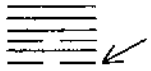
loài động vật do nhận được thức ăn không đều mà có khác biệt. Giữa người với người, giữa xí nghiệp này với xí nghiệp khác, giữa các tổ chức xã hội với nhau, đều tồn tại tranh chấp và xung đột. Loại mâu thuẫn và xung đột này, mỗi người chúng ta đều có thể cảm thấy bất cứ lúc nào. Xử lí những mâu thuẫn và xung đột tất yếu này như thế nào, là một nghệ thuật cao siêu mà mỗi người, mỗi tổ chức xã hội phải cố công tìm hiểu và nghiên cứu. Xử lí mâu thuẫn cá nhân, tập thể và trong xã hội, là vấn đề cơ bản mà các nhà tư tưởng của Trung Quốc xưa nay đều quan tâm giải quyết. "Lão tử" thì chủ trương "vô vi", "bất giáo", "bất tranh", "quí nhu", lấy thoái làm tiến, lấy nhu kiềm chế cương, lấy vô vi để vô bất vi. Các nhà pháp gia cầm đầu là Thương Ưởng, Hàn Phi thì chủ trương xây dựng một pháp chế hoàn chỉnh, lấy hình phạt nghiêm khắc để qui phạm, ước thúc hành vi và tư tưởng con người, nhằm khống chế, thủ tiêu xung đột xã hội. Mặc tử thì cổ vũ cho sự "bình đẳng" giữa các đẳng cấp và các giai cấp trong xã hội, cố hạn chế mâu thuẫn trong phạm vi tối thiểu. Nho gia mà Khổng tử và Mạnh tử là đại biểu, thì chủ trương dùng lễ của truyền thống cổ đại để trị nước, lấy "nhân nghĩa" giáo hoá thiên hạ, duy trì chế độ xã hội có đẳng cấp vốn có, khiến mọi người tự giác tuân thủ những qui phạm đạo đức xã hội nhất định, ai giữ phận người ấy, từ đó mà hoá giải về cơ bản mâu thuẫn xung đột trong xã hội. Tổng quát lại, những lí luận trên của các nhà tư tưởng chỉ có tính chất chỉ đạo về đại thể, một cách khái quát đối với cá nhân trong khi xử lí mâu thuẫn hoàn cảnh xung quanh, mà thiếu phần chỉ đạo vận dụng cụ thể, đôi khi không tránh khỏi lí luận suông. Đương nhiên, việc vận dụng lí luận đến mức độ nào còn phải căn cứ vào kinh nghiệm xã hội và tài năng của từng người. *Chu Dịch* được các nhà nho coi là "đứng đầu của các kinh", vì trong đó đã nêu những nguyên tắc và phương pháp xử lí mâu thuẫn xung đột giữa cá nhân với thiên nhiên, giữa các nhân với xã hội. Nhưng những nguyên tắc và phương pháp này trước đây bị khoác lên chiếc áo mê tín, người ta chỉ vận dụng chúng một cách không tự giác, thiếu sự khái quát minh bạch về lí

luận. Sau này trong hành văn ta thấy rằng, ý nghĩa cơ bản của mỗi quẻ mỗi hào trong *Chu Dịch*, đều nói về người ta phải xử lí mâu thuẫn xung đột như thế nào, từ đó để ra quyết sách đúng đắn cho cuộc sống, thúc đẩy sự nghiệp phát triển. Đây là điều ta phải chú ý đặc biệt. Quẻ Tụng là một trong những quẻ chủ yếu trong *Chu Dịch* nói về nguyên tắc xử lí mâu thuẫn.

Tổng hợp về mặt lí luận, nguyên tắc cơ bản của *Chu Dịch* trong khi xử lí mâu thuẫn xã hội là "hài hoà". Nó quen nắm sự vật trong một chỉnh thể, dưới tiền đề là giữ cho chỉnh thể của vật ổn định mà thủ tiêu mâu thuẫn và xung đột trong nội bộ hệ thống. Do vậy, các quái, và hào của *Chu Dịch* nhiều lần khuyên người ta phải xem xét sự việc trong một chỉnh thể, nắm toàn diện tình hình, rút ra kết luận đúng đắn và toàn diện, chứ không cực đoan. Nguyên tắc trung dung mà *Chu Dịch* nhắc đi nhắc lại, tức trung chính, giữ điều phải, không thiên lệch, là để tránh mâu thuẫn bùng nổ, đạt tới hiệu quả tốt nhất trong khi xử lí mâu thuẫn. *Chu Dịch* coi trời, đất, người là một chỉnh thể, cố gắng đạt tới mối quan hệ cộng tính giữa con người và tự nhiên, con người hài hoà với tự nhiên. Các nho gia đời sau dựa trên luận điểm này mà đề ra lí luận triết học "thiên nhân hợp nhất" (trời với người là một).

Về phương pháp xử lí cụ thể mâu thuẫn và xung đột, *Chu Dịch* khi trình bầy, tập trung cao nhất vào quẻ Tụng. Trước hết *Chu Dịch* vận dụng lí luận về tượng quẻ, lấy Khảm dưới Càn trên tượng trưng cho trạng thái mâu thuẫn xung đột mà nó đại diện. Càn là mạnh mẽ, Khảm là hiểm trở, một cương cường, một thâm hiểm, tất nhiên có xung đột. Nếu là con người thì một quẻ (Khảm) tượng trưng cho lòng nham hiểm. Ngoại quái là, tượng trưng cho tài cán lộ ra ngoài, con người mà trong lòng nham hiểm, bề ngoài có tài, vốn dễ xung đột với người xung quanh. Do vậy, *Chu Dịch* khi thiết kế quái, tượng đã cho thấy bản thân quẻ này đã rất tiêu biểu. Lại từ quái, tượng mà xét, Cửu nhị là hào dương ở vị trí

giữa, tượng trưng trung thực, nhưng không thể tương ứng với Cửu ngũ ở Thượng ương là hào dương, do vậy có trở ngại, nên gọi là "bế tắc". Thượng quái Càn ở trên Hạ quái Khảm sâu trũng, cương cường trung tín đấy, nhưng chỗ đứng chân lại lún sâu, vô cùng nguy hiểm, phải hết sức cẩn thận đề phòng, nắm vững nguyên tắc trung dung mà hành động, thì mới có kết quả tốt đẹp. Nếu nhắm mắt làm liều chắc chắn sẽ gặp hung hiểm, do đó mới nói rằng: "Biết sợ hãi mà giữ đạo trung là điều tốt lành, đi tới cùng thì xấu". "khi cần thiết thì tìm đến sự giúp đỡ của một nhân vật công minh và có thế lực, đừng mạo hiểm, làm ra vẻ mạnh mà vượt sông lớn". "Thoán truyện" viết: "Tụng, trên cương dưới hiểm, hiểm mà tranh chấp với mạnh. Trong tranh chấp có sự bế tắc, biết dừng lại mà giữ đạo trung dung thì tốt, cương mà đắc trung. "Chung hung", nghĩa là tranh chấp không thành. Gặp đại nhân thì có lợi, vậy là trung chính, "bất lợi thiệp đại xuyên" (vượt sông lớn thì bất lợi) vì sẽ rơi xuống vực. "Tượng truyện" viết: "Thiên dữ thuỷ nghịch hành, tụng. Quân tử dĩ tác sự mưu thuỷ". Thượng quái Càn là trời, Hạ quái Khảm là nước, trời ở trên, nước ở dưới, vận hành không giống nhau, do bất hoà mà có tranh chấp. Người ta khi xử lí sự việc, bước đầu nên suy xét cẩn thận mà vạch kế hoạch, tránh xảy ra tranh chấp.



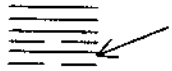
初六：不永所事，小有言，終吉

Sơ lục: Bất vĩnh sở sự, tiểu hữu ngôn, chung cát.

Hào Sơ lục: chớ kéo dài vụ kiện, tuy có bị tai tiếng đôi chút, nhưng cuối cùng là tốt.

"Bất vĩnh sở sự", nghĩa là chấm dứt việc đang làm. Sơ lục là hào âm ở vị trí dương là bất chính, có trở ngại phía trên là hào Cửu nhị, do đó có tranh tụng, mà bản thân hào Lục tứ thì nhu nhược, không có khả năng dàn

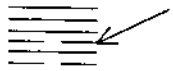
hoà. Nhưng hào Cửu tứ phía trên có tượng tương ứng, vì vậy tuy có lời chê trách nhưng cuối cùng cát tường, do vậy mới nói rằng "tiểu hữu ngôn, chung cát". "Tượng truyện" viết: "Không kéo dài việc đang làm, nghĩa là truyện tranh chấp không thể kéo dài. Tuy có lời chê trách, nhưng cũng được biện minh". *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải nhanh chóng giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn.*



九二：不克訟，歸而逋，其邑人三百户，无眚
Cửu nhị: Bất khắc tụng, qui nhi bô, kỳ ấp nhân tam bách hộ, vô sảnh.

Hào Cửu nhị: không thể thắng kiện thì về nhà mà tránh đi, ấp mình chỉ có ba trăm hộ, không tai hoạ.

"Bất khắc tụng" là nói không thắng kiện. *Thuyết văn* giải thích: "Bô", nghĩa là tiêu vong. Vong nghĩa là bỏ chạy. Cũng *Thuyết văn* giải thích: "Sảnh, mộng mắt, mắt kéo nhài quạt", suy rộng ra là tai hoạ. Hào từ này có thể bắt nguồn từ một câu chuyện lịch sử, người trong ấp kiện chủ ấp (lãnh chúa), ta không bàn đến câu chuyện là gì. Cửu nhị là hào dương cương, lại không thể tương ứng với Cửu ngũ, do đó mà có tranh tụng. Nhưng hào Cửu ngũ rất cương, rất trung, rất chính, Cửu nhị ở vị trí âm là bất chính, lực bất sở cập, tất nhiên sẽ thua kiện, chỉ còn cách là bỏ cuộc. "Tượng truyện" viết: "Không thắng kiện thì chuồn về nhà. Dưới mà kiện trên thì tai hoạ đến nơi". Kẻ yếu mà kiện kẻ mạnh là tự rước lấy tai hoạ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, không thể làm ra vẻ mạnh mà đi kiện.*

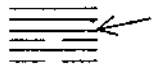


六三：食舊德，貞厲，終吉；或從王事无成

Lục tam: Thực cựu đức, trinh lệ, chung cát. Hoặc tong vương sự, vô thành.

Hào Lục tam: tự nuôi dưỡng bằng cái đức xưa nên phải chính bền, tự nghiêm khắc với mình, cuối cùng sẽ tốt lành, nếu phải làm việc cho vua chúa, đừng mong thành công.

Huệ Đống đời Thanh nói rằng: "Thực ở đây có nghĩa như nhật thực, nguyệt thực", *Thuyết văn* giải thích: "Thực nghĩa là hư hại". Thực cựu đức, nghĩa là đức xưa bị hao tổn. Thất đức thì tai hoạ sẽ tới, tai hoạ tới thì biết sợ, biết sợ thì có thể không thất bại, vậy mới nói rằng, "thực cựu đực trinh lệ, chung cát". "Tòng vương sự", tức làm việc nước, việc quân vương. Người làm việc nước quí ở chỗ cần kiệm, trước sau như một, nếu không, sẽ không thành công trong bất cứ việc gì. "Hoặc tòng vương sự vô thành", là nối tiếp câu trên. Hào Lục tam mềm mỏng, vốn không đủ sức tranh tụng, chỉ có tự nghiêm khắc với mình, tự răn đe mình, thì mới tốt lành. "Tượng truyện" viết: "Thực cựu đức, tòng thượng cát dã", trong hoàn cảnh bất đắc dĩ, phải đi theo người có sức mạnh hơn mình, hành động đơn độc thì khó thành công, do vậy mới nói "tòng thượng cát". *Hào này khuyên chúng ta rằng phải biết mình biết người, không được hiếu thắng.*



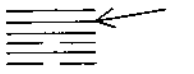
九四：不克訟，復即命，渝安貞吉

Cửu tứ: Bất khắc tụng, phục tức mệnh, du an trinh, cát.

Hào Cửu tứ: không thể kiện cáo được, trở về theo lẽ phải, đổi ý ở yên theo điều chính thì tốt lành.

"Phục" nghĩa là trở về, "tức" nghĩa là tức thì, "du" nghĩa là thay đổi. Hào Cửu tứ tuy dương cương, nhưng bất trung, bất chính, địa vị kém, nên

không thể thắng kiện. Nhưng Cửu tứ có thể thấy đổi tình hình ban đầu, thuận ứng tự nhiên, sẽ không phạm sai lầm, do vậy sẽ cát tường. "Tượng truyện" viết rằng: "Trở về theo lẽ phải, đổi ý đi, ở yên theo điều chính, thì không sai lầm". *Hào này khuyên chúng ta rằng phải thuận theo tự nhiên, theo lẽ phải.*

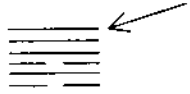


九五：訟，元吉

Cửu ngũ: Tụng nguyên cát.

Hào Cửu ngũ: xử kiện hay đi kiện đều tốt lành.

Nguyên cát tức đại cát. "Tụng nguyên cát", tức công việc kiện tụng tốt đẹp. Hào Cửu ngũ ở ngôi chí tôn, dương cương mà chính nghĩa, đắc chính, tất sức lực trẻ trẻ, vừa mạnh mẽ vừa có lí trong tay, không sợ kiện tụng, chỉ có thắng, nên mới nói "tụng nguyên cát" là ở trung chính. *Hào này khuyên chúng ta rằng rằng: "Khi ở địa vị trung chính mà lại có sức mạnh, thì nhất định sẽ thắng kiện.*



上九：或錫之槃帶，終朝三褫之

Thượng cửu: Hoặc tích chi bàn đới, cung triêu tam trị chi

Hào Thượng cửu: hoặc là được ban dây đai, chỉ trong một buổi sáng mà bị cướp ba lần.

"Tích" mượn từ chữ "tứ" (ban cho). *Thuyết văn* giải thích: "Tích" nghĩa là cho. "Bàn" là loại thắt lưng to bản, làm bằng da. "Trị", nghĩa là cướp áo, cũng có thể giải thích là cướp đoạt. "Hoặc tích chi bàn đới, chung triêu tam trị chi", tượng cho lệnh vua thay đổi bất thường. Hào Thượng cửu dương cương đã đến tột đỉnh, có thể thắng kiện, và do đó mà được quân vương ban thưởng. Nhưng thắng lợi đó không được lâu, đai ngọc được vua ban có thể trong một ngày bị tước đoạt đến ba lần. "Tượng truyện" viết

rằng: "Dĩ tụng thụ phục, diệc bất thị kính dã", dựa vào kiện tụng để được ban thưởng thì sẽ không được mọi người kính trọng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, dựa vào kiện tụng để đạt mục đích thì sẽ không bền, không được mọi người kính trọng.*

Tổng hợp những điều nói trên, khi giải quyết hợp lý mâu thuẫn và sung đột với mọi người xung quanh, ta cần chú ý:

Một là, mâu thuẫn xung đột giữa con người với nhau, phần lớn là do chỉ nghĩ đến lợi riêng, chỉ nghĩ đến mình, không nghĩ đến người khác, con người phải từng giờ từng phút cảnh giác với bản thân, không vì lợi riêng mà gây xung đột với người khác. Vì rằng muốn tỏ ra mình mạnh mà tranh chấp với người khác, không những nguyện vọng không đạt, mà còn dẫn đến kết quả ngược lại. Tuân thủ nguyên tắc trung thực, luôn luôn cảnh giác với tư tưởng và hành vi của mình, mới có thể hạn chế đến mức thấp nhất sự xung đột với người khác. Khi gặp phải sự đối xử bất công khiến quyền lợi của mình bị xâm phạm, thì phải từ góc độ của đối phương mà thẩm tra kỹ tình hình, cũng có thể giảm nhẹ mâu thuẫn xung đột.

Hai là, hết sức tránh mâu thuẫn, tranh chấp với người khác. Vì rằng bảo vệ lợi ích của mình vốn là bản tính của con người. Định dùng phương pháp tranh chấp, xung đột để chiến thắng đối phương, chỉ là công việc dã tràng xe cát. Ngay dù anh nhất thời áp đảo được đối phương thì cũng không làm cho đối phương tâm phục. Đối phương cũng biết tạm thời ẩn nhẫn, đợi dịp báo thù. Mâu thuẫn xung đột chỉ có thể làm cho cả hai bên cùng thiệt hại. Vì vậy, khi xử lý sự việc, ngay từ lúc bắt đầu, ta phải thận trọng, tránh dẫn đến xung đột.

Ba là, nếu như đã xảy ra xung đột, thì phải giải quyết nhanh gọn, không để kéo dài, đỡ hao tổn sinh lực của cả hai bên, hao tổn tinh lực, nhân lực, tài lực cũng là một kiểu tàn phá tinh thần và thể xác. Xung đột khiến

người ta bị ức chế về tinh thần, thậm chí gây ra đau khổ, thời gian càng dài, tổn thất càng lớn, biện pháp tốt nhất là mau chóng hoà hoãn, giải quyết xung đột, nhanh chóng thoát khỏi tình trạng khốn quẫn, khôi phục sự cân bằng về tâm lý và cơ thể. "Tượng truyện" viết: "Chớ kéo dài vụ kiện, kiện tụng thì không thể kéo dài" là như vậy.

Bốn là, nguyên nhân trực tiếp gây ra xung đột là cả hai bên đều hiếu thắng, không ai chịu nhường nhịn, càng không thích cúi đầu trước đối phương. Nếu hai bên nhường nhịn lẫn nhau, nhìn lại bản thân và đứng trên lập trường của đối phương mà xem xét sự việc, nặng về nghĩ gì làm gì để giảm nhẹ xung đột hoặc hoà giải. Hiếu thắng càng làm cho mâu thuẫn đi tới gay gắt, gây ra tai hoạ cho mình và cho đối phương. Con người ta trước hết phải biết kiềm chế bản thân, suy bụng ta ra bụng người, thì tự nhiên sẽ hoá giải được mâu thuẫn, quyền lợi của mình cũng không bị tổn thất. Khổng tử đề xướng đạo khoan dung, ông nói: "Phù nhân giả, kỷ dục lập nhi lập nhân, kỷ dục đạt nhi đạt nhân". Người có nhân, bản thân muốn đứng vững, đồng thời cũng làm cho người khác đứng vững, việc nào của mình cũng không thuận, đồng thời cũng làm cho người khác việc nào cũng không thuận. "Luận ngữ" còn chép rằng: "Vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã", không đoán mò, không khẳng định tuyệt đối, không câu nệ cố chấp, không cho mình là duy nhất đúng. "Quân tử vô sở tranh, tất dã tạ hồ! ấp nhượng nhi thăng, hạ nhi ẩm, kỳ tranh dã quân tử". Người quân tử không có chuyện gì phải tranh chấp. Nếu như có chuyện cần tranh chấp, thì nên giải quyết theo kiểu cạnh tranh một cách lịch sự như thi bắn cung xem ai trúng hồng tâm. Một bận Tử Cống hỏi Khổng tử liệu có câu nào dùng cho cả đời, Khổng tử trả lời: "Đó là khoan dung! Điều gì mà mình không muốn thì đừng bắt người khác phải làm". "Người quân tử nghiêm khắc với mình, kẻ tiểu nhân nghiêm ngặt với người", "trách mình nhiều hơn, trách người ít hơn, thì sẽ không có oán giận".

Năm là, con người ta phải biết thế nào là đủ, không nên hiếu thắng. Nếu đã biết chắc tranh chấp không có lợi, thì chẳng bằng nhường nhịn, tự kiềm chế là thượng sách. Khi đã biết không thắng mà vẫn liều tranh chấp, thì chẳng khác đem trứng chọi với đá. "Hảo hán không để thiệt trông thấy mà vẫn bị", chính là nói cái lợi của sự khiêm nhường đúng lúc. "Tri túc thường lạc", biết thế nào là đủ thì lúc nào cũng vui, đây không phải tâm cảnh, mà triết học xử thế.

Sau, một khi đã nổ ra xung đột, thì cũng nên thuận theo lẽ tự nhiên, cố gắng giải quyết cho tốt. Kết quả không tốt thì cũng đừng buồn, càng không nên oán thán, gieo mầm cho xung đột sau này. Việc nào cũng có cái lý của nó, lý nào cũng có cái lẽ của nó. Trong cuộc đời của một con người, vấp váp và tổn thất là chuyện thường tình, anh không thể mong tất cả đều thuận buồm xuôi gió, tất cả đều toàn thiện, toàn mỹ, càng không nên nghĩ rằng tất cả mọi người đều là những bậc thánh, xả thân vì người khác. Thừa nhận những điều trên, bạn sẽ tăng thêm lòng vị tha đối với thế giới, sẽ bớt đi sự đả kích do thất vọng, đó mới là chính lý, mới có thể sống thanh thản với giáo lý của mình. Nếu không, cuộc sống của bạn sẽ rất nặng nề. Đây là điều mà hào Cửu tứ muốn khuyên bạn.

Bảy, dù ta cố sức tránh, nhưng đôi khi xung đột vẫn xảy ra nhất là khi đối phương chụp lên đầu bạn không chút nhượng bộ. Lúc này, bạn không thể nín nhịn, mà phải đấu tranh có lý cólẽ. Chỉ cần bạn có chính nghĩa, giữ đạo trung chính, lại có một sức mạnh nhất định, bạn có thể quần nhau với đối phương cho đến khi thắng lợi. Hào Cửu ngũ: Tụng nguyên cát (xử kiện hay đi kiện đều tốt), là sự khích lệ bạn khi đã có chính nghĩa trong tay, phải đánh trả đối phương khi xảy ra xung đột.

Tám, mọi người đều phải hiểu rằng, thông qua xung đột để đạt tới mục đích thì không bền. Điều quan trọng hơn, đây không phải là thủ đoạn chính đáng, nên dù có thắng cũng không đáng tự hào. Huống hồ đối phương còn

tìm dịp trả miếng, rồi sẽ có ngày thắng lợi của bạn sẽ tan như bong bóng xà phòng. Thắng đấy nhưng còn mối lo. Do vậy, ta nên dùng phương thức hoà bình, từ tốn mà giải quyết xung đột giữa mình với mọi người và sự vật xung quanh, cố sức tránh xung đột. Đây là điều mà hào Thượng cửu nhắc nhở.

Tóm lại, nắm vững nguyên tắc, giải quyết hợp lý xung đột và mâu thuẫn thì cần phải:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Đừng chỉ nghĩ đến lợi ích của riêng mình.

2 - Tính toán trước khi hành động, tránh mâu thuẫn.

3 - Khi đã xảy ra mâu thuẫn, phải nhanh chóng giải quyết, không để kéo dài.

4 - Phải đứng trên lập trường của đối phương mà xem xét vấn đề, không tuyệt đối hoá, không câu nệ cố chấp.

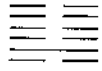
5 - Người biết điều thường vui vẻ, không nên hiếu thắng.

6 - Khi đã xảy ra xung đột, cần thuận theo lẽ tự nhiên, cố gắng đạt kết quả tốt.

7 - Khi không thể nín nhịn được nữa thì kiên quyết phản kích.

8 - Cố gắng dùng phương thức ôn hoà trong xử thế.

7. 師 SƯ: ĐẠO CỦA NGƯỜI LÀM TƯỚNG, TRƯỚC HẾT PHẢI ĐƯỢC LÒNG NGƯỜI



坤上 Khôn trên

坎下 Khảm dưới

師貞，丈人吉，无咎。

Sư trinh, trượng nhân cát, vô cữu.

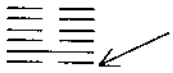
Quẻ Sư chính bền, người chỉ huy lão luyện thì tốt, không lỗi.

"Sư", tức quân đội. Chỉ một chữ này, ta có thể thấy "*Chu Dịch. Sư quái,*" đề cập đến nghệ thuật quân sự. "Tứ quái truyện" viết: "Tranh chấp tất có nhiều người tham gia, nên tổ chức lại thành sư. Sư, nghĩa là đông người", cho rằng sự diễn tiến của vạn vật trong vũ trụ, sẽ do tranh chấp mà phát động chiến tranh. Do vậy, sau quẻ Tụng là quẻ Sư. Về tượng quẻ, quẻ Sư chỉ có Cửu nhị là hào dương, tượng cho thống soái của cuộc chinh chiến. Hào Lục ngũ ở vị trí cao, tượng cho quân vương. "Thượng nhân", chỉ nhân vật có uy tín, có kinh nghiệm. "Sư trinh" bảo ta rằng, sử dụng quân đội phải lấy "trinh" làm gốc, điều kiện tiên quyết là phải có chính nghĩa và do một vị lão thành đạo cao đức trọng làm thống soái, như vậy mới tốt lành, không gặp tai hoạ. "Tượng truyện" viết rằng" "Sư, nghĩa là nhiều người; trinh, là chính nghĩa, làm cho mọi người theo chính nghĩa, vì chính nghĩa mà chiến đấu, thì người ấy có thể làm vương". Chỉ huy quân đội tức là chỉ huy quần chúng, phải lấy chính nghĩa làm điều kiện tiên quyết, có khả năng dẫn dắt

quần chúng, do đó có khả năng thông soái thiên hạ. "Tượng truyện" viết: "Trong đất có nước, là sư, người quân tử phải giỏi khơi dậy sức mạnh trong quần chúng". Trong quẻ Sư, thị Hạ quái là quẻ Khảm, Khảm là hiểm, là nước; Thượng quẻ Khôn là đất, là nhu thuận. Trong đất có nước, là ví quân đội ở trong dân chúng. Trên thực tế, giỏi chỉ huy quần chúng thì cũng giỏi chỉ huy quân đội. Người quân tử (nhân vật lãnh đạo) phải biết hợp sức mạnh từ trong quần chúng và giỏi sử dụng sức mạnh đó.

Nói riêng về mặt chữ, rõ ràng là quẻ Sư nói đến nghệ thuật lãnh đạo về quân sự. Quân sự là sức mạnh vũ trang nhằm đạt tới mục đích chính trị, là công cụ của chiến tranh, là diễn biến của mâu thuẫn giữa cá nhân với cá nhân, giữa tập thể với tập thể, giữa giai cấp nọ với giai cấp kia trong xã hội, giữa các dân tộc và các quốc gia với nhau, một khi đã không thể điều hoà thì phát triển thành xung đột công khai, mà thường là dùng vũ lực để giải quyết. Đó chính là đấu tranh, thậm chí chiến tranh. Chiến tranh là hành động nhằm giành lấy thắng lợi. Do vậy, quẻ Sư hoàn toàn nói về nguyên tắc dùng binh của người lãnh đạo, nguyên tắc dùng binh thời xưa đã được ứng dụng phần lớn vào những quyết sách cạnh tranh trong thương mại và trong quản lý khoa học, vì rằng về bản chất chúng tương thông với nhau, tức cái đạo cạnh tranh để giành thắng lợi. Ngày nay, sự quyết liệt và tàn khốc của cạnh tranh thương mại không kém gì chiến tranh, từ trong binh pháp cổ đại, người ta có thể tìm thấy những sách lược, phương châm và phương pháp cạnh tranh thương mại. Về quyết sách cá nhân, ta cũng có thể vận dụng chiến tranh để chỉ đạo, nhằm thực hiện giá trị cao nhất của đời mình. Đạo làm tướng trong binh pháp là sử dụng số đông, tức là làm thế nào để chỉ huy quần chúng. Từ một góc độ khác mà xét, đạo làm tướng, trên thực tế, chính là nguyên tắc lãnh đạo chiến tranh. Nếu đem *Chu Dịch* đối chiếu với *Tôn tử binh pháp*, ta thấy rằng, nguyên tắc dụng binh của *Tôn tử binh pháp* về cơ bản diễn biến từ tư tưởng được trình bày trong quẻ Sư của *Chu Dịch*, có điều là *Tôn tử binh pháp* chuyên nói về chiến tranh, còn *Chu Dịch* thì vận dụng đạo dùng binh để khái quát xã hội

loài người, đĩ chí những qui luật chung trong cạnh tranh giữa vạn vật vũ trụ, do đó ý nghĩa càng phong phú.

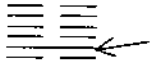


初六：師出以律，否臧，凶。

Sơ lục: Sư xuất đĩ luật, phủ tàng, hung.

Hào Sơ lục: ra quân phải có lý luật, không khéo thì xấu.

"Luật", tức quân luật, quân pháp, "phủ" nghĩa là xấu, "tàng" mượn từ chữ tráng, nghĩa là mạnh. Hào Sơ lục âm nhu, ngay từ đầu, ra quân phải có kỷ luật, nếu không, dù có binh cường mã tráng cũng xấu. "Tượng truyện" viết: "Ra quân phải có kỷ luật, không có kỷ luật thì xấu". *Hào này khuyên chúng ta rằng, kỷ luật quân đội phải nghiêm minh.*

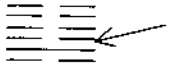


九二：在師中吉，无咎，王三錫命。

Cửu nhị: Tại sư trung, cát, vô cữu, Vương tam tích mệnh.

Hào Cửu nhị: trong quân, tốt, không có lỗi, vua ba lần ban thưởng.

"Tích" tức "tứ" (ban thưởng). "Tại sư trung", tức ở trong quân. Cửu nhị là hào dương duy nhất trong quẻ Sư, lại ở chính giữa Hạ quái, cương nghị mà trung dung, trở thành hạt nhân vững chắc, lại âm dương tương ứng với hào Lục ngũ, tượng trưng được quân vương tín nhiệm, do vậy "vua ba lần ban thưởng". "Tượng truyện" viết: "ở trong quân, tốt, được bề trên yêu. vua ba lần ban thưởng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, làm thống soái thì phải cương nghị, trung dung.*

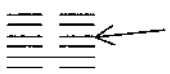


六三：師或輿尸，凶

Lục tam: Sư hoặc dư thi, hung.

Hào Lục tam: không chừng phải chở xác chết trên xe mà về, xấu.

"Dư thi", dùng xe chở người chết. Thua trận, quân sĩ chết, phải chở lên xe mà về, do vậy xấu. Lục tam là hào âm ở vị trí dương, bất chính, tượng trưng thiếu thống soái có tài, nhưng lại nhắm mắt tiến bừa, tất nhiên là thất bại. "Tượng truyện" viết: "Không chừng dùng xe chở xác chết về, hoàn toàn không có công trạng gì. Chỉ thích công to, kết quả ngược lại. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nhân vật thống soái bất trung, bất chính mà lại manh động thì hậu quả nghiêm trọng.*

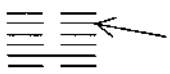


六四：師左次，无咎。

Lục tứ: Sư tả thứ, vô cữu.

Hào Lục tứ: rút quân về, không lỗi.

Quảng nhã. Thích hổ: "Thứ, nghĩa là xá". Xá tức đóng quân, trú quân. "Tả thứ", nghĩa là rẽ sang phía trái mà đóng quân. Phép dùng binh thời xưa, khi dàn trận thì phía trước bên trái là vùng đất thấp để tiện công kích, vùng đất cao bên phải phía sau để phòng ngự. "Tả thứ"(rẽ sang trái) là hành động theo thường qui của quân sự, nên không có lỗi. "Tượng truyện" viết: "Rẽ sang trái không có lỗi, không trái với qui định thông thường". Lục tứ hào âm ở vị trí dương, đắc chính, lượng sức mà hành động, không trái với thường qui. *Hào này nhắc ta, khi dùng binh phải tuân thủ thường qui, không được manh động.*

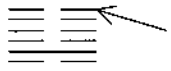


六五：田有禽，利執言，无咎。長子帥師，弟子輿尸，貞凶

Lục ngũ: Điền hữu cầm, lợi chấp ngôn, vô cữu. Trưởng tử soái sư, đệ tử dư thi, trinh hung.

Hào Lục ngũ: có thú về ruộng, bắt ngay thì không lỗi. Chọn bậc lão thành cầm quân, giao cho bọn trẻ thì phải chở thây về, dù có chính cũng xấu.

"Điền" là săn bắn, "điền hữu cầm", tức săn bắt được chim thú. "Ngôn" mượn từ chữ "yên". *Thuyết văn* giải thích: "Yên là chim yên, long mầu vàng, sống ở vùng Giang Hoài". "Lợi chấp ngôn", tức bắt được chim thì có lợi. "Đệ" nghĩa là con Hai là, (thứ tử). Trưởng tử soái sư, đệ tử dư thi, hung. Con cả là chủ tướng, mà con thứ thì thua trận, quân sẽ bị tiêu diệt, vậy là dùng người thân nên bị thất bại, nguyên nhân là vì chỉ huy không thống nhất. "Tượng truyện" viết: "Trưởng tử soái sư, đệ tử dư thi, sử bất đương dã", để cho con cả chỉ huy thì có thể đánh thắng, nhưng nếu lại giao cho con thứ thì phải dùng xe mà chở xác về. *Hào này khuyên chúng ta rằng, quyền chỉ huy phải thống nhất.*



上六：大君有命，開國承家，小人勿用。

Thượng lục: Đại quân hữu mệnh, khai quốc thừa gia, tiểu nhân vật dụng.

Hào Thượng lục: đại quân đem chức tước thưởng cho người có công, chớ dùng bọn tiểu nhân.

Nhà triết học Trình Di đời Tống giải thích quẻ này như sau: "Đại quân lấy tước mệnh thưởng người có công. Khai quốc thì phong làm chư hầu. Thừa gia, phong làm Khanh Đại phu". Bói được hào này, người có chức vị thì được phong nước, coi là khai quốc (mở nước), hoặc phong ấp, gọi là thừa gia. Kẻ tiểu nhân thì không thể bổ nhiệm. "Tượng truyện" viết: "Đại quân ra lệnh, thưởng cho những người thật sự lập công. Không dùng kẻ tiểu nhân, tiểu nhân làm rối loạn đất nước. *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải ngăn ngừa bọn tiểu nhân.*

Qua các hào của quẻ Sư, ta thấy nguyên tắc dùng binh (tức lãnh đạo số đông) bao gồm những nội dung dưới đây:

Một là, nhân vật lãnh đạo (thống soái) phải là bậc lãnh đạo, cương nghị, trung chính. Chiến tranh có quan hệ đến sự hưng vong của dân tộc và đất nước, quan hệ đến tính mạng của nhân dân, do vậy phải thận trọng, không được gây hấn một cách tuỳ tiện. *Tôn tử binh pháp* nói rõ tôn chỉ như sau: "Chiến tranh là việc lớn của đất nước, là chuyện sống chết, tồn vong, không thể không xem xét kỹ". Trong quẻ nhiều lần nhấn mạnh "hung", là có ý nhắc nhở tính chất nguy hiểm của dùng binh. Do đó, thống soái quân đội phải là người dày dạn, nhiều kinh nghiệm, cương nghị, trung chính. Cạnh tranh trong thương mại không khác gì chiến tranh, người điều hành những tập đoàn thương nghiệp cũng phải có đầy đủ các đức tính trên, nếu không sẽ thất bại. Ngược lại, nếu dùng tiểu nhân làm thống soái (lãnh đạo), chỉ biết công hiếu chiến, thì dù có thắng cũng gây ra tai hoạ nặng nề. Quẻ Sư cáo giới rằng: "Quân đội có chính nghĩa, người chỉ huy lão thành, tốt, không mắc lỗi", ý nghĩa như vậy.

Hai là, thống soái khi cầm quân, phải được sự ủng hộ của quần chúng. "Tượng truyện" viết: "Sư, đông người; trinh, chính nghĩa, làm cho đông người theo chính nghĩa, thì đáng là bậc quân vương. Mạnh mẽ mà chính đáng, hành động nguy hiểm nhưng không thuận, chuyện gay cấn với thiên hạ mà có đông người theo, vậy là tốt lành, không lỗi". Được quần chúng ủng hộ, dẫn dắt quần chúng giương cao chính nghĩa, loại người như vậy có thể trở thành quân vương của thiên hạ. Vì rằng muốn chiến thắng phải dựa vào sức mạnh của tập thể. Người chỉ huy được quần chúng ủng hộ thì trên dưới một lòng, sức mạnh tăng gấp bội, đánh đâu thắng đấy. Ngược lại, nếu người chỉ huy và binh sĩ không là một, quân không hiểu tướng, tướng không hiểu quân, quân không phục tướng, lòng quân rệu rã, thì chỉ là một đội quân ô hợp. *Tôn tử binh pháp* khi nêu 5 tố chất mà người chỉ huy phải có, đặc biệt đề cao chữ "nhân", tức sự quan tâm và lòng trắc ẩn mà được lòng người. Bất nhân thì người chỉ huy không thể đồng cam cộng khổ

với quân sĩ, không thể vỗ về mọi người. *Tôn tử binh pháp* nhiều lần nhấn mạnh người chỉ huy phải "yêu lính như con", "yêu lính như yêu trẻ thơ". Yêu lính như yêu trẻ thơ, thì dám cùng binh sĩ lội suốt sâu, yêu lính như con "thì có thể cùng chết". "Do vậy, chắc thắng có 5 điều:... trên dưới đồng lòng thì thắng". Các danh tướng trong lịch sử Trung Quốc như Ngô Khởi, Lý Quảng, Nhạc Phi... đều yêu quân lính mà nổi tiếng, do vậy mà trăm trận trăm thắng. Trên dưới đồng lòng là nguồn sức mạnh chân chính của họ. Do đó, người lãnh đạo phải hiểu rằng, sức mạnh chân chính tồn tại trong quần chúng.

Ba là, quân đội hay tổ chức đều phải có kỷ luật nghiêm minh, đây là sự bảo đảm cơ bản để giành chiến thắng trong chiến tranh và trong cạnh tranh. Kỷ luật nghiêm minh có thể làm cho quân đội hoặc tổ chức trở thành pháo đài vững chắc. "Tôn tử binh pháp. Kế thiên" khi dự đoán thắng và không thắng, nhấn mạnh "pháp lệnh thực hiện như thế nào?", thưởng phạt có nghiêm minh hay không? "Quân tranh thiên" viết: "Chiêng trống cờ quạt là hiệu lệnh cho người tai nghe mắt thấy. Người mà chuyên nhất thì kẻ can đảm không chỉ một mình tiến lên, kẻ khiếp nhược thì không chỉ một mình rút lui, phép chỉ huy số đông là như vậy". Binh sĩ phải phục tùng hiệu lệnh của chủ tướng, đây là phép cơ bản của dùng binh. Còn thưởng phạt nghiêm minh là phương pháp cơ bản khiến binh sĩ phục tùng kỷ luật. Vì vậy, "Tôn tử binh pháp. Hành quân thiên" viết: "Binh sĩ chưa cảm thấy gần gũi mà đã phạt, thì họ không phục, đã không phục thì khó chỉ huy họ", "binh sĩ đã gần gũi, nhưng khi phạt thì họ không chấp hành, cũng không thể chỉ huy họ". Lúc bình thường, mệnh lệnh không được chấp hành, thì khi chiến đấu khó mà giành phần thắng. Người chỉ huy phải luôn luôn yêu cầu nghiêm khắc người dưới quyền, kỷ luật không được lỏng lẻo. Nếu như "được đối xử rất hậu mà không dám chết, rất được yêu mà không tuân lệnh, lúc rối ren mà không nghe lời, loại kiêu binh này không dùng được", trong

sách "Ngô cung giáo chiến" nổi tiếng, Tôn Vũ đã trình bày rõ lý luận này. Những người chỉ huy nổi tiếng trong lịch sử đều coi kỷ luật là gốc của quân đội. Quân của Nhạc Phi có một khẩu hiệu nổi tiếng "chết đói cũng không đi cướp lương thực, chết rét cũng không dỡ nhà dân". Hồng quân công nông với "ba điều kỷ luật, tám điều chú ý" là một điển hình về kỷ luật nghiêm minh của quân đội. Ngày nay, trong cạnh tranh thương mại và trong đấu tranh, lại càng phải có kỷ luật.

Bốn là, quân đội (hoặc tổ chức) phải có một hạt nhân lãnh đạo kiên cường, đây là điều kiện cơ bản, đảm bảo cho chiến tranh hoặc cạnh tranh thắng lợi. Hạt nhân lãnh đạo có kiên cường hay không, trước hết là ở tố chất người lãnh đạo có ưu tú hay không. Vì rằng người lãnh đạo là hạt nhân của tổ chức, năng lực của họ, trên thực tế quyết định năng lực của tổ chức. "Tôn tử binh pháp. Kế thiên" coi vai trò của tướng soái là một trong 5 yếu tố lớn quyết định thành bại của chiến tranh, là một trong "bảy điều so sánh" trong tương quan lực lượng, coi tài năng của người làm tướng chỉ đứng sau "đạo của người làm tướng", mà đạo của người làm tướng thì lại rất coi trọng tố chất của người lãnh đạo. "Mưu công thiên" viết rằng: "Tướng là người phò tá đất nước, phò tá đến nơi đến chốn thì nước mạnh, phò tá có sơ hở thì nước yếu". "Tác chiến thiên" viết: "Làm tướng mà lắm được quân lính, tức quyết định được vận mệnh của dân, chủ trì an nguy của đất nước". Hạt nhân lãnh đạo mà ưu tú, kiên cường thì phải: 1) Trong lòng chỉ nghĩ đến đạo lý, dùng đức mà thu phục người, đây là điều được nhấn mạnh trong *Tôn tử binh pháp* và trong *Chu Dịch*. 2) Người lãnh đạo ưu tú phải có đầy đủ các phẩm chất: trí, tín, dũng, nhân, nghiêm. Vương Tích viết trong "Thập nhất gia chú Tôn tử", viết rằng: trí, là thấy trước mà không bị lầm lẫn, mưu trí, giỏi quyền biến; Tín, hiệu lệnh nhất quán; Nhân, thương yêu vỗ về, được lòng người; Dũng, cương nghị, quả cảm, dám chết vì đạo nghĩa; Nghiêm, dùng uy mà khiến mọi người nghiêm túc. Năm điều trên

đều phải có đủ, không thể thiếu một. Trí tức mưu trí, linh hoạt, khả năng xử lý đúng đắn sự việc. Tín tức tín nghĩa, tín dụng, giữ chữ tín trong lời nói, có hiệu quả trong việc làm, thưởng phạt phân minh. Nghĩa tức nhân ái, lương thiện, được lòng người. Dũng tức quả cảm, không do dự. Nghiêm, tức dùng kỷ luật nghiêm minh để chỉ huy quần chúng. Năm phẩm chất trên đây thực tế là đạo đức của người lãnh đạo và tố chất của người lãnh đạo. Người lãnh đạo mà tố chất thấp kém, chắc chắn sẽ bại hoại sự nghiệp.

Năm là, hành động của người chỉ huy phải căn cứ qui luật khách quan, không được manh động, trái với lẽ thường. Tổng kết và vận dụng qui luật khách quan, là một tố chất cơ bản của người lãnh đạo. Cũng như vậy, có rất nhiều qui luật cơ bản trong cuộc sống xã hội và trong cạnh tranh thương mại là không được vi phạm. Mã Tốc trong "Tam quốc diễn nghĩa" để mất Nhai Đình là thí dụ điển hình về vi phạm qui luật chiến tranh mà bị thất bại. Ngày xưa, có rất nhiều nhà buôn Trung Quốc vì hiểu và lợi dụng được một số qui luật xã hội và tự nhiên mà trở nên cự phú. Ví như Bạch Khuê, đại thương nhân thời Chiến quốc đã lợi dụng qui luật cứ vài năm lại một lần được mùa hoặc mất mùa để mua bán lương thực, khi được mùa thì ông mua vào với khối lượng lớn để bán ra khi mất mùa; khi mất mùa, ông bán lương thực và mua vào vàng bạc châu báu; Qua cơn đói kém thì vàng bạc châu báu lại trở thành vốn để mua lương thực, cứ quay vong như vậy, chẳng bao lâu ông đã giầu bạc triệu. Đương nhiên, phải vận dụng qui luật khách quan một cách thoả đáng và linh hoạt, không được vi phạm thì mới thành công. Mã Tốc mất Nhai Đình vì chỉ biết "đóng quân trên cao để khống chế dưới thấp, thế như chẻ tre", mà không tính đến khả năng bị quân địch cắt nguồn nước, biến thành đất chết. Còn Hàn Tín thời Hán sơ trong trận Tỉnh Hình đã "bố trí quân đội nơi tử địa để sống còn" và đã vận dụng nguyên tắc này rất thành công. Vì vậy, qui luật tuy là cứng nhắc, nhưng người vận dụng thì lại linh hoạt, vấn đề then chốt là ở tố chất người vận dụng.

Sáu là, quyền lực của người chỉ huy phải rất tập trung, không được tuỳ tiện quấy nhiễu hoặc phân tán. Vì rằng ngoại cảnh thiên biến vạn hoá, rất phức tạp, quân đội hoặc tổ chức phải giữ được tính cơ động, tính linh hoạt ở mức cao, mới có thể đối phó với diễn biến của tình hình, đảm bảo không thất bại. "Tôn tử binh pháp. Mưu công thiên" khi bàn về quốc quân nước Triệu là Triệu Trở bao biện, tuỳ tiện can thiệp vào quyền chỉ huy của tướng lĩnh, chỉ ra rằng: "Quốc quân có 3 điều làm hại quân đội: Biết quân không thể tiến mà cứ bắt tiến; biết quân không thể lui mà cứ bắt lui, vậy là quân đội bị động hoàn toàn (I). Không hiểu việc quân mà làm chỉ huy, khiến bụng quân ngờ vực. Không hiểu việc chỉ huy mà nắm quyền chỉ huy, khiến bụng quân nghi ngờ. Quân đội mà nghi ngờ chủ soái thì cái nạn chư hầu sẽ tới". Vì vậy, Tôn tử đặc biệt nhấn mạnh" "Tướng có tài mà không bị vua chế ngự, tất thắng trận". Lịch sử từng có rất nhiều gương phản diện và chính diện. Cuối thời Xuân Thu, Tề Cảnh Công bổ nhiệm Điền Ráng Thư làm tướng, chống lại liên quân Yên, Tấn, đồng thời sai người tâm phúc là Trang Giả làm Giám quân. Trang Giả cậy được vua yêu, không chấp hành kỷ luật quân đội, để lỡ việc quân, Điền Ráng Thư liền chém đầu Trang Giả để làm gương, đồng thời mượn cớ "tướng ở ngoài không theo lệnh vua cũng được", không chấp hành lệnh ân xá của Tề Cảnh Công đối với Trang Giả, chiếu theo quân pháp, giết tuỳ tùng sử thần của Cảnh Công và người điều khiển con ngựa bên trái của xe ngự, sau đó cất quân xung trận. Kết quả là uy danh chấn động, không đánh mà liên quân Yên, Tấn bỏ chạy. Ngược lại, thời kỳ Bắc Tống, vì sợ tướng lĩnh trực tiếp nắm quyền chỉ huy quân sĩ thì nổi ra đảo chính quân sự, nên khống chế nghiêm ngặt số quân dưới quyền các tướng, hơn nữa còn thay đổi liên tục địa điểm đóng quân, khiến quân không biết mặt tướng, tướng không biết mặt quân. Mỗi khi có hoạt động quân sự lớn, nhà vua từ hoàng cung điều khiển từ xa, thậm chí còn vẽ sơ đồ, để các tướng lĩnh cứ theo sơ đồ mà hành sự, thua trận cũng không bắt tội. Nhưng nếu tướng nào hành động theo tình hình thực tế thì dù có thắng

trận cũng bị trách phạt. Kết quả là, các tướng lĩnh thời Bắc Tống gần như mất hoàn toàn quyền chủ động trong chỉ huy, liên tiếp bị thua trong cuộc chiến tranh với Liêu và Tây Hạ, Bắc Tống bị diệt vong, mà xét về sức mạnh của Bắc Tống lúc bấy giờ, lẽ ra không phải chịu số phận như vậy. Điều này cũng áp dụng cho công tác quản lý xã hội hiện nay.

Bảy, bất kể tình huống nào, cũng không để bọn tiểu nhân nắm quyền cao chức trọng, nếu không, sẽ là sự uy hiếp ghê gớm đối với sự nghiệp. Tiểu nhân là những kẻ chỉ mưu lợi riêng, tâm địa bất chính, chuyên nịnh bợ, đầu cơ kiếm chác, dối trên lừa dưới, sợ kẻ mạnh mà ăn hiếp kẻ yếu, trên hại nước, dưới hại dân. Loại người như vậy chỗ nào cũng có. Sự chuyên chế về chính trị của Trung Quốc cổ đại đã tạo điều kiện cho bọn tiểu nhân nảy nòi và đắc thế. Sự chuyên quyền của bọn ngoại thích, hoạn quan, đại thần và bọn gian hùng, là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy sụp của đất nước và mâu thuẫn xã hội trở nên căng thẳng, thậm chí dẫn đến mất nước. Họ là nguyên nhân chủ yếu khiến tình hình chính trị xã hội Trung Quốc khó mà ổn định. Làm thế nào để phân biệt được bọn tiểu nhân là một việc không dễ mà cũng không khó, ngoại trừ người lãnh đạo sáng suốt có khả năng phát hiện ra, cần phải thiết lập một cơ chế giám sát tương ứng. Kẻ tiểu nhân rất giỏi nịnh bợ, họ căn cứ vào sắc mặt của người có quyền mà hành sự, do vậy dễ được sủng ái và tín nhiệm. Dù họ có đôi chút tài mọn, nhưng vì tâm địa bất chính, cuối cùng cũng chỉ có thể làm những chuyện móc ngoặc để mưu lợi riêng. Đây là điều mà những người lãnh đạo phải đặc biệt cảnh giác.

Tổng hợp những điều trên, quẻ Sư trình bày những nguyên tắc lãnh đạo, dùng binh, có thể khái quát như sau:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Kỷ luật phải nghiêm.

2 - Người chỉ huy phải già dặn, có kinh nghiệm, cương nghị trung chính.

3 - Phải được đông đảo quần chúng ủng hộ.

4 - Phải có hạt nhân lãnh đạo kiên cường.

5 - Không được vi phạm qui luật khách quan, nhưng phải vận dụng linh hoạt.

6 - Quyền lực của người chỉ huy phải được tập trung cao độ.

7 -Kiên quyết gạt bỏ bọn tiểu nhân.

8. 比 TỈ: THÂN ÁI GIÚP ĐỠ NHAU, NỀN TẢNG CỦA NGHIỆP LỚN

䷇ 坎上 Khảm trên
坤下 Khôn dưới

比吉，原筮元，永，貞，无咎，不寧方來，後夫凶

Tỉ cát: Nguyên phệ nguyên vĩnh trinh, vô cữu. Bất ninh phương lai, hậu phu.

Quẻ Tỉ, tốt lành. Bói lần thứ nhì mà được như lần đầu, rất tốt, chính bền thì không lỗi. Những kẻ không yên sẽ lần lượt tới với mình, ai tới trễ sẽ gặp xấu.

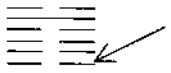
Tỉ, tức tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau. "Nguyên phệ" là từ để gọi cách phệ cũ. Chiêm vấn hoài mà vẫn không có lỗi thì gọi là "vĩnh trinh". "Bất ninh phương lai, hậu phu hung", câu này là lấy nội dung từ một chuyện xưa. "Quốc ngữ. Lỗ ngữ" chép rằng: "Xưa, vua Vũ hội các thần ở Cối Kê, Phòng Phong đến muộn, bị vua Vũ giết". Quẻ này hoàn toàn trái ngược với quẻ Sư. Về tượng chúng đảo ngược vị trí, chúng hợp thành một nhóm, sử dụng cả chiến lẫn hoà. "Tự quái truyện" viết: "Sư có nghĩa là đông người, đông người tất có chuyện đọ sức, do đó gọi là tỉ". Quẻ Sư trình bày nguyên tắc cạnh tranh và nghệ thuật lãnh đạo công việc đối ngoại của tập thể, còn quẻ Tỉ thì lại trình bày tầm quan trọng của sự tương thân tương ái, đoàn kết hoà mục trong nội bộ tập thể. Sư là quần chúng, quần chúng sống bên nhau phải tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau và phải chịu sự

chỉ huy thống nhất, thì mới có thể hài hoà viên mãn, trở thành một tập thể chiến đấu thật sự. Do vậy, *Chu Dịch* sắp xếp quẻ Tỉ sau quẻ Sư, mà về tượng quẻ thì hào Cửu ngũ là chủ thể của quẻ, dương cương mà lại ở vị trí chính giữa của Thượng quái là chí tôn, chí chính. Dương hào ở dương vị, trên dưới có 5 hào âm đi theo, chẳng khác một lãnh tụ vĩ đại cùng các thuộc hạ của mình tổ chức thành một đoàn thể kiên cường. Một đoàn thể như vậy sẽ trên dưới một lòng, đồng tâm hiệp lực, tất nhiên là cát tường, do đó nói là "tỉ cát". Nguyên tắc tương thân tương ái và giúp đỡ lẫn nhau, thì dù có bối đến mười lần, vẫn thấy kết quả là kiên trinh, trước sau như một, không bao giờ rơi vào cảnh tai hoạ. Một tập thể như vậy mới đứng vững được trong cuộc cạnh tranh xã hội khốc liệt và mới có khả năng phát triển. "Thoái truyện" viết rằng: "Tỉ, nghĩa là tốt lành, Tỉ nghĩa là giúp rập, thông thuận từ trên xuống dưới, kẻ dưới phục tùng người trên, mà người trên thì cương trung chính trực. Người nào đến muộn thì gặp nguy, vì kẻ đó không tích cực hợp tác với quần chúng, nên bị cô lập! "Tượng truyện" viết: "Trên mặt đất có nước là tỉ. Thánh vương ngày xưa vận dụng tinh thần của quẻ Tỉ mà lập ra vạn quốc, tương thân tương ái với các chư hầu".

Khác với phương Tây chỉ mưu cầu lợi ích và tự do cá nhân, người Trung Quốc xưa nay cao hơn lợi ích cá nhân, lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích của tập thể. Người nào dám hi sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích tập thể thì được coi là vĩ nhân, là ông thánh, được mọi người tôn kính. vua Nghiêu trưng cầu ý kiến của tập thể mà truyền ngôi cho Thuấn, Thuấn không nhường ngôi cho con trai, không vì một người mà làm loạn thiên hạ, nên truyền ngôi cho Vũ. vua Vũ trị thuỷ, ba lần đi qua trước cổng nhà mình mà không vào, cúc cung tận tuỵ vì công việc đến nỗi gầy rạc đi. Các vị này đều được người đời coi là những ông thánh. Người Trung Quốc hiểu sâu sắc rằng, sức mạnh to lớn bắt nguồn từ sự đoàn kết của tập thể, phương pháp tốt nhất để đánh bại kẻ thù là phân hoá, làm cho rệu rã, phân tán sức

mạnh của kẻ thù để tiêu diệt. Những chuyện đại loại như vậy không kể xiết trong lịch sử. Trong cuộc tranh chấp Tần-Hán, Lưu Bang thực hiện mưu của Trần Bình, li gián quan hệ giữa Hạng Vũ với mưu sĩ chủ yếu là Phạm Tăng, khiến Hạng Vũ mất đi một cánh tay. Những năm đầu Đông Hán, Khôi Áo cát cứ Lũng Hữu, lực lượng tuy nhỏ, nhưng ông cùng các tướng sĩ đoàn kết một lòng, chiến đấu quyết liệt tuy với Lưu Tú trong nhiều năm, Lưu Tú bị thua liên tiếp, mãi khi Khôi Áo chết, Lưu Tú mới bình định được Lũng Hữu. Cuối đời Đông Hán, Tào Tháo tấn công Quan Trung, dùng kế li gián khiến Mã Siêu bất hoà với Hàn Toại, mới bình định được Tây Bắc. Còn như trong trận Quan Độ tiêu diệt tàn dư của thế lực Viên Thiệu, kế li gián của Tào Tháo lại càng kỳ diệu. Sau trận Quan Độ, Viên Thiệu uất giận mà chết, cuộc đấu tranh giành quyền lực giữa hai con của Viên Thiệu là Viên Dị và Viên Thượng đã bộc lộ công khai. Tào Tháo không tiến công ngay mà vận dụng phương châm toạ sơn quan hổ đấu, đợi khi anh em họ Viên đánh nhau, cả hai đều bị thương tổn, Tào Tháo mới phát động tổng công kích. Anh em họ Viên thua trận, chạy vào Ô Hàn, đem quân ra trại Lư Long, chiếm được Ô Hàn. Anh em họ Viên dẫn tàn quân gồm mấy nghìn người chạy sang Liêu Đông hàng Công Tôn Thuật. Nhiều bộ tướng chủ trương thừa thắng tiến đánh Liêu Đông, nhưng Tào Tháo án binh bất động, còn quả quyết rằng, chẳng bao lâu Công Tôn Thuật sẽ đem đầu hai anh em họ Viên đến nộp. Các bộ tướng đều không tin, nhưng chỉ ít lâu sau, Công Tôn Thuật quả nhiên đem đầu anh em họ Viên đến nộp dưới trướng. Các tướng không hiểu vì sao, Tào Tháo giải thích, Công Tôn Thuật vốn nghi kỵ anh em họ Viên, ngờ rằng anh em họ Viên mượn cớ đầu hàng để thôn tính mình, nên đã có ý phòng bị. Nếu như quân Tào tiến công, thì trong tình thế bức bách, họ sẽ liên kết lại, khó mà đánh thắng. Nếu như án binh bất động, tình hình hoà hoãn khiến họ lại hục hặc với nhau, anh em họ Viên chắc chắn sẽ chết. Về sau, trong trận Xích Bích, kế li gián của Tào Tháo không thành, Tháo bị liên quân Tôn Quyền, Lưu Bị đánh thua.

Chính là vì nhận thức rõ tầm quan trọng của tương thân tương ái, nên *Chu Dịch* đặc biệt nhấn mạnh đoàn kết, và còn phân tích và trình bày kỹ hơn trong các quẻ Tỉ, Đồng Nhân, Hàm, Gia Nhân, Tuỵ... Còn trong quẻ Tỉ thì chủ yếu nhấn mạnh cơ sở quan trọng của đoàn kết: *yêu nhau thật lòng*.

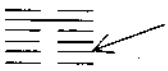


初六：有孚，比之，无咎，有孚盈缶，终來有他吉

Sơ lục: Hữu phu tỉ chi, vô cữu. Hữu phu doanh phẫu, chung lai hữu tha cát.

Hào Sơ lục: lấy sự thành tâm mà gần gũi nhau thì không lỗi. Thành tâm chất đầy ang thì có thêm nhiều điều tốt khác.

"Thoái truyện" viết: "Tỉ, nghĩa là giúp đỡ". *Thuyết văn* giải thích" "Phẫu, nghĩa là cái phẫu, dùng để đựng rượu". Sơ lục hào thứ nhất của quẻ Tỉ. "Hữu phu", tức sự thành thực trong lòng. Nói rằng thân ái giúp đỡ lẫn nhau thì phải mở đầu bằng sự thành tín, mà thành tín thì như cái phẫu đựng đầy rượu, sẽ có người tin theo. Bộ hạ đối với lãnh tụ cũng như vậy. "Tượng truyện" viết: "Tỉ chi Sơ lục, hữu tha cát dã", do thành tín mà được mọi người theo, nên gọi là cát. *Hào này bảo rằng, thành tín là điều kiện số một của tương thân tương ái.*



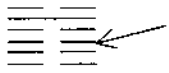
六二：比之自內，貞吉。

Lục nhị: Tỉ chi tự nội, trinh cát.

Hào Lục nhị: thân thiết từ bên trong, chính bền thì tốt lành.

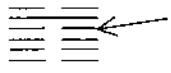
Lục nhị là hào âm ở vị trí âm, lại đắc trung, âm dương tương ứng với hào Cửu ngũ ở Thượng quái, do vậy mà nhu thuận, trung chính, hô ứng trên

với dưới. "Tỉ chi tự nội", một là chỉ Lục nhị nằm trong Hạ quái, hai là công khanh tại triều, là tay chân của quân vương, gần gũi quân vương, coi như gần gũi từ bên trong. "Tượng truyện" viết rằng: "Tỉ chi tự nội, bất tự thất dã", gần gũi tự bên trong, xuất phát tự đáy lòng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, tương thân tương ái phải xuất phát tự đáy lòng, phải bắt đầu từ mình.*



六三：比之匪人。
Lục tam: Tỉ chi phỉ nhân.
Hào Lục tam: thân với người không tốt.

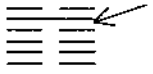
"Tỉ chi phỉ nhân" là nói người gần gũi mình không phải là người hiền. Hào Lục tam âm nhu, bất trung bất chính, hào trên hào dưới và hào Thượng lục tương ứng đều là hào âm, âm dương bài xích lẫn nhau, nên không thể gần gũi. "Tượng truyện" viết: "Gần gũi với người không tốt, không thương tổn sao được! Thân cận với người không đáng thân cận thì chỉ có tai hoạ, chắc chắn sẽ đau thương. Hào này tượng xấu, dạy ta rằng, phải lựa chọn người thân cận cho thích hợp.



六四：外比之，貞吉。
Lục tứ: Ngoại tỉ chi, trinh cát.
Hào Lục tứ: thân với người ngoài, chính bền thì tốt lành.

Hào này ngược lại với hào Lục nhị. Hào Lục nhị là nói thân thiện từ bên trong, còn hào này thì nói về thân thiện với bên ngoài, tức thân thiện đoàn kết với người tài giỏi trong xã hội. Lục tứ là hào âm ở vị trí âm, đắc chính, tương thân với hào Cửu ngũ dương cương trung chính và chí tôn. "Trinh cát" là giữ chính đạo nên tốt lành. "Tượng truyện" viết: "Ngoại tử vu hiền, dĩ tòng thượng dã, hướng ngoại gần gũi với người hiền, là noi theo

người tài giỏi hơn mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng nên gần gũi người tài giỏi hơn mình.*

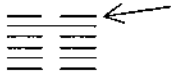


九五：顯比，王用三驅，失前禽，邑人不誡吉

Cửu ngũ: Hiển tỉ, Vương dụng tam khu, thất tiền cầm. ấp nhân bất giới, cát.

Hào Cửu ngũ: gần gũi mà vẻ vang, khi đi săn, nhà vua vây ba mặt, chừa một mặt cho cầm thú chạy thoát. người trong ấp không phòng bị nên để chim bay mất, tốt

"Hiển tỉ", là nhấn mạnh sự gần gũi mang tính chất vẻ vang, vĩ đại. "Hiển nghĩa là sáng sủa, minh bạch. Cửu ngũ là chủ thể của quẻ là hào dương duy nhất, cương kiện trung chính, lại ở ngôi chí tôn, do vậy các hào âm đều gần gũi, đây là loại gần gũi chính đáng, minh bạch, nên vẻ vang. "Vương dụng tam khu, thất tiền cầm, ấp nhân bất giới", câu này dẫn từ một chuyện xa xưa. Khi đi săn thấy chim ở trước mặt, nhà vua cho bủa vây ba mặt mà không bắt, người ấp làm chim kinh hoảng bay mất, nhà vua cũng mở lượng khoan hồng, không bắt tội. Đây là một thái độ cực kỳ nhân nghĩa. "Tượng truyện" viết: "Cái tốt của hiển tỉ là ở ngôi chính trung, bỏ nghịch lấy thuận, nghĩa là để chim bay đi. ấp nhân bất giới, nghĩa là người trong ấp đã được cảm hoá, không còn lo gì. nghĩa là phải lấy thái độ trung chính mà cảm hoá, khiến người ta gần gũi mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng rằng, sự gần gũi không nên miễn cưỡng.*



上六：比之无首凶

Thượng lục: Tỉ chi vô thủ, hung.

Hào Thượng lục: không tìm ra đầu mối để gần nhau, xấu.

Thượng lục đã đạt tới cực điểm của "Tỉ", ở vị trí Thượng không còn

có vị trí nào nữa, vật cực tất phản, do vậy tự thân phải ẩn nhu, không có điều kiện làm lãnh tụ mà lại ở trên lãnh tụ là Cửu ngũ, căn bản không có cách làm cho quần chúng ủng hộ mình, nên kết quả hung hiểm. "Tượng truyện" viết: "Tỉ mà không có đầu mối thì không có kết thúc". Hào này sở dĩ hung hiểm là vì không sao quán triệt được tinh thần đoàn kết thân cận. Hào này khuyên chúng ta rằng, gần gũi phải có đầu có đuôi.

Tổng hợp những điều trên, ta thấy nguyên tắc cơ bản về tương thân tương ái được trình bày trong quẻ Tỉ của Chu Dịch như sau:

Một là, sự tương thân tương ái giữa người và người phải xuất phát từ tấm lòng thành tín, không phải sự hời hợt bề ngoài hoặc giả dối nguỵ tạo, nếu không sẽ không bao giờ đạt tới mục đích của đoàn kết. *Tôn tử binh pháp* nói rằng: "Sự tin tưởng khiến người tin vào con ngựa". Thành tín mới được người ta tin dùng, mới có thể tin dùng người khác. Chỉ có xuất phát tự đáy lòng mới khiến người khác tin mình và mới được đáp lại tương ứng. "Con người ta mà không có trung tín thì không có gì để đứng vững ở đời". Đây cũng là một nguyên tắc quan trọng trong lãnh đạo. Thời Tam Quốc, Tào Tháo được thiên thời, Tôn Quyền được địa lợi, Lưu Bị được nhân hoà. Lưu Bị bằng tấm lòng son đối xử với tướng sĩ, mà từ một người dệt chiếu bán dép, trong tay không một chút vốn liếng, trở thành chư hầu cát cứ một phương, mới được những tướng lĩnh tài ba như Quan Vũ, Triệu Vân, Trương Phi... xung phong hãm trận, tung hoành ngang dọc, mới được con người anh tài như Gia Cát Lượng cúc cung tận tuỵ cho đến hơi thở cuối cùng. Đường Thái Tông Lý Thế Dân đem tấm lòng thành mà đối xử với hàng tướng Uý Trì Kính Đức, nên cũng được Uý Trì Kính Đức đối xử lại bằng tấm lòng thành.

Hai là, muốn tương thân tương ái, trước hết phải xuất phát từ lòng thành, bản thân phải thành tín, nhất là với người lãnh đạo thì lại càng phải thành tín hơn ai hết. Chỉ cần chân thành, thì dù là quần chúng, cũng có thể

đoàn kết với đồng nghiệp và bạn bè, tạo nên bầu không khí tốt lành cho cuộc sống và sự nghiệp. Ta thường nói một số người "Có duyên", trừ nhân tố kỹ xảo ra, trước hết phải thành thực, không giả trá, thực tế đây là những biểu hiện để giành được tình cảm bạn bè. Mà đã giả dối, thì sớm muộn cũng bị người ta nhận ra. Đây là điều phải nhận thức cho rõ.

Ba là, phải có sự lựa chọn về đối tượng gần gũi, không thể thân cận vô nguyên tắc với tất cả mọi người. Vì rằng mỗi người có sự khác nhau. Vật tụ theo bầy, người chia theo loại, nhìn bạn của bạn, tôi có thể thấy bóng dáng của bạn như thế nào. Do vậy, thân mật gần gũi trong chuyện kết giao cần phải thận trọng vì rằng cái thiện và cái ác không thể đi cùng đường, xung khắc với nhau như nước với lửa. "Không đồng đạo thì không có gì để bàn với nhau", khó mà kết bạn lâu dài, những kẻ a dua, cơ hội lại càng không thể là bạn, vì rằng giữa người với người thường nảy sinh "gần mực thì đen, gần đèn thì rạng". Có một người bạn tốt; lợi cho cả một đời; vớ phải bạn xấu, rồi sẽ có ngày cùng xuống hố. Cho nên, "Tình nguyện chịu một dao để không kết bạn với Tần Cối" (1), chưa hiểu nhau thì chưa kết bạn, "Danh tiết trí đại, bất khả vong giao phi loại" (Thanh danh, tiết tháo là lớn nhất, vì vậy không thể kết giao với kẻ xấu). Thời xưa có nhiều điển hình về thành công cũng như thất bại trong giao kết với bạn bè. Cuối đời Thương, Quan Long Phùng và vương tử Tỉ Can biết rõ Trụ vương bạo ngược vô đạo không thể cứu vãn, nhưng vẫn cố can ngăn, kết quả là tự rước lấy hoạ vào thân. Cuối đời Đông Hán, mưu sĩ Điển Phong và Thư Thụ tài cán hơn người, nhưng không chọn được người để theo, mà lại giúp Viên Thiệu, một kẻ đạo đức giả, ngoài mặt khoan dung mà trong bụng thì hẹp hòi, biết bao mưu hay kế giỏi đều không được dùng, mà bản thân hai người rốt cuộc bị Viên Thiệu sát hại. "Tôi giỏi chọn chúa mà thờ, chim khôn chọn cây mà đậu", câu này có vẻ tầm thường, nhưng lại bao hàm một triết lý sâu sắc.

Bốn là, quá trình kết bạn, cũng là quá trình mưu cầu đồng đạo, nâng tầm mình lên. "Làm bạn với người quân tử như vào trong một căn phòng đầy hoa lan, ở đó lâu thì không ngửi thấy hương thơm nữa", vì rằng khi đó mình cũng đã trở thành người quân tử phẩm đức cao thượng. Cũng vậy, có thể học hỏi được nhiều điều ở bạn. Vậy nên, người ta thường chọn những người tài đức hơn mình để kết bạn, được vậy thì có ích cho cả cuộc đời, điều này không nói thì ai cũng hiểu. Khổng tử từng nói rằng: "Trong ba người đồng hành, tất có một người là thày của ta, chọn cái hay để theo, thấy cái dở để sửa". Chuyện kể rằng, thời Chiến Quốc, mẹ của nhà tư tưởng vĩ đại Mạnh tử từng ba lần dời nhà đi nơi khác, tránh ảnh hưởng xấu của hàng xóm, đồng thời nghiêm khắc răn dạy Mạnh tử nên tìm người tài đức mà kết bạn. Chính nhờ có sự lựa chọn nghiêm ngặt ấy mà Mạnh tử trở thành triết học của một thời. Ngoài ra, tìm được người tài đức hơn mình mà kết bạn, thì bản thân mình được giúp đỡ, tạo điều kiện cho sự nghiệp của mình phát triển. Đây cũng là điều mà mọi người nên nhớ.

Năm là, người lãnh đạo được người khác gần gũi hoặc gần gũi người khác đều không nên gượng ép. Điều quan trọng là phải cảm hoá người bằng thái độ trung chính, để người chủ động thân cận với mình. Thái độ trung chính là phẩm đức vô tư cao thượng, và đây cũng là một nguyên tắc quan trọng trong lãnh đạo. Khổng tử khi bàn về vi chính với Nhiễm Hữu, từng nói: "Dùng đức hạnh thần chính cao thượng để vời người khác đến với mình và làm cho họ an tâm", đó là phương pháp thường dùng của thánh nhân thời xưa. Thương Thang là như vậy, Chu Văn Vương cũng vậy. Khoảng giữa thời Chiến Quốc, Tề Mẫn vương nhân lúc nước Yên có loạn Tử Chi, phát binh đánh chiếm kinh thành nước Yên, sau bị người nước Yên đánh đuổi. Yên Chiêu Vương sau khi nên ngôi định trả thù Tề Mẫn vương, bèn hỏi ý kiến đại thần Quách Uỷ làm thế nào thu hút được nhân tài trong thiên hạ về phía mình. Quách Uỷ trả lời: "Trước hết, Đại vương nên tìm

những người hiền trong nước tôn làm thầy, như vậy hiền sĩ trong thiên hạ đều biết Đại vương là bậc thánh minh mà qui phục". Yên Chiêu vương lại hỏi trước tiên nên chọn ai, Quách Uỷ trả lời: "Nếu Đại vương thật lòng chiêu mộ hiền sĩ trong thiên hạ, thì trước hết nên bắt đầu từ Quách Uỷ này. Thần mà chưa được Bệ hạ tôn trọng, thì nói đến những người tài giỏi hơn thần trong thiên hạ làm gì! "Yên Chiêu vương bèn xây phủ đệ cực kỳ lộng lẫy cho Quách Uỷ và tôn Quách Uỷ làm thầy. Thế là danh tướng Nhạc Nghị, học giả Trâu Diễn, hiệp khách Kịch Tân... đều đến nước Yên. Nước Yên được rất nhiều nhân tài, thế lực ngày càng mạnh, cuối cùng đánh bại nước Tề, trả được thù. Đường Thái Tông đối với Uý Trì Kính Đức, Ngụy Trưng cũng vậy.

Sáu là, tương thân tương ái phải trước sau như một, như vậy tập thể mới đoàn kết nhất trí, có sức cạnh tranh mạnh mẽ. Vạn sự khởi đầu nan, quán triệt trước sau như một càng khó, nửa chừng bỏ dở thường là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thất bại trong sự nghiệp. Người xưa chia đoàn kết hợp tác thành hai loại: vì nghĩa mà hợp tác với nhau hoặc vì lợi mà hợp tác với nhau. Hợp tác vì nghĩa là hai bên đều có chung đạo nghĩa và lý tưởng nên đi cùng đường, loại hợp tác này thường là bền vững. Hợp tác vì lợi là hai bên tạm thời có chung lợi ích, vì bảo vệ lợi ích đó mà tạm thời đi cùng đường. Một khi tình hình đổi khác, lập tức chia tay mỗi người mỗi ngả. Hợp tác vì nghĩa là quân tử, hợp tác vì lợi là tiểu nhân. Trong cuộc sống ta thường thấy, có bạn tri kỷ và bạn xôi thịt. Bạn tri kỷ thì biểu hiện bên ngoài có khi không nồng nhiệt bằng bạn xôi thịt, nhưng là một tình bạn chân chính. Giao tình của người quân tử ngọt như nước, giao tình của kẻ tiểu nhân ngọt như mật, điều này tuy ai cũng hiểu, nhưng hàm ý bên trong thì không ai cũng lĩnh hội được. Đương nhiên, vì sự nghiệp, khi chưa hình thành bầu không khí đoàn kết, thì ta phải chân thành đoàn kết với mọi người, khi đã hình thành một không khí đoàn kết, thì ta phải không ngừng

bảo vệ sự đoàn kết đó. Thời kỳ đầu dựng nghiệp, việc bảo vệ sự đoàn kết này còn tương đối dễ. Nhưng khi sự nghiệp đã phát triển và giành được những thành tựu nhất định, thì nguy cơ chia rẽ sẽ liên tiếp xảy ra. Sự phá vỡ đoàn kết thường không xảy ra trong thời kỳ đầu, mà là sau khi đã giành được thắng lợi.

Tổng hợp những điều nói trên, khi vận dụng nguyên tắc tương thân tương ái của quẻ Tỉ vào cuộc sống, ta phải:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Thành tín là điều kiện số một của tương thân tương ái.

2 - Phải bắt đầu từ mình trước.

3 - Chọn đúng đối tượng mà gần gũi, không kết bạn bừa bãi, vô nguyên tắc.

4 - Nên kết bạn với người tài giỏi hơn mình.

5 - Do cảm hoá mà người ta đến với mình, không nên gượng ép.

6 - Phải có thuỷ có chung, trước sau như một.

9. 小畜 Tiểu súc: bài học khi hoạn nạn



巽上 Tốn trên

乾下 Càn dưới

小畜亨，密雲不雨，自我西郊

Tiểu súc, hanh. Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao.

Quẻ Tiểu súc, hanh thông, mây dày mà không mưa, ở cõi tây của ta.

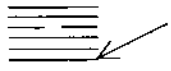
Súc tức súc tiến, "tiểu súc" là tích luỹ được ít nhiều, đây là nói tiếp theo quẻ Tỉ. "Tự quái truyện" viết: "Đã tỉ thì tất có tích luỹ, nên gọi là tiểu súc". Nói theo ngôn ngữ hiện đại, thân ái giúp đỡ nhau nên sự nghiệp có phần phát triển giống như người nông dân sau những ngày lao động cần cù, đã thu hoạch đôi chút lương thực. Sự phát triển nho nhỏ này, trên thực tế, đặt nền móng cho sự nghiệp phát triển sau này. Xét về tượng quẻ, quẻ này chỉ có hào Lục tứ là hào âm, còn các hào khác đều là hào dương, rất muốn thịnh vượng, nhưng sức còn yếu, mà muốn một âm bồi cho năm dương thì sức lực có hạn, thế tất phải chững lại đôi chút, không thể làm lớn. Khi sức lực đã vươn tới một trình độ nhất định, mới có thể vùng vẫy. Tuy nhiên, vì đã có mở đầu tốt đẹp, nên sự nghiệp đang trong giai đoạn tiến tới. Đây chỉ là một phút dừng chân, không đủ cản trở sự nghiệp phát triển, không bao lâu sẽ hanh thông. Tình thế lúc này giống như phía tây mây đen giăng kín bầu trời báo hiệu một trận mưa rào, vì vậy mới nói mây dầy mà không mưa, đến từ phía tây của ta" để tượng trưng. Mây dày là mây chứ không phải là mưa, vì rằng nó chưa phát triển thành giông bão. So sánh với sự nghiệp và

cuộc đời của con người, thì "Tiểu súc" là thời kỳ đầu lập nghiệp, sức lực chưa đủ, tích luỹ còn bị hạn chế, thì dù hoàn cảnh bên ngoài có thuận lợi đến mấy vẫn lực bất tòng tâm khó mà làm nên việc lớn, nên có sự chững lại. Tuy vậy, đây chỉ là tạm thời. Chỉ cần khắc phục được khó khăn tạm thời này là lại hanh thông, sự nghiệp lại phát triển. "Thoán truyện" viết: "Tiểu súc, nhu mà đắc vị, được trên dưới hưởng ứng, nên gọi là tiểu súc. Mạnh mẽ mà đầm tĩnh, cương trung mà có chỉ, nên hanh thông. Mây dày không mưa tức là chưa thể tiến lên, từ phía tây của ta, tức là chưa thể thực hiện được ngay". Hào chủ của quẻ này là hào Lục tứ, hào âm vị trí âm là đắc chính nhưng sức lực chưa đủ mạnh, nên mới nói là "nhu đắc vị". Thượng quái Càn mạnh mẽ, Hạ quái Tốn nhập vào. Hào Cửu nhị và Cửu ngũ đều cương kiện trung dung, vì vậy, tuy ý chí tạm thời bị chững lại, nhưng cuối cùng vẫn có thể thực hiện. "Tượng truyện" viết rằng: "Gió vận hành trên trời, tiểu súc; người quân tử trau dồi tài đức". Tài đức là nói văn tài, đạo đức. Người quân tử bắt chước gió trên trời, ôm hoài bão làm mưa làm gió, nâng cao phẩm chất, không ngừng tích trữ sức mạnh để làm những việc lớn sau này, vì rằng lúc này chưa phải lúc làm những việc lớn.

Vì vậy, quẻ Tiểu súc giảng giải cho ta biết rằng, trong thời kỳ phát triển sự nghiệp, phải ứng phó như thế nào khi tạm thời bị chững lại, để tích trữ lực lượng, chuẩn bị tốt cho bước phát triển sau đó.

Cuộc đời con người không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, điều này thì ai cũng hiểu. Với đa số mà nói, mỗi khi sự nghiệp, thậm chí sự viện thành công đều là kết quả của sự nỗ lực. Cũng có người không gặp vấp váp gì lớn trong cuộc đời, nhưng số đó là rất ít. Quan sát kỹ, ta thấy cuộc đời là một chuỗi hạnh phúc đi đôi với đau khổ, thành công nối tiếp thất bại. Hạnh phúc cố nhiên thường có; đau khổ, vấp váp cũng luôn luôn có mặt, điều quan trọng là ta phải xử lý như thế này để vượt qua trở ngại, nhằm thực hiện mục tiêu của cuộc đời mình. Các vĩ nhân trong lịch sử

chưa một ai có cuộc đời bằng phẳng. Hán Cao Tổ trước khi đến tuổi bốn mươi chẳng qua chỉ là một Đình trưởng. Khi khởi nghĩa chống nhà Tần, nhiều lần thua liểng xiểng, nhất là trong cuộc chiến tranh Hán-Sở tranh giành thiên hạ với Hạng Vũ thì bại trận liên tiếp, nhưng mỗi lần thua là lại vùng dậy đánh tiếp, cuối cùng giành được thắng lợi. Quang Vũ Đế Lưu Tú trước khi khởi binh, cũng chỉ là một địa chủ trong thôn, khi đến kinh thành Tràng An, thấy bề thế của viên quan giữ thành đi tuần hành, cũng đã phục sát đất, thề rằng nếu làm quan thì phải là Chấp Kim Ngô (quan giữ thành), lấy vợ thì phải lấy Âm Lệ Hoa (con hát nổi tiếng). Có gì là một ước vọng của Đế vương? Tào Tháo lúc trẻ từng giữ chức Đô uý bắc Lạc Dương, vì đắc tội với kẻ quyền quí mà bị đuổi về quê nằm khàn. Sau khi khởi binh thảo phạt Đổng Trác, cũng bại trận liên tiếp, thậm chí có lúc hầu như toàn quân bị tiêu diệt, vậy mà cuối cùng trở thành một anh hùng hào kiệt. Ngoài ra, Lưu Bị, Đường Thái Tôn, Chu Nguyên Chương, đều như vậy. Ngay cả Mao Trạch Đông cũng vậy. Vĩ nhân còn như thế, huống hồ là người thường? *Chu Dịch* tuy ra đời cách đây mấy nghìn năm, nhưng lý luận của nó bắt nguồn từ những kinh nghiệm của cuộc đời thực, vì vậy, rất đáng để ta vận dụng.



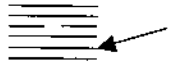
初九：復自道，何其咎，吉

Sơ cửu: Phục tự đạo, hà kỳ cữu, cát.

Hào Sơ cửu: trở về đạo lý của mình, không có lỗi, tốt.

"Tạp quái truyện" viết: "Phục là trở lại". *Thuyết văn* giải thích: "Phục" là vãng lai. Đi mà trở lại, nghĩa là phục, đồng nghĩa với "Phục" (trở lại). *Thuyết văn* giải thích: "Phục", trở lại đạo cũ. "Tự đạo", tức con đường cũ. Đi mà có thể trở về thì chẳng có gì phải oán thán cả. Không những không sai lầm, mà còn tốt lành, vậy mới nói rằng: "Trở lại đường cũ, không có lỗi gì, tốt". Về tượng quẻ mà xét, Hạ quái Càn là trời, trời thì phải ở trên.

Hào Lục tứ ứng với hào Sơ cửu thì yếu đuối, không cản trở, nên có thể trở về chỗ cũ. "Tượng truyện" viết: "Trở về chỗ cũ, ý nghĩa sẽ tốt". *Hào này khuyên chúng ta rằng rằng, khi gặp khốn quẫn, phải kiên trì động cơ chính đáng ban đầu.*

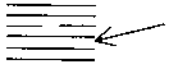


九二：牽復，吉 .

Cửu nhị: Khiên phục, cát.

Hào Cửu nhị: dắt nhau trở về đạo lý, tốt.

Thuyết văn giải thích: "Khiên, nghĩa là dắt". *Quảng nhã - Thích ngôn* giải thích: "Khiên, nghĩa là dìu, khoác tay nhau". "Khiên phục", tức dắt nhau trở lại đường cũ. Về tượng quẻ, ba hào dương của Hạ quái Càn tượng trưng dắt nhau cùng tiến, do vậy là tốt. "Tượng truyện" viết: "Dắt nhau cùng đi trên con đường đúng đắn, không mất mát". Tốt là tốt ở chỗ cùng nhau kiên trì con đường đúng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, muốn khắc phục trở ngại, thì phải dắt nhau cùng đi, kiên trì cái đúng.*



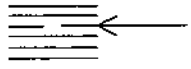
九三：輿說輻，夫妻反目。

Cửu tam: Dư thoát bức, phu thê phản mục.

Hào Cửu tam: xe rơi trục, vợ chồng lườm nguýt nhau.

"Thoát" tức là rời ra, giải thoát. *Thuyết văn* giải thích: "Bức, trục xe". "Dư thoát bức", tức xe lìa trục, tượng cho chia lìa. Phản mục, lườm nguýt, tượng cho chia li. Xe và trục vốn gắn bó với nhau, vợ và chồng vốn gắn bó với nhau, mà nay rời nhau ra, chia tay nhau. Đây là cái giá phải trả trên đường tiến lên của hào Cửu tam. "Tượng truyện" viết: "Vợ chồng bất hoà, thì không thành một gia đình nữa". Vợ chồng không thèm ngó nhau (phản

mục), tất nhiên là cuộc hôn nhân không còn chính đáng nữa. *Hào này khuyên chúng ta rằng rằng, khi khắc phục trở ngại, phải kiên quyết gạt bỏ những vướng víu.*

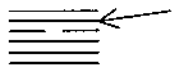


六四：有孚，血去，惕出，无咎

Lục tứ: Hữu phu, huyết khử, dịch xuất, vô cữu.

Hào Lục tứ: có lòng thành thì sẽ đi xa chảy máu (nhưng lành) ngay vết thương, hết lo, không có lỗi.

"Huyết khử" là nói máu chảy mà chết. *Dịch* tức "dịch" nghĩa là xa. "Xuất" tức là đi, "dịch xuất" là đi xa. "Hữu phu" là lòng thành. "Tượng truyện" viết: "Có lòng thành mà định đi xa, hợp với trí của người trên". Lục tứ là hào âm duy nhất của quẻ, vốn yếu ớt, dễ bị thương tổn, nhưng vì trên nó có hai hào dương giúp đỡ, nên sẽ không mắc lỗi gì, có thể tránh xa "máu". " Hợp với trí của người trên" nghĩa là kết hợp với hái hào dương ở trên. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi khắc phục khó khăn trở ngại, chỉ cần có lòng thành, là được giúp đỡ.*

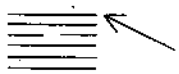


九五：有孚攣如，富以其鄰

Cửu ngũ: Hữu phu luyến như, phú dĩ kỳ lân.

Hào Cửu ngũ: có lòng thành, nắm tay nhau thì xóm làng giầu, mình cũng giầu.

"Luyến" nghĩa là nắm chặt, ràng buộc. "Phú dĩ kỳ bang", nghĩa là làng xóm giầu lên, mình cũng được giầu lên. Hào Cửu ngũ ở ngôi chí tôn, đắc trung đắc chính có thực lực, và giúp được các hào khác. "Tượng truyện" viết: "Có lòng thành mà lại dìu dắt nhau, thì không ai giầu một mình", không chỉ mình giầu, mà hàng xóm cũng giầu. *Hào này khuyên chúng ta rằng phải giúp đỡ lẫn nhau.*



上九：既雨，既處。上德載，婦貞厲。月幾望，君子征凶。-

Thượng cửu: Ký vũ ký xử, thượng đức tải, phụ trinh lệ. Nguyệt cơ vọng, quân tử chinh hung.

Hào Thượng cửu: trời đã mưa đã tạnh, nhờ tích đức mà nên, đàn bà cố chấp thì nguy hiểm, Trăng sắp tròn, người quân tử cứ tiến hành thì xấu.

"Xử" nghĩa ban đầu là dừng. *Kinh thi. Giang hữu ký* viết: "Kỳ hậu dã xử" (Sau đó thì dừng), *Thuyết văn* giải thích: "Tải, nghĩa là chất đầy". "Ký vũ ký xử, thượng đức tải, phụ trinh lệ", là hình dung người đi đường, được đi nhờ xe thì có nỗi lo vì bị động, do đó nói rằng "phụ trinh lệ". "Vọng" nghĩa là trăng tròn, "cơ" nghĩa là gần, sắp, "chinh" nghĩa là đi. Thượng cửu đã súc tích đến mức cao nhất, lại tương ứng với hào lục tứ ở dưới, đạt tới tình trạng bão hoà. Đã bão hoà thì nên dừng lại đúng lúc, không nên tham lam vô độ. Trăng sắp tròn là âm đạt tới cực điểm, sắp trạm trán với dương. Quân tử nếu tiếp tục tiến lên, sẽ gặp nguy hiểm, do đó mới nói "Quân tử chinh hung". "Tượng truyện" viết rằng: "Đã mưa đã tạnh, đức đã chất đầy. Quân tử tiến lên, có điều nghi ngại". Âm đã lên tới cực điểm, người quân tử phải hết sức thận trọng nhằm tránh bị thương tổn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi đã đầy đủ thì nên dừng lại đúng lúc, không lên quá đáng.*

Tổng hợp những điều trên, khi bước đường phát triển sự nghiệp hoặc cuộc đời bị chững lại, ta phải:

Một là, kiên trì chính đạo, tức giữ vững mục tiêu đúng đắn ban đầu, không vì khó khăn vấp váp mà thay đổi phương hướng hoặc ngã lòng. Vì khốn quẫn nhất thời mà thay đổi ý niệm ban đầu thì có thể huỷ hoại sự nghiệp, ân hận suốt đời. Cuối đời Thương, thế lực của Chu dần dần lớn mạnh, bị Trụ Vương nghi ngờ, đày Chu Văn Vương đến Dữu Lý (nay là

Thang Âm, Hà Nam). Trong giờ phút tối nguy hiểm đó, Chu Văn Vương hết sức cảnh giác giữ mình, tự động viên mình bằng nhiều cách. Truyền thuyết nói rằng, chính lúc này Chu Văn Vương viết các quái từ và hào từ. Sau đó, được các đại thần hết sức ủng hộ, Chu Văn Vương được tha, nhưng vẫn không từ bỏ mục tiêu chính đáng của mình, cuối cùng xây dựng được cơ sở để giết nhà Thương. Do vậy, khi gặp khó khăn trên bước đường tiến lên, đừng dễ dàng rút lui, mà phải bám chắc mục tiêu đã định, xử lí tốt các mâu thuẫn, tiếp tục tiến tới.

Hai là, để thoát khỏi khó khăn, phải đi tìm đồng chí, mở rộng thế lực, cùng nhau tiến lên, đồng thời kiên trì mục tiêu chính đáng của mình. Nguyên tắc này cũng rất quan trọng. Thực tế chứng minh rằng, đây là một phương châm quyết sách vô cùng đúng đắn. Các nhân vật kiệt xuất thời xưa đều rất biết vận dụng nguyên tắc này.Thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh giữa Hán và Sở, Lưu Bang liên tiếp bại trận, tình thế vô cùng khó khăn, để tăng cường sức mạnh của mình, Lưu Bang ra sức phân hoá lực lượng của Hạng Vũ, lôi kéo Bành Việt, Hàn Anh và các chư hầu như Triệu Vương Trương Nhĩ, Hàn Vương Tín, do đó mà chỉ trong một thời gian ngắn, tình hình của Lưu Bang đã chuyển biến tốt. Thời kỳ đầu Tam Quốc, trước sức uy hiếp nghiêm trọng của đại quân Tào Tháo, Tôn Quyền và Lưu Bị kết thành một liên minh vì lợi ích chung, và đã thành công trong cuộc chiến đấu chống cự Tào Tháo. Về sau, liên quân chống Ngụy trở thành phương châm đối ngoại cơ bản của Thục Hán. Trong xã hội hiện đại, kiểu liên minh như trên có rất nhiều. Chẳng hạn như các tập đoàn công nghiệp (hoặc công ty) liên kết lại với nhau theo ngành nghề để mở rộng thế lực, nhằm giành thắng lợi trong cuộc cạnh tranh khốc liệt.

Ba là, muốn gạt bỏ trở ngại, vươn tới mục tiêu đã định, phải dứt khoát rũ bỏ những ràng buộc, hướng thẳng tới mục tiêu, mà không nên do dự quẩn quanh, trù trừ không quyết. Mục tiêu chính là mục đích. Quyết đoán

là nhân tố cơ bản cần có đủ ở người thành đạt. Nhất là trong quá trình thăng tiến của sự nghiệp, sẽ gặp những khó khăn vấp váp đủ loại không thể lường trước, nhưng cũng gặp rất nhiều thời cơ và biến động. Người có tinh thần quyết đoán, một khi đã xác định mục tiêu thì thẳng đường mà tiến, có khó khăn thì khắc phục, không có đường thì đánh đường mà đi. Hơn nữa, còn phải chối bỏ những cám dỗ khoác vỏ ngoài cực kỳ đẹp đẽ, tiến tới mục tiêu đã định trước. Vì rằng, bạn không thể cùng một lúc nắm lấy tất cả mọi thời cơ, làm được tất cả mọi việc. Chỉ có thể thành_công ở một mục tiêu. Napôlêông một khi đã quyết định thì không bao giờ thay đổi, nếu như có khe rãnh xuất hiện phía trước, thì chấp nhận lấp đầy khe rãnh bằng người ngựa, đảm bảo cho đại quân vượt lên. Khi phát động cuộc đại khởi nghĩa của nông dân cuối đời Tần, Lưu Bang, Hạng Vũ và Sở Hoài Vương từng giao ước với nhau tại Bành Thành (nay là Từ Châu, Giang Tô), rằng "ai vào Quan Trung trước thì người ấy làm vua", rồi chia hai đường tiến quân đánh Tần. Để thực hiện mục tiêu vào Quan Trung trước, sau khi bị thua trong các trận Trần Lưu, Trủng Dương, Lưu Bang bèn né tránh mặt đối mặt với quân chủ lực của Tần và các đồn luỹ kiên cố, bằng mọi giá, từ Vũ Quan đánh thẳng vào Quan Trung, trước hết đánh chiếm kinh đô Tần là Hàm Dương (nay là Thiểm Tây). Ngược lại với Lưu Bang, Hạng Vũ từ Bành Thành tiến quân lên bắc, sau khi tiêu diệt quân chủ lực của Tần ở Cự Lộc, liền đềnh dàng, lúc đi lúc nghỉ, vào Quan Trung sau Lưu Bang đến mấy tháng trời. Dọc đường tuy chiến công hiển hách, nhưng thủ đoạn và biện pháp đi tới mục tiêu thì không cao thủ bằng Lưu Bang. Chỉ xét riêng điểm này, Hạng Vũ sau này thua Lưu Bang là điều tất nhiên.

Bốn là, để loại trừ tình cảnh khốn quẫn, tìm người trợ giúp cho mình, thì phải hành sự trên cơ sở thành tín, như vậy mới mong được người khác giúp mình cũng với tấm lòng thành. Chỉ cần chân thành, sẽ nhận được sự trợ giúp có hiệu quả. Nếu tâm địa dối trá, chỉ vì đối phó với khó khăn

nhất thời mà nghĩ cách lợi dụng người khác, dù có đắc thế một thời, nhưng cuối cùng cũng bị vạch trần và phỉ nhổ,

Năm là, phải hiểu được cái lẽ giúp mình giúp người, tức không chỉ mình đạt được mục tiêu, mà cũng phải giúp người khác đạt mục tiêu. Khổng tử nói rằng: "Giúp người sẽ được người giúp, tức mới có thể liên hợp tất cả những lực lượng có thể liên hợp, để đạt tới mục tiêu lý tưởng. Người Trung Quốc thường nói hành thiện tích đức, hảo tâm thì sẽ được đền đáp. Thời kỳ Xuân Thu có hai câu chuyện nổi tiếng: Thời Tấn Linh Công, quan Đại phu chấp chính nước Tấn là Triệu Thuẫn một bận đi săn ở Thủ Sơn (nay thuộc Vĩnh Tế, Sơn Tây) gặp một người tên là Linh Triệt đói lả dưới gốc cây. Thấy tình cảnh đáng thương, Triệu Thuẫn sai người lấy cơm cho Linh Triệt ăn, rồi còn cho Linh Triệt đem cơm về nuôi mẹ. Về sau, Tấn Linh Công định giết Triệu Thuẫn, sai quân mai phục ở trong cung, vời Triệu Thuẫn vào uống rượu để giết. Lúc này, Linh Triệt đã được vào cung làm đầu bếp của Tấn Linh Công, thấy Triệu Thuẫn lâm nguy, nghĩ đến cái ơn cho cơm, bèn vác kích xông ra đâm bọn quân mai phục, cứu thoát Triệu Thuẫn. Một chuyện khác là Tần Mục Công. Một con ngựa quý của Tần Mục Công bị lạc, hơn ba trăm "dã nhân" (dân thường) ở trong núi bèn bắt con ngựa giết thịt chia nhau. Khi biết chuyện, Tần Mục Công cũng không bắt tội những người này, mà còn cho họ rượu uống. Về sau, hai nước Tần Tấn giao chiến tại Hàn Nguyên (nay là Hàn Thành, Thiểm Tây), Tần Mục Công cùng bộ hạ rượt đuổi Tấn Huệ Công nên bị quân Tấn bao vây và bị thương. Lúc này, hơn ba trăm người ăn thịt con ngựa đều ở trong quân, thấy Mục Công bị vây bèn nhất tề liều chết xông lên đánh tan quân Tấn, giải được vây và còn bắt sống được Tấn Huệ Công. Như vậy là làm ơn, làm phúc cho người thì được đền đáp.

Sáu là, tạm thời chững lại là để chuẩn bị lực lượng, chuẩn bị lực lượng là để phát triển tiếp, vì vậy, phải có giới hạn cho sự chững lại, khi lực

lượng đã đủ lớn mạnh, điều kiện đã chín muồi, thì phải lập tức tiến lên, vì chậm chễ sẽ mất thời cơ, kết quả sẽ ngược lại. Há miệng chờ sung là điển hình của những người không có chí lớn. Cuối đời Tần Mãng, chính quyền Vương Mãng tan vỡ, trung nguyên đại loạn, các thế lực Lục Lâm quân, Xích Mi quân, Lưu Tú, Trương Độ ... xâu xé lẫn nhau, không phân thắng bái. Công Tôn Thuật khống chế Ba Thục (nay là Tứ Xuyên) sức mạnh quân đông, vốn đủ sức tranh đoạt thiên hạ, nhưng vì cầu an, rêu rao rằng đợi cho thiên hạ ngã ngũ mới ra tay, nên chỉ đem quân phong toả Kiếm Môn, Trần Thương và con đường huyết mạch Xuyên Đông, hơn nữa, lên ngôi Hoàng đế tại Thành Đô, mưu toan cát cứ một phương. Lưu Tú có chí giành lấy thiên hạ, khi nghe tin về Công Tôn Thuật liền cười khẩy, cho rằng Thuật là con người không đáng lo. Quả vậy, điều mà Công Tôn Thuật mong đợi lại là sự diệt vong của Thuật. Cuối đời Đông Hán, khi mà Tào Tháo, Viên Thiệu, Lã Bố, Công Tôn Tiễn, Lưu Bị ... tranh giành trung nguyên, thì Thứ Sử Kinh Châu Lưu Biểu chẳng khác gì Công Tôn Thuật, bám vào sự giầu có của chín quận Kinh Châu mà không chịu tiến thủ, kết quả, bị Tào, Tôn, Lưu xâu xé. "Cha con Cảnh Thăng (tên tự của Lưu Biểu) chỉ là đồ chó lợn", lời bình phẩm này không quá đáng chút nào.

Do vậy, khi sức mạnh chưa đủ mà phải tạm thời chững lại về sự nghiệp, ta phải:

- *Ghi nhớ:*

1 - Kiên trì mục tiêu đúng đắn đã được xác định.

2 - Tìm người cùng chí hướng, mở rộng thế lực, cùng nhau tiến lên.

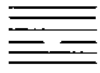
3 - Rũ bỏ mọi vướng mắc, cám dỗ, đạt bằng được mục tiêu.

4 - Bằng tấm lòng thành mà được người khác giúp đỡ.

5 - Giúp người, người sẽ giúp.

6 - Khi điều kiện cho phép, lập tức tiến lên, ngồi lì một chỗ là chết.

10. 履 LÝ: THIẾT THỰC, VỮNG VÀNG ĐI TỚI MỤC TIÊU



乾 上 Càn trên
兌 下 Dưới là Đoài

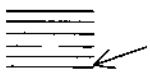
履虎尾，不 至 人，亨。

Lý hổ vĩ, bất chí nhân, hanh.

Dẫm lên đuôi cọp mà không bị cọp cắn, hanh thông.

"Lý", nguyên nghĩa là giầy dép, dẫm đạp lên, *Thuyết văn* giải thích: "Lý, áo bọc chân". *Tiểu nhĩ nhã. Quảng phục* giải thích: "dép đi ở chân gọi là lý". *Mao truyện* giải thích: "lý là dẫm lên", chuyển thành thực tiễn, "thực hiện". Quẻ này hoàn toàn trái ngược với quẻ Tiểu súc về ý nghĩa. Tiểu Súc là đình đốn, chững lại để tích trữ lực lượng, còn quẻ Lý thì, phải rất thực tiễn mà tiến lên. "Tự quái truyện" viết: "Vật súc nhiên hậu hữu lễ, cố thụ chi dĩ lễ", giải thích "lý" là lễ, "lý" với lễ tuy đồng âm, nhưng "Tự quái truyện" giải thích như vậy là không đúng. Hạ quái Đoài là đầm, là vui vẻ, ôn hoà. Thượng quái Càn là mạnh mẽ. Đoài đi sau Càn, tượng cho dẫm phải đuôi hổ, nhưng vì Đoài là vui vẻ ôn hoà, nên không bị chết mặc dù nguy hiểm. "Dẫm phải đuôi cọp mà không bị cọp cắn" là tượng hiểm nhưng không hung. "Thoán truyện" viết: "Lý là nhu phạm vào cương. Vui vẻ mà ứng với Càn, như vậy có dẫm phải đuôi cọp thì cọp cũng không cắn,

hanh thông. Cương trực trung chính kề sát ngôi đế vương mà trong lòng không có điều gì đáng hổ thẹn, vậy là quang minh chính đại". Quẻ Lý là nhu thuận dẫm lên cương cường. "Tượng truyện" viết: "Thượng thiên hạ trạch, lí; Quân tử dĩ biện thượng hạ, an dân chí", nghĩa là Thượng quái Càn là trời, Hạ quái Đoài là đầm, đầm ở dưới, trời ở trên, đó là cái lẽ của vũ trụ. Con người cũng phải thực hành đúng như vậy. Do đó, quẻ Tiểu súc trình bày với ta về tích trữ lực lượng để ứng phó với sự đình đốn nhất thời; quẻ Lý thì lại bảo ta rằng làm thế nào thông qua thực tiễn để thúc đẩy sự nghiệp của mình. Chỉ rõ những nguyên tắc và phương pháp đạt tới mục tiêu lý tưởng. quái từ và hào từ của quẻ Lý đều mang ý nghĩa thực hành, thực tiễn. Ta biết rằng, bất kể sự việc gì, chỉ có đứng vững trên mảnh đất thực tế, mới có khả năng thực hiện, chỉ nói suông thì nói cả vạn câu cũng không được gì. Đương nhiên, khi mới bước vào đời hoặc trong thời kỳ đầu dựng nghiệp, do kinh nghiệm thiếu, sức lực có hạn, khó tránh khỏi vấp ngã, trụ không nổi phong ba bão táp, một khi để cho quyết sách có sai lầm, thì công sức trước đó đổ xuống sông xuống biển, nguy hiểm vô cùng. Do vậy lúc này phải hết sức thận trọng, không được mảy may sơ suất. quái từ và hào từ của quẻ Lý đầy những dự cảm về nguy cơ đổ vỡ. Chu Văn Vương bị giam lỏng ở Dữu Lý, tình hình trên thực tế chưa hẳn đã nguy hiểm đến thế. Nhưng mối nguy đầy rẫy trong thời kỳ đầu dựng nghiệp hoặc khi mới bước vào đời mà quẻ Lý nhắc nhở cho ta thì là hiện thực. Ý nghĩa quan trọng của quẻ Lý là ở chỗ: Con đường tiến lên còn rất dài và đầy trở ngại. Muốn thực hiện mục tiêu cuộc đời, thì phải từ những công việc thiết thực, giải quyết từng trở ngại, thì cuối cùng mới đạt được mục tiêu.

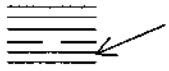


初九：素履，往无咎。

Sơ cửu: Tố lý, vãng vô cữu.

Hào Sơ cửu: nết na, chất phác, tiến lên thì không lỗi.

"Tố" nghĩa là chất phác. *Chu lễ Lũ nhân* viết: "Vương và hậu đều bận lũ dép rơm, giầy cỏ". *Nghi lễ Sĩ quan lễ viết:* "Tố tích bạch lý" (dép trơn, dép trắng), chứng minh rằng người xưa có tố lý, tố lý là dép không có mấu, dép trơn, chân chất mà đẹp, tượng trưng cho giữ nguyên bản sắc. "Tượng truyện" viết: "Đi dép trơn mà đến, là ý nguyện của ta". Hào Sơ cửu sở dĩ tiến lên mà không có lỗi, bởi vì nó giữ được bản sắc vốn có, độc lập, không xu thời. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi xây dựng sự nghiệp của mình, phải giữ vững bản sắc, không nên chạy theo thế tục.*

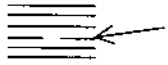


九二：履道坦坦，幽人貞吉。

Cửu nhị: Lý đạo thản thản, u nhân trinh cát.

Hào Cửu nhị: đường đi bằng phẳng người cô độc bền giữ điều chỉnh thì tốt lành.

"Lý đạo", tức đạo thực hành. "Thản thản" là bằng phẳng (theo giải thích của "Quảng nhã. Thích huấn"). "Lý đạo thản thản", nghĩa là đường đi bằng phẳng, "u nhân" tức người cô độc, ẩn sĩ, họ không muốn nhập thế, không muốn hoà vào thế tục, vì kiên trì lí tưởng của mình mà lánh đời, ở ẩn. "Trinh cát", tức kiên trì quan điểm của mình thì sẽ cát tường. "Tượng truyện" viết: "U nhân trinh cát, tức không tự nổi loạn". Hào Cửu nhị sở dĩ cát tường như người ở ẩn, vì trong lòng có chủ kiến mà không dao động, giữ vững thuần chính. *Hào này khuyên chúng ta rằng, đạo bất đồng thì không cùng bàn việc, chọn cái tốt mà theo, trong lòng thanh thản.*

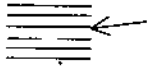


六三：眇能視，跛能履，履虎尾， 咥 人凶，武人爲于大君。

Lục tam: Diêu năng thị, bả năng lý, lý hổ vĩ, điệt nhân hung, vĩ nhân vi vu đại ân.

Hào Lục tam: chột có thể nhìn thấy, què có thể đi, dẫm lên đuôi cọp thì bị cọp cắn, xấu. Đó là kẻ vũ phu muốn làm vua.

"Diêu" nghĩa là mù, chột. Về tượng quẻ, Lục tam là hào âm ở vị trí dương, bất chính. "Diêu năng thị, bả năng lý", tức là nói không có năng lực mà lại đảm nhiệm công việc. "Lý hổ vĩ" là tượng đặt mình vào vị trí nguy hiểm. "Điệt nhân", tự rước lấy hoạ vào mình. "Diêu" vốn không nhìn thấy, "bả" vốn đi khập khiễng, vậy mà lại làm ra vẻ tinh tường, vững chãi, thế tất vì nhìn không thấy gì mà dẫm phải đuôi hổ, chạy không được nên sa vào miệng hổ, nguy hiểm vô cùng, "Vũ nhân vi vũ đại quân" ý nói kẻ vũ phu, không có cái đức của ông vua lớn mà lại ở ngôi vua, thế tất sẽ làm bậy mà mang hoạ. "Tượng truyện" viết: "Kẻ mù chột thì nhìn không thấy, kẻ què quặt thì đi không tốt, bị cắn là do vị trí không xứng. Kẻ vũ phu mà làm vua là quá đáng. Hào Lục tam là hào âm, nhu nhược, mà lại ở vị trí dương, nhưng hãn, mà lại theo sau Thượng ương rắn, mạnh mẽ, tất nhiên là nguy hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải liệu cơm mà gắp mắm, không nên liều lĩnh, nếu không, kết quả sẽ ngược lại.*

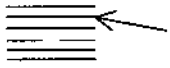


九四：履虎尾，愬愬，終吉。

Cửu tứ: Lý hổ vĩ, sóc sóc, chung cát

Hào Cửu tứ: dẫm lên đuôi cọp, biết sợ, rốt cuộc tốt

"Sóc sóc" có nghĩa là sợ. *Thuyết văn* giải thích: "Sóc" (sợ), *Dịch* nói rằng, dẫm phải đuôi hổ nên sợ. "Lý hổ vĩ" là tượng của đi vào chỗ nguy hiểm. Cửu tứ là hào âm ở vị trí dương là bất chính, đi theo sau hào Cửu ngũ cũng giống như đi theo sau con hổ, tất nhiên là nguy hiểm. Nhưng Cửu tứ là hào dương mà ở vị trí âm, có sức mạnh nhưng biết mềm mỏng, cẩn thận giữ mình, vậy nên nói rằng "tốt cuộc tốt". *Hào này khuyên chúng ta rằng, dù có sức mạnh, nhưng trong hành động phải biết mềm mỏng, cẩn thận giữ mình, mới không gặp nguy hiểm.*

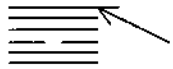


九五：夬履，貞厲

Cửu ngũ: Quyết lý, trinh lệ.

Hào Cửu ngũ: quyết tâm hành động, tuy chính đáng cũng có thể nguy.

"Quyết lý" tức hành động quyết liệt. Cửu ngũ là hào dương ở vị trí dương, lại ở ngôi chí tôn, mạnh mẽ, quả quyết. Nhưng vì "trinh lệ", cứ thái độ phương pháp như trên mà hành sự, thì không đem lại kết quả tốt đẹp. "Tượng truyện" viết rằng: "Quyết lý trinh lệ, vị chính đáng dã", Cửu ngũ sở dĩ cương cường là vì ở vị trí chính đáng, có sức mạnh mà lại quá tự phụ, do vậy kết quả là "xấu". *Hào này khuyên chúng ta rằng không nên vì có sức mạnh mà kiêu căng tự phụ, làm bừa làm ẩu.*



上九：視履考祥，其旋元吉。

Thượng cửu: Thị lý khảo tường, kỳ toàn nguyên cát.

Hào Thượng cửu: xem cách ăn ở mà đoán hoạ phúc, nếu hoàn toàn không có khuyết điểm thì tốt.

"Khảo" nghĩa gốc là tế thần. "Quốc ngữ. Chu ngữ": "Khảo thần nạp tân" (tế thần tiếp nhận vật mới). "Tường" cũng là thuật ngữ dùng trong tế thần, bao gồm cả hoạ, phúc, "Toàn" nghĩa là phản hồi. "Thị lý" có thể giải thích là nhìn lại con đường đã đi. Lành dữ, hay dở thế nào thì phải xem lại con đường đã đi và kết quả ra sao mà quyết định. "Tượng truyện" viết: "Nguyên cát tại thượng, Đại hữu khánh dã", chỉ có giành được kết quả tốt, mới coi là "Đại hữu khánh". *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải xem xét kết quả, kết quả là tiêu điểm chuẩn để phán xét.*

Tổng hợp những điều trên, khi xây dựng sự nghiệp ta cần chú ý:

Một là, khi đứng vững trên mảnh đất hiện thực để phấn đấu cho lý tưởng của mình, trước hết phải kiên trì phương hướng đã được xác định, không nên nước chảy bèo trôi. Mục tiêu một khi đã được xác định thì phải kiên trì đến cùng, có vấn đề thì giải quyết, có trở ngại thì khắc phục, khó khăn mấy cũng phải kiên trì đến cùng, không được thay đổi mục tiêu đã định. Rất nhiều người khi gặp khó khăn thì rẽ sang ngả khác mà cho rằng đó là con đường dễ đi hơn. Chính cái tâm lý ngại khó đó sẽ làm tiêu ma sự nghiệp của mình. Đừng hi vọng né tránh khó khăn sẽ đem lại thành công, vì rằng, trên đời này, con đường sự nghiệp không bao giờ bằng phẳng, đừng bao giờ hi vọng tránh né khó khăn sẽ đem lại thành công. Ý nghĩa của câu "tố lý chi vãng, độc hành nguyện dã" là như vậy.

Hai là, Khổng tử từng nói rằng: "Đạo mà bất đồng, thì không thể cùng nhau mưu sự" Khi có ý định thật sự xây dựng cơ nghiệp, thể tất phải quan hệ với người này người khác, có mối quan hệ với các loại công việc. Cần phải có một tâm hồn thanh thản, biết chọn cái tốt để theo, khi cần thiết, phải liên kết với người khác, cùng nhau tiến tới. Nhưng trong liên kết, phải giữ vững nguyên tắc. Chí đồng đạo hợp thì kết bạn, cùng nhau tiến lên. Chí và đạo bất đồng thì phải độ lượng khoan dung, không can thiệp lẫn nhau, chỉ cần làm tốt công việc của mình,

không vì có bất đồng mà đi chệch kế hoạch của mình. Cứ thẳng đường mà tiến tới là con đường bằng phẳng.

Ba là, thực sự cầu thị trong sự nghiệp của mình, thì phải lượng sức mà làm, không nên khiên cưỡng, thậm chí ngược dòng. Buổi đầu dựng nghiệp, người ta thường nôn nóng, chỉ những muốn thành công tấp lự. Điều này không thể xảy ra trên thực tế, nếu nóng vội thì thường là thất bại. Duy chỉ lượng sức mà làm, từng bước chắc chắn, ổn định, thì mới thắng lợi. Từ xa xưa, nguyên tắc này đã được nguyên cứu và vận dụng trong tư tưởng quân sự Trung Quốc cổ đại. *Tôn tử binh pháp* nhiều lần dẫn giải "miếu toán", "hiệu kế", "độ", "lượng", "số", "xưng", "biết mình biết người, trăm trận trăm thắng"... trên thực tế là có nguyên tắc này. Lượng sức mà làm, yêu cầu người ta mỗi khi xây dựng quyết sách phải cân nhắc toàn diện tương quan lực lượng giữa mình và đối thủ cạnh tranh, làm được thì làm, không làm được thì thôi. Đấu tranh quân sự cũng vậy, những quyết sách trong cuộc sống cũng vậy, quản lý xí nghiệp và cạnh tranh thương mại cũng vậy. Trong lịch sử có hai thí dụ điển hình đáng để ta tham khảo: Đầu đời Tây Hán, sau tám năm chiến tranh tàn khốc, kinh tế tiêu điều, trăm họ li tán, sức nước cạn kiệt. Vậy mà khi đó, Hung Nô ở phía Bắc đang trong thời kỳ cường thịnh, năm nào cũng xâm phạm biên giới phía Bắc. Chính quyền nhà Hán vốn bất lực trong việc giải trừ sự uy hiếp của Hung Nô. Nhưng Cao tổ Lưu Bang không biết lượng sức mình. Vào năm 200 trước công nguyên, nhân chuyện Hàn Vương Tín đầu hàng Hung Nô, Lưu Bang không nghe lời can của các đại thần, dẫn 30 vạn đại quân chinh phạt phía Bắc, mưu toan chỉ một trận đập tan Hàn Vương Tín và Hung Nô, trừ tận gốc mối lo về sau. Kết quả là bị mấy chục vạn kỵ binh của Hung Nô bao vây bảy ngày đêm tại núi Bạch Đăng (nay là bắc Đại Đồng, Sơn Tây), đã mấy lần suýt bị chúng tóm được, sau nhờ diệu kế của Trần Bình mới thoát nạn. Sau trận này, Lưu Bang hiểu rằng, lực lượng của Hán chưa đủ mạnh, bèn nghe theo kế của

Lâu Kính, nhẫn nhục cầu thân với Hung Nô để đổi lấy sự yên ổn trên biên giới, khôi phục và phát triển sản xuất. Trải qua 70 năm dưỡng sức, đến khi Vũ Đế lên ngôi, vương triều Hán mới đủ sức mạnh. Ông vua hùng tài đại lược Hán Vũ Đế dựa vào sức nước hùng hậu, đánh tan quân Hung Nô. Một ví dụ khác là Phù Kiên đời Tiền Tần. Thời kỳ Ngũ Hồ mười sáu nước, Hoàng đế Tiền Tần là Bồ Kiên dựa vào Quan Trung làm thế ỷ dốc, dùng danh tướng Vương Mãnh ra sức chăm lo việc nước nên giàu mạnh nhanh chóng, dần dà thống nhất được lưu vực Hoàng Hà phía bắc. Nhưng mâu thuẫn dân tộc của Tiền Tần cực kỳ sâu sắc và phức tạp, thủ lĩnh các bộ tộc Khương, Tiên Ti, Khiết Đan... đều bằng mặt chẳng bằng lòng, đợi có dịp là nổi lên chống lại. Bồ Kiên vốn định dốc sức củng cố nền thống trị, nhưng lại háo danh và quá tự phụ, không nghe lời khuyên của các đại thần, vậy là năm 384 sau công nguyên điều động tám mươi vạn quân đánh xuống phía nam, mưu toan san bằng Đông Tấn, thống nhất Trung Quốc. Kết quả, trong trận Phì Thuỷ, quân Tiền Tần thất bại thảm hại, Tiền Tần cũng do đó mà tan rã, công sức mấy chục năm đổ vỡ trong một ngày. Không chỉ sự nghiệp mà cuộc đời cũng như vậy. Khổng tử từng nói rằng: "Người quân tử có 3 điều kiêng kị: lúc thiếu thời, khí huyết chưa định, không được tham sắc; lúc trưởng thành, khí huyết phương cương, phải có kế sách để tiết chế lòng tham; khi về già, khí huyết suy giảm, phải bằng lòng với cái mình đã có" (Luận ngữ), nghĩa là không tham lam, phải biết lượng sức.

Bốn là, trong sự nghiệp hay trong cuộc sống cũng vậy, ngay dù sức lực của bạn đã đủ mạnh, thì bạn vẫn phải nhu thuận, mềm mỏng, thận trọng trong công việc, mới không gặp nguy hiểm. Thép đã tôi biến thành thép dẻo, dẻo mà vẫn sắc bén, còn những vật cứng thường là dễ gãy. Lão tử nhiều lần nhấn mạnh dĩ nhu thắng cương, nhu có thể thắng cương là như vậy. Phải nhu trong hành động, có nghĩa là người vạch kế hoạch phải luôn luôn nhìn thấy những điểm yếu của mình mà sử dụng sức mạnh cho thoả

đáng. Trong quan hệ giao tiếp càng phải hiểu rõ điều này mà tỏ ra khiêm tốn thận trọng. Đầy trí tuệ đấy, nhưng phải làm ra vẻ ngu dần, bề ngoài nhũn nhặn, nhưng trong bụng thì cứng rắn, mới thực sự là người cơ mưu.

Năm là, người ta khi xử lý công việc, đừng quên một vừa hai phải, nhắm mắt làm bừa là điều tối kỵ. Buổi đầu dựng nghiệp, thường là sức lực tràn trề và đầy rẫy lòng tin. Lúc trẻ thường nghĩ rằng có thể làm mọi việc trên đời. Khi sự nghiệp phát triển thuận lợi, thường cảm thấy mình nắm cả thế giới. Vậy mà trên thực tế không phải như vậy. Với rất nhiều người, thành công chỉ là tạm thời, hơn nữa, do rất nhiều điều kiện thúc đẩy mà có. Nếu như vì thành công nhất thời mà coi thường tất cả, thì cái mà anh ta nhận được, chắc chắn đó là sự thất bại. Hào Cửu ngũ của quẻ Lý nhắc nhở ta những điều có ý nghĩa sâu sắc. Trong lịch sử, vì tự kiêu tự đại, nhắm mắt làm càn mà chuốc lấy thất bại, nhiều vô kể. Sở Bá Vương Hạng Vũ kiêu dũng thiện chiến, sức dư muôn người, đánh đâu thắng đấy. Sau khi diệt Tần thì lại càng hiển hách một thời. Nhưng Hạng Vũ là con người không bao giờ chín chắn, trong cuộc giao tranh với Lưu Bang chỉ thích khoe sức mạnh, không chịu nghe theo đề nghị của Phạm Tăng mà mắc hết sai lầm này đến sai lầm khác, cuối cùng bị Lưu Bang đa mưu đánh bại. Lã Bố cuối đời Đông Hán cũng cậy mình kiêu dũng vô địch, có mưu sĩ giỏi là Trần Cung mà không dùng, cuối cùng bị chết bởi Tào Tháo. Thất bại của Bồ Kiên đời Tiền Tần cũng là kết quả của sự cố chấp làm liều. Những thí dụ cùng loại, có thể thấy rất nhiều trong xã hội bấy giờ.

Sáu là, phải lấy kết quả làm tiêu chuẩn đánh giá sự phấn đấu cho sự nghiệp hoặc cho cuộc đời của một người. Chỉ biết nai lưng ra mà làm, mà không biết làm như vậy sẽ đi tới đâu, hoặc không có một mục tiêu chuẩn xác, thì chỉ là công cốc. Như vậy chẳng khác một xí nghiệp chỉ biết có sản xuất mà không quan tâm đến chất lượng của sản phẩm, hiệu quả kinh tế, và khâu tiêu thụ sản phẩm. Chúng ta không những phải xác định mục tiêu của

cuộc đời, mà còn phải tính toán kỹ những biện pháp thực hiện mục tiêu có hiệu quả. Đương nhiên việc nhìn nhận mục tiêu cuối cùng của đời người, thì phải từ một góc độ khác, tức không thể lấy sự thành bại mà phê phán. "Bất dĩ thành bại luận anh hùng" (không thể lấy thành bại để nhận xét về anh hùng) mà chỉ đánh giá kết quả mà anh hùng đã đạt được. Nếu như chỉ kể đến quá trình phấn đấu thì có thể có nhiều cách đánh giá, vì rằng những anh hùng thành đạt, chắc chắn là những người có những quyết định đúng đắn, tài năng hơn đời. Vì vậy, nếu nhìn từ những phương pháp và thủ đoạn, thì có thể lấy thành công hay thất bại mà luận anh hùng.

Do vậy mà quẻ Lý khi trình bày về phấn đấu cho sự nghiệp, khuyên ta phải chú ý những nguyên tắc dưới đây:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Kiên trì phương hướng phấn đấu, không nên có thái độ nước chảy bèo trôi

2 - Không cùng chí hướng thì không thể cộng tác.

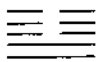
3 - Phải lượng sức mà làm, không được làm càn.

4 - Khiêm tốn, thận trọng, lấy nhu thắng cương.

5 - Không được tự cao tự mãn, cố chấp.

6 - Phải có biện pháp hữu hiệu để thực hiện mục tiêu.

11. 泰 THÁI: KHÔNG CÓ GÌ BẰNG MÃI MÀ KHÔNG NGHIÊNG, ĐI MÃI MÀ KHÔNG TRỞ LẠI



坤上Khôn trên
乾下Càn dưới

泰，小往，大來，吉亨。
Thái, tiểu vãng đại lai, cát hanh.
Quẻ Thái, nhỏ đi lớn lại, cát, hanh thông.

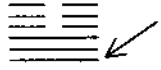
Thái, tức thông suốt, an thái. Trong tượng quẻ học truyền thống, quẻ Thái được gọi là quẻ "tin tức", tượng trưng tháng Giêng, tương đương với thời kỳ yên ổn thái bình, trời đất tương giao, vạn vật hanh thông. Về tượng quẻ, quẻ này có Càn là trời ở dưới, Khôn là đất ở trên, thoạt trống thì không thoả đáng, nhưng đó chính là trời đất giao hoà, âm dương tương thông, vậy là an thái. "Tự quái truyện" viết: "Lý rồi đến Thái, yên lành, do đó nói là Thái. Thái nghĩa là thông thuận". Lí tưởng được thực hiện trên thực tế một cách chắc chắn, tất sẽ đem lại kết quả tốt, thông đồng bén giọt, do vậy, quẻ Thái xếp sau quẻ Lý. "Thoán truyện" viết: "Thái, cái nhỏ đi, cái lớn đến, tốt, hanh thông. Đó là trời đất tương giao, vạn vật thông thuận; trên dưới tương giao, vậy là cùng chí hướng. Trong dương (Nội quái dương) mà ngoài âm (Ngoại quái âm), trong cứng rắn mà ngoài nhu thuận, trong quân tử mà ngoài tiểu nhân, quân tử đạo bền vững, đạo của kẻ tiểu nhân tiêu vong". Quẻ Thái là thời kỳ âm đi dương đến, thiên địa tương giao, vạn vật sinh thành, do đó mà tốt lành, yên ổn. Đối chiếu với con người, đó là Nội

quái Càn dương cương, Ngoại quái Khôn âm nhu, tượng cho người quân tử bên trong cứng rắn, bên ngoài mềm mỏng. Đây cũng là phép tắc mà người quân tử phải tuân theo. "Tượng truyện" viết rằng: "Thiên địa giao thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phò tá thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân". "Hậu" tức quân tử, "tài thành" tức làm cho thành công. Nghĩa là, quẻ Thái trời đất tương giao, do đó an thái, bậc quân chủ phải bắt chước phép tắc của tự nhiên mà có biện pháp thích đáng nhằm bổ trợ trời đất, đạt tới dưỡng dục nhân dân và vạn vật, khiến họ đạt tới mục tiêu đúng đắn là hài hoà, an thái.

Do vậy, nói riêng về bản thân quẻ Thái, nó biểu thị sự thuận lợi đã tới sau khi trải qua mọi đoạn đường gian nan của sự nghiệp trong bước trưởng thành, biểu thị một trạng thái hài hoà, một cục diện phát triển thuận lợi. Đây là thời kỳ phát triển của sự nghiệp, cũng tượng trưng cho thời kỳ đắc ý của cuộc đời. Cuộc đời và sự nghiệp tuy có khó khăn, nhưng chỉ cần ứng phó một cách nghiêm chỉnh, chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển. Cục diện thông suốt và thuận lợi phải qua lao động cần cù mới có, đây là thời kỳ mà mọi người đều phải trải qua. Tuy nhiên, ta cần hiểu rằng, giành lấy thắng lợi đã khó, duy trì được thắng lợi càng khó hơn. Thành công dễ làm người ta tự cao tự đại, thoả mãn với hiện trạng, dẫm chân tại chỗ, mất chí tiến thủ. Tư tưởng này mở đường cho sự thất bại. Làm thế nào để duy trì thắng lợi, là điều mà quẻ Thái muốn nói với chúng ta. Trên tờ giấy trắng vẽ một bức tranh đẹp thì dễ, nhưng trên một bức vẽ đã hoàn thành, thêm một nét khó hơn nhiều, nét vẽ thêm mà không đạt thì công sức trước đó trở thành công cốc. Làm thế nào để duy trì thắng lợi đã giành được cũng khó khăn như vậy. Quẻ Thái chính là dạy chúng ta làm sao thêm một nét bút sau khi đã thành công.

Có rất nhiều quẻ, hào trong *Chu Dịch* như các quẻ Thái, Đại Hữu, Tráng, Ký tế ... trên thực tế là trình bày với chúng ta nguyên tắc ứng biến sau khi giành được thắng lợi trong cuộc đời và trong sự nghiệp.Chúng ta là

sự tổng quát những quan sát và kinh nghiệm của người xưa đối với tự nhiên, mà đạo lý cơ bản là: Khi sự vật phát triển đến đỉnh cao, tức là đã đến tận cùng của sự phát triển, tiếp đó là sự suy thoái. Trong tự nhiên là như vậy, xã hội cũng như vậy, cuộc đời càng như vậy. Sự vĩ đại của trí giả là ở chỗ, sau khi thành công liền triển khai hàng loạt biện pháp, khống chế và ổn định phương hướng phát triển, đầy nhưng không tràn, khiêm tốn mà không kiêu ngạo, coi thắng lợi vừa giành được như một khởi điểm tiến lên một sự nghiệp mới. Do vậy, tổng đoán của quẻ Thái là cát, nhưng trên thực tế các hào từ đầy rẫy những nguy cơ, mà các hào này đều nói về những nguyên tắc ứng biến sao cho phù hợp sau khi giành được thắng lợi.

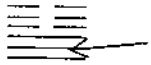


初九：拔茅茹，以其彙，征吉

Sơ cửu: Bạt mao như, dĩ kỳ vị, chinh cát.

Hào Sơ cửu: nhổ rễ cỏ mao, bật lên cả chùm, tiến tới thì tốt.

Thuyết văn giải thích: "Như, nghĩa là ngựa ăn cỏ, tòng thảo (cỏ), như thanh. "Dĩ" là dùng. *Thích văn*: "Vị" nghĩa là cọng cỏ. "Bạt mao như, dĩ kỳ vị", nghĩa là nhổ cỏ phải nhổ cả rễ. Hào Sơ cửu là hình tượng bắt đầu thăng tiến, mà ba hào dương của Hạ quái chính là hình tượng bắt đầu thăng tiến. Ba hào dương của Hạ quái chính là tượng trưng giữa những người đồng chí phải đoàn kết chặt chẽ, hướng ngoại mà phát triển thì không bao giờ bất lợi. "Tượng truyện" viết: "Bạt mao chinh cát, chí tại ngoại dã". Nguyên do là đạo đồng chí hợp, nhất trí đối ngoại, tất nhiên là cát tường, do đó nói "chinh cát". *Hào này khuyên chúng ta rằng, sau khi giành được thắng lợi, không được say sưa trong cảnh an nhàn, mà phải tiếp tục đoàn kết nhất trí, phát triển rộng rãi hơn nữa, mới có thể tốt lành.*

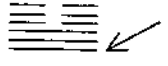


九二：包荒，用馮河，不遐遺，朋亡，得尚于中行

Cửu nhị: Bao hoang, dụng bằng hà, bất hà di, bằng vong, đắc thượng vu trung hành.

Hào Cửu nhị: bao dung trước cảnh hoang phế, dũng cảm vượt sông, không bỏ sót những gì ở xa, không thiên vị bè đảng thì hợp đạo trung.

"Hoang", ý chỉ hư không. "Bằng hà" là vượt sông, qua sông. *Nhĩ nhã. Thích huấn* viết: "Bằng hà, qua sông". *Kinh Thi. Tiểu Mân* có câu "bất cảm bằng hà" (không dám vượt sông). *Mao truyện* viết: "Vượt sông gọi là bằng hà". "Bao hoang" là để chỉ phần ruột rỗng của quả dưa, có nghĩa là bao dung, "đi" tức là bỏ đi. *Kinh Thi. Nhữ phần* có câu "Ký kiến quân tử, bất ngã hà khí", nghĩa là không bỏ bạn, dắt tay nhau cùng qua sông. Qua sông không bỏ bạn, tức khi gặp gian nguy không quên người cũ. "Trung hành" tức trung đạo (đạo trung chính). "Tượng truyện" viết: "Bao dung, không thiên vị bè đảng, vậy là quang minh chính đại". Cửu nhị là hào dương cương mà ở ngôi nhu thuận, trong lòng cương nghị mà bề ngoài khoan dung, mềm mỏng. Đã có lòng khoan dung mà khi cần lại dám quyết đoán, rốt cuộc là tốt. *Hào này khuyên chúng ta rằng phải bao dung, quyết đoán, đàng hoàng, phải vừa cương vừa nhu.*

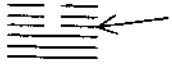


九三：无平不陂，无往不復，艱貞无咎。勿恤其孚，于食有福。

Cửu tam: Vô bình bất bí, vô vãng bất nhục, gian trinh vô cữu. Vật tuất kỳ phu, vu thực hữu phúc.

Hào Cửu tam: không có gì bằng mãi mà khong nghiêng, không có gì đi mãi mà không trở lại, trong gian nguy mà giữ điều chính thì không lỗi, đừng than phiền về sự thật này, hãy hưởng phúc mà mình được hưởng.

Thuyết văn giải thích: "Tuất", than phiền. "Phu" đọc là "phù", có thể giải thích là "phạt". "Vô thực hữu phúc", khi ăn mà có rượu uống, thế là có phúc. Về tượng quẻ mà xét, hào Cửu nhị là hào trên cùng của ba hào dương, dương cương đã đạt tới đỉnh điểm. Mà qui luật của đại tự nhiên là thịnh cực tất suy, bĩ cực thái lại."Không có gì bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại", chính là nhắc bảo ta rằng, trong tự nhiên và nhân sự, thái và bĩ xen kẽ lẫn nhau, tuần hoàn xoay chuyển không ngừng. An thái một khi đạt tới cực thịnh, tất nhiên sẽ bế tắc, không có việc gì phẳng tuyệt đối, sự thật cũng không thể đi mãi mà không trở lại. Đây là lúc con người phải hiểu rõ điều này. Đây là quy luật của tự nhiên. "Tượng truyện" viết: "Không có gì đi mãi mà không trở lại, đây là cái lẽ tự nhiên của trời đất". Nhận thức được phép vật cực tất phản mà giữ vững thuần chính, kiên trì mục tiêu đúng đắn ban đầu, thì mới tránh được tai hoạ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vật cực tất phản, khi đó, phải giữ vững chính đạo.*

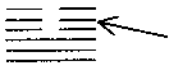


六四：翩翩，不福以其鄰，不戒以孚.

Lục tứ: Phiên phiên, bất phú dĩ kỳ lân, bất giới dĩ phu.

Hào Lục tứ: đang giàu có, bỗng nghèo đi vì hàng xóm lấy trộm mất của cải, không cảnh giác nên bị mắt cắp.

"Phiên phiên", *Thích văn* viết là "thiên thiên", nghi rằng đây là chữ "phiên phiên" (ríu rít). "Bất phú dĩ kỳ lân", chỉ hàng xóm lấy mất của cải, khiến mình nghèo đi. "Phu", tức "phu" (cướp giật). Đang trong cảnh giầu có, nay bị hàng xóm lấy hết của cải mà trở thành nghèo. Đây là cái xấu của hàng xóm, cũng là sự mất cảnh giác của mình, do vậy mới nói "bất giới dĩ phu". "Tượng truyện" viết rằng: "Ríu rít (do vui vẻ vì giàu có) mà không giàu, là do của cải đã mất, không cảnh giác với chuyện mất cắp". *Hào này khuyên chúng ta rằng khi yên lành phải nghĩ tới khả năng bị nguy hiểm.*

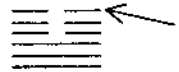


六五：帝乙歸妹，以祉元吉。

Lục ngũ: Đế Ất qui muội, dĩ chỉ nguyên cát.

Hào Lục ngũ: vua Ất cho em gái về nhà chồng, em của em gái tòng giá, rất tốt.

"Đế Ất" tức quốc quân nhà Thương, cha của Trụ Vương nhà Ân. Hào này xuất hiện vào cuối Thương đầu Chu. Qui, tức gả chồng, qui muội là gả chồng cho em gái, "Chỉ" vốn là chữ "chí", tức cô em gái cùng lấy chồng với chị (tòng giá). Thời Thương Chu, người con gái khi đi lấy chồng, thì em gái tòng giá (hai chị em lấy chung một chồng). Đây là tục quần hôn thời nguyên thuỷ còn rớt lại, thấy nói nhiều trong *Tả truyện*, "Đế Ất qui muội, thời bấy giờ coi là chuyện đại cát. Hào Lục ngũ là chủ thể của quẻ Thái, ở ngôi chí tôn mà đắc trung, nhu thuận trung chính, tương ứng với hào Cửu nhị ở dưới, ví như thiên tử gả em gái cho một đại thần có tài, từ đó thêm người phò tá, do vậy nói là "nguyên cát". "Tượng truyện" viết rằng: "Cho em gái tòng giá là rất tốt, hợp với sở nguyện". Đây là nói hào Lục ngũ khiêm tốn thận trọng mà dùng người hiền, lấy tấm lòng thành mà đối xử với người. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi an thái lại càng phải khiêm tốn mà đối đãi người hiền, với người dưới mình.*



上六：城復于隍，勿用師，自邑告命，貞吝。

Thượng lục: Thành phục vu hoàng. Vật dụng sư. Tự ấp cáo mệnh, trinh lận.

Hào Thượng lục: thành trì biến thành hào rãnh, chớ dùng quân đội, báo cáo tình hình này lên vua, cố gắng cũng không thể cứu vãn.

"*Chu Dịch* tập giải" dẫn lời Ngu Phiên, nói rằng: "Hoàng, là hào rãnh dưới chân thành, không có nước thì gọi là "hoàng", có nước thì gọi là "trì".

Thuyết văn cũng giải thích như vậy. "Phục" là đổ nát. "Thành phục vu hoàng" nghĩa là tường thành đổ xuống dưới hào. Thành đã đổ thì không thể phòng thủ, càng không thể tiến công, do đó nói rằng "chớ dùng quân đội. Báo cáo chuyện thành đổ này lên nhà vua, là cái điềm hoạn nạn. Hào Thượng lục là điểm tột cùng của quẻ Thái, cực âm thì suy, ví như tường thành đã đổ xuống hào, trở lại đất bằng. Đây là quy luật của tự nhiên, không thể cưỡng lại bằng sức mạnh, do vậy nói rằng "trinh lận". "Tượng truyện" viết rằng: "Thành đổ lấp đầy hào, tình thế rối loạn". *Hào này khuyên chúng ta rằng, thái đến cực điểm thì chuyển sang bĩ, không thể dùng sức mạnh mà níu lại.*

Tổng hợp những điều trên đây, quẻ Thái trình bầy những nguyên tắc cần chú ý sau khi giành được thắng lợi như sau:

Một là, sau khi giành được thắng lợi trong cuộc đời và trong sự nghiệp, không thể say sưa với cảnh an toàn, mà phải tiếp tục đoàn kết nhất trí, mở rộng thắng lợi, như vậy mới bảo vệ được thắng lợi đã giành được. Thành công không có nghĩa là mọi sự đều tốt lành, mà ngược lại, vì vậy sau khi thành công, càng phải nỗ lực phấn đấu hơn nữa. Người ta sau khi thành công, thường muốn nghỉ xả hơi, và chính khi đó là lúc đang tiềm ẩn những tai hoạ. Trường hợp như vậy có rất nhiều. Trong những ông vua mở nước hiểu rõ khó khăn của công việc sáng nghiệp, nên sau khi giành được thiên hạ vẫn tiếp tục phấn đấu. Còn những ông vua "giữ gôn" sau này ngồi mà ăn sẵn, đã không biết cái gian truân của sáng nghiệp, mà cũng không hiểu phải cố gắng như thế nào để giữ nghiệp. Thế là mặc sức ăn chơi, kiêu sa dâm dật, mâu thuẫn trong xã hội ngày càng gay gắt, rốt cuộc giang sơn đổ vỡ, thay thế bằng một vương triều khác. Giữ nước là như vậy, sự nghiệp kinh doanh, sự nghiệp lãnh đạo cũng như vậy. Chỉ cần để ý là ta có thể thấy, trong cuộc cạnh tranh quyết liệt hiện nay, để dàng sập tiệm không phải là những xí nghiệp mới thành lập, đang trong thời kỳ phát triển, mà là

những xí nghiệp đã phát triển khá nhưng chưa đạt tới đỉnh điểm đã rẽ sang con đường khác. Trong cuộc đời của mỗi chúng ta, khi sự_nghiệp thành công chính là kết thúc một lịch trình đã qua và mở ra một lịch trình mới, đây là điều ta cần ghi nhớ.

Hai là, sau khi thành công, phải giữ vững nguyên tắc bao dung, quyết đoán, đàng hoàng, tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp của mình đi tới. Đồng thời phải biết nhu biết cương. Vừa nhu vừa cương, nắm chắc nguyên tắc trung chính. Nhất là đối với những người ở cương vị lãnh đạo, phải học hỏi tinh thần của hào Cửu nhị, đoàn kết với cấp dưới, chan hoà với cấp dưới, giữ vững nguyên tắc, không vì tình riêng, nhằm thúc đẩy sự nghiệp phát triển. Lai Tri Đức chú *Dịch kinh tập chú* viết rằng: "Quân thần đồng đức, thiên hạ thái bình, hiền nhân quân tử xuất hiện vào lúc quốc gia cần người, do vậy thánh nhân mới dạy người xem bói rằng, phải có dũng khí của kẻ vượt sông, quyết chí làm những việc cần làm, không thể vì cái trước mắt mà quên cái lâu dài, nếu kết bạn được với người có chí gần gũi với mình, không thiên vị bè đảng thì hợp đạo trung, cùng nhau đạt tới sự an thái, thì trên dưới kết giao mà ý chí tương đồng, có thể giành được thành công trong sự nghiệp và đạt tới đạo Thái.

Ba là, phải hiểu được cái lẽ vật cực tất phản, an thái một khi đã đạt tới cực thịnh, tất sẽ bế tắc. Sự nghiệp khi đã đạt tới cực thịnh, tất sẽ lâm nguy. Sự vật khi đã phát triển đến tột cùng, thì là đã mấp mé của sự suy thoái. "Không có gì phẳng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại". Khi thành công trong cuộc sống và trong sự nghiệp thì càng phải giữ vững đạo, kiên trì mục tiêu chính đáng đã được xác định, hiểu rõ nguyên tắc vật cực tất phản, không ngừng thăm dò và khám phá khoảng trời mới, thì sự nghiệp mới có thể phát triển lên một bước cao hơn. Lai Tri Đức viết rằng: "Cửu tam, đây là lúc thái sắp đến cực điểm mà bĩ thì sắp tới, thánh nhân nhủ người bói rằng: An thái đã lâu rồi, có thể gọi là bằng phẳng đã lâu rồi,

không có gì phẳng mãi mà không nghiêng; Âm đi dương đến, không có gì đi mãi mà không trở lại. Nay ba dương (ba hào đều là hào dương) đã thịnh, chính là lúc sẽ nghiêng, sẽ trở lại. Do vậy, phải giữ chính, bền, có thể đảm bảo an thái mà không lỗi. Nếu không tin vào lý lẽ này, không thể kiên trinh để bảo vệ, là mình tự ăn hết phúc lộc. Đáng sợ thay! (như trên).

Bốn là, người ta khi thành công, phải biết phòng xa, tiếp tục phấn đấu. Thường thì thắng lợi khiến con người mụ đi mà bỏ qua những nguy cơ tiềm phục dưới cái bề nổi của thắng lợi, và dẫn đến thất bại sau này. Thí dụ điển hình trong lịch sử là Tào Tháo trước trận Xích Bích và Lý Tự Thành cuối đời Minh. Trong trận Xích Bích Tào Tháo vì khinh địch mà thua trận. Lý Tự Thành sau mấy chục năm gian khổ chiến đấu, cuối cùng chiếm được Bắc Kinh, lật đổ vương triều Minh. Nhưng khi vào Bắc Kinh, nghĩa quân lập tức bị thoát hoá, kỷ luật quân đội lỏng lẻo. Những người như Lý Tự Thành, Lưu Tôn Mẫn hoặc là vội vã hưởng lạc, hoặc đi vơ vét của cải, mà quên khuấy quân Thanh như hổ rình mồi, đang nhòm ngó Sơn Hải Quan. Nhuệ khí của nghĩa quân không còn nữa, cuối cùng bị tiêu diệt. Năm 1949 giải phóng Bắc Kinh, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã trong tầm tay, Mao Trạch Đông nhắc nhở toàn Đảng phải ghi nhớ bài học của Sấm Vương (Lý Tự Thành) khi vào Bắc Kinh là có ý nghĩa như vậy.

Năm là, khi sự nghiệp thành công thì càng phải khiêm tốn chiêu hiền đãi sĩ, tuyển dụng người tài, đưa sự nghiệp của mình tiếp tục tiến lên. Thí dụ nổi bật trong lịch sử là Đường Thái Tông. Sau khi bình định thiên hạ, Đường Thái Tông rút kinh nghiệm diệt vong của nhà Tuỳ, nên bổ dụng người hiền, nghe lời can gián, trọng dụng các lương thần như Nguỵ Trưng, Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, tích cực chỉnh đốn lại trị, ra sức phát triển sản xuất, kết quả đã mở ra một thời kỳ "thịnh trị Trinh Quan", đặt nền móng vững chắc cho giai đoạn lớn mạnh của thịnh Đường.

Sáu là, khi hết thái chuyển sang bĩ, sự suy thoái đã rõ ràng mà sức người không thể cứu vãn, thì không nên cố sức níu kéo. Vì rằng không thể vi phạm phép tắc của tự nhiên, sức người chỉ có hạn. Lúc này, biện pháp tốt nhất là khai thác mặt có lợi của tình thế, căn cứ vào tình hình thực tế mà có những biện pháp nhằm giảm nhẹ tổn thất tới mức thấp nhất. Nếu nhắm mắt làm bừa, chắc chắn tổn thất sẽ càng lớn hơn. Ngày xưa, những cuộc cải cách ở giai đoạn giữa và cuối của các vương triều Trung Quốc đều không thành công, nguyên nhân chủ yếu là cái thế tàn lụi của những vương triều này không thể cứu vãn. Trong xã hội hiện đại, sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp và giữa các sản phẩm cũng như vậy. Ví như một sản phẩm nào đó đã lỗi thời, thì lúc này quyết sách đúng đắn nhất là điều chỉnh phương hướng sản xuất để thích ứng với nhu cầu của thị trường, ngoài ra không có con đường khác. Nếu không biết tiến thoái, cứ bỏ công bỏ sức vào khâu tiếp thị để mở rộng tiêu thụ sản phẩm lỗi thời nói trên, chắc chắn xí nghiệp sẽ phá sản. Những quyết sách cho cuộc đời của con người, lại càng phải luôn luôn chú ý vấn đề này.

Tổng hợp những vấn đề trên, quẻ Thái dạy ta rằng, khi sự nghiệp và cuộc sống giành được thắng lợi, muốn thích ứng được với sự phát triển tiếp theo, thì phải:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Tiếp tục đoàn kết nhất trí để tiếp tục phát triển.

2 - Người lãnh đạo phải quyết đoán, khoan dung, quang minh lỗi lạc, vừa biết nhu vừa biết cương, nhằm thúc đẩy sự nghiệp phát triển.

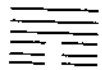
3 - Hiểu được cái lẽ "vật cực tất phản", giữ vững thuần chính, kiên trì mục tiêu đúng đắn ban đầu.

4 - Phải biết phòng xa, luôn giữ đầu óc tỉnh táo.

5 - Chiêu nạp hiền tài, đốc sức cho sự nghiệp phát triển.

6 - Khi tình thế đã xấu đi hiển nhiên, thì không nên cố sức níu kéo, mà phải lợi dụng tình thế nhằm hạn chế tổn thất đến mức thấp nhất.

12. 否 BĨ: CHỌC THỦNG ĐEN TỐI, CHÀO ĐÓN ÁNH SÁNG



乾上Càn trên

坤下 Khôn dưới

否之匪人，不利君子貞，大往小來。

Bĩ chi phỉ nhân, bất lợi quân tử trinh, đại vãng tiểu lai.

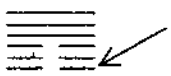
Quẻ Bĩ: không phải đạo người vì nó không lợi cho đạo chính của người quân tử, cái lớn đi mà cái nhỏ lại.

Thích văn: Bĩ là bế tắc. *Chu Dịch tập giải* dẫn Thôi Cảnh viết: "Bĩ nghĩa là không thông". Về tượng quẻ mà xét, đây là quẻ Thái đảo ngược, Bĩ và Thái là một nhóm quẻ. Hết Thái đến Bĩ, Bĩ cực thái lai, hai quẻ này chuyển hoá lẫn nhau. Vì vậy, quẻ Bĩ liền kề quẻ Thái. "Tự quái truyện" viết rằng: "Thái có nghĩa là thông, vật không thể thông mãi, nên sinh bĩ". Vật cực tất phản, sau khi thông suốt là tới lúc bế tắc. Quẻ Thái và quẻ Bĩ đều là quẻ "tin tức", đại biểu cho tháng Bảy, tức là lúc âm dương không tương giao, vạn vật không sinh trưởng. Đối chiếu với công việc của người, đây là thời kỳ không bình thường trong cuộc đời, đoán rằng bất lợi cho người quân tử thời kỳ không bình thường trong cuộc đời, đoán rằng bất lợi cho người quân tử. "Bĩ chi phỉ nhân", tức là không đáng bĩ mà bị bĩ, như người hiền bị bài xích đánh đuổi, anh hùng gặp điều oan trái, cho dù giữ vững chính đạo cũng không gặt hái được gì, vì vậy mới nói "bất lợi quân tử

trinh". Quẻ Thái là "tiểu vãng đại lai" (cái nhỏ đi mà cái lớn đến), quẻ Bĩ thì "đại vãng tiểu lai" (cái lớn đi mà cái nhỏ đến). Dương khí bị đẩy đi, quân tử bị bài xích. "Thoán truyện" viết: "Người không đáng bĩ mà bị bĩ, dù giữ vững chính đạo cũng vẫn bị bất lợi. Cái lớn đi mà cái nhỏ tới, tức trời đất không giao hoà, mà vạn vật không thông thuận vậy; trên dưới không giao kết với nhau, thiên hạ không ai giúp đỡ, không bè bạn. Trong âm mà ngoài dương, trong nhu mà ngoài cương, bên trong thì tiểu nhân mà bên ngoài thì quân tử, đạo người quân tử thì bền, đạo của kẻ tiểu nhân thì ngắn ngủi. quẻ Bĩ, Càn là trời ở trên, Khôn là đất ở dưới, vốn là cát tường, nhưng vì trời đất quay lưng lại với nhau, không thể tương giao, âm dương bế tắc, vạn vật không thể sinh trưởng. Đối chiếu với công việc của con người, thì là trên dưới xa cách, nội bộ hỗn loạn, kẻ tiểu nhân chễm chệ ở trong, còn người quân tử thì bị đuổi đi. Tiểu nhân ngày càng đắc thế, còn người quân tử thì bị đẩy lui. Đây là lấy tượng quẻ để hình dung công việc của người. Nếu căn cứ vào triết lý của "Kinh Dịch" mà xét, sự phát triển của bất cứ sự vật nào đều biện chứng. *Âm đến cực điểm thì* chuyển sang dương, dương đến cực điểm thì chuyển sang âm, thịnh cực tất suy, vật cực tất phản. Sự vật phát triển đến tận cùng, liền đó là suy thoái và đổ vỡ, vấp váp, giống như cuộc đời của con người, sau thời kỳ cường tráng là thời kỳ già lão. Sự vật phát triển cũng như cuộc đời con người, không thể thuận lợi mãi, cũng không thể vấp váp mãi, mà là tuần hoàn xen kẽ, nhân quả tác động lẫn nhau.

Vì vậy, tương phản với quẻ Thái tượng trưng cho sự nghiệp thành công, vạn vật hưng thịnh, an thái, là quẻ Bĩ đại biểu cho sự nghiệp gặp trắc trở, trong xã hội hoặc trong tổ chức thì kẻ tiểu nhân đắc thế, chính trị hôn ám, người quân tử chính trực có tài không thể thi thố tài năng, bị đả kích, chèn ép, là thời kỳ tối tăm, bế tắc. Sáu hào của quẻ Bĩ trình bày toàn diện với ta những nguyên tắc phải kiên trì để ứng phó với tình hình nói trên.

Trong cuộc đời của mỗi chúng ta, ai cũng có thể gặp tình huống như quẻ Bĩ đề cập tới: tiểu nhân lên ngôi, quân tử lỡ vận. Hoặc do nguyên nhân nội tại và hoàn cảnh bên ngoài mà sự nghiệp bị trắc trở nghiêm trọng. Những người rơi vào tình cảnh đó, hoặc là có tài mà không thể đem dùng, trong lòng đau khổ, hoặc tâm tình u uất vì thất bại tạm thời, thậm chí vì tuyệt vọng mà mất hết ý chí. Nhìn vào xã hội, dù ngày xưa hay bây giờ, ta thường thấy những kẻ xiểm nịnh, bợ đỡ, hối lộ thì thăng quan tiến chức, vênh váo với đời; còn những bậc tài trí yêu nước thương nòi thật sự thì lại bị hắt hủi, muốn giúp đời mà không được giúp. Ngày xưa, biết bao danh nhân chí sĩ bất lực trước hiện thực đó mà chọn con đường lánh đời ở ẩn, nhằm bảo vệ tiết tháo của mình. Ngày nay, chúng ta không nhất thiết phải lánh đời và cũng không nên lánh đời. Điều thật sự nên làm là tìm mọi biện pháp phá vỡ màn đen, bước lên con đường chính đáng. Do vậy, lời dạy của quẻ Bĩ có ý nghĩa rất hiện thực đối với chúng ta. "Tượng truyện" viết rằng: "Trời đất không giao hoà, vậy là bế tắc, người quân tử dùng đức kiệm để tị nạn, không lộc mà chẳng vinh". "Kiệm" ở đây có nghĩa là ràng buộc, co lại, nén lại mà không lộ ra. "Tị" có nghĩa là "tị" (tránh, lánh). Trời đất không giao hoà mà bế tắc. Lúc này, người quân tử phải che giấu tài năng, không được phô ra, để tránh bọn tiểu nhân hãm hại. càng không được vào dịp này theo đuổi vinh hoa phú quý.



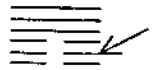
初六：拔茅茹，以其彙，貞吉亨

Sơ lục: Bạt mao nhự, dĩ kỳ vị, trinh cát hanh.

Hào Sơ lục: nhổ cỏ mao, nhổ cả rễ, chính bền thì tốt lành, hanh thông.

Hào từ của hào Sơ lục của quẻ Bĩ rất giống hào từ của hào Sơ cửu trong quẻ Thái, có điều quẻ Thái là ba hào dương đoàn kết với nhau, quẻ Bĩ là ba hào âm đoàn kết với nhau. "Bạt mao nhự, dĩ kỳ vị, trinh cát hanh",

nhắc nhở mọi người phải đoàn kết, giữ vững thuần chính, thì có thể tốt lành hanh thông. "Tượng truyện" viết: "Bạt mao trinh cát, chí tại quân dã", "chí tại quân" nghĩa là đoàn kết bảo vệ quân vương. Ta có thể hiểu là đoàn kết để bảo vệ sự nghiệp chung tránh được thiệt hại. Sơ lục là hào sơ của quẻ Bĩ, tiểu nhân sắp đắc thế. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi tiểu nhân sắp sửa đắc thế thì mọi người nên đoàn kết lại để phòng tai hoạ.*

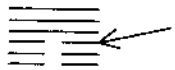


六二：包承，小人吉，大人否，亨。

Lục nhị: Bao thừa, tiểu nhân cát, đại nhân bĩ, hanh

Hào Lục nhị: chịu đựng một chút khi tiểu nhân đắc thế thì tốt, đại nhân (người quân tử) giữ được tình hình không rối loạn thì hanh thông.

Quảng nhã. Thích huấn giải thích: "Bao, chịu đựng, gói lại". Thừa, ở đây có nghĩa là bao dung, chịu đựng. Hào Lục nhị âm nhu nhưng đắc trung, có đức bao dung lúc này, tiểu nhân đã đắc thế, xem bói thấy tiểu nhân được lợi mà quân tử bất lợi. "Đại nhân" tức người quân tử phải có lượng bao dung như hào Lục nhị, khi sự nghiệp bị trắc trở, bế tắc, khó mà xuất đầu lộ diện, thì phải thản nhiên mà chịu đựng hiện thực đó, phải nhìn thẳng vào hiện thực thì mới tốt lành. "Tượng truyện" viết: "Đại nhân bĩ hanh, bất loạn quần dã", người quân tử không bị thanh thế của bọn tiểu nhân nhiễu loạn ý chí, vì vậy mà nói rằng tốt. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi gặp nguy nan, người quân tử phải thấu hiểu cái lẽ sinh tồn, phải tự bảo vệ mình để đợi thời.*

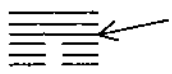


六三：包羞。

Lục tam: Bao tu.

Hào Lục tam: chất chứa gian tà, xấu hổ

"Bao tu", tức chịu đựng sự xấu hổ. Hào Lục tam, trên thì tiếp cận với hào dương, dưới có hai hào đồng loại, vốn phải thân cận với hào dương, nhưng lại ôm lấy hai hào âm cùng loại, tự thân lại bất trung bất chính. Cũng như chỉ ôm lấy kẻ dưới, mà không biết có đại nhân cương cường chính trực ở trên, bỏ quân tử mà đi với tiểu nhân, bỏ đường chính mà theo đường tà, như vậy là đáng xấu hổ. "Tượng truyện" viết: "Bao tu, vị bất đương dã", hào Lục tam vị trí không xứng, nhu mà chí lại cương, không thể thuận theo chính đạo của người quân tử, do vậy đáng xấu hổ. *Hào này khuyên chúng ta rằng không kết giao với bọn tiểu nhân.*

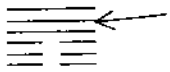


九四：有命，无咎，疇離祉。

Cửu tứ: Hữu mệnh, vô cữu, trù li chỉ.

Hào Cửu tứ: có mệnh vua nên không lỗi, hưởng nhờ phúc.

"Hữu mệnh" chỉ lệnh của vua, tức thụ mệnh ở hào Cửu ngũ. "Trù", chỉ ba hào dương cùng loại. "Li", nghĩa là đẹp đẽ, thơm lây, cùng hưởng. "Li chỉ" là hưởng nhờ phúc lộc. Cửu tứ là hào ở vị trí hơn một nửa trong quẻ Bĩ, dương cương mà ở vị trí âm, có khả năng cùng vượt gian nguy với vua là Cửu ngũ. Được vậy thì không những bản thân không lỗi, mà đồng loại cũng được cùng hưởng phúc. Có nghĩa là Cửu tứ phải đồng tâm hiệp lực với hai hào dương ở trên thì mới có phúc mà hưởng. "Tượng truyện" viết: "Hữu mệnh vô cữu, chí hành dã", nghĩa là hào Cửu tứ vì thụ mệnh của quân vương mà vượt qua được cơn bĩ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, muốn gạt bỏ được bọn tiểu nhân thì phải chộp đúng thời cơ, chân thành đoàn kết.*

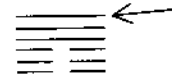


九五：休否，大人吉，其亡其亡繫于苞桑

Cửu ngũ: Hưu bĩ, đại nhân cát. Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bao tang.

Hào Cửu ngũ: hết bĩ, đại nhân tốt lành. Có thể mất đấy, có thể mất đấy, như buộc vào bụi cây dâu.

"Hưu bĩ" tức bĩ đã hết, cũng có nghĩa là đã vượt qua khó khăn ách tắc. "Bao" nghĩa là bụi cây, gom lại, gom lại thành bụi những cây mảnh dẻ yếu ớt. "Tang" là cây dâu. "Kỳ vong kỳ vong" nghĩa là luôn luôn tâm niệm chỉ sợ mất, sợ hỏng. "Hệ vu tang", chỉ tình thế lúc đó không cột chặt sự an nguy của quốc gia, sự nghiệp vào một khối đá vững chắc, mà lại cột vào một cây dâu yếu ớt, thì quả là cực kỳ nguy hiểm. "Tượng truyện" viết rằng: "Đại nhân chi cát, vị chính đáng dã", hào Cửu ngũ dương cương trung chính, có khả năng dẫn dắt quần chúng loại trừ hắc ám, nhưng quyết không được cậy mình có sức mạnh mà tự cao tự đại, mà phải hết sức thận trọng, luôn luôn cảnh giác, luôn nghĩ rằng quốc gia sự nghiệp có thể mất, chẳng khác đem đất nước cột vào bụi cây dâu, luôn sợ mất mà không yên lòng. Phải nghĩ như vậy mới phá vỡ được thế bĩ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi có thời cơ trừ khử thế lực hắc ám, thì lại càng phải thận trọng, cảnh giác trong công việc, để tránh hỏng việc.*



上九：傾否，先否後喜。

Thượng cửu: Khuynh bĩ, tiên bĩ hậu hỉ.

Hào Thượng cửu: lật nhào cái bĩ, trước bĩ sau vui mừng

"Khuynh" có nghĩa là đảo ngược. Quẻ Bĩ dương trên âm dưới, đảo ngược lại là âm trên dương dưới, trở thành quẻ Thái. Đây là hàm nghĩa của chữ "khuynh". Hào Thượng cửu dương cương, lại ở vị trí trên cùng của quẻ Bĩ, do vậy mà lúc đầu bĩ, sau thì vui mừng. "Tượng truyện" viết rằng: "Bĩ

chung tắc khuynh, hà khả trường dã", hết bĩ thì tình thế đảo ngược, bĩ không thể kéo dài, đây là cái lẽ của tự nhiên. *Hào này khuyên chúng ta rằng, hết cơn bĩ cực, đến tuần thái lai.*

Xem các quái từ hào tử của quẻ Bĩ, ta thấy, khi sự nghiệp của ta bị sa lầy boặc bị kẻ tiểu nhân ngáng trở, để đối phó với tình hình như vậy, ta phải:

Một là, khi bọn tiểu nhân sắp đắc thế, mọi người phải chân thành đoàn kết với nhau nhằm chống trả tai hoạ, vì rằng trong bất cứ tình huống nào, khi mà bọn tiểu nhân đắc thế thì sẽ gây tổn thất hoặc tai hoạ cho sự nghiệp. Khi lực lượng của bọn tiểu nhân chưa lớn mạnh, bộ mặt xấu xa của chúng chưa hoàn toàn bộc lộ, tức là khi chúng mới lộ mặt, phải kịp thời tiêu diệt để ngăn chặn chúng bành trướng sau này. Nếu ta bỏ mặc làm ngơ, đợi khi tai hoạ xảy ra mới chống lại thì đã muộn, không những không trừ khử được chúng, trái lại, rước vạ vào thân. "Lúc đáng quyết mà không quyết, tất sẽ sinh loạn". Trong lịch sử có rất nhiều thí dụ loại này. Cuối đời Tần, Tần Thuỷ Hoàng đi tuần du phía đông bị bệnh nặng, lúc lâm chung, di chiếu cho thái tử Phù Tô nối ngôi, về Hàm Dương chịu tang. Sau khi Tần Thuỷ Hoàng chết ở cung Sa Khưu, con nhỏ của Thuỷ Hoàng là Hồ Hợi trong đoàn tuỳ tùng, liền cùng Triệu Cao bí mật sửa lại di chiếu để cướp ngôi. Thừa tướng Lý Tư vốn đủ sức mạnh ngăn cản, nhưng vì tham lợi lộc, lại vì trước đây đắc tội với Phù Tô, sợ dựng Phù Tô lên ngôi thì bất lợi, nên không ngăn chặn hành động hoán nghịch của Hồ Hợi và Triệu Cao. Kết quả là hiểm hoạ lan tràn, Hồ Hợi lên ngôi, không những tiêu ma giang sơn nhà Tần, mà cả nhà Lý Tư cũng bị Hồ Hợi sát hại. Trước khi chết Lý Tư mới nhận thấy sai lầm tày trời của mình, nhưng ăn năn thì đã muộn. Hán Vũ Đế thì trái lại, về cuối đời, ông có ý lập con nhỏ là Lưu Phất Lăng làm Thái tử. Để ngăn ngừa mẹ đẻ của Phất Lăng sau này sẽ chuyên quyền, Vũ Đế mượn cơ giết chết bà này. Triều thần hỏi Vũ Đế: "Vì sao định lập con

mà lại giết mẹ?" Hán Vũ Đế trở lời: "Đó là điều mà các ngươi không thể hiểu được!". Thủ đoạn rất tàn nhẫn, nhưng đúng là cao thủ. vua Chiêu Đế lên ngôi, đã mở ra thời kỳ "thịnh trị Chiêu Tuyên" là một minh chứng.

Hai là, khi tiểu nhân hoàn toàn đắc thế, hoành hành ngang ngược, mà mình thì chưa đủ sức chống lại, nên tạm thời giấu mình để tránh mũi nhọn công kích của chúng. Phải hiểu rằng, kẻ nào thích ứng được thì mới tồn tại, trước hết phải bảo vệ mình để chờ thời. ẩn nhẫn đợi thời, nhìn bề ngoài có vẻ yếu đuối, nhưng trên thực tế là sự am hiểu sâu sắc về nhân sinh. "Đầu cọc ló ra bị mục trước". Khi bọn tiểu nhân đang đắc thế mà anh không biết ẩn nhẫn, thì anh dễ dàng trở thành mục tiêu số một của bọn tiểu nhân trong ý đồ răn đe: giết một người nhằm cảnh cáo hàng trăm người. Vì vậy, người quân tử trong hoàn cảnh không bình thường, phải học cách ẩn nhẫn, đây không phải là nhượng bộ tiêu cực, mà là lùi để tiến. Những năm đầu Tây Hán, khi Hán Cao Tổ Lưu Bang chết, quyền lực rơi vào tay Lã Thái hậu. Lã Thái hậu vi phạm những điều cấm đoán khi trước của Lưu Bang, sắc phong hàng loạt cho người nhà họ Lã, đồng thời bài xích họ Lưu và những khai quốc công thần trong triều. Trần Bình thấy Lã thị đã đắc thế, nhất thời chưa thể cứu vãn tình hình, bèn giả câm giả điếc, bề ngoài tỏ ra phụ hoạ với Thái hậu, nhưng lại ngầm liên kết với một số đại thần như bọn Chu Bột, nhằm khôi phục thế lực họ Lưu. Tả thừa tướng Vương Lăng không biết ẩn nhẫn, thẳng thừng công kích Lã hậu, bị Thái hậu cách chức đuổi về quê. Sau khi Lã hậu chết, Trần Bình, Chu Bột chỉ một đòn quét sạch họ Lã, dựng Hán Văn Đế lên làm vua. Đây là một thành công vĩ đại. Còn như danh tướng Kê Khang thời Tây Hán, vì bất mãn với họ Tư Mã chiếm đoạt ngôi nhà Ngụy, luôn miệng buông lời oán thán, cuối cùng bị họ Tư Mã mượn cớ giết chết.

Ba là, khi bọn tiểu nhân đắc thế, hoành hành ngang ngược, thì người quân tử phải kiên trì tín nghĩa, thuận với chính đạo, không vì bọn tiểu nhân nhất thời đắc thế mà sợ hãi, mất đi chính kiến chủ trương mà nhập

bọn với chúng. Làm như vậy sẽ dẫn đến huỷ diệt. Trong cuộc nổi loạn của tám vị vương đời Tây Tấn, Tể tướng Trương Hoa là học giả nổi tiếng thời bấy giờ, tuy rất biết Triệu Vương Tư Mã Luân và gian thần Tôn Tú là hai kẻ hiểm độc, nhưng vì ông tham phú quí mà không chịu ẩn nhẫn, thậm chí còn phụ hoạ để được chúng bằng lòng về mình. Còn Tư Mã Luân và Tôn Tú thì lại rất kỵ tài năng mưu lược của Trương Hoa, nên tìm cách giết chết ông. So với Trương Hoa thì Trần Bình, Trương Lương thời Hán sơ sáng suốt hơn nhiều.

Bốn là, muốn loại trừ thế lực hắc ám, phải chớp đúng thời cơ. Bọn tiểu nhân hành động ngang ngược không từ thủ đoạn nào, mà loại trừ chúng không phải là công việc dễ dàng. Một mặt, phải thực tâm đoàn kết, tăng cường thế lực của mình, mặt khác, phải nắm chắc thời cơ, đánh là thắng, nếu không, sẽ chuốc lấy thất bại. Cuối đời Đông Hán hoạn quan chuyên quyền, mua quan bán tước, lột da xẻo thịt dân lành, kẻ sĩ thảy đều căm giận. Những người như đại tướng quân Hà Tiến thuận theo yêu cầu, lập mưu giết bọn hoạn quan. Vì vậy mới lôi kéo những người nắm binh quyền, trong đó có Tào Tháo, là một trong "tám vị Hiệu uý Tây Viên". Sau khi phân tích kỹ tình hình. Tào Tháo thấy rằng đây là công việc trọng đại, phải cẩn thận nắm chắc thời cơ, đánh là thắng, mà thời cơ khi đó thì chưa chín muồi, nên tạm thời ẩn nhẫn, khuyên Hà Tiến không nên manh động. Bọn Hà Tiến không cho là phải, cho rằng mình có chính nghĩa, chỉ cần hô lên một tiếng là người theo kể vạn, nên không nghe lời khuyên của Tào Tháo, phát động cuộc đảo chính quân sự, nhưng không ngoài dự kiến của Tào Tháo, cuộc đảo chính thất bại, bọn Hà Tiến bị sát hại.

Năm là, trong giờ phút quan trọng sắp loại trừ thế lực hắc ám, phải hết sức nghiêm chỉnh và cực kỳ thận trọng, không cho phép có mảy may sơ suất, nếu không, những công sức trước đó đều là dã tràng xe cát. Đây cũng là phần trí tuệ trong quyển sách. *Chu Dịch Hệ từ hạ truyện* viết: "Khổng tử

nói rằng: không quên nguy, tồn không quên vong, trị không quên loạn". *Chu Dịch* viết rằng: "Có thể mất đấy, có thể mất đấy, buộc vào bụi dâu". Vì cho rằng an toàn mà phát sinh nguy hiểm, vì cho rằng tồn vững mà phát sinh diệt vong, vì cho rằng trị an mà phát sinh hỗn loạn. Vì vậy, quân tử trong giờ phút yên ổn không nên quên nguy hiểm, trong giờ phút sinh tồn không nên quên diệt vong, khi trật tự tốt đẹp không nên quên hỗn loạn. Như vậy, tự thân mới có thể an toàn, quốc gia mới có thể giữ vững. Những điều trên đây rất đáng để ta suy ngẫm. Chỉ có từng giờ từng phút cảnh giác về sự tồn vong, coi sự nghiệp hoặc đất nước níu kéo bằng một bụi dâu hoặc như trứng để đầu đẳng, thì mới có thể thúc đẩy sự nghiệp lên tới đỉnh cao.

Sáu là, cho dù hoàn cảnh và điều kiện khó khăn đến mấy, chúng ta vẫn phải vững ở tương lai, vì rằng vật cực tất phản, bĩ cực tất thái lai. Đen tối đi đến tận cùng, ánh sáng tất nhiên sẽ tới, càng gian nan càng phải kiên định ý chí.

Vì vậy, khi cuộc sống và sự nghiệp gặp gian nan trắc trở, khi tiểu nhân đắc thế, quân tử không có chỗ thi thố tài năng, ta cần nhớ lời dặn sau đây của *Chu Dịch*:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Phải phòng trước tai hoạ.

2 - Thích ứng thì sinh tồn, trước hết phải tự bảo vệ mình để đợi thời.

3 - Không đoàn kết với bọn tiểu nhân.

4 - Muốn loại trừ cái ác, phải nắm chắc thời cơ.

5 - Khi sắp giành được thắng lợi, lại càng phải thận trọng, cảnh giác.

6 - Bĩ cực thái lai.

13. 同 人 ĐỒNG NHÂN: HAI NGƯỜI ĐỒNG TÂM, LỢI LỘC HƠN VÀNG



乾 上 Càn trên
離 下 Li dưới

同人于野，亨，利涉大川，利君子貞

Đồng nhân vu dã, hanh. Lợi thiệp đại xuyên, lợi quân tử trinh.

Cùng với người trên cánh đồng, hanh thông. Vượt sông lớn có lợi, quân tử chính bền chỉ lợi.

"Đồng", tức hội hợp. *Thuyết văn* giải thích: "Đồng nghĩa là tụ họp". "Đồng nhân" nghĩa là tụ chúng, tập hợp mọi người lại. "Dã", *Nhĩ nhã. Thích địa* giải thích rằng: "bên ngoài ấp gọi là giao, bên ngoài giao gọi là mục, bên ngoài mục là dã". Dã, chỉ cánh đồng hoặc vùng đất hoang dã bên ngoài ấp. "Tự quái truyện" viết: Vật không thể bĩ đến cùng, do vậy phải tìm người chung sức giải quyết. Muốn đột phá tình trạng bế tắc của Bĩ, mọi người phải đoàn kết lại, tập hợp lại. Do vậy mà *Chu Dịch* xếp quẻ Đồng nhân sau quẻ Bĩ. Về tượng quẻ mà xét, ở quẻ Đồng Nhân, Hạ quái Li là lửa, Thượng quái Càn là trời, lửa bốc lên trời, tương đồng với trời. Hào Lục nhị của Hạ quái lại trung chính, tương ứng với hào Cửu ngũ của Thượng quái. Năm hào dương trong quẻ đều có thể đoàn kết với Lục nhị, giống như mọi người quây quần xung quanh một người lãnh đạo trung chính mà mềm mỏng. "Lợi thiệp đại xuyên" là chỉ năng lực tính cách của Thượng quái

Càn. "Lợi quân tử trinh" là chỉ "đồng nhân" gồm cả Nội quái và Ngoại quái đều được dựa vào trung chính của người quân tử. Đạo lý trong thiên hạ chỉ gói gọn trong một chữ "chính" mà thôi. Người thì đồng tâm, tâm thì đồng lý. Thiên hạ có rất nhiều người không đồng tâm, nhưng khi họ thống nhất lại với nhau trên cơ sở chính lý của trời đất, thì là đại hồng, ngay cả những người ở nơi hoang dã đã cũng có thể đoàn kết trên cơ sở ấy mà vượt sông lớn, không quản nguy hiểm. Do vậy "lợi quân tử trinh", đi đâu cũng lợi. "Tượng truyện" viết: "Nhu thuận, đắc vị đắc trung, lại được Càn tiếp tay, cho nên gọi là đồng nhân". Quẻ Đồng nhân nói rằng: Tập hợp nhiều người cùng ý hướng lại, hanh thông. Lợi cho vượt sông lớn, là đức của Càn. Duy chỉ có người quân tử duy trì chính đạo thì mới liên kết được ý chí trong thiên hạ. "Tượng truyện" viết: "Trời và lửa, đồng nhân. Người quân tử phải học hỏi tinh thần của "Đồng nhân", gom đồng loại thành tộc, và qua đó phân biệt sự khác nhau giữa người và vạn vật, cầu đại đồng mà tồn tiểu dị (giống nhau trên cái lớn, khác biệt trên cái nhỏ).

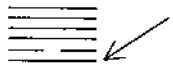
Do vậy, quẻ Đồng nhân trình bày với ta những nguyên tắc về tập hợp và đoàn kết trên cơ sở gom góp sự vật cùng loại. Như vậy có nghĩa là trong quá trình phát triển của sự nghiệp, làm thế nào để tăng cường sức mạnh, đoàn kết và hợp tác. Vì rằng sức lực của một người không đủ để phát triển sự nghiệp, càng không đủ mạnh để đột phá khó khăn trở ngại.

Do vậy, những nguyên tắc của quẻ Đồng nhân có ý nghĩa to lớn trong việc chỉ đạo cuộc sống hiện thực. Trên đường đời, nếu ta vận dụng một cách hợp lý và thành thục những nguyên tắc của quẻ Đồng nhân, thì ta có thể tăng cường sức mạnh và mở rộng phạm vi hoạt động một cách hữu hiệu, thúc đẩy sự nghiệp tiến tới.

Từ xưa, người Trung Quốc đã rất coi trọng đoàn kết và hoà mục, coi trọng đoàn kết hợp tác của tập thể. Từ các thị tộc thời viễn cổ, đến các gia tộc của thời kỳ phong kiến, và qua sự chuyên chế của tập quyền trung ương

biểu hiện trên mặt chính trị, đều chứng tỏ người Trung Quốc rất coi trọng đoàn kết và nhận thức sâu sắc về sức mạnh của đoàn kết. Quẻ Tuỵ trong *Chu Dịch* trình bày tương tự như quẻ Đồng nhân về đạo lý, nhưng mỗi quẻ nhấn mạnh một cách. Quẻ Tuỵ nhấn mạnh ý nghĩa của sự đoàn kết, còn quẻ Đồng Nhân thì nhấn mạnh làm thế nào để đạt tới đoàn kết và hợp tác. Người đời sau gọi những người chí đồng đạo là "đồng chí", là bắt nguồn từ ý trên.

Đạt tới đoàn kết không phải là chuyện đơn giản, mà là một nghệ thuật. Với người lãnh đạo, nó là phương pháp và nghệ thuật lãnh đạo, với người thường, nó là sự giao hảo, là đạo giao hữu. Trong cả đám người mà mỗi người là một bầu tâm sự riêng, hoặc trong một tổ chức cũng vậy, để đạt tới đồng tâm nhất trí, đoàn kết và hoà mục với nhau, cần phải có nghệ thuật cao cường và lòng kiên nhẫn. Chỉ cần một lầm lỡ sẽ mất đi sự tín nhiệm của bạn bè, nhân tâm sẽ rối rắm, trở về với những hạt cát riêng lẻ, mất hẳn sức cạnh tranh. Con đường đi tới hợp tác đoàn kết là ở chỗ trên dưới trong ngoài đồng tâm hiệp lực như quẻ Đồng nhân trong *Chu Dịch* đã trình bày, vì đây là những kinh nghiệm của người xưa đã được tổng kết, đáng để ta noi theo.



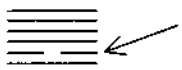
初九：同人于門，无咎。

Sơ cửu: Đồng Nhân vu môn, vô cữu

Hào Sơ cửu: đoàn kết với người ngoài, không có lỗi

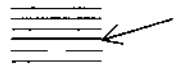
Sơ cửu là hào thứ nhất của đồng nhân, dương cương mà chính đáng, không hợp với hào Cửu tứ cùng tính chất, do vậy giao du không rộng. "Môn" là chỉ ngoài cửa. Ngoài cửa tuy không so được với ngoài đồng, nhưng đã là bên ngoài nhà thì chuyện kiếm người đồng chí đã mở rộng. "Tượng truyện" viết rằng: "Ra khỏi nhà để đoàn kết với người khác, tất

nhiên là không có gì sai". *Chu lễ. Đại Tư Đồ* viết: "Nếu như quốc quân có việc trọng đại, ra trước cửa trung cầu ý kiến người trong nước, cũng có thể bổ sung cho ý "đồng nhân vu môn". *Hào này khuyên chúng ta rằng, muốn hợp tác với mọi người, trước hết phải đả phá quan niệm môn đăng hộ đối.*



六二：同人于宗，吝。
Lục nhị: Đồng nhân vu tông, lận.
Hào Lục nhị: tư tình với người trong họ, xấu hổ.

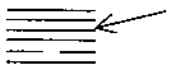
"Tông" chỉ tông tộc, tồn tại phổ biến ở thời kỳ Tiền Tần, nhất là ở thời kỳ Tây Chu, Xuân Thu. Hào Lục nhị tương ứng với hào Cửu ngũ ở trên, vốn tốt lành, nhưng sự âm dương tương ứng này hiềm nỗi tư núi, không đàng hoàng. Mà đồng nhân thì quí ở vô tư. Lục nhị trung chính, hào Cửu ngũ tương ứng cũng trung chính, nhưng bởi đây là âm muốn hoà hợp với dương, giống như cái đạo vâng thuận của thần thiếp, giấu bó như chuyện riêng tư mà không phải chuyện công, thật đáng xấu hổ, do đó nói rằng "xấu hổ". "Tượng truyện" viết rằng: "Hợp tác với người trong họ, đáng xấu hổ", âm định hợp với dương, mà chỉ với một người, vậy là đáng xấu hổ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, muốn có đoàn kết thực sự, thì không nên chỉ với một người hoặc vì lợi ích một phương diện nào đó.*



九三：伏戎于莽，升其高陵，三歲不興。
Cửu tam: Phục nhung vu mãng, thăng kỳ cao lăng, tam tuế bất hưng.
Hào Cửu tam: quân nấp trong rừng rậm mà đỉnh ngự trên đồi cao, ba năm không làm nổi.

"Phục" là mai phục. "Nhung" chỉ quân đội. "Mãng" chỉ thảo mãng, rậm rạp đầy gai góc. Từ tượng quẻ mà xét, Cửu tam cương mà không đắc

trung, phía trên không có tương ứng, muốn hợp tác với Lục nhị ở dưới, thì Lục nhị lại ứng chính diện với Cửu ngũ ở trên, lại sợ Cửu ngũ tấn công mình, nên đem quân mai phục ở rừng rậm, ngước lên quan sát Cửu ngũ, chuẩn bị tấn công Cửu ngũ để đoạt Lục nhị. Nhưng về lý mà xét, Lục nhị không tương ứng chính diện với Cửu tam. Vì thế mà xét, Cửu ngũ ở ngôi chí tôn, thế lực vô địch, do vậy Cửu tam có mai phục ba năm cũng không dám tiến lên đánh Cửu ngũ. "Tượng truyện" viết: "phải ém quân trong rừng rậm vì quân địch mạnh. Ba năm không dám xông lên là không biết hành động như thế nào. Kẻ địch vừa mạnh vừa có đạo lý. Cửu tam yếu cả lý lẫn thế, đành giữ nguyên hiện trạng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, tập hợp lực lượng dùng vào việc bất nghĩa thì tự lấy làm run sợ.*

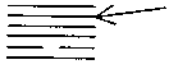


九四：承其墉，弗克攻，吉。

Cửu tứ: Thừa kỳ dung, phất khắc công, cát.

Hào Cửu tứ: cưỡi lên tường đất rồi mà không dám đánh, tốt.

"Thừa" tức trèo lên, "dung" là tường cao. Hào Cửu tứ cương cường mà bất trung bất chính, không tương ứng với hào nào ở Thượng quái, muốn tương ứng với Lục nhị ở dưới thì bị hào Cửu tam chắn giữa như một bức tường, do vậy mà Cửu tứ định trèo lên Cửu tam để tấn công Lục nhị. Thế nhưng, Cửu tứ tuy cương cường nhưng lại ở vị trí nhu, biết nhận ra lẽ phải mà tự mình từ bỏ ý định công kích, bỏ cái sai mà theo điều thiện, do vậy mới chiêm đoán rằng "cát". "Tượng truyện" viết rằng: "Trèo lên tường cao, vì nghĩa mà không đánh. Nói rằng cát, vì từ bỏ cứng rắn, trở lại phép tắc". "Nghĩa" ở đây có nghĩa là lẽ phải. Không phải Cửu tứ không có sức mạnh để tấn công, mà là hiểu được lẽ phải nên không đánh, do vậy mà trở lại với đạo lý. *Hào này khuyên chúng ta rằng, đoàn kết lại trên lẽ phải, sẽ khiến tà ác phải khuất phục, bỏ cái ác mà về với cái thiện.*

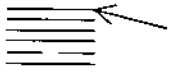


九五：同人，先號咷而後笑，大師克相遇

Cửu ngũ: Đồng nhân, tiên hào đào nhi hậu tiếu, đại sư khắc tương ngộ

Hào Cửu ngũ: đồng nhân, trước kêu la, sau thì cười, phải đánh lớn rồi mới gặp nhau.

Thích văn: "Hào đào, tức kêu gào". *Thuyết văn* giải thích: "Người Sở gọi trẻ con kêu khóc là "đào". "Tiên hào đào nhi hậu tiếu", nghĩa là trước buồn sau vui. "Đại sư" tức đại quân. Hào Cửu ngũ tương ứng về cương nhu trung chính với hào Lục nhị, vốn là đồng tâm, nhưng vì có sự cản trở của hào Cửu tam và Cửu tứ ở giữa, tuy đồng mà không thể thực hiện cái đồng với nhau, vì vậy trước khi đồng thì gào khóc vì không nén nổi bi thương, sau khi đồng rồi thì cũng không nén nổi vui mừng mà thốt lên tiếng cười. "Đại sư khắc tương ngộ", tức là phải dùng vũ lực thì mới đạt tới tập hợp lực lượng. "Tượng truyện" viết: "Đồng nhân trước hết là trung trực. Đại tương ngộ là nói tương khắc (khắc chế). Tương khắc là chỉ Cửu ngũ đánh bật Cửu tam và Cửu tứ. Cửu ngũ là Lục nhị tương ứng cả trung lẫn chính, tất nhiên muốn đồng tâm thì phải đánh bật Cửu tam, Cửu tứ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi cần thiết thì không nên ngần ngại dùng vũ lực gạt bỏ trở ngại, nhằm đạt tới đồng tâm hiệp lực.*



上九：同人于郊，无悔。

Thượng cửu: Đồng nhân vu giao, vô hối.

Hào Thượng cửu: kết thân với người ở cánh đồng, không hối hận.

"Giao" chỉ cánh đồng, nơi rộng rãi thông thoáng, nghĩa như "dã". Thượng cửu là hào trên cùng của Đồng nhân, phía dưới không có hào nào tương ứng, không có ai để kết thân, tức không có nơi để "đồng", do vậy

cũng không có gì hối hận. "Tượng truyện" viết rằng: "Đồng nhân vu giao, chí vị đắc dã", không người để kết thân, tuy không thể tương thông với cái chí của thiên hạ, nhưng không vì thế mà hối hận, mà phải kiên trì nguyên tắc của mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng, không nên kết thân vì kết thân, không có ý nghĩa.*

Tổng hợp những điều trên đây, khi mưu cầu đoàn kết, ta cần chú ý những nguyên tắc sau đây:

Một là, để có thể đoàn kết, phải đả phá quan niệm con dòng cháu giống, môn đăng hộ đối mới kết thân, mà phải giao kết rộng rãi mới có lợi cho sự nghiệp phát triển. Thời kỳ viễn cổ của Trung Quốc, những người bất đồng thường bị phụ thuộc vào những tập đoàn gia tộc hoặc bộ tộc bất đồng, giữa họ ranh giới phân minh, để đạt tới sự hợp tác giữa các tập đoàn khác nhau là một công việc cực kỳ khó khăn. "Đồng nhân vu môn", tức là đả phá quan niệm con dòng cháu giống mới đoàn kết với nhau, Trong xã hội hiện nay, quan niệm con ông cháu cha vẫn nhan nhản. Phần đông trong chúng ta, do xuất thân khác nhau, sự từng trải cũng khác nhau, hoàn cảnh sống cũng khác, đều hoặc nhiều hoặc ít có quan niệm trên, rất bất lợi cho ý chí tiến thủ và sự nghiệp phát triển. Mỗi người không nên chỉ biết có lợi riêng, mà phải mở rộng tầm nhìn, đoàn kết rộng rãi với các đồng chí, không chỉ học tập được cái hay của người khác, mà còn được giúp đỡ, được tiếp nhận tin tức, tăng cường sức mạnh của mình. Người lãnh đão xí nghiệp hoặc tổ chức lại càng phải vượt qua cái lãnh địa chật hẹp của mình, làm tốt công tác đoàn kết nội bộ, đồng thời đoàn kết với bên ngoài, để nhận được sự hợp tác và ủng hộ rộng rãi hơn nữa.

Hai là, đoàn kết quí ở vô tư, không thể chỉ quan tâm đến lợi ích của một người hoặc một phương diện nào đó mà bỏ qua lợi ích của những người khác. Tự tư tự lợi sẽ bị mọi người khinh bỉ. Một tập đoàn chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng của tập đoàn mình, tất nhiên càng đào sâu thêm hố

ngăn cách với các đơn vị khác, hạn chế và tự trói mình lại. Còn như người lãnh đạo chỉ bổ nhiệm người thân, chỉ sử dụng người thân cận, thì đó cũng là tự tư tự lợi, không những gây ra sự chia rẽ và lục đục nội bộ, mà bản thân người lãnh đạo cũng bị khinh rẻ.

Ba là, mưu cầu đoàn kết là vì sự nghiệp chính nghĩa, hoặc cho sự phát triển chính đáng của sự nghiệp, tức đoàn kết vì lợi ích của tập thể hoặc mọi người, đồng thời trong đó có cả lợi ích của cá nhân, mà không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của phe nhóm. Nếu không, chỉ là kết bè kéo cánh, chia rẽ nội bộ, dẫn đến phá hoại sự nghiệp. Còn sức mạnh của chính nghĩa có thể làm tăng sức mạnh của tập thể, cũng có thể ngăn chặn những thế lực hắc ám không dám liều lĩnh, do đó đảm bảo cho tập thể đoàn kết và sự nghiệp đi tới thắng lợi. Cuộc tranh chấp giữa hai phe phái họ Ngưu và họ Lý cuối đời Đường là một thí dụ điển hình về đảng tranh trong lịch sử Trung Quốc. Họ Ngưu và họ Lý khuynh đảo lẫn nhau, chỉ cần đại biểu của phe này nắm quyền, thì phe kia bất luận hay dở, tìm cách hạ bệ bằng được, đến nhà vua cũng đành chịu bó tay. Hậu quả là chính quyền trung ương của nhà Đường bị suy yếu, không những không dẹp được cái nạn phiên trấn cát cứ, mà còn khiến cho nhà Đường mỗi ngày một suy sụp cho đến khi diệt vong. Còn như cuộc đấu tranh chống sự chuyên quyền của bọn ngoại thích, hoạn quan giữa và cuối đời Đông Hán do các sĩ nhân chủ trì, thì lại là sự hợp tác, đoàn kết vì chính nghĩa. Các sĩ nhân căm phẫn trước cục diện đen tối về chính trị của triều đình và sự khủng hoảng xã hội ngày càng sâu sắc, nên phát biểu quan điểm, nêu cao thanh danh hình thành dư luận mạnh mẽ trong xã hội, khiến thế lực gian ác mà các hoạn quan là đại biểu phải co lại, không dám coi thường. Phong trào này tuy thất bại, nhưng tên tuổi của Dương Chấn, Lý Ưng, Trần Phồn, Phạm Bạng, Quách Thái ... mãi mãi được nhân dân ghi nhớ.

Bốn là, "tà không thể đè bẹp chính" là nguyên tắc thông suốt từ xưa

đến nay. Hành vi của các thế lực gian ác, bề ngoài thì tỏ ra điên cuồng, nhưng bên trong thì vô cùng yếu đuối. Chỉ cần các thế lực chính nghĩa hoà đồng, trở thành một sức mạnh to lớn, thì có thể khiến một bộ phận nào đó của thế lực gian tà khuất phục, cải tà qui chính. Điều này phải trải qua một quá trình, nhưng chỉ cần cố sức hành động thì hiệu quả cũng rất rõ ràng. Trong thời kỳ cách mạng, việc Đảng Cộng Sản Trung Quốc đoàn kết với phái tả, đấu tranh thuyết phục với phái hữu trong Quốc Dân Đảng là như vậy, đặc biệt là công tác cải tạo tư tưởng cho các tù binh chiến tranh sau khi thành lập nhà nước Trung Quốc lại càng như vậy. Công tác tư tưởng thành công, khiến hàng ngàn hàng vạn quan binh Quốc Dân Đảng là tù binh, trở thành chủ lực kiên cường của Quân Giải phóng, khiến hàng loạt sĩ quan Quốc Dân đảng đầu hàng, cũng là một thí dụ nổi bật.

Năm là, muốn đoàn kết hợp tác, phải kiên trì nguyên tắc, không nên vì mục tiêu đoàn kết mà thoả hiệp, nhân nhượng với các thế lực gian tà, nhân nhượng tức là dung túng, không những không đạt mục tiêu, mà còn khiến bọn gian manh lên nước, tà khí được bốc thơm, chính khí bị đè nén. Vì vậy, khi cần thiết, phải dùng vũ lực mà loại trừ gian ác, đạp bỏ chướng ngại, nhằm bảo vệ sự thống nhất và thuần khiết của đội ngũ. *Chu Dịch. Hệ từ hạ truyện* viết: "Đoàn kết với người, trước kêu gào, sau mừng vui". Khổng tử nói rằng: Đạo của người quân tử, hoặc đi hoặc ở, hoặc yên lặng hoặc nói thành lời, hai người đồng tâm thì quí như vàng, những lời đồng tâm thì thốt ra hoá thành thơm. Nếu như không loại trừ cái ác, thì không bao giờ làm nổi điều nói trên.

Sáu là, muốn đoàn kết hợp tác thì phải suy nghĩ, chiếu cố lợi ích của người khác, nhưng phải giữ vững nguyên tắc của mình, không nên hợp tác để hợp tác, đoàn kết để đoàn kết. Nhất là khi thế lực gian ác đang thịnh, hoặc lý tưởng chính đáng của mình không được thực hiện, thì phải kiên trì lý tưởng, thản nhiên mà chấp nhận hiện thực, kiên quyết không nhập bọn

với những kẻ xấu, dù không còn khả năng nào thực hiện lý tưởng, cũng không hối hận, không nản lòng. Về mặt này, Khổng tử nêu một gương sáng cho chúng ta. Khổng tử khi đi chu du các nước, trên đường gặp hai ẩn sĩ: Trưởng Thư và Kiệt Nịch. Hai người thấy lý tưởng của Khổng tử chưa được thực hiện thì tỏ ra bất mãn, nói với Tử Lộ: "Người xấu, chuyện xấu trong thiên hạ như nước lũ, chỗ nào cũng thấy, ông định cùng ai cải tạo họ? Chẳng thà gác những chuyện này sang một bên mà sống một cuộc đời an nhàn! Tử Lộ đem chuyện này nói lại với Khổng tử, Khổng tử thấy nói như vậy cũng có phần đúng, nhưng không đành lòng làm theo, nói: "Con người đã không sống từng đoàn từng bầy như chim thú, nếu không kết bạn với mọi người để tuyên truyền chủ trương của mình thì kết bạn với cái gì? Giá như thiên hạ thái bình, thì ta đâu phải cùng các trò theo đuổi cải cách xã hội làm gì!" Rất nhiều ẩn sĩ của các triều đại, như Chu Đảng đời Đông Hán, Đào Uyên Minh đời Đông Tấn... đều là những tấm gương.

Muốn hợp tác, đoàn kết, phải nhớ kỹ:

❑ *Ghi nhớ:*

1 - Đả phá quan niệm con ông cháu cha mới đoàn kết hợp tác.

2 - Đoàn kết quí ở chỗ vô tư.

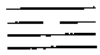
3 - Hợp tác vì chính nghĩa khiến gian tà sợ hãi.

4 - Đoàn kết mà hợp tác với đạo nghĩa, có thể khiến gian tà cải tà qui chính.

5 - Dùng vũ lực loại trừ cái ác.

6 - Kiên trì nguyên tắc, không nên đoàn kết để đoàn kết.

14. 大有 ĐẠI HỮU: KHÔNG TỰ MÃN, KHÔNG KIÊU NGẠO



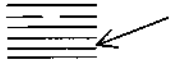
離上 Li trên
乾下 Càn dưới

大有元亨
Đại hữu: nguyên hanh.
Đại hữu: rất hanh thông

"Hữu", ngày xưa được mùa lớn thì gọi là "hữu", năm được mùa lớn thì gọi là Đại hữu. *Công bình truyện* chép rằng: "Chỗ này viết hữu niên nghĩa là gì? Là năm được mùa. Chỗ kia viết Đại hữu niên nghĩa là gì? Nghĩa là năm được mùa lớn". "Cốc lương chuyện" viết: "Ngũ cốc đều chín gọi là hữu niên. Ngũ cốc chín rộ gọi là năm được mùa lớn. cổ nhân cho rằng bói được quả này tất được mùa lớn, do đó nói rằng "Đại hữu, nguyên đại". Quẻ Đại hữu và quẻ Đồng nhân đảo ngược Thượng, Hạ quái, trong quan hệ, đây là hai quẻ đảo nghịch. Vì rằng đoàn kết lại tất nhiên thúc đẩy sự nghiệp phát triển, tức "được mùa", do vậy quẻ Đại hữu xếp tiếp theo quẻ Đồng nhân, có tác dụng giao hỗ. "Tự quái truyện" viết: "Chung sức với người, tất được vật về, do đó gọi là Đại Hữu. Đoàn kết với người, thì được vạn vật và nhân dân qui thuận, sau đó thì thu hoạch lớn. Do vậy, ở đây ta có thể giải thích Đại hữu là sự nghiệp vĩ đại. Về tượng quẻ mà xét, Thượng quái Li của quẻ Đại hữu là mặt trời đã nhô lên trên Càn (bầu trời), như vầng thái dương chiếu khắp vạn vật, mà hào âm duy nhất của quẻ là hào Lục ngũ

ở ngôi chí tôn lại này thuộc quyền sở hữu của Lục ngũ, vì vậy cũng gọi là Đại hữu (được nhiều, được mùa). "Thoán truyện" viết: "Đại Hữu, nhu mà ở ngôi tôn quí, lại đắc trung. Nó ứng hợp với hào Cửu nhị ở giữa quẻ Càn, như vậy là nguyên hanh". "Tượng truyện" viết: "Lửa ở trên trời là Đại hữu. Quân tử chống cái ác mà biểu dương cái thiện, thuận mệnh trời!.

Do vậy, những điều quẻ Đại Hữu trình bày với chúng ta cũng tương tự như quẻ Thái, nghĩa là nói về Đại hữu, tức thu hoạch lớn và những phép tắc phải thực hiện sau khi thành công. Đạt tới đoàn kết tất nhiên đồng tâm nhất trí, trên dưới một lòng, do vậy sẽ có sức mạnh to lớn, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển, đón lấy một viễn cảnh tốt đẹp. Quẻ Đại Hữu là đại biểu cho trạng thái. Về các nhân mà xét, đoàn kết được với người khác, mở rộng quan hệ, tăng cường sức mạnh bản thân, phương pháp thoả đáng, tất nhiên sẽ đón nhận thời kỳ thịnh đạt chóng và trong cuộc sống. Cũng tương tự như quẻ Thái, quẻ Đại hữu mách bảo ta rằng, sau khi sự nghiệp thành công, ta nên tiếp tục làm những gì.



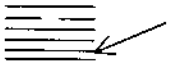
初九：无交害，匪九，難則无咎

Sơ cửu: Vô giao hại, phỉ cữu, gian tắc vô cữu.

Hào Sơ cửu: chưa làm việc gì tai hại, chưa có lỗi, nhưng phải cư xử lúc gặp gian nan thì mới khỏi lỗi.

"Hại" tức tổn hại, thương tổn. "Gian" là chỉ cảnh gian nan trong khi bảo vệ tình hình Đại hữu, "giao hại" tức làm hại lẫn nhau. Hai bên không làm hại lẫn nhau, tất hai bên đều vô sự, tự nhiên là không có lỗi. Sơ cửu là hào sơ của quẻ Đại hữu, tương đối xa quẻ Li ở trên, tạm thời không bị lửa của quẻ Li làm hại, do đó nói rằng "vô giao hại". Lại ở dưới thấp, không có hào ứng phía trên, tượng trưng cho người có tài năng mà chưa được xuất

đầu lộ diện, lại thiếu người tiến dẫn, nên tạm thời dùng nhu mà xử thế. Nếu thay đổi ý kiến mà làm khác đi, tất sẽ bị hại. "Tượng truyện" viết: "Đại Hữu Sơ cửu, vô giao hại dã", Sơ cửu của Đại Hữu không gây tác hại gì. Nếu có thể với tinh thần như lúc gặp gian nan mà bảo vệ Đại hữu, thì sẽ không mắc lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi đắc ý dễ mơ màng, sau khi đạt tới Đại hữu không được kiêu ngạo mà phải với tinh thần cần cù gian khổ mà bảo vệ Đại hữu.*

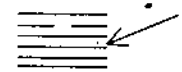


九二：大車以載，有攸往，无咎

Cửu nhị: Đại xa dĩ tải, hữu du vãng, vô cữu:

Hào Cửu nhị: xe lớn chở nặng, có thể làm gì đó, không lỗi.

Đại xa (xe lớn) có thể chở nặng đi xa. *Tuân tử. Khuyến học* viết: "Rong ruổi xe ngựa mà không vì lợi, có thể đi xa ngàn dặm". Hào Cửu nhị dương cương, lại đắc trung ở Hạ quái, dương cương trung chính, tượng trưng cho đạo đức chất đầy, lại tương ứng với hào Lục ngũ ở trên, tượng trưng được tín nhiệm, được giao trọng trách, do vậy có tượng là chiếc xe lớn chở vật. Có thể tiến lên mà tiến được, tất có thể đảm nhiệm trọng trách phò tá vị quân vương nhu thuận trung chính, cùng nhau giữ vững Đại hữu mãi mãi thịnh đạt, vậy là làm gì cũng không lỗi. "Tượng truyện" viết rằng: "Đại xa dĩ tải, tích trung bất bại dã", đắc trung đắc chính, chắc chắn sẽ không thất bại. *Hào này trình bày tầm quan trọng của sự kiên trì trung chính.*

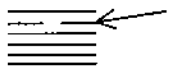


九三：公用亨于天子，小人弗克

Cửu tam: Công dụng hưởng vu thiên tử, tiểu nhân phất khắc.

Hào Cửu tam: chư hầu hưởng lộc của thiên tử, tiểu nhân ngăn trở.

"Hưởng" tức cúng tế, "Công" là chư hầu, chỉ hào Cửu tam. Thiên tử là hào Cửu ngũ. Cửu tam muốn hợp với hào Lục ngũ ở trên, để cùng bảo vệ Đại hữu, nhưng vì nó ở vào điểm giao hội giữa Càn và Li, trên có Cửu tứ cản trở, không thể tuỳ ý đạt tới mục tiêu, nên khó thành công. Cửu tứ bị hình dung là tiểu nhân, "tiểu nhân phất khắc, có ý nói rằng vì có tiểu nhân mà không thể đạt mục đích. "Tượng truyện" viết: "Công dụng hưởng vu thiên tử, tiểu nhân hại dã", cũng có thể giải thích rằng, chư hầu được hưởng lộc của thiên tử, nhưng tiểu nhân thì không được. *Hào này khuyên chúng ta rằng, giữ vững Đại hữu thì phải loại trừ tiểu nhân, gần gũi quân tử.*

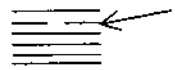


九四：匪其彭，无咎

Cửu tứ: Phỉ kỳ bành, vô cữu

Hào Cửu tứ: đừng làm ra vẻ sang trọng thì không có lỗi.

"Bành", tiếng trống, có thể giải thích là thịnh đạt, thanh thế nổi trội. Cửu tứ dương cương, đã quá vị trí trung mà tiếp cận với bậc quân chủ nhu thuận (hào Lục ngũ), có tượng cực thịnh của Đại hữu, không tránh khỏi vì mạnh mẽ cứng rắn mà tiếm ngôi. Nhưng Cửu tứ cương cường mà ở vị trí nhu, tượng trưng khiêm tốn, lại không có tượng do cực thịnh mà có thái độ khinh người, do vậy mới không mắc sai lầm (vô cữu). "Tượng truyện" viết: "Không lấn lên, không lỗi, làm rõ từng vấn đề". *Hào này khuyên chúng ta rằng, lúc Đại hữu thành công lại* càng *phải kiềm chế bản thân.*



六五：厥孚交如，威如，吉。

Lục ngũ: Quyết phu giao như, uy như, cát.

Hào Lục ngũ: lấy lòng thành mà giao thiệp lại có uy, tốt lành.

"Quyết phu" là sự tín nhiệm ấy, "giao" cùng nghĩa với "giao" (sáng láng) "uy như", uy nghiêm, trang nghiêm, tư thái của vua. Hào Lục ngũ ở ngôi chí tôn, nhu thuận mà trung chính, cương nhu tương ứng với hào Cửu nhị ở dưới, rất nghiêm túc mà bổ nhiệm Cửu nhị là người hiền. Không chỉ Cửu nhị, mà các hào dương trên dưới đều thành tâm mà qui thuận. Chính là Lục ngũ lấy thành tín mà tương giao với thuộc hạ, không hề có chút giả tạo, sáng như nhật nguyệt, lại như bậc quân vương dựa vào những người hiền mà cai trị thiên hạ, không nói mà được tín nhiệm, không nổi giận mà dân sợ. "Tượng truyện" viết rằng: "Lấy lòng thành mà giao thiệp, lấy chữ tín mà triển khai chí hướng, uy nghiêm mà tốt lành, thay đổi mà không phải phòng bị". Với một thái độ thành tín mà nhiệm dụng người dưới. *Hào này khuyên chúng ta rằng, sau Đại hữu, người lãnh đạo phải lấy thành tín làm gốc, thực hành cả ân lẫn uy.*



上九：自天祐之，吉，无不利

Thượng cửu: Tự thiên hựu chi, cát, vô bất lợi.

Hào Thượng cửu: tự trời giúp cho, tốt, không có chuyện bất lợi.

"Hựu" nghĩa là giúp. *Thuyết văn*: Hựu, giúp đỡ, tòng thị, hữu thanh". Trời giúp thì gọi là hựu. Hào Thượng cửu dương cương, đã đạt tới vị trí cao nhất của quẻ Đại hữu, vật cực tất phản mà lại có cảm giác sợ oai. Nhưng bên trên là hào có đức cương cường, sáng suốt, lại là cực thịnh của Đại hữu, nên đã có địa vị cao cả, dưới thì có Lục ngũ là vị quân vương nhu thuận và các hiền thần cương cường trong sáng phò tá, thì mình tha hồ mà tung hoành, tọa hưởng thành công của Đại hữu. "Tượng truyện" viết: "Đại hữu thượng cát, tự trời cho". Ngồi ở ngôi cao nhất, lại nhu thuận khiêm tốn, do vậy được trời giúp, vậy là tốt lành, không có gì bất lợi. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, Đại hữu sau khi thành công, phải biết thế nào là đủ (đầy

nhưng không tràn), khiêm tốn tự kiềm chế, mới được trời phù hộ, tốt lành, không bất lợi

Tổng hợp những điều trên, ta thấy quẻ Đại hữu có ý nghĩa chỉ đạo to lớn.

Một là, Đại hữu sau khi thành công, vẫn phải như thời kỳ đang gian khổ phấn đấu, lo lắng cẩn thận, cần cù không nghỉ, như vậy mới bảo vệ được Đại hữu, bảo vệ được thành công, vì rằng, thành công dễ làm đắc ý, đắc ý thì dễ không nhìn thấy gì nữa. Khi sự nghiệp thành công, sai lầm mà người ta dễ mắc là kiêu ngạo tự mãn. Mà sự việc thì không bao giờ bất biến, thành công cũng không phải chỉ một lần thành công là thụ hưởng đời đời. Phát triển thành công, rất có thể thất bại. Trên thương trường đầy rẫy những chuyện như vậy. Công ty hàng không Panman trứ danh của nước Mỹ, những năm 50, 60 nổi tiếng khắp thiên hạ, cực thịnh một thời, mà nay đã phá sản. Công ty máy tính Wan An cũng đang lâm vào khủng hoảng mà phải tuyên bố phá sản. Do vậy, thành công đã khó giữ được thắng lợi càng khó hơn. Mà muốn bảo vệ được thành công, phải tránh kiêu ngạo, nóng vội, giữ vững tác phong cần cù chăm chỉ, phấn đấu gian khổ như trong thời kỳ dựng nghiệp. Thắng lợi nhiều quá chưa hẳn đã là chuyện hay, huống hồ những thắng lợi này chưa hề được củng cố, không được vênh váo, mà phải tiếp tục phấn đấu gian khổ.

Hai là, Đại hữu khi thành công, dù có quyết định như thế nào cũng phải bám chắc mục tiêu đúng đắn ban đầu, kiên trì thuần chính, ổn thoả, chu đáo, giống như xe lớn chở đồ vật, đắc trung đắc chính, không thất bại. Đây là lời nhắc nhở chân thành mà cấp bách cho những ai nghĩ rằng sau khi thành công, quyền to thế lớn, có thể quyết định tuỳ tiện, xằng bậy cần rỡ. Trong xã hội bây giờ không ít loại người như vậy. Công ty xí nghiệp phải như vậy, cá nhân lại càng phải như vậy.

Ba là, muốn bảo vệ Đại hữu thành công, người lãnh đạo càng phải chiêu hiền nạp sĩ, loại trừ bọn tiểu nhân, thân cận người quân tử. Thời điểm sự nghiệp thành công, người ta dễ mất cảnh giác với bản thân và với người khác, tiểu nhân và kẻ xấu thừa cơ thâm nhập, gây nguy hại cho sự nghiệp. Như Đường Thái Tông trong lịch sử đã tỏ ra anh minh, lão luyện trong thời kỳ dựng nước và những năm đầu đời Trinh Quan, từ đó mở ra qui mô của thịnh Đường. Nhưng đến hậu kỳ đời Trinh Quan, vì đã lâu trong cảnh thái bình thịnh trị, Đường Thái Tông dần dà trở nên kiêu căng tự phụ, không thèm nghe lời khuyên can của các đại thần, đem quân đi đánh Cao Ly, tổn thất nặng nề, trắng tay mà trở về. Lại muốn trẻ mãi không già tin dùng bọn tiểu nhân phương sĩ, cuối cùng uống kim đan, trúng độc mà chết. Hào kiệt một thời mà kết cục như vậy, chẳng lẽ không đáng để những người thành công cùng suy ngẫm? Lưu Bị lúc lâm chung, đinh ninh dặn dò con trai là Lưu Thiện: "Chớ làm điều ác dù nhỏ, đừng bỏ việc thiện dù bé! Chỉ có hiền đức mới thu phục được người". Gia Cát Lượng bắc phạt, viết thư cho Hậu chủ Lưu Thiện, khuyên Thiện nên gần gũi với người quân tử mà xa lánh bọn tiểu nhân, đừng thấy thái bình vô sự mà sinh ra kiêu sa dâm dật. Hơn nữa, sự nghiệp thật sự vĩ đại, chỉ có người quân tử chính trực và có tài mới có thể hoàn thành. Bọn tiểu nhân gian ác chỉ làm hỏng sự nghiệp, không thể là vật hữu ích. *Tả truyện* có chép một chuyện như sau: Lỗ Hi Công năm thứ 25 (635 t. cn), Tấn Văn Công mưu toan xưng bá nhưng chưa biết nên làm như thế nào. Hồ Yển nói với Văn Công: "Lôi kéo chư hầu không gì bằng cần vương". Văn Công nói: "Bói một quẻ xem sao"? "Bói được quẻ Đại Hữu biến thành quẻ Khuê. Hồ Yển nói: "Tốt, đây là quẻ chư hầu hưởng lạc của vua. Thắng trận mà được ban thưởng, đại cát". Vì Tấn Văn Công theo đuổi công việc cần vương, thống lĩnh các chư hầu, dùng danh nghĩa tôn vinh thiên tử nhà Chu để chặn đứng sự uy hiếp của nước Sở đối với các chư hầu ở trung nguyên, do vậy mà cát tường, tiếp đó, trong trận thành Bộc, nước Tấn chỉ huy liên quân chư hầu, đánh bại quân Sở, giành được quyền bá chủ.

Bốn là, là người lãnh đạo sự nghiệp, hoặc cá nhân, khi Đại hữu thành công, càng phải thận trọng khiêm tốn, biết tự kiềm chế, không tham lam vô độ, làm bậy làm xằng, chỉ như vậy mới "không có lỗi". Bất kể sự vật nào, khi nó phát triển, lớn mạnh đến đỉnh cao là đang thai nghén sự khủng hoảng. Nếu không biết tự kiềm chế, cảnh giác với thói kiêu ngạo, thì khó tránh khỏi thất bại. Tào Tháo trước trận Xích Bích là như vậy, Bồ Kiên trước trận Phì Thuỷ là như vậy, Đường Huyền Tông trước cuộc nổi loạn của An Sử lại càng như vậy. Còn Công ty Wan An trước khi phá sản bổ nhiệm con trai Wan An làm Giám đốc điều hành lại càng như vậy, không thận trọng sao được!

Năm là, người lãnh đạo sau khi Đại hữu thành công, để giữ vững thắng lợi, phải lấy thành tín làm gốc, vận dụng cả ân lẫy uy, lãnh đạo cấp dưới tiến tới mục tiêu mới, sau khi thành công, nếu người lãnh đạo tự cao tự mãn, xa rời quần chúng, tất nhiên dẫn đến lòng quân rệu rã, mất hẳn sức cạnh tranh, tạo nên khủng hoảng cho sự nghiệp. Lúc này phải liên kết với cấp dưới bằng lòng chân thành, tin cậy lẫn nhau, khơi dậy ý chí chiến đấu. Nhưng người lãnh đạo không được tỏ ra thiếu cương nghị, nếu quá khiêm nhường trong đối xử, sẽ không tránh khỏi bị cấp dưới coi thường, kỷ luật bị phá vỡ. Do vậy cần phải sử dụng ân lẫn uy, vừa lấy thành tín mà đối xử, lại tỏ ra uy nghiêm trong tư thế bình dị, khiến cấp dưới không dám làm bừa, như vậy mới cát tường.

Sáu là, khi Đại hữu thành công, mỗi người phải biết tri túc, giữ vững phẩm chất khiêm tốn, cẩn thận, phấn đấu gian khổ, giữ vững thành công, phát triển sự nghiệp, vậy mới là phù hợp với phép tắc của tự nhiên, mới không làm hỏng sự nghiệp đã thành công. Phải hiểu rằng, vật cực tất phản, thái cực bĩ lai. Cá nhân cũng vậy mà lãnh đạo cũng như vậy.

Do vậy, khi cuộc sống và sự nghiệp Đại hữu thành công, ta phải:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Không được đắc ý mà quên nguyên tắc.

2 - Giữ vững trung chính, thoả đáng, chu đáo kín kẽ.

3 - Tuyển dụng hiền tài, gần gũi người quân tử, xa lánh kẻ tiểu nhân.

4 - Kiềm chế những ham muốn riêng tư, khiêm tốn thận trọng.

5 - Lấy thành tín mà đối xử với cấp dưới, ân uy cùng vận dụng.

6 - Đầy mà không tràn, luôn khiêm tốn.

15. 謙 KHIÊM: TỰ MÃN SẼ GÂY TỔN THẤT, KHIÊM TỐN SẼ THU LỢI LỘC



坤上 Khôn trên
艮下 Cấn dưới

謙亨，君子有終
Khiêm hanh, quân tử hữu chung
Khiêm tốn hanh thông, quân tử giữ trọn vẹn đến cuối.

"Khiêm" tức khiêm tốn, không tự phụ về tài năng và thành tích của mình. "Tự quái truyện" viết: "Được lớn mà không tự mãn, vậy gọi là khiêm tốn", người đạt thành tựu vĩ đại không tự mãn, mà phải khiêm tốn, đây là nghĩa gốc của quẻ Khiêm. Về tượng quẻ, nội ấn của quẻ Khiêm tượng trưng cho núi và dừng lại. Ngoại quái Khôn tượng trưng cho nhu thuận và đất. Trong lòng biết tự kiềm chế, bên ngoài tỏ ra nhu thuận và hoà nhã, đó chính là thái độ của khiêm tốn. Núi Cấn mà ở dưới đất Khôn, cũng là hình tượng khiêm tốn, biết tự kiềm chế, do đó nói rằng: "Khiêm hanh, quân tử hữu chung", chỉ cần khiêm tốn, cuối cùng sẽ có kết cục tốt đẹp. "Thoán truyện" viết: "Thiên đạo hạ tế nhi quang minh, địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm, quỉ thần hại doanh nhi phúc khiêm, nhân đạo ố danh nhi hiếu khiêm. Khiêm tốn nhi quang, ti nhi bất khả du, Trung Quốc chi trung dã", phép tắc của trời là lấy chỗ thừa bù vào chỗ thiếu, phép tắc của đất, là cải biến chỗ thừa cho chảy

vào chỗ thiếu và thấp, phép tắc của quỉ thần, là lấy đi chỗ thừa mà giáng phúc cho chỗ thiếu, phép tắc của đạo làm người là ghét sự thừa mứa (tự mãn) mà thích sự khiêm tốn. Khiêm tốn khiến ta được tôn trọng, khiến tính người càng tỏa sáng. Nhìn bên ngoài, khiêm tốn có vẻ hèn yếu, nhưng thực ra không có gì thắng nổi nó. Người quân tử chỉ cần giữ vững phẩm chất khiêm tốn thì sẽ có thuỷ có chung. "Tượng truyện" viết: "Trong đất có núi, đó là khiêm. Người quân tử lấy chỗ nhiều bù vào chỗ ít, chia đều cho vạn vật". Trong Thượng quái Khôn (đất) mà có Hạ ấn (núi) ở dưới, hàm nghĩa cao quí, đây chính là hình tượng của khiêm tốn. Người quân tử phải bắt đầu chước tình thần này, làm cho nhiều ít đi, làm cho thiếu đủ lên, cân bằng sự vật nhiều ít thiếu thừa, khiến chúng bình quân mà rất thoả đáng.

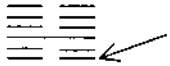
Vì vậy, quẻ Khiêm trình bầy với chúng ta về đức tính khiêm tốn, một trong những nguyên tắc quan trọng về nhân sinh mà người Trung Quốc thời cổ đại rất coi trọng và kiên trì thực hiện trong cuộc đời.

Phương Tây ra sức tự giới thiệu, rất thích khoe khoang về mình. Người Trung Quốc cổ đại thì khác, trước sau coi khiêm tốn là nguyên tắc hàng đầu trong xử thế. Đây không phải là thuyết giáo, mà đây là phép tắc về nhân sinh được tổng kết từ những qui luật của tự nhiên và trong sinh hoạt xã hội. Quẻ Khôn là nói về phép nhu thuận, khiêm nhường trong cuộc sống. Thực tế là nói về khiêm tốn, mà thiên *Quí nhu* trong sách *Lão tử*, nói rằng khiêm nhường là đáng quí, tranh giành không đáng quí, cũng là cố gắng trình bầy về khiêm tốn, nhu thuận cùng với tác dụng to lớn của chúng trong cuộc đời. "Sông biển sở dĩ trở thành chúa tể của các khe suối chính vì sông biển ở dưới thấp", "Đạo trời là lấy chỗ thừa bù vào chỗ thiếu", "Trọn vẹn dường như dở dang thì chỗ dùng của nó không hư được; đầy tràn dường như trống không, thì chỗ dùng của nó vô cùng. Ngay thẳng dường như cong queo, khéo léo dường như vụng về; hùng biện dường như ấp úng", "Gió lốc không thể suốt buổi, mưa rào không thể suốt ngày".

Người ta thường nói cái sai là do chỉ nhìn thấy cái hay của mình mà không thấy cái dở của mình, nhất là sau khi giành được một số thành tựu trong sự nghiệp thì lập tức cảm thấy thoả mãn và đắc ý. Đây chính là nguồn gốc nảy sinh những sai lầm trong quyết sách, và cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thất bại trong cuộc sống.

Bạn cảm thấy trời phú cho mình thông minh hơn người ư? Phải biết rằng, "ra đường lắm kẻ còn ròn hơn ta". Bạn cảm thấy mình trí tuệ hơn người ư? Phải biết rằng, sống có giới hạn nhất định, còn hiểu biết thì không có giới hạn. "Thước có sở đoản, tấc có sở trường". Bạn không thể chuyện nào cũng hơn người. Khổng tử nói rằng: "Ba người cùng đi, tất có thầy ta trong đó, chọn điều thiện mà theo, nhận ra điều bất thiện để sửa mình". Khổng tử mà còn như vậy, huống hồ người bình thường như chúng ta. Có thể bạn cảm thấy việc nào bạn cũng chính xác hơn người, nhưng "người hiểu biết nghĩ nghìn điều thế nào cũng có một điều sai; người ngu dần nghĩ nghìn điều thế nào cũng có một điều đúng". Khiêm tốn sẽ giúp ta bù đắp những nhược điểm và yếu kém của bản thân, khiến ta đánh giá khả năng của mình một cách khách quan để quyết định và hành động, nhìn thấy ở người khác những ưu điểm, sở trường. "lấy cái hay của người để bổ khuyết cho cái dở của mình", trên thực tế là biến cái hay của người thành cái hay của mình, mượn sức mạnh của người làm sức mạnh của mình, nâng cao khả năng, làm cơ sở vững chắc cho sự nghiệp thành công. Trong giao tiếp xã hội, tác dụng của khiêm tốn còn lớn hơn nhiều. Khiêm tốn là biện pháp hữu hiệu nhất khiến người khác phải tôn trọng mình. Sức hấp dẫn của nụ cười là ở chỗ: Bạn mỉm cười trước với người ta để tỏ ra tôn trọng họ, người ta sẽ mỉm cười đáp lại và người ta sẽ có ấn tượng tốt về bạn. Người nào mà chỉ nghĩ cho mình, không thèm nghĩ đến người khác, thì thất bại là hiển nhiên. La Rechefould, triết gia người Pháp từng nói rằng: "Nếu anh muốn có kẻ thù, anh hãy tỏ ra hơn hẳn các bạn của anh; Nếu anh muốn có bạn, hãy để

cho các bạn của anh hơn anh". Khiêm tốn cũng khiến lòng dạ của bạn bao dung như biển cả. "Biển tiếp nhận hàng trăm sông lớn vì biển ở thấp, "Vách núi cao nghìn trượng, hoàn toàn không chủ định phải cao". Hãy ghi nhớ sáu chữ sau đây: Mãn chiêu tổn, khiêm thục ích (tự mãn dẫn đến hao tổn, khiêm tốn đem lại nhiều điều). Có công lao, đức độ mà không tự cao tự mãn, thì công đức ấy càng toả sáng. Lão tử nói rằng: "Thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà thân đặng còn. Phải chăng vì không riêng tư, mà thành được việc riêng tư?" Không xem mình là sáng, nên sáng, không cho mình là phải, nên phải; không cho mình có công, nên có công; không khoe mình, nên đứng đầu. Chỉ vì không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi với mình".

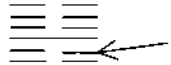


初六：謙謙君子，用涉大川，吉

Sơ lục: Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát.

Hào Sơ lục: người quân tử khiêm nhường giữ lễ, dùng đức khiêm mà vượt sông lớn, cát.

"Khiêm khiêm" nghĩa là mãi mãi khiêm tốn. Hào Sơ lục âm nhu, ở đây là đức khiêm tốn. Hào sơ ở vị trí thấp kém, tức "Khiêm khiêm". Người quân tử có đức khiêm này thì dù gặp gian nan nguy hiểm cũng không bị tai hoạ, do đó nói rằng: "Dụng thiệp đại xuyên, tốt". "Tượng truyện" viết rằng: "Người quân tử khiêm nhường, tự nuôi sống mình" bằng thái độ khiêm nhường. *Hào này khuyên chúng ta rằng đừng cậy mình tài giỏi, cậy tài là phạm sai lầm.*

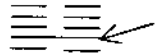


六二：鳴謙。貞吉

Lục nhị, minh khiêm, trinh cát.

Hào Lục nhị: nêu cao đức khiêm, giữ vững điều chính thì tốt lành.

"Minh" có thể giải thích là cùng, hưởng ứng. Giải thích là "Danh" càng đúng hơn. *Quảng nhã. Thích hổ* viết: "Minh nghĩa là thanh danh". *Trang tử. Thái Tông sư*: "Người quân tử dùng chữ kiên trinh để nêu danh". "Minh khiêm" tức danh khiêm, nổi danh mà khiêm tốn, tức danh dự rộng khắp, thiên hạ đều biết, mà tự cho rằng như vậy chưa đủ, phải nêu cao đức khiêm để cái danh càng lan rộng, cái đức càng tăng tiến, được trợ giúp càng nhiều, do đó mới nói rằng "minh khiêm, trinh cát". "Tượng truyện" viết: "minh khiêm trinh cát, trung tâm đắc dã", đức khiêm là phải xuất phát từ nội tâm. *Hào này khuyên chúng ta rằng: Nêu cao đức khiêm thì tốt lành.*

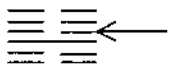


九三：勞謙君子，有終，吉

Cửu tam: Lao khiêm quân tử, hữu chung cát.

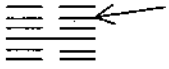
Hào Cửu tam: người quân tử cần cù khiêm tốn, chung quy tốt.

"Lao" tức cần lao, cần cù. "Chu lễ. Tư huân" viết: "Sự công nhật lao". "Lễ thí. Minh đường vị": "Thành vương lấy công lao của Chu công mà uý lạo thiên hạ". Lao là công lao. "Lao khiêm" là có công lao mà không khoe khoang. Về tượng quẻ, Cửu tam là hào dương duy nhất của quẻ Khiêm, lại đắc chính. Một dương ở giữa năm âm tượng trưng cho người quân tử cần lao vì dân mà lại khiêm tốn, tuy không khoe khoang công lao, nhưng chung quy không ai có thể phủ nhận công lao của người quân tử. "Tượng truyện" viết rằng: "Người quân tử có công mà khiêm tốn, nhân dân tất thảy đều tin phục", Hào âm là tượng trưng cho dân. Một dương dẫn dắt năm âm, tượng trưng nhân dân quy phục, nguyên nhân là do "Lao khiêm". *Hào này giải thích rằng, khiêm tức là không khoe khoang công lao của mình.*



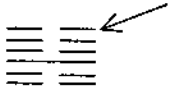
六四：无不利，撝谦
Lục tứ: vô bất lợi, huy khiêm.
Hào Lục tứ: phát huy tính khiêm nhường thì không có gì bất lợi.

"Huy" đọc là "vi" (làm). *Quảng nhã. Thích hổ*: "Vi, nghĩa là thực hiện, cũng có nghĩa là thi hành. "Huy khiêm", làm ơn cho người mà không kể công. "Tượng truyện" viết rằng: "phát huy tính khiêm nhường thì không có gì bất lợi, không sai phép tắc". *Hào này khuyên chúng ta rằng, làm ơn cho người không nên kể công.*



六五：不富以其鄰，利用侵伐，无不利。
Lục ngũ: bất phú đĩ kỳ lân, lợi dụng xâm phạt, vô bất lợi.
Hào Lục ngũ: không giàu mà có láng giềng. Dùng điều đó đi chinh phạt thì không gì không có lợi

Hào này có điểm tương đồng với hào từ của Hào Lục tứ của quẻ Thái, nhưng hàm nghĩa thì có khác. Hào Lục ngũ lấy nhu mà giữ ngôi chí tôn, là hình tượng người trên mà khiêm tốn. Người trên mà khiên tốn thì có nhiều người tin theo. Không giầu có nhưng vì khiêm tốn nên hoà đồng được với láng giềng, ở ngôi vị cao mà giữ được khiêm tốn, có nhiều người tin theo, thì dù đem quân đi trinh phạt cũng không bị bất lợi, do đó mới nói rằng "Lợi dụng trinh phạt, vô bất lợi". "Tượng truyện" viết rằng: "Người trên có đức khiêm, thì có thể chinh phạt kẻ bất phục". *Hào này khuyên chúng ta rằng, bề trên có đức khiêm nhường, thì có thể trinh phạt kẻ bất phục.*



上六：鳴謙，利用行師征邑國。

Thượng lục: minh khiêm, lợi dụng hành sư, chinh ấp quốc.

Hào Thượng lục: nêu cao đức khiêm, lợi dụng điều đó để ra quân, chinh phục dân ấp

"Minh khiêm" tức rạng danh đức khiêm. Nổi danh mà lại nêu cao đức khiêm, tất bốn phương đều nhìn về, vạn dân đều mộ đức. Thượng lục là hào trên cùng của quẻ Khiêm, tiếng đồn về khiêm tốn đã lan xa, có khả năng được bốn phương khen ngợi và hưởng ứng, đương nhiên có thể đem quân đi trinh phạt mà không bất lợi, do vậy mới nói rằng "Lợi dụng hành sư, trinh ấp quốc". "ấp" và "quốc" thời thượng cổ là thành trì hoặc cứ điểm của các bộ tộc. "Tượng truyện" viết rằng: "Nêu cao đức khiêm vì chưa đắc chí. Có thể ra quân, là để trinh phạt ấp, quốc". "Chí chưa đạt" là chỉ hào Thượng lục và hào Cửu tam không tương đắc với nhau về chí hướng, vì hào Thượng lục là hào tận cùng của quẻ Khiêm, địa vị bất lợi, nhưng vì khiêm tốn mà nêu cao được đức khiêm, vẫn được thiên hạ hưởng ứng, có thể đem quân đi trinh phạt. *Hào này khuyên chúng ta rằng: khiêm là lùi để tiến, hổ khuyết cho sự bất lợi để kiến công lập nghiệp.*

Tổng hợp những điều trên đây, quẻ Khiêm đã trình bầy ý nghĩa to lớn của đức Khiêm, và cũng trình bầy với chúng ta thế nào là thật sự khiêm tốn.

Một là, khiêm tốn là đừng khoe khoang sở trường của mình. Nếu chỉ cậy vào sở trường của mình, tất sẽ mắc sai lầm, đấy là chưa nói còn nhiều người giỏi hơn mình, điều mà anh tự cho là giỏi chưa hẳn đã giỏi thật sự, nhiều khi cậy tài mà mang hoạ. Người tự cho mình là thiện xạ, phần lớn bị trúng tên mà chết. Người tự cho mình là thiện chiến, phần lớn bị chết trong chiến đấu. Người tự phụ giỏi bơi, phần lớn bị chết đuối. Lão tử nói rằng: "Dũng mà liều tất bị chết, dũng mà không liều thì sống". "Đạo trời, không

tranh giành mà được, không cầu xin mà ứng, không vời mà tự đến". Đã không tranh giành thì không ai có thể tranh giành với mình. Cậy mình giỏi mà kiêu ngạo thì chỉ khiến mọi người chán ghét mình. Lã Bố cuối đời Đông Hán cậy mình kiêu dũng vô địch, xưng là "phi tướng", ai bàn mưu tính kế cũng không nghe, kết quả bị Tào Tháo tiêu diệt. Hạng Vũ "sức dư muôn người" đánh đâu thắng đấy, mà cuối cùng bị diệt bởi Lưu Bang đánh đâu thua đấy. Quan Vũ, Trương Phi được mệnh danh là "địch nổi muôn người", đều chết bởi bọn vô danh tiểu tốt. Bồ Kiên nghĩ rằng mình có hàng triệu quân, ném roi đủ tắc lòng sông, vậy mà bị thua bởi vài vạn quân Bắc Phủ. Không phải họ không có khả năng đánh thắng mà bởi vì họ thừa sức đánh thắng, do đó mà bị thua. Vì vậy Lão tử lại nói rằng: "người giỏi lý lẽ không dùng vũ lực, người thiện chiến không nổi giận, người đánh đâu thắng đấy không tự khen, người biết dùng người tự đặt mình dưới người, như vậy gọi là đức không tranh chấp, là sức dùng người, hợp với đạo trời". Đây là ý nghĩa quan trọng nhất của khiêm tốn.

Hai là, "danh khiêm", tức muốn nổi tiếng trong thiên hạ thì đầy óc phải sáng suốt, đừng khoe khoang tự đắc, mà phải luôn luôn nghĩa đến những cái dở. Danh nổi như cồn, nhưng sự thực chưa hẳn đã được như vậy. Đương nhiên, nổi danh trong thiên hạ là kết quả của tài năng và sự nỗ lực của mình, nhưng trong đó cũng có rất nhiều duyên may. Nếu hiểu được điều này thì đánh giá được chính xác bản thân mình để không tự phụ khinh người và cũng bớt sai lầm. Cái quí của con người là biết nhận rõ về mình. Thời kỳ Đông Hán Hoàng Quyến vì hiếu thảo mà nổi tiếng, ngũ phủ đều tiến cử lên nhà vua, nhưng lần nào cũng không được bổ nhiệm. Danh sĩ Lý Cố viết thư cho Hoàng Quyến nói rằng: "Tôi nghe người ta thường nói rằng, "núi cao quá dễ lở, ngọc sáng quá dễ đổ mồ hôi khúc hát "Dương Xuân" ít người dạo được. Tiếng tăm lừng lẫy quá, trên thực tế rất khó theo", đồng thời kèm theo cả dẫn chứng, khuyên Hoàng Quyến không nên

ra làm quan. Xưa nay có biết bao "danh nhân" nổi tiếng một thời, nhưng có mấy ai thật sự được lưu danh sử sách đều không ngoài lý do kể trên, hư danh tất nhiên bị đào thải. Trong xã hội bây giờ, loại người như vậy không đếm xuể. Lưu Biểu cuối đời Hán tiếng tăm lừng lẫy, sau cũng cát cứ được đất Kinh Châu, nhưng chẳng qua cũng chỉ là "đồ chó lợn"! Viên Thiệu một nhà ba tước Công, môn đồ khắp thiên hạ, nhưng bản thân vì quá hẹp hòi, đa nghi mà thiếu quyết đoán, cuối cùng thân bại danh liệt. Trái lại, Tào Tháo vốn là con một gia đình quan lại nhỏ bị khinh rẻ, mà lại dựng nên đại nghiệp. Lưu Bị bện dép dán chiếu, lại cát cứ một phương. "Không tự chiêm ngưỡng mình, thế là sáng suốt; không tự khoe mẽ, thế là đẹp đẽ". Nêu cao "danh khiêm" tất tên tuổi càng đẹp đẽ, đức càng tăng tiến, được người giúp rập càng nhiều. "Chu Công tỏ rõ bụng trung, thiên hạ đều qui phục".

Ba là, khiêm tốn tức không cậy công, không kiêu ngạo. Lập công không phải dễ, có công mà không cậy công càng khó hơn. Có công, vốn có thể kiêu ngạo, nhưng kiêu ngạo lại gây ra tai hoạ. Lão tử nói rằng: "Không tự cho là có công, là có công". Nếu tự cho là có công, không những vô công mà còn có tội. Hàn Tín thời Hán sơ chỉ huy quân trăm vạn, đánh là thắng, lập công đầu trong việc giúp Lưu Bang diệt Hạng Vũ. Vậy mà công cao át cả chủ. Lưu Bang không những không cảm kích, trái lại sinh lòng nghi kỵ, trận Cai Hạ vừa kết thúc, liền tước binh quyền của Hàn Tín. Ít lâu sau, lại kiếm cớ giáng Hàn Tín từ Chư Hoài vương xuống Hoài Âm Hầu. Hàn Tín vốn rất mực trung thành, không có bụng làm phản, nay bị nghi kỵ, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, cuối cùng bị chết thê thảm. Bành Việt, Anh Bố cũng vậy. Hàn Tín thở dài mà than rằng: "Thỏ khôn đã chết, chó săn tất bị mổ; chim khoẻ đã hết, cung tốt tất bị cất đi; nước thù địch đã mất thì mưu thần bị diệt". Tội này không do bản thân mà do công lao gây ra. Không kể công còn như vậy, huống hồ kể công? Đầu đời Minh, Từ Đạt Dương Hoà, Lam Ngọc... vì Chu Nguyên Chương mà lập công lớn, nhưng cũng rơi vào

số phận kể trên. Ngược lại, Trương Lương sau khi giúp Lưu Bang lấy được thiên hạ, lập tức rút lui, thân danh đều trọn vẹn. Quyền mưu ở đây cực kỳ sâu sắc. Trong cuộc sống thường nhật, cậy công mà kiêu ngạo, dưới mắt không ai, cũng bị quần chúng phản đối, rốt cuộc sẽ rơi vào tình trạng cô lập và thất bại. Vì vậy Lão tử mới nói rằng, "Vì vậy thánh nhân làm mà không kể công, công thành mà không khoe mẽ". *Luận ngữ. Công Dã Tràng* chép: "Nhan Uyên nói rằng, không vì việc thiện thì không làm", ý tứ cũng như trên đã nói. "Hệ từ truyện" chép rằng: "Khó nhọc có công lao mà nhún nhường, người quân tử giữ được trọn vẹn, tốt". Khổng tử nói: "Khó nhọc mà không mong báo đền, có công với đời mà chẳng nhận là ân đức, đức như vậy là cực dày. Nói là khoe công, ấy là hạng hạ nhân. Đức thì nhiều, lễ thì cung kính, đó là bậc có lòng khiêm tốn. Khiêm tốn là cái để giữ được ngôi vị. Tấm lòng không làm hại tới điều hay, không khoe khoang công lao", ý nghĩa cũng như trên.

Bốn là, làm ơn cho người khác, giúp đỡ người mà không khoe là mình có đức, cũng là một nguyên tắc quan trọng của Khiêm. Mình thành tâm mà giúp người thì người mới cảm kích, và khi có hoàn cảnh thích hợp thì đền đáp lại. Nếu như vì lợi ích chung (công lợi) mà giúp người khác thì hiệu quả chưa hẳn đã như trên. Với những người bình thường, thành tâm giúp người mà không kể công, rất có thể đây là mối nhân duyên, tạo hoàn cảnh tốt đẹp cho sự nghiệp của họ đi tới thành công. Với người lãnh đạo mà nói, thành tâm giúp người mà không kể ân đức, sẽ được quần chúng ủng hộ, từ đó mà có sức mạnh to lớn. Qui kết lại, đó là ba chữ "được lòng người". Người nào được lòng người thì được thiên hạ, mất lòng người thì mất thiên hạ. Các chính trị gia của các triều đại, để mua chuộc lòng người, thường dùng biện pháp cứu tế, phát chẩn, tuy không giải quyết được vấn đề về cơ bản, nhưng cũng hoà dịu đáng kể mâu thuẫn xã hội. Thậm chí có người vì thế mà lấy được thiên hạ. Cuối thời Xuân Thu, quan Đại phu nước

Tề Điền Thị là một thí dụ điển hình. Lúc bấy giờ, quân chủ nước Tề họ Khương dùng hình phạt tàn khốc để tỏ ra hung bạo, vơ vét thượng vàng hạ cám, trăm họ vô cùng cực khổ. Còn Đại phu Trần Văn thì khi thu vào dùng đấu nhỏ, khi xuất ra dùng đấu to, giá lâm sản ở chợ bằng giá ở trên rừng, giá thuỷ sản ở chợ cũng không cao hơn giá ở bờ biển. Các biện pháp này rất được lòng người, thế lực do đó mà mở rộng, làm lung lay cục diện chính trị của nước Tề, cuối cùng lên làm vua nước Tề thay họ Khương. Đây chính là sự kiện "Điền thị (tức Trần Văn) lấy nước Tề "nổi tiếng trong lịch sử. Do vậy, làm ơn cho người mà không kể công, không chỉ là nguyên tắc xử thế quan trọng, mà cũng là nguyên tắc quan trọng trong lãnh đạo.

Năm là, ở ngôi quyền cao chức trọng lại càng phải khiêm tốn. Với những người ở cương vị lãnh đạo, thì đây là lời nhắc nhở chân tình. Ở ngôi cao mà khiêm tốn, thì mới lắng nghe được ý kiến của quần chúng, hoà mình với quần chúng, không đến nỗi xa rời quần chúng, cách biệt trên dưới, rơi vào cảnh cô lập. Người lãnh đạo không phải là kẻ cô độc, cũng không phải siêu nhân. Toàn bộ sự nghiệp của ông ta, trên thực tế là xây dựng trên nền tảng được quần chúng ủng hộ. Nếu như không có sự ủng hộ và tham gia của quần chúng, quyết sách dù đúng đắn đến mấy cũng không thể thực hiện, đương nhiên cũng chẳng đem lại kết quả gì. Trong thể chế chính trị của Trung Quốc cổ đại có đặt chức gián quan, tức là chức quan chuyên trách việc can ngăn nhà vua. Nhiệm vụ của ông ta là thông báo cho nhà vua biết tình hình dân chúng, đưa ra những nhận xét về những việc làm, những quyết định của nhà vua, có tác dụng như giám sát đôn đốc nhà vua. Thế nhưng Hoàng đế Trung Quốc có rất ít người khiêm tốn tiếp thu lời can ngăn như Đường Thái Tông, mà thường là độc đoán chuyên quyền, dẫn đến hết sai lầm này đến sai lầm khác trong quyết sách. Trái lại, ở ngôi cao mà khiêm tốn lắng nghe quần chúng, tất nhiên trên dưới một lòng, từ đó mà nhận được một sức mạnh to lớn, tăng cường mạnh mẽ sức cạnh tranh.

Trong xã hội hiện nay, có thể điểm này mà đánh giá trình độ lãnh đạo và khả năng cạnh tranh của xí nghiệp, công ty hoặc đơn vị. *Chu Dịch* dùng "lợi dụng (khiêm) đem quân đi chinh phạt, không bất lợi" để hình dung cái hay của "khiêm", dụng tâm gian khổ đến như vậy khiến ta phải cùng nhau suy ngẫm.

Sáu là, khiêm tốn quyết không phải là rút lui. Về bản chất, khiêm tốn là lùi để tiến, lấy thủ để công. Đây là một thái độ tích cực có lợi nhất nhằm thực hiện mục tiêu đã định mà không gây ra mâu thuẫn. Người Trung Quốc cổ không những vận dụng nó trong cuộc sống cá nhân, mà còn vận dụng nó trong cuộc đấu tranh quyết liệt về quân sự cũng như về chính trị, cho rằng Khiêm là tuyệt kỹ trong binh pháp. Lão tử từng nói rằng: "Muốn làm yếu nó thì trước hết làm cho nó bộc lộ cái mạnh ra. Định vứt bỏ nó thì phải làm ra vẻ cố giữ nó. Định lấy nó thì phải làm ra vẻ không cần nó". Mềm mỏng thắng hùng hổ, trong cuộc đấu tranh giữa hai quốc gia là như vậy. Do vậy, nước lớn mềm mỏng với nước nhỏ thì được nước nhỏ thần phục; nước nhỏ mềm mỏng với nước lớn thì được nước lớn che trở". Hạ mình trước kẻ thù là lúc tìm hiểu chỗ chí mạng của kẻ thù để công kích. Đây là kinh nghiệm sâu sắc mà Lão tử đã tổng kết qua cuộc đấu tranh xã hội quyết liệt ở thời đại ông. Trong lịch sử, những thí dụ loại này chỗ nào cũng thấy. Năm 632 trước công nguyên, Tấn Văn Công dẫn liên quân chư hầu giao chiến với quân Sở ở Thành Bộc (nay thuộc Quyến Thành, Sơn Đông), lực lượng quân sự hai bên không hơn kém nhau bao nhiêu. Trước khi giao tranh, Tấn Văn Công lấy lí do là trước kia đã giao ước với Sở, rằng quân đội hai bên nếu giáp mặt tại trung nguyên, thì sẽ lui ba xá (mỗi xá 30 dặm), hạ lệnh cho liên quân Tấn rút lui một mạch chín mươi dặm. Hành động rút lui của quân Tấn đã cổ vũ thói ngông ngược của quân Sở. Chủ soái quân Sở là Tử Ngọc bất chấp lệnh của Sở vương, thúc quân đuổi giết, kết quả bị quân Tấn đánh bại. Tử Ngọc phẫn uất mà tự sát. Một thí dụ khác là Câu Tiễn diệt Ngô.

Năm 494 trước công nguyên, Ngô vương Phù Sai đánh nước Việt, Việt Vương Câu Tiễn thua trận, chỉ còn năm nghìn quân cung nỏ bị vây trên núi Cối Kê. Câu Tiễn nghe theo kế của mưu thần Phạm Lãi, cầu hoà với nước Ngô. Sau đó, nước Việt không những khom lưng quỳ gối đã dâng nộp người đẹp Tây Thi, lại còn hàng năm tiến cống Ngô vương Phù Sai, khiến Phù Sai vô cùng đắc ý cho Câu Tiễn là không đáng lo mà tập trung vào việc tranh giành bá chủ ở bắc trung nguyên. Câu Tiễn nếm mật nằm gai thề chết rửa nhục, mười năm khôi phục sức dân, mười năm huấn luyện dạy dỗ, cuối cùng, nhân dịp Phù Sai đem quân lên phía bắc đánh Tề, Câu Tiễn cử đại binh tập kích, đánh tan nước Ngô. Trong cuộc đấu tranh chính trị quyết liệt, đây là phép quyền mưu mà mọi người đều biết. Cách cư sử lá mặt lá trái, miệng cười tay thủ dao tuy có vẻ thấp hèn, nhưng trên thực tế lại tỏ ra hợp lý, vì rằng nó nắm bắt được cá tính con người mà giành được thắng lợi. Đương nhiên ta đề xướng mặt chính diện, tức khiêm tốn khiến ta được mọi người tôn trọng khiến ta càng có nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp, càng có nhiều quyết sách đứng đắn.

Ta có thể quy kết những điểm quan trọng của quẻ Khiêm như sau:

❑ *Ghi nhớ:*

1 - Chớ cậy tài.

2 - "Minh khiêm", đừng cậy thanh danh của mình mà thiếu khiêm tốn.

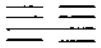
3 - "Lao khiêm", đừng kể công tự phụ.

4 - Làm ơn cho người mà không kể ơn.

5 - Ở ngôi vị cao mà khiêm tốn, hoà mình với quần chúng.

6 - "Khiêm" không phải là rút lui, mà là lùi để tiến.

16. 豫 DỰ: NGỌT BÙI NHỚ LÚC ĐẮNG CAY, KHI VUI XIN CHỚ QUÊN NGAY KHI BUỒN



震上 Chấn trên
坤下 Khôn dưới

豫，利見侯行師。

Dự, lợi kiến hầu hành sư.

Quẻ Dự: lợi cho dựng nghiệp công hầu, lợi trong trận mạc

"Dự" có nghĩa là hoà thuận vui vẻ. Về tượng quẻ, Dự và Khiêm tương phản nhau về tượng quẻ, quẻ này là đảo nghịch của quẻ kia, có tác dụng giao hỗ, nhưng ý nghĩa thì hoàn toàn khác nhau. Quẻ Dự chỉ có hào Cửu tứ là hào dương, năm hào âm kia đều phục tùng hào dương này, đắc chí nên vui vẻ. Hạ quái Khôn là đất, nhu thuận; Thượng quái Chấn là động, thuận mà động thì cũng là tượng cho vui vẻ. "Tự quái truyện" Viết rằng "ở ngôi cao mà khiêm tốn, tất vui vẻ, do đó đặt tên là Dự" Trước quẻ Khiêm là quẻ Đại hữu, sau Khiêm là quẻ Dự, ngôi vị cao, giàu có mà khiêm tốn, tất nhiên là vui vẻ. Do vậy, Dự xếp sau Khiêm, lại tượng trưng cho sự nghiệp phát triển, sau khi được mùa (Đại hữu) xuất hiện cảnh thanh bình vui vẻ.

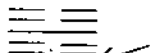
Thoán truyện viết: Dự, cương ứng nhi chí hành, thuận dĩ động. Dự thuận dĩ động cố thiên địa như chi, như huống kiến hầu hành sư hồ? Thiên địa dĩ thuận động, cố nhật nguyệt bất quá, nhi tứ thời bất thắc, thánh nhân

dĩ thuận động, cố hình phạt thỉnh nhi dân phục. Tượng chi thời nghĩa đại hĩ tai! "Trong quẻ Dự, Hào Cửu ngũ dương cương, một dương dẫn đầu năm âm, thế là đã thực hiện được chí (đắc chí), đó đó nói rằng "cương ứng ngôi chí hành". Có thể thực hiện được ý chí, đó là Dự. Còn thuận ứng thời cơ mà hành động thì con người cũng phải như vậy, trời đất cũng phải như vậy, huống hồ lập đại nghiệp (kiến hầu) và trận mạc (hành sư). Mặt trời mặt trăng thuận thời mà vận động không nên quá đáng, không mắc sai lầm; thánh nhân thuận thời mà hành động, khiến thưởng phạt công minh, nhân dân vui vẻ mà quy phục. "Thời nghĩa" là chỉ cái lẽ bao hàm trong quẻ Dự. Sự việc thoạt nhìn thì đơn giản, nhưng ý nghĩa trong đó thì cực kỳ sâu sắc. "Tượng truyện" viết: "Lôi xuất địa phấn, Dự. Tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức, Ân tiến chi Thượng đế, dĩ phối tổ khảo". "Ân" tức thịnh đạt. "Phấn" tức nổ thành tiếng. Thượng hấn là sấm, Hạ quái Khôn là đất, sấm nổ trên mặt đất, sản sinh ra tiếng sấm, khiến đất rung chuyển, đó là hiện tượng âm dương giao hoà cực kỳ vui vẻ. "Tiến" là vật hiến tế, "tổ khảo" là vong linh tổ tiên. Lấy công việc của các Đế Vương làm khi an lạc để tượng trưng cho hoàn cảnh thuận lợi, thanh bình.

Do vậy, quẻ Dự tượng trưng cho sự vui vẻ khi cuộc sống và sự nghiệp phát triển thuận lợi. Trạng thái tượng trưng cho các hào và các hào từ lại trình bày với ta rằng, thời kỳ thanh bình vui vẻ có thể có những biến động và những chuẩn tắc quyết sách mà chúng ta phải tuân theo. Để hiểu hơn, ta có thể tham khảo các quẻ ứng Thái, Đại Hữu.

Bất cứ vào thời điểm nào, sự tiến bộ và thành công trong sự nghiệp đều đem lại niềm vui, điều này không cần bàn cãi. Con người ta sau một quá trình phấn đấu thắng lợi, có quyền hưởng thụ niềm vui, vì rằng thành quả này là do mồ hôi nước mắt mà có. Tuy nhiên phép tắc của sự tự nhiên không thay đổi theo ý chí của con người. Khi thành công vui vẻ an lạc, thì cũng là lúc hoạ hoạn bắt đầu nảy sinh. Hoạ sinh ra từ đắc ý, hoạn bắt đầu từ

những chuyện nhỏ nhặt. Con người ta khi vui vẻ thoải mái thì dễ quên hết mọi chuyện, thường là vui quá hoá buồn. Đây là điều mà nói ra nghe có vẻ tầm thường, nhưng lại là chân lý sờ sờ trước mắt. Thành công là đỉnh cao của sự nghiệp cũ và mở đầu cho sự nghiệp mới. Nếu vì thành công mà dẫm chân tại chỗ không chịu dấn tiếp, thì tiếp theo sẽ là thất bại. Cuộc đời là một quá trình diễn biến lưu động không ngừng, cái tốt đã đến tận cùng, tất nhiên biến thành xấu, còn cái xấu đến tận cùng, cũng tất nhiên biến thành việc tốt. Lão tử từ xưa đã nói: "Hoạ là chỗ dựa của phúc; phúc là chỗ núp của hoạ". Hoạ phúc trong cuộc đời thường không ngừng đổi chỗ cho nhau như vậy. Muốn làm chủ tình hình, then chốt là ở chỗ khi đắc chí thì không đắc ý, khi thất bại không nản lòng, kịp thời ra những quyết sách đúng đắn dựa trên tình hình thực tế.



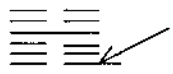
初六：鳴豫凶

Sơ lục: Minh Dự, hung.

Hào Sơ lục: khoe khoang tự đắc, xấu.

"Minh" tức danh, cũng có thể giải thích là tỏ ra đắc ý. Dự, ngoài ý nghĩ vui vẻ ra, còn có nghĩa là lười nhác, chán ngán. *Chu Dịch. Tạp quái truyện* viết: "Dự, nghĩa là lười nhác". *Nhĩ nhã. Thích hổ* giải thích: "Dự, chán ghét". "Minh dự", hình dung danh tiếng đã nổi mà sinh kiêu căng tự mãn, bắt đầu tỏ ra lười biếng trong công việc. Điều này hoàn toàn tương phản với "minh khiêm" trong quẻ Khiêm. Về Tượng quẻ, Sơ lục là hào âm ở vị trí dương thì bất chính, là tiểu nhân, vì âm dương tương ứng với Hào Cửu tứ ở trên, được ứng viện mạnh mẽ, nên dương dương tự đắc, bất cần tất cả. Nhưng Hào Sơ lục bất trung bất chính, cách Hào Cửu tứ quá xa trên thực tế, Cửu ngũ lại gần Lục ngũ, giống như một quyền thần muốn làm gì thì làm, và chưa để mắt tới Sơ lục, nên chắc chắn Sơ lục chưa có gì hay ho.

"Tượng truyện" viết rằng: "Sơ lục minh khiêm, chí cùng hung dã" (Hào Sơ lục khoe khoang sự khiêm tốn, chí đã tới lúc cùng, xấu), đắc chí mà trên thực tế không đắc chí, tất nhiên hung hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi an lạc, chớ kiêu căng tự mãn, khoe mẽ ồn ào.*

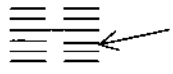


初六：介于石，不終日，貞吉。

Lục nhị: Giới vu thạch, bất chung nhật, trinh cát.

Hào Lục nhị: vững như đá, chẳng được hết ngày, chính bền nên tốt.

"Giới", tức chắc chắn. *Thích văn*: "Giới, cổ văn viết là "giới" (kiên cố)". *Tấn thư âm nghĩa trung* dẫn *Tự lâm*, giải thích: "Giới, nghĩ là vững trãi". *Thuyết văn* giải thích: "Giới nghĩa là vững như đá". "Giới vu thạch", nghĩa là vững như đá tảng". "Giới vu thạch, bất chung nhật", nghĩa là cứng như đá tất không thể được đến hết ngày, vì cứng rắn dễ bị sứt mẻ, mà nên nhu thuận mới tốt, mới có kết quả tốt đẹp, do vậy mới nói "Trinh cát". "Tượng truyện" viết: "Chẳng được hết ngày, chính bền nên tốt. Bởi vì đắc trung đắc chính". Lục nhị là hào âm ở vị trí dương, đắc trung, nhu thuận trung chính, khi có sức mạnh có thể dùng nhu mà xử trí mọi việc, giữ vững đầu óc tỉnh táo, do đó không hiểm độc. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên nhu không nên cương, phải giữ trung chính.*



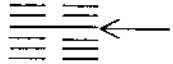
六三：　盱豫，悔，遲有悔。

Lục tam: Hu dự, hối, trì hữu hối.

Hào Lục tam: sáng dậy không thích làm việc, có hối hận, nếu không sửa chữa kịp thời, tất hối hận càng nhiều.

"Hu", nên là chữ "Vu", tức sáng sớm. *Thuyết văn*: "Húc" (sáng sớm), mặt trời mới mọc. Hu dự, là chỉ sáng sớm thích nghỉ ngơi mà không làm

việc chính sự. Người xưa sáng dậy làm việc, nếu như vì sáng sớm mà chán việc, thì công việc sẽ chẳng ra sao, sẽ có nhiều truyện hối hận, vì vậy mới nói "Sáng sớm lười nhác không làm việc, hối hận, không sửa thì còn hối hận nhiều nữa". Hào Lục tam bất trung bất chính, chỉ dựa vao Cửu tứ ở trên mà lười biếng, tất sẽ phải hối hận. Nếu không sửa chữa nhanh, sẽ hối hận nhiều hơn. "Tượng truyện" viết: "Hu dự có hối hận là vì vị trí không chính đáng", bất trung bất chính, không còn quyền hưởng thụ an nhàn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, không nên lười nhác trong công việc, phải cần mẫn không nghỉ.*



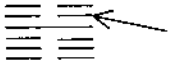
九四：由豫，大有得，勿疑朋盍簪。

Lục tứ: Do dự, Đại hữu đắc, vật nghi bằng hạp trâm.

Hào Lục tứ: vui săn bắn, thoả chí đừng nghi bạn nói xấu mình.

"Do", nghi là chữ "Du", chữ cổ viết như nhau. Trong *Tả truyện* có Dưỡng Do Cơ, *Hậu Hán thư. Ban Bưu truyện* chép là Dưỡng Do Cơ. Cổ nhân gọi đi săn là "du". *Hán thư. Vô dật* chép rằng: "Văn vương bất cảm bàn vu du điền" (Vua Văn vương không dám ở miết nơi bãi săn), vì ky ở ngoài lâu. Do vậy, *Tả truyện tứ niên* chép rằng, Hậu Tắc vì ở miết ngoài bãi săn mà bị giết, lại chép Thái Khang vì ham đi săn mà mất nước. *Lễ ký. Giao đặc tính* chép: "Thích săn bắn, thích gái đẹp thì mất nước", "Trâm" nghi là "Siểm" (nói xấu), *Thuyết văn* giải thích: "Siểm, đơm đặt", tức nói xấu. "Hạp" tức "hạp" (lắm điều). "Bằng hạp tiêm (siểm), tức bạn bè nói xấu. "Vật nghi", nghĩa là chớ nghi ngờ. Cửu tứ là hào dương, một dương ở giữa năm âm, đắc chí và thoải mái, do đó mới nói "Đại hữu đắc", là Tượng của "do dự". Nhưng không được thái quá, đi theo hào này là những hào âm nhu, phải dẫn dắt họ tiến lên mà đừng nghi ngờ họ. "Tượng truyện" viết:

"Thoả chí lớn, tha hồ mà thực hiện nguyện vọng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi có thời cơ thực hiện chí lớn, thì đừng lưu luyến cảnh an nhàn, mà phải thực lòng đoàn kết với kẻ dưới, thì mới có an lạc sau này.*

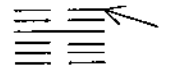


六五：貞疾，恒不死。

Lục ngũ: Trinh tật, hằng bất tử.

Hào Lục ngũ: bệnh dai dẳng nhưng không chết.

"Trinh tật", tức bệnh lâu ngày, "Hằng" nghĩa là lâu. Cửu ngũ là hào âm ở vị quyền hành, người người quy phục là hào Cửu tứ, còn Lục ngũ thì yếu đuối vô cùng, chẳng khác một con bệnh. Nhưng vì Lục ngũ ở giữa Thượng quái, đắc trung, không đến nỗi diệt vong, nên có tượng là "hằng bất tử". " Tượng truyện" viết? "Lục ngũ trinh cát". Kể bên hào dương cương, chỉ có giữ vững đạo trung dung, kiên trì thuần chính, thì mới tránh được diệt vong. *Hào này rằng, khi yên ổn phải nghĩ tới lúc nguy hiểm nguy, ngọt bùi nhớ lúc đắng cay, kiên trì thuần chính.*



上六：冥豫城，有 渝 ，无咎

Thượng lục: Minh dự, thành hữu du, vô cữu.

Hào Thượng lục: mê mẩn trong hoan lạc, biết sửa đổi thì không lỗi.

Thuyết văn: "Minh", u mê. Du nghĩa là truỵ lạc, bại hoại. Ở quẻ Tụng đã nói điều này. "Thành" nghĩa là "thành" (Thành trì). "Thành hữu du", tức thành đổ, có biến ở trong. "Minh dự" đối lập với "Hu dự" của hào Lục tam, có nghĩa ngày đêm say sưa trong hoan lạc. Thượng lục là hào âm nhu, đã đạt tới cực điểm của sự an nhàn hoan lạc, lạc cực sinh bi (vui quá hoá buồn), đã gần kề tai hoạ. Nhưng Thượng quái là động, động tất có biến đổi. Vui quá hoá buồn, không tránh khỏi sự hối hận, nhưng nếu biết sửa đổi thì

không lỗi. "Tượng truyện" viết: "Minh dự tại thượng, hà khả trường giã", chìm đắm trong hoan lạc thì không bền. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vui quá hoá buồn, phải thuận thời mà sửa đổi thì mới lâu bền.*

Tổng hợp những điều trên, ta thấy quẻ Dự cũng như quẻ Thái và quẻ Đại hữu, nhắc nhở mọi người khi sự nghiệp phát triển, chỉ ra những nguyên tắc ứng biến phải theo trong hoàn cảnh an nhàn thuận lợi:

Một là, khi thành công, chớ kiêu căng tự mãn, không dương dương tự đắc, vì như vậy sẽ giảm sút ý chí phấn đấu và tinh thần cảnh giác, không những gây ra rêu rã về tổ chức, mà còn tạo điều kiện cho đối thủ thừa thời cơ cạnh tranh với mình. Năm Kiến An thứ tư đời Đông Hán (199 sau công nguyên) trải qua gian khổ chiến đấu, Viên Thiệu tiêu diệt Công Tôn Tiễn cát cứ U Châu, chiếm được bốn châu U, Tính, Thanh, Ký, binh mã mấy chục vạn, nhìn thiên hạ bằng con mắt kiêu ngạo, việc triều cống vua Hán Hiến đế ngày càng thưa thớt, thậm chí bí mật âm mưu xưng đế, và bất chấp vết thương chiến tranh với phía bắc chưa kịp hàn gắn, tuyển lựa 10 vạn tinh binh, một vạn kỵ binh, chuẩn bị tấn công Hứa Xương nhằm tiêu diệt Tào Tháo. Mưu sĩ Thư Thụ cho rằng, trong cuộc chiến với Công Tôn Tiễn đã ra quân nhiều năm làm dân chúng mỏi mệt, kho tàng trống rỗng, vì vậy không nên đánh xuống phía nam, mà nên dưỡng sức dân, trước hết báo tin thắng lợi lên thiên sử, nếu Tào Tháo ngăn trở, thì đem quân đến hạ trại ở Lê Dương, tạm thời quân ở Hà Nam, đóng nhiều thuyền bè, sửa sang khí giới, cho tinh binh đi đánh phá vùng ven của quân tào, khiến Tào Tháo không thể ở yên mà ta thì vẫn nhàn nhã, làm được như vậy thì có thể ngồi một chỗ mà lấy thiên hạ". Nhưng Viên Triệu lại nghe lời bàn của Quách Đồ, Thẩm Phối, cho rằng Thiệu đã có quân đông tướng giỏi, đánh Tào Tháo dễ như trở bàn tay. Và còn phân tích không đúng về thời thế, cho rằng Thiệu đang lúc quân đông ngựa khoẻ, nếu không lập tức lập đại nghiệp, thì sẽ "Trời cho mà không lấy, tất hối hận". Lại quên khuấy những nhược điểm chí

mạng của mình, tức chí thì lớn mà kiến thức thì kém, tham vọng to nhưng không rõ ràng, tướng khoẻ mà chính lệnh bất nhất. Thiệu không nghe lời khuyên của Thư Thụ, đem quân đánh xuống phía nam, đối mặt với Tào Tháo tại Quan Độ (nay là Bắc Trung Tê, Hà nam), kết quả không ngoài dự đoán của Thư Thụ, cuối cùng, Viên Thuật đại bại.

Hai là, vào thời điểm thành công và an lạc, quyết sách hành động là nhu chứ không cương, giữ vững trung chính, không nên quá cứng rắn. Chỉ thích rắn, tức là quá tin vào sức mạnh của mình, hành động sẽ không đúng mực, kết quả sẽ trái với điều mà mình mong muốn; Lại nói: "Cơn lốc không kéo dài suốt buổi, mưa rào không thể suốt ngày", một trong những nguyên nhân khách quan là quá cứng rắn. Ông cậy có sự ủng hộ của Tống Trần Tông, lại nghĩ rằng mình làm là vì đại nghiệp, mà không suy xét con người ta muốn cải tạo tư tưởng thì phải từ từ, mà lại công khai tuyên bố không nên khư khư ôm lấy phép tắc của tổ tông. Dụng ý thì tốt, nhưng ông đã tạo ra những mâu thuẫn không đáng có. Trong quá trình thực thi chính sách lại có tính áp đặt, cưỡng bức, rốt cuộc gây căng thẳng, rất nhiều người vốn ủng hộ ông thì nay lại chống lại ông, công cuộc biến pháp của ông bị thất bại. Ngoài ra, có Tần Thuỷ Hoàng, sau khi thống nhất Trung Quốc, ông trở nên kiêu ngạo, không chỉ dùng hình phạt tàn khốc cai trị thiên hạ, mà còn đánh Hung Nô phía bắc, xây dựng trường thành, đánh Bách Việt ở phía nam, xây dựng Li Sơn, tuần du thiên hạ, dùng kiệt sức nước, khiến mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, dẫn đến triều Tần diệt vong. "Hệ từ hạ truyện" viết: "Thầy Khổng nói rằng: Biết trước được cái triệu chứng từ khi mới có dấu hiệu, thì quả là thần diệu. Người quân tử giao tiếp với người trên thì không nịnh, với kẻ dưới thì không nhờn, là biết trước cái triệu chứng vậy. Triệu chứng là cái dấu hiệu đầu tiên rất nhỏ của sự biến động, cát hay hung chưa hiện mà đã thấy được. Người quân tử thấy trước triệu chứng mà ứng phó, không đợi đến hết ngày. Dịch nói: Chí vững như đá,

không đợi đến hết ngày (mà ứng phó ngay) chính đính, bền vững, tốt. Chí vững như đá thì chẳng đợi đến hết ngày, vì phán đoán đã rành rẽ rồi. Người quân tử biết được từ lúc còn lờ mờ, lúc đã rõ ràng, biết lúc nào nên nhu, lúc nào nên cương, vì vậy mà vạn người trông vào mình". Khi mối nguy chưa xảy ra, đã kịp thời nhận rõ mầm mống của nó, kịp thời sửa lại hành động để thuận ứng với sự phát triển của tình hình. Nếu nhắm mắt làm bừa, chắc chắn sẽ tai họa.

Ba là, khi đã thành công và an lạc, càng phải chuyên cần, không được lười nhác. Tuy đã thành công, nhưng tất cả còn đang biến chuyển. Chỉ có bám chắc tình hình, có đối sách kịp thời, thì mới đảm bảo thành công vững chắc. Nếu lười nhác, không những mất thời cơ phát triển, mà còn làm giảm sút ý chí phấn đấu, lòng quân rệu rã mà đã rệu rã thì không còn cách vực dậy. Cuối đời Đường, nghĩa quân Hoàng Sào trải qua hơn mười năm chinh chiến mới đánh chiếm được đô thành Tràng An (nay là Tây An Thiểm Tây), Đường Hy Tông bỏ chạy xuống Tứ Xuyên. Sau khi vào Tràng An, Hoàng Sào lập nên nhà Đại Tề, nhưng ông đã phạm một sai lầm tai hại, tức không tiếp tục truy quét Đường Hy Tông mà vội vã lên ngôi Hoàng đế, ngồi ôm lấy đô thành Tràng An chơi vơi như một hòn đảo. Chỉ ít lâu sau, Đường Hy Tông đã lại sức, điều động các cánh quân bao vây Tràng An, nghĩa quân rơi vào tình thế bị động, cố thủ được hơn một năm rồi vì thất bại nặng nề, đành rút chạy về phía đông, và sau đó là bị diệt. Một điển hình khác là Hạng Vũ cuối đời Tần. Sau khi vào Quan Trung, Hạng Vũ cho rằng thiên hạ từ nay đã yên, bèn phong tước ào ạt cho các chư hầu, còn mình thì tự phong là Tây Sở Bá Vương, không đóng đô ở Quan Trung, mà ở Bành Thành, và tuyên bố rằng: Khi phú quí mà không về quê, thì chẳng khác áo gấm đi đêm. Có người khuyên Hạng Vũ nên đóng đô ở Quan Trung để trấn giữ thiên hạ, nhưng Hạng Vũ không nghe. Người này vô cùng thất vọng, than rằng: "Người ta bảo người Sở là khỉ đội lốt người, quả không sai".

Hạng Vũ cả giận, giết chết người đó. Sau khi chia chư hầu trở về nước phong của họ, thì chiến tranh nổ ra, Lưu Bang thừa dịp Hạng Vũ đang bận che đông đỡ tây, nuốt chửng Quan Trung, rồi đem quân sang phía đông, cuối cùng đánh bại Hạng Vũ. Hạng Vũ tiêu biểu cho loại người mà tầm nhìn không quá chót mũi của mình.

Bốn là, khi cái chí đã đạt, không được say sưa trong hoan lạc, mà phải thực lòng đoàn kết với quần chúng, tiếp tục phấn đấu mưu cầu phát triển. Chìm trong hoan lạc sau khi giành thắng lợi, là tạo điều kiện thuận lợi cho đối thủ trả đũa, mà thường là những đòn chí mạng. Một tổ mối đánh sập con đê ngàn dặm. Hoan lạc là cái nôi của tai hoạ. Chiến dịch Trenton trong cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ là một ví dụ. Tháng 12 năm 1775, quân đội Mỹ do Washington chỉ huy liên tiếp rút lui, khi qua sông Delawre chỉ còn không đến ba nghìn người, thiếu súng ống đạn dược, áo quần lam lũ, bệnh tật hoành hành. Còn quân Anh thì ba vạn năm nghìn người, trang bị vượt xa quân Mỹ. Lúc này, quân Anh lẽ ra phải thừa thắng truy kích thì chỉ một trận là tiêu diệt quân Mỹ. Nhưng tướng chỉ huy quân Anh cho rằng quân Mỹ không còn bao nhiêu, đánh chẳng bõ bèn, cũng không thèm vượt sông, lại đúng dịp lễ giáng sinh, liền dừng quân ở Trenton tưng bừng ăn tết, hoàn toàn không đề phòng quân Mỹ ở bên kia sông. Trong đêm giáng sinh, Washington lợi dụng đêm tối vượt sông Delaware, tập kích quân Anh. Quân Anh vì không phòng bị, hoàn toàn tan vỡ. Chính trận này đã mở ra một bước ngoặt cho cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ.

Năm là, khi thành công và an lạc, phải luôn tỉnh táo, ngọt bùi phải nhớ lúc gian nan mà giữa vững thuần chính, chỉ có vậy mới tránh được thất bại và tai hoạ. Lạc cực tất sinh bi (vui quá hoá buồn) là lẽ tự nhiên. Năm 1960, John Kennedy được cha là Josef Kennedy và toàn thể gia tộc tiếp tay cho gắng bất cứ thủ đoạn nào, đã thực hiện được lý tưởng của gia tộc, lên

làm tổng thống nước Mỹ. Chính lúc họ hàng nhà Kennedy vui vẻ ăn mừng thì đảng bàn tay đen ở Mỹ đã bố trí giết Kennedy. Ba năm sau, tiếng súng nổ vang, khiến sự thành công trải qua bao năm mới giành được, trở thành bi kịch, kết thúc bằng cái chết của Kennedy. Trong cuộc sống thường nhật những sự việc như trên nhiều vô kể.

Sáu là, vui đến tột cùng thì sinh biến, nên thuận ứng với tình thế, có biện pháp tích cực đối phó với sự biến động đó, nắm quyền chủ động trong biến hoá, mới giữ cho thành công lâu bền và an nhàn đúng mực. "Nước lưu thông thì không nặng mùi, cốt cửa thì gỗ không bị mục" do vận động và biến hoá không ngừng, tránh được sự trì trệ mục ruỗng, đảm bảo luôn mới mẻ và vững chắc. Vũng nước tù, tất nhiên có mùi thối, cốt cửa không dùng, tất nhiên mục nát, vì rằng tà ác và thối nát thừa có xâm nhập chính vào lúc này. Mưu cầu biến đổi và biết lợi dụng sự biến đổi đó chính là không cho tà ác và thối nát có cơ xâm nhập. Cuộc sống là như vậy, sự nghiệp cũng như vậy, dân tộc và quốc gia cũng như vậy. Sự biến động mà người ta mong muốn này muôn màu muôn vẻ, đều nhằm giữ lấy cái tươi mới và sự hưng thịnh đầy sức sống. Sự biến động trong sự nghiệp cũng vậy, thanh tân và tràn đầy sức sống. Sự biến động trong sự nghiệp là để thích ứng với hoàn cảnh bên trong và bên ngoài không ngừng thay đổi. Đất nước mà không có sự biến đổi, tất nhiên sẽ lạc hậu, các triều đại trong lịch sử Trung Quốc không có triều đại nào ngoại lệ. Dân tộc mà không có sự biến đổi, tất nhiên cũng lạc hậu yếu kém, duy chỉ có liên tục tiếp thêm dòng máu mới, thì sự phát triển lớn mạnh mới được đảm bảo. Sự cường thịnh của Tần Hán là kết quả của mấy trăm năm hỗn chiến thời Xuân Thu Chiến Quốc nhất thống lại. Sự lớn mạnh của thịnh Đường là do dân tộc thiểu số sáp nhập vào Trung Nguyên và Hán hoá từ thời Nam Bắc triều. Các nước Nam triều thuần tuý Hán tộc thì đã như trời chiều, mục ruỗng và thối nát, chẳng có lý do gì mà không tiêu vong? Còn chính quyền nhà Đường (họ Lý) cùng các

hoàng thất Tuỳ, Bắc Chu, Bắc Tề đều là huyết thống dân tộc thiểu số. Người Hán chấp chính ở triều Minh như bóng chiều đã xế, người Mãn vào Trung nguyên, không những đem lại sự cường thịnh của Tiền Thanh, mà còn mở rộng bản đồ Trung Quốc mấy vạn dặm. Họ đưa tới những nhân tố mới cho sự biến đổi. Đó là lô gic của xã hội và lịch sử.

Tổng hợp những điều trên đây, khi thành công và hoan lạc, phải ghi nhớ:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Không kiêu căng tự mãn, dương dương đắc ý.

2 - Khi hành sự, nên nhu không nên cương.

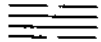
3 - Hết lòng cho sự nghiệp, không được lười nhác.

4 - Không mê mẩn vì an lạc, phải tiếp tục phấn đấu.

5 - Khi yên ổn phải nghĩ tới lúc hiểm nguy mà giữ vững trung chính.

6 - Thuận ứng với thời thế, cần có sự biến đổi và biết sử dụng sự biến đổi.

17. 隨 TUỲ – CHỌN THIỆN MÀ THEO, MƯỢN THANG LÊN LẦU.



兌上 Đoài trên
震下 Chấn dưới

隨：元亨利貞，无咎。

Tuỳ, nguyên, hanh, lợi, trinh, vô cữu.

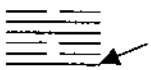
Quẻ Tuỳ: Nguyên, hanh, lợi, trinh. Vô hại.

Tuỳ nghĩa là đi theo, phụ hoạ theo. "Tự quái truyện" nói: "Dự ắt sẽ có tuỳ, cho nên, tiếp theo quẻ Dự là quẻ Tuỳ". Khi thành công và an lạc, tất nhiên sẽ có người theo, cũng có thể làm cho người ta đi theo. Đi theo người hay làm cho người đi theo mình đều có thể tốt đẹp hanh thông, nhưng hành động mà vui vẻ, tuỳ ý đi theo người hay để người đi theo cũng dễ hãm vào điều không chính đáng, mắc vào sự giả dối, cho nên phải "lợi vu trinh" mới không có lỗi. Nếu người mình theo mà không trinh chính, thì tuy đại hanh cũng có lỗi. Xét từ tượng quẻ, Hạ quái Chấn là động, Thượng quái Đoài là duyệt (vui vẻ), duyệt mà động chính là Tuỳ. Lời Thoán nói: " Tuỳ, cương tới mà dưới nhu, động mà duyệt, đi theo. Đại hanh, trinh chính, không có lỗi, mà thiên hạ tuỳ thời, ý nghĩa của chữ thời trong quẻ Tuỳ to lớn lắm thay". "Tuỳ phải theo cái lý tự nhiên, cái thời tự nhiên, đáng được thì được, đáng tốt đẹp thì tốt đẹp, thông biến tuỳ thời, nước nhà không oán, gần xa vui vẻ theo về, cho nên nói " ý nghĩa của chữ thời trong quẻ Tuỳ to lớn lắm thay!". Lời Tượng nói: " Trạch trung hữu lôi, tuỳ. Quân tử dĩ hướng hối nhập yến tức. " "Hướng" nghĩa là hướng về, "hối" nghĩa là lúc mặt trời lặn, trời tối, "yến tức" là nghỉ ngơi vui vẻ, cũng có nghĩa là mặt trời lặn thì nghỉ

ngơi. Hạ quái Chấn của quẻ Tuỳ là lôi (sấm), Thượng quái Đoài là trạch (đầm), cho nên nói "Trạch trung hữu lôi" (trong đầm có sấm). Sấm tiềm phục trong đầm là hình tượng nghỉ ngơi không hành động. Người Trung Quốc xưa cho rằng, sấm nổi tháng 2, sấm lặn tháng 8, mà cái lý tự nhiên của tạo hoá là có ngày thì phải có đêm, có sáng thì phải có tối; cho nên con người sinh ra trong trời đất, có ra thì phải có vào, có làm thì phải có nghỉ, có cảm thì phải có lặng, có động thì phải có tĩnh, đó là điều tự nhiên của tạo hoá. Là lẽ đương nhiên của việc người. Sấm ở trên mặt đất thì làm nhạc để dâng lên Thượng đế, sấm ở dưới đất thì nghỉ ngơi ở chỗ tối, đó là phép tắc bất chước tự nhiên. Thời cổ Trung Quốc tìm đến sự hợp nhất giữa trời và người, có thể qua đây tìm được dấu vết.

Từ những điều trình bầy trên đây có thể thấy, "Chu Dịch. Tuỳ quái" nói với chúng ta về nguyên tắc Tuỳ trong quá trình phát triển của nhân sinh và sự nghiệp. Tuỳ bao gồm 2 mặt: Đi theo người khác hay làm cho người khác theo mình. Chu Dịch đã tách Tuỳ thành riêng một quẻ để giải thích cái lý đó, vốn có chỗ dựa tư tưởng rất sâu sắc. Trên thực tế, Tuỳ nói về việc đoàn kết người khác và dựa theo người khác. Muốn đạt được thành công trong cuộc đời và trong sự nghiệp, ngoài sự phấn đấu độc lập của bản thân mình ra, còn phải đoàn kết đầy đủ sức mạnh cần thiết để cùng phấn đấu. Con người mãi mãi không thể tách ra khỏi nhân quần, phải đoàn kết người khác, tự mình trước hết phải có đủ tố chất và tài năng ưu tú.nhiều mặt như tài đức, như vậy mới có thể lôi cuốn người khác, làm cho người khác vui vẻ theo mình cùng nhau phấn đấu. Mặt khác, nếu tài năng của mình không có gì xuất chúng, phẩm đức không có gì cao thượng đột xuất, không có sức mạnh làm cho người khác theo mình, thì bản thân mình phải đi theo người có tài có đức, phụ hoạ theo sức mạnh của họ để thực hiện lý tưởng của mình và giá trị nhân sinh của mình. Đi theo người khác không phải là điều sỉ nhục, cũng không phải chứng tỏ bản thân mình hèn kém, vì người có

năng lực làm cho người khác đi theo mình, bao giờ cũng chỉ là một con số rất ít. Đại bộ phận chúng ta trên bước đường đời của mình đều cần dựa vào người khác để hợp tác, hay đi theo người có tài năng hơn mình, bất kể là ở đâu cũng đều là như thế. Đi theo người khác, trên thực tế là mượn sức mạnh của người khác, làm cho mình có chỗ dựa; làm cho người khác đi theo mình, cũng là mượn sức mạnh của người khác để thực hiện mục tiêu cuộc đời của mình. Đi theo và làm cho người khác đi theo mình một cách tốt đẹp, có thể làm cho sức mạnh cá nhân tăng gấp nhiều lần, công việc mà một người không thể hoàn thành, lại có thể mượn sức mạnh của người khác để hoàn thành. Tự mình làm cần một thời gian rất dài, nhưng có sự đi theo hợp tác nhất định, thì có thể thực hiện rất nhanh mục tiêu của mình. Đối với những người bình thường mà nói, lựa chọn một người đi theo tốt là một việc lớn đối với sự thành công của sự nghiệp cả đời của mình. Nếu không biết đi theo người khác, hay không biết làm cho người khác đi theo, thì chỉ có thể là kẻ cô độc, đơn côi chiếc bóng, không làm nên trò trống gì. Cho nên nắm nguyên tắc của quẻ Tuỳ có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với những quyết sách của cả đời chúng ta. Quẻ này còn có thể tham khảo cùng với các quẻ Đồng nhân, Tỷ.



初九：官有渝，貞吉，出門交有功。

Sơ cửu: Quan hữu du, trinh cát, xuất môn giao hữu công.

Hào Sơ cửu: Quán xá đổ nát, theo chính đạo thì tốt lành, ra khỏi cửa có công.

"Quan" cùng nghĩa với chữ " quán". *Thuyết văn*: "Quán nghĩa là xá, bộ thực, âm quan". Nghĩa ban đầu của chữ "quan" là xá, cho nên có bộ mái nhà (mịch) ở trên. *Lễ ký- Khúc lễ hạ*: "Tại quan ngôn quan". " Trịnh chú": "Quan nghĩa là nơi chứa bản đồ sách vở." *Hán thư - Giả Nghị*

truyện" "Quan là quán, nơi học giả học tập". "Văn Ông truyện:" " Bắt đầu làm học quan ở trong chợ Kinh đô". Các chữ quan trên đây đều có nghiã là quán. "Du" là đổ nát, xem quẻ Tụng. "Quan hữu du" nghĩa là quán xá đổ nát. "Quan hữu du" thì tự nhiên "xuất môn giao hữu công". Hào Sơ cửu dương cương đắc chính, trên theo hào Lục nhị không mất chỗ để theo, theo chính mà cát, cho nên đoán là "trinh cát." Lời tượng nói rằng: " Quán xá đổ nát, theo chính đạo thì tốt lành, ra khỏi cửa thì có công, không bị mất". *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên theo người giữ chính đạo, đừng để tự mất.*

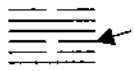


六二：係小子，失丈夫。

Lục nhị: Hệ tiểu tử, thất trượng phu.

Hào Lục nhị: Trói tiểu tử, mất trượng phu.

Thuyết văn: " Hệ là buộc, là trói, có bộ nhân, bộ hệ, hệ cũng là âm". Hệ là trói buộc, có hình tượng dùng dây trói người. "Tiểu tử" đối ứng với "trượng phu", lấy ý nhân nhỏ mà mất lớn. Hào Lục nhị âm nhu, trên vốn tương ứng với hào Cửu ngũ, nhưng khoảng cách quá xa, hào Lục tam ở trên cũng bất chính, cho nên có biểu tượng theo hào Sơ cửu ở dưới, nhưng đó là không chính đáng, sẽ có hung hiểm, Lời tượng nói rằng: " Hệ tiểu tử, phất kiêm dữ dã", giao động lung lay, ý chí không kiên định, nên đã mất người chồng là hào Cửu ngũ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ có tham lợi gần, để mất thân phận của mình*



六三：係丈夫，失小子，隨有求得利。居貞。

Lục tam: Hệ trượng phu, thất tiểu tử. Tuỳ hữu cầu đắc, lợi cư trinh.

Hào Lục tam: Trói trượng phu, mất tiểu tử, đi theo người, được lợi, giữ trinh chính.

Tuỳ ở chỗ này có thể giải thích là theo. *Thuyết văn*: "Tuỳ nghĩa là theo". *Quảng nhã - Thích hổ*: "Tuỳ nghĩa là theo". "Tuỳ hữu sở đắc " nghĩa là theo đuổi mối lợi mà có yêu cầu thì được. "Hệ trượng phu, thất tiểu tử" thì là biểu tượng của được lớn mất nhỏ. "Trượng phu" chỉ hào Cửu tứ, "tiểu tử" thì chỉ hào Sơ cửu. Hào Lục tam trên không có hào tương ứng, dưới có hào Sơ cửu, nhưng dưới vị trí hào Sơ cửu, không đáng đi theo, mà hào Cửu tứ tiếp cận hào Cửu ngũ là biểu tượng của quan đại thần có thực lực. Đi theo hào Cửu tứ là đang đi theo người ưu tú hơn mình, đương nhiên là có lợi. Lời tượng nói rằng: "Hệ trượng phu, chí xả hạ đã". *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên đi theo người ưu tú hơn mình.*

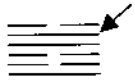


九四：隨有獲，以孚，何咎？

Cửu tứ: Tuỳ hữu hoạch, trinh hung, hữu phu tại đạo, dĩ minh, hà cữu.

Hào Cửu tứ: Đi theo, có thu hoạch, rất hung hiểm. Có lòng thành tín, hợp với chính đạo, sáng suốt, không có hại gì.

"Tuỳ hữu hoạch" là đi theo và có thu hoạch. Kẻ "trinh hung", hào Cửu tứ dương cương, gần gũi với hào Cửu ngũ có địa vị tôn quí ở trên, thực lực ngang nhau mà có biểu tượng lấn át. Dẫu có thu hoạch, nhưng nhất định sẽ bị nghi kỵ, dù có trung trinh cũng có nguy hiểm. Nhưng hào Cửu tứ trong lòng có thành tín. "Hữu phu tại đạo" là thành tín mà không xa rời chính đạo. Kẻ "dĩ minh" biết cách giữ mình. Làm được như vậy thì tự nhiên "vô cữu." Lời tượng nói rằng: "Tuỳ hữu hoạch, kỳ hựu hung dã. Hữu phu tại đạo, minh công dã." *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên thành tín, an phận, hiểu biết đạo mình triết giữ mình.*



九五：孚于嘉，吉。

Cửu ngũ: Phu vu gia, cát.

Hào Cửu ngũ: Tin điều thiện, tốt lành.

Gia là gia lạc (vui vẻ), cũng có thể giải thích là đẹp, thiện. Hào Cửu ngũ dương cương trung chính, lại tương ứng với hào Lục nhị ở dưới, như thiện ứng với thiện, trung chính theo nhau, tự nhiên tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Phu vu gia, cát, vị trung chính dã". Vì trung chính nên mới được vui vẻ tốt đẹp. *Hào này khuyên chúng ta rằng ,nên chọn thiện mà theo, chọn loại mà theo.*



上六：拘係之，乃從惟之，王用享于西山。

Thượng lục: Câu hệ chi, nãi tòng duy chi. Vương dụng hưởng vu Tây Sơn

Hào Thượng lục: Trói rồi lại theo mà trói. Vương tế thần linh ở Tây Sơn.

"Duy" cũng có nghĩa là buộc, trói. "Câu hệ chi, nãi tòng duy chi" là trói rồi lại trói, làm cho chặt chẽ không cởi được. "Tây Sơn" chỉ Tây Sơn ở đất Kỳ (nay là huyện Phù Phong tỉnh Thiểm Tây). Lời của hào này hình thành vào năm đầu thời Tây Chu. Hào Thượng lục âm nhu, lại ở trên, là biểu tượng không có chỗ mà theo, chỉ có theo hào Cửu ngũ ở dưới thì mới được tốt lành. Câu "Vương dụng hưởng vu Tây Sơn" là chỉ tế tự thần linh bày tỏ lòng thành tín. Lời tượng nói rằng: "Câu hệ chi, thượng cùng dã." Trên không có chỗ để theo, nên cũng như bị các hào như hào Cửu ngũ trói buộc, nhưng không hề hung hiểm. Hào này khuyên chúng ta rằng, nên lấy thành tín đoàn kết làm gốc.

Tổng hợp những điều trình bầy trên đây, chúng ta có thể thấy, quẻ

Tuỳ giải thích cho chúng ta 6 nguyên tắc nên theo khi đi theo người khác hay làm cho người khác đi theo mình.

Một là, nên đi theo người giữ chính đạo và trung chính, tự mình cũng phải giữ vững chính đạo thì mới có kết quả tốt. Giữ chính đạo bao gồm mấy mặt sau đây: một là phẩm đức thuần chính; hai là chớ ích kỷ, không thể chỉ nghĩ tới lợi ích của riêng mình mà nên lấy lợi ích của tập thể, của quần chúng làm căn bản. Tả truyện, năm Tương Công thứ 9 ghi chép câu chuyện một phụ nữ quí tộc tên là Mục Khương muốn tái giá, đi xem bói, bói được quẻ Tuỳ. Thày bói nói: " Quẻ Tuỳ trên Đoài, dưới Chấn, có biểu tượng xuất giá, 4 đức nguyên, hanh, lợi, trinh đều có đủ, có thể tái giá." Mục Khương nghe xong, lại nói: " Bốn đức hạnh này, ta không có lấy được một đức". Việc tái giá vì thế đã bị bãi bỏ, vì Tuỳ hợp với chính đạo mới có lợi.

Hai là, chớ có tham lợi gần, chớ để mất thân phận, mà phải có tầm nhìn xa. Lợi gần là chỉ nhanh chóng thu được lợi ích trước mắt. Người tham lợi gần thường thường là chỉ nhìn được trong gang tấc như mắt chuột, bó khuôn trong những biểu tượng hạn chế trước mắt mà không nhìn thấy sự phát triển lâu dài của sự vật, do đó dẫn tới những quyết sách sai lầm. Cuối thời Đông Hán, thiên hạ đại loạn, quần hùng đua nhau nổi dậy, hùng cứ các nơi, kẻ sỹ không biết theo ai. Tuân Húc là người Dĩnh Xuyên (nay là Vũ Châu tỉnh Hà Nam), nổi tiếng từ hồi còn nhỏ, có tài giúp nước, thấy thiên hạ sắp loạn, Dĩnh Xuyên là đất sẽ sẩy ra chiến trận, không thể ở lại, bèn đem cả nhà dời Dĩnh Xuyên đến dựa vào viên Châu mục Ký Châu là Hàn Phức. Hàn Phức đang bị Viên Thiệu đuổi giết. Nhà Viên Thiệu 4 đời thì 3 đời là công hầu, môn đồ khắp cả thiên hạ, là một dòng họ danh vọng bấy giờ, hơn nữa lại có quân nhiều tướng giỏi, kẻ sỹ nhiều người theo về. Viên Thiệu biết Tuân Húc có tài, dùng lễ thượng khách để đãi Húc. Nhưng Tuân Húc qua quan sát, biết Viên Thiệu rốt cuộc sẽ không thể hoàn thành sự

nghiệp lớn, nghe nói Tào Tháo tài lược hơn người, liền đổi ý đi theo Tào Tháo. Khi ấy, Tào Tháo chẳng qua chỉ có vài nghìn quân, lại không phải là danh môn vọng tộc, nên rất ít người đi theo. Nhưng Tuân Húc lại có cách nhìn khác hẳn. Sự thực đã chứng minh tính chính xác trong quyết định của Tuân Húc. Một ví dụ khác là Quách Gia. Quách Gia có hiểu biết sâu rộng từ khi còn trẻ, nhưng không được người đời biết đến. Lần đầu khi lên phương bắc hội kiến Viên Thiệu, thì Viên Thiệu đã có cả vùng đất các châu Ký, Thanh, Tương, đất rộng quân hùng. Nhưng Quách Gia lại nói với các mưu sỹ của Viên Thiệu là Tần Bình và Quách Đồ rằng: "Bậc trí giả biết thẩm xét độ lượng của người chủ mình theo, nên mọi việc đều toàn vẹn và lập được công danh trên đời. Viên Thiệu chỉ muốn bắt chước Chu Công tiếp đãi kẻ sỹ, nhưng lại không biết cách sử dụng nhân tài, nhiều đầu mối nhưng ít chỗ qui tụ, sính dùng mưu nhưng không quyết đoán, muốn cùng ông ta chung lo giải quyết nạn lớn của thiên hạ, dựng nên sự nghiệp bá vương thì thực là khó" (Tam quốc chí. Ngụy chí. Quách Gia truyện). Thế rồi Quách Gia rời bỏ Viên Thiệu. Khi ấy, Tào Tháo mới khởi binh, bảo Tuân Húc tiến cử nhân tài. Tuân Húc liền tiến cử Quách Gia. Tào Tháo thấy Quách Gia, cùng ông bàn luận việc lớn trong thiên hạ, vô cùng mừng rỡ, nói: "Kẻ làm cho ta hoàn thành sự nghiệp lớn chính là người này". Quách Gia cũng vui mừng nói: "Đây đúng là chân chủ của tôi."

Ba là, Tuỳ (theo) người có tài đức ưu tú hơn mình, có như vậy mới hoàn thành tốt hơn sự nghiệp của mình, thực hiện lý tưởng của mình. Đầu thời Đông Hán, Đậu Dung được Thái thú các quận Đôn Hoàng, Tửu Tuyền, Trương Dịch, Kim Thành tiến cử, làm Đại tướng quân 5 quận Hà Tây, cùng giữ Hà Tây, trở thành kẻ cát cứ trên thực tế. Khi ấy, Công Tôn Thuật chiếm cứ Tứ Xuyên, Ngôi Khí chiếm cứ Lũng Tây, Lưu Tú chiếm cứ Hà Bắc, Trương Bộ chiếm cứ Giao Đông, thiên hạ chưa biết theo về đâu. Đậu Dung bên trong giữ yên dân chúng, bên ngoài chống kẻ địch mạnh, không

có chỗ theo về. Ngỗi Khí sai người đến du thuyết, định làm cho Đậu Dung cùng cát cứ thiên hạ với mình, hợp tung với Lũng Thục để chống Sơn Đông, cao thì có thể trở thành chư hầu 6 nước như thời Chiến quốc, thấp cũng được như Triệu Đà cát cứ Nam Việt vào cuối đời Tần. Đậu Dung phân tích kỹ tình thế, cho rằng Lưu Tú chiếm giữ Trung nguyên, đất đai rất rộng, giáp binh rất mạnh, hiệu lệnh sáng suốt, lại là dòng dõi của vua Hán, rất được lòng người, liền quyết định theo Lưu Tú, sai sứ giả đi làm con tin, từ đó hoàn thành công đầu mở nước, góp công hiến vào sự nghiệp thống nhất thiên hạ. Cuối đời Đông Hán, Trương Tú chiếm giữ Nam Dương (ở Hà Nam ngày nay), kẹt vào giữa các thế lực lớn của Lưu Biểu, Tào Tháo, Viên Thiệu...không biết theo ai, đã mấy lần giao chiến với Tào Tháo, cũng có thua, có thắng. Năm Kiến An thứ 4 (199), Viên Thiệu cầm cự nhau với Tào Tháo ở Quan Độ, Viên Thiệu sai người đi chiêu dụ Trương Tú, lại viết thư kết bạn với mưu sỹ của Trương Tú là Giả Hủ. Trương Tú vì cố thù với Tào Tháo, định đồng ý. Nhưng Giả Hủ lại ngăn cản. Trương Tú hỏi Giả Hủ nên theo ai, Giả Hủ nói nên theo Tào Tháo. Trương Tú nói: "Viên Thiệu mạnh, Tào Tháo yếu, ta trước lại có mối thù với Tào Tháo, theo Tháo sao được?". Giả Hủ nói: "Chính vì thế mới nên theo Tào Tháo. Tào Tháo vâng mệnh Thiên tử để sai khiến thiên hạ, đó là một lý do nên theo Tháo. Viên Thiệu giầu mạnh, ta quân ít sức yếu đi theo, nhất định sẽ không được coi trọng, Tào Tháo quân yếu, họ được ta theo nhất định sẽ vui, đó là lý do Hai là, nên theo. Người có chí làm bá vương phải cởi bỏ oán thù riêng để sáng tỏ đức lớn với thiên hạ, đó là lý do thứ ba nên theo. Xin Tướng quân đừng nghi ngờ nữa!" Trương Tú nghe lời Giả Hủ. Tào Tháo quả nhiên rất mừng, hỏi con gái Trương Tú cho con trai mình, phong Trương Tú làm Dương Vũ tướng quân, tước Đô Đình hầu. Nếu Trương Tú theo Viên Thiệu thì hậu quả khỏi cần phải nói. Việc quân việc nước quan trọng như vậy, cuộc đời người ta bao giờ mà chẳng như vậy.

Bốn là, nên thành tín, giữ phận, càng phải biết lẽ mình triết giữ mình, tiến lui đúng lúc. Không nên cho rằng đi theo một người tài năng hơn mình để xây dựng sự nghiệp đã là vạn sự đại cát. Sự thực còn lâu mới như vậy. Nếu trong lòng thành tín, không rời chính đạo, làm cho người ở địa vị cấp trên yên tâm, người ở địa vị cấp dưới tâm phục, thì mới không có tai hoạ. Trong lịch sử Trung Quốc, có rất nhiều những tấm gương chính diện và phản diện về mặt này. Như Hàn Tín, Tiêu Hà, Trương Lương thời Tây Hán đều theo Hán Cao tổ Lưu Bang, đều có công lao rất lớn với vương triều nhà Hán. Lưu Bang đã từng nói: "Nếu vận trù nơi màn trướng, vạch kế quyết thắng ở ngoài ngàn dặm, thì ta không bằng Tử Phòng (Trương Lương); trấn giữ nước nhà, vỗ về trăm họ, cung cấp lương quân, không để dứt bữa, thì ta không bằng Tiêu Hà; liên kết trăm vạn quân, hễ đánh là thắng, hễ tiến công là lấy được, thì ta không bằng Hàn Tín. Cả ba người đều là nhân kiệt, ta biết dùng họ, đó là lý do ta lấy được thiên hạ". (*Sử ký – Cao Tổ bản kỷ*). Nhưng sau khi thắng lợi, kết quả của ba người lại khác hẳn nhau. Theo lời hào Cửu tứ "Tuỳ hữu hoạch" mà xét, Hàn Tín sau khi dẹp yên nước Tề, lợi dụng tình thế, ép Lưu Bang phong mình làm Tề Vương, sau khi diệt Hạng Vũ, lại đổi phong là Sở Vương. Tiêu Hà thì được phong là Tướng quốc, như vậy có thể cho là có thu hoạch lớn. Hàn Tín tuy giỏi dùng binh, nhưng lại không am hiểu cái thuật minh triết tiến lui, dùng thủ đoạn uy hiếp để được phong làm Tề Vương, không phù hợp chính đạo, đã làm cho Lưu Bang nghi kỵ. Sau khi Hạng Vũ bị diệt, Lưu Bang lại ghen ghét tài năng của Hàn Tín, đoạt binh quyền của ông ta, đổi phong Hàn Tín làm Sở Vương. Hàn Tín vốn nên tỉnh ngộ, nhưng vẫn không tỉnh ngộ, cho là mình một lòng trung thành, Lưu Bang không nên đối xử với mình như thế, nhưng Lưu Bang rốt cục vẫn không yên lòng, lại lấy cớ là có người tố giác Hàn Tín làm phản, giáng xuống làm Hoài Âm hầu, cuối cùng vẫn giết hại cả nhà Hàn Tín. Tiêu Hà thì không thế. Lưu Bang ở mặt trận sai sứ đi uý lạo Tiêu Hà. Tiêu Hà biết Lưu Bang ngờ mình, vội vàng cho tất cả tử đệ của mình đi theo

quân, Lưu Bang cả mừng. Đến khi Trần Hy mưu phản, Lưu Bang tự mình đem quân đi đánh, sai sứ bái Tiêu Hà làm Tướng quốc, phong năm ngàn hộ, Tiêu Hà nhường không nhận, lại đem hết của nhà để giúp việc quân, Lưu Bang lại rất mừng vui. Tiêu Hà rốt cuộc cũng trở thành công thần bậc nhất triều Hán, thân danh vinh hiển. Trương Lương am hiểu thuật của Đạo gia, hơn nữa lý tưởng diệt Tần báo thù cho nước Hàn của ông đã được thực hiện, nên công thành thì lui về ẩn cư ở núi Chung Nam, được hưởng đủ tuổi trời. Nếu so sánh 3 người với nhau, thì Trương Lương là bậc trí giả, Tiêu Hà là Hai là, Hàn Tín lại thứ nữa. Tâm địa hại người thì không nên có, nhưng lòng đề phòng người thì không thể không có. Trong khi đi theo người với nguyên tắc giữ lòng thành tín, thì đồng thời nhất định phải biết dừng lại đúng lúc. Đây là bài học được tổng kết ra từ kinh nghiệm lịch sử hàng trăm nghìn năm. Đương nhiên điều này không có nghĩa là giữa con người với nhau không có chút thành tín nào, mà là nói, khi có liên hệ với lợi ích thiết thân của đối phương, nhất định phải có chừng mực, không thể chấp mê không tỉnh ngộ, để đối phương coi mình từ bạn trở thành thù.

Năm là, sự đi theo tốt là nên chọn thiện mà theo, chọn loài mà theo. Đạo lý này rất nhiều người hiểu được, nhưng rất ít người làm tốt, vì khi người ta tìm đối tượng để đi theo, những người tài năng hiểu biết không cao thường hay bị những biểu hiện bên ngoài làm mê hoặc nên rút ra những phán đoán sai lầm. Chọn tốt mà theo nên bao gồm mấy mặt sau đây: 1 - Vật tụ theo loài, người chia theo bầy, phải đi theo người cùng chí hướng với mình, không cùng chí hướng sẽ rất khó bàn bạc với nhau. 2 – Với đối tượng mình đi theo, phải có sự đánh giá xác đáng, tức là không được yêu cầu người đó mọi điều phải hơn mình, chỉ cần ở một mặt nào đó có vai trò chỉ đạo đối với mình, có thể giúp đỡ và ủng hộ mình, thì có thể đi theo. 3- Khi đối tượng mà bạn theo vĩ đại không thể vượt qua được, bạn nên chú ý bồi dưỡng năng lực của mình, không ngừng nâng cao tố chất và trình độ của

mình, nếu không, bạn sẽ có thể tự đánh mất mình, không thoát khỏi bóng râm của cây đại thụ. Điều này yêu cầu chúng ta đừng có giao tiếp với những người khác loại với mình, lựa chọn đối tượng mà mình đi theo một cách chính xác. Chim khôn chọn cành mà đậu là sự cần thiết của cuộc sống hiện thực. Những người như Tuân Húc, Quách Gia nêu ở trên là những người thành công về mặt này. Ngược lại, mưu sỹ dưới trướng Viên Thiệu là Từ Thụ cũng thông minh cơ trí, lắm mưu giỏi đoán, trong cuộc đấu tranh của Viên Thiệu vơi Tào Tháo, đã nhiều lần phán đoán chính xác hành động của Tào Tháo và thắng bại của mỗi trận, nhưng lại không được Viên Thiệu tin dùng. Người khác khuyên Từ Thụ tìm minh chủ khác mà theo, nhưng Từ Thụ không nghe, sau bị Viên Thiệu giết hại.

Sáu là, quẻ Tuỳ nhắc nhở chúng ta, theo ai phải lấy thành tín, đoàn kết làm căn bản, bất luận là bản thân mình đi theo người khác, hay làm cho người khác đi theo mình, chí thành, tức lòng chân thành xuất phát từ con tim và tín thực là thủ đoạn duy nhất để đạt tới mục đích, củng cố đoàn kết. Hơn nữa, sở dĩ đi theo người khác, hay làm cho người khác đi theo, đều là vì sự nghiệp chính nghĩa, chứ không phải kết bè tụ đảng mưu cầu lợi riêng. Đó chính là quân tử tụ hội vì điều nghĩa, không tụ hội vì lợi, nếu không, sẽ không có kết quả tốt..

Muốn nắm nguyên tắc của quẻ Tuỳ, chúng ta nên:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Theo người trung chính, giữ chính đạo.

2 - Chớ tham lợi gần, phải nhìn xa trông rộng.

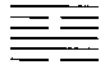
3 - Đi theo người tài đức hơn mình.

4 - Phải thành tín, giữ bổn phận, còn phải biết cách minh triết giữ mình.

5 - Chọn tốt mà theo, chọn loại mà theo.

6 - Thành tín, đoàn kết là căn bản của Tuỳ.

18. 蠱 CỔ – CỨU VÃN NGUY NAN, VỰC DẬY MỆT MỎI



艮上Cấn trên

巽下Tốn dưới

蠱元亨，利涉大川，先甲三日，後甲三日

Cổ: Nguyên hanh, lợi thiệp đại xuyên, tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật.

Quẻ Cổ: Nguyên, hanh, có lợi trong việc lội qua sông lớn, trước và sau ngày tân và ngày đinh của giáp

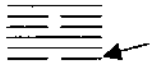
"Cổ", *Thuyết văn*: "Cổ là loài trùng trong bụng". *Xuân thu truyện*: "Cổ là loại mãnh trùng, sinh sản ở nơi tăm tối, cầm thú chết thành ma cũng gọi là cổ, có bộ trùng và bộ mãnh." Thức ăn ở trong hộp thối rữa sinh côn trùng gọi là cổ. Dùng để chỉ người thì con gái gian tà cũng gọi là cổ. *Tả truyện", Chiêu Công năm thứ 1*: "Con gái mê hoặc con trai gọi là cổ". Trên tượng quẻ, quẻ Tuỳ đảo ngược là thành quẻ Cổ, hai quẻ hợp thành một nhóm. "Tự quái truyện" nói: "Vui vẻ đi theo người, nhất định sẽ có chuyện, cho nên sau quẻ Tuỳ là quẻ Cổ. Cổ nghĩa là việc, là chuyện". Đi theo, phụ hoạ một cách không chính đáng, thì dễ dẫn tới a dua làm càn, thậm chí sinh ra hủ bại, gây rắc rối, làm cho sự nghiệp bị tổn hại. Cho nên cần phải dùng biện pháp kiên quyết để xoá bỏ hủ bại, bảo đảm tổ chức lành mạnh mới có thể làm cho sự nghiệp phát triển thuận lợi, dẫu mạo hiểm cũng đáng làm. Cho nên, quẻ Cổ, về mặt xét đoán là "nguyên hanh", "lợi thiệp đại xuyên".

"Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật" đều là những ngày tốt để làm việc theo quan niệm của người xưa. Người xưa làm việc gì, trước hết phải khảo sát ngày rồi sau mới tiến hành. Sắp xếp theo thiên can địa chi, "tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật" chỉ trước và sau ngày tân và ngày đinh của giáp. Người xưa làm việc gì, thường dùng 2 ngày ấy. *Xuân thu, Tuyên Công năm thứ 8*: "(Ngày) tân tỵ, có việc ở Đại miếu". "Hán thư. Vũ Đế kỷ": "Lời chiếu nói: Vọng thấy Thái nhất, tu sửa Văn đàn. Đêm tân mão nếu có ánh sáng lành thì 12 đêm liền đều sáng. "Kinh Dịch" nói: Tiên tam giáp nhật, hậu tam giáp nhật. Trẫm rất lo nghĩ năm nay chưa được mùa, nên tự mình trai giới, ngày đinh dậu làm lễ tế Giao." Nhan Sư Cổ chú giải như sau:"Tân dạ hữu quang (Đêm tân có ánh sáng) là tiên giáp tam nhật; đinh nhật bái hưởng (ngày đinh làm lễ) là hậu giáp tam nhật". Tiến hành công việc vào 2 ngày này thì tốt lành. Lời Thoán nói rằng: "Cổ, cương thượng nhi nhu hạ, tốn nhi chỉ, cổ. Cổ, nguyên hanh, nhi thiên hạ trị dã, lợi thiệp đại xuyên, vãng hữu sự dã. Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật, chung tắc hữu thuỷ, thiên hành dã." "Cương thượng nhi nhu hạ" chỉ quẻ Cổ, Thượng quái là Cấn cương, Hạ quái là Tốn nhu, thượng cương thì quá tôn và tình không thấu xuống dưới, hạ nhu thì quá ti và tình khó thông với trên, cho nên sẩy ra hỗn loạn và sinh ra "cổ". Cổ nhưng nguyên hanh là vì tự nhiên tạo hóa và nhân sự đều theo luật cùng thì biến, trị ắt nhân loạn, loạn thì sẽ trị. Cho nên, "cổ" và loạn, cuối cùng thì là bắt đầu của trị. Cũng giống như cuối thời phân liệt Nam Bắc triều thì sinh ra Đường Thái Tông, cuối thời Ngũ Đại rối ren thì thì sinh ra Tống Thái Tổ. "Vãng hữu sự" có nghĩa là vãng hữu vi (tiến tới sẽ có thành công). Khi thiên hạ loạn lạc, chính là lúc anh hùng hào kiệt thi thố tài năng, xông ra để cứu đời, nên có tinh thần mạo hiểm, vượt qua sông lớn, lập nên công lao, thì có thể trị "cổ" mà nguyên hanh. "Chung tắc hữu thuỷ" chỉ thiên hạ trị rồi lại loạn, như ngày và đêm lần lượt thay thế lẫn nhau. Trị và loạn tiếp nối lẫn nhau, là qui luật vận hành tự nhiên của trời. Người quân tử có tài, nên giữ cái thuỷ, suy ra cái chung, hăng hái vươn

lên. Lời tượng nói rằng: "Dưới núi có gió, cổ loạn, quân tử chấn phát mọi người, nuôi dưỡng đạo đức" Người quân tử trong khi sự vật bại hoại, nên phấn chấn lòng người, cứu vãn phong hoá đổi truỵ, nuôi dưỡng đạo đức.

Do đó, quẻ Cổ giải thích cho chúng ta về nguyên tắc làm thế nào để vực dậy mệt mỏi suy yếu, chỉnh đốn trật tự, cứu vãn nguy nan trong tình hình một mực phụ hoạ, một mực nhân tuần, uỷ mị không gượng dậy được, hỗn loạn không thể chịu được.

Bất kỳ sự vật nào, sau quá trình phát triển đạt được thành tích tương đối rồi, hình thành mô thức cố định, nhất định sẽ nẩy sinh bảo thủ hủ bại, không chỉ năng lực ứng biến bị suy thoái, mà sự phát triển của nó cũng xuất hiện nguy cơ. Lúc ấy, chỉ có cuộc cải cách vực dậy sự suy yếu mệt mỏi mới là lối thoát. Giữ mãi khuôn mẫu cũ, không muốn vươn lên, thì tất nhiên sẽ dẫn tới thất bại nhanh hơn. Khi nguy cơ xuất hiện, chính là lúc những người có chí thi triển hoài bão của mình. "Thời loạn xuất hiện anh hùng", ở thời xưa, khi sự thống trị của vương triều gặp phải nguy cơ, luôn có nhiều thức giả nổi lên mong tiến hành cải cách, để hoà hoãn mâu thuẫn xã hội, duy trì ách thống trị của vương triều, như Vương An Thạch, Trương Cư Chính và tập đoàn Vương Thúc Văn vào những năm Khánh Nguyên đời Đường... Mà nguyên tắc do *Chu Dịch. Cổ quái* giải thích, đối với những quốc gia, xí nghiệp, và tổ chức nào hiện nay ở vào trạng thái suy yếu, bảo thủ, không còn nghi ngờ gì nữa, có tác dụng chỉ đạo rất sâu sắc, cũng là nghệ thuật lãnh đạo mà mỗi một nhân vật lãnh đạo phải nắm vững.

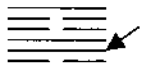


初六：幹父之蠱，有子，考无咎，厲，終吉。

Sơ cửu: Cán phụ chi cổ, hữu tử, khảo vô cữu, lệ, chung cát.

Hào Sơ cửu: Uốn nắn tệ hại của cha, có con giỏi, khảo sát, không có hại, cố gắng, rốt cục được tốt lành.

"Phụ" chỉ Thượng quái Cấn, vô vi mà ở vị tôn. "Can" là thân cành của cây, có thân cành tồn tại thì mới có nhành lá rậm rạp. Cũng có thuyết giải thích là "can dự." "Hữu tử" nghĩa là có con tài năng. Người có tài cán mới có thể chấn hưng cơ ngơi suy yếu của cha mẹ. Nhưng điều đó là không dễ dàng, chỉ có biết nguy nan và biết sợ, không thay đổi quyết tâm, gian khổ phấn đấu, cuối cùng mới được tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Can phụ chi cổ, ý thừa khảo dã". Biết kế thừa ý chí của cha, đấu tranh với suy yếu bại hoại, thì sẽ tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vực dậy mệt mỏi suy yếu, cứu vãn thất bại phải phấn đấu trong gian khổ.*



九二：幹母之蠱，不可貞。

Cửu nhị: Can mẫu chi cổ, bất khả, trinh.

Hào Cửu nhị: Uốn nắn tệ hại của mẹ, không được thì giữ trinh chính để chờ.

"Mẫu" là tương đối với "phụ" ở hào trên. Hàm ý bề ngoài của hào này có thể giải thích là: Làm con thì không được can dự vào "cổ" của mẹ. Hào Cửu nhị dương cương, lại ở trung vị của Hạ quái, có biểu tượng người con tài cán. Khi việc nhà bại hoại, có muốn can dự vào, nhưng nếu với tính dương cương trung chính mà trực tiếp can dự vào, thì không những không được, cũng rất khó kéo dài, ngược lại, lại hỏng việc. Chỉ có hạ mình lựa ý, khéo léo mà làm thì mới được. Lời tượng nói rằng: "Can mẫu chi cổ, đắc trung đạo dã". "Đắc trung đạo" là không thể thái quá, cũng là "bất khả trinh." *Hào này khuyên chúng ta rằng, vực dậy suy yếu mệt mỏi chớ có thái quá, chớ có trực tiếp, mà phải uyển chuyển khéo léo, xem thời xem cơ mà làm.*

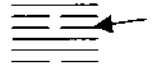


九三：幹父之蠱，小有悔，无大咎。

Cửu tam: Cán phụ chi cổ, tiểu hữu hối, vô đại cữu.

Hào Cửu tam:Uốn nắn tệ hại của cha, có hối hận nhỏ, không có hại lớn.

Hào Cửu tam là hào dương ở dương vị, lại dời trung vị, quá cương cường, khi can dự vào, không tránh khỏi thay đổi biện pháp, làm mất thứ tự sau trước, hoãn cấp, cho nên có hối hận. Nhưng việc can dự của nó không xuất phát từ tư tâm, không mù quáng, cho nên không có lỗi lớn (đại cữu). Lời tượng nói rằng: "Can phụ chi cổ, chung vô cữu dã". Đó là vì sửa lại sai lầm của cha, động cơ thuần chính, cho nên không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vực dậy mệt mỏi suy yếu chớ có quá mạnh, quá cứng rắn.*



六四：裕父之蠱，往見吝。

Lục tứ: Dụ phụ chi cổ, vãng kiến lận.

Hào Lục tứ: Chậm chạp, không kịp thời sửa chữa tệ hại của cha sẽ dẫn đến hối tiếc.

"Dụ" là khoan dụ. Mạnh thì can dự gây chuyện, lười thì nhờ người cho rảnh, chính là phản diện của "can". "Vãng" là lấy điều đó (chỉ "dụ") mà đi làm sống lại cổ. "Kiến lận" là lập tức thấy điều tủi nhục. Trị "cổ", vực dậy mệt mỏi suy yếu cũng như đi cứu nạn nước lửa, chậm còn sợ không kịp, nếu ung dung nhàn hạ thì nhất định sẽ thất bại. Hào Lục tứ là hào nhu, ở vị trí nhu, nhu nhược quá, lười nhác không được việc gì, như thế thì tai hoạ ngày một sâu sắc. Lời tượng nói rằng: "Dụ phụ chi cổ, vãng vị đắc dã". Nhu nhược mà lười nhác, sẽ không có một kết quả gì. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vực dậy mệt mỏi suy yếu thì phải kiên quyết triệt để, không thể nhu nhược lười nhác.*

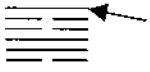


六五：幹父之蠱，用譽。

Lục ngũ: Can phụ chi cổ, dụng dự.

Hào Lục ngũ: Uốn nắn tệ hại của cha, được khen ngợi

"Dụng" chỉ dùng người. " Dụng dự" là dùng người mà được danh dự. Hào Lục ngũ là hào nhu mà ở tôn vị, tương ứng với hào Cửu nhị ở dưới. Hào Cửu nhị cương nghị có tài, lại biết thuận theo mệnh trời, có biểu tượng bậc đại thần trị nước, tự nhiên sẽ có vinh dự. Lời tượng nói rằng: "Can phụ dụng dự, thừa dĩ đức dã". "Thừa" là thuận thừa. "Dĩ đức" chỉ hào Cửu nhị có đức cương trung. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vực dậy mệt mỏi suy yếu phải sử dụng hiền tài.*



上九：不事王侯，高上其事。

Thượng cửu: Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự.

Hào Thượng cửu: Không phục vụ vương hầu, lấy cao thượng làm việc.

Hai chữ "sự" trên dưới của hào này ý nghĩa khác nhau. "Sự" trên chỉ phục tùng, phục vụ vương hầu để trị cổ, chữ "sự" ở dưới thì là lấy cao thượng làm việc. Hào Sơ lục đến hào Lục ngũ đều có chữ "cổ", trên có vua dùng tước, dưới có bề tôi cương trung, ba việc của quốc gia thiên hạ dường như đã đến tận cuối. Hào Thượng cửu ở cuối của quẻ Cổ, bên dưới không có hào tương ứng với nó, với tài cương trung nhưng không có ứng viện mà ở vào vị trí vô sự, có biểu tượng người quân tử không gặp thời mà thanh cao trong sạch tự giữ mình. Lời tượng nói rằng: "Bất sự vương hầu, chí khả tắc dã". Ý chí cao thượng có thể vực dậy kẻ ngoan ngu lười biếng, cho nên "khả tắc", nghĩa là có thể học tập bắt chước. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi "cổ" đã tới cực điểm, cũng phải kiên trì khí tiết của mình, có chí hướng cao thượng và chớ có buông xuôi.*

Xét những điều trình bầy trên đây có thể thấy, khi sự nghiệp do bảo thủ, co lại không phát triển mà trở nên xấu đi, muốn vực dậy mệt mỏi suy yếu, cứu vãn nguy nan, thì nên:

Một là, phải có tinh thần phấn đấu gian khổ. Đây là công việc rất gian khổ, trước mặt người cứu vãn là thế lực hủ bại rất mạnh, không phải một lúc có thể tiêu diệt được. Do đó, chỉnh đốn trật tự, cứu vãn nguy cơ, trước hết phải có sự chuẩn bị tư tưởng phấn đấu gian khổ lâu dài, lập chí trừ bỏ mọi khó khăn trước mặt, mới có tốt lành. Các nhà cải cách cổ đại của Trung Quốc có khi còn phải trả giá bằng cả sinh mạng của mình. Đầu thời Chiến quốc, nước Tần ở phía tây xa xôi hẻo lánh, kinh tế, văn hoá lạc hậu, bị các nước trung nguyên coi thường, coi như Di, Địch, không thèm quan hệ. Sau khi Tần Hiếu công lên ngôi, lập chí cải cách tự cường, nhưng nước Tần chất chứa tệ lậu quá lâu, nhất thời không biết bắt tay từ đâu trước. Năm 360 trước công nguyên, Thương Ưởng đến nước Tần, được Tần Hiếu công kiên quyết ủng hộ, phế bỏ chế độ tỉnh điền, mở mang đồng ruộng, xoá bỏ đặc quyền của quí tộc, thi hành chế độ phong tước theo quân công. Dân nước Tần ban đầu không hiểu, khắp nơi oán hận Thương Ưởng. Nhưng mấy năm sau lại một mực ngợi ca. Trải qua mười mấy năm kiên trì cải cách, nước Tần mau chóng trở nên hùng mạnh, hình thành thế lấn bức đối với các nước vùng Sơn Đông. Nhưng vì biến pháp của Thương Ưởng làm tổn hại tới lợi ích của tầng lớp quí tộc cũ, họ không chỉ tìm mọi cách ngăn trở trong qúa trình thực hiện biến pháp, mà còn giết hại Thương Ưởng sau khi Tần Hiếu công chết. Nhưng hiện thực cải cách của Thương Ưởng thì khó có thể thay đổi. Chính vì điểm này, đã đặt cơ sở vững chắc cho nước Tần thống nhất Trung Quốc. Trước Thương Ưởng, vì biến pháp mà bị giết còn có nhà quân sự, nhà chính trị nổi tiếng Ngô Khởi.

Hai là, vực dậy mệt mỏi suy yếu không nên quá trực tiếp, mà phải tiến hành một cách uyển chuyển, xem thời cơ mà làm. Trực tiếp quá dễ làm

mâu thuẫn căng thẳng, lại gây ra sức cản lớn hơn cho hành động của mình. Cho nên phải nắm thời cơ thích đáng, dùng sách lược chính xác. Chỉ có nhiệt tình và mục đích chính đáng thì không thể bảo đảm cho bạn thành công. Thương Ưởng thực hiện biến pháp thành công, ở một mức độ rất lớn là do ông được Tần Hiếu công tín nhiệm đầy đủ. Nhưng khi thế lực đối địch lớn mạnh, phương thức này lại không thích dụng. Nếu trực tiếp tỏ rõ mục tiêu của mình, sẽ làm cho đối phương cảnh giác. Ngô Khởi bắt đầu thực hiện biến pháp ở nước Sở, lập tức đắc tội với hàng loạt quí tộc cũ, hai bên lập tức ở vào thế đối lập, mâu thuẫn rất sâu sắc. Không lâu sau đó, Sở vương chết, Ngô Khởi mất chỗ dựa, liền bị hại ngay. Còn Thương Ưởng, trước khi thi hành lệnh biến pháp, để được nhân dân tín nhiệm, đã thi hành một số sách lược nhỏ, sai dựng cây gỗ ở ngoài cửa thành, xem ai có thể vác được cây gỗ ấy đi vòng quanh thành một lượt, thì được ban vàng lụa, ông đã thực hiện đúng lời hứa, rất được người Tần tín nhiệm, từ đó đã tiêu diệt được không ít trở lực, bảo đảm cho biến pháp thành công.

Ba là, vực dậy mệt mỏi suy yếu không phải là công việc nhất thời, phải có kế hoạch lâu dài, tiến lên từng bước để đạt tới mục tiêu, mà không thể nóng vội muốn thành công ngay, không thể làm quá mạnh, quá cứng nhắc, làm như thế, thì chỉ có thể được kết quả ngược lại. Ví dụ điển hình nhất cho việc quá mạnh, quá cứng nhắc dẫn tới thất bại là biến pháp của Vương An Thạch. Khi bắt đầu thực hiện biến pháp, cách làm của nó tuy bị phái thủ cựu phản đối, nhưng phái thủ cựu phản đối cái gì thì lại có chia rẽ rất lớn, có người thì phủ định hoàn toàn, có người thì khẳng định một phần. Vương An Thạch không biết lợi dụng điểm này để phân hoá, làm tan rã phái thủ cựu, lại công khai nêu khẩu hiệu trước Tống Thần Tông: "Trời thay đổi không đáng sợ, lời nói của mọi người không đáng lo, phép tắc của tổ tông không thể giữ". Kiến thức lỗi lạc ấy vượt qua thời đại quá xa, căn bản không được người đương thời hiểu biết, ngược lại chuốc lấy sự tấn

công liên hợp của phái thủ cựu. Vương An Thạch còn muốn từ nền móng tư tưởng mở đường cho cải cách biến pháp, vì thế đã hoàn toàn phủ định học thuyết kinh tế cũ của nhà nho, mà sáng lập ra học thuyết mới của mình, mở trường học riêng để lựa chọn người, điều này càng không thể được phái thủ cựu tiếp thu. Dưới sức hợp lực phản đối của họ, biến pháp của Vương An Thạch rút cuộc đã thất bại.

Bốn là, vực dậy mệt mỏi suy yếu, trừ bỏ hủ bại phải kiên quyết, triệt để, trừ cái ác phải trừ cho hết, không thể lo sợ mềm yếu, không thể lơ là, hay quá khoan dung. Mềm yếu lơ là không thể trừ bỏ hủ bại để đạt tới mục đích vực dậy mệt mỏi suy yếu. Khoan dung đối với cái xấu, cái ác thì chẳng khác gì thả hổ về rừng, hậu hoạ sẽ vô cùng. Từ bi mềm yếu chỉ có thể làm cho sự nghiệp thất bại. Đầu thời Tây Hán, sau khi Hán Cao tổ Lưu Bang mất, Hán Huệ đế nối ngôi, tính cách nhu nhược, tâm địa hiền lành, ở ngôi hoàng đế mà không làm được việc gì, quyền lớn nằm trong tay người mẹ là Lữ Thái hậu độc ác. Lữ Thái hậu ngang ngược không e dè gì, không chỉ giết hại tôn thất họ Lưu, lại còn định dùng họ Lữ thay thế họ Lưu. Huệ Đế bất lực không cứu vãn nổi, hàng ngày chìm đắm vào tửu sắc, uất ức mà chết. Con trưởng của Tần Thuỷ hoàng là Phù Tô, tính cách nhu nhược, không có chủ kiến. Khi Triệu Cao cấu kết với Lý Tư sửa lại di chiếu của Tần Thuỷ hoàng, đổi lập Hồ Hợi làm vua, ép Phù Tô và Đại tướng quân Mông Điềm tự sát, Phù Tô không dám nghe theo ý kiến của Mông Điềm nổi quân đoạt lại ngôi vua, uống thuốc độc tự sát, làm cho Hồ Hợi và Triệu Cao cướp quyền một cách thuận lợi, khiến cho đất nước vốn đã bị Tần Thuỷ hoàng làm cho tan nát lại càng nát thêm, thậm chí cuối cùng bị diệt vong. Ngược lại với Huệ Đế và Phù Tô, vào đầu thời Đường, thái tử Lý Kiến Thành thấy Tần vương Lý Thế Dân công cao cái thế, uy chấn trong ngoài, sợ Thế Dân uy hiếp quyền thừa kế ngôi vua của mình, liền câu kết với Tề vương Lý Nguyên Cát, nhiều lần bí mật mưu giết Thế Dân. Các

tướng của phủ Tần vương ra sức khuyên Lý Thế Dân ra tay trước. Năm 629 sau công nguyên, Lý Thế Dân cuối cùng ra tay trước, phát động sự biến "cửa Huyền Vũ", giết chết Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát, từ đó bảo đảm sự ổn định của chính quyền, đặt cơ sở tốt đẹp cho sự khai sáng của kỷ nguyên Thịnh Đường.

Năm là, vực dậy mệt mỏi suy yếu thì phải sử dụng hiền tài. Kinh nghiệm của lịch sử đã sớm chứng minh, nhân tài là gốc của sự nghiệp. Khi sự nghiệp ở vào hoàn cảnh nguy khốn, xuất hiện bước thụt lùi, thì vai trò của hiền tài lại càng quan trọng. Đằng sau mỗi một sự nghiệp huy hoàng, đều có hàng loạt các vì sao sáng. Thời kỳ huy hoàng của Hán Vũ Đế là dựa vào các tài năng như Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh, Lý Quảng, Tư Mã Thiên, Tư Mã Tương Như, Tang Hoằng Dương, Đổng Trọng Thư, Đường Đô, Lạc Hạ Hoành... tô điểm. Quang Vũ đế Lưu Tú mở nước, chủ yếu dựa vào 28 vị tướng ở Vân Đài. Cuối thời Đông Hán, khi Lưu Bị chinh chiến mấy chục năm, nhiều phen thất bại, xiêu dạt khắp nơi, không có chỗ an thân lập mệnh, bất đắc dĩ phải dựa vào Lưu Biểu, ngụ cư ở Tân Dã, mới cảm nhận sâu sắc nếu chỉ dựa vào số ít nhân tài ở bên mình như Quan Vũ, Trương Phi và Triệu Vân thì vẫn không thể hoàn thành sự nghiệp lớn. Chính điểm này đã khiến Lưu Bị ba lần đến lều cỏ, mời Gia Cát Lượng xuống núi, và qua Gia Cát Lượng, đã nhận được sự ủng hộ của một bộ phận hào tộc vùng Kinh Tương, thực sự chuẩn bị một thực lực khá hùng hậu, mới có thể từng bước lớn mạnh trong cuộc đấu tranh sau này, để cuối cùng cát cứ một phương. Lưu Bị xuất thân từ kẻ dệt chiếu bán dép, đúng là tay trắng gây dựng cơ đồ, do biết đoàn kết sử dụng nhân tài, nên đã hoàn thành được sự nghiệp lớn. Tần Hiếu công dựa vào Thương Ưởng để thực hiện biến pháp, cũng có thể xem là một ví dụ về mặt này. Thời kỳ Nam Bắc triều, người sáng lập ra Bắc Tề và Bắc Chu là Cao Hoan và Vũ Văn Thái cũng là 2 ví dụ điển hình. Cao Hoan tuy là hào kiệt của

một đời, nhưng những người được ông ta sử dụng phần lớn là người trong gia tộc họ Cao, tuy cực thịnh một thời, khai sáng sự nghiệp lớn trong loạn lạc, nhưng không thể giữ được lâu dài. Vũ Văn Thái thì đại biểu cho tập đoàn hào tộc vùng Quan Lũng, trong các tướng quân và mưu thần giúp ông ta khai sáng cơ nghiệp, không chỉ có người Hán, còn có thủ lĩnh các tộc người Tiền Ty, Khương... Họ biết trên dưới một lòng, buổi đầu chống nhau với Cao Hoan, lực lượng tuy ở vào thế kém hơn, nhưng thường lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh, cuối cùng tiêu diệt Bắc Chu và cả Bắc Tề, thống nhất phương Bắc. Trong xã hội ngày nay, vực dậy bất kỳ sự nghiệp suy yếu nào, đều phải tuân thủ nguyên tắc này.

Sáu là, khi "cổ" đạt đến cực điểm, hủ bại và thụt lùi đã không thể cứu vãn được, người quân tử nên kiên trì khí tiết của mình, giữ vững đức tháo cao thượng, không được a dua với đời. Đây không phải chỉ là một yêu cầu đạo đức. Bởi vì những thứ đen tối và hủ bại tuyệt đối sẽ không tồn tại lâu dài. Nếu như chúng ta là một xí nghiệp, cứ mặc cho thối xấu của xí nghiệp hoành hành, rất khó trừ bỏ, thì sẽ làm tổn hại tới lợi ích căn bản của bản thân chúng ta. Ở công ty hay các tổ chức khác cũng như vậy, nếu để hàng ngũ bại hoại thâm nhập vào, thì không chỉ sự nghiệp bị tiêu ma, cũng huỷ hoại luôn cả danh dự và tất cả những gì nâng đỡ cuộc sống chính đáng. Về điểm này, nếu tự chúng ta không có sức vãn hồi, thì thà học tập ẩn sỹ thời xưa, tạm thời né tránh bọn xấu xa này để giữ tiết tháo của mình. "Hậu Hán thư. Dật dân liệt truyện" dẫn lời hào Thượng cửu của quẻ Cổ "Bất sự vương hầu, cao thượng kỳ sự" để ca ngợi ẩn sỹ đương thời, thực là đúng đắn và có tầm nhìn.

Cho nên, vực dậy một mối suy yếu, cứu vãn sự nghiệp lúc nguy cơ, chúng ta phải:

□ *Ghi nhớ:*

1- Có sự chuẩn bị tư tưởng phấn đấu gian khổ lâu dài.

2- Nắm vững thời cơ thích đáng, sử dụng sách lược chính xác.

3- Đừng nóng vội thành công ngay, thực hiện mục tiêu từng bước.

4- Đừng nhu nhược lơ là. Kiên quyết triệt để, trừ cái ác phải trừ tận gốc.

5- Tin dùng hiền tài.

6- Kiên trì giữ đức thuần chính, đừng a đua với đời.

19. 臨 LÂM – NGUYÊN TẮC LÃNH ĐẠO THỜI KỲ GIAN NAN



坤上 Khôn trên
兌下 Đoài dưới

臨元亨利貞，至于八月有凶。

Lâm: Nguyên, hanh, lợi, trinh, chí vu bát nguyệt hữu hung

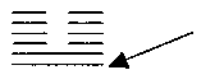
Quẻ Lâm: Nguyên, hanh, lợi, trinh. Đến tháng 8 có hung hiểm.

Nghĩa gốc của chữ "lâm" là nhìn từ trên xuống dưới. *Thuyết văn*: "Lâm nghiã là giám lâm, bộ ngoạ, âm phẩm ". Rồi phát triển thành nghĩa giám đốc, lãnh đạo, có ý nghĩa đẩy mạnh từ mức này đến mức kia. "Tự quái truyện" nói rằng: "Hữu sự nhi hậu khả đại, cố thụ chi dĩ Lâm, lâm giả, đại dã." "Hữu sự" chỉ sự vật phát sinh mâu thuẫn. Có các loại mâu thuẫn hiện thực, sau đó mới có thể phát triển, vì mọi sự vật đều được phát triển trong mâu thuẫn. Một khi mâu thuẫn nảy sinh, thì phải tích cực giải quyết mà không thể chờ đợi, cho nên "lâm" có nghĩa là nỗ lực tiến đến mục tiêu, có nghĩa là lấy thế ở trên nhìn xuống để chỉ huy lực lượng do mình dẫn dắt cùng nhau phấn đấu. Vì thế Hàn Khang Bá có lời chú như sau: "Sự nghiệp có thể lớn, do sự mà sinh". "*Tả truyện. Chiêu Công năm thứ 6*": "Lâm chi dĩ kính"; *Luận ngữ. Vi chính*: "Lâm chi dĩ trang tắc kính", đều chỉ cách thức người quân tử giám lâm hạ dân. Cho nên chữ "lâm" trong quẻ này đều là nói về giám lâm nhân dân. Trên tượng quẻ, hào nhị dương ở dưới kéo dài

mà gần sát âm, cho nên dùng "lâm" để ngụ ý, lại Thượng quái Khôn là đất, Hạ quái Đoài là đầm nước, trên đầm có đất là "lâm". Hào Cửu nhị ở giữa Hạ quái, có khả năng tiến lên, trên lại tương ứng với hào Lục ngũ, có biểu tượng đắc ý toại nguyện, cho nên quẻ này "nguyên, hanh, lợi, trinh", giữ vững chính đạo thì được lợi. Xét lý luận của người xưa, âm dương tiêu trưởng, đến tháng 8 thì khí âm bắt đầu thịnh, khí dương bắt đầu suy, đây là bước ngoặt, có thể có hung hiểm, thời cơ dễ mất. "Đến tháng 8 có hung hiểm" nhắc nhở mọi người xử lý mâu thuẫn phải kịp thời nắm vững thời cơ, không nên ngồi đợi đến khi mâu thuẫn xuất hiện bước ngoặt có tính bản chất thì mới ra tay, khi ấy thì đã muộn rồi. Lời Thoán nói rằng: "Lâm, cương tẩm nhi trưởng, duyệt nhi thuận, cương trung nhi ứng, đại hanh dĩ chính, thiên chi đạo dã, chí vu bất nguyệt hữu hung, tiêu bất cửu dã."Dương trưởng thành dần mà gần âm, cho nên là "lâm". Hạ quái Đoài là duyệt (vui vẻ), Thượng quái Khôn là thuận, hào Cửu nhị dương cương cư trung, trên tương ứng với hào Lục ngũ, nên lớn mạnh mà hanh thông. Nhưng dương sẽ không lớn mạnh mãi mãi, thời cơ tiêu lùi không lâu sẽ đến, cương tuy tăng trưởng dần mà gần âm, nhưng không phải là cường bạo và bức bách, mà là hoà thuận tương ứng với nhau. Cương trung mà ứng, nhu trung mà chính, thế mới hợp với đạo trời tự nhiên. Điều này nêu cho người ta phương pháp và thủ đoạn của bề trên đối với kẻ dưới. Lời tượng nói rằng: "Trạch thượng hữu địa, lâm, quân tử dĩ giáo tư vô cùng, dung bảo dân vô cương", đặc biệt đã nhấn mạnh "giáo" và "dung". Giáo chỉ dậy dỗ, gợi ý, uốn nắn. "Dung" chỉ bao dung, thống ngự. "Vô cương" là không hạn chế cương vực. "Vô cùng" cùng sâu thẳm với "Đoài" trạch; "vô cương" cùng rộng lớn với "Khôn" thổ. Sâu thẳm và rộng lớn chính là phẩm đức mà bề trên "lâm" ngự kẻ dưới phải có. Về thứ tự, quẻ Lâm xếp sau quẻ Cổ tượng trưng cho nguy nan, cùng khốn, có ý nói với mọi người rằng, vào thời buổi khó khăn khốn đốn lắm chuyện, người ta, đặc biệt là người lãnh đạo sự nghiệp phải lãnh đạo quần chúng như thế nào, để nắm vững thời cơ, xông phá mọi khó khăn

mà gần sát âm, cho nên dùng "lâm" để ngụ ý, lại Thượng quái Khôn là đất, Hạ quái Đoài là đầm nước, trên đầm có đất là "lâm". Hào Cửu nhị ở giữa Hạ quái, có khả năng tiến lên, trên lại tương ứng với hào Lục ngũ, có biểu tượng đắc ý toại nguyện, cho nên quẻ này "nguyên, hanh, lợi, trinh", giữ vững chính đạo thì được lợi. Xét lý luận của người xưa, âm dương tiêu trưởng, đến tháng 8 thì khí âm bắt đầu thịnh, khí dương bắt đầu suy, đây là bước ngoặt, có thể có hung hiểm, thời cơ dễ mất. "Đến tháng 8 có hung hiểm" nhắc nhở mọi người xử lý mâu thuẫn phải kịp thời nắm vững thời cơ, không nên ngồi đợi đến khi mâu thuẫn xuất hiện bước ngoặt có tính bản chất thì mới ra tay, khi ấy thì đã muộn rồi. Lời Thoán nói rằng: "Lâm, cương tẩm nhi trưởng, duyệt nhi thuận, cương trung nhi ứng, đại hanh dĩ chính, thiên chi đạo dã, chí vu bát nguyệt hữu hung, tiêu bất cửu dã."Dương trưởng thành dần mà gần âm, cho nên là "lâm". Hạ quái Đoài là duyệt (vui vẻ), Thượng quái Khôn là thuận, hào Cửu nhị dương cương cư trung, trên tương ứng với hào Lục ngũ, nên lớn mạnh mà hanh thông. Nhưng dương sẽ không lớn mạnh mãi mãi, thời cơ tiêu lùi không lâu sẽ đến, cương tuy tăng trưởng dần mà gần âm, nhưng không phải là cưỡng bạo và bức bách, mà là hoà thuận tương ứng với nhau. Cương trung mà ứng, nhu trung mà chính, thế mới hợp với đạo trời tự nhiên. Điều này nêu cho người ta phương pháp và thủ đoạn của bề trên đối với kẻ dưới. Lời tượng nói rằng: "Trạch thượng hữu địa, lâm, quân tử dĩ giáo tư vô cùng, dung bảo dân vô cương", đặc biệt đã nhấn mạnh "giáo" và "dung". Giáo chỉ dậy dỗ, gợi ý, uốn nắn. "Dung" chỉ bao dung, thống ngự. "Vô cương" là không hạn chế cương vực. "Vô cùng" cùng sâu thẳm với "Đoài" trạch; "vô cương" cùng rộng lớn với "Khôn" thổ. Sâu thẳm và rộng lớn chính là phẩm đức mà bề trên "lâm" ngự kẻ dưới phải có. Về thứ tự, quẻ Lâm xếp sau quẻ Cổ tượng trưng cho nguy nan, cùng khốn, có ý nói với mọi người rằng, vào thời buổi khó khăn khốn đốn lắm chuyện, người ta, đặc biệt là người lãnh đạo sự nghiệp phải lãnh đạo quần chúng như thế nào, để nắm vững thời cơ, xông phá mọi khó khăn

nguy khốn. "Người làm tướng nắm sinh mệnh của ba quân". Nếu tướng soái bất tài, ắt sẽ "làm chết ba quân". Nói trên phạm vi nhỏ, cá nhân nếu không biết nắm mâu thuẫn chủ yếu và nỗ lực giải quyết trong mớ bòng bong của thời kỳ khó khăn, thì càng không biết phải trả giá bao nhiêu tuổi xuân cho điều đó.



初九：咸臨，貞吉。

Sơ cửu: Hàm lâm, trinh cát.

Hào Sơ cửu: Cảm hoá dẫn dắt (kẻ dưới), rất tốt đẹp.

"Hàm" nên đọc là "cảm". Vương Bật chú rằng: "Hàm, nghĩa là cảm". "*Chu Dịch* tập giải" dẫn lời giải thích của Ngu Phiên cũng như thế. Chữ "hàm" thời cổ có nghĩa là cảm động, cảm ứng. "Thoán truyện" của *Chu Dịch. Hàm quái* nói: "Hàm, cảm dã, Thánh nhân cảm nhân tâm nhi thiên hạ hoà bình". Cho nên "Hàm lâm" là "cảm lâm" chỉ lấy cảm hoá để lâm dân. Lời tượng nói rằng: "Hàm lâm trinh cát, chí hành chính dã". Quân tử chí hành thuần chính, mới có thể cảm động lòng người. Hào Sơ cửu trên tương ứng với hào Lục tứ, tự thân là hào dương ở dương vị, đắc chính, có đủ đức hạnh thuần chính, cho nên thuần chính mà tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người trên dẫn dắt kẻ dưới, trước hết nên lấy nhân cách để cảm hoá.*



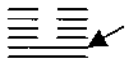
九二：咸臨，吉，无不利。

Cửu nhị: Hàm lâm, cát, vô bất lợi.

Hào Cửu nhị: Dùng uy dẫn dắt (kẻ dưới), mọi điều đều tốt đẹp.

Chữ "hàm" của hào này, nên đọc là "uy", vì hình chữ gần nhau nên viết sai. "Uy lâm" là dùng uy để lâm dân. Hào Cửu nhị ở trung vị của Hạ

quái, cương nghị có sức, mà lại tương ứng với hào Cửu ngũ ở trên, các hào khác không thể ngăn cản được nó tiến lên. Cho nên lời đoán là "Cát vô bất lợi". Lời tượng nói rằng: "Hàm lâm, cát vô bất lợi, vị thuận mệnh dã". 4 hào âm ở sát hào Cửu nhị sẽ không cam tâm theo lệnh, phải dùng uy để giám lâm, mới có thể làm cho chúng nghe lệnh. *Hào này ngụ ý, đối với người không theo lệnh, thì nên dùng uy thế để giám lâm.*



六三：甘臨，无攸利，既憂之，无咎。

Lục tam: Cam lâm, vô du lợi, Ký ưu chi, vô cữu.

Hào Lục tam: Cưỡng chế dẫn dắt, không có lợi. Nếu khoan hoà thì không có hại.

Trong cổ văn, các chữ có âm cam phần nhiều có nghĩa là cưỡng chế. "Thuyết văn ": " Cam, uy hiếp, bộ thủ, âm cam, dùng sắt để cướp về, bộ kim". Cho nên "cam" cũng có nghĩa cưỡng chế. "Cam lâm" là lấy nghiêm để lâm dân. Lấy nghiêm khốc để lâm dân, ắt khiến cho dân oán hận mà không được lợi gì, cho nên nói "vô du lợi". "Ưu", *Thuyết văn*: "Ưu là hành vi ôn hoà", và dẫn câu "Bố chính ưu ưu" trong "Thi kinh. Trường phát". Ưu là ưu, cũng có nghĩa là hoà, là khoan hoà. Biết sửa nghiêm khốc thành khoan hoà thì có thể vô cữu, cho nên nói: "Ký ưu chi, vô cữu". Lời tượng nói rằng: "Cam lâm, vị bất đáng dã, ký ưu chi, cữu bất trường dã." Trên tượng quẻ, hào Lục tam ở trên cùng của Hạ quái, có thế ở trên cao nhìn xuống, nhưng nó là hào âm nhu nhược, bất trung, bất chính, lại muốn lấy nghiêm để chế ngự kẻ dưới, tự nhiên sẽ không thành công. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, chế ngự kẻ dưới không nên nóng vội nghiêm khốc, mà nên khoan hoà. Lại có một cách giải thích khác, cho rằng "cam lâm" chỉ ngon ngọt làm vui người khác, nhưng thực ra không có đức ấy. Khôn là đất, vị của đất cam; Đoài là miệng, là biểu tượng của cam. Lấy ngon ngọt làm vui người khác, trong lòng không chân thành, tự nhiên không thể làm người ta

cảm động, không thể lãnh đạo người khác, cho nên "vô du lợi". *Hào này khuyên chúng ta rằng, biết khoan hoà mà sửa đổi đi thì không có hại.*



六四：志臨，无咎。

Lục tứ: Chí lâm, vô cữu.

Hào Lục tứ: Thành tín đối xử (với người dưới), không có hại

Chữ "chí" ngờ đọc là chất, chữ cổ dùng chung. "Tụng quái," nói: "Hữu phu trất"; "Tổn quái. Tượng truyện" nói: "Quân tử dĩ trừng, phẫn trất dục", ý nghĩa gần nhau. "Tiểu Nhĩ nhã. Quảng ngôn": "Chất nghĩa là tín". *Tả truyện. Tương Công năm thứ 9*: "Yêu minh vô chất". Phục Kiển chú như sau: "Chất nghiã là thành tín". "Chí lâm" nghĩa là "chất lâm", có nghĩa là lấy thành tín để đối xử với dân, cho nên "vô cữu". Lời tượng nói rằng: "Chí lâm vô cữu, vị đáng dã." Hào Lục tứ là hào âm, ở âm vị, sáng suốt tự biết mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người ở trên nên lấy thành tín đối xử với người dưới.*



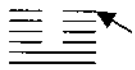
六五：知臨，大君之宜，吉！

Lục ngũ: Tri lâm, đại quân chi nghi, cát.

Hào Lục ngũ: Dùng trí để đối xử (kẻ dưới), thích nghi với bậc đại quân, tốt đẹp.

"Tri", đọc là trí. Trí lâm là lấy trí để làm dân. Hào Cửu ngũ ở ngôi vua chí tôn, nhu mà đắc trung, tương ứng với hào Cửu nhị, lấy nhu chế cương, không tự ra tay mà sử dụng người khác, chính là biểu tượng dùng trí để đối xử với người dưới, do đó được tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Đại quân chi nghi, hành trung vị dã." Hào Lục ngũ và hào Cửu nhị đều ở trung vị, đều được thích nghi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người lãnh đạo*

nên lấy trí tuệ để chỉ đạo kẻ dưới.



上六：敦臨，吉，无咎。

Thượng lục: Đôn lâm, cát, vô cữu.

Hào Thượng lục: Đối xử đôn hậu (với dân), tốt đẹp, không có hại.

"Đôn", "Thuyết văn ": "Đôn nghĩa là hậu ". "Đôn" là hậu. "Đôn lâm" là lấy đôn hậu lâm dân. Hào Thượng lục ở vị trí cao nhất của Thượng quái, tuy ở trên cao nhìn xuống, nhưng đã ở cực điểm, vật cực tất phản, cực kỳ nguy hiểm và không tốt lành. Nhưng hào Thượng lục là hào âm nhu thuận, đối với hào cương đang thăng tiến ở dưới, biết lấy nhu để đối xử, cho nên tốt lành mà không có tai hoạ. Lời tượng nói rằng: "Đôn lâm chi cát, chí tại nội dã". Hai hào âm ở Hạ quái tuy không phải là chính ứng, nhưng hào Thượng lục đều biết nhu mà sử dụng nó, cho nên tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người trên đối xử kẻ dưới nên đôn hậu mà không nên khắc bạc.*

Cho nên, khi sự nghiệp của chúng ta vì nguyên nhân nào đó mà vấp phải khó khăn nguy hiểm, thì người lãnh đạo nên tham khảo nghiên cứu những lời dậy này của quẻ Lâm *Chu Dịch*:

Một là, trong thời kỳ gian nan nhiều chuyện, người lãnh đạo tốt nên trước hết dùng nhân cách để cảm hoá lôi kéo cấp dưới, có như thế mới đoàn kết được quần chúng, ngưng tụ được sức chiến đấu lớn mạnh mà vượt qua thử thách. Cho dù khi sự nghiệp phát triển thuận lợi cũng nên như thế. Người lãnh đạo tuy đều có quyền lực ở trên trông xuống, nhưng nếu chỉ dựa vào ưu thế thì căn bản không thể làm cho quần chúng phục tùng, nếu chỉ dùng uy để cưỡng ép thì chỉ có thể làm cho quần chúng phục tùng ngoài mặt, bề ngoài thì theo, bên trong thì ngấm ngầm chống lại. Điều này, trên

thực tế chẳng khác gì chôn quả bom nổ chậm dưới địa vị và sự nghiệp của mình, một khi bom nổ, không chỉ đi đời địa vị lãnh đạo, mà còn tan tành cả một sự nghiệp. Dùng nhân cách để cảm hoá, lôi cuốn, ngoài việc lấy bản thân mình làm gương ra, còn phải thể hiện trong việc quan tâm tới quần chúng, thể hiện trong việc đồng cam cộng khổ, cùng chung vận mệnh với quần chúng, cũng có thể thể hiện ở trong tài trí kiệt xuất của mình. "Luận ngữ. Nhan Uyên" nói: "Đức của người quân tử như gió, đức của kẻ tiểu nhân như cỏ, gió thổi thì cỏ rạp xuống". Thiên "Tử Lộ" nói: "Bản thân mình chính đáng thì không có lệnh cũng thi hành, bản thân mình không chính đáng thì tuy có mệnh lệnh cũng không theo", là nói về điều này. Các danh tướng thời xưa, như Ngô Khởi, Lý Quảng, Nhạc Phi rất được người ta cảm phục, là do quan tâm đến cấp dưới, dùng đức để cảm phục lòng người. Ngô Khởi tự mình hút mủ cho người lính bị thương, nên quân lính chiến đấu đến chết cũng không rút chạy. Lý Quảng chỉ huy quân mấy chục năm, đồng cam cộng khổ với quân sĩ, hành quân trên sa mạc thiếu nước, nếu gặp nguồn nước, thấy quân lính chưa uống xong thì Lý Quảng quyết không chịu uống một hụm; khi tác chiến, thì lên trước quân lính, xung phong hãm trận, dũng cảm đứng đầu ba quân, nên rất được quân sĩ yêu mến ủng hộ. Khi Lý Quảng bị Vệ Thanh bức bách phải tự sát, tướng sĩ toàn quân đều đau buồn thương khóc, đến người dân nghe chuyện, dù là quen biết hay không quen biết, đều nhỏ lệ thương ông.

Hai là, để đoàn kết sức mạnh của quần chúng, đối với những kẻ không theo lệnh mà có nguy hại tới sự nghiệp trà trộn trong đó, thì người lãnh đạo nên sử dụng uy lực, kỷ luật nghiêm khắc, thưởng phạt phân minh, không thể một mực nhu nhược. Đối với những con ngựa hại đàn, nếu cảm hoá và lôi cuốn bằng nhân cách không có tác dụng, thì nên dùng thủ đoạn cương nghị để trừ đi tai hoạ, hoặc trấn áp chúng. Cho nên, nhân vật lãnh đạo chỉ huy cấp dưới, dùng cả ân lẫn uy là điều vô cùng quan trọng. Tôn

Vũ Tử, Ngô Khởi huấn luyện chiến đấu có thể coi là những ví dụ mẫu mực về mặt này. Thiên "Lữ hình" trong *Thượng thư* nói: "Ra uy làm cho sợ, dùng đức phải sáng suốt." *Tả truyện*, Văn Công năm thứ 7 dẫn *Hạ thư* nói: "Răn đe dùng ân, chế ngự dùng uy." Có thể thấy dùng uy để lâm dân, ân uy đều sử dụng đã được ưa dùng từ xưa. Có uy thì thiên hạ phục, không uy thì thiên hạ loạn. Thánh Đế thời Tây Hán, cai trị người dưới không có uy, đối với con em họ ngoại thì dung túng bao che, làm cho uy quyền bọn chúng vượt cả vua, hoành hành khắp thiên hạ, rút cuộc nhà Tây Hán bị diệt vong. Đường Cao Tôn Lý Trị là người nhu nhược, không biết dùng uy, quyền lực đều bị Vũ Tắc Thiên cướp đoạt, thời kỳ Ngũ đại cuối đời Đường, quân ở các phiên trấn ngang ngược, tướng kiêu lính mỏi, thậm chí tuỳ ý thay đổi chủ soái. Chu Thế Tông Sài Vinh đánh nhau với Bắc Hán, bọn bộ tướng Phan Thụ Năng, Hà Huy chưa đánh đã chạy, làm cho quân Chu mấy phen thất bại. Sau chiến tranh, Chu Thế Tông xiết chặt kỷ luật quân đội, sửa sang pháp luật, hạ quyết tâm, nghiêm khắc hạn chế quyền của các phiên tướng, mới làm cho tình trạng cát cứ phiên trấn từ cuối đời Đường tới khi ấy từng bước bị tiêu diệt, đó là hiệu quả của dùng uy.

Ba là, ân uy đều dùng nên có mức độ. Trên chế ngự dưới, không thể quá tàn khốc, nóng vội. Quá tàn khốc nóng vội, thì lòng người oán hận, tự nhiên khó làm nên việc gì. Tần Thuỷ Hoàng cai trị thiên hạ, ưa dùng hình pháp thảm khốc, lưới pháp rất chặt, dân phạm tội nhỏ, cũng trị tội rất nặng, cho là như thế thì dân không dám phạm tội. Kết quả là tù nhân đầy đường, lòng dân sôi sục oán hờn, thiên hạ tan nát, giang sơn đi đời. Hán Minh đế thời Đông Hán có tính xoi mói, thích sai tay chân đi dò xét đời tư của người khác để cáo giác, cho đấy là sở trường của mình. Các công khanh, đại thần trong triều luôn bị Minh Đế bài xích làm nhục, quan Thượng thư gần gũi bên cạnh Minh Đế thậm chí bị Minh Đế dùng gậy đánh đến vỡ đầu chảy máu. Trong tình hình đó, các quan trên dưới trong triều ai cũng run sợ,

quan lại tranh nhau thi hành chính sách nghiêm khắc, tàn bạo để tránh bị Minh Đế trị tội, hà khắc thành thói quen, làm cho nhân dân ai nấy đều nơm nớp, sợ hãi không yên. May mà bấy giờ nhà Đông Hán mới thiết lập, nền chính trị vẫn tương đối ổn định, đại thần như các ông Chung Ly Ý dám can ngăn thẳng thắn, nên vẫn chưa đến nỗi xuất hiện tình trạng hỗn loạn. Nếu giải thích theo cách khác, khi sự nghiệp bị nguy khốn, người lãnh đạo để đoàn kết quần chúng, cũng không thể chỉ có ngon ngọt làm vui lòng người mà không có thành ý, đó thực tế là thủ đoạn lừa bịp, không thể lâu dài. Nếu biết giác ngộ sớm và lo sợ cảnh giác mới có thể tránh được tai hoạ.

Bốn là, nguyên tắc quan trọng nhất của người trên đối với kẻ dưới là thành tín. Chỉ có thành tín mới có thể làm cho kẻ dưới tin phục, như quan hệ của Lưu Bị với Gia Cát Lượng và Quan Vũ, Trương Phi. Đường Thái Tông đối với Uất Trì Kính Đức, tuy Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát tìm mọi cách khiêu khích ly gián, nhưng cuối cùng vẫn không làm gì được, không có nguyên nhân nào khác ngoài lòng thành tín. Ngược lại, Lưu Bang chế ngự cấp dưới, phần lớn là xảo trá quyền mưu, những người như Tiêu Hà, Trương Lương rõ ràng là có biết, chỉ vì lợi ích thiết thân nên phản đối. Còn những người như Hàn Tín, Anh Bố, Bành Việt bị Lưu Bang lừa gạt, cuối cùng vua tôi tàn hại lẫn nhau, suýt nữa nguy đến xã tắc. Lừa gạt không thể sử dụng là vì thế.

Năm là, đối đãi cấp dưới, thành tín không phải là tất cả. Người lãnh đạo tốt còn nên dùng trí tuệ để tổ chức và chỉ huy cấp dưới, như thế mới có thể làm cho sự nghiệp hưng vượng phát đạt. Nếu đầu óc đơn giản, phản ứng chậm chạp, thì nhất định không thể ở vị trí lãnh đạo. Sách lược lãnh đạo là một nghệ thuật, không thể người nào cũng ở vị trí đó được, nhất là khi một nhóm người kiệt xuất tụ tập với nhau, càng yêu cầu người lãnh đạo phải có nghệ thuật chỉ huy và năng lực chế ngự, thống lĩnh cấp dưới cao độ. Nếu không, chẳng khác đàn hổ không có con đứng đầu, người nào cũng

làm theo chủ trương của người ấy, thì nhất định không làm nên việc gì cả. Lấy trí tuệ để chế ngự người dưới, đòi hỏi người lãnh đạo phải sáng suốt biết người, đối với tài năng, sở trường và khuyết điểm của từng cá nhân cấp dưới phải nắm vững như lòng bàn tay và biết căn cứ vào đó để sử dụng thích đáng, làm cho mỗi người đem hết tài năng ra phục vụ. Như Lưu Bang, Tào Tháo là ví dụ mẫu mực về mặt này. Nghiên cứu kỹ lịch sử thành công của họ, đối với mỗi người lãnh đạo đều có gợi ý rất lớn. Nói trí tuệ, nên bao gồm các mặt của nghệ thuật lãnh đạo.

Sáu là, phẩm chất của nhân vật lãnh đạo nên bao dung, lương thiện, và không được khắc bạc, độc ác; phải đòi hỏi mình nghiêm khắc, đối xử người khoan hoà mới có thể làm cho người khác thành tâm vui vẻ phục tùng, mới có thể phát huy sức mạnh của tổ chức để đi tạo lập sự nghiệp. Còn những kẻ tiểu nhân khắc bạc, độc ác chỉ có thể chuốc lấy sự phản đối của quần chúng, mất hết niềm tin của nhân dân, làm hỏng sự nghiệp.

Tổng hợp những điều trình bầy trên đây, khi sự nghiệp khó khăn khốn đốn, nhân vật lãnh đạo nên:

□ *Ghi nhớ:*

1- Dùng nhân cách để cảm hoá lôi cuốn cấp dưới.

2- Đối với người không tuân lệnh thì phải dùng uy.

3- Lấy khoan hoà là hơn, chớ quá hà khắc, nôn nóng.

4- Đối xử với người phải thành tín.

5- Hãy vận dụng trí tuệ của bạn.

6- Bồi dưỡng phẩm chất bao dung, lương thiện.

20. 觀 QUAN - MUỐN SỬA NGƯỜI TRƯỚC HẾT PHẢI SỬA MÌNH



巽上 Tốn trên
坤下 Khôn dưới

觀，盥而不薦，有孚顒若。

Quan, quán nhi bất tiến yên, hữu phu ngung nhược.

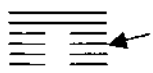
Quan sát, rót rượu xuống đất mà không dâng tiến, thành tín, lớn lao.

"Quan" có nghĩa là dùng hình tượng chỉ cho người ta biết, mà lại được người khác chiêm ngưỡng. Trên tượng quẻ, quẻ Lâm và quẻ Quan trái ngược nhau, hai quẻ họp thành một nhóm. "Lâm" là nhìn từ trên xuống dưới,"Quan"là nhìn từ dưới lên trên, hai quẻ sử dụng giao hỗ lẫn nhau. "Tự quái truyện" nói: "Sự vật lớn lên, sau đó có thể quan sát được. Cho nên tiếp sau đó là quẻ Quan." Mâu thuẫn của sự vật phát sinh, cần phải giải quyết, thì cần phải "quan", tức là tỏ bày đạo nghĩa và phương hướng lựa chọn chính xác cho mọi người, cũng tức là dùng sức mạnh mô phạm để dẫn dắt quần chúng. Quán chỉ dùng tước (dụng cụ rót rượu) rót rượu xuống đất khi tế tự để giáng thần. *Thuyết văn*: "Quán nghĩa là rót xuống đất." *Luận ngữ. Bát dật*: "Đế tự ký quán nhi vãng giả" là chỉ việc đó. "Tiến" chỉ tiến dâng đồ lễ. Người xưa tế tự, trước quán (rót rượu xuống đất) rồi sau tiến (dâng lễ). *Lễ ký. Giao đặc sinh*: "Rót rượu xuống đất xong rồi nghênh đón vật lễ, nghênh đón vật lễ xong thì dâng tiến". "Quán nhi bất tiến" là tế tự nhưng

chưa xong lễ. "Phu" là thành tín. "Ngung nhược" nghĩa là ngung nhiên, chỉ dáng to lớn. Lời Thoán nói rằng: "Đại quan tại thượng, thuận nhi tốn. Trung chính dĩ quan thiên hạ. Quan, quán nhi bất tiến, hữu phu ngung nhược, hạ quan nhi hoá dã. Quan thiên chi thần đạo, nhi tứ thời bất thắc. Thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo, nhi thiên hạ phục hỹ." Nội quái Khôn của quẻ Quan là thuận, Ngoại quái Tốn là theo, hào chủ Cửu ngũ ở trung vị của Ngoại quái, hào dương ở dương vị đắc chính, tượng trưng biết lấy đức hạnh trung chính để tỏ bầy với thiên hạ, cho nên tế chưa xong lễ mà nhận được tín ngưỡng của kẻ dưới, cảm hoá được chúng. Tiên hiền thánh nhân "dùng thần đạo để thiết lập giáo hoá", ngẩng lên quan sát thần đạo của trời, đều là bắt chước phép tắc thuận ứng này của trời. Cho nên lời tượng nói rằng: "Gió thổi trên mặt đất, quan sát; Tiên vương đi thăm thú các nơi, quan sát dân tình, thiết lập giáo hoá". Thượng quái Tốn là gió, Hạ quái Khôn là đất, gió thổi trên mặt đất, khắp đến muôn vật. Thánh nhân bắt chước tinh thần này, đi tuần sát các nơi, quan sát dân tình, thiết lập giáo hoá, khơi thông quan hệ với dân.

Cho nên, xét từ bản chất, điều mà quẻ Quan nói rõ với chúng ta là sự gương mẫu, tức là đạo lý người ở địa vị trên phải nêu hình tượng mẫu mực của mình như thế nào để tác động tới quần chúng. điều này cũng có nghĩa là tự mình phải nhận sự giám sát, quan tâm của quần chúng, hiểu rõ nỗi đau khổ của quần chúng, cùng hoà mình với quần chúng. Đối với những người ở địa vị lãnh đạo, quẻ Quan có rất nhiều giá trị tham khảo.

Giữa lãnh đạo và quần chúng, vì địa vị khác nhau, trách nhiệm khác nhau, tự nhiên là có khoảng cách. Mỗi cử chỉ, hành động của nhân vật lãnh đạo luôn luôn lúc nào cũng trong tầm chú ý của quần chúng. Nhân vật lãnh đạo là đầu rồng, nêu hình tượng mẫu mực của mình để khích lệ, tác động quần chúng là điều mà mỗi người ở địa vị lãnh đạo nên thực sự chú ý nghiên cứu.



初六：童觀，小人无咎，君子吝。

Sơ lục: Đồng quan, tiểu nhân vô cữu, quân tử lận.

Hào Sơ lục: Nhìn như đứa trẻ, tiểu nhân vô hại, quân tử thì có hại.

"Đồng" tức là đồng trĩ (ấu trĩ); "quan" chỉ hào Sơ lục nhìn lên (quan) hào Cửu ngũ ở trên. "Tiểu nhân" chỉ quần chúng nói chung, "quân tử" chỉ nhân vật lãnh đạo. Hào Sơ lục là hào âm nhu ở dưới, cách hào Cửu ngũ rất xa, không thể quan sát ánh sáng của đức trung chính của hào Cửu ngũ, như trẻ con hiểu biết chưa đủ xa, cho nên nói là "đồng quan". Lời đoán đối với "tiểu nhân" tức quần chúng là vô cữu, vì họ chỉ quan vọng và đi theo mà thôi, đối với "quân tử" thì không tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Hào Sơ lục đồng quan, là đạo của kẻ tiểu nhân". Tiểu nhân như thế thì vô cữu, quân tử như thế thì việc khó thành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người lãnh đạo phải có kiến thức sâu rộng, kỵ tầm nhìn nông cạn.*



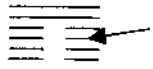
初二：窺觀，利有貞。

Lục nhị: Khuy quan, lợi nữ trinh

Hào Lục nhị: Từ trong cửa nhòm ra, đối với đàn bà thì tốt lành.

"Khuy" là từ trong cửa nhòm ra, người không ra khỏi nhà, nên chỉ nhòm được khoảng trời nhỏ hẹp theo khe cửa. Hào Lục nhị ở giữa Nội quái, nhu nhược âm ám, nhìn không rõ hào Cửu ngũ, muốn quan sát đạo trung chính nhưng không được, cho nên có biểu tượng nhòm ngó, tầm mắt nhỏ hẹp như đàn bà. Đối với đàn bà thì tốt lành, đối với quân tử thì không tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Khuy quan nữ trinh, diệc khả sửu dã." Đàn bà không có việc gì, nhòm xem thì cũng không sao; trượng phu chí ở bốn

phương, công việc của thiên hạ là công việc của bản thân mình, thế mà bị đàn bà nhòm ngó, tự nhiên là đáng xấu hổ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, tầm nhìn và tâm hồn của người lãnh đạo không được hẹp hòi thiên lệch.*

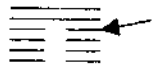


六三：觀我生進退。

Lục tam: Quan ngã sinh, tiến thoái.

Hào Lục tam: Quan sát các quan để tiến lui.

"Sinh", nên đọc là tính, tính nghĩa là quan. "Thượng thư. Nghiêu điển" nói: " Chín họ đã hoà mục, trông coi bách tính, bách tính sáng tỏ, hoà hợp muôn nước". "Bách tính" là trăm quan. "Quan bách sinh" là quan sát sự tiến lui của các quan mà tiến hành thăng giáng. Hào Lục tam ở phía trên Hạ quái, trên có hào Thượng cửu tương ứng, có thể tiến, có thể lùi, có chủ kiến của mình mà không mù quáng mất đạo. Lời tượng nói rằng: "Quan ngã sinh, tiến thoái, vị thất đạo đã." Xem thời cơ mà hành động, có thể tiến, có thể lùi, không làm mất chính đạo. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nhân vật lãnh đạo phải có chủ kiến và năng lực quyết đoán, chớ mù quáng theo người khác.*



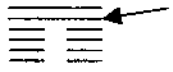
六四：觀國之光，利用賓于王。

Lục tứ: Quan quốc chi quang, lợi dụng tân vu vương.

Hào Lục tứ: Quan sát quang cảnh của nước, có lợi cho việc chầu vương

"Quang" chỉ hào Cửu ngũ là hào dương sáng ở trên, soi khắp 4 phương. "Tứ" thừa tiếp "Ngũ", là biểu tượng của chủ và khách, mà hào Cửu ngũ là biểu tượng của vương. "Quan quốc chi quang" là nói đi chầu vương quốc. "Thượng thư. Lập chính": "Dĩ cận Văn Vương chi địch quang", là nói đi chầu Văn Vương. Hào Lục tứ nhu thuận đắc chính, rất gần hào Cửu

ngũ, có biểu tượng quan sát ánh sáng, có lợi cho việc phù tá quân vương. Lời tượng nói rằng: "Quan quốc chi quang, thượng tân dã". "Thượng" tức là trong lòng sùng thượng, nói ý chí của nó nguyện làm khách ở vương triều. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người lãnh đạo khi cần cũng nên dựa theo người khác.*

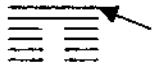


九五：觀我生，君子无咎。

Cửu ngũ: Quan ngã sinh, quân tử vô cữu.

Hào Cửu ngũ: Quan sát các quan, quân tử vô hại

"Sinh" cũng là quan. Hào Cửu ngũ là chủ của quẻ Quan, dương cương trung chính, cư ở tôn vị, 4 hào âm ở dưới đều là đối tượng quan thị của nó. Vương giả quan sát các quan (tức quan viên), thì biết có hiền tài hay không, biết rõ có hiền tài hay không thì thăng, giáng hợp lý; thăng giáng hợp lý thì nhất định chính hoà dân an. Đó chính là đạo lý đại quan ở trên, quân tử không bị tai hoạ. Lời tượng nói rằng: "Quan ngã sinh, quan dân dã". Lấy trung chính mà quan sát dân thiên hạ, tự nhiên xử sự thích đáng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người lãnh đạo phải trung chính cương nghị, xử sự hợp lý.*



上九：觀其生，君子无咎。

Thượng cửu: Quan kỳ sinh, quân tử vô cữu.

Hào Thượng cửu: Quan sát các vị quan khác, quân tử vô hại.

"Sinh" cũng là quan. "Quan kỳ sinh" chỉ quan sát các vị quan khác. Hào Cửu ngũ là hào chủ của quẻ này, là bậc minh chủ để muôn dân chiêm ngưỡng. Hào Thượng cửu ở trên nó, để xung đột với hào Cửu ngũ. Nhưng hào Cửu ngũ là hào dương cư nhu vị, cương mà biết nhu, tôn người khác ở

trên. Lời tượng nói rằng: "Quan kỳ sinh, chí vị bình dã". Tâm chí của hào Thượng cửu không dám sánh ngang với vương giả là hào Cửu ngũ mà khiêm nhường nó, cho nên quân tử không có tai hoạ. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* người lãnh đạo nên có đức nhường nhịn người khác.

Qua sự trình bầy các hào của quẻ Quan, chúng ta có thể thấy, những nhân vật lãnh đạo thực sự biết nêu vai trò gương mẫu dẫn đầu, nên có đủ những tố chất sau đây:

Một là, lên cao nhìn xa, hiểu biết sâu rộng, quan sát những điều người khác không quan sát, thấy những điều người khác không thấy. Gia Cát Lượng ẩn cư ở Long Trung, nhưng đối với việc lớn trong thiên hạ thì rõ như lòng bàn tay, sau nêu ra cho Lưu Bị những câu trả lời nổi tiếng. Lưu Bị lấy Tây Xuyên (nay là Tứ Xuyên), nước Thục Hán thành lập, đều dựa theo đó mà làm, rồi trở thành thế chân vạc với Tào Nguỵ và Tôn Ngô. Viên Thiệu cùng Tào Tháo khởi binh đánh Đổng Trác, hai người đều có hùng tâm tráng chí. Viên Thiệu từng hỏi Tào Tháo: "Nếu việc không thành thì ông có thể đi đâu? " Tào Tháo nói: "Thế ý của ngài thế nào?" Viên Thiệu nói: "Tôi phía nam chiếm giữ Hoàng Hà, phía bắc có nước Yên, nước Đại (nay là Hà Bắc và phía bắc Sơn Tây) ngăn trở, lại có quân của các nước Di Địch, ngoảnh mặt về phía nam để tranh thiên hạ, như vậy có thể thành công hay không? " Tào Tháo nói: "Tôi dựa vào trí lực của thiên hạ, dùng đạo để chế ngự, không việc gì không thể làm được." Viên Thiệu không phải là địch thủ của Tào Tháo, từ câu nói này có thể biết được.

Hai là, tâm hồn, tầm nhìn hạn hẹp nhất định không thể làm nên sự nghiệp. Cuối đời Hán, Công Tôn Thuật cát cứ Tây Xuyên. Đương khi gió mây gặp hội, vốn nên tiến lên lo việc thiên hạ, lại chỉ biết giữ mảnh đất của mình, khiêu ngạo mù quáng, chính sách hà khắc, chỉ hiểu ở việc nhỏ mà không biết việc lớn, như khi ông ta làm huyện lệnh Thanh Thuỷ, tướng lĩnh Kinh Hàm khuyên ông ta thừa lúc thiên hạ đại loạn, đem tinh

binh trong nước, sai viên tướng Điền Nhung ra giữ Giang Lăng để tiến quân lo lấy đất Ngô, Việt; sai Diên Sầm ra Hán Trung rồi tiến quân lo lấy đất Quan Trung, Lũng Tây, như thế thì có thể thành nghiệp lớn. Công Tôn Thuật tuy cho là có lý, nhưng lại sợ người Thục phản đối, rốt cuộc không nghe. Ngỗi Hiêu sai Mã Viện vào đất Xuyên để quan sát Công Tôn Thuật. Công Tôn Thuật thấy Mã Viện là đồng hương, chỉ biết bầy đặt hộ vệ, dãi lễ các quan. Mã Viện khuyên ông ta: "Thiên hạ thắng bại chưa quyết định, Công Tôn không mau chóng đi nghênh đón các bậc quốc sỹ, cùng họ lo việc thành bại, lại đi sửa sang việc trong rèm màn, cứ như là tượng đất, như vậy làm sao thu hút được kẻ sỹ trong thiên hạ?" Thuật không nghe. Cho nên Mã Viện trở về, nói với Ngỗi Hiêu: "Công Tôn Thuật chẳng qua chỉ là con ếch ngồi dưới đáy giếng thôi, lại ngông cuồng kiêu ngạo, làm sao làm nên nghiệp lớn?"

Ba là, có chủ kiến, giỏi quyết đoán, không mù quáng theo người khác. Nhiều mưu mô mà không quyết đoán là không được, dám quyết đoán mà không có mưu mô cũng không được. Viên Thiệu là người nhiều mưu mô nhưng ít quyết đoán, mỗi khi gặp việc lớn, phải bàn bạc với người xung quang, nhưng không biết theo ai, tâm địa lại hẹp hòi, không nghe lời nói thẳng. Lã Bố có dũng mà không có mưu, chỉ biết chém giết ngoài mặt trận, có một Trần Cung mà không biết dùng, thì thất bại là có thể biết trước. Tào Tháo thì vừa nhiều mưu mô, lại giỏi quyết đoán, qui tụ rộng rãi lời bàn, chọn kế hay mà theo, đúng là "Dùng trí lực của cả thiên hạ, lấy đạo để chế ngự". Cho nên đã đánh là thắng, không việc gì không làm được. Lưu Chương đã không có mưu lược, lại chỉ nghe lời Trương Tùng định đón Lưu Bị vào Tây Xuyên, để chống Trương Lỗ ở phía bắc, kết quả là rước chó sói vào nhà mình, mất toi giang sơn. Nước Tấn mượn đường nước Ngu để đánh nước Quắc, vua nước Ngu không nghe lời Cung Tử Kỳ, lại vẫn bị món lợi nhử mồi, rất có chủ kiến nhưng quá mù quáng.

Bốn là, khi bản thân mình tài cán, hiểu biết có hạn, không có đủ sức mạnh, biết không có cách nào đơn độc hoàn thành sự nghiệp, thì người lãnh đạo nên lượng sức mà làm, dẫn dắt mọi người đi tìm chỗ dựa vững chắc, mà không nên mù quáng tự tôn. Đây là sự sáng suốt tự hiểu biết mình, là một dạng trí tuệ lớn, chứ tuyệt đối không phải là không có năng lực. Đậu Dung cuối thời Tây Hán, vốn không thể như Công Tôn Thuật, Ngỗi Hiêu, cát cứ Lũng Tây. Nếu 3 người liên kết với nhau, thì Quan Tây đã không rơi vào tay Lưu Tú. Nhưng Đậu Dung không làm như thế. Nghe uy danh của Lưu Tú, theo sách lược của Ban Bưu, liền quyết ý hướng về phương đông, sai sứ đem biểu văn tới Lạc Dương, nhận làm bề tôi của Lưu Tú, và cự tuyệt mưu kế của Trương Lập là ai giữ đất của người ấy, hợp tung với Lũng, Thục, cao thì có thể làm nước chư hầu như 6 nước thời chiến quốc, thấp cũng có thể như Triệu Đà làm hiệu uý một phương. Ngược lại, Ban Bưu vạch mưu sách cho Ngỗi Hiêu, ra sức khuyên Hiêu hướng về phương đông nhận làm bề tôi, nhưng Ngỗi Hiêu không biết tự lượng sức mình, muốn cát cứ một phương, không chịu nghe theo. Khổ chiến với Lưu Tú mấy năm, cuối cùng bị diệt vong, bị người đời sau chê cười. Lại cuối đời Tấn, bà mẹ Trần Anh, Vương Lãng ra sức khuyên con mình đi theo Hạng Lương, Lưu Bang mà không nổi lên xưng vương thì lại càng là thượng sách sáng suốt.

Năm là, phải cương nghị trung chính, xử sự hợp lý. Đây là phẩm chất mà người bình thường đều nên có, người lãnh đạo lại càng nên có đủ. "Tam quốc chí" chép chuyện Gia Cát Lượng khi còn sống, từng dâng biểu lên Hậu Chủ, nói mình ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, 15 khoảnh ruộng xấu, con em mình có đủ để ăn mặc, ngoài ra không có nghề nghiệp gì khác. Đến khi chết, thì đúng như lời ông đã nói. Tác giả "Tam quốc chí" Trần Thọ lại càng hết lòng ca ngợi Gia Cát Lượng "Bên ngoài liên kết với Đông Ngô, bên trong dẹp yên Nam Việt, thiết lập luật pháp, thi hành pháp độ, chỉnh đốn quân ngũ, máy móc tinh xảo, tìm đến tận gốc. Khoa giáo nghiêm

mình, thưởng phạt tín thực, không có tội ác nào không bị trừng phạt, không có điều tốt nào không được biểu dương. Đến mức quan lại không cho phép gian tham, mọi người đều tự nghiêm khắc với mình, ra đường gặp của rơi không nhặt, kẻ mạnh không ăn hiếp người yếu, giáo hoá, phong tục trong sạch nghiêm túc". Vị danh tướng của một thời, qủa nhiên là phi phàm.

Sáu là, khi cần, nên có đức nhường nhịn những người khác, tức là khi hai kẻ anh hùng cùng tồn tại, người nào cũng có công lao, thì nên khiêm tốn lui nhường, chia công lao cho người khác. Làm được điều này rất khó, vì người ta thường có nhiều dục vọng riêng, khi có công thì chỉ tranh nhau, đâu có thời gian mà khiêm nhường? Nhưng nhường nhịn người khác là làm nên cho mình, như Lão Tử đã nói: "Không tự thấy, nên sáng; không tự cho mình đúng, nên tỏ rõ, không tự tranh, nên có công, không tự khoe nên phát triển. Chỉ có không tranh, nên thiên hạ không ai tranh với mình." Ngược lại, "Người kiễng chân thì không đứng lâu được, người xoạc chân thì không đi được, người tự thấy mình thì không sáng, người tự cho là đúng thì không tỏ rõ, người tự tranh thì không có công, người tự khoe thì không phát triển...đã có kẻ ghét, nên người có đạo không làm." Như danh tướng thời Đông Hán Phùng Dị, khi hành quân đánh giặc, mỗi lúc dừng lại nghỉ, các tướng đều ngồi lại xét bàn về chiến công, Phùng Dị thì một mình ngồi dưới bóng cây, trong quân gọi ông là "Đại thụ tướng quân", quân lính nhiều người tình nguyện đi theo ông, mà Tiên Vũ đế Lưu Tú cũng ngợi khen ông vị lẽ đó. Ngược lại những người như Hàn Tín, Anh Bố, chỉ biết kiêu ngạo tranh công nên mau chóng chuốc lấy tai hoạ.

Cho nên, nguyên tắc gương mẫu, tự nghiêm khắc với mình của những nhân vật lãnh đạo do quẻ Quan trình bầy với chúng ta, có:

❑ *Ghi nhớ:*

1- Lên cao nhìn xa, kiến thức sâu rộng.

2- Tâm địa không được hẹp hòi.

3- Có chủ kiến, giỏi quyết đoán, không mù quáng theo người khác.

4- Sức mạnh của mình chưa đủ thì phải tìm chỗ dựa chắc chắn.

5- Cương nghị trung chính, xử sự hợp lý.

6- Nhường nhịn người khác để làm nên cho mình.

21. 噬 嗑 PHỆ HẠP - ĐÁNG QUYẾT ĐOÁN KHÔNG QUYẾT ĐOÁN, PHẢI CHỊU SỰ RỐI LOẠN



離 上 Ly trên
震 下 Chấn dưới

噬嗑，亨，利用獄。

Phệ hạp, hanh, lợi dụng ngục.

Quẻ Phệ hạp: Hanh thông, có lợi cho việc dùng hình ngục.

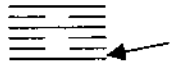
"Phệ" chỉ răng, "hạp" chỉ hợp, ngậm, đóng. "Phệ hạp" chỉ răng trên và răng dưới nghiến lại, cắn nát thứ ở giữa hai hàm răng. Trên tượng quẻ, quẻ này tương tự quẻ Di ở dưới, giống như cái miệng mở to, hàm trên và hàm dưới đối nhau, giữa rỗng, hào dương ở giữa liền trở thành đối tượng cắn nghiến, cho nên gọi như vậy. "Tự quái truyện" nói: "Quan sát được nên sau có hợp lại, cho nên tiếp sau quẻ Quan là quẻ Phệ hạp. Hạp nghĩa là hợp". Mọi vật trong thiên hạ sở dĩ không được phát triển thuận lợi, là vì có chướng ngại tồn tại, răng cắn, nghiến nát nó đi, thì chướng ngại sẽ không thể cản trở sự phát triển của sự vật nữa, đó là cái lý tự nhiên, cho nên lời chiêm đoán của quẻ này là "hanh". "Lợi dụng ngục" chỉ tính chất tiêu biểu, tượng trưng của "phệ hạp". Lời tượng nói rằng: "Di trung hữu vật, viết phệ hạp, phệ hạp nhi hanh. Cương nhu phân, động nhi minh, lôi điện hợp nhi chương. Nhu đắc trung nhi thượng hành, tuy bất đương vị, lợi dụng ngục dã". "Phệ hạp" mà cắn nát chướng ngại, cho nên hanh thông. Hào âm và hào dương mỗi loại chiếm một nửa, tượng trưng cương nhu đều vượt qua

được. Hạ quái Chấn là động, Thượng quái Ly là sáng, tượng trưng hành động sau đó mới sáng sủa. Hạ quái Chấn lại là sấm (lôi), Thượng quái Ly lại là lửa (hoả), sấm chớp giao cảm nên gây ra chấn động và ánh sáng, chính là tượng trưng cho uy thế và sự sáng suốt của hình phạt. Lời tượng nói rằng: "Lôi điện phệ hạp, Tiên vương dĩ minh phạt sức pháp". Sấm chớp giao hợp, mới có uy lực và ánh sáng. Đế vương thời xưa chính là đã bắt chước tinh thần ấy, nghiêm túc với hình phạt, sửa sang pháp luật. Vì hình phạt chỉ sử dụng trong nhất thời, còn pháp luật là hình phạt định ra hàng ngày. Vận dụng hình pháp, phải phân biệt nặng nhẹ, để bắt chước cái sáng của sấm chớp, mới đạt tới mục đích chỉnh đốn kỷ cương, sửa sang thiên hạ.

Cho nên điều mà quẻ Phệ hạp trình bầy là nguyên tắc hình phạt phải sử dụng để bảo đảm cho sự nghiệp tiến lên một cách thuận lợi. Hình phạt là gốc của kỷ luật, do đó quẻ này thực tế nhấn mạnh kỷ luật nghiêm khắc là một bảo đảm tất yếu cho sự thành công của cuộc sống và sự nghiệp.

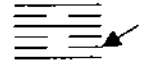
Kỷ luật là sự bảo đảm thành công cho sự nghiệp, đó là điều được các bậc hiểu biết trong ngoài nước từ xưa đến nay đều thừa nhận. Quân đội không có kỷ luật chỉ là đám đông ô hợp; tổ chức không có kỷ luật thì chỉ như một mâm cát rời rạc. Kỷ luật không phải là một mớ giấy viết chữ suông, mà phải được chấp hành nghiêm khắc trong thực tế mới có tác dụng thực sự, còn hình phạt nghiêm khắc chính là điều kiện chủ yếu bảo đảm cho kỷ luật được chấp hành. *Tôn tử binh pháp* đã nhiều lần nói rõ tầm quan trọng của kỷ luật. Muốn biết thắng hay không thắng, phải xem "ai thi hành pháp luật", "ai thưởng phạt phân minh". Mục đích của chấp hành kỷ luật là để làm cho chiến sỹ nhất trí về hành động, hợp lực chiến đấu. Khi con người ta đã chuyên nhất, thì người dũng cảm không được đơn độc tiến lên, kẻ nhát gan không được đơn độc thụt lùi. Ngoài việc tăng cường sức chiến đấu, kỷ luật còn có ý nghĩa bảo vệ người lương thiện, trừng phạt bọn gian ác. Nhấn mạnh kỷ luật, coi trọng tác dụng của hình phạt xuất phát từ kinh

nghiệm đối với cuộc sống của người xưa, đặc biệt là từ sự tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh quân sự thời cổ đại. Trước thời Thương, Chu, chiến tranh giữa các bộ lạc cực kỳ thảm khốc. Một khi thua trận, thì cả bộ tộc rơi vào vòng nô lệ. Cạnh tranh trong xã hội ngày nay tuy không cần chúng ta đổ máu, nhưng lại làm cho chúng ta có thể lâm vào số phận thất bại. Nguyên tắc trong quẻ Phệ hạp thực tế đã bao hàm vô số máu và nước mắt của tổ tiên chúng ta, và đối với cuộc sống và sự nghiệp của chúng ta ngày nay, vẫn còn ý nghĩa chỉ đạo quan trọng.



初九：屨校滅趾，无咎。
Sơ cửu: Lý hiệu diệt chỉ, vô cữu.
Hào Sơ cửu: Gông ở chân, mất ngón chân. Vô hại.

Hiệu là cái gông, "lý hiệu" chỉ cái gông gông ở chân. "Diệt" có nghĩa là mất, bị hại. Hào Sơ cửu ở sơ vị, là biểu tượng của hạ dân, lại là bắt đầu của hình phạt. Là dương cương mà không nhu thuận thì chưa bao giờ không phạm hình phạt. Ngón chân tượng trưng phạm lần đầu. Trừng phạt ngay lần đầu, làm cho không được gây tội ác, tội nhẹ phạt cũng nhẹ, kịp thời ngăn chặn hành vi tội ác để tránh gây tội ác lớn thì có thể tránh được tai hoạ, cho nên lời chiêm đoán là "vô cữu". Lời tượng nói rằng: "Lý hiệu diệt chỉ, bất hành dã." Hại đến ngón chân thì không đi được để gây tội ác. *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải trị tội ác nhỏ để răn đe tội ác lớn.*



六二：噬膚滅鼻，无咎。
Lục nhị: Phệ phu diệt tỵ, vô cữu.
Hào Lục nhị: Cắn da mất mũi, vô hại.

"Phu" là bì phu (da), hay thịt mềm. "Diệt" là thấm chìm. Hào Lục nhị là hào âm, âm vị, đắc chính, lại ở trung vị của Hạ quái, cho nên biết dùng

lý để xử án ngục, xử lý đúng mức, "phệ hạp " dễ dàng như cắn xước da và mũi vậy, chiêm đoán tự nhiên là vô cữu. Lời tượng nói rằng: "Phệ phu diệt tỵ, thừa cương dã." "Cương" là hào Sơ cửu ở dưới. Con người cương thì tính thẳng, tính thẳng thì dễ trị. Lấy trung chính để thừa tiếp cái cương của nó, thì phán xét nhất định sẽ hợp tình. *Hào này khuyên chúng ta rằng, phải dám "thừa cương", thực hành hình phạt nặng.*



六三：噬腊肉，遇毒，小吝，无咎。

Lục tam: Phệ lạp nhục, ngộ độc; tiểu lận, vô cữu.

Hào Lục tam: Cắn thịt khô, ngộ độc, có điều đáng tiếc nhỏ, vô hại.

"Lạp nhục" chỉ thịt khô để lâu năm, rắn và khó ăn. "Phệ lạp nhục ngộ độc" chỉ cắn thịt khô nhưng gặp thịt đã lâu và quá dày. Hào Lục tam âm nhu, bất trung bất chính, như trị lành mà gặp việc phiền não lâu năm, nhất thời khó giải quyết, cho nên có biểu tượng "phệ lạp nhục ngộ độc", chiêm đoán có "tiểu lận", nhưng không ảnh hưởng tới việc lớn. Lời tượng nói rằng: "Ngộ độc, vị bất đáng dã." Đó là do hào Lục tam là hào âm, cư dương vị. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thực thi hình phạt phải bài trừ chướng ngại và gay cấn.*



九四：噬乾胏，得金矢，利艱貞，吉

Cửu tứ: Phệ can trễ, đắc kim thỉ, lợi gian trinh, cát.

Hào Cửu tứ: Cắn thịt khô có xương, được mũi tên vàng, có lợi cho việc giữ trinh chính trong gian nan, tốt đẹp.

"Trễ" là thịt khô có xương, so với "lạp nhục" thì rắn hơn. "Kim" tượng trưng rắn chắc (cương). Hào này là tượng trưng vật rắn ăn ở trong miệng. Hào Cửu tứ phía trên tiếp cận với quân vị, mà lúc này cái ác đã mở

rộng, không dùng hình phạt nghiêm khắc thì không thể trừng phạt được nó. Hào Cửu tứ lại ở giữa quẻ, xét xử rất khó, cho nên có biểu tượng ăn thịt khô có xương. Mà hào Cửu tứ là hào dương, ở âm vị, bất trung, bất chính, sợ mất cái cương, phải thẳng như "kim thỉ" và trung chính, cương cường quả đoán, mới có tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Lợi gian trinh cát, vị quang dã". *Hào này nhấn mạnh sự khó khăn khi chấp hành hình phạt, nhắc nhở mọi người phải quả đoán và giữ vững chính đạo.*

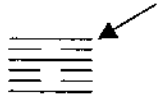


六五：噬乾肉。得黄金，貞厲，无咎。

Lục ngũ: Phệ can nhục, đắc hoàng kim, trinh lệ, vô cữu.

Hào Lục ngũ: Cắn thịt khô, được vàng, giữ trinh chính để phòng nguy hiểm, vô hại.

Ăn thịt khô khó hơn ăn da, nhưng lại dễ hơn ăn thịt khô cổ xương, không khó không dễ, có biểu tượng thích trung. Hào Lục ngũ cư tôn vị, dùng hình phạt đối với người khác, không ai không phục, cho nên có hình tượng này.Nhưng hào Lục ngũ âm nhu, e rằng nhu thuận mà không dám quyết đoán. Phải như màu vàng đắc trung, kim cương cường,mà thận trọng quyết đoán, mới không có tội lỗi. Lời tượng nói rằng: "Trinh lệ vô cữu, đắc đáng dã". Vì nó giữ vững chính đạo, xử trí được đích đáng, cho nên "vô cữu". *Hào này khuyên chúng ta rằng, hình phạt là thủ đoạn bất đắc dĩ, khi vận dụngphải giữ vững trung chính, cả cương và nhu.*



上九：何校，滅耳，凶。

Thượng cửu: Hà hiệu diệt nhĩ, hung.

Hào Thượng cửu: Cái gông đã ở trên cổ, hung hiểm.

"Hà", là hạ, có nghĩa là gánh vác. "Thi. Hầu nhân": "Hà qua dữ đối". "Hà hiệu diệt nhĩ", ý nói cái gông đã ở trên cổ. Lời hào đem thân người

chia làm trên dưới để nói, từ ngón chân, tới da, tới mũi, tới cổ, đến tận tai, càng ở trên thì tội ác nó gặp càng lớn. Hào Thượng cửu đã đạt tới điểm cuối cùng của quẻ này, tượng trưng hình phạt đã đến cực điểm, đã không còn cách nào ngăn cản được, phạm tội đã lớn lắm rồi, đến chết không sửa. Lời tượng nói rằng: "Hà hiệu diệt nhĩ, thông bất minh dã". "Thông" nghĩa là nghe. Nghe không rõ lại không tin người nói, thì thế nào cũng hãm vào vòng tội ác, cho nên chiêm đoán là hung hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, gây tội ác không chịu sửa thì cuối cùng nhất định sẽ bị diệt vong.*

Tổng hợp những điều trình bầy trên đâycó thể thấy, quẻ Phệ hạp đã chỉ cho chúng ta mấy nguyên tắc quan trọng trong chấp hành kỷ luật, quán triệt hình phạt:

Một là, phải trừng trị tội ác nhỏ để tránh nó lây lan. Bất luận thời kỳ nào, hoạ hại phát sinh đều có một quá trình từ nhỏ đến lớn. Nhưng ở thời kỳ đầu tội ác phát triển, người ta thường hay vì thấy nó không đáng để mắt nên bỏ qua cho nó. Dịch bệnh lây truyền là bắt đầu từ một địa phương, nó có lây lan nhanh chóng được hay không thì phải xem điều kiện bên ngoài có được thích nghi hay không. Dung túng cho tội ác nhỏ cũng như dung túng cho dịch bệnh, một khi nó lây lan ra, thì mọi thuốc hayđều là vô hiệu. Trừng trị tội ác nhỏ là phòng tai hoạ khi nó chưa thành hình. những nhà chính trị cao minh đều coi trọng điểm này. Lưu Bị trước khi chết, đã dặn dò con mình là Lưu Thiển rằng: " Chớ thấy việc tốt nhỏ mà không làm, chớ thấy tội ác nhỏ mà làm". "Hệ từ hạ truyện" dẫn lời Khổng Tử nói: "Tiểu nhân không cho bất nhân là điều xỉ nhục, không sợ điều bất nghĩa, không thấy lợi thì không hăng hái, không có uy thì không sợ; trừng trị tội nhỏ để răn đe tội lớn, đó là cái phúc của kẻ tiểu nhân." *Dịch* nói: "Lý hiệu diệt chỉ, vô cữu", cũng là ý đó". Đầu thời Xuân Thu, Vệ Trang Công lấy em gái của Thái tử Đắc Thần là Trang Khương làm vợ. Trang Khương đẹp nhưng không có con,. Trang Công lấy Đới Vi sinh ra Vệ Hoàn Công, Trang

Khương nhận làm con mình. Vệ Trang Công lại có người con trai do người thiếp sinh ra là Châu Hu, rất được Trang Công yêu quí mà thích việc chiến trận. Trang Công không có quản thúc, mà Trang Khương thì ghét Hu. Quan Đại phu Thạch Thác khuyên Vệ Trang Công rằng: "Thần nghe nói, cha yêu con thì dậy cho con đạo nghĩa, mà không để cho nó đi theo con đường gian tà. Kiêu ngạo, xa hoa, dâm dật là do tà vạy sinh ra. Bốn nết xấu đó mà có là vì sủng lộc thái quá. Nếu muốn lập Châu Hu làm Thái tử, thì hãy mau chóng quyết định. Nếu không lập, mà buông thả cho công tử như thế thì chỉ mang lại tai hoạ". Trang Công không nghe. Sau khi Trang Công chết, Châu Hu quả nhiên làm loạn, giết Vệ Hoàn Công rồi tự lập làm vua, lại đem quân đi đánh nước Trịnh, làm cho nước Vệ sôi sục lên, khắp nơi loạn lạc, cuối cùng bị Thạch Thác dùng kế giết chết. Sủng ái quá lại làm hại con; hại người lại trở thành hại mình.

Hai là, khi cái ác tồn tại phổ biến, hình phạt nhẹ khó có hiệu quả, thì phải dũng cảm thực hiện hình phạt nặng. Lưu Bị lấy Tây Xuyên, Gia Cát Lượng thuở đầu cai trị đất Thục, đã thi hành hình phạt nghiêm khắc, có nhiều người oán hận. Pháp Chính nói với Gia Cát Lượng: "Trước kia Hán Cao Tổ vào Quan Đông, dùng ba chương pháp luật để ước thúc mọi người, người Tần hiểu được đức ấy. Nay ngài dựa vào uy lực, vượt chiếm cả châu, bắt đầu có nước mà chưa thi hành đạo nuôi dưỡng vỗ về, hơn nữa ngài ở đất Thục là khách chứ không phải là chủ, Ngài nên nới lỏng hình phạt, để an ủi nguyện vọng của dân đất Thục". Gia Cát Lượng nói: "Ông biết một mà chưa biết hai. Triều Tần vô đạo, chính sách hà khắc, lòng dân oán hận, bọn thất phu hô lên mà thiên hạ tan rã; Cao Tổ nhân đó, có thể khoan hồng mà thành nghiệp lớn. Còn Lưu Chương thì nhu nhược hôn ám, từ khi theo cha là Lưu Yên đến nay, pháp luật lỏng lẻo, chỉ biết vâng mệnh, không thi hành đức chính, hình phạt không nghiêm. Nhân sỹ đất Thục chuyên quyền lộng hành, đạo quân thần dần dần lỏng lẻo. Sủng ái thì ban cho tước vị, địa vị

cực cao thì càng tàn hại dân lành; muốn người ta thuận theo thì ban ân, ân cực thì sẽ khinh mạn. Cho nên sẩy ra thói tệ thực là do đó. Nay tôi ra uy bằng pháp luật, thi hành pháp luật thì người ta biết ân; dùng tước để qui định, có tước thì người ta biết điều vinh. Ân vinh cùng thi hành thì trên dưới có lễ tiết, điều chủ yếu để trị dân thì đó là quan trọng nhất."

Ba là, kiên quyết trừ bỏ chướng ngại và khó khăn, quán triệt kỷ luật tới cùng. Nghiêm túc chấp hành kỷ cương luật pháp tất nhiên sẽ vấp phải các loại lực ngăn cản. Từ cổ đến kim, mạng lưới quan hệ, thế thái nhân tình, cân đai mũ mãng đều là chướng ngại cho những người chấp hành kỷ cương luật pháp, cũng là đầu sỏ tội ác phá hoại kỷ cương pháp luật, phá hoại sự nghiệp. Quẻ Phệ hạp nhắc nhở chúng ta, chấp hành kỷ cương pháp luật phải có dũng khí trừ bỏ mọi khó khăn trở ngại, phải bình tĩnh quyết đoán như ngồi nhai thịt khô, phải kiên cường như "kim", phải chính trực như "thỉ" (mũi tên), giữ vững chính đạo, không bị cái ác làm giao động, như thế thì mới tốt lành. Nếu sợ cái ác, hay a dua theo nó, thì chỉ có thể tự mình chuốc lấy sự huỷ diệt.

Bốn là, quyết đoán và giữ vững chính đạo, không sợ quyền thế thì mới có thể chế ngự cái ác, Từ xưa đến nay, những kẻ hoành hành bá đạo, chà đạp người khác thì chỗ nào cũng có. Bọn này đáng phải chế ngự nghiêm khắc, không được nể nang. Đổng Tuyên thời Đông Hán làm Lạc Dương lệnh, tên nô bộc nhà công chúa Hồ Dương (là chị của Quang Vũ đế Lưu Tú) giết người giữa ban ngày, ẩn nấp ở nhà công chúa, bọn lại không thể bắt được nó. Sau công chúa Hồ Dương đi ra ngoài, lấy tên nô ấy đánh xe. Đổng Tuyên chặn xe dọc đường, dùng dao vạch đất, lớn tiếng kể tội công chúa, rồi bắt tên nô ấy giết đi. Lưu Tú quát tháo, Đổng Tuyên không phục, đập đầu vào cột, máu chảy đầy mặt. Lưu Tú sai hoạn quan ấn đầu Đổng Tuyên để ông ta quay về phía công chúa mà xin lỗi. Đổng Tuyên dùng hai tay chống đất, nhất định không chịu cúi đầu. Lưu Tú rất cảm

động, gọi ông là "quan cứng cổ", rồi thả ông ra. Từ đó bọn cường hào run sợ, không ai dám vơ vét của dân, người trong Kinh gọi ông là "ngoạ hổ". Khi chết, trong nhà chỉ có mấy hộc lúa đại mạch, một cỗ xe hỏng. Sau khi biết chuyện đó, Lưu Tú rất thương cảm, nói: "Đồng Tuyên liêm khiết, đến khi chết rồi mới biết".

Năm là, phải chú ý sách lược, vừa cương, vừa nhu. Vì hình phạt tuy là công cụ để duy trì trật tự xã hội, nhưng cũng chỉ là thủ đoạn bất đắc dĩ. Trong tình huống không cần thiết, thì có gắng hết sức không sử dụng. Trong đại đa số các trường hợp, sử dụng kết hợp cả nhu lẫn cương là thích hợp nhất. Thời Tây Hán, thì vận dụng rất tốt sách lược này. Đầu thời kỳ Tây Hán, đứng trước chế độ hà khắc của nhà Tần trước đó, thì ngược lại dùng sách lược "cùng nghỉ ngơi với dân" ; sau này, pháp luận nghiêm dần, nhưng vẫn như lời của Hán Tuyên đế, nhà Hán tự có pháp luật của riêng mình, "kết hợp với đạo bá vương". Xã hội ngày nay, bất luận là đối với con người hay đối với sự vật, cũng đều nên như thế.

Sáu là, kẻ gây tội ác không hối cải, nhất định sẽ bị diệt vong. Đó là cái lý mà xưa nay ai cũng biết, như cái hoạ tẩy đình của Tần Nhị đế, Triệu Cao, Đổng Trác, Tuỳ Dạng đế...tai hoạ do mình tự chuốc. Dục vọng không thể buông thả, tội ác không thể lâu dài. Kẻ gây tội ác không hối cải, thì diệt vong sẽ đến. Trong tổ chức, nếu tội ác lan tràn, thì không thể làm gì được nữa, nhất định chính nghĩa sẽ phải co cụm lại, sự nghiệp sẽ bị đổ vỡ.. Cái ác của bản thân mình cố nhiên không thể dung túng, cái ác của người khác lại càng không thể dung tha. Cuồng vọng của Hít Le thậm chí dẫn tới phát động đại chiến thế giới lần thứ 2, một phần nguyên nhân là do chủ nghĩa vỗ về do Thủ tướng nước Anh Sơc Sin đứng đầu đã bao che, dung túng cho nó gây ra.

Cho nên, khi muốn làm cho sự nghiệp phát triển thuận lợi, mà phải mượn tới sức mạnh của hình phạt, chúng ta phải:

□ *Ghi nhớ:*

1- Tội ác nhỏ cũng phải trừng phạt, đề phòng tai hoạ từ lúc nó chưa hình thành.

2- Dũng cảm thực hiện hình phạt nghiêm khắc.

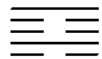
3- Kiên quyết xóa bỏ mọi chướng ngại.

4- Giữ vững chính đạo, quyết đoán cương cường.

5- Chú ý sách lược, vừa cương, vừa nhu.

6- Nhớ kỹ là gây tội ác không hối cải cuối cùng nhất định sẽ bị diệt vong.

22. 賁 BÍ - CÓ LỄ THÌ YÊN, KHÔNG LỄ THÌ NGUY



艮 上 Cấn trên
離 下 Ly dưới

賁亨，小利有攸往。

Bí, hanh. Tiểu lợi hữu du vãng.

Quẻ Bí: Hanh thông, kẻ nhu tiểu có lợi ở việc tiến lên.

"Bí" có nghĩa là trang sức. "Thuyết văn ": "Bí là trang sức, bộ bối, âm bí". Sở dĩ có bộ bối, là vì người xưa xâu bối (vỏ sò) thành chuỗi rồi đeo lên cổ, để làm đồ trang sức. Vỏ sò có màu sắc đẹp, sáng lấp lánh, lại có nhiều màu sắc trắng, vàng, xanh, đen khác nhau. Trên hình quẻ, quẻ Bí và quẻ Phệ hạp hợp thành một nhóm, hình quẻ tương phản nhau. Cái ác phải bị trừng phạt, cái thiện phải được trang sức, sử dụng giao hoà với nhau. "Tự quái truyện nói": "Vật không thể cẩu thả mà thôi, cho nên, tiếp đó là quẻ Bí. Bí là trang sức". Lời tượng nói rằng: "Bí hanh; nhu lai nhi văn cương, cố hanh. Phân cương thượng nhi văn nhu, cố tiểu lợi hữu du vãng. Thiên văn dã; văn minh dĩ chỉ, nhân văn dã. Quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến; quan hồ nhân văn, dĩ hoá thành thiên hạ." Trong quẻ, cương nhu giao thoa, tượng trưng cho sự qua lại của một cương, một nhu trong trời đất, cho nên văn của Bí là thiên văn. Nếu xét từ đức của nó, cũng là văn của người, là phép tắc của nhân thế.. bậc trí giả nên quan sát văn của trời và văn của người, thuận ứng qui luật của tự nhiên và phép tắc của xã hội loài người để xác lập

phương thức và chuẩn mực cho hành vi của mình. Lời tượng nói rằng: "Dưới núi có nước, bí, người quân tử lấy đó để làm sáng tỏ thứ chính, không dám chiết ngục". Thượng quái Cấn là núi, Hạ quái Ly là lửa, dưới núi có lửa, không thể tuỳ ý lan tràn. "Thứ chính" là những việc chính sự nhỏ nhặt trong quần chúng nhân dân, thoạt nhìn thì nhỏ, nhưng thực ra rất lớn. "Không dám chiết ngục" có nghĩa là nhắc nhở chớ có khinh suất xét xử án ngục, nên thẩm xét kỹ càng nhiều lần rồi hãy phát đi. Quẻ Phệ hạp chú ý hình phạt nghiêm khắc, còn quẻ Bí thì ngược lại, chú ý đến văn sức, thận trọng, chất chiu và giữ mình.

Con người ta, năng lực cao hay thấp, thành tựu lớn hay nhỏ, có liên quan chặt chẽ với sự tu dưỡng cá nhân của bản thân, tố chất là năng lực, năng lực là tiền đồ., điều này ai ai cũng biết. Quẻ Bí có ý giải thích cho chúng ta con người thông qua trang sức bên ngoài, chú ý hình ảnh bên ngoài như thế nào để nâng cao tố chất của mình.



初九：賁其趾，舍車而徒。
Sơ cửu: Bí kỳ chỉ, xả xa nhi đồ.
Hào Sơ cửu: Tô điểm ngón chân, bỏ xe đi bộ.

Chỉ là ngón chân; đồ là đi bộ bằng chân không. *Thuyết văn*: "Đồ là đi bộ". *Nhĩ nhã. Thích hổ*: "Đồ nghĩa là để trần", là ý ấy. Quẻ Bí với quẻ Phệ hạp giống nhau, cũng đều nói từ bộ phận thấp nhất của cơ thể con người. Xả là vứt bỏ. Hào Sơ cửu dương cương, ở dương vị, Hạ quái Ly là sáng, tượng trưng hào Sơ cửu cương nghị và hiển minh, cam tâm ở vị trí dưới, cho nên vứt bỏ cỗ xe mà mình đi để đi bộ. Đó là vì nó không cho việc đi bộ là nhục, mà là niềm vinh quang hợp với đạo nghĩa. Bí kỳ chỉ là dùng đạo nghĩa để trang sức đôi chân, vứt bỏ cỗ xe phi nghĩa, mà yên tâm đi bộ. Người chiêm đoán nên lấy đó để tự xử. Lời tượng nói rằng: "Bỏ xe đi bộ,

nghĩa là không lợi dụng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, con người ta tu dưỡng văn sức đều nên hợp với đạo lý.*

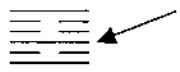


六二：賁其修。

Lục nhị: Bí kỳ tu,

Hào Lục nhị: Tô điểm bộ râu.

Thuyết văn: "Tu là lông mặt, bộ diệp, bộ sam". Lông trên mặt là tu, ở miệng là tỳ, ở 2 má là nhiêm. Râu không thể tự rung động, mà rung động theo mặt, Cho nên, râu tuy đẹp, nhưng phải dựa vào mặt để hình thành vẻ đẹp của mình. Hào Lục nhị âm nhu trung chính, trên tiếp cận với hào Cửu tam, cũng giống như râu của người trang sức ở hàm dưới. Lời tượng nói rằng: "Bí kỳ tu, dữ thượng hưng dã". Dựa vào kẻ trên mới hưng thịnh được. *Hào này khuyên chúng ta rằng, văn sức và tu dưỡng nên học tập bề trên.*

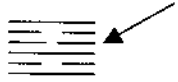


九三：賁如，濡如，永貞吉。

Cửu tam: Bí như, nhu như, vĩnh trinh cát.

Hào Cửu tam: Tô điểm nhuần nhị, giữ trinh chính lâu dài thì tốt đẹp.

Như là ngữ trợ từ, nhu là thấm ướt. Hào Cửu tam là hào dương, ở giữa 2 hào âm, đang lúc "bí", hào âm đến phụ vào 2 bên tả hữu, trước sau của nó, như là được nó trang sức (bí) mà nhuần nhị tươi sáng. Nhưng chính vì như thế, mới không thể bình an lâu dài, phải giữ cảnh giác với "vĩnh trinh", thì mới được tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Vĩnh trinh chi cát, chung mạc chi lãng dã". Lãng nghĩa là nhục. Biết "vĩnh trinh" thì không hãm vào trong âm nhu và không đến nỗi bị lãng nhục. *Hào này khuyên chúng ta rằng, giữ mình nên có chủ kiến chớ nên quá mê say vẻ đẹp hoa lệ bên ngoài, đua đòi với đời.*

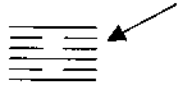


六四：賁如，皤如，白馬翰如，匪寇婚媾。

Lục tứ: Bí như, bà như, bạch mã hàn như, phỉ khấu hôn cấu.

Hào Lục tứ: Trang điểm đẹp đến thế, trắng trong đến thế; ngựa bạch trắng tinh, không phải là giặc mà là người đến cầu hôn.

"Bà" là màu trắng. "Bí như bà như" là nói chưa thành "bĩ"mà thành "bà". "Hàn như" chỉ ngựa phi như bay; "khấu" chỉ hào Cửu tam; "hôn cấu" chỉ hào Sơ lục. Hào Lục tứ và hào Sơ cửu là chính ứng, như trang sức cho nhau, nhưng bị hào Cửu tam ngăn cách, nên không được toại nguyện, nên chưa thành "bĩ" mà thành "bà". Nhưng hào Lục tứ đi cầu trái tim của hào Sơ cửu, như ngựa trắng phi nước đại, không vì bị hào Cửu tam ngăn trở mà bỏ cuộc, ban đầu tuy bị xa cách nhau, nhưng cuối cùng thì được gần gũi nhau. Lời tượng nói rằng: "Lục tứ đáng vị, nghi dã, phỉ khấu hôn cấu, chung vô vưu dã". Hào Lục tứ giữ chính đạo mà hào Cửu tam không cầu được, nên cuối cùng được vô sự. *Hào này khuyên chúng ta rằng, trang sức và tu dưỡng cá nhân nên chú trọng hiệu quả thiết thực và kiên trì đến cùng, không nên chỉ chú trọng được mất nhất thời.*



六五：賁于丘園，束帛戔戔，吝，終吉。

Lục ngũ: Bí vu khâu viên, thúc bạch tiên tiên, lận, chung cát.

Hào Lục ngũ: Tô điểm núi đồi vườn tược, cầm tấm lụa mỏng (đi mời hiền sĩ), dè sẻn, cuối cùng được tốt lành.

"Bạch" là lụa; "tiên tiên" là nhẹ và ít; "khâu viên" chỉ hào Thượng cửu ở trên cao, bên trên vị trí quân vương tôn quí của hào Lục ngũ, như bậc hiền giả bước đi trên núi cao. Hào Lục ngũ tuy ở vị trí của bậc quân vương, nhưng bên dưới không có hào đối ứng, bất đắc dĩ phải cầu xin hào Thượng

cửu ở trên để "thúc bạch" (bó tấm lụa) mà đi ăn hỏi. Nhưng lúc này đã gần điểm cuối cùng của quẻ, con đường "bí" đã sắp hết, từ văn vẻ trở lại chất phác, "thúc bạch" làm lễ, có vẻ như là dè sẻn. Nhưng hào Lục ngũ biết khiêm tốn dùng lễ tiếp đãi hiền sỹ, tuy lễ bạc nhưng có lòng thành, là vị vua mà biết làm như thế thì là đáng mừng, cho nên tuy tiếc sẻn nhưng "chung cát". Lời tượng nói rằng: "Lục ngũ chi cát, hữu hỷ dã". Được bậc cao hiền là hào Thượng cửu mà tô điểm (bí), cuối cùng nhất định có điều đáng mừng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, sự tu dưỡng cá nhân cốt ở chất chứ không ở văn.*



上九：白賁，无咎。

Thượng cửu: Bạch bí, vô cữu.

Hào Thượng cửu: Trang sức màu trắng (mộc mạc), vô hại.

Hào Thượng cửu ở cực điểm của quẻ Bí, vật cực tất phản, có sắc mà trở về vô sắc, cho nên có "bạch bí", là biểu tượng chất phác không văn vẻ. Văn vẻ chiếm ưu thế mà lại trở về chất phác, thì tự nhiên là vô cữu. Lời tượng nói rằng: "Bạch bí vô cữu, thượng đắc chí dã". Hào Thượng cửu trở về với hồn nhiên chất phác, lui ẩn ở núi rừng, được bậc quân vương là hào Lục ngũ ở dưới tôn kính, cho nên nói là đắc chí, đây là lấy việc người để so sánh. *Hào này khuyên chúng ta rằng, duy trì tu dưỡng cá nhân nên trở về với tính hồn nhiên phác thực, coi đó là mức độ cao nhất.*

Chú trọng tu dưỡng cá nhân một cách cực đoan là nét đặc sắc của văn hoá cổ đại Trung Quốc mà đại biểu là nhà nho. Nhưng ở thời kỳ sản sinh ra *Chu Dịch*, thời kỳ Thương Chu, lối tu dưỡng cá nhân này chủ yếu biểu hiện ở Chu lễ mà quí tộc đời Chu sùng thượng, mà Chu lễ không chỉ có nhiều

nội dung cụ thể, mà còn rất chú ý đến hình thức bên ngoài, tức là các thứ nghi thức, lễ tiết. Xem *Tả truyện* cùng các sách *Chu lễ, Lễ nghi, Lễ ký* ... được các nhà Hán nho biên soạn, còn lưu giữ được một phần lễ của đương thời, thì có thể thấy được phần nào. Rất coi trọng "bí sức", lễ là tiêu chí quan trọng trong tu dưỡng của quí tộc đương thời, vì thế chúng ta không khó lý giải vì sao *Chu Dịch* lại có riêng một quẻ Bí để nói về tầm quan trọng của văn sức lễ nghi. *Lễ ký* nói: " Người có lễ thì an, không có lễ thì nguy". Có hiểu con người dùng lễ để bí sức bản thân mình thì người ta mới đứng chân được ở xã hội. Khổng Tử rất chú ý lễ, lớn nhỏ đều do lễ, không hợp lễ thì không nói, không hợp lễ thì không nghe, không hợp lễ thì không nhìn. Ngày nay, chú trọng hình thức bên ngoài, nâng cao tu dưỡng đạo đức và lễ nghi của mình, giới giữ mình, vẫn là điều kiện tất yếu cho thành công của mỗi cá nhân. Vì thế, những điều mà quẻ Bí nói vẫn có thể lấy làm chỉ đạo cuộc sống của chúng ta.

Một là, nâng cao tu dưỡng của mình, nên trước hết bắt đầu từ đạo nghĩa, làm cho hành vi và tư tưởng của mình hợp với qui phạm hành vi của xã hội. Nhà nho thời Trung Quốc cổ đại thì đặc biệt chú ý lấy thiên hạ làm chí, lấy tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ làm trách nhiệm của mình, lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ. Ngày nay, điều đó vẫn nên là tiêu chuẩn chỉ đạo trong tu dưỡng nhân sinh của chúng ta.

Hai là, tu dưỡng nhân sinh nên học tập bề trên. Người xưa yêu cầu lấy "Thánh nhân" làm thầy, ngày nay không nhất thiết phải như thế. Nhưng sự tu dưỡng phẩm cách của các bậc Tiên hiền như Khổng Tử, Mạnh Tử vẫn là khuôn mẫu cho chúng ta ngày nay. "Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi" (Ba người cùng đi, thế nào cũng có một bậc thầy ở trong đó. Chọn điều tốt mà theo, điều không tốt thì sửa đi). "Tam quân khả đoạt soái dã, thất phu bất khả đoạt chí dã" (Trong ba quân, có thể đoạt được vị tướng chỉ huy, nhưng đối với kẻ

thất phu thì không thể đoạt được chí của họ). "Sỹ bất khả dĩ bất hoằng nghị, nhiệm trọng nhi đạo viễn" (Kẻ sỹ không thể không kiên nghị, gánh trách nhiệm nặng, đi xa). (*Luận ngữ*). "Cùng tắc độc thiện kỳ thân, đạt tắc kiêm thiện thiên hạ " (Khi cùng khốn thì riêng giữ mình trong sạch, khi thành đạt thì làm cho cả thiên hạ tốt đẹp). "Xả thân nhi thủ nghĩa" (Xả thân mình để giữ nghĩa). "Ngô thiện dưỡng ngô hạo nhiên chi khí" (Ta khéo biết tu dưỡng khí hạo nhiên của ta) (*Mạnh Tử*). Những câu này vẫn là châm ngôn cho chúng ta ngày nay.

Ba là, kiên trì lý tưởng của mình, không nên thấy người ta nói thì cũng nói theo, vật vờ theo sóng. Trong cuộc đời của con người, thời gian nẩy sinh xung đột với hiện thực xã hội là nhiều. Trong loài người, kẻ vật vờ theo sóng cũng là nhiều, người biết độc lập suy nghĩ, kiên trì lý tưởng của mình thì rất ít. Nhưng người chiếm phần rất ít này, phần lớn lại là người thành công thực sự trong cuộc sống. Vật vờ theo sóng chẳng khác gì cái thây ma, kiên trì lý tưởng và tiết tháo mới tạo ra giá trị nhân sinh đích thực.

Bốn là, nâng cao tu dưỡng cá nhân nên chú trọng hiệu quả thực tế, không nên tính toán được mất nhất thời. Sự tu dưỡng của cuộc đời chủ yếu từ 2 mặt: Tri thức sách vở và thực tiễn cuộc sống xã hội. Không có tri thức sách vở, trong óc bạn chỉ là một khoảng trống rỗng; không có thực tiễn cuộc sống, không đến độ tuổi nhất định nào đó, cũng không có cách nào lĩnh hội được hàm nghĩa thực sự của cuộc sống. Những người trẻ tuổi phần nhiều chỉ mang ảo tưởng, sau tuổi trung niên, mới thực sự biết được nên sống như thế nào, nguyên nhân cũng là ở đó. Trải nghiệm qua các dạng của cuộc sống, nếm đủ mọi cay đắng và niềm vui, mới trở thành người chân chính.

Năm là, tu dưỡng ở bản chất chứ không phải ở vẻ ngoài, điều cần thiết là phải đôn hậu, vững vàng, thực thà, chứ không phải là vẻ hoa lệ nông cạn. Hoa lệ nông cạn không thể làm được việc lớn. Để đoạt được

giang sơn nhà Hán, Vương Mãng dùng mọi cách để đề cao tiếng tăm của mình. Tuy đã lấy được giang sơn, nhưng lại không giải quyết được những vấn đề xã hội căn bản, cuối cùng cũng vì thế mà thân chết, nước mất. Công Tôn Thuật chiếm cứ Tây Xuyên, chỉ biết xếp đặt cờ quạt ngựa xe, dùng lễ yến hưởng, trang sức rèm màn, cứ như là con rối, thì thân mất nước diệt cũng là đáng đời. Xem người ngày nay, mới thành công một chút mà đã khoác lác, thực không biết rằng, hôm nay vui vẻ, ngày mai tai hoạ ập tới. Điều này không có nguyên nhân nào khác, chỉ là do nông cạn không nhìn xa mà thôi.

Sáu là, mục tiêu cao nhất của tu dưỡng cuộc sống là trở về với hồn nhiên phác thực, là không nghĩ tới công danh phú quí, không nghĩ tới thành bại. Thành công thì vui, thất bại cũng không buồn, thản nhiên mà sống. Như thế, trước bất cứ thành công hay thất bại nào mới có thể giữ được bình tĩnh, mà không đến nỗi rối loạn trong lòng. Phú quí với ta như đám mây trôi, câu ấy hoàn toàn không phải là câu nói suông.

Tổng hợp nội dung trên đây, nâng cao tu dưỡng cá nhân của chúng ta, rèn luyện giữ mình, nên làm được mấy điều như sau:

❑ *Ghi nhớ:*

1- Lấy đạo nghĩa làm đầu.

2- Học tập bề trên.

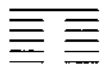
3- Kiên trì lý tưởng, chớ vật vờ theo sóng.

4- Chú trọng hiệu quả thực tế, không tính được mất nhất thời.

5- Tu dưỡng ở bản chất chứ không ở vẻ ngoài.

6- Trở về với tính hồn nhiên phác thực.

23. 剝 BÁC- ỨNG PHÓ SUY BẠI NHƯ THẾ NÀO



艮上 Cấn trên
坤下 Khôn dưới

剝，不利有攸往。

Bác, bất lợi hữu du vãng.

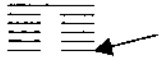
Quẻ Bác: Bất lợi đối với việc tiến tới.

"Bác" tức là bác lạc (rơi rụng), tẩm bác. Trên tượng quẻ, quẻ này 5 hào âm ở dưới, 1 hào dương ở trên, âm thịnh mà dương đơn độc, thế của nó sắp rơi rụng hết. Lại Thượng quái Cấn là núi, Hạ quái Khôn là đất, ngọn núi rất cao phải bám vào đất, có cái thế nghiêng đổ, đó cũng là biểu tượng của "Bác". "Tự quái truyện" nói: "Trí sức, nhiên hậu hanh tắc tận hỹ, cố thụ chi dĩ bác, bac giả, bác dã ". Chú trọng trang sức bề ngoài quá mức, đạt đến cực điểm, thì sẽ biến thành chỉ có bề ngoài, trở thành trang sức suông, không có tác dụng gì, thì tất nhiên nẩy sinh thụt lùi. Sự phát triển của mọi vật, một khi đã trở nên hình thức, thì thực chất không còn lại gì, sẽ từng bước biến thành hủ bại, mất sức sống. Lấy việc người để so sánh, quẻ này âm thịnh dương suy, tượng trưng tiểu nhân đắc thế, quân tử khốn cùng, sự nghiệp bại hoại. Nội quái Khôn là thuận, Ngoại quái Cấn là ngừng (chỉ). Vào lúc suy bại này, quyết sách, nguyên tắc tốt nhất là hành động thận trọng, ẩn nhẫn chờ thời cơ. Mà không nên mạo hiểm hành động. Lời tượng nói rằng: "Bác, bác dã, nhu biến cương dã. Bất lợi hữu du vãng, tiểu nhân trưởng dã. Thuận nhi chỉ chi, quan tượng dã. Quân tử đương tiêu tức doanh hư, thiên hành dã". Hào âm tiến lên, muốn biến dương thành âm; không lợi cho tiến lên, đó là vì hào âm tượng trưng cho tiểu nhân đang tăng trưởng. Quân tử lúc này nên thuận ứng thời thế, tạm dừng hành động, quan sát biến hoá, hiểu được tất cả sự vật đều có tiêu, có trưởng, có doanh, có hư, đó là cái đạo của thiên địa tự nhiên mà sức người không thể vãn hồi. Lời tượng

nói rằng: "Sơn phụ vu địa, bác; thượng dĩ hậu hạ, an trạch". Núi vốn ở trên, vì long lở mà phải bám vào đất. Người ở trên nên lĩnh hội đạo lý này, hậu đãi kẻ dưới (thuộc hạ) mà không bóc lột họ, đó chính là nguyên nhân giữ yên được nhà của mình, giữ yên được địa vị của mình. Lấy dưới bóc trên, đó là tiểu nhân bóc lột quân tử; lấy trên hậu đãi dưới, chính là thi hành ngược hẳn với đạo của tiểu nhân, là quân tử trị tiểu nhân, là đạo để trị "bác". Quân tử nên bắt chước núi bám vào đất, để đôn hậu đối đãi người khác, mới có thể an thái.

Cho nên, điều mà quẻ Bác trình bầy với chúng ta là những nguyên tắc nên theo khi cuộc sống và sự nghiệp có xu hướng suy bại.

Hoa đến lúc nở rộ, tất nhiên sẽ điêu tàn; sự nghiệp phát triển đến đỉnh điểm, nhất định sẽ bắt đầu xuống dốc. Người ta sau khi ở vào thời kỳ cực thịnh cũng tất nhiên rơi ngã. Đại quan viên đại tư sảnh viện biệt thự, cũng là khi đi tới suy yếu. Đó chính là qui luật của tự nhiên. Đằng sau thắng lợi và thành công đều đang ẩn chứa những nguy cơ. Từ sự kiến lập đến diệt vong của một vương triều, từ sự phát triển, hưng thịnh đến sự phân liệt đổ vỡ của vô số công ty, đều chỉ rõ cho chúng ta thấy một qui luật tự nhiên là sự vật phát triển đến đỉnh điểm tất nhiên sẽ phủ bại, hiểu được và thuận ứng qui luật đó để chỉ đạo quyết sách và hành vi của mình, đối với mỗi người chúng ta đều rất quan trọng, nhất là khi chúng ta ở vào nghịch cảnh.



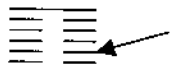
初六：剝牀以足，以蔑下也。

Sơ lục: Bác sàng dĩ túc, miệt trinh hung.

Hào Sơ lục: Tháo rời chân giường, diệt chính đạo, hung hiểm.

"Bác sàng dĩ túc" là tháo rời chân giường. Tháo rời bắt đầu từ dưới, cho nên lấy chân (túc) để nói. Miệt là diệt; miệt trinh là diệt chính đạo của nó, chỉ hào Thượng cửu. Tháo chân mà nói diệt chính đạo, cũng như dẫm lên sương mà biết băng dầy sẽ tới, thấy cái nhỏ biết cái lớn. Hào Sơ lục

tháo rời chân dường, là bắt đầu "bác", vẫn chưa thấy vội vã. Nhưng cái thế "bác" túc, không tới mức "diệt trinh" thì không thôi. Lời tượng nói rằng: "Bác sàng dĩ túc, dĩ diệt hạ dã". Diệt hạ (dưới) thì dần dần sẽ lên trên, bắt đầu tuy nhỏ, nhưng nhất định sẽ đến cái hoạ "diệt trinh" (tiêu diệt chính đạo). Lời đoán như thế là nói nên tự đề phòng khi sự việc mới bắt đầu. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* phải thấy cái nhỏ biết cái lớn và sớm đề phòng hủ bại.

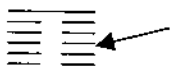


六二：剝牀以辨，蔑貞凶。

Lục nhị: Bác sàng dĩ biện, miệt trinh hung.

Hào Lục nhị: Tháo ván dường, diệt chính đạo, hung Hiểm.

"Biện" chỉ thành dường, tức dưới ván giường. Chỗ trên của chân giường, lại long lở thêm một bước, đã đến dưới giường, tức là cái ác đã phát triển thêm một bước. Lời tượng nói rằng: "Bác sàng dĩ biện, vị hữu dữ dã". "Dữ" là tương ứng. Hào Lục nhị tuy đắc trung, nhưng bên trên không có hào dương tương ứng với nó, cho nên không thể trở thành mối hại lớn, mà cái ác chỉ tới "sàng biện", nhưng cái thế hung ác của nó vẫn không ngăn được, cũng có cái hung "miệt trinh". *Hào này khuyên chúng ta rằng, hủ bại một khi sẩy ra thì thế lực của tiểu nhân sẽ càng ngày càng mạnh.*



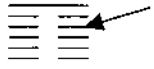
六三：剝之，无咎。

Lục tam: Bác chi, vô cữu.

Hào Lục tam: Bỏ nó đi, vô hại.

Hào Lục tam với hào Thượng cửu là chính ứng, vốn không nên nói "bác". Nhưng trong quẻ Bác, không thể thoát khỏi tên "bác". Các hào âm đều bóc hào dương, mà hào Lục tam lại một mình tương ứng với nó, cho

nên là quân tử trong đám tiểu nhân, bỏ đồ đảng của mình mà đi theo chính đạo, tuy đắc tội với bè đảng của mình, nhưng được công luận thừa nhận, cho nên chiêm đoán là "vô cữu". Lời tượng nói rằng: "Bác chi vô cữu, thất thượng hạ dã". Hào Lục tam sở dĩ "vô cữu" là vì nó mâu thuẫn với các hào âm ở trên và ở dưới. *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ có vào hùa với bọn tiểu nhân.*

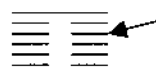


六四：剝牀以膚，凶！

Lục tứ: Bác sàng dĩ phu, hung.

Hào Lục tứ: bóc da người nằm trên giường, hung hiểm.

"Phu" chỉ da (phu) của người nằm trên dường. Hào Lục tứ đã bóc tới trên dường, bóc dường mà bóc cả da thịt người nằm trên dường, hoạ đã sát mình, cho nên trực tiếp nói "hung". Lời tượng nói rằng: "Bác sàng dĩ phu, thiết cận tai dã". Nói hoạ đã đến thân, không thể tránh khỏi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, đối với tai hoạ đã đến thân thì chỉ có ứng phó mà thôi.*



六五：貫魚以宮人寵，无不利。

Lục ngũ: Quán ngư, dĩ cung nhân sủng, vô bất lợi.

Hào Lục ngũ: Xâu cá, dẫn cung nữ đi nhận ân sủng, không có gì là không lợi.

"Quán ngư" chỉ cá xâu vào với nhau, chỉ 5 hào âm xếp thành 2 hàng. "Cung nhân" chỉ phi tần của Hậu cung. "Dĩ" nghĩa như "suất". Hào Lục ngũ cư tôn vị, lại ở trên cùng của 5 hào âm, nên có thể dẫn dắt chúng. "Quán ngư, dĩ cung nhân sủng" là hào Cửu ngũ thống lĩnh các hào âm lần lượt lên trên để nhận được sự sủng ái của một dương, tức là hào Thượng cửu. Thượng quái Cấn là chỉ (ngừng), Cấn chỉ thì không bị dương bóc. "Vô bất lợi" chỉ âm nghe mệnh lệnh của dương, như tiểu nhân nghe mệnh ở

quân tử, cho nên không có gì là không lợi. Hào Lục tứ vì bóc da mà hung, nhưng đến hào Lục ngũ vì âm trưởng dương tiêu đến cực điểm, Cấn lại thuần và chỉ (ngừng), cho nên âm không bóc dương, có biểu tượng "quán ngư, đĩ cung nhân sủng", quay lại nhận mệnh ở dương. Hào này nhằm vào tiểu nhân gian tà độc ác mà nói, biết nghe mệnh của người chính nghĩa thì là phúc của tiểu nhân và là điều may của quân tử. Lời tượng nói rằng: "Dĩ cung nhân sủng, chung vô vưu dã". Đầu mục tiểu nhân dẫn đồng loại của chúng nghe mệnh lệnh của quân tử, tự nhiên không có tai hoạ gì. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên sửa đổi tội lỗi, theo làm việc thiện.*



上九：碩果不食，君子得輿，小人剝廬。

Thượng cửu: Thạc quả bất thực, quân tử đắc dư, tiểu nhân bác lư.

Hào Thượng cửu: Trái to không ăn, quân tử được xe, tiểu nhân rỡ nhà.

"Thạc quả" là trái quả to, "bất thực" là ở trên cành chưa ăn. Các dương đều tiêu, một dương ở trên, như trái lớn chỉ còn một ở trên cành chưa bị ăn. "Dư" là xe, "lư" là nhà. Hào Thượng cửu tuy như trái quả lớn còn lại, nhưng đã đến điểm cực của quẻ. Vật cực tất phản, tất biến thành âm, như vậy thì đều thành âm cả, và trở thành quẻ Khôn. Nhưng dương không thể mất đi, trên biến thành âm thì dưới nhất định sẽ sinh một dương để thành quẻ Phục. Cho nên, sinh ở dưới, có biểu tượng quân tử được xe và được dân chở đi; bị kẻ trên bóc, có biểu tượng tiểu nhân bóc hết nhà cửa và tiểu nhân cuối cùng cũng không thể dùng được. Lời tượng nói rằng: "Quân tử được xe, được dân chở đi; tiểu nhân bóc nhà, cuối cùng không thể dùng được". Nhà cửa là để an thân, tiểu nhân rỡ bỏ cả đi, thì tất không thể an được thân chúng, nếu so với hiện thực việc người, thì sự nghiệp bại hoại, tiểu nhân không thể đặt thân ra ngoài sự nghiệp đó; nước mất nhà tan, tiểu nhân cũng

không thể tồn tại một mình được. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* gian tà độc ác tất nhiên sẽ bị quét sạch, chính nghĩa vẫn sẽ lại đến.

Nhân sinh và sự nghiệp có suy bại đã nhất định không thể tránh được, thì chúng ta nên nhớ mãi những bài học sau đây của quẻ Bác:

Một là, thấy nhỏ biết lớn. Nếu biết hủ bại nhất định sẽ phát sinh thì nên sớm có đối sách, nếu không sẽ chỉ có ngồi mà chờ chết. Thời Chiến quốc, Triệu Vũ Linh vương "mặc trang phục người Hồ, cưỡi ngựa bắn cung" thành công, mở rộng đất đai hàng ngàn dặm, võ công cực thịnh, nhưng lại phạm sai lầm rất lớn khi chọn người kế vị, phế thái tử Chương mà lập con thứ là Hà. Thái tử Chương không phục, cùng với viên tướng của ông ta là Điền Bất Lễ ngấm ngầm sửa soạn làm loạn. đại thần nhìn thấy nguy cơ ấy, khuyên Triệu tướng Phì Nghĩa rằng: "Công tử Chương cường mạnh và kiêu ngạo, bè đảng đông mà dục vọng lớn. Điền Bất Lễ tàn nhẫn và kiêu ngạo, hai người ngang nhau, nhất định sẽ có âm mưu. Tiểu nhân suy nghĩ nông cạn, mưu mô thiển cận, chỉ thấy cái lợi, không thấy cái hại, tai nạn không bao lâu nhất định sẽ sẩy ra. Ông trách nhiệm nặng nề, thế lực rất lớn, nhất định sẽ gánh lấy tai hoạ, sao không cáo ốm không ra?" Phì Nghĩa không nghe. Lý Đoài lại nhiều lần gặp công tử Thành để bảo ông ta phòng bị Điền Bất Lễ. Không lâu, công tử Chương cùng Điền Bất Lễ quả nhiên làm loạn, giết Phì Nghĩa, rồi lại định giết Triệu vương Hà. May mà Lý Đoài và công tử Thành đem quân đuổi kịp, tiêu diệt bọn họ, nhưng Triệu Vũ Linh vương cũng do vậy mà chết. Kẻ gây loạn không thể dung túng, tiểu nhân không thể để phát triển là như thế.

Hai là, sau khi hủ bại đã phát sinh, thường là không thể xoay chuyển được, thế lực của tiểu nhân sẽ càng ngày càng mạnh. Lúc này, nếu không nắm được chắc thắng thì tốt nhất là không nên trực tiếp đối kháng với thế lực tà ác, làm như thế không có ích gì cho công việc, mà nên tạm thời ẩn nhẫn chờ thời là hơn. Như đầu đời Hán, Trần Bình ứng phó Lã Hậu, cuối

đời Nguỵ, bọn Tào Sảng, Hà Yến nắm quyền, tin dùng bọn thân tín, bài xích những người không ăn cánh với mình, Thái phó Tư Mã Ý bị nghi kỵ, bị buộc từ chức về nhà. Bọn Tào Sảng kiêu ngạo xa hoa vô độ, không lo việc chính sự, mọi người khuyên can đều không nghe. Tư Mã Ý lại ngấm ngầm chuẩn bị tiêu diệt họ Tào. Vì thế, ông ta khuyên đồng bọn là Tôn Lễ "nhẫn nhục chịu đựng những điều không thể nhẫn nhục được", lại làm ra vẻ già ốm không chịu đựng được, không làm nổi trò trống gì trước mặt bọn tay sai của Tào Sảng để làm tê liệt kẻ địch, bọn Tào Sảng quả nhiên không phòng bị nữa, Tư Mã Ý mới nhân dịp Tào Sảng ra ngoài du ngoạn, cử sự thành công. Ngược lại, cuối thời Đông Hán, bọn Đậu Vũ, Trần Phồn trong tình thế hoạn quan nắm quyền, thế lực rất lớn, nhất thời khó tiêu diệt được chúng, đã suy nghĩ không chu đáo, hành động khinh suất, bị lũ hoạn quan ra tay trước, giết hại cả bọn. Thành hay không thành, chỉ trong chốc lát.

Ba là, khi thế lực gian ác còn đang bành trướng, khó mà đối phó, thì thà độc thiện kỳ thân, cũng chớ nên vào hùa với chúng. Tai nạn là hòn đá thử vàng đối với mọi người, trong hoàn cảnh nguy khốn mới tỏ rõ nhân cách sáng ngời của mỗi người. Thời thế ngày nay, chúng ta dễ dàng trông thấy rất nhiều người cam tâm xu phụ kẻ có quyền thế, như cọng cỏ đầu tường phất phơ trước gió, hễ thấy ai có sữa thì gọi là mẹ. Đó là con đường của bọn tiểu nhân, người quân tử không thèm làm thế. Vào hùa với bọn xấu, sẽ có kết cục đáng buồn là điều có thể biết được, như lũ chuột lớn nhỏ hùa theo "bè lũ bốn tên" là như thế. Cuối đời Minh, hoạn quan Nguỵ Trung Hiền chuyên quyền, bọn tiểu nhân trong thiên hạ tranh nhau hùa theo, nhận Nguỵ Trung Hiền làm cha nuôi, có bọn "Thập nhi", "Thập hổ", "Thập bưu", chuyên giúp Trụ làm càn, hoành hành trên đời. Trong nhất thời, người hiền im hơi, trong nước không một ngày yên ổn. Nhưng đợi đến khi Thiên Khải hoàng đế vừa chết, thì bọn này lập tức bị quét sạch.

Bốn là, đối với tai hoạ mà bọn tà ác trút lên đầu mình, không thể

tránh được, thì chỉ có cách vùng lên chống lại. Đầu đời Đường, Thái tử Lý Kiến Thành và Tề vương Lý Nguyên Cát ghen ghét Lý Thế Dân công lao ngất trời, ngấm ngầm mưu đồ, nhiều lần định giết Lý Thế Dân nhưng không thành, cuối cùng, Lý Thế Dân bất đắc dĩ phát động "sự biến cửa Huyền Vũ", tiêu diệt họ. Tuy là huynh đệ tàn hại lẫn nhau, nhưng có lợi cho quốc gia xã tắc, mọi người đều ca ngợi, tự nhiên là tốt lành. Như sỹ nhân cuối thời Đông Hán chống lại thế lực hung ác của hoạn quan, tuy cũng thất bại nhưng vẻ vang, lưu tiếng thơm muôn thuở.

Năm là, đối với bọn tiểu nhân mà nói, dục vọng không thể buông thả, cái ác không thể phát triển, biết tội thì sửa tội, nỗ lực hướng thiện mới là thượng sách và không còn mối lo. Cuối đời Hán, để tranh đoạt vùng Hà Đông (nay là phía nam tỉnh Sơn Tây), con Viên Thiệu là Viên Thượng sai Cao Can và Thiển Vu ở phía nam Hung Nô cùng đánh Hà Đông và sai người hẹn bọn tướng lĩnh Mã Đằng đang cát cứ Quan Trung cùng tiến quân. Mã Đằng bằng lòng. Tào Tháo sai Chung Giao giữ Hà Đông. Phó Can khuyên Mã Đằng rằng: "Người xưa có câu: "Người thuận theo đức thì hưng thịnh, kẻ ngược với đức thì bị diệt vong. Tào công vâng lệnh Thiên tử diệt trừ bạo loạn, luật pháp nghiêm minh, chính trị ổn định, trên dưới đều nghe mệnh, thế là thuận đạo. Họ Viên vứt bỏ mệnh vua, xua bọn giặc Hồ vào xâm lăng Trung Quốc, có thể gọi là nghịch đức. Nay tướng quân ngấm ngầm chơi trò đòn cân hai mũi, e rằng sau khi thành bại, thì tướng quân bị chém đầu trước. Mã Đằng sợ, Phó Can lại nói: "Bậc trí giả chuyển hoạ thành phúc, nếu tướng quân đem quân đánh Viên Thượng, Tào công nhất định sẽ kính trọng đức của tướng quân, thì công danh của tướng quân sẽ không ai sánh được". Mã Đằng nghe theo, sau quả nhiên lập được công lớn.

Sáu là, bất luận tà ác điên cuồng như thế nào, chúng ta cũng đều vững tin rằng, tà ác nhất định sẽ bị quét sạch, chính nghĩa sẽ lại trở về. Khi những người cộng sản Trung Quốc ở vào tình thế cách mạng khó khăn

nhất, họ chưa bao giờ mất niềm tin vào tiền đồ của cách mạng, người trước ngã, người sau xông lên, đổ máu phấn đấu hy sinh, cuối cùng đã thắng lợi. Còn phái cách mạng dân chủ do Tôn Trung Sơn đứng đầu, khi nhiều lần khởi nghĩa thất bại, lưu vong khắp nơi, không được an cư, cũng chưa bao giờ tiêu ma ý chí đấu tranh cách mạng, cuối cùng đã đánh đổ chính phủ Mãn Thanh thối nát.

Do đó, khi tiểu nhân đắc thế, đạo quân tử tiêu đầm, sự nghiệp nguy khốn, chúng ta nên ghi nhớ các nguyên tắc dưới đây của quẻ Bác:

❑ *Ghi nhớ:*

1- Thấy nhỏ biết lớn, kịp thời phòng bị.

2- Không tiến hành đối kháng khi chưa nắm chắc thắng lợi.

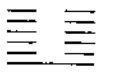
3- Khi chưa có sức vãn hồi thì độc thiện kỳ thân.

4- Hoạ hại đến với mình thì phải hăng hái phản kích.

5- Tiểu nhân nên sửa đổi tội lỗi, hướng theo cái thiện.

6- Vật cực tắc phản, tà ác nhất định sẽ bị quét sạch.

24. 復 PHỤC - VÙNG LÊN TỪ THẤT BẠI



坤上 Khôn trên
震下 Chấn dưới

復亨，出入無疾，朋来无咎。

Phục, hanh. Xuất nhập vô tật. Bằng lai vô cữu.

Quẻ Phục: Hanh thông. Không tiến triển nhanh chóng. Bạn bè đến, vô hại.

"Phục" nghĩa là hồi phục, khôi phục. Quẻ này do quẻ Bác ở trên biến hào mà thành. Hào Thượng cửu của quẻ Bác biến đổi thành âm, nhưng dương không thể hết, một dương lại sinh ra ở dưới, như là dương được phục hồi, cho nên gọi là quẻ Phục. "Tự quái truyện" nói: "Vật không thể cùng tận, Bác đến cùng thì (dương) ở trên trở về dưới, cho nên tiếp sau đó là quẻ Phục". Về hình quẻ, hai quẻ trên dưới tương phản lẫn nhau, chungs hợp thành một nhóm quẻ, sử dụng bổ sung cho nhau. "Xuất nhập" chỉ dương cương trở lại. "Vô tật" là không tiến triển một cách nhanh chóng. "Bằng" chỉ hào âm đang lôi kéo. "Phản phúc kỳ đạo" chỉ con đường mà dương cương đi qua đi lại. Dương cực ở Lục, âm cực ở Lục, vật cực tắc phản, cho nên "thất nhật lai phục". Lời chiêm đoán là đi xa thì có lợi (lợi hữu du vãng). *Chu Dịch* cho rằng, âm dương (và tất cả sự vật có đối lập và thống nhất với nhau) thì đều có thăng có đầm, có thịnh có suy, đầy vơi sinh diệt, tuần hoàn vô cùng, cho nên lấy các quẻ Bĩ và Thái, Bác và Phục để trình bầy đạo lý ấy. Lời Thoán nói rằng: "Phục hanh, cương phản động nhi dĩ

thuận hành, thị dĩ xuất nhập vô tật, bằng lai vô cữu. Phản phục kỳ đạo, thất nhạt lai phục, thiên hành dã. Lợi hữu du vãng, cương trưởng hỹ, phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ ". Quẻ Phục sở dĩ hanh thông, là vì dương cương trở về, lại bồng bột sức sống. Nội quái Chấn là động, Ngoại quái Khôn là thuận, thuận mà động, dương cương tự nhiên đi lên mà không có trở ngại, âm dương lập đi lập lại không dứt, đây là qui luật tự nhiên của trời đất, cũng chính là tấm lòng sinh sinh bất tức của trời đất. Lời tượng nói rằng: "Lôi tại địa trung, Phục; Tiên vương dĩ chí nhật bế quan, thương lữ bất hành, hậu bất tỉnh phương". Thượng quái Khôn là đất, Hạ quái Chấn là sấm (lôi). Sấm ở trong đất, một dương phát sinh, chính là lúc vạn vật sắp phát sinh. "Chí nhật" chỉ ngày đông chí. Cổ nhân cho rằng hành động của con người nên phù hợp với đạo của tự nhiên, cho nên vào ngày đông chí, khi dương bắt đầu tái sinh, phải trên dưới yên lặng để nuôi dưỡng dương còn yếu ớt, đóng chặt cửa quan, không cho khách buôn thông hành, quân vương cũng không đi thị sát các nơi.

Lấy việc người mà so sánh, quẻ Phục nói về sự hồi phục của dương, tức là những đối sách cần áp dụng khi đạo quân tử trưởng, đạo tiểu nhân tiêu, nhân sinh và sự nghiệp từ trong khó khăn và thất bại đã khôi phục lại sinh khí.

Sự phát triển của bất kỳ sự vật nào trên thế giới, có suy thì nhất định có thịnh, có thất bại thì nhất định có thành công, thành công là tạm thời, thất bại và vấp váp cũng là tạm thời, thất bại và thành công thay thế lẫn nhau, tuần hoàn không ngơi nghỉ. Đây là đạo lý của tự nhiên và cuộc sống mà *Chu Dịch* nhắc đi nhắc lại với chúng ta. Cuộc sống của cá nhân là như thế, xí nghiệp, tổ chức, cho đến dân tộc, nhà nước cũng đều như thế. Cho nên, nguyên tắc của quẻ Phục có ý nghĩa chỉ đạo phổ biến. Khi cuộc sống gặp vấp váp và sự nghiệp bị suy bại đến cực điểm thì chúng ta nên nắm vững thời cơ này, khôi phục, mở rộng và phát triển sự nghiệp của mình.

Nguyên tắc của quẻ Phục đã ngưng đọng rất nhiều kinh nghiệm và trí tuệ cuộc sống của tổ tiên chúng ta.

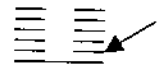


初九：不遠復，无祗悔，元吉。

Sơ cửu: Bất viễn phục, vô chỉ hối, nguyên cát.

Hào Sơ cửu: Đi chưa xa quay trở lại, không có điều hối hận, tốt lành lớn.

"Bất viễn" là sai lầm chưa quá xa; "chỉ" là thích (đi, tới), tới nơi cần đi. Tuy có sai lầm, nhưng không xa lại quay lại. Hào Sơ cửu là một dương mới sinh ở dưới, là chủ của quẻ Phục, ở buổi đầu của sự việc, sai lầm chưa xa đã quay về với thiện, lời chiêm đoán tự nhiên là đại cát. Lời tượng nói rằng: "Bất viễn chi phục, dĩ tu thân dã." Đạo của Phục như học tập, biết là không tốt thì mau chóng sửa đổi, còn dùng để tu thân, đừng để lỡ thời cơ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khôi phục sự nghiệp nên kịp thời nắm vững thời cơ.*



六二：休復吉。

Lục nhị: Hưu phục, cát.

Hào Lục nhị: Vui vẻ trở lại, tốt lành.

"Hưu" là đẹp, thiện, vui, phúc. Hưu mà có khách. *Như nhã - Thích ngôn*: "Hưu nghĩa là phúc". *Quảng nhã - Thích ngôn*: "Hưu nghĩa là vui". "Hưu phục" nghĩa là vui vẻ trở lại. Hào Lục nhị nhu thuận trung chính, dưới gần hào Sơ cửu, biết hướng xuống hào Sơ cửu dương cương có đức, có đức tốt hướng thiện, cho nên nói "hưu phục, cát". Lời tượng nói rằng: "Hưu phục chi cát, dĩ hạ nhân dã". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khôi phục sự nghiệp nên tích cực áp dụng các biện pháp, nỗ lực cải biến tình trạng hiện tại.*



六三：頻復，厲，无咎。

Lục tam: Tần phục, lệ, vô cữu.

Hào Lục tam: Trở lại nhiều lần, cố gắng, vó hại.

"Tần" là nhiều lần. Hào Lục tam là hào âm, ở dương vị, bất trung bất chính, lại ở cực của Hạ quái Chấn, một phục vừa hết, một phục lại tới, động nhưng không vững, nhiều lần mất nhiều lần hồi phục, đương nhiên là nguy hiểm. Nhưng hào Lục tam có sai lầm mà biết quay lại, còn tốt hơn là mê lầm không biết hồi phục, tuy không tránh khỏi nguy hiểm, nhưng vẫn đến với phục, cho nên "lệ vô cữu" (nguy hiểm nhưng không có tai hoạ). Lời tượng nói rằng: "Tần phục chi hậu, nghĩa vô cữu dã". Biết sửa đổi lỗi lầm, vẫn có thể không gặp tai hoạ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khôi phục sự nghiệp nên quả đoán kiên quyết, tuyệt đối tránh do dự, không quyết đoán.*



六四：中行獨復。

Lục tứ: Trung hành độc phục.

Hào Lục tứ: Giữa đường, một mình trở lại.

"Trung hành" là ở giữa đường. Quẻ Phục có 5 hào âm, thì hào Lục tứ ở giữa, hào âm ở âm vị, trung lại được chính, lại tương ứng với hào Sơ cửu ở dưới. "Độc phục" là không theo đồng loại của nó mà theo dương, trong quần âm, một mình biết theo dương cương ở dưới, cho nên nói "trung hành độc phục". Lời tượng nói rằng: "Trung hành độc phục, đi tòng đạo dã". Không theo đồng loại mà "độc phục" là để thuận theo chính đạo. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khôi phục sự nghiệp phải kiên trì nguyên tắc, độc lập mà đi, không nên theo người khác.*

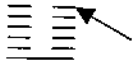


六五：敦復，无悔。

Lục ngũ: Đôn phục, vô hối.

Hào Lục ngũ: Bị ép nhưng biết quay lại, không có điều gì phải hối hận.

Thuyết văn: "Đôn" nghĩa là nổi giận, phỉ báng. *Thi. Bắc môn*: "Vương sự đôn ngã", có nghĩa bức bách. "Đôn phục", là phục nhưng bị người khác bức bách. Cái "phục" tuy bị động, nhưng biết hồi phục thì "vô hối" (không có điều gì phải hối hận). Hào Lục ngũ với đức trung chính, cư tôn vị, âm nhu mà ở dương vị, lại gần với cực của quẻ Phục ở phía trên, không "phục" thì bất lợi, cho nên "đôn phục". Lời tượng nói rằng: "Đôn phục vô hối, trung dĩ tự khảo dã". Nội tâm của nó biết tự khảo chính mình, và theo về với phục, cho nên "vô hối". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi khôi phục sự nghiệp, dẫu là bị bắt buộc cũng sẽ có lợi.*



上六：迷復，凶，有災眚，用行師，終以大敗；以其國君，凶至于十年，不克征。

Thượng lục: Mê phục, hung, hữu tai sảnh. Dụng hành sư, chung dĩ đại bại, dĩ kỳ quốc quân, hung; chí vu thập niên, bất khắc chinh.

Hào Thượng lục: Mê lầm không trở lại, hung hiểm, có tai nạn. Nếu tác chiến sẽ hại đến cả quốc quân, hung hiểm; đến 10 năm cũng không thể gây dựng lại.

Thượng quái Khôn là mê. "Mê phục" là mê lạc cái "phục" mà không biết hồi phục, mà lại ở vào điểm cực của Khôn mê, thì "mê phục" đã đến cực điểm. "Dĩ" nghĩa là và, cùng, đến. Vì tác chiến thất bại mà luỵ cả đến quân vương của mình, có nỗi lo sụp đổ. "Bất khắc chinh" thì không thể rửa được nhục đó. Mê lạc đường mà không trở về được, nhất định bị kẻ địch lợi dụng mà dẫn đến đại bại. Nếu quốc quân ở trong quân cũng không tránh được nạn ấy. Sau khi đại bại, đến 10 năm cũng không thể gây dựng lại được

quân đội, nói mức độ thê thảm của thất bại. Hào Thượng lục âm nhu, ở giữa quẻ Phục, mê lạc mà không biết theo ai. Thiên tai nhân hoạ dồn dập, mất quân nhục vua, mức độ hung đến như vậy. Lời tượng nói rằng: "Mê phục chi hung, phản quân đạo dã". "Phản quân đạo" là trở lại quân đạo của hào Lục ngũ, tức là ở điểm cực của Khôn, lại không có đức trung thuận, mê lầm mà không biết quay trở lại, cho nên hung. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* nếu nên phục mà không phục, chấp mê không tỉnh ngộ thì nhất định sẽ hung hiểm.

Cho nên ở vào bước ngoặt tà ác đến độ tột cùng, đạo quân tử lớn lên, đạo tiểu nhân tiêu đầm, chúng ta nên:

Một là, kịp thời nắm vững tất cả mọi thời cơ có thể lợi dụng được, để khôi phục sự nghiệp của mình. Khi tà ác đang điên cuồng, chúng ta phải nhẫn nhục ẩn náu là để bảo tồn thực lực, khi ấy, sinh tồn là thành công. Lúc này, thì nên kịp thời xuất kích. Về mặt binh pháp, nguyên tắc này rất có hiệu quả. Khi kẻ địch cực thịnh thì cũng là lúc bắt đầu suy bại, nhược điểm của nó nhất định sẽ bộc lộ. Đánh vào chỗ yếu của kẻ địch làm rung động căn bản của nó, thì có thể lấy yếu thắng mạnh, biến bại thành thắng. Trong các chiến dịch nổi tiếng như trận Quan Độ, trận Xích Bích, đều là bên yếu trong tình hình quả bất địch chúng, kiên quyết giữ vững để chờ đối phương mệt mỏi, cuối cùng đánh úp một trận mà thành công, từ đó làm cho cục diện triệt để thay đổi. Nói cụ thể tới việc người, thì nguyên tắc này cũng có tác dụng rất rộng lớn. Đối với tiểu nhân cũng như đối với kẻ địch, thì nguyên tắc của binh pháp có thể vận dụng rất tốt vào trong đó.

Hai là, khôi phục sự nghiệp không nên ngồi chờ tình thế phát triển theo hướng có lợi cho mình, mà phải tích cực áp dụng các biện pháp, nỗ lực thay đổi hiện trạng. Khi cuộc chiến tranh Sở – Hán bắt đầu, Lưu Bang liên tiếp thất bại rút chạy. Sau khi lui giữ phòng tuyến Huỳnh Dương, tuy đã ngăn chặn được bước tiến về phía tây của quân Sở, nhưng quân Hán vẫn ở

vào cục diện bị động chịu đòn. Để xoay chuyển tình thế, Lưu Bang tích cực vận dụng 3 bước đi quan trọng: Trước hết, sai Hàn Tín, Trương Nhĩ đem quân vượt sông Hoàng Hà, đánh vào vùng đất các nước Ngụy, Triệu, Đại ở phía bắc, khống chế được vùng đất này rồi, thì cánh bên hữu của quân Sở bộc lộ ở phía trước mặt quân Hán; Hai là, sai mưu sỹ Tuỳ Hà đi Cửu Giang khuyên Hoài Nam vương Anh Bố phản lại Hạng Vũ, đem quân giúp nhà Hán, nước cờ này thành công, đã làm tan vỡ và tiêu hao lực lượng của Hạng Vũ, mà tăng cường sức mạnh cho quân mình; Ba là, sai Bành Việt, Lưu Giả đem tinh binh không ngừng xuất kích, quấy rối hậu phương của quân Sở, đánh thành chiếm đất, cắt đứt đường vận tải lương thực, làm cho quân Sở đối phó rất mệt mỏi. Thông qua 3 giải pháp đó, Lưu Bang đã triệt để xoay chuyển được cục thế, biến thế xấu thành ưu thế, đã nắm được quyền chủ động của chiến tranh, từ đó đặt cơ sở cho thắng lợi. Cuối thời Đông Hán, khi Tào Tháo cầm cự với Viên Thiệu ở Quan Độ, cũng gặp phải cục thế xấu nhiều ít chênh lệch như thế. Tào Tháo một mặt ra lệnh cố giữ để tiêu hao lực lượng tác chiến của quân Viên Thiệu, một mặt tích cực xuất kích, chọn khâu yếu của quân Viên Thiệu, tập trung binh lực ưu thế để đánh phá vào chỗ đó. Trong hoàn cảnh căng thẳng lương thực sắp hết, khó giữ được lâu, lại nắm vững thời cơ, quả cảm quyết đoán đem quân thình lình đánh úp Mã Sào, thiêu huỷ lương thảo của quân Viên Thiệu, làm cho quân Viên Thiệu rối loạn, từ đó đã dành được thắng lợi.

Ba là, một khi có thời cơ khôi phục sự nghiệp, phất cao ngọn cờ, thì nên quả cảm quyết đoán, mau chóng hành động, không được trù trừ do dự. Về mặt này thì Lưu Bang và Tào Tháo là hai ví dụ điển hình. Nhưng trước chiến dịch Quan Độ, để diệt trừ hậu hoạn, Tào Tháo tự mình đem quân tiến đánh Trương Tú cát cứ ở Nam Dương, bao vây Trương Tú ở đất Nhương (nay ở phía tây nam Nam Dương). Gặp lúc tiền phương truyền tin tới, nói mưu sỹ của Viên Thiệu là Điển Phong khuyên Viên Thiệu đánh úp Hứa

Đô. Tào Tháo cả sợ, vội vàng giải vây rút về. Trương Tú đem quân đuổi đánh, mưu sỹ Giả Hủ khuyên ngăn, Trương Tú không nghe, tiến quân giao chiến, thua to phải rút về. Giả Hủ lên thành nói với Trương Tú: "Hãy mau quay lại đuổi đánh, đánh nữa thì nhất định thắng." Trương Tú nghe theo, thu thập tàn quân, lại đuổi đánh, quả nhiên đại thắng, đem quân trở về. Trương Tú hỏi Giả Hủ: "Tôi đem tinh binh đuổi đánh quân địch rút lui thì ông bảo nhất định sẽ thua, đến khi đem quân thua đuổi đánh quân thắng thì ông lại bảo là nhất định thắng, tất cả đều như lời ông nói, thế là vì sao?" Giả Hủ nói: "Điều này dễ hiểu thôi. Tướng công tuy giỏi dùng binh, nhưng không phải là địch thủ của Tào Tháo. Quân Tào Tháo mới rút, thì thế nào ông ta cũng tự mình chặn hậu, cho nên biết tướng quân thế nào cũng thua. Tào Tháo đánh tướng quân, chưa thua đã rút, thì nhất định trong nước sẩy ra biến cố. Sau khi đánh bại truy binh của tướng quân, thì nhất định đem đơn vị nhẹ hành quân gấp, để lại các tướng chặn hậu. Các tướng tuy dũng cảm, nhưng không phải là địch thủ của tướng quân, cho nên biết tướng quân nhất định thắng". Trương Tú rất khâm phục. Thắng hay thua chỉ trong nháy mắt.

Bốn là, kiên trì nguyên tắc, nỗ lực theo hướng mục tiêu đã định mà không nên tuỳ tiện theo lời người khác. Cuối đời Tuỳ, Vương Thế Sung cố giữ Đông đô Lạc Dương, đánh nhiều lần thất bại, tổn thất rất nhiều, nhưng vẫn hăng hái chiến đấu không thôi. Có vị đại thần ở Đông đô khuyên Thế Sung đầu hàng, nhưng ông không nghe theo. Năm 618, Lý Mật đánh nhau với Vũ Văn Hoá, tuy thắng lợi, mà quân mạnh ngựa tốt đã chết mất nhiều. Nhưng Lý Mật cho rằng, quân số Đông đô đã thua lại yếu, mà tướng văn tướng võ lại còn chém giết lẫn nhau, thì sớm muộn thế nào cũng dẹp được. Vương Thế Sung bí mật biên chế đội ngũ, đem quân ra đánh Lý Mật. Lý Mật xuất quân chờ đợi. Tướng lĩnh của Lý Mật là Bùi Nhân Cơ và Ngụy Trưng khuyên Lý Mật không nên ra đánh, cho rằng quân của Vương Thế

Sung thiếu lương thực, quyết chí tử chiến, khó tranh thắng thua với họ. Lý Mật không theo, trong lòng lại coi thường Vương Thế Sung. Vương Thế Sung thừa cơ, nửa đêm đem quân đánh úp, Lý Mật thua to, bọn tỳ tướng Đan Hùng Tín đầu hàng Vương Thế Sung, quân lính tan vỡ gần hết. Lý Mật bất đắc dĩ phải chạy vào Quan Trung theo Đường vương Lý Uyên. Vương Thế Sung tuy sau này bị thất bại, nhưng quyết sách của ông đối với Lý Mật đã thắng, cuối cùng đã vãn hồi được cục thế suy đồi, đánh bại được kẻ địch.

Năm là, có thời cơ lại phất cao cờ, vãn hồi cục thế suy đồi, có thể lợi dụng được cố nhiên là tốt, nhưng dẫu không có thời cơ, thì vùng lên phản kích cũng còn hơn là ngồi mà chờ chết. *Tôn tử binh pháp* nói: "Hãm vào chỗ chết thì sau sống, hãm vào chỗ mất thì sau còn", chính là đã lợi dụng nguyên lý này. Nhân sự cũng như binh thế, phút chốc mà có hàng vạn biến hoá, người giỏi lợi dụng thời cơ thì thắng. Hai bên Tôn Quyền và Lưu Bị trong trận Xích Bích chính là trong cục diện không mất thì còn, đã có quyết định bắt tay nhau chống địch mà giành được thắng lợi. Nhưng trước trận Xích Bích, những người như Trương Chiêu đã từng hết lời khuyên Tôn Quyền đầu hàng Tào Tháo, cho rằng địch nhiều ta ít, đánh lại nhất định sẽ chắc chắn thất bại. Vương Thế Sung đánh Lý Mật cũng là một trận quyết tử mà giành được thành công.

Sáu là, mê lạc không hồi phục, nhất định sẽ bị diệt vong. Thất bại của nhiều người, không phải thực sự bị kẻ thù đánh bại, mà là sau khi gặp phải vấp váp, tự mình đã làm mất ý chí chiến đấu, rồi bị kẻ địch lợi dụng. Như thời Tam quốc, nước Thục bị tiêu diệt. Đương lúc quân của Đặng Ngải, Chung Hội tiến đến Thành Đô, quân của nước Thục vẫn còn hơn 10 vạn, binh khí, áo giáp hoàn hảo, tướng lĩnh như bọn Khương Duy cũng còn, vẫn có thể quyết chiến được. Nhưng Hậu chúa bất tài, ra sắc lệnh đầu hàng, các tướng sỹ rút dao chém vào đá, nuốt hận mà mất nước. Cuối năm 1944, quân Nhật xâm lược Trung Hoa, thế lực của chúng đã suy yếu,

không còn lực lượng để tiến công với qui mô lớn, mà để đánh thông tuyến, quân Nhật chỉ dùng mấy sư đoàn để tấn công, bộ phận quân Quốc dân đảng như Thang Ân Bá thì như chim đã bị trúng tên, tan vỡ tháo chạy, tổn thất binh lực tới mấy chục vạn, mất đến hàng ngàn dặm đất, bị quân địch chê cười. Trong khi đó, Bát lộ quân và Tân tứ quân đã phát động phản công cục bộ quân Nhật ở nhiều nơi. Hai đảng Quốc, Cộng thắng, thua, thành, bại đã có thể phán đoán ngay từ lúc đó, vốn không phải chờ đến các cuộc đại chiến sau này.

Cho nên, khi chúng ta đã trải qua những khó khăn gian khổ trong cuộc sống và trong sự nghiệp, chịu đựng những thời khắc gian khó nhất, chuẩn bị khôi phục, mở rộng sự nghiệp của mình, thì xin ghi nhớ:

□ *Ghi nhớ:*

1- Nắm chắc thời cơ, thời cơ sẽ không tới lần Hai là,.

2- Phát huy tính chủ động, tích cực hành động.

3- Quả cảm, quyết đoán, không được do dự.

4- Mục tiêu đã xác định, thì nên kiên trì đến cùng.

5- Vùng lên phản kích còn hơn ngồi mà chờ chết.

6- Mê lạc không hồi phục nhất định sẽ dẫn tới diệt vong.

25. 无妄 VÔ VỌNG - ĐÀO MẬN KHÔNG NÓI, DƯỚI TỰ THÀNH LỜI

䷘ 乾上 Càn trên
震下 Chấn dưới

无妄元亨，利貞，其匪正，有眚，不利有攸往

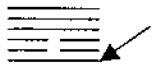
Vô vọng, nguyên, hanh, lợi, trinh. Kỳ phỉ chính hữu sảnh, bất lợi hữu du vãng.

Quẻ Vô vọng: Nguyên, hanh, lợi, trinh. Nếu không chính đáng, sẽ có tai hoạ, không lợi cho việc tiến lên.

"Vọng" đối lập với thành. "Vô vọng" là chí thành và không có hư vọng. *Sử ký - Xuân Thân Quân liệt truyện* giải thích "vô vọng" là không có gì đáng kỳ vọng. Đại để là gặp việc thì gắng hết sức mà làm, còn như cát, hung, hoạ, phúc, thì đều phó mặc cho tự nhiên, thắng cố nhiên là đáng mừng, bại cũng không đáng lo. Chỉ có "vô vọng", tức thành thực mà không giả dối, nên sẽ không chuốc lấy tai hoạ. "Sảnh" là tai hoạ. Nếu tâm không thành thực và không tránh khỏi hư vọng, thì kỳ vọng cầu phúc lại dùng thủ đoạn vô đạo để có phúc, như thế chỉ có thể chuốc lấy tai hoạ mà thôi. "Tự quái truyện" nói: "Phục thì không vọng, cho nên tiếp đó là quẻ Vô vọng". Sự vật được khôi phục trật tự và sức sống, tự nhiên không loạn; thành thực và làm việc theo qui luật của tự nhiên thì tự nhiên là cát tường. Nội quái Chấn là động Ngoại quái Càn là kiện. Kiện và động chính là hành động tích cực, có hình tượng làm nên, cho nên chiêm đoán là vĩ đại, hanh thông, tốt lành, kiên trinh, và sẽ có những thu hoạch bất ngờ. Lời Thoán nói rằng:

"Vô vọng, cương từ ngoài tới, và làm chủ ở bên trong. Động và kiện, kiên trung và ứng, đại hanh do chính, đó là mệnh trời. Nếu bất chính thì có tai hoạ, không có lợi khi đi xa. Đi xa trong vô vọng, thì đi đâu? Mệnh trời không phù hộ thì làm gì?." Hào Cửu ngũ và hào Cửu nhị trong quẻ tương ứng, đại hanh do chính, có lợi cho chính đáng, nếu không chính đáng thì có hại, tự nhiên không có lợi cho sự tiến lên, mà trời cũng không phù hộ. Lời tượng nói rằng: "Thiên hạ lôi hành, vật dữ vô vọng; Tiên vương dĩ mậu đối thời, dục vạn vật." Thượng quái Càn là trời, Hạ quái Chấn là sấm, dưới trời có sấm, âm dương hợp nhau, sinh ra muôn vật, làm cho mọi vật đều sinh trưởng theo qui luật. Tiên vương thời xưa bắt chước tinh thần ấy, thuận ứng qui luật khách quan của sự vật mà nuôi dưỡng vạn vật.

Cho nên, quẻ Vô vọng trình bầy với chúng ta những phương pháp, nguyên tắc làm thế nào để thành thực dựa vào qui luật khách quan của sự vật mà làm việc để cho cuộc sống và sự nghiệp thành công. Quẻ Vô vọng và quẻ Lý có thể tham khảo lẫn cho nhau. Quẻ Lý coi trọng thực hiện mục tiêu một cách chắc chắn, quẻ Vô vọng thì nhắc nhở người ta thực sự tổng kết kinh nghiệm, làm việc theo qui luật tự nhiên và không vọng cầu, không vọng cầu thì vững vàng mà thoả đáng, vững vàng và thoả đáng thì làm việc gì cũng nhất định thành công, tích luỹ thành công nhỏ, nhất định sẽ dẫn tới thành công lớn. Như thế là "vô vọng".



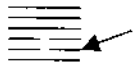
初九：无妄，往吉。

Sơ cửu: Vô vọng, vãng cát.

Hào Sơ cửu: Không làm càn, tiến lên sẽ tốt lành.

"Vô vọng" ở đây có thể giải thích là đi một cách vô vọng. *Thuyết văn*: "Vọng nghĩa là loạn". Lời không chính đáng gọi là vọng ngôn, hành vi không chính đáng gọi là vọng hành. "Vô vọng" chỉ nên như thế nào. "Vô

vọng vãng" là không đi loạn, đáng đi thì đi, không đáng đi thì không đi, biết hành động tự nhiên như thế thì không có sai lầm và tai hoạ không đến. Hào Sơ cửu dương cương đắc chính, ở vị trí đầu của quẻ Vô vọng, hào tương ứng với nó cũng là hào dương, tượng trưng hào Sơ cửu không ích kỷ, nhất cảm, nhất động thuần tuý xuất phát từ lòng thành. Cho nên nói: "Vô vọng, vãng cát". Lời tượng nói rằng: "Vô vọng chi vãng, đắc chí dã". Hành động vô vọng, tự nhiên có thể được toại nguyện, thoả mãn tâm chí. *Hào này khuyên chúng ta rằng, những hành động chắc chắn, hợp qui luật nhất định sẽ cát tường.*



六二：不耕獲，不菑畬；則利有攸往。

Lục nhị: Bất canh hoạch, bất tri dư, tắc lợi hữu du vãng.

Hào Lục nhị: Không cấy cấy, không thu hoạch; không khai hoang, không lo ruộng tốt thì có lợi cho sự tiến lên.

"Canh" là xuân canh, "hoạch" là thu hoạch về mùa thu, "tri" là ruộng khai khẩn được một năm, "dư" là ruộng thục đã khai khẩn được 3 năm. "Nhĩ nhã. Thích địa": "Điền, nhất tuế viết tri, tam tuế viết dư". "Bất canh hoạch" là khi vừa mới canh tác thì không kỳ vọng vào thu hoạch ruộng ấy. "Bất tri dư" là khi mới khai khẩn được một năm thì không hy vọng nó trở thành ruộng "dư". "Bất canh hoạch, bất tri dư" nghĩa là phải hiểu đạo mà không tính công, mặc nó tự nhiên. Hào Lục nhị nhu thuận trung chính, không có lòng kỳ vọng riêng tư, cho nên có hình tượng này. Cứ làm trước đã mà không có kỳ vọng vào sau, người xưa làm như vậy thì "lợi hữu du vãng". Lời tượng nói rằng: "Bất canh hoạch, vị phú dã".Tức là chưa có lòng ham giầu có. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* làm việc nên thuận theo tự nhiên, không nên có ảo vọng phi phận.

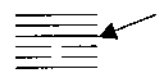


六三：无妄之灾，或繫之牛，行人之得，邑人之灾。

Lục tam: Vô vọng chi tai, hoặc hệ chi ngưu, hành nhân chi đắc, ấp nhân chi tai.

Hào Lục tam: Không làm càn mà gặp tai vạ, trâu buộc bỏ chạy, người đi đường bắt được, người trong ấp chịu tai nạn.

"Tai" thời xưa nói chung chỉ hoả tai của trời. Những việc có liên quan đến "tai" được ghi chép trong những thư tịch cổ như *Tả truyện* rất nhiều. "Ấp" là cư ấp, "hành nhân" là người qua đường. Trâu (ngưu) vốn là phải buộc, lại gặp hoả tai bột phát của trời, hoảng sợ bỏ chạy. Người trong ấp vốn không mong trâu bỏ chạy, người đi đường tình cờ bắt được trâu, đó là phúc của người đi đường nhưng là tai hoạ của người trong ấp. Lời tượng nói rằng: "Hành nhân đắc ngưu, ấp nhân tai dã", người trong ấp không mong mất trâu mà bị mất, cho nên nói là tai nạn "vô vọng". Hào Lục tam âm nhu bất chính, cho nên có biểu tượng này. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên thản nhiên tiếp nhận tai hoạ đột phát.*

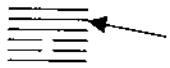


九四：可貞，无咎。

Cửu tứ: Khả trinh, vô cữu.

Hào Cửu tứ: Nếu có thể giữ được trinh chính thì vô hại.

"Khả" là đáng. Hào Cửu tứ dương cương và kiện, có thể làm nên, nhưng dưới không có hào ứng với nó, thời cơ hành động chưa chín mùi, nên lời đoán như thế. Chỉ có thể giữ vững chính đạo mà không vọng động thì có thể vô cữu. Lời tượng nói rằng: "Khả trinh vô cữu, cố hữu chi dã". "Cố hữu" là vốn đã có. Hào Cửu tứ không có ứng ở dưới thì sẽ không vọng động, đó là tính cố hữu của nó, cho nên "vô cữu". *Hào này khuyên chúng ta rằng, thời cơ chưa chín mùi thì dù có lực lượng cũng không nên vọng động.*

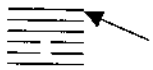


九五：无妄之疾，勿藥，有吉。

Cửu ngũ: Vô vọng chi tật, vật dược, hữucát.

Hào Cửu tứ: Không làm càn mà bị bệnh, không thuốc thang, cũng có thể tốt lành.

"Tật" là bệnh. Hào Cửu ngũ biến thì hào giữa là khảm, khảm là bệnh tim, là biểu tượng của tật, là sự biến bất ngờ, dẫu là thánh nhân cũng không tránh được, mấu chốt là con người đối xử như thế nào. Sự biến bất ngờ cũng như bệnh tật không trông đợi. Hào Cửu ngũ dương cương trung chính, là cực của "vô vọng", dẫu có tật bệnh không trông đợi mà tới, cũng có thể không cần thuốc thang mà tự khỏi. Lời tượng nói rằng: "Vô vọng chi dược, bất khả thí dã". Nếu cứ thử chữa chạy, thì lại trở nên hư vọng mà sinh tật bệnh, chỉ có thể mặc cho nó tự khỏi thôi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên kiên trì giữ trung chính, lấy bất biến để ứng vạn biến.*



上九：无妄行，有眚，无攸利。

Thượng cửu: Vô vọng hành, hữu sảnh, vô du lợi.

Hào Thượng cửu: Không hành động liều lĩnh, hành động thì có tai hoạ, không có lợi gì.

Tức là không hành động liều lĩnh, hành động thì có tai hoạ và không có lợi gì. Hào Thượng cửu đã đến điểm cùng của quẻ Vô vọng, bản thân tuy dương cương có sức mạnh, nhưng phía trước đã không còn đường tiến. Hào Thượng cửu lại là gốc của Thượng quái Cấn, không thể động, lại cương kiện và vọng động, nhưng thời, vị đã cùng, nên không có lợi và có tai hoạ. Lời tượng nói rằng: "Vô vọng chi hành, cùng chi tai dã". Lời chiêm đoán của hào này cũng gần như lời của hào Thượng cửu của "kháng long hữu hối". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi thời mệnh đã cùng, thì nên an phận, hiểu mệnh trời.*

Theo nội dung trên thì có thể biết, quẻ Vô vọng đối với chúng ta có ý nghĩa chỉ đạo rất lớn.

Một là, mỗi người chúng ta nên học biết cách sống thực tế, chắc chắn, làm cho mỗi quyết sách và hành động của chúng ta đều phù hợp với qui luật của tự nhiên và xã hội, có như thế mới có thể thực hiện đầy đủ giá trị của cuộc sống. Tự nhiên có qui luật, xã hội có qui luật, chiến tranh có qui luật, kinh tế có qui luật, giao tiếp đi lại với người càng có qui luật có thể tìm thấy, chỉ là vì mỗi người chúng ta đều dựa theo trực giác của mình để hành động, hay vừa sống, vừa học tập mà thôi. Tự thân *Chu Dịch* là sự tổng kết mẫu mực qui luật của cuộc sống và sinh hoạt xã hội. Ca Nai của nước Mỹ đã tổng kết ra nhiều nguyên tắc quan trọng trong giao tiếp với người. Hiểu được và vận dụng chính xác những nguyên tắc này sẽ có tác dụng chỉ đạo không thể đo lường được đối với cuộc sống của con người. Hơn nữa, con người không nhất định cứ phải làm rõ tất cả các qui luật, chỉ cần nhận thức và vận dụng một hay một vài qui luật trong đó thì đã có thể đem lại thành công cho chúng ta. Những ví dụ loại này rất nhiều, đọc tác phẩm của Ca Nai thì có thể biết được.

Hai là, con người ta sinh ra ở đời nên thuận theo tự nhiên, không nên có những vọng tưởng phi phận, như thế mới có thể sống tự tại, mới có thể giữ được thái độ tốt đẹp, như thế sẽ làm tăng cơ hội thành công của bạn. Biết đủ thì luôn vui là điều mà mọi người đều nên hiểu. Cái gọi là vọng tưởng là chỉ những mục tiêu mà với năng lực và điều kiện của mình căn bản không thể thực hiện được. Con người mãi mãi không nên làm những việc mà trước mắt sức mình không thể làm được. Bạn có thể tạo ra điều kiện để tiếp cận mục tiêu, nhưng không nên cho rằng mục tiêu phải là của bạn. Điều này không phải là yêu cầu người ta bỏ phấn đấu, mà là yêu cầu con người đối xử chính xác các loại kết quả phấn đấu có thể có. Quyết sách và hành động của bạn đều nên trong phạm vi năng lực và điều kiện hiện tại

của bạn, cứ tích tiểu thành đại như thế, tự nhiên sẽ thành công. Nếu ngày ngày cứ đứng núi này trông núi khác mà lại thoát ly thực tế thì chỉ có thể mãi mãi sống trong thất vọng. Thành công của những hào kiệt, 30% là dựa vào tài năng, 70% là dựa vào thời cơ. Cuối thời Tần, sau khi Trần Thắng khởi binh ở hương Đại Trạch, mấy ngàn thiếu niên ở Đông Dương (nay là Hằn Đài, tỉnh Giang Tô) khởi sự, định tôn Trần Anh làm vương. Bà mẹ của Trần Anh nói: "Từ khi ta làm dâu nhà này, chưa từng nghe nói tổ tiên nhà con có người nào phú quí, nay bỗng nhiên có danh hiệu lớn là điều chẳng lành. Chi bằng theo một người nào đó, sự việc thành công vẫn được phong hầu, mà thất bại cũng không đến nỗi mất ". Trần Anh nghe lời, sau theo Hạng Lương. Quyết đoán này rõ ràng là chính xác.

Ba là, con người nên thản nhiên tiếp nhận những tai hoạ đột phát. Cuộc sống của con người thường thường là ngẫu nhiên quyết định cả đời. Bất kỳ ai cũng đều không thể bảo đảm cuộc sống của mình mãi mãi bình an vui vẻ. Chỉ cần biết vui không quên lo, an không quên nguy thì đã là thượng sách. Đột nhiên gặp tai nạn mà cân nhắc không rối loạn lại càng khó thấy. Người ta tu dưỡng đảm lược có cao thâm hay không hoàn toàn là ở đó. Như thế thì mỗi khi gặp việc lớn đều có tĩnh khí. Sinh, lão, bệnh, tử của con người cố nhiên đều phải như thế, đấu tranh gay gắt trong thương nghiệp và trong quân sự càng như thế. Gia Cát Lượng để xướng kế thành trống, lâm nguy không rối loạn, khí thế càng lớn; Lý Quảng đột nhiên gặp quân Hung Nô, cũng là do thần khí an định, chỉ huy vững vàng nên mới thoát hiểm.

Bốn là, thời cơ chưa tới, thì dù có lực lượng cũng chớ vọng động. Hành động trước dự định, thì hoặc là không thu được kết quả xứng đáng, hoặc là sẽ biến ưu thế của mình thành thế xấu, kết quả hoá thành số không. Cuộc sống cũng như bãi chiến trường, đạo lý của nó hoàn toàn giống nhau. Trong 3 chiến dịch lớn giải phóng nước Trung Hoa cũ, Mao Trạch Đông

đứng cao nhìn xa, đã vận dụng rất xác đáng nguyên tắc này. Sau khi chiến dịch Liêu- Thẩm ở đông bắc vừa kết thúc, thì chiến dịch Hoài Hải liền nổ ra ngay. Không lâu, các binh đoàn Hoàng Duy của quân Quốc Dân đảng bị tiêu diệt, bộ phận quân của Đỗ Duật Minh bị vây ở Từ Châu, phá vây ra khỏi Từ Châu chạy về hướng nam, lại bị quân giải phóng bao vây chặt, đã trở thành con ba ba trong vò, vốn có thể đánh một trận là tiêu diệt được, nhưng để tránh cho tập đoàn quân của Phó Tác Nghĩa đang cố thủ ở khu vực Bắc Kinh và Trương Gia Khẩu bỏ thành tháo chạy, để chúng bị tiêu diệt tại chỗ, Mao Trạch Đông hạ lệnh đối với quân đoàn Đỗ Duật Minh thì bao vây mà không đánh, đối với thành Thái Nguyên do quân của Diêm Tích Sơn cố thủ cũng bao vây mà không tấn công, làm cho Tưởng Giới Thạch tin rằng chiến trường Hoa Bắc vẫn có thể giữ được mà không điều động quân của Phó Tác Nghĩa về phía nam. Tưởng Giới Thạch quả nhiên mắc lừa, ngoài việc ra lệnh cho Đỗ Duật Minh cố thủ tại chỗ ra, binh đoàn Phó Tác Nghĩa cũng chỉ co cụm lại một ít. Lúc này, Mao Trạch Đông vội điều động chủ lực đã chiến quân đông bắc vào cửa quan, một trận đánh lấy Thiên Tân, cắt đứt đường rút lui của quân Phó Tác Nghĩa, sau đó mới ung dung ra lệnh bao vây tiêu diệt quân của Đỗ Duật Minh, còn quân của Phó Tác Nghĩa ngoài nộp vũ khí đầu hàng ra thì không còn con đường nào khác. Cái tuyệt diệu trong nghệ thuật quân sự của Mao Trạch Đông qua đó có thể thấy được một phần nào.

Năm là, cho dù bên ngoài biến đổi như thế nào, bản thân mình vẫn phải giữ vững đạo trung chính, lấy bất biến ứng vạn biến, đây cũng là một nguyên tắc quan trọng của cuộc sống. Trong sự nghiệp, nó có thể biểu hiện thành sự kiên quyết theo đuổi mục tiêu đã định; trong quân sự, nó là ổn định bản thân mình, giữ vững trận địa để chờ sơ hở của kẻ địch, sau đó lại nắm chắc thời cơ tiến lên tập kích để dành thắng lợi, cũng có thể là nhân lợi thế áp đảo, xỏ mũi kẻ địch mà dắt đi, để nắm quyền chủ động của chiến

tranh. Thời kỳ Chiến quốc, chiến dịch Mã Lăng do Tôn Tẫn chỉ huy chính là để kẻ địch đi theo ý đồ của mình, từ đó đạt được mục đích tiêu diệt kẻ địch. Còn chiến dịch Trường Bình giữa nước Tần và nước Triệu, tướng nước Triệu là Liêm Pha trong hoàn cảnh quân Tần kiêu dũng, đánh nhau khó nắm phần thắng, đã dựa theo địa hình có lợi, cố thủ không đánh, cho dù quân Tần khiêu khích thế nào cũng cố giữ không ra, làm cho quân Tần phải đóng quân dưới chân thành, không thi thố được kế sách gì. Sau Triệu Quát đã thay đổi phương lược của Liêm Pha, xua quân ra đánh, mới làm cho quân Triệu thất bại tan rã. Thời kỳ Tam quốc, Tư Mã Ý đánh quân Thục do Gia Cát Lượng chỉ huy ở vùng Ngũ Trượng Nguyên đất Ngô cũng vận dụng sách lược như vậy, làm cho quân Thục không tiến lên được một bước. Đây rõ ràng là quyết sách cực kỳ thành công. Quân sự là như thế, đấu tranh nhân sự cũng là như thế. Những người im lặng không nói để quan sát mọi sự biến đổi rõ ràng khó đối phó hơn rất nhiều so với mau miệng thắng lòng.

Sáu là, an phận hiểu mệnh trời. Chúng ta tuy nói về quyết sách của cuộc sống, nhưng nhiều vấn đề của cuộc sống không có quyết sách nào quản lý được. Hiểu được đạo lý này, chỉ để cho chúng ta hết sức phát huy giá trị lớn nhất của cuộc sống. Cuộc sống thực tế là không có thứ tự, ngẫu nhiên quyết định tất nhiên. Không phải mỗi người đều có thể trở thành nguyên thủ, chính trị gia, xí nghiệp gia, nghệ thuật gia, đại phú ông... Số đông người chỉ có thể sống cuộc đời tương đối bình an lặng lẽ, có người vì phát tài, vì thăng quan, vì thành danh, đã dùng hết tâm lực, kết quả lại chẳng nên việc gì; có người không nỗ lực mấy lại có đủ tất cả, làm việc nhẹ nhàng mà đạt được tất cả những gì mà người khác rất khó đạt được. Đó chính là tính không có thứ tự của cuộc sống. Cho nên tuyệt đối không phải là mỗi một người thành công đều là anh hùng hào kiệt, dưới cái vỏ "anh hùng" nhiều kẻ rất tầm thường. Mà anh tài bị mai một thì từ xưa đến nay không biết là bao nhiêu người. Thừa nhận hiện thực này, chúng ta sẽ sống

tự tại hơn, thoả mãn hơn, thừa nhận thua cũng cần có dũng khí. Không lấy thành bại luận anh hùng mới là chân lý.

Cho nên, chúng ta hãy ghi nhớ những nguyên tắc dưới đây:

□ *Ghi nhớ:*

1- Sống một cách thực tế, chắc chắn.

2- Thuận theo tự nhiên, không có những vọng tưởng phi phận.

3- Thản nhiên đối mặt với tai hoạ.

4- Thời cơ bất lợi thì không hành động liều.

5- Giữ vững thuần chính, lấy bất biến ứng vạn biến.

6- Vui với mệnh trời, coi phú quí như mây trôi.

26. 大畜 ĐẠI SÚC - BIẾT TIẾN BIẾT LUI, CHỚ KHINH SUẤT HÀNH ĐỘNG



艮上Cấn trên
乾下Càn dưới

大畜利貞，无嘉食，吉，利涉大川。

Đại súc, lợi trinh, bất gia thực, cát, lợi thiệp đại xuyên.

Quẻ Đại súc lớn lao, có lợi cho sự giữ trinh chính, không ăn lộc, có lợi cho sự lội qua sông lớn.

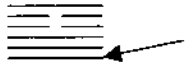
Đại súc có nghĩa là có súc tích lớn. Hình quẻ của nó ngược lại với quẻ Vô vọng theo chiều trên dưới, chúng hợp thành một nhóm quẻ, có thể sử dụng bổ xung cho nhau. Biết hành động chắc chắn theo qui luật khách quan, thì tất nhiên sự nghiệp thành công, sự nghiệp thành công thì tất nhiên có súc tích được sức mạnh nhất định. Cho nên "Tự quái truyện" nói rằng: "Có vô vọng, sau đó mới có thể súc tích, cho nên tiếp theo đó là quẻ Đại súc". Quẻ Đại súc, Nội quái Càn là cương, là kiện, Thượng quái Cấn là chỉ, dương cương tiến lên nhưng bị ngăn trở, cho nên quẻ Đại súc lại có nghĩa "chỉ" (ngừng). "Trinh" là chính, "lợi trinh" là lợi cho chính đạo, như biết nhiều lời nói hành vi của người đi trước để tích chứa đức của mình v v... "Bất gia thực" là nói về mặt tượng quẻ, trung hào của nó là "Đoài", miệng ở ngoài, hào Lục tứ gần với quân vương là hào Lục ngũ, đáng được ăn lộc ở triều đình, cho nên nói "bất gia thực", đó là biểu tượng làm nên việc lớn. Cái mà con người súc tích phần nhiều là đức trung chính, thì súc tích được,

làm nên việc lớn, để cứu hiểm nguy cho thiên hạ, cho nên nói "lợi thiệp đại xuyên". Lời Thoán nói rằng: "Đại súc, cương kiện đốc thực huy quang, nhật tân kỳ đức, cương thượng nhi thượng hiền. Năng chỉ kiện, đại chính dã. Bất gia thực cát, dưỡng hiền dã. Lợi thiệp đại xuyên, ứng hồ thiên dã ". Hạ quái Càn là kiện, Thượng quái Cấn là chỉ (ngừng), đáng ngừng thì ngừng, chân đạp đất chắc, cho nên nói "đốc thực". Nếu giả dối thì sẽ đen tối. Biết đốc thực thì có thể đổi mới đức tốt mỗi ngày, tích tiểu thành đại để hoàn thành việc súc tích, cho nên gọi là Đại súc. Khi cương kiện hùng mạnh mà biết kiềm chế mình, không mạo hiểm tiến lên, thì gọi là "đại chính". Lực lượng tuy đã lớn mạnh, nhưng vẫn tôn sùng hiền năng mà không kiêu ngạo. Có được những phẩm chất này, tự nhiên có thể đi vượt qua sông lớn, làm nên sự nghiệp vĩ đại, vì điều đó đã thuận ứng phép tắc của trời. Lời tượng nói rằng: "Trời ở trong núi, đại súc, quân tử lấy sự hiểu biết nhiều về lời nói và hành vi người đi trước để tích chứa đức của mình". Hạ quái Càn là trời bao chứa trong núi của Thượng quái Cấn, là tượng trưng có tích chứa lớn, hấp thụ dinh dưỡng từ trong những lời nói và hành vi của thánh hiền đời trước để nâng cao mức độ tu dưỡng đạo đức của mình.

Cho nên, quẻ Đại súc có quan hệ gắn bó với quẻ Tiểu súc ở trên. Quẻ Tiểu súc đã trình bầy với chúng ta những nguyên tắc và phương pháp ứng phó với những khó khăn và nguy khốn nhất thời xuất hiện khi sự nghiệp ở bước đầu phát triển do lực lượng chưa đủ; quẻ Đại súc thì tượng trưng sự nghiệp phát triển mạnh mẽ, đã thu được rất nhiều thành tựu. Điều mà các hào trong quẻ nói rõ với chúng ta những nguyên tắc nắm vững mình và giữ đầu óc tỉnh táo như thế nào, tránh hành động khinh suất như thế nào để giữ cho sự nghiệp phát triển bình thường trong tình thế sự nghiệp phát triển, sức mạnh nhanh chóng tăng cường.

"Hành" và "chỉ", tức sự ngừng nghỉ, dừng lại tạm thời, là 2 mặt của một vấn đề. Trong cuộc sống hiện thực, chúng ta dễ dàng nhận thấy, có

nhiều người vì sự nghiệp của mình phát triển thuận lợi mà càng ngày càng trở nên tự tin. Tự tin quá mức, chỉ biết tiến mà không biết lùi, lại thường đi tới điều trái với nguyện vọng của mình, biến thành những hành động khinh suất, kiêu ngạo tự mãn, từ đó tạo nên những hậu quả thê thảm không lường trước được. Phóng xe nhanh tuy rất khoái chí, nhưng đường phía trước còn có nhiều hào rãnh và chỗ ngoặt, một khi không phanh kịp thì sẽ hỏng xe chết người. Súc chứa lớn thường cần sức cản lớn, sự nghiệp càng thuận lợi thì càng phải cẩn thận, đó chính là đạo lý này. Con người sinh ra ở đời, thắng không kiêu, bại không nản, nói năng, hành động có mức độ thì hợp với lý của quẻ Đại súc đã tiến lại dừng. Nhưng người ta khi ở vào hoàn cảnh khó khăn, không nản chí, không dao động; khi ở vào hoàn cảnh thuận lợi vừa ý nhưng không dương dương tự đắc, tự tin nhưng không cuồng vọng thì khó. Sự thất bại của con người phần nhiều không phải là lúc ở vào nghịch cảnh, mà thường lại là khi ở vào hoàn cảnh thuận lợi, nguyên nhân chính là ở đó. Do đó, xin hãy ghi nhớ những bài học của quẻ Đại súc.



初九：有厲利已。

Sơ cửu: Hữu lệ, lợi dĩ.

Hào Sơ cửu: Có nguy hiểm, dừng lại thì có lợi.

Trong quẻ Đại súc, Nội quái, Ngoại quái đều có ý nghĩa, Nội quái Càn bị Cấn chặn lại, có ý nghĩa tự chỉ (tự dừng lại); Ngoại quái Cấn biết Súc, có ý nghĩa ngăn cản người khác. Hào Sơ cửu dương cương và kiện, có chí tiến lên bằng được, nhưng phía trước bị hào Lục tứ súc chứa mà không được tự triển khai, đi thì có nguy hiểm, chỉ có tự dừng lại mới không chuốc tai hoạ. "Lệ" là tai lệ, vốn là ứng viện cho nhau, lại chèn ép lẫn nhau, đây là cái lẽ tự chuốc nguy hiểm. Lời tượng nói rằng: "Hữu lệ lợi kỷ, bất phạm tai dã". Dừng lại mà không đi, thì không gặp tai hoạ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, sau khi có súc tích lớn nên dừng lại đúng mức, chớ quá tham lam.*



九二：輿說輻。

Cửu nhị: Dư thuyết bức.

Hào Cửu nhị: Nan xe lìa khỏi thân xe.

"Dư" là xe, "thuyết" là thoát; "bức" là nan xe. "Dư thoát bức" là nan xe lìa khỏi thân xe. Thân xe dựa vào nan xe để đi, lìa khỏi nhau thì không đi được. Hào Cửu nhị và hào Sơ cửu giống nhau, đều bị hào Lục ngũ ngăn cản. Nhưng hào Cửu nhị tự thân đắc trung, lại là hào dương ở âm vị, biết tự dừng lại mà không tiến lên, cho nên không có mối lo. Lời tượng nói rằng: "Dư thoát bức, trung vô vưu". Trung chính mà biết tự dừng, cho nên không có mối lo vọng tiến. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, ở vào lúc "đại súc", phải biết tự kiềm chế mình, mọi việc đều không thể mạo hiểm tiến lên.



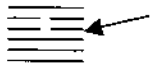
九三：良馬逐，利艱貞，曰閑輿衛，利有攸往。

Cửu tam: Lương mã trục, lợi gian trinh, viết nhàn dư vệ, lợi hữu du vãng.

Hào Cửu tam: Ngựa tốt phi nhanh, vượt gian nan, giữ trinh chính thì có lợi, thông thạo xe cộ phòng vệ, có lợi cho việc tiến tới.

Thuyết văn: "Trục nghĩa là đuổi", "lương mã trục" nghĩa là cưỡi ngựa tốt mà có đối tượng để đuổi. Ngựa tốt lại đi nhanh, trên đường tuy gian nan, nhưng cũng không có tai hoạ lớn, cho nên nói "lương mã trục, lợi gian trinh". "Viết" là thán từ đầu câu. "Nhàn" là thông thạo, thục luyện. "Vệ" chỉ binh vệ. Viết nhàn dư vệ" là thông thạo xe cộ phòng vệ và chu du tự đắc. Xe cộ là vật để chuyên chở, binh vệ là những thứ để ứng phó với các sự biến. Hào Cửu tam là hào dương, mà ở trên cùng của Hạ quái Càn, cương kiện đến cực độ, chính đương là lúc lực lượng lớn mạnh, ở vào thời Đại súc, do quá cương mạnh và hăng hái tiến lên, thì để gặp vấp váp. Cho

nên nên thông thạo xe cộ binh trượng, ung dung du nhàn, súc dưỡng khi chưa được dùng, để chờ đợi thời cơ hành động, bình tĩnh để chờ biến cố, "hữu lợi du vãng". Lời tượng nói rằng: "Lợi hữu du vãng, thượng hợp chí dã". Hào Cửu tam cũng như hào Thượng cửu, đều vội vã tiến lên. *Hào này khuyên chúng ta rằng, lực lượng càng lớn mạnh càng nên cẩn thận quyết sách để đề phòng bất trắc.*

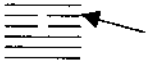


六四：童牛之梏，元吉。

Lục tứ: Đồng ngưu chi cốc,nguyên cát.

Hào Lục tứ: Khi nghé non chưa mọc sừng, đặt gông gỗ ngang sừng, sẽ được tốt lành.

"Đồng ngưu" là nghé non chưa mọc sừng. "Cốc", *Thuyết văn*: "Cốc, trâu húc người, sừng có thanh gỗ ngang, là để báo (cáo) cho người. Bộ khẩu, bộ ngưu". Tức là có thanh gỗ ngang trên sừng trâu để đề phòng nó húc người. Hào Lục tứ ở trong Thượng quái Cấn chỉ, phía dưới tương ứng với hào Sơ cửu, vì là dương cương mà ở dưới quẻ, lực lượng khá yếu, như nghé con chưa mọc sừng, dễ ngăn cản nó, cho nên nói "đồng ngưu chi cáo", cũng tức là khi sự mạo hiểm tiến lên và tà ác theo cùng Đại súcmà tới, chưa đến mức nghiêm trọng thì đã chặn lại. Lời tượng nói rằng: "Hào Lục tứ nguyên cát, là có niềm vui". Kẻ ở trên không bị cấm đoán mà cảm thấy vất vả, kẻ ở dưới cũng vì bị ngăn cản mà tránh được tai nạn, cho nên có niềm vui. *Hào này khuyên chúng ta rằng, ngăn cản mạo hiểm tiến lên, phải rút củi dưới nồi, ngăn cản tai hoạ từ khi nó chưa hình thành.*

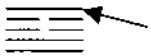


六五：豶豕之牙，吉。

Lục ngũ: Phẫn thỉ chi nha, cát.

Hào Lục ngũ: Lợn hoạn bị nhốt trong chuồng, tốt lành.

Thuyết văn: "Phần, di thỉ dã", tức là con lợn đã bị hoạn. "Nha" ở đây không phải là răng, mà là cái chuồng. Sau khi bị hoạn, con lợn trở nên nhu nhược, tuy rất đau và định bỏ chạy, nhưng bị nhốt trong chuồng, nên có thể bảo đảm không phải lo gì. Cho nên nói: "Phần thỉ chi nha, cát". Hào Lục ngũ với tính cách nhu trung mà ở tôn vị, lại ở trong quẻ Cấn chỉ, bỏ hết bạo tàn cương mãnh, mà ôn hoà nhu thuận, có biểu tượng biến can qua thành ngọc lụa. Lời tượng nói rằng: "Lục ngũ chi cát, hữu khánh dã". Biến bạo ngược thành ôn nhu, đáng được chúc mừng. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, lấy nhu chế cương, cẩn thận sử dụng lực lượng lớn mạnh của mình.



上九：何天之衢亨。

Thượng cửu: Hà thiên chi cù, hanh.

Hào Thượng cửu: gánh nặng đi trên đường trời, hanh thông.

"Hà" là gánh vác, dùng vai để gánh. "Cù" là con đường lớn thông đi mọi phía. "Thiên chi cù" là thiên cù (đường trời). Hào Thượng cửu đã đạt đến giới hạn cực của ngăn cản. Ngăn cản đã lâu, đã đến giới hạn cực, thì chẳng bằng để nó tự do đi qua, làm cho đạo của nó được thực hành. Đó chính là lúc "bất gia thực" (không ăn ở nhà) mà ăn ở lang miếu triều đình, gánh trọng trách của thiên hạ mà lội vượt sông lớn, có thể làm nên việc lớn, đi đến đâu cũng tốt lành.

Vì thế, khi sự nghiệp của chúng ta đã có được những thành tựu lớn, đã tích chứa được lực lượng lớn mạnh, thì càng nên chú ý những điều dưới đây:

Một là, dừng lại một cách thích hợp, chớ có tham lam quá đáng. Khi thành công, có lực lượng hùng hậu, thì càng nên ghi nhớ câu "biết đủ thì luôn vui". Nếu không như thế thì sẽ "Lòng người không đủ rắn nuốt voi",

tiếp tục đòi hỏi không dừng lại, rất có thể đi tới chỗ trái ngược với nguyện vọng của mình. Vì sự nghiệp một khi phát triển đến cực đoan của nó thì nhất định sẽ đi xuống dốc. Biện pháp tốt nhất là thường để nó "bất túc" (không đủ), để lại một dư địa nhất định. Nếu không, nước đầy sẽ tràn, trăng tròn sẽ khuyết, việc tốt sẽ biến thành việc xấu. Sự nghiệp như thế, nhân sinh cũng như thế. Đầu thời Chiến quốc, chính quyền của nước Tấn nằm trong tay bốn họ là Trí, Hàn, Triệu, Nguỵ, trong đó, lực lượng họ Trí là mạnh nhất. Trí Bá vốn có thể kê gối cao mà ngủ, không phải lo lắng gì, nhưng lại cậy mình lớn mạnh, muốn mở rộng thêm địa bàn của họ Trí, liền đòi đất đai của Hàn KhangTử. Để tránh tai hoạ, Hàn Khang Tử sai người đem vùng đất một vạn nhà cho họ Trí. Trí Bá được đằng chân lân đằng đầu, lại xin đất của Nguỵ Hoàn Tử, Nguỵ Hoàn Tử cũng đem vùng đất một vạn nhà cho Trí Bá. Trí Bá lại càng đắc ý, chuyển sang đòi đất Sái và đất Cao Lang (ở vùng tây bắc tỉnh Sơn Tây ngày nay) của Triệu Tương Tử, Triệu Tương Tử không cho. Trí Bá nổi giận, đem quân 2 nhà Hàn, Nguỵ tiến đánh họ Triệu, vây chặt Tấn Dương (nay là Thái Nguyên của tỉnh Sơn Tây), nhưng lại chẳng ngờ 3 nhà Hàn, Triệu, Nguỵ bí mật hợp mưu, trong ngoài phối hợp, đánh một trận mà tiêu diệt được họ Trí, giết Trí Bá, chia cắt đất của họ Trí. Họ Trí bị tiêu diệt, không phải vì bất tài, mà là vì có tài nhưng không có đức, quá đỗi tham lam.

Hai là, khi sự nghiệp phát triển, lực lượng lớn mạnh, càng nên tự kiềm chế mình, không thể cậy mạnh mạo hiểm tiến tới. Nếu cậy mạnh mạo hiểm tiến tới, thì khi sự việc vượt ra ngoài dự liệu của mình, sẽ rất khó đối phó, chỉ dẫn tới thất bại mà thôi. Năm 350 sau công nguyên, viên Đại tướng của nhà Hậu Triệu là Nhiễm Mẫn đoạt lấy chính quyền của nhà Hậu Triệu, đổi tên nước là Đại Nguỵ, vây tàn dư của Hậu Triệu là Thạch Kỳ ở đất Tương, lại liên tiếp đánh bại quân của Diêu Dặc Trọng, Trương Hạ Độ...Tinh binh có đến hơn 3 chục vạn người, vượt qua Hậu Triệu. Thạch

Kỳ cầu cứu vua Yên là Mộ Dung Tuấn. Mộ Dung Tuấn với mục đích tranh đoạt trung nguyên, liền sai con là Mộ Dung Khác đem quân tiến xuống phía nam. Nhiễm Mẫn sắp nghênh chiến, tướng của ông ta là bọn Đổng Nhuận, Trương Ôn khuyên ông nên tạm thời tránh quân Yên, đợi sau khi chúng kiêu ngạo mỏi mệt hãy đánh. Nhiễm Mẫn cậy mình kiêu dũng, không nghe. Sau khi hai quân tiếp chiến, quân Ngụy thắng liên tiếp mà quân Yên thì thua liên tiếp. Nhiễm Mẫn lại càng khinh địch, cuối cùng bị Mộ Dung Khác dùng kế đánh thua, Nhiễm Mẫn bị giết, Đại Ngụy theo đó cũng bị tiêu diệt.

Ba là, lực lượng càng lớn mạnh, càng nên cẩn thận quyết sách, để đề phòng bất trắc. Nếu không như thế, hễ hơi có sai sót, thì mọi thành công trước đó sẽ bị mất hết. Vì người ta khi thắng lợi, thường hay bỏ qua những nhược điểm chí mạng còn tồn tại của bản thân mình mà để cho kẻ địch cơ hội có thể lợi dụng được.Những nhược điểm này một khi phơi bầy ra, hay bị kẻ địch lợi dụng thì thường dẫn tới thất bại thảm hại. "Tôn Tử binh pháp" đề xướng chủ trương "Phải bảo toàn lực lượng để tranh thiên hạ". Khi sự nghiệp phát triển thuận lợi, thì vạch kế sách kỹ càng, chuẩn bị nhiều mặt, vừa biết tiến, vừa biết lùi, tránh bị động khi có các sự kiện khác đột ngột phát sinh, thì mới giữ được vạn toàn không mất mát. Bồ Kiên nhà Tiền Tần sau khi thống nhất được lưu vực Hoàng Hà, vốn nên tạm thời ngừng chiến tranh, chỉnh đốn nội bộ, phát triển sản xuất, củng cố hậu phương. Nhưng ông ta lại không biết đạo lý cẩn thận quyết sách, chuẩn bị đầy đủ, chỉ nhìn thấy lực lượng đánh đâu được đấy của mình, đã bỏ qua mối nguy hiểm mâu thuẫn dân tộc trong nước sâu sắc, tài chính kiệt quệ, nhân dân cùng khốn vì trải qua chinh chiến lâu năm, bọn Diêu Tương, Mộ Dung Thuỳ lại đầy ắp dã tâm, lòng người chưa qui phụ, không để ý đến những lời khuyên ngăn, vào năm 384 sau công nguyên, đem đại quân đi đánh nước Tấn. Kết quả là, đội quân dẫn đầu bị thua ở trận Phì Thuỷ, và do đấy mà

bùng phát những hoạt động phân liệt của các dân tộc thiểu số, dẫn tới sự diệt vong của cả vương triều, bản thân Bồ Kiên cũng chết trong tiếc hận. Tào Tháo sau thất bại ở trận Xích Bích, thì tác chiến thận trọng hơn. Năm 215 sau công nguyên, Tào Tháo tiến quân vào Hán Trung, Trương Lỗ đầu hàng. Khi ấy Lưu Bị mới lấy được Tây Xuyên, lòng người chưa qui phụ. Người Thục nghe tin TàoTháo chiếm Hán Trung, rất sợ hãi. Thừa tướng chủ bạ Tư Mã Ý khuyên Tào Tháo thừa thắng tiến quân đánh lấy Ích Châu, Tào Tháo không nghe, nói: "Người ta nếu không biết đủ thì khó yên ổn, đã lấy được đất Lũng, lại còn muốn được đất Thục hay sao?". Thực ra, Tào Tháo suy nghĩ tới Lưu Bị, tuy mới được Tây Xuyên, nhưng binh tinh tướng dũng, khó tranh phần thắng, quân mình lại xa hậu phương, thế quân cô lập tiến vào sâu, việc thắng bại khó biết trước. Rõ ràng, quyết sách của Tào Tháo là chính xác.

Bốn là, rút củi dưới nồi, đề phòng tai nạn khi nó chưa thành hình, trong tư tưởng phải xoá bỏ ý nghĩ mạo hiểm khinh suất, tu dưỡng tác phong nhất quán vững vàng, chắc chắn. Danh tướng nhà Tây Hán là Trình Bất Thức khi hành quân tác chiến thì nhất định chấn chỉnh hàng ngũ, bố trí trại quân, có mõ tuần đêm, có người trông coi binh sỹ tới sáng, lại phái trinh sát thăm dò từ xa, không để cho kẻ địch cơ hội có thể lợi dụng, vì thế, Hung Nô không bao giờ dám khinh suất đánh vào quân của Trình Bất Thức. Tào Tháo khi tác chiến, cũng phải nắm cho rõ tình hình 2 bên địch ta, dự liệu trước mọi cách đánh địch, phải chắc thắng rồi sau mới quyết định tấn công, cho nên khi đánh phần nhiều đều thắng. Gia Cát Lượng trong "Tam quốc chí" lại càng như vậy. Cho nên *Tôn tử binh pháp* nhiều lần nhấn mạnh phải "trước hết đánh bằng mưu kế, thứ đó mới đánh bằng giao chiến". "Phải trải qua năm lần bảy lượt cân nhắc tính toán mà nắm rõ tình hình", cố gắng tính cho hết mọi kế để tranh phần thắng.

Năm là, cẩn thận vận dụng lực lượng to lớn của mình, để mong đạt được hiệu quả tốt nhất, chớ để lãng phí lực lượng. Là nhà doanh nghiệp, thì bạn nên theo đuổi hiệu quả kiếm lời tốt nhất; là nhà quân sự thì bạn nên theo đuổi hiệu quả tác chiến tốt nhất. Giết gà chớ dùng dao mổ trâu, có lúc không những giết không nổi gà, ngược lại, lại bị gà giết chết. Chiến dịch Côn Dương cuối thời Tân Mãng chính là như thế. Vương ấp, Vương Tầm đem hơn 40 vạn đại quân tiến công quân lục lâm, vốn có thể dùng một bộ phận nhỏ binh lực bao vây Côn Dương, lại khinh suất đem đại quân đánh thẳng vào Nam Dương, chỉ để dương oai diễu võ, đóng quân dưới chân thành kiên cố, không thi thố được một kế sách nào. Khi thế quân vừa thay đổi là bị thất bại tan vỡ. Trong chiến dịch Quan Độ, Viên Thiệu cũng phạm sai lầm tương tự. Nếu Viên Thiệu nghe theo kế của Điền Phong và Hứa Do, giữ lại một bộ phận binh lực cầm cự với Tào Tháo ở Quan Độ, rồi sai tinh binh đi đường tắt đánh úp Hứa Đô, như thế thì kẻ bị đánh bại sẽ là Tào Tháo. Lực lượng lớn thường hay khinh địch, muốn thắng bằng được. Nhưng quân kiêu tất bại. Chỉ có người nào có lực lượng lớn mà lại khiêm tốn không kiêu ngạo, cẩn thận quyết sách thì mới tránh được thất bại. Trí Bá trước khi mắc nạn, có người khuyên nên đề phòng Triệu Tương Tử, Trí Bá lại cho rằng lực lượng của mình là mạnh nhất "gây khó khăn là do ta chứ không phải là do địch", chỉ có mình mới có tư cách gây tai hoạ cho người khác. Việc thất bại của ông ta tự nhiên có thể biết trước.

Sáu là, tích luỹ lực lượng lớn mạnh là để làm nên sự nghiệp vĩ đại, chỉ cần chúng ta thận trọng ghi nhớ và làm theo những bài học trên đây thì có thể làm nên việc lớn, đi đâu cũng đều tốt lành.

Cho nên, khi sự nghiệp phát triển, "đại súc", chúng ta nên:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Dừng lại đúng lúc, chớ có quá tham lam.

2 - Tự kiềm chế mình, chớ có cậy mạnh mạo hiểm xông lên.

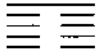
3- Thận trọng, cẩn thận để đề phòng bất trắc.

3- Nuôi dưỡng thành tác phong chắc chắn, thận trọng.

4- Khéo vận dụng thoả đáng lực lượng của mình.

6- Biết dừng thì có thể làm nên việc lớn.

27. 頤 DI - YÊU CẦU BỒI DƯỠNG VÀ TÍCH CHỨA LỰC LƯỢNG



艮上 Cấn trên
震下 Chấn dưới

頤，貞吉。觀頤自求口食。

Di, trinh cát. Quan di, tự cầu khẩu thực.

Quẻ Di, giữ trinh chính thì tốt lành. Quan sát di dưỡng, tự tìm thức ăn cho mình.

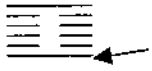
"Di" là má, là mặt. Hình dạng quẻ này trông như cái miệng mở ra, răng ở hàm trên và hàm dưới đối nhau, má ngang với miệng. "Tự quái truyện" nói rằng: "Vật tích chứa rồi sau có thể nuôi dưỡng, cho nên tiếp đó là quẻ Di, di nghĩa là dưỡng". Hai hào dương ở trên và ở dưới của quẻ này, bên trong có 4 hào âm, ngoài thực, trong hư; Thượng quái Cấn là chỉ (dừng), Hạ quái Chấn là động, trên dừng, dưới động, nên lấy tên là Di. Dương thực, âm hư, kẻ thực thì dưỡng người, kẻ hư thì cần người ta dưỡng. "Tự cầu khẩu thực" là tự cầu thức ăn. Khi miệng không no thì phải tự tìm thức ăn, cũng tức là chớ có hâm mộ người khác, nên tự mình đi tìm. Lời Thoán nói rằng: "Di trinh cát, dưỡng chính tắc cát dã. Quan di, quan kỳ sở dưỡng dã; tự cầu khẩu thực, quan kỳ tự dưỡng dã, Thiên chỉ dưỡng vạn vật, Thánh nhân dưỡng hiền, dĩ cập vạn dân. Di chi thời đại hỹ tai!". Quẻ Di bất luận là nuôi dưỡng người hay nuôi dưỡng mình chỉ có chính đáng mới được tốt lành. Quan sát cái đạo dưỡng người của người khác chính đáng hay không chính đáng, quan sát cái đạo tìm thức ăn để tự nuôi mình chính đáng hay không chính đáng, để từ trong đó tìm ra qui luật. Trời đất thánh nhân nuôi muôn vật, nuôi muôn dân, đều là vận dụng những đạo lý ở trong đó.

Vì thế, lý luận mà quẻ Di giải thích là rất vĩ đại. Lời tượng nói rằng: "Dưới núi có sấm, di, quân tử vì thế thận trọng lời nói, ăn uống điều độ". Thượng quái Cấn là núi, Hạ quái Chấn là sấm, sấm động ở dưới núi, muôn vật sinh sôi. Quân tử nên bắt chước đạo lý được nuôi dưỡng thì sinh sôi, được nuôi dưỡng thì trưởng thành, thận trọng khi nói năng để bồi dưỡng đức của mình, ăn uống điều độ để bồi dưỡng cơ thể của mình. Ngôn ngữ ẩm thực là biểu tượng của động, thận là có điều độ, động mà có điều độ, là điều người quân tử nên chú ý. Đem đạo lý con người ăn thức ăn nuôi dưỡng cơ thể, vận động có điều độ trong quẻ Di vận dụng vào xã hội, chúng ta có thể biết, mọi đơn vị xã hội như cá nhân, xí nghiệp và tổ chức đều giống như cơ thể con người, cần không ngừng tự nuôi mình, hấp thụ dinh dưỡng, giữ gìn sức sống sôi nổi và sức chiến đấu mạnh mẽ, đối với quốc gia và dân tộc lại càng như vậy. Yêu cầu nuôi dưỡng và nuôi dưỡng muôn vật là rất đa dạng, nhiều mặt, bao gồm sự tích tụ lực lượng vật chất, sự bồi dưỡng và thu hút nhân tài, sự nâng cao tố chất văn hoá cá nhân... Cho nên, "Tượng truyện" nói rằng: "Trời đất nuôi dưỡng vạn vật, Thánh nhân nuôi dưỡng hiền tài, cho đến muôn dân". Lấy việc con người yêu cầu được nuôi dưỡng để so sánh và tượng trưng cho sự sinh tồn và phát triển của cá nhân, xí nghiệp, tổ chức là rất xác đáng.

Cho nên, quẻ Di thông qua đạo lý cơ thể con người hấp thu chất dinh dưỡng để nuôi mình, thuyết minh với chúng ta những phương pháp và nguyên tắc nâng cao tố chất cá nhân, nuôi dưỡng nhân tài, tích luỹ lực lượng, mở rộng sự nghiệp.

Con người và tất cả sinh vật trong giới tự nhiên đều cần không ngừng ăn uống thực vật và hấp thu dinh dưỡng để duy trì sự sinh tồn và phát triển của bản thân mình. Cổ nhân của Trung Quốc chính từ trong qui luật tự nhiên này đã tổng kết ra một nguyên tắc cơ bản của xã hội loài người. Lấy cá nhân mà nói, không ngừng học tập tri thức, rèn luyện tài năng, đó chính

là "dưỡng"; lấy quốc gia mà nói, những vị vua chúa sáng suốt các đời đều đặt nhiệm vụ phát triển sản xuất, ổn định xã hội, chiêu nạp nhân tài vào vị trí quan trọng trong việc cai trị quốc gia. Thương Thang cất nhắc Y Doãn từ trong đám nô lệ, Chu Văn vương bái Lã Thượng làm thầy, Tào Tháo hạ chiếu cầu hiền, Đường Thái Tông trông đợi người hiền như khát nước v v... đều là như thế. Cho nên những nguyên tắc mà quẻ Di trình bầy đáng được mỗi cá nhân và mỗi nhân vật lãnh đạo của các xí nghiệp, hay tổ chức ngày nay học tập và noi theo.

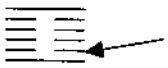


初九：舍爾靈龜，觀我朶頤，凶。

Sơ cửu: Xả nhĩ linh qui, quan ngã đoá di, hung.

Hào Sơ cửu: Bỏ con rùa thiêng của ngươi mà nhìn ta ăn thì hung hiểm.

Nhĩ nhã. Thích qui: "Hai là linh qui". Thời cổ, mai rùa có thể dùng để bói, thịt nó thì có thể ăn. "Đóa di", chú thích của Vương Bật nói rằng: "Đoá di nghĩa là nhai", nghĩa là nổi lên hình dạng một cục. *Thuyết văn*: "Đoá nghĩa là đoá hoa trên cây". Thức ăn ở trong miệng thì má phồng lên như một đoá hoa, cho nên nói "đoá di". "Xả nhĩ linh qui, quan ngã đoá di" nghĩa là vứt bỏ thịt linh qui của mình không ăn, lại đi nhìn những thứ ta ăn, cũng tức là vứt bỏ những gì mình có mà khâm phục những gì ta có, như thế tự nhiên sẽ không có kết quả tốt. Hào Sơ cửu dương cương, vốn là kẻ nuôi dưỡng người khác, nhưng ở vị trí thấp, không thể nuôi dưỡng người, lại đang lúc mới "đi dưỡng", chỉ biết có thèm muốn dưỡng khẩu, vứt bỏ hào Lục tứ tương ứng với nó mà không nuôi dưỡng, cho nên mới có hình tượng ấy. Lời tượng nói rằng: "Quan ngã đoá di, diệc bất túc quí dã". Chỉ biết hâm mộ người khác mà không biết vận dụng trí tuệ của mình, thì bản thân mình không đủ quí. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, tới vực sâu chỉ biết khâm phục cá chẳng bằng trở về nhà đan lưới mà bắt nó.

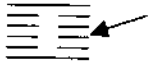


六二：顛頤，拂經，于丘頤，征凶。

Lục nhị: Điên di, phất kinh, vu khâu di, trưng hung.

Hào Lục nhị: Tìm di dưỡng ở trên, trái với lẽ thường, cầu nuôi dưỡng ở bên ngoài, chuốc lấy hung hiểm.

"Điên" tức là đỉnh; "phất" là làm trái, chống lại; "kinh" là thường; "khâu" là đất cao; "khâu di" là hai dốc của gò núi. "Điên di" là tìm nuôi dưỡng ở trên. Tìm nuôi dưỡng vốn nên tìm ở cùng vật thể, tức là tìm ở kẻ tương ứng với mình, nay lại không theo kẻ tương ứng mà cầu ở trên, làm trái với đạo lý bình thường. "Khâu di" lại tượng trưng cầu nuôi dưỡng ở bên ngoài. Hào Lục nhị âm nhu không tự nuôi dưỡng được mình, phải đợi dương cương nuôi dưỡng, nhưng lại vọng động, không cầu nuôi dưỡng ở hào Sơ cửu bên dưới, lại cầu nuôi dưỡng ở trên, khác loài với mình, không những không được gì, trái lại, lại có hung hiểm. Lời tượng nói rằng: "Hào Lục nhị chuốc hung hiểm là do đi với kẻ khác loài với mình". Như thế thì như là người cầu nuôi dưỡng ở cửa nhà quyền quí, nhất định sẽ bị cự tuyệt ở bên ngoài cửa và bị sỉ nhục. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cầu nuôi dưỡng nên cầu chỗ đáng cầu, dựa theo thường lý mà không làm trái nguyên tắc.*



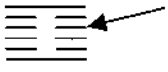
六三：拂頤，貞凶，十年勿用，无攸利。

Lục tam: Phất di, trinh hung, thập niên vật dụng, vô du lợi

Hào Lục tam: Vi phạm đạo di dưỡng, giữ trinh chính để phòng hung hiểm, 10 năm không được thì thố tài dụng, nếu thi thố thì không được lợi ích gì.

"Phất di" là vi phạm đạo nuôi dưỡng. Không cầu dưỡng ở hào Sơ cửu mà cầu dưỡng với hào chính ứng ở trên. "Trinh" là chính. Trên tuy chính ứng, nhưng nó là đồng loại và không tương ứng, cầu cũng vô dụng. "Vật

dụng" là không được nuôi dưỡng. Hào Lục tam là âm nhu, bất trung bất chính, lại ở cực của Hạ quái Chấn động, vọng động đã đến cực điểm, cho nên có biểu tượng "phất dĩ". Lời chiêm đoán lấy ý từ đó, tuy chính vẫn hung, kéo dài đến 10 năm. Lời tượng nói rằng: "Thập niên vật dụng, đạo đại bội dã". Đó là vì nó vi phạm nghiêm trọng đạo lý bình thường. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thủ đoạn cầu dưỡng phải chính đáng, nếu không, sẽ hung hiểm.*

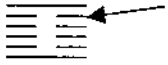


六四：顚頤，吉，虎視眈眈，其欲逐逐，无咎。

Lục tứ: Điên di, cát, hổ thị đam đam, kỳ dục trục trục, vô cữu.

Hào Lục tứ: Cầu được nuôi dưỡng ở trên, tốt lành, hổ nhòm chằm chằm, truy đuổi không ngừng, vô hại.

Thuyết văn: "Đam, là nhìn gần mà chí xa". "Hổ thị đam đam" là dáng nhìn xuống của hổ. "Điên" là đỉnh. Trái ngược với hào Lục nhị, hào Lục tứ cầu dưỡng ở trên thì tốt lành, vì nó phù hợp với đạo lý thường tình. Thượng quái Cấn là hổ. Hổ đi cúi đầu nhìn xuống đất, nhưng tâm chí của nó ở ngôi vị thiên tử là hào Thượng cửu. "Trục" là đuổi, chỉ hào Thượng cửu nuôi dưỡng hào Lục tứ. Hào Lục tứ là hào âm, ở âm vị, đắc chính, cầu dưỡng ở trên, cầu dưỡng mà được dưỡng, tự nhiên không có tai hoạ. Lời tượng nói rằng: "Điên di chi cát, thượng thi quang dã". "Thi" là bố thí ân huệ. Hào Lục tứ sở dĩ cát tường là vì đã được sự giúp đỡ thiết thực của hào Thượng cửu. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* cầu dưỡng ở bề trên một cách chính đáng kịp thời thì có thể thoả mãn nguyện vọng.



六五：拂經，居貞吉，不可涉大川。

Lục ngũ: Phất kinh, cư trinh cát, bất khả thiệp đại xuyên.

Hào Lục ngũ: Làm trái đạo dỉ dưỡng, giữ trinh chính thì tốt lành, không có lợi cho việc lội qua sông lớn.

Hào Lục ngũ cư tôn vị, có thể tự nuôi dưỡng, nhưng âm như bất chính, không có tài nuôi dưỡng người khác, lại chính ứng với Nội quái ở bên dưới, cho nên có biểu tượng "phất dỉ". Nhưng nuôi dưỡng hiền tài và nuôi dưỡng muôn dân là việc chính đáng của bậc quân vương, theo chính đạo thì tốt lành, tức là phải lượng sức mình mà cứu người. Lời tượng nói rằng: "Cư trinh chi cát, thuận dĩ tùng thiện dã". Lượng sức mà làm, mượn sức của người khác một cách thích đáng để nuôi dưỡng người, cho nên tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nuôi dưỡng người nên lượng sức mà làm.*



上九：由，頤，厲吉，利涉大川。

Thượng cửu: Do dỉ, lệ cát, lợi thiệp đại xuyên.

Hào Thượng cửu: Theo đạo dỉ dưỡng, cương nghị quả đoán thì tốt lành, có lợi cho việc vượt qua sông lớn.

"Do" là theo. Hào Thượng cửu dương cương cư thượng, tượng trưng nuôi dưỡng thiên hạ đều theo hào Thượng cửu mà nuôi dưỡng. "Lệ" là cương nghị quả đoán. Hào Thượng cửu với đức dương cương ở tôn vị, hào Lục ngũ dựa vào nó để nuôi dưỡng người khác, nhưng địa vị cao, trách nhiệm nặng, tất phải "lệ" thì sau mới được tốt lành. Dẫu có hiểm trở cũng có thể khắc phục được. Lời tượng nói rằng: "Do dỉ lệ cát, Đại hữu khánh dã". Trên dưới đều thích hợp, tự nhiên có phúc tốt lành. *Hào* này ngụ ý sự dưỡng dục (tự nuôi dưỡng mình hay nuôi giúp người khác) chính đáng là đáng để mạo hiểm.

Cho nên, khi vận dụng nguyên tắc "dưỡng", chúng ta phải:

Một là, trước vực sâu khâm phục cá, chẳng bằng về nhà đan lưới mà bắt. Hâm mộ thành công của người khác mà không biết phát huy tiềm lực của bản thân mình, không biết tự bản thân mình đi tìm hạnh phúc và thành công thì mãi mãi sẽ không có hy vọng thành công. Khẩn cầu sự nghiệp thành công và cuộc sống hạnh phúc là thường tình của con người, nhưng nếu chỉ là hâm mộ người khác, mà không biết hành động, không hiểu được coi người khác là tấm gương mà nỗ lực phấn đấu, thì cũng giống như đứng ở trên bờ mà nhìn đàn cá bơi lượn dưới sông, nhìn đến vạn năm cũng không được điều gì. Chỉ có tự mình đi hành động, đi theo đuổi, thì mới có thể thu được thành công như người khác. Đạo lý này rất rõ ràng, không cần phải nói nhiều

Hai là, có khi, để phát triển sự nghiệp của mình, chúng ta cần tìm sự giúp đỡ của người khác. Lúc này, phải tìm người đáng tìm, tức là những người có khả năng, chân thành, tự nguyện giúp đỡ bạn, mà không nên tìm những người không đáng tìm, nếu không, sẽ có hung hiểm. Có đáng tìm hay không, đương nhiên hoàn toàn dựa vào mình có nắm được người đó hay không. Chỉ cần biết là lòng người khó lường, trước khi hành động phải suy nghĩ nhiều thì sẽ giảm bớt được sai sót. Trung kỳ Xuân thu của Trung Quốc, khoảng thế kỷ 6 trước công nguyên, quan đại phu nước Tề là Thôi Trữ sau khi giết chết Tề Trang công, đã nắm chính quyền ở nước Tề. Thôi Trữ cho bè đảng của mình là Khánh Phong làm Tả tướng, hai người hùa nhau làm càn, khí thế ngất trời. Không lâu, nhà họ Thôi sẩy ra nội loạn, Thôi Trữ muốn lập con nhỏ là Thôi Minh làm Thế tử, người con trưởng là Thôi Thành nổi giận, định giết tay chân thân tín của Thôi Trữ là Đông Quách Yển và Đường Vô Cữu để hả giận, bèn đi tìm Khánh Phong để bàn chuyện đó. Khánh Phong cho là nhà họ Thôi sẩy ra nội loạn thì sẽ có lợi cho mình, nên nhận lời. Sau khi Thôi Thành gây ra tai nạn, Thôi Trữ cũng

đi tìm Khánh Phong để bàn bạc, Khánh Phong lợi dụng cơ hội ấy, sai người đi giết cả nhà Thôi Trữ. Thôi Trữ trở về, thấy cả nhà đã bị giết cả, mới biết mình bị mắc lừa, phẫn uất mà tự sát, còn Khánh Phong thì nắm chính quyền của nước Tề. Năm 203 sau công nguyên, con Viên Thiệu là Viên Đàm và Viên Thượng vì tranh chấp địa bàn của nhau, anh em đánh lộn lẫn nhau. Viên Đàm bị Viên Thượng đánh bại, liền bất chấp Tào Tháo là tử thù của mình, sai người đi cầu cứu Tào Tháo. Tào Tháo đang định tiến quân đánh chiếm vùng Hà Bắc, nghe tin cả mừng, lập tức sai quân tiến lên phía bắc, đánh bại Viên Thượng, tiếp đó, tiến đánh Viên Đàm, giết chết Đàm, cuối cùng tiêu diệt hoàn toàn thế lực nhà họ Viên, chiếm lĩnh vùng Hà Bắc. Lưu Chương đi mời Lưu Bị càng là thất sạch.

Ba là, thủ đoạn cầu xin giúp đỡ hay tăng cường lực lượng của mình phải là chính đáng, nếu không, sẽ không thể có kết quả tốt. Như Trí Bá dựa vào thế lực của mình để lừa gạt ba nhà Hàn, Triệu, Ngụy, cưỡng đoạt đất đai của người khác, cuối cùng chỉ có thể dẫn tới việc ba nhà liên hợp nhau đánh lại, đến nỗi phải diệt vong. Lại như Tề Mân vương cuối thời Chiến quốc, cậy nước mình lớn mạnh, lợi dụng nước Yên có loạn mất con, đem quân đánh vào Kinh đô nước Yên, định thừa dịp thôn tính nước Yên. Kết quả không những bị người Yên đánh đuổi, mà còn chuốc lấy cuộc báo thù lớn sau đó 30 năm, nước Yên sai Nhạc Nghị đem quân sang đánh, làm cho nước Tề suýt nữa thì diệt vong. Trong những việc bình thường, thì từ chính đáng chính là làm cho hành vi phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức. Hại người để làm lợi cho mình, dẫm trên lưng người khác mà trèo lên, tuy có thể được đắc ý một thời, nhưng cuối cùng vẫn chuốc lấy thất bại. Bởi vì không chính đáng thì khắp nơi đều có kẻ thù. Trong xã hội ngày nay, để đạt được mục đích, người ta không từ một thủ đoạn nào. Những hiện tượng đào tường khoét ngạch, huỷ hoại danh dự người khác, phá hoại danh dự của người khác thường xuyên sẩy ra, điều này đáng phải cảnh giác.

Bốn là, khi lực lượng của mình có hạn, không đựa vào sự giúp đỡ của người khác không xong, thì nên qua con đường chính đáng, tìm sự giúp đỡ của những nhân vật có thế lực để thực hiện mục tiêu của mình. Tháng 9, năm Chu Kính vương thứ 14 (năm 509 trước công nguyên), quân nước Ngô đánh vào đô thành Dĩnh của nước Sở (nay là Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc), Sở Chiêu vương bỏ chạy. Quan đại phu nước Sở là Thân Bao Tư thấy quốc gia nguy cấp, chạy đến chỗ Tần Tương công nước Tần cầu cứu, Tần Tương công không cho. Thân Bao Tư gào khóc suốt bẩy ngày bảy đêm ở ngoài cung đình vua Tần, không uống một ngụm nước, không ăn một hạt cơm, cuối cùng, đã làm cho Tần Tương công cảm động, đem quân đi cứu nước Sở, đánh lui quân Ngô. Trong cuộc sống hiện thực ngày nay, chỉ cần có phương pháp thoả đáng, mục đích chính đáng, thì tìm sự giúp đỡ của những nhân vật có thế lực cũng không phải là việc khó khăn, điều này sẽ xúc tiến mạnh mẽ sự nghiệp của chúng ta.

Năm là, giúp đỡ người khác phải lượng sức mà làm. Trượng nghĩa, thành khẩn tuy là đáng quí, nhưng không nên vượt quá mức độ mà lực lượng của mình có thể đạt tới, nếu không, không những không giúp được người, mà bản thân mình cũng bị liên luỵ. Năm 621 sau công nguyên, Tần vương Lý Thế Dân nhà Đường đem quân đi đánh Vương Thế Sung đang chiếm giữ Lạc Dương. Vương Thế Sung cùng quẫn đi cầu viện Đậu Kiến Đức đang chiếm cứ vùng Hà Bắc. Sau khi nhận được tin báo, Kiến Đức lập tức đem tinh binh tiến xuống phía nam, hội quân với Vương Thế Sung. Nhưng bấy giờ, Vương Thế Sung đã quân thua lương cạn, trên dưới lìa lòng; quân Kiến Đức thì đã thắng trận ở Hà Bắc, tướng kiêu lính mỏi, có ý khinh địch, đã không thể chiến đấu tiếp được nữa. Lý Thế Dân thừa cơ quyết đoán, ra lệnh cho quân Đường hoả tốc chiếm ải Hổ Lao, chiếm giữ chỗ hiểm yếu để cố thủ. Không lâu sau đó, quân hai bên giao chiến, quân của Đậu Kiến Đức thua to, Kiến Đức bị bắt sống, quân Đường không phải

đánh mà Vương Thế Sung cũng đầu hàng, dẹp yên được hai thế lực hùng mạnh. Đậu Kiến Đức thất sách là vì đã đánh giá mình quá cao mà đánh giá kẻ địch thì thấp.

Sáu là, giúp người hay tự nuôi dưỡng mình một cách chính đáng nói chung đều có thể thành công, cũng đáng để mạo hiểm mà vận dụng biện pháp khác thường. Có khi, để mở rộng lực lượng của mình, cần thiết phải vận dụng những biện pháp khác thường để đạt mục tiêu. Không hành động theo qui luật bình thường sẽ thường có hiệu quả kỳ lạ. Như trước khi kháng chiến, Hồng quân công nông Trung Quốc chỉ còn lại vài vạn người. Sau khi bắt đầu kháng chiến, cải biên thành Bát lộ quân, Mao Trạch Đông nhằm trúng thời cơ quân Nhật tuy chiếm được Hoa Bắc, nhưng binh lực không đủ, chỉ chiếm lĩnh những tuyến và điểm chủ yếu, vùng rừng núi và nông thôn rộng lớn trở thành vùng trống, hạ lệnh cho Bát lộ quân phân tán lẻ ra, thâm nhập vùng địch hậu, mở rộng chiến tranh du kích rộng khắp để tăng cường lực lượng. Nước cờ này đã vượt xa ngoài dự đoán của giặc Nhật và Quốc dân đảng. Đến khi kháng chiến kết thúc, Bát lộ quân đã phát triển đến hơn 120 vạn người, dân binh vũ trang hơn 200 vạn người, đặt cơ sở vững chắc cho những thắng lợi sau này.

Vì thế, chúng ta nên ghi nhớ những bài học của quẻ Di:

❑ *Ghi nhớ:*

1- Trên bờ vực mà khâm phục cá thì chẳng bằng trở về mà đan lưới bắt cá.

2- Yêu cầu dưỡng (sự giúp đỡ) ở trinh chính (tự nguyện giúp, thực lòng).

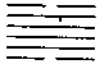
3- Mở rộng lực lượng phải giữ thủ đoạn chính đáng.

4- Dùng thủ đoạn chính đáng để yêu cầu người khác.

5- Giúp người phải lượng sức mà làm.

6- Khi cần thiết, cũng đáng mạo hiểm.

28. 大過 ĐẠI QUÁ - THỜI KỲ PHI THƯỜNG PHẢI ÁP DỤNG HÀNH ĐỘNG PHI THƯỜNG



兌上 Đoài trên
巽下 Tốn dưới

大過，棟橈，利有攸往，亨。

Đại quá, đống nhiêu, lợi hữu du vãng, hanh.

Quẻ Đại quá, rường cột oằn cong, có lợi cho việc tiến lên, hanh thông.

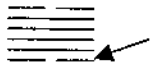
Đại quá tức là quá mức, quá phận. Trên hình quẻ, hào này dương vượt quá âm, 4 dương tụ tập với nhau ở giữa, lại rất thịnh, vì thế gọi tên là quẻ Đại quá. Nhưng đây là chỉ nói về hình thức của nó. "Tự quái truyện" nói rằng: "Không đường thì không thể động, nên tiếp theo là Đại quá". Để tăng cường lực lượng thì phải cung dưỡng quá độ. Quẻ Đại quá và quẻ Di ở trên là "thác quái", hào âm hào dương hoàn toàn trái ngược nhau. "Đống" là gỗ chống nóc ở trên nóc nhà. *Thuyết văn*: "Nhiêu là gỗ cong". Gỗ cong gọi là nhiêu. Hình quẻ của quẻ này ở giữa thì rắn chắc, hai đầu thì yếu ớt, gốc mạnh mà ngọn yếu, không có ký thác, chịu nặng thì phải cong từ giữa xuống, tượng trưng trong cứng ngoài mềm, không thể gánh vác trách nhiệm lớn. Nhưng hào Cửu nhị và hào Cửu ngũ đều đắc trung, Nội quái Tốn là thuận, Ngoại quái Đoài là duyệt (vui vẻ), có thể tiến lên mà lại hanh thông. Lời Thoán nói rằng: "Đại quá nghĩa là cái lớn thì quá ". Chống nóc cong vốn là yếu. Cương quá mà ở giữa, tốn thuận mà vui vẻ hành động, đi xa thì có lợi, nên hanh thông, thời của quá lớn vậy thay". Dương lớn âm nhỏ, nên

gọi là "Đại quá". "Cương quá" chỉ 4 hào dương. Mà ở giữa (nhị trung) chỉ hào Cửu nhị và hào Cửu ngũ đều đắc trung, Hào Cửu tam và hào Cửu tứ cũng có thể nói là vị đắc trung. Tốn thuận mà vui vẻ hành động chỉ Nội quái Tốn vui vẻ với Ngoại quái Đoài. Nếu lấy nhân sự mà nói, con người vốn cương nghị, có thể hăng hái làm nên việc lớn, mà lại dừng ở mức trung, không quá cương, phẩm chất vốn là tốn thuận, mà lại biết thâm nhập nghĩa lý, dùng hoà khí để hành động, không xung đột với người khác, cho nên sẽ có lợi khi đi xa. "Đại quá chi thời" là chỉ con người ở vào thời của "Đại quá", có thể làm những việc"đại quá", làm việc ở thời gian thích hợp. Như Thương Thang lưu đầy Hạ Kiệt, Chu Vũ vương đánh diệt vua Trụ nhà Ân, sự việc tuy làm quá mức, nhưng về lý thì không quá. Nhưng vẫn phải rõ một điều là thời cơ chưa đến thì không thể quá mức, thời cơ tuy đã đến nhưng không có đủ năng lực, cũng không thể làm quá, nếu không, sẽ có hung hiểm. Lời tượng nói rằng: "Trạch diệt mộc, đại quá; quân tử dĩ độc lập bất cụ, độn thế bất muộn". "Diệt" là ngập (một). Thượng quái Đoài của quẻ Đại quá là trạch (đầm), Hạ quái Tốn là mộc. Nước làm cho gỗ nổi lên, nhưng lại nhấn chìm nó, cho nên "đại quá" mà lại khác thường. Quân tử nên bắt chước tinh thần này, làm những việc người khác không dám làm, độc lập không sợ sệt, thiên hạ phản đối cũng không để ý, mọi người không biết cũng không hối tiếc. Nhưng muốn làm được như vậy thì phải có học vấn vượt quá người khác, can đảm vượt quá người khác, tiết tháo vượt quá người khác.

Cho nên, quẻ Đại quá trình bầy với chúng ta những nguyên tắc trong thời kỳ phi thường thì áp dụng hành động phi thường như thế nào.

Khi sự phát triển của sự vật lâm vào hoàn cảnh khó khăn nào đó, nếu không áp dụng những thủ đoạn và biện pháp đặc biệt thì khó có thể thay đổi được cục diện, thì chúng ta đều có thể gọi là thời kỳ phi thường. Sự xuất hiện cục diện như thế này không nhất thiết là hiện tượng xấu, nó là thách

thức đối với trí tuệ và tài năng của con người. Vượt qua được những thách thức này, đương nhiên phải là kẻ mạnh, trái lại thì nhất định không thể làm nên việc lớn. Đối với con người là như thế, đối với đơn vị, xí nghiệp, tổ chức cũng là như vậy. Hơn nữa, qui luật phát triển của sự vật là, trong hoàn cảnh khó khăn thường hay tiềm ẩn những bước ngoặt mới, những cơ hội thành công mới. Đối với những hoàn cảnh khó khăn như thế này, nếu biết giỏi vận dụng thì thường sẽ mở ra một chân trời mới. Trong cuộc sống của con người có không ít những bước ngoặt như thế, cứ liên kết từng bước ngoặt lại, thì sẽ thành một đường cong của con người. Từ ý nghĩa này mà nói, thì những nguyên tắc mà quẻ Đại quá trình bầy là rất có ích.



初六：藉用白茅，无咎。

Sơ lục: Tạ dụng bạch mao, vô cữu.

Hào Sơ lục: Đệm trải bằng cỏ tranh trắng tinh, vô hại.

Thuyết văn: "Tạ, nghĩa là tế tạ". Người xưa khi bầy tế phẩm thì dùng đệm (tạ), đệm làm bằng cỏ tranh trắng (bạch mao), biểu thị cung kính cẩn thận. Hào Sơ lục âm nhu, đã khá cẩn thận, lại ở dưới Tốn thuận, là đã cẩn thận lại càng cẩn thận, cũng trịnh trọng cẩn thận như khi tế tự dùng đệm cỏ tranh trắng trải lên mặt đất, cho nên "vô cữu". Lời tượng nói rằng: "Đệm dùng cỏ tranh trắng, là biểu tượng nhu ở dưới". *Hào này khuyên chúng ta rằng, thời kỳ phi thường thì hành động càng nên thận trọng phi thường.*



九二：枯楊生稊，老夫得其女妻，无不利。

Cửu nhị: Khô dương sinh đề, lão nhân đắc kỳ nữ thê, vô bất lợi.

Hào Cửu nhị: Cây dương khô cằn nẩy chồi non, ông già lấy được vợ trẻ, không điều gì không có lợi.

Vương Bật chú giải *Chu Dịch* nói rằng: "Đề là mầm cây dương".

"Tập giải" dẫn lời Ngu Phiên nói rằng: "Đề là non, lá dương chưa trổ hết gọi là đề", tức là mầm non cây dương mới nẩy. "Nữ thê" là vợ trẻ. Hào Cửu nhị dương cương đắc trung, ở vào thời "đại quá", không có hào tương ứng ở Thượng quái, lại tiếp cận với hào Sơ lục ở dưới, đi tính hấp thụ lẫn nhau, cũng giống như cây dương đã khô lại trổ mầm non, ông già lại lấy được cô vợ trẻ, có thể thành công trong việc sinh dục, cho nên chiêm đoán là "vô bất lợi". Lời tượng nói rằng: "Lão phu nữ thê, quá dĩ tương dữ dã". Đây là sự kết hợp duyên phận quá mức độ. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, ở vào thời kỳ phi thường, không nên gò bó vào những qui luật bình thường, mà nên tập trung lực lượng, áp dụng hành động phi thường.



九三：棟橈，凶。

Cửu tam: Đống nhiêu, hung.

Hào Cửu tam: Rường cột oằn cong, có hung hiểm.

Hào Cửu tam ở vào âm vị của Hạ quái mà hư nhược, dưới hư nhược thì trên bất chính, cương ở nhu vị, tất nhiên là quá mức độ, có biểu tượng "đống nhiêu". Trên tuy có hào Thượng lục tương ứng với nó, nhưng cũng không có sức để ngăn cản. Lời tượng nói rằng: "Đống nhiêu chi hung, bất khả dĩ hữu phụ". Vứt bỏ phụ trợ, hành động một mình, cho nên có hung hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thời kỳ phi thường không thể tự tin quá mức độ.*



九四：棟隆，吉，有它，吝。

Cửu tứ: Đống long, cát, hữu tha, lận.

Hào Cửu tứ: Rường cột dựng cao, tốt lành, nếu ứng với kẻ khác sẽ có điều hối tiếc.

"Long" nghĩa là nhô cao lên. Hào Cửu tứ ở vào Ngoại quái, âm hư

ở trên, trên hư dưới thực, có sức mang chứa, hơn nữa, bản thân lại ở nhu vị của hào cương, cương nhu đều đủ, như chồng nóc nhô cao lên, có thể mang chứa được, cho nên nói "đống long, cát". Nhưng hào Cửu tứ tương ứng với hào Sơ lục ở dưới. Nếu hào Cửu tứ đến giúp đỡ thì sẽ quá âm nhu mà chịu sỉ nhục. Lời tượng nói rằng: "Đống long chi cát, bất nhiêu hồ hạ dã", không uốn cong xuống dưới, cho nên tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, để thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, phải hết sức phát huy sức mạnh của bản thân mình, và thủ đoạn không thể quá ư mềm yếu.*

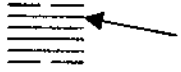


九五：枯楊生華，老婦得其士夫，无咎无譽。

Cửu ngũ: Khô dương sinh hoa, lão phụ đắc kỳ sỹ phu, vô cữu, vô dự.

Hào Cửu ngũ: Cây dương khô cằn nở hoa, bà già lấy được chồng trẻ khỏe, không xấu cũng không tốt.

"Sinh hoa", dương liễu sinh hoa thì tản mạn, mà cuối cùng cũng chẳng có ích lợi gì. "Sỹ phu" chỉ người chồng trẻ. Hào Cửu ngũ đã ở vào tôn vị, lại ở cực điểm của 4 hào dương, thịnh đại quá mức, mà Hạ quái lại không có tương ứng, bất đắc dĩ phải tiếp cận với âm nhu ở trên, nhưng hào Thượng lục là điểm cuối của quẻ này, đã già yếu. Hào Cửu ngũ quá ư dương cương kết hợp với hào Thượng lục đã già, thực giống như cây dương khô nở hoa, bà già lấy được trai tơ, về lý tuy không có tội lỗi gì, nhưng cũng không xứng đôi vừa lứa, không thể coi là vẻ vang, cho nên nói "vô cữu vô dự". Lời tượng nói rằng: "Khô dương sinh hoa, hà khả cửu dã, lão phụ sỹ phu, diệc khả sửu dã". (Cây dương khô nở hoa, lâu dài làm sao được; bà già lấy trai tơ, cũng thực đáng xấu xa). *Hào này khuyên chúng ta rằng, hành động phi thường ở thời kỳ phi thường, thủ đoạn vẫn phải chính đáng đúng chỗ.*



上六：過涉，滅頂，凶无咎。

Thượng lục: Quá thiệp, diệt đỉnh, hung, vô cữu.

Hào Thượng lục: Lội sông, ngập đầu, hung hiểm, vô hại.

Hào Thượng lục đã ở vào cực điểm của quẻ Đại quá, là hào âm, ở âm vị, vốn không có sức tiến lên, nhưng lại hăng hái vượt qua bằng được, thế mà tài sức yếu, không thể vượt được, cho nên có biểu tượng ngập đầu, quá thì nhất định sẽ ngập đầu chết người, nhưng đây là việc không tránh né gian nan nguy hiểm, khẳng khái đi đến chỗ chết, sát thân thành nhân, về đạo nghĩa không có tội tình gì. Lời tượng nói rằng: "Quá thiệp chi hung, bất khả cữu dã", tuy không lượng nông sâu mà chuốc lấy tai hoạ, nhưng có khí tiết tử vì nạn mà không có tội cẩu thả sống thừa. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nếu về đạo nghĩa đáng làm, thì dẫu vô vọng, cũng nên phấn đấu tới cùng.*

Nói tóm lại, trong thời kỳ phi thường, chúng ta nên:

Một là, ở vào thời kỳ phi thường, quyết sách càng phải cẩn thận hơn, mà không được manh động, phải suy nghĩ chu đáo tỉ mỉ. Vận dụng hành động phi thường cần phải có cái gan và khí phách tương đối lớn, gan càng to mà tâm càng tỉ mỉ, trí càng tròn đầy mà hành động càng chắc chắn, trước khi hành động phải suy nghĩ tới mọi hậu quả có thể sẩy ra, điều này không ngăn trở bạn đưa ra những quyết sách mạnh bạo. Những chiến lược gia cao siêu vượt qua người bình thường chính là ở điểm này.Năm 205 trước công nguyên, Hàn Tín sau khi đem mấy vạn quân đánh lấy Hà Đông (nay là phía nam tỉnh Sơn Tây), định ra cửa ải Tỉnh Hình (nay ở phía bắc Tỉnh Hình, tỉnh Hà Bắc) đánh Triệu. Tể tướng nước Triệu là Trần Dư và Triệu vương Yết nghe được tin, liền đem 20 vạn đại quân tụ tập ở cửa Tỉnh Hình để đợi quân Hán. Hàn Tín đóng doanh trại ở ngoài cửa Tỉnh Hình, đang đêm chọn 2 ngàn kỵ binh đi đường tắt vòng qua phía sau quân Triệu, hạ lệnh cho họ

khi thấy quân Triệu dốc hết quân ra truy kích thì xông vào doanh trại quân Triệu, thay cờ của quân Triệu bằng cờ của quân Hán. Hôm sau, sai một vạn quân ra đánh trước, và cố ý làm trái với qui luật bình thường, bầy thế phương trận ở bờ sông phía ngoài cửa Tỉnh Hình, chuẩn bị dựa sông mà đánh, quân Triệu thấy thế thì cười nhạo. Sau đó, Hàn Tín dựng cờ đại tướng, đánh trống tiến quân, dụ quân Triệu ra đánh, và giả vờ đánh thua, dọc đường vứt cả chiêng trống cờ quạt. Quân Triệu trông thấy, quả nhiên dốc hết quân ra đuổi theo. Quân Hán rút tới bờ sông, thấy không còn đường chạy, đều quay cả lại tử chiến. Kỵ binh do Hàn Tín sai ra, thừa cơ xông vào doanh trại quân Triệu, thay cờ quân Hán. Quân Triệu đánh mãi không được, định trở về dinh luỹ của mình, lại thấy dinh lũy đã mất, phút chốc tán loạn. Quân Hán đại thắng, Trần Toàn bị truy sát. Hàn Tín cao minh ở chỗ, trong tình hình địch nhiều ta ít, đã khéo vận dụng một nguyên tắc quân sự là "hãm vào chỗ chết thì sau sống" và dự tính một cách chuẩn xác hành động của kẻ địch, mới nhìn tưởng là mạo hiểm, nhưng thực ra kế hoạch chu đáo tỷ mỉ, trong cái vững vàng có cái kỳ lạ.

Hai là, phá bỏ qui luật bình thường, tập trung lực lượng, áp dụng hành động phi thường. Đây là phương pháp hiệu quả để thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn. Năm 207 trước công nguyên, tướng nước Tần là Chương Hàm sau khi đánh bại Hạng Lương, cho là đất Sở không đáng lo, liền xua quân vượt sông, đánh Triệu Vương ở Cự Lộc (nay là phía tây nam Bình Hương, Hà Bắc). Quân Triệu một mặt cố thủ, một mặt cầu cứu nước Sở. Sở Hoài vương đem hết quân Sở, sai Tống Nghĩa làm thượng tướng, Hạng Vũ làm thứ tướng đi cứu Triệu. Trên đường hành quân, Tống Nghĩa chần chừ không chịu tiến, lại còn hàng ngày bầy đặt tiệc rượu, muốn chờ quân của hai bên Tần, Triệu đều bị thương vong và thua cả để thừa cơ đục nước béo cò. Hạng Vũ phân tích tình hình, cho rằng quân Sở vừa mới thua xong, sỹ khí bị thương tổn, lương thực thiếu thốn, nên đánh nhanh, giải quyết nhanh.

Còn quân Tần binh mạnh lương đủ, lại đi đánh nước Triệu mới hình thành, thế nhất định thắng. Nước Tần mà diệt nước Triệu thì sẽ đánh cuốn chiếu cả thiên hạ, rất khó tranh hùng với nó, sẽ căn bản không còn cơ hội nào có thể lợi dụng được nữa, do đó khuyên Tống Nghĩa hoả tốc tiến quân. Tống Nghĩa không nghe. Hạng Vũ thấy tình thế nguy cấp, nổi giận giết chết Tống Nghĩa, tự làm thượng tướng quân, sau đó vượt qua sông Chương, đập nồi dìm thuyền, chỉ mang theo lương ăn 3 ngày để tỏ rõ ý chí quyết tử, không trở về. Quân hai bên đánh nhau, quân Sở người nào cũng một chọi mười, hăng hái chiến đấu, cuối cùng đánh tan quân Tần, tiêu diệt được chủ lực của quân Tần, đặt cơ sở cho việc diệt Tần sau này. Hạng Vũ thắng lợi là do đảm lược hơn người của ông và tinh thần quyết thắng của quân Sở.

Ba là, khi áp dụng hành động phi thường chớ nên tự tin quá mức, chớ nên độc đoán chuyên quyền, nên suy nghĩ đầy đủ ý kiến các bên, nếu không nắm chắc thì thà vững vàng thoả đáng, chứ chớ nên hành động khinh suất. Cuối thời Đông Hán, hoạn quan chuyên quyền, chính trị đen tối đã đến cực điểm. Ngoại thích, đại tướng quân Hà Tiến âm mưu định giết hoạn quan, tìm Viên Thiệu tới bàn bạc. Bọn Viên Thiệu vạch kế sách cho Hà Tiến, bảo Hà Tiến chiêu nạp những mãnh tướng và hào kiệt khắp nơi, làm cho họ dẫn quân về Kinh thành ép Hà thái hậu hạ lệnh giết hoạn quan, Hà Tiến cho là chính xác. Chủ bạ Trần Lâm khuyên Hà Tiến rằng: "Bịt mắt bắt sẻ", vật nhỏ còn chẳng lừa được ai, huống hồ là việc lớn của đất nước. Nay tướng quân đứng đầu hoàng thân quốc thích, nắm giữ binh quyền, chỉ nên quyết đoán hành động, thế mà lại định đi lấy viện trợ từ bên ngoài, thì nhất định sẽ không thành công mà chỉ gây nên cái thềm rối loạn thôi". Hà Tiến không nghe, lại đi tìm Tào Tháo (lúc ấy Tào Tháo đang làm Điển quân hiệu uý) để thương nghị. Tào Tháo phân tích tình hình xong, biết Hà Tiến nhất định sẽ thất bại, không muốn dây vào, liền khuyên Hà Tiến mau chóng quyết định. Hà Tiến vẫn không nghe. Kết quả là hoạn quan ra tay trước,

giết Hà Tiến. Viên Thiệu lại đem quân đánh giết bọn hoạn quan, tiếp đó, Đổng Trác vào Kinh, thiên hạ đại loạn.

Bốn là, muốn thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, trước hết phải dựa vào lực lượng của chính bản thân mình, chớ có mù quáng cầu xin người khác, thủ đoạn càng không được mềm yếu. Việc nào cũng đi cầu xin người thì không bao giờ tự lập được; cầu xin người một cách không chính đáng thì lại chịu tai hoạ lụt đầu; thủ đoạn mềm yếu, thì căn bản không thể thoát ra khỏi hoàn cảnh khó khăn. Mù quáng cầu xin người khác, như Lưu Chương cuối thời Hán, chiếm giữ cả vùng Tây Xuyên, binh lương đầy đủ mà lại sợ Trương Lỗ chiếm cứ mảnh đất nhỏ nhoi ở Hán Trung, lại không nghe lời khuyên ngăn, mời Lưu Bị vào Tây Xuyên, hòng dùng Lưu Bị để chống lại Trương Lỗ. Có biết đâu Lưu Bị đã sớm có dã tâm thôn tính Tây Xuyên, hành động này của Lưu Chương thực đã trúng tâm địa của Lưu Bị, Lưu Chương không bị diệt vong mới là trái với thiên lý. Hà Tiến thất bại là do quá tự tin nhưng thủ đoạn thì mềm yếu, quá ngu xuẩn, đánh giá thấp lực lượng của người khác. Lưu Bị từ một anh bán dép dệt chiếu mà tiến đến cát cứ một phương, xưng vương xưng đế, hoàn toàn dựa vào trí tuệ và tinh thần tiến lên không chịu khuất phục, bí mật của ông ta hoàn toàn ở chữ "nhân hoà". Vì xuất thân hèn kém, không có sức mạnh hiệu triệu mọi người, Lưu Bị dùng toàn lực để đoàn kết lôi kéo nhân tài, trừ hai ông Quan Vũ và Trương Phi ra, những mưu thần võ tướng khác đều có được theo cách này. Mà trước khi vào Tây Xuyên, Lưu Bị đã dựa vào Đào Khiêm trước, bị Lã Bố và Tào Tháo đánh bại, lại dựa vào Lưu Biểu, rồi lại bị con của Lưu Biểu bán đứng, cơ hồ không một tấc đất cắm dùi.

Năm là, hành động phi thường trong thời kỳ phi thường thì thủ đoạn phải nên chính đáng, nó bao gồm hai mặt là hợp với đạo nghĩa và chính xác thích đáng. Thời kỳ kháng chiến, để thoát khỏi tình cảnh khó khăn quân số quá thiếu, không thể chống lại kẻ địch hùng mạnh, Mao Trạch Đông lệnh

cho Bát lộ quân thâm nhập vào vùng địch hậu triển khai chiến tranh du kích chính là như vậy. Về mặt đạo nghĩa, Bát lộ quân chiến đấu và mở rộng vũ trang là để đánh giặc Nhật, Quốc dân đảng không thể bắt bẻ được; nhưng về mặt sách lược thì đã nhìn trúng cả vùng nông thôn và rừng núi rộng lớn còn để trống, luôn sâu bổ sung chỗ sơ hở, để cho hoa nở khắp nơi, làm cho lực lượng của Bát lộ quân mau chóng lớn mạnh, xây dựng được khu căn cứ địa rộng lớn. Đến khi kháng chiến thắng lợi, thế lực của Đảng Cộng sản đã sâu gốc bền rễ, khiến cho Tưởng Giới Thạch không làm gì được nữa.

Sáu là, trong tình thế bị hãm vào hoàn cảnh nguy kịch, không có hy vọng thoát hiểm, về đạo nghĩa đáng làm, thì phải phấn đấu đến cùng, xả thân vì nghĩa. Nếu cẩu thả sống thừa, chưa chiến đấu đã đầu hàng, thì chỉ để người đời thoá mạ. Quân thiết kỵ Mông Cổ đánh Nam Tống, Văn Thiên Tường biết rõ là đánh giặc cứu nước không còn hy vọng, vẫn hăng hái đổ máu hy sinh chiến đấu. Sau khi bị bắt, ông còn viết bài "Chính khí ca" chấn động cổ kim, được muôn đời kính ngưỡng. Khi quân Thanh đánh dưới chân thành, Sử Khả Pháp kiên quyết cố thủ thành trì, cùng sống chết với thành Dương Châu. Tinh thần của họ là tấm gương cho muôn đời. Đương nhiên, đấy là cuộc đấu tranh dân tộc tàn khốc, nếu nói về những quyết sách thường ngày, thì dẫu chỉ có một phần trăm hy vọng, cũng phải cố gắng một trăm phần trăm. Đánh mất niềm tin, chưa đánh đã thua thì không thể làm nên việc lớn.

Cho nên, trong thời kỳ phi thường, để thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn, chúng ta nên:

□ *Ghi nhớ:*

1. Cẩn thận chu đáo, gan to, tỉ mỉ.Dám phá vỡ qui luật bình thường, áp dụng những hành động phi thường.

2. Nghe cả hai tai thì sáng, chớ có tự tin quá mức, chớ có độc đoán chuyên quyền.

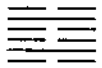
3. Trước hết phải tự lập, chớ có mù quáng cầu xin người khác.

4. Hợp với đạo nghĩa, biện pháp thích đáng.

5. Có một phần trăm hy vọng cũng cố gắng một trăm phần trăm.

6. Luôn giữ vững niềm tin

29. 坎KHẢM - ĐỘT PHÁ GIAN NAN NGUY HIỂM



坎上 Khảm trên
坎下 Khảm dưới

習坎，有孚，維心，亨，行有尚。

Tập khảm, hữu phu, duy tâm, hanh, hành hữu thượng.

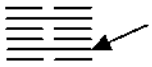
Trùng hiểm, có lòng thành tín ràng buộc trái tim, hanh thông, đi lên được quí chuộng.

"Tập" là trùng tập, "khảm" là khảm hãm, một dương hãm vào giữa hai âm gọi là khảm hãm. Thượng quái và Hạ quái đều là quẻ Khảm, tượng trưng trùng trùng gian nan khó khăn. "Tự quái truyện" nói rằng: "Vật không thể cứ quá mức suốt, cho nên tiếp sau đó là khảm, khảm nghĩa là hãm". "Duy" là buộc, "thượng" là có công được khen thưởng. Quẻ Khảm trên dưới là hào âm, ở giữa là hào dương, âm hư dương thực, trung tâm chắc đặc. Con người ta khi bị khảm hãm, chỉ có lấy thành tâm ràng buộc trái tim mình mà không mưu đồ ăn may thì tâm có chủ định và hoạ phúc lợi hại không thể lay chuyển. Như thế thì có thể quan sát thời thế, nhìn thời cơ mà hành động, có thể thoát hiểm mà có công. "Duy tâm hanh" chỉ hào Cửu nhị và hào Cửu ngũ đều đắc trung và thực, hãm trong khảm lại bình tĩnh tự tin, tự nhiên là tốt lành. Lời Thoán nói rằng: "Tập khảm là nguy hiểm trùng trùng, nước chẩy nhưng không đầy, gặp nguy hiểm nhưng không mất niềm tin. Duy tâm hanh là vì cương trung. Hành động thì được khen thưởng, đi xa thì có công. Thiên hiểm là không thể tiến lên, địa hiểm là sông núi gò đồi. Vương công

đặt ra thế hiểm để giữ nước họ, thời của hiểm tác dụng lớn lắm thay!" Trên hiểm dưới hiểm nên gọi là tập khảm. Tâm chí như nước chẩy nhưng nước không tràn đầy. Hào Cửu nhị, hào Cửu ngũ là dương cương, đắc trung, đắc chính, quang minh chính đại, cho nên có thể hanh thông. Có thể " tâm hanh", bình tĩnh tự tin thì có thể nhìn thấu mọi biến đổi của sự vật, tự nhiên có thể thoát ra khỏi nguy hiểm, đi xa thì có công, cho dù phía trước có bao nhiêu khó khăn hiểm trở, cũng đều có thể khắc phục. Lời tượng nói rằng: "Nước dồn đến, là tập khảm, quân tử hành động theo đức thường của mình, tập giáo pháp". "Khảm"là nước, hai dòng nước trùng trùng dồn đến, vĩnh hằng không dứt, thế thì cái vĩnh hằng trong thiên hạ không gì bằng nước. Quân tử nên học theo tinh thần vĩnh hằng này, nâng cao tu dưỡng phẩm đức của mình, quen thuộc phương pháp giáo hoá người khác.

Cho nên quẻ Khảm trình bày với chúng ta những nguyên tắc ứng biến khi cuộc sống và sự nghiệp hãm vào hoàn cảnh khó khăn.

Làm thế nào để thoát ra khỏi hoàn cảnh khó khăn là vấn đề mà nhiều hào quẻ của các quẻ Bĩ, Truân, Bác, Khảm, Kiển, Khốn, Minh di... trong *Chu Dịch* đã nhiều lần giải thích. Văn minh nhân loại trưởng thành lên trong cuộc đấu tranh gian khổ với tự nhiên và xã hội, cho nên nhận thức đối với khó khăn rất sâu sắc, kinh nghiệm rất phong phú. Giải quyết khó khăn, thoát khỏi tai hoạ có thể coi là động lực chủ yếu làm nẩy sinh ra *Chu Dịch*. Vấn đề lớn nhất mà những quyết sách về cuộc sống và sự nghiệp của chúng ta ngày nay vấp phải cũng là giải quyết khó khăn như thế nào để giảm bớt chướng ngại cho sự phát triển của sự nghiệp. Từ *Chu Dịch* có thể nhìn thấy tổ tiên chúng ta đã vì đó mà đổ ra biết bao tâm huyết. Kinh nghiệm của họ đương nhiên có ý nghĩa chỉ đạo rất quan trọng đối với chúng ta ngày nay. Những trọng điểm mà các quẻ Truân, Bĩ, Bác, Minh di, Khảm, Khiển, Khốn trong *Chu Dịch* đã trình bầy lại có những chỗ khác nhau, độc giả có thể tham khảo lẫn nhau.

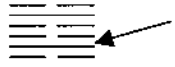


初六：習坎，入于坎窞，凶。

Sơ lục: Tập khảm, nhập vu khảm hãm, hung.

Hào Sơ lục: Đứng trước trùng trùng hiểm hãm, sa xuống hố sâu, hung hiểm.

"Hãm" là hố nhỏ trong khảm, cũng là hãm tỉnh trong hãm tỉnh. Hào Sơ lục âm nhu, lại ở dưới trùng hiểm, hãm sâu hơn, cho nên có biểu tượng "tập khảm, nhập vu khảm hãm". Chiêm đoán như vậy thì cuối cùng bị chìm đắm, và không có khả năng thoát ra khỏi nguy hiểm, điềm hung hiểm có thể biết. Lời tượng nói rằng: "Tập khảm nhập khảm, thất đạo hung dã". Chỉ có cương trung và tâm thành mới có thể thoát hiểm. Hào Sơ lục là hào âm, ở dương vị, thế là bất chính, lại ở dưới trùng hiểm, đã mất đi cái đạo thoát hiểm, cho nên hung hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên hết sức tránh rơi vào khảm hãm, nếu không sẽ khó thoát ra được.*

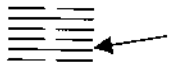


九二：坎有險，求小得。

Cửu nhị: Khảm hữu hiểm, cầu tiểu đắc.

Hào Cửu nhị: Gặp phải hiểm nạn sa xuống hố sâu, mong thoát hiểm nhỏ thì được.

Hào Cửu nhị bị 2 hào âm ở trên và ở dưới bao vây, cũng rơi vào khảm hãm, muốn thoát hiểm nhưng không được, cho nên có biểu tượng "khảm hữu hãm". Nhưng hào Cửu nhị cương trung đắc chính, biết là hãm hiểm khó thoát, chỉ cầu lợi nhỏ mà tạm thời không mưu đồ việc lớn là thoát hiểm, mục tiêu cầu lợi nhỏ vẫn có thể đạt được. Lời tượng nói rằng: "Cầu tiểu đắc, vị xuất trung dã". Cầu lợi nhỏ là vì tự thân còn ở trong vòng hãm hiểm. *Hào này ngụ ý không thể hành động quá gấp, nên từng bước nghĩ cách thoát hiểm, đạt đến mục tiêu.*

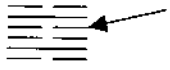


六三：來之坎坎，險且枕，入于坎窞，勿用。

Lục tam: Lai chi khảm khảm, hiểm thả chẩm, nhập vu khảm hạm, vật dụng.

Hào Lục tam: Đi lại đều trong cảnh hiểm hãm, tiến lên gặp hiểm, lui lại không yên, rơi xuống hố, không thi thố tài năng được.

"Chi" là vãng, là đi; "lai chi" là lai vãng; Nội quái, Ngoại quái đều là Khảm. Cho nên nói "Lai chi khảm khảm". Hào Lục tam âm nhu, bất trung bất chính, mà dẫm trong trùng hiểm, đến cũng khảm, đi cũng khảm, phía trước gặp hiểm, phía sau lại gối lên hiểm, sắp rơi vào vòng khảm hãm mà không thể tự thoát ra được. Vào lúc này, không thể vọng động. Lời tượng nói rằng: "Lai chi khảm khảm, chung vô công dã". Người ở trong khảm hiểm lấy thoát hiểm làm công. "Chung vô công" là cuối cùng khó thoát được hiểm nguy. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nếu bản thân mình ở trong vòng trùng hiểm thì không được vọng động, nên trước hết tự giữ mình để đợi sự biến đổi, nếu không thì sẽ hung hiểm.*



六四：樽酒，簋貳，用缶，納約自牖，終无咎。

Lục tứ: Tôn tửu, quĩ nhị, dụng phẫu, nạp ước tự dũ, chung vô cữu.

Hào Lục tứ: Một bình rượu, hai mẹt cơm, dùng âu sành, đưa vào qua cửa sổ, cuối cùng vô hại.

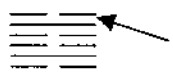
"Tôn" là đồ dùng để uống rượu; "quĩ"là cái mẹt để đựng thóc gạo, "phẫu" là đồ sứ chưa tô điểm, "ước" là giản ước, "dũ" là cửa sổ trên tường. Hào Lục tứ nhu thận đắc chính. Vào lúc gian nan dùng gần ở vị quân vương là hào Cửu ngũ cương trung, cương nhu giúp đỡ lẫn nhau, cái thế dễ hợp, mà khi ở vào thời kỳ gian nan, tất cả đều không thể dùng đạo

quân thần chính đáng. "Tôn tửu", "quĩ nhị", "dụng phẫu" tượng trưng giữa vua và bề tôi không có những tiết lễ phức tạp; "nạp ước tự dũ" mà không đi cửa chính tượng trưng gặp nhau không có nghi thức chủ khách. Chỉ có như vậy mới có thể cùng mưu việc thoát hiểm. Lời tượng nói rằng: "Tôn tửu quĩ nhị, cương nhu tế dã". "Tế" là giao tiếp với nhau. Đang lúc thế sự gian nan, gấp rút đối phó, hai bên có thể thẳng thắn thành tâm qua lại với nhau, tuy lễ bạc cũng có thể tự thông. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi gian nan, thì coi việc thoát khỏi hoàn cảnh khốn khó là trên hết, không nhất thiết cứ phải câu nệ vào những qui luật bình thường.*



九五：坎不盈，祉既平，无咎。
Cửu ngũ: Khảm bất doanh, chỉ ký bình, vô cữu.
Hào Cửu ngũ: Hiểm hãm chưa đầy, vực đã bằng, vô hại.

"Chỉ" là cái vực nhỏ ở giữa sông; "khảm bất doanh" là nước ở hố (khảm) vẫn chưa đầy mà còn có hố; "bình" chỉ nước đầy mà bằng phẳng. Vực đã bằng thì nước sắp đầy và thoát hiểm; "khảm bất doanh" là trước mắt nước vẫn chưa đầy; "chỉ ký bình"thì chỉ nước sắp đầy, có hy vọng đầy mà thoát hiểm. Hào Cửu ngũ còn ở trong khảm hiểm, nói về địa vị của nó, có biểu tượng "khảm bất doanh". Nhưng Hào Cửu ngũ dương cương trung chính, trên nó chỉ có một hào âm, không bao lâu nữa sẽ thoát hiểm, cho nên nói "chỉ ký bình", đoán là vô cữu. Lời tượng nói rằng: "Khảm bất doanh, trung vị đại dã". Hào Cửu ngũ tuy có đức cương trung, nhưng vẫn ở vào thời gian nan, vẫn chưa thể tỏ rõ đức của nó mà thoát hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, dẫu có hy vọng thoát hiểm, cũng nên nắm thời cơ có lợi nhất.



上六：係用徽纆，寘于叢棘，三歲不得，凶。

Thượng lục: Hệ dụng huy triền, trí vu tùng cức, tam tuế bất đắc, hung.

Hào Thượng lục: Bị dây buộc trói, vất trong gai góc, ba năm không thoát, hung hiểm.

"Hệ" là trói; "huy" và "triền" đều là tên sợi giây. *Thuyết văn*: "Huy là chão 3 chao", tức là loại giây thừng 3 chao. "triền" là giây thừng 2 chao. "Huy", "triền" dùng để trói tội nhân, "trí" là đặt. "Cức tùng" là nơi xử án thời xưa. Người thời xưa trồng các loại cây gai ở ngoài nhà tù để để phòng tội nhân chạy chốn. "Tam tuế bất đắc" chỉ thời gian rất lâu mà không thoát được tội. Hào Thượng lục lấy âm nhu mà ở cực điểm của "Khảm" hiểm, càng hãm càng sâu, như là bị dùng thừng chão trói chặt và để trong bụi gai, cuối cùng không có cơ thoát hiểm. Lời tượng nói rằng: "Hào Thượng lục mất đạo, hung hiểm 3 năm". "Đạo" là những sách lược và phương pháp cứu hiểm, thoát hiểm, cũng là những "duy tâm", "cương trung", "hữu tự" đã nói ở trên. Hào Thượng lục là hào âm mà mất đạo ấy, cho nên hung hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi bị hãm vào vòng tai nạn, nếu hành động khinh suất sẽ càng hãm càng sâu.*

Cho nên, khi cuộc sống và sự nghiệp của chúng ta bị hãm vào cảnh khốn khó nghiêm trọng, để thoát khỏi cảnh đó, chúng ta nên nắm chắc:

Một là, kịp thời áp dụng các biện pháp để tránh hãm sâu hơn. Một khi đã hãm vào vòng khảm hiểm thì sợ hãi thất thố cũng vô ích, mà trước hết nên tìm cách chặn đứng xu thế hãm xuống, khống chế nó ở một mức độ nhất định nào đó, và giảm thiểu mức độ tổn thất đã có đến mức thấp nhất, sau đó hãy suy nghĩ tới những vấn đề khác. Rõ ràng, nguyên tắc này bất luận là đối với những quyết sách cuộc sống của cá nhân hay đối với những quyết sách của các xí nghiệp, thậm chí là những quyết sách của dân tộc, của quốc gia đều có ý nghĩa chỉ đạo. Phát hiện sai lầm và kịp thời sửa chữa, độ hãm chưa sâu, sửa chữa cũng tương đối dễ; nếu không, càng hãm càng

sâu, thậm chí diệt vong. "Mỹ nhân kế ", "Không thành kế", "Khổ nhục kế", "Liên hoàn kế", "Tẩu vi thượng kế"...trong pho thứ 6 "Bại chiến kế" của "Tam thập lục kế" đều là trong tình hình địch mạnh ta yếu, khó tiếp tục đối kháng, áp dụng phương châm bảo tồn thực lực, giảm thiểu tổn thất để tính hành động sau này. "Núi xanh còn đó, chẳng sợ thiếu củi đun", câu nói thông tục, lại bao hàm chân lý. Cuộc "Trường chinh" của Hồng quân bắt đầu vào tháng 10 năm 1935, trên thực tế cũng là biện pháp "tẩu vi thượng" áp dụng trong tình thế bất đắc dĩ để bảo tồn lực lượng của Hồng quân. Nếu cứ cố chết mà đánh thì chỉ có thể chuốc lấy diệt vong.

Hai là, thân hãm vào cảnh nguy khốn, phải từng bước tìm cách thoát hiểm mà không được hoang mang sợ hãi, không được vì gấp gáp thoát hiểm mà hành động quá vội vàng, làm như vậy, không những không đạt được mục đích mà ngược lại, còn chuốc lấy tai hoạ lớn hơn. Trước hết bắt đầu làm từ cục bộ, cải thiện điều kiện cục bộ, sau đó từng bước, từng bước đạt đến mục tiêu cải thiện toàn cục, như thế mới là thượng sách. Thời Hán Vũ đế, danh tướng Lý Quảng đem 3 ngàn quân đi đánh Hung Nô, bị 3 vạn quân Hung Nô bao vây. Các chiến sỹ thấy cảnh tượng đó đều hoang mang sợ hãi. Lý Quảng thì không căng thẳng, trước hết, ông sai con mình là Lý Cảm đem vài tên lính đánh phá vây, lại đánh quay trở lại, tỏ rõ quân Hung Nô không đáng sợ. Các chiến sỹ thấy thế mới trấn tĩnh lại. Sau đó, Lý Quảng sai binh sỹ đem xe lớn bầy thành thế trận vòng tròn, binh sỹ đều cầm cung nỏ hướng ra phía ngoài bắn giặc, đánh lùi nhiều đợt xung phong của quân Hung Nô. Lý Quảng lại dùng nỏ cứng giết mấy viên tướng lĩnh của quân Hung Nô, làm nhụt sỹ khí của chúng, hạ lệnh cho binh sỹ cố thủ chờ quân tiếp viện. Ba ngày sau, cuối cùng viện binh cũng tới, an toàn thoát hiểm. Năm Nguyên Gia thứ 8 đời Tống Văn đế (431), Lưu Ngạn Chi đem quân đi đánh phương bắc bị thua, quan Bắc Ngụy thừa cơ phản công, danh tướng nhà Tống là Đàn Đạo Tế đem quân đi cứu viện, đánh nhau với quân

Bắc Nguỵ hơn 30 trận, phần nhiều đều chiến thắng. Quân Nguỵ dùng khinh kỵ đón ở phía trước và phía sau, đốt hết lương thảo, làm cho quân Tống thiếu lương ăn mà không thể tiến quân. Sau Đàn Đạo Tế theo đường Lịch Thành (nay là Tế Nam, Sơn Đông) rút lui, quân Tống có kẻ đầu hàng quân Nguỵ, đem tình hình quân Tống nói hết cho phía quân Nguỵ. Quân Nguỵ lập tức truy kích, binh lính quân Tống đều sợ hãi, sắp tan rã. Đàn Đạo Tế cho lấy cát đắp lên thành gò, rồi đem số gạo còn lại phủ lên trên. Trời sáng, quân Nguỵ trông thấy, cho là lương thực của quân Tống còn nhiều, bèn giết hết bọn quân Tống đã đầu hàng. Bấy giờ, quân Tống thì ít mà quân Nguỵ thì nhiều, bao vây bốn mặt. Đàn Đạo Tế ra lệnh cho binh sỹ đều mặc áo giáp, tự mình mặc áo trắng lên xe, đem quân từ từ tiến ra. Quân Nguỵ cho là có quân mai phục nên không dám đánh sát tới, quân Tống bảo toàn được lực lượng rút về.

Ba là, thân hãm cảnh nguy khốn, thì nên coi việc thoát ra khỏi cảnh nguy khốn là trước hết, mà không nhất thiết phải câu nệ vào những qui luật bình thường. Nếu thân hãm vào cảnh nguy khốn mà vẫn khư khư giữ thể diện, lên mặt, vẫn làm việc theo như hoàn cảnh thuận lợi, thì chỉ có thể chuốc lấy tai hoạ. Cụ thể nói đến việc người, người xưa cho rằng ở vào thời loạn, không chỉ vua chọn bề tôi, mà bề tôi cũng cần chọn vua. Cho nên bề tôi đang cơm gạo mạch mà vua không cho là đơn giản, đang đêm mưa gió, vua đến nhà bề tôi, gọi bà vợ của người bề tôi là bà mà không cho là khinh lờn, thời buổi phi thường, tất cả đều phải đơn giản mà không thể theo lý thường mà đánh giá. Lưu Bị được cả giang sơn, những người như Quan Vũ, Trương Phi có công lao rất lớn, tình cảm giữa 3 người cũng rất sâu sắc, tiếng là vua tôi, ân như cha con. Hán Quang Vũ đế Lưu Tú khi mới đến Hà Bắc,bị Vương Lang truy đuổi rất gấp, không có chỗ dừng chân, trốn chạy khắp nơi, không dám vào thành ấp, chỉ có thể ăn cơm ở nhà dân bên vệ đường, mà những thứ ăn cũng chỉ là cháo đỗ và cơm lúa mạch thôi. Chạy

vạy khắp nơi, sớm tối không nghỉ, xông pha sương tuyết đến nỗi mặt mũi nứt nẻ. Còn Công Tôn Thuật chiếm cứ Tây Xuyên, sự thắng bại trong thiên hạ vẫn còn chưa biết, thế mà chỉ lo bầy nghi trượng, sửa sang chỗ ở. Mã Viện chê là ếch ngồi đáy giếng là đáng lắm.

Bốn là, thân hãm vào vòng trùng hiểm, trước hết nên tìm cách tự giữ lấy mình để đợi sự biến đổi. Chỉ cần lực lượng còn, thì sau vẫn còn cơ hội làm lại. Cách thức ứng xử của Lưu Bang đối với Hạng Vũ trong bữa tiệc ở Hồng Môn và nhận phong ở Hán Trung, đều là vận dụng sách lược này. Điển Vinh thì không muốn nhẫn nhịn, nổi lên chống lại, cuối cùng bị Hạng Vũ đánh giết. Khi Lưu Bị bị Lã Bố đánh thua, quân thần tan tác, không chỗ an thân phải tạm theo Tào Tháo cũng là như thế. Tào Tháo biết rõ Lưu Bị là anh hùng, giết đi thì sợ mất lòng thiên hạ, nên hết sức đề phòng ông ta. Lưu Bị thì làm ra vẻ mình không có chí lớn, hàng ngày trồng hoa tưới cây để che tai mắt mọi người, cuối cùng tìm cơ hội trốn thoát, lại sửa sang lại cờ trống tiếp tục chiến đấu. Nói về quyết sách cá nhân, những điều mà Lưu Bang, Lưu Bị đã làm hoàn toàn là thượng thượng sách.

Năm là, khi có hy vọng thoát hiểm thì chớ bao giờ vội vàng quá mức, phải nắm chắc thời cơ có lợi nhất. Lưu Bị trốn thoát từ chỗ Tào Tháo, là chọn lúc Tào Tháo sai lầm phái ông đi giết Viên Thuật. Năm 383 sau công nguyên, sau trận Phì Thuỷ, Tiền Tần đã tỏ rõ cái thế tan rã, Mộ Dung Thuỳ từ lâu đã muốn thoát khỏi Bồ Kiên, khôi phục nước Yên. Khi ấy, các quân của Tiền Tần đều tan vỡ, chỉ còn 3 vạn quân do Mộ Dung Thuỳ chỉ huy là được bảo toàn. Bồ Kiên đem hơn một ngàn quân đến đinh của Mộ Dung Thuỳ. Con của Mộ Dung Thuỳ là Mộ Dung Bảo nói nên nhân dịp này, giết Bồ Kiên đi thì nghiệp lớn có thể thành công. Mộ Dung Thuỳ lại cho rằng: "Nếu trời muốn vứt bỏ ông ta thì chẳng lo nước Tần không diệt vong. Chi bằng cứu giúp ông ấy lúc nguy nan để báo đức, từ từ đợi họ có hắn khích rồi sẽ tính, như thế, vừa không phụ ý nguyện cũ, hơn nữa lại vừa có thể

dùng đại nghĩa mà lấy thiên hạ". Nhiều người cũng khuyên Mộ Dung Thuỳ giết Bồ Kiên, nhưng Mộ Dung Thuỳ không nghe. Bồ Kiên sau khi đến Lạc Dương, sai Mộ Dung Thuỳ trấn giữ Hà Bắc. Đến cuối năm, sau khi Mộ Dung Thuỳ thoát khỏi sự khống chế của Bồ Kiên, nắm chắc phần thắng, lúc ấy mới cử binh phản lại Tiền Tần, nhanh chóng chiếm lĩnh vùng Hà Bắc rộng lớn, khôi phục được nước Yên.

Sáu là, thân hãm vào cảnh khốn khó thì càng nên bình tĩnh, không được vọng động, nếu không, sẽ càng hãm càng sâu, như thế sẽ chỉ dẫn tới kết quả trái với nguyện vọng của mình. Những ví dụ về Lưu Bang, Lý Quảng nêu ở trên đều có thể chứng minh. Thời kỳ Tam quốc, sai lầm về quyết sách lớn nhất của thừa tướng nước Thục là Gia Cát Lượng trong cuộc đấu tranh với chính quyền Tào Tháo là không ngừng phát động chiến tranh đánh Ngụy. Khi ấy, nước Thục ở riêng một góc, nhân số không được một triệu, vô luận là thực lực kinh tế hay thực lực quân sự đều thua xa so với Tào Ngụy, ở vào thế yếu rất rõ rệt. Trong tình hình ấy, nước Thục vốn nên bên ngoài dựa vào thế hiểm thiên nhiên để chống giữ, bên trong, tích cực phát triển sản xuất, tăng nhanh nhân khẩu, tăng cường thực lực. Nhưng Gia Cát lượng chỉ nhìn thấy số quân thiện chiến đi theo Lưu Bị đánh khắp thiên hạ năm xưa ngày một giảm bớt, lại vội vàng thực hiện chí lớn khôi phục trung nguyên, nên không để ý tới một hiện thực bất lợi, liên tiếp ra quân, tiêu hao rất nhiều nhân lực vật lực mà không có bất kỳ một kết quả nào. Người kế nhiệm là Khương Duy cũng nhiều lần ra quân, làm cho thế nước mỗi ngày một yếu, rồi cuối cùng Đặng Ngải chỉ đem một đạo quân đánh thẳng vào, lấy được Thành Đô, tiêu diệt nước Thục. Còn chính quyền Đông Ngô cũng ở vào thế yếu như nước Thục, nhưng áp dụng chính sách cố thủ, nên sau khi nước Thục mất, chính quyền còn duy trì được hơn 10 năm nữa. Một gương chính diện, một gương phản diện, đủ để răn đe. Cho nên khi thân bị hãm vào cảnh khảm hạm, thì nên:

❑ *Ghi nhớ:*

1- Cố gắng tránh hãm sâu hơn, giảm bớt tổn thất đến mức độ thấp nhất.

2- Từng bước tìm cách thoát hiểm, chớ có hành động quá vội vàng.

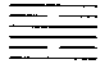
3- Trước hết tự giữ lấy mình để chờ tình hình biến đổi.

4- Thoát ra khỏi những qui luật bình thường, thoát hiểm là số một.

5- Nắm chắc thời cơ có lợi nhất.

6- Không được vọng động.

30. 離 LY - TÌM CHỖ DỰA TRONG LÚC GIAN NAN



離上 Ly trên
離下 Ly dưới

離利貞，亨，畜牝牛吉。

Ly, lợi trinh hanh, súc tẫn ngưu, cát.

Quẻ Ly, có lợi cho việc giữ gìn trinh chính, hanh thông, nuôi trâu cái, tốt lành.

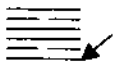
"Ly" có thể giải thích là "lệ" và "minh". "Lệ" nghĩa là phụ vào, bám vào, trên hình quẻ là 1 hào âm bám vào 2 hào dương ở trên và ở dưới; "Ly" trung hư là minh, là sáng; ly là hoả (lửa), lửa không có hình dạng cố định, bám vào vật mà sáng. Quẻ Ly cũng là thác quái. "Tự quái truyện" nói rằng: "Hãm thì nhất định sẽ có chỗ bám vào, cho nên tiếp sau đó là quẻ Ly; ly nghĩa là bám vào". Trong gian nan nguy hiểm, phải có chỗ dựa, chỗ theo mới có thể thoát hiểm. Do đó, sau quẻ Khảm thì nói đến quẻ Ly. Hào Lục nhị và hào Lục ngũ trong quẻ này ở giữa Ly trên và Ly dưới tất có lợi cho chính rồi sau hanh thông, Trâu vốn là động vật tính tình thuận theo. "Tẫn ngưu" là trâu cái, càng thuận theo. "Súc tẫn ngưu" là nhấn mạnh sự thuận theo. Nói tóm lại, phụ vào, bám vào nhất định phải giữ vững chính đạo và thuận theo thì mới có lợi. Lời Thoán nói rằng: "Ly nghĩa là lệ, mặt trời mặt trăng bám vào bầu trời, cây cỏ ngũ cốc bám vào đất, trùng minh để bám vào chính đạo thì hoá thành thiên hạ.. Nhu bám vào trung chính, nên hanh thông; cho nên nuôi trâu cái là tốt lành." Mặt trời mặt trăng bám ở trên trời nên mới xán lạn, các loại cây cỏ bám vào mặt đất mới sinh trưởng và phát

triển, vạn vật đều có chỗ bám, chỗ dựa. Quẻ Ly, trên dưới đều là Ly, là ánh sáng đôi đào. Hào Lục nhị đắc chính, lại trên dưới sáng sủa, là tượng trưng cho ánh sáng, lại dựa vào lẽ chính đáng, lại nhu thuận trung chính, nên được hanh thông, cũng tốt lành như "súc tẫn ngưu" vậy. Lời tượng nói rằng: "Minh lưỡng tác ly, đại nhân dĩ kế minh chiếu vu tứ phương". Hai Ly chồng lên nhau, vô cùng sáng sủa, những nhân vật vĩ đại nên học tập tinh thần này, dùng thái độ quang minh lỗi lạc để thông hiểu sự lý, chiếu rọi bốn phương.

Cho nên quẻ Ly trình bầy với chúng ta những đạo lý và nguyên tắc của "lệ", tức là phụ theo và dựa vào. Mà phụ theo, dựa vào là phương diện quan trọng của cuộc sống và sự nghiệp.

Phụ theo, dựa vào bao gồm nhiều mặt, có chỗ dựa của nhân sự, có chỗ dựa của sự nghiệp... Theo cách lý giải của người Trung Quốc cổ xưa, tất cả những gì ở trong vòng trời đất, đều phải có chỗ dựa, mới có thể duy trì được sự sinh tồn của nó, như là cây cối thì phải dựa vào đất mẹ và ánh sáng, con người thì phải dựa vào gia đình và sự nghiệp. Mục đích của sự dựa nhờ là tìm sự ủng hộ và chi viện nào đó khi lực lượng của bản thân mình có hạn, không đủ để đạt được mục đích hay mục tiêu nào đó. Đối tượng để mình dựa nhờ đương nhiên nói chung là những người mạnh hơn mình về các mặt địa vị, năng lực, lực lượng. "Dựa nhờ" bản thân nó không bao hàm ý xấu, chỉ vì con người ta trong cuộc sống hiện thực thường thấy có một số người để đạt được mục đích ích kỷ nào đó mà câu kết thục mạng, nịnh bợ cấp trên, vì thế, mới nẩy sinh một loại ác cảm đối với "dựa nhờ". Nhưng đó không phải là tội của "dựa nhờ". Phải nói rằng, bất cứ khi nào, hành vi dựa theo một cách chính đáng đều là cần thiết, nó là một sách lược tốt để thực hiện mục tiêu, như Tuân Tử đã nói: "Lên cao mà vẫy gọi, không phải là cánh tay dài thêm ra, mà người ta trông thấy từ xa; thuận gió mà gọi, không phải là tiếng nhanh hơn, mà người ta nghe

rõ... Người quân tử sinh ra không có gì khác lạ, mà chỉ giỏi dựa vào muôn vật thôi ". Hơn nữa, dựa nhờ về bản chất là nhờ cậy lẫn nhau. Người đi dựa nhờ cố nhiên là qua phương thức này nhận được chi viện từ bên ngoài, người được dựa nhờ cũng nhân cơ hội này tăng cường lực lượng của mình, có thể nói là cả hai đều có lợi. Những nhân vật thiên tài nếu mất đi quần chúng dựa vào họ thì sẽ không trở thành thiên tài; quần chúng nếu không có người dẫn đầu kiệt xuất thì chỉ là bầy cừu không có con đầu đàn; người có tài mà không cam chịu im lặng, nhưng nếu không được cấp trên biết và cất nhắc, thì cũng có thể chật vật suốt đời, nhưng một khi có người sáng suốt biết tới thì họ sẽ trổ tài, làm nên sự nghiệp lớn. Đối với cá nhân là như vậy, đối với xí nghiệp và sự nghiệp cũng như vậy. Do vậy, nguyên tắc của dựa nhờ là cần thiết, là kỳ diệu, mấu chốt là ở chỗ bạn vận dụng như thế nào trong cuộc sống.



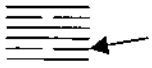
初九：履錯然，敬之，无咎。

Sơ cửu: Lý thác nhiên, kính chi, vô cữu.

Hào Sơ cửu: Tiến lên vội vã, bước đi rối loạn, cung kính, vô hại.

"Lý" là đi, là tiến; "thác"là giao thác (giao nhau), đông tây là giao nhau, đi nghiêng (tà hành) là giao nhau. Hào Sơ cửu dương cương vội vã tiến lên, nhưng ở đầu quẻ Ly minh, cương và minh giao nhau ở ngực, khó tránh khỏi chạy ngược chạy xuôi, bước đi rối loạn. Chỉ có kính cẩn và trong lòng thẳng thắn, bình tĩnh mà không vội vàng vọng động, chuyên chú mà không quá ư minh sát, thì có thể vô cữu. "Thác" lại có thể giải thích là màu vàng. *Thuyết văn*: "Thác nghĩa là quét màu vàng, bộ Kim, âm tích". Dùng vàng quét lên đồ vật, màu sắc lấp lánh, làm người ta hoa mắt, không biết theo ai. Cho nên nói: "Lý thác nhiên, kính chi vô cữu." Lời tượng nói rằng: "Lý thác chi kính, dĩ tị cữu đã". Sở dĩ cung kính thận trọng là để tránh sai

lầm tội lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi dựa nhờ ai thì trước hết nên nhận rõ đối tượng chính xác.*

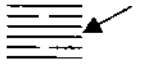


六二：黃離，元吉。

Lục nhị: Hoàng ly, nguyên cát.

Hào Lục nhị: Bám vào màu vàng trung chính, rất tốt lành.

"Hoàng" là màu của đất, trong Ngũ hành, Thổ thuộc trung ương, lại Khôn là hoàng (vàng). Hào Lục nhị là giữa của quẻ Ly, là màu vàng. Ly là phụ vào, bám vào. "Hoàng ly" là bám vào trung. Hào Lục nhị âm nhu đắc trung, bám vào trung và đắc chính, cho nên có biểu tượng "hoàng ly". Bám dựa vào trung chính, đương nhiên là đại cát. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi dựa nhờ thì nên hợp với nguyên tắc trung chính.*



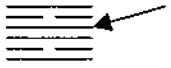
九三：日昃之離，不鼓缶而歌，則大耋之嗟，凶。

Cửu tam: Nhật trắc chi ly, bất cổ phẫu nhi ca, tắc đại diệt chi ta, hung.

Hào Cửu tam: Mặt trời ngả về tây rất sáng, nếu không gõ vò mà hát thì sẽ phải ta thán khi về già, có hung hiểm.

"Trắc" là mặt trời qua chính ngọ, ngả về tây; "Ly" là minh; "cổ" là gõ, "phẫu" là đồ dùng bằng gốm. *Thuyết văn*: "Người 80 tuổi gọi là điệt", chỉ người già. "Ta" là ta thán, than thở. Phẫu là đồ dùng hàng ngày của người xưa. "Cổ phẫu nhi ca" là vui với những gì có hàng ngày, gõ vào vật mình thấy ở trên chiếu, an phận. Người già 80 tuổi khi vui thì ca hát, khi buồn thì than thở. Hào Cửu tam ở giữa 2 quẻ Ly, vào lúc ánh sáng trước sắp hết, ánh sáng sau đang kế tiếp, cho nên nói "nhật trắc chi ly". Nhưng thịnh suy dựa vào nhau, đó là qui luật vận động của trời. Con người đến lúc ấy,

vui với mệnh trời, gõ vò mà hát để an với thân phận thường ngày của mình, đó chính là việc của bậc thông đạt. Nếu không biết an phận, mà chỉ buồn rầu thở than suông, thì không những vô ích, lại còn chuốc lấy tai hoạ. Cho nên nói: Không gõ vò mà hát thì tuổi già than thở. Lời tượng nói rằng: "Nhật trắc chi ly, hà kỳ cửu dã" (ánh sáng xế chiều, làm sao lâu dài được). *Hào này khuyên chúng ta rằng, dựa nhờ cũng nên biết vui với mệnh trời, thuận theo tự nhiên.*

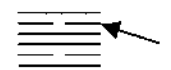


九四：突如其來如，焚如，死如，棄如。

Cửu tứ: Đột như kỳ lai như, phần như, tử như, khí như.

Hào Cửu tứ: Bỗng nhiên nó tới, thiêu đốt, chết chóc, huỷ bỏ.

"Như " là trợ từ ngữ khí. Hào Cửu tứ bất trung bất chính, khi 2 Ly hoả trên dưới tiếp nhau, dương cương mà mạnh. Lửa của hào Cửu tam bốc lên mà không quay về được; hào Lục ngũ ở tôn vị, hào Cửu tứ lại không dám phạm, trên dưới không có chỗ dung thân, tất nhiên là tự đốt mình, tự huỷ mình "phần như, tử như, khí như ". Lời tượng nói rằng: "Đột như kỳ lai như, vô sở dung dã" (Bỗng dưng nó tới, không có chỗ dung thân). *Hào này khuyên chúng ta rằng, dựa nhờ không thể dựa vào uy hiếp đầu cơ, nếu không, trên dưới đều không có chỗ dung thân, tất nhiên là hung hiểm.*



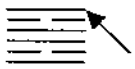
六五：出涕沱若，戚嗟若，吉。

Lục ngũ: Xuất thế đà nhược, thích ta nhược, cát.

Hào Lục ngũ: Nước mắt đầm đìa, lo buồn thảm thiết, tốt lành.

"Xuất thế đà nhược" là nước mắt tuôn không ngớt; "thích ta nhược" là buồn thương than thở không dứt, tượng trưng buồn thương thể hiện trên nét mặt và phát thành tiếng khóc. Hào Lục ngũ là hào nhu, ở tôn vị, tuy có

đức trung chính, nhưng bám vào giữa 2 hào cương cường, nếu không dựa vào đức trung chính của mình, nhất định sẽ bị nguy hiểm, cho nên hoang mang lo sợ mà lệ tuôn không dứt, buồn rầu không nguôi. Nhưng chính vì như thế, mà lại tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Hào Lục ngũ tốt lành là dựa vào vương công". Công là chỉ hào Cửu ngũ; vương là chỉ bản thân hào Lục ngũ, vương và công dựa vào nhau chính là âm dương giúp nhau, cho nên tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, dựa vào kẻ mạnh càng nên thận trọng tế nhị, mềm mỏng mà trung chính.*



上九：王用出征，有嘉折首，獲匪其醜，无咎。

Thượng cửu: Vương dụng xuất chinh, hữu gia chiết thủ, hoạch phỉ kỳ xú, vô cữu.

Hào Thượng cửu: vua đi đánh dẹp, được ca ngợi, chém lấy đứa đầu sỏ, không bắt bọn lâu la nhỏ, vô hại.

"Sửu" là loại; "chiết thủ" là chém lấy đứa đầu sỏ; "hoạch phỉ kỳ sửu" là không bắt tới những bọn lâu la nhỏ mọn, tức là không bắt tội những người bị ép đi theo. "Vương" chỉ hào Lục ngũ, "hữu gia" là biểu thị khen ngợi. Hào Thượng cửu dương cương, lại ở vào cực điểm quang minh của quẻ Ly, sáng đến cực điểm thì nhất định sẽ chiếu rọi người theo đầu tiên, có thể chỉnh đốn quốc gia, vỗ yên trăm họ. "Vương" sai nó đi chinh phạt, nhưng hào Thượng cửu là hào dương mà cư âm vị, không dùng hết sức, chỉ chém tên đầu sỏ, không chém đến những kẻ đi theo, cho nên vô cữu. Lời tượng nói rằng: "Vương dụng xuất chinh, dĩ chính bang dã" (Vương sai xuất chinh là để chấn chỉnh đất nước). *Hào này khuyên chúng ta rằng, để được dựa nhờ, nên diệt trừ tội ác, trừ bỏ tên đầu sỏ mà không bắt tội đến kẻ bị ép đi theo.*

Tổng hợp nội dung trên đây, khi vận dụng nguyên tắc dựa theo, chúng ta nên:

Một là, trước hết, phải nhận rõ đối tượng chính xác, vì sự tốt xấu cao thấp của đối tượng dựa nhờ quyết định sự tốt xấu cao thấp của kết quả dựa nhờ, không nên vì vội vàng tìm lối thoát mà đi dựa nhờ một cách mù quáng. "Tuân Tử. Khuyến học thiên" có một ví von rất hay: "Phương nam có một loài chim, gọi là chim mông cưu, giống chim này lấy lông làm tổ, lấy tóc để bện, lấy lau cói để buộc. Khi gió to nổi lên, tổ bị vỡ, con bị chết. Tổ không phải không hoàn hảo, nhưng vẫn bị vỡ, là bởi dây buộc. Phương tây có một giống cây, cọng dài 4 tấc, mọc trên núi cao, bên cạnh là vực sâu ngàn nhận. Cọng cây không phải là có thể dài thêm ra, mà do chỗ nó mọc, nên trông cao vút như vậy, cỏ bồng mọc trong bụi dạy, không nâng cũng thẳng; rễ lan hoè rất thơm, nhưng ăn vào nước bẩn thì quân tử không gần, mọi người không phục. Phẩm chất của nó không phải không đẹp, do tiêm nhiễm nước bẩn nên mới như thế." Nhận rõ đối tượng dựa nhờ bao gồm 2 mặt, một là nhận rõ sự nghiệp mà đối tượng theo đuổi là sự nghiệp vĩ đại và chính đáng, những người như thế mới đáng để dựa nhờ; hai là nhận rõ đối tượng có thể làm cho tài năng của mình được phát huy đầy đủ, giá trị cuộc sống của mình được thể hiện đầy đủ. Hai mặt này bổ sung cho nhau, không thể thiếu mặt nào. Tuân Tử nói: "Người quân tử ở thì phải chọn chỗ, đi chơi thì đến với bậc sỹ phu, làm như vậy là để đề phòng gian tà tội ác và gần gạnh những người trung chính". Tục ngữ cũng có câu "Chim khôn chọn cành mà đậu", "phượng hoàng chỉ đậu cành ngô", là nói phải lựa chọn đối tượng dựa nhờ mà mình có thể thể hiện được giá trị của mình, có tiền đồ phát triển. Gia Cát Lượng dựa theo Lưu Bị; Chu Du, Lỗ Túc dựa theo Tôn Quyền; Tuân Du, Quách Gia dựa theo Tào Tháo, đều có thể nói là chọn đúng đối tượng. Còn Trần Cung dựa theo Lã Bố, Tư Thụ dựa theo Viên Thiệu thì chẳng những sự nghiệp không thành, mà lại còn bị mất mạng.

Hai là, cho dù là dựa theo ai, đều nên hợp với nguyên tắc trung chính, tức là trong lòng không tà không vạy, xử sự không thiên không lệch, như vậy thì xử lý việc gì cũng thoả đáng. Nếu trong lòng tà vạy, phản phúc bất thường thì là kẻ tiểu nhân chứ không phải là người quân tử, sẽ không có kết quả tốt. Như tướng nước Thục là Mạnh Đạt vốn đi theo Lưu Bị, vì bất hoà với viên phó tướng Lưu Phong nên đem đất Thượng Dung (nay là Hồ Bắc) mà mình giữ đầu hàng Tào Nguỵ. Mạnh Đạt có tài lại dễ coi, Nguỵ Văn đế Tào Phi rất quí trọng ông ta, phong ông ta làm Bình Dương đình hầu, Thái thú Tân Thành, giao cho ông ta trọng trách phòng thủ phía tây nam. Viên Hành quân trưởng sử của nước Nguỵ là Lưu Hoa từng khuyên Tào Phi, cho rằng Mạnh Đạt có tâm địa tạm bợ, cậy tài nhiều thủ đoạn, nhất định không thể mang ơn nhớ nghĩa, nếu sẩy ra biến cố thì sẽ là mối tai hoạ của quốc gia. Tào Phi không nghe. Đến khi Tào Phi chết, Mạnh Đạt quả nhiên lại định phản lại nước Nguỵ trở về với Thục. Nước Nguỵ sai Tư Mã Ý đem quân đánh úp, bắt giết Mạnh Đạt. Người xưa như vậy, người nay cũng như vậy.

Ba là, nguyên tắc dựa nhờ cũng chú ý tới vui vẻ với mệnh trời, thuận theo tự nhiên, nhất là khi dựa nhờ là thủ đoạn bất đắc đĩ. Tìm được lực lượng để cậy nhờ cố nhiên là đáng mừng, nếu quả thực không thể cậy nhờ, cũng đành thuận theo tự nhiên, cố gắng phát huy sức mạnh của mình để tạo ra những điều kiện, thoát ra khỏi khó khăn, mà không được vì chưa có chỗ nhờ cậy mà đánh mất niềm tin, đánh mất ý chí phấn đấu, như thế là trao tiền đồ của mình vào tay người khác mà bản thân mình lại không nắm lấy nó, như thế, đương nhiên là hung hiểm. Đây là đạo lý không cần phải nói cũng tự rõ; đây cũng là phong thái của rất nhiều ẩn sỹ cổ đại Trung Quốc.

Bốn là, dựa nhờ người khác cũng không được dựa vào sự ép buộc, cũng không được có tâm lý đầu cơ trục lợi, thủ đoạn phải chính đáng, tâm hồn phải chân thành. Thời cơ tốt nhất là khi người khác cần mau chóng mở

rộng lực lượng, chiêu mộ nhân tài trong thiên hạ. Khi ấy, với nguyên tắc thành tín đi dựa nhờ, nhất định sẽ được hoan nghênh, dẫu hai bên trước đó có mối hiềm nghi cũng sẽ được hoá giải. Như thời Tam quốc, Trương Tú dựa nhờ Tào Tháo. Trương Tú đã từng đầu hàng Tào Tháo, rồi lại làm phản, giết một người con của Tào Tháo và viên đại tướng Điển Vi của Tào Tháo. Tào Tháo và Viên Thiệu cầm cự nhau ở Quan Độ, quân Viên Thiệu thì mạnh, quân Tào Tháo thì yếu. Viên Thiệu sai người đi chiêu dụ Trương Tú, lại gửi thư cho mưu sỹ của Trương Tú là Giả Hủ để kết giao. Trương Tú định nghe theo, nhưng Giả Hủ ngăn cản, ông phân tích cho Trương Tú như sau: "Tào công vâng mệnh thiên tử để ra lệnh cho thiên hạ, đó là một lý do nên theo (Tào Tháo); Viên Thiệu cường thịnh, ta đem ít quân theo ông ta thì nhất định không được ông ta coi trọng; Tào công quân yếu, được ta đi theo nhất định sẽ vui mừng, đó là lý do Hai là, nên theo; những người có chí làm bá vương thì đều muốn cởi bỏ oán hận riêng để tỏ ân đức với thiên hạ, đó là lý do thứ ba nên theo, xin tướng quân chớ nên nghi ngại". Trương Tú nghe theo, quả nhiên được Tào Tháo hoan nghênh. Tào Tháo cầm tay Trương Tú, cùng ông ta vui vẻ tiệc rượu, hỏi con gái của Trương Tú cho con trai mình và phong Trương Tú làm Dương Vũ tướng quân. Ngược lại, nếu cảm thấy mình chịu dựa theo người khác là ân huệ đối với người ta, rồi vì thế mà lên mặt cao ngạo đắc ý thì chỉ có thể chuốc lấy tai hoạ. Trước trận quyết chiến ở Quan Độ, mưu sỹ của Viên Thiệu là Hứa Du đầu hàng Tào Tháo, khuyên Tào Tháo đánh úp Ô Sào, làm cho quân Tào Tháo thắng lợi. Sau đó, Hứa Du tự cảm thấy mình có công lao lớn, thường nói Tào Tháo nếu không có mình thì không được như thế, thậm chí gọi thẳng Tào Tháo bằng tên, làm cho Tào Tháo khó mà dung thứ, cuối cùng thì bị giết.

Năm là, dựa nhờ cũng phải có sách lược, nhất là khi bạn dựa nhờ kẻ mạnh, càng nên thận trọng tế nhị, luôn luôn cảnh giác để đề phòng bất trắc. Vì người mà bạn dựa nhờ không nhất thiết mọi mặt đều hơn bạn, nhất là

khi bản thân bạn cũng là hào kiệt của một thời, chỉ vì vài nguyên nhân đặc biệt nào đó, như thế lực nhỏ, không có thời cơ, không có tài chỉ huy mà đi dựa nhờ người khác, thì bạn rất dễ bị người mà mình cậy nhờ nghi kỵ. Khi tài hoa của bạn bộc lộ quá nhiều và vượt qua họ, thì bạn rất dễ bị ngấm ngầm ám hại. Bất kỳ một ai cũng không muốn người khác hơn mình, nhất là người ở địa vị thống trị. Những ví dụ như thế này trong lịch sử thực quá nhiều. Như 3 nhân vật thủ hạ đắc lực nhất của Hán Cao tổ Lưu Bang là Trương Lương, Hàn Tín và Tiêu Hà. Lưu Bang một mặt để họ phát huy đầy đủ tài năng của mình, một mặt lại đề phòng họ rất nghiêm ngặt. Điều khác nhau là, người giỏi quyền mưu là Trương Lương thì biết Lưu Bang là người chỉ có thể cùng ông ta chịu đựng gian khổ chứ không thể cùng ông ta hưởng vinh hoa an lạc, vì vậy, sau khi thành công thì lui về ở ẩn, nên giữ được trọn đời. Tiêu Hà trung thành son sắt với Lưu Bang, nhưng mấy lần gặp phải bất trắc. Còn Hàn Tín có tài năng quân sự kiệt xuất, bị Lưu Bang nghi kỵ nhất, cuối cùng bị giết hại.Vị thống soái thiên tài mà còn như thế, những người tài năng bình thường thì chẳng cần phải nói.

Sáu là, bản thân việc dựa nhờ không chỉ là để tìm chỗ dựa, điều quan trọng hơn là để đoàn kết lực lượng, để mau chóng tăng cường thực lực của mình và phát huy đầy đủ tài trí có hạn của mình. Sự dựa cậy lẫn nhau, gắn bó với nhau giữa nhân vật thống soái và quần chúng có thể hình thành sức mạnh to lớn. Do đó, dựa nhờ còn có một nguyên tắc quan trọng, là phải trừ bỏ những phần tử dựa nhờ đầu cơ trục lợi, không có lợi cho đoàn kết tập thể. Nếu như một số ít phần tử khác mình thì có thể theo nguyên tắc đoàn kết mà cố gắng yêu cầu họ cùng chí hướng với mình, còn đối với những phần tử ngoan cố tới cùng thì quyết không được khoan dung. Nếu thế lực gian tà độc ác kết bè kéo cánh thì nên kiên quyết đánh đổ chúng và nghiêm khắc trừng trị bọn đầu sỏ. Nhưng nguyên tắc này không được chuyển hoá thành lý do để lôi kéo thân tín, bài xích những người có quan điểm khác với

mình trong nội bộ tập thể, nếu không, thì sự việc sẽ phát triển theo hướng ngược lại.

Cho nên, khi vận dụng những nguyên tắc dựa nhờ, chúng ta nên:

- *Ghi nhớ:*

1. Nhận rõ chính xác đối tượng dựa nhờ.
2. Giữ lòng trung chính, không thiên lệch.
3. Thuận theo tự nhiên, không nên miễn cưỡng.
4. Thủ đoạn chính đáng, tâm địa trung thành.
5. Chú ý sách lược, tài cao uy hiếp chủ thì nguy.
6. Thanh trừ tà ác.

31. 咸 HÀM - ĐỒNG THANH TƯƠNG ỨNG, ĐỒNG KHÍ TƯƠNG CẦU



兌上 Đoài trên
艮下 Cấn dưới

咸，亨，利，貞，取女吉。

Hàm, hanh, lợi trinh, thủ nữ cát

Quẻ Hàm, hanh thông, lợi cho sự giữ bền trinh chính, lấy người con gái làm vợ sẽ được tốt lành.

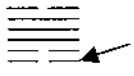
"Hàm" nghĩa là cảm, là cảm ứng. Không trực tiếp nói "cảm" là vì "hàm" còn có nghĩa là đều. Thượng kinh của *Chu Dịch* là bắt đầu từ "Càn", "Khôn" tức là trời đất sáng tạo ra vũ trụ và vạn vật, còn Hạ kinh của *Chu Dịch* thì bắt đầu từ quan hệ nam nữ, đầu mối của luân lý con người. Bởi vì người xưa của Trung Quốc đặt quan hệ nam nữ vào địa vị quan trọng ngang với trời đất. "Tự quái truyện" nói rằng: "Có trời đất, rồi sau có vạn vật; có vạn vật, rồi sau có nam nữ; có nam nữ, rồi sau có vợ chồng; có vợ chồng, rồi sau có cha con; có cha con, rồi sau có vua tôi; có vua tôi, rồi sau có trên dưới; có trên dưới, rồi sau lễ nghi có chỗ đặt". Qua đó có thể thấy tầm quan trọng của mối cảm ứng lẫn nhau giữa nam và nữ. Hạ quái Cấn của quẻ Hàm là thiếu nam, Thượng quái Đoài là thiếu nữ; nam nữ cảm nhau sâu sắc không ai bằng những người trẻ tuổi. Cấn lại là chỉ (dừng, ngừng lại), Đoài lại là duyệt (vui vẻ), chỉ (dừng) thì cảm chuyên sâu, duyệt (vui) thì ứng rất mực, đều là "cảm" tức là nghĩa của "hàm." Nam nữ cảm nhau hợp với đạo trời tự nhiên, vì thế mà hanh thông, nhưng "lợi trinh", động cơ thuần chính thì mới tốt lành. Lời Thoán nói rằng: "Hàm nghĩa là cảm. Nhu trên mà

cương dưới, hai khí cảm ứng lẫn nhau, chỉ mà duyệt, nam dưới nữ trên, vì thế lợi trinh, hanh thông, là lấy điều tốt lành của nữ. Trời đất cảm nhau mà vạn vật hoá sinh, thánh nhân cảm lòng người mà thiên hạ hoà bình; quan sát những gì cảm ứng nhau mà tình của trời đất vạn vật có thể thấy được". Trên nhu dưới cương, có thể cảm nhau. Trời và đất cảm ứng lẫn nhau, do đó hoá sinh ra vạn vật; thánh nhân lấy chí thành cảm ứng vạn dân, do đó làm cho thiên hạ thái bình; quan sát những phép tắc cảm ứng này, thì có thể phát hiện chân tình của trời đất và vạn vật. Lời tượng nói rằng: "Trên núi có đầm, hàm, quân tử lấy hư hoài để đối xử với người." Thượng quái Cấn là núi, Hạ quái Đoài là đầm. Đầm tính nhuần dưới, trên núi có đầm thì có thể nhuần thấm và thông cảm lẫn nhau. Núi lấy hư không mà chứa đầm, lòng người quân tử hư rộng thì có thể bao dung được nhiều người.

Do đó, quẻ Hàm nói về đạo lý giữa vũ trụ vạn vật (bao gồm loài người, nhất là nam nữ) vì cảm ứng gắn bó lẫn nhau mà sinh tồn phát triển. Nếu rút cho nhỏ lại, so sánh với việc người, thì quẻ Hàm nói về nguyên tắc cảm ứng trong giao lưu giữa người với người.

Từ xưa đến nay, việc giao lưu qua lại giữa người với người đều là một vấn đề khó khăn. Người ta luôn ta thán rằng lòng người khó lường, kết bạn không dễ. Điều này tuy có đạo lý nhất định, nhưng nguyên nhân tạo nên cục diện này lại liên quan đến thói ích kỷ cố giữ mình, tâm địa hẹp hòi, phương pháp giao lưu qua lại không đúng trong đại bộ phận chúng ta. Tuy chúng ta vẫn chưa thể hy vọng mọi người đều đạt tới mức nhân cách rất cao, nhưng hãy bắt đầu từ bản thân mình, cố gắng nâng cao tu dưỡng nhân cách và nghệ thuật xử thế của mình thì có thể làm được. Những điều mà các quẻ Hàm, Đồng nhân, Gia nhân, Tuỵ trong *Chu Dịch* trình bầy, về cơ bản là cái đạo giao lưu qua lại giữa người với người. Vì thế, chúng có ý nghĩa hiện thực rất lớn. Những nguyên tắc mà quẻ Hàm trình bầy rất có đạo lý. Nam nữ cảm ứng lẫn nhau, ái mộ lẫn nhau một cách hồn nhiên vô tư,

theo đuổi lẫn nhau bằng thái độ khiêm tốn, cảm động lẫn nhau bằng thành ý kiên định, làm cho đối phương vui vẻ tiếp nhận để thông cảm với nhau, xây dựng tình cảm, kết thành vợ chồng, quá trình ấy là tự nhiên, cũng là tất nhiên. Quá trình này thích hợp với mọi mối quan hệ giữa người với người. Sự giao lưu với nhau của vũ trụ vạn vật được khởi đầu thông qua sự cảm ứng lẫn nhau.

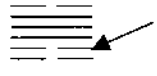


初六：咸其拇。

Sơ lục: Hàm kỳ mẫu.

Hào Sơ lục: Giao cảm ở ngón chân cái.

"Mẫu" là ngón chân cái. Quẻ Hàm nói về cảm ứng bắt đầu từ bộ phận thấp nhất của cơ thể con người và đến tận đâu, tượng trưng từ nông đến sâu. Ngón chân cái ở chỗ thấp nhất trong cơ thể con người, là bắt đầu của cảm ứng. Hào Sơ lục âm nhu, lại ở vị trí dưới, trên tuy có hào Cửu ngũ tương ứng, nhưng nó chỉ có cái tâm cảm người mà không có cái sức để cảm người. Vì ở khâu bắt đầu của cảm ứng, nên chưa nhìn ra được có kết quả gì, cho nên đoán là không có cát, không có hung. Lời tượng nói rằng: "Hàm kỳ mẫu, chí tại ngoại dã". Tuy không có kết quả, nhưng cái tâm cảm người của nó đã ở bên ngoài. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cảm ứng phải thuận theo tự nhiên.*



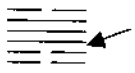
六二：咸其腓，凶，居，吉。

Lục nhị: Hàm kỳ phì, hung, cư, cát.

Hào Lục nhị: Giao cảm ở bắp chân, hung hiểm, ở yên thì được tốt lành.

"Phì" là bắp chân. Cảm ứng đã tiến dần lên, mức độ cảm ứng sâu thêm. Hào Lục nhị trên tương ứng với hào Cửu ngũ, hào Cửu ngũ ở tôn vị,

không thể vọng động, nhưng hào Lục nhị lại đi cảm một cách vọng động, đương nhiên là sẽ "hung". "Cư" là đừng, là đình chỉ, nhưng không phải là lặng lẽ không hành động, mà là không vọng động, ở yên trong vị trí của mình để chờ trên yêu cầu, có thể tiến, có thể lui, tự nhiên là tốt lành. Lời tượng nói rằng: "Tuy là hung, nhưng nếu dừng thì cát, đó là do thuận nên không có hại". Biết nhu thuận trung chính, giữ yên ở vị trí của mình thì không có hại. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cảm ứng không thể vọng động, vọng cầu.*

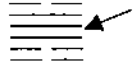


九三：咸其股，執其隨，往吝。

Cửu tam: Hàm kỳ cổ, chấp kỳ tuỳ, vãng lận

Hào Cửu tam: Giao cảm ở đùi, cố chấp đi theo, tiến lên sẽ có sự đáng xấu hổ.

"Cổ" là đùi, là bộ phận từ bắp chân đến háng. Bộ phận này của cơ thể con người không thể tự do, phải vận động theo cơ thể. "Chấp" là cố chấp; "chấp kỳ tuỳ" là cố chấp đi theo. Hào Cửu tam trên tương ứng với hào Thượng lục, phía dưới lại có 2 hào âm, có biểu tượng bỏ dương mà theo âm. Hào âm tượng trưng cho tiểu nhân. Hào Cửu tam dương cương, lại lấy cương vị quân tử đi làm vui lòng kẻ tiểu nhân, lẽ tự nhiên là đáng xấu hổ. Nhưng hào Cửu tam dương cương đắc vị, có chủ kiến, có thể được chính đạo. Lời tượng nói rằng: "Hàm kỳ cổ, diệc bất xử dã. Chí tại tuỳ nhân, sở chấp hạ dã". *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên có chủ kiến ở trong lòng, không nên tuỳ tiện theo người một cách mù quáng.*

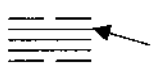


九四：貞吉悔亡；憧憧往來，朋從爾思。

Cửu tứ: Trinh cát hối vong, xung cảnh vãng lai, bằng tòng nhĩ tư.

Hào Cửu tứ: Giữ bền trinh chính thì tốt lành, không có điều gì hối hận, phấp phỏng qua lại, bạn bè chiều theo ý nghĩ của mình.

"Trinh" là trinh chính và vững vàng (cố); "xung cảnh" là cái dáng đi lại, chỉ việc qua lại và cảm lẫn nhau giữa các hào; "bằng" chỉ 3 hào dương gắn bó nhau ở giữa. "Bằng tòng nhĩ tư" chỉ hào Cửu tứ cùng hào Cửu tam và hào Cửu ngũ đều đi theo các hào tương ứng với nó. Hào Cửu tứ ở trên đùi, dưới háng, tượng trưng tâm tạng, là chủ của quẻ hàm, hào dương, hào âm thất chính, lại tương ứng với hào Sơ lục, không tránh khỏi có điều phải hối hận. Nếu nó tâm chính mà vững, thì cát và "hối vong" (không có điều gì hối hận); nếu trong lòng nó chỉ mong chờ qua lại, chỉ nghĩ những điều mơ tưởng, thì sẽ chìm đắm trong âm nhu mà không thể quang minh chính đại, lẽ tự nhiên là không đạt được mục đích cảm ứng. Lời tượng nói rằng: "Trinh cát hối vong, vị cảm hại dã, xung cảnh vãng lai, vị quang đại dã". Kiên trì giữ vững thuần chính, tự nhiên có thể tiêu trừ hậu hối. Nếu đắm chìm trong dục vọng riêng của mình, thì tâm thần bất định, tự nhiên không thể cảm ứng, đó là vì tâm địa anh không đủ quang minh chính đại. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên tiêu trừ tư tâm, quang minh chính đại.*



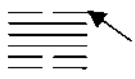
九五：咸其脢，无悔。

Cửu ngũ: Hàm kỳ môi, vô hối

Hào Cửu ngũ: Giao cảm ở lưng, không có điều gì phải hối hận.

"Môi" là thịt ở lưng, cũng là bộ phận không tự cử động được mà phải vận động theo cơ thể. Hào Cửu ngũ là hào dương, ở giữa Thượng quái Đoài

duyệt, trên thì gần hào Thượng lục, hào Thượng lục là cực điểm của Đoài duyệt, âm dương vui vẻ với nhau; cái tâm của hào Cửu ngũ chỉ ở chỗ đó, nên không thể cảm được mọi vật, cũng giống như thịt ở trên lưng người không có phản ứng với sự vật khác. Hối nẩy sinh ở động (hành động), đã không hành động nữa thì tự nhiên là không có điều gì phải hối hận. Lời tượng nói rằng: "Hàm kỳ môi, chí vị dã". Tuy không có điều gì phải hối hận, nhưng chí hướng của nó quá nhỏ bé, không đáng được đề xướng. *Hào này khuyên chúng ta rằng*, lễ loi thì không có cách nào cảm ứng được.



上六：咸其輔，頰，舌。
Thượng lục: Hàm kỳ phụ, giáp, thiệt.
Hào Thượng lục: Giao cảm ở hàm răng, má, lưỡi.

"Phụ" là khẩu phụ, là hàm răng; "giáp" là má. Hàm răng ở trong, má ở ngoài, lưỡi cử động thì hàm răng ứng theo và má rung động theo, 3 bộ phận này dựa vào nhau, đều dùng để nói Hào Thượng lục lấy tư thế âm nhu, mà ở điểm cùng của Thượng quái Đoài duyệt, lại ở cực điểm của quẻ Hàm, dùng lời nói để cảm người khác, nhưng nói mà không có thực, đó là thái độ của bọn tiểu nhân. Lời tượng nói rằng: "Hàm kỳ phụ, giáp, thiệt, đằng khẩu thuyết dã". "Đằng" bộ dạng mở miệng nói thao thao bất tuyệt. Chỉ cần đa miệng thì không thể cảm được người khác. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên lấy chí thành để giao cảm với nhau mà không được khua môi múa mép.*

Do đó, trong giao tiếp qua lại giữa người với người, hiểu và vận dụng được những nguyên tắc cảm ứng của quẻ Hàm, đối với cuộc sống và sự nghiệp của chúng ta sẽ rất có lợi.

Một là, nên biết, sự cảm ứng và hiểu biết lẫn nhau được nẩy sinh một cách tự nhiên trong những điều kiện và hoàn cảnh thích đáng. Do đó, kết bạn với ai phải thuận theo tự nhiên, không nên kết bạn để mà kết bạn. Có

nhu cầu hiện thực rồi thì cảm ứng của đôi bên mới có cơ sở, nếu không, sẽ không kéo dài được. Hào Sơ lục chính là tượng trưng hai người hiểu nhau chưa sâu, còn cách xa cái mức đôi bên chủ động giao tiếp qua lại, vì thế, nên yên lặng chờ nó phát triển, không nhất thiết phải quá vội vàng. Quá vội vàng lại có thể biến khéo thành vụng. Hơn nữa, kết bạn với cầu xin sự giúp đỡ của người khác vốn là hai việc khác nhau, không nên lẫn lộn. Đương nhiên, điều này không có nghĩa là chúng ta phản đối sự liên hệ lẫn nhau giữa người với người, vì tình cảm hữu hảo được xây dựng trên cơ sở của mối liên hệ lẫn nhau, nếu thiếu liên hệ, hay nên liên hệ mà không liên hệ thì đều không có lợi cho sự giao tiếp qua lại giữa con người với nhau. Nhưng dù là như thế, cũng không nên liên hệ để mà liên hệ, kết bạn để mà kết bạn, vì nó thiếu cơ sở thực sự, không thể dựa vào nó lâu dài.

Hai là, giữa con người với con người đã có cơ sở tình cảm nhất định, nhưng trong tình hình vẫn chưa nắm được thật chắc, thì cũng không nên tuỳ tiện kết bạn một cách khinh suất. Vì cảm ứng giữa người với người không thể miễn cưỡng, cũng giống như bạn quen biết với một người nào đó đã lâu, nhưng trước khi người đó chưa thực sự bộc lộ khuôn mặt tư tưởng chân thực của mình, hay bạn còn chưa nhận rõ bộ mặt của người đó, thì tốt nhất bạn nên thận trọng mà làm. Điều này xem ra có vẻ trái với nguyên tắc cảm ứng, nhưng phải biết rằng, cảm ứng là của đôi bên, mà không phải là đơn phương. Một bàn tay vỗ không kêu, chỉ có một phía bạn thì không thể cảm ứng được đối phương, nếu đôi bên đều cố gắng để hiểu đối phương thì vấn đề tự nhiên sẽ được giải quyết.

Ba là, kết bạn phải có chủ kiến ở trong lòng, không nên vì kết bạn mà mù quáng đi theo, phụ hoạ với người khác. Điều này bao gồm 2 mặt: Trước hết, phải kiên trì nguyên tắc. Khi giữa bạn bè có những quan điểm khác nhau, hay biết là quan điểm của đối phương là sai lầm, không thể đứng vững được thì phải kiên trì quan điểm của mình, phân biệt rõ cái gì là chủ yếu, cái gì là thứ yếu, không nên vì nể nang mà phụ hoạ đối phương, tức là

nên "khuyên can bạn" mà chớ có "nịnh bợ bạn". Hai là, phải phân biệt rõ từng loại khác nhau, biết loại người nào có thể kết bạn, loại người nào không thể kết bạn, không được bất kể tốt xấu phải trái, ai cũng kết bạn, cũng không thể nghe lệch, tin lệch lời nói một phía của người khác mà trong lòng có thành kiến với người nào đó, càng không thể chạy theo mốt, đuổi theo trào lưu, sớm Tần tối Sở, biến động không lường. Loại hành động này thường chỉ chuốc lấy những điều nhục nhã.

Bốn là, kết bạn với người thì phải có động cơ thuần chính, tấm lòng rộng mở, quang minh chính đại mà không được có tâm địa hẹp hòi, trong lòng mang thành kiến, xen tư tâm vào, như thế mới có thể bình tĩnh phán đoán đúng sai, mới không đến nỗi lung lay không vững, do dự không quyết. Do dự không quyết là do bản thân mình vẫn còn tư tâm, chưa đủ quang minh chính đại, không thể suy nghĩ vấn đề từ góc độ của người khác nhiều hơn. "*Chu Dịch*. Hệ từ hạ truyện" dẫn lời của Khổng Tử nói: "Thiên hạ lo gì nghĩ gì? Thiên hạ về cùng một nơi nhưng đi khác đường, cùng một đích mà trăm mối nghĩ suy. Thiên hạ lo gì nghĩ gì? Mặt trời đi thì mặt trăng tới, mặt trăng đi thì mặt trời tới. Mặt trời mặt trăng thúc đẩy nhau mà ánh sáng sinh ra. Cái lạnh đi thì cái nóng tới, cái nóng đi thì cái lạnh tới. Cái nóng, cái lạnh thúc đẩy nhau thì hình thành năm tháng. Đi là co, tới là duỗi, co duỗi cảm nhau thì mối lợi sinh ra". Con người nên học tập tinh thần qua lại tự nhiên, không riêng tư, không tham muốn của vũ trụ vạn vật để cảm ứng lẫn nhau, liên hệ với nhau. Do đó, chỉ cần trong lòng chính đại quang minh thì giao thiệp đi lại với người khác sẽ không có bất cứ do dự nào.

Năm là, con người không thể dửng dưng đơn lẻ, khép kín bản thân mình, như thế là đã dựng lên bức tường nhân tạo giữa mình với người khác, đương nhiên không thể liên hệ với thế giới bên ngoài, không thể xây dựng mối quan hệ hài hoà giữa người với người, càng không thể làm nên sự nghiệp gì. Rất khó tưởng tượng nổi một người không muốn, hay không

khéo giao tiếp với người khác lại có được thành tựu gì lớn lao đặc biệt, cũng giống như "môi" là cục thịt sau lưng, không nhìn thấy sự vật của thế giới bên ngoài, thì tất nhiên phản ứng chậm chạp, thậm chí không có phản ứng. Thái độ xử thế dửng dưng như thế này, có lẽ rất an toàn, nhưng chỉ là một kẻ cô độc, chẳng đáng nói tới. Tính cách cô độc không chỉ không có lợi cho sự nghiệp của mình, càng không có lợi cho cuộc sống của mình. Điều này là bài học cho những người cô độc.

Sáu là, nguyên tắc cơ bản nhất của kết bạn là xuất phát từ lòng chí thành, chân tâm thực ý mà không được đùa dỡn bằng đầu lưỡi, chỉ dùng khoé miệng lừa người, như thế có thể đắc ý một thời, nhưng cuối cùng sẽ bị người ta phỉ nhổ. Từ xưa đến nay, loại người này không phải là ít, nên chú ý cảnh giác.

Tổng hợp những điều trình bầy trên đây, chúng ta cần

□ *Ghi nhớ:*

1- Thuận theo tự nhiên, không nên miễn cưỡng.

2- Trước khi thực sự nhận rõ đối phương, không nên vọng động.

3- Trong lòng có chủ kiến, chớ có mù quáng phụ hoạ người khác.

4- Tâm hồn rộng mở, quang minh chính đại.

5- Chớ nên dửng dưng đơn độc, khép kín mình.

6- Thành tâm thực ý, không nên bẻm mép.

32. 恆 HẰNG – CỘ HẰNG LÀ CÓ GỐC CỦA THÀNH CÔNG

䷟ 震上Chấn trên
巽下Tốn dưới

恆亨，无咎，利貞，利有攸往。

Hằng, hanh, vô cữu, lợi trinh, lợi hữu du vãng.

Quẻ Hằng, hanh thông, không có lỗi, lợi cho việc đi xa.

Hằng tức là lâu bền, hằng thường (luôn luôn). Hình quẻ của quẻ Hằng chính là ngược lại với quẻ Hàm, chúng hợp thành một nhóm. Thượng quái Chấn là nam, Hạ quái Tốn là nữ, nam trên nữ dưới, nam động ở ngoài, nữ thuận ở trong, đó là lẽ thường ở đời. (Tức là điều mà người Trung Quốc cổ cho rằng nam chủ bên ngoài, nữ chủ bên trong), mà sự cảm ứng nam nữ là cái lý vĩnh cửu của vũ trụ, cho nên gọi quẻ là Hằng. "Tự quái truyện" nói: "Đạo vợ chồng không thể không lâu bền, cho nên gọi là quẻ Hằng". Quẻ Hàm lấy sự giao cảm nam nữ làm cơ sở lý luận, mà quẻ Hằng lấy sự luôn cảm ứng của nam nữ, vợ chồng làm cơ sở lý luận. Đạo nam nữ, vợ chồng lâu bền, cho nên gọi là Hằng. Có thể khẳng định rằng, mọi sự mọi vật trong thế giới lấy Hằng làm gốc, có Hằng mới có thể hanh thông. "Có lợi chính đáng" chỉ nguyên tắc của quẻ Hằng là lợi ở điều thiện. Người quân tử luôn luôn cùng điều thiện nên không có lỗi. Kẻ tiểu nhân luôn luôn cùng điều ác thì nhất định có lỗi. Cho nên, lâu bền thì lợi cho sự chính đáng, "lợi cho việc đi xa", trường cửu không bao giờ hết. Lời Thoán nói:

"Hằng là lâu bền cương ở trên mà nhu ở dưới, sấm đi cùng gió, Tốn mà động thì cương nhu đều cảm ứng, đó là Hằng. Hằng thì hanh thông, không có lỗi, có lợi ở sự chính đáng. Lâu bền cùng đạo, đạo ấy là đạo của trời đất, lâu bền không dứt. Lợi cho việc đi xa, có kết thúc thì phải có bắt đầu. Mặt trời và mặt trăng có trời mà chiếu sáng mãi mãi, bốn mùa biến hoá mà trở nên lâu bền, Thánh nhân ở mãi cùng đạo ấy mà thiên hạ được giáo hoá. Qua cái lâu bền thì có thể thấy cái tình của vạn vật". Có lâu bền mới có thành công, mới hanh thông mà không bị tai nạn, cần phải kiên trì chính đạo, như trời đất vĩnh viễn không mất, như mặt trời mặt trăng mãi mãi chiếu sáng thiên hạ, Thánh nhân luôn cùng chính đạo mà có thể giáo hoá thiên hạ. "Tượng truyện" nói: "Sấm và gió là lâu bền, người quân tử lấy sự lâu bền lập thân mà không đổi phương pháp". Thượng quái là quẻ Chấn – sấm, Hạ quái là quẻ Tốn – gió, sấm gió ứng nhau mà cùng lâu bền, người quân tử chính ứng với tinh thần của phương pháp hữu hiệu này, kiên trì nguyên tắc lớn xử thế vì con người.

Nói cụ thể đến việc đời, chúng ta có thể biết, một trong những nguyên tắc quan trọng nhất của sự phát triển của cuộc sống và sự nghiệp mà quẻ Hằng trình bày là quy luật và biện pháp về giữ được sự lâu bền.

Người giành được thành công trong cuộc sống và sự nghiệp đều có một tố chất chung là hằng tâm (lòng kiên trì). Nếu như mục tiêu đã chọn của cuộc đời anh không biến thành hiện thực thì cần phải xem lại cái hằng tâm và ý chí của anh.

Cái gọi là hằng tâm tức là một cá nhân tập trung ý thức và tinh lực vào một ham muốn hoặc mục tiêu đã chọn, tìm ngay ra phương pháp mục tiêu hiện thực, mà hành động một cách thành công để đạt được mục tiêu.

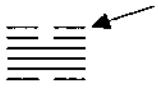
Trong quyết sách của cuộc đời, hằng tâm tức là sau khi đưa ra quyết sách, chuyên tâm dồn chí vào mọi hành động, nó không chấp nhận một chút do dự và bàng quan nào, do dự và bàng quan chỉ làm phân tán sức chú

ý của anh, làm rối hành động của anh, làm cho anh vĩnh viễn không đạt được mục tiêu.

Cho nên hằng tâm là một trong những tiêu chí phán đoán ý chí và năng lực của một cá nhân, nó cũng là một trong những tố chất cơ bản nhất định phải có đủ để bảo đảm cho quyết sách cuộc đời được thực hiện. Vô số nhân vật kiệt xuất cổ kim trong ngoài đều đã dùng hành động của họ chứng minh cho hằng tâm – sức mạnh thần kỳ vốn có của việc giữ được sự lâu bền. Nằm gai nếm mật của Việt vương Câu Tiễn; Tư Mã Thiên viết *Sử ký*; Lý Thời Trân viết *Bản thảo cương mục*; du lịch non sông tổ quốc của Từ Hà Khách đi thăm khắp non sông tổ quốc... đều là gian khổ tận cùng, trăm nguy không nản, cùng đường nảy sinh sức mạnh, cuối cùng đạt được thành công. Những câu chuyện và truyền thuyết Tinh Vệ lấp biển, Ngu Công dời núi; những câu thành ngữ "Lòng thành sẽ đạt, vàng đá phá tan", "nước chảy đá mòn", "Băng đóng ba thước, lạnh đâu một ngày" đều chứng minh sự coi trọng của người Trung Quốc xưa đối với hằng tâm. "Khó khăn nản chí, củi mục khó bẻ, khó khăn không nản, vàng đá đâu sờn". Khổng tử tuy học vấn uyên bác, đến cuối đời vẫn "Mê say (học vấn) đến quên ăn, vui với nó quên cả lo buồn, không biết tới tuổi già sắp tới". Khổng Tử còn như thế, huống nữa là chúng ta.

Để giữ được sự lâu bền cần có đủ lòng nhẫn lại và nghị lực. Trên thế giới không có việc một bước tới thành công. Muốn đạt được thành công lớn, anh nhất định phải trải nhiều năm tháng, vắt hết tâm trí vào lao động gian khổ. Cày cấy bao nhiêu mới có thu hoạch bấy nhiêu. Cho nên giữa thành công và người không có hằng tâm không có mối liên hệ.

Thế thì quẻ Hằng trong *Chu Dịch* bàn về phương châm và nguyên tắc của sự lâu bền như thế nào?

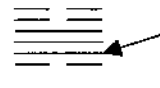


初六：浚恆，貞凶，无攸利

Sơ lục: tuấn hằng, chinh hung, vô du lợi.

Hào Sơ lục: luôn mong được sâu, vững bền thì xấu, không theo điều lợi.

"Vững bền" là chỉ hào Hào Sơ lục và hào Cửu tứ không ứng nhau; hung là tích dần lại thành sâu đến mức hai bên không hợp nhau. "Không theo điều lợi" nghĩa là dĩ vãng đã như thế thì vợ chồng sẽ trái ngược nhau. Hào này của quẻ Hằng lấy đạo vợ chồng tỷ dụ đạo Hằng. Hào Sơ lục tương ứng với hào Cửu tứ, tượng trưng người vợ dựa vào người chồng để thành đạo vợ chồng bền vững, đó là cái thông thường của nhân tình. Nhưng tất phải đợi hai bên tính tình đã hợp rồi mới tìm sự sâu sắc, nhưng Sơ lục thuộc Hạ quái Tốn, Tốn là đi vào, khi mới tiếp xúc đã muốn đạo vợ chồng sâu sắc, dẫn đến hai bên trái ngược, có điểm "luôn mong được sâu", như thế thì tuy vững bền nhưng vẫn là xấu mà không có lợi. Lời tượng nói: "Cái điểm xấu của sự luôn mong được sâu, đó là ngay từ ban đầu đã tìm sự sâu sắc". *Hào này khuyên chúng ta rằng, có đạo Hằng nhưng vội mong thành công.*



九二：悔亡。

Cửu nhị: hối vong.

Hào Cửu nhị: không còn hối hận

Hào Cửu nhị là hào dương ở ngôi dương, vốn có điểm phải hối hận, nhưng hào Cửu nhị chiếm ngôi giữa của Hạ quái, có thể kiên trì đạo trung chính cho nên "không còn sự hối hận", bởi vì lúc ban đầu thì sai lầm nhưng sau có thể sửa lỗi. Lời tượng nói: "Hào Cửu nhị không còn sự hối hận, có thể trung chính lâu bền". Hào Cửu nhị sở dĩ "không còn sự hối hận" là vì cùng với điều này nó có thể kiên trì đạo trung chính một cách lâu dài.

Hào này khuyên chúng ta rằng, có đạo Hằng là kiên trì giữ nguyên tắc trung dung một các lâu dài.



九三：不恆其德，或承之羞，貞吝。

Cửu tam: bất hằng kỳ đức, hoặc thừa chi tu, trinh lận.

Hào Cửu tam: không giữ lâu bền cái đức của mình, có khi bị xấu hổ. Tuy chính đáng nhưng có khi đáng tiếc

Hào dương cần phải ở chính ngôi mới có thể gọi là có đức. Không giữ được lâu bền cái đức của mình thì giữa đường sẽ đổi chí. Hào Cửu tam là hào dương ở ngôi dương được chính ngôi nhưng nó ở vào vị trí cực điểm của Hạ quái Tốn, quá cương lại không ở ngôi trung, ở chỗ giao tiếp của sấm và gió, nửa tiến nửa thoái, do dự không quyết, không thể tự giữ mình. Như vậy tất nhiên không có kết quả tốt, cho nên nói: "Không giữ lâu bền cái đức của mình, có khi bị xấu hổ. Tuy chính đáng nhưng có khi đáng tiếc". Cho dù được chính ngôi cũng có thể bị xấu hổ. Lời tượng nói: "Không giữ lâu bền cái đức của mình, không nơi nào dung chứa". Vì do dự mà trên dưới không nơi nào dung nạp, tất nhiên sẽ bị xấu hổ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, đạo Hằng kỵ sự do dự không quyết.*



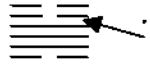
九四：田无禽。

Cửu tứ: điền vô cầm.

Hào Cửu tứ: ruộng không có muông cầm.

Hào Cửu tứ là hào dương ở ngôi âm, không đúng ngôi, hơn nữa hào Sơ lục tương ứng với nó ở bên dưới lại muốn thâm nhập, hai bên không cùng được, sẽ giống như việc đi săn nhưng lại không săn được con gì. Lời tượng nói: "Lâu bền ở ngôi không phải của mình thì sao bắt được muông cầm?". Không nên ở ngôi ấy mà lại ở lâu, tất nhiên sẽ

không có kết quả tốt. *Hào này khuyên chúng ta rằng, đạo Hằng lợi ở chính đạo.*

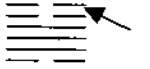


六五：恆其德，貞，婦人吉，夫子凶。

Lục ngũ: hằng kỳ đức, trinh, phụ nhân cát, phu tử hung.

Hào Lục ngũ: giữ lâu bền cái đức của mình là chính đáng. Làm như thế thì người vợ tốt lành, người chồng và con trai xấu

Bậc đại trượng phu dùng cương dùng nhu cần xét từng tình huống cụ thể hành động thích hợp với từng trường hợp. Nếu chỉ luôn nhu thuận thì là dựa vào người khác để nên việc mình, kết quả sẽ xấu, nguy hiểm. Hào Lục ngũ là hào âm nhu thuận, ở ngôi trung, bên dưới ứng với hào Cửu nhị, tượng trưng cho sự kiên trì đức nhu thuận mà không biến cải. Nhưng đó là chính đạo của người con gái, sự thường tình của người vợ. Nếu bậc đại trượng phu cũng luôn như thế thì sẽ xấu. Lời tượng nói: "Người vợ vững bền theo đạo (nhu thuận) ấy thì tốt, theo một đạo cho tới cùng. Người chồng và con trai phải linh hoạt, theo người vợ thì xấu". Người chồng nên mạnh mẽ quyết đoán, nếu như nhu thuận giống người vợ sẽ rất sai lầm, tất nhiên là xấu, là nguy hiểm. *Hào này khuyên chúng ta rằng, có đạo Hằng là cần phải xét từng tình huống cụ thể mà tự mình quyết định, chớ mù quáng theo người khác.*



上六：震恆，凶。

Thượng lục: chấn hằng, hung.

Hào thượng lục: chấn động sự lâu bền, xấu.

Hào Thượng lục là hào âm nhu, vốn không tự cố định được sự lâu bền của nó, hơn nữa lại ở vị trí cao nhất của quẻ Hằng không giữ được đạo

Hằng, lại ở vị trí cuối cùng của quẻ Chấn, lâu bền đến cực điểm thì trái với lẽ thường, Chấn cuối cùng động thái quá, hai điều đó đều xấu. Lời tượng nói: "Chấn động sự lâu bền, rất không thành công". *Hào này khuyên chúng ta rằng, đạo Hằng là đã không nên thà chết cũng không biến đổi, nhưng cũng không tuỳ ý lạm dụng sự biến đổi, mà phải tuỳ cơ ứng biến.*

Tổng hợp những điều đã trình bày trên có thể thấy, đạo Hằng bao gồm một số mặt sau:

Một là, lấy sự lâu bền để giữ gìn là chớ gấp chớ vội, không gấp muốn thành công. Bất cứ một việc gì cũng đều phải tiến hành theo một trình tự, như ăn phải ăn từng miếng từng miếng một, đi phải đi từng bước từng bước một. Chỗ dựa của sự tăng trưởng của tri thức, sự thành công của sự nghiệp là kiên trì lâu dài không chán nản, dần từng bước, phấn đấu một cách thực tế. Nếu thực hiện nóng vội trái quy luật thì càng nhanh càng hỏng. Nóng vội đạt kết quả mà không nhìn một cách bao quát thì cho dù có chính đáng cũng gặp nguy hiểm.

Hai là, đạo Hằng nghĩa là kiên trì đạo trung chính một cách lâu dài, là nắm vững nguyên tắc có mức độ và cân bằng. Trên thế giới bất kể là sự vật gì, đều có khái niệm độ, từ lượng biến dẫn đến chất biến. Chân lý là hướng về phía trước, nhưng nếu bỏ qua giai đoạn sẽ trở thành sai lầm. Ngoài ra, phải cân bằng không quá khích, cần chú ý tới mối quan hệ tương hỗ giữa các sự vật, dừng đúng lúc, quyền biến linh hoạt. Bất kỳ chiến lược nào mất cân bằng trong sự nghiệp cũng đều làm tăng độ khó của việc thực hiện, thậm chí không có cách gì thực hiện. Cái trung dung ở đây không phải là đạo trung dung hiểu theo ý nghĩa thông thường, nó là phương châm và nguyên tắc mà việc thực hiện mục tiêu yêu cầu phải nắm vững. Mất tập trung, không có hằng tâm thì không làm. Cứng nhắc cực đoan, không chịu dừng đúng lúc lại là trái với quy luật của sự vật. Do đó, giải thích chuẩn xác từ trung dung phải là "có mức độ thích hợp".

Ba là, đạo Hằng tối kỵ sự do dự không quyết đoán. Do dự không quyết đoán chỉ có thất bại. Trong sự cạnh tranh xã hội kịch liệt hiện nay, điều này rõ ràng càng quan trọng. Rất nhiều sự thành bại của một sự nghiệp được quyết định trong một thời điểm then chốt nhất. Nếu bỏ lỡ một cơ hội tốt nào đó thì vĩnh viễn đừng mong tìm lại được. Do dự không quyết đoán không những là mối hại lớn cho đạo Hằng mà hơn nữa còn là mối hại lớn cho mọi sự nghiệp. Sự do dự trong sự nghiệp tiền đồ có thể huỷ hoại cuộc sống tốt đẹp của anh. Do dự trong buôn bán có thể làm anh phá sản. Cái mà sự do dự trong quân sự và chính trị mang lại là sự diệt vong. Viên Thiệu trong trận Quan Độ, ngoài tướng khoan dung nhưng trong thì nhẫn tâm, nhiều mưu nhưng ít quyết đoán, đem lại cho Tào Tháo rất nhiều cơ hội có thể chớp lấy. Trong bữa tiệc Hồng Môn, Hạng Vũ không dùng kế của Phạm Tăng, do dự không nỡ hạ thủ Lưu Bang, để cho Lưu Bang có cơ trốn thoát, về sau tự mình giết mình.

Bốn là, đạo Hằng lợi ở chính đạo, tức sự nghiệp chính nghĩa. Như "Tượng truyện" đã nói, bậc Thánh nhân có đạo Hằng trong chính đạo nên có thể giáo hoá thiên hạ, công trùm vạn thế. Người bình thường chỉ cần có hằng tâm theo đuổi một sự nghiệp nào đấy cũng có thể có thành tựu như vậy. Nhưng nếu đem tinh thần này dùng vào việc ác, thì tất hại người lại thành hại mình, cuối cùng dẫn đến diệt vong. Đó là ngầm ý không nói ra.

Năm là, đạo Hằng còn yêu cầu phải căn cứ vào tình hình thực tế để xác định bản thân cần gì, phải làm thế nào. Vì địa vị, điều kiện mỗi người khác nhau, tất nhiên yêu cầu cũng không hoàn toàn giống nhau, quan điểm mà mỗi người có thể kiên trì và sự nông sâu trong tu dưỡng của mỗi người cũng khác nhau. Kiên trì quan điểm của mình nhưng không lấn át người khác, cũng không nên từ bỏ chủ trương của mình để theo người khác. Kỳ thực đó là tự lập lập người. Mục tiêu bản thân đã kiên trì xác định, hoặc kiên trì sự tu dưỡng về một phương diện nào đấy để bản thân không ngừng

tiến bộ, có chân tài thực học, hoặc có tính cách cao thượng, người khác mới tôn trọng anh, thừa nhận anh, đó là tự lập. Nếu không kiên trì đức hạnh vốn có của bản thân, không vừa lòng với địa vị của mình mà dè bửu người khác, thì ngay động cơ của anh có chính đáng cũng sẽ gặp sự tủi nhục.

Sáu là, dùng đạo Hằng để giữ gìn còn cần phải xác định rõ, nó đã không nên dù chết cũng không biến đổi, cũng không nên theo thời lạm dụng sự biến đổi, mà là trên tiền đề mục tiêu đã định không đổi, tuỳ cơ ứng biến để đạt tới mục tiêu. Đó là trong quá trình thực hiện chiến lược cuộc đời của bất kỳ người nào cũng cần phải coi trọng sách lược. Cố chấp bất biến thì chỉ húc đầu vào tường, mục tiêu khó mà thực hiện. Như Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương lúc mới dựng nước đã định ra rất nhiều phép tắc cố định, đựng bia khắc vào, bắt con cháu làm theo mà không cho thay đổi. Những phép tắc cố định này đương thời thi hành thì có thể được, về sau thời đại đã thay đổi mà vẫn chấp hành theo nên sinh ra vô số tệ nạn. Thế là vốn muốn ổn định quốc gia thì trái lại lại làm bại hoại quốc gia. Theo thời mà lạm dụng sự biến đổi như cải cách xã hội của Vương Mãng, sớm ra lệnh, chiều thay đổi, khiến nhân dân không biết theo đằng nào, đất nước sa vào vòng hỗn loạn, cuối cùng dẫn tới diệt vong. Chính xác là phải như Lưu Bang vào Quan Trung, khi đã định trước mục tiêu liền bắt tay vào thực hiện một các thực tế. Khẩn trương theo đuổi hai chữ "tiên nhập" (vào trước), gặp địch thì đi đường vòng, gặp thành luỹ kiên cố thì không đánh, gặp người cũng muốn vào trước thì vượt lên cản đường. Về nhân cách làm như vậy có điều không đúng, nhưng xét về phương pháp thực hiện mục tiêu thì lại là sáng suốt và chính xác.

Vì vậy, muốn kiên trì đạo Hằng chúng ta cần ghi nhớ:

1 - Từng bước từng bước, chớ vội mong thành công.

2 - Kiên trì nguyên tắc cân bằng, có mức độ.

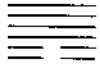
3 - Tối kỵ do dự không quyết đoán.

4 - Lợi với chính đạo mà không lợi với điều ác.

5 - Căn cứ tình huống, tự lập lập người.

6 - Tuỳ cơ ứng biến, thực hiện mục tiêu.

33. 遯 ĐỘN – NHỎ KHÔNG NHẪN NHỊN SẼ HỎNG VIỆC LỚN.



乾上 Càn trên
艮下 Cấn dưới

遯亨，小利貞。

Độn, hanh, tiểu lợi trinh.

Quẻ Độn, hanh thông, tiểu nhân có lợi chính đáng.

Độn là trốn chạy, trốn tránh. Thượng quái Càn là trời, Hạ quái Cấn là núi. Dưới trời có núi. Núi tuy cao, nhưng cao vẫn phải có điểm dừng. Trời là dương cương nên tiến lên phía trên, tránh đi, bởi vậy gọi là quẻ Độn. Ngoài ra, trong quẻ có hai hào âm sinh ở dưới, âm dần lớn mạnh, tượng trưng cho thế lực của kẻ tiểu nhân dần lớn mạnh, mà quân tử không thể không thoái lui và tránh đi, đó cũng là độn.

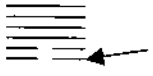
"Tự quái truyện" nói: "Vật không thể ở lâu một chỗ của nó, cho nên gọi là quẻ Độn, vậy độn cũng nghĩa là thoái lui". Bất kể sự phát triển nào của sự vật, cũng không bao giờ luôn xuôi buồm thuận gió, hoặc mãi mãi ở thế thịnh vượng. Đến một thời kỳ nhất định tất sẽ bị lui bước, suy yếu đi. nghĩa là chính nghĩa cũng không bao giờ mãi ở thế chủ động, có lúc không thể không nhường chỗ cho cái tà ác mà ở vào thế bị động. Quẻ Độn đại diện cho xu thế này. "Hanh thông" là nói về người quân tử. Người quân tử mới biết lùi tránh, thì tuy thân lùi tránh nhưng đạo vẫn hanh thông. "tiểu nhân" là nói về kẻ tiểu nhân âm nhu. "Tiểu nhân có lợi chính đáng", nghĩa

là tiểu nhân có lợi chính đáng nhưng không làm hại người quân tử, nếu làm hại người quân tử thì kẻ tiểu nhân cũng bị bất lợi. Lời Thoán nói: "Lùi tránh hanh thông, ấy là tuy lùi tránh nhưng vẫn hanh thông. Đức cương nên ứng đúng vị trí, nhưng cũng có lúc phải tuỳ thời. Tiểu nhân có lợi chính đáng, cứ dần phát triển. Chữ thời của quẻ Độn lớn lao thay!" Khi cần phải tránh thì tránh, như vậy mới được hanh thông. Hào Cửu ngũ vốn là tương ứng của hào Lục nhị, không cần phải trốn tránh. Nhưng nếu gặp phải hai hào âm dần mạnh, thì không thể không tránh. Nếu ta biết khi nào cần phải tránh mà tránh đi thì mọi việc sẽ tốt đẹp, có thể sẽ vô hại. Thế lực tà ác lớn dần, cái thế của nó tất coi trọng việc hại người quân tử. Âm tuy dần phát triển, nhưng khi nó chưa thực cường thịnh, người ta thường không để ý tới chúng, do đó do dự lưu luyến không dời bỏ được. Khi ấy, nếu không lượng thời xét thế thì không thể biết được. Nếu cứ tham tiếc tước lộc địa vị, sẽ không thể tránh được. Chỉ có một số người có trí tuệ biết minh triết bảo thân, và lại mưu lược, có dũng khí mới có thể như chim hồng bay đi, tránh đời mới vô hại. Đó là nghĩa chữ thời của quẻ Độn. Lời tượng nói: "Dưới trời có núi, tránh đi, quân tử xa tiểu nhân, không ghét mà nghiêm". Núi tuy cao nhưng cũng không sánh được với trời, trời mà tránh thì sẽ vô hại. Người quân tử bắt chước tinh thần này, xa tiểu nhân, lại nghiêm khắc với bản thân, khiến kẻ tiểu nhân không thể có cơ hội để lợi dụng, hiên ngang nhưng không thể xâm phạm.

Cho nên, cái mà quẻ Độn trình bày cho chúng ta là nguyên tắc làm thế nào để ẩn nhẫn chờ thời khi thế của kẻ tiểu nhân lớn mạnh, đạo của người quân tử tiêu vong, tài năng của bản thân không phát huy được, mà lại gặp sự nguy hiểm do tiểu nhân hãm hại.

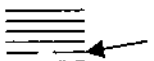
Cái nguyên tắc ẩn nhẫn lùi tránh mà quẻ Độn đã chỉ ra, không những là một kiểu phát huy quy luật tự nhiên của người Trung Quốc cổ, mà đó còn là sự tổng kết kinh nghiệm hàng ngàn năm về đời sống chính trị và về

cuộc đời. Từ xưa tới nay, người Trung Quốc, đặc biệt là giới trí thức, luôn nắm chắc hai loại tư tưởng truyền thống, đó là: tính tích cực nhập thế của tư tưởng Nho gia, nó cổ vũ giới trí thức bao đời tích cực tham gia vào chính trị xã hội hiện thực, chí trùm thiên hạ, khí cao vượt núi, lập chiến công, dựng cơ nghiệp. Nhưng khi trong cuộc sống thực tế họ bị thất bại, tư tưởng trốn đời, mà Lão Tử, Trang Tử làm đại biểu, lại mang đến cho họ sự an ủi vô cùng lớn về tinh thần, hàn gắn phần nào vết thương tâm linh của họ, khiến họ có một cái nhìn lãnh đạm với đời, mà không để sự đau khổ vì thất bại làm tổn thương nữa. Nho, Đạo bổ xung cho nhau có tác dụng rất lớn đối với việc giữ gìn sự khoẻ mạnh về thân thể, tinh thần và sự hoàn thiện về tính cách của giới trí thức. Nói tóm lại, từ nguồn gốc sâu xa về tư tưởng, qua tư tưởng Lão, Trang, có thể trực tiếp suy ngược lên Dịch lý của *Chu Dịch*. Xét đời người mà nói, sự lùi bước ở một mức độ nhất định là điều tất yếu. Đặc biệt khi người ta bị áp chế và bài xích. Loại lui bước này là một sách lược, nó chỉ là rút lui tạm thời để sau còn có dịp nắm lấy thời cơ, có khả năng áp dụng hành động. Cho nên, loại rút lui này là lùi để tiến, là tích cực chứ không phải tiêu cực, là sự quyền biến tất yếu chứ không phải không có năng lực. Từ một góc độ khác mà nói, sự rút lui tích cực có thể khiến người ta sẽ có một chỗ đứng cao hơn, tu dưỡng được một nhân sinh quan thoáng đãng, không quan tâm tới thành công hay thất bại. Bởi vì, xã hội loài người bất luận kéo dài đến bao giờ, thất bại và đau khổ luôn là người bạn của đời người. Hiểu được những điều này, ta sẽ lý giải sâu sắc hơn những ý nghĩa mà quẻ Độn bao hàm.



初六：遯尾，厲，勿用有攸往。
Sơ lục: độn vĩ, lệ, vật dụng hữu du vãng.
Hào Sơ lục: lùi tránh ở sau cái đuôi, nguy hiểm, chớ có tiến lên.

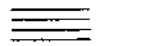
"Lui tránh" là khi sinh ra gặp đúng thời phải thoái lui, "đuôi" chỉ hào Sơ lục, là vì nó ở dưới cùng nên gọi là đuôi. Chính lúc quân tử hiền nhân trong thiên hạ đều thoái lui, nên rất nguy hiểm. Hào Sơ lục âm nhu, lại ở dưới, ở dưới không có địa vị gì, không ở ngôi chính. Không có đức, không có địa vị thì sẽ không có thanh danh, lúc kẻ tiểu nhân đắc thế, tạm thời vẫn chưa trở thành mục tiêu hãm hại của kẻ tiểu nhân, cho nên "nguy hiểm" mà "chớ tiến lên". Lời tượng nói: "Nguy hiểm trốn ở đuôi, không tiến lên không có tai hoạ gì". Lúc ban đầu trốn tránh còn không có hoạ lớn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi kẻ tiểu nhân bắt đầu đắc thế phải cẩn thận phòng ngừa, ẩn nhẫn đợi thời, không được manh động.*



六二：執之用黃牛之革，莫之勝說。
Lục nhị: chấp chi dụng hoàng ngưu chi cách, mạc chi thắng thoát.

Hào Lục nhị: trói buộc bằng da con bò vàng, không ai giải thoát.

Hai hào âm ở dưới mạnh lên, dần lấn át hào dương. Nhưng hào Lục nhị là hào âm, được ngôi trung ngôi chính, lại ứng với hào Cửu ngũ ở trên, có thể tìm theo hào Cửu ngũ một cách nhu thuận trung chính, dùng da con bò vàng trói buộc không thể giải thoát để tượng trưng. Lời tượng nói: "Trói buộc bằng da con bò vàng, ấy là làm cho ý chí được vững vàng". Cho nên dùng da con bò vàng tỷ dụ là để nhấn mạnh cần phải kiên định ý chí của mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cần phải giữ sự trung chính một cách kiên định.*



九三：系遯有疾，厲，畜神妾，吉。
Cửu tam: hệ độn, hữu tật, lệ súc thần thiếp, cát.

Hào Cửu tam: có tật xấu còn bị ràng buộc khi lui tránh, nguy hiểm. Nuôi đầy tớ trai gái, tốt.

Ở đây chỉ trong lòng còn có điều ràng buộc và quyến luyến. "Còn ràng buộc khi lui tránh" hình dung là việc con người ta còn tham lam tài lộc, dùng dằng mà không thể ra đi. "Có tật xấu" là vì còn bị trói buộc do lòng ham muốn lợi lộc nên cảm thấy đau khổ. Vị trí của hào Cửu lục ở chỗ giáp ranh âm dần mạnh lấn át dương, nó lại cùng ở một quẻ với hào Sơ lục và hào Lục nhị, quyến luyến với hai hào âm bên dưới không nỡ dứt bỏ. Đã bị ràng buộc, thì không thể lui tránh, đó chính là con đường tự rước hoạ vào thân. Nhưng ở vào vị trí cuối cùng của Hạ quái Cấn, hào Cửu tam chỉ cần lấy sự cương chính tự giữ mình, lấy đạo chủ tớ đối xử với hai hào âm ở dưới thì mới tốt lành. Lời tượng nói: "Sự nguy hiểm của việc còn bị ràng buộc khi lùi tránh là vì có tật xấu (còn quyến luyến với lợi lộc) dễ bị bại hoại. Nuôi người hầu gái mới tốt lành, không nên làm việc lớn". Cửu tam sở dĩ có sự nguy hiểm bị ràng buộc khi lùi tránh là vì có tư dục, như vậy khó thành việc lớn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ để bị lòng hám lợi ràng buộc.*



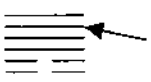
九四：好遯，君子吉，小人否。

Cửu tứ: hiếu độn, quân tử cát, tiểu nhân bĩ.

Hào Cửu tứ: yêu thích lùi tránh, đối với người quân tử là tốt lành, đối với kẻ tiểu nhân là khốn cùng

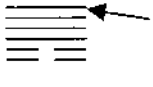
Vừa yêu thích vừa lùi tránh, điều yêu thích đó là công danh và lợi lộc, mà đã lùi tránh là phải xét thời lượng thế, tuỳ cơ mà làm. Hào Cửu tứ là hào dương cương ngôi âm, dưới ứng với hào Sơ lục, cho nên mới có điểm yêu thích mà không lùi tránh, nhưng hào Cửu lục ở Thượng quái Càn, mà thể của quẻ Càn vốn là cương kiện, rất dễ dẫn tới tai hoạ, vậy mới có điểm lùi tránh mà không yêu thích. Tốt và không tốt hoàn toàn phải xem người đó là loại người nào. Người quân tử có thể bỏ cái lợi lộc mà lùi tránh nên đang không tốt mà thành ra tốt. Kẻ tiểu nhân thì khốn đốn vì lợi lộc mà không

biết lùi tránh nên đang tốt mà thành ra không tốt. Lời tượng nói: "Quân tử vừa yêu thích vừa lùi tránh nên tốt lành, tiểu nhân (thì không thế) nên khốn cùng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, đáng dứt bỏ nhưng không dứt bỏ nên gặp hoạn nạn.*



九五：嘉遯，貞吉。
Cửu ngũ: gia độn, trinh cát.
Đẹp đẽ lùi tránh, chính đáng tốt lành.

"Đẹp đẽ lùi tránh" là cái đẹp của hào Lục nhị. Hào Cửu ngũ là hào dương cương, được ngôi trung ngôi chính, lại ở địa vị người làm vua, dưới ứng với hào Lục nhị, có tài ẩn tránh linh hoạt. Đang lúc người quân tử ẩn tránh, hào Lục nhị nhu thuận, trung chính, không có hại đối với tâm của người quân tử. Cửu ngũ, thân không luỵ, có thể tuỳ thời rút lui, cho nên nói: "Đẹp đẽ lùi tránh". Lời tượng nói: "Đẹp đẽ lùi tránh, chính đáng tốt lành, ấy là để lòng mình được ngay thẳng", hai bên cùng một ý nguyện chính đáng, cho nên tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, dù mình đang ở cảnh phải lùi tránh khốn cùng cũng luôn phải giữ cho ý chí được ngay thẳng, giữ cho lòng yêu thích được trong sạch.*



上九：肥遯无不利。
Thượng cửu: phì độn, vô bất lợi.
Hào Thượng cửu: béo thừa lùi tránh, không gì không có lợi

Hào Thượng cửu ở trên vị trí người làm vua là hào Cửu ngũ, là hào dương cương mà ở vị trí cuối cùng của quẻ, cách hào âm rất xa. Trong các hào của quẻ này, chỉ có nó là không có gì phải nghi ngờ, vượt lên trên cái tầm thường, dù có hành động vứt bỏ hay giữ lấy thì cũng rất đầy đủ và dư thừa, cho nên nói: " Béo thừa lùi tránh". Lời tượng nói: "Béo thừa lùi tránh,

không có gì không lợi, không có gì nghi ngại". Trong lòng đã không nghi hoặc, tự nhiên sẽ không gặp bất lợi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cách lùi tránh tốt nhất là vượt lên trên những điều tầm thường.*

Tổng hợp những điều đã trình bày trên có thể thấy, khi thế của kẻ tiểu nhân đang mạnh, thì ý chí của mình đã không được thi thố mà lại gặp nguy hiểm vì bị truy hại, không thể không tránh đi thì chúng ta cần hiểu rằng:

Một là, lúc mới đầu tiểu nhân được thế, thì ta nên cẩn thận, hãy rút lui đợi thời, không nên khinh xuất manh động. Vội manh động trước khi kẻ tiểu nhân lộ mặt sẽ bất lợi đối với người quân tử. Kẻ tiểu nhân được thế, nhiều khi có thể có cảm giác và có thể dự kiến được. Người sáng suốt thì có thể luôn dự đoán trước được sự phát triển của nó, nhưng lại thường bị nhiều nguyên nhân gây nguy khốn làm mất năng lực thực hiện. Như phần trên đã dẫn ví dụ việc vua Vũ Linh Vương nước Triệu thời Chiến Quốc. Khi Triệu Vũ Linh Vương phế truất công tử Chương, lại sai Điền Bất Lễ phò tá cho Công tử Chương, Lý Đoái đã dự cảm trước được những nguy hiểm sẽ phát sinh. Nhưng điều ông ta có thể làm chỉ là vạch cho Công tử Thành sớm phòng ngừa, nhường chức tướng quốc cho Phì Nghĩa, còn mình thì sớm lùi về ở ẩn tránh hoạ. Cũng như vậy, trong khi Sở vương Lưu Tuất bắt đầu lạnh nhạt với bọn Thân Công, Mục Sinh, thì cũng là lúc Mục Sinh biết từ bên trong đang ẩn mầm hoạ, nên việc duy nhất ông ta có thể làm được là cáo bệnh đi tránh hoạ. Đúng như Tư Mã Thiên từng nói: "Nước sắp hưng thịnh tất có điềm lành, kẻ quân tử được trưng dụng, tiểu nhân phải rút lui. Nước sắp mất, người hiền ẩn, kẻ loạn thần được coi trọng". (*Sử ký - Sở Nguyên Vương thế gia*). Biết rõ mầm hoạ mà tránh đi, đó là việc bất đắc dĩ. Không dự kiến được mầm hoạ đến với mình là kẻ ngu dốt, biết được hoạ đang đến mà không tránh là chỉ có con đường chết mà thôi, giống như Phì Nghĩa vậy.

Hai là, mọi sự lùi tránh đều là tạm thời, tà ác không thể vĩnh viễn lộng hành. Cho nên, dù tránh đi tạm thời, cũng cần phải kiên định ý chí của

mình, quyết giữ chính đạo, mà không để bị tà ác lôi kéo, càng không vì kẻ tiểu nhân nhất thời đắc thế mà dao động. Kiên định như nhất, mới là người quân tử chân chính, sau này sẽ có cơ hội phản kích lại. Như Khổng Tử ca ngợi Bá Ngọc: "Nước có đạo thì ra làm quan, nước vô đạo thì thu mình nhưng giữ vững chí khí". Thấy việc không thể làm được, thà đi ở ẩn. Ví như bọn Từ Trĩ, Chu Phần thời Đông Hán, vì lợi lộc lôi kéo mà thông đồng làm nhiều việc ác không còn là giống người, đó cũng là tự rước hoạ vào thân. Như danh tướng Đoàn Dĩnh thời Đông Hán, là vị tướng kiêu dũng thiện chiến, có công dẹp cuộc khởi nghĩa của người Khương, sau lại dựa vào bọn hoạn quan, tiếp tay cho thói bạo ngược, bắt người cùng hội cùng thuyền, bỏ mất sự trong sạch của cả một đời người.

Ba là, khi cần phải rút lui, quyết không luỵ vì mối lợi, nếu tâm vốn thích lợi thì hoặc sẽ đồng loã với cái ác hoặc sẽ rước hoạ vào thân. Ví dụ như danh sĩ Trương Hoa người thời Tây Tấn, khi nhà Tấn gặp loạn, Triệu vương Tư Mã Luân cùng bọn Tôn Tú mưu phế bỏ Giả Hậu để chiếm quyền. Khi mới mầm mống loạn lạc, con Trương Hoa là Trương Vi khuyên ông ta nên nhường địa vị tránh đi, Trương Hoa tham chức Tể tướng nên không nghe theo. Khi Giả Hậu bị phế truất, Trương Hoa bị những người ghen ghét là bọn Tôn Dụ và Tư Mã Luân bắt, khoác cho tội chu di ba họ. Trước khi đem đi hành hình Tư Mã Luân hỏi: "Khanh là Tể tướng, gánh trách nhiệm trước thiên hạ, Thái tử bị phế truất, mà không tuẫn tiết theo, như thế là sao?". Trương Hoa nói: "Thần không phải không can gián" Lại hỏi: "Can gián chẳng theo, sao không từ chức" Trương Hoa không đáp nổi.

Bốn là, khi buộc phải lùi tránh, cần kiên quyết cắt đứt mọi ràng buộc do lòng hám lợi, dứt khoát rút lui không trì hoãn. Vì thời cơ sẽ nhanh qua đi, cần dứt bỏ mà không dứt bỏ, ắt sẽ chuốc lấy hoạ. Như lời Minh Thông khuyên Hàn Tín phản Lưu Bang: "Cho nên bậc trí giả là người quyết đoán,

kẻ nghi ngờ ắt hỏng việc. Tính toán chi ly một kế nhỏ mà làm hỏng mất việc lớn trong thiên hạ, tâm trí tuy biết rõ nhưng không quyết đoán mà làm ngay, thì trăm việc đều hỏng. Cho nên dân gian có câu: con mãnh hổ do dự không bằng con kiến bò dần, ngựa kỳ ngựa ký trù trừ không tiến thì không bằng con ngựa thường thủng thẳng bước một. Dũng sĩ như Mạnh Bôn mà hồ nghi không quyết thì cũng chẳng bằng kẻ quê mùa quyết tiến bước. Công khó thành mà dễ bại, thời khó được nhưng dễ mất". (*Sử ký - Hoài âm hầu truyện*). Suy tính hơn thiệt thì sẽ đo dự không quyết đoán, tự làm mất đường rút lui, dẫn đến hoạ càng lớn. Nếu kiên quyết dứt bỏ, tưởng như bị tổn thất, nhưng đó lại là đổi lấy sự bình an, để sau này còn có dịp đợi thời cơ đến. Người thành công nhất chẳng ai bằng Trương Lương và Lý Tĩnh đời Đường. Thang Hoà đầu đời Minh tuy chỉ là một võ sĩ nhưng lại hiểu rõ điều này, nên ông ta có thể bảo toàn tính mạng, mà bọn Từ Đạt thì chuốc thảm hoạ vào thân.

Năm là, khi thế của kẻ tiểu nhân đang mạnh, biết tạm rút lui tránh đi thì sẽ rất tốt. Cho dù không thể rút lui, thậm chí còn được kẻ tiểu nhân kết giao, thì cần phải giữ vững ý chí, giữ mình trong sạch mới tốt, đối với kẻ tiểu nhân nên kính cẩn mà tránh xa, không để cho kẻ tiểu nhân có cơ lợi dụng. Làm như thế cũng có thể giữ được bình yên vô hại. Như danh sĩ Quách Thái đời Đông Hán, khi hoạn quan chuyên quyền, thấy tình thế không thể làm gì được, nên không cao giọng bàn bừa, tuy hoạn quan nắm giữ chính sự, nhưng không làm hại đến ông ta. Khi "hoạ bè đảng" xảy ra, nhiều danh sĩ thời ấy bị hại, mà Quách Thái vẫn tránh được.

Sáu là, sự lui tránh tốt nhất là vượt ra ngoài chuyện đời. Làm như vậy tuyệt nhiên không phải là hoàn toàn không quan tâm tới thế sự, mà chỉ là tạm thời đứng ngoài thế sự, sẽ có thể lặng lẽ quan sát được mọi việc, tổng kết kinh nghiệm, khiến cho không có gì dây dưa, không có lợi, không để tâm tới sự công kích của bọn tiểu nhân. Từ chiến lược của một cá nhân mà

nói, đó chính là thượng sách của người sống trong thời loạn. Quách Thái làm rất tốt điều này. Có người đương thời hỏi riêng danh sĩ Nhữ Nam là Phạm Bàng rằng Quách Thái là người thế nào? Phạm Bàng trả lời rằng: "Ông ta là người, ở ẩn mà không xa người thân, giữ vững lòng mà không rời thế tục, vua không coi là bầy tôi, chư hầu không coi là bạn, ta không hiểu ông ta là người thế nào".

Tổng hợp những điều đã trình bày trên, vận dụng nguyên tắc của quẻ Độn khi gặp thế lực tà ác, chúng ta cần phải:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Phòng ngừa cẩn thận, không được manh động.

2 - Kiên quyết giữ chính đạo.

3 - Chớ để lòng hám lợi ràng buộc.

4 - Đáng tránh thì nên tránh, làm trái lại sẽ bị tai hoạ.

5 - Giữ mình trong sạch, tránh sức mạnh của thế lực tà ác.

6 - Lánh khỏi việc đời.

34. 大壯 ĐẠI TRÁNG – LÚC YÊN ỔN PHẢI LO TRƯỚC SỰ HIỂM NGUY



震上 Chấn trên
乾下 Càn dưới

大壯，利貞。

Đại tráng, vô bất lợi.

Quẻ Đại tráng, có lợi vì chính đáng.

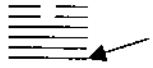
Đại tráng nghĩa là vô cùng cường tráng. Hình của quẻ này ngược với hình của quẻ Độn, ý nghĩa của chúng cũng ngược nhau. "Đại" là dương, bốn hào dương mạnh mẽ, cho nên gọi là quẻ Đại tráng. Lại nữa, Thượng quái Chấn là sấm, Hạ quái Càn là trời, sấm nổi giận trên trời cũng là Đại tráng. "Tự quái truyện" nói: "Vật không thể trốn tránh mãi, cho nên gọi là quẻ Đại tráng". Lùi tránh là biện pháp tiêu cực, mà Đại tráng thì nhấn mạnh những hành động tích cực.

Quẻ Độn là dương suy mà lùi tránh, Đại tráng là dương thịnh nên cường tráng, thịnh tất sẽ suy, suy rồi sẽ thịnh, tiêu trưởng tuần hoàn vô cùng. Dương lại tượng trưng cho người quân tử, người quân tử cường tráng lớn mạnh nên gọi là Đại tráng. Nhưng sự tráng kiện của người quân tử không chỉ là sự mạnh mẽ về thế cục mà còn do sự chính đáng của đạo nghĩa, không chính đáng thì người quân tử cũng không thắng nổi tiểu nhân. Lời Thoán nói: "Đại tráng, lớn mạnh nên cường tráng. Mạnh mẽ hành động

nên cường tráng. Lớn mạnh cường tráng có lợi vì chính đáng. Lớn mạnh vì chính đáng. Chính đáng lớn mạnh có thể thấy được cái tình của trời đất". Hạ quái Càn là cương kiện, Thượng quái Chấn là chấn động. Lấy cường tráng mà chấn động, cho nên lớn mạnh cường thịnh. Cường thịnh đã lớn mạnh lại phải chính đáng. Chỉ có lớn mạnh chính đáng mới thấy được cái tình của trời đất. Lời tượng nói: "Sấm ở trên trời, lớn mạnh cường tráng, người quân tử không hợp lễ không làm". Người quân tử cần phải bắt chước tinh thần sấm ở trên trời để làm nên nghiệp lớn, nhưng người quân tử còn cần sửa mình theo lễ, không làm những việc trái với đạo lý.

Do đó quẻ Đại tráng và quẻ Độn trái ngược nhau. Quẻ Độn bàn về thế lớn mạnh của kẻ tiểu nhân, sự lùi tránh ẩn nhẫn của người quân tử khi yếu thế. Nhưng quẻ Đại tráng thì trình bày cho chúng ta, khi người quân tử khí thế lớn mạnh thì làm thế nào để hành động một cách tích cực, sử dụng sức mạnh vốn có một cách tốt nhất.

Sự nghiệp hừng hực phát triển, lực lượng lớn mạnh, có thể hành động theo ý mình, đó là điều tốt. Nhưng lớn mạnh sẽ dễ tự phụ, dẫn đến cực đoan. Cho nên, khi lực lượng của người quân tử lớn mạnh, trước tiên không phải là đi tìm sự chiến thắng người khác, mà đầu là chế ngự bản thân. Khi thế lực lớn mạnh, có thể chế ngự được bản thân là anh đã chứng minh được anh có lực lượng đánh đâu thắng đó. Đó chính là điều mà Lão tử nói: "Người biết tự cường là người chiến thắng". Vấn đề khi ấy không còn là không có lực lượng, mà là lực lượng dùng không hết, làm thế nào sử dụng cho thích hợp. Khi một đội quân lớn mạnh không có đối thủ sẽ có thể biến thành một đội quân tàn bạo. Khi một đất nước đầy đủ cường thịnh sẽ luôn luôn đi áp bức các nước láng giềng xung quanh. Tinh lực của con người không dùng hết sẽ rất dễ dàng gây chuyện sai trái. Lực lượng lớn mạnh nếu không sử dụng tốt sẽ dần làm hao phí thực lực của bản thân, mà còn mang lại tổn hại cho người khác.



初九：壯于趾，征凶，有孚。

Sơ cửu: tráng vu chỉ, chinh hung, hữu phu.

Hào Sơ cửu: cường tráng ở ngón chân, tiến lên thì nguy hiểm, phải có đức tin.

Hào Sơ cửu là hào dưới cùng của Hạ quái, tượng trưng cho ngón chân của người. Đang thời Đại tráng, dũng mãnh tiến lên, cho nên có điểm "cường tráng ở ngón chân". nếu cương mà lấn át người khác tất nhiên là hung hiểm, cho nên nói: "chinh phạt thì xấu". Hào Cửu tứ bên trên đồng loại với nó nhưng không ứng với nó, cho nên không thể sản sinh lực lượng lớn. Hào Sơ cửu lại là hào dương ở ngôi chính, vốn là người có đức, cho nên có thể tự chế ngự không tiến lên. Lời tượng nói: "Cường tráng ở ngón chân, có lòng tin đến cùng". Trên đã không có người ứng viện, lại thấp kém không có địa vị, không có đức nên không thể tiến lên, chỉ có đức tự tin để giữ mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi cường tráng cũng phải lượng sức mà làm, không thể hành động mù quáng.*

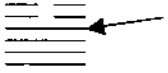


九二：貞吉。

Cửu nhị: trinh cát.

Hào Cửu nhị: có đức chính, tốt lành.

Hào Cửu nhị cương mà lại được ngôi trung, được ngôi trung thì không có lỗi lớn, không cậy mạnh mà liều tiến lên, cho nên đã chính đáng lại tốt lành. Lời tượng nói: "Hào Cửu nhị có đức chính lại tốt lành, ấy là bởi được ngôi trung". "Có đức chính, tốt lành" là bởi nó thi hành được trung đạo. *Hào này khuyên chúng ta rằng, dù lớn mạnh cần nắm vững đạo trung dung, giữ nguyên tắc đúng mức độ.*

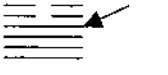


九三：小人用壯，君子用罔，貞厲，羝羊觸藩，羸其角。

Cửu tam: tiểu nhân dụng tráng, quân tử dụng võng, trinh lệ, đê dương xúc phiên, luy kỳ giác.

Hào Cửu tam: kẻ tiểu nhân dùng sức mạnh, người quân tử không (làm như thế). Giữ sự chính đáng để phòng nguy hiểm. Con dê khoẻ húc vào hàng rào, sừng vị mắc lại.

Hào Cửu tam là hào cuối cùng của Hạ quái Càn, quá dũng mãnh, lại không được ngôi trung, trên lại không ứng với sự chấn động của quẻ Chấn, tượng trưng sự thuần tuý dùng cái cương của khí huyết. Nhưng ý chí lại theo như kẻ tiểu nhân, người quân tử không theo. Nếu người quân tử dùng cũng dùng sự cường tráng của mình như vậy thì dù có chính đáng cũng nguy hiểm, cũng giống như con dê khoẻ cậy sức dùng sừng húc vào bờ rào, không những không húc đổ bờ rào để thoát ra mà lại mắc vào nguy khốn. Lời tượng nói: "Kẻ tiểu nhân dùng sức mạnh, người quân tử không (làm như thế)". *Hào này khuyên chúng ta rằng, người quân tử không dùng sức mạnh để lấn át người khác.*



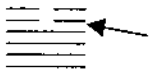
九四：貞吉，悔亡，藩決不羸，壯于大輿之輹。

Cửu tứ: trinh cát hối vong, phiên quyết bất luy, tráng vu đại dư chi phúc.

Hào Cửu tứ: giữ sự chính đáng thì tốt lành, hàng rào đã thủng nhưng không bị mắc sừng. Mạnh mẽ như cái trục của cái xe lớn.

Hào Cửu tứ là hào cuối cùng của bốn hào dương, tượng trưng vô cùng cường tráng. Nhưng nó là hào dương lại ở ngôi âm, không được ngôi chính, cứ tiến lên sau sẽ bị hối hận. Nhưng vì nó là hào dương ở ngôi âm, đức cương chưa phải cao nhất, nếu cứ kiên trì giữ đạo thuần chính, có thể không

bị hối hận. Lại nữa, phía trên đều là hào âm, không bị ngăn trở mà còn có thể tiến lên. Lời tượng nói: "Rào đã thủng không bị mắc sừng, còn tiến lên được". *Hào này khuyên chúng ta rằng, lớn mạnh càng cần kiên trì giữ chính đạo.*

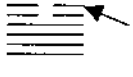


六五：丧羊于易，无悔。

Lục ngũ: táng dương vu dị, vô hối.

Hào Lục ngũ: bị mất dê ở đất Dị, không hối hận.

Lời từ của hào này là câu chuyện cũ về Tiên vương Vương Hợi của nhà Ân. Vương Hợi nhiều lần thấy có trong bốc từ ở Ân Khư, thuộc đời trước vua Thành Thang. *Sơn hải kinh - Đại hoang đông kinh* chép: "Vương Hợi ở đất Hữu Dị Hà Bá chăn trâu. Hữu Dị giết Vương Hợi, đoạt lấy trâu". Quách Phác đời Tấn khi chú *Sơn hải kinh* đã dẫn các tác phẩm cổ: *Trúc thư kỷ niên, Sở từ – Thiên ấn thiên, Thế bản, Lã thị xuân thu* đều chép chuyện này, nói: Vương Hợi từng chăn trâu dê ở bộ lạc Hữu Dị, bị vua Hữu Dị giết mà mất hết trâu dê. Hào Lục ngũ là hào âm, ở vị trí ngôi vua, đã không dương mà lại mất sự cường tráng của mình, cho nên lấy chuyện "mất dê ở đất Dị" để tỷ dụ. Đã mất sức mạnh thì không thể tiến lên, chỉ được không có hối hận mà thôi. Lời tượng nói: "Mất dê ở đất Dị, ấy là bởi ở vị trí không chính đáng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, vật cùng tất phản, lớn mạnh nhất định sẽ suy thoái.*



上六：羝羊触藩，不能退，不能遂，无攸利，艰则吉。

Thượng lục: đê dương xúc phiên, bất năng thoái, bất năng toại, vô du lợi, gian tắc cát.

Hào Thượng lục: dê khỏe húc hàng rào, không thể lui, không thể tiến, không chạy theo điều lợi, gian nan thì tốt lành

Hào Thượng lục đã ở vào cực điểm của Đại tráng, phía trước không còn đường đi, như dê húc hàng rào mà không biết lùi. Nhưng Hào Thượng lục lại âm nhu, khó nhọc tiến lên, liền bị ở vào tình thế gian nan, đã không lui được, lại không tiến được. Sự "không chạy theo điều lợi" của nó có thể hiểu được. Nhưng cũng vì nó nhu mà không cương, không mù quáng tìm cách tiến lên, biết gian nan xử trí, cuối cùng vẫn được tốt lành. Lời tượng nói: "Không thể lui, không thể tiến, đó là điều chẳng lành. Gian nan thì tốt, đó là bởi lỗi không kéo dài". Tỉnh ngộ, gian nan xử trí một cách kịp thời, tai hoạ sẽ không kéo dài. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vật cùng tất phản, cần sớm đề phòng.*

Do đó, khi chúng ta đang ở vào lúc thế lực lớn mạnh, sự nghiệp vô cùng phát triển, mọi việc đều có thể làm theo ý muốn, cần ghi nhớ những điều quẻ Đại tráng nhắc nhở sau:

Một là, cuộc sống và sự nghiệp một khi lớn mạnh sẽ dễ sinh tự phụ, dễ theo thói tàn bạo, mục hạ vô nhân. Nhưng bất kỳ sự lớn mạnh nào cũng không thể giữ được vĩnh viễn, huống là sự lớn mạnh của con người là do rất nhiều điều kiện hội lại mới nên, một khi các điều kiện đó đột ngột thay đổi, sự lớn mạnh của anh sẽ mất chỗ dựa, sẽ bị suy yếu đi. Huống nữa núi cao còn có núi cao hơn, ngoài trời lại vẫn còn trời nữa. Cho nên, con người khi ở vào thời điểm này càng cần giữ đầu óc tỉnh táo, lượng sức mà làm, không thể cậy vào sức mạnh, tuỳ ý làm bừa. Những quẻ Thái, Đại súc ở phần trước cũng đều có những lời chỉ bảo tương tự, có thể tham khảo lẫn nhau. Sự diệt vong của triều đại Tần vương là bởi sau khi Tần Thuỷ Hoàng thống nhất thiên hạ, cho rằng công mình cao hơn Ngũ đế, đức vượt Tam hoàng, nghiệp lớn không đời nào sánh nổi, do đó mà sinh ra ảo giác, ngoài sự trường sinh bất lão, không gì mình không làm được, lạm dụng sức dân, đẩy sự lớn mạnh do nền chính trị tàn bạo mang lại tới chỗ cực đoan, thúc nhanh sự diệt vong của vương triều. Trước Tần, Bồ Kiên cũng thất bại vì tự tin quá độ.

Hai là, lực lượng lớn mạnh, càng cần phải nắm vững nguyên tắc trung dung, có mức độ và có điều tiết, chủ động sử dụng lực lượng của mình. Cuộc sống đã như vậy, sự nghiệp càng cần như vậy. Với một xí nghiệp, một tổ chức càng không phải bàn. Có mức độ và trung chính khiến người ta có thể tiến, có thể lui, thừa sức vượt hiểm. Đường Thái tông là một mô hình kiệt xuất. Vào niên hiệu Trinh Quán nhà Đường, kinh tế phát triển, xã hội an toàn, quốc gia giàu có, lực lượng lớn mạnh. Đường Thái tông tuyệt nhiên không vì giang sơn do một tay mình sáng lập mà toạ hưởng kỳ thành. Với sự khuyên bảo của quần thần, Đường Thái tông cần kiệm đồn hết tinh lực vào việc cai trị, do đó mà làm nên "nền cai trị thời Trinh Quán" nước mạnh dân yên. Quy mô thời thịnh Đường cũng từ đó mà được xác lập.

Ba là, người quân tử lớn mạnh, chỉ giúp người mà không lấn át người. Điều này không những là một chuẩn mực của sự nghiệp mà còn là một chuẩn mực làm người. Cái cần làm khi đó là khiêm tốn mà không kiêu hãnh. Khi được thời thì muốn làm tất cả, đó là thái độ của kẻ tiểu nhân, cũng là sự bắt đầu của thất bại tất nhiên. Như Chủ Phụ Yển thời Tây Hán, khi còn trẻ bất đắc chí, về già liền học *Kinh dịch, Kinh xuân thu*, cùng học thuật trăm nhà. Ông ta du học ở Tề, bị các nhà Nho tẩy chay không thừa nhận. Về sau ông ta đến kinh thành dâng sách lên Hán Vũ đế mà được Hán Vũ đế tin dùng, trong một năm bốn lần thăng chức, làm quan tới chức Trung đại phu. Khi đã đắc thế, ông ta liền ngang ngược múa mép, bài báng người khác. Các đại thần trong triều đều sợ cái miệng ông ta, hối lộ đến mấy nghìn lạng vàng. Có người khuyên Chủ Phụ Yển chớ nên hành hoành thái quá. Chu Phụ Yển ngang nhiên trả lời: "Ta buộc tóc đi học hơn bốn mươi năm, thân không được nghỉ, mẹ cha không nhận ta là con, anh em không nhìn tới ta, các tân khách rời bỏ ta. Những ngày ta chịu cái ách ấy quá nhiều rồi. Kẻ trượng phu sống không được liệt vào hàng ăn thức ăn nấu bằng năm đỉnh, khi đã được liệt vào rồi thì ta phải dùng năm cái đỉnh để

nấu ăn chứ. Ta đã già rồi, cho nên muốn ngược đời chơi". Về sau, quả nhiên vì hại Tề vương mà bị xử tử.

Bốn là, người quân tử lớn mạnh, càng phải giữ vững sự chân chính, mà chớ nên cả gan làm bừa. Đối với mọi người mà nói cần phải như vậy. Đối với người quản lý một tổ chức mà nói, trong tình huống lực lượng lớn mạnh, khi đưa ra quyết định luôn lớn tiếng, đối với nguy hiểm và khó khăn suy xét không kỹ, thì tuy có năng lực để mạo hiểm, nhưng như vậy càng nhiều khả năng phán đoán và quyết định sai lầm, dẫn tới thất bại. Còn như dùng lực lượng vào việc phi nghĩa thì đó là điều mà người có trách nhiệm đưa ra quyết định chiến lược càng cần phải tránh. Chân lý ở đây không cần phải nói.

Năm là, khi lực lượng lớn mạnh, càng cần phải sáng suốt tự biết mình, phải hiểu vật cùng tất phản, sự lớn mạnh của mình là có mức độ nhất định. Đến một điều kiện nhất định nào đó, lực lượng của mình sẽ bắt đầu suy thoái, từ mạnh chuyển sang yếu, không có cách gì để cứ làm theo ý mình được nữa. Cho nên, khi lực lượng đang lớn mạnh,người có trách nhiệm đưa ra quyết định chiến lược ưu tú sẽ tính toán sâu xa, chuẩn bị tốt cho lúc tình huống biến đổi. Với cá nhân cần như thế, với xí nghiệp càng cần như thế. Khi lớn mạnh thịnh vương, xí nghiệp chuẩn bị đầy đủ để không ngừng đưa ra những sản phẩm mới là thuộc phạm trù chiến lược này.

Sáu là, không thể mãi mãi giữ được lực lượng lớn mạnh, mà tất nhiên sẽ phải suy thoái. Vào thời điểm từ mạnh chuyển thành yếu, ta phải kịp thời tỉnh ngộ, bởi vì đó là quy luật tất yếu của giới tự nhiên. Biết lùi một bước, duy trì cục diện hiện có mà tránh khỏi thất bại thì tự nhiên sẽ tốt. Nếu không thể lùi, lại không thể tiến, biện pháp tốt nhất là cố gắng duy trì hiện trạng, điều chỉnh lực lượng, ẩn nhẫn chờ thời, thì sự suy thoái mang tính tai nạn này sẽ không quá kéo dài. Nếu đã thấy hoặc dự kiến được dấu hiệu của sự xuống dốc thì cần tích cực áp dụng biện pháp cứu vãn.

Cho nên, khi sự nghiệp đang lớn mạnh, chúng ta cần ghi nhớ:

1 - Chớ quá tự phụ.

2 - Có mức độ, lượng sức mình, giữ sự trung dung.

3 - Không lấy sự lớn mạnh lấn át người khác.

4 - Kiên trì sự chân chính.

5 - Sáng suốt tự biết mình, khi yên ổn lo lúc nguy nan.

6 - Kịp thời tỉnh ngộ, ẩn nhẫn chờ thời.

35. 晉 TẤN – TÍCH CỰC THĂNG TIẾN

䷢ 離上 Ly trên
坤下 Khôn dưới

晉，康侯用錫馬蕃庶，晝日三接。

Tấn: Khang hầu dụng tích mã phồn thứ, trú nhật tam tiếp.

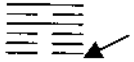
Khang hầu dâng nhiều ngựa, một ngày tới ba lần

"Tấn" tức là tiến, thăng tiến. Trong tượng của quẻ Tấn, Hạ quái Khôn là đất, Thượng quái Ly là mặt trời, mặt trời mọc trên mặt đất là tiến lên mà rạng rỡ. "Tượng quái truyện" nói: "Vật không thể to lớn đến cùng, cho nên gọi là quẻ Tấn. Tấn là tiến lên". Sự vật không thể mãi mãi dừng ở tình trạng to lớn mãi mãi, cần phải tiến lên mới có thể giữ được thế phát triển của nó. "Khang hầu" tức là Khang Thúc Phong đầu đời Chu. Trong quái từ của quẻ đã bao hàm câu chuyện này. *Thượng thư - Khang cáo* viết: "Vương nói: Mạnh hầu, em trai còn nhỏ của trẫm là Phong". *Tả truyện - Định công tứ niên* viết: "Chia cho Khang Thúc đường lớn, lụa, cờ quạt, chuông lớn, và mười tộc dân Ân". *Thượng thư - Vũ cống* viết: "Cửu Giang vào dâng rùa lớn". Lại viết: "Vũ dâng ngọc khuê đen báo việc thành công". Khang hầu vâng lệnh vua đi đánh nước khác, một ngày thắng ba trận, bắt sống được rất nhiều ngựa, dùng ngựa đó dâng cho vua, cho nên ở đây chép: "Khang hầu dâng nhiều ngựa, một ngày tới ba lần" Lời Thoán nói: "Tấn nghĩa là tiến. Ánh sáng mọc lên trên mặt đất, thuận tiến mà rực rỡ tráng lệ, mềm mỏng tiến lên trên. Bởi vậy Khang hầu dâng nhiều ngựa, một ngày dâng ba lần".

Mềm mỏng tiến lên trên, cho nên có thể có điềm lành. Lời tượng nói: "Ánh sáng mọc lên khỏi mặt đất, người quân tử tiến lên tự toả đức sáng của mình". Vầng thái dương xuất hiện trên mặt đất, từ từ tiến lên chiếu sáng vạn vật, cho nên gọi là Tấn. Người quân tử cần phải bắt chước tinh thần này, ngày một làm rạng rỡ phẩm chất của bản thân, để tiến thủ, đạt được thành công.

Cho nên cái mà quẻ Tấn trình bày cho chúng ta là phương châm và nguyên tắc tích cực tiến thủ của con người trong sự nghiệp và địa vị của mình.

Tiến thủ là cái mà cuộc đời cần phải có, nhưng phương thức phương pháp tiến thủ của con người thì nhiều loại nhiều dạng. Chỗ giống nhau là sự thăng tiến về sự nghiệp, địa vị lại phản ánh những phẩm chất và tư tưởng khác nhau của con người. Cái thăng tiến của người quân tử thì quang minh lỗi lạc, cái thăng tiến của kẻ tiểu nhân thì cẩu thả thấp hèn. Sự khác nhau của phương thức thăng tiến cũng phản ánh tài năng khác nhau của mỗi người. Sự khác nhau về thái độ đối với sự nghiệp chân chính làm cho về sau tiền đồ phát triển cũng sẽ khác nhau. Cho nên, tiến thủ cần phải tuân theo nguyên tắc nhất định mới không đi vào con đường sai lầm, mới là chân chính, mới có lợi cho quần chúng và cho sự nghiệp.



初六：晉如，摧如，貞吉，罔孚，裕无咎

Sơ lục: tấn như, tồi như, trinh cát, võng phu, dụ vô cữu.

Hào Sơ lục: tiến lên, bẻ gãy, chính đáng nên tốt lành. Không được lòng tin, khoan thai, không có lỗi.

Hào Sơ lục ở bên dưới, ứng với hào Cửu tứ là hào gần với ngôi vua ở trên, tượng trưng cho việc bên trên có sự viện trợ mạnh, cho nên có điềm: "tiến lên, bẻ gãy", nhưng "vững bền, tốt", tức nhất định phải kiên trì sự

chân chính để giành lòng tin của đối phương. Nếu như không được đối phương tín nhiệm thì không vội lấy lòng tin, chỉ cần khoan thai mà cư sử với họ thì có thể không có lỗi. Nếu vội lấy lòng tin sẽ không tránh khỏi lầm đường thiệt thân, cho nên dùng chữ "võng", khoan thai thì không có lỗi. Lời tượng nói: "Tiến lên, bẻ gãy, một mình đi con đường chân chính, khoan thai không có lỗi, chưa nhận mệnh vậy". Khi chưa được lòng tin nên giữ sự khoan thai. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi tiến thủ cần giữ sự chân chính, không thể tiến một cách mù quáng*

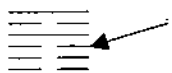


六二：晉如，愁如，貞吉，受茲介福于其王母。

Lục nhị: tấn như, sầu như, trinh cát. Thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu.

Hào Lục nhị: tiến lên, buồn rầu, giữ được sự chính đáng nên tốt lành. Nhận được phúc lớn từ vương mẫu.

"Vương mẫu" là mẹ đẻ của vua, không rõ chỉ ai, nhưng hình như có bao hàm chuyện lịch sử trong đó. Tiên sinh Cao Hanh chú thích đó là bà Đại Nhiệm, vợ của Chu Văn vương, mẹ của Chu Vũ vương và Khang Thúc. có thể trong quẻ này chỉ hào Lục ngũ. Hào Lục nhị được ngôi trung, muốn thăng tiến mà trên không có ứng viện, cho nên có điềm: "tiến lên, buồn rầu". Nhưng cẩn thận giữ trung chính, lâu bền sẽ rạng rỡ, tất được người trên ứng viện, cho nên lại có điềm: "nhận được phúc lớn của vương mẫu". Lời tượng nói: "Nhận được phúc lớn là do có được ngôi trung, ngôi chính". *Hào này khuyên chúng ta rằng, thăng tiến cần giữ được sự trung chính, thì tất có ngày thành công.*

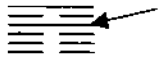


六三：眾允，悔亡。

Lục tam: chúng doãn, hối vong.

Hào Lục tam: được dân chúng tin tưởng, không còn hối hận.

Quẻ Khôn là tượng của quần chúng. Hào Lục tam ở cuối Hạ quái Khôn, tượng trưng sự đứng đầu quần chúng. *Thuyết văn* viết: "Doãn nghĩa là lòng tin". Hào Sơ Lục nhị không có lòng tin nhưng rồi lại được tin, hào Lục nhị thì "buồn rầu do không được lòng tin", còn hào Lục tam thì đã có lòng tin. "Không còn hối hận" nghĩa là không còn hối hận vì đánh mất ngôi trung, ngôi chính. Hào Lục tam vốn không được ngôi trung ngôi chính, nhưng vị trí của nó trên gần với quẻ Ly là sáng, bên dưới có hai hào cùng chí, cùng đạo, vì thuận với ánh sáng ở bên trên mà được quần chúng tin tưởng, cho nên "không còn hối hận vì đã đánh mất (ngôi trung ngôi chính)". Lời tượng nói: "Chí hướng được quần chúng tin ưởng là vì có chí tiến lên". Được tin tưởng là vì cùng chí hướng với quần chúng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thăng tiến cần phải được sự tin tưởng của quần chúng.*

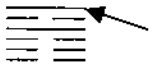


九四：晉如鼫鼠，貞厲。

Cửu tứ: tấn như thạc thử, trinh lệ.

Hào Cửu tứ: tiến lên như con chuột, chính đáng nhưng vẫn nguy.

Chuột trong ruộng ăn trộm lúa má, thừa lúc con người không đề phòng lẩn lút ra vào. Hào Cửu tứ không được ngôi trung, ngôi chính, khi đang tiến lên thì trộm vào gần vị trí của vua. Nó ở trên ba hào âm, trên thì sợ hào Lục ngũ có trí tuệ sáng láng, dưới thì sợ sự đố kỵ của ba hào âm, giống như chuột ăn lúa, chỉ sợ gặp người, như thế thì tuy chính đáng cũng nguy hiểm. Lời tượng nói: "Chuột lớn tuy chính đáng nhưng vẫn nguy, vì địa vị không chính đáng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, việc thăng tiến không phải là để hy vọng được kiêu hãnh, thoả mãn lòng tham không đáy.*

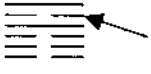


六五：悔亡，失得勿恤，往吉，无不利。

Lục ngũ: hối vong, thất đắc vật tuất, vãng cát, vô bất lợi.

Hào Lục ngũ: không còn hối hận, được mất không tiếc, tốt lành, không gì không có lợi.

Hào Lục ngũ nhu thuận lại được ngôi trung, là hào chủ của Thượng quái Ly sáng. Hạ quái Khôn thì nhu thuận, ba hào âm lại biết đi theo, cho nên tự làm rạng rỡ ngôi quân chủ có đức sáng, tự nhiên sẽ "không còn hối hận", mà lòng không hệ luỵ vào chuyện được mất. Có đĩ vãng như thế, tất tốt lành mà không gì không có lợi. Lời tượng nói: "Được mất chớ lo, đĩ vãng có phúc". *Hào này khuyên chúng ta rằng, thăng tiến phải quang minh lỗi lạc, không vì chuyện được mất mà lo buồn.*



上九：晋其角，维用伐邑，厉，吉，无咎，贞吝。

Thượng cửu: tấn kỳ giác, duy dụng phạt ấp, lệ, cát, vô cữu, trinh lận.

Hào Thượng cửu: tiến tới cái sừng của mình, chỉ đi công phạt ấp của người khác, nguy hiểm nhưng tốt lành, không có lỗi, chính đáng nhưng lẫm lẫn.

"Giác" là cái sừng trên đầu động vật, tượng trưng cho đỉnh điểm, chỗ cao nhất. "Ấp" là chỉ ấp phong. Hào Thượng cửu là hào dương cương, lại ở vào chỗ cao nhất của quẻ Tấn, vị trí cuối cùng của quẻ Ly sáng, như mặt trời đã về chiều mà sừng ở trên đầu, muốn tiến mà phía trước không có đất tiến, đại khái là do vật cùng tắc phản dẫn đến. "Duy" là lòng hệ luỵ ở. Khi phía trước không có đất tiến, lòng chỉ hệ luỵ vào cái riêng của hào âm tương ứng là hào Lục tam bên dưới. Nhưng hào Lục tứ lại thuộc Hạ quái Khôn. Đây là tượng trưng việc không còn nước nào có thể công phạt mà lại công phạt ấp riêng thuộc về người khác, lực lượng tuy lớn mạnh

nhưng cũng nguy hiểm. Cho dù ấp đó có bị chiếm cũng không được chúc mừng. Lời tượng nói: "Mang lòng công phạt ấp (của người khác), đạo không được sáng". Đây là vì thủ đoạn không được chính đáng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thăng tiến cần có kế hoạch rõ ràng, chớ hành động một cách mù quáng.*

Tổng hợp phần trên ta có thể thấy, nguyên tắc tiến thủ mà quẻ Tấn trình bày cho chúng ta chủ yếu có:

Một là, sự tiến thủ của đời người phải mang động cơ chân chính, nghĩa là yêu cầu trong dục vọng tiến thủ vượt lên của cá nhân có ít dục vọng cá nhân, trong lòng vô tư thì ngay dù thất bại cũng sẽ thanh thản. Nếu lấy cái đó giành được thành tựu thì tự nhiên trong lòng thấy bình an. Người Trung Quốc xưa tuy tuyệt nhiên không có tư tưởng vì nhân dân phục vụ như ngày nay, nhưng nhấn mạnh việc cầu thăng tiến cần phải có động cơ chính đáng, phải thanh thản vô tư là vô cùng chính xác. Trong lòng vô tư thì mới thanh thản, trong lòng thanh thản thì đứng trước việc thành, bại, lợi, hại mới giữ được nhân cách. Cái mà Khổng tử nói: "Quân tử thường thanh thản, tiểu nhân luôn lo tính" chính là ý này. Bởi vậy cái đích là chính đạo, ngay cả khi tạm thời không được thăng tiến cũng không lo, không nghĩ. Nếu đầu cơ luồn lọt mong được tiến thân thì sẽ không được như thế.

Hai là, tin tưởng giữ lòng trung chính tất sẽ thành công. Chỉ cần nỗ lực công tác tất nhiên sẽ có lúc thành công. Được đề bạt cố nhiên sẽ thúc đẩy sự phát triển sự nghiệp. Nhưng sự đề bạt chính đáng là lấy sự phát triển sự nghiệp làm gốc. Do đó cần phải đặt mục tiêu tiến thủ trên công tác thực tế, lấy thành tích xuất sắc để giành được tín nhiệm của cấp trên. Loại thành công này mới đáng kiêu hãnh và đáng tin. Từ xưa tới nay, những ví dụ như thế này không thể kể hết. Như danh tướng Đông Ngô Lã Mông thời Tam Quốc, vốn là một sĩ tốt, do chiến công được đề bạt lên. Sau khi làm Đại tướng còn không có văn hoá. Ngô Quyền khuyên ông học tập. Lã Mông

liền say sưa đọc sách. Về sau, Lỗ Túc gặp mặt than rằng: "Lã Mông chẳng kém gì ta". Đào Khản thời Tây Tấn lúc nhỏ nhà nghèo, lấy cần cù phấn đấu vượt lên trên thực trạng, lòng ôm chí lớn. Dương Xước Chí dùng câu: "Kinh Dịch nói: vững bền đủ để gánh vác công việc, ông Đào làm như vậy" để nói về Đào Khản. Đào Khản tính khiêm nhường, mỗi khi có công đều nhường cho thuộc hạ. Ông làm Chinh tây Đại tướng quân, Thứ sử Kinh Châu, luôn cần mẫn với chức trách, việc lớn việc nhỏ không bỏ sót việc gì. Người khác biếu xén, ông đều hỏi nguyên do. Nếu do sức mình mà nên thì dù quà nhỏ cũng vui. Nếu theo lý không đáng nhận, ông trách và trả lại. Cuối cùng ông trở thành danh tướng một thời. Đối với người đã qua vị trí lãnh đạo mà nói, muốn được thăng tiến chức vụ thì nhất định phải được sự tin tưởng và ủng hộ của quần chúng, nghĩa là phải có cơ sở quần chúng tốt. Những người cô độc sẽ không thể đạt thành tích lớn, mặc dù dùng thủ đoạn không chính đáng mà được thăng chức thì địa vị cũng không vững chắc. Đương nhiên *Chu Dịch* không bàn về chuyện thật giả trong quan trường. Toàn bộ *Chu Dịch* chỉ giảng về đạo lý chân chính thời đó. Chuyện thăng chức mà nhân đó chúng ta bàn đều là chỉ sự nghiệp thực tế đem lại hạnh phúc cho xã hội.

Bốn là, chuyện thăng tiến của cá nhân không phải để hy vọng được hãnh diện, để thoả lòng tham không đáy. Làm như thế dù có nhất thời thành công, nhưng cuối cùng sẽ bị người đời dè bửu. Hào Cửu tứ này và hào Lục nhị nâng đỡ, hoàn thiện lẫn nhau, với cá nhân đã như vậy, với xí nghiệp, kinh doanh buôn bán càng cần như vậy. Người lãnh đạo có tài, có đức, chí công vô tư, cần mẫn chân thành thì ngay cả ngẫu nhiên có sai sót cũng được sự lượng thứ của mọi người. Còn người tâm thuật bất chính rất khó được sự ủng hộ của nhân dân, không người giúp đỡ, luôn có người bới lông tìm vết. Trong cuộc sống hàng ngày không thiếu những ví dụ như trên.

Năm là, thân ở địa vị cao, quang minh lỗi lạc, khoan dung độ lượng, không so đo việc được mất của cá nhân, người như thế mới có thể dễ được đề bạt. Hơn nữa việc đề bạt này tất nhiên có lợi, bởi vì người được đề bạt dễ

dàng được sự đồng tình của lãnh đạo và quần chúng, từ đó mà họ mà họ có cơ hội thăng tiến hơn so với người khác. Những ví dụ này không cần phải dẫn nhiều.

Sáu là, muốn bản thân được thăng tiến, ngoài sự quang minh lỗi lạc, đoàn kết quần chúng, lượng sức mà làm; không nghĩ tới việc được mất ra, còn phải có một kế hoạch thích hợp tường tận, thêm nữa được thực hiện cẩn thận, chu đáo. Mọi hành động mù quáng đều không thể thu được kết quả khiến người khác vừa lòng. Mà một kế hoạch chu đáo có thể làm tăng thêm tính định hướng, tính chuẩn xác cho hành động, nâng cao hiệu suất làm việc. Nếu như hành động một cách mù quáng, đợi tới khi đã sảy ra sai lầm rồi mới sửa chữa, như thế thì dù không thất bại cũng là một dạng đáng xỉ nhục. Sự thăng tiến của cá nhân cố nhiên cần như thế, đối với một xí nghiệp, việc cạnh tranh buôn bán càng cần như thế, điều đó không cần phải nói nhiều. Mà trong đấu tranh quân sự, bất kỳ thắng lợi giành được nào cũng đều cần có một kế hoạch chu đáo và tường tận, điều này mọi người đều biết. "Miếu toán", "ngũ hiệu chi kế" mà *Tôn tử binh pháp* nói là như vậy.

Do đó, khi chúng ta mong muốn sự thăng tiến trong cuộc sống và sự nghiệp, thì cần ghi nhớ những điều nhắc nhở chúng ta của quẻ Tấn sau:

1 - Động cơ chính đáng, không thể mong muốn một cách mù quáng.

2 - Tin giữ sự trung chính, thực sự cầu tiến.

3 - Giành được lòng tin quần chúng.

4 - Đừng mong sự hãnh diện và tham lam vô độ.

5 - Khoan dung độ lượng, không quan tâm tới sự được mất.

6 - Kế hoạch chu đáo, thực hiện cẩn thận.

36. 明 夷 MINH DI – KHÔNG QUA HOẠN NẠN KHÔNG THÀNH TÀI



坤 上 Khôn trên
離 下 Ly dưới

明 夷 利 艱 貞 。

Minh di: lợi gian trinh.

Quẻ Minh di: có lợi ở việc trong gian nan giữ được sự chính đáng

"Di " là đau thương, bị thương. Từ tượng quẻ mà nói, quẻ này Khôn trên Ly dưới, mặt trời lặn vào lòng đất, có điểm ánh sáng bị tổn thương, cho nên nói Minh di". Hình quẻ trái ngược với quẻ Tấn. Hai quẻ hợp thành một nhóm. Tiến lên tất có hiểm trở, tiến lên không ngừng tất có thương tích, đó là lẽ thường của vạn vật. "Tự quái truyện" nói: "Tiến lên tất có thương tích, cho nên gọi là Minh di, ấy là chỉ sự thương tích". Bị thương tích mà xét lại mình, có lợi cho việc tiếp tục tiến lên, hai quẻ dùng hỗ trợ nhau. "Gian trinh" là gian nan khuất khúc để giữ cái chính đáng của mình, cũng tức là làm mờ cái sáng của mình. Ánh sáng lặn xuống đất, tượng trưng cho tà ác đắc thế, người quân tử hiền đức bị thương, ở vào hoàn cảnh gian nan. Lúc đó, chỉ có hiểu được sự gian nguy của bản thân, hành động cẩn thận, kiên trì giữ chính đạo, bớt sáng giữ tối để tự bảo vệ, ẩn nhẫn đợi thời cơ, như thế mới có lợi. Lời tượng nói: "Ánh sáng lặn vào lòng đất, ấy là Minh di (ánh sáng bị thương). Trong sáng đẹp mà ngoài nhu thuận để chịu đựng đại nạn, đó là cách mà Văn vương sử dụng. Gian nan giữ sự chính đáng, ấy là làm mờ vẻ sáng của mình, trong hoạn nạn mà giữ vững ý chí, đó là cách mà Cơ

tử dùng". Quẻ Minh di bên trong sáng suốt mà bên ngoài nhu thuận, với tính cách này có thể vượt qua đại nạn. Chu Văn vương làm như thế. Khi Chu Văn vương bị bạo chúa nhà Ân là Trụ vương cầm tù ở ngục Dữu Lý, chịu đựng đại nạn thì ông che giấu trí tuệ sáng suốt của mình, bên ngoài biểu hiện vẻ nhu thuận, cuối cùng được an toàn thoát hiểm. Cơ tử là chú của Trụ vương. Khi Trụ vương vô đạo, người minh trí đã không thể cứu vãn, Cơ tử giả điên tránh hoạ. Sau khi đánh bại Trụ vương trong trận Mục Dã, tiêu diệt nhà Thương, Chu Vũ vương tha Cơ tử khỏi tù. Cơ tử chạy sang Triều Tiên. Chu Vũ vương liền lấy đất Triều Tiên phong cho ông. Cơ tử đem sách "Hồng phạm" trao cho Vũ vương, lúc đó mọi người mới biết là ông không điên. Người quân tử ở vào hoàn cảnh đó bên trong sáng suốt nhưng không để lộ ra ngoài. Người lãnh đạo càng phải vận dụng đường lối này.

Cho nên, cái mà quẻ Minh di trình bày với chúng ta là nguyên tắc khi cuộc sống hoặc sự nghiệp gặp hoạn nạn thì che giấu sự sáng suốt của mình, dùng tối mà sáng, ẩn nhẫn đợi thời.



初九：明夷于飛，垂其翼；君子于行，三日不食；有攸往；主人有言。

Sơ cửu: Minh di vu phi, thuỳ kỳ dực. Quân tử vu hành, tam nhật bất thực, hữu du vãng, chủ nhân hữu ngôn.

Hào Sơ cửu: ánh sáng bị tổn thương khi đang bay, cánh rũ xuống. Quân tử đi trên đường, ba ngày không ăn, có nơi đến, chủ nhân có lời.

Hào Sơ cửu dương, sáng nhưng ở dưới, là lúc bắt đầu bị nạn, vết thương không nặng, còn có thể chạy trốn, nhưng vẫn có cái ách "ba ngày không ăn" khi chạy trốn. "Chủ nhân" là chủ nhân của nơi đến. "Có lời"

nghĩa là nói lời chê trách. Đi lánh nạn lại bị người nơi lánh nạn chê trách. Lời tượng nói "Người quân tử trên đường đi, bất nghĩa thì không ăn". Người quân tử trong hoàn cảnh khốn cùng nhưng vẫn giữ nghĩa khí, tuỳ cơ hành động, đồ bất nghĩa thì không ăn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi kẻ tà ác điên cuồng, người chính nghĩa bị nạn, chỉ có hãm sáng nuôi tối để giữ mình.*



六二：明夷，夷于左股，用拯馬壯，吉。

Lục nhị: Minh di, di vu tả cổ, dụng chửng mã tráng, cát.

Hào Lục nhị: ánh sáng bị thương, bị thương vào đùi trái, dùng con ngựa khoẻ cứu, tốt lành.

"Bị thương vào đùi bên trái" là vết thương chưa phạm vào phần trên cơ thể, nhưng nguy hại đã rất gần. Hào Lục nhị bị thương nặng hơn hào Sơ cửu, nhưng vì nhu thuận nên ở được ngôi trung, có thể mau chóng cứu vãn, cho nên kết quả vẫn được coi là tốt lành. Lời tượng nói: "Sự tốt lành của hào Lục nhị là do nhu thuận nhưng có phép tắc". Hào Lục nhị sở dĩ tránh được nạn là do bên ngoài tỏ ra nhu thuận nhưng bên trong thực ra sáng suốt và có phép tắc. *Hào này khuyên chúng ta rằng, thân gặp nguy hại, chỉ có bên ngoài thì nhu thuận, bên trong thì chân chính mới tránh được nạn.*



九三：明夷于南狩，得其大首，不可疾貞

Cửu tam: Minh di vu nam thú, đắc kỳ đại thủ, bất khả tật trinh.

Hào Cửu tam: ánh sáng bị thương khi đi săn ở phương nam, bắt được kẻ cầm đầu lớn nhất, không thể đi theo một cách chính đáng.

"Đại thủ" là kẻ cầm đầu cái ác, cái xấu. Hào Cửu tam dương cương mà ở trên cùng Hạ quái Ly sáng, trên thì có hào âm che phủ, ứng với hào

Thượng lục là người chủ xấu (Đại thủ là chỉ hào Thượng lục), tượng trưng cho việc công kích ngược lên, phá hết hắc ám, khai mở quang minh. Nhưng đây là một hành động phi thường, không thể làm quá gấp. Lời tượng nói: "Có chí đi săn ở phương Nam nên thu được lớn". *Hào này khuyên chúng ta rằng, phá tan hắc ám phải dùng hành động phi thường, nhưng phải thận trọng.*

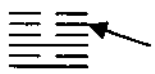


六四：入于左腹，獲明夷之心，于出門庭。

Lục tứ: nhập vu tả phúc, hoạch minh di chi tâm, vu xuất môn đình.

Hào Lục tứ: vào phía bên trái của bụng, thu được tấm lòng thời ánh sáng bị thương, rời khỏi sân đình.

Nghĩa hào này không dễ giải. "Phúc" nghĩ là chỉ tấm lòng. Tâm là chỉ tâm ý. "Tấm lòng thời ánh sáng bị thương" là tâm ý của kẻ tà ác. Hào Lục tứ là hào âm nhu, nhưng được chính ngôi, cùng một thể với hào Thượng lục, tượng trưng cho việc trong hắc ám được lòng bạo chúa, nên có điểm "Vào phía bên trái của bụng, thu được tấm lòng thời ánh sáng bị thương". Đánh vào tấm lòng tà ác thì trái lại dễ tránh được tai nạn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nơi nguy hiểm nhất lại là nơi an toàn nhất.*



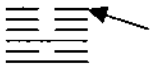
六五：箕子之明夷，利貞。

Lục ngũ: Cơ tử chi minh di, lợi trinh.

Hào Lục ngũ: thời ánh sáng bị thương của Cơ tử, có lợi vì giữ được sự chính đáng.

Trong *Chu Dịch*, nói chung thường lấy hào Lục ngũ hoặc hào Cửu ngũ làm hào đặc biệt, chỉ có quẻ Minh di là lấy hào Thượng lục làm vua, coi nó là nguyên nhân của sự hắc ám cao nhất. Hào Lục ngũ là âm nhu ở ngôi giữa, ở vào nơi rất hắc ám, trên lại gần với vua hắc ám, chỉ có lấy đức trung, làm mờ đi cái sáng của mình nhưng giữ ý chí chân chính, cho nên

lấy "thời ánh sáng bị thương của Cơ tử" để hình dung cục thế của hào này, và nhắc nhở người đọc cái lợi của sự chính đáng. Lời tượng nói: "Sự chính đáng của Cơ tử là sáng suốt không tắt", sự sáng suốt có thể làm mờ đi nhưng không thể tắt, vì nó ở trong không lộ ra nên vững bền. *Hào này khuyên chúng ta rằng, càng hắc ám càng cần giữ vững chính nghĩa.*



上六：不明晦，初登于天 後入于地。

Thượng lục: bất minh hối, sơ đăng vu thiên, hậu nhập vu địa.

Hào Thượng lục: không sáng mà tối tăm, đầu tiên lên tận trời, sau lại rơi vào lòng đất.

Hào Thượng lục là hào âm ở nơi cao nhất của quẻ Minh di, hôn ám nhất. Là chủ của sự hôn ám, lại ở vào thế làm người khác bị thương, chuyên làm người khác bị thương, cuối cùng tự làm mình bị thương. Như Trụ vương nhà Ân, thân là thiên tử tôn quý mà chuyên đi làm hại người, cuối cùng làm dân thường cũng không được, cho nên nói: "đầu tiên lên tận trời, sau lại rơi vào lòng đất", cuối đời đáng buồn. Lời tượng nói: "Đầu tiên lên tận trời, chiếu soi bốn nước. Về sau lặn xuống đất, là đã mất phép tắc". "Chiếu bốn nước" là chỉ ở địa vị cao. "Mất phép tắc" là nói về đức. Làm trái chính nghĩa nên cuối cùng diệt vong. *Hào này khuyên chúng ta rằng, vật cùng tất phản, hắc ám cuối cùng sẽ diệt vong.*

Qua phần trên có thể thấy, khi cuộc sống và sự nghiệp gặp hoạn nạn, chúng ta cần phải:

Một là, khi dự kiến được hoặc gặp tình huống thế lực tà ác điên cuồng, cục thế không còn cách gì cứu vãn, cần phải sớm hiểu được khó khăn mà mình mắc phải, che dấu sự sáng suốt của bản thân, lui về ẩn nhẫn, trước tiên cần bảo đảm an toàn bản thân, bảo toàn lực lượng, sau này sẽ có ngày mặt trời lại ló lên. Chớ khư khư ngang ngạnh đối kháng, bởi vì làm

như thế chỉ chạy theo vô vọng. Như Thúc Tôn Thông đời Tần, vốn làm quan Bác sĩ triều đình, thấy Tần Thuỷ hoàng bạo ngược, Tần Nhị thế vô đạo, thiên hạ sắp loạn bèn bỏ quan mà đi. Sau khi Lưu Bang dựng nhà Tây Hán, ông mới ra chế định lễ nghĩa cho nhà Tây Hán. Trương Lương là dòng dõi quý tộc nước Hàn, giận Tần diệt Hàn, ông bán hết gia sản, kết giao với thích khách. Việc đuổi giết Tần Thủy hoàng ở bãi Bác Lãng không thành, ông phải bỏ trốn. Nếu Trương Lương bị bắt, thì cuộc chiến Sở Hán sau này kết cục sẽ không biết thế nào.

Thứ hai, nếu hoạ hại đến, việc đầu tiên là cần sớm tránh đi để thoát nguy hiểm. Nếu như nhất thời không tránh được, chỉ còn cách ngoài nhu trong cương để ứng phó, không nên ngang ngạnh đối kháng, nếu không tất nhiên chỉ có bị vùi dập. Trần Bình ứng phó với Lữ Hậu là một ví dụ điển hình. Nhưng Vương Lăng, người cùng thời với Trần Bình, lại không hiểu điều đó, đối đầu với Lữ Hậu, bị tước hết chức vụ, đúng như lời Trần Bình nói về Vương Lăng: "Tranh luận trong triều, bầy tôi không bằng vua. Bình định thiên hạ, giữ vững họ Lưu, vua không bằng bầy tôi".

Ba là, khi bản thân đã bị thương tổn, tránh cũng vô ích, thì cần sử dụng biện pháp phi thường mới có thể cứu vãn nguy cơ. Đương nhiên, khi sử dụng hành động phi thường phải hành động ngay và phải cẩn thận khi hành động. Như Chu Văn vương, khi bị sự bức hại lâu dài của Trụ vương nhà Ân, biết nền thống trị của nhà Thương đã không còn cách gì cứu vãn, bèn quyết định chuẩn bị tiêu diệt nhà Thương và bắt đầu công diệt những nước nhỏ phụ thuộc vào nhà Thương. Con ông là Vũ vương kế tục, cuối cùng hoàn thành nghiệp lớn tiêu diệt nhà Thương. Năm 1927, Tưởng Giới Thạch phản bội cách mạng, Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã kiên cường phát động khởi nghĩa Bát Nhất tại Nam xương, khởi nghĩa vụ Thu, khởi nghĩa Quảng Châu, xây dựng nên quân đội riêng, tuyên chiến với thế lực hắc ám, cuối cùng giành được thắng lợi.

Bốn là, Tránh sự bức hại của thế lực hắc ám cần chọn nơi tốt, mà nơi tốt nhất, an toàn nhất luôn luôn là nơi có vẻ nguy hiểm nhất. Mọi người đầu tiên luôn chú ý tới kẻ địch hoặc sự hiểm nguy ở xa mà coi thường sự nguy hiểm hoặc kẻ địch ngay bên mình. Lợi dụng tâm lý này, ẩn náu ngay trong lòng địch lại là biện pháp an toàn nhất. Như gián điệp rất nổi tiếng vào những năm 60 là Philby công tác ngay trong cơ quan tình báo Anh, mà còn giữ chức vụ cao, cho nên cơ hồ không một ai dám nghĩ anh ta là một người phương Tây làm gián điệp, đang ra sức đánh cắp bí mật. Cho tới khi Philby trốn khỏi phương Tây, tình báo phương Tây mới bàng hoàng tỉnh mộng, hối không kịp. Vào tận lòng địch mới hiểu tâm ý chúng. Tìm cách tiếp cận bạo chúa, trái lại lại không bị nguy hiểm. Càng mong trốn tránh càng dễ bị truy bắt sát hại. Tình báo trứ danh Tiền Tráng Phi của Đảng Cộng Sản Trung Quốc vào những năm 30 là một hình mẫu kiệt xuất.

Năm là, càng ở vào thời khắc hắc ám nhất, càng cần phải kiên trì giữ vững chính nghĩa, hiểu rõ phải trái. Phương thức ứng phó tuy có thể khác nhau, nhưng lòng kiên trì chính nghĩa lại không bao giờ được thay đổi. A dua theo tà ác là tự tìm sự diệt vong. Rất nhiều bậc nhân giả chí sĩ Trung Quốc cổ đại, vào thời điểm chính trị hắc ám nhất, thà ẩn cư trong rừng núi đến già chứ không a dua cùng bạo chúa. Đời Hán có rất nhiều ẩn sĩ nổi tiếng như Chu Đảng, Từ Trĩ, Lương Hồng...vv đều là những người như thế. Mà Cơ tử là một ví dụ điển hình.

Do đó khi ở vào thời điểm khó khăn nhất chúng ta cần ghi nhớ:

1/ Che sáng nuôi tối để tự giữ thân.

2/ Ngoài nhu mà trong cương

3/ Sử dụng hành động phi thường.

4/ Nơi nguy hiểm nhất là nơi an toàn nhất.

5/ Kiên trì chính nghĩa.

6/ Vật cùng tắc phản, ánh sáng cuối cùng sẽ trở lại.

37. 家 人 GIA NHÂN – NGUYÊN TẮC TRỊ GIA



巽上 Tốn trên
離下 Ly dưới

家人，利女貞。

Gia nhân, lợi nữ trinh.

Quẻ Gia nhân, có lợi khi người phụ nữ chính đáng.

"Tượng quái truyện" nói: "Người bị thương ở bên ngoài tất sẽ đem (thương tổn) về nhà mình, cho nên gọi là gia nhân". "Có lợi khi người phụ nữ chính đáng" là lợi ở chỗ trước tiên ổn định bên trong, đó là nói về người đi xem bói, bởi vì người xưa cho rằng, "người phụ nữ chính đáng" là cái gốc của người trong một nhà, việc đầu tiên của trị gia. "Có lợi khi người phụ nữ chính đáng" đã đặc biệt nhấn mạnh tính trọng yếu của người phụ nữ làm chủ gia đình. Lời Thoán nói: "Phụ nữ giữ ngôi chính ở bên trong, đàn ông giữ ngôi chính ở bên ngoài. Nam nữ đều chính ngôi, đó là nghĩa lớn của trời đất. Người trong một nhà có người chủ nghiêm khắc, đó là cha mẹ. Cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng, vợ ra vợ, như vậy đạo nhà giữ được nghiêm. Đạo nhà nghiêm thì thiên hạ ổn định". Trong một nhà, nữ chủ bên trong, nam chủ bên ngoài, đó là đạo lý lớn giữa vợ và chồng. Cha mẹ là người chủ nghiêm khắc trong gia đình, trong một nhà cha mẹ, con trai con gái, anh em, vợ chồng người nào làm đúng chức trách của người ấy thì gia đình được coi là trọn vẹn. Mọi gia đình đều đi vào nề nếp thì thiên hạ sẽ ổn định. Lời tượng nói: "Gió từ lửa mà ra, đó là quẻ Gia nhân, người quân tử nói có thực tế mà làm có kiên định". Nội quái Ly là lửa, Ngoại quái Tốn là

gió. Lửa nóng làm cho gió bốc lên thành gió, đó là từ trong mà ra đến ngoài, tương trưng cho việc trị gia rồi sau mới trị nước. Người quân tử cần bắt chước tinh thần này, nói có tinh thần thực tế và kiên định. Rõ ràng, cái mà quẻ Gia nhân trình bày cho chúng ta là chuẩn tắc trị gia mà mọi người đều cần phải hiểu. Gia đình là nơi trở về nghỉ ngơi của mỗi cá nhân chúng ta trong cuộc sống, tính trọng yếu của nó không cần phải nói. Mỗi cá nhân chúng ta đều đối mặt với vấn đề quản lý gia đình, sử lý mâu thuẫn gia đình như thế nào. Mối quan hệ hôn nhân còn liên quan đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Nói một cách chính xác, xử lý vấn đề gia đình là một nghệ thuật. Nó trực tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển sự nghiệp cuộc đời. Hạnh phúc và sự ổn định gia đình có quan hệ mật thiết với xã hội. Gia đình thể hiện tình cốt nhục của con người, mà tình cốt nhục lại là tình cảm thân thiết nhất, thực tại nhất của nhân loại. Ngoài ra, một gia đình ấm áp còn là nơi tốt nhất khởi đầu cho tâm linh mọi người. Do đó, xử lý chính xác vấn đề gia đình có ý nghĩa phổ biến. Người Trung Quốc xưa, đặc biệt là Nho gia, cho rằng, gia đình là căn bản của xã hội. quản lý xã hội trước tiên cần bắt đầu từ gia đình. Mạnh tử từng nói: "Gốc của thiên hạ là ở nước, gốc của nước là ở gia đình". Chỉ có trước tiên tề gia mới có thể trị quốc, bình thiên hạ. Trong tam cương[1] mà Nho gia đề xướng có hai cương liên quan tới gia đình. Nho gia lại cho rằng, hiếu đễ là gốc rễ của mọi đạo đức. Mực thước của hiếu đễ chính là mực thước của gia đình, mà khuôn phép của gia đìnhcó thể mở rộng thành khuôn phép của xã hội, lấy hiếu để trị gia, lấy hiếu để trị quốc. Do đó, muốn lý giải chính trị và xã hội Trung Quốc, trước tiên phải hiểu chuẩn tắc và khái niệm gia đình của Trung Quốc. Ngày nay, nhiều chuẩn tắc gia đình Nho gia đã lỗi thời, nhưng nhiều chuẩn tắc vẫn tương đối có giá trị, có thể dùng để tham khảo cho đường lối gia đình chúng ta. Quẻ Gia nhân là một bộ phận đại biểu cho chuẩn tắc gia đình Nho gia.

---

[1] Tam cương: ba mối quan hệ cơ bản nhất trong xã hội: quân thần (quan hệ vua và bầy tôi), phụ tử (quan hệ cha và con), phu phụ(quan hệ vợ và chồng)

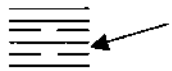


初九：閑有家，悔亡。

Sơ cửu: nhàn hữu gia, hối vong.

Hào Sơ cửu: phòng ngừa ngay từ khi mới có gia đình, không còn hối hận.

Hào Sơ cửu là hào đầu của Hạ quái Ly sáng, dương cương mà ngoài lại mới có gia đình, sáng suốt có dự phòng trước. Dương cương thì chính tề nghiêm túc, lấy thái độ đó để xử lý việc nhà, nên không có hối hận gì. Lời tượng nói: "Phòng ngừa ngay từ khi mới có gia đình, (khi người trong nhà) chưa có chí biến đổi". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi người trong nhà chưa có chí biến đổi thì dễ dự phòng.*

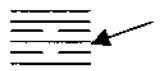


六二：无攸遂，在中饋，貞吉。

Lục nhị: vô du toại, tại trung quỹ, trinh cát.

Hào Lục nhị: không có thành tựu gì, giữ việc nấu nướng trong gia đình, giữ chính đạo thì tốt lành.

Hào Lục nhị nhu thuận trung chính, tượng trưng người con gái chính vị ở bên trong, làm tròn chức trách người vợ, làm được như thế thì tốt lành. Lời tượng nói:: "Cái tốt lành của hào Lục nhị là thuận tòng mà khiêm tốn". Thuận tòng mà khiêm tốn là tính của Hạ quái. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người phụ nữ làm chủ gia đình cần có đủ phẩm chất khiêm tốn nhu thuận.*

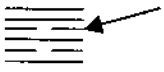


九三：家人嗃嗃，悔，厲吉；婦子嘻嘻，終吝。

Cửu tam: gia nhân hác hác, hối lệ cát. phụ tử hi hi, chung lận.

Hào Cửu tam: Người nhà than thở, có thể phải hối hận vì quá nghiêm, nhưng tốt lành. Vợ con cười đùa, cuối cùng sẽ bị hối hận

Hào Cửu tam ở giữa một quẻ, lại bị giới hạn giữa hai hào âm, là người chủ trong gia đình làm cho người nhà than thở, nhất thời có thể hối hận vì quá nghiêm, nhưng làm thế thì gia đạo sẽ nghiêm, cuối cùng sẽ tốt lành. Trái lại, nếu trị gia không nghiêm, tuy có thể làm cho vợ con hớn hở cười đùa, nhưng sẽ làm mất cung cách cư xử trong gia đình, ban đầu thì cười đùa, cuối cùng thì hối tiếc. Lời tượng nói: "Người nhà than thở, chưa thể mất được. Vợ con cười đùa, không có cung cách gia đình". *Hào này khuyên chúng ta rằng,* việc *đạo trị gia nên vừa uy nghiêm vừa thân ái.*

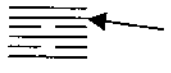


六四：富家，大吉。

Lục tứ: phú gia, đại cát.

Hào Lục tứ: làm giàu cho gia đình, rất tốt.

Hào Lục tứ là hào âm nhu thuận, lại được chính ngôi, ba hào dưới là người trong nhà, đều là những người được hào Lục tứ quản lý. Lấy sự khiêm tốn trung chính để trị gia, cho nên có điềm làm giàu cho gia đình. Lời tượng nói: "Làm giàu cho gia đình, rất tốt, vì lấy nhu thuận giữ vị trí (của mình trong gia đình)". Điều này nguyên nhân là do hào Lục tứ ở Thượng quái Tốn thuận, lại là hào âm ở ngôi âm, được đúng ngôi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, trị gia cần phải người nào là đúng phận sự của người ấy.*



九五：王假有家，勿恤，吉。

Cửu ngũ: vương cách hữu gia, vật tuất, cát.

Hào Cửu ngũ: bậc quân vương cảm hoá nên có gia đình, không nên lo lắng, tốt lành.

Hào Cửu ngũ là hào rắn rỏi mà trung chính, bốn hào dưới: hào Sơ cửu phòng ngừa ngay từ khi mới có gia đình, hào Lục nhị giữ việc nấu nướng,

hào Cửu tam trị gia nghiêm khắc, hào Lục tứ lấy sự tốn thuận để giữ gìn gia đình, kết quả tuy tốt lành, nhưng không tránh khỏi có điều lo buồn rồi cuối cùng mới tốt lành. Nhưng hào Cửu ngũ lại ở vào vị trí tôn quý của bậc vương giả, tượng trưng cho người phải tu thân, tề gia, quản lý thiên hạ, bên dưới ứng với hào Lục nhị, trong ngoài đều yên ổn, cho nên không lo buồn mà tốt lành. Lời tượng nói: "bậc quân vương cảm hoá nên có gia đình, ấy là (trong gia đình) thân ái lẫn nhau". Đó là nguyên cớ cả nhà tương thân tương ái lẫn nhau. *Hào này khuyên chúng ta rằng, trị gia lấy sự hoà thuận, tương thân tương ái làm tôn chỉ.*



上九：有孚威如，終吉。

Thượng cửu: hữu phu uy như, chung cát.

Hào Thượng cửu: Có lòng chân thành mà uy nghiêm, cuối cùng tốt lành.

Có lòng chân thành suy tính, thì có thể thu phục nhân tâm trong một nhà mà không để bị chia rẽ. Nghiêm túc tề chỉnh thì có thể chấn hưng được việc gia đình mà không để bị rối loạn. hào Sơ cửu lấy sự dương cương mà ở vào vị trí cao nhất của quẻ Gia nhân, cho nên biết ": Có lòng chân thành mà uy nghiêm", đó là đạo lâu bền của việc trị gia. Lời tượng nói: "Sự tốt lành khi uy nghiêm, ấy là nói về việc nhìn lại bản thân mình". Đó là bởi hào Thượng cửu có thể tự tu dưỡng bản thân, chân thành tín thực mà nghiêm túc trị gia. *Hào này khuyên chúng ta rằng, sự chân thành tín thực mà uy nghiêm là chuẩn tắc cơ bản của việc trị gia.*

Qua phần trên có thể thấy, nguyên tắc trị gia mà quẻ Gia nhân đã trình bày cho chúng ta bao gồm một số phương diện sau:

Một là, muốn giữ được sự hài hoà trong gia đình cần phải phòng ngừa trước điều không hay, trước khi nảy sinh mâu thuẫn phải tiêu trừ mầm mống mâu thuẫn. Không có một gia đình không có mâu thuẫn nào tồn tại trên thế giới, điều quan trọng là sử lý ổn thoả chúng. Sau khi mâu thuẫn đã phát sinh mới xử lý thì sẽ rất bị động. Cũng giống như cái nồi bồng có vết dò, cho dù anh có hàn lại cho thật tốt thì nó cũng không được như xưa. Cho nên, biện pháp tốt nhất là trước khi mâu thuẫn phát sinh, kịp thời phát hiện vấn đề, và xử lý một cách thoả đáng. Làm như thế mới có thể thu được hiệu quả tốt nhất.

Hai là, quẻ Gia nhân đặc biệt nhấn mạnh tính trọng yếu làm chủ gia đình của người phụ nữ. Nó cho rằng người phụ nữ làm chủ gia đình mà đứng đắn thì gia đình đứng đắn. Mà gia đình đứng đắn thì mở rộng ra mọi cái bên ngoài gia đình tất nhiên cũng đứng đắn. Cho nên quái từ đặc biệt nhấn mạnh "có lợi khi người phụ nữ chính đáng". Hầu như quẻ Gia nhân được lập nên chuyên vì vai trò làm chủ gia đình của người phụ nữ. Trên thực tế, người phụ nữ chủ gia đình đúng là người quyết định trong đại đa số gia đình chúng ta. Đó không những chỉ vì họ là người biết được mọi ngóc ngạch trong gia đình, hơn nữa họ phụ trách giám sát tương cà mắm muối, thu nhập chi tiêu cùng mọi việc lớn nhỏ của chồng con. Cũng chỉ có họ mới hiểu một cách sâu sắc nhất, toàn diện nhất vấn đề gia đình. Cho nên, khi quyết định những vấn đề về gia đình, thì ý kiến của người phụ nữ làm chủ gia đình luôn là chính xác. Đó là điều mỗi nam thành viên trong gia đình phải hiểu rõ. Đương nhiên việc quản lý xuất sắc của người phụ nữ làm chủ gia đình, ngoài việc dựa vào tài cán của bản thân, quan trọng hơn là dựa vào đức hiền thục ôn hoà của họ, trước mặt chồng, hơn nữa là trước mặt con, xây dựng được hình tượng của chính mình. Ngày nay, tuy nam nữ bình đẳng, nhưng nam chủ việc ngoài, nữ chủ việc trong vẫn là tình trạng chung của đại đa số gia đình. Do đó, yêu cầu của hào Lục nhị trong quẻ Gia nhân

vẫn còn có ý nghĩa hiện thực của nó. Mà nhìn từ sự phát triển, người đàn ông cần học tập người phụ nữ làm chủ gia đình nhiều hơn, điều đó không những làm cho gia đình hoà hợp tốt đẹp hơn, mà còn có lợi cho sự phát triển sự nghiệp của họ, bởi vì nam tính nếu hấp thu một số mặt mạnh của nữ tính thì sẽ cải thiện được năng lực sáng tạo của họ rất nhiều.

Ba là, đường lối trị gia gia trưởng cần vừa nghiêm khắc vừa thân ái. Đối với mọi thành viên trong gia đình, không có sự khoan dung không có mức độ đến mức phóng túng. Nếu người nào làm theo ý người ấy thì rất dễ mắc vào tình trạng hỗn loạn vô lễ, và dẫn tới hậu quả không hay. Cho nên trị gia cần nghiêm khắc, chớ dễ dãi. Trị gia nghiêm khắc, về mặt biểu hiện, quá nghiêm khắc có khi gần giống lãnh đạm, nhưng lại có thể khiến cho mỗi cá nhân thành viên gia đình đều tự khuôn định mình một cách tự giác, về mặt tư tưởng và hành vi sẽ không xuất hiện sai lầm lớn, cuối cùng sẽ có kết quả tốt. Ngược lại, nếu trị gia không nghiêm, vợ con suốt ngày cười đùa bỡn cợt, tuy lúc bình thường thì cảm thấy thoải mái, nhưng cuối cùng lại luôn dẫn tới sự xấu hổ. Gia đình cũng giống như một đội quân, không có kỷ luật nghiêm khắc, không có cách gì bảo đảm cho gia đình giữ được đường lối đứng đắn. Trong hoàn cảnh rất nhiều gia đình sinh con một bề hiện nay, điều cảnh báo này càng có ý nghĩa đặc thù của nó.

Bốn là, nguyên tắc thứ tư của việc trị gia là, mỗi thành viên trong gia đình phải làm đúng phận sự của mình, nói một cách thông thường, chồng phải ra chồng, vợ phải ra vợ, con phải ra con. Nguyên tắc luân lý "cha phải ra cha, con phải ra con" mà người Trung Quốc xưa nghiêm khắc giảng giải tuyệt nhiên chưa lỗi thời, nó vẫn luôn là chuẩn tắc trị gia mà ngày nay chúng ta phải tuân theo, chỉ cần bỏ đi màu sắc phong kiến trong đó là được. Làm theo phận sự là yêu cầu mỗi một thành viên trong gia đình vì gia đình mà gánh vác, vì gia đình mà làm trọn nghĩa vụ và trách nhiệm mà bản thân phải đảm nhiệm. Nếu không gia đình sẽ mãi mãi không tốt đẹp.

Năm là, trị gia lấy việc toàn gia đình ăn ở hoà mục, tương thân tương ái làm tôn chỉ, như thế mới bảo đảm sự vui vẻ yên ổn của mỗi cá nhân, gia đình mới có thể phồn thịnh. Đó là điều ai cũng hiểu, không cần phải nói.

Sáu là, những người đứng đầu một gia đình cần hiểu rằng, nguyên tắc cơ bản của việc trị gia là thành thực và nghiêm khắc. Biện pháp tốt nhất người đứng đầu một gia đình xây dựng uy tín trong gia đình là thành thực và nghiêm khắc. Đó cũng là nguyên tắc vĩnh cửu của người đứng đầu một gia đình. Người đứng đầu một gia đình thành thực, lấy bản thân làm gương thì có thể cảm hoá được người trong nhà, khiến họ dốc lòng hướng thiện. Nếu tình cảm mềm yếu, yêu thương quá độ, bỏ mất sự tiết chế của lễ nghĩa, thì sẽ thiếu sự nghiêm khắc mà biến thành hỗn loạn. Do đó, uy nghiêm có mức độ mới tốt đẹp. Thành thực thì nghiêm khắc giữ mình, trước tiên có giữ mình đứng đắn thì sau mới làm người khác đứng đắn. Nguyên tắc xử thế "Bậc nhân giả, mình muốn lập thân thì giúp người khác lập thân, mình muốn thành đạt thì giúp người khác thành đạt" cũng thích hợp đối với trong một gia đình.

Do đó khi gặp vấn đề gia đình, chúng ta cần ghi nhớ những nguyên tắc sau:

1/ Phòng điều xấu khi chưa xảy ra.

2/ Người phụ nữ làm chủ gia đình cần hiền thục, khiêm tốn, nhu thuận.

3/ Vừa nghiêm khắc vừa thân ái.

4/ Mỗi người làm tròn trách nhiệm bản thân.

5/ Hoà thuận vui vẻ là trên hết.

6/ Người đứng đầu một gia đình cần thành thực và nghiêm khắc.

38. 睽 KHUÊ - TÌM CÁI CHUNG LỚN, NHƯNG GIỮ CÁI KHÁC BIỆT NHỎ



離上Ly trên
兌下Đoài dưới

睽，小事吉。

Khuê, tiểu sự cát.

Quẻ Khuê, việc nhỏ tốt lành.

"Khuê" nghĩa là trái khác. Về hình quẻ, quẻ Khuê trái với quẻ Gia nhân, chúng hợp thành một nhóm quẻ. Gia đạo hoà thì gia sự hưng khởi, gia đạo bất hoà thì muôn việc trái ngược. "Tự quái truyện" viết: "Gia đạo tới bước cùng thì tất trái ngược, cho nên gọi là quẻ Khuê. Khuê nghĩa là trái ngược". Khuê là hoà đồng, Khuê là ngược nhau. Trong quẻ Gia nhân, các hào chủ là hào Lục nhị, hào Lục tứ, hào Cửu ngũ đều được chính ngôi. Nhưng ở quẻ Khuê thì các hào đó đều không chính ngôi, điều này tượng trưng cho gia đạo khốn cùng. Lời Thoán nói: "Quẻ Khuê, hoả (lửa) động mà bốc lên, trạch (đầm) động mà thấm xuống. Hai người con gái ở cùng nhau, chí của họ không như nhau. Lời nói sáng rõ, mềm mỏng mà tiến lên, được trung mà ứng với cương, bởi vậy việc nhỏ tốt lành. Trời đất trái nhau mà mọi việc giống nhau. Nam nữ trái nhau mà chí thông nhau. Vạn vật trái nhau mà mọi việc giống nhau. Cái dùng của quẻ Khuê theo thời lớn lao thay". Thượng quái Ly là hoả, Hạ quái Đoài là trạch, hoả đốt lên phía trên, trạch thấm xuống phía dưới, trái ngược tách nhau. Quẻ Ly lại tượng trưng

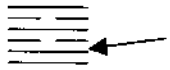
cho trung nữ, quẻ Đoài tượng trưng cho thiếu nữ, hai người con gái ở cùng nhau, hành động ý chí không thể hoà hợp. Nhưng lấy tính quẻ mà nói, theo việc nhỏ mà nói là tốt. Vạn vật tuy bề noài khác nhau, nhưng lại tồn tại tính thống nhất. Trời và đất tuy trái ngược, nhưng dưỡng dục vạn vật thì như nhau. Nam nữ tính tình, thể chất khác nhau, nhưng lại có thể cảm thông nhau. Đó là tự nhiên vạn vật trong cái giống có cái khác, trong cái khác có cái giống. Không có giống thì không có khác, không có khác thì không có giống. Trời đất không trái ngược nhau thì không hoàn thành cuộc tạo hoá. Nam nữ không có sự phân biệt thì không nên đạo con người. Vạn vật không trái người ngược nhau thì không thể thành muôn loài. Cho nên trong giống có khác, trong khác có giống, trái nhau nhưng phụ nhau là quy tắc chung của tự nhiên trời đất. Lời tượng nói: "Trên hoả dưới trạch, trái ngược nhau. Người quân tử tìm cái giống nhau nhưng giữ cái khác nhau". Người quân tử nên bắt chước tinh thần của quẻ Khuê, trong cái khác tìm cái giống, trong cái giống tìm cái khác. Bởi vậy, quẻ Khuê trình bày rõ cho chúng ta nguyên tắc trong giống có khác, trong khác có giống, trái nhau phụ nhau, từ đó chỉ cho chúng ta giải quyết chính xác quan hệ đị đồng và xung đột mâu thuẫn trong các loại vấn đề. Quẻ Khuê đã phản ánh nhận thức biện chứng sâu sắc của người Trung Quốc cổ đối với thế giới. Họ đã nhận thức được mối quan hệ giữa tính phức tạp và tính thống nhất của sự vật, cùng mối quan hệ biện chứng sâu sắc giữa các loại nhân tố trái nhau phụ nhau, tác động lẫn nhau trên tiền đề tồn tại mặt đối diện. Tư tưởng biện chứng: "Có và không sinh ra nhau, khó và dễ hỗ trợ nhau, dài và ngắn biểu hiện nhau, cao và thấp dựa vào nhau, âm và thanh hoà với nhau, trước và sau nối nhau", và những nguyên tắc chiến lược "biết trắng lấy đen", "quí sự mềm mỏng", "chiếm phía dưới" mà sách "Lão tử" đã tổng kết đều có mối liên hệ với tư tưởng biện chứng trong *Chu Dịch*. Mà những nguyên tắc mang tính quy luật này khi nào cũng thích hợp. Nó có thể làm tăng thêm nhận thức của chúng ta đối với thế giới này, nâng cao năng lực xử lý vấn đề.



初九：悔亡，喪馬勿逐，自復，見惡人无咎。
Sơ cửu: hối vong, táng mã vật trục,tự phục. Kiến ác nhân vô cữu.

Hào Sơ cửu: không còn sự hối hận, ngựa mất không cần đi tìm, tự nó sẽ trở về. Gặp kẻ ác, không có lỗi.

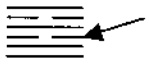
Hào Sơ cửu ở vào thời trái ngược của quẻ Khuê, trên không có sự trợ giúp của hào tương ứng, cần phải có sự hối hận. Nhưng hào Sơ cửu dương cương lại được chính ngôi, trong tình huống ngang trái, cần ứng thì không ứng, không cần ứng thì lại ứng, vì vậy hào Cửu tứ lại trở lại ứng với nó, cho nên nói "không còn sự hối hận". Nhưng đang trong lúc ngang trái, mọi sự không thể cố cầu người khác hợp với mình, vì vậy cái đã rời đi không cần phải cố truy tìm, chỉ chờ nó tự về mà thôi, cái đến cũng không chống lại, dù là kẻ ác cũng không cần trốn tránh, đó mới là phương pháp chính xác xử sự trong thời ngang trái của quẻ Khuê. Làm được như thế mới không còn hối hận, "không có lỗi". Lời tượng nói: "Gặp kẻ ác là để tránh lỗi". Đang trong thời ngang trái của quẻ Khuê, sở dĩ gặp kẻ ác là để tránh lỗi lầm. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* trong cái khác nhau có cái giống nhau, ngay cả giữa chính và tà cũng không là ngoại lệ.



九二：遇主于巷，无咎。
Cửu nhị: ngộ chủ vu hạng, vô cữu.
Hào Cửu nhị: gặp chủ trong ngõ, không có lỗi.

Chủ là chỉ hào Lục ngũ. Hào Cửu nhị và hào Lục ngũ là hai hào âm dương ứng nhau, như bầy tôi gặp chủ, nhưng không phải trong triều đình mà ở trong ngõ, tuy trái với bình thường, nhưng chưa trái với chính đạo. Lại nữa, hào Cửu nhị là hào dương được ngôi trung mà ở vào vị trí thể của Hạ quái Đoài (vui vẻ), trên ứng với hào Lục ngũ. Hào Lục ngũ khi lòng người

trái ngược nên đã vô cùng nhu nhược, được sự phụ trợ của hào Cửu nhị, tình hai hào hợp nhau, chính là "được trung nên ứng với cương". Gặp nhau, hợp nhau như vậy tự nhiên không có lỗi. Lời tượng nói: "Gặp chủ ở trong ngõ, chưa bỏ mất đạo". *Hào này khuyên chúng ta rằng, tích cực quyền biến, trong khác tìm giống.*

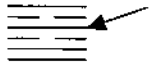


六三：見輿，曳，其牛掣，其人，无且劓，无初有終。

Lục tam: Kiến dư duệ, kỳ ngưu xệ. Kỳ nhân thiên thả nghị, vô sơ hữu chung.

Hào Lục tam: thấy dắt xe ra, nhưng con bò bị cản, như người bị hình phạt thích chữ vào trán, cắt mũi. Ban đầu không nhưng cuối cùng lại có.

"Nghị" là một trong những hình phạt thời cổ, hình phạt cắt mũi. Hào Lục tam không được ngôi trung, ngôi chính, trên ứng với hào Thượng cửu, muốn hợp với nó nhưng đang gặp buổi ngang trái, hai hào dương liền trên dưới đều không được ngôi chính, cũng muốn hợp với hào Thượng cửu, cho nên kiềm chế hào Lục tam, không cho hợp được, giống như người cưỡi xe bò, thấy có người phía trước thì kéo bò đi, phía sau thì níu xe lại, khiến không tiến lên được, không dừng được giận nên giống như bị hình phạt cắt mũi. Nhưng xe không phải không thể đi được, mất trước có thể được sau, thất bại lúc bắt đầu nhưng sau cùng có thể thành công. Cho nên nói "ban đầu không nhưng cuối cùng lại có". Lời tượng nói: "Thấy dắt xe ra, ấy là vị trí không chính đáng. Ban đầu không nhưng cuối cùng lại có, ấy là gặp được hào mạnh mẽ". *Hào này khuyên chúng ta rằng, tìm sự giống nhau khó khăn, nhưng cuối cùng lại tốt lành.*

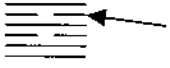


九四：睽孤，遇元夫，交夫，厲无咎。

Cửu tứ: khuê cô, ngộ nguyên phu, giao phu, lệ vô cữu.

Hào Cửu tứ: buổi ngang trái lại cô đơn, gặp bậc đại phu, kết giao thành thực, nguy hiểm nhưng không có lỗi.

Hào Cửu tứ là hào dương cương nhưng đang trong thời ngang trái, láng giềng xung quanh là âm nhu tiểu nhân, bị cô lập không được giúp đỡ, cho nên nói "Gặp buổi ngang trái lại cô đơn". Nhưng hào Cửu tứ lại ở vào vị trí thể của Thượng quái Ly minh, biết hào Sơ cửu bên dưới có chí của bậc đại nhân, mà với nó có đức tin nhau, cho nên nói "gặp bậc đại phu, kết giao thành thực". Nhưng vì cả hai hào đều cương, nhất định phải cẩn thận lo sợ mà cư xử mới có thể không có lỗi. Lời tượng nói: "Kết giao thành thực nên không có lỗi, ấy là có chí hành động". *Hào này khuyên chúng ta rằng, kết giao thành thực tức là thành tâm cầu cái gốc của sự giống nhau.*

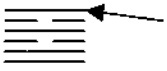


六五：悔亡，厥宗噬膚，往何咎？

Lục ngũ: Hối vong, quyết tông phệ phu, vãng hà cữu.

Hào Lục ngũ: không còn sự hối hận, người cùng họ cắn vào da, tiến lên không có lỗi.

"Cắn vào da" là chỉ sự dễ dàng. Hào Lục ngũ ở vào thời ngang trái, vốn nhu nhược nhưng lại ở địa vị tôn quý, vốn cần phải có sự hối hận. Nhưng nó có cái đức trong nhu, bên dưới lại ứng với hào Cửu nhị là người hiền trong cương, cho nên sự hối hận không còn mà có tượng này. Lời tượng nói: "Người cùng họ cắn vào da, ấy là tiến lên có phúc". *Hào này khuyên chúng ta rằng, hoà đồng đoàn kết là cái gốc để vượt qua ngang trái.*



上九：睽孤，見豕負塗，載鬼一車，先張之，後說之弧，匪寇，婚媾，往遇雨則吉。

Thượng cửu: khuê cô, kiến thỉ phụ đồ, tải quỷ nhất xa. tiên trương chi hồ, hậu thoát chi hồ, phỉ khấu hôn cấu, vãng ngộ vũ tắc cát.

Hào Thượng cửu: gặp khi ngang trái cô độc, thấy con lợn đầy bùn, thấy xe đầy quỷ, trước tiên dương cung, sau đó bỏ cung, không phải giặc liền cầu hôn. Đi ra gặp mưa thì tốt.

Hào Thượng cửu là hào dương cương mà ở cuối của quẻ Ly minh, nơi cao nhất của quẻ Khuê, ngang ngạnh không sáng, đầy bụng hồ nghi nên dẫn đến bị cô lập. Hào Lục tam bên dưới là hào tương ứng chính, nhưng đầu tiên thấy hào Lục tam kéo xe ngăn trâu liền nghi nó là lợn, lại nghi nó là quỷ, định dương cung bắn, lại nghi nó không phải là quỷ, bỏ cung mà đến trước mặt, mới biết rõ nó vốn là hào Lục tam, liền làm thân với nó. Qua hào từ có thể hình dung như thế. "Đi ra gặp mưa" cũng là điềm cầu hôn. Lời tượng nói: "Sự tốt lành khi gặp mưa nghĩa là mọi nghi vấn tiêu tan". *Hào này khuyên chúng ta rằng*, sự nghi ngờ là tối kỵ khi cầu sự giống nhau.

Cho nên khi đối mặt với hiện thực mỗi người mỗi lòng, mâu thuẫn phức tạp, chúng ta cần ghi nhớ rằng:

Thứ nhất: giữa các sự vật có sự khác nhau bất kỳ nào cũng đều có điểm tương đồng. Ngay đến cả giữa chính và tà cũng không là ngoại lệ. Nước và lửa tuy tuyệt đối không dung hoà nhau, nhưng trong một điều kiện nhất định, nước có thể chuyển hoá thành nguyên liệu của lửa, lửa cũng có thể trở thành nguồn gốc của nước. Lấy việc đời mà bàn, trên thế giới không có người xấu tuyệt đối, cũng không có người tốt tuyệt đối, điều đó cần xem anh ta ở trong điều kiện gì và làm những việc gì. Người ác biểu hiện ra thường bên ngoài không có gì là ác, mà biểu hiện của người hoàn toàn tốt có khi lại như bọn đại gian đại ác. trong hiện thực cuộc sống, những ví dụ

này không thiếu. Lời khuyên của hào này là yêu cầu chúng ta khi phân tích, phê phán sự vật, không nên phủ định tuyệt đối, cũng không nên khẳng định tuyệt đối, bởi vì chúng có thể chuyển hoá lẫn nhau.

Hai là, tích cực quyền biến, trong cái khác nhau tìm sự giống nhau. Hiểu rõ nguyên tắc Một là, chúng ta cần xây dựng nguyên tắc trong sự khác nhau tìm sự giống nhau để tìm được sự giải quyết trọn vẹn vấn đề. Không nên chỉ thấy cái sai biệt giữa chúng mà không thấy được điểm chung của chúng. Trong thời điểm then chốt, chính những điểm chung hình như rất ít này lại có thể trở thành cơ sở giải quyết vấn đề. Sách lược tốt khi kết bạn, đàm phán, sử lý vấn đề mâu thuẫn chính là cần nắm vững nguyên tắc này, tích cực tìm điểm tương đồng để xúc tiến giải quyết vấn đề.

Ba là, xử lý vấn đề mâu thuẫn, đã có ý thức tìm sự giống nhau nhưng còn không tìm được. Trong rất nhiều sự xung đột gay gắt của những mâu thuẫn tương đối sâu sắc, tìm sự giống nhau luôn luôn là một quá trình vô cùng gian nan, cần mọi người phải mang một tâm huyết lớn. Trong hiện thực cuộc sống, ví dụ rõ ràng nhất là đàm phán ngoại giao quốc tế. Vậy việc tìm sự giống nhau đã coi là biện pháp căn bản để giải quyết xung đột của rất nhiều mâu thuẫn thì phải không lùi bước, kiên trì đến cùng.

Bốn là, chân thành và tin tưởng lẫn nhau là điều căn bản khi trong cái khác nhau tìm sự giống nhau. Bản thân không chân thành hoặc hoài nghi lòng chân thành của đối phương thì không thể đạt được mục đích tìm sự giống nhau, điều này đối với cả hai bên đều bất lợi. Có sự nghi ngờ thì có thể giải thích, có thể công khai, mà không nên để bụng và giận giữ. Lấy lòng chân thành đối xử, lấy lòng chân thành thu phục, thì khi hợp đồng, nói nửa lời là đủ.

Năm là, hợp đồng và đoàn kết là điều căn bản để cải biến lòng người,

cải biến cục diện của trùng trùng mâu thuẫn, mà sự chia rẽ phân ly chỉ làm suy yếu lực lượng bản thân, khiến không thành công việc gì trong sự nghiệp, từ đó trên căn bản làm hại tới lợi ích của mọi người. Cho nên, tìm được sự hợp đồng đoàn kết là tôn chỉ tối cao của việc trong cái khác nhau tìm sự giống nhau. Trong nội bộ một tập thể, bất kể thời điểm hay tình huống nào đều cần sự cảm thông những ý kiến khác nhau, cố gắng đạt được sự thống nhất ý chí. Sự hợp đồng chân chính không những cần có một mục tiêu chung mà còn phải gắng sức làm cho mục tiêu cá nhân hoà vào mục tiêu chung, và làm cho mỗi một cá nhân tìm được chỗ đứng của mình trong tập thể, phát huy đầy đủ năng lực bản thân.

Sáu là, nghi kỵ là điều tối kỵ trong việc tìm sự giống nhau. Nó chỉ có thể dẫn tới sự mất tín nhiệm lẫn nhau và chia rẽ trong tập thể, làm suy yếu lực lượng bản thân. Nếu cứ quyết liệt trong cuộc cạnh tranh sẽ mang lại cơ hội có thể lợi dụng cho đối thủ, từ đó mà dẫn đến tổn thất cho sự nghiệp. Những ví dụ này trong hiện thực cuộc sống thấy rất nhều, do đó cần có biện pháp ngăn chặn.

Do đó, xử lý một hiện thực lòng người khác nhau, mâu thuẫn phức tạp chúng ta cần:

1/ Chớ tuyệt đối phủ định, cũng chớ tuyệt đối khẳng định.

2/ Tích cực quyền biến, trong khác nhau tìm sự giống nhau.

3/ Kiên trì tìm sự giống nhau, kiên tâm không lùi bước.

4/ Thành thực là điều căn bản của việc tìm sự giống nhau.

5/ Hợp đồng đoàn kết là tôn chỉ của việc tìm sự giống nhau.

6/ Cấm tuyệt sự nghi kỵ.

39. 蹇 KIỂN – HIỂU RÕ ĐỂ ĐỐI PHÓ VỚI HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN



坎上 Khảm trên
艮下 Cấn dưới

蹇利西南，不利東北，利見大人，貞吉。

Kiển, lợi tây nam, bất lợi đông bắc, lợi kiến đại nhân, chính cát.

Quẻ Kiển, lợi hướng tây nam, không lợi hướng tây bắc, có lợi gặp bậc đại nhân, giữ được chính đáng nên tốt lành.

"Kiển" nguyên nghĩa là bị tật ở chân, sau nghĩa dẫn thân là khó khăn, tiến lên không thuận lợi. Thượng quẻ Khảm là hiểm trở, Hạ quái Cấn là dừng lại, hiểm trở ở phía trước, thấy hiểm trở nên dừng lại, không thể tiến lên, cho nên gọi là Kiển. "Tự quái truyện" nói: "Trái ngược tất có khó khăn, cho nên gọi là Kiển. Kiển là khó khăn". nhân tâm trái ngược phân li, muôn vàn mâu thuẫn, tất nhiên khiến cho sự nghiệp bị tổn thất, mắc vào hoàn cảnh khó khăn. Cho nên, quẻ Kiển tiếp sau quẻ Khuê. Xét trong "Bát quái đồ" của Văn vương, Khảm và Cấn đều thuộc hướng đông bắc, mà hướng tây nam thì không có hoạn nạn, cho nên nói "lợi hướng tây nam, không lợi hướng đông bắc". Đại nhân là chỉ hào Cửu ngũ. Con người ở vào hoàn cảnh khó khăn, mong tìm sự giúp đỡ của người có thế lực, tự nhiên có lợi. Hơn nữa, theo con đường chính đạo nên có lợi, cho nên nói "chính đáng nên tốt lành". Lời Thoán nói: "Kiển là khó khăn, phía trước hiểm trở. Thấy hiểm trở mà biết dừng lại, hiểu biết thay! Quẻ Kiển lợi hướng tây nam, đi sẽ được chính giữa: bất lợi hướng đông bắc, đường ấy là đường cùng. Có lợi vì gặp đại nhân nên có lợi, đi sẽ có thành công. Gánh vác địa vị chính đáng tốt lành để ổn định đất nước, cái dụng theo thời của quẻ Kiển lớn lao thay". Biết hiểm trở mà dừng lại, không mạo hiểm, đó là minh triết

bảo thân, có thể gọi là bậc trí giả. Quẻ Kiển khó khăn hướng đông bắc, quẻ Cấn dừng lại không đi, đường đó là đường cùng. Có lợi vì gặp đại nhân, dựa được vào người đó. Hào Lục nhị và hào Cửu ngũ đều được chính ngôi, có thể nêu tín nghĩa trong thiên hạ, cho nên có thể ổn định đất nước. Quẻ Kiển tuy là hoàn cảnh khó khăn, nhưng đối với con người cũng có ý nghĩa rất lớn. Lời tượng nói: "Trên núi có nước, khó khăn, người quân tử lấy đó nhìn lại bản thân, tu dưỡng đức của mình". Hạ quái Cấn là núi, Thượng quẻ Khảm là nước, trên núi có nước, khó khăn vàn trùng, người quân tử nên bắt chước tinh thần của quẻ này khi gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại tu dưỡng phẩm chất bản thân, chân thành năng động, đạt được mục đích ổn định gia đình, đất nước, đó mới là người giỏi vượt khó khăn.

Do đó, quẻ Kiển và các quẻ Chuân, Bĩ, Khảm, Minh di ở trước trình bày cho chúng ta nguyên tắc khi bản thân gặp hoàn cảnh khó khăn thì ứng phó như thế nào.



初六：往蹇，來譽。

Sơ lục: vãng kiển, lai dự.

Hào Sơ lục: tiến lên gặp khó khăn, lui lại thì được khen ngợi.

Hào Sơ lục là hào âm nhu thuận, lại ở vào buổi ban đầu không có địa vị, không có tài vượt hoàn cảnh khó khăn. Nếu cứ tiến lên thì sẽ gặp khó khăn mà mắc vào nguy hiểm. Lui lại là sáng suốt mà lại được khen ngợi. Lời tượng nói: "Tiến lên thì gặp khó khăn, lui về thì được khen ngợi, đó là hành động thích hợp để đợi thời cơ". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi sức không đủ để vượt khó khăn thì thà lui về đợi thời cơ.*

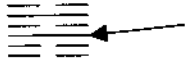


六二：王神蹇蹇，匪躬之故。

Lục nhị: vương thần kiển kiển, phỉ cung chi cố.

Hào Lục nhị: vua và bầy tôi cùng gặp khó khăn, ấy là bởi phấn chấn quên thân.

"Vương" là chỉ hào Cửu ngũ, "thần" là chỉ hào Lục nhị. Thượng quẻ Khảm là sự khó khăn mà vua gặp, hào giữa của quẻ Khảm là bầy tôi cũng gặp khó khăn. Hào Cửu ngũ và hào Lục nhị đều trong lúc khó khăn, cho nên nói "vua và bề tôi cùng gặp khó khăn". Cả hai đều mắc vào vòng nguy hiểm, đã khó khăn lại khó khăn thêm, chủ lo tôi nhục. Hào Lục nhị nhu thuận lại được ngôi trung, ngôi chính, thờ vua có khí tiết. Chỉ biết phấn chấn không tiếc thân, bất kể thành hay bại, thuận lợi hay khó khăn mới hy vọng thoát khỏi nguy hiểm. Lời tượng nói: "Vua tôi khó khăn, cuối cùng không lo lắng". Sức tuy không đủ mà "phấn chấn quên thân" thì không tính đến sự lo lắng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, phấn chấn quên thân cứu giúp lẫn nhau mới có thể thoát khỏi hiểm nguy.*



九三：往蹇来反。

Cửu tam: vãng kiển, lai phản.

Hào Cửu tam: tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại.

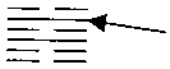
Quay lại là quay lại với hào Lục nhị. Hào Cửu tam dương cương mà lại được ngôi chính. Đương khi gặp hoàn cảnh khó khăn, tuy nó ứng với hào Thượng lục nhưng có hào Cửu ngũ đứng giữa ngăn cách, không đạt được ý nguyện, cho nên quay lại gần gũi với hào Lục nhị cùng hoàn cảnh. Hào Lục nhị là hào nhu thuận, không có khả năng vượt qua hoàn cảnh khó khăn, đanng cần người cứng rắn sáng suốt giúp đỡ, cho nên hai hào này hợp được nhau để vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Lời tượng nói: "Tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại, bên trong có điều vui". Hào Lục nhị

vui vì có hào Cửu tam đến giúp đỡ, cho nên nói "có điều vui". *Hào này khuyên chúng ta rằng, nếu gặp nguy hiểm khó vượt qua, mạo hiểm không bằng lui lại cố thủ, củng cố lực lượng chờ thời cơ.*



六四：往蹇來連。
Lục tứ: vãng kiển, lai liên.
Hào Lục tứ: tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại tìm người liên kết.

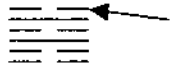
Hào Lục tứ đã vào hoàn cảnh khó khăn của Thượng quẻ Khảm, bản thân âm nhu, không có khả năng thoát hiểm, liền quay lại liên kết với hào Cửu tam là hào dương cương để hợp lực thoát hiểm, cho nên nói "Tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại tìm người liên kết". Lời tượng nói: "Tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại tìm người liên kết, đó là vì được đúng ngôi vị và có được thực lực". *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi vượt nguy hiểm nên liên kết với người cùng chí hướng để lực lượng mạnh lên.*



九五：大蹇朋來。
Cửu ngũ: đại kiển, bằng lai.
Hào Cửu ngũ: gặp nguy hiểm lớn, có bạn tới.

Hào Cửu ngũ ở ngôi vị tôn quí mà lại có đức dương cương, đúng ngôi đúng vị, đang khi gặp hoàn cảnh khó khăn lại ứng với hào Lục nhị bên dưới. Hào Lục nhị là hào phấn chấn quên thân, mà hào Cửu tam lại quay lại bắt tay với hào Lục nhị, hào Lục tứ lại liên kết với hào Cửu tam, bốn hào bên dưới cùng chung ý chí, sáng suốt mà đến cùng hào Cửu ngũ để vượt hiểm nguy, cho nên nói "gặp nguy hiểm lớn, có bạn tới". Lời tượng nói: "Gặp nguy hiểm lớn, có bạn tới, ấy là vì có khí tiết trung chính". Đang khi

gặp khó khăn lớn thì bên dưới có bốn hào sáng suốt tới cùng, đó là vì hào Cửu ngũ là vua có đức cương kiện trung chính. *Hào này khuyên chúng ta rằng, có đức thì không đơn độc, tất có bạn bè*



上六：往蹇来碩，吉，利見大人。

Thượng lục: vãng kiển lai thạc, cát, lợi kiến đại nhân.

Hào Thượng lục: Tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại lớn mạnh, tốt. Có lợi vì gặp đại nhân.

Quay lại là quay lại với hào Cửu tam tương ứng ở bên dưới. Hào Thượng lục là hào âm nhu, không có khả năng vượt qua hoàn cảnh khó khăn, lại ở vị trí cuối cùng, trước không có đường tiến, càng thêm khó khăn. Nếu quay lại mà gần gũi với hào Cửu tam thì có được sức mạnh giúp đỡ vượt qua hoàn cảnh khó khăn, cho nên nói "tốt". Đại nhân là chỉ hào Cửu ngũ. Nếu hào Thượng lục liên kết với hào Cửu ngũ cùng tiến lên thì càng tốt. Lời tượng nói:: "Tiến lên thì gặp hoàn cảnh khó khăn, quay lại lớn mạnh, chí ở bên trong. Có lợi vì gặp đại nhân, ấy là theo người tôn quý". "Bên trong" là chỉ hào Cửu tam, "người tôn quý" là chỉ hào Cửu ngũ. Nếu được hai hào này giúp đỡ tất nhiên là tốt lành. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên liên kết với người tài mà tiến.*

Tổng hợp những điều trên có thể thấy, khi ta ở vào hoàn cảnh khó khăn cần chú ý:

Một là, gặp hoàn cảnh khó khăn, lực lượng không đủ để vượt hiểm nguy thì phải dùng phương pháp mềm mỏng, chớ có ngang ngạnh tiến lên, mà trước tiên phải dừng lại để có đủ thời gian tìm hiểu tình hình, nắm vững phương hướng, hơn nữa còn cần đủ lực lượng để hành động, tuyệt đối không được khinh suất mạo hiểm. Nếu cứ cố liều tiến lên, tất sẽ tự đưa

mình vào chỗ nguy hiểm. Chỉ có biết người biết ta, nắm vững thời cơ, mới không phát sinh nguy hiểm. Trong trận chiến Trường Bình giữa Tần và Triệu năm 260 tr.c.n, lúc đầu tiếp chiến, sau vài trận nhỏ bị thua, tướng Triệu là Liêm Pha hiểu rõ không thể liều đánh quân Tần, lập tức thay đổi chiến lược, sai quân Triệu đắp luỹ cố thủ để cự địch. Việc này quả nhiên hiệu quả, khiến quân Tần vài tháng không thể tiến quân. Sau Triệu Quát thay, đổi cách đánh, khinh suất xuất kích, khiến cho quân Triệu bị một trận thảm bại.

Hai là, một khi bị mắc vào hoàn cảnh khó khăn, chỉ có cùng với người cũng ở hoàn cảnh khó khăn như mình cứu viện lẫn nhau, liều chết mà đánh, mới có hy vọng thoát hiểm. Có nhiều kỳ tích được tạo nên khi họ cùng vùng lên không tiếc thân. Nguyên tắc quân sự: "Hãm vào chỗ chết mà sau sống, đặt vào chỗ mất mà sau còn" của *Tôn tử binh pháp* chính nói về điều này. Mà Hàn Tín chỉ huy trận Tỉnh Ải đã vận dụng nguyên lý này một vô cùng cách xuất sắc. Cũng giống như thế, Vương Thế Xung trong hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm đã lật ngược tình thế đánh bại Lý Mật. Bàn từ một phương diện khác, cho dù thất bại, anh cũng không vì thế mà đau khổ dằn vặt, bởi vì anh đã dùng toàn bộ sức lực rồi.

Ba là, dựa lưng vào sông mà đánh mong giành thắng lợi, phần nhiều là do phía trước không được thoát mới phải làm như vậy. Nhưng tình thế không quá khẩn cấp, nguy hiểm chỉ tăng dần, bản thân lúc đó chưa mắc nguy hiểm, thì việc mạo hiểm mong đạt thành công kiêu hãnh, chẳng bằng trước tiên thoái thủ cốt giữ an toàn, sau đó mới tìm cơ hội tiến lên, làm như vậy đã ổn thoả tình hình mà lại là người sáng suốt. Phần trước đã dẫn đối sách của Lý Quảng khi bị quân Hung Nô bao vây là một ví dụ điển hình. Trước trận quyết chiến tại Quan Độ, chiến lược của Tào Tháo đối phó với Viên Thiệu là một điển hình phi thường. Nhưng Công Tôn Toản đối phó với Viên Thiệu chỉ biết cố thủ ở thế yếu, không biết tìm cơ hội phản kích.

Đó lại là ngồi chờ chết. Do đó, cố thủ khi chưa nắm rõ tình hình chỉ là kế hoãn binh.

Bốn là, nếu như không chịu cố thủ trong hoàn cảnh khó khăn, muốn phá tan hiểm trở, mạo hiểm vào chỗ khó khăn, phải kết hợp với người cùng chí hướng làm cho lực lượng mạnh lên, đồng tâm hiệp lực xông lên, không thể cô đơn hành động. Liên kết giữa Tôn Quyền và Lưu Bị trong trận Xích Bích, Tào Tháo và Trương Tú Hương bỏ oán kết giao trong trận Quan Độ đều là cách làm này. Đầu năm 1948, sau khi thất bại cuộc tiến công toàn diện vào khu giải phóng, Tưởng Giới Thạch thay đổi sách lược, tập trung quân tinh nhuệ phát động cuộc tấn công có trọng điểm vào khu giải phóng Sơn Đông. Giai đoạn đầu, các cánh quân Tưởng tiến lui có bài bản, chi viện cho nhau. Giải phóng quân chỉ đánh vận động chiến dụ địch chạy quanh. Sau khi vào tới khu Tích Mông, Sư trưởng sư 47 Trương Linh Phủ nôn nóng lập công, lại cậy sư đoàn trang bị tốt, huấn luyện kỹ càng nên không sợ gì, mạo hiểm đột phá. Kết quả bị Quân Giải phóng chớp thời cơ, chia cắt tiêu diệt ở Mạnh Lương Cương, và dẫn đến làm thất bại sách lược tấn công có trọng điểm của quân Tưởng. Trương Linh Phủ đã mắc phải sai lầm mạo hiểm tiến công khi chưa rõ tình hình phía trước, mà quân địch rất mạnh.

Năm là, không được đơn độc, phải có bạn bè. Bản thân ở vào hoàn cảnh khó khăn, càng cần phải bình tĩnh đối mặt với mọi khó khăn. Càng khó khăn, ý chí càng phải cứng cỏi, tôi luyện phẩm chất bản thân để chờ đón những thách thức lớn hơn, Mạnh tử từng nói: "Trời muốn giao trách nhiệm lớn cho người nào thì trước tiên làm khổ ý chí, làm cực nhọc gân cốt, hành hạ thân xác người ấy, để người ấy khi hành động không rối loạn, khơi dậy tính kiên nhẫn, tăng thêm những năng lực mà người ấy còn thiếu". Chỉ có kinh qua gian khổ, tôi luyện nên ý chí kiên cường và tài năng, phẩm chất cao siêu mới có thể gánh vác một sự nghiệp lớn.

Sáu là, "có lợi khi gặp được bậc đại nhân" có hai hàm nghĩa. Kết hợp

được với người có tài năng và tìm được sự giúp đỡ của người có sức mạnh. Kết hợp với người có tài năng có thể tăng thêm sức sống cho đội ngũ. Tìm được sự giúp đỡ của người có sức mạnh thì làm ít công nhiều, sớm thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn. đó đều là những điều mà mọi người cần hiểu và vận dụng.

Cho nên, khi ở vào hoàn cảnh khó khăn, chúng ta cần:

1/ Nếu lực lượng không đủ thì cần lui về đợi thời cơ.

2/ Đặt vào chỗ chết nhưng sau lại sống.

3/ Lui về tự giữ mình, đợi thời cơ hành động.

4/ Kết hợp với người cùng chí hướng, nắm tay nhau cùng tiến lên.

5/ Khôn đơn độc, phải có bạn bè, chớ cậy mạnh mạo hiểm.

6/ Kết hợp với người tài mà tiến.

40. 解 GIẢI -- LÀM TƯỚNG CỐT Ở MƯU TRÍ CHỨ KHÔNG PHẢI Ở DŨNG MÃNH

䷧ 震上 Chấn trên
坎下 Khảm dưới

解，利西南，无所往，其來復，吉。有攸往，夙吉。

Giải, lợi tây nam, vô sở vãng, kỳ lai phục, cát. Hữu du vãng, túc cát.

Quẻ Giải, lợi hướng tây nam, không có nơi đi, quay trở lại thì tốt. Có nơi đi, đi sớm thì tốt.

"Giải" nghĩa là phân giải, gặp khó khăn thì giải quyết khó khăn. Hạ quái Khảm là nguy hiểm, trong hoàn cảnh nguy hiểm mà năng động thì có thể thoát khỏi hoàn cảnh nguy hiểm của quẻ Khảm, đó là "giải". Lại Hạ quái Khảm là thuỷ (nước), Thượng quái Chấn là lôi (sấm), sấm mưa cùng nổi, âm dương giao hoà, vạn vật giải tán, cũng là "giải". "Tự quái truyện" nói: "Sự vật không thể khó khăn dến cùng, cho nên gọi là giải. Giải nghĩa là nới lỏng". Sự vật không thể vĩnh viễn ở trong hoàn cảnh khó khăn, khó khăn nhưng năng động, khó khăn nhất định sẽ được giải quyết. Hình quẻ Giải ngược với hình quẻ Kiển, Hai quẻ hợp thành một nhóm, có tác dụng hỗ trợ nhau. "Túc" nghĩa là sớm, muốn giải quyết khó khăn cần đi về hướng tây nam thì sẽ sớm có điềm lành. Nếu trở lại đi theo hướng đông bắc, tuy cũng tốt lành nhưng không sớm có tốt lành như hướng tây nam. Giải quyết hoàn cảnh khó khăn không thể sớm thấy hiệu quả, cho nên nói: "có nơi đi". Lời tượng nói: "Quẻ Giải, gặp nguy hiểm phải năng động, năng

động thì tránh khỏi nguy hiểm, đó là giải. Giải có lợi phương tây nam, đi sẽ có đông người. Quay trở lại thì tốt lành vì nó được ngôi trung. Đi thì sẽ sớm gặp điều tốt, được thành công. Trời đất giải thì sấm nổi phía tây, sấm mưa nổi lên thì cỏ hoa đua nở. Cái theo thời của quẻ Giải lớn lao thay". Khi mùa đông qua, mùa xuân tới, vạn vật trong tự nhiên phục hồi sinh khí, mầm non phát triển, theo thời tiết mà sinh sôi. Lời tượng nói:"Sấm mưa nổi lên, đó là giải. Người quân tử vì thế mà tránh khỏi hình tội". Người quân tử cần bắt chước tinh thần khi sấm mưa nổi lên thì sự bế tắc của cả tự nhiên được giải trừ, tha thứ cho lỗi lầm của người khác, để phù hợp với quy luật tự nhiên.



初六：无咎。

Sơ lục: vô cữu.

Hào Sơ lục: không có lỗi.

Hào Sơ lục là hào âm nhu, ở vị trí dưới cùng, Trên ứng với hào Cửu tứ mạnh mẽ. Khi vào thời giải, trên có sự chi viện mạnh mẽ, tất nhiên sẽ giải quyết được khó khăn mà không có lỗi. Lời tượng nói: "Ở giữa cương và nhu, nên không có lỗi". Hào Cửu tứ và hào Sơ lục có tác dụng của cương nhu giao nhau, đều được thích hợp, cho nên không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi khó khăn bắt đầu phát sinh thì cần phải kịp thời giải quyết.*



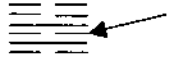
九二：田獲三狐，得黄矢，貞吉。

Cửu nhị: điền hoạch tam hồ, đắc hoàng thỉ, trinh cát.

Hào Cửu nhị: trong ruộng bắt được ba con cáo, được mũi tên vàng. Chính đáng tốt lành.

"Hoàng thỉ" (mũi tên vàng) cũng giống như "kim thỉ " trong quẻ Phệ hạp. Màu vàng lại là màu của trung ương (trung ương thuộc thổ, màu vàng

- ND). "Hồ" (con cáo) là kẻ tiểu nhân xu nịnh. Mũi tên vàng là tượng trưng cho người quân tử theo con đường chính đáng mà tiến lên. Hào Cửu nhị dương cương lại được ngôi trung, ngôi chính, trên tương ứng và được sự tín nhiệm của hào Lục ngũ, đương khi giải quyết khó khăn, có thể tiến cử người hiền tài mà trừ bỏ kẻ tiểu nhân. Quân tử tiến mà tiểu nhân thoái, có điềm "bắt được ba con cáo, được mũi tên vàng". Lời tượng nói: "Hào Cửu nhị chính đáng tốt lành, ấy là do giữ được đạo trung". *Hào này khuyên chúng ta rằng, giải quyết khó khăn cần nắm được nguyên tắc trung chính*

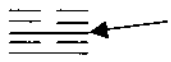


六三：負且乘，致寇至，貞吝。

Cửu tam: phụ thả thừa, chí khấu chí, trinh cát.

Mang vác lại cưỡi xe, dẫn giặc đến. Nếu cứ mãi thế thì sẽ có lỗi.

Hạ quái Khảm là xe mà hào Lục tam lại ở trên cùng quẻ Khảm, có điềm ngồi xe. "Mang vác" là việc của kẻ tiểu nhân, xe là đồ vật của người quân tử. Hào Lục tam mang hào Cửu tứ trên lưng mà lại cưỡi lên trên hào Sơ lục và hào Cửu nhị, đó là tượng trưng cho kẻ tiểu nhân. Bởi vì hào này âm nhu, không được ngôi trung ngôi chính lại trộm ngôi địa vị cao thì rốt cuộc sẽ chuộc lấy tai hoạ. Cho nên có điềm: "Mang vác lại cưỡi xe, dẫn giặc đến". Lời tượng nói: "Mang vác lại cưỡi xe, cũng đáng xấu hổ. Tự mình gọi giặc tới, sao không có lỗi?". *Hào này khuyên chúng ta rằng, việc khi giải quyết khó khăn cần phải giữ đúng thân phận.*



九四：解而拇，朋至斯孚。

Cửu tứ: giải nhi mẫu, bằng chí tư phu.

Hào Cửu tứ: cắt bỏ ngón chân cái của anh, bạn bè đến tin cậy.

Bạn bè là chỉ hào Cửu nhị và hào Cửu tứ, trên gần với ngôi vua là hào Lục ngũ, tượng trưng cho bậc đại thần gánh vác việc quốc gia. Hào Cửu nhị bên dưới là bạn bè cùng đức với hào Cửu tứ. Nhưng Lục tam bên dưới ngăn cách giữa hai hào. Chỉ có trừ bỏ hào Lục tam thì hào Cửu tứ mới có thể cùng hào Cửu nhị chầu vua là hào Lục ngũ. "Ngón chân cái" là chỉ hào Cửu tứ là hào đầu của quẻ Chấn (lại là cái chân). Lời tượng nói: "Cắt bỏ ngón chân cái của anh, ấy là nói hào Cửu tứ ở không chính ngôi". Hào Cửu tứ là hào dương lại ở ngôi âm là không chính ngôi, cho nên mới có chuyện "cắt bỏ ngón chân cái của anh". *Hào này khuyên chúng ta rằng, việc khi giải quyết khó khăn cần trừ bỏ kẻ tà ác mới nêu cao được chính nghĩa.*

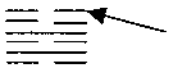


六五：君子維有解，吉，有孚于小人。

Lục ngũ: quân tử duy hữu giải, cát, hữu phu vu tiểu nhân.

Hào Lục tứ: người quân tử phân giải (bọn tiểu nhân), tốt lành. Người quân tử có lòng tin ở bọn tiểu nhân.

"Quân tử" là chỉ hào Cửu nhị và hào Cửu tứ. Quẻ Giải có bốn hào âm. Hào Lục ngũ là hào âm ở địa vị tôn quý, ba hào kia phải theo nó. Hào này gần với hào Cửu tứ, bên dưới lại ứng với hào Cửu nhị, tượng trưng cho việc hào Lục ngũ có thể lấy lễ đãi người hiền tài dưới mình, dùng tâm để ràng buộc họ, vậy nên người quân tử thì tiến mà kẻ tiểu nhân thì thoái, các hào âm cùng đồng loại của mình được hào Lục ngũ phân giải mà ràng buộc vào người quân tử. Người quân tử hành động, có thể làm cho kẻ tiểu nhân tin tưởng thì kẻ tiểu nhân tự rút lui, cho nên nói: "Người quân tử phân giải (bọn tiểu nhân), tốt lành. Người quân tử có lòng tin ở bọn tiểu nhân". Lời tượng nói: "Người quân tử phân giải, kẻ tiểu nhân thoái lui". *Hào này khuyên chúng ta rằng, thế của người quân tử mạnh lên thì thế của kẻ tiểu nhân mất đi.*



上六：公用射隼于高墉之上，獲之，无不利。

Thượng lục: công dụng xạ chuẩn vu cao dung chi thượng. Hoạch chi, vô bất lợi.

Hào Thượng lục: vương công bắn con chim chuẩn trên tường cao. Bắt được nó, không gì không có lợi.

"Công" là vương công, chỉ hào Thượng lục ở vào vị trí cao nhất nên có tượng này. "Tường cao" là chỉ tường thành của vương công. Hào Thượng lục là ngôi trời cho nên nói cao. Nếu con chim chuẩn ở trong rừng núi thì mọi người đều bắn được nó. Nhưng chim chuẩn đậu ở trên tường cao của vương cung, có nơi nương tựa, người thường không dám bắn, chỉ có bậc vương công có thể bắn nó. Hào Thượng lục nhu thuận, được chính ngôi, lại ở vào địa vị tôn quý, đang khi quẻ Chấn cực động và nó ở vị trí cuối cùng của quẻ Giải, tượng trưng người quân tử có thể trừ khử được thế của những kẻ tiểu nhân chuyên nương tựa vào người khác. Bói được quẻ này là tượng trưng mối lo lớn về kẻ tiểu nhân đã được giải quyết, cho nên nói: "không gì không có lợi". Lời tượng nói: "Vương công bắn con chim chuẩn là giải quyết sự phản kháng". *Hào này khuyên chúng ta rằng, giải quyết khó khăn còn cần phải diệt trừ kẻ tiểu nhân dựa dẫm.*

Tổng hợp những điều trên, chúng ta có thể thấy, khi áp dụng hành động để giải quyết hoàn cảnh khó khăn của bản thân cần:

Một là, bất luận khó khăn nào, khi mới bắt đầu phát sinh cũng đều là lúc dễ giải quyết nhất. Khi lửa mới lom dom, chỉ cần một chậu nước là dập tắt. Nhưng để mặc cho nó phát triển thành thế ngút trời thì vô cùng khó dập, thậm chí đến mức phải trả giá nặng nề. Cho nên, khi vấn đề vừa xuất hiện thì phải kịp thời phát hiện, đồng thời giải quyết ngay. Như thế không những không để cho sự nghiệp bị ảnh hưởng gì, hơn nữa còn chỉ cần dùng ít sức nhất. Tiêu diệt cái ác từ mầm mống để tránh hậu hoạ khôn lường là sách lược tốt nhất. Có rất nhiều thế lực tà ác trong lịch sử khi mới phát sinh

mọi người không chú ý đến, mà sau phát triển thành đại loạn. Như nạn hoạn quan chuyên quyền thời kỳ Đông Hán đã có mầm mống từ thời vua Nguyên đế thời Tây Hán, mà thời Đông Hán tuyệt nhiên không khống chế, cuối cùng dẫn đến hoạn quan lộng hành, làm loạn phép nước. Thời Đường Huyền tông, cái thế cát cứ làm phản của An Lộc Sơn đã hết sức rõ ràng, các đại thần đã nhiều lần cảnh tỉnh Huyền tông, Huyền tông bịt tai không nghe, sau thành đại hoạ, và cuối cùng hình thành cục diện phiên trấn cát cứ, khiến cho vương triều nhà Đường suy sụp, không gượng lại được. Trong hiện thực cuộc sống, những ví dụ như trên nơi nào cũng có.

Hai là, giải quyết hoàn cảnh khó khăn cần phải nắm được nguyên tắc trung dung và chính trực. Trên cơ sở tiền đề phù hợp với lợi ích của quần chúng, có lợi cho việc phát triển sự nghiệp, áp dụng thủ đoạn chính đáng để ứng phó với khó khăn, đó mới là có lợi nhất. Không thể vì nhất thời giải quyết khó khăn mà không chọn thủ đoạn, tuỳ ý làm càn. Làm như thế chỉ có là tự ném đá vào chân. Như công việc kinh doanh bị sa sút, con đường tốt nhất để giải quyết khó khăn là sản xuất ra sản phẩm mới, đáp ứng được nhu cầu thị trường và chỉnh đốn nội bộ, nâng cao hiệu suất. Nếu vì để thoát khỏi khó khăn mà sản xuất ra sản phẩm giả mạo, kém chất lượng, thì đó là đi vào con đường bất chính. Xí nghiệp đã như vậy, con người lại càng cần phải như vậy. Như kiếm tiền phải theo con đường chính đáng, còn nếu trộm cắp lừa đảo, thậm chí giết người cướp của, tức là tự mình diệt mình.

Ba là, giải quyết khó khăn còn cần phải giữ đúng thân phận, đáng được thì được, không đáng được thì không được, hợp với nghĩa thì lấy, không hợp với nghĩa thì thà ở vào hoàn cảnh khốn cùng cũng không lấy. "Hệ từ thượng truyện" dẫn lời Khổng tử nói về hào ba của quẻ Giải và phát triển thêm: "Khổng tử nói: người làm ra *Kinh Dịch* có biết kẻ ăn trộm chăng? *Kinh Dịch* nói: "Mang vác lại ngồi xe, ấy là kéo giặc tới". Mang vác là việc của kẻ tiểu nhân, xe là vật dụng của người quân tử, kẻ tiểu nhân

mà ngồi lên vật dụng của người quân tử, đó là đoạt trộm. Coi thường người trên, bạo tàn với người dưới, cái suy nghĩ trộm cắp đó đáng trừng phạt

Bốn là, trong khi giải quyết khó khăn, chúng ta cần bình tĩnh sáng suốt. Những người xung quanh chúng ta vô cùng phức tạp. trong họ có người tốt, người xấu, người chính trực, kẻ gian tà, người thành tâm, kẻ xu phụ. Người xưa có câu: chọn bạn mà chơi. Trong sinh hoạt thường ngày, giao tiếp với một người bạn xấu đã không có một lợi ích gì, có khi chính mình bị ảnh hưởng những thói xấu đó từ người bạn, ảnh hưởng tới sự nghiệp bản thân. Trong chính trị, trên thương trường, chọn nhầm người hợp tác, có khi dẫn tới thân bại danh liệt, khuynh gia bại sản.

Năm là, khi đã ở vào một địa vị cao, xung quanh sẽ có nhiều kẻ xu phụ ghen ghét. Làm người lãnh đạo cần mềm mỏng nhưng sáng suốt, khuyến khích những nhân tố tích cực, ngăn chặn tiêu diệt những nhân tố tiêu cực, làm sao cho xu hướng tích cực chiếm ưu thế, như vậy công việc sẽ thuận lợi thành công, vị trí của bản thân được củng cố.

Sáu là, khi gặp khó khăn cần phải vượt qua, cái cản trở lớn nhất là những kẻ tiểu nhân ở quanh ta. Họ không những không giúp đỡ ta mà còn ngầm cản trở, chỉ mưu toan cho lợi ích cá nhân. Cần mềm mỏng nhưng kiên quyết ngăn chặn tiêu trừ những xu hướng này.

Cho nên khi gặp khó khăn cần giải quyết, chúng ta cần:

1/ Giải quyết khó khăn ngay từ khi nó mới phát sinh.

2/ Trung dung chính trực khi giải quyết khó khăn.

3/ Giữ đúng thân phận trong mỗi hoàn cảnh.

4/ Không hợp tác với kẻ xấu

5/ Củng cố nhân tố tích cực, ngăn chặn nhân tố tiêu cực.

6/ Kiên quyết diệt trừ kử tiểu nhân khi có điều kiện.

41. 損 TỔN – NGƯỜI QUÂN TỬ GIỎI MƯỢN Ở SỰ VẬT



艮上 Cấn trên
兌下 Đoài dưới

損有孚，元吉，无咎，可貞，利有攸往。曷之用？二簋可用享

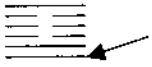
Tổn: hữu phu, nguyên cát, vô cữu, khả trinh, lợi hữu du vãng, hạt chi dụng? Nhị quỹ khả dụng hanh.

Giảm bớt, có lòng chân thành, rất tốt lành, không có lỗi, có thể chính đáng, lợi cho việc đi xa. Dùng như thế nào? Hai bát là có thể tế lễ được.

"Tổn"nghĩa là tổn hại, giảm bớt. Lấy tượng quẻ mà nói, quẻ này bớt hào cương ở Hạ quái mà tăng hào nhu ở Thượng quái, như thế gọi là "tổn". Ngoài ra, Thượng quái Cấn là núi, Hạ quái đoài là đầm, tượng trưng cho đầm sâu núi cao, bớt chỗ sâu để tăng thêm chỗ cao, đó cũng gọi là "tổn". "Tự quái truyện" nói: "Chậm rãi tất có tổn hại, bởi vậy gọi là quẻ Tổn. Chậm giải quyết khó khăn, giải quyết vấn đề, nhất định sẽ phải trả một giá nào đó, đó tức là tổn hại. "Có lòng chân thành" là sự giảm bớt phải xuất phát từ lòng chân thành, không như thế thì không thể tốt lành. "Có lòng chân thành" thì sẽ rất tốt lành, không có lỗi, có thể chính đáng, lại lợi cho việc đi xa. "Dùng như thế nào" là vận dụng đường lối giảm bớt như thế nào? Tế tự với "hai bát" vốn là lễ sơ sài, nhưng trong thời của quẻ Tổn, lễ tuy rất sơ sài nhưng không có hại. Lời tượng nói: "Dưới núi có đầm, giảm bớt. Người quân tử lấy đó mà phòng ngừa lòng oán hận và tham muốn".

Lòng oán hận phần nhiều sinh ra từ nỗi bực tức, lòng ham muốn phần nhiều sinh ra từ sự vui mừng. Người quân tử bắt chước tinh thần đầm sâu núi cao, giảm bớt dưới để thêm cho trên, cẩn thận tu thân, tự mình phòng ngừa lòng oán hận và tham muốn. Bởi vì người quân tử nên giảm bớt, chớ quá oán hận và ham muốn. Do đó cái mà quẻ Tổn trình bày cho chúng ta là nguyên tắc tự chúng ta giảm bớt và ngăn ngừa trong cuộc sống và xử thế.

Giảm bớt và phòng ngừa nghĩa là con người cần học cách khống chế lòng ham muốn của bản thân. Con người vì dục vọng mà sinh ra lòng tranh giành, vì lòng tranh giành mà sinh ra oán hận, vì oán hận mà sinh ra nỗi giận dữ, thế rồi dục vọng khó ngăn, mâu thuẫn từ đó mà sinh ra. Dục vọng của con người là không đáy, nếu không khống chế, tất sẽ tổn hại cho mình, lại hại đến đời sau. Do đó, cần phải giảm bớt, nghĩa là khắc chế bản thân đối với dục vọng và lợi ích trước mắt. Khi lực lượng mình đang mạnh, thì phải giảm bớt của mình trợ giúp người khác, đó cũng là "tổn".



初九：已事遄往，无咎，酌損之。

Sơ cửu: dĩ sự xuyền vãng, vô cữu, chước tổn chi.

Hào Sơ cửu: hoàn thành công việc để mau chóng ra đi, không có lỗi, phải châm chước khi giảm bớt.

Quẻ Tổn bớt dưới thêm cho trên, đó là việc của ta. Hào Sơ cửu là hào dương cương, trên ứng với hào Lục tứ âm nhu, khi bắt đầu tổn, giảm bớt bản thân mà tăng thêm cho hào Lục tứ. Người bói làm được như thế đương nhiên là không có lỗi. Nhưng bớt cương thêm cho nhu phải theo thời mà định, giảm bớt quá gấp, cần giảm một cách có tính toán. Cho nên nói: "phải châm chước mà giảm". Lời tượng nói: "Việc mình mau chóng làm, ấy là chuộng nhau vì hợp chí hướng". Đó là vì hào Sơ cửu và hào Lục tứ là hai hào âm dương tương ứng. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi giảm bớt sức mạnh cần phải thích hợp.*

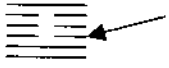


九二：利貞，征凶！弗損益之。

Cửu nhị: lợi trinh, chinh hung, phất tổn ích chi.

Hào Cửu nhị: giữ được sự chính đáng thì có lợi, bỏ đi thì xấu, không giảm bớt để thêm cho nó.

"Chính đáng" là giữ được đức cương trung của nó, "Bỏ đi" là không giữ được đức cương trung của nó mà lại có nơi đi. Hào Cửu nhị dương cương mà lại được ngôi trung, khi giảm bớt, chí ở tự giữ, để cách xử sự có lợi cho đạo, cho nên nói: "giữ được sự chính đáng thì có lợi". Nhưng nếu không như thế thì sẽ xấu, bởi vì hào Cửu nhị và hào Lục ngũ ứng nhau. Hào Lục ngũ tuy âm nhu nhưng lại ở địa vị tôn quý, không cần phải tăng thêm. Hào Cửu nhị tuy cương, nhưng lại ở ở ngôi âm nhu, vốn không có khả năng giảm bớt. Nếu cứ gắng giảm bớt thì sẽ xấu. Cho nên nói: "bỏ đi thì xấu". Lời tượng nói: "Hào Cửu nhị có lợi vì vững bền, lấy đạo trung để làm chí khí". Kiên trì giữ trung chính có thể không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi giảm bớt cần giữ chính đạo.*



六三：三人行則損一人，一人行則得其友

Lục tam: tam nhân hành, tắc tổn nhất nhân. nhất nhân hành, tất đắc kỳ hữu.

Hào Lục tam: ba người cùng đi, thì giảm bớt ở một người. Một người đi tất có được bạn.

Hào Lục tam ở vào chỗ giáp gianh giữa giảm bớt dưới để tăng thêm trên. "một người " là chỉ hào Lục tam. "Ba người cùng đi" là chỉ ba hào để tăng tăng thêm cho hào Lục tứ ở bên trên. Mà hào Lục tứ vốn ứng với hào Sơ cửu, hợp với hào Sơ cửu nên "có được bạn". Nếu ba hào cùng giảm bớt thì hỗn loạn. Ba bớt cho một thì thừa, một người được bạn thì cái tăng thêm không đủ. Lời tượng nói: "Một người đi, thì ba người nghi ngờ".

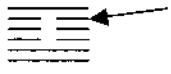
Một người đi mà thành bạn thì thành hai người, âm dương phối hợp là thích hợp. Nếu như là ba người thì sẽ hỗn loạn mà sinh nghi ngờ, cho nên bớt một người. *Hào này khuyên chúng ta rằng, mọi hành động nên bớt chỗ thừa thêm chỗ thiếu.*



六四：損其疾，使遄有喜，无咎。
Lục tứ: tổn kỳ tật, sử thuyên hữu hỷ, vô cữu.

Hào Lục tứ: giảm bớt cái tật của mình, khiến cho mau chóng có tin vui, không có lỗi.

Hào Lục tứ là hào âm nhu lại được ngôi chính, dưới ứng với hào Sơ cửu, nhờ hào Sơ cửu tăng thêm cho mà bản thân bớt tật. Hào Sơ cửu có thể nhanh chóng đến, thì hào Lục tứ bớt tật mà có điều mừng, đó là con đường không có lỗi. Lời tượng nói: "Bớt tật, cũng đáng mừng". Hào Lục tứ nhờ hào Sơ cửu bớt được tật, vốn đã đáng mừng, huống nữa hào Sơ cửu lại hoả tốc đến. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* việc *bớt thêm cần kịp thời.*

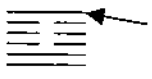


六五：或益之，十朋之龜弗克違，元吉。
Lục ngũ: hoặc ích chi, thập bằng chi quy phất khắc vi, nguyên cát.

Hào Lục tứ: chợt có người đem đến thêm cho con rùa mười bằng không được từ chối, vô cùng tốt lành

Thi kinh – Thanh thanh giả bằng có câu: "Tích ngã bách bằng" (cho ta trăm bằng). Trịnh Huyền thời Đông Hán trong bài "Tiên" viết: "Người xưa dùng bối (vỏ ốc) để mua bán, năm bối là một bằng", "Rùa mười bằng" tức là rùa thần giá 50 bối. Người xưa dùng rùa để xem bói, rùa càng to bói càng linh nghiệm. Hào Lục ngũ đang ở vào thời "tổn", nhu thuận mà âm hư ở giữa quẻ, ứng với hào Cửu nhị, dùng lễ đãi người hiền để nhận sự tăng thêm của thiên hạ, tự nhiên kết quả tốt lành. Lời tượng nói: "Hào Lục ngũ

rất tốt lành, đó là có trời giúp". Hành động tĩnh lặng mà chính đáng, trời tất giúp đỡ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, giảm bớt phù hợp với đạo trời đất.*



上九：弗損，益之，无咎，貞吉，利有攸往，得臣无家。

Thượng cửu: phất tổn ích chi, vô cữu, trinh cát, lợi hữu du vãng, đắc thần vô gia.

Hào Thượng cửu: không bớt mình mà vẫn thêm được cho người khác, không có lỗi, chính đáng nên tốt lành, được bầy tôi ủng hộ chứ không cứ người nhà.

"Không bớt mình mà vẫn thêm được cho người khác" là không bớt dưới để thêm trên. hào Thượng cửu ở trên cùng quẻ Tổn lại dương cương. Nếu dùng cương để bớt dưới thêm vào mình là trái với đạo trời thì không hợp với đạo của người trên, sẽ không thể không có lỗi. Nhưng hào Sơ cửu là hào dương cương lại ở vị trí âm nhu, vào lúc "tổn " kết thúc, không giảm bớt dưới, thực tế là thêm cho dưới, cho nên nói: "Chính đáng tốt lành". "Được bề tôi không gia đình" là nói không có lòng dạ nghĩ về gia đình riêng của mình. Lời tượng nói: "Không giảm bớt mà thêm cho nó, ấy là có chí lớn". Làm được như thế thì được mọi người ủng hộ mà có thể thực hiện hoài bão lớn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người có sức mạnh cần bớt mình thêm cho người.*

Tổng hợp những điều đã trình bày trên, vận dụng nguyên tắc của quẻ Tổn, chúng ta cần:

Thứ nhất: sức mạnh và sự thích hợp. Trên thực tế là chân thành khuyên chúng ta, bất kể khi làm việc gì đều phải căn cứ vào tình trạng của bản thân, lượng sức mà làm, để giành lối thoát, không dùng hết sức. Nếu làm đến cùng công việc, lỡ mắc sai lầm thì sẽ không còn đường nào quay

lại. Nếu tự mình không biết ức chế sự giảm bớt, luôn luôn ở trong tình trạng không đủ, nhất thời cũng có thể đạt kết quả, nhưng cuối cùng nhất định sẽ thất bại. Sách "Lão tử" nói: "Ta có ba thứ quý phải gìn giữ: một là lòng nhân từ, hai là tính tiết kiệm, ba là không dám đi trước thiên hạ. Không dám đi trước thiên hạ nên có thể trở thành người có khí chất hơn người. Bỏ nhân từ mà cậy sức, bỏ tiết kiệm mà hoang phí, bỏ vị trí mà chạy trước thiên hạ. Ấy là con đường đi tới chỗ chết". Câu này chính là nói về nguyên tắc trên.

Hai là, ức chế giảm bớt chính mình cần kiên trì đường lối chính đáng, tức là giảm bớt vì mục đích chính đáng. Như Chu công một bữa cơm mà ba lần nhả cơm tiếp người hiền. Làm như vậy mới được mọi người ca ngợi. Trong cuộc đấu tranh chính trị, thực chất có rất nhiều chính trị gia ức chế giảm bớt chính mình để bản thân đạt được sự tăng thêm lợi ích lớn nhất. Như họ Điền nước Tề đi vào dân chúng nước Tề, cuối cùng giành được chính quyền của họ Khương. Trà Khiêm, một trong "Tứ công tử" nổi tiếng thời Chiến quốc quan hệ cùng kẻ sĩ, không lấy sự xuất thân từ cửa quyền quý của mình để kiêu căng với họ, thậm chí còn tự mình đánh xe cho họ, lại được sự ủng hộ rộng rãi của sĩ nhân. Trái lại, nếu áp chế người khác để làm điều xấu, lấy đó làm mục tiêu thì chỉ có đi đến một kết quả trái ngược. Hơn nữa, kẻ tiểu nhân không có khả năng kiên trì dài lâu việc tự giảm bớt bản thân.

Ba là, bớt chỗ thừa cho chỗ thiếu, đó là lẽ thường tình của tự nhiên. điều này là điều được người Trung Quốc xưa tuyệt đối tin. Như sách "Lão tử" nói: "Đạo của trời có lẽ cũng giống như việc dương cung chăng? Cao thì hạ xuống, thấp thì nâng lên, thừa thì bớt đi, thiếu thì thêm vào. Đạo của trời là bớt của chỗ thừa để thêm cho chỗ thiếu". Đó là Lão tử đã tổng kết một cách sâu sắc kinh nghiệm về đời sống chính trị và đời sống xã hội đương thời. Quá đầy hoặc quá lớn cuối cùng đều sẽ bị hao tổn, bất luận là

của cải, chính trị, hay địa vị, tất cả đều như vậy. Phương thức bớt chỗ thừa để thêm chỗ thiếu tuy có nghìn vạn hình thức khác nhau, nhưng đường lối của nó chỉ có một. Đó là một tín điều mà trong việc xử thế của cuộc sống chúng ta nên luôn ghi nhớ.

Bốn là, việc tự ức chế giảm bớt bản thân cần phải kịp thời, cần sớm làm việc cần làm, không phải đợi sự việc đã đến nước cùng mới bổ cứu. làm như thế thì hối hận đã muộn rồi. Trong cuộc đấu tranh chính trị, nguyên tắc này càng có tác dụng. Như Lý Tư nước Tần, khi nhất thời Tần Thuỷ hoàng quyền khuy thiên hạ, con trai tranh nhiều người lấy công chúa nhà Tần, con gái nhiều người lấy công tử nhà Tần, khi Tần Thuỷ hoàng còn sống, Lý Tư hiểu được cái lý đầy quá tất hao tổn mà tự mình khiêm nhường kiềm chế. Nếu cứ tham cầu bổng lộc tước vị, không biết chỗ dừng thì cuối cùng sẽ dẫn đến hoạ sát thân diệt tộc.

Năm là, tự bản thân ức chế giảm bớt hợp với chính đạo của trời đất. Lấy của cải mà nói, đem của cải dư thừa cứu giúp người khác hoặc làm việc công ích mới là cách sử dụng của cải chính đáng. Lấy con người mà nói, tự ức chế và giảm bớt bản thân, khiêm tốn và khoan dung, để bản thân có được mối quan hệ giữa người và người tốt đẹp, từ đó mà làm cho sự nghiệp bản thân phát triển trên con đường bằng phẳng. những điều này đều là những điều chúng ta cần nhận thức rõ và suy nghĩ.

Sáu là, chỉ cần anh có sự dư thừa, bất luận là quyền thế hay của cải, anh đều cần giảm bớt của mình để tăng thêm cho người khác. Điều này quyết không thể chỉ nói suông. Dư thừa thì sẽ tới chỗ cùng, vật cùng tất phản. Do đó những chuẩn tắc sách lược "ở vào vị trí bên dưới", "quý sự mềm mỏng", "giữ (cái tính của) giống cái", "không tranh giành" mà Lão tử nhấn mạnh chúng ta cần cẩn thận ghi nhớ và vận dụng. Tóm lại, trên thực tế, quẻ Tổn đã bao hàm một loạt đường lối xử thế cực kỳ có tác dụng như: khiêm nhường, khoan dung, không tranh giành, tự kiềm chế. Trên

thực tế nó là tiền thân của tư tưởng sách "Lão tử".

Do đó, khi vận dụng những nguyên tắc của quẻ Tổn chúng ta cần biết:

1/ Dùng sức mạnh một cách thích hợp.

2/ Kiên trì theo con đường chính đáng.

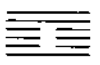
3/ bớt chỗ thừa để thêm chỗ thiếu.

4/ Giảm bớt ức chế kịp thời.

5/ Giảm bớt hợp với đạo trời.

6/ Giảm bớt rồi vẫn giảm bớt nữa, trời sẽ giúp.

42. 益 ÍCH – GIÚP NGƯỜI VÀ MONG NGƯỜI GIÚP



巽上 Tốn trên
震下 Chấn dưới

益，利有攸往，利涉大川。

Ích, lợi hữu du vãng, lợi thiệp đại xuyên.

Quẻ Ích, lợi cho việc tiến lên, lợi cho việc vượt sông lớn.

Ích nghĩa là tăng thêm, hình quẻ trái với hình quẻ Tổn, hai quẻ họp thành một nhóm quẻ, nghĩa của chúng có tác dụng hỗ trợ nhau. Quẻ Tổn thì bớt dưới để thêm trên, quẻ Ích thì bớt trên để thêm dưới. "Tự quái truyện" nói "Bớt mà không dừng thì sẽ thêm. Vì vậy gọi là quẻ Ích". Giảm bớt đến một hạn độ nào đó tất nhiên cần chuyển sang tăng thêm, đó là quy luật tự nhiên. "Lợi cho việc tiến lên" chỉ việc nếu biết tăng thêm thì thì mọi sự không gì không có lợi. "Lợi cho việc vượt sông lớn" thì có thể mạo hiểm xông vào khó khăn. Lời tượng nói: "Tăng thêm, giảm bớt, trên tăng thêm cho dưới, dân vô cùng vui mừng. Từ trên đưa xuống dưới, đạo nghĩa ấy chói ngời. Lợi cho việc tiến lên, trung chính nên có lộc, đạo (sinh sôi) của hành Mộc được thi hành. Vận động để tăng thêm, mỗi ngày mỗi tiến đến vô cùng. Trời đất sinh sôi, sự tăng thêm không chỉ có một cách. Mọi cách thức tăng thêm đều hài hoà với thời thế". Quẻ Ích là giảm bớt trên để tăng thêm cho dưới, khiến cho người dân vô cùng vui sướng. Từ trên đưa xuống dưới, khiến người dân được tăng thêm, đạo nghĩa vô cùng chói lọi, cho nên lợi cho việc tiến lên. Được ngôi trung, ngôi chính cho nên tốt lành có phúc, mà có thể mạo hiểm xông vào khó khăn. Theo lý này mà vận động, mà

tăng thêm, có thể tăng thêm tới vô cùng. Trời đất ban phát, dưỡng dục vạn vật. Mọi cách thức tăng thêm đều hợp với quy luật tự nhiên. Lời tượng nói: "Gió sấm, đó là tăng thêm. Người quân tử thấy điều thiện thì học theo, có sai lầm thì sửa chữa". Thượng quái Tốn là gió, Hạ quái Chấn là sấm, gió sấm cùng nổi lên, khí thế tăng thêm bội phần. Người quân tử nên bắt chước tinh thần này, dốc lòng học tập cái hay của người khác, sửa chữa sai lầm của bản thân, khiến bản thân được tăng thêm.

Tổng hợp những điều đã trình bày trên có thể thấy, quẻ Ích nối sau quẻ Tổn, là tiến thêm một bước trình bày cho chúng ta ứng dụng nguyên tắc giảm bớt, tăng thêm. Tổn nghĩa là tự mình giảm bớt kiềm chế, giảm bớt chỗ thừa để bổ xung cho chỗ thiếu. Ích lại là tự mình tăng thêm, luôn luôn khiến cho bản thân, nếu không đủ, dùng mọi cách tuỳ thời tuỳ chỗ tăng thêm cho mình, bao gồm những phương diện về tri thức, tu dưỡng đạo đức và lực lượng. Nghĩa của hai quẻ có tác dụnghỗ trợ nhau. Nếu cuộc sống ở vào hoàn cảnh khó khăn, những nguyên tắc của quẻ Ích càng có tác dụng.



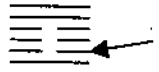
初九：利用爲大作，元吉，无咎。

Sơ cửu: lợi dụng vi đại tác, nguyên cát, vô cữu.

Hào Sơ cửu: có lợi khi dùng vào việc lớn, vô cùng tốt lành, không có lỗi.

Hào Sơ cửu là hào dương cương, là chủ của Thượng quái Tốn, trên ứng với hào Lục tứ, được hào Lục tứ tín nhiệm, đó là nhận được sự tăng thêm của bề trên, cho nên khi bói đoán là "có lợi khi dùng vào việc lớn". "Lợi khi dùng", nhưng trên thực tế lại không phải như vậy, bởi vì hào Sơ cửu ở địa vị thấp kém, nếu như giao cho việc quá nặng sẽ không kham nổi, nếu nhận phải thật chu tất mới không có lỗi. Nếu khinh suất khi làm việc thì có khả năng thất bại. Lời tượng nói: "Rất tốt lành, không có lỗi, kẻ dưới

không ngang ngạnh khi làm việc". Không có tính ngang ngạnh khi gánh vác công việc thì dù có làm việc lớn cũng không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, khi có điều kiện tăng thêm thì nên gắng sức mà làm.*

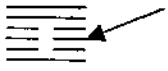


六二：或益之十朋之龜，弗克違，永貞吉，王用亨于帝，吉

Lục nhị: hoặc ích chi, thập bằng chi quy phất khắc vi, vĩnh trinh cát. Vương dụng hưởng vu đế, cát.

Hào Lục nhị: có người đem cho con rùa quý mười bằng, không được từ chối,phải luôn giữ sự chính đáng là tốt lành. vua dùng đức đó để tế Thượng đế.

"Rùa mười bằng" xin xem giải thích ở quẻ Tổn. Hào Lục nhị ở giữa Hạ quái, lại nhu thuận, trên ứng với hào Cửu ngũ, nên có thể nhận được sự tăng thêm từ trên xuống, tượng trưng cho việc bậc đại thần một lòng trung với vua. Lòng vốn không cầu mong lợi ích, nhưng lại được vua quý trọng mà được tăng thêm "rùa mười bằng", không thể không mãi vững bền. "Vua dùng đức đó để tế Thượng đế", lấy lòng thành tâm để thờ vua cho nên tốt lành. Lời tượng nói: "Chợt được tăng thêm, đó là từ ngoài tới". Điều tốt lành không biết từ đâu tới. *Hào này khuyên chúng ta rằng, muốn được tăng thêm cần chân thành, trung chính.*

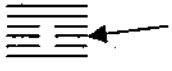


六三：益之用凶事，无咎。有孚，中行告公用圭。

Lục tam: ích chi dụng hung sự, vô cữu. Hữu phu trung hành, cáo công dụng khuê.

Hào Lục tam: tăng thêm dùng vào việc chẳng lành, không có lỗi. Hành động có lòng chân thành, theo đạo trung dung, dùng ngọc khuê yết kiến bậc vương công.

"Việc chẳng lành" là chỉ con đường trước mắt muôn trùng khó khăn, hoặc chỉ sự không lành đói khát mất mùa. "Vương công" là chỉ hào Lục tứ. "Ngọc khuê" là vật dùng để biểu đạt lòng chân thành khi tế lễ hoặc khi triều cống. Hào Lục tam là hào âm nhu, không được ngôi trung, ngôi chính, lại ở vị trí trên cùng của Hạ quái, có điểm nhận được sự tăng thêm từ trên xuống mà dùng vào việc chẳng lành, khi bói đoán là không có lỗi. Nếu như bản thân mình âm nhu nên không đảm đương được việc đó thì phải chân thành, theo đạo trung dung mà hành động, báo cáo với người trên. Làm như vậy thì có thể tránh được tai hoạ. Lời tượng nói: "Tăng thêm dùng vào việc chẳng lành, bởi vì (việc chẳng lành) là nó vốn có". Việc chẳng lành này là điều mà hào Lục tam nhất định sẽ gặp. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên cầu mong thì hãy cầu mong, không nên cầu mong thì không cầu mong.*



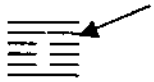
六四：中行，告公從，利用爲依遷國。

Lục tứ: trung hành, cáo công tòng. Lợi dụng vi y thiên quốc.

Hành động theo đường lối trung dung, báo cáo với người trên. Có lợi khi hành động dựa vào việc chuyển dời đất nước.

"Hành động theo đường lối trung dung, báo cáo với người trên" là hào Lục tam báo cáo việc mình hành động theo đường lối trung dung với hào Lục tứ. Thượng quái Tốn là thuận theo nên có điểm thuận theo. "Hành động dựa vào việc chuyển dời đất nước" nghĩa là chuyển dời đất nước để dân được yên ổn phải dựa vào hình thế đất đai. Như đầu đời Hán, Lưu Bang dời đô về Quan Trung là vì Quan Trung ba mặt hiểm trở, có thể lấy một mặt để kiềm chế chư hầu ở phía đông. Đó là dựa vào thế hiểm trở của đất Quan Trung mà dời đô. Hào Lục tứ là hào âm mà lại được chính ngôi, trên gần với vua là hào Cửu ngũ, có chí tăng thêm cho người dưới, mà cũng có

quyền tăng thêm cho người dưới. Hào Lục tam lấy việc hành động theo đường lối trung dung báo cáo với hào Lục tứ, hào Lục tứ phối hợp mưu tính với hào Lục tam để thực hiện việc đại sự là "hành động dựa vào việc dời chuyển đất nước". Lời tượng nói: "Báo cáo cho người trên thuận theo, là bởi (người trên) có chí tăng thêm cho". *Hào này khuyên chúng ta rằng, cùng chí cùng đường thì có thể tăng thêm được rất lớn.*

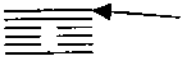


九五：有孚惠心，勿問元吉。有孚惠我德

Cửu ngũ: hữu phu huệ tâm, vật vấn nguyên cát. Hữu phu huệ ngã đức.

Hào Cửu ngũ: có lòng chân thành ban ơn huệ, không hỏi, rất tốt lành. Người khác có lòng chân thành nhớ ơn đức của ta.

"Có lòng chân thành ban ơn huệ" nghĩa là có lòng ban ân huệ để tăng thêm cho người dưới. "Chớ hỏi" chỉ việc hào Lục tứ cư xử với hào Lục tam, hào Cửu ngũ cũng cư xử như vậy với hào Lục tứ, hai bên chân thành, cho nên hào Lục tứ không cần báo cáo lên, hào Cửu ngũ cũng không cần hỏi lại, bởi vì biết hào Lục tứ có lòng ban ân huệ cho người dưới nên không hỏi lại. "Ta" là chỉ bản thân hào Cửu ngũ. Hào Cửu ngũ dương cương, trung chính, lại ở địa vị tôn quý, là chủ việc làm tăng thêm cho người dưới. Khi tăng thêm hoàn toàn tin tưởng vào sự ban ân huệ cho người dưới của đại thần là hào Lục tứ nên bói được quẻ này đoán là tốt lành lớn. Lời tượng nói: "Có lòng chân thành ban ơn huệ, không hỏi lại việc đó. Đức ban ân huệ của ta, vô cùng thoả chí". Làm được như thế thì có thể thực hiện được hoài bão lớn. *Hào này khuyên chúng ta rằng,* việc *ban phát thì cũng đồng thời nhận được lợi ích.*



上九：莫益之，或擊之，立心勿恆，凶。

Thượng cửu: mạc ích chi, hoặc kích chi, lập tâm vật hằng, hung.

Hào Thượng cửu: không ai tăng thêm cho, có khi còn bị công kích. Không giữ được tâm mình lâu bền, xấu.

Hào Thượng cửu là hào dương cương lại ở trên cùng quẻ Ích, vật cùng tắc phản, tăng thêm lại biến thành không tăng thêm. Hơn nữa, hào Thượng cửu lại ở vào thời sẽ có biến đổi, tượng trưng cho người không giữ được lâu bền cái đức của mình. Nếu như giữ được tấm lòng ban lợi ích cho kẻ dưới được lâu bền không đổi thì "dân sẽ vui vẻ vô cùng". Nhưng hào Thượng cửu không giữ được cái đức lâu bền, cho nên xấu. Lời tượng nói: "Không ai tăng thêm cho, lại đòi hỏi lệch lạc.Có khi lại có người công kích, đó là điều từ bên ngoài mang đến". Không giữ được đức chính đáng là tự rước hoạ vào thân. *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ có chỉ muốn tăng thêm, mang lòng tham không đáy.*

Do đó, khi vận dụng nguyên tắc của quẻ Ích, chúng ta cần chú ý:

Một là, sự tăng thêm trên thực tế là sự tiến thủ. Chỉ cần không vượt qua một giới hạn nhất định, chỉ cần có điều kiện, có cơ hội tăng thêm cho bản thân, thì bất kể đó là tri thức hay là của cải, địa vị, hoặc những điều mà ta mong muốn đạt được khác, đều cần phải gắng sức tiến thủ. Chỉ cần nắm được một cơ hội thực tế thì cuộc đời sẽ có khả năng bước lên một nấc thang mới. Bất kể khi nào, bất kể ở đâu, kịp thời tiến thủ đều là một chuẩn mực của cuộc sống. Nếu vận dụng nó vào cuộc đấu tranh chính trị và quân sự thì nó nghĩa là nỗ lực tìm mọi cơ hội để đẩy lùi đối phương, đánh bại kẻ địch. Trong cuộc cạnh tranh buôn bán cũng như vậy. Những ví dụ về việc này không cần phải dẫn chứng nhiều

Hai là, muốn tăng thêm cần phải chân thành, kiên trì giữ sự trung chính. Nếu muốn người khác giúp đỡ thì phải tu dưỡng đức khiêm tốn, chính trực, không vì bản thân ở vào hoàn cảnh khó khăn mà sa vào con đường tội lỗi. Làm được như thế mới có thể giành được sự giúp đỡ thành tâm thành ý của người khác. Điều này cũng có nghĩa là bất kể sự nghiệp của chúng ta thuận lợi hay ở vào hoàn cảnh ngang trái, chỉ có kiên trì giữ vững con đường chính đáng mới có được điều tốt lành. Nếu muốn được tăng thêm mà lại ngạo ngược với người khác thì sẽ gặp điều ngược lại. Năm 285 tr.c.n, Nhạc Nghị dem quân nước Yên đánh Tề, quân Tề đại bại, vua Tề chạy trốn sang nước Vệ. vua Vệ nhường cung điện của mình cho vua Tề ở và cung đốn đầy đủ. vua Tề lại rất không khiêm nhường nên người Vệ đuổi đi. vua Tề chạy tới hai nước Châu, Lỗ, vẫn giữ vẻ kiêu ngạo. Hai nước Châu, Lỗ không chứa. Bất đắc dĩ vua Tề phải chạy tới nước Lữ. Sau đó bị người nước Sở giết. Cái chết của vua Tề là rất đích đáng.

Ba là, muốn được tăng thêm còn cần có nguyên tắc, đáng muốn thì muốn, không đáng muốn thì không muốn. Nếu có khó khăn, trước tiên phải dựa vào tiềm lực vốn có của chính mình, không nên hơi một tý là cầu mong người khác. Nếu sức mình đầy đủ thì không nhất định cần tăng thêm. Nếu thực tế tự mình không vượt được khó khăn thì cầu mong người khác mới là tất yếu, hơn nữa cần giữ cái gốc là nguyên tắc chân thành, không trái đạo lý, mới có thể đạt được mục đích. Bất kỳ người nào cũng không thể bảo đảm suốt cuộc đời luôn xuôi buồm thuận gió. Mọi người ai cũng cần có chí tiến thủ, nếu là thanh niên mới trưởng thành càng cần có chí tiến thủ hơn.

Bốn là, biện pháp tốt nhất khi không đủ sức giải quyết vấn đề là tìm người cùng chí cùng đường, hợp sức cùng tiến lên. Sự thực đây là "mong muốn được tăng thêm" lớn nhất. Nó khiến cho chúng ta, trong một thời gian ngắn tăng thêm sức mạnh để vượt mọi trở ngại. Hơn nữa, điều này

đem lại lợi ích cho cả hai bên mà không mộtthiệt hại gì. Bởi vậy, đoàn kết với người cùng chí hướng, là "mong muốn được tăng thêm" tốt nhất.

Năm là, ban phát tức là nhận lợi ích về. Mối quan hệ giữa ban phát và nhận về là mối quan hệ biện chứng, tuyệt nhiên không đối lập. Câu mà người đời nói "anh kính người một, người kính anh mười" chính là đạo lý này. Chuyện họ Điền và "tứ công tử" thời Chiến Quốc mà phần trước đã dẫn cũng là thế. Một câu chuyện sảy ra với Mạnh Thường quân, một trong "tứ công tử", là chuyện Phùng Hoan thay Mạnh Thường Quân đi thu nợ tại đất Tiết. Ông ta thu lại toàn bộ giấy nợ rồi đốt đi, khiến cho Mạnh Thường Quân sau này có đất lui là một thí dụ điển hình, được mọi người suy ngẫm.

Sáu là, "mong muốn được tăng thêm" là để tăng thêm kiến thức, tăng cường lực lượng, giải quyết khó khăn, chứ không phải để thoả mãn dục vọng khôn cùng. Do đó, một điều tối quan trọng mà "mong muốn được tăng thêm" cảnh báo là không nên quá tham lam. Làm trái điều này chỉ có thể mang sự thù ghét và bất mãn của người khác, chỉ tăng thêm kẻ thù, nó khiến cho bản thân sa vào cực đoan, dẫn tới thất bại. Những ví dụ này thì không cần dẫn nhiều.

Do đó, khi vận dụng nguyên tắc của quẻ Ích chúng ta cần:

1/ Khi đã mong muốn điều gì thì gắng sức thực hiện nó.

2/ Chân thành giữ lòng trung chính.

3/ Đáng cầu mong thì cầu mong, không đáng cầu mong thì không cầu mong.

4/ Tìm người cùng chí hướng, nắm tay nhau cùng tiến.

5/ Bớt tức là thêm.

6/ Chớ mang lòng tham không đáy.

43. 夬 QUẢI – TRỒNG CÂY ĐỨC MONG XUM XUÊ, DIỆT TÀ ÁC DIỆT TẬN GỐC



兌上 Đoài trên
乾下 Càn dưới

夬，揚于王庭，孚号，有厲，告自邑，不利即戎，利有攸往。

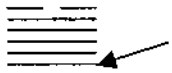
Quải, dương vu vương đình, phu hiệu, hữu lệ, cáo tự ấp, bất lợi tức nhung, lợi hữu du vãng.

Quẻ Quải, dương dương tự đắc ở sân cung vua, kêu gọi, có nguy hiểm, báo cho người cùng ấp. Không lợi cho việc dùng binh, lợi cho việc tiến lên.

"Quải" nghĩa là quyết, quyết đoán. Trong tượng của quẻ, hào âm cường thịnh, tượng trưng cho sự lớn mạnh về lực lượng của người quân tử. Lấy dương quyết định âm, năm dương lớn mạnh, một âm sẽ tiêu vong. "Tượng quái truyện" nói: "Tăng thêm không ngừng, tất phải quyết đoán, cho nên gọi là quẻ Quải. Quải nghĩa là quyết đoán". "Dương dương đắc chí" chỉ hào Thượng lục. Hào Cửu ngũ tượng trưng cho vua. Hào Thượng lục ứng với hào Cửu tam. "Kêu gọi" nghĩa là hào Thượng lục kêu gọi hào Cửu tam liên kết. Hào Cửu tam lại ở giữa các hào dương nên không dám kết giao với hào Thượng lục. Nhưng hào Thượng lục ở bên cạnh hào Cửu ngũ, tượng trưng cho kẻ tiểu nhân được vua tín nhiệm sâu sắc, kêu gọi mà không đến tất gặp nguy hiểm, cho nên nói: "có nguy hiểm". Đây cũng là chỗ khó quyết định của con người. "Báo cho người cùng ấp" là báo cho hào dương đồng loại. "Không lợi cho việc dùng binh" là không có lợi cho việc

cứ cố dùng vũ lực để diệt trừ kẻ tiểu nhân mà phải từ từ diệt trừ nó. Lời Thoán nói: "Quải là quyết đoán, lấy cương diệt trừ nhu. Mạnh mẽ mà người ta vui, quyết đoán mà hoà hợp. Dương dương tự đắc nơi sân đình, ấy là một nhu lấn át nơi triều đình. Kêu gọi, có nguy hiểm, sự nguy vong liền hết. Báo cho người cùng ấp, không lợi việc dùng binh. Nếu chuộng (vũ lực) sẽ cùng đường. Lợi cho việc tiến lên, cương lâu dài sẽ thắng". Quyết ở đây là quyếtt đoán với nhu, người quân tử quyết đoán với tiểu nhân. Người quân tử tuy rắn rỏi dũng mãnh, nhưng vì một hào âm là tiểu nhân lại ở trên năm quân tử, không nên dùng thủ đoạn cứng rắn để giải quyết. Hào Lục tam tuy nguy, nhưng biết bỏ hào tương ứng (hào Thượng lục) mà theo vua (hào Cửu ngũ) thì sẽ thoát được nguy hiểm. Kẻ tiểu nhân ở bên cạnh vua nên lấy thủ đoạn mềm mỏng để trừ bỏ dần, để tránh tạo nên hỗn loạn. Đợi cho dương cương đã trưởng thành thì tự nhiên tiểu nhân sẽ bị tiêu diệt. Lời tượng nói: "Nước đầm bốc lên trời, quyết đoán. Người quân tử ban lộc cho người dưới. Nếu cứ giữ đức (không ban ra thì sẽ bị chán ghét". Thượng quái Đoài là đầm, Hạ quái Càn là trời, đầm ở trên trời là do vua thực hiện. Người quân tử nên bắt chước tinh thần này, ban ân huệ xuống dưới, mà không khư khư giữ đức.

Do đó, điều mà quẻ Quải trình bày cho chúng ta là những nguyên tắc khi diệt trừ kẻ tà ác.



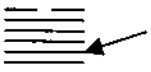
初九：壯于前趾，往不勝爲咎。

Sơ cửu: tráng vu tiền chỉ, vãng bất thắng vi cữu.

Hào Sơ cửu: mạnh mẽ ở đầu ngón chân, tiến lên không thắng là có lỗi.

"Tiến lên" là đi giải quyết hào Thượng lục. Hào Sơ cửu đang lúc phải giải quyết hào Thượng lục, tuy ở bên dưới, nhưng muốn mau chóng tiến lên

để giải quyết kẻ tiểu nhân. Nhưng hào Sơ cửu ở địa vị thấp kém, trên không có người tiếp ứng, bản thân lại không có lực lượng, chưa chắc có thể thắng được tiểu nhân, cho nên coi không thắng là có lỗi. Lời tượng nói: "Không thắng mà đi, đó là có lỗi". Biết rõ không thể thắng được tiểu nhân nhưng vẫn cậy vào sức mạnh ra đi, tất nhiên sẽ mắc lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, trừ bỏ kẻ tiểu nhân cần có đủ lực lượng, không thể manh động.*

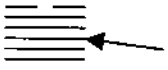


九二：惕號，莫夜有戎，勿恤。

Cửu nhị: dịch hào, mạc dạ hữu nhung, vật tuất.

Hào Cửu nhị: lo lắng hô hào, nửa đêm có giặc tới, không lo.

"Mạc" ở đây nghĩa như "mộ" (buổi đêm). Hào Cửu nhị là hào dương cương lại được ngôi trung, đang khi quyết đoán, lấy đức cương ở vị trí nhu, lại được ngôi trung, biết lo lắng hô hào tự chuẩn bị, tính toán chu toàn, được đông người cùng lòng, cho dù nửa đêm bất ngờ có biến động cũng có thể không phải lo lắng. Lời tượng nói: "Có quân địch tới không lo, ấy là vì giữ được đạo trung". Có được đạo trung thì không cậy vào sức mạnh của mình mà biết lo tính chuẩn bị cho nên "có giặc tới, không lo". *Hào này khuyên chúng ta rằng,* việc *diệt trừ tà ác cần tuỳ thời phòng bị, lo tính tà ác phản công.*

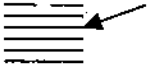


九三：壯于頄，有凶，君子夬夬，獨行遇雨，若濡有慍，无咎。

Cửu tam: tráng vu cừu, hữu hung. Quân tử quải quải, độc hành ngộ vũ, nhược nhu hữu uẩn, vô cữu.

Hào Cửu tam: vẻ mạnh mẽ hiện ra trên gò má, có điều xấu. Người quân tử hết sức quyết đoán, một mình đi gặp mưa, ướt lấm nên bị giận, không có lỗi.

"Đi một mình" là chỉ trong năm hào dương chỉ có hào Cửu tam ứng với hào Thượng lục. "Ướt lấm" là chỉ hào Cửu tam bị hào Thượng lục dụ dỗ. "Bị giận" là chỉ hào Cửu tam bị đồng loại (bốn hào dương kia) giận. Hào Cửu tam đang khi quyết đoán, cương ở ngôi cương, lại ứng với hào Thượng lục, nếu lòng quyết tâm hiện ra trên nét mặt, việc chưa làm mà cơ đã lộ, bị kẻ tiểu nhân cắn lại, Cho nên nói: "Vẻ mạnh mẽ hiện ra trên gò má, có điều xấu". Chỉ có trong lòng quyết đoán, hợp với sự biểu hiện ra bên ngoài, như đi một mình gặp mưa nên bị ướt, vết tích tuy đáng ngờ, không tránh khỏi bị những người cùng chí hướng nghi ngờ, nhưng lại biết lựa thời cơ để thực hiện mưu kế của mình, cuối cùng tất nhiên diệt trừ được kẻ tiểu nhân, đạt được mục đích.. Lời tượng nói: "Người quân tử hết sức quyết đoán, cuối cùng không có lỗi". Trong lòng hết sức quyết đoán, hợp với vẻ mặt bên ngoài, cuối cùng không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, diệt trừ kẻ tiểu nhân cần ẩn nhẫn đợi thời cơ mà hành động.*



九四：臀无膚，其行次且，牽羊，悔亡，聞言不信。

Cửu tứ: điến vô phu, kỳ hành thứ thư, khiên dương, hối vong, văn ngôn bất tín.

Hào Cửu tứ: mông không có da, đi đứng khó khăn, dắt dê nên không còn hối hận, nghe lời khuyên không tin.

"Dắt dê" là liên kết với ba hào dương cùng tiến lên. Hào Cửu tứ là hào dương lại ở ngôi âm, không được ngôi trung, ngôi chính, dùng dằng không quyết đoán, chỉ có liên kết với những người cùng chí hướng, nắm tay nhau cùng tiến mới có thể không bị hối hận vì không tiến lên được. Nhưng hào Cửu tứ không được ngôi trung ngôi chính, không vui lòng nghe lời khuyên bảo chân thành của người quân tử, như thế thì tất nhiên sẽ bị hối hận. Lời tượng nói: "Đi đứng khó khăn, là vì địa vị không chính đáng.

Nghe lời khuyên nhưng không tin, như thế là không thông minh". *Hào này khuyên chúng ta rằng, diệt trừ tà ác cần quyết đoán kiên quyết, tiến lui không thể không có chỗ dựa.*

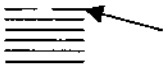


九五：莧陸夬夬，中行无咎。

Cửu ngũ: hiện lục quải quải, trung hành vô cữu.

Hào Cửu ngũ: kiên quyết (diệt trừ) cỏ hiện trên mặt đất, đi theo con đường trung chính nên không có lỗi)

Cỏ hiện là cỏ mọc về tháng 3, mà quẻ Quải lại là quẻ về tháng 3 trong những quẻ tiêu tức, nên lấy cỏ hiện tượng trưng. "Quải quải" là hình dung lòng quyết tâm của nó muốn diệt cỏ diệt tận gốc. Hào Cửu ngũ là hào chủ của quẻ Quải, lại được ngôi trung ngôi chính, có thể quyết đoán đối với kẻ tiểu nhân. Nhưng nó gần kề hào Thượng lục, lại khó thể tránh khỏi mềm yếu với riêng hào Thượng lục, không thể cương quyết quả đoán. Chỉ có nhổ cỏ phải nhổ tận gốc mới không có lỗi. Lời tượng nói: "Đi theo con đường trung chính nên không có lỗi, đạo trung chưa sáng tỏ". Tuy gần liền với kẻ tiểu nhân bên trên, nhưng biết giữ đạo trung chính nên không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, diệt trừ tà ác phải kiên trì giữ đạo trung chính.*



上六：无號，終有凶。

Thượng lục: vô hào, chung hữu hung.

Không thể kêu gọi, cuối cùng có hung hiểm.

Hào Thượng lục ở trên cùng quẻ Quải, phía trước không có đường đi nên kêu gọi hào Cửu tam ứng với nó, hào Cửu tam lại là "người quân tử vô cùng cương quyết". Hào Thượng lục lại kêu gọi hào Cửu ngũ liền kề nó, hào Cửu ngũ lại "kiên quyết (diệt trừ) cỏ hiên trên mặt đất", cho nên

"không thể kêu gọi, cuối cùng có hung hiểm". Lời tượng nói: "Gặp hung hiểm không thể kêu gọi, cuối cùng không được lâu dài". Một hào âm ở trên cùng không thể lâu dài, cuối cùng sẽ bị năm hào kia trừ khử. *Hào này khuyên chúng ta rằng, tà ác cuối cùng sẽ bị tiêu diệt.*

Tổng hợp những điều đã trình bày trên, quẻ Quải đã đề xuất cho chúng ta sáu nguyên tắc tuần tự tương ứng với quá trình diệt trừ kẻ tà ác, bởi vì kẻ tà ác không dễ diệt trừ, nhất định phải tìm một sách lược nhất định mới có thể đạt được thành công. Nếu như coi thường lực lượng của kẻ tà ác thì cho dù lực lương của chính nghĩa có chiếm ưu thế tuyệt đối cũng có khi bị nguy hiểm thất bại, bởi vì kẻ tà ác sở dĩ là kẻ tà ác là ở chỗ nó đạt được mục đích của mình. Không chọn thủ đoạn thì mọi việc đều có thể xảy ra, cho nên phải nhận thức rõ để đối phó.

Một là, dựa vào lực lượng mà làm, không được manh động. Lực lượng không đủ hoặc chưa có một kế hoạch chu đáo, chưa chắc chắn mười phần thì tuyệt đối không được khinh thường manh động. Làm trái điều này thì không những không đạt được mục đích mà trái lại sẽ bị kẻ tà ác đánh bại. Đặc biệt, khi thế lực tà ác ở trung tâm quyền lực, chúng càng dễ lợi dụng lực lượng có trong tay để áp đảo đối phương. Đậu Dung, Trần Phiên và Hà Tiến, Viên Thiệu thời Đông Hán đã hai lần mưu giết hoạn quan, đều vì mưu kế không chu đáo, yếu hơn lực lượng hoạn quan mà thất bại. Do đó, bất luận trong tình huống nào, cũng đều phải suy tính chu đáo kế hoạch, cẩn thận về sách lược để ứng phó với mọi tình huống ngoài ý muốn có thể phát sinh. Dự tính trước thì thành công, không dự tính trước thì thất bại. Kế hoạch chu đáo mới có thể bảo đảm thắng lợi một cách chắc chắn.

Hai là, luôn luôn phòng bị địch phản kích ban đêm. Nếu nhổ cỏ lại sợ rắn cắn, kẻ tiểu nhân biết trước mà ra tay trước, khiến cho bản thân ta bị ở vào hoàn cảnh vô cùng bất lợi. Cái chết của Hà Tiến là do bọn hoạn quan đã ngầm biết được mưu của ông ta mà ra tay trước. Thừa lúc Hà Tiến vào

cung không phòng bị, chúng bắt Hà Tiến đem đi giết. Cho nên, việc đại sự xử lý giải quyết kẻ tiểu nhân cần phải kết hợp cương nhu, lo toan cảnh giác, luôn luôn nhắc nhở bản thân, phòng kẻ tiểu nhân phản kích, mới có thể có phòng bị nên không lo lắng, vượt qua nguy hiểm.

Ba là, thế lực tà ác lớn mạnh, nhất thời chưa dễ tiêu trừ, thì cần tạm thời ẩn nhẫn đợi thời cơ mới hành động, nhận biết thời cơ có lợi nhất, một lần ra tay là tiêu diệt. Nếu khinh thường mạo hiểm thì chỉ dẫn đến thất bại. Thời Đông Tấn, Ôn Kiều đánh bại Vương Đôn là một thí dụ điển hình. Ban đầu, Tấn Minh đế gần gũi tín nhiệm Ôn Kiều, Vương Đôn ghét, xin cho Ôn Kiều làm Tả Tư mã. Ôn Kiều liền giả vờ kính cẩn, quán xuyến mọi việc trong phủ đệ của Vương Đôn, luôn dâng mưu kế để thoả mãn dục vọng của Vương Đôn. Ôn Kiều lại kết giao rất thân với tâm phúc của Vương Đôn là Tiền Phượng. Do đó, mọi hư thực của Vương Đôn, Ôn Kiều đều nắm được. Về sau, Ôn Kiều lập mưu khiến Vương Đôn dâng biểu xin cho mình làm quan doãn ở Đan Dương, nhân cơ hội đó tránh xa được Vương Đôn. Ôn Kiều đem hết âm mưu của Vương Đôn báo với triều đình nhà Tấn, xin sớm đề phòng. Chẳng bao lâu, chỉ một trận đánh là diệt được Vương Đôn.

Bốn là, diệt trừ tà ác cần phải kiên quyết, quyết đoán, không thể do dự chần chừ, tiến thoái dùng dằng. Hà Tiến thời Đông Hán, thân làm Đại tướng quân, muốn diệt hoạn quan, vốn chỉ cần dùng một viên quan bắt chúng là xong, nhưng lại bày ra lắm mưu mà thiếu quyết đoán, phái người đi triệu bọn Đổng Trác đem tướng mạnh vào kinh để giúp Thái hậu, lại triệu nhiều hào kiệt về kinh. Câu kết xong xuôi thì hình thế cũng lộ. Hà Tiến lại không sớm quyết đoán, việc để lâu nên sinh biến, do đó bị hoạn quan giết. Kẻ ngu muội làm nên việc lớn, qua đây có thể thấy.

Năm là, diệt trừ tà ác vốn là để nêu cao chính nghĩa, cho nên phải kiên trì giữ vững chính đạo, cho dù bản thân ở vào hoàn cảnh khó khăn, cô lập không người giúp cũng phải kiên trì chân lý, không a dua theo kẻ tiểu

nhân làm bậy, đó cũng là một chân lý sáng ngời. Nếu lấy chiêu bài chính nghĩa để thoả mãn ham muốn riêng, như Đổng Trác thời Đông Hán, tuy nhất thời đắc ý, nhưng cuối cùng tất bị tiêu diệt.

Sáu là, tà ác tiêu vong hay phát triển, đó là cái lý của tự nhiên. Trong tình hình thế lực chính nghĩa lớn mạnh, nếu như tà ác có thể nhất thời đắc ý, nhưng cuối cùng chúng tất thất bại. Do đó mọi người cần xây dựng lòng tin hoàn toàn khi ứng phó với kẻ ác. Khi thời cơ bất lợi cho kẻ tiểu nhân đến, điều kiện và hoàn cảnh hình thành, tất nhiên có thể tiêu diệt chúng. Như chuyện bè lũ bốn tên là một ví dụ.

Do đó, để nêu cao chính nghĩa, diệt trừ kẻ ác, chúng ta cần ghi nhớ những lời khuyên sau:

1/ Dựa vào sức mạnh mà làm, không được hành động mù quáng.

2/ Luôn luôn phòng bị, cảnh giác có thể bị phản kích.

3/ Đối với đối thủ mạnh, phải ẩn nhẫn chờ thời.

4/ Tối kỵ do dự không quyết đoán, tiến lui chần chừ.

5/ Kiên trì giữ vững chính đạo.

6/ Tà ác tất nhiên sẽ diệt vong.

44. 姤 CẤU – CHỚ MANG DẠ HAI NGƯỜI, LUÔN PHÒNG NGƯỜI HẠI TA



乾上 Càn trên
巽下 Tốn dưới

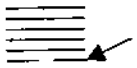
姤，女壯，勿用取女。

Cấu, nữ tráng, vật dụng thú nữ.

Quẻ Cấu, người con gái mạnh mẽ, chớ lấy người con gái đó.

Cấu có nghĩa là gặp nhau. Trong tượng quẻ, một hào âm sinh ra bên dưới, gặp năm hào dương bên trên, như không hẹn mà gặp, cho nên gọi là Cấu. Hình của quẻ này trái với hình của quẻ Quải, hai quẻ hợp thành một nhóm, nghĩa đùng hỗ trợ nhau. "Tự quái truyện" nói: "Khi phải quyết đoán tất sẽ gặp nhau, cho nên gọi là quẻ Cấu. Cấu là gặp nhau". "Người con gái mạnh mẽ" là chỉ một hào âm gặp năm hào dương, tượng trưng một người con gái bị vây giữa năm người con trai, tất đức của người con gái không giữ vững được, không thể lâu bền, cho nên nói: "chớ lấy người con gái đó". Lời Thoán nói: "Cấu nghĩa là gặp gỡ, đó là chỉ việc nhu gặp cương. Chớ lấy người con gái đó vì không thể sống với nhau lâu bền. Trời đất gặp nhau, muôn vật sinh sôi tươi tốt. Cương gặp nhu, giữ được sự trung chính thì thiên hạ vận hành thông thuận. Ý nghĩa của sự gặp gỡ hợp thời lớn lao thay". Một âm gặp năm dương, chớ lấy người con gái đó, tất nhiên là điều không hay, nhưng nói về bản thân sự gặp gỡ thì vẫn có cái hay trong đó, như trời đất gặp nhau khiến cho vạn vật hanh thông. Sự gặp gỡ hay hay dở hoàn toàn do thời cơ quyết định. Lời tượng nói: "Dưới trời có gió, đó là sự gặp

gỡ. Sau lấy đó ban hành mệnh lệnh, bố cáo bốn phương". Thượng quái Càn là trời, Hạ quái Tốn là gió, gió thổi dưới trời, không vật nào không gặp. Người làm vua cần bắt chước tinh thần của gió thổi dưới trời, thi hành mệnh lệnh trong thiên hạ, bố cáo bốn phương. Cho nên, nói một cách tổng thể, điều mà quẻ Cấu trình bày là năm dương gặp một âm, tức người quân tử ứng phó như thế nào khi gặp kẻ tiểu nhân, cũng tức là nguyên tắc làm thế nào phòng ngừa tà ác.



初六：繫于金柅，貞吉；有攸往，見凶；羸豕蹢躅。

Sơ lục: hệ vu kim nê, trinh cát. hữu du vãng, kiến hung, luy thỉ trịch trục.

Buộc chặt vào cái hãm xe bằng kim khí, giữ được chính đạo thì tốt lành. Cứ tiến lên sẽ gặp điều xấu, con lợn nhỏ nhảy nhót lung tung.

"Buộc chặt vào cái hãm xe bằng kim khí" là nói, buộc chặt kẻ đó vào cái hãm xe, giữ lại ở nơi ngày trước đã tới, cho nên "giữ được chính đạo thì tốt lành". Nếu không trói buộc mà "cứ tiến lên" thì sẽ gặp điều xấu. Vì vậy, hào âm Sơ lục không thể tiến lên gặp hào dương. "Con lợn nhỏ nhảy nhót lung tung" và "cứ tiến lên" cũng giống nhau, tiến lên sẽ cùng gặp nguy hiểm. Lời tượng nói: "Buộc chặt vào cái hãm xe bằng kim khí, đó là đạo nhu dẫn dắt". Âm dẫn dắt dương, tiền đồ khó liệu, cho nên cảnh báo việc tiến lên. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cần ngăn ngừa tà ác trước khi nó lớn mạnh.*



九二：包有魚，无咎，不利賓。

Cửu nhị: bào hữu ngư, vô cữu, bất lợi tân.

Trong bếp có cá, không sai lầm, không lợi cho khách

"Khách" là chỉ mình làm khách người khác. "Trong bếp có cá" là chỉ bữa ăn có thức ăn ngon, tất nhiên là không có gì sai lầm. Nhưng nếu bỏ thức ăn ngon của mình đi làm khách người khác thì sẽ không có lợi, cho nên nói "không lợi cho khách". Hào Cửu nhị được ngôi trung, lại ở vào vị trí nhu, trên không có người tương ứng, không ứng với hào Sơ lục nhưng cả hai lại muốn gặp gỡ nhau. Đó là sự gặp gỡ không chính đáng, cho nên có điểm này. Lời tượng nói: "Trong bếp có cá, lại không gặp khách". *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ tin gần kẻ tiểu nhân để đề phòng mình bị ảnh hưởng nhiều.*

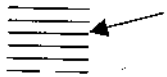


九三：臀无膚，有行次且，厲，无大咎。

Cửu tam: điến vô phu, kỳ hành thứ thả, lệ, vô đại cữu.

Mông không có da, đi lại khó khăn, cố gắng, không có lỗi lớn.

Câu "mông không có da, đi lại khó khăn" nghĩa cũng giống như ở hào từ hào Cửu tứ của quẻ Quải. Hai quẻ làm thành một nhóm, hào Cửu tam của quẻ này tức là hào Cửu tứ của quẻ Quải. Hào Cửu tam đang thời gặp gỡ, quá cương mà lại không được ngôi trung, cứ cố tìm hào âm, cho nên có điểm "Mông không có da, đi lại khó khăn", nhưng ở giữa có hào Cửu nhị ngăn cách nên không thoả mãn ý muốn, tuy cứ cố nhưng còn chưa có lỗi lớn. Lời tượng nói: "Đi lại khó khăn, đi chưa gặp được". Chưa liên kết được với hào Sơ lục nên không có lỗi lớn. *Hào này khuyên chúng ta rằng, cho dù có bị cô lập không người cứu viện cũng không nên kết bạn với tiểu nhân.*



九四：包无魚，起凶。

Cửu tứ: bào vô ngư, khởi hung.

Hào Cửu tứ: bếp không có cá, gây lên điều xấu.

Hào Cửu tứ không được ngôi trung, ngôi chính, bên dưới lại ứng với hào Sơ lục, nhưng hào Sơ lục lại bị hào Cửu nhị vây, nên có điềm "bếp không có cá". Hào Cửu tứ bất bình, tranh nhau với hào Cửu nhị, gây nên cuộc tranh giành, cho nên nói "gây nên điều xấu". Lời tượng nói: "Cái xấu của điềm không có cá là xa rời dân chúng". Dân chúng là chỉ hào Sơ lục. Hào Cửu tứ vì bị xa rời hào Sơ lục nên tranh giành nó, cho nên xấu. *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ tự mình gây nên sự tranh giành để cho kẻ tiểu nhân mưu lợi.*

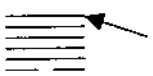


九五：以杞包瓜，含章，有隕自天。

Cửu ngũ: dĩ kỷ bao qua, hàm chương, hữu vẫn tự thiên.

Hào Cửu ngũ: lấy cây kỷ che cây dưa, hàm chứa mọi điều tốt đẹp. Có mệnh từ trên trời giáng xuống.

Hào Cửu ngũ dương cương mà được ngôi trung, lại ở vào địa vị làm vua, có điềm "lấy cây kỷ che cây dưa, hàm chứa mọi điều tốt đẹp". Mà hào Cửu ngũ lại giữ được ngôi trung, ngôi chính, tuyên bố cáo mệnh ra bốn phương để dẫn đường cho ý chí toàn thiên hạ. Lời tượng nói: "Hào Cửu ngũ hàm chứa mọi điều tốt đẹp, ấy là có ngôi trung, ngôi chính. Có mệnh từ trên trời giáng xuống, ấy là do có chí không bỏ mệnh". Đã có ngôi trung, ngôi chính, lại không bỏ mệnh, cho nên có thể lãnh đạo được ý chí toàn thiên hạ. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người lãnh đạo phải lấy sự trung chính là gương cho cấp dưới.*



上九：姤其角，吝，无咎。

Thượng cửu: cấu kỳ giác, lận, vô cữu.

Hào Thượng cửu: gặp gỡ cái sừng của mình, hối tiếc, không có lỗi.

"Sừng" ở quẻ này cũng giống như "sừng" trong quẻ Tấn. Hào Thượng cửu đã ở trên cùng của quẻ Cấu, ở trên nhưng không có địa vị, phía trước không có gì để gặp gỡ, cho nên có điểm: "gặp gỡ cái sừng của mình". Đó là con đường chuốc lấy sự hối tiếc. Nhưng hào Thượng cửu không tiếp cận với hào âm ở bên dưới nên cũng có thể không có lỗi. Lời tượng nói: "gặp gỡ với cái sừng của mình, vì ở trên cùng nên hối tiếc". *Hào này khuyên chúng ta rằng*, việc *xa lánh kẻ tiểu nhân, đã thanh cao lại an toàn.*

Tổng hợp những điều đã trình bày trên, khi chúng ta muốn phòng ngừa kẻ tà ác để tránh khỏi bị hại cần tuân theo những điều cảnh báo của quẻ Cấu:

Một là, ngăn ngừa điều tà ác ngay từ khi nó chưa lớn mạnh. Chỉ cần phát hiện có mầm mống của tà ác thì phải ức chế ngay. Trước khi thế lực của kẻ tiểu nhân chưa hình thành cần phải chế ngự, áp dụng mọi biện pháp để bảo đảm sự trong sạch của hệ thống tổ chức. Đối với thanh thiếu niên trong thời kỳ trưởng thành càng cần như vậy. Người Phương Tây coi trọng luật pháp và quy phạm hành vi, người Trung Quốc coi trọng việc giáo dục tư tưởng hơn. Lễ mà người xưa giảng giải là những tập quán cần phải tuân theo để điều tiết lời nói và hành động trong cuộc sống, cố gắng tiêu diệt những nhân tố bất lợi cho sự ổn định xã hội ngay khi nó còn ở trạng thái manh nha. Người xưa cho rằng: "Lễ thi hành trước khi việc đã rồi", còn pháp luật chỉ có thể thi hành sau khi sự việc đã xảy ra, hiệu quả hoàn toàn khác nhau. Khổng tử từng nói: "Lãnh đạo dân bằng chính trị, cai trị dân bằng pháp luật, dân miễn cưỡng theo mà không có liêm sỉ. Lãnh đạo dân bằng đức, cai trị dân bằng lễ, dân có liêm sỉ mà tự tìm đến". (*Luận ngữ - Vi chính*). Ngày nay, chúng ta phòng ngừa tà ác có thể áp dụng đồng thời biện pháp giáo dục và pháp luật.

Hai là, chớ tin gần kẻ tiểu nhân, để cho ảnh hưởng của nó lan rộng, mà cần phải nghiêm khắc khống chế nó. Đặc biệt là với những người lãnh

đạo đương quyền thì càng cần phải chú trọng điều này. Trong thực tế cuộc sống, chúng ta đã từng thấy, có một số tổ chức hoặc đơn vị, luôn luôn chỉ vì một hai cá nhân quấy rối mà làm cho trên dưới trong ngoài không yên ổn. Loại người này không khống chế và trừ bỏ sẽ hỏng hết mọi công việc. Trong lịch sử Trung Quốc, từng có rất nhiều bài học đau đớn. Giữa thời Xuân Thu, nước Tùy, (nay ở vào khoảng huyện Tùy, tỉnh Hồ Bắc), vua tin dùng Thiếu Sư, dẫn đến bị nước Sở thôn tính. Cuối thời Chiến quốc, Triệu vương tin dùng Quách Khai mà sát hại danh tướng Lý Mục, dẫn đến nước bị diệt. Đường Huyền tông tin dùng Lý Lâm Phủ, Dương Quốc Trung, dẫn đến bộc phát loạn An Sử làm nền chính sự bại hoại. Mọi việc khó thành mà dễ hỏng, kẻ tiểu nhân gây hại rất lớn.

Ba là, trong cuộc sống, mọi người cần xây dựng riêng cho mình một chuẩn tắc, cho dù bản thân ở vào hoàn cảnh khó khăn, bị cô lập không người cứu giúp, cũng kiên quyết không gần gũi kết bè với kẻ tiểu nhân. Vì khó khăn mà cầu khẩn sự giúp đỡ của kẻ tiểu nhân thì cũng ngang chui đầu vào lưới, tự mình cam chịu sa vào vũng bùn. Đó là điều khiến Đào Uyên Minh không vì năm đấu gạo mà khom lưng, Trịnh Bản Kiều bỏ quan mà đi lưu lạc giang hồ. Rất nhiều khi, cái cần ở con người không phải là tài năng mà là cốt cách.

Bốn là, cái quan trọng nhất đối với một tổ chức hoặc những người cùng chung một con đường là sự đoàn kết hỗ trợ lẫn nhau mà không phải là tranh giành xung đột nhau, khiến cho kẻ tiểu nhân thu lợi. Điều này cũng là một sách lược chuẩn mực vô cùng quan trọng. Bởi vì xung đột nội bộ sẽ chỉ làm suy yếu lực lượng của chính mình, đem lại cho đối thủ cơ hội có thể lợi dụng. Sự suy yếu lực lượng của anh nghĩa là sự tăng cường lực lượng của đối thủ. Khi hai bên có cùng một lợi ích cũng cần tuân thủ nguyên tắc này để duy trì lợi ích chung của hai bên, đối phó với sự uy hiếp của bên thứ ba. Một thí dụ điển hình về điều này là sự liên kết giữa Tôn Quyền và Lưu

Bị thời Tam Quốc. Lúc đó, nước Ngụy của Tào Tháo rất mạnh mà hai nước Ngô, Thục tương đối yếu, thế tất phải bắt tay nhau mới có thể tồn tại. Sau khi Lưu Bị giành được Tây Xuyên, hai nước Ngô, Thục vì tranh giành Kinh châu (nay là Hồ Bắc, Hồ Nam) mà phát sinh xung đột lớn. Ngô Quyền thừa lúc tướng Thục là Quan Vũ đi đánh phương bắc bất ngờ đánh trộm, giết chết Quan Vũ, chiếm phần lớn đất đai Kinh châu. Để chiếm lại Kinh châu, Lưu Bị liền điểm quân đánh sang phía đông, nhưng lại bị thua trận tại Hào Đình (nay ở phía tây Nghi Xương, tỉnh Hồ Bắc). Đông Ngô tuy thắng, nhưng lực lương tổn thất nặng. Sau khi Lưu Bị chết, Gia Cát Lượng đem hết sức lực thúc đẩy việc liên hợp với Đông Ngô, xây dựng khối liên minh. Trong cuộc chiến sau này, khối liên minh này đã phát huy tác dụng.

Năm là, phòng ngừa tà ác còn một điều quan trọng là, người lãnh đạo nhất định phải có nhân phẩm đứng đắn để làm gương cho quần chúng. Trên mà không đứng đắn, người dưới tất sẽ nhờn. Cổ nhân Trung Quốc vô cùng coi trọng điều này. Thời Xuân Thu (552 tr.c.n), quan đại phu nước Châu là Thứ Kỳ mang hai ấp lớn đầu hàng nước Lỗ. Vì thế quan đại phu chấp chính nước Lỗ là Lý Văn Tử đem cô ruột của Lỗ Tương công gả cho Thứ Kỳ, lại thưởng cho tất cả những người đi theo. Từ đó, nước Lỗ nhiều trộm cướp. Lý Văn Tử hỏi Tang Vũ Trọng tại sao có trộm cướp mà không dẹp. Tang Vũ Trọng nói: "Ông gọi trộm cướp từ ngoài vào mà dùng đại lễ để tiếp đãi thì tôi làm thế nào ngăn ngừa được trộm cướp? Tôi nghe nói, người ở địa vị trên giữ tấm lòng trong sạch, chân thực đối đãi với mọi người, đúng mực giữ lòng tin thì sau mới cai trị được người khác. Mọi hành động của người trên người dân sẽ làm theo, cái người trên không làm mà dân hoặc có người làm thì tất lấy hình luật trừng phạt, không dám buông tha kẻ nào. Nếu cái người trên làm mà dân làm thì đó là làm theo cái người trên làm, sao có thể cấm được? Mạnh tử từng nói, người trên mà tốt thì người dưới còn tốt hơn". (Mạnh tử - Đằng Văn công thượng). Cho nên người ở cương vị trên không thể không cẩn thận.

Sáu là, về một cá nhân mà nói, biện pháp tốt nhất để không bị ảnh hưởng của kẻ tiểu nhân là tránh xa kẻ tiểu nhân, khiến cho kẻ tiểu nhân đã không gần được mình, lại không hại được mình. Đó là đạo minh triết bảo thân, không thể không suy xét.

Bởi vậy, phòng ngừa tà ác, chúng ta cần ghi nhớ:

1/ Phòng ngừa tà ác ngay khi nó chưa xuất hiện.

2/ Chớ gần gũi tin dùng kẻ tiểu nhân để hại đến toàn cục.

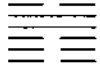
3/ Gặp khó khăn không lo lắng, tự giữ lòng kiên trinh.

4/ Đoàn kết đồng tâm.

5/ Dân luôn trông vào việc làm của người trên.

6/ Độc lập có thể tránh được điều hại.

45. 萃 QUẺ TỤY - ĐOÀN KẾT LÀ NGUỒN GỐC CỦA SỨC MẠNH



兌上 Đoài trên
坤下 Khôn dưới

萃，亨，王假有廟，利見大人，亨，利貞。用大牲，吉，利有攸往。

Tụy Hanh, vương giả hữu miếu, lợi kiến đại nhân, hanh, lợi trinh. Dụng đại sinh, cát, lợi hữu du vãng.

Quẻ Tuỵ, tụ họp, hanh thông, bậc vương giả đến nhà thái miếu, ra mắt kẻ đại nhân thì có lợi và chính đáng, hanh thông, giữ vững đạo chính thì lợi. Dùng lễ tam sinh bằng con vật lớn thì tốt, tiến đi có lợi.

Tụy, ý nghĩa là tụ họp. Thượng quái Đoài là nước, Hạ quái Khôn là đất, nước thấm nhuần trong đất thì vạn vật quần tụ sinh sôi, đó là tượng của quẻ Tuỵ. Lại nữa, quẻ Đoài trên là vui vẻ, quẻ Khôn dưới là hòa thuận.Trong quẻ, hào Cửu ngũ cương mà được ngôi trung, ứng với hào Lục nhị nhu thuận, đó cũng là tượng của quẻ Tụy. "Tự quái truyện" nói: "Các vật gặp nhau sau đó tụ họp lại, cho nên gọi là quẻ Tuỵ. Tuỵ nghĩa là tụ lại". Con người ta lĩnh hội được cái tinh thần của Tuỵ mà tụ họp nhau lại thì có thể cảm tới được quỷ thần, có thể gặp được bậc đại nhân, nhưng nhất thiết phải theo chính đạo, tức là "có lợi và chính đáng". Tượng này nói dùng con vật lớn để tế lễ tất sẽ được đại cát, tiến đi thì có lợi. Lời Thoán nói: "Tuỵ, tức là tụ họp vậy. Hòa thuận để vui vẻ, cương ứng với trung, vì thế mà tụ họp. Bậc vương giả tới nhà thái miếu, là để tế lễ bày tỏ lòng chí hiếu, ra

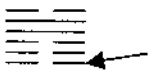
mất bậc đại nhân thì có lợi được hanh thông, ấy là bởi lấy chính đạo để tụ hợp. Tiến đi có lợi là do thuận theo mệnh trời. Cứ xem sự tụ hợp là biết được cái tình của trời đất và vạn vật". Quẻ Tuỵ yêu cầu tụ hợp phải chính đáng, nghĩa là để thực hiện mục đích chính đáng. "Thuận theo mệnh trời" là thuận theo lẽ tự nhiên của đạo trời. Lấy chuyện người mà nói thì tức là gặp đúng thời điểm, đáng đi thì đi, nên tụ thì tụ, theo sự nghiệp chính đáng để thuận theo lẽ tự nhiên. Do hàm ý biểu đạt của quẻ Tụy mà có thể nhìn thấu được cái tình của muôn vật. Lời tượng nói: "Đầm nằm trên đất, đó là tụ hợp. Người quân tử lấy tinh thần này để trừ bỏ, chuẩn bị khí giới phòng chuyện bất trắc". "Trừ bỏ" là trừ bỏ cái cũ, đón cái mới, sửa đổi những điều tệ hại. Người quân tử cần phải bắt chước tinh thần của quẻ Tuỵ, chỉnh đốn khí giới để phòng bị những điều bất trắc, bởi vì tụ hợp thì sẽ có tranh đoạt.

Nhưng Tuỵ tức là đoàn tụ, đoàn kết. Vì thế điều mà quẻ Tuỵ trình bày cho chúng ta là sự vận dụng nguyên tắc đoàn kết trong cuộc sống và trong công việc mà mọi người nhất định phải chú ý. Đoàn kết luôn được *Chu Dịch* nhấn mạnh. Như các quẻ Đồng nhân, Tuỳ đã trình bày ở phần trước, quẻ Tuỵ cũng nhấn mạnh tính quan trọng của sự đoàn kết, nhưng Tụy là quẻ đại diện. Chúng ta đều biết, con người là con người của xã hội, sức mạnh của mỗi cá nhân đơn lẻ thì có hạn. Nếu như con người ở trong tình trạng phân tán mà không hề thông qua một hình thức nhất định để kết hợp lại thì sẽ không thể tổ chức thành một xã hội được. Sức mạnh cá nhân tuy nhỏ nhưng nếu đoàn kết lại thì sức mạnh đó sẽ tăng lên gấp nhiều lần. Nhân loại khi còn ở trong thời kỳ xa xưa, nếu như không biết dựa vào sức mạnh của đoàn kết thì không có cách nào tồn tại được, không thể đặt chân vào cửa ngõ của nền văn minh. Các bộ tộc mà không đoàn kết thì sẽ bị các bộ tộc khác nuốt trôi. Quốc gia không đoàn kết thì dù không bị đánh cũng tự thất bại.

Các bậc tiên hiền của Trung Quốc cổ đại từ những kinh nghiệm bản thân và quy luật tự nhiên của đời sống nhân loại đã tổng kết nên quy luật của đoàn kết, tính quan trọng của đoàn kết, bởi vì đoàn kết là sức mạnh. Chúng ta có thể đưa ra đây vô số những ví dụ để minh chứng cho tác dụng thần kỳ như thế nào của việc phát huy tinh thần đoàn kết trong những thời điểm quan trọng Như trận chiến Cự Lộc, trận chiến Côn Dương, trận Xích Bích, Trương Liêu đánh bại Tôn Quyền ở Hợp Phì, trận chiến Phì Thuỷv.v. Bởi vì những nhà quân sự đã hiểu được rõ rệt tính quan trọng của đoàn kết. *Tôn tử binh pháp* đặc biệt nhấn mạnh: "Trên, dưới đều muốn thắng, ta tập trung làm một, địch chia ra mười, nếu lấy mười mà chọi với một thì ta đông mà địch ít". Nhưng "vây giặc để lối thoát, giặc cùng chớ đuổi dồn", vì kẻ địch trong giây phút không có đường sống sẽ một lòng đoàn kết lại, quyết tử chiến một trận, cơ thắng bại có thể thay đổi ngược lại.

Đoàn kết cũng là cơ sở của nghệ thuật lãnh đão. Những bậc lãnh tụ trong và ngoài nước từ xưa đến nay bên cạnh họ bao giờ cũng hội tụ những bậc nhân tài kiệt xuất. Điểm hơn người của các bậc lãnh tụ là họ biết đoàn kết quanh mình một loạt những người anh tài kiệt xuất, làm cho trí lực và tài hoa của chính mình vì thế mà mở rộng ra gấp bội lần. Bên Lưu Bang nhà Hán có Tiêu Hà, Trương Lương, Hàn Tín, Trần Bình, bên Tào Tháo có Trương Liêu, Tuân Úc, Lý Điển, Quách Gia, bên Tôn Quyền có Chu Du, Trương Chiêu, Lỗ Túc, bên Lưu Bị có Gia Cát Lượng, Quan Vũ, Trương Phi, bên Mao Trạch Đông có Chu Đức, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ v.v. Người xa dời tập thể chỉ là cánh bèo lẻ loi, tập thể không đoàn kết sẽ tan tác, thất bại. Về phương diện cá nhân mà nói, ăn ở hoà thuận với người khác có thể khiến cho chúng ta đạt được sự trân trọng lẫn nhau, tâm hồn được yên ổn, thư thái, khiến cho ta có điều kiện gặt hái được mọi điều cần thiết trong cuộc sống. Mà những điều mà kẻ xa rời tập thể hoặc tham lam gian xảo vĩnh viễn không có cách gì có được.

Chúng ta cùng phân tích quẻ Tụy:

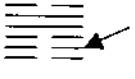


初六：有孚，不终，乃乱乃萃，若號，一握為笑，勿恤，往无咎。

Sơ lục: Hữu phu bất chung, nãi loạn nãi tụy, nhược hào, nhất ác vi tiếu, vật tuất, vãng vô cữu.

Hào Sơ lục: Có lòng tin mà không theo đến cùng, bèn rối loạn tụ họp, nếu như hô hào, nắm giữ thì bị chê cười, không hối tiếc, tiến lên không có lỗi.

"Có lòng tin" là chỉ hào Thượng lục ứng với hào Cửu tứ. "Có lòng tin mà không theo đến cùng" chỉ người nhu thuận không giữ vững được lòng kiên trinh, vội vã muốn tụ họp nhau, không biết lựa chọn người tương ứng mà lại tụ họp với những người nhỏ bé như mình. Hào Sơ lục hô hào hào Cửu tứ và giữ chặt nó, tuy bị mọi người cười chê cũng không hối tiếc, như vậy thì hãy "tiến lên, không có lỗi". Vào lúc hào Sơ lục tụ họp, vốn nó ứng với hào Cửu tứ, mà hào Cửu cũng là âm như mình, nên nói "rối loạn tụ họp". Cho nên cái mà lời hào nhắc nhở là phải kêu gọi hào Cửu tứ tụ họp, đó mới là con đường chính đáng. Lời tượng nói: "Rối loạn tụ họp, đó là do cái chí đã bị loạn". *Hào này khuyên chúng ta rằng, chớ vội muốn tụ họp mà đi chệch đường.*



六二：引吉，无咎，孚乃利用禴。

Lục nhị: Dẫn cát, vô cữu, phu nãi lợi dụng thược.

Hào Lục nhị: Dẫn dắt nhau đến thì tốt, không có lỗi, có lòng tín thực thì có lợi cho việc tế thược.

"Dắt nhau" là làm cho rộng rãi ra, hình dung là như vậy. "Thược", *Thuyết văn* giải thích: "Thược, lễ tế mùa hạ". *Lễ ký - Vương chế* giải thích: "Lễ tế mùa xuân gọi là thược". Hào Lục nhị nhu thuận, được ngôi trung,

ngôi chính, lại ứng với hào Cửu ngũ ở trên cũng được ngôi trung, ngôi chính, cùng đức ứng nhau, có điềm vô cùng tốt lành, cho nên "lợi cho việc tế thược". Lời tượng nói: "Dẫn dắt nhau không có lỗi, đạo trung chưa biến đổi". Thành tín mà ngay thẳng, cho nên có thể tốt mà không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, trong khi tụ họp phải lấy thành tín, ngay thẳng làm gốc.*



六三：萃如，嗟如，无攸利，往无咎，小吝。

Lục tam: Tụy như, ta như, vô du lợi, vãng vô cữu, tiểu lận.

Hào Lục tam: tụ họp, than thở, không có lợi, tiến lên không có lỗi, có chút hối tiếc.

Hào Lục tam âm nhu mà không được ngôi trung, ngôi chính, trên không ứng với ai, không thể tụ họp được, cho nên "tụ họp, than thở, không có lợi". Hào Lục tam là ở chỗ cuối của quẻ Khôn nhu thuận, tuy không ứng với ai, nhưng có thể tiến đi mà theo, vả lại, quẻ Đoài là vui vẻ, hòa thuận mà vui vẻ, vì thế tiến đi không có lỗi. Nhưng hào Lục tam không thể kết hợp với cương, cho nên có chút hối tiếc. Lời tượng nói: "Tiến lên không có lỗi, đó là nói Thượng quái Tốn". Hoà thuận mà theo đi, có thể không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nên tụ họp thì tụ họp, không nên tụ họp thì thôi.*



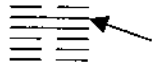
九四：大吉，无咎。

Cửu tứ: Đại cát, vô cữu.

Hào Cửu tứ: vô cùng tốt, không có lỗi.

Hào Cửu tứ vốn không được ngôi trung, ngôi chính, nhưng trên gần với hào Cửu ngũ có quyền tụ họp nhau lại, có thể dẫn dắt ba hào âm và tụ họp với hào Cửu ngũ thì trên vui vẻ, dưới hòa thuận, trái lại còn có điềm

"tốt, không có lỗi". Lời tượng nói: "Tốt, không có lỗi, nhưng ở vị trí không thích hợp". Sửa lỗi thành điều hay, tự nhiên sẽ tốt. *Hào này khuyên chúng ta rằng, nếu là người bất trung bất chính, chỉ có thay đổi tụ họp lại mới có thể tốt được.*

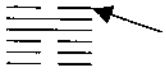


九五：萃有位，无咎，匪孚，元永貞，悔亡。

Cửu ngũ: Tụy hữu vị, vô cữu. Phỉ phu, nguyên vĩnh trinh, hối vong.

Hào Cửu ngũ: Tụ họp có ngôi vị, không có lỗi. Nếu có người chưa tin, luôn giữ đức lớn chính đáng, không còn sự hối hận.

Hào Cửu ngũ ở vào địa vị làm vua tôn quý, ở vào giữa quẻ Tuỵ, thần dân bên dưới đến cùng tụ hợp, nên không có lỗi. Nhưng bên dưới có Hào Cửu tứ chia rẽ sự tụ hợp đó, bên trên lại yếu hơn Hào Thượng lục, không tránh khỏi việc "có người chưa tin". Hào Cửu ngũ chỉ có tu dưỡng chính bản thân, hoàn thiện đức trung chính của mình, mãi mãi vững lòng, mới không còn sự hối hận mà không có lỗi. Lời tượng nói: "Tụ họp có ngôi vị, chí chưa được rạng ngời". Nếu theo một cách quá nhu thuận vui vẻ thì trái lại bị che mất cái đức sáng của mình. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người lãnh đạo phải lấy đạo trung chính vững bền để dẫn dắt người dưới.*



上六：齎咨，涕洟，无咎。

Thượng lục: tê tư, thế đi, vô cữu.

Hào Thượng lục: nắm giữ đưa cho mà than thở, khóc lóc thảm thiết, không có lỗi.

Hào Thượng lục ở vào vị trí trên cùng của quẻ Tuỵ, muốn tụ hợp mà

không được, cũng giống như việc lấy một vật đưa cho người khác nhưng không ai nhận, cho nên khóc lóc than thở, nhưng lời bói lại nói là không có lỗi, bởi vì Hào Thượng lục biết lo lắn suy tư thì nguy hiểm sẽ mất. Lời tượng nói: "nắm giữ đưa cho mà than thở, khóc lóc thảm thiết, đó là do chưa được yên ổn ở ngôi trên". Không tụ hợp được nên không tự thấy yên ổn, cho nên không có lỗi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, người bị chối bỏ phải xem lại chính mình*

Vì vậy, vận dụng những nguyên tắc của quẻ Tụy, chúng ta cần nắm được những điều sau:

Một là, đoàn kết tuy là rất quan trọng trong cuộc sống và sự nghiệp nhưng không nên nhấm vội vã tìm kiếm sự đoàn kết của người khác hoặc vội vã đoàn kết cùng với người khác, mà trước tiên cần phải xét rõ mục đích của mình là ở chỗ nào, có chính đáng hay không? Vả lại đoàn kết với người khác cũng phải chọn thời cơ thích hợp. Nếu như vì cô độc mà mất phương hướng, vội đi tìm một chỗ dựa dẫm nhờ vả thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính chính xác của phán đoán, lựa chọn không chính xác. Gia Cát Lượng vì vậy ẩn mình cày ruộng ở trong rừng mà không vội vàng ra làm quan.

Hai là, cơ sở căn bản để đạt được sự đoàn kết là sự thành tín và ngay thẳng. Bất luận là đoàn kết với một tập thể hay là với một người nào khác đều phải chân thành, tin tưởng, chân thực, không coi thường. Đó là nguyên tắc mà mọi người phải tuân thủ một cách triệt để. Lừa dối và giả trá chỉ có thể sản sinh ra tội ác mà thôi. Mà "có được lòng chân thành, tin tưởng thì có thể xẻ đá, ohá sắt". Gia Cát Lượng vì cảm phục tấm lòng chân thành của Lưu Bị ba lần tới lều cỏ mới hết lòng phò tá, đến chết mới thoi. Uất Trì Kính Đức cảm kích tấm lòng thành của Đường Thái Tông đối đãi với mình mới lòng thành tới nghe lệnh, giúp cho Thái Tông bình định thiên hạ.

Ba là, đoàn kết còn cần tuân thủ theo nguyên tắc nhất định, điều đó bao gồm hai phương diện: 1/ Đối phương có sự chân thành thực sự để nhờ cậy hay không. 2/ Đối phương có khả năng gây thành sự nghiệp lớn hay không. Không chân thành là theo nhau bừa, không thể dựng nên nghiệp lớn thì đó là huỷ hoại tiền đồ. Điều các bậc cổ nhân mong làm được khi gặp thời loạn là chim khôn tìm cây mà làm đậu. Không chỉ vua lựa chọn bề tôi, mà bề tôi cũng chọn vua. Hàn Tín lúc đầu theo họ Hạng, sau theo Lưu Bang; Quách Vũ, Trượng Sách theo Lưu Tú ở Hà Bắc; Tuân Úc, Quách Gia theo Tào Tháo lúc buổi đầu dựng nghiệp. Có thể nói việc chọn người phò tá đó là sáng suốt. Còn như Phạm Tăng theo Hạng Vũ, Trần Cung dựa vào Lã Bố, bọn Thư Thụ theo Viên Thiệu, là tựmình đưa mình vào chỗ đen tối, tuy là trân châu mà chẳng thấy toả sáng. Ngày nay, nguyên tắc này vẫn vô cùng quan trọng như xưa. Biết chọn đối tượng đoàn kết tốt hay không, vẫn luôn quan hệ tới sự thành bại trong cuộc sống và sự nghiệp.

Bốn là, đối với người khong muốn bàn đến sự đoàn kết, cô độc một mình, trở về với quần chúng là con đường tốt nhất. Con đường tốt nhất cho một người giữ thói ích kỷ, mang một động cơ không chính đáng gia nhập vào một tập thể là từ bỏ động cơ ích kỷ của mình, cùng lòng cùng đức với mọi người, gia nhập tập thể một cách chính đáng. Bởi vì chỉ có một động cơ tốt đẹp mới có thể làm mất đi một động cơ không chính đáng.

Năm là, làm người lãnh đạo một tập thể hoặc một tổ chức càng cần phải hiểu rằng chỉ có chứng tỏ lòng chân thành tin tưởng đối với người dưới, lấy đức độ thu phục người khác mới có thể củng cố được khối đoàn kết. Ở quẻ Cấu chúng ta đã nói: "Cái mà người trên làm thì người dân làm theo". Người lãnh đạo nếu không biết lấy phẩm chất chân thành chân chính và hành động cao đẹp làm gương cho người dưới thì sẽ không thể lãnh đạo tốt tập thể của mình.

Sáu là, một số người bị mọi người không chấp nhận thì điều đầu tiên là phải xem lại chính mình, tại sao lại bị mọi người chối bỏ? Bởi vì nhất định về phương diện phẩm chất, hành động của anh ta có vấn đề, nếu không thì mọi người không đối xử như vậy. Ví dụ như Chủ Phụ Yển thời Hán bị các nhà Nho tẩy chay, bởi vì ông ta ích kỷ cao ngạo, tự cho phép mình bài bác người khác, hành động trái người. Nói đến cùng, không cái gì không có nguyên nhân của nó.

Tóm lại, khi vận dụng nguyên tắc của quẻ Tuỵ, chúng ta cần ghi nhớ:

1/ Đoàn kết nhưng phán đoán một cách bình tĩnh.

2/ Lấy sự chân thành trung chính làm gốc.

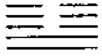
3/ Tìm ra nguyên tắc, không nên nhắm mắt làm.

4/ ích kỷ cô độc, quy đầu lại là thấy bờ.

5/ Người lãnh đạo phải là tấm gương cho quần chúng.

6/ Đề phòng sự cô độc, tự khen mình.

46. 升 THĂNG - TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP



坤上 Khôn trên
巽下 Tốn dưới

升元亨，用見大人，勿恤，南征吉。

Thăng, nguyên hanh, dụng kiến đại nhân, vật tuất, nam chinh cát.

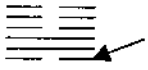
Quẻ Thăng, vô cùng hanh thông, dùng gặp đại nhân, đi chinh phạt về phương Nam thì tốt lành.

"Thăng" tức là lên, là tiến lên. Hạ quái Tốn là mộc (cây), Thượng quái Khôn là đất, cây sinh ra trong đất, lớn lên và ngày càng cao, nên gọi là "thăng". Hình quẻ Thăng chính là tương phản với quẻ Tuỵ, hai quẻ hợp thành một nhóm. "Tự quái truyện" nói: "Tụ lại mà lên là lên cao, cho nên gọi là quẻ Thăng". Đoàn kết tập hợp sức mạnh của quần chúng lại thì có thể có thành tựu. Lời Thoán nói: "Lấy đạo nhu thuận theo thời đi lên, khiêm nhượng mà thuận theo, trong cương mà ứng hợp, nhu thế vô cùng hanh thông. Dùng gặp đại nhân, đừng lo lắng, có phúc lành. Đi về phương nam thì tốt, tâm chí được thực hiện vậy"

"Lấy đạo nhu thuận theo thời mà lên" là chỉ Hạ quái của quẻ Tuỵ Khôn lên trên làm Thượng quái của quẻ Thăng. Nội quái Tốn là thuận theo. Hào Cửu nhị có đức cương trung; lại thuận ứng với hào Lục ngũ, như thế có thể lên mà có phúc. Có lợi cho việc gặp bậc đại nhân, không thể lo sợ, đi về phương nam sẽ tốt. Lời Tượng nói rằng: "Từ trong đất sinh ra cây là tượng trưng đi lên. Người quân tử lấy đó mà thuận theo đức, tích cái nhỏ để cao

lớn lên". Người quân tử nên bắt chước tinh thần từ trong đất sinh ra cây, dần dần mà lên cao, kính cẩn thận trọng ở đức thuận theo, tháng ngày tích luỹ để dần đến chỗ cao lớn.

Như thế cái mà quẻ Thăng trình bày cho chúng ta là thăng tiến, tức là nguyên tắc xử thế cần nắm vững của thời kỳ thăng tiến của sự nghiệp đời nguời. Thúc đẩy, phát triển sự nghiệp của bản thân cần thiết phải có những phương pháp và sách lược nhất định, hơn nữa những sách lược này còn phải tuân theo chuẩn tắc nhất định, đây là điều mà mọi người đều cần phải biết. Bởi vì cho dù sách lược và biện pháp có tốt thế nào, một khi đã dùng quá mức độ thì đều có kết quả hoàn toàn ngược lại. Cho nên lời nhắc nhở của quẻ Thăng đáng để chúng ta suy nghĩ.



初六：允升，大吉。

Sơ lục: doãn thăng, đại cát.

Hào Sơ lục: Tiến lên cao, vô cùng tốt lành.

"Doãn" còn có nghĩa là cây cỏ phát triển lên (xem Cao Hanh, *Chu Dịch cổ kinh kim chú*). Hào Sơ lục nhu thuận ở vào chỗ bắt đầu của quẻ Thăng, trên lại cùng với hào Lục tứ đều là hào âm nên tín nhiệm nhau, hợp chí với nhau, vì thế mà có thể hăng hái tiến lên, tự nhiên rất tốt đẹp. Lời Tượng nói: "Tiến lêncao, vô cùng tốt lành, ấy là bởi hợp với chí ở người trên" Hợp với chí của hào Lục tứ cho nên rất tốt. *Hào này nhắc chúng ta rằng, việc thăng tiến nên theo người địa vị trên chí đồng đạo hợp với mình.*

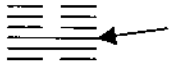


九二：孚乃利用禴，无咎。

Cửu nhị: Phu nãi lợi dụng thược, vô cữu.

Hào Cửu nhị: Có lòng thành tín thì có lợi trong lễ tế thược, không có lỗi.

"Lễ tế thược" đã thấy ở quẻ trước. Hào Hào Cửu nhị dương cương, được ngôi trung, trên lại có hào Lục ngũ nhu thuận ứng với, đều được ngôi trung mà đi lên, đến với lòng thành tín nên có điềm "Có lòng thành tín thì có lợi trong lễ tế thược" tức là lễ tế tuy đạm bạc nhưng cũng có thể cảm động được thần linh. Lời Tượng nói rằng "Lòng thành tín của Cửu nhị, có tin vui". "Có tin vui" tức là vui mừng được thăng tiến. Bởi đến với lòng thành tín nên vua tín nhiệm mà cho được thăng tiến. *Hào này nhắc chúng ta rằng, việc thành tín trung chính là gốc của thăng tiến.*



九三：升虛邑。

Cửu tam: Thăng hư ấp.

Hào Cửu tam: tiến lên qua cái ấp trên gò núi.

Hào Cửu tam dương cương, thăng tiến lên mà lại gặp Thượng quái Khôn âm nhu nên nói: "Tiến lên qua cái ấp trên gò núi" để tỷ dụ. Bói được quẻ này, tiến lên mà không phải nghi ngờ. Lời Tượng nói rằng "Tiến lên qua cái ấp trên gò núi, không phải nghi ngờ **".** *Hào này nhắc chúng ta rằng, thăng tiến cần phải dũng cảm mà tiến lên.*



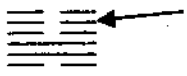
六四：王用享于岐山，吉，无咎。

Lục tứ: vương dụng hưởng vu Kỳ Sơn, cát, vô cữu.

Hào Cửu tứ: vua làm lễ tế ở Kỳ Sơn, tốt lành không có tội.

Kỳ Sơn nay thuộc Thiểm Tây, là đất Kỳ Sơn nơi phát tích của nhà Chu. Lời hào của hào này ước đoán là có vào những năm đầu của Tây Chu. Hào Lục tứ âm, ở vị trí nhu, lực lượng không đủ, cần phải nhờ vào sức của người khác thì mới có thể thăng tiến một cách thuận lợi, trên gần với vua là hào Lục ngũ, cứ thuận tòng theo thì có thể được sự trợ giúp của vua. Nhưng

cần phải thành tín mà cư xử, giống như "vua làm lễ tế ở núi Kỳ Sơn" thì mới tốt đẹp mà không có lỗi. Lời Tượng nói: "Vua làm lễ tế ở núi Kỳ Sơn, ấy là chỉ việc thuận theo". *Hào này nhắc chúng ta rằng, thăng tiến cần có phương pháp để có sức mạnh, phải theo con đường chính đáng.*



六五：貞吉，升階。

Lục ngũ: trinh cát, thăng giai.

Hào Lục ngũ: Chính đáng nên tốt lành, đi lên thềm.

Hào Lục ngũ lấy đức nhu mà ở vào địa vị tôn quý, dưới có hào Cửu nhị cương trung tương ứng, tự mình lại được ngôi trung, giữ vững đạo chính lại tốt. "Lên thềm tức là lên ngôi vua tôn quý. Lời Tượng nói: "Chính đáng nên tốt lành, đi lên thềm, vô cùng đắc chí mãn nguyện". Biết tín nhiệm bổ dụng người hiền tài thì thăng tiến không có trở ngại, tự nhiên mà đạt được ý chí nguyện vọng của mình. *Hào này nhắc chúng ta rằng, thăng tiến cần phải chiêu mộ và sử dụng người hiền tài.*



上六：冥升，利于不息之貞。

Thượng lục: minh thăng, lợi vu bất tức chi trinh.

Hào Thượng lục: thăng tiến trong đen tối, có lợi khi không ngừng giữ chính đạo.

Hào Thượng lục ở vào cực điểm của quẻ Thăng, lên mà không dừng, như là thăng tiến trong đêm đen mà không tính tiền đồ sẽ ra sao, như thế tự nhiên sẽ là không tốt. "Có lợi khi không ngừng giữ chính đạo" là lời nhắc nhở đối với người xem quẻ, nghĩa là tinh thần thăng tiến không ngừng cần phải giữ vững chính đạo thì mới có lợi. Lời Tượng nói: "Ở trên thăng tiến trong đen tối, chỉ có bị tiêu hao mà không giàu có được". Tiêu hao là tiêu

hao sự nghiệp đã thăng tiến của anh ta. Thăng tiến cái tư dục bất chính của bản thân, cứ đi mà không lại, cứ tiến mãi mà không quay lại, biết sai trái mà không dừng, thì đầy tất sẽ vơi, thái tất phải bĩ, chỉ khiến cho tiêu hao đi sự nghiệp của bản thân mình. *Hào này nhắc chúng ta rằng, thăng tiến phải có hạn độ nhất định, đừng có tham lam không biết dừng.*

Tổng lợp lại những điều đã trình bày trên, trong khi chúng ta nỗ lực hành động để thăng tiến sự nghiệp thì cần chú ý.

Một là, nỗ lực đi theo người có sức mạnh hoặc bậc tiền bối chí đồng đạo hợp với mình. Người có sức mạnh có cái thế để có thể dựa vào, có thể giảm bớt đi cho ta không ít việc và thời gian; bậc tiền bối có kinh nghiệm phong phú, có thể khiến cho ta ít phải đi con đường vòng vèo. Kết hợp cả hai, có thể khiến cho chúng ta càng nhanh chóng đạt đến mục tiêu tốt đẹp. Đây là con đường tắt thúc đẩy sự nghiệp của chúng ra tiến lên. Thanh niên càng cần chú ý về điểm này. Trong cuộc sống hiện nay, chúng ta dễ dàng thấy rất nhiều bạn trẻ có thành tựu đều trưởng thành nhờ sự chỉ bảo dẫn dắt của các bậc tiền bối có kinh nghiệm. Nếu như có kinh nghiệm sẵn có mà không học tập; có điều kiện có sẵn mà không tận dụng, chỉ dựa vào tâm huyết thì sẽ lãng phí rất nhiều tinh lực và thời gian, hơn nữa chưa chắc đã thành công. Chiến lược cuộc đời đã như vậy, trong kinh doanh xí nghiệp cho đến chiến lược của một quốc gia cũng là như vậy. Đây đã là kinh nghiệm được hàng ngàn năm chứng minh.

Hai là, thành tín trung chính là căn bản để thúc đẩy sự nghiệp tiến lên. Nó bao gồm hai phương diện: một là thành tín với sự nghiệp của bản thân, yêu quý và chuyên tâm với sự nghiệp của bản thân; hai là sự thành tín trong giao tiếp giữa người và người trong quá trình làm việc, nó có thể giảm bớt rất nhiều trở ngại do con người gây ra, sáng tạo ra những hoàn cảnh giao lưu tốt đẹp cho sự nghiệp của chúng ta tiến lên. Chỉ cần theo nguyên

tắc này sẽ nhất định thúc đẩy sự nghiệp của bản thân, dù cho sự nghiệp của mỗi người là vô cùng khác biệt.

Ba là, khi hoàn cảnh có điều kiện cho phép thúc đẩy sự nghiệp của bản thân thì cần phải có tinh thần dũng cảm tiến lên, kiên định không nao núng, tiến theo mục tiêu đã xác định, không hề dao động. Nếu không có tinh thần kiên định dũng cảm tiến lên thì bạn không thể đạt được sự nghiệp của mình. Điều này là quá rõ ràng, không cần phải nói thêm.

Bốn là, áp dụng mọi sách lược và biện pháp tốt nhất mà bạn có thể nghĩ ra hoặc làm được để thúc đẩy sự nghiệp của bạn. Cái nó yêu cầu là hiệu suất, cái phải giành được là thời gian. Những cái này còn cần phải hợp với chính đạo. Ngày nay tức là phải phù hợp với pháp luật và qui phạm xã hội. Dù là ở vào hoàn cảnh khó khăn cũng không áp dụng những biện pháp không chính đáng, đó sẽ khiến cho bạn rơi xuống hố sâu. Đầu cơ trục lợi chỉ có thể thực hiện nhất thời nhưng cuối cùng cũng không thể thăng tiến sự nghiệp lớn.

Năm là, phải hiểu được tầm quan trọng của nhân tài. Cần phải biết tín nhiệm sử dụng người hiền tài thì mới có được sự giúp đỡ có hiệu lực, mới có thể thúc đẩy sự nghiệp của bản thân một cách thuận lợi. Từ hàng ngàn năm trước đây, người Trung Quốc cổ có thể có được tư tưởng như vậy quả là không dễ. Đấy là kinh nghiệm mà người xưa đã tổng kết được qua sự hưng vong trị loạn của các thời đại. Đương thời, nhân tài luôn luôn quyết định sự hưng suy tồn vong của quốc gia và của vương triều. vua Thương Thang dùng Y Doãn thì nhà Thương hưng thịnh lên mà diệt được nhà Hạ. vua Trụ nhà Thương giết Tỷ Can, cầm tù Văn Vương thì nhà Thương vong. Văn Vương dùng Thái Công Vọng, Hoằng Yêu, Tán Nghi Sinh thì cuối cùng diệt Thương. Trong xã hội ngày nay, nhân tài đã trở thành nhân tố quyết định sự thành công sự nghiệp của tổ chức và xí nghiệp, đây đã sớm là khái niệm cơ bản mà mọi người đều biết.

Sáu là, sự phát triển của bất kỳ sự vật nào một khi đến chỗ cực đoan đều sẽ đi ngược lại chính mình. Cuộc đời và sự nghiệp càng không ngoại lệ. Thúc đẩy sự nghiệp của bản thân tuy là chính đáng nhưng cần phải có sự tiết chế, có chừng mực, làm đâu chắc đấy, biết tiến biết thoái, không bao giờ dùng đến cạn kiệt tiềm lực mình vốn có. Nếu chỉ biết tiến mà không biết thoái, dùng hết năng lực khiến cho nền móng sự nghiệp trống rỗng, sau không còn sức lực thì chỉ có thể làm bại hoại sự nghiệp. Trăng tròn đầy rồi sẽ khuyết, sự nghiệp phát triển đến đỉnh cao tất sẽ suy yếu. Sự phá sản của công ty hàng không Phiếm Mĩ và công ty điện tử Phương An nổi tiếng của Mỹ càng chứng minh hùng hồn điều này.

Vì thế, những nguyên tắc và kỹ xảo của thăng tiến sự nghiệp mà quẻ Thăng trình bày đáng để chúng ta ghi nhớ và suy nghĩ:

1 - Đi theo người có thể lực hoặc các bậc tiền bối có trí đồng đạo hợp.

2 - Thành tín trung chính là căn bản.

3 - Kiên định không nao núng, dũng cảm tiến lên.

4 - Áp dụng những sách lược và biện pháp tốt nhất.

5 - Trọng người tài, dùng người tài.

6 - Có chừng mực, biết chỗ dừng.

47. ䷮ QUẺ KHỐN – LÀM THẾ NÀO ỨNG PHÓ VỚI HOÀN CẢNH KHỐN CÙNG



兌上 Đoài trên
坎下 Khảm dưới

困亨貞，大人吉，无咎，有言不信

Khốn, hanh, trinh, đại nhân cát, vô cữu, hữu ngôn bất tín.

Quẻ Khốn, hanh thông, chính đáng, chính như bậc đại nhân thì tốt, không mắc lỗi, có nói gì cũng chẳng tin.

Khốn tức là khốn cùng. Tượng Quẻ Khảm ở dưới là nước, quẻ Đoài trên là đầm, nước ở dưới đầm, khô cạn không có nước, cho nên gọi là Khốn. Trong quẻ, hào Thượng lục bị che lấp, giống như người quân tử bị kẻ tiểu nhân che lấp, nên có điểm khốn cùng. "Tự quái truyện" nói: "Lên cao mà không dừng, tất bị khốn cùng. Cho nên gọi là quẻ Khốn". Sở dĩ Tượng quẻ Khốn là tượng người quân tử ở vào cảnh khốn cùng, mà vẫn tốt lành, hanh thông, vì tự mình biết xử trí trong cảnh khốn cùng, giữ được chính đạo, có thể tự mình làm hanh thông đạo đó nên được tốt lành. Nhưng điều này chỉ đúng đối với bậc đại nhân, quân tử trong hoàn cảnh khốn cùng vẫn giữ được mình, đối với kẻ tiểu nhân thì không đúng. Trong cuộc sống con người giữ vững những điều đã được học, đã định, tuy gặp cảnh khốn khó mà không để nó làm cho mình khốn cùng. Nếu không trải qua thực tiễn, muốn lấy lời nói mong muốn tránh khỏi cảnh khốn cùng thì ngược lại sẽ thành người bất tín và càng lâm vào cảnh khốn cùng hơn. Cho nên nói rằng: "Chính như bậc đại nhân thì tốt,

không có lỗi, có nói gì cũng chẳng tin". Lời Tượng nói: "Khốn cùng, đó là cương bị che lấp, tuy hiểm mà vẫn vui vẻ hanh thông, điều đó duy có ở người quân tử chăng? Chính như bậc đại nhân thì tốt, lấy trung là cương. Có nói gì cũng chẳng tin, nếu nói ra sẽ bị khốn cùng. Khốn cùng là dương bị khốn cùng, cương bị che lấp, trong lúc khốn cùng mà vẫn vui vẻ, tự bản thân giữ đức hạnh, biến cảnh khốn cùng thành vui vẻ, điều đó chỉ có ở người quân tử, nên trong lúc khốn cùng, bậc đại nhân quân tử có thể tốt lành. Đó chính là do người quân tử giữ được chính đạo, cương nghị trung dung. Nếu như chỉ dùng lời lẽ, không có thực tế, chỉ biết bản thân mình thì kẻ đó càng lâm vào cảnh khốn cùng hơn. Lời Tượng nói: "Đầm không có nước, đó là khốn cùng, quân tử lấy chính mệnh để thoả chí". Quân tử trong cảnh khốn, chỉ cầu nỗ lực phấn đấu để thoả ý chí của mình, và đem kết quả của thiên mệnh gửi vào tự nhiên. Cổ nhân chủ trương khi gặp hoàn cảnh khốn cùng, chỉ bàn phải - trái không bàn lợi - hại, chỉ bàn khinh - trọng không bàn sinh - tử, sát thân thành nhân, xả thân giữ nghĩa. Nhưng cái biết gì biết đến cùng lại chính là cái tinh thần mà những người thời nay thiếu.

Cho nên cái mà quẻ Khốn trình bày cho chúng ta là nguyên tắc ứng đối của con người khi gặp cảnh khốn cùng.

Trong cuộc sống của mỗi người ai cũng gặp cảnh khốn cùng. Cảnh khốn cùng đưa đến cho con người đau khổ, nhưng đau khổ này trong cuộc sống tất phải tu luyện. Không trải qua sự rèn luyện trong gian nan thì sẽ khó thành chí lớn. Đây là sự thực rất rõ ràng. Mạnh Tử nói: "(Khi gặp cảnh khốn cùng) là trời sắp giao trách nhiệm lớn cho người đó", chính là nói điều này.



初六：臀困于株木，入于幽谷，三歲不覿。

Sơ lục: điến khốn vu châu mộc, nhập vu u cốc, tam tuế bất ịch.

Hào Sơ lục: cái mông bị khốn ở gốc cây, vào trong hang tối, ba năm chẳng thấy ai.

Trong quẻ Khốn, phàm khi nói đến sự khốn cùng, là chỉ nhu che lấp cương, tiểu nhân làm quân tử khốn cùng. Người ngồi thì mông ở dưới, giống như đứng thì bàn chân ở dưới. Hạ quái Khảm là ẩn phục, có điểm vào hang tối. Chỗ này giống như ở trong ngục. Hào Sơ lục là hào âm nhu lại ở dưới cùng quẻ Khảm đang bị hãm, tuy hào Cửu tứ dương ứng với nó, nhưng nó lại bị hãm ở quẻ Khảm nên hào Cửu tứ không giúp gì được, giống như người vào trong hang tối, ngồi trên gốc cây, ba năm mà không được thấy người. Lời Tượng nói: "vào trong hang, u tối không có ánh sáng". Ở dưới cùng của quẻ Khảm bị hãm, u tối mà không sáng, khốn cùng đến cùng cực. *Hào này nhắc chúng ta rằng, việc thân ở vào chốn khó khăn, cần người sáng suốt mà ẩn nhẫn.*



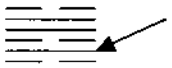
九二：困于酒食朱绂方来，利用享祀，征凶，无咎。

Cửu nhị: Khốn vu tửu thực, chu phất phương lai, lợi dụng hưởng tự, chinh hung, vô cữu.

Hào Lục nhị: dương, khốn cùng về cương cơm rượu, cái phất đỏ sẽ đến, lợi dụng dâng lễ cúng tế, tiến đi thì xấu, không có lỗi.

"Khốn cùng về cơm rượu" là nói ngay đến chuyện rượu thịt cũng thấy bị khốn cùng, tỷ dụ cơm rượu là vấn đề càng lớn thì càng hay nghĩ tới. Hào Lục nhị, dương, bị hãm ở giữa, càng khốn cùng, ngay đến cả cơm rượu cũng thành vấn đề. Nhưng hào Lục nhị là hào dương, cương mà được ngôi trung, tượng trưng lâm vào cảnh bần khốn nhưng vẫn kiên trinh giữ được

đức. Vì thế, bậc quân chủ ở trên nghe thấy mà cất cử, có điềm "cái phất đỏ sẽ đến", chỉ cần chí thành, có đức cương trung, tuy là xấu nhưng không có lỗi. Lời Tượng nói: "Khốn cùng về cơm rượu, trong đó có điều vui vậy". Có đức cương trung thì có thể tự bản thân được hưởng cái đạo của mình, tự nhiên có điều vui. *Hào này nhắc chúng ta rằng, lâm vào cảnh khốn cùng vẫn kiên trì giữ chính đạo.*



六三：困于石，據于蒺藜，入于其宮，不見其妻，凶。

Lục tam: khốn vu thạch, cứ vu tật lê, nhập vu kỳ cung, bất kiến kỳ thê, hung.

Hào Lục tam: bị khốn vì hòn đá, dựa vào cây tật lê, vào trong nhà, không thấy vợ, xấu.

Tính chất của đá rắn mà vô tình, cây tật lê mang gai không thể dựa vào. Hào Lục tam âm nhu lại không được ngôi trung ngôi chính, lại ở vị trí cuối cùng của quẻ Khảm đang bị hãm, tiến thoái không có đường, phía trước chỗ ở lại có cái cứng như tảng đá, như "bị khốn vì đá, dựa vào cây tật lê". Cho nên nói: "vào trong nhà, không thấy vợ, xấu". Lời Tượng nói: "Dựa vào cây tật lê, bị gai đâm, vào nhà không thấy vợ, đó là điềm chẳng lành". *Hào này nhắc chúng ta rằng, chớ nên ngang ngạnh tiến lên một cách mù quáng, như vậy càng bị khốn cùng hơn.*



九四：來徐徐，困于金車，吝，有終。

Cửu tứ: lai từ từ, khốn vu kim xa, lận, hữu chung.

Hào Cửu tứ: đến chậm chậm, bị khốn cùng vì cỗ xe bằng kim khí, có điều hối tiếc, nhưng được trọn vẹn về sau.

"Đến" chỉ từ trên xuống dưới, "cỗ xe bằng kim khí" chỉ hào Cửu nhị bị cái xe cản. Hào Cửu tứ ứng với hào Sơ lục, bản thân không được ngôi

trung ngôi chính, mà có chí hợp với Hào Sơ lục. Cho nên "đến chầm chậm". Nhưng ở giữa có hào Lục nhị gây trở ngại, nên có điểm "bị khốn cùng vì cỗ xe bằng kim khí". Nhưng hào Cửu tứ là hào dương cương, cuối cùng sẽ không vì thế mà bị khốn cùng, tuy có chút hối tiếc, nhưng cuối cùng có thể thoát khỏi cảnh khốn cùng. Lời Tượng nói: "Đến chầm chậm, chí ở dưới, tuy không ở vị trí chính đáng, nhưng rồi cũng gặp được". Tuy không có vị trí chính đáng nhưng không bị hối tiếc, mà cuối cùng có thể thoát khỏi cảnh khốn cùng. *Hào này nhắc chúng ta rằng, việc khi muốn thoát khỏi cảnh khốn cùng phải lượng sức thận trọng.*

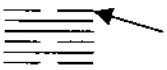


九五：劓刖困于赤紱，乃徐有說，利用祭祀。

Cửu ngũ: tỳ nguyệt, khốn vu xích phất, nãi từ hữu duyệt, lợi dụng tế tự.

Hào Cửu ngũ: bị xẻo mũi, cắt chân, khốn vì cái phất đỏ, dần dần sẽ vui, lợi dùng vào việc cúng tế.

Xẻo mũi và cắt chân đều là hình phạt thời cổ đại. Hào Cửu ngũ, là hào chủ của quẻ Khốn, ba hào dương trong quẻ bị hào âm vây, như gặp cảnh bị cắt mũi, cắt chân. "Cái phất đỏ" là dây đeo ấn của người bầy tôi, chỉ hào Cửu tứ, và hào Lục nhị, đều chịu cảnh khốn cùng. "Dần dần sẽ vui" chỉ cảnh khốn cùng mãi tất sẽ có điều vui, cuối cùng sẽ không bị chúng làm cho khốn cùng. "Lợi dùng vào việc cúng tế", chỉ việc tận tâm thành tín sẽ có phúc. Lời Tượng nói: "xẻo mũi, cắt chân, chí chưa được. Có đức trung trực, dần dần sẽ vui. Lợi dùng vào việc tế tự, nhận được phúc". Hào Cửu ngũ có đức trung chính, lại có lòng thành tín như khi tế tự, cho nên có thể có điều vui mà nhận được phúc. *Hào này nhắc chúng ta rằng, lúc gặp khốn khó thành tín giữ đạo trung chính, thành tín để được mọi người nhìn nhận.*



上六：困于葛藟，于臲卼，曰：動悔，有悔，征吉。

Thượng lục: khốn vu cát luỹ, vu niết ngột, viết động hối. Hữu hối, chinh cát.

Hào Thượng lục: bị khốn về dây sắn, dây leo, dao động bất an, tự hỏi rằng, hành động sẽ có hối hận. Biết hối hận tiến lên thì tốt.

"Dây sắn dây leo" là một tổ hợp từ, chỉ sự nguy hiểm bất an, dây sắn dây leo là vật trói buộc. Hào Thượng lục là hào âm nhu, cũng muốn che lấp hào cương, làm khốn cùng người quân tử, nhưng nó ở vị trí cuối cùng của quẻ Khốn, lại không thể làm khốn cùng người khác, muốn hành động lại bị dây leo quấn trói không thể hành động, muốn yên tĩnh nhưng lại ở trên hào Cửu ngũ là vị vua ở trên mọi người, nên nó nguy hiểm bất an, hành động thì có hối hận. Nếu như có thể ngộ ra mà hối hận, vất bỏ tà tâm thì "tiến lên thì tốt". Lời Tượng nói: "Khốn cùng vì dây sắn, dây leo, ấy là bởi vị trí chưa chính đáng. Hành động sẽ có hối hận, biết hối hận thì hành động sẽ tốt lành". Biết sửa đổi tà tâm, thì hành động là tốt. *Hào này nhắc chúng ta rằng, biện pháp chính đáng để thoát cảnh khốn cùng.*

Vì thế, khi bản thân chúng ta gặp cảnh khốn cùng, hãy nắm vững những nguyên tắc sau:

Một là, bản thân gặp cảnh khốn cùng, phải sáng suốt mà ẩn nhẫn. Sáng suốt khiến người ta bình tĩnh, khiến người ta đánh giá và nắm vững hoàn cảnh xung quanh một cách chính xác. Khi ẩn nhẫn cần phải bình tĩnh, vững vàng và kín đáo, không được coi thường và nóng vội, càng không được vì hoàn cảnh khốn cùng tạm thời mà xuất đầu lộ diện. Đây mới là thượng sách để thoát được cảnh khốn cùng. Những thí dụ dạng này rất nhiều, không cần dẫn nhiều.

Hai là, thân càng trong cảnh khốn cùng, thì càng phải kiên trì giữ chính đạo, đây không chỉ là nguyên tắc căn bản trong cách xử thế mà còn là một chiến lược tốt nhất trong cách giải thoát khốn cùng. "Trung chính"

tức là kiên trì giữ chính đạo, cũng có nghĩa là đúng mức và cân bằng. Đây là nguyên tắc chuẩn mực lý tưởng mong muốn của người Trung Quốc cổ. Trong hoàn cảnh khốn khó giữ vững chính đạo, mọi người vui theo thiên mệnh, yên với bản phận, kết quả sẽ tốt lành.

Ba là, chớ vì muốn nhanh chóng thoát cảnh khốn mà kiêu căng hành động mù quáng. Làm như vậy chỉ làm mình càng lâm vào cảnh khốn cùng. Bởi vì kiêu căng mù quáng không thể có một kế hoạch quyết định chu đáo. *Hệ từ hạ truyện* dẫn lời Khổng tử: "Không phải khốn mà bị khốn cùng, danh tất bị nhục, không phải chỗ nương dựa mà nương dựa, thân tất gặp nguy. Đã nhục lại nguy, cái chết sẽ đến, điều đó có thể thấy trước". Làm việc mong thành công mà không có sức, chỉ khiến cho thanh danh bị nhục. Không nên tiến lên lại muốn tiến lên, chỉ có thể làm cho bản thân thêm nguy hiểm.

Bốn là, giải thoát khỏi cảnh khốn cùng cần lượng sức và xem xét thận trọng, không nên không xem xét điều kiện và cơ sở, việc lớn làm liều, muốn nhanh lại hỏng việc. Trong chiến tranh Sở Hán, chiến lược của Lưu Bang là một ví dụ điển hình.

Năm là, cư xử phải chân thành, phải lấy thái độ trung chính chân thành để mọi người nhìn nhận. Hoàn cảnh khốn cùng là sự rèn luyện vô cùng lớn đối với con người. Cho dù mọi người không mong gặp hoàn cảnh đó, nhưng mỗi lần trải qua sự phấn đấu trong hoàn cảnh đó đều trở thành tài sản quý giá trong cuộc đời. Những nhân vật vĩ đại đều đã trải qua hoang mạc cay đắng ấy mới có thể đứng trên đỉnh cao vinh quang. Không trải qua gian nan, khó khăn có thể bước lên đỉnh cao vinh quang. Không trải qua khó khăn to lớn sẽ không có sự nghiệp vĩ đại.

Sáu là, phải dùng biện pháp chính đáng để thoát khỏi cảnh khó khăn.

Nếu vì vội vã mong thoát khỏi hoàn cảnh khốn cùng mà áp dụng những thủ đoạn không chính đáng, không những chỉ làm tổn hại thanh danh mà còn tự đẩy mình vào cảnh nguy nan. Uông Tinh Vệ trong cuộc kháng chiến có thể coi là một tấm gương.

Tổng hợp những điều đã trình bày trên, quẻ Khốn đã dạy chúng ta nguyên tắc chủ yếu để thoát cảnh khốn cùng là:

1 - Sáng suốt, nhẫn nại.

2 - Kiên trì giữ đức trung chính.

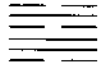
3 - Chớ kiêu căng hành động mù quáng.

4 - Trong hoàn cảnh khó khăn tự rèn luyện bản thân.

5 – Lượng sức, xem xét thận trọng.

6 - Biện pháp chính đáng.

48. 井 TỈNH - NHÂN TÀI COI SỰ NGHIỆP LÀ GỐC



坎上 Khảm trên
巽下 Tốn dưới

井，改邑不改井，无丧无得，往來井井。
汔至未繘井，羸其瓶，凶。

Tỉnh, cải ấp bất cải tỉnh, vô táng vô đắc, vãng lai tỉnh tỉnh. Hất chí, diệc lai quất tỉnh, doanh kỳ bình, Hung.

Quẻ Tỉnh, đổi ấp chẳng đổi giếng, chẳng mất chẳng được, người qua lại lấy nước giếng. Nước cạn, dây kéo vò yếu, xấu.

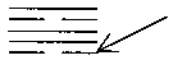
"Tỉnh" là giếng nước. "Cải ấp bất cải tỉnh" là đổi ấp mà không đổi giếng. Bởi không chịu lao phí làm giếng mới, nên không thu được lợi từ giếng mới, mới nói là "Chẳng mất chẳng được". "Hất" là nước cạn, dẫn theo sách *Thuyết văn*. "Quất" là sợi dây múc nước. "Doanh" là yếu. "Doanh kỳ bình", ý nói sợi dây mảnh dẻ khó có thể kéo vò nước nặng lên được, nhỡ dây đứt bình sẽ rơi xuống đáy giếng.

Nói đến giếng là nói đến nguồn nước ở đó, người ta không rời xa được. Giếng vốn có công nuôi dưỡng con người, "Vãng lai tỉnh tỉnh" ý nói nước giếng vốn vô cùng, vốn có công lớn lao với cả người và vật. Lấy nhân sự mà xem, giếng lòng rộng mà nước mạnh không cùng, giống như người sẵn lòng vị tha, ấy là hình tượng người quân tử. Nếu như giếng vốn cạn chẳng hề có nước, hoặc có nước mà không múc lên được, hoặc nước không

nhiều, mà lại muốn đầy vò, thực chẳng dễ như ý, kết quả thực khó đạt được vậy. Lời Thoán viết: "Quẻ Tốn đi với nước mà nước lại ở trên, đó là quẻ Tỉnh (giếng). Giếng nuôi người, nước giếng lấy không cùng". Đổi ấp không đổi giếng, giếng đã cạn lại không dùng dây mà múc được, như vậy chưa đạt được thành công. Dây yếu đứt vỡ bình thì càng nguy hiểm. Lời Tượng nói: "Trên Mộc có Thuỷ, đó là quẻ tỉnh (giếng). Người quân tử thấy dân vất vả thì khuyến khích và giúp đỡ". Người quân tử cần phải bắt chước tinh thần của quẻ Tỉnh, không ngừng hết lòng vì người dân vất vả, khuyên nhủ họ không ngừng, giúp đỡ họ không ngừng.

Cho nên, cái mà quẻ "Tỉnh" trình bày cho chúng ta là nguyên tắc hoàn thiện bản thân, dùng tài năng làm lợi cho mọi người trong quá trình phát triển cuộc sống và sự nghiệp

Giếng không những mang lại lợi ích cho con người, mà còn là nơi tích trữ nguồn sống. Chỉ có tích trữ mới lấy không hết, dùng không cạn. Xét về việc đời, giếng cũng như một đơn vị hoặc tổ chức ngày nay, nước cũng như người hiền tài. Với sự nghiệp, phải biết dùng hiền tài mới mau phát đạt, hưng vượng. Tích góp hiền tài là tích góp lớn nhất. Chỉ cần có nhân tài, tất sẽ trong không sinh có, từ không đến có, sáng tạo nghiệp lớn, điều này sớm đã được lịch sử cổ kim chứng minh. Mà "đổi ấp không đổi giếng" thì hiền tài ở thời đại nào cũng đều khó kiếm ra hoặc thiếu vắng vậy.



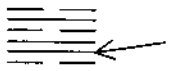
初六：井泥，不食。舊井无禽。

Sơ lục: Tỉnh nê bất thực, cựu tỉnh vô cầm.

Hào Sơ lục: giếng bùn không ăn, giếng cũ không chim chóc

"Cầm" tức là thuỷ cầm, thuỷ điểu. Hào Sơ lục là hào ở đầu quẻ Tỉnh, tượng có bùn lầy ở dưới đáy giếng, nước đục mà chưa được khai thông. Lâu

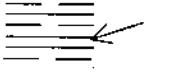
mà không khơi, giếng không ăn đến, thành ra giếng bẩn, đến nỗi chim chóc cũng không đến uống nữa. Điều bất lợi ấy, hiển nhiên đã rõ. Lời Tượng viết: "Giếng bùn không ăn được, bỏ đi. Giếng cũ không chim, hết thời vậy". Âm dục mà ở dưới, tất nhiên bị thời đại vứt bỏ. *Hào này nhắc chúng ta rằng, mỗi người hoặc mỗi tổ chức phải phù hợp với thời đại, không ngừng tự đổi mới.*



九二：井谷射鮒，甕弊漏。
Cửu nhị: Tỉnh cốc xạ phụ, úng tệ lậu.

Hào Cửu nhị: Mạch nước trong giếng bắn vào con con cá nhỏ, vò vỡ nước chảy ra.

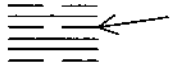
"Phụ" là loài cá nhỏ bé. *Thuyết Văn* "Phụ là tên một loài cá". *Lã thị Xuân Thu* nói: "Trong giếng chẳng thể có cá lớn". Trịnh Huyền chú rằng: "Giếng tuy không có cá lớn, nhưng nhiều cá phụ, ý nói cá rất nhỏ". "Úng" ở đây chỉ cái vò nước. Cửu nhị dương cứng ở giữa, tài đức song toàn, nhưng bên trên không có hoà ứng, không thể dẫn lên được, bất đắc dĩ phải ở gần với kẻ có địa vị thấp hèn là hào Sơ lục, nên không thể thành công được. Đây cũng giống như vào mạch nước dùng hạt mưa bắn, chẳng qua chỉ bắn hạt mưa vào con cá nhỏ mà thôi. Lời Tượng viết: "Giếng sâu bắn con cá nhỏ, ấy là vì không có người tương ứng vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, cần kịp thời để bạt hiền tài để tận dụng họ.*



九三：井渫不食，為我心惻，可用汲，王明，並受其福。
Cửu tam: Tỉnh tiết bất thực, vị ngã tâm trắc, khả dụng cấp, vương minh, tịnh thụ kỳ phúc.

Hào Cửu tam: khơi nước giếng trong mà không được ăn, bởi ta ưu tư, khá dẫn nước, tìm bậc quân vương sáng suốt để cùng hưởng phúc.

Tiết có nghĩa là vét giếng làm cho nước giếng trong sạch. "Bậc quân vương sáng suốt" là chỉ hào Cửu ngũ ở ngôi vua phía trên, cùng hiệp với hào quẻ 3, được quẻ ly. "tìm bậc quân vương sáng suốt", là mau tìm nẻo, dựa vào thế trên mà lên. Hào dương Cửu tam ở ngôi dương vị, hiệp với hào Thượng lục ở trên là chính ứng, nhưng Thượng lục âm nhu, không thể lôi kéo được, tất sinh ra ưu tư. Chỉ có thể dựa vào hào Cửu ngũ, mới có thể tiến lên thành công tạo phúc được. Lời Tượng viết: "Giếng khơi không ăn, lo lối đi. Cầu người sáng suốt, được hưởng phúc". *Hào này nhắc chúng ta rằng, kẻ hiền nhân quân tử phải chọn chúa mà thờ, mới mong thành đạt được.*

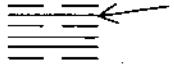


六四：井甃，无咎。

Lục tứ: Tỉnh trứu, vô cữu

Hào Lục tứ: Xây tường giếng, không lỗi.

Sách *Thuyết Văn* nói: Trứu là tường giếng. Cũng chỉ xếp đá tạo thêm, vây tường quanh giếng. Tường giữ cho giếng sạch, cái công ấy lớn vô cùng. Hào Lục tứ vốn âm nhu, với hào Cửu ngũ bên trên có tượng nhờ bóng rợp sửa sang thêm mà được hưởng phúc, tự nhiên không lỗi. Lời Tượng viết: "Xây tường không lỗi, là tu bổ vậy". Không ngừng bổ sung hoàn thiện mình, tự nhiên dầy thêm chữ đức mà không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, Kẻ hiền cần không ngừng hoàn thiện mình, đợi thời mà hành động.*



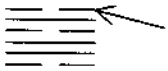
九五：井洌，寒泉食。

Cửu ngũ: Tỉnh liệt, hàn tuyền thực.

Hào Cửu ngũ: Giếng nước trong, nước ngọt ăn được.

Thuyết văn: Liệt, nước trong vậy. "Hàn tuyền" là nước ngọt lành. Hào Cửu ngũ lấy dương cứng làm đức, ở ngôi trung chính đã có đức lại có công

nuôi dưỡng của giếng, nhờ đức mà nên. Lời Tượng viết: Nước lành để ăn, trung chính vậy. Lấy trung chính cương nghị làm phẩm đức, có thể vì dân tạo phúc vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, ở vị trí người làm vua phải biết dùng hiền tài, tạo phúc thiên hạ.*



上六：井收勿幕，有孚，元吉。

Thượng lục: Tỉnh thu vật mạc, hữu phu nguyên cát

Hào Thượng lục: Giếng ăn nước chớ đậy, chân thành được tốt lành.

"Thu" là lấy nước, kéo dẫn nước lên, cũng là thành vậy. "Mạc" là cái màn che trùm lên trên hữu phu là chân thành. Hào "Lục thượng" ở trên đầu quẻ "Tỉnh" ở ngôi quân vị tối thượng, có thể thâu đức sáng của *Cửu ngũ*, lại chân thành mà sự kết quả tự nhiên đại tốt lành. Lời Tượng viết: Nguyên cát ở trên, đại thành vậy. Đại thành là nói thành công lớn bởi sự nuôi của giếng. *Hào này nhắc chúng ta rằng, người ở ngôi trên chớ xem nhẹ việc dùng người, bởi có hiền tài mới thành đại nghiệp.*

Phần trên cho thấy, quẻ Tỉnh đã chỉ cho chúng ta mấy nguyên tắc sau đây:

Một là, bất luận là người hoặc tổ chức nào, cần phải không ngừng tự mình đổi mới, nâng cao tố chất, tài năng, nâng cao sức cạnh tranh của mình, lấy nhu cầu thích ứng thời đại mà luôn luôn đổi mới, bám vào thời đại mà phát triển lên, sẽ đều có thể suy thoái hư bại dần, không thể bảo tồn vĩnh viễn trạng thái vốn có. Đúng là "lưu thuỷ bất hư, hộ khu bất đố" – nước chảy không cũ, then cửa chẳng mọt. Giếng nước để lâu không dùng, sẽ biến thành giếng chết. Người hoặc tổ chức nào nếu không biến đổi thích ứng với thời đại, sẽ vô tình bị đào thải. Lịch sử vốn vô tình như thế. Kẻ anh tài hôm qua, có thể thành người tầm thường ngày hôm nay. Công ty hào

hùng một thời hôm qua, thì hôm nay có thể bị phá sản. Cường quốc siêu cấp hôm qua, thì hôm nay có thể không chịu nổi suy thoái. Chỉ có không ngừng đổi mới, tự mình bổ sung, mới có thể giữ mãi tuổi thanh xuân.

Hai là, hiền tài đều tuỳ thời tuỳ thế mà có, chẳng phải thời ấy nhân tài xuất hiện, còn thời này khó kiếm ra nhân tài. Chìa khoá là ở chỗ họ còn chưa có điều kiện tự do phát huy, còn chưa gặp thời được cất nhắc. Nhân tài được nhìn nhận không kịp thời, có thể sẽ bị mai một, hoặc chuyển ngược hướng của mình, làm việc không lợi cho mình. Nếu Phùng Đường không được Ngụy Thượng tiến cử, sẽ không thành danh thần. Hàn Tín nếu không bỏ Hạng Vũ mà đi, chẳng thành anh kiệt. Thời hậu Tần, Tư mã Duẫn Vĩ là người không sớm được biết đến. Sau Tiền Tần đổ, Phù Kiên vì Diên Trường mà bắt ông. Phù Kiên đàm đạo với Duẫn Vĩ, biết có tài, hỏi ông ở Tần làm quan gì. Duẫn Vĩ thưa: Thượng thư lệnh sử! Phù Kiên than: Khanh, thực cùng hàng với Vương Cảnh Lược, tài ngang tể tướng, vậy mà Trẫm không biết đến, mới bỏ sót đó!

Ba là, hiền tài phải gặp được minh chủ mới có thể phát huy được tài cán của mình. Nếu chẳng gặp được, ắt sẽ mai một, thậm chí còn bị liên luỵ. Kể như Phạm Tăng theo Hạng Vũ, Thư Thụ theo Viên Thiệu, Trần Cung theo Lã Bố... đều thế cả. Còn như Hàn Tín theo Lưu Bang, Mã Viện theo Lưu Tú, Quách Gia theo Tào Tháo, Gia Cát Lượng theo Lưu Bị mới là chính đạo.

Bốn là, ví thử như hiền nhân hoặc anh tài, cũng phải không ngừng bổ sung cho mình, rèn luyện mình, chờ gặp được cơ hội phát huy. Tạm thời không được biết đến, vẫn bền bỉ nuôi dưỡng chân tính tốt lành. Tự mình đã có cơ sở tốt, một khi có điều kiện thích hợp, thời cơ đến, có thể vươn lên được, đại triển hồng đồ (tung cánh chim Hồng).

Thời cơ cố nhiên là rất quan trọng, song tố chất tốt của mình là cơ sở để nắm bắt được thời cơ. Cơ may chỉ đến với ai hiểu và biết cách theo đuổi nó.

Năm là, quân tử dụng tài, tuân theo nguyên tắc trung chính thành tín, nhằm tạo phúc thiên hạ, không đặt lợi riêng lên trước. Vì vậy, chọn người tài phải đúng người đúng việc. Ví như, một người có thiên tài quân sự kiệt xuất, nếu được phái ra biên ải chống giặc ngoài, có thể giữ yên bờ cõi Tổ quốc. Song phái người đó đi phát động một cuộc chiến xâm lược, chỉ dẫn đến tai hoạ. Thế mới hay, phải xem mục đích dùng nhân tài vào việc gì. Ngoài ra, hiền tài cần phải được đặt vào vị trí sử dụng thích hợp. Bảo rằng "Tào Tháo trị thế chi năng thần, loạn thế chi gian hùng", là nói tài năng của Tào Tháo ở những điều kiện khác nhau sẽ sinh ra những tác dụng khác nhau. Diên Trường, Sái Dung Thuỳ với Phù Kiên cũng là như thế. Giúp Phù Kiên trị quốc thích hợp, không mất thửa đạo, thì Diên Trường, Dung Thuỳ cũng đều muốn làm năng thần vậy.

Sáu là, muốn thành nhân vật lãnh đạo có sự nghiệp lớn, nhớ không để cho tài - năng bị che lấp, càng không được ghen ghét tài năng. Như vậy, mới có thể làm cho sự nghiệp hưng vượng, phát đạt. Lãnh đạo hiền tài, phát huy hết tài trí của họ để phục vụ đại chúng, đấy mới là làm điều thiện lớn nhất, là điềm lành lớn nhất.

Điều này tưởng cũng không phải nhiều lời.

Tóm lại, như trên đã nêu, quẻ Tỉnh giải thích cho chúng ta thấu hiểu cách thức sử dụng nhân tài, chủ yếu gồm:

1 - Hợp với thời thế, không ngừng tự mình đổi mới.

2 - Dùng hiền tài phải kịp thời.

3 - Người hiền phải theo đường chính.

4 - Ví thử là anh tài cũng phải không ngừng tự bổ sung.

5 - Dùng tài phải trung chính thành tín.

6 - Chớ che lấp, ghét bỏ hiền tài.

49. 革 CÁCH - NƯỚC CHẢY LUÔN MỚI, THEN CỬA CHẲNG MỌT



兌 上Đoài trên
離 下Ly dưới

革，已日乃孚，元亨利貞，悔亡。

Cách, dĩ nhật nãi phu, nguyên hanh, lợi trinh, hối vong.

Quẻ Cách, hết ngày được tin tưởng, lớn lao, hanh thông, sắc bén, vững vàng, không còn hối hận.

Thuyết văn nói: "Cách, da giống thú thuộc đã bỏ sạch lông đi" tức là đã làm sạch da thú. Nó hàm nghĩa biến đổi, cải cách. Ở hình quẻ trên, quẻ Đoài trên là đầm, quẻ Ly phía dưới là lửa, lửa cháy thì nước cạn, nước tràn thì lửa tắt, cho nên gọi là Cách. *Tự quái* viết: Giếng không thể không đổi, cho nên tiếp đến quẻ Cách "Dĩ" ở đây là từng đã tin; "dĩ nhật nãi phu", ý nói nắm chắc một niềm tin tưởng chân thành, để cuối cùng có thể biến đổi. Trừ bỏ tệ hại, quét đường dọn lối cho sạch thoáng, nên gọi là "nguyên hanh". Đường lối đã hợp với chính đạo, hanh thông tất "không còn hối hận". Lời Thoán viết: Cách, thuỷ hoả một nhà, hai gái cùng ở với nhau, chí hướng bất đồng, mới gọi là Cách. Tin thực đáp đổi, do đổi mà được chữ tín vậy. Lời minh bạch, việc chính đáng, biến đổi hợp thời, thật chẳng còn hối hận. Trời đất biến đổi mà thành ra bốn mùa, Thang Vũ tiếp nối, thuận cơ trời mà hợp lòng người, đổi mới hợp thời lớn vậy thay! Quẻ Đoài ở trên là gái bé, quẻ Ly ở dưới là gái lớn, đồng tính bài xích nhau, tất không hợp nhau, cho nên phải biến đổi. Biến đổi phải thành tín, việc làm phải thoả

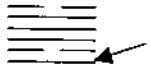
đáng, mới có thể đạt được mục đích. Trời đất tự nhiên bốn mùa thay đổi mà thành ra vạn vật, có thể thấy biến đổi là quy luật tất nhiên của tất cả sự vật trong vũ trụ. Xét về việc đời, tất cả những gì cũ nát đều tất nhiên bị đào thải, để hợp với trời đất tự nhiên. vua Kiệt nhà Hạ hủ bại thì nhà Thang thay thế, vua Trụ nhà Ân hủ bại thì Chu Vũ Vương thay thế, Đây là sự thay đổi vương triều, chẳng ai là phản thần, đây là người trừ giặc giúp dân, cho nên "thuận với trời mà hợp với người". Nhân loại hiểu được quy luật biến đổi, đón bắt được thời cơ biến đổi, mới có thể tồn tại được. Cho nên biến đổi là đại nghĩa vậy. Lời Tượng viết: Trong đầm có lửa, ấy là Cách; Quân tử lấy đó mà xuất xử." Kẻ quân tử nắm được tinh thần của quẻ Cách, thì hợp với thiên đạo tự nhiên.

Bởi vậy, lấy đại thế mà nói, quẻ Cách cho thấy người xưa đã nắm chắc quy luật cách mệnh.

Nói ở phạm vi hẹp, nó cho ta rõ nguyên tắc phải không ngừng biến đổi, hoàn thiện mình suốt trong cuộc đời và sự nghiệp của mỗi người.

Cách mệnh là niềm tin vững chắc của người Trung Quốc xưa, đặc biệt là với các nho sĩ, thể hiện như ở Mạnh Tử. Nó không chỉ biểu hiện ra ở nền chính trị xã hội, mà còn biểu hiện sự quan sát sâu sắc với tự nhiên và xã hội. Bất kể sự vật nào trong vũ trụ, đều phải tự thay cũ đổi mới không ngừng để duy trì đời sống của mình. Một khi năng lực suy thoái, cơ thể sẽ chết dần theo. Sinh mệnh có cơ chế như thế, chế độ xã hội cũng là như thế. Một khi chế độ xã hội hoặc vương triều nào mất đi năng lực điều tiết, nó sẽ tất nhiên không thể thích ứng với đổi mới xã hội, tất nhiên bị một chế độ xã hội hoặc vương triều khác thay thế. Trong lịch sử Trung Quốc, sự thay đổi vương triều liên tiếp đều là quá trình biến đổi, thay thế các chế độ đã cũ. Ngày nay, một tổ chức xã hội hoặc một thực thể cá nhân, đều phải lấy đổi mới không ngừng để hoàn thiện tổ chức và chế độ quản lý, duy trì sự phát triển lành mạnh. Vì vậy, cải cách và cách mệnh là một phương thức chủ

yếu của xã hội loài người không ngừng tự hoàn thiện mình. Quẻ Cách đã bộc lộ rõ tư tưởng này của người Trung Quốc xưa.

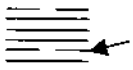


初九：鞏用黃牛之革。

Sơ cửu: Củng dụng hoàng ngưu chi cách.

Hào Sơ cửu: dùng da trâu vàng ràng buộc.

Thuyết văn nói: Củng là ràng buộc". Dùng da trâu vàng mà ràng buộc càng chặt hơn. Hào này dương cứng, dẫu đương thời đổi mới, nhưng ở ngôi đầu, không có ứng viện, chưa thể làm gì. Hào dương cứng thích đi lên, song không được thể dụng, nên hào từ mới nói: dùng da trâu vàng ràng buộc, chẳng thể làm vậy". Đã không có ngôivị lại không có người tiếp ứng, tự nhiên chẳng thể làm gì. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi xem xét biến cách không thể khinh suất, manh động.*

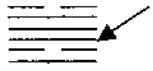


六二：己日乃革之，征吉，无咎。

Lục nhị: Dĩ nhật nãi cách chi, chinh cát, vô cữu.

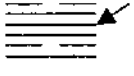
Hào Lục nhị: Hết ngày bèn thay đổi, tiến lên tốt, không lỗi.

Hào Lục nhị tính nhu thuận trung chính, chính ứng với hào Cửu ngũ đang ở ngôi vua, nên có thể thu được lòng tin của mọi người, đúng là "hết ngày được tin tưởng", đó là tượng biến đổi mà được tin tưởng vậy. Từ đây mà đi, tự nhiên được tốt, cho nên nói rằng: "tiến lên tốt, không lỗi". Lời Tượng viết: "*Hết ngày bèn thay đổi, tiến lên thì tốt". Hào này nhắc chúng ta rằng, Biến đổi cần thành tín, trung chính.*



九三：征凶，貞厲，革言三就，有孚。
Cửu tam: Chinh hung, trinh lệ, cách ngôn tam tựu, hữu phu.
Hào Cửu tam: tiến lên thì xấu, vững bền gắng gỏi, bàn luận về sự biến đổi tới ba lần, có lòng tin.

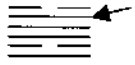
"Cách ngôn" chỉ bàn luận về sự biến đổi, "tam tựu" ý chỉ vị trí thứ ba của hào Cửu tam. Ở đây chỉ mức độ lợi hại của biến đổi, có nên biến đổi lần Hai là, lần thứ ba hay không, ý nói cực kỳ cẩn thận. Hào Cửu tam dương cương, ở bên trên quẻ Ly, táo bạo có thừa song xét đoán chưa tỏ, từ đấy mà đi, điềm xấu khá rõ, nên mới viết "tiến lên thì xấu". Đã rằng biến đổi tất có nguy hiểm, cho nên nói "vững bền gắng gỏi". Nên xét kỹ lợi hại, quá tam ba bận, mới khiến được người tin phục, mới có thể thành công. Lời Tượng viết: "bàn luận về sự biến đổi tới ba lần, lại đi đâu vậy?" Đã biết rõ lợi hại, tất hành động sẽ tiến thêm một bước. *Hào này nhắc chúng ta rằng, biến đổi phải cẩn thận từng ly, từng tí.*



九四：悔亡，有孚，改命吉。
Cửu tứ: Hối vong, hữu phu cải mệnh, cát?
Hào Cửu tứ: không còn hối hận, có lòng tin, đổi mệnh, tốt.

Đổi mệnh chỉ hào Cửu tứ đã qua một chặng đường của sự biến đổi, đã ở vào thời điểm trọng yếu, khẩn cấp của bước ngoặt. Lúc này, hào ở vào quẻ Đoài, mệnh của nó đã đổi. Ở vào thời Cách, không thể không biến đổi, chỉ có kiên trì đến cùng mới thu được lòng tin phục của người khác, không bị hối hận mà trái lại thu được sự tốt lành. Cái tốt của sự đổi mệnh là chữ tín. Hào này ở ngôi đại thần, trên được vua tin, dưới được dân tin, nên công việc sẽ được tốt đẹp. *Hào này nhắc chúng ta rằng, Biến đổi phải thu được*

lòng tin cả trên lẫn dưới.

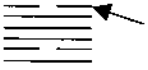


九五：大人虎變，未占有孚。

Cửu ngũ: Đại nhân hổ biến, vị chiêm hữu phu.

Hào Cửu ngũ: Đại nhân biến đổi như hổ, chưa xem có lòng tin.

Hào Cửu ngũ dương cương trung chính, là hào chủ ở quẻ Cách, ở ngôi vua lãnh đạo cuộc biến đổi, bên dưới lại có đại thần Cửu tứ phò tá, có thể thi thố chí hướng, đổi cũ ra mới. "Hổ" tức là uy mãnh. Ở ngôi vua mà làm việc thuận ý trời, hợp lòng người tự nhiên chẳng phải chiêm đoán đã có lòng tin rồi. Lời Tượng viết: "Đại nhân biến đổi như hổ, "Người lớn cọp biến, ấy là tỏ rõ sự sáng đẹp", biết hoàn thành chí lớn thì tự nhiên có văn chương sán lạn. *Hào này nhắc chúng ta rằng, người lãnh đạo đổi mới phải phát huy đầy đủ tài năng và ưu thế, thúc đẩy sự nghiệp tiến triển.*



上六：君子豹變，小人革面，征凶，居貞吉。

Thượng lục: Quân tử báo biến, tiểu nhân cách diện, chính hung, cư trinh cát.

Hào Thượng lục: Đấng quân tử biến đổi như con báo, kẻ tiểu nhân biến đổi về mặt, tiến lên xấu, ở lại vững bền tốt.

"Báo biến" dưới bậc "hổ biến". "Hổ biến" gắn với ua, "báo biến" gắn với chúa. Hào Thượng lục ở trên hào Cửu ngũ, nhu thuận chính đáng, có tượng Chúa công. Biến đổi ở cao trào, dẫn đến thành công, đổi mới khuôn mặt, trên dưới đều hợp với thời đại, đáp ứng nhu cầu của thời đại. Nếu thủ cựu không biến đổi, là "hung". Chỉ có thuận theo đường lối đổi mới, mới là tốt. Lời Tượng viết: "Đấng quân tử biến đổi như con báo, tỏ rõ vẻ rực rỡ vậy, kẻ tiểu nhân đổi mặt, thuận để theo vua vậy". Người quân tử thích ứng với đổi mới nên có khuôn mặt sáng. Quần chúng đi theo đổi mới là đi theo

đáng quân thượng. *Hào này nhắc chúng ta rằng, ở vị trí của người đã tiến hành đổi mới, khi thành công, trên dưới đều phải theo đường chính, tránh lười nhác, bởi phải còn tiếp tục tiến lên phía trước nữa.*

Vì vậy, khi đời sống và sự nghiệp của chúng ta cần đổi mới, chúng ta hãy ghi nhớ:

Một là, biến đổi cải cách gì cũng là một hành động khác thường, đều phải chú tâm cẩn thận, khảo cứu đầy đủ, nếu không dễ dẫn đến rối loạn. Trước lúc đổi mới phải làm tốt công tác chuẩn bị, xây dựng cơ sở, để sau có thể làm tốt. Sự biến đổi phải cần có nhu cầu cấp bách, tìm ra giải pháp phù hợp. Trước phải sửa mình, sau mới nói được người. Không nên để xảy ra bột phát, manh động.

Hai là, biến đổi tất phải thành tín trung chính, cũng tức là mục đích biến đổi phải chính đáng, phải thúc đẩy sự nghiệp phát triển vì lợi ích của số đông mọi người. Chỉ có như thế, đổi mới sẽ thu được sự ủng hộ rộng lớn của quần chúng, tạo cơ sở vững chắc cho đổi mới thành công, cải cách không được quần chúng ủng hộ sẽ không thể thành công. Người lãnh đạo cải cách phải tuân theo nguyên tắc này, mới có thể thu được tín nhiệm của quần chúng. Nếu không, sẽ không thể lãnh đạo cải cách thắng lợi.

Ba là, phải dốc sức vì đổi mới, đổi mới phải chú tâm cẩn thận, không vội vàng, phải bước chắc từng bước. Là vấn đề rút dây động rừng, càng cần phải chú ý như thế. Thế tất phải làm, cũng phải có kế hoạch chu đáo. Cần bao quát xem xét các nhân tố trọng điểm:

1. Tính cách người cải cách, người lãnh đạo phải cương nhu thích ứng, ý chí kiên cường, kiên trì chỉ đạo, kinh nghiệm phong phú.

2. Nhân tố thời gian cải cách, cần chọn lựa thời gian, thời gian dài ngắn thực thi, phân kỳ thực hành.

3. Nhân tố vật chất, tức thực hiện cải cách phải chuẩn bị cơ sở vật

chất. Nếu như điều kiện này không được chuẩn bị đầy đủ, sẽ làm cho đổi mới gặp trở ngại hoặc nửa chừng bỏ dở.

Bốn là, thực hành đổi mới phải nắm được chỗ dựa tin cậy trên dưới. Có chỗ dựa trên dưới, cải cách nhận được sự chi viện ở quyền lực của thượng cấp. Chỗ dựa quần chúng là điều kiện đầu tiên để cải cách thành công. Người đương quyền không ủng hộ, đổi mới sẽ rất khó thực hiện. Quần chúng phản đối, đổi mới sẽ không thể thành công. Vương An Thạch của thời Bắc Tống mới chỉ thu được sự giúp đỡ của Tống Trần Tông, chưa thuyết phục được giai cấp địa chủ mà cuối cùng thất bại.

Năm là, các nhân vật chủ chốt của một tổ chức hoặc một sự nghiệp đang có quyền, có thể phải là người chủ yếu tiến hành đổi mới. Họ cần nắm đầy đủ các điều kiện có lợi, nhận rõ tình thế, phát huy tài cán của mình, gắn mình với sự nghiệp đổi mới to lớn.

Sáu là, cải cách kịp thời, triển khai tốt tất sẽ thu được thành công. Mà thành công này chẳng phải cái đích cuối cùng của sự nghiệp, nó lại là khởi điểm của sự nghiệp mới. Vì vậy sau khi đổi mới thành công, mọi người cần phải tránh kiêu ngạo tự mãn, phải không ngừng cố gắng, củng cố thành quả đã có, tiếp tục nỗ lực đi tới.

Vì vậy thực thi đổi mới để tự hoàn thiện mình, chúng ta phải chú ý:

1 - Chớ khinh xuất manh động.

2 - Phải thành tín, trung chính.

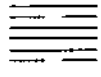
3 - Để tâm cẩn trọng, kế hoạch phải tường tận, chu đáo.

4 - Phải có được chỗ dựa và sự giúp đỡ của cả trên lẫn dưới.

5 - Lợi dụng đầy đủ các điều kiện.

6 - Không ngừng cố gắng khai thác các nhân tố tiền tiến.

50. 鼎 ĐỈNH - ĐƯỢC LÒNG NGƯỜI THÌ HƯNG THỊNH, MẤT LÒNG NGƯỜI THÌ TIÊU VONG.



離上 Ly trên

巽下 Tốn dưới

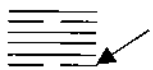
鼎元吉亨。

Đỉnh, nguyên cát hanh.

Quẻ Đỉnh, rất tốt, hanh thông.

"Đỉnh" là đồ ninh nấu của thời Thương Chu. Nhìn vào tượng quẻ, thấy quẻ Tốn ở dưới, quẻ Ly ở trên. Hào Sơ lục là chân đỉnh, 3 hào dương Cửu nhị, Cửu tam, Cửu tứ là tượng bụng Đỉnh Vạc, hào Lục ngũ là tai vạc, hào thượng cửa là quai vạc, cho nên viết là "Đỉnh". Ngoài ra, Tốn là Mộc, Ly là Hoả, đốt gỗ cây làm lửa cháy để ninh nấu, đấy là công dụng của Đỉnh. "Tự quái truyện" viết rằng: "Thay đổi các vật, không gì bằng cái vạc, cho nên tiếp đến là quẻ Đỉnh. Tất cả các vật sống, cứng được vạc ninh nấu chín, thấy đều được biến đổi, nên mới nói rằng: Thay đổi các vật, không gì bằng đỉnh. Vả lại, ở thời cổ, vạc không chỉ là đồ nấu chín thức ăn, còn đại biểu cho quyền uy, đặc biệt là với vạc lớn đúc bằng đồng. Lại nữa, Đỉnh còn là đồ tế tự long trọng, người ta nhờ nó để lưu thông với thần linh. Bởi có uy quyền, có công lao, đỉnh vạc mới có thể được bầy làm vật tế, hoặc để nấu chín lương thực. Lời Thoán viết: "Quẻ Đỉnh là lấy hình tượng vậy, lấy cây nhóm lửa, ninh nấu vật. Đấng Thánh nhân nấu thức ăn để cúng lên đấng thượng đế, dùng sự nấu ăn để nuôi bậc thánh hiền. Nhóm lửa mà tai mắt suốt sáng, mềm mỏng tiến lên, có được ngôi trung nên ứng với sự cứng

mạnh, cho nên rất hanh thông". vua chúa ngày xưa, dùng đỉnh ninh nấu lễ vật để cúng thượng đế, nuôi dưỡng hiền tài. Vì vậy cúng tế để bầy tỏ lòng thành kính thượng đế, sau đó là tôn trọng thánh hiền. Tượng quẻ Đỉnh có Tốn là thuận, Ly là sáng, tượng trưng trong thì thuận hoà, ngoài thì thông minh. Có thể nói, nó tương liên với quẻ "Cách", gộp hai quẻ thì thành một nhóm quẻ.. Quẻ Cách bỏ đi cái cũ, Quẻ Đỉnh thu lấy cái mới, đắp đổi mà dùng. Trong quẻ này, hào Cửu nhị và Lục ngũ lại cương nhu tương ứng, cho nên bói được quẻ này thì vô cùng hanh thông. Lời Tượng nói rằng: "Trên Mộc có Hoả, là quẻ Đỉnh. Đấng quân tử coi đó mà chính ngôi đóng mệnh". Người quân tử vận dụng tinh thần của quẻ Đỉnh, đoan trang nghiêm túc, lấy thành tựu đạt được củng cố sứ mệnh của mình. Đỉnh có quan hệ rất lớn với xã hội cổ đại. Truyền thuyết cổ đại ghi lại chuyện "Vua Vũ đúc 9 đỉnh". Chu Thành Vương đặt đỉnh ở giáp nhục, bền vững trải qua hàng chục đời. Khi Sở Trang Vương bắc phạt, có hỏi đỉnh nặng nhẹ thế nào. Tần diệt Chu, muốn di 9 đỉnh về Tần. Đó là nói đến sự biến đổi các vương triều. Mà đỉnh sở dĩ như thế, bởi Đỉnh tượng trưng cho sự ổn định của tổ chức và chính quyền, tượng trưng cho mong muốn được ổn định mà phải quý trọng hiền tài. Dưỡng tài dụng hiền, cũng như nấu đồ lễ dâng cúng thượng đế, đều phải long trọng, thành thực. Bởi vậy, quẻ Đỉnh diễn nghĩa cho ta rõ, thế nào là trọng dụng hiền tài. Sở dĩ dùng Đỉnh tượng trưng, là cường điệu sự ong trọng tín thực đối với việc nuôi dưỡng hiền tài vậy.



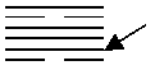
初六：鼎顛趾，利出否，得妾以其子，无咎。

Sơ lục: Đỉnh điên chỉ, lợi xuất bĩ, đắc thiếp dĩ kỳ tử, vô cữu.

Hào Sơ lục: Vạc chổng chân, lợi về việc đổ ra đồ hư xấu, được nàng hầu, lấy con, không lỗi.

"Chỉ" là chân, ở đây chỉ hào Sơ lục là chân của đỉnh vạc; "bĩ" là tàng

chứa vật hư xấu. Đỉnh lăn nghiêng, chổng chân lên, nó được tẩy sạch, đổ các vật hư xấu bên trong ra, cũng là có lợi. Đuổi cũ đón mới, nói ví như lấy nàng hầu lại được con người đó, cho nên không lỗi. Hào: Sơ lục là hào đầu của quẻ Đỉnh, chưa bắt đầu nhìn nấu, mới có tượng ấy. Lời Tượng viết: "Vạc chổng chân, chưa trái vậy; lợi ở việc đổ ra đồ hư xấu, để theo sang quý vậy". Vạc chổng chân, thực tế chưa trái lẽ. Tẩy sạch cạn bã cũ, để nạp chứa đồ ăn vào trong, tất phải như thế. *Hào này nhắc chúng ta rằng, dưỡng hiền dụng tài, phải mạnh tay trừ cũ, bầy mới.*



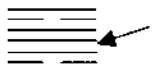
九二：鼎有實，我仇有疾，不我能即，吉。

Cửu nhị: Đỉnh hữu thực, ngã cừu hữu tất, bất ngã năng tức, cát.

Hào Cửu nhị: Vạc có cái chứa, kẻ thù ta có tật, chẳng ta hay tới, tốt.

Đỉnh đã tẩy rửa rồi, đồ ăn đã chất đầy vào trong, cho nên viết rằng "đỉnh hữu thực".

Theo sách *Thích văn*, thù ở đây chỉ hào Sơ lục, đi sóng đôi liền kề. Theo *Thuyết văn*, ở đây chỉ sự không "ăn cánh" với nhau. Hào Cửu nhị cứng mà ở giữa, tự thân sung túc, có thể giữ được đức của mình. Tuy nhiên, với hào Sơ lục bên dưới, đã không chịu ảnh hưởng gì, cũng không lôi kéo Sơ lục nhập vào một nhóm cùng đi. Lời Tượng nói rằng: "Vạc có đồ chứa, cẩn thận việc đi vậy, kẻ thù ta có tật, trốt cục không có lỗi". Hào Cửu nhị thận trọng giữ mình, chọn người thiện mà gần, không a dua với kẻ khác, cuối cùng không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, người hiền cần thận trọng, có chọn lựa khi giao tiếp với người khác.*

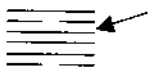


九三：鼎耳革，其行塞，雉膏不食，方雨虧悔，終吉。

Cửu tam: Đỉnh nhĩ cách, kỳ hành tắc, trĩ cao bất thực, phương vũ khuy hối, chung cát.

Hào Cửu tam: Tai vạc đổi, lối đi bị lấp, mỡ con chim trĩ không ăn, mới mưa, ăn năn bớt đi, rốt cục tốt.

Hào Cửu tam thuận biến, hợp với dưới mà thành quẻ Khảm, hợp với giữa mà thành quẻ Ly. Khảm là tai, lại là hãm, khó tiến thành, nên mới viết: "Tai vạc đổi, lối đi bị lấp". Hào Cửu tam, dưới ứng với Mộc, trên ứng với Hoả, Mộc Hoả tương đắc mà nước sôi. Vạc nóng, càng không dễ lấy mỡ trĩ mỹ vị tự nhiên chưa ăn được ngay. Mưa là nước, chỉ có nước mới cứu được, làm bớt nước sôi mà rốt cục tốt. Hào Cửu tam dương cương mà ở trong bụng đỉnh, nên có tượng ấy. Lấy dương cứng mà được ngôi chính, tuy mới đầu bất lợi, mà mà cuối cùng tốt. Lời Tượng viết: "Tai vạc đổi, mất nghĩa nó vậy. Mất nghĩa thì không nên việc. Lửa không thể vượt quá, lại không thể thiếu thốn, mới đủ cho việc nhỉnh nấu, lưu ý mộc hoả không được thái quá. *Hào này nhắc chúng ta rằng, dưỡng hiền dụng tài trung chính thì nên.*



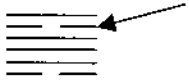
九四：鼎折足，覆公餗，其形渥，凶。

Cửu tứ: Đỉnh chiết túc, phúc công tốc, kỳ hình ốc, hung.

Hào Cửu tứ: Vạc gãy chân, đổ đồ ăn của ông, hình nó đầm đìa, xấu.

"Tốc" là thịt cá nấu chín. *Thuyết văn* nói: "ốc, là đầm đìa". Hào Cửu tứ ở ngôi vị đại thần, trên gần với "Lục ngũ ở ngôi vị quân vương, là kẻ ngay dưới người đảm nhận ngôi vị quân vương, là kẻ dưới đảm nhận việc lớn trong thiên hạ, nếu bất nhân bất chính mà gần với tiểu lục là kẻ tiểu nhân âm mềm, uỷ nhiệm nhầm người, không lãnh nổi trách nhiệm đại thần, để cuối cùng "vạc gẫy chân, đổ đồ ăn của đức ông". Để trên dưới hỗn loạn, lang sói đầm xéo một khoảnh, nên chiêm đoán ra hung. Lời Tượng viết:

"Đổ đồ ăn của ông, tin sao làm sao được?" Bất trung bất chính, lựa sử dụng nhầm người, ắt chịu lỗi lớn. *Hào này nhắc chúng ta rằng, với kẻ tiểu nhân kém cỏi, không thể uỷ nhiệm việc kém cỏi được.*

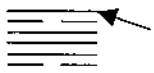


六五：鼎黃耳，金鉉，利貞。

Lục ngũ: đỉnh hoàng nhĩ kim huyền, lợi trinh

Hào Lục ngũ; vạc tai vàng quai vàng, lợi về chính bền.

Hào Lục ngũ là tai đỉnh lại ở giữa, vì trong ngũ sắc thì sắc vàng ở giữa, nên viết "Đỉnh hoàng nhĩ ". "Quai vàng" là muốn nói đến hào Thượng cửu liền kề. Hào Lục ngũ ở giữa, là chủ quẻ Đỉnh vì cái vạc nhấc lên đặt xuống cốt ở cái tai, nó lên trên ứng với Thượng cửu, nó xuống dưới ứng với Cửu nhị, đều cứng sáng phụ trợ, tượng bỉnh có tai vàng quai vàng, dùng để nhỉnh nấu ắt được mỹ vị. Đã lợi về chính bền, nên trung chính vậy. Lời Tượng viết: "Vạc tai vàng, vì có ngôi trung nên được đầy đặn". Lấy phẩm đức trung dung mà thi hành, nên không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng lấy đạo trung dung để dùng người hiền.*



上九：鼎玉鉉，大吉，无不利。

Thượng cửu: đỉnh ngọc huyền, đại cát, vô bất lợi.

Hào Thượng cửu: đỉnh quai ngọc, vô cùng tốt, không gì không lợi.

Hào này ở trên cùng của quẻ Đỉnh, là quai đỉnh. Hào này biến thì Thượng quái biến thành quẻ Chấn, cũng là ngọc, nên viết quai ngọc. Quẻ đỉnh đến đây, đã hoàn tất thể "tượng". Hào Thượng cửu dương cứng, ở ngôi âm mà có thể mềm, ôn nhuận kiên thực như ngọc vậy. Chiếm được như vị trí này vô cùng tốt, không gì không lợi. Lời Tượng nói rằng: "Tai ngọc ở

trên, cứng mềm có chừng độ vậy". Cứng mềm vừa phải, cho nên rất tốt. *Hào này nhắc chúng ta rằng, cứng mềm đủ cả, gộp lại không gì không lợi.*

Tóm lại có thể thấy, lời khuyên của quẻ Đỉnh bao gồm các mặt dưới đây:

Một là, dưỡng hiền dụng tài, để phát triển sự nghiệp, không những là nhu cầu biến đổi, còn là nhu cầu hàng đầu để duy trì lâu dài phát triển sự nghiệp. Chỉ biết dùng hiền tài mà không biết nuôi dưỡng hiền tài, tích trữ hiền tài thì sẽ khô kiệt mất, khó thích ứng với việc phát triển sự nghiệp lâu đài. Vì vậy, dưỡng hiền phải mạnh mẽ với trừ cũ bầy mới, không ngừng đào thải cái đã cũ. Phải luôn bồi dưỡng nhân tài mới. Hiền tài cũng phải tự mình không ngừng đổi mới về tri thức và tu dưỡng, mới có thể thích ứng với nhu cầu phát triển sự nghiệp. Xưa nay trong ngoài, có thể đưa ví dụ rất nhiều. Để lỡ hiền tài, bởi không được chú ý, là vấn đề thực đáng tiếc biết chừng nào!

Hai là, hiền giả có tài năng, nên cẩn thận lựa chọn đối tượng phục vụ của mình, để có đất phát huy được tài cán của mình. Nếu chọn chẳng đúng người, không những mai một tài năng, còn dẫn đến những tai hoạ khác nữa. Những lời giáo huấn loại này có rất nhiều, mắt nhìn đã đủ, chẳng cần kể thêm. Hào Cửu tam ở quẻ Tỉnh cũng hàm ý nghĩa biểu đạt tương đồng, có thể tham khảo rộng thêm.

Ba là, là nhân vật lãnh đạo, dưỡng hiền dụng tài rất nên theo "Trung chính đắc nghi". Trung chính, là không được thiên lệch, mục đích phải chính đáng. Đắc nghi, là biết phát huy sở trường của từng người, biết sử dụng triệt để năng lực người có thực tài. Dùng cái sở trường của họ, châm chước cái sở đoản của họ. vua Đường Thái Tông lệnh cho Phong Đức Di tiến cử người hiền, mà tìm không ra được người nào. Đường Thái Tông hỏi, Đức Di thưa: "Thần chẳng phải không hết lòng, song thời nay thực quả

không có người kỳ tài vậy!" Thái Tông bèn nói: "Quân tử xưa dùng người cũng như đồ vật, biết lấy ra cái sở trường, nay so với đời xưa, há có đổi khác gì ? Bệnh mình đã không biết sao dám đổ lỗi cho người đời?" Phong Đức Di thẹn mà lui ra.

Bốn là, đã rằng là hiền tài, phải song đôi tài đức đủ cả. Nếu khuyết đi một thứ, việc không đành phải chọn, thì chọn người có đức, không chọn người có tài. Bởi vì có đức không có tài, có thể giữ được sự nghiệp, có tài không đức, chỉ làm hỏng sự nghiệp mà thôi. Tư Mã Quang đã luận bàn cùng Trí Bá rằng: "Nói tài thắng Đức, là Trí Bá đã nhầm. Ôi, tài với đức vốn khác nhau, mà thế tục chẳng biện bạch rõ, khi nói về người hiền, thực có lỗi vậy. Đã rằng thông tuệ cương nghị có tài, đức phụ thêm lên vậy. Đã có đức, tài là tướng cầm quân vậy. Có đủ mười phần tài đức, là Thánh nhân. Tài đức đều chẳng có là kẻ ngu. Đức thắng tài, ấy là người quân tử. Tài thắng đức, ấy là kẻ tiểu nhân. Quân tử dùng tài làm việc thiện. Tiểu nhân dùng tài làm việc ác. Dùng tài làm việc thiện, thiện không thể không đến. Dùng tài làm việc ác, ác không thể không đến. Từ xưa đến nay, kẻ loạn thần hại nước, kẻ con cái phá nghiệp nhà, tài có thừa mà đức chẳng đủ, kể ra rất nhiều, riêng Trí Bá chẳng chịu hiểu đó thôi!" (*Tư Trị Thông Giám*)

Năm là, dùng hiền phải chú ý ở đạo trung dung. Nói trung dung, tức phải cân nhắc thích hợp. Không để những tài năng xuất chúng, sở trường sở đoản đều tuyệt hảo, vận dụng tài năng phải thích hợp, đúng chừng mực. Kẻ có sức như mãnh hổ, thích hợp công thành diệt giặc. Với kẻ thâm đầm trí lự, nên chăng chỉ sử dụng một mặt mưu kế thâm sâu mà không nghĩ đến võ dũng, v.v. Chỉ có như thế mới khống chế được, bao dung được, vận dụng tài năng làm lợi cho sự phát triển sự nghiệp toàn diện.

Sáu là, bất luận là làm gì, chỉ có cương nhu đúng mực, mới không

dẫn đến bất lợi. Bất luận là người ở cương vị lãnh đạo, hay anh tài điền dã, đều cần quán triệt tinh thần này. Đây là sách lược và tố chất phải chuẩn bị đầy đủ để có thành công lớn.

Cho nên, qua việc lý giải quẻ Đỉnh, chúng ta cần ghi nhớ:

1 - Mạnh mẽ trừ cũ bầy mới.

2 - Người hiền cần thận trọng lựa chọn giao tiếp.

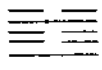
3 - Dưỡng hiền dùng tài rất cần phải trung chính vậy.

4 - Chớ trọng dụng kẻ tiểu nhân có tài không đức.

5 - Dùng tài nên cân nhắc thích hợp.

6 - Cương nhu gồm đủ, không dẫn đến bất lợi.

51. 震 Chấn - Gặp việc lớn mà không rối



震上 Chấn trên
震下 Chấn dưới

震亨，震來虩虩，笑言啞啞，震驚百里，不喪匕鬯。

Chấn, hanh. Chấn lai hích hích, tiểu ngôn ách ách. Chấn kinh bách lý, bất táng chủng xưởng.

Quẻ Chấn hanh thông, sấm động sợ ngơm ngớp, cười nói khanh khách, chấn động làm kinh sợ trăm dặm, chẳng mất môi và rượu xưởng.

Chấn là động, một hào dương mới sinh ở dưới hai hào âm, Chấn mà động vậy. Chấn lai là động, là con trai lớn. "Tự quái truyện" nói rằng: "Chủ về đồ đạc, không ai bằng con trai lớn, cho nên tiếp đến quẻ Chấn". Bởi vì quẻ Đỉnh đầu tiên là tế tự, mà người xưa tế tự với tổ tiên, đều do con trai lớn đảm nhiệm, cho nên sau quẻ Đỉnh tiếp đến quẻ Chấn. "Hích Hích" ở đây theo *Thuyết văn* là ngơm ngớp lo sợ. "Ách ách" là tiếng cười khanh khách. "Chấn lai hích hích, tiểu ngôn ách ách", là trước sợ hãi mà sau vui vẻ. "Chủng" ở đây là cái môi để múc rượu. Cái môi ngày xưa, hoặc làm bằng gỗ, hoặc làm bằng sừng, đài độ hơn gang tay, rộng vài phân, có công dụng rất rộng rãi. "Xưởng" là rượu dùng để cúng tế, có hương thơm, cổ nhân dùng để dâng hiến thần linh. Sấm xa trăm dặm, không để mất môi và rượu xưởng nghĩa là ở vào hoàn cảnh biến động lớn mà không mất bình tĩnh. Lời Thoán nói rằng: "Quẻ Chấn hanh thông, chấn động làm sợ ngơm

ngớp, vì sợ mà dẫn đến có phúc vậy; cười nói khanh khách, sau có phép tắc vậy. Chấn động làm kinh sợ trăm dặm, kinh xa mà sợ gần vậy. Có thể ra giữ lấy tôn miếu xã tắc, để làm chủ tế vậy". Nói "vì sợ mà dẫn đến có phúc" là phàm sự gì đã âu lo, thận trọng, khiếp sợ, thường dẫn đến yên lành. Nói "sau có phép tắc", là lo sợ mà sau làm việc có phép tắc không vượt quá khuôn phép. Người biết sợ, thì chú tâm lo nghĩ sâu xa. "Xa" ở ngoài quẻ, "gần" ở trong quẻ, cũng có thể suy rộng vào thế sự. Khi hoạ loạn đến, tâm thần thảng thốt, như sấm chấn động trăm dặm, xa gần đều kinh hãi. Lúc ấy, đang lúc thờ cúng, không đánh mất môi rượu, là không sợ, không sợ ý nói tuy có sợ, nếu là lúc bình thường, lâm sự bỗng nhiên lại không sợ, nên có thể gánh vác trọng trách thiên hạ, làm chủ cúng tế tôn miếu xã tắc. Lời Tượng viết rằng: "Liền sấm là quẻ Chấn, đấng quân tử coi đó mà sợ hãi sửa xét". Đấng quân tử cần nắm chắc tinh thần của quẻ Chấn, thường ngày thận trọng lo lắng, chuyên tâm tu sửa mình, mới có thể khỏi được chứng bệnh lo sợ.

Cho nên, quẻ Chấn cho ta một lời giải đáp, để ứng phó với những sự kiện chợt xảy ra như "sét đánh ngang tai".

Nói rằng "sự kiện chợt xảy ra", bởi nó đột nhiên phát sinh tổn hại lớn cho chúng ta, mà trước đó chưa có triệu chứng bao nhiêu. Việc này, mỗi người chúng ta đều gặp phải. Tất cả các sự việc phát sinh thực tế đều có quá trình từ lượng biến đến chất biến, nhưng bình tĩnh hoặc vội vàng trước sự việc xảy ra, người ta thường khó chọn được cách ứng phó thích hợp. Vì thế, để ứng phó với các sự việc đột ngột xảy ra, chúng ta lúc thường rất nên lo lắng, thận trọng, để khỏi bó tay khi lâm sự.

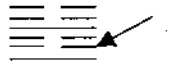


初九：震來虩虩，後笑言啞啞吉。

Sơ cửu: Chấn lai hích hích, hậu tiếu ngôn ách ách, cát.

Hào Sơ cửu: sấm động lo ngơm ngớp, sau cười nói khanh khách, tốt.

Sơ cửu là hào chủ làm nên quẻ Chấn, lại là hào đầu, nên lời bói cũng giống lời Thoán. Lời Tượng viết: "Chấn động nên lo sợ ngơm ngớp, vì sợ mà có phúc vậy, cười nói khanh khách, sau có phép tắc vậy", có cùng lời giải thích như Thoán từ. *Hào này nhắc chúng ta rằng, để ứng phó được các sự việc đột nhiên phát sinh, lúc thường rất nên phải luôn luôn lo lắng, thận trọng, phòng ngừa từ trước.*



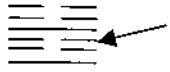
六二：震來厲，億喪貝，躋于九陵，勿逐，七日得。

Lục nhị: Chấn lai lệ, ức táng bối, tê vu cửu lăng, vật trục, thất nhật đắc.

Hào Lục nhị: sấm nổ, nguy đó, mất nhiều của, lên gò chín tầng, chớ đuổi, bảy ngày được.

Thời cổ, "ức" là mười vạn. "bối" là sò biển, thời cổ coi như một thứ tiền tệ. "Cửu lăng" ám chỉ hào Cửu tứ ở đây. "Thất nhật đắc", bảy ngày được, "Thất" là số bảy, trong *Chu Dịch* mỗi quẻ có sáu hào, bảy so với một, là đã biến đổi được một vòng. Hào Sơ nhị lúc sấm đương chấn động, ở trên hào Sơ cửu dương cứng, sấm sét, mạnh mẽ đến mức làm mất cả tiền của. Tuy vậy, hào Lục nhị mềm thuận trung chính, thuở chấn động tuy thảng thốt, mà không làm càn hỏng việc, tạm lánh mình, lấy nhu thuận trung chính mà tự thủ, mở đầu tuy không khỏi có mất mát, cuối cùng thì không cầu mà được. Lời Tượng nói rằng: "Chấn động, nguy, cưỡi cứng

vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng: Giữ nhu thuận, trung chính, có thể xử trí sự biến mà không kinh hãi vậy.*

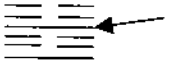


六三：震蘇蘇，震行无眚。

Lục tam: Chấn tô tô, chấn hành vô sảnh.

Hào Lục tam: chấn động làm lo sợ, chấn động nên hành động thì không có lỗi.

"Tô tô" là sợ hãi bất an. hào Lục tam bất trung bất chính, nó ở vào khoảng tiếp liền giữa Chấn dưới với Chấn trên, nên sợ hãi không an. Nếu nhờ bởi chấn động sợ hãi tu tâm hối cải, phấn đấu vượt lên thì có thể không bị tội. Lời Tượng viết: "Chấn động nơm nớp, ấy là không ở đúng ngôi". *Hào này nhắc chúng ta rằng, nhân bởi sợ hãi mà phản tỉnh, có thể lánh khỏi tai nạn.*

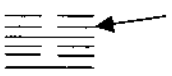


六四：震遂泥。

Cửu tứ: Chấn toại nệ.

Hào Cửu tứ: chấn động chìm đắm trong bùn.

Hào Cửu tứ dương cứng mà ở chỗ mềm, chẳng giữa chẳng chính, giáp với hai hào âm, chấn động sợ hãi mà chẳng giữ nổi, muốn chấn động mà không nhúc nhổ được, bị chìm đắm trong bùn mà không ra khỏi, nên Tượng nói như thế. Lời Tượng viết: "Chấn động chìm đắm, chưa sáng vậy". Hào Cửu tứ bị hãm bởi mấy hào âm, đã rằng có tài, bị mắc ở đấy, cho nên chẳng thể làm được việc chính đại quang minh, mới viết là "chưa sáng". *Hào này nhắc chúng ta rằng, ứng phó sự kiện đột ngột phát sinh thì chớ cầu thả cầu an.*



六五：震往來厲，億無喪，有事

Lục ngũ: chấn vãng lai lệ, ức vô táng, hữu sự.

Hào Lục ngũ: đi lại nguy, có lẽ không mất. Có việc.

Hào Lục ngũ nhu nhược, đang ở ngôi làm vua, làm chủ cuộc động, song đi lại đều nguy, hoang mang chẳng yên. Bởi ở được ngôi trung, cái tài tuy không đủ để ứng biến, mà có đức trung chính, còn có thể tự giữ mình, nên không mất gì mà còn có thể có việc. Cho nên, giữ được trung chính, tuy nguy không mất. Lời Tượng viết: "Chấn động, đi lại đều nguy, đi hiểm nghèo vậy; việc của nó ở giữa, lớn không mất vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, kiên trì giữ trung chính, có thể giảm bớt tổn thất.*



上六：震索索，視矍矍，征凶，震不于其躬，于其鄰，无咎，婚媾有言。

Thượng lục: Chấn tác tác, thị quắc quắc, chinh hung, chấn bất vu kỳ cung, vu kỳ lân, vô cữu. Hôn cấu hữu ngôn.

Hào Thượng lục: chấn động xơ xác, nhìn ngó ngơ ngác, đi thì xấu. chấn động không tới mình, chấn động tới láng giềng, không có lỗi; láng giềng có nói.

Hào Thượng lục: ở quá chỗ giữa, trong lòng lo sợ không an, "Xơ xác, ngơ ngác". Như thế tất không ứng biến, nên nói "đi thì xấu". Nhưng nếu biết đề phòng, thì cũng không đến nỗi nào. Lời Tượng viết: "Chấn động xơ xác, vì bên trong chưa giữ được, tuy xấu nhưng không có lỗi, sợ láng riềng răn vậy". "giữa chưa được" chỉ mới sự hỗn loạn đến gần mà không có thể tự thủ, nếu biết nghe láng giềng răn bảo biết sợ và tự đổi đi trước khi chưa đến cùng cực, có thể không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, thấy chấn động biết ứng biến, phòng bệnh từ trước.*

Tóm lại, quẻ Chấn cho chúng ta ứng phó thích hợp với các sự kiện đột biến phát sinh, nguyên tắc chủ yếu là:

Một là, biện pháp tốt nhất để ứng phó, là lúc bình thường đã biết thận trọng, lo nghĩ trước, phải biết răn sợ, để hạn chế tổn hại đến mức thấp nhất.

Người xưa nói: "Cư an tư nguy" (lúc ở yên lo nguy đến) là thế. *Tôn tử binh pháp* cũng nói: "Nước tuy yên, quên nghĩ đến chiến sự tất nguy". Ví như, Tây Tấn bình định Ngô Thục, thống nhất được thiên hạ, cho rằng thiên hạ đã yên ổn, xuống lệnh tài giảm binh bị ở các châu quận, Thứ Sử giao chân Đào Hoàng phản đối, Tấn Vũ Đế không nghe.

Đến năm Vĩnh Minh, toàn quốc giặc giã nổi lên như ong, chân quận không được phòng bị không giữ yên được, thiên hạ rơi vào đại loạn. Tiên ty, Hung nô, Khương tộc... thừa cơ xâm lấn Trung Nguyên kéo dài hàng trăm năm không thôi. Khoảng năm Thiên Bảo, đời Đường Huyền Tông cũng xảy ra như thế.

Hai là, nhu thuận trung chính, thì có thể không kinh hãi khi sử trí đột biến, ở tình huống tự mình không thể chống cự, chấp thuận mà không đối kháng, giữ bền Trung chính, chẳng theo đường tà, đặc biệt như lúc kẻ quân tử mắc nạn mà khó xử sự vậy. Nhân sự như thế, sự nghiệp như thế, biết tiến khi thích hợp và lánh mình là điều cần thiết vậy.

Ba là, không quên việc trước, gương để việc sau. Sau khi đã trải qua chín động ban đầu, nên tự mình phản tỉnh, tổng kết kinh nghiệm, giữ điều thiện, bỏ điều lỗi, lo điều "mất bò mới lo làm chuồng", còn chưa là muộn. Quyết sách cuối cùng của Hán Vũ Đế ở ngôi vị, bởi binh cùng lực tận, dân cùng tài tận, dẫn đến cuối đời, mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt, xảy ra những cuộc khởi nghĩa nông dân quy mô nhỏ, triều Hán như dẫm phải vết xe sụp đổ của nhà Tần. Hán Vũ Đế lo sợ cho sự còn mất của mình, kịp thời cho thi hành quyết sách, hạ chiếu miễn tội; bỏ lệnh bắt lính luân phiên đồn

thú như trước, phát triển nông nghiệp, định yên lòng dân, cuối cùng ổn định, đổi mới được triều Hán.

Bốn là, ứng phó đột biến, tuy có thể tạm thời phải thoái nhượng, nhưng quyết không phải là tạm bợ cầu an. Nếu chỉ bằng lòng với hiện trạng, hoặc chìm đắm bởi tư lợi, không nghĩ cách tiến thủ, thì không thể nắm bắt, phát triển cục diện lên được. Cuộc đời Tây Tấn, Tấn Nguyên Đế thấy Trung Nguyên rối loạn, bèn lui về giữ Giang Đông. Thế tức là chỉ có ý định giữ yên Giang Nam, không lo khôi phục Trung Nguyên. Vương Đạo cùng các đại thần cũng làm như thế, để cho Lưu Côn mối giận với Sóc Bắc, Tổ Địch ăn năn để mất Trung Nguyên, sinh linh đồ thán, đại loạn hàng trăm năm chẳng thôi. Đời Nam Tống, Cao tông Triệu Câu, trước sự xâm lấn của giặc Kim, chẳng nghĩ xả thân báo quốc, chẳng đoái đến lợi ích dân tộc, chỉ sợ Bắc phạt thành công, sợ lúc ấy Nhị Đế trở về thì mình không nắm được ngôi báu, cũng chẳng hối tiếc sát hại Nhạc Phi, đối đình xưng thần, chẳng đoái đến cha anh, để hàng nghìn dặm sông núi phải lìa đứt. Dẫn tích chẳng thẹn, khiến người chẳng kể làm gì.

Năm là, đột biến xảy đến, khó tránh vậy, nhưng phải giữ chắc trung chính, mưu lược ứng phó, khiến cho tổn thất bị giảm bớt đến mức độ thấp nhất, cũng có thể rất nhanh khôi phục nguyên khí, đổi mới tiến lên. Hồng quân trong trận vạn lý trường chinh, khi đến được Tuân Nghĩa, Quí Châu, mười vạn người chỉ còn ba vạn người, mà phía trước là vách chắn, phía sau là binh đuổi, Trước tình thế cấp bách ấy, Trung ương triệu tập hội nghị Tuân Nghĩa, Mao Trạch Đông đổi mới lãnh đạo tiếp sức cho hồng quân, phát huy đầy đủ thiên tài quân sự hiếm thấy, cuối cùng phá tan được trùng vây của địch, tạm thời chuyển nguy thành an.

Sáu là, phải phòng bệnh từ sớm, thấy người khác bị tổn thất do đột biến sảy ra, mà cảnh giác kịp thời, kiểm tra ngôn hành của mình, làm tốt việc chuẩn bị ứng phó với sự biến. Hoàng Hán, là rể nhà Lý học Chu Hy

đời Tống, lúc làm trì phủ An Khánh, coi thấy quân Kim quả nhiên đánh qua Trường Giang, khắp các thành trì xung quanh bị phá huỷ mà An Khánh vẫn một mình đứng vững, trăm họ còn ca tụng mãi.

Cho nên, để ứng phó với sự biến đột ngột xảy ra, chúng ta cần:

1 - Ở an nghĩ nguy, thận trọng lo lắng.

2 - Biết thoái nhượng thích hợp, nhu thuận trung chính.

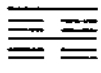
3 - Việc trước không quên, gương để việc sau.

4 - Chớ cầu thả cầu an.

5 - Kiên trì giữ lấy trung chính, gặp nguy không rối.

6 - Phòng bệnh từ lúc còn chưa thấy mầm bệnh.

52. 艮 CẤN - THẤY THỜI CƠ MÀ ĐI, BIẾT CHỖ DỪNG MÀ DỪNG



艮上 Cấn trên

艮下 Cấn dưới

艮其背，不獲其身，行其庭，不見其人，无咎。

Cấn kỳ bối, bất hoạch kỳ thân, hành kỳ đình, bất kiến kỳ nhân, vô cữu.

Đậu lại ở lưng mình, chẳng thấy được mình, đi qua sân, chẳng thấy người ấy, không có lỗi.

Cấn là đậu, tượng quẻ là một hào dương đậu trên hai hào âm, dương tự dưới lên, đậu lại trên cùng. Hình nó tương phản với quẻ Chấn, gộp với nhau thì thành một nhóm quẻ, đắp đổi mà dùng. "Tự quái truyện" viết rằng: "Các vật không thể động mãi, ngăn nó, cho nên có quẻ Cấn; Cấn là dừng lại vậy". Sự vật chẳng thể cứ vận động tiến lên mãi, tất phải có một lúc nghỉ nhất định, cứ như người không thể chạy mãi trên đường, chạy được một đoạn cũng cần dừng lại nghỉ lấy một lát, để rồi lại chạy tiếp như cũ. Bởi vậy, sự vận động của sự vật nào cũng có chu kỳ, có cao trào. Mà có cao trào, tất nhiên có điểm dừng; có động, cũng tất nhiên có tĩnh. Cấn là điểm dừng thích hợp. Cho nên tiếp sau quẻ Chấn là quẻ Cấn. Nói rộng ra, chúng ta bất luận làm gì cũng cần có hạn độ nhất định, phải biết dừng đúng lúc. Bộ phận cơ thể con người không dễ động nhất là lưng, lấy lưng để so sánh với nội tâm yên tĩnh, tự chế lực cường, không dễ động theo ngoại vật, cũng

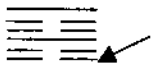
không hành động một cách mù quáng. Đây là quên mình, là ta với vật hợp nhất. Người đạt đến độ này, đối với sự vật bên ngoài thường là lạnh nhạt, biết bỏ qua tiểu tiết. Cũng giống như người đi qua sân nhà, người ấy không cảm thấy sự cùng tồn tại của người khác. Cho nên nói: "Dừng lại ở lưng mình, chẳng thấy được mình, đi qua sân, chẳng thấy người ấy", như thế tự nhiên không lỗi.

Lời Thoán viết: "Cấn là dừng lại. Lúc đáng dừng thì dừng, lúc đáng đi thì đi. Động tĩnh không lỡ thời, đạo sáng tỏ. Dừng lại ở chỗ đáng dừng, đó là chỗ dừng. Trên dưới thích ứng, chẳng đối chọi nhau, cho nên không nhìn thấy mình, đi qua sân mà không thấy người, cho nên không có lỗi". Cấn là dừng lại, đáng dừng thì dừng, đáng động thì động, động tĩnh không để mất thời cơ, tiền đồ tất nhiên tỏ rõ. Lúc nào đáng dừng lại, dương nhiên phải xem xét tình huống chung quanh mà tổng hợp phán đoán, các hào quẻ trước đây đã giải thích rõ các nguyên tắc tương quan. Biết dừng ở chỗ đáng dừng, bình tĩnh xem xét thời cơ, tự nhiên không lỗi. Lời Tượng viết: "Gồm núi là quẻ Cấn. Đấng quân tử coi đó mà nghĩ chẳng vượt ngôi vị của mình". Quẻ Cấn núi trên, núi dưới hai núi trùng điệp, tượng ngăn trở trùng trùng, ổn định mà không vọng động. Quân tử vận dụng tinh thần này, đáng dừng thì dừng, đáng động thì động, chẳng cần làm việc vượt quá năng lực của mình.

Bởi vậy, quẻ Cấn cho chúng ta lời giải thích đúng đắn về nhân sinh và quá trình phát triển sự nghiệp, có quyết sách chuẩn xác: đứng lại đúng lúc, dừng lại đúng nơi.

Trong triết học cổ đại Trung Quốc, động và dừng là một cặp phạm trù biện chứng. Hai mặt lớn-bé, cao-thấp cùng phạm trù đắp đổi lẫn cho nhau. *Binh pháp Tôn tử* từng lấy động và dừng dẫn ra để nắm bắt cơ hội chiến đấu. Chẳng có cơ hội, chẳng nên hành động, thì toàn quân cần bình tĩnh đợi thời, bất động như núi. Một khi xuất hiện cơ hội chiến đấu có lợi, thì phải

mạnh mẽ tựa như sấm sét xuất kích, đập tan kẻ địch. Thế tức là: "nhanh như gió táp, chầm chậm như rừng, lấn lướt như lửa, bất động như núi, khó hiểu như bóng, động như sấm sét". Nguyên tắc dụng binh này trên thực tế là chú giải tốt nhất của quẻ Cấn. Đạo dụng binh như thế, sự nghiệp của người đời, và cạnh tranh thương nghiệp cũng cùng một quyết sách như thế. Vận dụng phù hợp nguyên tắc này chẳng phải việc dễ, cần phải tu dưỡng cao thâm và có cái nhìn phán đoán chuẩn xác.

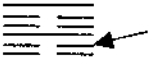


初六：艮其趾，无咎，利永貞。

Sơ lục: cấn kỳ chỉ, vô cữu, lợi vĩnh trinh.

Hào Sơ lục: dậu trên ngón chân mình, không lỗi, lợi về dài lâu chính bền.

"Đậu trên ngón chân mình", tức là đậu ngay từ khi mới động. Hào Sơ lục âm nhu, không thể tiến lên được lại ở ngôi thấp, không thể không dừng. Cho nên nói "đậu trên ngón chân mình", đã biết khó mà dừng, không dám khinh suất tiến bừa, tự nhiên không lỗi. Đã rằng phải giữ vững chính đạo, chẳng vì khó khăn nhất thời mà bỏ dở hành trình, nên "lợi về lâu dài chính bền". Lời Tượng viết: Đậu trên ngón chân mình, chưa mất chính vậy". Chính tức là nguyên lý biết chỗ đáng dừng. *Hào này nhắc chúng ta rằng,* Đáng *dừng thì dừng, chẳng để lỡ thời.*



六二：艮其腓，不拯其隨，其心不快。

Lục nhị: Cấn kỳ phì, bất chửng kỳ tuỳ, kỳ tâm bất khoái.

Hào Lục nhị: Đậu ở bụng chân, chẳng cứu kẻ theo theo, lòng chẳng sướng.

Hào này ở dưới hào chủ Cửu tam, làm theo hào Cửu tam (nhưng Cửu tam cứng mà mất giữa không được sự vừa phải của đạo đậu). "Chẳng cứu kẻ theo" là chẳng cứu được hào Cửu tam vậy. Hào Lục nhị ở giữa được chính, nếu Cửu tam là đùi, thì nó là bụng chân. Âm nhu vốn có thể cứu giúp Cửu tam, nhưng Cấn là đậu, đậu thì không thể cứu giúp ai được; thừa "trung chính tri đức" cũng không có tác dụng, nên "lòng chẳng sướng". Lời Tượng viết: "Chẳng cứu kẻ theo, đó là chưa lui lại nghe vậy" (Hào Cửu tam đậu ở trên cũng chẳng chịu xuống mà theo hào Lục nhị). *Hào này nhắc chúng ta rằng, phải có chủ kiến, chớ miễn cưỡng tuỳ thuộc vào người khác.*



九三：艮其限，列其夤，厲薰心。

Cửu tam: Cấn kỳ hạn, liệt kỳ di, lệ huân tâm.

Hào Cửu tam: Đậu ở chỗ giới hạn, phân ra ở liền nhau, nguy hiểm hun nấu trong lòng.

"Hạn" là giới hạn, Vương Bật chú là "Thân chi trung dã", tức là chỗ ngang lưng đến đùi. "Di" là liền. Eo nối liền phần trên và phần dưới của thân thể, gánh lấy việc co duỗi, đáng động mà không đáng dừng. Nếu "đậu ở chỗ giới hạn", thì trên dưới không tương liên mà lại ngăn trở. "Liệt" là phân ra, chia trên dưới ra làm hai đoạn. "Huân" là hun, là sông khói lên. Hào Cửu tam ở trên bụng chân, chính là vị trí xử sự co duỗi, vốn không đáng đậu mà đậu, trên dưới chia cách, nên thấy nguy mà tâm chẳng an. Lời Tượng viết: "Đậu ở chỗ giới hạn, nguy hiểm hun nấu trong lòng". Không đáng dừng mà dừng, cố chấp mà không biết thông biến, nội ngoại mâu thuẫn, cho nên thấy nguy mà lòng như hun. *Hào này nhắc chúng ta rằng, áng dừng không dừng, đi ngược lại thì chịu lỗi.*

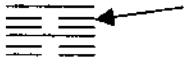


六四：艮其身，无咎。

Lục tứ: cấn kỳ thân, vô cữu.

Hào Lục tứ: đậu ở mình, không lỗi.

"Thân" là thân thể. "Đậu ở mình" là ở yên, tự dấu tài trí của mình đi. Hào Lục tứ ở ngôi âm, thuần âm mà nhu nhược, nên có tượng "Đậu ở mình", đã không có sự giúp đỡ, cho nên không lỗi. Lời Tượng viết: "Đậu ở mình, là đừng lại ở chính bản than mình". Lục không đủ để thành sự, chỉ đủ cho mình mà thôi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, dừng tức là tự mình hạn chế, lượng sức mà đi.*



六五：艮其輔，言有序，悔亡。

Lục ngũ: Cấn kỳ phụ, ngôn hữu tự, hối vong.

Hào Lục tứ: Đậu ở mép, nói có thứ tự, không còn hối hận.

"Ngôn hữu tự" là không nói sằng, là nói năng cẩn thận mà ít lời, cho nên "không ăn năn". Hào Lục ngũ ví như cái mép, là nói năng hoạt bát, là hào âm mà ở ngôi âm, chưa khỏi sự ăn năn về lời nói. Nhưng được ngôi trung, nên "nói có thứ tự", cho nên không còn hối hận. Lời Tượng viết: "Đậu ở mép, ấy là vì được chính ngôi". *Hào này nhắc chúng ta rằng, ngôn ngữ phải thích ứng, điều độ.*



上九：敦艮，吉。

Thượng cửu: Đôn cấn, cát.

Hào Thượng cửu: đầy đặn đậu lại, tốt.

Đáng dừng thì dừng, chính bền mà không thay đổi, thế là "đôn". Hào Thượng cửu dương cứng, ở cực trên của đậu, tượng trưng đáng dừng mà dừng đúng chỗ vậy, nên viết "đầy đặn đậu lại". Thuận theo như thế tự nhiên cát tường. Lời Tượng viết: đầy đặn đậu lại, tốt, vì đầy đặn đến cùng". Sở dĩ tốt lành, bởi đầy đặn đến cùng mà biết dừng đúng chỗ, chung cục không hỏng. *Hào này nhắc chúng ta rằng, biết dừng ở chỗ tốt lành, dầy dốc mà cuối cùng vẫn không hỏng.*

Tóm lại, khi vận dụng nguyên tắc của quẻ Cấn, chúng ta cần phải:

Một là, đáng dừng thì dừng, không để lỡ thời cơ. Bảo rằng đáng dừng, cần bao quát: 1/ Khi lực lượng tiến lên không đủ, không dễ bổ sung lực lượng. 2/ Gặp phải trở ngại to lớn. 3/Điều kiện nội bộ phát sinh biến hoá, không thích hợp tiến lên. 4/ Đã đạt được một số thành tích cần thiết, song sức lực bỏ ra đã cạn kiệt.

Cần phải quan sát kỹ lưỡng, để phán đoán nên động hay tĩnh, Cần có quyết sách đúng đắn để đánh giá tình thế và dự trắc kết quả bất lợi chưa xảy ra. Ở đây, cần tránh có hành động, mà phát hiện thấy bất lợi phải tìm cách dừng lại; nếu chỉ biết ứng phó bị động, đấy không phải là quyết sách cao minh. Trước đây, nhiều xí nghiệp, công trình xây dựng của nước ta, bên thiết kế, bên thi công, vì chạy theo tốc độ mà mắc phải những phần sai sót điển hình về nguyên tắc quyết sách. Người có quyết sách đúng đắn về lối đi cần tránh sai sót về lựa chọn quyết sách, chớ gặp đâu hay đấy.

Hai là, nói thích hợp mà dừng là có chủ kiến, không làm bừa theo người khác, càng không phải cứ miễn cưỡng đuổi theo người khác, mà phải có phán đoán độc lập của mình để thực thi công việc. Chẳng cứ là quyết sách nhân sinh hay là cạnh tranh thương nghiệp, đều phải chú ý điểm này. Bởi vì năng lực của người ta bất đồng, điều kiện bất đồng, thời cơ bất đồng, sự việc người khác làm được, mình chưa chắc chắn làm được. Chỉ biết bắt chước,

đuổi theo người khác mà không xét thực tế của mình, chỉ làm cho mình bị động khó tự vươn lên, về căn bản mà nói không thể thành công được.

Ba là, đáng dừng không dừng, lại mắc phải lỗi, đặc biệt khi sự nghiệp của người ta đang liên tiếp thắng lợi, càng nên tự mình ức chế. Ở đỉnh cao nếu tiến thêm một bước, có thể là vực sâu. Từ Ngô Vương Phù Lai trong lịch sử, đến Tiền Tần Phù Kiên, đều là như thế. Cho nên: Tư Mã Quang khi bình luận về Phù Kiên có nói: "Phù Kiên sở dĩ thua, do quá thắng mà kiêu vậy. Nguỵ Văn Hầu hỏi Lý Khắc, Ngô làm sao mất, đáp rằng: "Luôn chiến, luôn thắng" Văn Hầu lại hỏi: "Luôn chiến luôn thắng là phúc của nước, hà cớ gì lại mất?". Lại đáp rằng: "Luôn chiến thì dân mệt mỏi, luôn thắng thì chúa kiêu ngạo, lấy chúa kiêu ngạo ngự trị dân mệt mỏi, hỏi có gì không mất?". Kiêu tức là không biết dừng vậy.

Bốn là, thích đáng mà dừng, tức là tự mình hạn chế, lượng sức mà đi. Lúc sáng nghiệp, hạn chế lòng tham của mình, tự uốn nắn, sáng tạo điều kiện; lúc phát triển, khắc phục tham muốn đánh nhanh thắng nhanh, mà tiến từng bước vững chắc; lúc thành công, hạn chế lòng lười nhác, lại tiếp tục cố gắng; lúc khốn khó, hạn chế nóng nẩy hấp tấp, bình tĩnh suy nghĩ, tìm ra thời cơ. Những điều này đều là cái mà quyết sách nhân sinh cần phải có.

Năm là, về một phương diện trọng yếu khác, là ngôn ngữ của mỗi cá nhân phải có tiết chế, thích đáng điều độ. Ngôn ngữ cần lấy biểu đạt trung thực thẳng thắn, lý lẽ rõ ràng, diễn đạt đủ ý làm đầu. Chẳng nên cầu kỳ kiểu cách, hay đùa bỡn không đâu. Còn phải chú ý thời cơ đối thoại, sớm quá có thể phiền phức, muộn quá thì có thể không tác dụng. Còn phải chú ý đối tượng, khung cảnh đối thoại.. ngôn ngữ tốt đẹp, chuẩn xác, sẽ là một nhân tố lớn của thành công, mà người nào cũng đều không thể xem thường được.

Sáu là, hiểu được vấn đề trọng yếu biết thích đáng mà dừng, trong sinh hoạt chúng ta nên tận thiện tận mỹ vận dụng, cố gắng để mỗi quyết sách nhân sinh của chúng ta đều thích đáng, chuẩn xác, kịp thời, còn phải kiên trì đến cùng, không thể dao động.

Như thế, thành công của sự nghiệp nhân sinh là không khó thực hiện vậy.

Cho nên, vận dụng nguyên tắc của quẻ Cấn, chúng ta phải:

- *Ghi nhớ:*

1 - Đáng dừng thì dừng, không để mất thời cơ.

2 - Phải có chủ kiến, chớ làm bừa theo người khác.

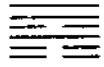
3 - Đáng dừng không dừng, lại là mắc lỗi.

4 - Tự mình hạn chế, lượng sức mà đi.

5 - Phải biết tự điều tiết, rèn luyện để ngôn ngữ có năng lực biểu đạt.

6 - Tận dụng mọi khả năng hoàn mỹ vận dụng nó.

53. 漸 Tiệm - Đài cao chín tầng, khởi từ đất luỹ

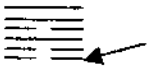


艮上 Cấn dưới
巽下 Tốn trên

漸女歸，吉，利貞。
Tiệm, nữ quý cáp, lợi trinh.
Quẻ Tiệm, con gái về, tốt, lợi về chính bền.

"Tiệm" là dần dần, tiệm tiến. Ở tượng quẻ trên, quẻ Cấn dưới là dừng, quẻ Tốn trên là thuận, thuận tòng để dừng ở nơi đáng dừng, có ý tiến dần dần. Lại nữa, Cấn là núi, Tốn là cây, cây ở trên núi, dần dần mà cao. Cũng cùng ý ấy, "Tự quái" nói rằng: "Các vật không thể đậu mãi, cho nên tiếp đến quẻ Tiệm. Tiệm là tiến lên. Sự phát triển của sự vật tuy có nhu cầu dừng nghỉ nhất định, nhưng không thể vĩnh viễn dừng nghỉ, một khi điều kiện thích hợp, lại phải tiếp tục tiến lên. Cho nên sau quẻ Cấn là quẻ Tiệm. Cổ nhân bảo con gái xuất giá là "quy". Thời cổ đại, người ta gả chồng cho con gái đều theo trình tự nhất định tuần thự tiến hành, như nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp chưng, thỉnh kỳ, thân nghênh, sáu lễ đầy đủ sau mới thành hôn, rất phù hợp với nội dung của quẻ Tiệm, nên viết "Con gái gả chồng, tốt". Mà lại lợi về chính bền. Lời Thoán viết: "Tiệm là tiến vậy, con gái về nhà chồng tốt. Tiến được chính ngôi, đi có công vậy. Tiến bằng cách chính đáng, có thể sửa sang trong nước vậy. Ngôi của nó cứng mạnh mà được vị trí ở giữa vậy, dừng lại thì nhún nhường, hành động thì vô cùng vậy". Cũng như con gái về nhà chồng, thì tuần tự mà tiến, có thể dần dần

được việc, lập được công lao, chỉnh đốn được việc nước, có thể xem thời mà động, cho nên tiến dần đến đích rất thuận lợi. Lời Tượng viết:: "Trên núi có cây, là quẻ Tiệm; đấng quân tử coi đó mà chứa đức hiền, làm hay thói tục". Trên núi có cây, dần dần mà cao. Đấng quân tử chiếu theo tinh thần ấy, tiếp tục dần dần phát triển sự nghiệp của mình; lại phải chứa đức hiền, lại hay thói tục, mắt thấy tai nghe, lấy phẩm đức của mình luôn được bồi bổ, thúc đẩy sự nghiệp của mình tiến lên. Cho nên, quẻ Tiệm giải thích rõ cho chúng ta nguyên tắc tiệm tiến trong đời sống và phát triển sự nghiệp. Tuần tự tiệm tiến, tiếp tục đạt được mục tiêu, chính là quyết sách chuẩn xác mà chúng ta làm bất cứ việc gì đều phải tuân theo, thế nhưng trong đời sống sinh hoạt rất ít người vận dụng được đầy đủ, chính xác. Mọi người nếu không dừng bước nghỉ ngơi, thoả mãn hiện trạng, thì lại sợ không kịp thời, cứ nghĩ một bước lên mây. Song, sự phát triển của sự vật có quy luật tự thân của nó, nước phải uống từng ngụm một, đường phải đi từng bước một. Nước suối tích thiểu thành đa, sông nhỏ dần thành sông lớn. Bởi thế mà tuần tự tiến dần là phép tắc cơ bản của sự vật phát triển.



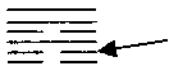
初六：洪漸于干，小子厲，有言，无咎。

Sơ lục: hồng tiệm vu can, tiểu tử lệ, hữu ngôn vô cữu.

Hào Sơ lục: con sếu tiến chưng bến, trẻ nhỏ nguy, có nói không lỗi.

"Hồng" là con sếu, một giống chim nước. "Can" là bờ bến. Bài thơ cổ "chặt gỗ đàn" có câu "Bến nước sông quê vẫn yên lành". Nói "trẻ nhỏ", bởi quẻ Cấn dưới là "trẻ nhỏ". "Lệ" là nguy lệ. "Ngôn" ở đây là lời phỉ báng. Hào Sơ lục âm nhu, đương thời tiệm tiến, từ dưới quẻ đi lên, bởi ở hào Một là, nên lấy "Con sếu vào bến" làm ví dụ. Nhưng hào Sơ lục như thiếu niên mới tiến lên mà chưa có tương ứng, không khỏi có chuyện "trẻ nhỏ nguy",

"lời phỉ báng", nhưng tiến dần dần là chính xác, có nghĩa không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, Tiệm tiến cần lượng sức mà đi.*

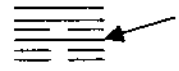


六二：洪漸于磐，飲食衎衎，吉

Lục nhị: Hồng tiệm vu bàn, ẩm thực hãn hãn, cát.

Hào Lục nhị: Con sếu tiến tới bàn đá, ăn uống hơn hớn, tốt.

"Bàn" là tảng đá phẳng. Cấn là đá, bàn là tượngtrưng cho Cấn. Từ bến đến bàn đá, là tiến dần dần. Hào Lục nhị nhu thuận trung chính, dần dần tiến lên, phía trên có hào Cửu ngũ tương ứng, cho nên đoán là tốt lành. Lời Tượng viết: "uống ăn hơn hớn, không chỉ có no". Tức là không chỉ ăn cho no, trong sự no ấy có đạo vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng,* tiến dần dần cần trung chính, thực tiễn.



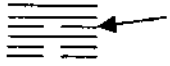
九三：洪漸于陸，夫征不復，婦孕不育，凶，利禦寇。

Cửu tam: Hồng tiệm vu lục, phu chinh bất phục, phụ dưng bất dục, hung lợi ngự khấu.

Hào Cửu tam: Con sếu tiến dần vào đất liền, chồng đi chẳng lại, vợ chửa chẳng nuôi, xấu, lợi về chống giặc.

Thuyết văn nói: "lục, là bình địa cao rộng". Con sếu vốn là chim nước, nay vào đất bằng, là vật mất nơi chốn của nó. Mà "chồng đi chẳng lại, vợ chửa chẳng nuôi", cũng là nói vật đã mất cái vốn có. Như vậy, tự nhiên nó gặp nguy hiểm. Hào dương Cửu tam ở ngôi dương, song quá cứng mạnh, đương thời tiến lên, vào đất liền, không hợp chỗ dừngcủa nó. Dừng chẳng đúng nơi, nên mất đạo mà hung hiểm. Song Cửu tam, Lời Tượng viết: "Chồng đi chẳng lại, lìa đàn loài vậy; vợ chửa chẳng nuôi, trái với đạo

vậy; lợi dùng chống giặc, thuận với việc giữ gìn vậy". Với đồng loại, cùng lo giữ gìn, thì không mắc lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiến lên không thể cứng mạnh quá độ, để mất phù hợp.*

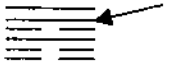


六四：洪漸于木，或得其桷，无咎。

Lục tứ: Hồng tiệm vu mộc, hoặc đắc kỳ giốc, vô cữu.

Hào Lục tứ: Con sếu tiến dần lên cây, có khi được cành ngang, không lỗi.

Quẻ Tốn trên là Mộc, hào Lục tứ đã đến quẻ trên, cho nên nói rằng "Con sếu tiến dần lên cây". Cây cao hơn đất, tức là đã cao hơn một bước. "Được cành ngang", tức là có chỗ đậu yên ổn ở trên cây. Hào Lục tứ nhu nhược, vốn khó tiệm tiến, nhưng nhún thuận mà được chính đáng, tượng "Con Sếu tiến dần lên cây, đậu cành ngang" yên ổn mà không lỗi. Lời Tượng viết: "Được cành ngang, vì thuận mà nhún nhường". *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiệm tiến nên thuận thế mà đi, đón bắt cơ hội mà làm.*



九五：洪漸于陵，婦三歲不孕終莫之勝，吉。

Cửu ngũ: Hồng tiệm vô lăng, phụ tam tuế bất dựng, chung mạc chi thắng, cát.

Hào Cửu ngũ: Con sếu tiến dần tới gò, vợ ba năm chẳng chửa, cuối cùng chẳng gì thắng được, tốt.

Theo *Thuyết văn* thì "Lăng là gò lớn vậy", ý nói ở nơi cao như đỉnh núi. Sếu vốn là loài chim nước, từ bến lên cây, từ cây lên gò, cũng tức là mất đi cái gốc của nó. Nói "vợ ba năm chẳng chửa" là thế. Hào Cửu ngũ dương cứng mà ở ngôi tôn, với hào Lục nhị ở dưới là chính ứng, có thể tiệm tiến mà tương hợp, song bị hai hào trung gian làm cách trở, nên chưa hợp nhau được. Nhưng vốn dương cứng trung chính, phù hợp lại chính đáng,

cuối cùng cũng đạt đến mục đích, nên viết "cuối cùng chẳng gì thắng được nó, tốt, đạt được mong muốn vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiệm tiến phải đột phá trở ngại, khả dĩ thành công.*



上九：鴻漸于陸，其羽可用逵儀吉。

Thượng cửu: Hồng tiệm vu quỳ, kỳ vũ khả dụng vi nghi, cát.

Hào Thượng cửu: Con sếu tiến dần đến ngã ba đường, lông của nó có thể dùng trang điểm, tốt.

Hào này tương đồng ý nghĩa với Hào Cửu tam, đi với nhau có ý bắt chước khuôn phép. Hào Thượng cửu đã là cực của quẻ Tiệm, quẻ Tốn trên là Mộc, Mộc là cây, vốn sống dưới núi, giờ tiến đã hết độ cao, chỉ rằng đã hết đất để tiến. Tốn lại là thuận, biết tiến lên không được, nghĩ thoái về đất. Hào Thượng cửu tuy dương cứng, song ở ngôi âm, nên như thế, tức là biết tiến biết thoái, khả dĩ làm phép tắc noi theo, nên viết "lông của nó có thể dùng trang điểm, tốt". Lời Tượng nói: "Lông của nó có thể dùng trang điểm, chẳng theer loạn được". Đã biết tiến biết thoái, đủ bằng lòng với công danh phú quý, cũng chẳng thể loạn tâm. *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiệm tiến phải biết tiến, biết thoái.*

Tóm lại, quẻ Tiệm chỉ bảo cho chúng ta những nguyên tắc về nhân sinh và sự nghiệp, chủ yếu gồm:

Một là, để tiến triển sự nghiệp của mình, nên lượng sức mà đi, có bao nhiêu sức lực, thì làm đủ bấy nhiêu sự việc. Tự cổ các vương hầu, tướng lĩnh vốn chẳng phải do dòng giống, thành công của họ, đều bởi biết dựa vào sức lực hiện có của mình để tiến dần lên trước, khuyếch đại chiến quả, dẫn đến thành công, mà quyết không làm việc gì vượt quá sức mình. Lưu

Bang nhằm phía Tây vào Quang Trung, bởi gặp cường địch phải lánh thân giữ vững thành trì, đã là điển hình về nguyên tắc quyết sách lượng sức mà đi. Lượng sức mà đi, vốn là gốc của bất kỳ thành công nào, vẫn thường dẫn người đời đến với thành công.

Hai là, tiệm tiến cần trung chính, dựa trên thực tế, phải có kế hoạch chu tất, lại cần nắm bắt được thời cơ phù hợp, dần dần tiến lên trước, mới có thể chắc chắn đạt được kết quả. Viễn tưởng cao xa, muốn có lầu các cao rộng, thật khó thực hiện. Bài luận trứ danh *Long trung đối* (Lời đối đáp khi thời đang thịnh trị) của Gia Cát Lượng tức là dựa vào đại thế của thiên hạ đương thời mà đưa ra quyết sách điển hình, phân cấp phân giai đoạn, dần dần thực hiện mục tiêu. Cuối cùng bởi cái chết của Quan Vũ mà kế hoạch không thể thực hiện được, song "Long trung đối" chính là một kế hoạch thực tiễn khả thi. Bởi thế, với tính thực tiễn khả thi của kế hoạch, ta sẽ nắm bắt toàn diện, và đánh giá chính xác đúng thời cục.

Ba là, tiệm tiến cũng tức là ổn thoả mà vững chắc tiến lên. Tự mình đánh giá đúng lực lượng so sánh, hiểu rõ thời thế, không tham đánh vội tiến, cứng mạnh quá độ, để mất phù hợp dẫn đến thất bại. Trong chiến tranh và cạnh tranh thương nghiệp, nguyên tắc này cực kỳ trọng yếu. Nếu trong chiến tranh mà không xét toàn cục, vội thâm nhập, dễ bị hãm vào trùng vây, toàn quân tan tác. Ví như Lý Lăng đưa 5 nghìn quân thâm nhập vào đất Hung nô vài nghìn dặm, tuy giết được nhiều địch, cuối cùng cũng khó ra thoát. Quảng Lợi tướng quân bị bại trận ở Hán Bắc cũng là như thế. Cho nên, câu "dục tốc bất đạt" luôn là bài học lớn đối với đời sống và sự nghiệp vậy.

Bốn là, nguyên tắc tối cơ bản của tiệm tiến là dựa vào tình huống thực tế mà xác định đối sách, nắm vững cơ hội mà triển khai hành động, như vậy mới đạt được mục tiêu một cách hữu hiệu nhất. Nói cách khác, phương án hành động phải dựa vào sự phân tích sâu sắc hoàn cảnh bên ngoài và tình

huống nội bộ, sao cho thoả đáng. Binh pháp Tôn Tử cũng nói: đất bế tắc chẳng ở, giao lưu ở nơi phố xá. Tuyệt địa chẳng đứng, nơi bị vây thời cần mưu lược, nơi tử địa thời cần quyết chiến. "Sân có chỗ chẳng dùng, quân có chỗ không đánh, thành có chỗ không phá, đất có chỗ không tranh, lệnh vua có chỗ chẳng theo...", đều là theo một nguyên tắc chung. Có binh pháp như thế thì việc quân không đình đốn mà lợi trọn vẹn. Việc quân như vậy, đời sống và cạnh tranh thương nghiệp cũng như thế.

Năm là, tiệm tiến còn phải dũng cảm đột phá chướng ngại. Mọi việc trên đời đều có chướng ngại, đột phá một chướng ngại, sự nghiệp của anh sẽ tiến thêm được một bước. Chữ "Tiệm" đã bao hàm từng bước khắc phục khó khăn để tiến lên. Làm như thế sẽ có hy vọng và cơ hội thành công. Điều này tưởng chẳng cần ví dụ.

Sáu là, tiệm tiến còn phải bước tiến bước thoái. Sự nghiệp cần thực hiện đều có thể thông qua nhiều phương thức tiệm tiến đạt đến mục tiêu. Có khả năng thực hiện được một chút, có khả năng do điều kiện thay đổi mà vĩnh viễn không thực hiện được. Cho nên, trong quá trình tiệm tiến, mọi người cần kịp thời tiến thoái phù hợp. Với vị trí trọng yếu, càng phải đạm bạc lợi lộc công danh, càng phải tận tâm tận lực. Công danh phú quý chẳng loạn đầu óc, tự nhiên sẽ biết tiến biết thoái đúng lúc, nếu chỉ biết tiến mà không biết thoái, chỉ biết cao mà không biết thấp, thì sao chẳng không lỗi, chẳng thể tốt lành vậy. Dẫu có thành công nhất thời, cuối cùng cũng sẽ thất bại.

Cho nên, khắc ghi lời dạy của quẻ Tiệm, chúng ta cần:

□ *Ghi nhớ:*

1 - Lượng sức mà đi.

2 - Trung chính, thực tiễn.

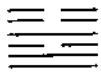
3 - Chớ tham đánh vội tiến.

4 - Nắm chắc cơ hội mà triển khai hành động.

5 - Từng bước vượt qua chướng ngại.

6 - Biết tiến, biết thoái đúng lúc.

54. 歸妹 QUY MUỘI - NGUYÊN TẮC HÔN NHÂN MỸ MÃN.



震上 Đoài dưới
兌下 Chấn trên

歸妹征凶，无攸利。
Quy Muội, chinh hung, vô du lợi.
Quẻ Quy Muội, tiến lên thì xấu, không theo lợi.

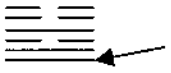
Cổ nhân nói, Con gái xuất giá về nhà chồng là "quy", như vu quy, "muội", chỉ người con gái trẻ. Quẻ Đoài dưới là thiếu nữ, là đẹp lòng, quẻ Chấn trên là trai lớn, đẹp lòng mà động, có tượng con gái về nhà chồng, nên biết Quy Muội. Quẻ Quy Muội và quẻ Tiệm là hai mặt tương phản, gộp lại làm thành một nhóm quẻ, có tác dụng tương hỗ với nhau. "Tự quái" nói: "Tiệm là tiến lên, tiến lên ắt có chỗ về, cho nên tiếp đến quẻ Quy Muội". Lời Tượng viết: "Quẻ Quy Muội là nghĩa lớn của trời đất vậy. Trời đất chẳng giao nhau thì muôn vật chẳng dấy lên, quẻ Quy Muội là bắt đầu và kết thúc của loài người vậy. Đẹp lòng mà động, người về là em gái vậy; đi thì xấu, bởi không chính ngôi. Không theo lợi, bởi mềm cưỡi cứng vậy". Trai lấy vợ, gái lấy chồng, là việc rất chính đáng ở đời. Bởi vạn vật chẳng thể sống đơn độc, trai có nhà, gái có cửa, vốn là lẽ thường trong trời đất. Như thế gọi là nghĩa lớn. Trời đất chẳng giao hoà thì vạn vật chẳng sinh nở, nam nữ chẳng giao hoà, nhân loại sẽ bị huỷ diệt. Cho nên, hôn nhân nam nữ là cái đạo ban đầu. Song, dựa vào tượng quẻ mà nói: kẻ đẹp lòng mà

động là thiếu nữ, ở đây xét về đạo lý có cái trái với lẽ hôn nhân cũ. "Không được chính ngôi", thể hiện ở các hào dương Cửu nhị, Cửu tứ đều ở ngôi âm, các hào âm Lục tam, Lục ngũ đều ở ngôi dương, "Mềm cưỡi cứng", thể hiện ở Lục tam cưỡi Cửu nhị, Lục ngũ cưỡi Cửu tứ, tượng trưng người vợ chế ngự người chồng, trái với lẽ phu xướng phụ tùy, cho nên mới bói là "đi thì xấu, không theo lợi". Lời Tượng viết: "Trên đầm có sấm là quẻ Quy Muội. Quân tử ở đến cùng mới biết điều tệ hại". Quẻ Đoài dưới là đầm, quẻ Chấn trên là sấm, cho nên nói trên đầm có sấm. Sự việc trong thiên hạ, thói đời lấy nghĩa mà hợp, đắn đo thì vẫn hơn. Cẩu thả lấy lợi mà hợp, càng lâu càng nát. Hôn nhân của người ta, nếu lấy đức mà hợp, thì lâu mà vẫn mới. Nếu chỉ biết lấy sắc mà hợp, lấy lợi mà hợp, thời sắc phai tình lạt, lợi cạn cãi vã. Người quân tử cần thấu rõ đạo lý này, để hôn nhân của mình hợp với chính đạo, thuận thời.

Cho nên, cái mà quẻ Quy Muội trình bày cho chúng ta là nguyên tắc cơ bản của hôn nhân – việc lớn của cả cuộc đời.

Hôn nhân là sự tiếp nối của đời sống nhân loại, là hình thức cơ bản phát triển chủng tộc, cũng là vấn đề lớn về đời sống mà mỗi người đều phải nhận thức xử lý đúng đắn. Nó gắn liền với hạnh phúc và sự nghiệp của mỗi người suốt đời. Sách *Hán thư, ngoại thích truyện* viết: "Việc hôn nhân là đạo lớn ở đời. Lễ cưới để buộc hôn nhân bền chặt mãi". Quan điểm hôn nhân truyền thống cổ đại Trung Quốc tuy có một số điểm không thích hợp với xã hội hiện nay, song nhiều điểm còn thích hợp với đặc điểm của dân tộc và tình cảm của chúng ta. Huống chi nó đã kéo dài mấy nghìn năm, đến nay còn có ảnh hưởng sâu sắc, nên chúng ta cũng cần phải xem xét thận trọng. Xử lý đúng đắn vấn đề hôn nhân chẳng phải việc dễ dàng. Khổng tử từng nói: "Duy có đàn bà với tiểu nhân là khó dậy bảo, thân gần thì họ nhờn, xa cách thì oán trách". Lời thuyết giảng của Khổng tử về hôn nhân chưa đầy đủ. Lễ tục hôn nhân phong kiến đã tạo ra không ít bi kịch. Ngày

nay, chúng ta đã quá rõ về hôn nhân cũ. Nhận rõ hàm nghĩa của quẻ Quy Muội, chúng ta sẽ xử lý tốt vấn đề về hôn nhân.

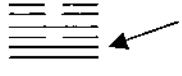


初九：歸妹以娣，跛能履，征吉。

Sơ cửu: quy muội đĩ đễ, bí năng lý, chinh cát.

Hào Sơ cửu: lấy em gái về nhà chồng làm vợ lẽ, què biết xéo, tiến lên thì tốt.

"Đễ", sách *Thuyết văn* nói là em gái theo chị về nhà chồng. Người đời thượng cổ gả chồng cho con gái thường cho mấy đứa em gái đi bồi lễ, hoặc làm hầu lẽ cho chồng. Đấy là tục quản hôn nguyên thuỷ. Sách *Tả truyện*, thơ "Hàn dịch" cũng có ghi chép về việc ấy. Hào Sơ cửu này là hào thứ nhất của Quy Muội ở ngôi thấp kém, không có chính ứng, có tượng vợ lẽ về nhà chồng, nên viết "lấy em gái về nhà chồng làm vợ lẽ". Song Sơ cửu là hào dương, ở ngôi dương, tượng con gái có đức hiền chính. Quẻ dưới Đoài là đẹp lòng, có đức lại nhu thuận, có thể trợ giúp được việc nhà. Chỉ có cái bởi không là vợ cả, không có thực quyền mà thôi. Tuy là kẻ chập chững, song có công giúp được nội trợ, nên viết "tiến lên thì tốt". Lời Tượng viết: "Lấy em gái về nhà chồng làm vợ lẽ, ấy là lẽ thường vậy; què biết xéo, tốt, vâng nhau vậy". Bởi vâng giúp chính thất, cho nêntốt lành. *Hào này nhắc chúng ta rằng, nếu danh vị chẳng đúng, chỉ cần có đức hiền chính, tự nhiên tốt lành.*



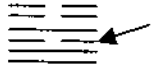
九二：眇能視，利幽人之貞。

Cửu nhị: Miểu năng thị, lợi u nhân chi trinh.

Hào Cửu nhị: Chột biết trông, lợi về sự chính bền của bậc u nhân.

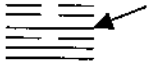
"Chột" là một mắt nhìn thấy vật, một mắt chẳng thấy. "U nhân" chỉ người ở nơi ẩn náu, chẳng gặp thời, chỉ tự mình giữ mình vậy. Hào Cửu nhị

dương cứng ở giữa, có ưu thế hơn Sơ cửu, trên chính ứng với hào Lục ngũ, song ứng với hào âm, âm nhu bất chính, có tượng một người con gái lấy phải người chồng không xứng đáng, hôn nhân có khiếm khuyết, cho nên ví là "chột biết trông". Song Cửu nhị cứng mà ở giữa, có đạo trung chính, chẳng bởi thế mà đổi cái lòng thực ban đầu của mình, cho nên nói "lợi về sự chính bền". Lời Tượng viết: "Lợi về sự chính bền của bậc u nhân, chưa đổi sự thường vậy". Cổ nhân đặc biệt coi trọng sự thuỷ chung như nhất của người con gái xuất giá tòng phu. *Hào này nhắc chúng ta rằng, nếu gặp phải sự chẳng vừa ý, phối hợp với người chẳng ra gì, cũng phải thuần giữ thuần chính.*



六三：歸妹以須，反歸以娣。
Lục tam: quy muội dĩ tu, phản quy dĩ đễ.
Hào Lục tam: Em gái về phải đợi, lại về làm vợ lẽ.

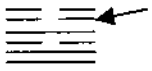
Hào này sách cổ giải thích có khác nhau. Song tựu chung, Lục tam là hào âm, ở ngôi dương, bất trung bất chính, từ dưới đi lên, lại lấy đẹp lòng làm chủ, chẳng đạt được sở thích, đành phải như thế, tức là đức chẳng xứng ngôi. Lời Tượng viết: "Em gái về nhà chồng phải đợi, chưa đáng vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, bất trung bất chính, chẳng đủ tạo dựng gia đình*



九四：歸妹愆期，遲歸有時。
Cửu tứ: Quy Muội khiên kỳ, trì quy hữu thì.
Hào Cửu tứ: Em gái về nhà chồng lỗi hẹn, chậm về vì đợi thời.

Sách *Thuyết văn* nói: "Khiên, là sai hẹn vậy". "Hữu thì" là có thời, đợi thời thích hợp, cũng chỉ việc hôn nhân nam nữ đều có thời vậy. Cửu tứ

dương cứng mà dưới không có chính ứng, ví như người con gái đang ở tuổi lấy chồng, bởi chưa gặp được người thích hợp mà chưa xuất giá. Song đây chỉ là kéo dài thời kỳ chờ đợi mà thôi. Lời Tượng viết: "Cái chí lỗi hẹn, đợi thời mà đi vậy".*Hào này nhắc chúng ta rằng, nếu về nơi không thích hợp với mình, thà cứ ở vậy còn hơn.*



六五：帝乙歸妹，其君之袂，不如其娣之袂良，月幾妄，吉。

Lục ngũ: Đế Ất quy muội, kỳ quân chi duệ, bất như kỳ đệ chi duệ lương, nguyệt cơ vọng, cát.

Hào Lục ngũ: vua Đế Ất gả chồng em gái, vạt áo của vua không đẹp bằng vạt áo của vợ lẽ, mặt trăng sắp tới tuần vọng, tốt.

"Đế Ất" đã thấy ở quẻ Thái. Tuần vọng là ngày rằm hàng tháng. Lục ngũ mềm mà ở giữa, lại ở ngôi tôn, là có được đức, mà chẳng xem trọng áo quần, dung mạo. Tuy vạt áo chẳng đẹp bằng ai, song nó được đức trung chính. Một cuộc hôn nhân thực sự tốt đẹp chẳng xem trọng về hình thức. Vào tuần trăng tròn, ánh trăng toả sáng mà nhuần nhị, cho nên tốt lành. Lời Tượng viết: "Vì có đức giữa là đức sang trọng mà đi, cho nên không chuộng đến sự trang sức". *Hào này nhắc chúng ta rằng, việc hôn nhân cần trọng đức hơn bề ngoài, "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn".*



上六：女承筐，无實；士刲羊，无血；无攸利。

Thượng lục: Nữ thừa khuông, vô thực; Sĩ khuê dương , vô huyết, vô du lợi.

Hào Thượng lục: Con gái xách giỏ, giỏ không có gì, con trai giết dê, không máu, không theo lợi.

Sách cổ nói, việc hôn lễ thời nhà Chu, con gái vâng việc dâng giỏ, hiến tế hoa quả cúng, con trai cầm dao đâm dê lấy máu để tế tự. Nếu con gái chỉ có giỏ không, con trai đâm dê mà không máu, thì việc cúng tế không đạt, là bình thường đại bất lợi. Thượng lục âm nhu mà ở cuối cùng của quẻ Quy Muội, dưới không ứng, lại quá thời, việc thành hôn thực khó, nên có tượng ấy. Lời Tượng viết: "Hào Thượng lục: giỏ không có gì, đó là nhận lấy cái giỏ không". *Hào này nhắc chúng ta rằng, hôn nhân nên tránh hữu danh vô thực. Nhìn chung, quẻ Quy Muội từ vấn đề Hôn nhân, đưa ra các lời khuyên sau:*

Một là, hôn nhân rất coi trọng phẩm đức. Giả sử hôn nhân đã thành mà danh vị chẳng đáng, chỉ cần bền giữ đạo thuần chính, sẽ được tốt lành mỹ mãn. Lời khuyên này phù hợp với thực tiễn hôn nhân trong đời sống hiện nay còn tồn tại như môn đăng hộ đối, hai bên bố mẹ lo toan cho cả. Người trong cuộc cần hiểu rõ đạo lý này.

Hai là, lấy người chẳng xứng đôi, gặp người chẳng hiền lành, vẫn là vấn đề ngày nay nhiều người thường gặp phải. Trong chuyện vợ chồng nếu có vấn đề đức hạnh hoặc năng lực, hôn nhân không dễ mỹ mãn. Biện pháp tốt nhất để giải quyết vấn đề này, là một bên hoặc hai bên bền giữ thuần chính, cố gắng nghĩ đến đối phương, lấy nhiệt tình và chân thành cảm hoá đối phương, sẽ có hy vọng làm cho hôn nhân mỹ mãn, gia đình hạnh phúc, và hiểu được vấn đề chia tay chẳng phải là thượng sách.

Ba là, trách nhiệm đạo đức trong hôn nhân là song phương. Bất luận ở đâu, bất trung bất chính chẳng thể tạo lập được gia đình, tiền bạc và địa vị cũng không cứu vãn được. Chỉ cần người vợ hoặc người chồng bất trung bất chính, hôn nhân chẳng thể bền chặt hạnh phúc. Đây là lẽ thường của hôn nhân, ai nấy đều cần ghi nhớ.

Bốn là, chọn bạn đời là việc đại sự suốt đời, nếu nhất thời chưa gặp thì hãy khá chờ đợi, chớ vội thành gia thất, như thế là hãm mình vào vũng bùn lầy, khó bề ra thoát. Lời khuyên này, với thanh niên hiện nay vẫn có ý nghĩa hiện thực.

Năm là, hôn nhân cần xem trọng đạo đức, mà không trọng hình thức bên ngoài. Bất luận lúc nào, phẩm đức cao quý bên trong, so với hư vinh và sắc đẹp bề ngoài, đều nặng đồng cân hơn. Song khi chọn bạn đời, nhiều người vẫn còn xem trọng các vấn đề địa vị, tiền bạc, dung mạo... Đây là một thông bệnh của nhân loại xưa nay. Chúng ta bây giờ cần phải chú ý.

Sáu là, hôn nhân hữu danh vô thực chỉ dẫn đến đổ vỡ. Bảo rằng hữu danh vô thực, tức xem thường về phẩm đức, chỉ có vỏ ngoài mà chẳng có nội dung chân thực. Hôn nhân kiểu này cần phải loại bỏ. Yêu mến chân tình và có tình cảm cao thượng là mục tiêu chân chính cần theo đuổi.

Tóm lại, khi xử lý vấn đề hôn nhân, chúng ta cần ghi nhớ:

1 - Bền giữ thuần chính, dựng gia thất hưng thịnh.

2 - Gặp người chẳng lành, lấy đức mà cảm hoá.

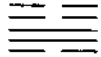
3 - Người bất trung bất chính, chẳng thể thành gia thất.

4 - Chưa gặp được người vừa ý, có thể chờ đợi.

5 - Phẩm đức cao quý bên trong thắng hình thức bề ngoài hoa mỹ.

6 - Chớ nhìn hạn hẹp hữu danh vô thực.

55. 豐 PHONG - MẶT TRỜI QUÁ TRƯA THÌ LỆCH, MẶT TRĂNG TRÒN ĐẦY THÌ KHUYẾT.



震上 Chấn trên
離下 Ly dưới

豐亨，王假之，勿憂，宜日中。

Phong, hanh, vương giả chi, vật ưu, nghi nhật trung.

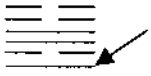
Quẻ Phong hanh thông, vua đến đấy, chớ lo, nên như mặt trời giữa ngày.

Phong là phong phú, thịnh vượng. Quẻ Ly dưới là sáng láng, quẻ Chấn trên là động, đều là tượng trưng cuộc thịnh lớn. Lại nữa, quẻ Chấn trên là sấm, sấm động mà sáng, có thế thịnh lớn, nên viết là Phong.

"Tự quái" nói: "Được chỗ về ắt lớn, cho nên tiếp là quẻ Phong; Phong là lớn vậy. Phong phú đại tráng tất có chỗ để làm, cho nên hanh thông". "Giả" là đến, vua đến đấy, tượng có được người quyền thế giúp đỡ, cho nên không lo. Thời kỳ phát triển của người ta, cũng như mặt trời chính ngọ, sáng khắp thiên hạ. Song cũng như mặt trời đứng bóng, sự phát triển của người ta đã đến tột đỉnh, không lâu nữa sẽ từ thịnh đến suy, từ chính giữa sang nghêng lệch, từ nên sang chẳng nên, cần phải kíp duy trì hưng thịnh, đại tráng. Lời Tượng viết: "Thịnh là lớn vậy; sáng và động, cho nên Thịnh; vua đến đó, chuộng lớn vậy; chớ lo, nên như mặt trời giữa ngày soi gầm trời vậy. Mặt trời đến giữa thì lệch, mặt trăng đầy thì khuyết, trời đất đầy

rỗng, cùng thì tiêu sinh, huống chi với người? huống chi với quỷ thần?". Trời đất có đầy, hư; Người đời cũng như thế, tổ chức cũng như thế, quốc gia cũng như thế. Đấy là lẽ thường của Trời, Đất vậy. Lời Tượng viết: "Sấm chớp đều đến là quẻ Phong, quân tử coi đấy mà xét tù ngục, làm rõ hình luật". Quân tử cần hiểu rõ tinh thần này, lấy sáng như ánh chớp để xét án, thấu rõ tình lý, lấy uy của sấm để định tội, nhẹ nặng phù hợp. Khi sự nghiệp đã thịnh lớn, càng cần thấu rõ minh bạch, xử sự thoả đáng.

Bởi vậy, quẻ Phong về tượng quẻ cùng một dạng với các quẻ Thái, Đại Súc, Đại tráng, Đại hữu, lại giải thích rõ đạo lý thịnh suy vô thường đối với đời sống và sự nghiệp của chúng ta. Tuy quẻ Phong bản thân tượng trưng cho phong thịnh, phồn vinh và cường đại, song lời đoán của quái từ và hào từ đã chỉ rõ nguy cơ ở trong sự sung mãn. Nó từng giờ từng phút nhắc nhở chúng ta không quên nguy cơ nghỉ ngơi hưởng lạc nằm ở phía sau, sự suy thoái tiếp sau thời kỳ phồn thịnh. Nó nhắc nhở phải cảnh giác, có hành động ngăn chặn suy thoái. Bởi thế, chúng ta khi tích cực đuổi theo thành công và phồn thịnh, cũng cần luôn ghi nhớ lời chỉ bảo này của *Chu Dịch*.



初九：遇其配主，雖旬无咎，往有尚。
Sơ cửu: Ngộ kỳ phối chủ, tuy tuần vô cữu. Vãng hữu thượng.

Hào Sơ cửu: Gặp được người chủ hợp, tuy qua tuần không có lỗi, đi thì được chuộng.

"Phối chủ" chỉ hào Cửu tứ tương ứng. "Tuần" là 10 ngày. Kể từ ngày mồng một, sau một tuần, là vào cuộc phong thịnh. Hào Sơ cửu ở đầu của quẻ Phong, hào dương ngôi dương, sáng mà động, trên ứng với hào Cửu tứ đồng loại, khoác vai mà tiến. Song đã qua một tuần, mà vẫn có thể tiến lên,

đi mà không lỗi. Cho nên viết "đi thì được chuộng". Lời Tượng viết: "Tuy qua tuần không có lỗi, nhưng quá tuần sẽ có hại vậy". Tuy hiện tại không phải lo nghĩ gì, nhưng sau kỳ thịnh lớn, tất có hoạn nạn. *Hào này nhắc chúng ta rằng, Thịnh lớn cần thích hợp mà dừng.*

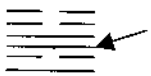


六二：豐其蔀，日中見斗，得疑疾，有孚發若，吉。

Lục nhị: Phong kỳ bộ, nhật trung kiến đẩu, vãng, đắc nghị tật, hữu phu phát nhược, cát.

Hào Lục nhị: bị màn lớn che, giữa ngày thấy sao Bắc đẩu, tiến đi bị ngờ ghét, có lòng tin sẽ được mở ra, tốt.

"Bộ", Vương Bật chú giải là "cái màn trướng che sương nắng". "Đẩu" chỉ sao Bắc đẩu. Hào Lục nhị mềm mà ở giữa, làm chủ quẻ Ly dưới, trung chính mà sáng, song trên ứng với hào Lục ngũ âm nhu tối tăm, tượng "bị màn lớn che", không thấy mặt trời mà chỉ thấy sao Bắc đẩu. Đi theo vua như thế, tất nhiên chỉ nhận được ngờ ghét. Song nếu biết chân thành cảm hoá, có thể tốt lành. Lời Tượng viết: "Có lòng tin sẽ được mở ra, là dùng sự tin để mở chí vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, sự nghiệp đã thịnh lớn thì dễ sinh đố kỵ, dùng lấy thành tín có thể dẫn đến tốt lành vậy.*



九三：豐其沛日中見沫，折其右肱，無咎。

Cửu tam: Phong kỳ bái, nhật trung kiến mạt, chiết kỳ hữu quăng, vô cữu.

Hào Cửu tam: Dày thêm mái cỏ, giữa ngày thấy quỷ Mỵ, gãy cánh tay phải, không lỗi.

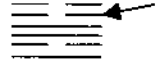
"Bái", Cao hanh tiên sinh giải thích là mái cỏ. "Mạt", tức là "muội", chỉ tối tăm, mượn chỉ quỷ Mỵ. Hào Cửu tam dương cứng ở chỗ cao nhất

của quẻ Ly, toả sáng xuống phía dưới, tương ứng với hào Thượng lục là hào âm tối tăm, bị hào Thượng lục che lấp, như mái lều cỏ, cho nên giữa ngày mà thấy quỷ Mỵ, kinh hãi ngã gãy tay phải. Song Cửu tam cứng mà có tài, tuy bị kiềm toả, nhưng vì chính ngôi mà không lỗi. Lời Tượng viết: "Dày thêm mái cỏ, chẳng thể làm việc lớn vậy; gãy cánh tay phải, rút cục chẳng thể dùng vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi thịnh lớn, càng cần phải giữ cứng bền, trung chính.*



九四：豐其蔀，日中見斗，遇其夷主，吉。
Cửu tứ: Phong kỳ bộ, nhật trung kiến đẩu, ngộ kỳ di chủ, cát.
Hào Cửu tứ: bị màn lớn che, giữa ngày thấy sao Bắc đẩu, gặp được chủ cùng chí, tốt.

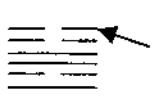
"Chủ cùng chí" là người bình đẳng, vì nó ứng nhau, nên gọi là "Chủ", ở đây chỉ Sơ cửu tương ứng. Hào Cửu tứ liền với hàoLục ngũ là vị vua hôn ám, cho nên có tượng "giữa ngày thấy sao Bắc đẩu". Song Cửu tứ với Sơ cửu cùng đức, cùng ứng, có thể dắt tay cùng tiến, nên viết lại là: Gặp được chủ, bói được hào này thì tốt lành. *Hào này nhắc chúng ta rằng, chớ bởi thịnh đạt mà mê muội.*



六五：來章有慶譽，吉。
Lục ngũ: Lai chương, hữu khánh dự, cát.
Hào Lục ngũ: Đến thì tốt, có phúc và được khen, tốt.

Hào ở ngôi trên mà biết ứng với hào dưới, hàm ý biết chiêu liền đãi sĩ thì tốt. "Chương" là sáng đẹp, chỉ hào Lục nhị là chủ quẻ Ly sáng. Hào Lục ngũ là chủ quẻ Phong, với Lục nhị có chính ứng, Lục nhị có tài sáng đẹp, nếu kết hợp được, thì đại lợi cho sự nghiệp, tự nhiên "có phúc khen" mà tốt

lành. Lời Tượng viết: "Cái tốt của hào Lục ngũ, có phúc vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đã phong thịnh càng cần phải c hiêu hiền đãi sĩ*.



上六：豐其屋，蔀其家，闚其户，闃其无人，三歲不覿，凶

Thượng lục: Phong kỳ ốc, bộ kỳ gia, khuy kỳ hộ, huých kỳ vô nhân, tam tuế bất địch, hung.

Hào Thượng lục: làm dộng mái nhà, che nhà lại, nhìn vào cửa, hưu quạnh không người, ba năm chẳng thấy, xấu.

Thượng cửu âm nhu, lại ở chỗ cực của quẻ Phong, sự thịnh lớn đã lâu, xa xỉ đã lắm. Song cực thịnh thì sẽ Suy thoái; cũng như ngày đêm sáng tối chuyển dịch, cho nên viết là xấu. *Hào này nhắc chúng ta rằng, quá cực thịnh tất suy, lẽ tự nhiên thế.*

Quẻ Phong muốn chỉ bảo cho chúng ta những nguyên tắc sau:

Một là, thành công của đời sống và sự phồn vinh cuả sự nghiệp đều có giới hạn nhất định, cần thích hợp mà dừng. Bởi vì mọi sự vật, sự việc đạt đến cực đại sẽ tự suy giảm dần. Cũng như cái vòng quanh thịnh suy, bĩ thái vậy. Theo đuổi danh vọng quá mức, cuối cùng chỉ dẫn đến tai hại. Về điểm này, *Chu Dịch* đã nhiều lần nhấn mạnh, thể hiện rõ trong lý luận về sự tiếp nối của các Quẻ dịch, có thể lấy để tham khảo.

Hai là, sự nghiệp thịnh đạt dễ sinh đố kỵ, phân hoá nội bộ. Tự cổ chí kim, điều này đã rõ. Lúc mới sáng nghiệp, duy trì quan hệ hợp tác đoàn kết của những người cùng chí hướng là điều dễ dàng. Song sự nghiệp đã thành công, nội bộ thường phân hoá bởi sung đột lợi hại, dần dần dẫn đến chia rẽ, tổn thất sự nghiệp. Lưu Bang nhà Hán đã từng trù dập công thần; nhiều công ty ngày nay nội bộ cũng bị phân hoá dần; điều này đã minh

hoạ cho hào Lục nhị của quẻ Phong. Biện pháp duy nhất để phòng chống điều tai hại đó, là một lòng hợp tác, chân thành tương thân tương ái. Phân phối lợi ích phải đúng mức độ thoả đáng. Nếu chỉ biết vụ lợi, hoặc đố kỵ với người khác, tất sẽ phá vỡ hợp tác, tổn thất sự nghiệp chung, trong đó có cả phần mình.

Ba là, đời sống và sự nghiệp đã thịnh lớn, phồn vinh, càng cần phải cương trực, kiên trì chính đạo, đấy là quyết sách tốt nhất để củng cố sự nghiệp phồn vinh. Nếu sự nghiệp đã thành công mà an phận hưởng lạc, hoặc kiêu xa dâm dật, thậm chí tham lam mưu tư lợi, sẽ chỉ dẫn đến bại hoại sự nghiệp. Cổ kim trong ngoài, minh hoạ đã nhiều. Ví như, Lý Mật thời Tuỳ, ban đầu được quân Ngoã Cương ủng hộ, thắng liên tục, thế lực cường đại. Đến lúc đó, Lý Mật lại đem lòng đố kỵ, giết hại nguyên Thủ lĩnh quân Ngoã Cương để phòng ngừa bị đoạt quyền. Hành động đó của Lý Mật rất mất lòng người. Từ đó lòng quân Ngoã Cương ly tán, Lý Mật này càng suy yếu, sau bị Vương Thế Sung đánh bại. Đường Huyền Tông vào năm Thiên Bảo bị bại hoại cũng là như thế.

Bốn là, sự nghiệp càng thành công, càng phải giữ tỉnh táo đầu óc, chẳng để thắng lợi làm mờ mắt, lạc mất phương hướng, ngồi yên chờ chết. Như Phù Kiên thời Tiền Tần, Lý Tự Thành thời Minh Mạt có thể lấy làm gương soi. Cho nên, có thể nói, thành công và thuận lợi quá mức chưa chắc đã là điều hay, mà có khi lại dẫn đến thất bại và diệt vong. Con cái nhà giầu thường chỉ biết khoe mẽ, con nhà nghèo khó lại thường có thực tài. Nước Ngô luôn chiến luôn thắng mà cuối cùng mất nước. Lưu Bang luôn chiến luôn bại mà cuối cùng được cả thiên hạ. Đạo lý này, cần có con mắt xanh để nhìn cho thấu.

Năm là, sự nghiệp đã thành công càng cần phải chiêu hiền đãi sĩ. Bởi đạt được thành công cố nhiên không dễ, giữ được thành công lại càng khó khăn. Thành công của sự nghiệp cũ là bắt đầu của sự nghiệp mới. Ở vào lúc

này, người tài có vị trí trọng yếu với sự sáng nghiệp. Bởi vậy, bên bờ của sự phồn thịnh, càng cần tuyển dụng hiền tài, để đủ năng lực lãnh đạo, làm tốt công việc, mới không từ cực thịnh mà sinh suy thoái, sẽ dẫn đến thất bại.

Sáu là, mặt trời quá ngọ thì lệch, mặt trăng tròn đầy thì khuyết, thịnh cực tất suy, vốn là lẽ tự nhiên. Hiểu được quy luật này, ở bên bờ của sự lớn thịnh, chúng ta cần đề phòng kiêu ngạo nóng nẩy. Phải khiêm tốn, cẩn thận, có kế hoạch chu tất, có biện pháp thi hành cụ thể, chớ vì thành công mà đắc ý, chớ bởi lớn thịnh mà mờ mắt, phải tích cực khai thác cục diện mới, khai sáng sự nghiệp mới, như vậy mới có thể đứng vững trên mảnh đất bất khả chiến bại.

Cho nên, đối với đời sống và sự nghiệp của chúng ta cần ghi nhớ các lời chỉ bảo của quẻ Phong.

□ *Ghi nhớ:*

1 - Sự lớn thịnh của đời sống và sự nghiệp cần phải biết dừng nghỉ đúng lúc.

2 - Lớn thịnh thì sẽ sinh đố kỵ, cần phải có thái độ chân thành ứng xử.

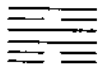
3 - Giữ vững cương trực, kiên trì chính đạo.

4 - Luôn luôn giữ đầu óc tỉnh táo.

5 - Tuyển dụng hiền tài, củng cố thành công.

6 - Thịnh cực tất suy, vốn là lẽ tự nhiên.

56. 旅 LỮ - CHỈNH ĐỐN HỖN LOẠN, KHÔI PHỤC TRẬT TỰ



離上 Ly trên
艮下 Cấn dưới

旅小亨，旅貞吉。
Lữ: tiểu hanh, lữ trinh cát.
Quẻ Lữ: nhỏ, hanh thông, sự đi đường chính bền, Tốt.

Lữ là lữ hành, chỉ sự đi đường ở trọ. Khổng-Dĩnh-Đạt trong *Chu Dịch chính nghĩa* nói: "Lữ, chỉ kẻ hành lữ, nơi quán trọ, gồm chỉ kẻ đã rời nơi ở gốc gửi thân ở nơi đặm trường đất khách". Ở quẻ này, chỉ người đang đi đường xa. Quẻ Lữ gộp với quẻ Phong, có mặt trái mặt phải, gọi là một nhóm quẻ, tiếp tục bổ sung nghĩa lý cho nhau. "Tự quái" nói rằng: "Phong là lớn, lớn cùng tất mất chỗ ở, cho nên tiếp đến quẻ Lữ. Sự vật lớn thịnh đến cực điểm, vật cực tất tương phản, tất sẽ mất đi sự ổn định và phồn vinh đã có mà rối loạn trật tự. Bởi thế mà Lữ tiếp nối quẻ Phong". Lại nữa, quẻ Cấn dưới là núi, Quẻ Ly trên là lửa, lửa ở trên núi, cũng như ở quán trọ giữa đường, dao động không ngừng. Kẻ lữ hành thân cô thế cô, đặm dài lưu lạc, nếu gặp cơ may thì cũng chẳng lớn, nên viết "hanh thông nhỏ". Song "tiểu hanh" mà giữ được sự chính đáng của mình, cho nên nói: "Sự đi đường chính bền". Nếu không giữ được chánh đạo, đã ra ngoài cửa, có thể hứng lấy tai vạ. Lời Thoán viết: "Quẻ Lữ nhỏ hanh thông, ở ngoài mềm mỏng mà

được ngôi trung, thuận nhưng cứng rắn, dừng lại nhưng toả ánh sáng, cho nên nhỏ nhưng hanh thông, đi đường chính bền tốt vậy. Nghĩa chữ thời của quẻ Lữ lớn vậy thay!" Thân ở lữ điếm, nhu mà giữ ngôi trung thì không mắc nhục. Nếu như nhu thuận nhưng cứng rắn thì không mắc hoạ, biết tiết chế mà không hành động mù quángvọng động, sáng suốt tuỳ thời, đó là cái đạo đúng đắn khi ở nơi lữ điếm. Người giữ được như thế, thì tốt lành mà lại hanh thông. Thực hiện được điều này, chẳng phải việc dễ dàng, cho nên nói "nghĩa chữ thời của quẻ Lữ lớn lao thay". Lời Tượng viết: "Trên núi có lửa, đó là quẻ Lữ. Đấng quân tử coi đó mà sáng ghín dùng hình, mà chẳng để ngục đọng lại. Quân tử cần cần sáng suốt khi sử dụng hình luật, để người khác không mắc oan". Người quân tử cần bắt chước tinh thần của quẻ Lữ, hiểu thấu hình luật nặng nhẹ, cẩn thận xét đoán, đáng tội thì khép tội, đáng bao dung thì bao dung mà không giữ ý câu nệ.

Bởi vậy, cái mà quẻ Lữ trình bày cho chúng ta là nguyên tắc cần phải tuân theo:trong hỗn loạn tìm ra trật tự, trong dao động tìm ra ổn định.

Mọi người, đối với sự nghiệp đều cần phải có hoàn cảnh bên ngoài thuận lợi và sự từng trải của bản thân. Ngoài hoàn cảnh bên ngoàithuận lợi, mỗi tổ chức và xí nghiệp còn cần có ổn định và kỷ luật nội bộ, đảm bảo thực thi hữu hiệu quyết sách của mình. Chúng ta không thể tưởng tượng một người không khéo lợi dụng hoàn cảnh bên ngoài, tự thân không kiên định, hoặc một cơ sở hỗn loạn về quản lý, người xây lâu đài trên bãi cát lại có thể tạo ra một sự nghiệp lớn. Nên chẳng toàn tâm toàn lực vì xí nghiệp, cuối cùng chẳng thể thành công. Chúng ta đều có kinh nghiệm thực tế như vậy; Các xí nghiệp cũng thấy ở đấy bài học về chỉnh đốn trật tự, xếp đặt quy củ. Từ loạn đến trị, là sự sáng tạo lại hoàn cảnh vì sự phát triển chung. Theo quẻ Lữ mà nói, nó giải thích rõ người ta ở lúc giao động phải tự ổn định ra sao. Có thể nói, tự quản lý mình là đầu óc tỉnh táo dẫn dắt hành động đúng vậy.

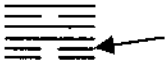


初六：旅瑣瑣，斯其所取災。

Sơ lục: Lữ toả toả, tư kỳ sơ thủ tai.

Hào Sơ lục: trên đường đi mà nhỏ mọn, ấy là tự chuốc lấy vạ.

Hào Sơ lục ở ngôi vị dưới thấp, tượng tiểu nhân bỉ lậu, đã ra khỏi cửa, thì những sự bỉ ổi nhỏ nhặt không việc gì mà không làm, như thế tự chuốc lấy vạ. Lời Tượng viết: "trên đường đi mà nhỏ mọn, chí cùng, hại vậy". "Chí cùng" chỉ tâm chí nhỏ hẹp, chẳng thể làm được việc lớn. *Hào này nhắc chúng ta rằng, gặp khi đang tròng trành cần có nhãn quan rộng lớn, chớ chỉ biết thiển cận mà thôi.*



六二：旅即次，懷其資，得童僕貞。

Lục nhị: Lữ tức thứ, hoài kỳ tư, đắc đồng bộc, trinh.

Hào Lục nhị: trên đường đi tới chỗ trọ, giữ được a của, được đứa hầu nhỏ, chính bền.

Thuyết văn nói: "thứ là mái lều cỏ tranh vậy", tức lữ quán. Hào Lục nhị nhu thuận được ngôi trung, đương trên đường, có đức nhu thuận trung chính, đang ở trọ mà lại được của, cho nên kẻ đầy tớ cũng dốc lòng theo. Xuất môn tại ngoại như vậy, tự nhiên không lỗi. Lời Tượng viết: "Được đứa hầu nhỏ, chính bền, rốt cuộc không có lỗi vậy". Được chỗ ở trọ, được của cải, lại được đầy tớ trung trinh, tự nhiên là rất tốt. Nên bói được hào này là không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đang lúc giữa đường tròng trành càng cần lấy nhu thuận trung chính làm gốc.*

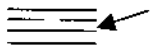


六三：旅焚其次，喪其童僕，貞厲。

Cửu tam: Lữ phần kỳ thứ, táng kỳ đồng bộc, trinh lệ.

Hào Cửu tam: Hành lữ cháy thửa nhà trọ, mất thửa thằng nhỏ, đầy tớ, chính bền nguy.

Hào Cửu tam quẻ Ly (lửa) phía trên, lại bất trung bất chính, hào dương mà ở trên cùng quẻ dưới, quá cứng mạnh, quá cứng thì quần chúng không theo; bất trung bất chính thì mất ngôi vị, lại tương phản với hào Lục nhị liền kề, cho nên như thế. Lời Tượng viết: "Trên đường đi cháy nhà trọ cũng đã hại vậy; khi đi đường cùng với kẻ dưới, thì mất đạo lý. *Hào này nhắc chúng ta rằng, bất trung bất chính, sẽ trái đạo.*

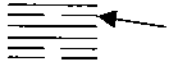


九四：旅于處，得其資斧，我心不快。

Cửu tứ: Lữ vu xứ; đắc kỳ tư phủ, ngã tâm bất khoái.

Hào Cửu tứ: Hành lữ chưng ở, được của và búa của mình, lòng ta chẳng thích.

Thuyết văn nói: "Xứ là ngừng", ở đây chỉ nơi ở trọ. "Tư phủ" là tiền nong dắt lưng và cái búa phòng thân, kẻ hành lữ đường xa không thể thiếu. Hào Cửu tứ dương mà ở ngôi âm, lại ở dưới quẻ Tốn thuận phía trên, khá nhu mà thuận tòng người khác, lại có đủ lực lượng tự vệ. Cho nên, có tượng như thế. Song nhu thuận với người ở đây chỉ là tạm thời, vả lại tương ứng với hào âm phía trên, chẳng được người nâng đỡ, cho nên "lòng ta chẳng thích". Lời Tượng viết: "Trọ lại trên đường đi, ấy là chưa được chính ngôi; được của được búa, lòng chưa tấy thích. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đang giữa lúc tròng trành cầu được thoát khỏi khó khăn, rất cần phải tự mình làm người chính đáng.*

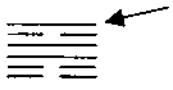


六五：射雉，一矢亡，終以譽命。

Lục ngũ: Xạ trĩ, nhất thỉ vong, chung dĩ dự mệnh.

Hào Lục ngũ: Bắm chim trĩ, mất một phát tên, cuối cùng được lời khen.

Có thể hiểu là, bắn mà chim trĩ chưa chết, mang tên mà bay đi. Hào Lục ngũ đang thì ky lữ, tuy tròng trành bất an, hào âm nhu mà ở giữa, nên tuy bị thương mà vẫn bay đi được, cuối cùng vẫn giữ được tiếng tốt. Lời Tượng viết: "Trọn lấy khen mệnh, trên kịp vậy": Hào Lục ngũ ở ngôi vua, song ở giữa sự tròng trành của kẻ ky lữ, lại được các Hào Cửu tứ, Lục nhị ở ngôi đại thần trung chính phò tá, cho nên "cuối cùng được lời khen". *Hào này nhắc chúng ta rằng, lúc tròng trành bất định càng cần phải biết dựa vào người hiền tại trợ giúp mình.*



上九：鳥焚其巢，旅人先笑後號咷，喪牛于易，凶。

Thượng cửu: Điểu phần kỳ sào, lữ nhân tiên tiếu, hậu hào điêu, táng ngưu vu dị, hung.

Hào Thượng cửu: Chim cháy thửa tổ, kẻ lữ hành trước cười sau kêu gào, mất trâu dễ dàng, Hung.

Câu trên, muốn nói dễ dàng thịt trâu để cúng tiên vương, bày tỏ lòng thành của con cháu. Hào Thượng cửu "dương cứng, ở trên cùng của quẻ Lữ, cũng tức là trên cùng của quẻ Ly. ở thì cực điểm của sự tròng trành bất an, lại vẫn vọng động không yên, mà không biết tự tiết chế mình, cho nên có tượng con chim đậu ngọn cây, thửa tổ bị cháy, chẳng thể an thân. Tuy hùng cường đắc ý, mà trước cười sau khóc, có tượng Vương tôn dễ dàng thịt trâu hành lễ, muốn dừng không có đất dừng, muốn đi không có vốn để mang đi, điềm xấu đã rõ. Lời Tượng viết: "Đang trên đường lại ở trên, nghĩa là chim cháy tổ; mất trâu dễ dàng, rốt cuộc chẳng nghe được gì".Dương cương đã quá mức, cho nên dẫn đến hung hiểm. *Hào này nhắc chúng ta rằng,kiêu ngạo quá cứng thì không thể được yên ổn.*

Nói tóm lại, nếu chúng ta muốn chỉnh lý hoàn cảnh nội bộ, cầu được ổn định, vì lợi ích của sự phát triển sự nghiệp và đời sống, cần phải ghi nhớ:

Một là, để cầu được ổn định và hài hoà, phải có nhãn quan rộng lớn, lấy đại cục làm trọng, đừng chỉ biết chú ý những tiểu tiết. Nói cách khác, phương kế quyết sách cầu ở Đại Đồng, bao dung những cái khác biệt nhỏ, tuân thủ nguyên tắc lớn, thể tất những khiếm khuyết của người khác. Nếu không thế, sẽ dẫn đến một thực tế là rất bất lợi về mặt đoàn kết. Nước trong thì không có cá lớn, người trọng việc xem xét thì không vội dời nhà sang ở chỗ khác. Thời Đông Hán, Ban Siêu khi trị nhậm ở Tây Vực, xét thấy tây vực lắm tiểu quốc, nhiều dân tộc, phong tục khác nhau, tình huống thực tế rất khác nhau, đã chọn kế sách "khoan dung việc nhỏ, thâu tóm đại cục". Chỉ cần các tiểu quốc tôn thờ Hán Triều, còn thì cho họ có tự do nhất định. Sau thời Ban Siêu, các quan kế nhiệm không làm theo như thế, đối xử với Tây vực quá hà khắc, kết quả không lâu sau nảy sinh mâu thuẫn kịch liệt; xảy ra ly khai, Tây Vực bị rơi vào vòng khống chế của Hung nô phía Bắc. Quyết sách khác nhau thì có hậu quả khác nhau như thế.

Hai là, càng ở vào lúc tròng trành không yên, trật tự hỗn loạn, càng cần phải lấy nhu thuận trung chính làm gốc. Sự hỗn loạn trật tự tiềm ẩn một nguy cơ, chỉ cần một quyết sách nhỏ sai lầm, đều dẫn đến tình thế ác liệt. Với cá nhân mà nói, sự chú tâm chu tất ứng phó toàn diện là quyết sách tốt nhất. Dựa vào nguyên tắc nhu thuận trung chính để hành sự, có thể tăng thêm tính chuẩn xác của hành động, đề cao hiệu suất hành động, tăng thêm hệ số an toàn, đạt đến mục đích xoay chuyển cục diện.

Ba là, không trung không chính tất sẽ mắc lỗi. Lúc đã có nguy cơ tiềm ẩn, cần tránh cứng rắn quá mức, mà nên lấy hoà bình, trung chính làm đầu. Tổ chức có quyết sách như thế, cá nhân cư xử cũng là như thế. Như Nhiễm Mẫu xưa ỷ mình kiêu dũng, muốn lấy sức mà làm loạn đoạt thiên hạ, cuối cùng phải bỏ xác. Như danh tướng Lưu Lao Chi thời Đông

Tấn trong trận Phì Thuỷ, tự phụ cậy tài, mấy lần tác oai tác quái trong nội bộ nhà Đông Tấn, cuối cùng làm phản, chống Hoàn Huyền, bại trận sợ mà tự sát.

Bốn là, trong lúc trật tự hỗn loạn muốn thoát khỏi khó khăn, phải cầu ngoại viện là cần thiết; song phải chọn cầu được người thực tài thực tâm. Nếu không, có thể chuốc hại cho mình; hoặc nhu nhược quá, có cầu cũng chẳng xoay chuyển được. Ví như Lưu Chương đi cầu Lưu Bị giúp, chỉ là dẫn mình vào miệng sói mà thôi. Khi hai nước Ba và Thục đánh nhau lại đi cầu nước Tần giúp, cũng kết cục như vậy. Trong cạnh tranh thương nghiệp hiện đại, kẻ thừa cơ thôn tính kẻ yếu đã nhiều. Có thể lấy đó mà lấy làm răn.

Năm là, trong lúc tròng trành bất an, càng phải biết khai thác tài năng của kẻ hiền sĩ, tìm ra quyết sách chính xác, để thu được sự giúp đỡ mạnh mẽ. Đây là cách thoát khỏi hỗn loạn, là phương án tối ưu để ổn định. Ví như thời Đường nổ ra "loạn An Sử", Đường Huyền Tông phải chạy đến Tứ Xuyên, Đường Huyền Tông nắm bắt binh quyền biết dựa vào Quách Tử Nghi đánh mạnh ở phía Bắc, dẫn đến khôi phục được hai Kinh. Thời Đường Đức Tông, Chu Thử tạo phản ở Tràng An, nhà vua may nhờ được các tướng Lý Thịnh, Mã Toại, Lý Hoài Quang mới bình định được. Tác dụng của hiền tài, vĩnh viễn chẳng thể đánh giá thấp.

Sáu là, cần tìm trật tự và ổn định, cần chú ý đến cử chỉ hoà thuận, chẳng thể ngạo mạn vô lễ, chỉ biết có mình, như thế chỉ dẫn đến nhân tâm ly tán, tăng thêm hỗn loạn, khó tránh bể thất bại.

Nói tóm lại, khi xảy ra tình hình bất ổn định trong đời sống và sự nghiệp, chúng ta cần ghi nhớ lời chỉ bảo của quẻ Lữ.

- *Ghi nhớ:*

1. Khoan dung lỗi nhỏ, thâu tóm đại cục.
2. Lấy nhu thuận Trung chính làm gốc.
3. Bất trung bất chính, tất mắc phải lỗi.
4. Cầu tìm viện trợ, phải được người kỳ tài mới nên.
5. Phải biết khai thác hết tài năng của người hiền.
6. Kẻ ngạo mạn tất bại.

57. 巽 TỐN - BIỂN CHỨA TRĂM SÔNG, BAO DUNG NÊN LỚN.



巽上 Tốn trên
巽下 Tốn dưới

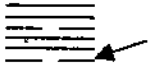
巽小亨，利有攸往，利見大人。

Tốn, tiểu hanh, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân.

Quẻ Tốn, nhỏ hanh thông, lợi có thửa đi, lợi thấy người lớn.

Quẻ Tốn là khép mình lại, xin xem thêm Cao Hanh tiên sinh trong quyển bốn sách *Chu Dịch cổ kinh kim chú*. Tượng quẻ này gồm một âm ở dưới hai dương, chỉ âm nhún thuận với dương, nên tên là Tốn". "Tốn" lại được giải nghã là vào. "Tự quái truyện" nói rằng: "Hành lữ mà không có chỗ chứa, cho nên tiếp đến quẻ Tốn. Tốn nghĩa là vào". Đang lúc tròng trành bất an, chẳng chỗ dung thân, phải đựa vào thái độ nhún thuận để được lòng người, lấy khiêm tốn mà vào được lòng người ta, mới được người ta tiếp nhận. Bởi thế, Chu Dịnh lại nói: "Tốn là gió, gió không có lỗ hổng không vào". Nắm được tinh thần của quẻ Tốn, sự nghiệp mới được thuận lợi, mới có hanh thông nhỏ. Dựa vào thái độ khiêm tốn mà tìm được sự giúp đỡ của người đáng nhờ, mới thoát được khó khăn, nên "lợi có thửa đi, lợi thấy người lớn". Lời Thoán viết: "Hai quẻ Tốn trùng lặp để làm rõ sứ mệnh. Cứng mạnh nhưng khiêm tốn giữ ngôi trung chính nên thi hành được cái chí của mình, mềm mỏng đều thạn theo cứng mạnh, cho nên có hanh

thông nhỏ, lợi cho việc ra đi, lợi cho việc gặp đại nhân". Hai quẻ Tốn trùng lặp là đinh ninh nhắc đi nhắc lại sứ mệnh. "Thi hành được cái chí của mình " chỉ hào Cửu ngũ cứng mà được ngôi trung, nên thi hành được chí của mình. Hào âm nhu thuận theo với hào dương, cho nên có được hanh thông nhỏ, lợi có thửa đi, lợi thấy người lớn vậy. Lời Tượng viết: Theo gió là quẻ Tốn, đấng quân tử coi đó mà nhắc lại mệnh lệnh làm việc. Tốn là gió, gió trước đi đâu thì gió sau theo đó, nên viết "Theo gió". Đấng quân tử cần học theo tinh thần này, để chỉ bảo cho bách tính, biết hành sự đúng mệnh. Có thể nói, sau quẻ "Khiêm", quẻ tốn lại giải thích cho ta rõ đạo lý của sự khiêm tốn, 2 quẻ có điểm tương đồng với nhau. Quẻ "Khiêm" nặng ở sự ứng dụng, cường điệu sự khiêm tốn khả dĩ không đi mà không bất lợi, quẻ Tốn nặng ở bản chất của sự khiêm tốn, giải thích rõ thế nào là khiêm tốn. Quẻ Tốn tiếp sau quẻ Lữ, là xem thái độ của người ta trong đời sống đang lúc tròng trành bất an, sự khiêm tốn là rất cần có. Bởi vì, khiêm tốn có thể thu được tín nhiệm của người khác, biến tròng trành thành bình ổn, chuyển nguy thành an, làm cho sự nghiệp đạt đến phát triển và củng cố.



初六：進退，利武人之貞。

Sơ lục: Tiến thoái, lợi vũ nhân chi Trinh.

Hào Sơ lục: Tiến lui, lợi về sự chính bền của người theo nghiệp võ.

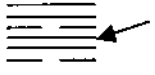
Hào Sơ lục nếu biến làm hào trở, thì quẻ dưới là "Càn", là cứng, nên viết "người theo nghiệp võ". Hào Sơ lục âm nhu mà lại là bắt đầu của Hạ quái, là chủ của quẻ Tốn. Nhu nhược mà nhỏ bé, tài không xứng với việc, thấy việc mà không thể theo kịp, tiến tiến thoái thoái, hồ nghi bất định, ấy là bởi nó không đủ cứng mạnh. Như thế theo được kẻ võ sĩ, uốn nắn lại sự nhu nhược thái quá, thì tất có lợi, nên viết "lợi về sự chính bền của người

theo nghiệp võ". Lời Tượng viết: "Tiến lui, chí ngờ vậy; lợi về nết chính bền của người theo nghiệp võ, có chí cai trị vậy". Tiến thoái bất định, là do trong lòng mình còn hồ nghi. Nhu mà biết thêm cương, thì tiến thoái có cư xử mà không trì trệ, hành động cũng có mực thước mà không rối loạn. *Hào này nhắc chúng ta rằng, nếu nhu nhược thái quá chẳng thể nói là khiêm tốn.*



九二：巽在牀下，用史巫紛若，吉，无咎。
Cửu nhị: Tốn tại sàng hạ, dụng sử vu phân nhược, cát, vô cữu.
Hào Cửu nhị: Nhún nhường nép ở dưới giường, dùng thầy bói, thầy cúng bời bời vậy, tốt, không lỗi.

Quẻ Tốn có một âm ở dưới, hai dương ở trên, giống như cái giường, nên lấy giường để so sánh. Hào Cửu nhị không ứng với trên, thoái thì gặp hào Sơ lục, lòng nghĩ ở dưới, nên viết "Nhún nhường nép ở dưới giường". Thời Thương Chu, chức quan sử và thầy cúng tuy hai mà một, không phân biệt thế này thế kia, "bới bời" chỉ lúc thầy cúng đang làm phép, gõ trống gõ phách, múa may cầu đảo. Hào Cửu nhị dương ở ngôi âm, trên không ứng, dưới thuận với Sơ lục, đã tự ti, mà tâm lại bất an, nhờ cầu cúng tế tự, thăng đồng mong được giải thoát, lòng đã thành tín, cho nên tốt lành mà không lỗi. Lời Tượng viết: "Cái tốt của sự bời bời là bởi được ngôi trung". Được ngôi trung thì chẳng phải quá nhún nhường. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khiêm tốn song chẳng nên quá nhún nhường.*



九三：頻巽吝。
Cửu tam: Tần tốn, Lận.
Hào Cửu tam: luôn luôn nhún nhường, đáng tiếc.

Hào Cửu tam dương cương mà không được giữa, lại ở giữa hai quẻ Tốn, một quẻ đã Cuối, một quẻ Tốn sắp lập lại, nên viết "luôn luôn nhún nhường". Cửu tam là hào dương ở ngôi dương, vốn cực dương cường, như nay lại "luôn luôn nhún nhường", cuối cùng đến chỗ khó nhún được nữa, như thế thực là đáng tiếc. Lời Tượng viết: "Luôn luôn nhún nhường, ấy là chí đã cùng vậy". Hào này vốn đã cứng lại ở trên một hào cứng khác, chẳng thể nhún nhường được nữa, sao chẳng đến bước cùng? *Hào này nhắc chúng ta rằng, cố làm ra vẻ khiêm tốn chỉ là hư trá.*

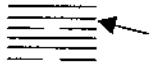


六四：悔亡，田獲三品。

Lục tứ: Hối vong, điền hoạch tam phẩm.

Hào Lục tứ: không còn hối hận, săn được ba loài thú.

"Điền" là đi săn, "tam phẩm"là ba loài thú. Lục tứ là hào âm nhu, cưỡi lên hào dương cứng, lại không ứng với hào trên, vốn có ăn năn. Nhưng nó là hào âm ở ngôi âm được ngôi chính, lại đã vào ở quẻ trên, tượng trưng có thể tự mình ức chế mà ở dưới. Như thế thì không chỉ "không còn hối hận ", mà còn có thể gặp may là "săn được ba loài thú". Lời Tượng viết: "Săn được ba loài thú, ấy là có công vậy.*Hào này nhắc chúng ta rằng, khiêm tốn là tự mình ức chế.*

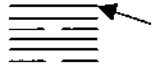


九五：貞吉，悔亡，無不利。無初有終，先庚三日，後庚三日，吉。

Cửu ngũ: Trinh cát, Hối vong, Vô bất lợi, Vô sơ hữu chung, tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật, Cát.

Hào Cửu ngũ: Chính bền tốt, không còn hối hận, không gì không lợi, không đầu có cuối, trước Canh ba ngày, sau Canh ba ngày, tốt.

Trước ngày Canh 3 ngày, là ngày Đinh, sau ngày Canh 3 ngày, là ngày Quý; phàm gặp hào này, khởi sự ngày Đinh, thì ngày Quý là tốt lành. Hào Cửu ngũ ở ngôi vua, là chủ của cả Tượng Quẻ, cứng khoẻ mà trung chính, cho nên tốt lành. Các hào trong quẻ Tốn, từ Sơ lục đến Lục tứ, lấy sự nhún thuận, mà chẳng khỏi có hối hận, đến Cửu ngũ trung chính cứng khoẻ thì "không còn hối hận", mà "không gì không lợi", cho nên nói "Không đầu có cuối". Lời Tượng viết: "Cái tốt của hào Cửu ngũ, là bởi được ngôi chính vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, khiêm tốn cần trung chính cứng khoẻ.*



上九：巽在牀下，喪其資斧，凶。

Thượng cửu: Tốn tại sàng hạ, Táng kỳ tư phủ, hung.

Hào Thượng cửu: Nhún nhường nép ở dưới giường, mất của mất búa của mình, xấu.

Hào Thượng cửu dương cương, ở vị trí cuối cùng của quẻ Tốn, không có ứng, bèn ngó xuống ngoặc với hào Lục tứ ở dưới, cho nên có tượng "nhún nhường nép ở dưới giường". Song Thượng cửu bất trung bất chính, lại ở vị trí cuối cùng của quẻ Tốn, có đi cũng không có đường, tất nhiên sẽ biến hào, nếu biến sẽ thành quẻ Khảm, lầm lầm đạo tặc, thì mất của, mất búa mà gặp điều xấu. Lời Tượng viết: Nhún nhường nép ở dưới giường, là bởi ở vị trí trên cùng. Mất của mất búa, chính là lúc gặp điểm xấu vậy". Khi thời thế đã hết, nhún nhường quá độ chỉ dẫn đến hung hiểm mà thôi. *Hào này khuyên chúng ta rằng, không thể nhún nhường quá mức.*

Nói tóm lại có thể thấy, khiêm tốn chân chính có mấy nguyên tắc sau:

Một là, nhu nhược chẳng quyết quá mức chẳng thể gọi là khiêm tốn. Đó là người tâm hồn nghi hoặc, chẳng có chủ kiến, đã không có chủ ý thì hành động sẽ ngần ngừ như khi kéo bùn lẫn nước, do dự chẳng quyết.

Khiêm tốn tức là trong lòng đã có chủ kiến, xem xét sự việc thấu đáo để có quyết sách chính xác, làm xuất hiện những hành động phù hợp, để được lòng mọi người. Đây là một phẩm chất cần có dẫn đến thành công của sự nghiệp. Nhu nhược chẳng quyết là một loại biểu hiện vô năng. ở nơi khẩn yếu của sự nghiệp, hoặc trong sự cạnh tranh Chính trị, kinh tế kịch liệt, nó luôn luôn dẫn đến những nguy hại to lớn. Ví như Viên Thiệu chiêu hiền đãi sĩ, mưu sĩ có lắm, lại ngoài khoan dung trong nhường nhịn, tuy đa mưu mà không dám quyết đoán, cuối cùng bại trận. Lại như Tào Tháo, tuy bên ngoài rất ngạo mạn, đang khi cấp bách thì đa mưu khéo quyết, nghe can mà làm, đấy mới thực là khiêm tốn vậy. Còn như Lưu Biểu ngồi yên để mất cơ hội, vô mưu chẳng quyết, thuần tuý là vô năng.

Hai là, khiêm tốn không phải là tự ti. Tự ti là bởi lòng tin không đủ, năng lực chẳng có, mà sự nhu nhược và sợ hãi biểu hiện ra ở hành động. Người khiêm tốn là người sung mãn tự tin, có năng lực đạt đến mục tiêu, có thái độ khắc chế, tự khiêm, và bất khiêu ngạo. ở nhiều tình huống thực tế, tự ti là một chướng ngại tâm lý của người ta, một chân dung giả, nó che lấp chân tài thực học của người ta, tạo ra những tổn hại cho đời sống và sự nghiệp. Bởi chúng ta cần phân biệt rõ khiêm tốn và tự ti, khắc phục tự ti, tăng cường lòng tin. Khiêm tốn ở người có sung mãn lòng tin thể hiện ra ở khí độ của người ấy, họ không chỉ có đủ lòng tin, còn có thể dung nạp người khắc, chan hoà với người khác.

Ba là, khiêm tốn cần có biểu hiện tự nhiên. Nó trở thành tập quán sinh hoạt và tiêu chuẩn tu dưỡng của mỗi chúng ta. Nó phải thực sinh ra từ nội tâm, mà không chỉ dựng ở biểu hiện bề ngoài đơn thuần. Nó là tôn kính tự lòng mình đối với người khác, bởi thế thu được lòng tôn kính của người khác. Chân thành đối xử, học tập sự khiêm tốn của người khác, học tập phẩm đức tốt đẹp của người khác là rất quan trọng. Bởi thế, khiêm tốn giả bộ, tức là khiêm tốn hư trá, bởi nó chẳng phải từ chân tâm mà ra. Nếu lợi

dụng khiêm tốn cốt để lấy lòng người ta, là dối lừa vậy. Cách khiêm tốn của Viên Thiệu với các tướng là như thế.

Bốn là, khiêm tốn chân chính là tự ức chế, ức chế với các dụng vọng bản năng của mình, đặc biệt là với danh lợi, tiền tài trước mặt, điều này rất cần chú ý. Hầu hết mọi người đều có dục vọng, song họ khống chế trong phạm vi cho phép, biết dừng đúng lúc. Nếu mình tự ức chế là mình đã tỏ ra tôn trọng người khác ở xung quanh, do đó sẽ thu được sự tôn trọng của người khác đối với mình.

Năm là, khiêm tốn không thể để mất nguyên tắc, mà phải kiến lập trên cơ sở trung chính cứng khoẻ, phải khiêm tốn đúng chỗ đúng lúc. Đáng khiêm tốn thì khiêm tốn, ở một số trường hợp đặc thù mà mình cần phải nổi trội lên, lại tuyệt đối không thể khiêm tốn, mà phải tiêu trừ chướng ngại, dũng mãnh tiến lên. Tinh thần "Xin nấu mình trong túi" để rồi "dùng mũi nhọn mà troát ra" là điều chúng ta đáng học tập. Nếu chỉ khiêm nhường chẳng quyết, sẽ vĩnh viễn đánh mất cơ hội phát triển tài năng.

Sáu là, khiêm tốn chẳng thể quá độ, mà phải biết dừng thích hợp. Chỉ khiêm tốn một chiều là vô năng, là tự ti, đồng dạng với hạ tiện, không thể làm được đại sự. Ông già tốt bụng trong "Hương nguyện" là kiểu người như thế. Khiêm tốn phù hợp chẳng những không tổn hại sự nghiệp của mình, mà còn góp phần đẩy mạnh thêm nữa.

Bởi thế, trong đời sống và sự nghiệp, trong lúc vận dụng nguyên tắc khiêm tốn của quẻ Tốn, chúng ta cần ghi nhớ:

1. Quá nhu nhược chẳng quyết không phải là khiêm tốn.
2. Khiêm tốn không phải là tự ti.
3. Khiêm tốn giả đò là hư trá.
4. Tự mình ché ngự tức là khiêm tốn.

5. Khiêm tốn vẫn cần trung chính cứng khoẻ.
6. Cần thích hợp mà dừng.

58. 兌 ĐOÀI – NIỀM VUI LÀ RƯỢU NGON CỦA CUỘC ĐỜI



兌上 Đoài trên
兌下 Đoài dưới

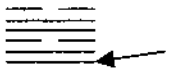
兌亨利貞。
Đoài, hanh, lợi, trinh.
Quẻ Đoài hanh, lợi về chính bền.

Thuyết văn nói: "Đoài, là đẹp lòng vậy". Chữ "thuyết" và chữ "duyệt" xưa dùng như nhau. Thoán truyện, Thuyết quái truyện, tự quái truyện đều dùng chữ "thuyết" để giải nghĩa chữ "duyệt". Về tượng quẻ, ta thấy rõ tượng quẻ Đoài tương phản với tượng quẻ Tốn, gộp hai quẻ thì thành một nhóm quẻ, nghĩa của chúng đắp đổi mà dùng. Tự quái, nói: Tốn là vào, vào mà sau mới đẹp lòng, cho nên tiếp đến quẻ Đoài, đoài là đẹp lòng vậy. Quẻ gồm một hào âm ở trên hai hào dương, có tượng vui mà đẹp lòng. Lời thoán nói rằng: "Đoài là đẹp lòng, Cứng trong mà mềm ngoài, đẹp lòng mà lợi về chính bền, cho nên thuận với trời mà ứng với người. Dùng sự đẹp lòng để đi trước dân, dân quên sự nhọc của nó; dùng sự đẹp lòng để vào nơi hiểm nạn, dân khuyến khích vậy thay". Đoài là trong lòng cứng khoẻ mà bề ngoài nhu thuận, đẹp lòng ở sự chính đáng mà có lợi. Người dân đẹp lòng ở chính đạo, là việc việc thuận với trời mà hợp với người. Lẽ trị thiên hạ, lấy lòng dân vui vẻ làm đầu, thì dân quên lao khổ mà giúp đỡ, như đại Vũ trị thuỷ thì theo mạch núi mà khơi sông, như Chu Thiên Vương với việc "xây thành

trấn Bắc". Khiến cho dân được đẹp lòng mà vào nơi hiểm nạn, dân sẽ quên cả cái chết mà cố gắng. Cho nên, khiến dân vui vẻ có ý nghĩa rất to lớn đối với thực tại. Lời Tượng viết: "Hai đầm hợp thành quẻ Đoài, đấng quân tử coi đó mà bè bạn giảng tập". Trên dưới đều là Đoài, Đoài là đầm nước, hai đầm nước liền thông nhau, tương hỗ nhuầm thấm. Đấng quân tử học hỏi tinh thần này, hiểu mối quan hệ cùng loài, mà cộng đồng giảng luận, giúp nhau làm việc.

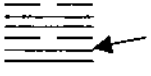
Có thể nói, quẻ Đoài đã nói rõ nguyên tắc vui vẻ lạc quan với đời sống của chúng ta.

Vui vẻ là thiên tính của nhân loại. Đời sống không thể thiếu niềm vui, cũng như vạn vật cũng chẳng thể thiếu ánh nắng. Tuy nhiên, trong đời sống thực tế còn rất nhiều sự việc khiến người ta đau khổ và thất vọng, nhưng niềm vui là mục tiêu chủ yếu mà người ta đi tìm. Niềm vui là rượu ngon của đời sống. Nó tồn tại trong công tác và lao động thực tại, tồn tại trong sáng tạo của đời sống. Niềm vui có tác dụng lớn lao với con người. Một nụ cười xinh tươi khi mới gặp lần đầu, sẽ để lại trong anh một ấn tượng sâu sắc. Với nụ cười ý nhị, anh sẽ tránh được không ít phiền toái. Nụ cười tinh tế có thể là bí quyết thành công của công việc. Mang lại niềm vui cho người khác, anh sẽ có một khung cảnh giao tiếp tốt, do đó mà có nhiều cơ hội thành công. Niềm vui còn có thể khơi dậy tiềm lực lớn lao của nhân loại. Đương nhiên, nếu vận dụng hoan lạc không phù hợp, cũng có thể dẫn đến kết quả tương phản. Bởi thế, nguyên tắc của quẻ Đoài đối với chúng ta là rất hữu ích vậy.



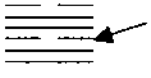
初九：和兌吉。
Sơ cửu: hoà đoái, cát.
Hào Sơ cửu: hoà hợp đẹp lòng, tốt.

Hòa là ôn hoà, trung hòa. Hoà hợp đẹp lòng mà được ngôi chính. Sơ cửu là hào dương mà ở ngôi dương, nên được ngôi chính, tuy mới ở đầu quẻ Đoài, bên trên liền với đồng loại, tượng trưng vô tư mà không liên luỵ, nên viết "hoà hợp đẹp lòng" mà được tốt. Lời Tượng viết: "Cái tốt của sự đẹp lòng, đi không nghi ngờ vậy". Hào Sơ cửu vô tư, sự đi của mình sung mãn tự tin, cho nên tốt lành. *Hào này nhắc chúng ta rằng, muốn cầu được hoà đẹp lòng nên Trung chính vô tư.*



九二：孚兌吉，悔亡。
Cửu nhị: Phu đoái, Cát, Hối vong.
Hào Cửu nhị: thành tin đẹp lòng, tốt, ăn năn mất.

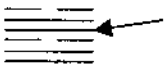
Cửu nhị là hào dương ngôi âm không được ngôi chính, đương thời của đẹp lòng, không khỏi có hối hận. Song Cửu nhị có đức cứng mạnh của ngôi trung, trong lòng có lòng tin, tuy liền với kẻ tiểu nhân, mà vẫn giữ được trung chính, cho nên kết quả vẫn là tốt lành mà không còn hối hận. Lời Tượng viết: "Thành tin đẹp lòng mà tốt, vì có lòng tin nên được như vậy". Sở dĩ vẫn được tốt lành, là bởi cương trung thành tín. *Hào này nhắc chúng ta rằng, cầu được hào đẹp lòng cần hoà hợp mà không hoà tan.*



六三：來兌凶。
Lục tam: lai đoái, Hung.
Hào Lục tam: tới làm đẹp lòng, xấu.

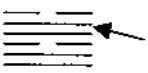
Lục tam là âm nhu mà bất trung, bất chính, trên không ứng, chuyển xuống cầu vui vẻ với hai hào dưới, tự hạ mình mà cầu đẹp lòng người, cho nên bói được hào này đoán là xấu. Lời Tượng viết: "Tới làm đẹp lòng mà xấu, là bởi không đúng ngôi". Âm nhu mà bất trung bất chính, đi tới phi

nghĩa, cho nên hung hiểm. *Hào này nhắc chúng ta rằng, cầu được hoà đẹp lòng nên chính đáng, chớ lấy nịnh hót mà mê hoặc người.*



九四：商兑，未宁介疾，有喜。
Cửu tứ: thương đoài, vị nịnh, giới tật, hữu hỷ.
Hào Cửu tứ: Đắn đo đẹp lòng, chưa yên, ngăn được bệnh, có điều mừng.

Vương Bật nói: "Đắn đo" như cắt vải may áo vậy. "Có mừng" là có hy vọng chữa khỏi bệnh tật. Xét Hào Cửu tứ, ở trên thì có hào Cửu ngũ, ở dưới thì có hào Lục tam, nên nói trên Chính dưới tà, giáp với thửa giữa mà có tượng do dự bất định. Song Cửu tứ vốn dương cương, có thể giữ được thửa chính, thì có hy vọng chữa khỏi bệnh. Lời Tượng viết: "Cái mừng của hào Cửu tứ, có phúc vậy". Trên đã có vua giữ chính đạo, tất có vui mừng đến, *Hào này nhắc chúng ta rằng, cầu được hoà đẹp lòng cần giữ chính đạo, vứt bỏ tà ác.*



九五：孚于剥，有厉。
Cửu ngũ: Phu vu bác, hữu lệ.
Hào Cửu ngũ: Tin ở sự bóc đẽo, có nguy hiểm.

"Bóc đẽo" là làm cho lìa rời, chỉ hào Thượng lục âm, có tính khác với hào Cửu ngũ. Cửu ngũ dương cương trung chính, đương thời đẹp lòng mà ở ngôi vua, lại rất gần với hào Thượng lục. Hào Thượng lục âm nhu, là chủ của quẻ Đoài mà ở cực của sự đẹp lòng, Hào Cửu ngũ nếu tin mà đùng, ắt sinh lệ thuộc. Lời Tượng viết: Tin ở sự bóc đẽo, bởi ở ngôi ngôi chính nên vậy". Bởi ở ngôi vua, nếu chẳng giữ gìn dễ bị tổn hại. *Hào này nhắc chúng ta rằng, cầu đẹp lòng chớ gần với kẻ tiểu nhân.*



上六：引兌。
Thượng lục: Dẫn đoái.
Hào Thượng lục: Dẫn dụ làm đẹp lòng.

"Dẫn" là lôi kéo, nghĩa gốc là kéo dây cung. Hào Thượng lục, âm nhu, ở cực của sự đẹp lòng, chuyên lấy đẹp lòng dẫn dụ người, đặc biệt là với ngôi vua Cửu ngũ, nên viết "dẫn đoài". Lời Tượng viết: "Hào Thượng lục dẫn dụ làm đẹp lòng, đó là chưa trong sáng vậy". "Chưa trong sáng" là chỉ việc còn ẩn chứa tư tình ám muội. ở chỗ cực đẹp long của quẻ Đoài, người nói tất nhân đó ẩn chứa tư tình mà không dám công khai cho thiên hạ biết. Như thế tất dẫn đến hiểm nguy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, chớ giúp kẻ tiểu nhân chỉ lấy đẹp lòng người mà phục vụ bất cứ giá nào.*

Nói tóm lại, mong muốn được hoà hợp đẹp lòng, chúng ta cần chú ý:

Một là, mong được hoà hợp đẹp lòng cần công chính vô tư, chẳng mưu cầu tư lợi, có thể nói như Phạm Trọng Yêm: "Tiên thiên hạ chi ưu như ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (Lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ). Mang lại niềm vui cho người khác, chính là tôn chỉ tối cao đối nhân xử thế của chúng ta.

Hai là, thái độ đúng đắn mong được hoà hợp đẹp lòng, là hoà hợp mà không hoà tan, tuỳ tiện phụ hoạ. Nếu xiểm nịnh người cốt để làm đẹp lòng người ta, ấy là đi theo tà đạo. Luận ngữ viết: "Người quân tử hoà hợp mà không a dua, kẻ tiểu nhân a dua mà không hoà hợp". Quân tử đối xử với người, là quang minh chính đại, chẳng thể mù quáng phụ hoạ, mà tiểu nhân thì hay phụ hoạ.

Ba là, mong được hoà hợp đẹp lòng cần chính đáng, chớ vì tư lợi mà mê hoặc người, ấy là thái độ của kẻ tiểu nhân, chẳng kể gì xấu hổ. Trong lịch sử, kẻ tiểu nhân chẳng có liêm sỉ như thế đã nhiều. Như thời Bắc Tống,

hoạn quan Lý Tuấn khuynh đảo một thời, đối trên hại dưới, di hoạ không nhỏ. Ngự sử Bành Tôn cam tâm ti tiện, rửa chân Lý Tuấn để lấy lòng họ Lý. Thời Tống Chân Tông, Khấu Chuẩn làm tướng, Đinh Vị đem việc Khấu Chuẩn thuận theo người Hồ mà dèm pha ông, Khâu Chẩn, bị muôn phần nguy hiểm. Đinh Vị lại dăng lưới lừa Khấu Chuẩn mắc tội, khiến Khấu Chuẩn mất chức. Đến như Hoằng Bá quá hạ mình trước Nguỵ Nguyên Trung, tiếng xấu lưu truyền.

Bốn là, mong được hoà đẹp lòng cần giữ bền chính đạo vứt bỏ tà ác. Không thể mong được hoà lạc và đoàn kết bằng bất kể cách gì, như thế chỉ có tác dụng nhất thời, cuối cùng tất sẽ thất bại. Với kẻ tiểu nhân tâm địa bất chính, chẳng thể cùng hoà thuận, phải tránh xa nó mới không nhiễm phải tà ác. Điều này tuy chẳng vừa lòng thế lực ta ác, song lại được sự đồng tình của số đông, cho nên kết quả cuối cùng đượctốt lành. Điều này là nguyên tắc.

Năm là, người ở trên vị lãnh đạo rất dễ phải nhận sự thân gần và bao vây của tiểu nhân, điều này vốn là một quy luật tất nhiên từ cổ chí kim. Kẻ tiểu nhân tìm mọi cách thân gần, làm đẹp lòng lãnh đạo, nhằm đạt được mục đích cá nhân. Người ta dễ bị phân tâm bởi lời ngon tiếng ngọt, song lãnh đạo phần đông là những người thông minh, rất tự tin đâu dễ bị kẻ tiểu nhân lay chuyển nổi. Kẻ tiểu nhân khéo lấy nhu thuận để gây được lòng tin, sau đó, trong thì mê hoặc nhân tâm, ngoài thì thao túng pháp lệnh, dẫn đến trên dưới hỗn loạn, sự nghiệp suy vong lúc nào không biết. Ví như, Lý Lâm Phủ với Đường Huyền Tông, Hồ Kỷ với Đường Đức Tông... đều là như thế. Cho nên, người ở vị trí lãnh đạo rất nên thận trọng, lại thận trọng nữa.

Sáu là, quẻ Đoài khuyên mọi người, chớ giúp tiểu nhân, chuyên lấy xiểm nịnh mê hoặc làm đẹp lòng người. Như thế, là nhận rõ chính đạo trong đời sống và sự nghiệp, giữ gìn thanh danh của mình. Nếu chẳng nhận rõ ắt sẽ hung hiểm, ấy là lẽ tự nhiên. Có một số quyền thần trong

lịch sử Trung Quốc, trong khi thời thế chao đảo, kéo con cháu vào bè đảng, như "Ngũ hổ", "Thập bưu", "Thập hài tử" ở thời Nghiêm Tung, Ngụy Trung Hiền...

Nhìn chung, vận dụng nguyên tắc của quẻ Đoài, chúng ta cần:

1- Công chính vô tư

2- Hoà hợp mà không hoà tan.

3- Chớ nịnh hót người khác.

4- Kiên trì giữ chính đạo, vứt bỏ tà ác.

5- ở ngôi trên dễ bị lung lạc.

6- Chớ giúp kẻ tiểu nhân.

59. 渙 HOÁN- ĐẮP CÁT CHẮNG THÀNH TƯỜNG CAO.



巽上Tốn trên
坎下Khảm dưới

渙亨，王假有廟，利涉大川，利貞。

Hoán hanh, vương giả hữu miếu, lợi thập đại xuyên, lợi trinh.

Quẻ Hoán hanh thông, vua đến miếu, lợi sang sông lớn, lợi về chính bền.

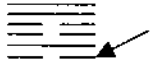
"Hoán" vốn có nghĩa là ly tán. Ly tán mà bói đoán là "hanh", bởi ly tán tức là quân tử thi triển tài hoa, lúc làm được việc lớn. Quẻ Khảm dưới là nước, quẻ Tốn trên là gió, gió đi trên nước, sóng nước ly tán, nên gọi là "Hoán". Tự quái nói: "Đẹp lòng nên sau phân tán, cho nên tiếp đến là quẻ Hoán". vua đến miếu tế tự, lấy thành tín mà cảm hoá nhân tâm thiên hạ. Nhân tâm thiên hạ đã tụ được thì dù có mắc vào nơi hiểm nạn, ắt sẽ được chính đạo, nên mới có lời mở đầu trên. Lời Tượng viết: "Quẻ Hoán hanh thông, cứng lại mà chẳng cùng, mềm được ngôi ở ngoài mà cùng trở lên. vua đến miếu, vua bèn ở trong vậy. Lợi sang sông lớn, cưỡi cây có công vậy". "Cứng lại mà chẳng cùng" chỉ hào Cửu nhị ở quẻ dưới được ngôi trung mà không đến cùng cực. Hào Cửu ngũ ở giữa quẻ trên, ở ngôi vua là chủ quẻ, có đức cứng khoẻ trung chính, tượng trưng người lãnh đạo có thể lôi cuốn được quần chúng làm theo. Khảm là nước, Tốn là cây, cưỡi cây mà đi qua nước, tượng trưng lợi qua sông lớn. Lời Tượng viết: "Gió đi trên

nước là quẻ Hoán. Đấng quân tử coi đó mà cúng giời, dựng miếu". Gió thổi trên nước, tượng trưng tổ chức và nhân tâm ly tán. Đấng vương giả đương lúc ấy, tế tự Thượng đế và giao tiếp với Thiên thần, kiến lập tổ miếu để tiếp kiến tổ tiên, dùng cách này để thu phục nhân tâm, cứu vãn sự ly tán.

Thiên thần và tiên công, tiên vương là Thần chủ thời đại Thương Chu được mọi người tôn thờ, nên lấy việc tế thần, lập miếu mà tỏ rõ.

Cho nên, có thể nói quẻ Hoán đã nói cho chúng ta rõ, mục đích là phải ứng phó ra sao với sự ly tán cục diện sự nghiệp và đời sống, để đạt đến đoàn kết và thống nhất.

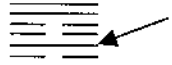
Nhân tâm ly tán, thế cục phân ly, vốn là vấn đề cổ kim thường gặp. Nói rộng ra, Thiên hạ chia ba xẻ bảy, nhiễu loạn liên miên, chư hầu cát cứ là "Hoán". Nói hẹp lại, nhân tâm trong nội bộ tổ chức dao động, đảng phái nhiều mà không đoàn kết, cũng là Hoán. Nguyên nhân của Hoán có nhiều mặt. Ngoại trừ sự kiêu căng, phóng túng bởi thịnh vượng quá độ mà có, phép tắc chẳng đáng của người lãnh đạo cũng là nguyên nhân chủ yếu để ly tán cục diện. Bởi trên thực tế, phép tắc phải thuyết phục được quần chúng. Người lãnh đạo nếu không khắc phục tham muốn của mình, chẳng thể đoàn kết quần chúng thành một khối, ly tán tất xảy ra. Tuỳ từng hoàn cảnh, ắt sẽ làm suy bại, tổn thất sự nghiệp. Trong sinh hoạt thực tế, điều này thường luôn xảy ra. Bởi thế, nguyên tắc của quẻ Hoán phải được chú trọng.



初六：拯馬壯，吉。
Sơ lục: Dụng Chửng Mã tráng, Cát.
Hào Sơ lục: ngựa khoẻ dùng cứu vớt, tốt.

Thuyết quái nói: "Vượt chỗ hiểm cần có ngựa, nó có lưng đẹp, lại tận lực", nên ở đây nhắc đến hình ảnh con ngựa. Hào Sơ lục là hào đầu của quẻ

Hoán, là mới bắt đầu của sự ly tán, còn dễ cứu vớt. Hào Sơ lục âm nhu, tài lực không đủ để cứu giúp, may mà có hào Cửu nhị bên trên có hào cương trung có sức mạnh, Sơ lục có thể thuận tòng, nhờ sức cứu giúp sự ly tán, cứu giúp lại được ngựa khoẻ, như thế là có chi viện mạnh, tự nhiên tốt lành. Lời Tượng viết: "Cái tốt của hào Sơ lục, thuận vậy". Kịp thời tìm cầu viện trợ, cho nên kết quả. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đương lúc mới đầu ly tán, cần tích cực thi thố ngay.*



九二：涣奔其机，悔亡。
Cửu nhị: Hoán bôn kỳ ngột, hối vong.
Hào Cửu nhị: ly tán làm đổ chuồng ngựa, không còn hối hận.

Thuyết văn nói: "Hoán, là ly tán vậy". Nó lại có thể gợi hình ảnh giòng nước đang chảy. Chữ "ngột", Trình Di Tiên Sinh ghi chú là cái ghế, còn Cao Hanh Tiên Sinh lại chú là chuồng ngựa. Có thể hiểu là, nước chảy tràn vào chuồng ngựa, cuốn đi hết cả phân rác, tự nhiên đem lại vui mừng, nên viết "không còn hối hận". Hào Cửu nhị ở giữa quẻ Khảm hãm, vốn khó cứu vãn thoát khỏi ly tán, dẫn đến có ăn năn. Song, trên ứng với Cửu ngũ ở ngôi vua trung chính, kịp thời tương cứu, nên thoát khỏi khó khăn mà có mừng, mới nói như thế. Lời Tượng viết: "Rửa sạch chuồng ngựa, được ý muốn vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, muốn cứu vãn ly tán, nên có người đồng đạo sát vai cùng tiến.*



六三：涣其躬，无悔。
Lục tam: Hoán kỳ cung, Vô hối.
Hào Lục tam: ly tán bản thân, không phải hối hận.

Hào Lục tam âm nhu bất chính, vốn khó thoát khỏi ly tán, song nó với hào Thượng cửu có chính ứng (là hào duy nhất chính ứng), nên với Thượng cửu có cứu viện tương hỗ. Lấy âm cứu dương, có vẻ trái lẽ, song việc phải làm thế, trái lại có thể không bị hối hận. Lời Tượng viết: "Ly tán bản thân, chí ở ngoài vậy". Nói "chí ở ngoài", ý muốn nói đến hào Thượng cửu Ngoại quái. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi cần kíp phải biết mượn lực lượng của người khác giúp đỡ:*

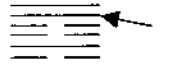


六四：渙渙其群，元吉，渙有丘，匪夷所思。
Lục tứ: Hoán kỳ quần, nguyên cát. Hoán hữu khâu, phi di sở tư.

Hào Lục tứ: ly tán bầy đàn, rất tốt, ly tán gò đống, chẳng phải người thường nghĩ.

"Ly tán bầy đàn" là ly tán phe cánh tiểu nhân, ly tán được thế lực của tiểu nhân là rất tốt. Gò đống tượng trưng thế lực lớn của tiểu nhân; "Ly tán gò đống" là sự ly tán mạnh mẽ. "Chẳng phải thường người nghĩ", ý chỉ chẳng phải người bình thường nghĩ được.

Hào Lục tứ: liền với ngôi vua Cửu ngũ, đảm đương việc lớn cứu vãn sự ly tán; Hào âm ngôi âm được chính, dưới không ứng nhờ, ngoài không tư riêng, chính đại quang minh, đảm nhiệm được việc lớn cho nên rất tốt. Có thể nói, "ly tán bầy đàn" thì dễ, "Ly tán gò đống" thì khó. Nếu muốn "ly tán gò đống" tất phải có chí lự phi thường, có trí lự ấy mới làm nổi việc ấy. Lời Tượng viết: "Ly tán bầy đàn, rất tốt, sáng lớn vậy". Bởi tự mình quang minh chính đại, cho nên đạt đến mục đích. *Hào này nhắc chúng ta rằng, cứu vãn sự ly tán cần có trí lự của kẻ siêu nhân.*

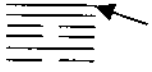


九五：渙汗其大號，渙王居，无咎。

Cửu ngũ: Hoán hãn kỳ đại liệu, hoán Vương cư, Vô cữu.

Hào Cửu ngũ:ly tán mồ hôi ban hiệu lệnh lớn, ly tán chỗ ở của vua, không lỗi.

"Hiệu lệnh lớn" chỉ mệnh lệnh của quân vương. Cửu ngũ là hào dương cương trung chính, lại ở ngôi vua, làm chủ quẻ "Hoán" tượng trưng bậc quân vương đang hiệu lệnh cho cả thiên hạ. Đương khi thiên hạ ly tán, hiệu lệnh thiên hạ, vua lấy chính mình làm gương để thần dân noi theo, rời xa chỗ đang ở. Tuy lúc đầu có cảnh xà rơi ngói vỡ, song đã như thế thì có thể khôi phục được thiên hạ. Xét ở đạo nghĩa, thấy rằng không lỗi. Lời Tượng viết: Chỗ của vua ở không lỗi, ngôi chính vậy. Đã chính ngôi thì thống nhất được nhân tâm thiên hạ. *Hào này nhắc chúng ta rằng, người lãnh đạo cần lấy trung chính hiệu lệnh cho thiên hạ, cứu vãn ly tán.*



上九：涣其血，去逖出，无咎。

Thượng cửu: Hoán kỳ huyết, khứ địch xuất, Vô cữu.

Hào Thượng cửu:ly tán máu của mình, đi ngơi xa, không có lỗi.

Câu trên ý nói đến xa rời sự thương tổn. Hào Thượng cửu dương cương, ở cực của quẻ Hoán, vốn không dễ khỏi bị thương tổn. Song nó được ở trên Cửu ngũ, mà Cửu ngũ đã chính mệnh hiệu lệnh thiên hạ, nên Thượng cửu có thể nhờ vả lực lượng để trừ hại, nên lời đoán là không có lỗi vậy. Lời Tượng viết: "Ly tán máu của mình, ấy là xa sự tổn hại". Như thế là đã chuyển nguy thành an, nên viết "xa sự tổn hại". *Hào này nhắc chúng ta rằng, cứu vãn ly tán cần trừ hại, hưng lợi.*

Qua những phân tích trên có thể thấy, quẻ Hoán đã dạy chúng ta nguyên tắc cơ bản cứu vãn ly tán cục diện, gồm có:

Một là, cứu vãn sự ly tán rất cần kịp thời. Đương khi sự ly tán mới bộc lộ, nên kịp thời ngăn chặn, mà không để nó phát triển, nếu không sẽ rất khó giải quyết. Ly tán mới phát sinh nếu kịp thời cứu vãn, chẳng cần tiêu phí tài lực quá lớn, lại thu được kết quả tốt. Vào thời Đường Thiên Bảo, An Lộc Sơn nắm chức Tiết Độ Sứ, với Hùng binh ở Hà đông, U châu, ý đồ làm phản đã nộ rõ. Triều thần đã khuyên Đường Huyền Tông sớm đề phòng, hoặc mượn cơ để giải trừ binh quyền của An Lộc Sơn, song Huyền Tông không nghe, để cuối cùng gây lên đại hoạ. Tể Tướng Trần Bình đời Hán khi thấy Lã Hậu bắt đầu nhiếp chính lộng quyền, đã ngầm kết hợp với Giáng Hầu bằng cách đưa mắt ra ám hiệu, nhờ dùng được kế mượn bình chứa rượu, giúp Lưu Vương có đủ binh quyền để khôi phục được nhà Hán.

Lại kể như công ty Vương An nổi tiếng ở Mĩ, khi Vương An mắc trọng bệnh, để con tiếp thu quản lý, bởi quyết sách sai lầm, mà kinh doanh suy bại. Sau nhờ Vương An khỏi bệnh mới khôi phục được. Không lâu Vương An mất, công ty đó liền bị hãm vào nguy cơ phá sản.

Hai là, để cứu vãn ly tán cần có người đồng chí sát vai cùng tiến. Như thế có thể làm lực lượng của mình cường tráng, dễ vượt qua được khó khăn. Thời kỳ cách mạng dân chủ, Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã đề xuất chính sách mặt trận thống nhất, khéo léo phân hoá kẻ địch, làm lớn mạnh lực lượng của mình, ấy là sự vận dụng khéo léo nguyên tắc trên.

Ba là, nếu lực lượng không đủ để tự thân cứu vãn ly tán, cũng nên nhờ cậy lực lượng của người khác, Điều này cũng như người bệnh nặng được tiếp thêm máu mới, sẽ khôi phục được sinh khí. Trong vấn đề nhân sự, phương pháp này có hiệu nghiệm phi thường.

Bốn là, khi gặp khó khăn phức tạp, đặc biệt là khi tiểu nhân kết thành bè cánh, muốn cứu vãn ly tán, trấn hưng cục diện phải có trí tuệ siêu việt, mới có thể đạt đến mục đích. Vào thời đầu Đông Hán, có Quỳ Hiêu, Công

Tôn Thuật, Lưu Vĩnh... Cát cứ, vào thời Đường mạt có Phan Chấn cát cứ, đều là tiểu nhân kết bè khoa trương thanh thế cả. Lưu Tú dẹp được quần hùng, nhờ bởi dựa vào dũng tướng kỳ mưu. Lưu Bang dẹp được Trần Hy, nhờ thăm dò được bộ tướng của Trần Hy phần đông là lái buôn, bèn dùng vàng bạc mua chuộc chúng, ban ân cho bốn nghìn hộ, thực là kỳ mưu.

Năm là, tạo thành ly tán, là bởi ly tâm ly đức dẫn đến. Người lãnh đạo nên lấy trung chính hiệu lệnh thiên hạ, khiến nhân tâm có chỗ quy thuận, thì đại sự sẽ thành. Đông Hán sơ khởi, các chư tướng của Lưu Tú xin ông ta lên ngôi Hoàng Đế ở Trung Sơn, Lưu Tú không nghe. Tướng của Lưu Tú là Cảnh Thuần khuyên Lưu Tú rằng, kẻ sĩ trong thiên hạ quên thân thích, bỏ ruộng vườn theo Đại Vương, vốn là mong được vin vẩy rồng, bám cánh phượng. Nếu Đại Vương chẳng nghe theo, không chính hiệu vị, sĩ đại phu tuyệt vọng cùng kế, có chí bỏ về, thì sự nghiệp sao thành công. Lưu Tú nghe theo, quả nhiên thành công.

Sáu là, để cứu vãn ly tán, cần tẩy trừ tà ác, uốn nắn lệch lạc, nêu cao chính khí, mới có thể chấn hưng nhân tâm, thu phục sự ủng hộ của quần chúng. Từ đó mà cải thiện cục diện, thúc đẩy sự nghiệp tiến lên. Đây là phương pháp thường dùng, người ta đều biết, nghĩ chẳng cần nhiều lời.

Tóm lại, để cứu vãn ly tán, chúng ta cần ghi nhớ:

1- Kịp thời có đối sách.

2- Với đồng chí sát vai cùng tiến.

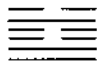
3- Vay mượn lực lượng của người khác.

4- Cần có trí tuệ siêu việt để đạt được thắng Lợi.

5- Lấy trung chính làm hiệu lệnh với thiên hạ.

6- Hưng lợi trừ hại, tẩy trừ ta ác.

60. 節 TIẾT- TAI HOẠ KHÔNG GÌ LỚN HƠN LÀ KHÔNG BIẾT THẾ NÀO LÀ ĐỦ.



坎上 Khảm trên
兌下 Đoài dưới

節亨，苦節不可貞。
Tiết hanh, khổ tiết bất khả trinh.
Quẻ Tiết hanh thông, nếu quá tiết chế thì không thể lâu bền

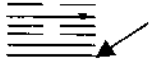
Chữ "tiết" nguyên nghĩa là đốt cây trúc, sau nghĩa dẫn thân là tiết chế, tiết kiệm, biết hạn dừng lại. Hạ quái Đoài là đầm, Thượng quái Khảm là nước, trên đầm có nước là hình dung sự hữu hạn. Hình quẻ của quẻ Tiết và quẻ Hoán trái ngược nhau, chúng hợp thành một nhóm quẻ. Ly tán và tiết chế có tác dụng hỗ trợ nhau. Trong quẻ Tiết, hào Cửu nhị và hào Cửu ngũ đều cứng mạnh mà ở giữa quẻ, bởi thế mà hanh thông. Nhưng "quá gắng khổ tiết chế" thì không được giữa, không được giữa thì không hanh thông, bởi không phù hợp với lẽ tự nhiên, không phù hợp với thường tình. Bốn mùa trời đất, âm dương, lấy lửa có tiết chế mà thành; Phân, tấc, thước, trượng đều có hạn độ, cho nên không quá phận mà thành chế độ. Thánh Vương dùng đạo lý này để cai trị thiên hạ, đã không hao tài, lại không hại dân. Lời Tượng viết: "Trên đầm có nước là quẻ Tiết, đấng quân tử coi đó mà chế ra số độ, bàn về đức nết. Độ số chỉ cung bậc quy định về ăn uống, nhà ở, đồ dùng, y phục... trong xã hội Trung Quốc cổ đại, đặc biệt là trong xã hội đẳng cấp thời kỳ Ân Chu, điều này đã sáng tỏ. Cổ nhân nhận thức

rằng, chế ra độ số, khiến hạ tiện không leo qua cao quý, dưới không lấn trên, mới có thể duy trì ổn định xã hội, mới hợp với trời đất tự nhiên. Chữ lễ mà Khổng tử đề xướng là như thế. "Đức" và "Hạnh" cũng phối hợp như thế. Bởi thế, quẻ Tiết đã cho chúng ta rõ nguyên tắc vận dụng sự tiết chế trong đời sống và sự nghiệp.

Tiết chế, là có độ số thích hợp, thích hợp mà dừng, đã không quá độ, cũng không lạc hậu. Nó phù hợp với đạo Trung dung mà Nho gia đề xướng. Về bản chất, đây là vận dụng triết học tự nhiên vào đời sống, cần tìm lấy độ số thích hợp và cân bằng. Không phải nghi ngờ, tư tưởng này có ý nghĩa xử lý to lớn, nó cần trở thành phép tắc đời sống mà mỗi người chúng ta đều phải sử dụng thuần thục. Tiết chế là phải tìm người có thể tự khống chế mình, làm việc biết dừng thích hợp, bất luận là đối với tiền của, danh lợi, hay là tình cảm, việc sinh hoạt hàng ngày, đều cần có phân tấc chừng mực.

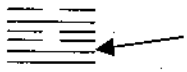
Tiết chế thể hiện ra ở tu dưỡng và đạo đức của mỗi người, cũng là số đo lường tài năng, là nhân tố trọng yếu đảm bảo thành công trong đời sống và sự nghiệp. Nếu gặp việc không biết thích hợp mà dừng, mà tiến bừa, thường dẫn đến hoạ hại. Xét riêng một mặt, tiết chế cũng không thể vượt qua khuôn phép thông thường, ví như tư tưởng tự tư tự lợi cực đoan của học phái Dương Chu thời Chiến Quốc, có thể coi là mặt trái của sự việc.

Tiết chế tốt nhất phải phù hợp với đời sống của mình cần có. Làm tốt được điều này rất khó, song chúng ta cần hiểu rõ đạo lý này, để vận dụng phù hợp trong sinh hoạt.



初九：不出户庭，无咎。
Sơ cửu: Bất xuất hộ đình, Vô cữu.
Hào Sơ cửu: Chẳng ra khỏi sân cửa, không có lỗi.

"Sân cửa" là cái sân ở ngoài cửa phòng. Sơ cửu là hào dương cương mà được ngôi chính, ở đầu quẻ Tiết, biết rằng hào trước bế tắc, cũng như hào Lục tứ ở quẻ trên, "Khảm" hãm giữa, chẳng thể tiến lên, bởi thế mà tự biết không ra đến sân cửa, thế là biết tiết chế đúng lúc, cho nên không lỗi. Lời Tượng viết: Chẳng ra sân cửa, biết thông tắc vậy. Biết đi biết dừng đúng lúc, là biết thông tắc. Sơ cửu như thế, tự nhiên không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiết chế phải biết thời cơ thích hợp.*



九二：不出門庭，凶。
Cửu nhị: Bất xuất môn đình, hung.
Hào Cửu nhị: chẳng ra sân cổng, hung.

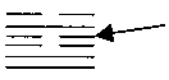
Hào Cửu nhị là hào dương, phía trước không có trở tắc, Cửu nhị lại dương cương được giữa, có thể có ngôi, lại chỉ biết tiết chế mà không biết thông biến, chẳng đáng tiết chế mà lại tiết chế, dẫn đến mất thời cơ. Hào này với Cửu ngũ tương phản, chiêm đoán hung hiểm. Lời Tượng viết: "Chẳng ra sân cổng, xấu, lỗi thời đến cực điểm vậy". Đáng tiến lên mà không tiến lên, mất đi thời cơ đã chín muồi, sao chẳng xấu. *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiết chế chớ để quá mức (như khổ tiết).*



六三：不節若，則嗟若，无咎。
Lục tam: Bất tiết nhược, tắc ta nhược, vô cữu.
Hào Lục tam: Chẳng tiết chế vậy, thì than thở vậy, không lỗi.

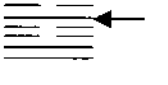
Hào Lục tam đang ở giữa quẻ Tiết, vốn cần tự mình tiết chế, lại âm nhu mà bất trung bất chính, không có nết tiết chế, không có thể tự mình khống chế. Như thế thì sau lúc không tiết chế, tự chuốc lấy lỗi, chỉ còn biết

than thở mà thôi. Song nó mềm thuận hoà vui, nếu tự tiết chế thì có thể không lỗi. Lời Tượng viết: Lời than của kẻ chẳng tự tiết chế, lại đổ lỗi cho ai?" Lỗi ở chẳng tiết chế, do mình tự chuốc lấy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đáng tiết chế không tiết chế, tự chuốc lấy lỗi.*



六四：安節，亨。
Lục tứ: An tiết, hanh.
Hào Lục tứ: Yên tâm tiết chế, hanh thông.

"An tiết" là thuận với tiết chế mà tâm yên, là đúng. Hào Lục tứ gần kề với Cửu ngũ ở ngôi vua bên trên, lại nhu thuận được chính, có đức phụng sự, thuận tòng, Cửu ngũ làm chủ quẻ Tiết, đáng ngôi ở Tiết, có trung chính đức hạnh, làm sáng quẻ Tiết. Hào Lục tứthuận theo như thế, nên viết "Yên tâm tiết chế, hanh thông" Lời Tượng viết: "Yên tâm tiết chế, hanh thông, vâng đạo trên vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiết chế luôn thuận với tự nhiên mà tránh miễn cưỡng.*

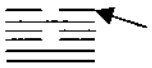


九五：甘節，吉，往有尚。
Cửu ngũ: Cam tiết cát, Vãng hữu thượng.
Hào Cửu ngũ: Sự tiết chế ngọt ngào, tốt, đi có sự mến chuộng.

"Cam tiết" so với "Khổ tiết", là nói ý nghĩa đối lập, chỉ sự tiết chế vui vẻ dễ dàng, không khó khăn.

Hào Cửu ngũ dương cương trung chính, lại ở ngôi vua, là chủ quẻ Tiết, nên nói rằng "đáng ngôi ở Tiết, trung chính mà thông", lấy địa vị vương giả tiết chế thiên hạ, lấy phẩm đức trung chính vui vẻ tiết chế mình, để làm gương cho thiên hạ mai hậu. Nếu như thế, thì "đi có sự mến

chuộng" mà có công, sự nghiệp có thể trở nên to lớn. Lời Tượng viết: "Cái tốt của sự tiết chế ngọt ngào là do được ngôi trung". Cứng khoẻ mà trung chính, sự tiết chế sao chẳng phù hợp. *Hào này nhắc chúng ta rằng, người lãnh đạo rất nên lấy đức cứng khoẻ trung chính mà tiết chế thiên hạ.*



上六：苦節，貞凶，悔亡。
Thượng lục: Khổ tiết, trinh hung, hối vong.
Hào Thượng lục: quá gắng tiết chế, chính bền thì xấu, không còn hối hận.

Hào Thượng lục ở cực của quẻ Tiết, lại âm nhu vô lực. Tiết chế quá phận mình, đã thành khổ tiết. Tuy hào âm được chính, lại vẫn không khỏi hung hiểm. Bởi vì nó đã trái lại đạo lý tự nhiên. Xét về đạo lý mà nói, quá gắng tiết chế còn hơn là không tiết chếtiết chế , cho nên nói "không còn hối hận". Lời Tượng nói: " Quá gắng tiết chế, chính bền thì xấu, không còn hối hận". Tiết chế đã đạt đến cực điểm, sao chẳng cùng? *Hào này nhắc chúng ta rằng, tiết chế quá phận chỉ gặp tương phản.*

Tóm lại, trong lúc vận dụng nguyên tắc của quẻ Tiết, chúng ta cần chú ý:

Một là, tiết chế cần biết rõ Thời cơ, nếu tham khảo với các quẻ khác, như Thái, Đại tráng, Phong, ở thời kỳ sự nghiệp phát đạt, cần tiết chế phù hợp dục vọng và hùng tâm, biết thái biết bĩ, lượng sức mà đi, ấy đều là biết rõ thời cơ. Các việc khác đều có thể suy ra khắc rõ. Ví như cẩn: cẩn thận, thích đáng, có phân tấc, nhận rõ thị phi, kịp thời, bao quát...

"Hệ từ thượng truyện" viết: "Không ra sân cửa, không lỗi. Khổng tử viết: "Sinh ra vào thời loạn, thì lời nói phải có giới hạn. vua không bí mật thì mất bầy tôi, bề tôi không bí mật thì mất mạng, làm việc không bí mạt thì việc không thành; vì thế kẻ quân tử phải thận trọng khi nói ra". Ở đây,

cái mà Khổng tử nhấn mạnh là sự tiết chế thích hợp lời nói. Lời nói là con đường dẫn tới tai hoạ. Như chuyện còn lưu truyền về Tề Trang Công và Vệ Tuyên Công.

Hai là, tiết chế phải biết quyền biến mà không thể cố chấp. Trong khi điều kiện cho phép, tình huống có lợi, cần nhanh chóng thực thi quyết sách, chẳng thể do dự, như thế chẳng những để mất cơ hội, mà còn dẫn đến hoạ hại. Như năm 638 trước công nguyên, Tống Sở giao chiến ở Hoằng Thuỷ, Tống Tương Công đã có quyết sách sai lầm điển hình. Lại như năm 207 sau công nguyên, Tào Tháo cất quân viễn chinh Liên Đông, bỏ trống Hứa đô, Lưu Bị đã khuyên Lưu Biểu thừa cơ tập kích Hứa Đô, Lưu Biểu không nghe. Đến khi Tào Tháo thắng trận trở về, Lưu Biểu mới nói với Lưu Bị rằng: Bởi chẳng biết nghe lời ông, để mất đi một cơ hội lớn.

Ba là, lúc cần tiết chế thì nhất định phải tiết chế. Đáng Tiết không tiết, tự mắc thừa lỗi. Vận dụng vào quân sự, khi thời cơ giao chiến chưa tới, thì hiền quyết dừng quân không đánh. Nếu thời cơ giao chiến chưa đến mà xuất kích, chỉ dẫn đến thất bại. Lúc Tần Triệu giao chiến ở Hiệu Bình, quyết sách của Triệu quân chủ soái Liêm Pha với Triệu Quát là một bài học còn mới. Năm 154 trước Công Nguyên, trong "Thất quốc chi loạn", quyết sách của Hán quân chủ soái Chu á Phu thực sâu sắc. Thời Đông Hán, Đặng Vũ Chi đánh quân xích My mà liên tiếp thất bại, chính bởi đã phạm phải điều khiêng kỵ lớn này. Đấu tranh quân sự như thế, cạnh tranh thương nghiệp và chính trị cũng là như thế.

Bốn là, tiết chế phù hợp là nhu cầu thực tế xử lý tốt vấn đề, chẳng phải vì người mà cường điệu, cũng chẳng phải vì tiết chế mà tiết chế. Bởi thế, tiết chế hoà hợp với tự nhiên, mà chúng ta khi gặp tình huống thực tế, tuỳ cơ ứng biến, đưa ra quyết sách. Cần tiết chế thì tiết chế, không cần tiết chế thì không tiết chế, như thế là thượng sách. Ngược lại, chỉ dẫn đến hiệu quả tương phản.

Năm là, người ở địa vị lãnh đạo, cần hiểu rõ nguyên lý tiết chế, có quyết sách thích đáng vận dụng vào thực tế. Mà cơ sở vận dụng nguyên tắc tiết chế, là cứng khoẻ trung chính, lấy thân làm phép, thờ đạo làm đầu, để lôi kéo mọi người cùng theo. Vận dụng đúng đắn nguyên tắc này, người lãnh đạo lấy đó làm răn.

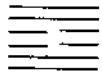
Sáu là, tiết chế quá phận chỉ có thể được tương phản. Quá phận tiết chế khiến người ta biến thành cố chấp, keo cú, thậm chí tham lam và vô năng, dẫn đến bởi th ế mà gặp hoạ hại. Ví như Vương Mãng, đương khi Lục Lâm quân đánh đến gần Trường An, người ta khuyên nên lấy vàng bạc trong kho phủ để chiêm mộ dũng sĩ, Vương Mãng chỉ keo cú chi một lượng nhỏ. Kết quả khi tướng sĩ xuất trận, chỉ một tiếng quát mà tan, Trường An thất thủ. Đến như nhân vật Cao Lão đầu mà Ba Nhĩ đã mô tả, mỗi người đều rõ cả.

Bởi thế, vận dụng nguyên tắc của quẻ Tiết, chúng ta cần

□ *Ghi nhớ:*

1. Biết rõ thời cơ phù hợp.
2. Quyền biến thích đáng mà không cố chấp.
3. Đáng tiết chế mà không tiết chế, chỉ chuốc lấy lỗi.
4. Thuận với tự nhiên, tuỳ cơ ứng biến.
5. Cứng khoẻ trung chính, nêu đạo làm đầu.
6. Quá phận tiết chế thì gặp tương phản.

61. 中孚 TRUNG PHU - NGƯỜI KHÔNG TRUNG TÍN, CHẲNG THỂ ĐỨNG Ở ĐỜI.



巽上 Tốn trên

兑下 Đoài dưới

中孚豚魚吉，利涉大川，利貞。

Trung phu, đồn ngư cát, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.

Quẻ Trung phu, cá lợn tốt, lợi sang sông lớn, lợi về chính bền.

Chữ Trung, Cao Hanh tiên sinh cho là Trung Thành. *Thuyết văn* nói: Trung, ấy là kính trọng, thành kính. Trung phu là thành tín, tin tưởng trung thành. Trong quẻ này, trên dưới đều có hai hào dương, giữa có hai hào âm, trung gian hư không, tượng trưng lòng có thành tín, nên gọi tên là Trung phu. Tự quái nói rằng: "Tiết chế mà tin đó, cho nên tiếp đến là quẻ Trung phu". Tiết chế là làm ra tiết chế khiến cho không đến nỗi quá vượt, có tin mới thực hành được. "Cá, lợn" là lễ phẩm tế tự của người dân thời Tây Chu, "Chu Lễ" viết: Kẻ trên tiết lễ bằng lợn, kẻ dưới tiết lễ bằng cá. *Lễ ký* viết: "Thường dân mùa hạ tiến lễ bằng lúa mạch, mùa thu tiến lễ bằng thóc gạo, mạch đi với lợn, gạo đi với lợn. Có thể hiểu dùng cá lợn mà tế lễ là bạc lễ, đạm bạc. Lễ tuy bạc, lòng chân thành, vẫn được thần linh chứng giám, nên có tốt lành. Quẻ Tốn trên là cây, Quẻ Đoái dưới là đầm, cây đi trên đầm, có lợi vượt qua sông lớn; song cần "lợi chính bền". Cho nên lời quẻ viết: "lợi

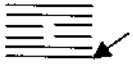
qua sông lớn". Lời Thoán viết: "Quẻ Trung phu mềm ở trong mà cứng được giữa, đẹp lòng mà khiêm tốn, thành tín bèn hoá nước vậy; lợn cá tốt, tin kịp lợn cá vậy; lợi sang sông lớn, cưỡi cây thuyền không vậy; được ngôi trung mà thành tín để lợi về chính bền, bèn ứng với trời vậy". Xét hai hào âm ở giữa tượng quẻ, hai hào Cửu nhị, Cửu ngũ đều cứng mà được giữa, trung tâm nên thực tế mà lại khiêm nhường, thực là Trung phu vậy. Đã Trung phu thì có thể cảm hoá được bang quốc. Lấy lễ đạm bạc chỉ có cá, lợn mà tế, ấy là thành tín, cũng coi là tốt lành được. Song Trung phu tất phải nêu rõ chính đạo, "lợi chính bền", mới hợp với thiên đạo tự nhiên, mới có thể mạo hiểm vào nơi khó khăn, lợi qua sông lớn. Lời Tượng viết: "Trên đầm có gió là quẻ Trung phu, đấng quân tử coi đó mà bàn việc ngục, hoãn tội chết. Quẻ Đoài dưới là đầm, quẻ Tốn trên là gió, gió lướt trên đầm, không đâu không đến. Quân tử cần vận dụng tinh thần quẻ Trung phu, lấy thái độ thành tín mà phán quyết hình ngục, hoãn giảm tội chết.

Bởi thế, quẻ Trung phu cho chúng ta rõ nguyên tắc thành tín trong đời sống và sự nghiệp.

Quẻ Trung phu và các điển tích khác cho thấy, người Trung Quốc xưa đã lấy phương châm thành tín giúp người lập thân xử thế làm căn bản. Trong Luận ngữ, Khổng tử đã nhấn mạnh tác dụng của trung tín. Ví như, "này các đệ tử, nhập thì hiếu, xuất thì thuận, cẩn trọng lời nói". "Quân tử cốt yếu ở Trung tín"; "Người mà không có chữ Tín, chẳng đáng vậy"; "Làm con giữ bốn điều hiếu: Văn, Hành, Trung, Tín... Trung tín, với dân tộc Trung Hoa, có tác dụng giữ gìn đạo đức rất lớn. Lấy thành tín giúp người lập thân xử lý làm gốc, chẳng phải là phép tắc mà thánh nhân đặt ra cho người ta, mà là nhu cầu cơ bản của thực tế sinh hoạt. Chúng ta rất khó tưởng tượng được, nếu như người với người chỉ đầy những điều dối trá mà chẳng có chút thành tín nào, xã hội sẽ biến thành cái gì. Thành thực với người khác, thực tế cũng là thành thực với chính mình. Bởi vì nếu anh thành

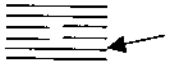
tín với người, thì người cũng lấy thành tín đáp lại.

Lời nói của người ta cũng như cái cánh bay, phát ra thế nào thì quay lại thế ấy. Thành tín và nhiệt tình khiến người ta có sức kiểm nghiệm lớn, mà dối trá không thể đạt đến được. Thành tín có thể rút ngắn cự ly giữa người với người, xúc tiến hài hoà và đoàn kết của mọi người. Lấy chân thành đãi người, là cách giao tiếp tốt nhất. Học giả Biện Nại Ki đã từng phân tích tinh tế về vấn đề này, đưa ra nhiều vấn đề sinh động, chúng ta có thể tham khảo thêm. Sau đây, chúng ta cùng phân tích quẻ Trung phu là gì.



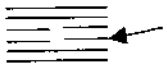
初九：虞吉，有他，不燕。
Sơ lục: ngu cát, hữu tha, bất yên.
Hào Sơ lục: yên vui thì tốt, có ý khác, chẳng yên.

Theo *Quảng Nhã Thích Cổ*, "ngu" là yên, cũng như Thuyết văn nói là yên vui. "Ngu cát", là chỉ từ có lo lắng, đắn đo, dẫn đến yên vui mà được tốt. Thơ "Lộc minh" có câu "lấy lòng yên vui mà đãi khách". Sơ cửu là hào dương cứng được chính, trên có ứng với Lục tứ. ở đầu quẻ Trung phu, với Lục tứ cùng thành tín mà yên vui. Song nếu không cùng thành tín với "Lục tứ", có ý khác, thì chẳng thể yên. Cho nên nói "yên vui thì, có ý khác, chẳng yên". Lời Tượng viết: "Hào Sơ cửu yen vui thì tốt, chí chưa đổi vậy". Trong lòng chưa đổi, cho nên được tốt. *Hào này nhắc chúng ta rằng, thành tín, cần có thận trọng đắn đo.*



九二：鳴鶴在陰，其子和之，我有好爵，吾與爾靡之。
Cửu nhị: minh hạc tại âm, kỳ tử hoà chi, ngã hữu hảo tước, Ngô dĩ nhi mi chi.
Hào Cửu nhị: Con hạc kêu ở chỗ tối, con nó hoạ theo; ta có rượu ngon, ta chia cùng anh.

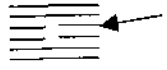
Thuyết văn nói: "âm là bóng rợp", chỉ nơi có bóng cây trùm lên. "Tước", đồ đựng rượu để uống chế từ gốm sứ. Ví như động vật âu yếm nhau, hỏi có gì hơn tình mẫu tử, người với người hâm mộ nhau, hỏi có gì hơn cái chén quý uống rượu. Cửu nhị cứng mà được ngôi trung, ở quẻ dưới, có phẩm chất thành tín. Hào Cửu ngũ cũng cứng mà được giữa, hai hào có thành tín tương ứng, hoà hợp với nhau, như lời hào trên. Lời Tượng viết: "Con nó hoạ theo đó, trong lòng muốn vậy".*Hào này nhắc chúng ta rằng, thành tín rất cần tự phát từ nội tâm, mới có thể tương hỗ cảm ứng được.*



六三：得敵。或鼓，或罷，或泣，或歌。
Lục tam: Đắc địch, hoặc cổ, hoặc bãi, hoặc khấp, hoặc ca.

Hào Lục tam: thắng được kẻ địch, hoặc khua trống hoặc thôi, hoặc khóc hoặc múa.

Hào Lục tam âm nhu mà bất chính, với hào Thượng cửu tương ứng cũng không chính. Hào Lục tam ở cực quẻ Đoài, Hào Thượng cửu ở cực của quẻ Trung phu, đạo đã cùng, cả hai đều không rõ cái lẽ tương phản, nên mới "hoặc khua trống hoặc thôi", chẳng biết dừng lại; "hoặc khóc hoặc ca", vui buồn vô thường vậy. Như thế thì tự nhiên đây đó khó bề tin theo. *Hào này nhắc chúng ta rằng, thành tín cần tránh do dự bất định.*

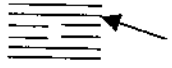


六四：月幾望，馬匹亡，无咎。
Lục tứ: Nguyệt cơ vọng, mã thất vong, vô cữu.

Hào Lục tứ: Mặt trăng hầu tuần vọng, đôi ngựa bỏ đi mất, không lỗi.

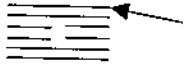
"Mặt trăng hầu tuần vọng", là mặt trăng đã sắp tới rằm, đã sáng tỏ. Hào Lục tứ nhu thuận, trên gần ngôi vua Cửu ngũ, tự thân nhu thuận mà được chính, có đức Trung phu, dưới tuy với Sơ cửu tương ứng, lại đội ơn

vua trên, mà không vướng bận vào bè cánh. Cho nên hào từ mới lấy hình tượng trên "đôi ngựa" chỉ Lục tứ với Sơ cửu. Lời Tượng viết: "Đôi ngựa mất, bỏ đồng loại mà tiến lên lên vậy". bỏ đồng loại mà đi lên theo đường chính, cho nên không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, thành tín cần lựa chọn đối tượng.*



九五：有孚攣如，无咎。
Cửu ngũ: Hữu phu luyến như, vô cửu.
Hào Cửu ngũ: Có lòng tin ràng buộc vậy, không lỗi.

Hào Cửu ngũ ở ngôi tôn, làm chủ quẻ Trung phu, cứng khoẻ trung chính, có đức tin. Vả lại, dưới ứng với hào Cửu nhị đồng loại, cũng có đức mà cũng thành tín, nên có lời hào trên. Như thế tự nhiên không lỗi. Lời Tượng viết: "Có lòng tin ràng buộc vậy, do ngôi chính đáng vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, thành tín thì tương đắc rõ thêm.*



上九：翰音登于天，貞凶。
Thượng cửu: hàn âm đăng vu thiên, trinh hung.
Hào Thượng cửu: tiếng gà lên tận trời, chính bền xấuhung.

Con gà vốn là tín vật, là thiên tướng gáy báo sáng. Thượng cửu dương cứng, ở vị trí tận cùng của quẻ Trung phu, cực thì tất biến, thừa tin chẳng còn tin, tình của nó cũng chẳng thể lâu, như con gà vốn ở dưới đất, mà tiếng gáy lại vút tận trời, Danh và Thực chẳng xứng. Như thế thì sẽ khiến cho chính bền xấu. Lời Tượng viết: "Tiếng gà lên đến tận trời, sao có thể lâu dài được" *Hào này nhắc chúng ta rằng, chớ quá mức thành tín.*

Tóm lại, quẻ Trung phu chỉ bảo cho chúng ta những điều sau:

Một là, người đã lấy thành tín làm gốc, cần đắn đo thận trọng. Trước hết phải lấy động cơ thuần chính làm điều kiện tiên quyết, nó cần phù hợp với mục đích chính đáng, bền giữ chính đạo. Lại nữa, thành tín không phải là mù quáng, cần có nguyên tắc nhất định. Mà một khi đã xây dựng sự thành tín, thì cần vĩnh viễn bất biến. Thành tín như vậy mới là chân chính từng được thời gian khảo nghiệm.

Hai là, thành tín cần xuất phát tự nội tâm, mới dẫn đến cảm ứng, cộng hưởng tâm linh, giống như "con hạc kêu chỗ tối, con nó hoạ theo đấy". Hệ từ thượng truyện dẫn lời Khổng tử: "Quân tử ở nhà, lời nói phát ra, thiện thì ứng ở ngoài nghìn dặm, huống chi ở gần? Lời không thiện thì phản lại từ ngoài nghìn dặm, kể gì ở gần? Lời nói với dân, nói ở gần, thấy ở xa. Lời nói của kẻ quân tử động đến cả thiên địa vậy, há chẳng cẩn thận ư!"

Ba là, thành tín cần tránh do dự bất định. Thành tín kiến lập trên cơ sở đạo đức sẽ không có dao động. Thành tín xây dựng trên cơ sở lợi hại thì sẽ tuỳ thời mà biến đổi. Hành vi tuyên thệ phản phúc của các chư hầu thời cổ, thường kiến lập trên cơ sở lợi hại, bội tín phản nghĩa, hữu tín bất tuân... thường diễn ra, thành tín như thế căn bản không có chỗ dựa. Bởi thế, *Tả truyện* luận về giao chiến Chu Trịnh có nói: "Tín không do trung, thực vô ích vậy... cẩu thả ở nơi thể nguyền, khe, suối, ao, chuôm bất kể, lại dâng hiến quỷ thần cả rau Tần, rau Tảo... há chẳng lỗi ở Vương công?.

Bốn là, thành tín cần chọn lựa đối tượng thích hợp. Thế gian "người ba đấng, của ba loài", có một số người có thể tin tưởng lẫn nhau, có một số khác không thể tín nhau, phải khu biệt mà đối xử. Cái gốc của nguyên tắc thành tín đối xử với người khác, chẳng phải ở người ta vào hùa với mình. Suy nghĩ một chút về ngôn ngữ, thái độ của đối phương, anh mới không bị mắc lừa. Người thành thực hay không, không ở ngôn ngữ mà ở hành động

của họ, bởi thực tế vốn là thước đo vô tình. Người có lời nói ba hoa, khoác lác là người đã khéo che đậy bản tính của họ.

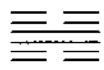
Năm là, thành tín làm cho người ta tương đắc rõ rệt. Bởi và thành tín có thể làm cho người ta có thêm bằng hữu, có thể phát triển sự nghiệp, sáng tạo hoàn cảnh tốt. Một khi có nguy nàn, cũng sẽ kịp thời giúp đỡ và ủng hộ. Làm trái lại thì khó.

Sáu là, thành tín không cần quá mức độ. Không phải đã có thành tín là có tất cả. Thành tín tuy là nguyên tắc xử thế nào ai nấy đều tuân thủ, song không phải là chỉ cần có thành tín thì mọi việc đều thành. Quá độ thành tín chỉ dẫn đến xấu hổ. "Thành thực là biệt danh của vô dụng", tuy có ý cay nghiệt, song lại hàm chứa không ít kinh nghiệm đẫm lệ. Bán bạn cầu vinh, vứt bỏ tín nghĩa, kẻ tiểu nhân vẫn thường làm như thế. Bởi thế, nguyên tắc xử thế lấy gốc ở thành tín, song không phải là thành tín suông, mà thoát ly thực tế.

Tóm lại, vận dụng nguyên tắc quẻ Trung phu chúng ta cần ghi nhớ:

1. Phải đối đo thận trọng với đối phương.
2. Phát tự nội tâm mới có thể cảm ứng.
3. Cần tránh đo dự bất định.
4. Lựa chọn đối tượng phù hợp.
5. Thành tín càng làm cho người ta gần nhau hơn.
6. Không cần thành tín quá mức.

62. 小過 TIỂU QUÁ - CƯƠNG NHU ĐÚNG MỨC, ĐỘNG TĨNH VỪA ĐỘ.



震上 Chấn trên
艮下 Cấn dưới

小過亨，利貞。可小事，不可大事。飛鳥遺音，不宜上，宜下。大吉。

Tiểu quá, hanh, lợi trinh, khả tiểu sự, bất khả đại sự. Phi điểu di âm. Bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát.

Quẻ Tiểu quá hanh thông, lợi về chính bền. Có thể làm việc nhỏ, chẳng thể làm việc lớn.

Chim bay để lại tiếng, chẳng nên lên, nên xuống, vô cùng tốt.

"Tiểu" chỉ hào âm. Quẻ này có 4 hào âm, 2 hào dương, Âm nhiều hơn dương, Dương đại âm tiểu, nên gọi là Tiểu quá. Hình quẻ này với quẻ Trung phu tương phản, gộp lại thành một nhóm quẻ, bổ xung nghĩa cho nhau. "Tự quái truyện" viết: Có sự tin ắt đi, cho nên tiếp đến quẻ Tiểu quá. Âm nhu với người có tin, thì đi không ngược, với việc cũng không lỗi, cho nên Tiểu quá có hanh thông. Làm việc nhỏ lợi ở chính bền. Tiểu quá có thể giúp việc nhỏ, mà không thể giúp việc lớn. Quẻ Tiểu quá có hình tượng con chim. Hai hào dương ở giữa là thân chim, bốn hào âm trên dưới là cánh chim. "Chim bay để tiếng, không nên lên, nên xuống", như thế chỉ giúp được việc nhỏ. Làm theo Tiểu quá thì đại cát. Lời Thoán viết: "Quẻ Tiểu quá là cái nhỏ nó qua mà

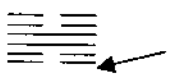
hanh thông vậy. Quá để lợi về chính bền, cùng thời đi vậy. Mềm được ngôi trung, cho nên việc nhỏ tốt vậy. Cứng mất ngôi trung cho nên chẳng thể làm việc lớn vậy. Có tượng con chim đang bay. Chim bay để tiếng, chẳng nên lên, nên xuống, rất tốt, lên nghịch mà xuống thuận vậy. Tiểu quá là bốn âm hai dương. Thời, ở đây là thời cơ. Song phải chờ thời cơ thích ứng, chỉ có vậy thôi". Lục nhị và Lục ngũ trong quẻ được ngôi trung, xử lý việc nhỏ của mình thuận theo với thời mà đi, nên làm việc nhỏ được tốt. Đại sự của thiên hạ, ắt phải có kẻ quân tử trung chính cứng khoẻ mới có thể làm được, mà Cửu tam và Cửu tứ trong quẻ đều mất ngôi mà bất chính, dương cương chẳng được thoả chí, cho nên chẳng thể giúp được đại sự. Hình quẻ trong thực ngoài hư, có tượng một con chim đang bay. Sở dĩ "nên xuống không nên lên" là bởi lên ngược xuống thuận. Nói là việc nhỏ cũng nên xuống, đấy cũng là bởi theo thời mà đi, nên gặp được đại cát.

Lời Tượng viết: Trên núi có sấm là quẻ Tiểu quá. Đấng quân tử coi đó mà tính quá cung kính, có tang quá đau thương, dùng quá tiết kiệm. Trên núi có sấm, sấm rền dần dần lan xa, nên viết "nhỏ qua". Đường thời Tiểu quá, tất y theo lời mà làm. Làm không quá với cung kính thì mất đi ngạo mạn, quá lắm thì ra "đại cung kính"; tang không quá bi ai thì mất đi giản dị, mà quá lắm thì mất đi bản tính của người ta. Tiêu dùng không quá tiết kiệm thì mất đi xa xỉ, mà quá lắm thì tiết kiệm đồng nghĩa với hỏng nát. Quân tử cần khéo léo xử dụng thước đo này.

Có thể nói, quẻ Tiểu quá đã nói rõ với chúng ta đạo lý Quá và Liễm, để vận dụng khéo léo vào đời sống và sự nghiệp.

Thái quá và thu liễm là một vấn đề chúng ta thường gặp trong đời sống hàng ngày, nó có liên quan với nguyên tắc thích hợp điều độ của quẻ Tiết. Người ta khi sự nghiệp hưng thịnh, hoặc khi tự tin sung mãn, thường dễ làm một số việc thoái quá, dẫn đến những phiền muộn chẳng đáng có. Lúc ấy người ta cần phải thu mình lại, tự khắc chế mình, cầm lấy thước đo

ứng sử. Song khi cần đến những dũng khí và lực lượng, cần cân nhắc đúng. Đây là đạo lý của quá và liễm. Tốt xấu từ hiệu quả sinh ra, chìa khoá cửa do ở nơi anh vận dụng như thế nào.



初六：飛鳥以凶。
Sơ lục: Phi điểu dĩ hung.
Hào Sơ lục: Chim bay nên xấu.

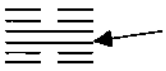
Sơ lục là hào âm, ngôi dương bất chính, ứng với hào Cửu tứ dương cương bên trên, có hình tượng theo mà lên trên, nên lấy chim bay để ví dụ. Song đương thời Tiểu quá, chim bay nên xuống mà không nên lên, Sơ lục chỉ biết bay lên mà không biết bay xuống, nên chiêm đoán là hung hiểm. Lời Tượng viết: "Chim bay nên xấu, chẳng có thể làm sao vậy", tức là vô phép giải cứu. *Hào này nhắc chúng ta rằng, chớ thích cao xa viển vông.*



六二：過其祖，遇其妣不及其君，遇其臣，无咎。
Lục nhị: quá kỳ Tổ, ngộ kỳ Tỉ, bất cập kỳ quân, ngộ kỳ thần, vô cữu.
Hào Lục nhị: vượt qua ông của mình, gặp bà của mình, chẳng kịp vua của mình, gặp bề tôi của mình, không lỗi.

Hào Lục nhị nhu thuận trung chính, vốn khá thuận lợi thăng tiến, song trên ứng với Lục ngũ đồng loại mà chẳng phải hào dương, cho nên vốn nghĩ vượt qua Tổ phụ, lại gặp tổ mẫu, vốn nghĩ đến trước được quân vương, lại chỉ gặp kẻ bề tôi. Song Lục nhị nhu mà được trung được chính, tuy chưa đạt được kỳ vọng, lại có thể không lỗi. Lời Tượng viết: "Chẳng kịp vua của mình, bề tôi không thể quá vậy". Âm nhiều dương ít, vốn

không tương ứng, nên chẳng thể quá vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, theo nguyên tắc trung chính, khéo giúp quá độ chẳng hại đại sự.*

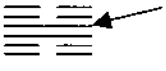


九三：弗過防之，從或戕之，凶。

Cửu tam: Phất quá phòng chi, tòng hoặc tường chi, Hung.

Hào Cửu tam: chẳng vượt qua, phòng ngừa nó,, theo có khi có hại, xấu.

"Chẳng quá" chỉ dương không thể quá với âm. Hào Cửu tam dương cương được chính, đương thời kỳ Tiểu quá chẳng thể vượt quá âm. Song Cửu tam dương cương được chính, bởi các hào âm có ý hãm hại, nên cần đề phòng mà lại không theo chúng, thì ắt sẽ bị sát hại, nên đoán làHung hiểm. Lời Tượng viết: "Theo hoặc hại đại, hung đường sao vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, cần nhận rõ ranh giới của vượt quá và thu mình lại, nếu không thì hung hiểm.*



九四：无咎，弗過遇之，往厲，必戒，勿用永貞。

Cửu tứ: Vô cữu, phất quá ngộ chi, vãng lệ, tất giới, vật dụng vĩnh trinh.

Hào Cửu tứ: Không có lỗi, chẳng vượt qua để gặp nó, đi thì nguy, ắt phải răn giới, chớ dùng dài lâu chính bền.

Cửu tứ là hào dương cứng mà ở ngôi nhu thuận, vốn là có lỗi. Song dương thời Tiểu quá, cứng mà lại nhu, tức là thửa cứng không quá, cho nên không lỗi. "Chẳng vượt qua" là chỉ số hào dương chẳng quá âm. Cửu tứ tuy chẳng vượt qua đi lên lại gặp hào âm ở trên, song không đáng đi mà theo vậy. Nếu đi mà theo vậy, tất gặp hung hiểm, không thể "dài lâu chính bền". Lời Tượng viết: "Chẳng vượt qua, gặp đấy, ngôi chẳng đáng vậy; đi nguy,

ắt phải răn giới, cuối cùng chẳng thể lớn vậy; tức là cuối cùng chẳng thể tuỳ thuộc mà được dài lâu. *Hào này nhắc chúng ta rằng, vận dụng vượt qua với thu mình lại cần tuỳ cơ ứng biến, chẳng thể cố chấp.*

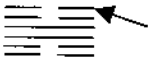


六五：密雲不雨，字我西郊，公弋,取彼在穴。

Lục ngũ: Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao, công giặc thủ bị, tại huyệt.

Hào Lục ngũ: Mây dầy chẳng mưa, ở cõi tây ta, ông bắn, lấy nó ở hang.

Mây bay từ tây sang đông, chẳng thể thành mưa; Chim đang ở trong tổ thì thân có che chở, khó mà bắn được; Như thế đều có tượng Tiểu quá. Sự "không mưa" và "bắn tên" là sự nhỏ. Lục ngũ là hào nhu mà ở ngôi dương, tuy ở ngôi tôn mà không được chính, nhu mà vô lực. Sự ở Tiểu quá, nên xuống mà không nên lên, Lục ngũ thì đã lên rất cao. Lời Tượng viết: "Mây dầy chẳng mưa, đã lên vậy". Sở dĩ không thành đại sự, là bởi đã không ở cao bên trên. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đã quá độ thì không thể thành đại sự.*



上六：弗過，過之，飛鳥離之，凶，是謂災眚。

Thượng lục: Phất ngộ quá chi, phi điểu ly chi, Hung, thị vị tai sảnh.

Hào Thượng lục: Chẳng gặp, vượt qua nó, chim bay mắc lưới, xấu, ấy gọi là tai vạ.

"Chẳng gặp, vượt qua nó", ở đây chỉ rằng đã quá âm vậy. Chữ "Ly" cũng như chữ "La", chỉ cái lưới. *Thuyết văn* nói: "La, là cái lưới tơ để bẫy chim". Bài thơ cổ "Uyên Ương" cũng có nói "Uyên ương đang bay, cớ sao

mắc lưới". Bài "Tân đài" cũng có câu: "Lưới cá giăng giăng, chim Hồng mắc phải"... Thượng lục là hào âm nhu mà ở trên cùng quẻ Chấn, ở vị trí cao nhất của Tiểu quá. Đã ở cao chót vót như thế thì chẳng có phúc, nên gặp phải thiên tai, nhân hoạ, chồng chất lên nhau. Ngôi tuy cao, lại như chim bay bị mắc lưới, khó trốn khỏi tai vạ. Lời Tượng viết: "Chẳng gặp, vượt qua nó, đã quá cực vậy".*Hào này nhắc chúng ta rằng*, cực đoan quá độ, tất dẫn đến Hung hiểm.

Gộp lại những điều trên đã nêu có thể thấy, để vận dụng chính xác nguyên tắc vượt qua và thu mình lại, chúng ta cần nhớ:

Một là, bất luận chúng ta làm việc gì, hoặc muốn gặt hái gì, đều cần phải từng bước chắc chắn thực hiện. Phải hiểu rằng cần kiềm chế dục vọng và dã tâm của mình, nghĩ đến cái xấu nhất, sớm có cố gắng lớn nhất, mà không mơ mộng đâu đâu, xa rời thực tế. Tất cả những gì thoát ly thực tế đều rất khó thực hiện. Chỉ nghĩ đến cái tốt đẹp nhất sẽ đến sớm, mà cố gắng theo đuổi, cũng không dễ gặp thuận lợi, bởi vì nó trái với quy luật phát triển của sự vật. Kẻ mới ra khỏi lều cỏ rất nên chú ý tới điều này. (Lều cỏ-có ý nhắc đến tích Lưu Bị ba lần tới lều cỏ mới Khổng Minh ra giúp mình - ND.)

Hai là, với một số việc nhỏ, chỉ cần dựa vào nguyên tắc trung chính, khéo léo quá độ, không thấy có bất lợi gì, có khi lại còn thu được vinh hạnh. Người Trung Quốc xưa cho rằng, tang phục trong nghi lễ tuy không phát huy tác dụng gì đáng kể, song nó có ích, có thể bồi dưỡng tư tưởng tôn kính người già cả. Người có điều kiện kinh tế khéo ăn mặc hoa mỹ một chút, nghĩa có thể tăng thêm tự tin. Ví thử gia tài có hàng vạn quan tiền, nếu ăn mặc cũ kỹ, như thế chẳng phải là dối đá hão ư?

Ba là, người ta cần phân tích rõ ranh giới vượt qua với thu mình lại,

chính xác vận dụng nó, thì làm việc gì cũng có thể đạt đến hiệu quả tốt nhất mà không phải mắc sai lầm. Nếu không nắm chắc ranh giới vượt qua với thu mình lại, thì không đạt được mục tiêu, có khi chỉ lợi quá một chút, thì có thể thất bại, hoặc bị người khác lợi dụng mà dẫn đến tai nạn. Thời Xuân Thu, cách xử trí của Trịnh Trang Công với người em là Cung Thúc Đoạn, có thể coi là ví dụ điển hình. Sự nuông chiều qúa mức của Trịnh Trang Công đã dẫn người trẻ tuổi Cung Thúc Đoạn rơi vào khuôn sáo như thế.

Bốn là, vô luận lúc nào, vô luận xử lý việc gì, quá độ đều không đủ để thành sự đại. Lão Tử cho rằng: "Kẻ mong ngóng thì không tự lập, kẻ nhẩy nhót thì không hành sự, kẻ chỉ biết mình thì không thông sáng, kẻ tự cho là phải thì không thấu rõ, kẻ tự đánh lẫn nhau thì là vô công, kẻ tự kiêu thì không xem là lớn". Như thế cũng giống như nguyên tắc này. Mà người ta sống thì nhu thuận, chết thì khô cứng. Đời sống của vạn vật thảo mộc cũng là như thế. Cứng thì mất, mềm thì còn. Binh pháp có câu: "gặp cường địch thì không vội đánh".Chủ trương khéo léo ứng xử này, mười phần có lý. Nếu chỉ biết có nhu thuận không thể thành đại sự, song người rất dễ phạm sai lầm lại là người quá cứng rắn.

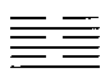
Sáu là, quá độ cực đoan đều không tốt, bất luận là vượt qua hoặc thu mình lại, kết quả đều tất sẽ chống lại mình. Nếu anh quá độ sùng bái sức mạnh tiền bạc, sẽ gặp phải thất bại vì tiền bạc, quá độ tự tin ở sự thông minh của mình, anh sẽ bị mông muội. Mà nếu tự mình quá tin ở sự sắc bén của thanh bảo kiếm, cuối cùng sẽ chết bởi thanh bảo kiếm. Đấy chính là quy luật của sự vật.

Bởi thế, chúng ta cần ghi nhớ những lời chỉ bảo dưới đây của quẻ Tiểu quá.

□ *Ghi nhớ:*

1. Làm việc gì chớ mơ tưởng cao xa viển vông.
2. Khéo léo ở thời quá độ, Trung chính thì mới có lợi.
3. Phân tích rõ ranh giới của quá và liễm.
4. Tuỳ cơ ứng biến, chẳng thể cố chấp.
5. Quá độ ra sao đều không đủ để thành đại sự.
6. Quá độ cực đoan ắt gặp phải tương phản.

63. 既濟 KÝ TẾ - VẬT QUÁ CỰC ẮT TRÁI, THỊNH QUÁ CỰC ẮT SUY.



坎上 Khảm trên
離下 Ly dưới

既濟亨，小利貞，初吉，終亂。

Ký tế, hanh, tiểu lợi trinh, Sơ cát chung loạn.

Quẻ Ký tế hanh thông, lợi nhỏ chính bền, ban đầu tốt, cuối cùng loạn.

"Tế" nghĩa là qua sông, hàm nghĩa đã thành. Ký tế tức là sự nghiệp đã thành. Trong tượng quẻ trên, toàn bộ hào dương, hào âm trong quẻ đều được chính, hình tượng rất hoàn chỉnh, tượng trưng thành công của sự nghiệp, nên gọi là Ký tế. Tự quái nói rằng: "Có vượt qua, vật ắt phải sang cho nên tiếp đến là quẻ Ký tế. Ký tế tượng trưng thành công của sự nghiệp, vốn là lúc khiến người ta cao hứng, nên chiêm đoán là "hanh thông, nhỏ lợi về chính bền, ban đầu tốt, cuối cùng loạn". Đây chính là trí tuệ lớn lao hiển lộ ở người Trung Quốc thời xưa. Bởi vì mặt trời quá ngọ thì xế, mặt trăng đã tròn thì khuyết, không bằng phẳng thì nghiêng lệch, có đi thì có lại. Hết trị thì loạn, vốn là lẽ thường của đời sống và sự nghiệp. Khi mới sáng nghiệp, mọi người chú tâm cẩn thận, đau đáu sợ hãi, gian khổ phấn đấu, tự nhiên chẳng thể không tốt lành. Song sau khi "qua sông", người ta dễ cậy vào thành công, sinh ra lười nhác, vui thú ngao du, thì sự nghiệp chẳng thể không bại loạn vậy. Cổ kim trong ngoài, đều cùng lẽ ấy, cho nên "ban đầu tốt, cuối cùng loạn". Đấy là việc đời tất nhiên, cũng là tất yếu của tự nhiên.

Lời Thoán viết: "Quẻ Ký tế hanh, cái nhỏ hanh vậy. Lợi về chính bền, cứng mà ngôi chính đáng vậy. Ban đầu tốt, mềm mỏng được ngôi trung". Ký tế tuy hanh thông, chỉ là hanh thông của việc nhỏ, mà không thể giúp được việc lớn. Bền giữ chính đạo mới có lợi. "Ban đầu tốt" là bởi nhu thuận được ngôi trung, đã nhu thuận được ngôi trung thì luôn lo lắng, dự phòng, đau đáu sợ hãi, cho nên tốt lành. "Cuối cùng loạn" ấy là việc đời thường tình, yên vui vô sự thì sinh lòng thoả mãn, thoả mãn thì sinh lười nhác, không có chí tiến thủ, thì bại loạn chính là bởi thế mà ra. Mà khi người ta gặp phải nhiều việc gian nan, thường có phòng ngừa, lòng đã lo sợ mà không dám phóng túng, công việc thành công cũng bởi đó mà nên. Thịnh quá cực thì suylà đạo cùng của trời đất. Lười nhác vượt qua là đạo cùng của con người. Đã cùng thì loạn, cái lý ấy đã rõ. Lời Tượng viết: "Lửa ở dưới nước, ấy là Ký tế. Quân tử xem đấy mà lo lắng, dự phòng". Quẻ "Khảm" là nước, quẻ Ly là lửa, nước lửa trên dưới liền kề làm thành quẻ Ký tế. Quân tử gặp thời như thế, cẩn khi ở yên lo lúc nguy nan, dự phòng hoạn nạn.

Có thể nói, quẻ Ký tế với các quẻ Thái, Đại hữu, Đại tráng... đều cùng một dạng; nó nói cho ta rõ nguyên tắc ứng biến sau khi sự nghiệp thành công, công thành danh tựu.



初九：曳其輪，濡其尾，无咎。

Sơ lục: Duệ kỳ luân, nhu kỳ vỹ, vô cữu.

Hào Sơ lục: Kéo bánh xe, ướt đuôi, không lỗi.

Đây là hình tượng lội nước, sang sông. Bánh xe ở dưới xe, đuôi ở sau thân, đều chỉ hào Sơ cửu. Xe đi được nhờ bánh xe, kéo bánh xe lại thì xe không tiến được, con cáo lội nước phải giơ cao đuôi, đuôi thấm ướt thì không thể lội qua được. Đó là những tỷ dụ, ý nói chẳng thể khinh suất,

manh động. Hào Sơ cửu ở đầu quẻ Ký tế, cương mà được chính, chẳng "khinh cử mà vọng động", cho nên có hình ảnh "kéo bánh xe, ướt đuôi" như trên. Làm như thế thì không lỗi. Lời Tượng viết: "Kéo bánh xe, nghĩa không lỗi vậy". Làm thế để bảo đảm thành công, lẽ đáng không lỗi. *Hào này nhắc chúng ta rằng, sau khi thành công, càng phải cẩn thận, tránh khinh suất, manh động.*



六二：婦喪其茀，勿逐七日得。
Lục nhị: Phụ táng kỳ phất, vật trục, thất nhật đắc.
Hào Lục nhị: Đàn bà mất khăn trùm, chớ đuổi, bảy ngày sẽ được.

"Bảy ngày" chỉ hào biến mà nói thế. Lục nhị âm nhu trung chính, trên có ứng với Cửu ngũ ở ngôi vua trung chính. Song Cửu ngũ chỉ giúp được hào dương, nên hai hào này không tương hợp, ví như "Đàn bà mất thửa khăn trùm" vậy. Nhưng bởi Cửu ngũ với Lục nhị đều có đức trung chính, cho nên vấn đề tương hợp, chỉ là vấn đề đợi thời gian sẽ tới mà thôi. Bởi thế mà nói: "chớ đuổi, bảy ngày được". Lời Tượng viết: "Bảy ngày sẽ được, vì có đạo trung". *Hào này nhắc chúng ta rằng, sau khi thành công cần bền giữa trung chính, thì không mắc lỗi lớn.*



九三：高宗伐鬼方，三年克之，小人勿用。
Cửu tam: Cao Tông phạt Quỷ Phương, tam niên khắc chi, tiểu nhân vật dụng.
Hào Cửu tam: vua Cao Tông đánh nước Quỷ Phương, ba năm đánh thắng, kẻ tiểu nhân chớ dùng.

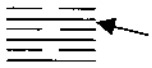
"Cao Tông" chỉ vua Vũ nhà Ân. "Quỷ Phương" là nước ở Tây Bắc,

thấy nhiều trong các trang ghi chép về thời kỳ Ân Thương. Cửu tam là hào dương cứng, lực lượng cường đại, đang lúc sự nghiệp thành công, thiên hạ vô sự, chẳng biết dùng sức vào đâu, nên công phạt người khác. vua Cao Tông là người hiền, công phạt nước Quỷ Phương, phải ròng rã ba năm mới xong. Nếu ở vào kẻ tiểu nhân, chỉ biết phóng túng chinh phạt bên ngoài mà quên dân tình lao kiệt, sao khỏi binh cùng tướng mỏi, trăm họ tai ương. Cho nên viết "tiểu nhân chớ dùng". Lời Tượng viết: "Ba năm đánh thắng, mệt vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, bởi thành công mà phóng chí, ắt đến suy bại.*



六四：繻有衣袽，終日戒。
Lục tứ: Nhu hữu y như, chung nhật giới.
Hào Lục tứ: Ướt áo rách, suốt ngày lo.

Chữ "nhu", theo Cao Hanh tiên sinh, có nghĩa là thấm ướt. "Ướt áo" là do sóng đánh ướt áo mặc. Có thể giải thích là, ngày mùa đông phải qua sông, mà áo bị ướt, tất phải đợi cuối ngày mới khô, khô rồi mới mặc được, có áo mặc thì mới làm việc được, Nên ắt "suốt ngày lo". Lục tứ hào âm nhu được ngôi chính, biết "qua sông" là đạo đã cùng, thấy trước mà lòng lo lắng, cho nên ướt áo rách, trọn ngày lo lắng, như thế mới có thể giữ được thành công. Lời Tượng viết: "Trọn ngày răn, có sự nghi ngờ vậy". *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi đã thành công cần phải biết lo lắng, sợ hãi, cảnh giác thường nhật.*

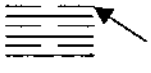


九五：東鄰殺牛，不如西鄰之禴祭，實受其福。

Cửu ngũ: Đông lân sát ngưu, bất như tây lân chi thược tế, thực phu kỳ phúc.

Hào Cửu ngũ: Láng giềng bên đông giết trâu, chẳng bằng láng giềng bên tây tế Thược, thực được hưởng phúc.

"Giết trâu" là để tế tự. "Tế Thược" cũng là tế tự, song một bên là linh đình, một bên thì đạm bạc. Vương Bật chú rằng: "Tế mà giết trâu, là tế thịnh soạn. Thược, tế đạm bạc vậy. Tế tự thịnh soạn nhưng chẳng sửa đức, cho nên nếu chỉ có cua ốc ở ao chuông, rau tần rau tảo sơ sài, há phải xấu hổ với quỷ thần ư? Nên lúa tắc không lương, đức sáng thơm lâu, cũng như tế Thược, thực được phúc vậy". Vương Bật thực đã nói ra cốt lõi của hào này. Cửu ngũ ở ngôi tôn, "sang sông" đã xong, đường đi đã trọn, nên hào từ phải nhắc nhở rằng, hoang phí xa xỉ chẳng bằng đạm bạc mà hanh thông. Lời Tượng viết: "Láng giềng bên đông giết trâu, chẳng bằng láng giềng bên tây phải thời vậy; thật được phúc, tốt lớn đến". "Sang sông" đã trọn phải phòng nhiễu loạn, lấy đạm bạc mà ứng xử, thì hanh thông mà được phúc. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi đã thành công, luôn nghĩ đến gian nguy thì tốt.*



上六：濡其首，厲。

Thượng lục: Nhu kỳ thủ, lệ.

Hào Thượng lục: Ướt đầu, nguy.

Hào Thượng lục ở vị trí cao nhất của Ký tế, chí kiêu ý mãn, biết tiến biết thoái, chỉ biết lợi nước mà không biết sâu nông. "sang sông" đã trọn, nhiễu loạn sảy đến, sang như thế, ắt ướt mất đầu mà chìm mất thân. Lời Tượng viết: "Ướt đầu, sao có thể lâu dài được". Thế thì tất nhiên diệt vong. *Hào này nhắc chúng ta rằng, nếu hởi thắng lợi mà hôn mê đầu óc, chỉ dẫn đến diệt vong.*

Nói tóm lại, quẻ Ký tế đã chỉ cho chúng ta nguyên tắc ứng biến, chủ yếu gồm có:

Một là, Sau khi sự nghiệp thành công, hành động và quyết sách càng cần phải cẩn thận, chớ khinh suất vong động. Phải hiểu rõ vật cực tất suy là đạo lý tất suy, thịnh cực tất suy là đạo lý sáng tỏ; xem xét tất cả khả năng nguy hiểm tiềm ẩn, dự phòng trước phương án phòng bệnh từ lúc nó chưa sảy ra. Vấn đề tối quan trọng là, chớ đắc ý với cái mới mà quên cái cũ. Để duy trì cục diện thành công, lại cần phải có nỗ lực hơn nữa và có nhận thức thấu đáo, chẳng phải đã thành công thì mọi sự đại cát cả. Người ta cũng đã thấm thía câu "lạc cực sinh bi". Chú tâm cẩn thận, chu tất mọi mặt, mới có thể không lỗi.

Hai là, sau khi thành công, càng cần phải bền giữ trung chính, ngăn chặn đắc chí kiêu ngạo, lười nhác, hưởng lạc... là những vấn đề mới xuất hiện, giữ gìn đầu óc tỉnh táo, thận trọng với ý đồ phát triển. Nếu bởi thành công mà bỏ mất nguyên tắc, bỏ mất tinh thần, tác phong đã có ở lúc chưa thành công, thì sự nghiệp sẽ dần dần suy bại. Năm 1949, Đảng cộng sản Trung Quốc, tại Bắc Kinh đã đưa ra bản kỷ luật làm trong sạch Đảng, yêu cầu toàn Đảng kế tục giữ vững tác phong gian khổ phấn đấu, cũng với ý như thế.

Ba là, bởi thành công mà tâm chí phóng túng, tất sẽ dẫn đến suy vong. Tâm chí phóng túng có hai loại. 1/ Nghĩ lực lượng càng lớn thì quy mô sự nghiệp càng lớn mà không biết dừng, Tần Thuỷ Hoàng là như thế. 2/ Mặt khác, quay sang ăn chơi xa hoa, Tuỳ Dương Đế là như thế. Con nhà phú quý không biết sáng nghiệp gian nan mà tưởng đã sẵn như thế, có thể kể ra rất nhiều.

Bốn là, khi đã thành công cần thận trọng, lo sợ. Cần phải phòng ngừa biến hoá nội bộ tổ chức. Sau khi thành công, nội bộ tổ chức xuất hiện phân

hoá là sự tất nhiên. Phân hoá nội bộ tất sẽ làm suy nhược lực lượng của mình, tự khuynh loát mình với nhau thì mình chịu đau đớn, kẻ thù được vui thích. Lưu Bang sát hại Hán Tín, Bành Việt, rồi Chu Nguyên Chương tàn hại công thần, khiến người đời nghìn năm sau còn căm giận. Kẻ tiểu nhân cũng dễ hình thành thế lực ở lúc này, mà trong thời kỳ tranh đấu họ khó có thể tạo được. Ngoài ra, còn phải phòng ngừa đối thủ cạnh tranh thừa cơ tập kích. Rất nhiều nhà quân sự kiệt suất đã lợi dụng kẻ địch đang lúc mừng vui với thắng lợi, buông lỏng cảnh giác mà đánh thắng được chúng. Tào Tháo ở lần thứ nhất chinh phạt Trương Tú, cũng bởi thế mà bị thảm hại, tổn quân hao tướng. Trận Xích Bích cũng là như thế. Hả hê với những âm mưu này nọ, kẻ địch tạm thời thu được thắng lợi cũng thường là rất yếu, rất dễ bị đánh bại.

Năm là, khi đã thành công, cùng phải nghĩ đến gian nguy. Bởi vì thành công của sự nghiệp cũ là khởi điểm của sự nghiệp mới. Sau khi đã sáng lập quốc gia, việc xây dựng mới lại bày ra trước mắt. Nếu anh thu được một chút thành công, đừng vội lấy làm mừng. Chỉ có cố gắng phấn đấu, giữ vững bản chất, không kiêu ngạo, chịu gian khổ, giữ gìn bản sắc thời kỳ sáng nghiệp, anh mới có thể giữ được thành công của mình.

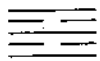
Sáu là, không để thắng lợi làm luôn mê đầu óc. Thắng lợi ra sao chỉ là tạm thời mà quá độ tự tin, phóng túng không thôi, chỉ làm tăng tốc sự diệt vong đến với mình. Ngô quốc luôn chiến luôn thắng mà mất, nước Việt luôn chiến luôn bại mà còn, nguyên do là như thế.

Cho nên, xin chú ý lời khuyên của quẻ Ký tế:

❑ *Ghi nhớ:*

1. Cẩn thận mà chớ khinh suất làm bừa.
2. Bền giữ trung chính.
3. Phóng túng thì ắt bại.
4. Cẩn thận lo sợ, luôn luôn cảnh giác.
5. Luôn nghĩ đến gian khó mà xử thế.
6. Tự tin mù quáng, ắt tăng tốc diệt vong.

64. 未 濟 VỊ TẾ - VĨNH VIỄN CHẲNG ĐỂ MẤT SỰ KIẾM TÌM.



坎下 Khảm dưới
離上 Ly trên

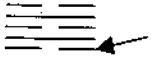
未濟亨，小狐汔濟，濡其尾，无攸利。
Vị tế, hanh, tiểu hồ hất tế, nhu kỳ vỹ, Vô du lợi.

Quẻ Vị tế hanh thông, con cáo nhỏ sắp sang sông, bị ướt đuôi, không có lợi.

Ký tế là sự nghiệp đã hoàn thành. Quẻ Vị tế đi liền với nó, để nói về sự nghiệp còn chưa hoàn thành. Hình quẻ của nó tương phản với Ký tế gộp hai quẻ thành một nhóm quẻ, đắp đổi ý nghĩa cho nhau. Trong quẻ Ký tế, toàn bộ các hào âm, hào dương đều được ngôi chính, quẻ Vị tế thì toàn bộ đều không được ngôi chính. "Tự quái truyện" nói: "Vật không thể cùng, cho nên ở cuối phải nói đến quẻ Vị tế". Mặt trời xế thì lặn, mặt trăng tròn thì khuyết. Thành công và chung kết của một sự nghiệp, là bắt đầu của một sự nghiệp khác. Ký tế chỉ sự hoàn thành ở cực độ, song sự phát triển của sự vật chẳng thể có điểm dừng cuối cùng, nó còn phải kế tục phát triển. Bởi thế sau quẻ Ký tế là quẻ Vị tế. Xét *Chu Dịch* tổng thể mà nói, diễn tiến 64 quẻ tuy đến Vị tế thì dừng, song nó tượng trưng vũ trụ bao la vô tận, vĩnh viễn biến hoá diễn tiến, vô cùng vô tận. Các hào trong quẻ toàn bộ đều không chính, có ý chỉ sự nghiệp thực ra còn chưa hoàn thành. Sở dĩ hanh thông, là bởi đặt hy vọng ở diễn tiến vô cùng, song vẫn cần cẩn thận hành

sự. Nếu cáo nhỏ sang sông, từ chỗ nước cạn, gặp chỗ nước sau mà ướt đuôi, thì không sang được, nên viết "không có lợi". Nhất định phải thăm dò nông sâu, lấy làm lo lắng, thì có thể qua sông được. Lời Thoán viết: "Quẻ Vị tế hanh, mềm mỏng được ngôi trung, cáo nhỏ sắp sang sông, chưa ra khỏi. Ướt đuôi, không có lợi, chẳng tiếp tục tới cùng, tuy ngôi chẳng chính đáng, nhưng cứng mềm ứng nhau vậy". Vị tế sở dĩ hanh thông, là bởi nhu được ngôi trung mà khéo giữ được. Con cáo nhỏ chỉ qua được chỗ nước cạn, là còn chưa thoát được cảnh hiểm nguy, hình tượng cho thấy không thể tốt đẹp hoàn hảo ở chung cục. Song trong quẻ cương nhu tương ứng, cuối cùng có thể hiệp lực mà ra khỏi chỗ hiểm. Cho nên Vị tế cho thấy cuối cùng tất sang sông được. Lời Tượng viết: "Lửa ở trên nước, là quẻ Vị tế, đấng quân tử coi đó mà cẩn thận phân biệt các vật ở mọi phương". Lửa nóng ở trên, mà nước lạnh ở dưới, các vật bất đồng, quẻ Lời Tượng viết: "ở nam", mà quẻ Khảm thuộc Bắc, phương hướng bất đồng. Quân tử cần học theo tinh thần này, cẩn thận phân biệt bản chất sự vật, khiến các vật hợp với chủng loại. Tức là làm cho vật có đoàn, phương có loại vậy.

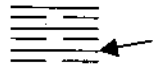
Cho nên quẻ Vị tế tiếp nối quẻ Ký tế, giúp chúng ta hiểu rõ, khi đã thành công nên vứt bỏ kiếm tìm. Bởi vì thành công của hôm nay cũng cho thấy sự bắt đầu của một hành trình gian nan sắp tới.



初六：濡其尾吝。
Sơ lục: Nhu kỳ vỹ, lận.
Hào Sơ lục: ướt đuôi, đáng tiếc.

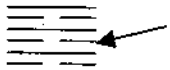
Cứ như quẻ trên mà nói, con cáo sang sông tất phải giơ cao đuôi lên. Bị thấm ướt thì không thể sang. "Ướt đuôi" là không thể sang sông. Hào Sơ lục âm nhu mà lại không có hào tiếp ứng, đương thời Vị tế, chẳng tự lượng sức mà tiến bừa, tất không có thể sang, thế thì đáng tiếc là phải. Cho nên

viết "ướt thửa đuôi, đáng tiếc". Lời Tượng viết: "Ướt đuôi, cũng chẳng biết cực vậy". Cực là cuối cùng. Không lượng tài lực mà sang, là không biết mình cuối cùng không thể sang sông được. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi sang sông, chớ khinh suất tiến bừa.*



九二：曳其輪，貞吉。
Cửu nhị: Duệ kỳ luân, trinh cát.
Hào Cửu nhị: Kéo bánh xe, chính bền tốt.

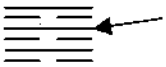
"Kéo bánh xe", đã nói ở quẻ Ký tế. "Chính bền tốt" là chính đạo để qua sông, là phương pháp chính xác để tiến lên, cuối cùng sang sông được. Cửu nhị dương cương, ở ngôi nhu thuận mà được giữa. Đương thời "Chưa sang sông", có thể tự kiềm chế mình mà không khinh suất tiến bừa, nên có hình tượng "Kéo bánh xe" như thế thì chính đáng mà được tốt. Lời Tượng viết: "Hào Cửu nhị tốt, giữa để làm chính vậy. Ngôi hai dương vốn chẳng được chính ngôi, được ngôi trung cho nên tốt lành. *Hào này nhắc chúng ta rằng, ở thời chưa sang sông, nên tự mình ức chế, lượng sức mà đi.*



六三：未濟征凶，利涉大川。
Lục tam: vị tế, Chinh hung, lợi thiệp đại xuyên.
Hào Lục tam: Chưa sang sông, đi thì xấu, lợi về sang sông lớn.

Quẻ "Khảm" dưới là hiểm nguy. "Chưa sang sông" là Lục tam còn chưa thoát khỏi hiểm nạn. Hào Lục tam âm nhu mà không được ngôi trung ngôi chính, tài đức chẳng đủ. Đương thời "Chưa sang sông", nên hung hăng mà tiến, ắt sẽ "đi thì xấu". Song Lục tam với Thượng cửu tương ứng, nếu cứ lội nước mà sang thì có hy vọng vượt được chỗ hiểm. Cho nên, "lợi vượt

sông lớn", có nhiều hy vọng vậy. Lời Tượng viết: "Chưa sang sông, đi thì xấu, ngôi chẳng chính đáng vậy". "Ngôi chẳng chính đáng" chỉ Lục tam lấy nhu mà ở ngôi cứng. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi chưa sang sông, nếu gặp hiểm trở, cần phải dũng cảm vượt lên trước.*

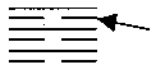


九四：貞吉，悔亡，震用伐鬼方，三年有賞于大國。

Cửu tứ: trinh cát, hối vong, trấn dụng phạt Quỷ Phương, tam niên hữu thưởng vu đại quốc.

Hào Cửu tứ: chính bền tốt, không còn hối hận, chấn động dùng đánh nước Quỷ Phương, ba năm có thưởng từ nước lớn.

"Phạt Quỷ Phương" đã nói ở trên. "Có thưởng từ nước lớn", chỉ chinh phạt Quỷ Phương thành công, Quỷ Phương thuận phục nên nước lớn thưởng cho. Quẻ Vị tế nói chinh phạt Quỷ Phương rất gian nan, ba năm mới thắng được. Xét ở hào này trong quẻ, việc phạt Quỷ Phương đã có nói ở quẻ Ký tế ở trên. Cửu tứ là hào dương ở ngôi âm, do không chính mà có hối hận, song hào dương này nếu cố gắng phấn đấu, thì "không còn hối hận". Bởi thế cần cẩn thận mà kiên trì phấn đấu, sau chót mới có thể thành công. Lời Tượng viết: "Chính bền tốt, không còn hối hận, chí được thi hành vậy". Tức là chỉ việc ra được khỏi chỗ hiểm nạn này. *Hào này nhắc chúng ta rằng, khi sang sông cần phải bền giữ chính đạo, nỗ lực phấn đấu.*



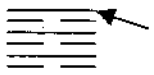
六五：貞吉，無悔，君子之光，有孚，吉。

Lục ngũ: trinh cát, hối vong, Quân tử chi quang, hữu phu, cát.

Hào Cửu ngũ: chính bền tốt, không hối hận, đấng quân tử toả sáng, có lòng thành tín, tốt.

Hào Cửu ngũ làm chủ quẻ Ly sáng ở trên, lại ở ngôi vua, nhu mà

được ngôi trung, lại khiêm tốn tìm cầu ở hào Cửu nhị tương ứng ở dưới cùng vượt qua khó khăn, bền giữ chính đạo, có thể "Chính bền tốt" mà "Không hối hận". Lục ngũ bản thân chính đạo quang minh, cầu người thì thành ý mà có tin, cho nên được tốt lành. Lời Tượng viết: "Đấng quân tử toả sáng, ấy là tia sáng tốt vậy. "Tia sáng" ở đây chỉ ánh sáng mặt trời rực rỡ. Quẻ Ly là sáng, là mặt trời. Vả lại, Lục ngũ đang ở ngôi vua sáng, nên ví với ánh sáng mặt trời mà được tốt lành vậy. *Hào này nhắc chúng ta rằng, đang thời chưa sang sông mà tính chuyện sang sông, càng nên quang minh chính đại, thành tín chiêu dụng hiền tài.*



上九：有孚于飲酒，无咎，濡其首，有孚，失是。

Thượng cửu: Hữu phu vu ẩm tửu, vô cữu. Nhu kỳ thủ, hữu phu, thất thị.

Hào Thượng cửu: Có lòng tin mà uống rượu, không có lỗi, ướt đầu, có thành tín, mất là phải.

Hào Thượng cửu dương cương mà ở cuối quẻ Ly sáng ở trên, ở cực của Vị tế, tuy tiền đồ chưa định, song "bĩ cực thái lai", ở cực của "chưa sang sông", cuối cùng ắt sẽ sang sông được. Cho nên Thượng cửu sung mãn lòng tin, uống rượu làm vui, thế là cái lẽ "Không có lỗi". Song nếu như lại tìm cầu sự tương ứng của hào Lục tam phía dưới thì không thể "không có lỗi". Lời Tượng viết: "Uống rượu ướt đầu, cũng chẳng tiết độ vậy". Không biết Lục tam đang bị hãm ở "Khảm", cúi đầu mà theo nó, ắt "ướt đầu" mà có lỗi.

Gộp lại những điều trên, khi sự nghiệp thành công, lại là lúc bắt đầu một hành trình mới, chúng ta cần phải chú ý:

Một là, khi đã thành công, có thể nói là chưa thành công hẳn, con

đường mới, sự nghiệp mới lại bắt đầu mở ra ở trước mắt chúng ta. Lúc này, chúng ta càng phải giống như lúc mới bắt đầu sáng nghiệp, cẩn thận chu tất, thận trọng từng việc, đau đáu lo sợ, bước chắc từng bước, mà chớ khinh suất tiến bừa. Bởi thành công rồi thì dễ nẩy sinh dục vọng, làm bại hoại sự nghiệp dẫn đến xoá bỏ hết công lao đã có.

Hai là, tự mình ức chế, lượng sức mà đi, là nguyên tắc quyết sách cần phải chú ý khi bắt đầu một vòng quay sự nghiệp mới.. Thành công chỉ đánh dấu quá khứ của anh, chẳng thể thay thế cho hiện tại. Thành công của quá khứ cố nhiên đáng mừng, song sự nghiệp mới ngày mai mới đánh giá đúng tài cán của anh. Chớ say sưa với thắng lợi đã có, lại càng không vì nôn nóng gặt hái thành công mà có những bước đi vội vàng. Đã thành công mà thấy hết khó khăn, tiếp tục phấn đấu, lượng sức mà đi, mới có thể giữ được thành công đã có, lại khai thác sự nghiệp mới.

Ba là, thành công được tạo nên bởi quá khứ, sự nghiệp mới hiển nhiên còn đầy gian nan và hiểm trở. Cũng như lúc anh mới bắt đầu sáng nghiệp, những khó khăn, trở ngại này lại là kẻ địch lớn của sự nghiệp của anh. Tuy anh nhờ có thành công mà có được lực lượng to lớn, song nếu quá tự tin ở mình, tê liệt ý chí, anh tất sẽ bị những trở ngại đè bẹp. Bởi thế, vì sự nghiệp ngày mai, chúng ta cần giữ gìn dũng khí và lòng tin như lúc mới đầu sáng nghiệp, để ngày mai lại nghinh tiếp những trận đánh mới.

Bốn là, đã thành công lại càng phải bền giữ chính đạo, điều này tượng quẻ đã nói rõ về sự phản phúc. Lại nữa, sau thành công anh lại phải bắt tay vào một sự nghiệp mới, tất cả đều phải bắt đầu từ đầu. Cho nên, bền giữ chính đạo hiển nhiên là ý nghĩa quan trọng hàng đầu của sự nghiệp.

Năm là, giống như lúc mới đầu sáng nghiệp, hiển nhiên phải coi hiền tài là xương sống của sự nghiệp của mình, chân thành mời đón họ, thành tín giao việc cho họ, để họ đoàn kết chặt chẽ xung quanh mình, cùng đi theo

sự nghiệp mới của ngày mai, đấy mới là thượng sách. Nếu như "Cáo thỏ chết, nấu chó săn; chim chóc hết, cung nỏ cất; địch quốc tan, mưu thần mất", chỉ làm tổn hại sự nghiệp của mình, té ngã lúc nào không biết.

Sáu là, cuối cùng, bất luận là lúc nào, người ta cần có tinh thần siêu thoát với sự nghiệp của mình. Thành công đã có cố nhiên là đáng mừng, song cũng chẳng nên vội mừng rỡ, khoe khoang bởi tiền tài, khăn áo. Nó chỉ chứng tỏ rằng anh có năng lực, có tài cán. Cho nên công danh đã có cần trở thành ngọn roi đốc thúc cố gắng của mình. Mặt khác, lúc sự nghiệp mới bắt đầu, còn cần làm tốt sự chuẩn bị trường kỳ gian khổ phấn đấu. Điều này yêu cầu chúng ta đừng lấy công danh làm điều nghĩ ngợi, không sợ những trận đánh mới, thành bại không chỉ tại ta, đấy mới thực là kẻ hào kiệt.

Cho nên, đường "Chưa sang sông", tức là bắt đầu sự nghiệp ở vòng quay mới, chúng ta cần ghi nhớ:

1. Bước từng bước vững chắc, chớ khinh suất tiến bừa.
1. Tỉnh táo đầu óc hiểu biết, lượng sức mà đi.
2. Giữ gìn tinh thần dũng cảm tiến lên.
3. Bền giữ chính đạo.
4. Thành tín chiêu dụng hiền tài, đoàn kết lực lượng.
5. Chớ lấy công danh thành bại làm điều nghĩ ngợi.

.....

MỤC LỤC

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN 5

LỜI TỰA TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA 7

I. PHẦN TRI THỨC CƠ BẢN 13

1 - Lời dẫn 13

2 - Thiên cổ kỳ thư: "Chu Dịch" 19

3 - Dịch cánh tam thánh 21

(Dịch qua tay Ba thánh). Ba thánh là ai?

4 - Khổng Tử "Đọc đứt dây lề sách" 25

5 - Bắt đầu từ "Khôn sơn cấn hướng" 28

6 - Từ Thái cực đến 64 quái 31

7 - Thú vị của quái hình 36

8 - Sự kỳ lạ về thứ tự của quái 41

9 - Sự quái lạ về tên quái 49

10 - Sự kỳ diệu của quái tượng 52

Phụ lục: Quái tượng của bát quái 58

11 - Tri thức cơ bản về Hào và Quái 62

12 - Những thuật ngữ khó hiểu về Hào và Quái 71

13 - Phép bói toán phiền phức và khó tin 74

14 - Quản Lộ nói đâu trúng đấy 83

15 - Cát hung là lẽ thường, cát nhiều hung ít 86

16 - Làm rõ cái đã qua, xem xét cái sắp tới, tiên đoán sự việc 90

17 - Lấy lý mà suy, từ nhỏ biết lớn 94

18 - Bát quái và khoa học kỹ thuật, khoa học kỹ thuật và bát quái 96

19 - Từ quan tượng đến chế khí 99

20 - Sự giao thoa giữa toán học nguyên thuỷ với toán học đương đại 106

21 - Bơi giữa thiên văn lịch pháp và khí tượng 117

22 - Dịch học trong lò luyện đan 124

23 - Bát quái trong sổ sinh tử 127

24 - Mầm mống của tin tức luận 131

25 - Trò bịp "Đoán trước trăm năm" 135

26 - Không tin trò đoán mệnh bằng bát quái - Một chiến dịch chưa từng có trong lịch sử về nghiên cứu Dịch 137

27. Một chiến dịch chưa từng có trong lịch sử về nghiên cứu dịch 139

II. QUAN NIỆM TƯ TƯỞNG **145**

1- Âm dương đối lập và phép tương phân 145

2 - Quan niệm hệ thống của Bát quái 149

3 - Điều kiện quyết định tất thảy: Tùy thời cơ mà hành động. 155

4 - Biến quái có tốt không? 160

5 - Lịch sử xã hội đã diễn biến như thế nào? 163

6 - Cuộc cải cách xã hội thuận ý trời, hợp lòng người 167

7 - Bát quái với các hoạt động kinh tế 172

8 - Đạo đức con người 176

9 - Hướng tới giá trị cát hung - họa phúc 181

10 - Công lợi và đạo nghĩa 186

11 - Sự lựa chọn quan hệ với mọi người 189

12 - Thành sự tại thiên, mưu sự tại nhân 194

13 - Một triết học về nhân sinh phấn đấu không ngừng 198

14 - Phương thức tư duy thần kỳ 203

15 - Các loài tụ theo từng phương, các vật chia theo từng bầy 208

16- Đại để là như vậy 214

17- Những sắc thái tình cảm mừng giận buồn vui 219

18 - Sự hiển hiện của nhân cách trong bát quái 225

III. NGUỒN GỐC VĂN HÓA **231**

1 - Bát quái và quan niệm tôn giáo nguyên thủy 231

2 - Lưỡng nghi tương phùng và nguồn gốc quan niệm văn học Trung Quốc. 237

3- Nguồn gốc tư tưởng giáo dục cổ đại Trung Quốc 241
4 - Đi tìm dấu vết của tư tưởng của mỹ thuật cổ đại Trung Quốc 245
5 - Khảm, Li và Nước, Lửa 250
6 - Khôn và thuật tướng địa cổ đại 253
7 - Sinh tài và quản lý 257
8 - Quan điểm hôn nhân trong "Chu dịch" 264
9 - Câu đố về hôn nhân trong Bát Quái 268
10 - "Không hiểu Dịch, không đủ điều kiện làm thái y" 271
11 - Thuật khí công trong "Chu Dịch" 276
12- Văn hóa Sinh thực trong Bát Quái 282
13 - Quái Càn trong vấn đề ăn uống 288
14 - Lý luận Dưỡng sinh trong Bát Quái 291
15 - Tư tưởng thiết kế trong kiến trúc cổ đại Trung Quốc 297
16 - Nguồn gốc của quan điểm sùng bái gái trinh 302
17 - Vũ điệu Bát Quái thanh thoát nhẹ nhàng 307
18 - Những phù hiệu âm nhạc kỳ lạ và độc đáo 311
19 - Nguồn gốc quan niệm hình thần trong lĩnh vực thư họa 316

LỜI KẾT **321**

PHỤ LỤC 323

CHU DỊCH NHÂN SINH QUYẾT SÁCH CHỈ NAM
(Chu Dịch – Kim chỉ nam cho những quyết sách ở đời)

Lời dẫn 325

1.  Càn (Kiền) – Cuộc sống mạnh mẽ tiến thủ 337

2.  Khôn – Cuộc sống nhu thuận, khiêm nhường 352

3.  Truân – Chọn đúng đột phá khẩu mà dựng nghiệp 363

4.  Mông – Giáo dục và nâng cao tố chất 375

5.  Nhu – Phải biết đợi thời 384

6.  Tụng – Giải quyết xung đột một cách hợp lý 395

7.  Sư – Đạo của người làm tướng, trước hết phải được lòng người 406

8.  Tỉ – Thân ái giúp đỡ nhau, nền tảng của nghiệp lớn 418

9.  Tiểu súc – Bài học khi hoạn nạn 429

10.  Lý – Thiết thực, vững vàng, đi tới mục tiêu 439

11.  Thái – Không có gì bằng mãi mà không nghiêng, đi mãi mà không trở lại 449

12.  Bĩ – Chọc thủng đen tối, chào đón ánh sáng 460

13.  Đồng nhân – Hai người đồng tâm, lợi lộc hơn vàng 470

14.  Đại hữu – Không tự mãn, không kiêu ngạo 480

15.  Khiêm – Tự mãn sẽ gây tổn thất, khiêm tốn sẽ thu lợi lộc 489

16.  Dự – Ngọt bùi nhớ lúc đắng cay, khi vui xin chớ quên ngay khi buồn 502

17.  Tùy – Chọn thiện mà theo, mượn thang lên lầu 514

18.  Cổ – Cứu vãn nguy nan, vực dậy mệt mỏi 527

19.  Lâm – Nguyên tắc lãnh đạo thời kỳ gian nan 539

20.  Quan – Muốn sửa người trước hết phải sửa mình 549

21.  Phệ hạp – Đáng quyết đoán không quyết đoán, phải chịu sự rối loạn 559

22.  Bí – Có lễ thì yên, không lễ thì nguy 569

23.  Bác – Ứng phó suy bại như thế nào 577

24.  Phục – Vùng lên từ thất bại 586

25.  Vô vọng – Đào mận không nói, dưới tự thành lối 596

26.  Đại súc – Biết tiến biết lui, chớ khinh suất hành động 606

27.  Di – Yêu cầu bồi dưỡng và tích chứa lực lượng 617

28.  Đại quá – Thời kỳ phi thường phải áp dụng hành động phi thường 628

29.  Khảm – Đột phá gian nan nguy hiểm 639

30.  Ly – Tìm chỗ dựa trong lúc gian nan 650

31.  Hàm – Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 661

32.  Hằng – Có hằng là có gốc của thành công 670

33.  Độn – Nhỏ không nhẫn nhịn sẽ hỏng việc lớn 680

34.  Đại tráng – Lúc yên ổn phải lo trước sự hiểm nguy 690

35.  Tấn – Tích cực thăng tiến 699

36.  Minh di – Không qua hoạn nạn không thành tài 707

37.  Gia nhân – Nguyên tắc trị gia 715

38.  Khuê – Tìm cái chung lớn, nhưng giữ cái khác biệt nhỏ 723

39.  Kiển – Hiểu rõ để đối phó với hoàn cảnh khó khăn 731

40.  Giải – Làm tướng cốt ở mưu trí chứ không phải ở dũng mãnh 739

41.  Tổn – Người quân tử giỏi mượn ở sự vật 746

42.  Ích – Giúp người và mong người giúp 754

43.  Quải – Trồng cây đức mong xum xuê, diệt tà ác diệt tận gốc 762

44.  Cấu – Chớ mang dạ hại người, luôn phòng người hại ta 770

45.  Tụy – Đoàn kết là nguồn gốc của sức mạnh 778

46.  Thăng – Từng bước phát triển sự nghiệp 787

47.  Khốn – Làm thế nào ứng phó với hoàn cảnh khốn cùng 794

48.  Tỉnh – Nhân tài coi sự nghiệp là gốc 802

49.  Cách – Nước chẩy luôn mới, then cửa chẳng mọt 810

50.  Đỉnh – Được lòng người thì hưng thịnh, mất lòng người thì tiêu vong 817

51.  Chấn – Gặp việc lớn mà không rối 825

52.  Cấn – Thấy thời cơ mà đi, biết chỗ dừng mà dừng 833

53.  Tiệm – Đài cao chín tầng, khởi từ đất lũy 841

54.  Quy muội – Nguyên tắc hôn nhân mỹ mãn 849

55.  Phong – Mặt trời quá trưa thì lệch, mặt trăng tròn đầy thì khuyết 856

56.  Lữ – Chỉnh đốn hỗn loạn, khôi phục trật tự 863

57.  Tốn – Biển chứa trăm sông, bao dung nên lớn 871

58.  Đoài – Niềm vui là rượu ngon của cuộc đời 879

59.  Hoán – Đắp cát chẳng thành tường cao 886

60.  Tiết – Tai họa không gì lớn hơn là không biết thế nào là đủ 893

61.  Trung phu – Người không trung tín, chẳng thể đứng ở đời 900

62.  Tiểu quá – Cương nhu đúng mức, động tĩnh vừa độ 907

63.  Ký tế – Vật quá cực ắt trái, thịnh quá cực ắt suy 915

64.  Vị tế – Vĩnh viễn chẳng để mất sự kiếm tìm 923

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HOÁ TRUNG HOA

VƯƠNG NGỌC ĐỨC
DIÊU VĨ QUÂN
TĂNG LỖI QUANG

BÍ ẨN CỦA BÁT QUÁI

Tái bản lần thứ I
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

*****

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC

Biên tập : NGUYỄN THẾ VINH
Trình bày bìa : KIEN THUC DESIGN
Sửa bản in : THU TRANG

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty in Việt Hưng – C.N Hà Nội
Số đăng ký KHXB: 152-XB-QLXB/01-VHTT do CXB ký ngày 18/02/2004
Giấy trích ngang KHXB do NXB Văn hoá Thông tin ký ngày 18/01/2005
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2005.

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang mầu sắc thần bí, đều có thể gọi là *Văn hóa thần bí*.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như *Văn hóa thần bí*.

Văn hóa thần bí là một kho biến ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mông muội thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình ...

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

Trích lời tựa Tổng tập **ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA**

ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA



Cover design: Nghiem Hoang Anh

Tìm đọc Tổng tập ***ĐẠI ĐIỂN TÍCH VĂN HÓA TRUNG HOA***

TRẠCH CÁT thần bí	Bí ẩn của Chiêm mộng & Vu thuật	Bí ẩn của TƯỚNG THUẬT
Bí ẩn của BÁT QUÁI	Bí ẩn của Phong thủy	QUYỀN MƯU thần bí

Bí ẩn của BÁT QUÁI

phụ lục: KINH DỊCH

nhân sinh quyết sách chỉ nam

(Kinh Dịch - kim chỉ nam cho những quyết sách ở đời)

NHÀ SÁCH KIẾN THỨC

Giá: 120.000 đ